

Số: 512/TTr-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, ngày 08/9/2023, Chính phủ có Tờ trình số 439/TTr-CP trình Quốc hội về dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp lần thứ 26 ngày 20/9/2023 (Thông báo số 2810/TB-TTKQH ngày 22/9/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội), ý kiến thẩm tra của Ủy ban Pháp luật, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ đã phối hợp với các cơ quan liên quan chính lý, hoàn thiện dự án Luật Thủ đô (sửa đổi). Chính phủ xin kính trình Quốc hội dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) với những nội dung cơ bản như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 06-NQ/TW) xác định: “Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị... xây dựng khung pháp lý cho phát triển đô thị thông minh, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm đô thị”.

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 15-NQ/TW) xác định mục tiêu đến năm 2030: “Thủ đô Hà Nội là Thành phố Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và

thể giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực”; đặt ra yêu cầu “rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội” và giao Ban cán sự đảng Chính phủ chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Thủ đô (sửa đổi), xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp cho chính quyền Thủ đô Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế...

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 30-NQ/TW) đặt ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: “hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng”.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Luật Thủ đô được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2012 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2013. Luật Thủ đô quy định về vị trí, vai trò, trách nhiệm và chính sách xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô, được các bộ, ngành, địa phương, nhất là thành phố Hà Nội tích cực, chủ động triển khai thi hành Luật.

Tuy nhiên, qua hơn 09 năm thi hành Luật Thủ đô, việc thực hiện một số mục tiêu, giải pháp, quy định đề ra trong Luật còn nhiều tồn tại, hạn chế trong các lĩnh vực: (i) xây dựng, hoàn thiện thể chế và quản lý thực hiện quy hoạch chung, quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, nhất là trong quy hoạch quản lý không gian, không gian ngầm, công trình kiến trúc cổ, bảo tồn và phát triển văn hóa và quy hoạch xây dựng nhà ở, khu đô thị; (ii) quản lý, sử dụng đất, nhất là đất sử dụng cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, hạ tầng xã hội, văn hóa, tôn giáo, công trình công cộng phục vụ cộng đồng, dân cư; (iii) cơ chế tài chính, chính sách liên kết vùng, nhất là các chính sách thu hút nguồn lực, thu chi ngân sách để thúc đẩy đầu tư phát triển; (iv) quản lý dân cư, bảo vệ Thủ đô, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; (v) chính sách an sinh xã hội, phát triển giáo dục, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường...

Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế nêu trên là do pháp luật về Thủ đô chưa đầy đủ, chưa phát huy hiệu lực, hiệu quả của các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô với vị trí, vai trò là trái tim của cả nước. Một số quy định của Luật Thủ đô chủ yếu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, thiếu quy định về các cơ chế đặc thù cụ thể. Mặt khác, sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực, có nhiều đạo luật chuyên ngành được ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 có quy định khác với Luật Thủ đô về cùng một vấn đề hoặc bãi bỏ quy định của

Luật Thủ đô (như Luật Cư trú bãi bỏ khoản 3, 4 Điều 19 Luật Thủ đô). Việc chưa có quy định cụ thể về áp dụng Luật Thủ đô đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả trong việc thi hành.

Để kịp thời thể chế hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển Thủ đô Hà Nội theo Nghị quyết số 15-NQ/TW, Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương của Đảng tại các nghị quyết có liên quan; khắc phục những tồn tại, hạn chế; tạo cơ sở pháp lý thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội, huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, với mục tiêu xây dựng Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao trong khu vực và trên thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm với thủ đô các nước phát triển trong khu vực như mục tiêu Bộ Chính trị đề ra, việc ban hành Luật Thủ đô (sửa đổi) là rất cần thiết.

## **II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)**

### **1. Mục tiêu**

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý; xây dựng cơ chế đặc thù, vượt trội; khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành Luật Thủ đô để xây dựng, phát triển Thủ đô với vị trí, vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, hướng tới đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

### **2. Quan điểm**

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 15-NQ/TW, các chủ trương có liên quan đến phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW và các nghị quyết khác của Đảng có liên quan.

Thứ hai, quy định các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội cho Thủ đô, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và tuân thủ Hiến pháp năm 2013. Luật Thủ đô cần đặt trong tổng thể hệ thống pháp luật, không phải là đạo luật thay thế toàn bộ hệ thống pháp luật hiện hành, áp dụng riêng cho Thủ đô.

Thứ ba, bám sát 09 nhóm chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua để quy phạm hóa tại dự thảo Luật các cơ chế, chính sách cụ thể, thực sự mang tính đặc thù vượt trội và đột phá về thể chế nhằm phát huy thế mạnh của Thủ đô.

Thứ tư, cụ thể hóa tối đa các cơ chế, chính sách đặc thù trong Luật để áp dụng được ngay; những vấn đề cần ủy quyền lập pháp thì nên ủy quyền cho các chủ thể có thẩm quyền quy định theo pháp luật hiện hành, bảo đảm tính khả thi và tính đồng bộ. Đồng thời, với việc phân quyền mạnh mẽ, cần quy định tương ứng trách nhiệm của Hà Nội và quy trình, thủ tục, cũng như cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của các cấp chính quyền Thành phố.

Thứ năm, kế thừa, phát triển các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm tốt của Luật Thủ đô 2012; các cơ chế, chính sách đặc thù đang thí điểm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với Thủ đô. Theo sát quá trình chỉnh lý, hoàn thiện các Luật có liên quan đang được sửa đổi, bổ sung (Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản...) để bảo đảm những vấn đề đang đặt ra đối với Thủ đô đã được xử lý, thì không quy định lại tại dự án Luật Thủ đô; nếu chưa được xử lý hoặc nội dung chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Thủ đô thì quy định tại Luật Thủ đô.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Việc soạn thảo dự án Luật Thủ đô đã được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các bộ, ngành Trung ương, cơ quan địa phương và các chuyên gia, nhà khoa học;

2. Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Thủ đô 2012 và nghiên cứu pháp luật về Thủ đô của một số nước;

3. Tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia về các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự án Luật; các hoạt động khảo sát trong nước và nước ngoài.

4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự án Luật: đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tư pháp và Cổng Thông tin điện tử Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để lấy ý kiến rộng rãi; gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan. Các ý kiến đóng góp đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

5. Ngày 14/8/2023, Hội đồng thẩm định đã họp để tiến hành thẩm định dự án Luật. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

6. Ngày 22/8/2023, Thường trực Chính phủ đã họp cho ý kiến về dự án Luật. Tại Phiên họp thường kỳ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 (ngày 24/8/2023), Chính phủ đã xem xét, thông qua dự án Luật để trình Quốc hội.



7. Trên cơ sở Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 30/8/2023 của Chính phủ Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8/2023, ý kiến kết luận của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tại cuộc làm việc với Thường trực Thành ủy Hà Nội theo Thông báo số 1955/TB-VPQH ngày 14/8/2023 của Văn phòng Quốc hội, Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các bộ, ngành liên quan tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật; Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, ký trình Quốc hội dự án Luật.

8. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp lần thứ 26 ngày 20/9/2023, ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Pháp luật, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các cơ quan liên quan chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, ủy quyền Bộ trưởng Bộ Tư pháp thay mặt Chính phủ, ký trình Quốc hội dự án Luật.

#### **IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO LUẬT**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Trên cơ sở kế thừa Điều 1 Luật Thủ đô 2012 và bổ sung các nội dung về tổ chức chính quyền tại Thủ đô, ngân sách, huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô và liên kết, phát triển vùng Thủ đô, dự thảo Luật quy định về vị trí, vai trò; tổ chức chính quyền; tài chính, ngân sách, huy động nguồn lực đầu tư; xây dựng, quản lý, bảo vệ Thủ đô và liên kết vùng Thủ đô.

##### **2. Bố cục**

Với phạm vi điều chỉnh như trên, bố cục của dự thảo Luật gồm 07 chương, 59 điều (tăng 03 chương, 32 điều so với Luật Thủ đô 2012). Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 07 điều: từ Điều 1 đến Điều 7);

Chương II. Chính quyền tại Thủ đô (đây là Chương mới so với Luật Thủ đô 2012 và gồm 11 điều: từ Điều 8 đến Điều 18);

Chương III. Xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô (gồm 16 điều: từ Điều 19 đến Điều 34);

Chương IV. Tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô (gồm 11 điều: từ Điều 35 đến Điều 45). Đây là Chương mới, được thiết kế trên cơ sở kế thừa, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 Luật Thủ đô 2012, đồng thời bổ sung một số chính sách đặc thù về tài chính, ngân sách, huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô;

Chương V. Liên kết, phát triển vùng Thủ đô (gồm 07 điều: từ Điều 46 đến Điều 52). Đây là Chương mới trên cơ sở kế thừa, sửa đổi, bổ sung các quy định

liên quan đến vùng Thủ đô của Luật Thủ đô 2012; đồng thời, luật hoá một số quy định của Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô;

Chương VI. Giám sát, kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm xây dựng, phát triển, quản lý, bảo vệ Thủ đô (gồm 05 điều: từ Điều 53 đến Điều 57). Chương này kế thừa quy định tại Chương III của Luật Thủ đô 2012; bổ sung 01 Điều quy định về trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc vùng Thủ đô; đặc biệt bổ sung vào các điều có liên quan của Chương này nhiều quy định nhằm bảo đảm kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc HĐND, UBND thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong các lĩnh vực về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế, quy hoạch, y tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, đầu tư, tài chính....

Chương VII. Điều khoản thi hành (gồm 02 điều, Điều 58 và Điều 59).

## **V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo nêu tại Mục II.2 Tờ trình, dự án Luật cụ thể hóa 09 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đã được Chính phủ thông qua, trình Quốc hội, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung giải pháp mới phát sinh của 07/09 chính sách (Chính sách 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 8). Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các nội dung giải pháp này đã được đánh giá tác động bổ sung (xin xem Báo cáo đánh giá tác động giai đoạn lập đề nghị xây dựng Luật và Báo cáo đánh giá tác động bổ sung gửi kèm theo Hồ sơ dự án Luật). Sau đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Luật:

### **1. Những quy định chung (Chương I)**

Kế thừa toàn bộ 03 điều của quy định của Luật Thủ đô 2012 về trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô (Điều 5), biểu tượng của Thủ đô (Điều 6) và Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô (Điều 7).

Các quy định còn lại cơ bản kế thừa quy định của Luật Thủ đô 2012, đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

Thứ nhất, về phạm vi điều chỉnh (Điều 1), quy định cụ thể và bổ sung các nội dung về tổ chức chính quyền; tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực đầu tư; liên kết vùng Thủ đô vào phạm vi điều chỉnh của Luật.

Thứ hai, về giải thích từ ngữ (Điều 3), quy định giải thích 07 thuật ngữ được sử dụng trong Luật Thủ đô nhằm bảo đảm cách hiểu thống nhất, như “dự án khởi nghiệp sáng tạo”, “dự án phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)”, “khu phát triển thương mại và văn hóa”...

Thứ ba, để tạo cơ sở pháp lý xử lý các xung đột pháp luật trong trường hợp có sự khác nhau giữa Luật Thủ đô với các luật hiện hành có liên quan và các luật ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực, nhưng vẫn bảo đảm minh bạch và thứ bậc về hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính thống nhất với quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo Luật bổ sung 01 điều quy định về áp dụng Luật Thủ đô với nội dung như sau:

“1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Thủ đô, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thì hành mà có quy định khác với Luật Thủ đô thì phải xác định việc áp dụng quy định theo Luật Thủ đô hoặc áp dụng theo luật, nghị quyết đó”.

Để bảo đảm tính khả thi của quy định trên, khoản 2 Điều 55 của dự thảo Luật yêu cầu khi xây dựng các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội thì các bộ, cơ quan ngang bộ phải rà soát các quy định của Luật Thủ đô, nếu có quy định thuận lợi hơn so với Luật Thủ đô thì cần thống nhất ý kiến với chính quyền thành phố Hà Nội trong việc xác định việc áp dụng theo Luật Thủ đô hoặc áp dụng theo luật, nghị quyết đó. Đồng thời, điểm d khoản 5 Điều 57 dự thảo Luật giao UBND thành phố Hà Nội nhiệm vụ: “Tham gia ý kiến về các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến các chính sách, cơ chế đặc thù quy định tại Luật này”.

## **2. Chính quyền tại Thủ đô (Chương II)**

### **a) Về mô hình tổ chức**

- Thực hiện mô hình tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 (không tổ chức HĐND phường) và bổ sung cấp chính quyền thành phố thuộc thành phố Hà Nội. Quy định này được đề xuất trên cơ sở kết quả sơ kết thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Qua báo cáo của UBND thành phố Hà Nội về kết quả sơ kết cho thấy, mô hình tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội đang được thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội đã phát huy hiệu lực, hiệu quả trên thực tế. Chính vì vậy, thành phố Hà Nội đề xuất quy định trong dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) mô hình chính quyền các cấp của Thủ đô Hà Nội theo hướng giữ nguyên và ổn định như nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội và Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ (không tổ chức HĐND phường); đồng thời bổ sung cấp chính quyền thành phố thuộc thành phố Hà Nội. Qua quá trình soạn thảo Luật Thủ đô (sửa đổi), đã số ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương thống nhất về việc chính thức không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp phường tại Hà Nội.

- Tăng cường tổ chức bộ máy của HĐND thành phố Hà Nội trên cơ sở kế thừa, bổ sung quy định của Nghị quyết số 160/2021/QH14, theo đó:

+ Tăng số lượng đại biểu HĐND (từ 95 đại biểu lên 125 đại biểu), tăng tỷ lệ đại biểu HĐND chuyên trách (từ 20% lên 25%) nhằm nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động của HĐND. Thủ đô Hà Nội là một trong hai địa phương có quy mô dân số đông nhất cả nước với tốc độ gia tăng dân số cơ học hàng năm ở mức 1,4%/năm; số lượng người cư trú thường xuyên và làm việc tại Hà Nội khoảng trên 10 triệu người, với số lượng 95 đại biểu HĐND Thành phố như hiện nay, bình quân 105.000 người dân/01 đại biểu, thấp hơn bình quân chung cả nước (26.500 người dân/01 đại biểu). Nếu không đủ số lượng đại biểu HĐND thì không bảo đảm được tính đại diện, quyền lợi của cử tri và nhân dân Thủ đô. Bên cạnh đó, ngoài 38 nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì với sự phân quyền mạnh mẽ như trong dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi), số lượng nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND thành phố Hà Nội dự kiến sẽ tăng lên khoảng 110 nhiệm vụ, quyền hạn. Do đó, yêu cầu đặt ra là tổ chức, cơ cấu bộ máy của HĐND thành phố Hà Nội, nhất là đội ngũ đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách phải đủ mạnh để không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, chất lượng hoạt động, nhất là chất lượng giám sát, bảo đảm thực chất và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

+ Tăng số lượng Phó Chủ tịch HĐND (từ 02 lên 03 Phó Chủ tịch), mở rộng thành phần của Thường trực HĐND so với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (bổ sung Ủy viên là Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố Hà Nội) nhằm bảo đảm nguồn nhân lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND. Việc đề xuất số lượng 03 Phó Chủ tịch HĐND Thành phố để bảo đảm sự tương đồng trong hệ thống chính trị và bộ máy thực thi nhiệm vụ của chính quyền Thủ đô<sup>(1)</sup>. So với quy định tại Nghị quyết số 160/2021/QH14 ngày 08/4/2021 của Quốc hội về thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của HĐND thành phố Hà Nội, quy định của dự thảo Luật sẽ chỉ tăng 03 đại biểu hoạt động chuyên trách của các Ban, không tăng ở lãnh đạo Ban.

- Quy định cơ cấu tổ chức của HĐND, UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội, dự kiến được thành lập theo định hướng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW về xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía Bắc - thành phố logistic, dịch vụ (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn) và phía Tây - thành phố về giáo dục, đào tạo, khoa học (vùng Hoà Lạc, Xuân Mai) với những đặc thù vượt

<sup>(1)</sup> Đối với tổ chức bộ máy của Thành ủy, hiện nay Thành ủy Hà Nội có 04 Phó Bí thư (nhiều hơn 01 Phó Bí thư so với các tỉnh, thành phố khác); đối với UBND Thành phố, hiện nay có 06 Phó Chủ tịch UBND (nhiều hơn 01 Phó Chủ tịch được Trung ương quy định đặc thù và cao hơn so với quy định tại Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

trội so với cơ cấu tổ chức của HĐND, UBND quận, huyện, thị xã theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương như tăng số lượng Phó Chủ tịch HĐND (từ 01 lên 02), Phó Chủ tịch UBND (từ 03 lên 04), đại biểu HĐND chuyên trách (từ 06 lên 09).

b) Về nhiệm vụ, quyền hạn

Dự thảo Luật quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, quận, thị xã và UBND, Chủ tịch UBND phường với 03 nhóm: (i) theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; (ii) được phân quyền trong lĩnh vực tổ chức, bộ máy; (iii) được phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực cụ thể về quy hoạch, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, y tế, môi trường, đất đai, nhà ở, giao thông, nông nghiệp, trật tự an toàn xã hội, tài chính, ngân sách, đầu tư, gắn với quy định về nguyên tắc, điều kiện và quy trình, thủ tục thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân giao... (Chương III, IV dự thảo Luật).

Đối với nhóm nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực tổ chức, cán bộ, dự thảo Luật quy định phân quyền như sau:

- Đối với HĐND thành phố Hà Nội:

+ Phân quyền từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho HĐND thành phố Hà Nội quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính đặc thù thuộc UBND thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã (điểm a khoản 1 Điều 9), bảo đảm tính linh hoạt, chủ động, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Điều 23 và Điều 28 của Luật Tổ chức Chính phủ, Chính phủ quy định về tổ chức, khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trên tổng số biên chế cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thành phố Hà Nội được tăng thêm biên chế từ nguồn biên chế dự phòng căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm, quy mô dân số, thực trạng khối lượng công việc, mức độ hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện làm việc, đặc điểm an ninh, chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội để bảo đảm các chi phí cho biên chế tăng thêm. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về số lượng biên chế tăng thêm (điểm b khoản 1 Điều 9).

Theo quy định hiện nay, việc quản lý biên chế hành chính do Chính phủ quyết định; biên chế sự nghiệp do chính quyền địa phương quyết định sau khi trình xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền. Việc xác định số lượng biên chế căn cứ

trên cơ sở Đề án vị trí, việc làm đã được phê duyệt. Tuy nhiên, việc giao biên chế chưa thực sự hợp lý vì chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết về biên chế của thành phố Hà Nội. Ví dụ: Tổng số biên chế hành chính được giao năm 2021 là 9.014 người (7.935 công chức và 1.079 lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP), giảm so với biên chế được giao năm 2015 là 1.673 biên chế giảm 1.473 công chức và 200 chỉ tiêu hợp đồng, chiếm tỷ lệ giảm 15,65%. Biên chế viên chức (hưởng lương ngân sách nhà nước) được giao năm 2021 là: 116.007 biên chế, giảm so với năm 2015 là 12.890 biên chế (tương đương tỷ lệ giảm 10%)<sup>(2)</sup>. Trong khi đó, giai đoạn từ 2015 - 2021, số công chức nghỉ hưu là 1.291 người, số viên chức nghỉ hưu là 12.590 người; đến tháng 6/2021, số người nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 1.441 trường hợp (1.194 trường hợp từ cấp huyện trở lên). Biên chế giảm nhưng số lượng công việc không giảm mà còn có xu hướng gia tăng dẫn đến áp lực thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, viên chức của thành phố Hà Nội rất lớn, đặc biệt đối với công chức. Tính theo số dân/biên chế công chức trung bình tại 63 tỉnh, thành phố hiện nay (tính đến tháng 6/2021) là: 96.460.000 người dân/140.508 công chức, bằng 686 người dân/01 công chức. Trong khi, Hà Nội là: 8.053.663 người dân/7.927 công chức, bằng 1.016 người dân/01 công chức. Đối với một số lĩnh vực như giáo dục và y tế, việc bố trí nguồn lực gặp nhiều khó khăn do tốc độ đô thị hóa và tăng dân số cơ học tại địa phương, nhu cầu học tập tăng, trong khi biên chế viên chức giáo dục giảm; áp lực từ cử tri, xã hội lên hệ thống giáo dục là rất lớn. Từ năm 2015 đến nay, Hà Nội không được tăng biên chế viên chức, dẫn đến khó khăn trong việc bố trí giáo viên, cán bộ y tế theo tốc độ tăng dân số ngày một cao.

Do đó, quy định nêu trên của dự thảo Luật sẽ giúp bảo đảm nguồn nhân lực công vụ đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Thủ đô Hà Nội, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW về “nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện”, “xây dựng Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế”.

+ Trên cơ sở ý kiến thảo luận tại Phiên họp lần thứ 26 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến đề xuất của thành phố Hà Nội, dự thảo Luật quy định phân quyền một số thẩm quyền từ Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội cho Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giữa các kỳ họp nhằm bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của thành phố Hà Nội. Theo đó, phân quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định các biện pháp để giải quyết công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư

<sup>(2)</sup> Theo chỉ tiêu tinh giản Nghị quyết số 39-NQ/TW.

đối với các dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C quy định tại Luật Đầu tư công; quyết định việc hỗ trợ các cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm phát triển kinh tế xã hội, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; hỗ trợ các địa phương khác trong cả nước trong trường hợp cần thiết...

- Đối với UBND, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội

Điều 10 dự thảo Luật phân quyền một số thẩm quyền từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho UBND thành phố Hà Nội, đồng thời mở rộng chủ thể, đối tượng phân cấp, ủy quyền so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Cụ thể:

+ Phân quyền cho UBND thành phố Hà Nội được điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND quận, huyện, thị xã; quy định tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính đặc thù thuộc UBND thành phố Hà Nội, UBND quận, huyện, thị xã; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

+ Mở rộng chủ thể, đối tượng phân cấp, ủy quyền (điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 10), theo đó: (ii) cho phép UBND thành phố Hà Nội được phân cấp hoặc ủy quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn cho các tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội<sup>(3)</sup>; cho phép Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội có thể ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình (mở rộng đối tượng nhận ủy quyền so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương<sup>(4)</sup>); (ii) Cho phép cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ủy quyền giải quyết một số thủ tục hành chính cho UBND hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp dưới<sup>(5)</sup>.

Hiện nay, số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội chiếm tỉ lệ khá lớn so với tổng số thủ tục hành chính toàn Thành phố (1175/1895 thủ tục hành chính, chiếm 62%), dẫn đến tình trạng quá tải trong tiếp nhận và

<sup>(3)</sup> Điều 13 và Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương chỉ quy định cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền cho cơ quan nhà nước cấp dưới; UBND cùng cấp ủy quyền cho cơ quan chuyên môn cùng cấp mà không quy định phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội (“ủy quyền vượt cấp”).

<sup>(4)</sup> Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương chỉ quy định về việc Chủ tịch UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp, Chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp mà không quy định về việc ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cùng cấp.

<sup>(5)</sup> Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương không quy định cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác được ủy quyền.

giải quyết, từ đó kéo dài thời gian giải quyết, ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp. Do đó, quy định nêu trên của dự thảo Luật sẽ góp phần phát huy tính linh hoạt, chủ động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan được ủy quyền cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết các thủ tục hành chính; bảo đảm việc ủy quyền hợp lý giữa các cấp chính quyền địa phương của Thành phố theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực.

- Đối với HĐND và UBND quận, thị xã

Điều 11 quy định HĐND quận, thị xã thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn để thống nhất với việc không tổ chức HĐND phường. Nội dung này là luật hóa quy định của Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Trong đó, để giải quyết các khó khăn, bất cập hiện nay khi không tổ chức HĐND phường và theo đó phường không còn là một cấp ngân sách, khoản 1 Điều 11 dự thảo Luật quy định HĐND quận, thị xã bố trí trong dự toán chi ngân sách của UBND phường khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách phường để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa, cứu trợ, thực hiện nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cần thiết khác chưa được dự toán.

- Đối với HĐND, UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội (sẽ được thành lập trong thời gian tới)

Điều 13, Điều 14 Dự thảo Luật quy định một số thẩm quyền vượt trội của HĐND, UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội so với thẩm quyền của chính quyền quận, huyện cụ thể: (i) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể một số cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù thuộc UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội; (ii) Điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội; (iii) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội; (iv) tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

- Đối với UBND phường

Điều 15 dự thảo Luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của UBND, Chủ tịch UBND phường trên cơ sở luật hóa quy định của Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội.



Ngoài ra, theo quy định của pháp luật hiện hành, ở UBND phường chỉ có công chức chuyên môn mà không có cơ quan chuyên môn nên không thể thực hiện việc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Thực tế hiện nay, khi thực hiện thí điểm chính quyền đô thị tại Hà Nội cũng đã cho phép Chủ tịch UBND phường được ủy quyền cho công chức Tư pháp - hộ tịch thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của UBND phường đối với việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật. Do đó, để đơn giản hóa thủ tục, khoản 3 Điều 15 dự thảo Luật bổ sung quy định UBND, Chủ tịch UBND phường được ủy quyền cho công chức phường giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND phường.

c) Về chế độ công vụ, công chức của cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

Để góp phần chuẩn hoá, tăng tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức Thủ đô, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, Điều 16 dự thảo Luật quy định cán bộ được bầu cử, phê chuẩn giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ được quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp thành phố (pháp luật hiện hành chỉ quy định về việc quản lý thống nhất đối với công chức); áp dụng tiêu chuẩn chung, không phân biệt tiêu chuẩn của công chức ở các cấp chính quyền (pháp luật hiện hành đang quy định riêng về tiêu chuẩn của công chức cấp xã và tiêu chuẩn của công chức trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện). Đồng thời, dự thảo Luật quy định người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng có thời hạn với người đáp ứng các điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm để bổ sung nguồn nhân lực cho Thành phố.

d) Cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức của Thủ đô

Thực tế thời gian qua một số địa phương, trong đó có Hà Nội, đã có chính sách để thu hút nhân tài nhưng thực hiện chưa hiệu quả. Để khắc phục hạn chế này và cụ thể hóa chủ trương tại Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị “có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế”, Điều 17 và 18 dự thảo Luật quy định cơ chế đặc thù vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển của Thủ đô. Cụ thể:

- Về đối tượng thu hút, chế độ đãi ngộ và chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (Điều 17)

Hiện nay, chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực của Thủ đô đang được thực hiện theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức<sup>(6)</sup>. Đặc biệt, để thu hút được người có năng lực, trình độ, Điều 13 Luật Thủ đô 2012 quy định “Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành chính sách trọng dụng nhân tài”. Thực tiễn triển khai chính sách này ở Hà Nội thời gian qua cho thấy các chính sách thu hút chưa đủ sức hấp dẫn, mới chỉ tập trung vào tuyển dụng đối với một số đối tượng cụ thể để thu hút đầu vào; chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế về môi trường làm việc, mức lương, thu nhập, cơ hội học tập và thăng tiến cũng như các điều kiện đãi ngộ khác; chưa tạo được sự cạnh tranh so với khu vực tư. Vì vậy, để khắc phục các bất cập này, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 17 dự thảo Luật thiết kế 02 khoản, khoản 1 là về thu hút, trọng dụng nhân tài và khoản 2 là về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô:

+ Đối tượng thu hút là công dân Việt Nam, người nước ngoài có năng lực vượt trội, trình độ chuyên môn cao, tài năng đặc biệt trong một số lĩnh vực và có kinh nghiệm thực tiễn, có công trình, sản phẩm, thành tích, công trạng hoặc cống hiến đặc biệt để phát triển một lĩnh vực, một ngành của Thủ đô. Các đối tượng này sẽ được hưởng các chế độ đãi ngộ như được xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức và hưởng các chế độ, chính sách do HĐND thành phố Hà Nội quy định; được ký hợp đồng vào làm việc hoặc đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập; được ký hợp đồng để thực hiện một số nhiệm vụ trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, y tế, giáo dục với chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp.

+ Nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô, dự thảo Luật quy định các chính sách hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để đầu tư cho việc phát triển cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia có đa cấp học; đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên của Thủ đô; bên cạnh đó, hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô để phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao... phục vụ cho định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thu hút đầu tư nước ngoài.

- Về chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức (Điều 18)

Nghị quyết số 27-NQ/TW nêu: “Mở rộng áp dụng cơ chế thí điểm đối với một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tự cân đối ngân sách và bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội được

<sup>(6)</sup> Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung 2019), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2019); Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý”. Để thể chế hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô, dự thảo Luật quy định chi thu nhập tăng thêm cho cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, hội có tính chất đặc thù, một số cơ quan ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi thường xuyên do thành phố Hà Nội quản lý theo năng lực, hiệu quả công việc, ngoài việc chi thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chung trong cả nước. Tổng mức chi phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của Thành phố và không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Chính sách này đang được áp dụng đối với Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 98/2023/QH15).

### **3. Về xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô (Chương III)**

a) Về quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô; biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch; quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị

Nhằm thể chế hoá chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW về “tập trung triển khai quy hoạch, đầu tư xây dựng, ổn định dân cư hai bên bờ sông Hồng và sông Đuống, quy hoạch phát triển không gian ngầm đô thị, không gian xanh và không gian công cộng”, tạo sự linh hoạt cho thành phố Hà Nội, dự thảo Luật (các Điều 19, 20, 21 và 22) quy định một số chính sách đặc thù, khác với quy định của Luật Thủ đô 2012 và các luật hiện hành, cụ thể như sau:

- Khoản 1 Điều 19 quy định một trong các yêu cầu đối với Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô là phải bảo đảm xây dựng Thủ đô văn minh, văn hiến, hiện đại, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, an ninh nguồn nước với sông Hồng là trục xanh, cảnh quan trung tâm, phát triển đô thị hài hòa hai bên sông của thành phố Hà Nội. Khoản 2 Điều 19 quy định tập trung nguồn lực, ưu tiên tổ chức thực hiện quy hoạch phân khu sông Hồng và sông Đuống.

- Khoản 3 Điều 19 phân quyền cho UBND thành phố Hà Nội được điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật và giao UBND Thành phố ban hành trình tự, thủ tục thực hiện việc điều chỉnh.

Theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch thì thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch khu chức năng, quy hoạch chung đô

thị, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thuộc Bộ Xây dựng và Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, tại các nghị quyết của Quốc hội thí điểm cơ chế chính sách đặc thù cho các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Khánh Hòa, thành phố Hải Phòng và mới đây nhất là thành phố Hồ Chí Minh đã cho phép UBND các tỉnh, thành phố này được điều chỉnh các quy hoạch nêu trên.

- Khoản 4 Điều 20 dự thảo Luật quy định khi đầu tư xây dựng mới đường giao thông hoặc mở rộng trục đường giao thông hiện có theo quy hoạch thì cơ quan có thẩm quyền phải lập quy hoạch chi tiết, trong đó xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện tái cấu trúc đô thị, tái định cư tại chỗ, phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Thủ đô 2012 thì việc bảo đảm phạm vi lập quy hoạch mở rộng mỗi bên kể từ phía ngoài chỉ giới đường đỏ của tuyến đường dự kiến theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị (khoản 3 Điều 31 của Luật Quy hoạch đô thị quy định phạm vi lập quy hoạch tối thiểu là 50 mét mỗi bên kể từ phía ngoài chỉ giới đường đỏ của tuyến đường dự kiến). Quy định này chỉ áp dụng đối với việc lập quy hoạch chi tiết trục đường giao thông mới trên địa bàn Thủ đô. Thực tế hiện nay, bên cạnh việc mở mới các trục đường giao thông hiện hữu thì thành phố Hà Nội còn tiến hành cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường giao thông. Do đó, cần cho phép xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận khi đầu tư xây dựng mới tuyến đường giao thông hoặc mở rộng trục đường giao thông hiện có.

- Khoản 5 Điều 20 quy định UBND thành phố Hà Nội quyết định điều chỉnh mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD so với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng đối với khu vực đô thị hiện hữu, nhưng phải bảo đảm đáp ứng năng lực phục vụ của hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

Đây là quy định mới so với Luật Thủ đô 2012 và khác với quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành (theo quy định của Luật này, thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng là Bộ Xây dựng). Quy định nêu trên của dự thảo Luật Thủ đô sẽ tạo sự chủ động, linh hoạt cho Hà Nội trong việc xác định mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp với điều kiện thực tiễn của Hà Nội, góp phần phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng.

- Điều 21 dự thảo Luật có nội dung quy định về việc quản lý, khai thác và sử dụng không gian ngầm tại Thủ đô.

Việc quản lý không gian ngầm hiện đang được điều chỉnh bằng Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; tuy nhiên, Nghị định này chỉ

điều chỉnh ở góc độ quản lý không gian xây dựng ngầm. Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) (kèm theo Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05/12/2022 của Chính phủ) đã bổ sung 01 Điều về đất xây dựng công trình ngầm. Do pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ, cụ thể về việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm, khoảng không công trình ngầm, nên chưa có cơ chế để phát huy hiệu quả không gian ngầm đô thị của Thủ đô Hà Nội. Đối với không gian ngầm tại khu vực đô thị trung tâm, khu vực nội đô lịch sử của Hà Nội hiện mới chỉ chú trọng phát triển hệ thống giao thông động, đó là các hệ thống tàu điện ngầm, hầm chui,... Trong khi đó, việc phát triển ở khu vực nội đô lịch sử đòi hỏi phải chú trọng khai thác không gian ngầm để phục vụ phát triển giao thông tĩnh, dịch vụ thương mại hỗ trợ công cộng và bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan tại khu vực này.

Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, Điều 21 dự thảo Luật quy định một số nội dung mang nguyên tắc về quản lý, sử dụng không gian ngầm, trong đó có nguyên tắc bảo đảm quốc phòng, an ninh và phải có tính lưỡng dụng, sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh; không gian ngầm phải được phân vùng chức năng để quản lý, khai thác, sử dụng; việc xây dựng công trình ngầm phải được cấp phép; tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê không gian ngầm để xây dựng công trình ngầm theo dự án đầu tư hoặc hạng mục của dự án đầu tư sử dụng vào mục đích kinh doanh phải nộp tiền thuê không gian ngầm; chủ đầu tư dự án xây dựng công trình ngầm được cấp chứng nhận quyền sở hữu đối với công trình ngầm dưới mặt đất và thực hiện quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự... Dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, khai thác và sử dụng không gian ngầm tại Thủ đô; giao UBND Thành phố ban hành danh mục các loại công trình ngầm đô thị được khuyến khích đầu tư xây dựng.

- Điều 22 dự thảo Luật quy định về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

+ Trên cơ sở kế thừa một số nội dung của Điều 8, 9 và Điều 10 của Luật Thủ đô 2012, Điều 22 dự thảo Luật giao UBND thành phố Hà Nội ban hành các quy định hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện việc cải tạo, trong đó tập trung vào các công trình có giá trị văn hóa, lịch sử đặc trưng của Thủ đô: biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị, nhà ở cũ ở phố cổ, phố cũ, ô phố, tuyến phố đặc trưng; hỗ trợ đền bù tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp; điều chỉnh chức năng sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết để chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử. Đồng thời, dự thảo Luật giao UBND thành phố Hà Nội ban hành các quy định nhằm quản lý, bảo tồn, khai thác, sử dụng biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị (quy chế quản lý, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng, biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác sử dụng biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị).

+ Để góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử, khoản 5 Điều 22 cho phép UBND thành phố Hà Nội thành lập Quỹ Bảo tồn khu vực nội đô lịch sử. Đây là quỹ tài chính ngoài ngân sách; được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; nguồn thu được hình thành từ tài trợ, đóng góp tự nguyện, vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác.

b) Về phát triển văn hoá, thể thao; phát triển giáo dục và đào tạo; y tế; an sinh xã hội Thủ đô

- Điều 23 (Phát triển văn hóa, thể thao) dự thảo Luật cơ bản kế thừa các nội dung tại Điều 11 Luật Thủ đô 2012, đồng thời, bổ sung một số quy định sau đây:

Thứ nhất, xây dựng Trung tâm công nghiệp văn hóa trong theo quy hoạch. Quy định này nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 15-NQ/TW về việc ưu tiên phát triển công nghiệp văn hoá, du lịch của Thủ đô thành ngành kinh tế mũi nhọn, nhất là du lịch văn hoá; đồng thời, cụ thể hóa các mục tiêu về thành phố sáng tạo theo kết quả của UNESCO về việc công nhận thành phố Hà Nội là thành viên mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO. Việc xây dựng Trung tâm công nghiệp văn hóa dựa trên tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn giữa bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá với phát triển kinh tế và giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá với mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa gắn với xây dựng Thành phố sáng tạo xứng tầm là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước.

Thứ hai, giao HĐND thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên; văn nghệ sỹ, nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể; việc truyền dạy, thực hành, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; việc xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể (khoản 5 Điều 23).

Điều 26 Luật Di sản văn hóa quy định việc nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nhưng mới chỉ quy định việc “trợ cấp sinh hoạt hằng tháng đối với nghệ nhân đã được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước” nhưng phải có điều kiện là “có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn”, đồng thời giao thẩm quyền quy định chi tiết chính sách này cho Chính phủ chứ không trao thẩm quyền này cho chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc trung

ương. Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú nhưng chỉ hỗ trợ đối với các đối tượng có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/04/2019 của Chính phủ, trong đó quy định về một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao...

Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định HĐND cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Thực tế cho thấy, Hà Nội là địa phương có nhiều nghệ nhân được phong tặng danh hiệu cao quý nhất và có nhiều đóng góp cho thể thao của cả nước (nhiều huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao)<sup>(7)</sup>. Do đó, dự thảo Luật Thủ đô cho phép HĐND thành phố Hà Nội quy định cơ chế hỗ trợ với phạm vi, mức cao hơn quy định hiện hành của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đối với nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể; việc truyền dạy, thực hành, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sẽ là nguồn động viên vật chất, tinh thần to lớn, khuyến khích họ tiếp tục cống hiến, tạo động lực cho đội ngũ nghệ nhân kế cận tin tưởng vào việc giữ nghề và truyền nghề, tạo sự ổn định cho các làng, địa phương có nghề, thúc đẩy tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động tại chỗ. Đây cũng là động lực, góp phần lan tỏa việc xây dựng văn hóa người Hà Nội hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hóa, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

Thứ ba, bên cạnh khu vực “làng nghề” thì dự thảo Luật quy định tập trung nguồn lực để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của “làng có nghề” để tạo nền tảng thúc đẩy thiết kế sáng tạo, qua đó góp phần xây dựng thành phố sáng tạo. Hiện nay, thành phố Hà Nội có khoảng 1.350 làng nghề và làng có nghề, việc xây dựng trung tâm thiết kế sáng tạo về làng nghề ở Thủ đô sẽ là điểm nhấn đặc sắc của Thủ đô.

<sup>(7)</sup> Năm 2022, cả nước có 628 nghệ nhân được phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”, trong đó, 65 nghệ nhân nhân dân (Hà Nội dẫn đầu với 11/65 nghệ nhân) và 563 nghệ nhân ưu tú (Hà Nội dẫn đầu với 54/563 nghệ nhân).

Năm 2023, Đoàn Thể thao Việt Nam tham dự SEA Games 32 có 1.003 thành viên, trong đó có hơn 700 vận động viên thi đấu xuất sắc giành vị trí Nhất toàn đoàn trên 11 quốc gia tham dự Đại hội với 136 Huy chương vàng (HCV), 105 Huy chương bạc (HCB), 118 Huy chương đồng (HCD). Hà Nội đóng góp 226 thành viên, trong đó có 161 vận động viên; các VĐV Hà Nội đóng góp 99 huy chương các loại, gồm 40 HCV, 27 HCB, 32 HCD, đóng góp gần 30% số lượng HCV của Đoàn Thể thao Việt Nam tại SEA Games 32, phá 4/14 kỷ lục SEA Games.

- Điều 24 (Phát triển giáo dục và đào tạo) của dự thảo Luật quy định một số chính sách đặc thù sau đây:

+ Cho phép cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thủ đô được thực hiện liên kết giáo dục với cơ sở giáo dục nước ngoài và giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ (khoản 3 Điều 24). Đây là quy định mới, Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục mới chỉ cho phép các cơ sở giáo dục tư thục thực hiện việc liên kết đào tạo. Quy định mới này của dự thảo Luật Thủ đô là nhằm tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy liên kết và nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục phổ thông công lập Thủ đô, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ Nghị quyết số 15-NQ-TW giao là: "... Có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; hệ thống trường có nhiều cấp học, trường chất lượng cao; các loại hình liên kết đào tạo trong nước và quốc tế". Thời gian qua, thành phố Hà Nội đã thực hiện thí điểm việc cho phép một số trường công lập liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài; kết quả thí điểm cho thấy đây là chính sách đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn, giúp học sinh Thủ đô tiếp cận và đạt tiêu chuẩn giáo dục quốc tế không phải qua con đường du học hoặc học ở các cơ sở giáo dục tư thục với chi phí cao hơn, qua đó, giảm được rất nhiều chi phí xã hội, được nhiều phụ huynh học sinh đồng tình ủng hộ và tha thiết đề nghị tiếp tục. Đồng thời, thực tiễn thí điểm cũng cho thấy khả năng, điều kiện của một số cơ sở giáo dục công lập Thủ đô có thể đáp ứng tốt việc liên kết giáo dục và vẫn bảo đảm mục tiêu giáo dục quốc dân được quy định tại Luật Giáo dục.

+ Phân quyền cho HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù, khác với pháp luật hiện hành về phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn Thủ đô như cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học; hỗ trợ học phí cho học sinh phổ thông và trẻ em mầm non trên địa bàn Thủ đô không phân biệt trường công lập, dân lập và trường tư thục (khoản 4 Điều 24); phân quyền cho UBND thành phố Hà Nội quy định về bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục bổ trợ phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô (khoản 5 Điều 24).

Hiện nay, pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học nên việc quản lý tài chính đối với các cơ sở giáo dục này trên địa bàn Thủ đô tương đối khó khăn. Đồng thời, pháp luật hiện hành chưa quy định về hỗ trợ giá dịch vụ cho học sinh không phân biệt công lập và tư thục (khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục quy định học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục



công lập không phải đóng học phí; ở địa bàn không đủ trường công lập, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định). Do đó, cơ chế đặc thù quy định tại khoản 4 Điều 24 dự thảo Luật sẽ góp phần thúc đẩy phát triển hệ thống cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, nhiều cấp học, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, trẻ em được tiếp cận với giáo dục chất lượng cao, thúc đẩy xã hội hóa giáo dục, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư mở rộng hệ thống các trường tư thục, từng bước giảm tải cho hệ thống trường công.

Theo quy định tại Điều 8 Luật Giáo dục thì thẩm quyền quy định về chương trình giáo dục là Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Việc dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) cho phép UBND thành phố Hà Nội được bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục bổ trợ để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội đặc thù của Thủ đô sẽ góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu nâng cao hiểu biết và lưu truyền những kiến thức, giá trị, nét đẹp văn hóa đặc trưng riêng của Thủ đô; đưa chương trình giáo dục của Thủ đô tiệm cận gần hơn với nền giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới; tăng tính chủ động, tư duy sáng tạo của học sinh.

- Với mục tiêu nâng cao năng lực, xây dựng hệ thống y tế Thủ đô ngày càng phát triển, hiện đại, hướng tới mục tiêu chăm sóc toàn diện, nâng cao sức khỏe nhân dân, Điều 27 dự thảo Luật cho phép cơ sở khám, chữa bệnh công lập của thành phố Hà Nội được sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong mua sắm, sửa chữa để duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập; cơ chế phát triển y học gia đình; phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện... Trong đó:

+ Về cơ chế phát triển khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định một trong các hình thức tổ chức của cơ sở khám, chữa bệnh là y học gia đình; hoạt động khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác có phạm vi hoạt động chuyên môn về y học gia đình thực hiện.

Từ năm 2019, Thủ đô Hà Nội đã triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình và đã đưa số lượng trạm y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình từ mức 47,8% số trạm y tế vào năm 2019 lên 82,73% trạm y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình vào cuối năm 2020. Tuy nhiên, các trạm y tế gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai: thiếu bác sĩ có chất lượng phù hợp làm việc trực tiếp tại trạm y tế, nhất là trạm y tế xã; các dịch vụ chuyên sâu tại trạm y tế chưa thể thanh toán bằng bảo hiểm y tế; số lượng cơ sở hành nghề y tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình còn khá

hạn chế<sup>(8)</sup>. Do đó, để tạo cơ chế thúc đẩy phát triển y học gia đình, dự thảo Luật giao UBND thành phố Hà Nội quy định lộ trình, cơ chế tài chính, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để thực hiện cơ chế khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình (điểm a và điểm c khoản 3 Điều 27).

+ Dịch vụ cấp cứu ngoại viện là một trong nhóm những dịch vụ y tế khẩn cấp nhằm nỗ lực giảm thiểu những tổn thất về tính mạng và sức khỏe. Các dịch vụ cấp cứu cấp cứu ngoại viện bao gồm chăm sóc cấp cứu y tế ngoại viện, các dịch vụ vận chuyển bằng xe cứu thương... Hoạt động cấp cứu ngoại viện hiện nay có sự tham gia của nhiều thành phần, bao gồm các trung tâm vận chuyển cấp cứu 115, tổ vận chuyển cấp cứu ngoại viện của các cơ sở y tế công lập và cơ sở vận chuyển cấp cứu ngoài công lập... Việc phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện có vai trò quan trọng giúp giảm thiểu nguy cơ tử vong và giảm mức độ thương tật cho người bệnh, đặc biệt đối với các trường hợp nguy kịch, từ đó giảm gánh nặng bệnh tật và tài chính cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội. Phát triển hệ thống mạng lưới cấp cứu ngoại viện cũng giúp bệnh nhân có khả năng tiếp cận được chăm sóc y tế kịp thời và phù hợp hơn.

Công tác cấp cứu người bệnh tại chỗ và vận chuyển cấp cứu người bệnh đến các cơ sở điều trị là vấn đề cấp thiết và quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân. Việc hình thành một mạng lưới cấp cứu ngoại viện để đảm trách công tác cấp cứu ngoại viện trong đời sống hàng ngày cũng như trong tình huống có thảm họa là hướng đi đúng đắn và phù hợp với thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Với mục tiêu đó, điểm b khoản 5 Điều 27 dự thảo Luật giao UBND thành phố Hà Nội quy định về lộ trình phát triển và tổ chức, hoạt động của hệ thống cấp cứu ngoại viện trên địa bàn Thủ đô.

+ Đồng thời với các cơ chế phát triển y học gia đình, hệ thống cấp cứu ngoại viện nêu trên, khoản 4 Điều 27 dự thảo Luật quy định UBND thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế trên cơ sở nguồn kinh phí bảo hiểm y tế được giao dự toán để chi trả dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, dịch vụ cấp cứu ngoại viện. Mặc dù Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi hoạt động chuyên môn về y học gia đình, tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về giá dịch vụ dành riêng cho khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình. Việc quy định dùng quỹ bảo hiểm y tế để chi trả cho cấp cứu ngoại viện, khám, chữa bệnh theo y học gia đình vẫn bảo đảm nguyên tắc có đóng, có hưởng của lĩnh vực bảo hiểm. Việc sử dụng

<sup>(8)</sup> Số lượng cơ sở hành nghề y tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình hiện nay tại Thủ đô là 07, bao gồm 06 phòng khám chuyên khoa bác sỹ gia đình và 01 phòng khám đa khoa có bộ phận khám chữa bệnh triển khai hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

quỹ bảo hiểm để thanh toán khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện, là một giải pháp vừa có tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh Thủ đô, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ bảo hiểm y tế. Vì khi bảo hiểm y tế chi trả cho việc khám chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện sẽ làm giảm nguy cơ bệnh nhân phải chuyển lên tuyến trên, giảm nguy cơ bệnh nhân chuyển nặng khi dịch vụ cấp cứu ngoại viện kịp thời cấp cứu vào “thời điểm vàng” của bệnh nhân, như vậy, sẽ giảm rất nhiều chi phí khám bệnh, chữa bệnh sau này.

- Điều 28 dự thảo Luật quy định cụ thể và tách bạch chính sách xã hội và chính sách an sinh, phúc lợi xã hội. Trong đó, về chính sách xã hội, khoản 1 quy định HĐND thành phố Hà Nội quyết định bố trí ngân sách để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm, vay mua nhà ở xã hội; hỗ trợ công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp vay mua nhà ở xã hội; hỗ trợ đất sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống ở xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm nghiệp; hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho người học thường trú tại Hà Nội và con công nhân lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất. Về chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, khoản 2 quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội; hỗ trợ khám sức khỏe miễn phí hàng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô - đây là chính sách an sinh xã hội ưu việt của Thành phố nhằm góp phần ngăn chặn bệnh tật từ sớm, từ xa, giảm chi phí điều trị và tăng chất lượng sống cho người cao tuổi. Đây là hướng đi hoàn toàn phù hợp khi thành phố Hà Nội có tốc độ già hóa dân số nhanh nhưng số năm sống khỏe mạnh lại khá thấp.

c) Về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển khu công nghệ cao; phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Trên cơ sở kế thừa Điều 13 Luật Thủ đô 2012, dự thảo Luật quy định một số cơ chế đặc thù để phát triển khoa học và công nghệ của Thủ đô (Điều 25), bổ sung quy định về phát triển các khu công nghệ cao (Điều 26). Cụ thể như sau:

+ Điều 25 quy định về các lĩnh vực trọng điểm khoa học công nghệ; chế độ ưu đãi đối với một số hoạt động, đối tượng trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Theo đó, đối tượng được hưởng ưu đãi bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học công nghệ trọng điểm của Thủ đô; doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

+ Về chế độ ưu đãi, Điều 25 dự thảo Luật quy định một số ưu đãi khác với quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố được áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm (điểm a khoản 2). Quy định này là mở rộng đối tượng được áp dụng hình thức khoán kinh phí so với Luật Khoa học và công nghệ (Điều 52). Theo Điều 52 này, việc khoán chi chỉ được áp dụng trong một số trường hợp như nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã xác định được rõ tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính rủi ro cao thì thực hiện việc khoán chi đối với từng phần công việc đã xác định rõ tiêu chí.

Thu nhập của chuyên gia, nhà khoa học từ việc chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, vùng Thủ đô là thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân (điểm b khoản 2). Quy định này là khác với quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và hiện đang được áp dụng đối với thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022) và thành phố Hồ Chí Minh (theo Nghị quyết số 98/2023/QH15).

Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách của Thành phố để mua sắm, vận hành máy móc, thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô (chính sách này chưa được pháp luật hiện hành quy định).

+ Điều 26 quy định chung về định hướng xây dựng, phát triển các khu công nghệ cao trên địa bàn Thủ đô; giao UBND thành phố Hà Nội quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao; đồng thời, dự thảo Luật quy định một số vấn đề mang tính nguyên tắc về vị trí, chức năng và cơ chế ưu đãi đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; giao UBND thành phố Hà Nội quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội và việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý đầu tư, tài chính ngân sách, tài nguyên môi trường, lao động. Hiện nay, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế cũng đã phân cấp, ủy quyền nhiều nhiệm vụ cho Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế như thực hiện thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng đối với dự án, công trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế; cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về thương mại; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài

không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc UBND cấp tỉnh đối với lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế... Do vậy, đối với khu công nghệ cao cần có cơ chế đủ mạnh để hình thành, phát triển và phát huy hiệu quả trên thực tế.

- Dự thảo Luật dành Điều 33 (mới so với Luật Thủ đô 2012) để quy định về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể như sau:

+ Thê chế hóa Nghị quyết số 15-NQ/TW về phát triển vùng nông nghiệp sinh thái, gắn với nguyên tắc sản xuất, cung cấp thực phẩm sạch, chất lượng nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân Thủ đô, vùng Thủ đô, khoản 2 Điều 33 dự thảo Luật giao HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cao hơn và ngoài các quy định của Trung ương ban hành đối với một số nội dung như giống, chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống; công nghệ bảo quản, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm...

+ Điều b khoản 3 quy định UBND thành phố Hà Nội cho phép xây dựng trên đất nông nghiệp các công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Quy định này khác so với quy định của Luật Đất đai (Điều 6 quy định đất phải được sử dụng đúng mục đích; đất nông nghiệp để sản xuất nông nghiệp; đất lán trại, sân phơi, kho bảo quản... là đất phi nông nghiệp khác theo quy định tại Điều 10 Luật Đất đai). Dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết tỷ lệ diện tích, điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép, loại công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, tạo thuận lợi từ khâu trồng trọt, thu hoạch, sơ chế, bảo quản đến bao tiêu sản phẩm. Thông thường, các công trình phụ trợ này là khu vực kho, sân phơi, khu sơ chế, gian hàng giới thiệu sản phẩm, khu vực xử lý môi trường, xử lý phụ phẩm nông nghiệp...

#### d) Về bảo vệ môi trường

Trên cơ sở kế thừa Điều 14 Luật Thủ đô 2012, Điều 29 dự thảo Luật bổ sung một số quy định sau đây:

- Cho phép HĐND thành phố Hà Nội ban hành quy định hỗ trợ, ưu đãi chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện sử dụng năng lượng sạch; đầu tư phát triển phương tiện giao thông công cộng kết hợp lộ trình hạn chế phương tiện giao thông cá nhân để hạn chế ùn tắc giao thông, giảm phát thải... Hiện tại, chưa có quy định về kiểm định khí thải định kỳ cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba

bánh, xe gắn máy đang lưu hành, phương tiện vận tải đường thủy, do vậy đây là chính sách hiệu quả để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường, chống ùn tắc giao thông và thực tế đã được áp dụng đối với Thành phố Hồ Chí Minh (theo Nghị quyết số 98/2023/QH15).

- Giao HĐND thành phố Hà Nội quy định hỗ trợ và lộ trình thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, làng nghề ở nông thôn.

Theo Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong giai đoạn 2021 - 2030: (i) sẽ phát triển 07 làng nghề kết hợp với du lịch; hạn chế phát triển hoặc chuyển hướng nghề mới, hoặc di dời vào cụm công nghiệp các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối với 06 làng nghề; xử lý ô nhiễm môi trường 20 làng nghề; nâng cấp cơ sở hạ tầng (20 làng nghề); (ii) các chỉ tiêu môi trường nông thôn, làng nghề được xác định: tỷ lệ hộ nông thôn được cung cấp nước sạch là 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn là 100%; tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải 100%.

Do đó, quy định này của dự thảo Luật sẽ khuyến khích di dời cơ sở sản xuất trong khu dân cư, làng nghề nông thôn, góp phần giảm tải áp lực lên môi trường do quá trình hoạt động của các cơ sở sản xuất, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân.

Ngoài ra, để thể chế hóa Nghị quyết số 15-NQ/TW và Nghị quyết số 06-NQ/TW, khoản 3 Điều 29 dự thảo Luật quy định về yêu cầu di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường kéo dài, sử dụng quá tải hoặc thâm dụng lao động; cơ sở y tế có nguy cơ truyền nhiễm, lây nhiễm cao ra khỏi khu vực nội đô lịch sử, đô thị trung tâm.

đ) Về quản lý, sử dụng đất đai; phát triển nhà ở; phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông

- Về quản lý, sử dụng đất đai (Điều 30)

- Trên cơ sở kế thừa Điều 15 Luật Thủ đô 2012 và xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, Điều 30 dự thảo Luật quy định về việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn Thủ đô. Trong đó, một số quy định của dự thảo Luật cơ bản tương đồng với quy định của dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), chẳng hạn như bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chuyển mục đích sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất...; một số quy định có nội dung khác so với Luật Thủ đô 2012 và dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), cụ thể như sau:

+ HĐND thành phố Hà Nội quyết định cho phép thu hồi đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án đầu tư trọng điểm của Thủ đô (đầu tư dự án

trọng điểm của Thủ đô bao gồm: xây dựng đô thị vệ tinh, dự án giao thông đường sắt đô thị, dự án giao thông công cộng khối lượng lớn nội vùng và liên vùng, dự án khu công nghệ cao); dự án công nghiệp chế tạo, sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phát triển và chế tạo hệ thống đầu máy, toa xe, thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh. Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai và dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) không quy định về thu hồi đất trong trường hợp này.

+ UBND thành phố Hà Nội xây dựng, trình HĐND thành phố Hà Nội thông qua và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trong trường hợp Nhà nước cho thuê đất có thu tiền thuê đất hằng năm đối với tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại để bảo đảm phù hợp với thực tiễn của Thủ đô (tương tự như chính sách đặc thù đang được áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh). Theo Điều 113 Luật Đất đai thì Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm một lần đối với từng loại đất, theo từng vùng. Quy định này của dự thảo Luật sẽ giúp cho Hà Nội chủ động trong việc ban hành bảng giá đất, khắc phục các vướng mắc trong thực tế triển khai, bảo đảm việc định giá công khai, minh bạch, đẩy nhanh quá trình xác định, phê duyệt giá đất, hạn chế việc khiếu nại liên quan đến giá đất.

+ UBND thành phố Hà Nội quyết định việc cho phép các tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất có thu tiền thuê đất hằng năm mà tiền thuê đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì có quyền thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất với các điều kiện cụ thể. Hiện tại, pháp luật hiện hành chưa quy định các tổ chức kinh tế thực hiện chính sách nêu trên, trong khi đó, các trường hợp tổ chức sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm là rất lớn. Do đó, cần có cơ chế cho phép tổ chức sử dụng đất thực hiện quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê đất đóng tiền hàng năm. Chính sách này đang được áp dụng với Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 98/2023/QH15.

Riêng đối với quy định phân cấp cho HĐND thành phố Hà Nội trong việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất dưới 1.000 ha, đất trồng lúa dưới 500 ha sang mục đích khác, Chính phủ xin báo cáo thêm như sau:

Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm

quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có: “Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa trở lên; từ 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên”. Theo quy định hiện hành thì trình tự thực hiện phải qua nhiều bước (đối với thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì phải qua 07 bước, thời gian thực hiện là 55 ngày làm việc của địa phương và bộ, ngành, thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phụ thuộc vào quy chế làm việc của Chính phủ; đối với thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh qua 5 bước, rút ngắn được 02 bước và thời gian thực hiện là 45 ngày). Do đó, việc phân cấp cho HĐND thành phố Hà Nội trong việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất dưới 1.000 ha, đất trồng lúa dưới 500 ha sang mục đích khác phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sẽ tạo sự chủ động cho Hà Nội, đơn giản hóa hồ sơ và rút ngắn được các bước và thời gian thực hiện thủ tục.

Chính sách này đang được áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh (theo Nghị quyết số 98/2023/QH15), Hải Phòng (theo Nghị quyết số 35/2021/QH15) và các tỉnh Thanh Hóa (theo Nghị quyết số 37/2021/QH15), Nghệ An (theo Nghị quyết số 36/2021/QH15), Khánh Hòa (theo Nghị quyết số 55/2022/QH15).

#### - Về phát triển nhà ở (Điều 31)

Trên cơ sở quy định tại Điều 16 Luật Thủ đô 2012 về quản lý, phát triển nhà ở, Điều 31 dự thảo Luật bổ sung một số quy định về phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô, trong đó tập trung vào chính sách để phát triển nhà ở xã hội và cải tạo chung cư. Qua rà soát, so sánh với dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi) cho thấy, một số nội dung trong dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được xử lý chung và quy định tại dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi), chẳng hạn như chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở có trách nhiệm hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo tiến độ, nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận trước khi đưa công trình nhà ở vào khai thác sử dụng; việc phát triển nhà ở xã hội theo mô hình căn hộ chung cư; đất để xây dựng nhà ở xã hội; thời hạn sử dụng nhà chung cư và việc cải tạo chung cư; yêu cầu về quy hoạch dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư... Chính phủ xin báo cáo thêm về 02 nội dung sau đây:

+ Về phát triển nhà ở xã hội, điểm b khoản 2 Điều 31 quy định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được lập đồng thời với việc lập đồ án quy hoạch chi tiết; việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết được thực hiện cùng một thời điểm. Việc cho phép thực hiện đồng thời hai hoạt động này sẽ rút ngắn thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết so với thực hiện tuần tự theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, giúp đẩy nhanh tiến độ lập dự án đầu tư xây dựng và cấp phép xây dựng đối với dự án đầu tư xây



dựng nhà ở xã hội, tăng nguồn cung nhà ở xã hội trên địa bàn Thủ đô, đáp ứng yêu cầu cấp thiết hiện nay.

+ Về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, để tạo điều kiện thuận lợi cho cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư nhằm bảo đảm an toàn cho người dân trong quá trình sử dụng, khoản 3 Điều 31 quy định thời hạn sử dụng nhà chung cư được xác định theo hồ sơ thiết kế khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng; thời hạn này sẽ được điều chỉnh trong quá trình sử dụng theo kết quả kiểm định của cơ quan có thẩm quyền. Đối với các trường hợp nhà chung cư hết thời hạn sử dụng hoặc buộc phải phá dỡ để xây dựng lại theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà chung cư có trách nhiệm xây dựng lại hoặc lựa chọn nhà đầu tư xây dựng lại nhà chung cư; trường hợp chủ sở hữu nhà chung cư không xây dựng lại hoặc không lựa chọn được nhà đầu tư xây dựng lại nhà chung cư thì UBND thành phố Hà Nội tiến hành giải phóng mặt bằng và thực hiện các quy trình để xây dựng lại nhà chung cư theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Về phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông, Điều 32 dự thảo Luật kế thừa cơ bản nội dung Điều 18 Luật Thủ đô 2012, đồng thời bổ sung quy định phân quyền mạnh hơn cho thành phố Hà Nội trong việc quản lý, bảo trì các tuyến đường quốc lộ (trong đó có đường Hồ Chí Minh), đường vành đai, đường cao tốc đô thị nằm trên địa bàn Hà Nội (theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, thẩm quyền này hiện đang giao cho Bộ Giao thông vận tải). Đồng thời, dự thảo Luật phân quyền cho HĐND thành phố Hà Nội quy định về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô; ưu tiên phát triển đường vành đai, trung tâm logistics, hệ thống giao thông công cộng trong vùng Thủ đô; khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông Thủ đô...

e) Về biện pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô (Điều 34)

Sau khi Luật Thủ đô 2012 có hiệu lực, việc xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt cao hơn đối với một số hành vi trong một số lĩnh vực tại khu vực nội thành có tác dụng tích cực, hiệu quả răn đe, phòng ngừa vi phạm, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước, góp phần làm giảm số vụ vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực. Ví dụ, trong lĩnh vực xây dựng, tỉ lệ số công trình có vi phạm hành chính đã giảm từ 8,97% năm 2014 xuống còn 2,13% năm 2020... Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy bên cạnh 03 lĩnh vực là văn hoá, đất đai, xây dựng thì phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm, quảng cáo hiện cũng đang là những lĩnh vực mà tình hình vi phạm hành chính đang diễn ra rất “nóng” và phức tạp,

nhưng mức xử phạt, biện pháp ngăn chặn, biện pháp bảo đảm thi hành theo quy định của pháp luật hiện hành chưa bảo đảm tính răn đe, chưa bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong xã hội. Bên cạnh đó, cùng với quá trình đô thị hóa nhanh chóng, quy định của Luật Thủ đô hiện hành về việc chỉ áp dụng mức xử phạt vi phạm hành chính cao hơn trong một số lĩnh vực tại khu vực nội thành không còn phù hợp, chưa bảo đảm tính công bằng và nghiêm minh của pháp luật khi áp dụng “hai loại chế tài” xử phạt khác nhau trong cùng một thành phố.

Do đó, Điều 34 dự thảo Luật đã bổ sung 03 lĩnh vực (phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm, quảng cáo) mà HĐND thành phố Hà Nội được quy định mức phạt tiền cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực này.

Đồng thời, trên cơ sở đề xuất của thành phố Hà Nội, dự thảo Luật quy định cho phép áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính bằng việc ngừng cung cấp dịch vụ tại địa điểm vi phạm đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, nhà ở, phòng cháy, chữa cháy; quy định cụ thể về các trường hợp trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính đó và giao HĐND thành phố Hà Nội quy định cụ thể hành vi vi phạm trên cơ sở Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy và thủ tục áp dụng.

#### **4. Chính sách tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô (Chương IV)**

a) Về huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô (Điều 35)

Điều 35 dự thảo Luật kế thừa cơ bản nội dung Điều 21 Luật Thủ đô 2012, đồng thời luật hoá một số quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội mà qua quá trình triển khai trong thực tế cho thấy, các chính sách thí điểm này là phù hợp, hiệu quả, có thể đề xuất luật hoá để thực hiện chính thức. Trong đó:

- Các quy định về ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu và thưởng cho Thủ đô; áp dụng một số loại phí, lệ phí chưa có trong Danh mục theo quy định của Luật Phí, lệ phí; việc hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản phí chủ yếu là kế thừa quy định của Luật Thủ đô 2012, luật hóa quy định của Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội và Nghị quyết số

115/2020/QH14. Quy định này hiện đang được áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Cần Thơ, Đà Nẵng.

- Khoản 4 quy định UBND thành phố Hà Nội được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn trái phiếu Chính phủ phát hành hoặc bảo lãnh Chính phủ mà không bị hạn chế mức trần. Tổng mức vay và bội chi ngân sách thành phố Hà Nội hằng năm do Quốc hội quyết định.

- Khoản 5 quy định ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại tối đa các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố để tạo nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và các dự án, công trình, dự án trọng điểm, có tính chiến lược của Thủ đô, vùng Thủ đô, các dự án PPP, dự án giao thông công cộng, hỗ trợ di dời các cơ sở, đơn vị thuộc danh mục phải di dời theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND thành phố Hà Nội.

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành thì khoản thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%.

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập yêu cầu: “có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương”. Do đó, để thể chế hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW, đồng thời bảo đảm nguồn lực cho xây dựng và phát triển Thủ đô, đặc biệt nhu cầu đầu tư ổn định cho dự án hạ tầng kỹ thuật và xã hội quy mô lớn và có tính chất liên kết vùng Thủ đô như các tuyến đường Vành đai 4, Vành đai 5, các tuyến đường sắt đô thị..., dự thảo Luật quy định ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại tối đa các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; tỷ lệ điều tiết cụ thể sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định hằng năm phù hợp với mục tiêu sử dụng nguồn thu này.

#### b) Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô (Điều 36)

Trên cơ sở luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14, Điều 36 dự thảo Luật quy định các chính sách đặc thù trong sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô, trong đó chủ yếu cho phép HĐND thành phố Hà Nội được quyền quyết định việc sử dụng ngân sách Thành phố để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và hỗ trợ các địa phương phát triển. Cụ thể:

- Sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương thực hiện các dự án cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình tài sản công đã có do thành phố Hà Nội quản lý (điểm b khoản 1 Điều 36).

Thực tế hiện nay cho thấy, hệ thống các trụ sở, công trình trong trụ sở cơ quan nhà nước có nhu cầu cải tạo, nâng cấp, mở rộng hoặc xây mới các hạng mục công trình với giá trị không lớn nhưng có tính cấp bách, phát sinh thường xuyên hoặc đột xuất và khó kế hoạch hoá nên thường không được đưa vào danh mục đầu tư công trung hạn khiến việc triển khai không kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị. Việc cho phép sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới các hạng mục trong các công trình đã có (chưa nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn) sẽ bảo đảm tính kịp thời, linh hoạt và tính chủ động trong điều hành chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là ngân sách địa phương.

- Sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội hỗ trợ các cơ quan trung ương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm phát triển kinh tế xã hội, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết, cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội (điểm d khoản 1 Điều 36); sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án trọng điểm có tính chất vùng, liên tỉnh nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thủ đô và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thủ đô phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt (điểm đ khoản 1 Điều 36).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương bao gồm chi đầu tư cho các dự án có tính chất liên vùng. Khoản 9 Điều 9 Luật này cũng không cho phép dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác.

Hiện nay, nhu cầu đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng, nhất là các công trình giao thông trọng điểm là rất lớn. Trong khi đó, một số địa phương khác trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ngân sách trung ương chưa cân đối được nguồn vốn nên nhiều dự án có tính động lực, liên vùng thuộc địa giới hành chính của các địa phương khác kết nối với Hà Nội chưa được bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện.

Do đó, quy định như dự thảo Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý để thành phố Hà Nội có thể sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố chỉ cho các khoản đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương hoặc của địa phương khác, nước khác.

- Điểm g khoản 1 Điều 36 cho phép HĐND thành phố Hà Nội quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mới hoặc cao hơn của trung ương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

Quy định này là khác với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể: theo quy định Luật Ngân sách nhà nước thì Chính phủ “quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thực hiện thống nhất trong cả nước; đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, để phù hợp đặc điểm của địa phương, quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể” (khoản 10 Điều 25); Bộ trưởng Bộ Tài chính “quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với các ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp không thống nhất, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định” (khoản 3 Điều 26).

Quy định nêu trên của dự thảo Luật sẽ tạo sự chủ động cho Thủ đô trong việc quyết định các định mức tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, phù hợp với mục tiêu xây dựng và phát triển Thủ đô, nhất là trong bối cảnh Thủ đô cần đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật với những công nghệ mới, hiện đại, nếu áp dụng theo các định mức tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành thì sẽ không thể đầu tư để xây dựng được những công trình mang tính đặc thù, trở thành biểu tượng của Thủ đô.

c) Về tách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng, phương thức thực hiện dự án đầu tư; một số phương thức thực hiện dự án đầu tư; thẩm quyền đầu tư

- Về tách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công (Điều 37)

Theo quy định của Luật Đầu tư công, đối với dự án nhóm B, dự án nhóm C không được tách giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư như dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư).

Đối với dự án nhóm B, nhóm C, thời gian thực hiện dự án là khá hạn hẹp khi phải triển khai công tác giải phóng mặt bằng đi kèm với các công việc khác như lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán dự án và các hạng mục của dự án, triển khai đấu thầu... trước khi tổ chức thi công dự án. Trên thực tế, để thực hiện một số công việc này cũng mất rất nhiều thời gian (riêng công tác đấu thầu thường kéo dài từ khoảng 6 tháng đối với một dự án, tùy thuộc vào mức độ phức tạp của các gói thầu). Điều này dẫn đến nhiều công việc phải triển khai trong thời gian tương đối ngắn, áp lực về thời hạn làm cho chất lượng không bảo đảm; quá trình thực hiện dự án quy định trong Luật Đầu tư công hiện hành không phản ánh được bản chất của việc thực hiện dự án trên thực tế khi một số công việc có tính chất chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án được đưa vào thực hiện dự án. Bên cạnh đó, Luật Đầu tư công cũng quy định thời hạn giải ngân theo vốn được phân bổ là phải giải ngân hết trong năm kế hoạch; điều này cũng dẫn đến tình trạng chậm hoặc vì chạy theo tiến độ có thể dẫn đến các sai sót về bồi thường, giải phóng mặt bằng ...

Đối với các dự án nhóm B quy mô lớn (Luật Đầu tư công quy định dự án nhóm B có quy mô tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng), thường là các dự án có yêu cầu về giải phóng mặt bằng trên diện tích lớn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất (thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi)... hầu hết khó có thể đáp ứng yêu cầu về thời hạn bố trí vốn nêu trên. Trong trường hợp đó, việc tiếp tục bố trí vốn để triển khai cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, có thể tiếp tục gây kéo dài thời gian thực hiện dự án.

Do đó, Điều 37 dự thảo Luật cho phép tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công, tương tự như cơ chế, chính sách đặc thù đã được áp dụng cho tỉnh Khánh Hoà theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Về một số phương thức thực hiện dự án đầu tư

Để thu hút đầu tư xã hội, dự thảo Luật quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù khác với pháp luật hiện hành:

+ Đối với đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Điều 38):

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) xác định các lĩnh vực được thực hiện theo hình thức này gồm: Giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện, trừ nhà máy thủy điện và các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; y tế; giáo dục - đào tạo; hạ tầng công nghệ thông tin và quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP.

Hiện nay, trên địa bàn Thủ đô có nhiều công trình do Nhà nước quản lý trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao (sân vận động, nhà thi đấu đa năng, hồ

bơi...) đã xuống cấp cần được đầu tư nâng cấp sửa chữa; nhiều dự án, công trình thể thao chưa được đầu tư mới, trong khi Luật PPP không quy định cho phép áp dụng trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Do đó, để có căn cứ huy động nguồn lực xã hội hóa theo PPP, dự thảo Luật cho phép áp dụng PPP trong lĩnh vực văn hóa và thể thao, đồng thời quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư như trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

Hiện nay, thành phố Hà Nội đã phê duyệt chủ trương đầu tư 1.074/1.310 dự án thuộc 3 lĩnh vực y tế, cải tạo trường học và tôn tạo di tích; phê duyệt quyết định đầu tư 851 dự án và triển khai xây dựng 554 dự án. Trong đó, đã bố trí trên 1.649 tỉ đồng thực hiện 23 dự án cấp thành phố, trên 13.506 tỉ đồng hỗ trợ cấp huyện thực hiện 746 dự án; ngân sách cấp huyện đã bố trí vốn đối ứng để thực hiện các dự án thành phố hỗ trợ vốn là trên 2.137/6.045 tỉ đồng (đạt 35% kế hoạch). Hiện đã hoàn thành 218 dự án trong giai đoạn 2021 - 2022; dự kiến năm 2023 có thêm 339 dự án hoàn thành.

Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện đầu tư 3 lĩnh vực trên địa bàn thành phố Hà Nội là gần 94 nghìn tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn ngân sách cấp thành phố trên 49 nghìn tỷ đồng và kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện là trên 44 nghìn tỷ đồng. Đến nay, ngân sách Thành phố đã bố trí 769 dự án (đạt 58,7% kế hoạch) với số vốn 15.156,2 tỷ đồng (đạt 37,4% kế hoạch). Cụ thể: cấp thành phố đã bố trí 23 dự án với số vốn 1.649,5 tỷ đồng (đạt 10,4%); ngân sách cấp thành phố hỗ trợ cấp huyện đã bố trí 746 dự án (đạt 68,8%), với số vốn 13.506,7 tỷ đồng (đạt 62,2%). Trên thực tế, tỉ lệ bố trí vốn đối ứng của các đơn vị trong năm 2021, 2022 và đầu năm 2023 chưa tương ứng với tỉ lệ Thành phố đã hỗ trợ và chưa đáp ứng đủ vốn trách nhiệm của ngân sách cấp huyện để hoàn thành dự án (do thu ngân sách huyện còn khó khăn, nguồn thu từ đất không đạt kế hoạch, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án 100% ngân sách cấp huyện).

Do đó, quy định nêu trên của dự thảo Luật góp phần thu hút, huy động nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa và thể thao của Thủ đô.

+ Thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) (Điều 39):

Thủ đô Hà Nội hiện có khoảng 6,4 triệu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (trong đó có khoảng 5,6 triệu xe máy, 685 nghìn ô tô các loại), chưa kể đến 1,2 triệu phương tiện từ các tỉnh, thành phố khác tham gia giao thông tại Thủ đô. Việc phát triển mất cân đối giữa phương tiện giao thông và kết cấu hạ tầng dẫn đến quá tải và ùn tắc giao thông vào các giờ cao điểm. Hậu quả gây ra

là mức độ phát thải lớn, ô nhiễm môi trường cho Thủ đô. Một trong những giải pháp cốt lõi để giảm phương tiện giao thông cá nhân là phát triển vận tải hành khách công cộng một cách đồng bộ. Theo Quy hoạch chung Thủ đô, Hà Nội có 20 đô thị các loại, bao gồm: 01 đô thị trung tâm (tương đương đô thị loại đặc biệt); 05 đô thị vệ tinh, bao gồm: Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên và Sóc Sơn (định hướng là các đô thị từ loại III đến loại I); 03 đô thị sinh thái (định hướng là các đô thị từ loại IV đến loại III); 11 thị trấn thuộc các huyện (định hướng là các đô thị loại V). Để kết nối các đô thị, thành phố Hà Nội cần có 9 tuyến đường sắt đô thị với tổng chiều dài 417,8km, 3 tuyến tàu điện một ray và 8 tuyến xe buýt nhanh (BRT) trong tương lai<sup>(9)</sup>. Tuy nhiên, trên thực tế, mạng lưới vận tải hành khách công cộng của thành phố Hà Nội chưa phát triển đúng theo các quy hoạch và kế hoạch hiện hành.

Nghị quyết số 15-NQ/TW và dự kiến sửa đổi Quy hoạch chung Thủ đô theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg đã xác định mô hình phát triển đô thị cho Thủ đô Hà Nội theo mô hình chùm đô thị, gồm đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh, được liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai kết hợp các trục hướng tâm, có mối liên kết với mạng lưới giao thông vùng Thủ đô và quốc gia. Ngoài 20 đô thị được xác định tại Quy hoạch chung Thủ đô theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg thì thành phố Hà Nội sẽ hình thành thêm 2 thành phố trực thuộc.

Tổng vốn đầu tư để phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh bằng các loại phương tiện vận tải hành khách công cộng: đường sắt đô thị (MRT), tuyến xe buýt nhanh (BRT), xe buýt thường vào khoảng 4.695.000 tỷ đồng. Nhu cầu về vốn đầu tư này là một thách thức lớn cho ngân sách của Thủ đô khi mà Thủ đô cần phân bổ ngân sách cho nhiều hạng mục phát triển kinh tế xã hội khác. Hiện nay, Thủ đô chỉ có thể đáp ứng được khoảng 46% tổng nhu cầu vốn đầu tư công để phát triển cơ sở hạ tầng. Theo tính toán, để phát triển 9 tuyến đường sắt đô thị, Hà Nội cần hơn 888.623 tỷ đồng. Hiện tại, chỉ có 01 tuyến đường sắt đô thị đang vận hành khai thác (tuyến 2A: Cát Linh - Hà Đông), 04 tuyến đã có cam kết về thu xếp vốn còn lại thì đang trong giai đoạn nghiên cứu khả thi và chưa có kế hoạch về nguồn vốn. Trong số 5 tuyến xác định được nguồn vốn (bao gồm cả tuyến 2A Cát Linh - Hà Đông) thì 4 tuyến được triển khai theo nguồn vốn ODA, 1 tuyến từ đầu tư công<sup>(10)</sup>. Theo Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 519/QĐ-TTg, tổng giá trị vốn đầu tư dự kiến để xây dựng các tuyến đường sắt đô thị còn lại đến năm 2045 là khoảng 321.484 tỷ đồng<sup>(11)</sup>. Với số

<sup>(9)</sup> Quyết định 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

<sup>(10)</sup> Báo cáo của Ban Quản lý đường sắt đô thị - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>(11)</sup> Tính theo tỷ giá 1 USD= 24,150 VNĐ tại ngân hàng Vietcombank ngày 25/8/2023.



lượng vốn đầu tư lớn, một số nhà đầu tư tư nhân đã có nghiên cứu về khả năng tham gia đầu tư đường sắt đô thị nhưng sau đó dừng và không tiếp tục nghiên cứu với lý do chủ yếu là khả năng thu hồi vốn chậm, không có lợi nhuận.

Các quy định pháp luật hiện hành còn thiếu cơ chế, chính sách tạo động lực thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển đô thị kết hợp với phát triển hệ thống đường sắt đô thị. Theo quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đường sắt, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư công, Luật Nhà ở..., một tuyến đường sắt đô thị và các dự án đô thị, trung tâm thương mại trong khu vực xung quanh các nhà ga đường sắt sẽ bị chia thành nhiều dự án độc lập để thực hiện việc đấu thầu hoặc đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư. Với nhiều dự án và thủ tục xây dựng, phê duyệt khác nhau đã dẫn đến việc kéo dài thời gian xây dựng, hoàn thành đồng bộ và hiệu quả cho sự phát triển của một tuyến đường sắt đô thị với các dự án thương mại, công nghiệp và nhà ở xung quanh các nhà ga. Do các dự án bị chia lẻ nên các nhà đầu tư sẽ lựa chọn những dự án phát triển đô thị vì có khả năng thu lợi nhuận cao, dẫn đến nhiều khu đô thị được phát triển ở trong khu vực quy hoạch có nhà ga đường sắt đô thị nhưng tuyến đường sắt đô thị lại chưa phát triển dẫn đến tạo áp lực giao thông cho tuyến đường bộ. Đặc biệt, giá đất khi tổ chức đấu giá để phát triển các dự án phát triển đô thị trước khi các dự án xây dựng đường sắt đô thị được khởi công thì sẽ thấp hơn rất nhiều do chưa có những lợi ích từ tuyến đường sắt đô thị; ngân sách nhà nước sẽ bị mất đi khoản chênh lệch này.

Do vậy, dự thảo Luật quy định về thực hiện các dự án TOD nhằm mục tiêu huy động nguồn lực xã hội hóa để thực hiện các dự án thuộc vùng phụ cận các nhà ga tuyến đường sắt đô thị, các tuyến cao tốc theo các đề án quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo sự đồng bộ trong phát triển đô thị và giao thông. Chính sách này đã được một số quốc gia trong khu vực như Singapore, Trung Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc) thực hiện hiệu quả. Mục tiêu của việc cho phép thực hiện các dự án TOD là nhằm phát triển các đô thị vệ tinh, giảm tải cho các đô thị lớn, đưa người dân ra các đô thị xung quanh, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố trực thuộc thành phố. Quy định này cũng phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 06-NQ/TW về phát triển các mô hình đô thị mới phù hợp với thực tiễn, chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD).

Theo đó để thực hiện hiệu quả TOD, dự thảo Luật quy định:

(i) Việc đầu tư phát triển đường sắt đô thị trên địa bàn Thủ đô được ưu tiên thực hiện theo mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng. Dự án TOD là một dự án tổng thể đầu tư xây dựng một tuyến đường sắt đô thị

gắn với phát triển đô thị dọc tuyến và là dự án trọng điểm của Thủ đô hoặc vùng Thủ đô. HĐND thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án TOD dựa trên các điều kiện về ngân sách, diện tích đất có thể đấu giá để thực hiện tái thiết đô thị, đầu tư phát triển đô thị mới, xây dựng theo quy hoạch đô thị được phê duyệt và phát triển đường sắt đô thị; sử dụng ngân sách địa phương để triển khai dự án đầu tư công độc lập nhằm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án TOD;

(ii) Các cơ chế huy động nguồn lực để phát triển đường sắt đô thị theo TOD bao gồm: UBND thành phố Hà Nội tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sử dụng không gian ngầm, khoảng không trên cao trong khu vực TOD; tiền thu được từ đấu giá các quyền này được đầu tư xây dựng đường sắt đô thị, hệ thống giao thông công cộng kết nối với hệ thống đường sắt đô thị, hạ tầng kỹ thuật kết nối đến nhà ga.

+ Thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (Hợp đồng BT) đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực giao thông vận tải, thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường; hạ tầng kỹ thuật trong lĩnh vực thủy lợi (Điều 40).

Trước khi Luật PPP được ban hành, trên địa bàn thành phố Hà Nội đã triển khai các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất và thanh toán bằng tiền. Hiện nay và dự kiến thời gian tới, thành phố Hà Nội có nhiều công trình giao thông; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường; hạ tầng kỹ thuật trong lĩnh vực thủy lợi cần thiết phải bố trí nguồn vốn ngân sách, huy động tối đa nguồn lực xã hội với các phương thức hợp tác đa dạng tham gia vào đầu tư. Do đó, việc đề xuất thực hiện các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên theo hình thức hợp đồng BT bằng tiền hoặc đất sẽ tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội khi ngân sách Thành phố còn chưa kịp thời đáp ứng, góp phần tổ chức phát triển không gian đô thị hợp lý, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Hiện, hình thức BT bằng tiền đang được áp dụng đối với Thành phố Hồ Chí Minh (theo Nghị quyết số 98/2023/QH15).

- Về mô hình thử nghiệm có kiểm soát (Điều 41)

Cùng với xu thế hội nhập, xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), nhằm tạo đột phá về cơ chế để Hà Nội có thể mạnh dạn thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ hay mô hình kinh doanh mới, nhiều tiềm năng, nhất là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, hướng đến mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết số 15-NQ/TW là: “xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực”. Cơ chế thử nghiệm có những giới hạn nhất định về thời gian, không gian, phạm vi

hoạt động, việc giám sát, dự thảo Luật quy định một số vấn đề mang tính nguyên tắc về việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, cụ thể:

+ Phạm vi lĩnh vực áp dụng: các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, vật liệu mới trong khu công nghệ cao; các khu thúc đẩy thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa của Thủ đô; thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thúc đẩy, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trong một số lĩnh vực trọng điểm về khoa học công nghệ của Hà Nội (khoản 3 Điều 41).

+ Các tổ chức tham gia thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chí và được xét duyệt, cấp Giấy chứng nhận tham gia thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của UBND thành phố Hà Nội. Riêng đối với Quỹ Đầu tư mạo hiểm, dự thảo Luật quy định Quỹ này do UBND thành phố Hà Nội thành lập; trong thời gian thử nghiệm, Quỹ chỉ đầu tư các dự án ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nguồn có vốn điều lệ của doanh nghiệp không quá 10 tỷ đồng; thời gian thử nghiệm mô hình Quỹ này là 05 năm.

+ Giám sát quá trình thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và kết thúc thời gian thực hiện cơ chế thử nghiệm.

Trên cơ sở đó, khoản 7 Điều 41 giao HĐND thành phố Hà Nội quy định về chi tiết về giám sát quá trình thử nghiệm và kết thúc thời gian thử nghiệm.

#### - Về quản lý tài sản công (Điều 42)

Để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, khoản 1 Điều 42 dự thảo Luật quy định cho phép thành phố Hà Nội áp dụng quản lý, vận hành và khai thác tài sản công theo phương thức nhượng quyền kinh doanh, quản lý đối với các công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao do Nhà nước đầu tư trên địa bàn Thủ đô. Đây là biện pháp phù hợp, giúp huy động nguồn lực xã hội tham gia, hợp tác với Nhà nước khai thác, vận hành và bảo trì có hiệu quả, đúng công năng của công trình văn hóa, thể thao; tổ chức nhiều hơn, rộng rãi hơn các hoạt động văn hóa, thể thao; giúp Nhà nước, nhà đầu tư thu được lợi ích kinh tế cao hơn từ việc hợp tác. Tuy nhiên, trong lĩnh vực văn hóa có nhiều loại hình công trình nên để phù hợp với thực tiễn, dự thảo Luật quy định bảo tàng, thư viện, di tích lịch sử, văn hóa không được nhượng quyền kinh doanh.

#### - Về thẩm quyền đầu tư (Điều 43)

Ngoài thẩm quyền đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều 43 dự thảo Luật đẩy mạnh phân quyền cho HĐND, UBND thành phố Hà Nội:

+ Phân quyền cho HĐND thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công hiện đang thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo Luật Đầu tư công đối với các dự án: (i) đường sắt đô thị; (ii) dự án sử dụng vốn đầu tư công tối đa 20.000 tỷ đồng; (iii) sử dụng ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài giao Thành phố làm chủ đầu tư; dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước kết hợp với nguồn vốn ngoài ngân sách; (iv) các dự án liên tỉnh nằm trong vùng Thủ đô;

+ Phân quyền cho UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao: (i) dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị có quy mô sử dụng dưới 500 ha hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên; (ii) dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Đồng thời, để phân quyền mạnh mẽ hơn cho chính quyền thành phố thuộc thành phố Hà Nội, dự thảo Luật quy định HĐND thành phố Hà Nội phân cấp cho HĐND thành phố thuộc thành phố Hà Nội, UBND thành phố Hà Nội phân quyền cho UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với một số dự án đầu tư, dự án đầu tư công.

#### - Về thu hút nhà đầu tư chiến lược (Điều 44)

Với mục tiêu tạo cơ chế thuận lợi, hấp dẫn để thu hút nhà đầu tư có năng lực tham gia đầu tư các dự án, ngành, nghề ưu tiên, bảo đảm việc thực hiện thành công các dự án mà Thủ đô ưu tiên thu hút đầu tư, đồng thời tạo hiệu ứng “mỏ neo” giúp thu hút nhiều nhà đầu tư khác tham gia đầu tư, góp phần tạo đột phá trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, dự thảo Luật quy định:

+ Các dự án, ngành, nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô, tập trung về xây dựng đô thị vệ tinh, dự án giao thông đường sắt đô thị, dự án giao thông công cộng khối lượng lớn nội vùng và liên vùng, dự án khu công nghệ cao, các dự án trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); dự án nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch ...;

+ Quy định về điều kiện của nhà đầu tư chiến lược, bao gồm thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề, lĩnh vực thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều 44; chứng minh được năng lực về tài chính, công nghệ và kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có quy mô vốn tương đương với quy mô dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược; có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, về việc nội địa hóa, cam

kết về thực hiện dự án đầu tư đúng mục tiêu theo Danh mục dự án, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô; đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhà đầu tư chiến lược được cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội lựa chọn theo phương thức chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Đây là phương thức lựa chọn nhà đầu tư đã áp dụng trong một số trường hợp được quy định tại Luật Đầu tư để thúc đẩy nhanh quá trình lựa chọn nhà đầu tư và thực hiện dự án. Phương thức lựa chọn nhà đầu tư này đối với các dự án ưu tiên trên địa bàn Thủ đô nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhà đầu tư chiến lược đầu tư bên cạnh cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền sử dụng đất, mặt nước. Trên thực tế, nhiều dự án từ khi có ý định triển khai cho đến khi được chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư phải mất hàng năm để thực hiện thủ tục. Hiện nay, nếu thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định Luật Đấu thầu sẽ mất ít nhất 306 ngày (chưa tính thời gian quy hoạch dự án), nếu thực hiện theo thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư sẽ rút ngắn được rất nhiều thời gian; giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án và mang lại hiệu quả kinh tế nhanh cho thành phố Hà Nội (như việc đóng góp ngân sách Nhà nước, giải quyết việc làm, chuyển giao công nghệ...).

Quy định về nhà đầu tư chiến lược hiện đang được áp dụng đối với một số tỉnh, thành phố như tỉnh Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về ưu đãi đầu tư (Điều 45)

Dự thảo Luật dành Điều 45 về ưu đãi đầu tư để quy định về:

+ Đối tượng ưu đãi: (i) Các dự án đầu tư trong một số ngành công nghiệp văn hóa, lĩnh vực giáo dục, y tế; công nghệ cao, công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô; dự án sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực môi trường; dự án phát triển làng nghề truyền thống; (ii) Tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập (như cơ sở nuôi dưỡng người già, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ...), các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (cơ sở tư vấn cai nghiện, hỗ trợ cai nghiện tại nhà ...) trên địa bàn Thủ đô<sup>(12)</sup>; (iii) Nhà đầu tư chiến lược;

<sup>(12)</sup> Hiện nay, thành phố Hà Nội có 11 cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, 21 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập, 12 cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập, các cơ sở được tăng cường đầu tư cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở. Quy định này của dự thảo Luật sẽ khuyến khích phát triển hệ thống trợ giúp xã hội ngoài công lập làm công tác tư vấn, hỗ trợ, điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện. Khi có nhiều hơn các cơ sở cai nghiện tự nguyện được thành lập, các cơ sở này sẽ thu hút số người sử dụng ma túy, người nghiện ma túy tham gia các dịch vụ điều trị, cai nghiện ma túy. Điều này sẽ giảm áp lực cho các cơ sở công lập và nhà nước sẽ giảm kinh phí cho hoạt động của các cơ sở công lập. Ngoài ra, các cơ sở ngoài công lập cung cấp đa

+ Nội dung ưu đãi chủ yếu là tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp... Riêng đối với nhà đầu tư chiến lược, khoản 5 Điều 46 dự thảo Luật quy định một số chính sách ưu đãi như về miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 45; được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan và thủ tục về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thủ đô khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; được hỗ trợ phát triển nhân lực; hạ tầng và các công trình hạ tầng xã hội; chi phí hỗ trợ cho các sản phẩm công nghệ cao; nghiên cứu và phát triển.

### **5. Về liên kết, phát triển vùng Thủ đô (Chương V)**

Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đối với Hà Nội phải “phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển” và “phát triển Thủ đô Hà Nội Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần “Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước”. Nghị quyết số 06-NQ/TW đã xác định: xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị... Xây dựng các chính sách để tăng cường liên kết, phối hợp giữa Thủ đô, các tỉnh trong vùng Thủ đô trên các lĩnh vực trọng điểm, có tính chất liên kết vùng để huy động, sử dụng, phân bổ hợp lý, hiệu quả mọi nguồn lực, hướng tới xây dựng, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước.

Do đó, trên cơ sở quy định liên quan đến vùng Thủ đô của Luật Thủ đô 2012 và các quy định của Nghị định số 91/2021/NĐ-CP, dự thảo Luật quy định một số nội dung nhằm cụ thể hoá chính sách liên kết, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực trọng điểm, cụ thể như sau:

---

dạng các loại hình dịch vụ, vì vậy mà phù hợp với nhu cầu của người nghiện ma túy trong khi các cơ sở công lập thường không thể cung cấp các dịch vụ này. Việc thực hiện giải pháp này sẽ khuyến khích tăng số lượng các cơ sở ngoài công lập tham gia cùng Thành phố tham gia công tác tuyên truyền, tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy; giảm được áp lực của Thành phố trong việc quản lý người sử dụng, người nghiện ma túy tại cộng đồng và công tác cai nghiện ma túy tập trung; tăng số lượng cơ sở ngoài công lập tham gia cùng Thành phố tham gia công tác tuyên truyền, tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy; giảm áp lực cho Thành phố trong việc quản lý người sử dụng, người nghiện ma túy tại cộng đồng và công tác cai nghiện ma túy tập trung.

- Quy định về vùng Thủ đô và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong vùng Thủ đô (Điều 46 và Điều 47). Trong đó, giao thẩm quyền cho thành phố Hà Nội trong việc chủ trì điều phối thực hiện và quản lý quy hoạch vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phê duyệt, thực hiện và huy động các nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư trong vùng Thủ đô hoặc dự án đầu tư tại các tỉnh khác trong vùng;

- Quy định về nguyên tắc phối hợp liên kết vùng Thủ đô và lĩnh vực liên kết của vùng Thủ đô (liên kết trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên 10 lĩnh vực trọng tâm là quy hoạch xây dựng; bảo tồn, phát triển văn hoá, lịch sử, du lịch; y tế, giáo dục; khoa học công nghệ; phát triển nông nghiệp sinh thái theo chuỗi giá trị; môi trường; đất đai; nhà ở; hạ tầng kỹ thuật; giao thông vận tải) (Điều 48 và Điều 49);

- Luật hóa Điều 13 (Tổ chức điều phối vùng Thủ đô) của Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ và Điều 5 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng điều phối Vùng) của Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô, Điều 50 dự thảo Luật quy định về chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền thành lập Hội đồng điều phối vùng Thủ đô;

- Quy định về ưu tiên đầu tư phát triển vùng Thủ đô (Điều 51): ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các công trình, dự án trọng điểm của vùng; ưu tiên tổng hợp các công trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia...;

- Quy định về công trình, dự án trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật vùng Thủ đô làm căn cứ để thực hiện đầu tư và ưu đãi đầu tư (Điều 52).

## **6. Về giám sát, kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm xây dựng, phát triển và quản lý, bảo vệ Thủ đô (Chương VI); điều khoản thi hành (Chương VII)**

a) Giám sát, kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong xây dựng, quản lý, phát triển Thủ đô

Trên cơ sở quy định tại Chương III Luật Thủ đô 2012, Chương VI dự thảo Luật kế thừa quy định về trách nhiệm xây dựng, quản lý, phát triển Thủ đô, đồng thời bổ sung các quy định về trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội (Điều 53), Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Điều 54), các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

(Điều 55), các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Thủ đô (Điều 56) và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, Nhân dân Thủ đô (Điều 57). Cụ thể như sau:

- Quốc hội giám sát tối cao, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thi hành Luật Thủ đô.

- Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về Thủ đô; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với UBND thành phố Hà Nội đơn giản, rút ngắn trình tự, thủ tục nội bộ giữa các cơ quan và thủ tục hành chính, xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố; định kỳ 3 năm tổ chức sơ kết việc thi hành Luật Thủ đô, báo cáo Quốc hội.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình; giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực; quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc vùng Thủ đô phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định liên quan đến vùng Thủ đô.

- HĐND, UBND, Chủ tịch UBND các cấp của thành phố Hà Nội đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô; công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện các quy định của Luật này; bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô; tổ chức lấy ý kiến công dân đối với các quyết định hành chính liên quan đến lợi ích cộng đồng; kịp thời ban hành các quy định được Luật giao và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện Luật theo thẩm quyền; tổ chức và bảo đảm việc thi hành pháp luật về Thủ đô; quyết định những vấn đề của Thành phố trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

HĐND thành phố Hà Nội giám sát việc thi hành Luật Thủ đô; định kỳ xem xét báo cáo của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện Luật Thủ đô; trường hợp luật này và luật chuyên ngành chưa phân định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn



của từng cấp chính quyền mà mới quy định thẩm quyền của UBND cấp tỉnh hoặc quy định nhiệm vụ, quyền hạn chung của các cấp chính quyền địa phương thì HĐND thành phố Hà Nội quy định việc phân cấp, uỷ quyền thẩm quyền trong từng lĩnh vực cho cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đồng thời, quy định trách nhiệm của HĐND thành phố trong việc đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội và các tổ chức thành viên giám sát việc thực hiện chính sách, quy định của Luật Thủ đô và các văn bản hướng dẫn thi hành; phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật mà Luật này giao HĐND, UBND thành phố Hà Nội ban hành.

#### b) Điều khoản thi hành

Dự thảo Luật quy định thời điểm có hiệu lực của Luật Thủ đô và thời điểm Luật Thủ đô 2012 hết hiệu lực (Điều 58); quy định chuyển tiếp liên quan đến quy định về tổ chức chính quyền Thủ đô, ưu đãi đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ (Điều 59).

### **VI. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

Trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật, hiện còn 01 nội dung quy định về biên chế cán bộ, công chức, số lượng viên chức của thành phố Hà Nội (điểm d khoản 1 Điều 10) được đề nghị tiếp tục xin ý kiến. Cụ thể:

Căn cứ thực tế của Thủ đô, dự thảo Luật quy định trên tổng số biên chế cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thành phố Hà Nội được tăng thêm biên chế từ nguồn biên chế dự phòng căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm, quy mô dân số, thực trạng khối lượng công việc, mức độ hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện làm việc, đặc điểm an ninh, chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội để bảo đảm các chi phí cho biên chế tăng thêm. HĐND thành phố Hà Nội đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về số lượng biên chế tăng thêm. Quy định này nhằm bảo đảm tính linh hoạt, chủ động cho thành phố Hà Nội trong việc quyết định biên chế, phù hợp với nhu cầu thực tế của Thủ đô.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng quy định này có nội dung khác với quy định của Đảng về quản lý hệ thống biên chế của hệ thống chính trị. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành trung ương về quản lý biên chế của hệ thống chính trị thì Bộ Chính trị “Quyết định tổng biên chế và biên chế dự phòng của hệ thống chính trị theo nhiệm kỳ 5 năm và khi cần thiết; quyết định giao biên chế cho các cơ quan, tổ chức được giao thẩm quyền quản lý biên chế”.

Do vậy, Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), Chính phủ xin kính trình Quốc hội./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND thành phố Hà Nội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các Phó TTg; các Vụ: PL, TH;
- Lưu: VT, PL.

**TM. CHÍNH PHỦ  
TUQ. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

**(đã ký)**

**Lê Thành Long**

Luật số: /2024/QH15

DỰ THẢO

LUẬT  
THỦ ĐÔ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Quốc hội ban hành Luật Thủ đô.

Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định vị trí, vai trò; tổ chức chính quyền; tài chính, ngân sách, huy động nguồn lực đầu tư; xây dựng, phát triển, quản lý, bảo vệ Thủ đô và liên kết vùng Thủ đô.

## Điều 2. Vị trí, vai trò của Thủ đô

- Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.
- Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế và hội nhập quốc tế của cả nước.
- Trụ sở cơ quan Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đặt tại khu vực Ba Đình, thành phố Hà Nội.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Dự án khởi nghiệp sáng tạo* là dự án sản xuất, kinh doanh thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng sinh lời, tăng trưởng đột biến về quy mô khách hàng, doanh thu và tạo giá trị lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội.
- Dự án phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (Dự án TOD)* là một dự án tổng thể đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị gắn với các khu vực TOD dọc tuyến.

3. *Đô thị trung tâm* là khu vực gồm khu vực nội đô lịch sử và các quận có ranh giới tiếp giáp, liên tục với khu nội đô lịch sử được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

4. *Khu phát triển thương mại và văn hóa* là khu vực tập trung đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ, thương mại, văn hóa với các lợi thế về vị trí thương mại, không gian văn hóa trên cơ sở bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường cao hơn so với quy định chung để thu hút du lịch, phát triển văn hóa, thúc đẩy các hoạt động thương mại trên địa bàn, cải thiện đời sống dân cư, bảo tồn các ngành, nghề truyền thống.

5. *Khu vực nội đô lịch sử* là khu vực bảo tồn di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội, các giá trị truyền thống của người Hà Nội, bao gồm các khu vực thuộc quận Đống Đa, Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Tây Hồ được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

6. *Khu vực TOD* là khu vực bao gồm nhà ga đường sắt đô thị và vùng phụ cận được xác định theo quy hoạch chi tiết để thực hiện xây dựng đường sắt đô thị kết hợp tái thiết đô thị, đầu tư phát triển đô thị.

7. *Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)* là một giải pháp tổng thể về phát triển đô thị làm cơ sở cho quy hoạch, tái thiết và phát triển đô thị, lấy đầu mối giao thông đường sắt đô thị làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng trong khoảng cách đi bộ đến phương tiện giao thông công cộng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, sức khỏe cộng đồng, giảm phương tiện giao thông cơ giới cá nhân, giảm phát thải gây ô nhiễm môi trường, kết hợp với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

#### **Điều 4. Áp dụng Luật Thủ đô**

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Thủ đô, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Luật Thủ đô mà cần áp dụng thì phải quy định cụ thể ngay trong luật, nghị quyết đó.

#### **Điều 5. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô**

1. Xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô là nhiệm vụ thường xuyên, trực tiếp của các cấp chính quyền và Nhân dân thành phố Hà Nội; là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, các lực lượng vũ trang và Nhân dân cả nước.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp Nhân dân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

3. Nhà nước ưu tiên đầu tư, thu hút các nguồn lực nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, vùng Thủ đô để xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

### **Điều 6. Biểu tượng của Thủ đô**

Biểu tượng của Thủ đô là hình ảnh Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

### **Điều 7. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô**

1. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được trao tặng cho người nước ngoài có đóng góp đặc biệt trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô hoặc trong việc thiết lập, mở rộng, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Chương II CHÍNH QUYỀN TẠI THỦ ĐÔ**

### **Điều 8. Tổ chức chính quyền tại thành phố Hà Nội**

1. Chính quyền địa phương tại thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, xã, thị trấn là cấp chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương tại các huyện thuộc thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Chính quyền địa phương ở các phường tại thành phố Hà Nội là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước, hoạt động theo chế độ thủ trưởng, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; ủy quyền của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

### **Điều 9. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã.

b) Trên tổng số biên chế cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thành phố Hà Nội được tăng thêm biên chế từ nguồn biên chế dự phòng căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm, quy mô dân số, thực trạng khối lượng công việc, mức độ hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện làm việc, đặc điểm an ninh, chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội để bảo đảm các chi phí cho biên chế tăng thêm. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về số lượng biên chế tăng thêm;

c) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Luật này.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được bầu 125 đại biểu, trong đó có ít nhất 25% số đại biểu hoạt động chuyên trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, không quá 03 (ba) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các ủy viên là Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, trưởng các ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan. Trong thời gian Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội không họp, Hội đồng nhân dân Thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất các vấn đề sau đây:

a) Quyết định các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C quy định tại Luật Đầu tư công;

c) Quyết định việc hỗ trợ cụ thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36 của Luật này căn cứ vào dự toán ngân sách hằng năm được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

5. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm có Trưởng ban, không quá 02 (hai) Phó Trưởng ban và không quá 04 (bốn) ủy viên hoạt động chuyên trách.

**Điều 10. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã;

b) Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

d) Phân cấp hoặc ủy quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cho các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

đ) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự giải quyết để thực hiện việc ủy quyền quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều này; trình tự giải quyết các thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 Điều này; bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực, các điều kiện cần thiết khác để thực hiện việc được ủy quyền và thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể và thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ủy quyền việc giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp dưới.

**Điều 11. Hội đồng nhân dân quận, thị xã**

Hội đồng nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quyết định, phân bổ, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách; phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận, thị xã, trong đó bao gồm ngân sách của các phường trực thuộc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Bố trí trong dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân phường khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách phường để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa, cứu trợ, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cần thiết khác chưa được dự toán;

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công tại các phường trực thuộc theo quy định của Luật Đầu tư công;

3. Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phường trực thuộc quận, thị xã;

4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình ở phường; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

### **Điều 12. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã**

1. Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại Điều 11 của Luật này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các phường trực thuộc; quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách;

c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn các phường trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:



a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phân cấp, ủy quyền.

### **Điều 13. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội**

1. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân quận, thị xã quy định tại Điều 11 và các quy định khác tại Luật này.

2. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể một số cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

3. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội gồm có Chủ tịch, 02 (hai) Phó Chủ tịch và không quá 09 (chín) đại biểu chuyên trách.

Tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội gồm có Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế và Ban Đô thị; mỗi ban gồm có trưởng ban và không quá 02 (hai) Phó Trưởng ban.

### **Điều 14. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội**

1. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, thị xã quy định tại khoản 1 Điều 12 và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quy định tại Luật này;

b) Điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

d) Tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, tổ chức của thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

2. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội có không quá 04 Phó Chủ tịch.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này; nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phân cấp, ủy quyền.

**Điều 15. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường**

1. Ủy ban nhân dân phường có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định chi từ khoản chưa phân bổ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất;

b) Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân quận, thị xã; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý;

c) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử và tổ chức thực hiện việc bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; ủy quyền của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

e) Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trên địa bàn phường; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật, trừ quy định tại khoản 2 Điều 36 và Điều 63 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường như sau:

a) Ủy ban nhân dân phường gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các công chức khác của phường. Phường loại I và loại II có không quá 02 (hai) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, phường loại III có 01 (một) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường;

b) Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức phường theo quy định; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền; quản lý toàn diện mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân phường; ký và chịu trách nhiệm về các văn bản của Ủy ban nhân dân phường với chức danh Chủ tịch, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở phường.

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có thể ủy quyền cho công chức phường giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

## **Điều 16. Chế độ công vụ, công chức của cơ quan, đơn vị ở thành phố Hà Nội**

1. Chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp ở thành phố Hà Nội được thực hiện như sau:

a) Cán bộ được bầu cử, phê chuẩn giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ được quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp thành phố;

b) Công chức được tuyển dụng, sử dụng, quản lý theo tiêu chuẩn chung từ cấp xã đến cấp thành phố;

c) Cán bộ làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ mà đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu vị trí việc làm của chức danh công chức thì được tiếp nhận vào công chức.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng có thời hạn với người đáp ứng các điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 17. Thu hút, trọng dụng nhân tài và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

1. Việc thu hút, trọng dụng nhân tài được thực hiện như sau:

a) Công dân Việt Nam có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc trong các lĩnh vực, ở trong nước, ở ngoài nước có công trình, sản phẩm, thành tích, công trạng hoặc cống hiến đặc biệt để phát triển một lĩnh vực, một ngành của Thủ đô được xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức và được hưởng các chế độ, chính sách do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định;

b) Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản này được ký hợp đồng làm việc hoặc được đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thành phố Hà Nội;

c) Người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao; nhiều kinh nghiệm thực tiễn; có công trình hoặc sản phẩm đã được nghiệm thu, công nhận, ứng dụng đem lại hiệu quả cao thì được ký hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục với chế độ đãi ngộ phù hợp do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định.

2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô được thực hiện như sau:

a) Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ khu vực và quốc tế ở các ngành, lĩnh vực: khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng; quy hoạch, xây dựng; văn hóa, nghệ thuật, thể thao; giáo dục đào tạo, dạy nghề; y tế; quản trị doanh nghiệp; tài chính, ngân hàng; giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế;

b) Hỗ trợ từ ngân sách của thành phố Hà Nội để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô;

c) Cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng nghề cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên của Thủ đô đi học tập tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài;

d) Hỗ trợ hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô; hỗ trợ học phí cho học viên học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao của thành phố Hà Nội.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 18. Chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức**

1. Thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, hội có tính chất đặc thù, một số cơ quan ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi thường xuyên do thành phố Hà Nội quản lý theo năng lực, hiệu quả công việc, ngoài việc thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chung trong cả nước. Tổng mức chi phù hợp với khả năng ngân sách của thành phố Hà Nội và không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

## **Chương III**

### **XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ THỦ ĐÔ**

#### **Điều 19. Quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô**

1. Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải thực hiện theo Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô.

Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô phải bảo đảm xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, an ninh nguồn nước với sông Hồng là trục xanh, cảnh quan trung tâm, phát triển đô thị hài hòa hai bên sông của thành phố Hà Nội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thủ đô với các địa phương trong vùng Thủ đô và cả nước.

2. Tập trung nguồn lực, ưu tiên tổ chức thực hiện quy hoạch phân khu sông Hồng và sông Đuống.

3. Trên cơ sở đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của thành phố Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của thành phố Hà Nội và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại khoản này.

### **Điều 20. Biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch**

1. Trong khu vực nội đô lịch sử không mở rộng diện tích sử dụng đất của các bệnh viện hiện có; không mở rộng, xây dựng mới khu công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không có trụ sở chính hoặc địa điểm đào tạo ở khu vực nội đô lịch sử trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì không được đặt địa điểm đào tạo trong khu vực nội đô lịch sử.

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan, đơn vị trong đô thị trung tâm không phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô phải thực hiện việc di dời. Thẩm quyền quyết định việc di dời như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức Trung ương;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

3. Quỹ đất của các cơ quan, đơn vị, cơ sở di dời khỏi đô thị trung tâm theo quy định tại khoản 2 Điều này, khoản 3 Điều 29 của Luật này được ưu tiên sử dụng để xây dựng không gian công cộng và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa.

4. Khi đầu tư xây dựng mới đường giao thông hoặc mở rộng trục đường giao thông hiện có theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thủ đô thì cơ quan có thẩm quyền lập quy hoạch chi tiết, trong đó xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện tái thiết đô thị, tái định cư tại chỗ, phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ.

Khi triển khai dự án phát triển đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền của thành phố Hà Nội đồng thời tổ chức thu

hồi đất vùng phụ cận để sử dụng theo quy hoạch. Việc thu hồi đất trong trường hợp này được áp dụng như trường hợp thu hồi đất trong cùng dự án.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định trực đường giao thông mới hoặc mở rộng trực đường giao thông hiện có và vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện tái thiết đô thị, tái định cư tại chỗ, phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định điều chỉnh mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD so với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng đối với khu vực đô thị hiện hữu, nhưng phải bảo đảm đáp ứng năng lực phục vụ của hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

### **Điều 21. Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị**

1. Kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị của Thủ đô được quản lý theo đồ án quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc; bảo đảm bảo tồn các di sản kiến trúc, di sản thiên nhiên, phát huy các hình thái kiến trúc của các khu vực, công trình có giá trị văn hóa, lịch sử; phát triển không gian xanh, không gian ngầm, khu vực hai bên sông Hồng và các trục cảnh quan khác được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

2. Việc quản lý và sử dụng không gian ngầm tại các đô thị, khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô tuân theo các nguyên tắc sau đây:

a) Dựa trên cơ sở đánh giá đầy đủ về điều kiện tự nhiên, địa chất, địa mạo, thủy văn;

b) Bảo đảm quốc phòng, an ninh; phải có tính lưỡng dụng, sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh; bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan môi trường, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

c) Phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

d) Việc xây dựng công trình ngầm phải thực hiện theo dự án đầu tư hoặc hạng mục của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp gây thiệt hại đến việc sử dụng đất của người sử dụng đất trên bề mặt của công trình ngầm phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Không gian ngầm phải phân vùng chức năng để quản lý, khai thác, sử dụng. Việc xây dựng công trình ngầm phải được cấp phép theo quy định.

4. Việc đầu tư xây dựng công trình trong không gian ngầm dùng chung hoặc không gian ngầm khu vực TOD phải căn cứ vào quy hoạch chi tiết.

5. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê không gian ngầm để xây dựng công trình ngầm theo dự án đầu tư hoặc hạng mục của dự án đầu tư sử dụng vào mục đích kinh doanh phải nộp tiền thuê không gian ngầm.

6. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình ngầm được cấp chứng nhận quyền sở hữu đối với công trình ngầm dưới mặt đất và thực hiện quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành danh mục các công trình ngầm được khuyến khích đầu tư xây dựng.

## **Điều 22. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị**

1. Khi thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị phải gắn với bảo tồn công trình kiến trúc có giá trị để phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử.

2. Thực hiện lộ trình giãn dân ở khu vực nội đô lịch sử gắn với cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, bảo tồn công trình kiến trúc có giá trị.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Hỗ trợ cá nhân, tổ chức cải tạo, bảo tồn biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị; hỗ trợ cá nhân, tổ chức đầu tư cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở cũ tại phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý kiến trúc và thiết kế đô thị; hỗ trợ kiểm định chất lượng công trình;

b) Cơ chế hỗ trợ đền bù tái định cư, di dời, chuyển đổi nghề nghiệp;

c) Điều chỉnh chức năng sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết trong khu vực nội đô lịch sử để tái thiết, tái khai thác giá trị, bảo tồn biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị ở khu vực nội đô lịch sử;

d) Danh mục ô phố, tuyến phố đặc trưng, có giá trị văn hóa, lịch sử để phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Quy chế quản lý biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị trong khu vực nội đô lịch sử;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng; biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác, sử dụng biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị;

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập và quy định tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo tồn khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô để thực hiện cải tạo,



chỉnh trang, tái thiết đô thị, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử.

Quỹ Bảo tồn khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ. Quỹ Bảo tồn khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô hoạt động theo các quy định sau đây:

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Nguồn thu của Quỹ được hình thành từ nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước; các khoản đóng góp của chủ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới;

c) Nhiệm vụ chi của Quỹ là hỗ trợ cho chương trình, dự án, hoạt động phi dự án liên quan đến bảo tồn, hỗ trợ người dân để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử ngoài nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

### **Điều 23. Phát triển văn hóa, thể thao**

1. Việc bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô phải xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội; xây dựng Hà Nội là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước; xây dựng văn hóa người Hà Nội hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hóa, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

Ưu tiên các nguồn lực cho bảo vệ và phát triển văn hóa trên địa bàn Thủ đô; việc đầu tư các nguồn lực nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu bảo vệ, phát triển văn hóa Thủ đô và hội nhập quốc tế.

2. Đầu tư nguồn lực phát triển thể thao thành tích cao, xây dựng công trình thể thao hiện đại đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới; đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên đạt trình độ quốc gia, quốc tế; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp.

3. Xây dựng Trung tâm công nghiệp văn hóa theo quy hoạch.

4. Các khu vực, di tích và di sản sau đây được tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa:

a) Khu vực Ba Đình;

b) Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch; Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh;

c) Di tích Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các di sản văn hóa khác được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, Di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới;

d) Khu di tích Cổ Loa và các di tích quốc gia đặc biệt khác, các di tích quốc gia, bảo vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh trên địa bàn Thủ đô; di tích cấp Thành phố; di sản văn hóa trong danh mục được kiểm kê;

đ) Khu vực Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây;

e) Phố cổ, làng cổ và làng nghề, làng có nghề truyền thống tiêu biểu;

g) Biệt thự cũ, các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Nội dung, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên; văn nghệ sỹ, nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể; việc truyền dạy, thực hành, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; việc xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể;

b) Trình tự, thủ tục thành lập và nội dung ưu đãi đối với Trung tâm công nghiệp văn hóa;

c) Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề, làng có nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954; di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh trên địa bàn Thủ đô quy định tại điểm c, điểm d, điểm e và điểm g khoản 4 Điều này.

## **Điều 24. Phát triển giáo dục và đào tạo**

1. Xây dựng và phát triển giáo dục, đào tạo Thủ đô Hà Nội là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao; cơ sở giáo dục có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô theo các tiêu chí về quy mô đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, dịch vụ giáo dục và cơ chế quản lý phù hợp với vị trí, vai trò của Thủ đô.

2. Đầu tư, xây dựng hệ thống trường học công lập bảo đảm không gian, cảnh quan sư phạm trong và ngoài nhà trường, đội ngũ giáo viên phục vụ tối đa nhu cầu học tập của học sinh Thủ đô; bảo đảm bố trí quỹ đất xây dựng trường học ở vị trí thuận lợi; không bố trí trường học gần nghĩa trang, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm tiếng ồn, không khí.

3. Cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thủ đô được thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài.

Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học;

b) Mức hỗ trợ và lộ trình thực hiện việc hỗ trợ học phí cho học sinh phổ thông và trẻ em mầm non trên địa bàn Thủ đô không phân biệt trường công lập, dân lập và tư thục.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Các tiêu chí về cơ sở vật chất, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục có nhiều cấp học; đội ngũ giáo viên, việc thuê giáo viên người nước ngoài; việc huy động nguồn lực để thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Việc bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục bổ trợ để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế.

## **Điều 25. Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số**

1. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ; ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng Thủ đô trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực.

Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô bao gồm: công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới; công nghệ chế tạo - tự động hóa; công nghệ môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao tiên bộ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội được áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thực hiện việc mua sắm thuê hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ mà không phải thực hiện thủ tục đấu thầu trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô; hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đặc biệt hoặc hàng hóa, dịch vụ chỉ có một nhà cung cấp;

b) Thu nhập của chuyên gia, nhà khoa học từ việc chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, vùng Thủ đô là thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân;

c) Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để mua sắm, vận hành máy móc, thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô; được nhận chuyên giao không bồi hoàn tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; doanh nghiệp được hưởng ưu đãi tương tự như doanh nghiệp công nghệ cao trong thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô;

d) Doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách Thành phố để hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm thuộc các lĩnh vực trọng điểm của Thủ đô.

3. Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô được hỗ trợ chi phí ươm tạo bao gồm chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia, nhân công lao động trực tiếp; dịch vụ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Ban hành quy chế quản lý, danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, vùng Thủ đô; các chương trình, dự án trọng điểm và lĩnh vực thu hút đầu tư trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô;

b) Quy định việc chuyên giao không bồi hoàn đối với tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được Thành phố hỗ trợ kinh phí cho đơn

vị chủ trì nhiệm vụ hoặc tổ chức, cá nhân có đủ năng lực ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm phục vụ công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô;

c) Quyết định sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội và các nguồn tài chính hợp pháp khác được huy động để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn Thủ đô nhận chuyển giao các công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô.

### **Điều 26. Phát triển các khu công nghệ cao**

1. Xây dựng và phát triển đồng bộ các khu công nghệ cao trên địa bàn Thủ đô bao gồm khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Việc xây dựng các khu công nghệ cao phải thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao trên địa bàn Thủ đô.

2. Khu Công nghệ cao Hòa Lạc là khu vực nghiên cứu, phát triển công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trọng điểm của Thủ đô và cả nước.

a) Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được sử dụng nguồn vốn từ ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố để đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài ranh giới Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

b) Việc phát triển nhà cho thuê dành cho chuyên gia, người lao động làm việc tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ như đối với nhà ở xã hội và các ưu đãi, hỗ trợ khác của Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý đầu tư, tài chính ngân sách, tài nguyên môi trường, lao động.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao, việc thành lập khu công nghệ cao.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

### **Điều 27. Phát triển y tế Thủ đô và chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

1. Xây dựng hệ thống y tế Thủ đô tiên tiến và hiện đại phù hợp với quy mô dân số, địa bàn thực hiện. Tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ

công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, hệ thống khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, bảo đảm chăm sóc toàn diện sức khỏe Nhân dân. Phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện công lập và ngoài công lập.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập của thành phố Hà Nội được sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong mua sắm, sửa chữa thực hiện theo quy định về mua sắm, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Chế độ tài chính, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình;

b) Mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện; việc thanh toán dịch vụ y tế từ nguồn ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội, quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu từ người sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện;

c) Biện pháp hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực y tế thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài, cập nhật, chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực y dược, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh, y tế công cộng cho cơ sở y tế công lập của thành phố Hà Nội.

4. Trên cơ sở nguồn kinh phí bảo hiểm y tế được giao dự toán, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế để chi trả dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, dịch vụ cấp cứu ngoại viện.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thủ đô;

b) Lộ trình phát triển và tổ chức, hoạt động của hệ thống cấp cứu ngoại viện trên địa bàn Thủ đô bao gồm Bệnh viện 115, Trung tâm điều phối cấp cứu, Trung tâm đào tạo cấp cứu và mạng lưới cấp cứu; trạm cấp cứu của 115 và các tổ cấp cứu ngoại viện của các bệnh viện đóng trên địa bàn Thủ đô;

c) Danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế và lộ trình thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình đối với khám bệnh, chữa bệnh, việc phân tuyến, chuyển tuyến phù hợp với sự phát triển của hệ thống y tế của Thủ đô;

d) Phân cấp, phân tuyến chuyên môn kỹ thuật các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe Nhân dân thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

**Điều 28. Chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội**

1. Thành phố Hà Nội có trách nhiệm xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phù hợp với từng nhóm đối tượng và khả năng ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội. Mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu về y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, trợ giúp xã hội, trợ giúp pháp lý, nước sạch, nhà ở xã hội, tiếp cận thông tin.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định các chính sách xã hội sau đây:

a) Quyết định bố trí ngân sách để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm, vay mua nhà ở xã hội, hỗ trợ công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp vay mua nhà ở xã hội;

b) Việc hỗ trợ đất sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống ở xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên. Trường hợp không bố trí được đất sản xuất thì hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm việc làm;

c) Hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho người học thường trú tại Hà Nội và con công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội sau đây:

a) Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 100% đối với người thuộc hộ nghèo; tối thiểu 60% đối với người thuộc hộ cận nghèo; tối thiểu 20% đối với các đối tượng khác. Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật, người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

b) Hỗ trợ khám sức khỏe miễn phí hằng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô. Kinh phí thực hiện việc khám sức khỏe được bảo đảm thực hiện từ ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội, nguồn xã hội hóa theo lộ trình phù hợp.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của thành phố Hà Nội; bố trí ngân sách phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống tại xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Thành phố chưa có đất ở; trường hợp người dân đã có đất ở nhưng chưa có nhà hoặc nhà bị dột nát thì hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương.

### **Điều 29. Bảo vệ môi trường**

1. Quản lý và bảo vệ môi trường Thủ đô được thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững, phát triển kinh tế tuần hoàn và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa và lịch sử của Thủ đô; bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.

2. Trên địa bàn Thủ đô, nghiêm cấm lấn, chiếm, gây ô nhiễm sông, suối, hồ, ao, đầm, công viên, vườn hoa, khu vực công cộng; chặt phá rừng, cây xanh trái phép; xả chất thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép ra môi trường.

Việc san, lấp, cải tạo, phục hồi sông, hồ, ao, suối, đầm bị suy thoái, ô nhiễm môi trường phải phù hợp với quy hoạch đô thị, các quy định về kiến trúc, cảnh quan, môi trường của Thủ đô.

3. Di dời cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường kéo dài, sử dụng quá tải hoặc thâm dụng lao động; cơ sở y tế có nguy cơ truyền nhiễm, lây nhiễm cao ra khỏi đô thị trung tâm. Thẩm quyền quyết định việc di dời như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường kéo dài, sử dụng quá tải hoặc thâm dụng lao động; cơ sở y tế có nguy cơ truyền nhiễm, lây nhiễm cao thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức Trung ương;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Vùng phát thải thấp và các biện pháp cần thiết kèm theo để bảo đảm phát triển bền vững;

b) Hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và lộ trình thực hiện; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch để giảm ô nhiễm môi trường; đầu tư phát triển phương tiện giao thông công cộng kết hợp lộ trình hạn chế phương tiện giao thông cá nhân để hạn chế ùn tắc giao thông, giảm phát thải;



c) Hỗ trợ và lộ trình thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, làng nghề ở nông thôn;

d) Lộ trình giảm phát thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt trên địa bàn Thủ đô.

### **Điều 30. Quản lý, sử dụng đất đai**

1. Đối với khu vực đã có quy hoạch đô thị, nông thôn được phê duyệt thì không phải lập quy hoạch sử dụng đất nhưng phải lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định cho phép thu hồi đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 44 của Luật này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thông qua và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tất cả các khu đất, thửa đất không phân biệt giá trị tính theo bảng giá đất trong trường hợp bảng giá đất đã thu thập thông tin thị trường và xây dựng đến từng thửa đất để áp dụng trong trường hợp Nhà nước cho thuê đất có thu tiền thuê đất hằng năm đối với tổ chức, cá nhân.

4. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thủ đô phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có nơi ở, thu nhập, việc làm và đời sống ổn định.

Thành phố xem xét hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thu hồi để tạo điều kiện cho các đối tượng này có việc làm, thu nhập, ổn định đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh;

b) Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi; nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có nhu cầu được bồi thường bằng tiền thì được bồi thường bằng tiền theo nguyện vọng đã đăng ký khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc bằng nhà ở.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

5. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội đối với quỹ đất bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật về đất đai thì thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất hoặc thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất dựa trên điều kiện, tính chất của dự án thông qua cơ chế thẩm định, đánh giá lựa chọn phương án.

6. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất dưới 1.000 ha, trồng lúa dưới 500 ha sang mục đích khác phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa sang các loại đất phi nông nghiệp phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất dưới 1.000 ha, đất trồng lúa dưới 500 ha do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác;

b) Việc góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án chỉnh trang, tái thiết, phát triển đô thị; thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn; mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn; cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng lại các khu nhà chung cư; mở rộng, nâng cấp đường giao thông;

c) Việc góp quyền sử dụng đất, cho thuê quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong các trường hợp tập trung đất nông nghiệp để thực hiện sản xuất nông nghiệp.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc cho phép các tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất có thu tiền thuê đất hàng năm mà tiền thuê

đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê lại quyền thuê đất trong hợp đồng thuê đất nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

c) Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận, trừ trường hợp phải thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan thi hành án dân sự hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra;

d) Đất không có tranh chấp;

đ) Trong thời hạn sử dụng đất;

e) Người mua, thuê quyền thuê đất trong hợp đồng thuê đất phải có năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư; không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án trước đó.

Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án và phải thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp, chuyển nhượng, cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm đăng ký đất đai vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai trên cơ sở hợp đồng đã ký kết.

9. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ quy định của pháp luật về đề điều và quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức quản lý, sử dụng đất bãi sông, bãi nổi kết hợp các giải pháp cải tạo, nâng cấp hệ thống đề điều, chỉnh trị, cải tạo luồng, tuyến thoát lũ để xây dựng, phát triển đô thị hài hòa hai bên sông, ổn định dân cư, tạo cảnh quan môi trường, cấp nước và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho Thủ đô theo các tiêu chuẩn phòng, chống lũ của hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và sông Đáy.

### **Điều 31. Phát triển nhà ở**

1. Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô phải phù hợp với Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, các khu nhà ở xã hội tập trung theo hướng hiện đại, thuận

tiện ở ngoài đô thị trung tâm, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở có trách nhiệm hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo tiến độ, nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận trước khi đưa công trình nhà ở vào khai thác sử dụng.

2. Việc phát triển nhà ở xã hội ở Thủ đô được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Theo mô hình căn hộ chung cư; trường hợp dự án nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng tại xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì được xây dựng nhà ở riêng lẻ phù hợp với điều kiện về đất đai, dân cư của Thủ đô và quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội trong các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị;

b) Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được lập đồng thời với việc lập đồ án quy hoạch chi tiết; việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết được thực hiện cùng một thời điểm; việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phải được thực hiện trước, làm cơ sở thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết;

c) Bố trí vốn ngân sách Thành phố để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội độc lập, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội thực hiện giải phóng mặt bằng và lập dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu trong phạm vi ranh giới của dự án.

3. Thời hạn sử dụng nhà chung cư được xác định theo hồ sơ thiết kế khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. Thời hạn sử dụng nhà chung cư sẽ được điều chỉnh trong quá trình sử dụng theo kết quả kiểm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thời hạn này chỉ áp dụng đối với chung cư mới xây dựng kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Đối với các trường hợp nhà chung cư buộc phải phá dỡ do hết thời hạn sử dụng hoặc buộc phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở thì chủ sở hữu nhà chung cư có trách nhiệm xây dựng lại hoặc lựa chọn nhà đầu tư xây dựng lại nhà chung cư. Trường hợp chủ sở hữu nhà chung cư không xây dựng lại hoặc không lựa chọn được nhà đầu tư xây dựng lại nhà chung cư trong thời hạn quy định thì Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện giải phóng mặt

bằng và các quy trình để xây dựng lại nhà chung cư theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định phạm vi ranh giới dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư khi lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết và quyết định điều chỉnh lại chức năng sử dụng đất trong phạm vi dự án.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương hoặc vay từ quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách để tổ chức lập quy hoạch, kiểm định, thực hiện đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trong trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện đầu tư xây dựng.

### **Điều 32. Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông**

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Chính sách đầu tư và huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng, các công trình ngầm công cộng trên địa bàn Thủ đô;

b) Chính sách phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác đường sắt đô thị, xe buýt, nhà ga, bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện giao thông phát thải thấp;

c) Chính sách phát triển đường vành đai, trung tâm logistic, hệ thống giao thông công cộng trong vùng Thủ đô;

d) Khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức quản lý, bảo trì các đoạn tuyến quốc lộ, đường vành đai, đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn Thủ đô và đường cao tốc đô thị nằm hoàn toàn trên địa bàn Thủ đô.

### **Điều 33. Phát triển nông nghiệp, nông thôn**

1. Việc phát triển nông nghiệp sinh thái của Thủ đô thực hiện theo mô hình nông nghiệp bền vững, chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế nhằm bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cao hơn và ngoài các quy định của Trung ương ban hành đối với các nội dung sau đây:

a) Giống, chuyên giao công nghệ trong sản xuất giống;

- b) Công nghệ bảo quản, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp;
- c) Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp;
- d) Phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm;
- đ) Hoạt động bảo vệ môi trường trong sản xuất và sơ chế nông sản;
- e) Phát triển các chuỗi liên kết giá trị, thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- g) Phát triển kinh tế tập thể, làng nghề, làng có nghề;
- h) Kinh phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất, thuê mặt nước.

### 3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Các hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp ở bãi sông để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp tham quan, giáo dục trải nghiệm, du lịch trải nghiệm theo nguyên tắc việc xây dựng trên đất nông nghiệp ở bãi sông có đề phải phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề, quy hoạch đề điều, quy hoạch thành phố Hà Nội được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về đề điều và pháp luật khác có liên quan;

b) Cho phép xây dựng trên đất nông nghiệp các công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung.

4. Chính phủ quy định chi tiết tỷ lệ diện tích, điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép, loại công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp.

### **Điều 34. Biện pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô**

1. Xây dựng tiềm lực, lực lượng và thế trận quân sự khu vực phòng thủ bảo vệ Thủ đô; phương án bảo đảm an toàn cho Thủ đô trong mọi tình huống; bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô bằng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả; mọi vi phạm pháp luật phải được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thủ đô được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định sau đây:

a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung do Chính phủ quy định và không vượt quá mức phạt tối đa theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm;

b) Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước tại địa điểm vi phạm đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, nhà ở, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy đã bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a khoản này có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở thành phố Hà Nội có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản này.

3. Các trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính:

a) Công trình xây dựng sai quy hoạch, công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với công trình theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng sai với nội dung quy định trong giấy phép xây dựng;

b) Công trình xây dựng lấn chiếm đất công, đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân; công trình xây dựng sai với thiết kế xây dựng được phê duyệt đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;

c) Công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, kinh doanh được xây dựng trên diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trái phép;

d) Nhà ở xây dựng trong khu vực cấm xây dựng hoặc xây dựng trên đất không phải là đất ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Công trình xây dựng, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đã đưa vào hoạt động;

e) Cơ sở kinh doanh vũ trường, bar, karaoke không bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

4. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phải giao quyết định này cho đối tượng vi phạm;

đồng thời, gửi cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ điện, nước kèm thông báo đề nghị họ dừng cung cấp dịch vụ điện nước tại địa điểm vi phạm đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm;

c) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ điện, nước phải dừng ngay việc cấp điện, cấp nước tại địa điểm vi phạm đối với công trình, nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được quyết định.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định hành vi vi phạm áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy và thủ tục áp dụng biện pháp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

## **Chương IV**

### **TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ**

#### **Điều 35. Huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô**

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu (thường và bổ sung có mục tiêu) cho Thành phố tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố, các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% vượt so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, trừ các khoản sau:

- a) Khoản thu thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu;
- b) Khoản chênh lệch thu, chi của Ngân hàng nhà nước;
- c) Khoản thu không giao cho thành phố Hà Nội quản lý thu, không phát sinh trên địa bàn Thành phố nhưng hạch toán nộp ở thành phố Hà Nội;
- d) Các khoản thu đã được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho nhiệm vụ chi cụ thể;
- đ) Các khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định áp dụng trên địa bàn một số loại phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong



Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.

Việc thu phí, lệ phí trên địa bàn Thủ đô quy định tại khoản này phải bảo đảm có lộ trình; phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

3. Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu phí, do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại khoản 2 Điều này để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và phúc lợi xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội; các khoản thu này không dùng để xác định tỷ lệ phân trăm đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn trái phiếu Chính phủ phát hành không phụ thuộc vào hạn mức trần.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ liên quan đến khoản vay lại.

Tổng mức vay và bội chi ngân sách thành phố Hà Nội hằng năm do Quốc hội quyết định. Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định cụ thể nguồn vay trong nước, nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nguồn trái phiếu Chính phủ phát hành hoặc bảo lãnh Chính phủ nhưng phải bảo đảm trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại tối đa các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố để tạo nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và các công trình, dự án trọng điểm có tính chiến lược của Thủ đô, vùng Thủ đô, hỗ trợ di dời các cơ sở, đơn vị thuộc danh mục phải di dời theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 29 của Luật này. Hằng năm, trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Ủy ban nhân

dân thành phố Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tỷ lệ điều tiết cụ thể phù hợp với mục tiêu sử dụng nguồn vốn.

### **Điều 36. Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô**

#### **1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:**

a) Sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố Hà Nội và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội sau khi đã bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô theo quy định tại Điều 18 của Luật này và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương thực hiện các dự án cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình tài sản công đã có do thành phố Hà Nội quản lý;

c) Kinh phí từ ngân sách để hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho đối tượng thuộc diện phải di dời theo quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 29 của Luật này;

d) Sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội hỗ trợ các cơ quan trung ương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm phát triển kinh tế xã hội, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết, cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội;

đ) Quyết định nguồn vốn ngân sách để lập các loại quy hoạch;

e) Sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án trọng điểm có tính chất vùng, liên tỉnh nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thủ đô và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thủ đô phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

g) Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mới hoặc cao hơn của trung ương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với

khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện với điều kiện thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng và tổng các khoản tạm ứng tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 của năm trước;

b) Trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định bố trí dự toán vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm cho các dự án quy định tại điểm a khoản này để thu hồi vốn tạm ứng, hoàn trả Quỹ dự trữ tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

### **Điều 37. Tách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công**

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

2. Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng.

Quyết định đầu tư là căn cứ để bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng. Việc điều chỉnh chủ trương

đầu tư dự án tổng thể và điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo tiêu chí, trình tự, thủ tục đối với các dự án đầu tư công quy định tại Luật Đầu tư công.

### **Điều 38. Thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Áp dụng phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là PPP) đối với các dự án trong lĩnh vực văn hóa và thể thao trên địa bàn Thủ đô. Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án đầu tư theo hình thức PPP thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

### **Điều 39. Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng**

1. Việc đầu tư phát triển đường sắt đô thị Thủ đô được ưu tiên áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng để thực hiện tái thiết đô thị, tái định cư, đầu tư phát triển đô thị mới theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án TOD căn cứ vào điều kiện về ngân sách, quyền sử dụng đất, quyền sử dụng không gian ngầm, khoảng không trên cao tại khu vực TOD có thể đấu giá để thực hiện tái thiết đô thị, đầu tư phát triển đô thị mới, xây dựng theo quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng được phê duyệt và phát triển đường sắt đô thị.

3. Việc huy động nguồn lực để phát triển đường sắt đô thị theo TOD được thực hiện như sau:

a) Trên cơ sở Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô, quy hoạch phân khu, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và khu vực TOD, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sử dụng công trình ngầm, công trình trên cao trong khu vực TOD;

b) Tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sử dụng không gian ngầm, khoảng không trên cao tại khu vực TOD được đầu tư xây dựng đường sắt đô thị, hệ thống giao thông công cộng kết nối với hệ thống đường sắt đô thị, hạ tầng kỹ thuật kết nối đến nhà ga. Doanh nghiệp nhà nước được giao trách nhiệm đầu tư, vận hành, khai thác đường sắt đô thị được giao trách nhiệm quản lý, khai thác quỹ đất trong khu vực TOD theo quy định tại Luật này.

4. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án TOD thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD.

5. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án tuyến đường sắt đô thị tổ chức lập quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến.

6. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD bao gồm cả dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được thực hiện như sau:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

b) Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi gửi Hội đồng thẩm định;

d) Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định đầu tư dự án TOD và các dự án thành phần thuộc dự án TOD.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế về đường sắt đô thị cao hơn hoặc bằng với quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam nhằm áp dụng thống nhất đối với toàn bộ các tuyến đường sắt đô thị tại Thủ đô và vùng Thủ đô.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

**Điều 40. Thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao**

1. Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (sau đây gọi là hợp đồng BT) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có) để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nhà đầu tư được thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Thành phố Hà Nội được thực hiện hình thức hợp đồng BT đối với các dự án đầu tư có quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, thuộc các lĩnh vực giao thông vận tải; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường; hạ tầng kỹ thuật trong lĩnh vực thủy lợi.

2. Thành phố Hà Nội được quyết định thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công hoặc tài sản công, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

Dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công chỉ thực hiện trong trường hợp không có cơ quan, tổ chức đủ năng lực để thực hiện dự án theo hình thức đầu tư công hoặc việc thực hiện dự án theo hình thức BT thanh toán bằng vốn đầu tư công có hiệu quả hơn việc thực hiện dự án theo hình thức đầu tư công.

a) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT được thực hiện như đối với dự án PPP theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án BT được thực hiện sau khi thiết kế cơ sở được phê duyệt;

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án theo hợp đồng BT được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định sử dụng quỹ đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội để thanh toán cho nhà đầu tư dự án xây dựng công trình.

a) Quỹ đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất, chỉ thực hiện với điều kiện tài sản công đó sẽ được đấu giá theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp nhà đầu tư không trúng đấu giá thì sẽ được thanh toán bằng tiền thu được từ đấu giá tài sản công đó; trường hợp nhà đầu tư trúng đấu giá thì nhà đầu tư sẽ được thanh toán bằng tài sản công đó, đồng thời nhà đầu

tư có nghĩa vụ trả phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị hợp đồng BT và giá trúng đấu giá.

c) Trường hợp việc đấu giá không thành theo pháp luật đấu giá thì nhà đầu tư sẽ được thanh toán bằng tài sản công đó. Việc thanh toán thực hiện theo nguyên tắc ngang giá, giá trị dự án BT tương đương với giá trị tài sản thanh toán và được xác định như sau: giá trị của tài sản công được xác định theo giá thị trường theo quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán; giá trị của dự án BT được xác định theo kết quả đấu thầu.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định sử dụng vốn ngân sách Thành phố, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hằng năm và bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Thành phố để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong hợp đồng BT và giám sát việc thực hiện.

Thành phố được đấu giá quyền sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm, khoảng không và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và được sử dụng nguồn lực từ đấu giá để chi trả cho dự án BT.

Đối với hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công, dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư của dự án BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công về xây dựng; chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án.

Việc sử dụng quỹ đất, nhà và tài sản gắn liền với đất để thanh toán cho nhà đầu tư dự án BT chỉ được thực hiện sau khi đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án BT.

6. Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, thời điểm thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

#### **Điều 41. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát**

1. Cho phép thành phố Hà Nội áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong một số lĩnh vực. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là việc ứng dụng, thử nghiệm các mô hình mới được giới hạn về phạm vi, đối tượng, điều kiện, thời gian và chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong một số lĩnh vực mà chưa được pháp luật quy định, cần được thí điểm để tạo đột phá về giá trị và hiệu quả.

Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát quy định tại khoản này không áp dụng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Phạm vi lĩnh vực áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát:

a) Các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, vật liệu mới trong khu công nghệ cao;

b) Tại các khu thúc đẩy thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa;

c) Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ, được huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách để đầu tư mạo hiểm, thúc đẩy, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực trọng điểm về khoa học công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập và quy định tổ chức, hoạt động của Quỹ Đầu tư mạo hiểm. Quỹ Bảo Đầu tư mạo hiểm hoạt động theo các quy định sau đây:

a) Trong thời gian thử nghiệm, Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội chỉ đầu tư các dự án ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nguồn có vốn điều lệ của doanh nghiệp không quá 10 tỷ đồng.

b) Thời gian thử nghiệm mô hình Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội là 05 năm. Sau khi 05 năm, tùy tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tiếp tục kéo dài thời gian thử nghiệm, mở rộng đối tượng doanh nghiệp được đầu tư từ Quỹ, dừng mô hình thử nghiệm hoặc kết thúc thử nghiệm để chuyển thành quy định chính thức của Thành phố.

4. Các tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm trong các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chí và được xét duyệt, cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

5. Thời gian và phạm vi thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm tối đa 03 năm tùy giải pháp và lĩnh vực cụ thể, tính từ thời điểm được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm.

Thời hạn của Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm không vượt quá thời hạn (nếu có) của Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm;



b) Căn cứ vào tình hình thực hiện thử nghiệm thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thể điều chỉnh thời gian thử nghiệm.

6. Giám sát quá trình thử nghiệm và kết thúc thời gian thử nghiệm:

a) Các tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin có liên quan tới quá trình thử nghiệm theo định kỳ và đột xuất. Trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm;

b) Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thử nghiệm;

c) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội công khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; chịu trách nhiệm về việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, kiểm tra, giám sát thường xuyên trong quá trình thử nghiệm; xem xét, quyết định về việc dừng thử nghiệm, hoàn thành thử nghiệm hoặc điều chỉnh thời gian thử nghiệm đối với tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm; hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.

7. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định khoản 2, khoản 6 Điều này.

#### **Điều 42. Quản lý tài sản công**

1. Hợp đồng nhượng quyền kinh doanh, quản lý là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp để kinh doanh một phần hoặc toàn bộ công trình trong một thời hạn nhất định.

2. Thành phố Hà Nội được sử dụng tài sản công để nhượng quyền kinh doanh, quản lý, liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ.

3. Tài sản công được nhượng quyền kinh doanh, quản lý bao gồm:

a) Công trình, hạ tầng văn hóa do Nhà nước đầu tư trên địa bàn Thủ đô trừ bảo tàng, thư viện, di tích lịch sử, văn hóa;

b) Công trình, hạ tầng thể thao do Nhà nước đầu tư trên địa bàn Thủ đô.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Danh mục công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao được nhượng quyền kinh doanh, quản lý;

b) Nguyên tắc, điều kiện, hình thức, nội dung, thời hạn, phương án tài chính và trình tự, thủ tục nhượng quyền kinh doanh, quản lý và liên kết;

c) Biện pháp bảo vệ, quản lý, sử dụng, khai thác các công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao và tài sản công trong việc liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ.

### **Điều 43. Thẩm quyền về đầu tư**

1. Dự án trọng điểm của Thủ đô là dự án có quy mô lớn, có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa, kết nối để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, vùng Thủ đô và cả nước. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định Danh mục dự án trọng điểm của Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

a) Dự án đường sắt đô thị;

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công tối đa 20.000 tỷ đồng, trừ dự án quy định tại điểm a khoản này;

c) Dự án sử dụng ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài giao thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư; dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước kết hợp với nguồn vốn ngoài ngân sách;

d) Dự án đầu tư công liên tỉnh nằm trong vùng Thủ đô.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao và các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua, khu đô thị có quy mô sử dụng đất dưới 500 ha hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên;

b) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản này.

4. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Đầu tư công và dự án đầu tư công nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý,

trừ các dự án: dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh không sử dụng nguồn ngân sách địa phương; dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ; dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

5. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố thuộc thành phố Hà Nội sau đây:

a) Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng;

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua, khu đô thị có quy mô sử dụng đất dưới 300 ha và quy mô dân số dưới 50.000 người;

c) Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản này.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc tế và quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá trong các lĩnh vực, phương thức thanh toán khác quy định trong văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm và nhu cầu xây dựng, phát triển Thủ đô.

#### **Điều 44. Thu hút nhà đầu tư chiến lược**

1. Danh mục dự án, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô bao gồm:

a) Đầu tư dự án trọng điểm của Thủ đô bao gồm: xây dựng đô thị vệ tinh, dự án giao thông đường sắt đô thị, dự án giao thông công cộng khối lượng lớn nội vùng và liên vùng, dự án khu công nghệ cao; xử lý ô nhiễm môi trường các dòng sông;

b) Dự án công nghiệp chế tạo, sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phát triển và chế tạo hệ thống đầu máy, toa xe, thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh;

c) Dự án trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); dự án nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề, lĩnh vực thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chứng minh được năng lực về tài chính, công nghệ và kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có quy mô vốn tương đương với quy mô dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược;

c) Có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, về việc nội địa hóa, cam kết về thực hiện dự án đầu tư đúng mục tiêu theo Danh mục dự án, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô; đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Trong quá trình thực hiện dự án trọng điểm, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và không thực hiện đúng cam kết với thành phố Hà Nội thì nhà đầu tư chiến lược, cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư không được hưởng ưu đãi quy định tại Luật này. Nhà đầu tư chiến lược, cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ngân sách thành phố Hà Nội các khoản đã được nhận ưu đãi hơn so với nhà đầu tư khác, đồng thời phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về các hậu quả phát sinh khác do không thực hiện đúng cam kết của mình.

4. Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 6 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, được hưởng các ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 45 của Luật này.

5. Căn cứ các dự án thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Theo thẩm quyền đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật này, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô và với quy mô tổng vốn đầu tư đối với từng loại dự án và ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Đối với dự án đầu tư không thuộc diện phải thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư mà cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất và dự án thuộc diện phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu

tư, thì việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 5 Điều này, cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội công bố thông tin dự án, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Căn cứ nội dung thông tin được công bố quy định tại điểm a khoản này, nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và tài liệu khác có liên quan (nếu có);

c) Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, người có thẩm quyền lựa chọn nhà đầu tư quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ và điểm e khoản này;

d) Trường hợp chỉ có 01 (một) nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có 01 (một) nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì chấp thuận nhà đầu tư đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

đ) Trường hợp có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó chỉ có 01 (một) nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

e) Trường hợp có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, trong đó có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số các nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược;

g) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

7. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết danh mục ngành, nghề, lĩnh vực, quy mô vốn đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô.

#### **Điều 45. Ưu đãi đầu tư**

1. Các dự án đầu tư được ưu đãi gồm:

a) Dự án đầu tư mới vào lĩnh vực thể thao và một số ngành công nghiệp văn hóa gồm: điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; du lịch văn hóa theo danh mục cụ thể do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định;

b) Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao, cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội trên địa bàn Thủ đô; cơ sở đào tạo người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

c) Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội;

d) Dự án đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện;

đ) Dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô;

e) Dự án sử dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý chất thải, nước thải; dự án phát triển làng nghề truyền thống.

2. Nhà đầu tư khi đầu tư vào các dự án quy định tại điểm a, b, c, đ và điểm e khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng công sản tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố;

b) Được áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

3. Các doanh nghiệp hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực ưu tiên của thành phố Hà Nội được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thủ đô;

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thủ đô;

c) Miễn một số tiêu chí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu của thành phố Hà Nội, bao gồm yêu cầu về doanh thu, nguồn lực tài chính, hợp đồng tương tự và các yêu cầu khác để phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Khi đánh giá, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội được tính ưu đãi như đối với trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên theo quy định của pháp luật về đấu thầu, cách tính ưu đãi thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào các dự án quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Miễn tiền sử dụng đất khi thành lập, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Vay vốn với lãi suất ưu đãi trong 05 năm đầu thành lập theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

c) Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khen thưởng động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

Tiền ủng hộ, tài trợ của các cá nhân cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khen thưởng động viên cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại thành phố Hà Nội.

5. Nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào các dự án quy định tại khoản 1 Điều 44 và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 44 của Luật này;

b) Hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thủ đô khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Hỗ trợ phát triển nhân lực; hạ tầng và các công trình hạ tầng xã hội; chi phí hỗ trợ cho các sản phẩm công nghệ cao; nghiên cứu và phát triển.

## **Chương V** **LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG THỦ ĐÔ**

### **Điều 46. Vùng Thủ đô**

1. Vùng Thủ đô là vùng phát triển kinh tế - xã hội, tập trung hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật quốc gia; địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước.

2. Vùng Thủ đô gồm Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hòa Bình, Hưng Yên, Phú Thọ, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc.

3. Thủ đô Hà Nội là trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

### **Điều 47. Trách nhiệm của chính quyền địa phương trong vùng Thủ đô**

1. Chính quyền địa phương trong vùng Thủ đô có trách nhiệm phối hợp, huy động nguồn lực để thực hiện liên kết vùng; bảo đảm phát triển kinh tế - xã



hội vùng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trong vùng Thủ đô.

2. Chính quyền thành phố Hà Nội có trách nhiệm, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì điều phối thực hiện và quản lý quy hoạch vùng Thủ đô sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Phê duyệt, thực hiện và huy động các nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư trong vùng Thủ đô hoặc dự án đầu tư tại các tỉnh khác trong Vùng.

c) Chủ động đề xuất Hội đồng vùng Thủ đô điều phối và liên kết chương trình hợp tác giữa các địa phương trong từng lĩnh vực liên kết quy định tại Điều 49 của Luật này.

#### **Điều 48. Nguyên tắc phối hợp liên kết vùng Thủ đô**

1. Tuân thủ Hiến pháp, Luật Thủ đô và các luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng Thủ đô.

2. Đồng thuận, bình đẳng, công khai, minh bạch phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Thực hiện phối hợp thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp được giao cho bộ, ngành, địa phương có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan hoặc chịu tác động nhiều nhất đến lĩnh vực, nhiệm vụ cần phối hợp.

5. Những vấn đề không đạt được sự đồng thuận hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các bộ, ngành và địa phương trong vùng Thủ đô thì căn cứ đề nghị của Hội đồng điều phối Vùng, Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Thủ đô báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 49. Lĩnh vực liên kết của vùng Thủ đô**

Lĩnh vực liên kết của vùng Thủ đô là tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng tâm sau:

1. Phát triển nông nghiệp sinh thái theo chuỗi giá trị;
2. Phát triển y tế, giáo dục và đào tạo;
3. Bảo tồn và phát triển văn hóa, lịch sử, du lịch;
4. Phát triển khoa học và công nghệ;
5. Quản lý lao động;

6. Quản lý và bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

7. Quản lý đất đai;

8. Quy hoạch xây dựng;

9. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

10. Phát triển và quản lý hệ thống giao thông vận tải.

### **Điều 50. Hội đồng điều phối vùng Thủ đô**

1. Hội đồng điều phối vùng Thủ đô có chức năng tham mưu thực hiện việc điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong các lĩnh vực, nội dung phối hợp của vùng Thủ đô quy định tại Luật này.

2. Hội đồng điều phối vùng Thủ đô có nhiệm vụ:

a) Đề xuất cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ phát triển bền vững vùng Thủ đô, công trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện các nội dung phối hợp; ban hành Quy chế phối hợp giữa các tỉnh trong vùng Thủ đô; đề xuất và điều phối việc liên kết chương trình hợp tác giữa các địa phương trong từng lĩnh vực liên kết quy định tại Điều 49 của Luật này; giải quyết những vấn đề liên tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền các địa phương trong vùng Thủ đô;

c) Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu vùng Thủ đô, tăng cường chia sẻ thông tin giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô và giữa các tỉnh, thành phố trong vùng với các bộ, ngành;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể Hội đồng điều phối vùng Thủ đô.

### **Điều 51. Ưu tiên đầu tư phát triển vùng Thủ đô**

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các chương trình, công trình, dự án có quy mô lớn, có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa và kết nối phát triển kinh tế, xã hội cho vùng và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô.

2. Ưu tiên huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô.

3. Các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô có trách nhiệm ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng trên địa bàn của mình.

4. Ưu tiên tổng hợp các công trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

5. Các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô, ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư theo phương thức PPP cho các chương trình, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Các công trình, dự án trọng điểm của vùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, quản lý và bảo vệ môi trường được đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn xã hội hóa được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật này.

Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục chương trình, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở đề nghị của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô.

### **Điều 52. Công trình, dự án trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật của vùng Thủ đô**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Thủ đô báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, đồng thuận về việc đầu tư thực hiện công trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô và đề nghị giao bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản và trách nhiệm trong việc đầu tư thực hiện dự án.

Căn cứ văn bản đồng thuận của các Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng điều phối vùng Thủ đô thống nhất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án.

3. Trường hợp có nguồn vốn ngân sách trung ương bố trí cho dự án thì được giao bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân được giao làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án để triển khai thực hiện.

4. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng Thủ đô có dự án thống nhất việc sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ địa phương khác để đầu tư dự án liên kết vùng.

5. Sau khi hoàn thành công trình, các địa phương chịu trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo trì đối với phần công trình nằm trên địa bàn mình.

## **Chương VI**

### **GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THANH TRA VÀ TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, QUẢN LÝ, BẢO VỆ THỦ ĐÔ**

**Điều 53. Trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội**

1. Quốc hội quyết định ngân sách đặc thù cho Thủ đô quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 của Luật này, giám sát tối cao việc thi hành và định kỳ 03 năm xem xét báo cáo của Chính phủ về việc thi hành Luật Thủ đô.

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thi hành Luật Thủ đô.

2. Trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo về việc thi hành Luật Thủ đô.

**Điều 54. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

1. Trách nhiệm của Chính phủ:

a) Ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp, giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển Thủ đô;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về Thủ đô; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các tỉnh thuộc vùng Thủ đô thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô;

d) Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đơn giản, rút ngắn trình tự, thủ tục nội bộ giữa các cơ quan và thủ tục hành chính, xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố;

đ) Định kỳ 3 năm tổ chức sơ kết việc thi hành Luật Thủ đô, báo cáo Quốc hội.

2. Hằng năm, Thủ tướng Chính phủ làm việc với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các tỉnh trong vùng Thủ đô và các bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành pháp luật về Thủ đô.

**Điều 55. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Chủ trì, phối hợp với chính quyền thành phố Hà Nội trong việc xây dựng chiến lược phát triển ngành, quy hoạch ngành, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô;

2. Khi xây dựng các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội thì phải rà soát các quy định của Luật Thủ đô, nếu có quy định thuận lợi hơn so với Luật Thủ đô thì phải thống nhất ý kiến với chính quyền thành phố Hà Nội trong việc xác định việc áp dụng quy định này theo Luật Thủ đô hoặc áp dụng theo luật, nghị quyết đó.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình; giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực; quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này.

4. Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khi triển khai xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn Thủ đô để bảo đảm quản lý thống nhất theo quy hoạch.

5. Tuân thủ nghiêm trách nhiệm di dời trụ sở theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 56. Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc vùng Thủ đô**

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch để phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô theo quy định của Luật này.

2. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô nghiên cứu, đề xuất các chương trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô.

3. Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng Thủ đô trên địa bàn.

4. Xây dựng và cung cấp, cập nhật các thông tin, dữ liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Luật này và công bố thông tin về các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô; phối hợp xây dựng chương trình hợp tác giữa các địa phương trong từng lĩnh vực liên kết quy định tại Điều 49 của Luật này.

5. Ban hành các cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ban hành các biện pháp nhằm khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô.

6. Phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định liên quan đến vùng Thủ đô.

### **Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và Nhân dân Thủ đô**

1. Xây dựng, phát triển Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, tiêu biểu cho cả nước.

2. Chủ động, tích cực mở rộng quan hệ, hợp tác hữu nghị với thủ đô các nước, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để xây dựng, phát triển Thủ đô; tăng cường đối ngoại Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, người dân Thủ đô tham gia các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học và công nghệ.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô;

b) Công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện các quy định của Luật này; bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật này;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này; kịp thời ban hành các quy định được Luật giao và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện Luật theo thẩm quyền;

d) Tổ chức và bảo đảm việc thi hành pháp luật về Thủ đô; quyết định những vấn đề của Thành phố trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Tăng cường giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đảm bảo việc kiểm soát quyền lực.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giám sát việc thi hành Luật Thủ đô;

b) Định kỳ xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện Luật Thủ đô;

c) Trường hợp luật này và luật chuyên ngành chưa phân định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp chính quyền mà mới quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc quy định nhiệm vụ, quyền hạn chung của các cấp chính quyền địa phương thì Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định việc phân cấp, uỷ quyền thẩm quyền trong từng lĩnh vực cho 3 cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

d) Đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và cho việc tổ chức các chương trình, sự kiện quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thủ đô; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan trung ương, các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước;

b) Chủ động phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển;

c) Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô;

d) Tham gia ý kiến về các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến các chính sách, cơ chế đặc thù quy định tại Luật này;

đ) Định kỳ 03 năm tổ chức sơ kết, báo cáo Chính phủ về việc thực hiện Luật Thủ đô.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội và các tổ chức thành viên có trách nhiệm:

a) Giám sát việc thực hiện chính sách, quy định của Luật Thủ đô và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời phát hiện, đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội kiểm soát quyền lực trong các lĩnh vực, đối tượng cụ thể.

b) Phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật mà Luật này giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành;

c) Phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền và huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thủ đô trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

7. Cán bộ, công chức, viên chức của Thủ đô phải không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; hướng dẫn, tạo điều kiện cho người dân thực hiện đúng quy định của pháp luật.

8. Nhân dân Thủ đô có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực tham gia xây dựng chính quyền, nếp sống văn minh, thanh lịch, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

## **CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 58. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Luật Thủ đô số 25/2012/QH13, Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

### **Điều 59. Quy định chuyển tiếp**

Kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành, việc tổ chức chính quyền tại Thủ đô, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tiền đóng của chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội thực hiện theo quy định sau đây:

1. Các quận, thị xã tại thành phố Hà Nội, được thành lập kể từ ngày Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội có hiệu lực thi hành, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan cho đến khi bầu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031;

2. Các phường tại thành phố Hà Nội, được thành lập kể từ ngày Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội có hiệu lực thi hành, tiếp tục thực hiện cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan cho đến khi bầu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031;

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, vùng Thủ đô được phê duyệt hoặc ký hợp đồng trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa hưởng các ưu đãi theo pháp luật hiện hành thì được hưởng các ưu đãi theo quy định của Luật này;



4. Đối với số tiền mà chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị đã nộp để thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì khoản tiền này được nộp vào khoản mục riêng trong Quỹ đầu tư phát triển của địa phương để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở đã triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thuộc diện phải bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng nhà ở xã hội nhưng chưa bố trí hoặc đã bố trí nhưng không còn phù hợp với quy hoạch hoặc thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền quyết định việc bố trí thay thế tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tập trung, bảo đảm đủ quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội của thành phố Hà Nội.

5. Các doanh nghiệp đang thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được chuyển đổi mục tiêu dự án sang nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, ươm tạo, đổi mới sáng tạo và tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư, quỹ đất đã được giao, cho thuê để thực hiện mục tiêu chuyển đổi;

6. Đối với khoản thu từ tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước. Sau khi Luật Ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung, quy định tỷ lệ điều tiết tiền sử dụng đất, thuê đất về ngân sách trung ương cao hơn, thành phố Hà Nội được áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 35 Luật này.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày      tháng      năm 2024.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**  
**Dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)**

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ), trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ thẩm định và ý kiến tại cuộc họp ngày 14/8/2023 của Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 1667/QĐ-BTP ngày 10/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) (sau đây gọi là dự thảo Luật) như sau:

**I. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT**

**1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với mục đích, yêu cầu đã được thông qua trong Đề nghị xây dựng Luật**

Nội dung của dự thảo Luật cơ bản bám sát mục đích, yêu cầu trong đề nghị xây dựng Luật tại Mục II Tờ trình số 12/TTr-BTP ngày 28/02/2023 và được Chính phủ có ý kiến tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 28/02/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 02 năm 2023. Các quy định tại dự thảo Luật nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý để khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành Luật Thủ đô, tiến tới xây dựng, phát triển Thủ đô với vị trí, vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, hướng tới đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển. Tuy nhiên, như phân tích trong Báo cáo thẩm định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, chọn lọc một số giải pháp chính sách trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, tránh trùng lặp... như Chính phủ đã có ý kiến tại Nghị quyết số 27/NQ-CP (Mục 1, trang 3).

## 2. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với phạm vi điều chỉnh, chính sách đã được thông qua trong Đề nghị xây dựng Luật

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bám sát, cụ thể hóa mục tiêu, phạm vi, nội dung của 09 chính sách được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-CP trong dự thảo Luật. Các nội dung của dự thảo Luật cũng đã thể hiện được yêu cầu kế thừa chọn lọc, tiếp tục phát huy những quy định phù hợp, hiệu quả của Luật Thủ đô năm 2012. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý một số vấn đề sau:

**2.1.** Một số chính sách trong đề nghị xây dựng Luật chưa được thể hiện một cách chính xác, đầy đủ, rõ ràng trong dự thảo Luật. Ví dụ:

a) Chính sách 05 về cơ chế chính sách xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh được thể chế hóa tại Điều 35 dự thảo Luật quy định về phát triển nông nghiệp, nông thôn Thủ đô. Phạm vi mục tiêu của Chính sách 05 là khá lớn và rộng, tạo động lực mạnh mẽ cho Hà nội phát triển, xây dựng nông nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường, nông thôn hiện đại, xanh, xây dựng người nông dân văn minh, kỹ năng, trình độ chuyên môn cao...Tuy nhiên, các quy định của dự thảo Luật mới chủ yếu dừng lại ở quy định về hoạt động, đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ khi đầu tư vào nông nghiệp sinh thái mà chưa thể hiện rõ các giải pháp về cơ chế, biện pháp, nguồn lực để xây dựng nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đã được thông qua.

b) Đối với chính sách 08 về cơ chế, chính sách phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững, Tờ trình số 12/TTr-BTP đưa ra 04 giải pháp thực hiện (trang 17-18). Tuy nhiên, trong chính sách 8 không có nội dung “*Được áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đã được cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho phép áp dụng tại nước ngoài mà lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thành phố Hà Nội*” (điểm đ khoản 5 Điều 28 dự thảo Luật). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có đánh giá tác động bổ sung đối với quy định này.

**2.2.** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân nhóm nội dung 09 chính sách đã được thông qua và liệt kê các Điều luật đang thể chế nội dung cụ thể của các chính sách đó nhằm đảm bảo dự thảo Luật cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện mục tiêu, phạm vi, giải pháp của 09 chính sách, tạo thuận lợi cho quá trình theo dõi xây dựng Luật và đảm bảo tính công khai, minh bạch. Trường hợp có nội dung nằm ngoài phạm vi các chính sách đã được thông qua, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có báo cáo đánh giá tác động bổ sung theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

### 1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo Luật đã bám sát quan điểm, chủ trương, định hướng chính sách lớn của Đảng và Nhà nước được xác định rõ tại các văn kiện như Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 15-NQ/TW), trong đó đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “*Thủ đô Hà Nội là Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”;* trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực”; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị. Thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố thuộc thành phố... Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch; xây dựng khung pháp lý cho phát triển đô thị thông minh, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm đô thị; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 30-NQ/TW) đặt ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: “*hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng*”.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung (nếu có) chủ trương, quan điểm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước có liên quan đến các quy định của dự thảo Luật, đặc biệt các quy định có tính chất đặc thù, vượt trội trong dự thảo Luật như: đất đai, bất động sản, nhà ở, nông nghiệp, nông thôn, nông dân, chuyển đổi số...

Để nhằm hoàn thiện hơn nữa dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý, có phương án chỉnh lý một số nội dung sau:



**1.1. Về sự phù hợp với Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Nghị quyết số 15-NQ/TW đặt ra yêu cầu “rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật với các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội cho Thủ đô” (Mục III.8). Tuy nhiên, một số nội dung trong dự thảo Luật quy định tương tự các quy định hiện hành hoặc dự thảo Luật đang chuẩn bị trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2023) như: Điều 29, Điều 35 dự thảo Luật: quy định tại Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước; Điều 31 dự thảo Luật (về phương pháp thặng dư và bồi thường): tương tự như dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Điều 32 (về nhà ở xã hội): tương tự quy định tại chế định nhà ở xã hội trong dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện, thực hiện đúng tinh thần của Nghị quyết số 15-NQ/TW và Nghị quyết số 27/NQ-CP.

- Một trong những nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 15-NQ/TW về xây dựng, phát triển Thủ đô là: hoàn thiện pháp luật với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho Thủ đô; tăng cường phân cấp, phân quyền cho Thủ đô trên một số lĩnh vực nhằm tạo sự chủ động, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Thủ đô gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực; xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp cho chính quyền Thủ đô Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô, trong tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế...

Qua rà soát sơ bộ cho thấy, dự thảo Luật đã có nhiều quy định phân cấp, phân quyền cho chính quyền Thủ đô trong các lĩnh vực như quy hoạch (Điều 21), đất đai (Điều 31), phát triển nhà ở (Điều 32), phát triển đô thị (Điều 33), phát triển nông nghiệp, nông thôn (Điều 35), quy định mức tiền phạt đối với vi phạm hành chính (Điều 36), tài chính, ngân sách (Điều 37, Điều 38), tách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công (Điều 39), đầu tư (Điều 40, Điều 45, Điều 46), quản lý tài sản công (Điều 44)...

- Các lĩnh vực được phân quyền nêu trên chủ yếu là nguồn lực để phát triển Thủ đô (chủ yếu là kinh tế). Trong khi đó, các lĩnh vực khác cũng cần được tính toán, nghiên cứu kỹ lưỡng để thực hiện phân cấp, phân quyền, ví dụ như: y tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường, phòng cháy chữa cháy....

- Theo Hiến pháp, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương do luật định. Việc phân cấp được hiểu là cho từng cấp chính quyền địa phương (mà không chỉ dừng lại ở cấp tỉnh). Do đó, hồ sơ dự án Luật cần lý giải lý do chỉ phân quyền đến cấp Thành phố và không phân cấp tiếp.

- Để bảo đảm tính phù hợp và khả thi khi thực hiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền Thủ đô, cần tính toán kỹ lưỡng các điều kiện bảo đảm thi hành và kiểm soát quyền lực, cụ thể:

+ Cần đánh giá kỹ lưỡng năng lực và điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, phân quyền; trong đó, có năng lực của bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức có đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ khi được đẩy mạnh phân cấp, phân quyền từ Trung ương cho chính quyền Thành phố.

+ Hồ sơ dự án Luật cần thuyết minh rõ phạm vi và nội dung phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực, vừa đáp ứng yêu cầu về xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho Thủ đô, vừa phải cân nhắc thận trọng để lựa chọn những lĩnh vực trọng tâm (theo Nghị quyết 15) để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

+ Cần nghiên cứu bổ sung các cơ chế kiểm soát đối với việc thực hiện phân cấp, phân quyền.

***1.2. Về sự phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về “tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”***

Khoản 6 Điều 37 dự thảo Luật đưa ra 02 phương án đối với nội dung về khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố theo hướng (1) không quy định nội dung này tại dự thảo Luật và (2) quy định ngân sách Thành phố được giữ lại 100% các khoản thu tiền sử dụng đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố. Về vấn đề này, tại điểm 2.5 mục IV Nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 18-NQ/TW có nêu: “*Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương*”. Do đó, nếu theo Phương án 2 Điều 37 dự thảo Luật thì quy định này không đúng với tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW.

***1.3. Về sự phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp***

a) Điều 18 dự thảo Luật quy định về cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, hưởng các chính sách tiền lương và được bố trí việc phù hợp với năng lực.. trong việc thu hút, trọng dụng nhân tài. Tuy nhiên, dự thảo Luật chưa quy định rõ cơ chế thu hút nhân tài làm việc theo chế độ hợp đồng hay biên chế. Trong khi đó, điểm đ mục 3.1 Nghị quyết số 27-NQ/TW quy định: “*Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường*

xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao...”. Đồng thời, chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức hiện nay do Chính phủ thống nhất quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Tổ chức Chính phủ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung trên, đảm bảo phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW và thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Điều 19 dự thảo Luật quy định về “Chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô”. Tuy nhiên, nội dung về thu nhập tăng thêm tại Nghị quyết số 27-NQ/TW chưa triển khai đồng bộ trên thực tế trong thời gian qua. Do vậy, trường hợp quy định cơ chế này tại dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá kỹ tính khả thi của quy định này, tránh Luật ban hành ra, phát sinh khó khăn, lúng túng trong việc triển khai trên thực tiễn.

c) Điểm a khoản 1 Điều 38 dự thảo Luật quy định Hội đồng nhân dân thành phố: “Được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố Hà Nội và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội sau khi đã dành nguồn để thực hiện chi ngân thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền”. Về nội dung này, theo quy định tại mục 4 Nghị quyết số 27-NQ/TW quy định: “Nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương còn dư sau khi bảo đảm điều chỉnh mức lương cơ sở hằng năm và bảo đảm các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành (đối với ngân sách địa phương), các dự án đầu tư theo quy định (đối với các địa phương có tỉ lệ điều tiết) theo nghị quyết của Quốc hội phải tiếp tục sử dụng để thực hiện cải cách chính sách tiền lương sau năm 2020, không sử dụng vào mục đích khác khi không được cấp có thẩm quyền cho phép”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung “sau khi bảo đảm điều chỉnh mức lương cơ sở hằng năm, nguồn để thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền”, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, cập nhật và bổ sung (nếu có) các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến dự thảo Luật Thủ đô như quan điểm, chính sách về đất đai, nhà ở, thị trường bất động sản, về nông nghiệp, nông thôn, nông dân<sup>1</sup>, khoa học công nghệ, về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4<sup>2</sup>...

<sup>1</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW

<sup>2</sup> Nghị quyết số 52-NQ/TW



#### ***1.4. Về sự phù hợp với Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư***

Nội dung dự thảo Luật cơ bản bám sát với chủ trương về: “*Hoàn thiện thể chế để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Đẩy nhanh xây dựng khung chính sách, pháp luật đối với xây dựng chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số. Xây dựng, thử nghiệm, hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao...*” tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; “*Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm*” tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về “*đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học – công nghệ tiên tiến và tận dụng có hiệu quả CMCN 4.0; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo đột phá mạnh mẽ hơn nữa, thí điểm các mô hình kinh doanh mới, nhất là trong những lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao...*” được ghi nhận tại Kết luận số 37-KL/TW ngày 17/10/2018 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tình hình kinh tế xã hội, ngân sách nhà nước năm 2018; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ nhóm các mô hình/giải pháp lựa chọn được phép thử nghiệm tại dự thảo Luật (Điều 43) đảm bảo việc lựa chọn này phù hợp với các yêu cầu “*chỉ thí điểm các giải pháp đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; Tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động, nhưng không chủ quan, nóng vội, duy ý chí*” theo đúng quan điểm chỉ đạo nêu tại Mục II.1 Nghị quyết số 52-NQ/TW. Việc lựa chọn mô hình thử nghiệm tại dự thảo Luật cần được đánh giá kỹ tác động, thận trọng, đưa ra được các biện pháp kiểm soát, giám sát chặt chẽ để “*ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng*” theo đúng chủ trương, chính sách về hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi nhằm chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia được nêu tại Mục III.2 Nghị quyết số 52-NQ/TW nêu trên.

Về bản chất, nội dung mô hình/giải pháp thử nghiệm có kiểm soát là những nội dung kỹ thuật và nghiệp vụ hoàn toàn chưa được quy định tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào hoặc quy định pháp lý hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cho việc triển khai, áp dụng. Do vậy, để có thể “*ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc*



gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng” theo đúng chủ trương, chính sách về hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi nhằm chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia được nêu tại Mục III.2 Nghị quyết số 52-NQ/TW nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết trình rõ lý do, cơ sở của việc lựa chọn các ngành nghề, lĩnh vực áp dụng mô hình thử nghiệm có kiểm soát trong dự thảo Luật để đảm bảo phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; có đầy đủ cơ sở thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tương tự, để phù hợp, tương thích với tính chất đặc thù, đặc biệt của cơ chế thử nghiệm, đảm bảo có cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc triển khai thực hiện; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, bổ sung làm rõ các nội dung trọng yếu của mô hình này như: (i) điều kiện gia nhập cơ chế thử nghiệm; (ii) thời gian, không gian thử nghiệm; quy mô thị trường, khách hàng, giao dịch được quyền thử nghiệm; (iii) cơ chế giám sát, kiểm soát rủi ro, cảnh báo sớm; (iv) cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể chịu tác động trong quá trình hoạt động thử nghiệm; (v) hệ quả pháp lý khi kết thúc thử nghiệm (kết quả thử nghiệm thành công hay không thành công; các cơ chế ứng xử với từng kết quả thử nghiệm này..).

Về thời gian thử nghiệm, điểm a khoản 3 Điều 43 dự thảo Luật đặt ra tối đa 03 năm tùy giải pháp và lĩnh vực cụ thể... Việc xác định thời gian cần được thiết kế phù hợp với mục tiêu, bản chất, đặc điểm, sự tác động và các yêu cầu đặc thù của từng giải pháp, ngành nghề, lĩnh vực, đặc biệt đối với các giải pháp/mô hình mới, phức tạp, có sự tác động, lan tỏa và hệ quả lớn. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo (i) làm rõ cơ sở cho việc tính toán thời hạn trên; (ii) cân nhắc bổ sung các mốc thời hạn tương ứng với từng loại giải pháp (hoặc cho nhóm giải pháp có tính chất tương đồng), tránh quy định “cào bằng” áp dụng chung cho các giải pháp có tính chất đặc thù khác nhau với các yêu cầu về thời lượng thời gian khác.

Bên cạnh đó, do bản chất của hoạt động đầu tư mạo hiểm và thí điểm mô hình nghiên cứu, sản xuất, đầu tư, kinh doanh có tiềm ẩn nguy cơ rủi ro, khó dự báo và cảnh báo sớm, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định trong dự thảo Luật rõ ràng về nguyên tắc, cơ chế chịu trách nhiệm trong trường hợp quá trình triển khai phát sinh thiệt hại, đảm bảo phù hợp với Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

## **2. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp; tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật**

Nội dung dự thảo Luật không có quy định trái Hiến pháp. Tuy nhiên, để hoàn thiện nội dung dự thảo Luật, bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý các

nội dung sau đây:

### ***2.1. Một số vấn đề liên quan đến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật***

Điều 4 dự thảo Luật quy định về điều khoản áp dụng: “*Trường hợp có quy định khác giữa Luật Thủ đô và Luật, nghị quyết khác... về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Thủ đô...*” là khác với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Khoản 3 Điều 156 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã quy định “*Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau*”. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 5 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định một trong các nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật là “*Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật*”. Điều này có nghĩa là không cho phép ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mà nội dung có chứa đựng các quy định khác nhau đối với cùng một quan hệ xã hội. Hơn nữa, theo nhu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế - xã hội, các luật ban hành sau phải phản ánh quá trình đó và nếu có vấn đề cần quy định khác với Luật Thủ đô và các luật khác ban hành trước đó thì cũng đặt ra yêu cầu cần sửa đổi đồng bộ Luật Thủ đô phù hợp với yêu cầu phát triển và thực tiễn xã hội.

Tương tự như vậy, quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật: “*Trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực quy định cơ chế, chính sách thuận lợi hơn cho xây dựng, phát triển, quản lý, bảo vệ Thủ đô thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định*” cũng chưa hoàn toàn phù hợp với Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tạo sự linh hoạt, tùy nghi khá rộng trong tổ chức thi hành Luật. Mặt khác, quy định này dẫn đến thực tế Hội đồng nhân dân sẽ là cơ quan giải thích “*luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực quy định cơ chế, chính sách thuận lợi hơn cho xây dựng, phát triển, quản lý, bảo vệ Thủ đô*”; có thể chưa phù hợp với Điều 74 Hiến pháp năm 2013 về thẩm quyền giải thích luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Dự thảo Luật Thủ đô là văn bản quan trọng trong hệ thống pháp luật do tính chất đặc thù của Thủ đô và sự chi phối, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển. Việc giải quyết mối quan hệ giữa dự thảo Luật với các luật có liên quan là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, giúp tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn, làm cơ sở để phát huy lợi thế về vị trí, kinh tế, chính trị, xã hội và nguồn lực của Thủ đô. Tuy nhiên, giải pháp cơ bản để xử lý vấn đề này cần gắn với quá trình rà soát, hoàn thiện các quy định cụ thể trong dự thảo Luật và các luật có liên quan, trong đó bao gồm các dự thảo Luật đang được trình Quốc hội dự kiến ban hành trong thời gian tới để nhận định rõ những vấn đề gì cần được

quy định trong dự thảo Luật Thủ đô, những vấn đề gì được quy định trong luật khác, hạn chế giải quyết bằng việc xác định thứ tự ưu tiên đặc biệt của Luật Thủ đô so với các Luật khác cũng do Quốc hội ban hành. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần đánh giá tổng thể, làm rõ tính cần thiết của việc có điều khoản áp dụng pháp luật trong dự thảo Luật, trên cơ sở đó báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định

Trường hợp cần có quy định ưu tiên áp dụng Luật Thủ đô so với các Luật có liên quan, cơ quan chủ trì soạn cần chỉ ra được những nội dung cần cơ chế đặc thù, vượt trội chỉ được quy định trong Luật Thủ đô, tương tự như một số Luật được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua, ví dụ khoản 1 Điều 4 Luật Dầu khí<sup>3</sup> hoặc Nghị quyết số 98/2023/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh (khoản 5 Điều 12).<sup>4</sup>

## ***2.2. Một số vấn đề liên quan đến Luật Quy hoạch***

a) Khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật quy định việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải được thực hiện theo Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 5 Luật Quy hoạch năm 2017, chỉ có 05 loại quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia<sup>5</sup>. Mặt khác, Phụ lục I và Phụ lục II Luật này đều không quy định về Quy hoạch chung tỉnh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ Quy hoạch chung thủ đô có phải là Quy hoạch chung xây dựng thủ đô không hay là loại quy hoạch khác và rà soát, chỉnh lý quy định về Quy hoạch chung thủ đô tại khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật cho phù hợp với Luật Quy hoạch năm 2017. Trường hợp Quy hoạch chung, Quy hoạch Thủ đô là những loại Quy hoạch mới, đề nghị làm rõ tính chất, nội dung Quy hoạch, vị trí, thứ tự cấp bậc, mối quan hệ giữa các Quy hoạch này với các Quy hoạch có liên quan theo quy định của Luật Quy hoạch, quy trình, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch. Trường hợp nếu phát sinh thêm một loại Quy hoạch khác với quy định của

<sup>3</sup> Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Dầu khí và luật khác về cùng một vấn đề cụ thể liên quan đến điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí thì áp dụng Luật Dầu khí, bao gồm:a) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư dự án dầu khí;b) Thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và trách nhiệm của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tham gia ý kiến về việc sử dụng vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, doanh nghiệp 100% vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khi thực hiện quyền tham gia vào hợp đồng dầu khí, quyền ưu tiên mua trước quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí và khi thực hiện hoạt động dầu khí theo các giai đoạn của hợp đồng dầu khí, dự án dầu khí; việc tham gia của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vào các hợp đồng dầu khí; nguyên tắc xử lý chi phí; quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu, tài liệu, mẫu vật, công trình dầu khí và tài sản khác đã được lắp đặt, đầu tư của hợp đồng dầu khí đã kết thúc để tiếp tục triển khai hoạt động dầu khí, thu dọn công trình dầu khí đã tiếp nhận và xử lý thu dọn;c) Việc lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng dầu khí.

<sup>4</sup> 5. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì đối tượng được ưu đãi được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.

<sup>5</sup> (i) Quy hoạch cấp quốc gia (bao gồm quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia); (ii) Quy hoạch vùng; (iii) Quy hoạch tỉnh; (iii) Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; (v) Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.



Luật Quy hoạch, đề nghị đánh giá kỹ tác động, tránh có nguy cơ phá vỡ hệ thống quy hoạch hiện hành, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ của dự thảo Luật.

b) Điểm b khoản 2 Điều 20 dự thảo Luật quy định điều kiện điều chỉnh cục bộ các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để phục vụ mục đích cộng đồng theo quy định của pháp luật xây dựng, pháp luật quy hoạch. Hiện nay, việc điều chỉnh quy hoạch đô thị được quy định tại Điều 47,48 và 49 Luật Quy hoạch đô thị; việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng nói chung và quy hoạch cục bộ nói riêng được quy định tại Điều 36, 37 Luật Xây dựng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các điều kiện, trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng tại các văn bản Luật trên để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của dự thảo Luật. Trường hợp cần cơ chế có tính chất đặc thù, vượt trội, đề nghị thuyết trình rõ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn trong Tờ trình Chính phủ.

Đồng thời, việc điểm b khoản 2 Điều 20 dự thảo Luật đưa ra điều kiện tăng chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người khi kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố vẫn được đảm bảo có thể sẽ làm gia tăng/ tác động đến hệ số sử dụng đất tại địa phương. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội hàm và mối quan hệ giữa việc tăng chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân với việc có hay không tăng hệ số sử dụng đất. Trường hợp chỉ có nhu cầu tăng chỉ tiêu diện tích nhà ở, thì tại chiến lược quốc gia về nhà ở đã nêu phần đầu trung bình toàn quốc sẽ đạt 32m<sup>2</sup>/người. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần tiếp tục rà soát, nghiên cứu và chỉnh lý, làm rõ mục tiêu của chính sách pháp luật, đảm bảo tính khả thi của quy định.

c) Điểm b khoản 3 Điều 20 dự thảo Luật giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Tuy nhiên, nguyên tắc, điều kiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị là những nội dung quan trọng, trọng yếu, có tác động trực tiếp đến tính công khai, minh bạch, cơ chế kiểm tra, giám sát việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch, do vậy, các nội dung này cần được nghiên cứu, quy định cụ thể trong dự thảo Luật, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng cho việc quy định chi tiết sau này.

### **2.3. Một số vấn đề liên quan đến Luật Đấu thầu**

Điểm a khoản 1 Điều 27 dự thảo Luật quy định: *“Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố: ... thực hiện việc mua sắm nguyên vật liệu, vật tư, công cụ, dụng cụ, thuê dịch vụ, nhân lực, máy, thiết bị để thực hiện nhiệm vụ mà không phải thực hiện thủ tục đấu thầu trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố; hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đặc biệt hoặc hàng hóa, dịch vụ chỉ có 01 nhà cung cấp”*. Tuy nhiên, theo điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu năm 2023 (có hiệu lực từ 01/01/2024): Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách

nhiệm giải trình trong các trường hợp sau đây: “*lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu*”. Như vậy, với quy định trên của dự thảo Luật, các đơn vị sự nghiệp công lập trúng thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố sẽ thực hiện theo quy định của Luật Thủ đô mà không áp dụng quy định của Luật Đấu thầu. Đây là quy định đặc thù, khác với quy định chung của Luật Đấu thầu. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu đánh giá kỹ tác động, làm rõ sự cần thiết, căn cứ/cơ sở của việc đặt ra cơ chế đặc thù nêu trên của dự thảo Luật, đảm bảo sự chặt chẽ, lạm dụng trong thực tiễn.

#### **2.4. Một số vấn đề liên quan đến Luật Khoa học và công nghệ**

Điểm d khoản 2 Điều 27 dự thảo Luật quy định: “*Doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô được hưởng ưu đãi tương tự như doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong các năm thực hiện nhiệm vụ*”. Theo pháp luật hiện hành, doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 58 Luật Khoa học và công nghệ), không có doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển công nghệ cao. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định cho phù hợp, khả thi.

#### **2.5. Một số vấn đề liên quan đến Luật Bảo hiểm y tế**

Khoản 4 Điều 28 dự thảo Luật quy định: “*Trên cơ sở kinh phí được phân bổ cho quỹ bảo hiểm y tế, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế để phát triển hoạt động khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện, khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người cao tuổi trên địa bàn thủ đô*”. Tuy nhiên, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Luật Bảo hiểm y tế quy định nguyên tắc bảo hiểm y tế: *Bảo đảm chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia bảo hiểm y tế; Mức đóng bảo hiểm y tế được xác định theo tỷ lệ phần trăm của tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (sau đây gọi chung là tiền lương tháng), tiền lương hưu, tiền trợ cấp hoặc mức lương cơ sở; Mức hưởng bảo hiểm y tế theo mức độ bệnh tật, nhóm đối tượng trong phạm vi quyền lợi và thời gian tham gia bảo hiểm y tế.* Đồng thời, khoản 1 Điều 21 Luật này quy định người tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế chi trả các chi phí: *Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, khám thai định kỳ, sinh con; Vận chuyển người bệnh từ tuyến huyện lên tuyến trên đối với đối tượng quy định tại các điểm a, d, e, g, h và i khoản 3 Điều 12 của Luật này trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật.* Như vậy, về nguyên tắc, việc quyết định sử dụng kinh phí cho quỹ bảo hiểm y tế phải đảm bảo đúng các

nguyên tắc bảo hiểm y tế (có đóng, hưởng và chia sẻ rủi ro). Trong khi đó, quy định như khoản 4 Điều 28 dự thảo Luật về việc giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế cho các hoạt động nêu trên mà chưa làm rõ các đối tượng này có tham gia bảo hiểm y tế hay không là chưa đảm bảo tính khả thi, chưa đảm bảo các nguyên tắc bảo hiểm y tế và có thể ảnh hưởng đến việc cân đối quỹ bảo hiểm y tế. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, làm rõ các nội dung trên.

Điểm đ khoản 3 Điều 29 dự thảo Luật giao Hội đồng nhân dân quy định: “Việc sử dụng vốn đầu tư phát triển địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi cho người lao động có thu nhập thấp”. Tuy nhiên, thực tế hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về tiêu chí, điều kiện xác định người lao động có thu nhập thấp. Do đó, để đảm bảo tính khả thi, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát nội dung nêu trên cho phù hợp.

## **2.6. Một số vấn đề liên quan đến Luật Đất đai và dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)**

a) Khoản 1 Điều 31 dự thảo Luật giao Hội đồng nhân dân quy định: “Cơ chế chia sẻ lợi ích từ nguồn thu của các dự án giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư thương mại, dịch vụ với nhà nước, người dân có đất bị thu hồi”; “Việc áp dụng các phương pháp định giá đất theo quy định của Luật Đất đai và phương pháp thặng dư áp dụng đối với thửa đất có tiềm năng phát triển theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng đất để đạt hiệu quả cao nhất và tốt nhất bằng cách loại trừ tổng chi phí ước tính ra khỏi tổng doanh thu phát triển giá định của bất động sản”. Việc hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư là chủ trương đúng đắn, đã được nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao. Tuy nhiên, quy định tại dự thảo Luật về việc giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định “cơ chế chia sẻ lợi ích từ nguồn thu của các dự án giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư thương mại, dịch vụ với nhà nước, người dân có đất bị thu hồi” còn chung chung, chưa rõ ràng (thế nào là cơ chế chia sẻ lợi ích). Do đó, đề nghị làm rõ một số tiêu chí, nguyên tắc trong quy định nêu trên trước khi giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định. Đồng thời, đề nghị cân nhắc sự cần thiết của việc giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định các phương pháp định giá đất vì theo Luật Đất đai năm 2013, việc quy định các phương pháp định giá đất thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Ngoài ra, theo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ



sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (bản trình Chính phủ ngày 4/4/2023) thì giữ vẫn lại phương pháp thặng dư trong định giá đất; dự thảo Luật chưa thể hiện được sự đặc thù.

b) Điểm d khoản 2 Điều 31 dự thảo Luật quy định: “*Đối với các dự án có diện tích đất nông nghiệp từ 01ha trở lên và nằm trong quy hoạch thì được xây dựng công trình bán kiên cố và công trình phụ trợ khác phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp với tỷ lệ xây dựng không quá 10% diện tích đất nông nghiệp của dự án và tổng diện tích xây dựng không quá 02ha; việc xây dựng phải bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng đất và hoàn trả nguyên trạng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”. Tuy nhiên, về nguyên tắc, đất phải được sử dụng đúng mục đích. Đất nông nghiệp để sản xuất nông nghiệp. Đất lán trại, sân phơi... là đất phi nông nghiệp khác theo quy định tại Điều 10 Luật Đất đai. Việc quy định 10% đất nông nghiệp để xây dựng công trình phi nông nghiệp có thể dẫn đến tranh chấp, khó kiểm soát sau này, khi trên đất nông nghiệp có các công trình xây dựng phi nông nghiệp.

c) Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 31 dự thảo Luật quy định: “*Việc sử dụng đất nông nghiệp gắn với nhiều mục đích phi nông nghiệp khác nhau phải lập thành dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”; “*Các tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất rừng để thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, xây dựng trang trại*”. Tuy nhiên, theo dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) thì việc sử dụng đất đa mục đích phải lập phương án sử dụng đất trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; không quy định phải thành lập dự án đầu tư và tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp phải có phương án sử dụng đất nông nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, đề nghị xem lại quy định “*việc sử dụng đất nông nghiệp gắn với nhiều mục đích phi nông nghiệp khác nhau phải lập thành dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt*” tại điểm a khoản 2 dự thảo Luật; trường hợp đặc thù cần giải trình rõ lý do. Đồng thời, đề nghị bổ sung thêm quy định điều kiện đối với các tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp tại điểm b khoản 2 dự thảo Luật để đảm bảo tính chặt chẽ, có kiểm soát trong việc nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp.

d) Điểm b, c d khoản 7 Điều 31 dự thảo Luật giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành: Quy định về thời gian cho thuê đối với quỹ đất công ích sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Quy định về góp vốn kinh doanh bằng quyền sử dụng đất; Quy định về tái điều chỉnh đất đai trong các trường hợp.... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc lại việc giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định về thời gian cho thuê đối với quỹ đất công ích sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Bởi vì theo Luật Đất đai năm 2013 và dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), việc cho thuê

quỹ đất công ích thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã. Đồng thời, nội dung tích tụ, tập trung đất đai, góp vốn đang được xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng trong dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Vì vậy, đề nghị cân nhắc không quy định nội dung này trong dự thảo Luật Thủ đô.

### **2.7. Một số vấn đề liên quan đến Luật Nhà ở và dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi)**

a) Dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi) (đã được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp tháng 5/2023, dự kiến thông qua tại kỳ họp tháng 10/2023) đã đưa ra nhiều quy định sửa đổi chính sách về phát triển nhà ở xã hội, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư. Trong khi đó, Điều 32 dự thảo Luật đang có nhiều nội dung trùng lặp với quy định của dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi), như điểm a, b, e khoản 2 dự thảo Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát Điều 32 dự thảo Luật để đảm bảo không quy định trùng lặp với những nội dung liên quan đến phát triển nhà ở xã hội, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được quy định tại dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi).

b) Khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật quy định về Quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô. Tuy nhiên, Luật Nhà ở năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) không có quy định về Quy hoạch phát triển nhà ở mà chỉ có quy định về Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở (Điều 15). Do đó, đề nghị rà soát, lược bỏ nội dung Quy hoạch tại khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật cho phù hợp với quy định của Luật Nhà ở. Đồng thời, đề nghị rà soát lại điểm c, d, đ khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật vì các nội dung liên quan đến lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, đồ án quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết không thuộc phạm vi của Điều 32 dự thảo Luật về phát triển nhà ở tại Thủ đô.

Mặt khác, khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật cần xem xét tách thành 02 khoản tách biệt để thuận tiện trong việc áp dụng pháp luật.

c) Theo quy định điểm g khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật, việc phát triển nhà ở xã hội ở Thủ đô được bố trí vốn ngân sách Thành phố để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có quy mô sử dụng đất từ 02 ha trở lên. Quy định này cần được phân tích, đánh giá kỹ tác động trên cơ sở xác định: (i) dự kiến có bao nhiêu dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có quy mô sử dụng đất từ 02 ha trở lên trong 01 năm; (ii) kinh phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu là bao nhiêu; (iii) ngân sách Thành phố có đủ để chi cho việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu này hay không.

Để đảm bảo tính khả thi của dự thảo Luật, đề nghị bổ sung các đánh giá tác động chính sách kỹ đối với quy định tại điểm g khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật. Tương tự, đề nghị đánh giá kỹ tác động chính sách đối với quy định hỗ trợ kinh



phí từ ngân sách địa phương để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội thiết yếu trong phạm vi dự án nhà chung cư đã xuống cấp ở Thủ đô được cải tạo, xây dựng lại tại điểm đ khoản 3 Điều 32 dự thảo Luật.

d) Theo quy định điểm g khoản 3 Điều 32 dự thảo Luật, nhà chung cư đã xuống cấp ở Thủ đô được cải tạo, xây dựng lại theo quy định: được tổ chức đấu giá căn hộ trong nhà chung cư hoặc nhà chung cư để thu hồi vốn trong trường hợp sau khi việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư hoàn thành mà người đang sử dụng nhà chung cư không có nhu cầu thuê hoặc cho thuê không hết quỹ nhà ở tại dự án. Tuy nhiên, quy định này chưa làm rõ ai là người được tổ chức đấu giá căn hộ trong nhà chung cư hoặc nhà chung cư; trường hợp các chủ sở hữu nhà chung cư tự bỏ vốn đầu tư, xây dựng lại nhà chung cư thì giải quyết như thế nào. Đề nghị làm rõ nội dung quy định tại điểm g khoản 3 Điều 32 dự thảo Luật để tránh làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu nhà chung cư đã xuống cấp ở Thủ đô được cải tạo, xây dựng lại.

### ***2.8. Một số vấn đề liên quan đến Luật Chăn nuôi, Luật Đê điều, Luật Xây dựng***

a) Điểm a khoản 1 Điều 35 dự thảo Luật quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về hoạt động, đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ đối với “*Nghiên cứu nuôi cấy mô, xây dựng hệ thống giống vật nuôi, phát triển các giống vật nuôi bản địa có giá trị cao, nhập khẩu các loại giống gốc cây trồng, vật nuôi...*”. Tuy nhiên, Chăn nuôi năm 2017 không có khái niệm và chính sách liên quan đến “nuôi cấy mô”, “xây dựng hệ thống giống vật nuôi”. Đồng thời, khoản 2 Điều 4 Luật Chăn nuôi<sup>6</sup> cũng không quy định các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi như điểm a khoản 1 Điều 35 dự thảo Luật. Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ trong Tờ trình: (i) mối quan hệ giữa dự thảo Luật với Luật Chăn nuôi năm 2017; (i) cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, tính khả thi của quy định Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về hoạt động, đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ đối với hoạt động nghiên cứu nuôi cấy mô, xây dựng hệ thống giống vật nuôi.

<sup>6</sup> Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau đây: (a) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; (b) Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; xử lý môi trường chăn nuôi; phát triển các mô hình thực hành chăn nuôi tốt; di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; (c) Xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ, ...; (d) Xây dựng và phát triển sản phẩm chăn nuôi quốc gia, sản phẩm chăn nuôi chủ lực, sản phẩm chăn nuôi hữu cơ; xây dựng thương hiệu sản phẩm chăn nuôi quốc gia; xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, chợ đầu mối, cơ sở đấu giá để quảng bá, tiêu thụ giống và sản phẩm chăn nuôi; xúc tiến thương mại và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; (đ) Hỗ trợ thiệt hại về chăn nuôi, phục hồi giống vật nuôi sau thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

b) Điểm b khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật quy định Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định “*Cấp phép các hoạt động có liên quan đến đê điều trên địa bàn Thành phố*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại quy định này đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định tại Điều 25, Điều 26 Luật Đê điều năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định về Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều, trong đó lưu ý, việc cấp giấy phép cho những hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này phải căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành. Khi cấp giấy phép cho những hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều này đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trường hợp cần cơ chế đặc thù, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, làm rõ các điều kiện, tiêu chí cấp phép các hoạt động có liên quan đến đê điều tại dự thảo Luật này, trong đó lưu ý làm rõ việc cấp phép này có phải thực hiện theo quy định pháp luật đất đai hay không? Nếu có, bổ sung nội dung dẫn chiếu đến pháp luật về đất đai, đảm bảo tính minh bạch, khả thi của quy định.

c) Điều b khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật quy định Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: “*cấp phép các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn thành phố*”. Điểm c khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật quy định Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: “*Các hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp ở bãi sông theo nguyên tắc việc xây dựng trên đất nông nghiệp ở bãi sông có đê phải phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều, quy hoạch thành phố Hà Nội được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”. Tuy nhiên, việc xây dựng trên đất nông nghiệp không chỉ phải tuân theo quy định của luật quy hoạch mà còn phải đảm bảo phù hợp với Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Đê điều. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại quy định nêu trên cho phù hợp.

### **2.9. Một số vấn đề liên quan đến Bộ luật Dân sự**

Về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, Điều 22 dự thảo Luật mới chỉ đề cập đến không gian xanh, không gian ngầm và không gian cảnh quan khu vực mà chưa đề cập đến không gian trên mặt đất. Theo quy định tại Điều 267 Bộ luật Dân sự quy định về quyền bề mặt, trong đó có khái niệm: “*Quyền bề mặt là quyền của một chủ thể đối với mặt đất, mặt nước, khoảng không gian trên mặt đất, mặt nước và lòng đất mà quyền sử dụng đất đó thuộc về chủ thể khác*”. Do đó, để bảo đảm việc khai thác giá trị đất đai, công trình ngầm, phù hợp với tính chất của quyền bề mặt trong Bộ luật Dân sự, đồng bộ với quy định khoản 3 Điều 31 dự thảo Luật về tiền sử dụng đất xây dựng công trình trên cao trong khu vực TOD của các tuyến đường sắt đô thị và các công trình đầu nối vào các tuyến đường sắt đô thị, đề

ng nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về không gian mặt đất trong quản lý không gian nói chung và cơ chế quản lý và sử dụng loại không gian này tại Điều 22 dự thảo Luật.

Khoản 4 Điều 23 dự thảo Luật quy định “*Việc khai thác không gian ngầm dùng chung hoặc không gian ngầm khu vực TOD phải được lập quy hoạch chi tiết do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và được giao cho 01 đơn vị quản lý đầu tư, xây dựng và vận hành. Cơ quan được giao quản lý (vận hành) các công trình nằm trong vùng ảnh hưởng và vùng kết nối có trách nhiệm phối hợp cùng đơn vị quản lý để thống nhất phương án khai thác, kết nối, đền bù hoặc đóng góp trách nhiệm kết nối hạ tầng TOD (nếu có) bảo đảm mục tiêu tăng cường hiệu quả sử dụng đất đô thị và các bên đều được hưởng lợi ích*”. Việc quy định không gian ngầm được giao cho 01 đơn vị quản lý đầu tư, xây dựng và vận hành cần được cân nhắc kỹ lưỡng, bảo đảm phù hợp với tính chất của quyền bề mặt trong Bộ luật Dân sự và tính khả thi khi thực hiện quyền, không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể khác có quyền bề mặt theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 267 đến Điều 273). Bên cạnh đó, cần bám sát nội dung, định hướng của dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) để có quy định thích hợp.

### **2.10 Một số vấn đề liên quan đến Luật Xử lý vi phạm hành chính**

Khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật quy định việc xử phạt hành chính trên địa bàn Thủ đô được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm chính và đề xuất 02 Phương án<sup>7</sup>. Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật, việc xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thủ đô có thể được hiểu được áp dụng với mức 02 lần nhưng dự thảo Luật không làm rõ có áp dụng khoản 1 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính hay không? Do đó, đề nghị tại điểm a khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật nêu rõ phạm vi áp dụng là địa bàn Thủ đô và bổ sung “*không vượt quá mức phạt tiền tối đa theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính*”.

<sup>7</sup> Phương án 1:

- a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm;  
b) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a khoản này có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó.

Phương án 2:

- a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm;  
b) Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính bằng việc yêu cầu các doanh nghiệp, tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước ngừng cung cấp dịch vụ đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thủ đô;  
c) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở thành phố Hà Nội có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản này.



Về biện pháp ngăn chặn tại phương án 02, đây là quy định mới chưa được quy định ở Luật Xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần thiết phải quy định nội dung rõ các biện pháp trong dự thảo Luật; thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng; tính chất, mức độ cụ thể khi áp dụng biện pháp ngăn chặn nêu trên. Đồng thời, cũng cần phải tính toán thêm các trường hợp (ví dụ, tòa chung cư mà ban quản lý vi phạm, thì có bị cắt điện, cắt nước cho cả tòa chung cư hay không) ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ dân khi họ không vi phạm.

Phương án 2 của điểm b khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật dự kiến quy định cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính có quyền “*Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính bằng việc yêu cầu các doanh nghiệp, tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước ngừng cung cấp dịch vụ đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thủ đô*” (đây cũng là một trong những nội dung đã gây ra tranh luận rất nhiều khi xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, được đưa ra báo cáo Chính phủ về nội dung còn có ý kiến khác nhau và cũng là phương án không được lựa chọn). Do vậy, đề nghị cân nhắc lược bỏ phương án này vì lý do sau: (i) vi phạm nguyên tắc hạn chế quyền đã được ghi nhận tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013; (ii) sử dụng biện pháp dân sự để giải quyết quan hệ pháp luật hành chính là sự can thiệp không phù hợp vào quan hệ pháp luật dân sự; (iii) không đảm bảo tính nhân văn (vì trong nhiều trường hợp việc áp dụng biện pháp này ảnh hưởng đến đời sống của các cá nhân không vi phạm hành chính, ví dụ áp dụng biện pháp tạm ngừng sử dụng dịch vụ điện, nước tại nhà chung cư trong khi chủ thể vi phạm là chủ đầu tư nhưng người dân tại tòa nhà đó lại có quyền và lợi ích có liên quan...).

### ***2.11. Một số vấn đề liên quan đến Luật Ngân sách nhà nước và Luật Tổ chức chính quyền địa phương***

a) Điểm b, c, d khoản 3 Điều 29 dự thảo Luật giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định: *Đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội ngoài các đối tượng theo quy định pháp luật hiện hành; Nội dung chi, mức chi cụ thể cho an sinh xã hội khác trong khả năng cân đối ngân sách của Thành phố ngoài quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan; Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đối tượng chính sách của thành phố Hà Nội.* Tuy nhiên, theo Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2020), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “*Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh*” (điểm a khoản 1); “*Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa*

*phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương*” (điểm b khoản 3); “*Quyết định biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân*” (điểm c khoản 5); “*Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên*” (điểm đ khoản 5); “*Quyết định biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, biện pháp xóa đói, giảm nghèo*” (điểm e khoản 5). Đồng thời, theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật Doanh nghiệp năm 2020), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”. Do đó, việc dự thảo Luật giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định các nội dung nêu trên là không cần thiết.

b) Điểm a khoản 2 Điều 38 dự thảo Luật quy định Ủy ban nhân dân thành phố: “*Được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội...*”. Khoản 3 Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “*Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính*”. Như vậy, việc quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội quy định: “*Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện...*”. Như vậy, nội dung này đã được thí điểm thực hiện tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 nhưng giao Hội đồng nhân dân thành phố quyết định mà không giao Ủy ban nhân dân thành phố quyết định. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo soạn thảo có đánh giá tác động và làm rõ sự cần thiết phải giao Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tại dự thảo Luật này.

c) Điểm e khoản 1 Điều 38 quy định cơ chế: “*Hàng năm, bố trí ít nhất 2% chi ngân sách dành cho bảo vệ, phát triển văn hóa thủ đô*”. Tuy nhiên, hiện nay

việc ưu tiên bố ngân sách cho lĩnh vực khoa học công nghệ đang được quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Khoa học và Công nghệ: “Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học và công nghệ từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp khoa học và công nghệ”. Do vậy, trường hợp quy định như điểm e khoản 1 Điều 38 dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì giải trình rõ lý do quy định này và cân nhắc việc quy định này có giới hạn hay không; đồng thời thuyết trình rõ lý do, sự cần thiết của việc phải bố trí ít nhất 2% chi ngân sách dành cho bảo vệ, phát triển văn hóa thủ đô nêu trên.

## **2.12. Một số vấn đề liên quan đến Luật Đầu tư**

a) Khoản 2 Điều 39 dự thảo Luật quy định: “Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể...”.

Về vấn đề này, khoản 5 Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020 quy định: “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thì có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Trường hợp đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư dẫn đến dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp cao hơn thì cấp đó có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều này”.

Do đó, đề nghị không giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể như dự thảo Luật hiện nay đảm bảo phân định rõ trách nhiệm của cá nhân có thẩm quyền trong việc quyết định chủ trương đầu tư cũng như quyết định đầu tư dự án.

b) Khoản 5 Điều 47 dự thảo Luật quy định: “Căn cứ các dự án thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Theo thẩm quyền đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật này, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô và với quy mô tổng vốn đầu tư đối với từng loại dự án và ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này”. Tuy nhiên, thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đã được xác định theo các tiêu chí nhất định quy định tại Điều 46 dự thảo Luật và Điều 30, 31, 32 Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022). Thậm chí, một số dự án không cần thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc quy định Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận



chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược là chưa thống nhất với quy định của Luật Đầu tư và dự thảo Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý cho phù hợp, thống nhất.

Ngoài ra, việc quy định “*căn cứ các dự án thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư...*” chưa đủ rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đề xuất dự án; có thể phát sinh cách hiểu khác nhau về bản chất của hoạt động này, do “*đề xuất dự án đầu tư*” theo Điều 33 Luật Đầu tư lại là thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư, không phải là một hoạt động trong quá trình đầu tư như hiện đang quy định trong dự thảo Luật.

c) Điểm d khoản 1 Điều 48 dự thảo Luật quy định: “*Các dự án đầu tư được ưu đãi gồm... Dự án hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố*”. Đây là quy định khác với nguyên tắc của khoản 3 Điều 15 Luật Đầu tư là chỉ được áp dụng đối với “*dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng*” và được hiểu là mọi dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo hiện hữu cũng được hưởng các ưu đãi đầu tư theo dự thảo Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá kỹ tác động về quy định không giới hạn phạm vi dự án được hưởng ưu đãi đầu tư trên, đảm bảo hợp lý, khả thi.

### **2.13. Một số vấn đề liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường**

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các Nghị định quy định chi tiết Luật này về cơ bản đã hoàn thiện các cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường. Do đó, về nguyên tắc, công tác, nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định tại dự thảo Luật với Luật Bảo vệ môi trường, nhận diện những vấn đề đặc thù cần áp dụng riêng cho Thủ đô Hà Nội để quy định riêng (vượt trội) cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn Hà Nội tại dự thảo Luật. Ví dụ: Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định 07 nguyên tắc bảo vệ môi trường<sup>8</sup> nhưng khoản 1 Điều 30 dự thảo Luật chỉ quy định việc quản

<sup>8</sup> Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ môi trường

1. Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.
2. Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.
3. Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.
4. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.
5. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

lý và bảo vệ môi trường Thủ đô được thực hiện theo 04 nguyên tắc (i) phát triển bền vững, (ii) phát triển kinh tế tuần hoàn và (iii) chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa và lịch sử ở Thủ đô; (iv) bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 30 dự thảo Luật giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định về hỗ trợ, ưu đãi đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; hỗ trợ, ưu đãi cho phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư, làng nghề... Tuy nhiên, nội dung của Điều 28 dự thảo Luật chưa quy định rõ nội dung chính sách hỗ trợ, chính sách ưu đãi ( để đảm bảo nội dung hỗ trợ, ưu đãi cụ thể thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố. Ví dụ: Hội đồng nhân dân không thể ưu đãi về thuế ) làm cơ sở để Hội đồng nhân dân thành phố quy định khi triển khai thực hiện.

#### ***2.14. Một số vấn đề liên quan đến Luật Công nghệ cao***

Điểm d khoản 6 Điều 45 dự thảo Luật quy định: “*Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản này thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Công nghệ cao*”. Tuy nhiên, Luật Công nghệ cao năm 2008 không có nội dung về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại cho phù hợp.

#### ***2.14. Một số vấn đề khác***

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý một số vấn đề quan trọng cần hoàn thiện thêm để đảm bảo tính hợp lý, khả thi, gồm:

##### ***- Về Hội đồng nhân dân thành phố***

Điểm a khoản 1 Điều 10 dự thảo Luật quy định việc thành lập các cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù, trong đó đề xuất 02 phương án về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong việc quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã<sup>9</sup>. Đây là

6. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

<sup>9</sup> *Phương án 1*: quy định mở, không quy định cụ thể tên cơ quan, tổ chức đặc thù nào sẽ được thành lập. Đây là quy định mạng tính khái quát và linh hoạt. *Phương án 2*: quy định cụ thể tên của 3 cơ quan, tổ chức đặc thù (Sở Môi trường, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Đội quản lý trật tự xây dựng) và quy định mở “*và một số cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù*”.



nội dung mới, có tính chất đặc thù tạo điều kiện linh hoạt, chủ động cho Hà Nội, căn cứ yêu cầu, tình hình của thực tiễn để xem xét, quyết định thành lập lại, giải thể các cơ quan chuyên môn của Hà Nội. Tuy nhiên, để có đầy đủ cơ sở thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định lựa chọn Phương án, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn, tiếp tục đánh giá kỹ tác động, phân tích ưu nhược điểm, phân tích chi phí, lợi ích của nhà nước, xã hội và người dân trong từng phương án. Việc lựa chọn phương án phải đảm bảo thận trọng, chặt chẽ, tránh có sự sơ hở, lạm dụng trong thực tiễn.

Điểm b khoản 1 Điều 10 dự thảo Luật quy định: **“Trên tổng số biên chế cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền giao, Hà Nội được giao tăng thêm tối đa 10% căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm do cơ quan có thẩm quyền quy định, quy mô dân số, thực trạng khối lượng công việc, mức độ hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện làm việc, đặc điểm an ninh, chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội để đảm bảo các chi phí cho biên chế tăng thêm”**. Để có đầy đủ cơ sở thông tin cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ, cơ sở chính trị, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của việc đề xuất tỷ lệ biên chế được tăng thêm tối đa là 10%, trong đó lưu ý nguồn bố trí số lượng biên chế tăng thêm để bảo đảm tính khả thi trong thực hiện. Bên cạnh đó, nội dung này là vấn đề quan trọng, cần được xem xét, báo cáo xin ý kiến của Bộ Chính trị.

Đồng thời, Điều 10 dự thảo Luật quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, tuy nhiên, điểm b khoản 1 Điều 10 dự thảo Luật chưa làm rõ phạm vi nội hàm thẩm quyền cụ thể của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về biên chế? Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ các nội dung trên.

- Về chế độ công vụ, biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

Khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật quy định: **“Thực hiện thống nhất một chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội”**; **“cán bộ... được quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp Thành phố”**, **“công chức được tuyển dụng, sử dụng, quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp Thành phố”**. Tuy nhiên, Hồ sơ dự án Luật (Tờ trình) chưa làm rõ nội hàm quy định **“thống nhất một chế độ công vụ, công chức”** và nội dung của các quy định nêu trên. Đây là vấn đề lớn, quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh pháp luật về cán bộ, công chức chưa được sửa đổi, bổ sung. Do đó, để có đầy đủ cơ sở thông tin cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (và cũng là cơ sở để sau này Chính

phủ quy định chi tiết), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học của các vấn đề trên trong hồ sơ dự án Luật.

Ngoài ra, điểm b khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật quy định “*công chức được tuyển dụng, sử dụng, quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp Thành phố*”. Tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 15 dự thảo Luật quy định: Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội có nhiệm vụ, quyền hạn “*tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố thuộc thành phố Hà Nội*”. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo giải thích, làm rõ nội dung quy định về tuyển dụng “*thống nhất từ cấp xã đến cấp Thành phố*” đối với công chức”.

- Về ủy quyền lập pháp cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Trang 4 dự thảo Tờ trình xác định các quan điểm xây dựng dự án Luật, trong đó có quan điểm: “*Cụ thể hóa tối đa các cơ chế, chính sách đặc thù trong Luật để áp dụng được ngay; những vấn đề cần ủy quyền lập pháp thì nên ủy quyền cho các cơ quan người có thẩm quyền quy định vấn đề đó theo pháp luật hiện hành nhằm bảo đảm tính khả thi và tính đồng bộ về thẩm quyền ban hành văn bản. Đồng thời với việc phân quyền mạnh mẽ cho Hà Nội nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo, cần quy định tương ứng trách nhiệm của Hà Nội cũng như cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của các cấp chính quyền Thành phố*”.

Qua rà soát sơ bộ 02 Chương (Chương III và Chương IV) của dự thảo Luật, cơ quan chủ trì thẩm định nhận thấy có khoảng 25 khoản (trong nhiều khoản có nhiều điểm) *giao Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội “quy định”* thuộc các lĩnh vực khác nhau: quy hoạch (khoản 3 Điều 20, khoản 3 Điều 21); cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị (khoản 2 và khoản 3 Điều 24); bảo vệ và phát triển văn hóa, thể thao (khoản 3 Điều 25); phát triển giáo dục và đào tạo (khoản 3 và khoản 4 Điều 26); phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân (khoản 3 và khoản 5 Điều 28); chính sách xã hội, an sinh xã hội (khoản 3 Điều 29); bảo vệ môi trường (khoản 3 Điều 30); quản lý, sử dụng đất đai (khoản 1 và khoản 7 Điều 31); phát triển nhà ở (Điều 32); phát triển đô thị (khoản 3 Điều 33); phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông (khoản 1 Điều 34); phát triển nông nghiệp, nông thôn (khoản 1 Điều 35); quy định mức tiền phạt cao hơn (khoản 2 Điều 36); tài chính, ngân sách (điểm h khoản 1 Điều 38); hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (khoản 3 Điều 42); mô hình thử nghiệm có kiểm soát (khoản 5 Điều 43); quản lý tài sản công (khoản 2 Điều 44); thu hút đầu tư xã hội (khoản 22 và khoản 23 Điều 45); đầu tư (khoản 1 Điều 46); phương thức hợp tác công tư (khoản 7 Điều 47); ưu đãi đầu tư (khoản 4 Điều 48).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc kỹ tính khả thi khi giao Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định cụ thể nhiều nội dung như trên, trong đó lưu ý:

*Thứ nhất*, cần rà soát, đánh giá kỹ tác động để xác định rõ thẩm quyền quy định những vấn đề nêu trên theo quy định pháp luật hiện hành là cơ quan nào (Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hay Bộ trưởng<sup>10</sup>) và nếu giao cho Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định đối với từng vấn đề như dự kiến tại dự thảo Luật thì có phù hợp và khả thi hay không?

*Thứ hai*, nhiều quy định của Luật còn chung chung, chưa cụ thể (ví dụ như Điều 24 về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, Điều 28 về phát triển y tế, Điều 25 về bảo vệ, phát triển văn hóa, Điều 30 về bảo vệ môi trường; Điều 33 về phát triển đô thị tại Thủ đô...), do đó, việc ủy quyền lập pháp cho Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quá nhiều nội dung như trên là khó khả thi.

*Thứ ba*, những vấn đề Luật giao Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định đều là những vấn đề khó, mới, phức tạp. Do đó, cần tính toán kỹ lưỡng, thấu đáo để bảo đảm chính quyền thành phố Hà Nội có thể ban hành được các văn bản quy định những vấn đề mà Luật giao. Đồng thời, cần có cơ chế kiểm soát, giám sát đối với nội dung và thẩm quyền của chính quyền Thành phố Hà Nội khi ban hành các văn bản quy định các vấn đề được Luật giao.

- Về biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 dự thảo Luật, quỹ đất của các cơ quan, đơn vị, cơ sở di dời khỏi đô thị trung tâm theo quy định tại khoản 2 Điều này được ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình công cộng, phục vụ tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của Thủ đô. Để đảm bảo tính công khai, minh bạch của dự thảo Luật, tránh có sự tùy nghi, linh hoạt không đáng có trong áp dụng pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định cụ thể hơn về thứ tự ưu tiên và cơ chế, điều kiện xác định thứ tự ưu tiên các loại dự án đầu tư xây dựng trên quỹ đất này.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 21 dự thảo Luật, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định điều chỉnh, áp dụng mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD, nhưng phải bảo đảm đáp ứng năng lực phục vụ của hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Theo dự thảo Luật, các nội dung liên quan đến việc phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng khu vực (TOD) đang được quy định rải rác tại các điều, khoản khác nhau của dự thảo Luật<sup>11</sup>. Do đó, để đảm bảo tính logic của dự thảo Luật và để có đầy đủ cơ sở cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định điều chỉnh, áp dụng mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc: (i) điều chuyển nội dung khoản 1 Điều 41 dự thảo Luật lên trước khoản 6 Điều 21 dự thảo Luật; (ii) điều chuyển nội dung khoản 3 Điều 41 dự thảo

<sup>10</sup> Ví dụ khoản 4 Điều 26; điểm đ khoản 5 Điều 28...

<sup>11</sup> khoản 10 Điều 3; khoản 1 Điều 41; khoản 3 Điều 41; khoản 5 Điều 41...



Luật và khoản 5 Điều 41 dự thảo Luật lên Chương III dự thảo Luật (sau Điều 21 dự thảo Luật hoặc đưa vào một điều cụ thể khác có liên quan như Điều 34 về phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông Thủ đô); (iii) quy định rõ các nguyên tắc quyết định điều chỉnh, áp dụng mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD.

- Về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị, nông thôn

Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 dự thảo Luật, không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị, nông thôn của Thủ đô phải được quản lý theo đồ án quy hoạch, bảo đảm bảo tồn, tôn tạo, phát huy các hình thái kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử, *tạo lập không gian xanh, không gian ngầm của Thủ đô, không gian cảnh quan khu vực hai bên sông Hồng*. Tuy nhiên, Điều 23 dự thảo Luật mới chỉ quy định về quản lý, sử dụng không gian ngầm đô thị tại Thủ đô mà chưa quy định về quản lý, sử dụng không gian ngầm tại khu vực nông thôn của Thủ đô. Bên cạnh đó, các nội dung khác có liên quan đến việc tạo lập (xây dựng) 03 loại không gian trên chưa được quy định trong dự thảo Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung trong dự thảo Luật: (i) các nguyên tắc về tạo lập 03 loại không gian (xanh, ngầm, cảnh quan khu vực hai bên sông Hồng) để đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn thi hành; (ii) quy định về quản lý, sử dụng không gian ngầm tại khu vực nông thôn của Thủ đô để có cơ sở cho việc phát triển hệ thống giao thông ngầm (tàu điện ngầm, bãi xe ngầm) kết nối đến khu vực nông thôn của Thủ đô hay các khu thương mại ngầm ở khu vực này.

- Về quản lý, sử dụng không gian ngầm đô thị tại Thủ đô

Đề nghị rà soát lại quy định về nguyên tắc quản lý và sử dụng không gian ngầm tại các đô thị, khu nội đô lịch sử của Thủ đô tại khoản 1 Điều 23 để đảm bảo các nội dung thực sự là “nguyên tắc” và lược bỏ một số quy định không phải là nguyên tắc như quy định “*Bồi thường theo quy định của pháp luật đối với trường hợp gây thiệt hại đến việc sử dụng đất của người sử dụng đất trên bề mặt của công trình ngầm*” tại điểm d khoản 1 Điều này.

Khoản 2 Điều 23 dự thảo Luật quy định về các loại công trình ngầm đô thị được khuyến khích đầu tư xây dựng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 23 dự thảo Luật, việc xây dựng công trình ngầm phải được cấp phép theo quy định của Chính phủ. Các nội dung quy định này là không phù hợp với tên Điều 23 về quản lý, sử dụng không gian ngầm đô thị tại Thủ đô, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại tên Điều 23 dự thảo cho phù hợp. Đồng thời, việc bổ sung, hoàn thiện Điều 23 dự thảo Luật cần bao quát cả nội dung xây dựng công trình ngầm hoặc bổ sung thêm 01 Điều khoản riêng về xây dựng không gian ngầm đô thị tại Thủ đô; bổ sung thêm nguyên tắc việc cấp phép xây dựng công trình ngầm có tính đến yếu tố đảm bảo an toàn của công trình phía trên mặt đất và các công trình lân cận.

Ngoài ra, cần bổ sung quy định về quản lý, sử dụng không gian trên cao bởi việc khai thác, sử dụng không gian trên cao cũng mang lại những lợi ích quan trọng về kiến trúc, kinh tế.

- Về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị

Điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 24 dự thảo Luật giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền quy định một loạt các cơ chế khuyến khích ưu đãi liên quan đến cải tạo, chỉnh trang, trùng tu, bảo tồn, kiểm định chất lượng tái thiết đô thị; các cơ chế khuyến khích khai thác hiệu quả, bền vững công trình, di tích lịch sử<sup>12</sup>. Tuy nhiên, Điều 24 dự thảo Luật chưa có các quy định về nguyên tắc cho việc đưa ra các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích này.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 24 dự thảo Luật, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền quy định (i) Điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng; biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác, sử dụng biệt thự cũ và các công trình kiến trúc có giá trị; (ii) Nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục khuyến khích hợp tác công tư và xã hội hóa trong cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị. Tuy nhiên, nội dung dự thảo Luật chưa quy định rõ điều kiện kiến trúc xây dựng, dễ tạo sự lúng túng trong áp dụng pháp luật.

Khoản 3 Điều 24 dự thảo Luật giao Ủy ban nhân dân quy định: nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục khuyến khích hợp tác công tư và xã hội hóa trong cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị. Tuy nhiên, các nội dung về nguyên tắc, điều kiện khuyến khích hợp tác công tư là những nội dung quan trọng, cần quy định rõ trong dự thảo Luật, trên cơ sở đó xác định rõ phạm vi, nội dung giao quy định chi tiết Luật.

- Về bảo vệ và phát triển văn hóa, thể thao

Điểm a khoản 3 Điều 26 dự thảo Luật quy định Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định: “*Cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học quy định tại khoản 1 Điều này*”: Tại điểm này, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến quy định cơ chế tài chính đối với “*cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao*”, “*cơ sở giáo dục công lập tiên tiến*”. Tuy nhiên, quy định pháp luật hiện hành chưa có quy định như thế nào là “*cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao*”, “*cơ sở giáo dục công lập tiên tiến*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định

<sup>12</sup> (i) Cơ chế khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong cải tạo, trùng tu, bảo tồn các biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác có giá trị nghệ thuật kiến trúc, cảnh quan, lịch sử, văn hóa; (ii) Cơ chế khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở cũ tại các phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý kiến trúc và thiết kế đô thị; (iii) Việc hỗ trợ kiểm định chất lượng công trình, hồ sơ, thủ tục, kinh phí cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị; và (iv) Khuyến khích khai thác hiệu quả và bền vững công trình văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị, không gian công cộng (như phố đi bộ, vỉa hè, quảng trường,...) trong phát triển kinh tế khu vực đô thị, nông thôn; Thử nghiệm có kiểm soát mô hình kinh tế đô thị, bao gồm phát triển khu thúc đẩy thương mại, văn hoá.

trên, để đảm bảo tính khả thi của quy định này, tránh khó khăn, vướng mắc khi triển khai trên thực tế.

- Về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Khoản 3 Điều 27 dự thảo Luật quy định: “*Hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô được hưởng các ưu đãi sau đây...*”. Việc xác định đối tượng hưởng ưu đãi là “*hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo*” là chưa đủ rõ ràng, cụ thể về đối tượng được hưởng ưu đãi. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc chỉnh lý nội dung trên để đảm bảo tính chính xác, hợp lý, khả thi.

Điểm a khoản 4 Điều 27 dự thảo Luật quy định “*Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ các trường đại học trên cơ sở thành lập doanh nghiệp khởi nguồn, doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua việc sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước*”. Tuy nhiên, quy định nêu trên chưa làm rõ về cách thức hỗ trợ như thế nào để đảm bảo tính khả thi.

- Về chính sách xã hội, an sinh xã hội của Thủ đô

Khoản 2 Điều 29 dự thảo Luật giao Ủy ban nhân dân thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Thành phố Hà Nội thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, giải quyết việc làm. Tuy nhiên, điểm d khoản 3 Điều 29 dự thảo Luật giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đối tượng chính sách của thành phố Hà Nội. Như vậy, việc phạm vi ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội giải quyết việc làm nói chung mà không bị giới hạn chỉ giải quyết việc làm cho đối tượng chính sách. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý đảm bảo tính thống nhất về nội dung trên.

- Về phát triển đô thị tại Thủ đô

Khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật quy định về các nguyên tắc phát triển đô thị tại Thủ đô. Trong đó, điểm b quy định “*ưu tiên phát triển các khu đô thị mới quy mô lớn, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng sử dụng hiệu quả năng lượng, phát thải thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu để tạo động lực phát triển đô thị, đẩy mạnh đô thị hóa theo Quy hoạch chung Thủ đô*”. Tuy nhiên, nguyên tắc ưu tiên này còn chưa bao quát được tỉ lệ bao phủ cây xanh, công viên công cộng, hồ nước trong các khu đô thị mới. Để đảm bảo mục tiêu phát triển đô thị bền vững, đề nghị bổ sung nguyên tắc đảm bảo tỉ lệ bao phủ cây xanh, công viên công cộng, hồ nước trong các khu đô thị mới tại điểm b khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật.

- Về phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông Thủ đô

Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 dự thảo Luật, Hội đồng nhân dân thành

phố Hà Nội quy định các cơ chế ưu tiên đầu tư, ưu tiên phát triển, khuyến khích áp dụng, cơ chế biện pháp ưu tiên phát triển...<sup>13</sup>. Tuy nhiên, Điều 34 dự thảo Luật chưa có quy định về các nguyên tắc áp dụng cơ chế ưu tiên, khuyến khích này, đề nghị bổ sung các nguyên tắc ưu tiên, khuyến khích tại Điều 34 dự thảo Luật để đảm bảo có cơ sở pháp lý rõ ràng cho Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết các cơ chế, biện pháp ưu tiên, khuyến khích nêu trên.

- Về sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

Điểm b khoản 1 Điều 38 dự thảo Luật quy định Hội đồng nhân dân thành phố: *“Được quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để nâng cấp, cải tạo, mở rộng công trình tài sản công và xây dựng mới các hạng mục trong phạm vi công trình tài sản công đã có do thành phố Hà Nội quản lý”*. Việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để nâng cấp, cải tạo, mở rộng công trình tài sản công và xây dựng mới các hạng mục trong phạm vi công trình tài sản công đã có do thành phố Hà Nội quản lý là cần thiết đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát sinh. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định cụ thể mức kinh phí tối đa được sử dụng cho nội dung này tránh việc lạm dụng chính sách này để không thực hiện theo quy trình của Luật Đầu tư công.

- Về tách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

Khoản 1 Điều 39 dự thảo Luật quy định: *“Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B, C theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể”*. Việc xây dựng dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng riêng và xem xét đây là hoạt động chuẩn bị đầu tư hoặc chuẩn bị thực hiện dự án có thể đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân dự án. Tuy nhiên, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng có ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của người dân và tác động lớn đến an sinh xã hội. Tại Thông báo số 2831/TB-VPQH ngày 27/11/2021, Chủ tịch Quốc hội đề nghị Chính phủ tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu,

<sup>13</sup> (i) Ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng, các công trình ngầm công cộng trên địa bàn Thủ đô; (ii) Ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác đường sắt đô thị, xe buýt, nhà ga, bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện giao thông phát thải thấp; (iii) Khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải; (iv) Cơ chế, biện pháp ưu tiên phát triển đường sắt đô thị theo mô hình TOD, đường vành đai, trung tâm logistic, hệ thống giao thông công cộng trong Vùng Thủ đô.



hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội theo đúng phạm vi, nội dung được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 29/2021/QH15 và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến để trình Quốc hội xem xét, quyết định vào thời điểm thích hợp. Việc thí điểm (nếu có) chỉ thực hiện đối với một số địa phương, dự án cụ thể và có thời gian, thời hạn cụ thể. Các chính sách liên quan đến quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật<sup>14</sup>. Vì vậy, đề nghị cần nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng nội dung trên. Trường hợp thực sự cần thiết, đề nghị giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định Danh mục dự án cụ thể thực hiện quy định này mà không giao cho Ủy ban nhân dân thành phố quy định như khoản 3 Điều 39 dự thảo Luật hiện nay.

- Về thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Khoản 3 Điều 40 dự thảo Luật quy định: “*Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia các dự án PPP nhưng không lớn hơn 70% tổng mức đầu tư của dự án*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ vốn nhà nước được bố trí cho những hạng mục nào/phần việc gì của dự án để đảm bảo tính khả thi khi triển khai thi hành và chỉ trong những trường hợp nào thì Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định tăng tỷ lệ vốn nhà nước, đảm bảo tính công bằng trong chính sách pháp luật; công khai, minh bạch của quy định, tránh sơ hở, lạm dụng trong thực tiễn.

- Về thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao

Khoản 5 Điều 101 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định: “*Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT*”; khoản 6 Điều 101 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định: “*Dự án áp dụng loại hợp đồng BT chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư thì dừng thực hiện kể từ ngày 15/8/2020*”. Hiện nay, Điều 42 dự thảo Luật cho phép Thành phố Hà Nội được thực hiện hình thức hợp đồng xây dựng chuyển giao (BT). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ lý do cần thiết phải quy định loại hợp đồng này trong dự thảo Luật trong khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư không còn quy định loại hợp đồng này.

Khoản 3 Điều 42 dự thảo Luật giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định “*Lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện hợp đồng dự án BT*”. Quy định này của dự thảo Luật chưa làm rõ quan hệ vay giữa những chủ thể nào mà Ủy ban nhân dân có thể quyết định về lãi suất. Trường hợp quan hệ vay vốn giữa tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, cá nhân khác với doanh nghiệp thành lập để thực hiện hợp đồng xây dựng chuyển giao thì việc quy định

<sup>14</sup> Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.



Ủy ban nhân dân được quyền quyết định, can thiệp lãi vay không phù hợp, không đúng bản chất quan hệ tín dụng, ngân hàng. Bên cạnh đó, nội dung về lãi suất, lợi nhuận, phương thức thanh toán... có liên quan đến nhiều chủ thể, nhiều tổ chức, cá nhân trong hợp đồng BT và thuộc chức năng quản lý nhà nước của nhiều các Bộ, ngành khác, do vậy, để đảm bảo tính khả thi của quy định, cần nhắc giao Chính phủ quy định nội dung này.

- Về quy hoạch, phát triển đô thị

Điểm c khoản 3 Điều 20 dự thảo Luật giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định nguồn vốn ngân sách để lập các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị và các loại hình quy hoạch, hoạt động kiến trúc khác thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của Thành phố. Tuy nhiên, nội dung quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị, nông thôn đang được quy định tại Điều 22 dự thảo Luật. Do đó, đề nghị chuyển nội dung giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định nguồn vốn ngân sách để xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị và các hoạt động kiến trúc khác thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của Thành phố xuống Điều 22 dự thảo Luật để đảm bảo tính logic của các điều khoản cũng như đảm bảo thuận tiện cho việc theo dõi, áp dụng luật.

- Về hình thức thu hút đầu tư xã hội

Khoản 2 Điều 45 dự thảo Luật quy định Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập và quy định về tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo tồn khu nội đô lịch sử của Thủ đô và khoản 3 Điều 45 dự thảo Luật quy định Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập và quy định về tổ chức, hoạt động của Quỹ bảo vệ di sản và phát triển văn hóa Thủ đô. Tuy nhiên, trang 27 Tờ trình số 55/TTr-BTP ngày 09/8/2023 lại đề xuất giao Hội đồng nhân dân thành lập Quỹ bảo tồn, phát triển văn hóa và tái thiết khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý cho thống nhất. Đồng thời, đề nghị đánh giá tác động kỹ khi thành lập 02 Quỹ trên để đảm bảo tính khả thi, tránh có sự dàn trải, trùng lặp, chồng lấn chức năng, nhiệm vụ; tránh việc Quỹ được thành lập nhưng không có nguồn kinh phí để hoạt động.

- Về thẩm quyền đầu tư

Khoản 2 Điều 46 dự thảo Luật quy định: *“Đối với các dự án đầu tư sử dụng ngân sách của Thủ đô, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây: a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên; b) Dự án sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với quy mô từ 500 ha trở lên...”*. Điều

7 Luật Đầu tư công quy định Tiêu chí phân loại Dự án quan trọng quốc gia: “*Dự án quan trọng quốc gia là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau thuộc một trong các tiêu chí sau đây: 1. Sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên... 3. Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên...*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, đánh giá kỹ năng lực và khả năng thực hiện dự án quan trọng quốc gia khi giao cho Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp thật sự cần thiết giao Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện cần phải bổ sung Danh mục dự án cụ thể ngay tại dự thảo Luật để đảm bảo tính khả thi, chặt chẽ, công khai, minh bạch của quy định.

Khoản 5, khoản 6 Điều 45 dự thảo Luật giao Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố thuộc thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, do trên thực tế Hà Nội chưa có Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội nên đánh giá năng lực thực tế của các tổ chức này như thế nào, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc để đảm bảo tính khả thi.

Về tính thống nhất, về thẩm quyền đầu tư cho phép phân cấp xuống Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân nhưng nội dung tại khoản 5 Điều 46 lại không quy định về trình tự, thủ tục sẽ dẫn đến vướng mắc. Do đó, cần có quy định bao quát, giao Hội đồng nhân dân quyết định thì hợp lý hơn.

- Về thu hút nhà đầu tư chiến lược

Điểm b khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật quy định về điều kiện nhà đầu tư chiến lược<sup>15</sup> và khoản 3 Điều 47 dự thảo Luật quy định: “*Trong quá trình thực hiện dự án trọng điểm, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và không thực hiện đúng cam kết với Thành phố, thì nhà đầu tư chiến lược và cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư không được hưởng ưu đãi...*”. Để đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc xác định nhà đầu tư đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác, đề nghị cơ quan chủ trì

<sup>15</sup> “Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều này; b) Chứng minh được năng lực về tài chính, năng lực quản trị, công nghệ và kinh nghiệm để thực hiện thành công dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược; c) Có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và các cam kết về thực hiện dự án đầu tư đúng mục tiêu theo Danh mục dự án, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô; đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam”

soạn thảo nghiên cứu quy định rõ nhà đầu tư cần đáp ứng vốn điều lệ bao nhiêu đối với từng loại dự án cụ thể, tránh phát sinh khiếu nại, khởi kiện.

- Về liên kết, phát triển Vùng Thủ đô

Khoản 1 Điều 55 dự thảo Luật quy định: “*Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng Thủ đô báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, đồng thuận về việc đầu tư thực hiện công trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô và giao một Bộ ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản và trách nhiệm trong việc đầu tư thực hiện dự án*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc việc Ủy ban nhân dân các tỉnh giao một Bộ, ngành làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án để đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý của Bộ, ngành đó. Đồng thời, hiện nay nội dung quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này đều chỉ đề cập đến việc giao một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thực hiện dự án. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định để đảm bảo tính thống nhất về nội dung quy định giữa các khoản trong Điều 55 dự thảo Luật.

- Về một số nội dung khác có liên quan cần lưu ý

Do dự thảo Luật quy định nhiều chính sách mới đối với hoạt động đầu tư về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát về các trường hợp dự án đầu tư đang trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư để quy định chuyển tiếp cụ thể, giải quyết các vấn đề vướng mắc có thể phát sinh trên thực tế do sự giao thoa giữa Luật Thủ đô, Luật Đầu tư cũng như pháp luật có liên quan về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư.

Một số nội dung của dự thảo Luật không thể hiện tính vượt trội do nội dung đó đã được quy định trong pháp luật hiện hành nhưng vẫn được quy định trong dự thảo Luật, cụ thể như: nhà ở xã hội, phương pháp thặng dư... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát nếu quy định trùng thì không cần đưa vào dự thảo Luật.

### **III. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN**

Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy các quy định tại dự thảo Luật bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên như: Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ năm 1979 (Công ước CEDAW), Công ước về bảo vệ các di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới năm 1972 của UNESCO, Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003 của UNESCO.

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện rõ nội dung này trong Trình Chính phủ.

#### **IV. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO LUẬT**

##### **1. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính**

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể, trong Hồ sơ dự án Luật Thủ đô sửa đổi đã có Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính, trong đó, thực hiện việc đánh giá đối với Nhóm thủ tục hành chính được giữ nguyên theo quy định hiện hành (01 TTHC), Nhóm thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới (4 TTHC), Nhóm thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (8 TTHC). Các nội dung đánh giá tác động thủ tục đã tuân thủ đúng các nội dung theo quy định.

##### **2. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới**

Dự thảo Luật đã thực hiện việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; cơ quan chủ trì soạn thảo đã có Báo cáo số 251/BC-BTP ngày 09/8/2023 về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), theo đó, các quy định tại dự thảo Luật là trung tính, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới khi được ban hành. Đồng thời, thông qua việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, cơ quan chủ trì soạn thảo cũng nêu một số đề xuất tiếp tục nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện các quy liên quan đến cơ chế chính sách đặc thù cho Thủ đô nhằm giải quyết thấu đáo hơn các khía cạnh giới liên quan đến các quy định, cả từ góc độ thể chế và góc độ tổ chức, giám sát thi hành. Như vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### **V. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN**

##### **1. Về trình tự, thủ tục**

Về cơ bản, việc xây dựng dự thảo Luật đã được cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Trên cơ sở đề nghị xây dựng Luật được Chính phủ thông qua, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật; nghiên cứu, xây dựng dự án Luật; gửi hồ



sơ dự án Luật để lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, các đối tượng chịu sự tác động của văn bản; đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến rộng rãi cá nhân, tổ chức. Ngoài ra, cơ quan chủ trì soạn thảo đã giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, các đối tượng chịu sự tác động của văn bản và Bộ Tư pháp thẩm định.

## 2. Về hồ sơ dự án Luật

Hồ sơ dự án Luật Bộ Tư pháp thẩm định về cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý một số nội dung sau đây:

**2.1.** Khoản 2 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định Tờ trình dự án luật phải nêu rõ “...*tính thống nhất của dự thảo văn bản với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan đến nội dung dự án, dự thảo; tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa có những nội dung trên. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**2.2.** Dự thảo Luật có nhiều nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung dự thảo các văn bản quy định về các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết trong dự thảo Luật theo yêu cầu tại Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**2.3.** Dự thảo Tờ trình có một số vấn đề có ý kiến khác nhau, cần xin ý kiến Chính phủ. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa có nội dung đánh giá tác động, phân tích ưu, nhược điểm, chi phí và lợi ích của từng phương án và quan điểm lựa chọn của cơ quan chủ trì soạn thảo. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các nội dung này trong dự thảo Tờ trình, trên cơ sở đó lựa chọn phương án và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Mặt khác, dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) có phạm vi điều chỉnh rộng, có nhiều nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng..., đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp (Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) và ý kiến chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà làm thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự thảo Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Chính phủ.

### 3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Về ngôn ngữ, kỹ thuật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm chuẩn xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Chương V (thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020). Trong đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý một số nội dung sau:

**3.1.** Tên gọi của Điều 20 dự thảo Luật “Quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô”. Tuy nhiên, nội dung Điều 20 chỉ mới đề cập đến quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chưa có quy định về phát triển đô thị. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại tên Điều khoản cho phù hợp với nội dung của Điều.

**3.2.** Khoản 3 Điều 21 dự thảo Luật có quy định về thẩm quyền quyết định việc di dời các cơ sở công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục... Tuy nhiên, tên Điều 21 dự thảo Luật là biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch, tức là cách thức để bảo đảm việc thực hiện quy hoạch mà không phải về thẩm quyền (quyền và nghĩa vụ). Do đó, đề nghị xem xét tách khoản 3 Điều 21 dự thảo Luật thành 01 Điều khoản độc lập cho phù hợp.

Điểm a khoản 3 Điều 21 dự thảo Luật quy định về thẩm quyền quyết định việc di dời có quy định “*Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức trung ương có liên quan tổ chức thực hiện việc di dời theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ*”. Nội hàm quy định này là về tổ chức thực hiện mà không phải là thẩm quyền quyết định việc di dời. Đề nghị tách nội dung này thành một khoản riêng để đảm bảo tính logic của dự thảo Luật.

**3.3.** Khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật có 02 điểm c. Khoản 2 Điều này có 02 điểm b. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại tên các điểm tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 dự thảo Luật để đảm bảo tránh trùng lặp.

**3.4.** Về điểm c khoản 2 Điều 31 dự thảo Luật: đề nghị làm rõ thuật ngữ “việc chuyển đổi” đất lúa, đất rừng tự nhiên để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp là như thế nào. “Chuyển đổi” khác với “chuyển mục đích sử dụng đất”.

Nội dung tại khoản 4,6, 8 Điều 31 dự thảo Luật đã được quy định trong dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Do đó, trường hợp không có đặc thù nào quá đặc biệt, đề nghị cân nhắc thực hiện theo Luật Đất đai.

Nội dung tại khoản 5 Điều 31 dự thảo Luật không có giá trị gia tăng, không thể hiện tính chất đặc thù. Vì vậy, cân nhắc bỏ điều này.

Nhiều quy định tại dự thảo Luật còn chung chung, không mang tính quy phạm. Đề nghị rà kỹ và lược bỏ (ví dụ: khoản 9 Điều 31 dự thảo Luật).

**3.5.** Hiện nay, dự án Luật Nhà ở (sửa đổi) đã được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp tháng 5/2023, dự kiến thông qua tại kỳ họp tháng 10/2023. Dự án Luật Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn đang trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024), thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024). Luật Quản lý, phát triển đô thị đang trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục bám sát tiến độ, rà soát các dự án Luật, đề nghị xây dựng Luật này để kịp thời có chỉnh lý các nội dung liên quan của dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) cho phù hợp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

**3.6.** Dự thảo Nghị định sử dụng nhiều khái niệm có tính chất tương đồng như “đổi mới sáng tạo”, “khởi nghiệp sáng tạo”, “khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”; “doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, “doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” (ví dụ, tại Điều 27, Điều 48,... dự thảo Luật), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc làm rõ nội hàm của từng khái niệm để quy định được rõ ràng, thống nhất.

**3.7.** Khoản 2 Điều 46 dự thảo Luật quy định: “*Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội... quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây*” là chưa phù hợp với cách sử dụng thuật ngữ “*chấp thuận chủ trương đầu tư*” quy định tại Luật Đầu tư.

## VI. KẾT LUẬN

Trên cơ sở hồ sơ gửi thẩm định, ý kiến của Hội đồng thẩm định, dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung so với Luật Thủ đô hiện hành. Luật Thủ đô là đạo luật quan trọng, tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của Thủ đô và của vùng thủ đô; giữ vai trò trung tâm trong việc lan toả, tạo động lực phát triển tỉnh, thành, khu vực lân cận và của cả nước; có mối quan hệ và ảnh hưởng lớn đến việc thực thi quy định của nhiều luật khác, đặc biệt khi dự thảo Luật này có nhiều cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội. Vì vậy, việc xây dựng, soạn thảo dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) cần được tiếp tục (i) rà soát, nghiên cứu đầy đủ, đánh giá kỹ tác động xã hội, đồng thời cần tiếp tục rà soát, làm rõ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, cơ sở khoa học của việc sửa đổi, bổ sung từng điều, khoản trong dự thảo Luật; đảm bảo các nội dung của dự thảo Luật phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và không trái với Hiến pháp; (iii) rà soát, cập nhật (nếu có) các chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước liên quan đến các nội dung, đặc biệt các nội dung có tính chất đặc thù, vượt trội trong dự thảo Luật; (iv) phân nhóm nội dung 09 chính sách đã được thông qua và liệt kê các Điều luật đang thể chế nội dung cụ thể của các chính sách đó nhằm đảm bảo dự thảo Luật cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện mục tiêu, phạm vi, giải pháp của 09 chính sách.

Cơ quan chủ trì soạn thảo cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện Tờ trình; Báo cáo đánh giá tác động theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; rà soát các quy định pháp luật có liên quan như dự thảo Luật Đất đai (dự thảo Luật Đất đai), Luật Đầu thầu, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, dự thảo Luật Nhà ở; dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản; Luật Đê điều, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Di sản văn hóa..., đảm bảo dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật, chặt chẽ, tránh sơ hở, buông lỏng quản lý và lạm dụng trong thực tiễn.

Trường hợp nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc các cơ chế đặc thù hiện hành được quy định tại các Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù của một số tỉnh, thành như Nghệ An, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc, đánh giá, phân tích kỹ tác động, trong đó cần lưu ý đánh giá kỹ tác động dưới góc độ cơ chế thí điểm của các Nghị quyết thí điểm ( giới hạn thời gian, không gian thí điểm và phải được tổng kết và đánh giá sau 05 năm thí điểm ) và cơ chế ổn định, lâu dài trong dự thảo Luật, đảm bảo phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tính khả thi của dự thảo Luật.

Nội dung phân cấp, ủy quyền là một trong những nội dung có tính chất đặc thù cần có cơ chế, công cụ kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật; bám sát các nguyên tắc hoạt động của nền hành chính, quản lý hành chính nhà nước, nguyên tắc bảo đảm cân đối, hài hòa lợi ích người dân và nhà nước/địa phương, nguyên tắc hoạt động của nền hành chính, quản lý hành chính nhà nước; nguyên tắc tôn trọng thẩm quyền chung trong các luật về tổ chức bộ máy; nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức là công tác của Đảng. Phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng, phù hợp về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; việc ủy quyền lập pháp, lập quy phải có giới hạn và có kiểm soát. Việc phân cấp, ủy quyền phải đánh giá, tính toán, phân tích kỹ, đầy đủ, toàn diện, có gắn với việc bảo đảm nguồn lực, tương xứng năng lực bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ, điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, phân quyền; không phân cấp, ủy quyền trong các lĩnh vực an ninh, quốc phòng, ngoại giao, tôn giáo... Ngoài ra, nhiều vấn đề Luật giao Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định đều là những vấn đề khó, phức tạp và mới. Do đó, cần tính toán kỹ lưỡng, thấu đáo để bảo đảm chính quyền thành phố Hà Nội có thể ban hành được các văn bản quy định nhiều vấn đề Luật giao. Đồng thời, cần có cơ chế kiểm soát đối với nội dung và thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội khi ban hành các văn bản quy định chi tiết.

Đối với những vấn đề lớn, quan trọng, chưa được đánh giá, tổng kết, đề cập trong Nghị quyết số 15 –NQ/TW và các Nghị quyết khác có liên quan của Trung



ương, Bộ chính trị thì đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đánh giá tác động đầy đủ, kỹ lưỡng, trường hợp cần thiết phải có quy định điều chỉnh thì đề nghị báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi trình Quốc hội. Đối với những vấn đề mà có phát sinh chính sách mới, đề nghị bổ sung đánh giá tác động theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>16</sup> để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Hồ sơ dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến được nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), xin gửi Văn phòng Chính phủ./: 76

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Tiến Dũng (để biết);
- Vụ VĐCXDPL (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, Thuytt).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Đặng Hoàng Oanh**

<sup>16</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự án luật, pháp lệnh, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách đó có trách nhiệm đánh giá tác động của chính sách” (khoản 1 Điều 35).

**BÁO CÁO**

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ Báo cáo thẩm định số 151/BC-BTP ngày 16/8/2023 về thẩm định dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là dự án Luật), Bộ Tư pháp xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự án Luật như sau:

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ TIẾP THU**

**1. Về ý kiến thẩm định liên quan đến sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước**

Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý một số điều, khoản của dự thảo Luật, đồng thời tiếp tục rà soát, chỉnh lý các điều, khoản khác để bảo đảm thể chế hóa chính xác, đầy đủ các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng tại các nghị quyết<sup>(1)</sup> của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị. Cụ thể như sau:

- Bổ sung một số quy định về phân cấp, phân quyền cho Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội trong một số lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, môi trường... để bảo đảm phù hợp với chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền cho Thủ đô trong một số lĩnh vực được nêu tại Nghị quyết số 15-NQ/TW trên cơ sở rà soát, đánh giá kỹ lưỡng năng lực, khả năng thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền khi được phân cấp, phân quyền để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong quá trình triển khai thi hành Luật. Đồng thời, bổ sung các quy định cụ thể về kiểm tra, giám sát đối với việc phân cấp, phân quyền tại khoản 1 Điều 10, khoản 3 Điều 41, khoản 4 Điều 42 và các điều quy định về trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội (Điều 54), trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và Nhân dân Thủ đô (Điều 58)...

<sup>(1)</sup> Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Quy định rõ tỷ lệ phần trăm (95%) các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố mà ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại (khoản 6 Điều 36) để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về yêu cầu có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương.

- Bổ sung vào điểm a khoản 1 Điều 37 dự thảo Luật yêu cầu “bảo đảm điều chỉnh mức lương cơ sở hằng năm”; đồng thời bổ sung, chỉnh lý quy định rõ hơn cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài theo chế độ ký hợp đồng làm việc và theo chế độ biên chế tại Điều 17 dự thảo Luật để bảo đảm phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW.

- Bổ sung 01 Điều (Điều 42 - Mô hình thử nghiệm có kiểm soát) trên cơ sở kế thừa và sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 43 (dự thảo Luật gửi thẩm định) về mô hình thử nghiệm có kiểm soát. Theo đó, khoản 1 Điều 42 quy định rõ hơn các lĩnh vực được áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (chỉ áp dụng cơ chế này đối với “các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, vật liệu mới trong khu công nghệ cao” (điểm a) thay vì việc áp dụng đối với “Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thủ đô đối với các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo” như quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 dự thảo Luật gửi thẩm định). Đồng thời, bổ sung nội dung giao UBND Thành phố quy định cụ thể điều kiện, tiêu chí xét duyệt, cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (khoản 2 Điều 42) và cụ thể hóa ngay trong dự thảo Luật một số nội dung về thời gian, phạm vi thử nghiệm; giám sát quá trình thử nghiệm và kết thúc thời gian thử nghiệm (tại khoản 3 và khoản 4 Điều 42).

## **2. Về ý kiến thẩm định liên quan đến tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật**

Báo cáo thẩm định dẫn ra một số luật hiện đang được các bộ, ngành chuẩn bị đề trình Chính phủ hoặc đã được Quốc hội xem xét, cho ý kiến có liên quan đến nội dung dự thảo Luật Thủ đô (như các đề nghị xây dựng Luật Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn, Luật Quản lý, phát triển đô thị và các dự án Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi)) và đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) bám sát quá trình xây dựng các dự án luật nêu trên.

Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu kỹ nội dung các đề nghị và dự thảo các luật nêu trên để kịp thời chỉnh lý các nội dung có liên quan của dự thảo Luật, bảo đảm Luật Thủ đô chỉ quy định những cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội đã được khẳng định tại Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Về các ý kiến thẩm định cụ thể, Bộ Tư pháp đã tiếp thu để chỉnh lý, bổ sung các điều, khoản tại dự thảo Luật. Cụ thể như sau:

- Đưa ra khỏi dự thảo Luật một số quy định, gồm:

(i) Các trường hợp thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị để phục vụ lợi ích cộng đồng và quy định về thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 (nay là Điều 19);

(ii) Quy định giao cho 01 đơn vị quản lý, đầu tư, xây dựng và vận hành không gian ngầm tại khoản 4 Điều 23 (nay là Điều 21);

(iii) Quy định doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, vùng Thủ đô được hưởng ưu đãi tương tự như doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong các năm thực hiện nhiệm vụ tại điểm d khoản 2 Điều 27 (nay là Điều 25);

(iv) Quy định về sử dụng vốn đầu tư phát triển địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi cho người lao động có thu nhập thấp tại điểm đ khoản 3 Điều 29 (nay là Điều 28);

(v) Quy định về chia sẻ lợi ích từ nguồn thu của các dự án giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư thương mại, dịch vụ với nhà nước, người dân có đất bị thu hồi và việc áp dụng các phương pháp định giá đất theo quy định của Luật Đất đai và phương pháp thặng dư... tại khoản 1 Điều 31; các nguyên tắc sử dụng đất nông nghiệp tại khoản 2 Điều 31; thẩm quyền của UBND Thành phố trong việc quy định thời gian cho thuê đối với quỹ đất công ích, về góp vốn kinh doanh, tái điều chỉnh đất đai... tại khoản 7 Điều 31 (nay là Điều 30);

(vi) Quy định về phát triển nhà ở tại khoản 1, điểm g khoản 2 và điểm g khoản 3 Điều 32 (nay là Điều 31);

(vii) Quy định về các hoạt động được hỗ trợ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và thẩm quyền cấp phép các hoạt động liên quan đến đề điều tại điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 35 (nay là Điều 34);

(viii) Quy định về hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (BT) thanh toán bằng quỹ đất tại khoản 4 Điều 42 (nay là Điều 41);

(ix) Quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của HĐND, thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố Hà Nội quy định tại điểm b khoản 2 và điểm d khoản 6 Điều 45 (nay là Điều 44).

- Chỉnh lý khoản 2 Điều 38 dự thảo Luật theo hướng giao HĐND thành phố Hà Nội thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng.

- Bổ sung vào khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật quy định phạm vi áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính là trên địa bàn Thủ đô và quy định “mức tiền phạt không vượt quá mức phạt tối đa theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính”.

### **3. Về ý kiến thẩm định liên quan đến chế độ công vụ, công chức và thẩm quyền của UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội trong việc tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố thuộc thành phố Hà Nội**

- Khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật (nay là khoản 1 Điều 16) quy định: “Thực hiện thống nhất một chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội”. Báo cáo thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ hơn căn cứ, cơ sở của quy định này trong dự thảo Tờ trình.

Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp nghiên cứu, thuyết minh rõ hơn trong Tờ trình về nội dung này. Tuy nhiên, để tránh việc đặt ra những khái niệm mới, dự thảo Luật đã bỏ cụm từ “thống nhất một chế độ công vụ, công chức” tại khoản 1 Điều 16 và chỉnh lý khoản này như sau: “Chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội được thực hiện như sau:”.

- Về nội dung cụ thể, Báo cáo thẩm định cho rằng, nếu dự thảo Luật quy định “công chức được tuyển dụng, sử dụng, quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp Thành phố” thì cần cân nhắc quy định giao UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội “tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố thuộc thành phố Hà Nội”.

Trên cơ sở ý kiến này, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý điểm b khoản 1 Điều 16 như sau: “Công chức được tuyển dụng, sử dụng, quản lý theo tiêu chuẩn chung từ cấp xã đến cấp Thành phố”. Theo quy định mới được chỉnh lý này thì khi tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức cấp xã, cấp huyện và cấp Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội, các cơ quan tuyển dụng đều phải áp dụng tiêu chuẩn như nhau, không có sự khác biệt, qua đó bảo đảm sự thống nhất giữa Điều 15 và Điều 16 của dự thảo Luật.

### **4. Về việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp**

Báo cáo thẩm định cho rằng, dự thảo Luật quy định về xây dựng công trình bán kiên cố và công trình phụ trợ khác phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

với tỷ lệ xây dựng không quá 10% diện tích đất nông nghiệp của dự án và tổng diện tích xây dựng không quá 02 ha (điểm d khoản 2 Điều 31, nay là điểm b khoản 4 Điều 34) là chưa chặt chẽ, có thể dẫn đến tranh chấp, khó kiểm soát.

Bộ Tư pháp cho rằng, để phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại, nâng cao giá trị sản phẩm, kết hợp chế biến thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp là rất cần thiết. Hiện nay, pháp luật chuyên ngành chưa quy định cụ thể, rõ ràng về xây dựng công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp. Do vậy, để xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp thì phải lập dự án đầu tư, thậm chí phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên đã gây nhiều khó khăn cho hợp tác xã và người nông dân.

Để khuyến khích phát triển nông nghiệp đồng bộ, hiện đại nhưng vẫn bảo đảm kiểm soát việc xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp, hạn chế tình trạng tùy tiện trong quá trình thực thi, Điều 34 dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng quy định chặt chẽ hơn việc xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp, cụ thể là quy định điều kiện đối với đất nông nghiệp được phép xây dựng công trình (liền thửa), khống chế diện tích tối đa xây dựng công trình (không quá 2 ha) và yêu cầu về mục đích xây dựng công trình (để phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp). Theo đó, điểm b khoản 3 Điều 34 dự thảo Luật quy định: “Tỷ lệ xây dựng tối đa không quá 10% trên đất nông nghiệp liền thửa và có diện tích tối thiểu đạt 01 ha trở lên đối với mỗi tổ chức, cá nhân để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sơ chế, sân phơi, kho, gian hàng giới thiệu sản phẩm, xử lý môi trường, xử lý phụ phẩm nông nghiệp; diện tích xây dựng tối đa không vượt quá 2 ha; tỷ lệ xây dựng, công trình phục vụ trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp được quy định tại điểm này căn cứ vào quy mô, tính chất của từng dự án, khu vực sản xuất nông nghiệp”.

Bên cạnh đó, trong sản xuất nông nghiệp có nhiều lĩnh vực khác nhau, mỗi lĩnh vực có những đối tượng cây, con có tính chất, điều kiện sản xuất khác nhau. Do đó, để bảo đảm tính cụ thể, khả thi và tránh tùy tiện, tiêu cực trong việc thực hiện, dự thảo Luật giao UBND thành phố Hà Nội quy định chi tiết về diện tích xây dựng đối với từng lĩnh vực cụ thể.

## **5. Về việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính**

Báo cáo thẩm định đề nghị lược bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 (nay là Điều 35) về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính bằng việc ngừng cung ứng dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong một số lĩnh vực vì những lý do sau đây: (i) vi phạm nguyên tắc hạn chế quyền đã được ghi nhận tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013; (ii) sử dụng biện pháp dân sự để giải quyết quan

hệ pháp luật hành chính là sự can thiệp không phù hợp vào quan hệ pháp luật dân sự; (iii) không đảm bảo tính nhân văn vì trong nhiều trường hợp việc áp dụng biện pháp này ảnh hưởng đến đời sống của các cá nhân không vi phạm hành chính (ví dụ như áp dụng biện pháp tạm ngừng sử dụng dịch vụ điện, nước tại nhà chung cư trong khi chủ thể vi phạm là chủ đầu tư nhưng người dân tại tòa nhà đó lại có quyền và lợi ích có liên quan).

Tiếp thu ý kiến thẩm định, khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật bỏ quy định áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm hành chính bằng việc yêu cầu các doanh nghiệp, tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước ngừng cung cấp dịch vụ đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm. Tuy nhiên, từ thực tiễn quản lý trong một số lĩnh vực đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thủ đô, một số ý kiến cho rằng, cần quy định những biện pháp mạnh (như cắt điện, cắt nước) để kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm, bảo đảm tính rắn đẽ, duy trì trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố. Do đó, Bộ Tư pháp sẽ nêu vấn đề này vào Tờ trình đề xin ý kiến thành viên Chính phủ.

## **6. Một số nội dung khác**

Ngoài các điều, khoản đã được bổ sung, chính lý nêu trên, một số quy định của dự thảo Luật cũng được chỉnh lý trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định, cụ thể:

- Về quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô tại Điều 20 (nay là Điều 19): dự thảo Luật bỏ khoản 3 Điều 20, trong đó có quy định giao UBND thành phố Hà Nội “Quyết định nguồn vốn ngân sách để lập các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị và các loại hình quy hoạch, hoạt động kiến trúc khác thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của Thành phố” (tại điểm c khoản 3 Điều 20).

- Về biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch tại Điều 21 (nay là Điều 20): để tránh cách hiểu thiếu thống nhất và sự tùy nghi trong quá trình thi hành, cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa “Quỹ đất của các cơ quan, đơn vị, cơ sở di dời khỏi đô thị trung tâm theo quy định tại khoản 2 Điều này được ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình công cộng, phục vụ tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của Thủ đô” (khoản 4 Điều 21) thành “Quỹ đất của các cơ quan, đơn vị, cơ sở di dời khỏi đô thị trung tâm theo quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng để xây dựng không gian công cộng, phục vụ tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa” (khoản 3 Điều 20). Bên cạnh đó, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục nghiên cứu để sắp xếp hợp lý hơn các nội dung liên quan đến dự án TOD tại một số điều, khoản của dự thảo Luật (Điều 20, Điều 40...)

- Về quản lý, sử dụng không gian ngầm đô thị tại Thủ đô (Điều 23), tiếp thu, chỉnh lý ghép nội dung của Điều 22 và Điều 23 (dự thảo Luật gửi thẩm định) thành 01 điều với tên gọi “Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng



đô thị, nông thôn”. Theo quy định việc quản lý, sử dụng không gian ngầm, các loại công trình ngầm đô thị sẽ gắn với việc bảo đảm kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị, đồng thời bảo đảm nội dung phù hợp với tên Điều (nội dung chỉnh lý được thể hiện tại Điều 21).

- Về bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao Thủ đô quy định tại Điều 26 (nay là Điều 23), chỉnh lý bỏ cụm từ “cơ sở giáo dục công lập tiên tiến, hiện đại” do cơ sở giáo dục này chưa có trong hệ thống giáo dục ở nước ta, do vậy nếu quy định thì có thể dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyên đổi số tại Điều 27 (nay là Điều 25). Để bảo đảm rõ ràng, cụ thể về đối tượng được hưởng ưu đãi, dự thảo Luật quy định rõ chủ thể được hưởng các hỗ trợ là “Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô” (khoản 3 Điều 25), đồng thời bỏ khoản 4 Điều 27 dự thảo Luật gửi thẩm định, trong đó có quy định “hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ các trường đại học trên cơ sở thành lập doanh nghiệp khởi nguồn, doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua việc sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước” (điểm a khoản 4).

- Về sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô tại Điều 38 (nay là Điều 37): dự thảo Luật đã quy định cụ thể tổng mức kinh phí tối đa (dưới 15 tỷ đồng) của dự án cải tạo, mở rộng, xây dựng mới trong các cơ sở, công trình tài sản công đã có do thành phố Hà Nội quản lý mà HĐND Thành phố được quyết định sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để thực hiện (điểm b khoản 1 Điều 37).

- Về thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tại Điều 40 (nay là Điều 39): dự thảo Luật bỏ quy định “HĐND thành phố Hà Nội xem xét, quyết định tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia các dự án PPP nhưng không lớn hơn 70% tổng mức đầu tư của dự án” (tại khoản 3 Điều 40 dự thảo Luật gửi thẩm định).

- Về thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (BT) tại Điều 42 (nay là Điều 41): để bảo đảm phù hợp về thẩm quyền, dự thảo Luật giao “Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT” (khoản 6 Điều 41) thay vì giao UBND thành phố Hà Nội quy định nội dung này như tại điểm b khoản 3 Điều 42 dự thảo Luật gửi thẩm định.

- Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của HĐND thành phố Hà Nội tại điểm a khoản 2 Điều 45 (nay là điểm a và điểm b khoản 2 Điều 44): để đầy mạnh phân quyền thẩm quyền đầu tư từ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công cho HĐND, dự thảo Luật quy định phân

quyền cho HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đường sắt đô thị (không giới hạn mức vốn tối đa để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với yêu cầu xây dựng các tuyến đường sắt đô thị của Thành phố theo định hướng TOD trong thời gian tới) và các dự án khác với tổng mức vốn đầu tư công tối đa không quá 20.000 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chỉnh lý điểm a khoản 3 Điều 45 dự thảo Luật gửi thẩm định (nay là điểm a khoản 3 Điều 44) để giới hạn quy mô tối đa của dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê... phân cấp cho UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư là dưới 500 ha (dự thảo Luật gửi thẩm định quy định từ 300 ha trở lên).

- Về thu hút nhà đầu tư chiến lược Điều 46 (nay là Điều 45): để bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc xác định nhà đầu tư chiến lược, dự thảo Luật bổ sung quy định về yêu cầu vốn điều lệ đối với từng nhóm dự án tại điểm a, b, c và điểm d khoản 2 Điều 45.

Ngoài những nội dung nêu trên, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu Báo cáo thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật (như quy định rõ hơn các biện pháp xây dựng nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; quy định cụ thể hơn một số nội dung về mô hình thử nghiệm có kiểm soát; rà soát, giao cơ quan có thẩm quyền quy định trình tự, thủ tục trong trường hợp dự thảo Luật phân cấp, phân quyền cho HĐND, UBND các cấp mà cần quy định trình tự, thủ tục để thực hiện; rà soát các quy định của dự thảo Luật cần có quy định chuyên tiếp để tránh tạo khoảng trống pháp luật...). Đồng thời, thuyết minh, giải trình rõ hơn một số nội dung trong Tờ trình dự án Luật (như thể hiện rõ nhóm các điều luật nhằm thể chế hóa 09 chính sách đã được thông qua; tính thống nhất với các văn bản có liên quan, tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; thuyết minh rõ hơn quy định về việc cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thành phố Hà Nội; quy định HĐND thành phố Hà Nội được quyết định thành lập, giải thể, tổ chức lại cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù; quy định Hà Nội được giao tăng thêm tối đa 10% trên tổng số biên chế cán bộ, công chức mà Hà Nội được cơ quan có thẩm quyền giao; quy định việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức theo tiêu chuẩn chung từ cấp xã đến cấp Thành phố và một số quy định cần xin ý kiến thành viên Chính phủ).

## **7. Một số vấn đề về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo**

Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý một số điều, khoản, điểm, một số từ, cụm từ để bảo đảm chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất trong từng điều, khoản cũng như trong toàn bộ dự thảo Luật. Ví dụ như bỏ điểm a khoản 3 Điều 21 (nay là Điều 20) về việc giao “UBND thành

phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức trung ương có liên quan tổ chức thực hiện việc di dời theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ” vì đây là quy định về tổ chức thực hiện, không phải quy định về thẩm quyền; chỉnh lý nội dung Điều 54 (nay là Điều 53), nội dung giữa khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 29 (nay là Điều 28) để bảo đảm tính thống nhất giữa các khoản tại các Điều này; thống nhất việc sử dụng một số cụm từ “đổi mới sáng tạo”, “khởi nghiệp sáng tạo”, “khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” tại các điều có liên quan trong dự thảo Luật...

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ GIẢI TRÌNH

### 1. Về áp dụng Luật Thủ đô

Báo cáo thẩm định cho rằng quy định tại Điều 4 dự thảo Luật là chưa hoàn toàn phù hợp với quy định về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Luật Ban hành VBQPPL (cụ thể là khoản 3 Điều 156). Đồng thời, nhận định quy định cho phép HĐND thành phố Hà Nội được quyết định việc áp dụng Luật Thủ đô hay luật ban hành sau “trong trường hợp luật, nghị quyết ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực quy định cơ chế, chính sách thuận lợi hơn cho xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô” sẽ tạo sự linh hoạt, tùy nghi khá rộng trong tổ chức thi hành Luật.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin giải trình như sau:

Sau khi Luật Thủ đô năm 2012 được ban hành và có hiệu lực, đã có nhiều đạo luật được ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 (như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và năm 2020; Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Giáo dục năm 2019; Luật Cư trú năm 2020...) trong đó có những đạo luật tác động đến việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô, thậm chí có đạo luật ban hành sau bãi bỏ một số quy định của Luật Thủ đô (ví dụ như khoản 3 Điều 37 Luật Cư trú năm 2020 bãi bỏ khoản 3 và khoản 4 Điều 19 Luật Thủ đô). Tuy nhiên, do Luật Thủ đô chưa có quy định về nguyên tắc áp dụng và do vậy, trong trường hợp có sự khác nhau về cùng một vấn đề giữa Luật Thủ đô với các luật ban hành sau thì phải áp dụng luật ban hành sau theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 156 của Luật Ban hành VBQPPL. Trong nhiều trường hợp, việc áp dụng quy định của luật ban hành sau đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả, thậm chí vô hiệu hóa các cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Luật Thủ đô mà thực chất là vô hiệu hóa Luật Thủ đô.

Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nêu trên, Bộ Tư pháp thấy rằng cần phải bổ sung quy định về áp dụng Luật Thủ đô, trong đó xác định rõ mối quan hệ giữa Luật Thủ đô với các luật hiện hành có liên quan và mối quan hệ giữa Luật Thủ đô với các luật ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực. Theo đó, trường hợp có quy

định khác nhau giữa Luật Thủ đô với luật hiện hành về cùng một vấn đề thì áp dụng Luật Thủ đô (vì Luật Thủ đô quy định những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho Thủ đô và khác với quy định của pháp luật hiện hành).

Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô với luật ban hành sau theo hướng văn bản ban hành sau quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn cho xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô thì về nguyên tắc sẽ áp dụng quy định của luật ban hành sau. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền và lợi ích của đối tượng áp dụng, trong từng trường hợp cụ thể, dự thảo Luật quy định đối tượng được ưu đãi có quyền lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất. Nội dung này được kế thừa quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Về quy định phân quyền trong dự thảo Luật**

Báo cáo thẩm định đề nghị giải trình lý do chỉ phân quyền đến cấp Thành phố mà không phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương khác.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin giải trình như sau: ngoài các nội dung phân quyền cho HĐND, UBND thành phố Hà Nội, dự thảo Luật đã quy định việc phân quyền cho chính quyền cấp huyện, gồm các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn chung của HĐND, UBND quận, thị xã (Điều 11, Điều 12), HĐND, UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội (Điều 13, Điều 14) và một số thẩm quyền cụ thể như: quy định HĐND thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của HĐND dân cấp huyện (khoản 5 Điều 44); UBND thành phố thuộc thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố thuộc thành phố Hà Nội (khoản 6 Điều 44)...

## **3. Về một số loại quy hoạch của Thủ đô**

Báo cáo thẩm định đề nghị làm rõ Quy hoạch chung Thủ đô có phải là Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô không và rà soát, chỉnh lý quy định về Quy hoạch chung Thủ đô tại khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật (nay là khoản 1 Điều 19) cho phù hợp với Luật Quy hoạch năm 2017. Theo đó, Điều 5 Luật Quy hoạch năm 2017 chỉ quy định 05 loại quy hoạch (gồm: Quy hoạch cấp quốc gia; Quy hoạch vùng; Quy hoạch tỉnh; Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn). Trường hợp Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô (nêu tại khoản 1 Điều 20, nay là khoản 1 Điều 19) là loại Quy hoạch mới thì cần đánh giá tác động của quy định này và quy định rõ tính chất, nội dung, quy trình, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch; mối quan hệ với các loại Quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin giải trình như sau:

Thứ nhất, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 thì quy hoạch đô thị gồm: (i) quy hoạch chung được lập cho thành phố trực thuộc trung ương, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn và đô thị mới; (ii) quy hoạch phân khu được lập cho các khu vực trong thành phố, thị xã và đô thị mới; (iii) quy hoạch chi tiết được lập cho khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng. Như vậy, quy hoạch chung lập cho thành phố trực thuộc trung ương là một loại quy hoạch đô thị theo Luật Quy hoạch đô thị.

Trước đây, Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ xác định là Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên, quá trình đề xuất nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, để bảo đảm phù hợp với Luật Quy hoạch đô thị, đã điều chỉnh tên gọi là Quy hoạch chung Thủ đô và được quy định rõ tại Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 16/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

Thứ hai, theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật Quy hoạch năm 2017 thì quy hoạch tỉnh là 01 trong 05 loại quy hoạch, do đó, Quy hoạch Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật chính là quy hoạch tỉnh theo quy định tại 3 Điều 5 Luật Quy hoạch 2017.

Như vậy, Thủ đô Hà Nội có 02 loại quy hoạch khác nhau, đã được quy định trong văn bản pháp luật hiện hành, gồm: Quy hoạch Thủ đô (là quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch 2017) và Quy hoạch chung Thủ đô (là quy hoạch chung được lập cho thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009). Đây không phải là các quy hoạch mới so với quy định của pháp luật hiện hành.

#### **4. Về ưu đãi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ**

Báo cáo thẩm định đề nghị giải trình rõ sự cần thiết, cơ sở của quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 (nay là điểm a khoản 2 Điều 25): “Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố được ... thực hiện việc mua sắm thuê hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ mà không phải thực hiện thủ tục đấu thầu trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố;”.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến báo cáo, giải trình như sau:

Thứ nhất, việc thực hiện đấu thầu mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ giúp bảo đảm sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, có hiệu quả. Tuy nhiên, thực tiễn việc đấu thầu mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang gặp một số khó khăn, vướng mắc, làm ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau:

- Công tác nghiên cứu khoa học thường phải có sự đối chiếu, so sánh trong việc lựa chọn các nguyên vật liệu khác nhau, có những yêu cầu nghiêm ngặt về chỉ tiêu chất lượng mà chỉ một số nhà cung cấp nhất định mới có thể đáp ứng được. Chỉ tiêu chất lượng, xuất xứ của hóa chất, vật liệu ảnh hưởng lớn đến việc xác định giá của hàng hóa, dịch vụ. Trong khi đó, quy định về đấu thầu hiện nay là không được phép ghi rõ xuất xứ hàng hóa. Như vậy, hàng hóa mua thông qua đấu thầu có thể không bảo đảm được chất lượng theo yêu cầu nghiên cứu.

- Trong nhiều trường hợp, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt phục vụ nghiên cứu thường chỉ có một hoặc một số ít nhà cung cấp trên thị trường. Tuy nhiên, do các nhà cung cấp không thiếu khách hàng nên thường có tâm lý không mặn mà với việc lập hồ sơ tham gia đấu thầu. Cùng với đó, việc đấu thầu gồm nhiều bước, nhiều thủ tục trong khi hầu hết các nhà nghiên cứu không có kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Thực tiễn nêu trên là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tiến độ đấu thầu chậm, thậm chí phải dừng do tổ chức đấu thầu không có nhà thầu tham gia, làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

- Một số tổ chức chủ trì nhiệm vụ bản thân trong nội bộ có năng lực cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhưng quy định về đấu thầu dẫn đến lúng túng trong triển khai, vướng mắc trong lựa chọn phương án mua ngoài hay gói thầu tự thực hiện.

Thứ hai, chủ trương chung của Đảng, Chính phủ hiện nay là cần có giải pháp tháo gỡ rào cản về thủ tục hành chính, tài chính trong nghiên cứu khoa học, công nghệ; tăng cường trao quyền tự chủ cho các nhà khoa học, chú trọng vào kết quả nghiên cứu.

Từ những lý do nêu trên, việc quy định trong dự thảo Luật giúp giảm bớt các thủ tục đấu thầu mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô là cần thiết và phù hợp với thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học.

## **5. Về sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế của Hà Nội**

Theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 3 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì việc quyết định sử dụng kinh phí của quỹ bảo hiểm y tế phải tuân thủ nguyên tắc có đóng, có hưởng và chia sẻ rủi ro. Trong khi đó, khoản 4 Điều 28 (nay là khoản 4 Điều 27) quy định: “Trên cơ sở nguồn kinh phí bảo hiểm y tế được phân bổ, HĐND thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế để phát triển hoạt động khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện, khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người cao tuổi trên địa bàn Thủ đô” là chưa bảo đảm

nguyên tắc bảo hiểm y tế và có thể ảnh hưởng đến việc cân đối quỹ bảo hiểm y tế do chưa xác định rõ các đối tượng nêu trên có tham gia bảo hiểm y tế hay không.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin báo cáo, giải trình như sau:

Thứ nhất, việc sử dụng quỹ bảo hiểm để thanh toán khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện, khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người cao tuổi trên địa bàn Thủ đô vừa là giải pháp có tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tại Thủ đô, vừa là giải pháp để sử dụng hiệu quả Quỹ bảo hiểm y tế theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong các quyết định giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hằng năm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Hơn nữa, khi bảo hiểm y tế chi trả cho việc khám chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện sẽ làm giảm nguy cơ bệnh nhân phải chuyển lên tuyến trên, giảm nguy cơ bệnh nhân chuyển nặng khi dịch vụ cấp cứu ngoại viện kịp thời cấp cứu vào “thời điểm vàng” của bệnh nhân, qua đó giúp giảm chi phí khám bệnh, chữa bệnh sau này. Đối với người cao tuổi, việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm sẽ giúp giảm chi phí điều trị đối với các bệnh nhân cao tuổi.

Thứ hai, việc chi trả từ quỹ bảo hiểm y tế theo quy định này là dành cho những đối tượng đã tham gia bảo hiểm y tế nên vẫn bảo đảm nguyên tắc có đóng, có hưởng và chia sẻ rủi ro.

Thứ ba, việc chi trả cho những trường hợp, đối tượng nêu trên sẽ giúp tăng khả năng phòng bệnh, điều trị bệnh từ sớm, từ đó giảm chi phí chữa bệnh (nếu không phát hiện sớm, bệnh nặng thì chi phí chữa bệnh sẽ càng nhiều) nên sẽ không làm ảnh hưởng đến việc cân đối quỹ bảo hiểm y tế, thậm chí còn có thể giảm tổng chi cho bảo hiểm y tế.

## **6. Về thẩm quyền của HĐND quy định chính sách xã hội, an sinh xã hội của Thủ đô**

Điểm b, c, d khoản 3 Điều 29 (nay là Điều 28) giao HĐND thành phố Hà Nội quy định: Đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội ngoài các đối tượng theo quy định pháp luật hiện hành; nội dung chi, mức chi cụ thể cho an sinh xã hội khác trong khả năng cân đối ngân sách của Thành phố ngoài quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đối tượng chính sách của thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp tỉnh và quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm



2015, Báo cáo thẩm định cho rằng việc dự thảo Luật giao HĐND thành phố Hà Nội quy định các nội dung nêu trên là không cần thiết.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin giải trình như sau:

Điều h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 cho phép HĐND cấp tỉnh “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”. Theo quy định này, HĐND chỉ được quyết định các chế độ chi ngân sách ngoài chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Trong khi đó, Điều 28 dự thảo Luật cho phép HĐND Thành phố được quy định đối tượng, nội dung chi, mức chi khác quy định của pháp luật hiện hành (có thể quy định thêm đối tượng, thêm nội dung chi hoặc mức chi cao hơn mức trần của Trung ương).

Do vậy, để HĐND Thành phố có đủ căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Bộ Tư pháp đề nghị giữ lại các quy định này trong dự thảo Luật.

### **7. Về thẩm quyền quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn**

Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội quy định: “UBND thành phố Hà Nội báo cáo HĐND thành phố Hà Nội quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện...”. Như vậy, Nghị quyết số 115/2020/QH14 giao HĐND Thành phố quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính. Do đó, Báo cáo thẩm định đề nghị cần giải trình rõ sự cần thiết giao UBND Thành phố quyết định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 (nay là điểm a khoản 2 Điều 37).

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin giải trình như sau:

Như Báo cáo thẩm định nêu, việc tạm ứng từ Quỹ dự trữ tài chính đã được đã được Quốc hội cho phép Hà Nội thực hiện tại Nghị quyết số 115-NQ/TW. Về cơ bản nội dung dự thảo Luật kế thừa quy định này tại Nghị quyết số 115-NQ/TW.

Tuy nhiên, để bảo đảm chủ động hơn trong việc bố trí nguồn lực nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, dự thảo Luật giao UBND thành phố Hà Nội quyết định “tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để thực hiện các dự án đầu tư đã có

trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện với điều kiện thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng và tổng các khoản tạm ứng tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 của năm trước” (điểm a khoản 2 Điều 37).

Đồng thời, để bảo đảm chặt chẽ trong việc bảo toàn Quỹ dự trữ tài chính, dự thảo Luật quy định UBND thành phố Hà Nội trình HĐND Thành phố quyết định bố trí dự toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm cho các dự án nêu trên để thu hồi vốn tạm ứng, hoàn trả Quỹ dự trữ tài chính theo quy định của pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 37).

### **8. Về quy định bố trí ngân sách cho bảo vệ, phát triển văn hóa Thủ đô**

Điểm e khoản 1 Điều 38 (nay là điểm e khoản 1 Điều 37) quy định: “Hằng năm, bố trí ít nhất 2% chi ngân sách dành cho bảo vệ, phát triển văn hóa thủ đô”. Báo cáo thẩm định nêu: hiện nay, việc ưu tiên bố ngân sách cho lĩnh vực khoa học, công nghệ đang được quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Khoa học và Công nghệ: “Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học và công nghệ từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp khoa học và công nghệ”, do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì giải trình rõ lý do quy định này.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin báo cáo, giải trình như sau:

Thứ nhất, Nghị quyết 15-NQ/TW nêu rõ cần “Quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển văn hoá, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn”. Thực tiễn, mức chi từ ngân sách Thành phố hằng năm cho bảo vệ, phát triển văn hóa ngày càng được quan tâm nhưng chưa tương xứng với mục tiêu phát triển văn hoá Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội; xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới cho Thủ đô theo yêu cầu tại Nghị quyết số 15-NQ/TW; mức chi chưa ổn định và chưa mang tính bền vững.

Thứ hai, Quyết định 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 nêu rõ mục tiêu tiêu cụ thể đến năm 2030 là “Phấn đấu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm” (điểm h mục 2 phần II Điều 1).

Căn cứ chủ trương của Đảng, văn bản của Thủ tướng Chính phủ nêu trên, việc bổ sung để quy định rõ trong dự thảo Luật trách nhiệm của HĐND thành phố Hà Nội trong việc bố trí ít nhất 2% tổng chi ngân sách hằng năm dành cho bảo vệ, phát triển văn hóa Thủ đô là cần thiết và phù hợp.

## **9. Về chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết kèm theo dự thảo Luật**

Dự thảo Luật có một số điều, khoản giao Chính phủ, HĐND, UBND thành phố Hà Nội quy định chi tiết. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung dự thảo các văn bản quy định về các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết trong dự thảo Luật theo yêu cầu tại Điều 11 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin báo cáo, giải trình như sau:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì dự thảo văn bản quy định chi tiết không phải một trong các tài liệu bắt buộc gửi thẩm định. Tuy nhiên, trong hồ sơ dự án luật gửi thẩm tra thì dự thảo văn bản quy định chi tiết là một trong các tài liệu bắt buộc (khoản 1 Điều 64 Luật Ban hành VBQPPL).

Về thời điểm phải chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL quy định cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo VBQPPL có trách nhiệm “Chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết sau khi Chính phủ quyết định trình dự án luật, pháp lệnh”.

Căn cứ các quy định nêu trên thì sau khi Chính phủ quyết định trình dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), Bộ Tư pháp sẽ chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết để trình đồng thời với dự án Luật này theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đặng Hoàng Oanh (để biết);
- UBND thành phố Hà Nội (để phối hợp);
- Lưu: VT, Vụ VĐCXDPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trần Tiến Dũng**

Số: 371/BC-BTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết thi hành Luật Thủ đô**

Kính gửi: Chính phủ

Luật Thủ đô được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2012 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2013. Đây là văn bản pháp lý quan trọng quy định vị trí, vai trò, trách nhiệm và chính sách xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô. Ngày 05/5/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có giải pháp “Hoàn thiện hệ thống pháp luật về Thủ đô với cơ chế, chính sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới”. Việc đánh giá tình hình thi hành Luật này trong 09 năm qua nhằm xác định những tác động tích cực của cơ chế đặc thù về xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô; nhận diện những hạn chế, bất cập, khó khăn, vướng mắc; kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành Luật và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung quy định của Luật cho phù hợp với tình hình mới là rất cần thiết.

Thực hiện quy định tại Điều 22 Luật Thủ đô, trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành Luật Thủ đô của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh trong Vùng Thủ đô, Bộ Tư pháp báo cáo kết quả tổng kết thi hành Luật Thủ đô như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ**

**1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật**

Ngay sau khi Luật Thủ đô được Quốc hội thông qua, công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Luật đã được các cấp, các ngành khẩn trương thực hiện. Cụ thể: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô; các cơ quan của thành phố Hà Nội đã ban hành 63 văn bản để tổ chức triển khai, thực hiện Luật trên địa bàn<sup>1</sup>. Các bộ, ngành liên quan cũng đã lồng ghép kế hoạch soạn thảo văn bản quy định chi tiết, thi hành Luật trong Kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan mình (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch...). Trong đó,

<sup>1</sup> Gồm: 28 Quyết định, 16 Kế hoạch, 17 Công văn, 01 Tờ trình, 01 Thông báo.

các nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu là soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành; tổ chức kịp thời việc quán triệt, phổ biến pháp luật về Thủ đô và xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành Luật.

Từ năm 2016 đến nay, Bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc sơ kết 03 năm lần 1 và lần 2 thi hành Luật Thủ đô<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, tháng 4/2018, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan, xây dựng Báo cáo của Chính phủ phục vụ Đoàn giám sát của Quốc hội về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô và thực hiện quy định về quản lý dân cư theo quy định tại Điều 19 Luật Thủ đô (giai đoạn từ 01/7/2013 - 31/12/2017)<sup>3</sup>. Bộ Tư pháp và UBND thành phố Hà Nội cũng đã tổ chức một số Đoàn công tác liên ngành thực hiện việc kiểm tra, khảo sát về tình hình thi hành Luật Thủ đô theo lĩnh vực và địa bàn<sup>4</sup>; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm góp ý về những nội dung theo quy định của Luật Thủ đô. Hằng năm, thành phố Hà Nội định kỳ báo cáo Chính phủ về kết quả thi hành Luật Thủ đô theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 25 Luật Thủ đô. Ngoài ra, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Đề án “Nghiên cứu, rà soát tổng thể, xác định những nội dung quy định trong Luật Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật (văn bản QPPL) khác của Trung ương khi triển khai vào thực tiễn chưa phù hợp để đề nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung và tiếp tục đề xuất với Trung ương cho phép áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù để phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô”.

## **2. Công tác quán triệt, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết**

Với sự vào cuộc đồng bộ của các cơ quan nhà nước ở Trung ương, thành phố Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô, việc quán triệt, phổ biến Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật được thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, đa dạng về hình thức, thu hút sự tham gia của hàng ngàn lượt người. Qua đó, giúp định hướng dư luận, nâng cao sự hiểu biết, ý thức trách nhiệm chấp hành pháp luật về Thủ đô của cơ quan, tổ chức, người dân Thủ đô và Nhân dân cả nước, kiều bào ở nước ngoài và bạn bè quốc tế. Cụ thể:

- Ở Trung ương: Bộ Tư pháp đã biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức Hội nghị giao ban tổ chức pháp chế bộ, ngành, pháp chế doanh nghiệp và các

<sup>2</sup> Báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Thủ đô: Báo cáo số 427/BC-CP ngày 17/10/2016 của Chính phủ về việc 03 năm thi hành Luật Thủ đô và Báo cáo số 507/BC-CP ngày 17/10/2019 của Chính phủ về thi hành Luật Thủ đô.

<sup>3</sup> Báo cáo số 135/BC-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô và thực hiện quy định về quản lý dân cư tại Điều 19 Luật Thủ đô (giai đoạn 2013-2017).

<sup>4</sup> Năm 2016: khảo sát, học tập kinh nghiệm tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng về xây dựng và quản lý đô thị; Năm 2018: thực hiện kiểm tra, khảo sát tại Bộ Tài chính; 03 tỉnh trong Vùng Thủ đô (Hà Nam, Phú Thọ, Bắc Ninh); tại 03 quận, huyện của thành phố Hà Nội (Hoàn Kiếm, Bắc Từ Liêm, Thạch Thất); Năm 2022: kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành Luật Thủ đô tại 03 tỉnh trong Vùng Thủ đô (Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên); khảo sát, học tập kinh nghiệm tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hội An về mô hình chính quyền đô thị, quản lý phố cổ; tại 03 quận, huyện của thành phố Hà Nội (Hoàn Kiếm, Gia Lâm, Sơn Tây).

cơ quan, tổ chức liên quan để phổ biến, giới thiệu về những nội dung cơ bản của Luật; cử báo cáo viên tham gia giới thiệu Luật Thủ đô tại một số hội nghị do thành phố Hà Nội tổ chức. Các cơ quan ngôn luận (Thông tấn xã Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam) đã dành thời lượng hợp lý cho việc giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến Luật bằng nhiều hình thức khác nhau. Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Hà Nội tập hợp các tư liệu để xây dựng Bộ kỹ yếu Luật Thủ đô nhằm phục vụ nhu cầu tìm hiểu của các cán bộ, Nhân dân.

- Ở thành phố Hà Nội: Việc tổ chức quán triệt, phổ biến Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết đã được các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể, hệ thống chính trị trên địa bàn thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, đa dạng hình thức (tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, in ấn và phát tài liệu, giới thiệu trên báo, đài, các buổi họp của tổ dân phố, hội diễn văn nghệ...). 100% các sở, ban, ngành, đoàn thể và 30/30 quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội đã tổ chức hội nghị quán triệt Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết cho cán bộ chủ chốt, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn, qua đó góp phần nâng cao ý thức chấp hành, nhận thức sâu sắc hơn về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô.

### **3. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật**

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là thành phố Hà Nội đã tích cực, chủ động, chỉ đạo quyết liệt việc soạn thảo các văn bản QPPL quy định chi tiết thi hành Luật để trình cấp có thẩm quyền ban hành bảo đảm có hiệu lực cùng với thời điểm hiệu lực của Luật Thủ đô (ngày 01/7/2013). Các văn bản đã được ban hành bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình soạn thảo<sup>5</sup>; kịp thời được kiểm tra, rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn<sup>6</sup>.

Theo quy định của Luật Thủ đô, có 21 nội dung được giao các cấp có thẩm quyền quy định chi tiết, trong đó 01 nội dung do Chính phủ quy định; 04 nội dung do Thủ tướng Chính phủ quy định; 01 nội dung do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; 12 nội dung giao Hội đồng nhân dân (HĐND) Thành phố và 03 nội dung giao Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội

<sup>5</sup> Trong quá trình soạn thảo, Bộ Tư pháp đã thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai thi hành Luật Thủ đô (Quyết định số 1154/QĐ-BTP ngày 17/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp) để cho ý kiến tư vấn thẩm định đối với các dự thảo văn bản quy định chi tiết. 100% các văn bản đã ban hành đều có sự tham gia ý kiến của các cơ quan, hữu quan trong quá trình soạn thảo.

<sup>6</sup> Bộ Tư pháp và UBND thành phố Hà Nội đã tiến hành kiểm tra, tự kiểm tra 22/23 văn bản quy định 18/21 nội dung giao quy định chi tiết do cơ quan cấp Bộ và HĐND, UBND thành phố Hà Nội ban hành (01 văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành không thuộc đối tượng kiểm tra). Kết quả kiểm tra không phát hiện văn bản nào có dấu hiệu trái pháp luật. Qua công tác rà soát văn bản, thành phố Hà Nội đã kịp thời sửa đổi, bổ sung 02 Nghị quyết của HĐND thành phố.

quy định. Đến nay, đã có 34 văn bản được các cơ quan ban hành để quy định chi tiết 21/21 nội dung.

## **II. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU SAU 09 NĂM THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ VÀ VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT**

### **1. Về những quy định chung của Luật Thủ đô**

#### *a) Phạm vi điều chỉnh của Luật (Điều 1)*

Bám sát phạm vi điều chỉnh của Luật Thủ đô, trong những năm qua, việc ban hành các văn bản quy định chi tiết được thực hiện phù hợp với quy định của Luật và các luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý để giải quyết những vấn đề bức xúc của Thủ đô. Trong tổ chức thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, Chính phủ và Thành phố Hà Nội luôn bảo đảm triển khai thi hành những cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô phù hợp với quy định của Hiến pháp, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

*b) Về vị trí, vai trò của Thủ đô (Điều 2); Trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô (Điều 4); Trách nhiệm của Thủ đô (Điều 5)*

Trên cơ sở quy định tại Điều 144 của Hiến pháp năm 1992, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 6/01/2012 của Bộ Chính trị, Luật Thủ đô năm 2012 xác định Thủ đô Hà Nội là: “*Trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước*” và “*Trụ sở cơ quan trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đặt tại khu vực Ba Đình thành phố Hà Nội*”. Nhận thức rõ vị trí, vai trò của Thủ đô, trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô, tiếp tục phát huy truyền thống Thủ đô ngàn năm văn hiến, anh hùng, vì hòa bình, Thành phố sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân Thủ đô đã nỗ lực, cố gắng trong việc xây dựng, phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội và bảo vệ Thủ đô.

Kinh tế Thủ đô đạt tốc độ tăng trưởng khá, đạt mức cao so với bình quân chung cả nước<sup>7</sup>, cơ cấu chuyển dịch tích cực; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh được cải thiện, là động lực cho phát triển kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng.

Văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển, đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là về phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh; giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội; mở rộng quy

<sup>7</sup> Bình quân giai đoạn 2016 - 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tăng 7,39% (cao hơn mức 6,93% của giai đoạn 2011 - 2015). Quy mô GRDP của Thủ đô ước đạt 1,06 triệu tỷ đồng (tương đương khoảng 45 tỷ USD) và GRDP bình quân đầu người ước đạt 5.420 USD, gấp 1,8 lần bình quân cả nước.

mô đi đôi với nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo<sup>8</sup>, y tế; phát triển khoa học - công nghệ được đẩy mạnh, gắn kết với sản xuất, kinh doanh; giải quyết việc làm, giảm tỉ lệ hộ nghèo và bảo đảm an sinh xã hội<sup>9</sup>. Đời sống của nhân dân Thủ đô, đặc biệt là ở vùng nông thôn, xa trung tâm được cải thiện rõ rệt.

Hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền được nâng cao, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân có những đổi mới, hướng về cơ sở, giải quyết tốt những vấn đề xã hội.

Thành phố tiếp tục giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, hoạt động của các cơ quan Trung ương và quốc tế, các sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa diễn ra trên địa bàn. Thành phố triển khai, hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh toàn diện.

Quan hệ đối ngoại, hội nhập, hợp tác phát triển được mở rộng, tạo dấu ấn quan trọng, nâng cao uy tín, vị thế của Thủ đô trong khu vực và trên thế giới. Tăng cường quảng bá văn hóa, giao lưu hữu nghị, góp phần thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài. Đến nay, Hà Nội có quan hệ hữu nghị, hợp tác với hơn 100 thủ đô và thành phố lớn trên thế giới. Duy trì và phát huy vai trò tích cực trong các khuôn khổ hợp tác đa phương với vai trò thành viên của các tổ chức liên đô thị quốc tế<sup>10</sup>. Đặc biệt sau kỷ niệm 20 năm “Thành phố vì hòa bình”, Hà Nội đã được UNESCO vinh danh danh hiệu “Thành phố thiết kế sáng tạo” trong mạng lưới “Thành phố sáng tạo”. Đây là cơ hội thuận lợi cho Thành phố định vị thương hiệu, quảng bá hình ảnh và đưa Hà Nội trở thành Thành phố sáng tạo của khu vực Đông Nam Á, điểm đến của tri thức và sáng tạo trên thế giới.

Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”, Thành phố đã chủ động phối hợp, hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển. Thành phố đã hỗ trợ các hoạt động an sinh xã hội, khắc phục thiên tai ở các tỉnh, thành phố bạn với kinh phí trên 170 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng các công

<sup>8</sup> Giáo dục và đào tạo tiếp tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, về chất lượng giáo dục, về số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia năm 2020 đạt 75%.

<sup>9</sup> Thành phố cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90,1%.

<sup>10</sup> Tổ chức thành phố thông minh bền vững thế giới (WeGO), Mạng lưới chính quyền địa phương về quản lý dân cư (CityNet), Nhóm các thành phố dẫn đầu về chống biến đổi khí hậu (C40), Tổ chức quốc tế Pháp ngữ (OIF), Hiệp hội quốc tế các thị trường thành phố nổi tiếng Pháp (AIMF), Hiệp hội các thành phố lớn thế giới (Metropolis)...



trình văn hóa, giáo dục với kinh phí trên 240 tỷ đồng<sup>11</sup>... Thỏa thuận hợp tác với trên 50 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thúc đẩy hợp tác phát triển trong nhiều lĩnh vực như du lịch, công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đầu tư, văn hóa, xã hội... Tổ chức tốt các hoạt động quảng bá văn hóa đặc sắc và hoạt động kinh tế của nhiều vùng miền, địa phương tại Thủ đô và của Thủ đô tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

*c) Về biểu tượng của Thủ đô Hà Nội (Điều 6)*

Theo quy định của Luật Thủ đô, biểu tượng của Thủ đô là hình ảnh Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Biểu tượng này đã được toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thủ đô đặc biệt coi trọng, giữ gìn, phát huy. Hình ảnh Khuê Văn Các thường xuyên xuất hiện trong tất cả các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa và đời sống của Thủ đô, được tuyên truyền, giáo dục gắn với xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội. Biểu tượng này cũng được truyền thông rộng rãi nhằm định vị, quảng bá hình ảnh của Thủ đô ra thế giới. Có thể nói, hình ảnh Khuê Văn Các đã được khắc họa sâu đậm trong nhận thức, tình cảm, lòng tự hào của mọi người dân Thủ đô, là biểu trưng truyền thống Thủ đô ngàn năm văn hiến, có giá trị trường tồn cùng Thủ đô Hà Nội.

*d) Về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô (Điều 7)*

Triển khai quy định về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội.

Từ năm 2013 đến nay, UBND Thành phố đã xét tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô cho 17 cá nhân là người nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô, vì mục tiêu hòa bình và tiến bộ xã hội. Quá trình xét tặng bảo đảm quy trình, thủ tục và tiêu chuẩn; việc xin ý kiến của Đại sứ quán, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan đến thành tích các cá nhân đề nghị xét danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được sự đồng thuận cao. Việc tổ chức trao tặng danh hiệu được tổ chức trong nước và tại nước ngoài nơi cá nhân đang cư trú<sup>12</sup>; việc tổ chức trao tặng trang trọng, bảo đảm đúng nghi thức ngoại giao.

Thực tiễn triển khai cho thấy, việc xét tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô đã động viên, khuyến khích người nước ngoài có thêm động lực đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô.

**2. Về quy hoạch xây dựng, phát triển và biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch (Điều 8, Điều 9 Luật Thủ đô)**

<sup>11</sup> Theo số liệu của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022.

<sup>12</sup> Trao tặng trong nước cho 10 cá nhân; trao tặng tại nước ngoài nơi cá nhân cư trú cho 07 cá nhân

Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch chung). Cùng với Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật Thủ đô đã thiết lập cơ sở pháp lý nhằm bảo đảm về tính thống nhất của các loại quy hoạch trên địa bàn Thủ đô, trong đó lấy Quy hoạch chung làm trung tâm; định hướng phát triển Thủ đô, cùng với các biện pháp thực hiện nghiêm ngặt để bảo vệ, không phá vỡ Quy hoạch. Kết quả trong 09 năm qua, tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đạt 94,84% (trong đó quy hoạch chung đạt 97,73%, quy hoạch phân khu đạt 83,51%)<sup>13</sup>. Chất lượng quy hoạch được nâng cao, tạo lập không gian kiến trúc, cảnh quan Thủ đô văn minh, hiện đại, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử. Thành phố đã tổ chức nghiên cứu lập một số quy hoạch đặc thù như: Hệ thống không gian ngầm, làng nghề truyền thống kết hợp du lịch, ga Hà Nội và các khu vực phụ cận... Quản lý quy hoạch được chú trọng, ngày càng chặt chẽ, đạt kết quả tích cực, cụ thể:

*a) Triển khai xây dựng các quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô*

Công tác quy hoạch, phát triển không gian, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật được thành phố Hà Nội đặc biệt chú trọng. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạch định và xây dựng Thủ đô, Thành phố đã xây dựng 38 quy hoạch phân khu, trong đó 36/38 đồ án quy hoạch phân khu đã được duyệt (Trung ương duyệt 03/03 đồ án, Thành phố duyệt 33/35 đồ án), 32/32 đồ án quy hoạch chung với tổng diện tích 284.217 ha trong đó có quy hoạch 5 đô thị vệ tinh (Sóc Sơn, Sơn Tây, Hoà Lạc, Xuân Mai và Phú Xuyên) đã được phê duyệt.

Việc xây dựng, phát triển không gian đô thị đã đạt một số kết quả tích cực. Tổng diện tích sàn nhà ở đã phát triển giai đoạn 2016-2020 đạt 25,3 triệu m<sup>2</sup> (bình quân 27,25m<sup>2</sup>/người). Tập trung đầu tư chuẩn bị các điều kiện để thành lập các quận mới<sup>14</sup>, tỷ lệ đô thị hóa đạt 49,2%. Các khu đô thị mới hiện đại, văn minh<sup>15</sup> đã tạo diện mạo mới cho Thủ đô. Thành phố Hà Nội cũng đẩy mạnh phát triển vùng đô thị mở rộng lên phía Bắc với một số dự án trọng điểm như công viên Kim Quy, trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia (huyện Đông Anh). Hiện tại, UBND thành phố Hà Nội đang xúc tiến kêu gọi nhà đầu tư phát triển Thành phố thông minh khu vực hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài.

Thành phố Hà Nội phối hợp các bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê

<sup>13</sup> Theo số liệu của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022.

<sup>14</sup> Từ các huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

<sup>15</sup> Như: Văn Quán, Mỹ Đình, Mỗ Lao, ParkCity Hà Nội, An Khánh, Vinhomes Smartcity... về phía Tây; Việt Hưng, Vinhomes Riverside, Vinhomes Oceanpark về phía Đông; Linh Đàm, Garmuda về phía Nam; Tây Hồ Tây, Ciputra về phía Bắc... cùng với các khu đô thị mới trong vành đai 3 như Royal City, Times City, Trung Hòa Nhân Chính.

duyet 08/09 đồ án Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật Thủ đô Hà Nội<sup>16</sup>, hiện còn quy hoạch chiếu sáng đô thị đang trình phê duyệt. Thành phố cũng đã thực hiện phê duyệt các quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn Thủ đô<sup>17</sup>.

Việc lập, phê duyệt quy hoạch và xây dựng không gian đô thị bảo đảm nguyên tắc công khai, đồng bộ, ổn định, lâu dài theo quy định tại Điều 8 Luật Thủ đô và Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đang được UBND Thành phố Hà Nội tổ chức rà soát, lập nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch theo chủ trương đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Văn bản số 383/TTg-CN ngày 26/3/2021. Đồng thời, thực hiện lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo nhiệm vụ lập Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 07/3/2022.

#### *b) Các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch*

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Thủ đô, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội. Theo đó, các cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở điều trị có mức độ ô nhiễm, truyền nhiễm, lây nhiễm cao, sử dụng quá tải; các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị nằm trong khu vực nội thành Hà Nội không phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, gây mất cân đối về hạ tầng xã hội và kỹ thuật, giao thông, ô nhiễm môi trường và không phù hợp với Quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cần phải di dời ra ngoài khu vực nội thành Hà Nội với lộ trình và biện pháp di dời cụ thể được xác định phù hợp với điều kiện, địa điểm cụ thể và đặc điểm của từng cơ sở cần phải di dời, đảm bảo tính khả thi.

Bộ Xây dựng được giao chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Hà Nội và

---

<sup>16</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội: (1) Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 554/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (4) Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (5) Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 31/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050."

<sup>17</sup> Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035; Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

các Bộ ngành có liên quan lập danh mục, cụ thể hóa tiêu chí, lộ trình và biện pháp di dời các cơ quan, đơn vị (trụ sở các Bộ ngành, cơ quan Trung ương) cần phải di dời ra ngoài khu vực nội thành Hà Nội, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; giám sát việc tổ chức thực hiện, quản lý và xây dựng theo quy hoạch, phối hợp với UBND thành phố Hà Nội, các Bộ ngành và UBND các tỉnh trong Vùng Thủ đô có liên quan trong quá trình thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội.

Đối với công tác di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, UBND thành phố Hà Nội đã thành lập Ban chỉ đạo công tác di dời; đã tổ chức việc quan trắc, phân tích đánh giá ô nhiễm môi trường tại các cơ sở có khả năng gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn 12 quận nội thành. Thực hiện việc rà soát, đối chiếu, xác định các cơ sở không phù hợp quy hoạch và dự kiến quy hoạch sử dụng đất sau khi di dời. Đã tổ chức phân nhóm tiêu chí, thứ tự di dời và hiện Thành phố đang xem xét 21 dự án thuộc diện di dời nhà máy ra khỏi khu vực nội thành, với diện tích 141.862m<sup>2</sup><sup>18</sup>. Đối với các cơ sở y tế và giáo dục đào tạo, thực hiện quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, các bộ, ngành đang triển khai lập quy hoạch theo nhiệm vụ đã được phê duyệt<sup>19</sup>.

Về việc di dời trụ sở các bộ, ngành, cơ quan trung ương: Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Xây dựng đã tổ chức lập đề án quy hoạch Hệ thống trụ sở làm việc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương các đoàn thể tại Thủ đô Hà Nội đến năm 2030<sup>20</sup>, tổ chức Cuộc thi tuyển ý tưởng quy hoạch, kiến trúc tổng thể Khu trụ sở làm việc các Bộ ngành Trung ương tại khu vực Tây Hồ Tây<sup>21</sup>. Trên cơ sở kết quả thi tuyển, Bộ Xây dựng đang hoàn thiện Đề án Quy hoạch hệ thống trụ sở làm việc của các Bộ ngành Trung ương, làm cơ sở triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt<sup>22</sup>. Theo nhu cầu thực tiễn của các bộ, ngành, Thành phố cũng đã xem xét, giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng các cơ sở bệnh viện, cơ sở giáo

<sup>18</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>19</sup> Bộ Y tế đang triển khai lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 18/05/2020; Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 17/02/2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang triển khai lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 26/6/2020, làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy hoạch được duyệt

<sup>20</sup> Quyết định số 837/QĐ-TTg ngày 04/6/2014; Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 19/01/2017 và Quyết định số 658/QĐ-TTg ngày 19/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng hệ thống trụ sở làm việc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể tại Thủ đô Hà Nội, đến năm 2030.

<sup>21</sup> Văn bản số 5089/VPCP-CN ngày 27/7/2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành về kết quả cuộc thi tuyển; Quyết định số 948/QĐ-BXD ngày 20/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố kết quả Cuộc thi tuyển.

<sup>22</sup> Theo Báo cáo của Bộ Xây dựng.

dục, các cơ quan để phục vụ di dời như: Các bệnh viện đã và đang thực hiện di dời 08 cơ sở, trong đó 02 cơ sở đã di dời (Bệnh viện K cơ sở 2 và Bệnh viện Nội tiết Trung ương); thành phố đã bố trí quỹ đất khu các trường đại học tập trung tại Hòa Lạc (quy mô 279,5ha)<sup>23</sup>; bố trí quỹ đất phục vụ di dời cho 09 cơ quan bộ, ngành trung ương. Tuy nhiên, các khu đất sau di dời, các cơ quan vẫn tiếp tục sử dụng, bàn giao cho cơ quan trung ương quản lý hoặc được chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất (đầu tư xây dựng dự án nhà ở, văn phòng, thương mại cao tầng).

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Thủ đô Thành phố Hà Nội đã không xem xét giải quyết các trường hợp mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có; không xây dựng mới các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (chỉ chấp thuận một số dự án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ, không tăng giường bệnh như bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức...).

Việc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường đã được Thành phố tổ chức rà soát, xây dựng danh mục đồ án đến năm 2020 gồm: 56 đồ án quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường (42 đồ án giao trước năm 2015), nhằm bảo đảm quy hoạch chi tiết trục đường mới trong đô thị theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thủ đô và khoản 3 Điều 31 Luật Quy hoạch đô thị, phải bảo đảm phạm vi lập quy hoạch mở rộng mỗi bên khoảng 50m<sup>24</sup>.

### **3. Về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị (Điều 10 Luật Thủ đô)**

#### *a) Quản lý, bảo tồn không gian kiến trúc cảnh quan, công trình có giá trị*

Tính từ năm 2012 đến nay, Thành phố đã phê duyệt 150 quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị lập mới với tổng diện tích 8.995,9 ha và 64 quy hoạch chi tiết điều chỉnh tổng thể (tương đương lập mới) với tổng diện tích 3.706,6 ha chưa kể các chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc riêng; thực hiện rà soát 642 đồ án, dự án trên địa bàn mở rộng; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp tục triển khai 329 đồ án, dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch Hà Nội mở rộng; hoàn thành việc rà soát, đề xuất cho dừng, giãn và hoãn, chuyển đổi mục đích đầu tư các dự án không phù hợp quy hoạch. Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà biệt thự xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn<sup>25</sup>; tiếp tục công tác chỉnh trang, bảo tồn phố cổ, phát huy giá trị không gian đi bộ khu bảo

<sup>23</sup> Đến nay mới có 01 trường được giới thiệu di dời đến khu vực này là Khoa Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và đã thực hiện di dời 01 trường là Đại học Y tế công cộng.

<sup>24</sup> Hiện nay, một số đồ án quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường đã được thành phố phê duyệt và thực hiện như: Tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài; Tuyến đường 179 - đoạn Quốc lộ 5 đến thôn Chu Xá, Kiêu Kỳ, Gia Lâm; Tuyến đường Dộc Hội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

<sup>25</sup> Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội

tồn cấp 1 trong khu phố cổ với 12 tuyến phố kết nối với không gian đi bộ khu vực Hồ Hoàn Kiếm, đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân và khách du lịch.

*b) Tạo lập không gian cảnh quan khu vực hai bên sông Hồng*

Căn cứ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Thành phố đã tổ chức nghiên cứu lập đồ án Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng tỷ lệ 1/5000 (Quyết định số 4770/QĐ-UBND ngày 23/10/2012). Theo Đồ án thì khu đô thị sông Hồng nằm trên địa giới hành chính 13 quận, huyện gồm Đan Phượng, Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Mê Linh, Đông Anh, Long Biên và Gia Lâm. Quy mô diện tích đất quy hoạch khoảng 11.513 ha. Tuy nhiên, ngày 18/02/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 257/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, do vậy để giải quyết toàn diện các vấn đề liên quan đến quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, thành phố Hà Nội đã chỉ đạo việc nghiên cứu, lập Đồ án Quy hoạch phân khu phạm vi khu vực ngoài đê dọc hai bên bờ sông Hồng theo hướng phải bảo đảm phòng, chống lũ; tạo lập đô thị hiện đại; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo quỹ đất để tạo nguồn lực thực hiện quy hoạch; phát triển giao thông, vận tải và du lịch đường sông; ưu tiên tái định cư tại chỗ.

*c) Về cải tạo chỉnh trang hai bên tuyến đường giao thông, thiết kế đô thị*

Thành phố đã phê duyệt danh mục kế hoạch quy hoạch trung hạn và ngắn hạn, trong đó danh mục đồ án đang tiếp tục thực hiện là 84 đồ án; tổ chức thí điểm cải tạo, chỉnh trang hai bên tuyến đường (vành đai 1, Lê Trọng Tấn, Nguyễn Đình Chiểu). Công tác chỉnh trang, nâng cấp đô thị được triển khai đồng bộ. Một số vườn hoa, công viên được cải tạo, xây mới (Công viên Yên Sở, Nhân Chính, Bắc Nam Mai Dịch, Chu Văn An, Vườn hoa 01/6, Hàng Trống, Cổ Tân); nhiều tuyến phố được chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hạ ngầm các đường dây nổi tại 359 tuyến của khoảng 600 phố, đạt khoảng 67% (trong đó phần ngân sách nhà nước đã thực hiện là 175 tuyến và xã hội hóa thực hiện 184); còn phải thực hiện hạ ngầm giai đoạn 2021-2025 là 300 tuyến phố. Hệ thống cây xanh đô thị được tập trung đầu tư và phát triển gắn với hệ thống công viên, hồ nước tạo thành không gian xanh đô thị, phục vụ công cộng; hoàn thành về đích sớm 2 năm Chương trình trồng 1 triệu cây xanh và trồng thêm 600.000 cây xanh; đã xử lý 130 hồ bảo đảm chất lượng nước đạt quy chuẩn QCVN 08-MT:2015. Hệ thống chiếu sáng, trang trí đô thị được đầu tư chiều sâu, bảo đảm ngày càng sáng hơn, đẹp hơn (cơ bản hoàn thành trung tâm điều khiển chiếu sáng đô thị với tỷ lệ chiếu sáng đường phố đạt 98%); thực nghiệm hệ thống chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió); thí điểm xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị tiết kiệm điện năng thông minh và đã

chấp thuận lập dự án đầu tư PPP hệ thống chiếu sáng đô thị tiết kiệm điện năng thông minh.

*d) Về việc phê duyệt thiết kế đô thị riêng trong khu vực đã ổn định chức năng sử dụng đất để phục vụ cho việc quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị và cấp phép xây dựng*

Thực hiện khoản 2 Điều 32 Luật Quy hoạch đô thị, trong thời gian qua, Thành phố đã chỉ đạo lập 60 đồ án thiết kế đô thị riêng trong khu vực đã ổn định chức năng sử dụng đất<sup>26</sup> đến nay đã phê duyệt theo thẩm quyền 03 đồ án gồm: Đồ án tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tuyến đường Trần Phú - Kim Mã<sup>27</sup>; Đồ án hai bên tuyến đường Trường Chinh<sup>28</sup>; Đồ án hai bên tuyến đường Xuân Thủy<sup>29</sup>. Bên cạnh đó, Thành phố đã ban hành các quy chế về quản lý quy hoạch kiến trúc chung và quy hoạch khu vực trung tâm, nội đô lịch sử<sup>30</sup>; tiếp tục chỉ đạo việc triển khai xây dựng 28 quy chế, bao gồm: 02 quy chế đặc thù, 12 quy chế quận, thị xã và 14 quy chế thị trấn. Đồng thời, để hạn chế, từng bước xử lý các trường hợp nhà “siêu mỏng - siêu méo”, Thành phố đã có hướng dẫn tạm thời về quản lý xây dựng, kiến trúc các công trình hai bên tuyến đường Vành đai 2 và các tuyến đường giao thông mới mở theo quy hoạch, phải tiến hành giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố.

*đ) Về xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực 04 quận*

UBND thành phố đã phối hợp với Bộ Xây dựng, các bộ, ngành liên quan tổ chức xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực các quận Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, theo quy định khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô. Đến nay, Quy chuẩn này đã được ban hành (Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 21/3/2022) để làm cơ sở lập quy hoạch, thiết kế đô thị tại các quận nội đô lịch sử, thực hiện quản lý quy hoạch, không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

#### **4. Về bảo tồn và phát triển văn hoá (Điều 11 Luật Thủ đô)**

*a) Về tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa*

Thành phố coi trọng, xác định phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh là trung tâm trong chính sách phát triển bền vững của Thủ

<sup>26</sup> Sở Quy hoạch - Kiến trúc (11 đồ án), Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội (11 đồ án); UBND các quận, huyện, thị xã (29 đồ án + 09 đồ án cải tạo chỉnh trang) tổ chức thực hiện các đồ án thiết kế đô thị.

<sup>27</sup> Quyết định số 4001/QĐ-UBND ngày 27/06/2013.

<sup>28</sup> Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 12/02/2018.

<sup>29</sup> Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 31/5/2016.

<sup>30</sup> Gồm: Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc Khu phố Cổ; Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc Khu phố cũ; Quy chế quản lý kiến trúc công trình cao tầng khu vực nội đô (Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014; Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 13/8/2015; Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 04/4/2016; Quyết định số 6398/QĐ-UBND ngày 24/10/2013).

đô<sup>31</sup>. Hà Nội là địa phương đầu tiên trở thành thành viên mạng lưới “các Thành phố sáng tạo” của UNESCO. Thành phố đã triển khai và đạt được một số kết quả tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của Thủ đô. Cụ thể: đã hoàn thành công tác chỉnh trang, bảo tồn mặt đứng tuyến phố chuyên kinh doanh Đông Nam dọc Lãn Ông; phố bích họa Phùng Hưng; phố sách Hà Nội; tuyến phố Tạ Hiện, Hàng Khoai, Thanh Hà - Đào Duy Từ; mở rộng không gian đi bộ với 26 tuyến phố khu vực Hồ Hoàn Kiếm và vùng phụ cận, tuyến phố Trịnh Công Sơn, Tây Hồ; triển khai Đề án đầu tư, tôn tạo, bảo tồn và phát huy di tích Làng cổ Đường Lâm, Thị xã Sơn Tây giai đoạn 2014-2020<sup>32</sup>; hoàn thành trùng tu, tôn tạo một số dự án chùa, đình<sup>33</sup> và đang triển khai bảo tồn, tôn tạo các di tích tiêu biểu trên địa bàn khu vực phố cổ<sup>34</sup>; triển khai Đề án Trung tâm trung bày giới thiệu sản phẩm cho các làng nghề<sup>35</sup>; tổ chức tập huấn, tư vấn về thiết kế sản phẩm, quản trị doanh nghiệp cho các làng nghề.

Trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 phê duyệt thực hiện Đề án tổng kiểm kê, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Đề án được triển khai ở 386 xã, 177 phường, 21 thị trấn, qua đó, 1.793 di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê. Từ kết quả kiểm kê, UBND thành phố Hà Nội đã cho nghiên cứu, triển khai 06 dự án thí điểm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gồm: Tiếng lóng ở Đa Chát, Đại Xuyên, Phú Xuyên; Hát Trống quân ở Thường Tín, Phúc Thọ và Phú Xuyên; Boi chải và hội đình Lưu Xá ở Chương Mỹ; Hát và múa Ải Lao ở Long Biên; Nghè rền ở Đa Sỹ, Hà Đông; Chữa bệnh bằng thuốc nam của người Dao ở Ba Vì. Sản phẩm của đề án gồm hàng ngàn bức ảnh, 27 chuyên đề nghiên cứu, 03 cuộc trưng bày tại cộng đồng, xây dựng 06 bộ phim tư liệu cộng đồng, tổ chức 02 lớp truyền dạy hát Trống quân cho gần 40 người, xuất bản 02 cuốn sách, 04 bộ tài liệu giáo dục về di sản. Từ khi Luật Thủ đô có hiệu lực đến tháng 8/2021, Hà Nội đã có thêm 02 Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh (Nghĩ lễ và trò chơi Kéo co; Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt) và 25 Di sản văn hóa phi vật thể được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Tính đến ngày 31/12/2015, Thành phố Hà Nội đã hoàn thành công tác tổng kiểm kê, đánh giá, phân loại di tích quy mô toàn Thành phố sau khi mở rộng địa giới hành chính năm 2008 với tổng số 5.922 di tích, trở thành địa phương có số lượng di tích lớn nhất toàn quốc. Các di tích được kiểm kê bao gồm nhiều loại hình: di tích lịch sử, di tích kiến trúc - nghệ thuật, di tích khảo cổ,

<sup>31</sup> Giai đoạn 2016-2020, thành phố chỉ đầu tư phát triển văn hóa tăng 30% so với thời kỳ trước.

<sup>32</sup> Trong 02 năm 2014, 2015 đã đầu tư, cải tạo được 10 nhà cổ, với tổng kinh phí là 10,709 tỷ đồng.

<sup>33</sup> Kim Cổ, Đình Phá Trúc Lâm, Đình Đông Thành, Đình Tú Thị.

<sup>34</sup> Quán chùa Huyền Thuyên, Chùa Vĩnh Trụ, Đình Tân Khai - Chùa Thái Cam, Chùa Một Cột, Đền Bà Kiệu.

<sup>35</sup> Gốm sứ Bát Tràng, sơn mài Hạ Thái, điêu khắc khố Sơn Đồng, dệt lụa Vạn Phúc...



di tích danh lam thắng cảnh, được phân theo chức năng gồm: đình, đền, chùa, miếu, phủ, quán, hội quán, nhà thờ họ, thành quách, khu phố cổ, làng cổ... Kết quả kiểm kê đã được công bố tại Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Tính đến ngày 30/8/2021, tổng số di tích đã được xếp hạng là 2.581 di tích, trong đó có 1.163 di tích/cụm di tích Quốc gia; 1.441 di tích cấp Thành phố; 20 di tích/cụm di tích Quốc gia đặc biệt (trong đó có 16 di tích được xếp hạng sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực); 01 di sản thế giới (Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội); thực hiện gắn bia lưu niệm sự kiện lịch sử Cách mạng kháng chiến đối với 355 địa điểm lưu niệm sự kiện phân bố trên 30 quận huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố<sup>36</sup>. UBND thành phố đã thực hiện việc điều tra, khảo sát và phân loại biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954, lập thành danh mục để quản lý và đề xuất kế hoạch bảo tồn.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa (tỷ lệ 1/2000); Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 975/QĐ-BXD ngày 21/8/2015 và Quyết định số 1481/QĐ-BXD ngày 28/12/2015 phê duyệt điều chỉnh bổ sung đồ án Quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (tỷ lệ 1/500).

UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc phố cổ Hà Nội, Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn Thành phố.

*b) Về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô*

Thành phố ban hành quy định về quy trình, tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công viên, vườn hoa, khu vui chơi, giải trí, công trình văn hóa không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đến nay, đã huy động được gần 400 tỷ đồng cho việc bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa; công bố Danh mục các dự án dự kiến thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 (đợt 1), trong đó có 11 dự án Công viên với tổng mức đầu tư 36.800 tỷ đồng (hiện 02 công trình là Dự án Công viên hồ và Hồ điều hòa CV1 tại khu đô thị mới Cầu Giấy với tổng mức đầu tư 938 tỷ đồng và Dự án Công viên văn hóa du lịch vui chơi giải

<sup>36</sup> Theo Báo cáo số 111/BC-BVHTTDL ngày 12/5/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

trí Kim Quy với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 4.600 tỷ đồng)<sup>37</sup>. Các làng nghề truyền thống; các loại hình văn hóa phi vật thể hiện đang được cộng đồng dân cư quan tâm, bảo tồn để phát triển kinh tế và du lịch.

## **5. Về phát triển giáo dục và đào tạo (Điều 12 Luật Thủ đô)**

*a) Quy định thực hiện phổ cập và phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia*

Thành phố đã ban hành Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi sớm trước thời hạn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo 02 năm và trước kế hoạch của Thành phố 01 năm. Từ năm 2013 đến năm 2021, công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học đều tăng hơn năm trước<sup>38</sup>.

*b) Việc thực hiện quy định xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô*

Tính đến tháng 3/2021, toàn Thành phố đã có 22 trường chất lượng cao, trong đó có 16 trường công lập và 6 trường ngoài công lập. Trong 16 trường công lập chất lượng cao được công nhận có 07 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 04 trường THCS, 02 trường THPT<sup>39</sup>.

## **6. Về phát triển khoa học và công nghệ (Điều 13 Luật Thủ đô)**

*a) Về phát triển khoa học công nghệ*

Trong những năm qua, việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KHCN) cấp quốc gia trên địa bàn Hà Nội đã được triển khai rất tích cực, huy động các Viện nghiên cứu, các Trường đại học, các tổ chức KHCN tham gia nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ KHCN vào sản xuất và đời sống. Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao cho các tổ chức nói trên chủ trì hỗ trợ các doanh nghiệp của Thành phố triển khai 31 nhiệm vụ KHCN thông qua các Chương trình KHCN cấp quốc gia, Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, chương trình nông thôn miền núi, các đề tài, dự án độc lập nhằm huy động các nguồn lực để thúc đẩy phát triển KHCN Thủ đô. Thực hiện Luật Thủ đô và Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND, Thành phố ban hành một số chủ trương, giải pháp phát triển đồng bộ các hoạt động KHCN<sup>40</sup>. Thành phố đã triển khai 690 đề tài, dự án

<sup>37</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>38</sup> Cụ thể: Đến năm 2021, cấp học mầm non đạt 68,8%; cấp Tiểu học đạt 73,2%; cấp trung học cơ sở đạt 76,9%; cấp trung học phổ thông đạt 37,6%; trong đó, chỉ tiêu trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 75% đã hoàn thành trước 2 năm so với Kế hoạch.

<sup>39</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>40</sup> Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015 – 2020; Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 về việc thành lập Quỹ phát

nghiên cứu KHCV. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển KHCV và các nhà KHCV tham gia thực hiện chương trình KHCV trọng điểm của Thủ đô.

Hằng năm, Thành phố đã bố trí kinh phí chi sự nghiệp KHCV bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, chương trình về KHCV của Thành phố, với tỷ lệ không thấp hơn chỉ tiêu Trung ương giao<sup>41</sup>. Các nhiệm vụ nghiên cứu được hỗ trợ triển khai đã góp phần thúc đẩy đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ và năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố.

Thành phố đã tổ chức Hội nghị giữa 3 nhà (nhà quản lý - nhà khoa học - nhà sản xuất, kinh doanh) nhằm tạo sự gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với quản lý và sản xuất kinh doanh; thúc đẩy việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu, thành tựu KHCV vào thực tế quản lý, sản xuất kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh.

*Bảo đảm phát huy tiềm năng, trí tuệ của các nhà khoa học và công nghệ; huy động sự tham gia, phối hợp của các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ khác:* Hà Nội có tiềm năng lớn về KHCV, có mạng lưới các tổ chức KHCV với nhiều loại hình tổ chức<sup>42</sup>. Từ năm 2013 đến nay đã có hơn 176 tổ chức KHCV ngoài công lập (do các tổ chức xã hội, tổ chức - xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân thành lập) đăng ký hoạt động, phạm vi được mở rộng từ nghiên cứu, dịch vụ KHCV đến sản xuất thử nghiệm các kết quả nghiên cứu, sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực trong công tác xã hội hóa hoạt động KHCV<sup>43</sup>.

Hình thành một số mô hình viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu trong các Tập đoàn, doanh nghiệp, đại học ngoài công lập, bệnh viện ngoài công lập<sup>44</sup>; một số mô hình doanh nghiệp/cơ sở sản xuất trong viện nghiên cứu, trường đại học, góp phần đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của

---

triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội.

<sup>41</sup> Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố luôn được duy trì tối thiểu là 100 tỷ đồng. Thành phố đã hỗ trợ kinh phí từ 30% đến 50% cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân triển khai thực hiện có 82 dự án, đề tài với tổng kinh phí là 392.131 triệu đồng, trong đó: kinh phí nhà nước hỗ trợ là 137.636 triệu đồng; kinh phí đối ứng của đơn vị là 254.495 triệu đồng (70% kinh phí), thu hút được sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín và sự phối hợp của các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học công nghệ.

<sup>42</sup> cơ sở giáo dục đại học (124 trường đại học), viện nghiên cứu (113 viện chiếm khoảng 80% số viện nghiên cứu trong cả nước), phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia (14/17 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia) với trình độ nhân lực cao.

<sup>43</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>44</sup> Trung tâm nghiên cứu chiếu sáng (thuộc Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng Đông), Viện Nghiên cứu tế bào gốc và công nghệ gen thuộc Công ty CP Bệnh viện đa khoa quốc tế Quốc tế Vinmec, Viện Thực phẩm chức năng (thuộc Hiệp hội thực phẩm chức năng Việt Nam)

thành phố đã hợp tác với trên 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trong đó có nhiều quốc gia phát triển có tiềm lực KHCN mạnh, như Đức, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Mỹ,... để tư vấn và bồi dưỡng và đào tạo nhân lực, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, triển khai các hoạt động, chia sẻ, trao đổi thông tin KHCN.

*b) Về nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, chuyển nhượng công nghệ*

Thành phố đã chỉ đạo, tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ, sự kiện xúc tiến phát triển thị trường KHCN. Điển hình là tổ chức Techmart và các hội nghị kết nối cung cầu. Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đã phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ: đồng chủ trì 02 Techmart quy mô quốc gia và quốc tế; tích cực tham gia các Techmart và Techdemo quy mô vùng<sup>45</sup>; chủ trì tổ chức Chợ công nghệ và thiết bị Hà Nội (Techmart Hanoi) các năm 2014, 2016.

Với mục tiêu phát triển KHCN gắn với phát triển kinh tế tri thức, Thành phố triển khai xây dựng Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ với việc phê duyệt triển khai 04 dự án thành phần gồm: Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ được xây dựng tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc; Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên được triển khai xây dựng tại phường Xuân La, quận Tây Hồ; Dự án Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm được xây dựng tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh<sup>46</sup>.

*c) Về chính sách trọng dụng nhân tài; chính sách ưu đãi để áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển KHCN và các nhà khoa học tham gia thực hiện chương trình KHCN trọng điểm của Thủ đô*

Thực hiện Chính sách trọng dụng nhân tài, hằng năm Thành phố đã tổ chức Lễ tuyên dương các thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, học viện trên địa bàn Thủ đô tại Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đã quyết định tiếp nhận 55 thủ khoa xuất sắc vào làm việc tại các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; tuyển dụng đặc cách đối với 77 vận động viên xuất sắc đạt Huy chương tại giải thi đấu Thể thao quốc tế, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành văn hóa - thể thao Thành phố; thực hiện Đề án đào tạo, tuyển dụng bác sỹ nội trú cho ngành y tế Hà Nội đã tuyển dụng 32 bác sỹ nội trú tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội về công tác tại các bệnh viện thuộc Thành phố; bổ sung kinh phí cho Quỹ khuyến khích và

<sup>45</sup> Techmart Vùng Đồng bằng sông Hồng tại Thái Bình 2013, Khu vực Bắc Bộ tại Bắc Giang 2014, Vùng Đông Nam bộ tại Đồng Nai 2015.

<sup>46</sup> Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ; Quyết định số 4941/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên; Quyết định số 6525/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm.

đào tạo tài năng của Thành phố số tiền là 68 tỷ đồng nhằm bảo đảm đủ kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi, trọng dụng nhân tài của Thành phố<sup>47</sup>.

## **7. Về quản lý và bảo vệ môi trường (Điều 14 Luật Thủ đô)**

Trong thời gian qua, UBND Thành phố đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải) nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó đã tập trung triển khai nhiều chương trình, dự án, đề án nhằm từng bước cải thiện môi trường Thủ đô, như:

- Triển khai thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường nước và duy trì chất lượng nước các hồ đối với 90 hồ tại khu vực nội thành và 44 hồ tại khu vực ngoại thành, quản lý duy trì bè thủy sinh trên 66 hồ; tăng cường công tác quản lý vệ sinh môi trường dọc các tuyến sông: Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét, nạo vét duy tu duy trì hệ thống thoát nước lòng cống, mương nhằm giảm thiểu ô nhiễm. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ, Đáy. Tiếp tục thực hiện công tác duy trì bè thủy sinh trên các sông, hồ nhằm tạo cảnh quan và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đã xây dựng, vận hành có hiệu quả 06 nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt với tổng công suất khoảng 276.000m<sup>3</sup>/ngày đêm bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường, đáp ứng khoảng 28,8% tổng lưu lượng nước thải phát sinh<sup>48</sup>. Hiện nay, Thành phố đang triển khai xây dựng Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Yên Xá công suất 270.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đầu tư xây dựng 03 dự án xử lý nước thải sinh hoạt và làng nghề (Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm làng nghề tại xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức để xử lý nước thải cho làng nghề 3 xã đầu nguồn sông Nhuệ; Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và làng nghề huyện Hoài Đức,...)<sup>49</sup>.

- Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp và công nghiệp nguy hại (Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn giai đoạn II, Nhà máy điện rác Sóc Sơn công suất 4.000 tấn/ngày; kêu gọi đầu tư công nghệ hiện đại, chấp thuận chủ trương đầu tư một số nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn; hợp tác với tổ chức NEDO thực hiện, hoàn thành dự án Lò đốt chất thải rắn công nghiệp, nguy hại phát điện công suất 75 tấn/ngày); Triển khai đề án xử lý chất thải y tế nguy hại; đề án thu gom xử lý chất thải nguy hại Thành phố; đề án bảo vệ môi

<sup>47</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>48</sup> Kim Liên: 3.700 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Trúc Bạch: 2.300 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Bảy Mẫu: 13.300 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở: 200.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Bắc Thăng Long - Vân Trì: 42.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Hồ Tây: 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đang xin nâng cấp lên thành 74.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Hiện nay, Thành phố đang triển khai xây dựng Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Yên Xá công suất 270.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

<sup>49</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

trường làng nghề. Theo đó, đến nay 100% khu công nghiệp đang hoạt động đã xây dựng và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung; 26/43 (đạt tỷ lệ 60,5%) Cụm công nghiệp đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung; 100% các bệnh viện tư nhân có hệ thống xử lý nước thải; 27/28 (đạt tỷ lệ 96,42%) bệnh viện do Thành phố quản lý có hệ thống xử lý nước thải tập trung<sup>50</sup>.

- Tổ chức quản lý, vận hành ổn định, liên tục 35 trạm quan trắc không khí tự động trên địa bàn Thành phố và đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án Hệ thống mạng quan trắc môi trường với quy mô đầu tư mới: 33 trạm quan trắc không khí tự động; 06 trạm quan trắc nước mặt, 01 trạm quan trắc nước rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn; đã tiếp nhận, giám sát dữ liệu của 06 trạm quan trắc nước dưới đất; 37 trạm quan trắc nước thải, 02 trạm quan trắc khí thải của các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ lớn; 04 trạm quan trắc nước sạch; triển khai dự án đầu tư hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường trong năm 2021. Xây dựng mô hình hóa nhằm cảnh báo, dự báo chất lượng không khí trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường đầu tư cơ giới hóa trong công tác duy trì vệ sinh môi trường, triển khai các giải pháp hạn chế phát sinh nguồn rác nơi công cộng, không để tồn đọng; tăng cường phân cấp quản lý đối công tác thu gom, vận chuyển rác<sup>51</sup>. Hiện nay, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các quận trung tâm Thành phố đạt xấp xỉ 100%, tại các huyện ngoại thành đạt 88-89%. 100% rác thải sinh hoạt thu gom được xử lý đúng tiêu chuẩn. Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom và xử lý đạt 100%. Tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã thống kê đạt khoảng 99%<sup>52</sup>.

- Triển khai các Đề án: Tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 tầm nhìn 2030; chống ồn, chống bụi trên địa bàn Thành phố.

Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường được tập trung thực hiện, xử lý vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt là 61,1 tỷ đồng; 03/03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới phát sinh trên địa bàn hoàn thành việc xử lý ô nhiễm môi trường. Thành phố đã bước đầu hạn chế việc đốt rơm rạ, sử dụng bếp than tổ ong<sup>53</sup>.

Hạ tầng kỹ thuật (chiếu sáng, cây xanh, đường dạo, vỉa hè) đã được hoàn thiện. Triển khai và hoàn thành trước 2 năm chương trình trồng mới “1 triệu cây xanh” và trồng thêm 600.000 cây xanh; nâng cấp hoạt động của Trung tâm điều

<sup>50</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>51</sup> Thực hiện theo phương thức đấu thầu, trong đó giao cho UBND các quận, huyện, thị xã chủ động rà soát

<sup>52</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>53</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

khuyến hệ thống chiếu sáng đô thị sử dụng công nghệ không dây GSM/GPRS với quy mô điều khiển giám sát đến 1.479 trạm đèn trên tổng số 2.615 trạm đèn hiện có<sup>54</sup>; triển khai thay thế thí điểm đèn chiếu sáng công cộng hiện có bằng đèn công nghệ LED để tiết kiệm năng lượng, điều khiển thông minh theo giờ, theo mùa, đạt yêu cầu chiếu sáng và nâng cao mỹ quan đô thị (thay thế hơn 200 bộ đèn hiện có bằng các bộ đèn mới công nghệ LED trên các tuyến phố khu vực trung tâm: Lê Lai, Hàng Bài - Phố Huế,...); hoàn thành cải tạo, thay thế hệ thống chiếu sáng mỹ thuật công nghệ LED trên cầu Nhật Tân, đường Thanh Niên bằng nguồn vốn xã hội hóa.

## **8. Về quản lý đất đai (Điều 15 Luật Thủ đô)**

### *a) Về quy hoạch sử dụng đất*

Thực hiện quy định của Luật Thủ đô, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 65/NQ-CP về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) Thành phố Hà Nội, UBND Thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai<sup>55</sup>, theo đó Thành phố phân bổ chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Thành phố cho mỗi quận, huyện, thị xã làm cơ sở hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp huyện. Tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trong thời gian sớm nhất để cụ thể hóa nội dung điều chỉnh quy hoạch của Thành phố đã được phê duyệt; đáp ứng kịp thời cho yêu cầu về quản lý đất đai, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Việc tổ chức xây dựng, công bố công khai quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, hệ thống thông tin địa lý, thông tin về địa chính, giá quyền sử dụng đất, giá cho thuê đất, thông tin về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn Thủ đô đã được thực hiện nghiêm theo đúng quy định của Luật Thủ đô.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, việc tổ chức thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; hằng năm, công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đã góp phần tạo nguồn thu ngân sách từ đất hằng năm khoảng 20.000 - 28.000 tỷ đồng<sup>56</sup>, chiếm 15% - 18% tổng nguồn thu ngân sách thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng Thủ đô.

*b) Về biện pháp bảo đảm việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng kịp thời, đúng tiến độ đối với các dự án đầu tư quan trọng trên địa bàn Thủ đô*

<sup>54</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>55</sup> Kế hoạch số 145/KH-UBND về việc triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hà Nội.

<sup>56</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Thành phố ban hành quyết định về quy định trình tự, thủ tục ban hành quyết định về kế hoạch tổ chức thực hiện thu hồi đất, khảo sát, điều tra, kiểm đếm, các biện pháp thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và phân kỳ thu hồi đất, giao đất giải phóng mặt bằng. Về xây dựng giá quyền sử dụng đất, giá cho thuê đất được Thành phố chú trọng, xây dựng kịp thời, đúng nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất; từng bước bảo đảm sự cân đối về giá đất đối với các khu vực giáp ranh giữa quận nội thành với huyện ngoại thành, góp phần bình ổn giá nói chung, đồng thời bảo đảm nguyên tắc tiếp cận với giá đất trên thị trường. Quy định về thưởng tiến độ đã khuyến khích, tạo sự đồng thuận cao trong việc chấp hành, bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư được thực hiện nhanh và thuận tiện hơn. Đến nay, trên địa bàn Thành phố nhiều dự án trọng điểm đã hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng<sup>57</sup>; nhiều dự án đã hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng vượt tiến độ đề ra, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thành phố.

### **9. Về phát triển và quản lý nhà ở (Điều 16 Luật Thủ đô)**

Thi hành Luật Thủ đô, trong những năm qua, Thành phố quan tâm triển khai phát triển các khu đô thị, nhà ở, tăng tỷ lệ diện tích nhà ở bình quân đầu người của Thành phố. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, Thành phố đã phê duyệt kế hoạch giai đoạn 2016-2020 phát triển 27,9 triệu m<sup>2</sup> sàn nhà ở<sup>58</sup>.

Thành phố đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư hằng năm thu hút các nhà đầu tư tham gia vào các dự án phát triển đô thị của Thành phố, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư, kịp thời báo cáo, xin ý kiến Chính phủ, các bộ, ngành để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về thể chế, chính sách. Vì vậy, trong thời gian qua, việc phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố đạt nhiều kết quả tích cực, tăng trưởng cao, làm thay đổi, hình thành diện mạo Thủ đô ngày càng hiện đại, năng động. Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã hoàn thành 25 dự án nhà ở xã hội với 1,25 triệu m<sup>2</sup> sàn, đang triển khai 52 dự án với tổng diện tích 4,14 triệu m<sup>2</sup> sàn. Triển khai 40 dự án nhà ở phục vụ tái định cư với 1,62 triệu m<sup>2</sup> sàn<sup>59</sup>. Trên địa bàn Thành phố có 346 dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại được hoàn thành với

<sup>57</sup> như: Dự án xây dựng cầu Nhật Tân và đường dẫn hai bên đầu cầu (Tây Hồ, Đông Anh); dự án xây dựng đường nối Nhật Tân - Nội Bài (Đông Anh, Sóc Sơn); dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông (Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông); dự án xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Long Biên, Gia Lâm); dự án xây dựng Quốc lộ 3 mới, đoạn Hà Nội - Thái Nguyên (Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn); dự án xây dựng đường Vành đai 1, đoạn Ô Chợ Dừa - Hoàng Cầu (Đống Đa) và đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái (Hai Bà Trưng); dự án Vành đai 2, đoạn Nhật Tân - Xuân La - Bưởi - Cầu Giấy (Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa); dự án mở rộng đường Vành đai 3,...

<sup>58</sup> Trong đó, nhà ở thương mại khoảng 20,48 triệu m<sup>2</sup>; Nhà ở xã hội khoảng 6,22 triệu m<sup>2</sup>; nhà phục vụ tái định cư khoảng 1,2 triệu m<sup>2</sup>.

<sup>59</sup> Trong đó có 371.8000 m<sup>2</sup> đã hoàn thành, số còn lại đang triển khai.



tổng diện tích 21,56 triệu m<sup>2</sup> sàn (vượt so với Kế hoạch 1,14 triệu m<sup>2</sup>, tương đương 9.503 căn hộ). Ngoài ra, hiện có 91 dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại với 34,69 triệu m<sup>2</sup> sàn đang được xem xét, đưa vào kế hoạch tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tới.

*a) Chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành*

Thành phố đã tổ chức việc rà soát, công khai Danh mục các dự án ưu tiên, kêu gọi đầu tư cho kỳ kế hoạch đầu tư 05 năm, hằng năm nhằm thúc đẩy việc giãn dân, giảm mật độ dân cư trong các quận nội thành<sup>60</sup>. Trong 09 năm qua, UBND Thành phố đã thực hiện việc ưu đãi giao các chủ đầu tư dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở thương mại làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội trên phần diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội đối với 05 dự án thuộc khu vực ngoại thành<sup>61</sup>; Chấp thuận cho phép chuyển đổi từ dự án xây dựng nhà ở thương mại sang dự án xây dựng nhà ở xã hội đối với 05 dự án thuộc khu vực ngoại thành Thành phố<sup>62</sup>; Chấp thuận cho phép Công ty Cổ phần Tuần Châu Hà Nội được làm Chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông đối ngoại (Khu C) nằm trong Dự án khu du lịch, vui chơi giải trí, đô thị sinh thái Tuần Châu Hà Nội, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai; chi phí đầu tư do Chủ đầu tư ứng trước và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất của Dự án. Hiện nay, Thành phố đã giao các nhà đầu tư thực hiện nghiên cứu, lập quy hoạch chi tiết 05 khu nhà ở xã hội tập trung với tổng quy mô trên 247,79 ha tại các huyện Đông Anh, Thanh Trì, Thường Tín, Gia Lâm.

*b) Chính sách cải tạo chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp*

Thành phố đã tiến hành rà soát xác định trên địa bàn hiện có 1.579 nhà chung cư cũ, quy mô từ 2 đến 5 tầng, tập trung chủ yếu tại 4 quận nội thành cũ (969 nhà), nhiều nhà chung cư xuống cấp nghiêm trọng, một số nhà hư hỏng

<sup>60</sup> Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đã tổ chức triển khai 33 dự án với quy mô tổng diện tích đất khoảng 1.283 ha.

<sup>61</sup> Giao Tổng Công ty Viglacera - CTCP làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp tại ô đất CT1, CT2 thuộc dự án Khu nhà ở Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại ô đất có ký hiệu CT thuộc dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Tây Mỗ, huyện Từ Liêm (đến nay 02 Dự án đã hoàn thành đầu tư xây dựng); giao Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O làm Chủ đầu tư dự án Xây dựng nhà ở xã hội thuộc lô đất CC-1 tại dự án Khu đô thị mới tại N1+N3 thuộc Khu đô thị Quốc Oai, huyện Quốc Oai; giao Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) làm Chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội tại quỹ đất 20% thuộc dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thanh Lâm - Đại Thịnh 2, huyện Mê Linh.

<sup>62</sup> Dự án xây dựng nhà ở cao tầng tại các lô đất Khu đô thị mới Đặng Xá II, huyện Gia Lâm do Tổng Công ty Viglacera - CTCP làm Chủ đầu tư (đã hoàn thành đầu tư xây dựng); dự án Tổ hợp nhà ở xã hội và dịch vụ thương mại AZ Thăng Long tại thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức do Công ty TNHH Bánh kẹo Thăng Long làm Chủ đầu tư; dự án Xây dựng khu chung cư cao tầng để bán thuộc xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp số 7 làm Chủ đầu tư; Dự án nhà ở xã hội thuộc dự án Khu đô thị mới Minh Dương - Sơn Đông tại xã Lại Yên, xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức do Công ty Cổ phần Thực phẩm Minh Dương làm Chủ đầu tư; Dự án khu nhà ở xã hội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm.

nặng, nguy hiểm; đã tiến hành kiểm định được 401 chung cư cũ<sup>63</sup>; thực hiện việc di dời người dân ra khỏi các chung cư nguy hiểm để bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho người dân. Đến nay, Thành phố đã hoàn thành xây dựng mới và đưa vào sử dụng đối với 18 chung cư cũ, 14 dự án đang được triển khai; Thành phố đã giao 19 nhà đầu tư lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để thực hiện cải tạo, xây dựng lại 30 khu chung cư, đồng thời có nhiều biện pháp để ưu đãi, kêu gọi nhà đầu tư tham gia cải tạo chung cư cũ.

*c) Về quy định tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà thương mại, khu đô thị mới*

Thành phố ban hành Nghị quyết của HĐND quy định về diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, các dự án nhà thương mại, khu đô thị mới có quy mô sử dụng đất từ 10ha trở lên phải dành 25% quỹ đất ở hoặc 25% diện tích nhà để phát triển nhà ở xã hội. Trong 09 năm qua, khi phê duyệt quy hoạch và thực hiện dự án đều bố trí quỹ đất hoặc diện tích nhà để phát triển nhà ở xã hội theo đúng quy định<sup>64</sup>.

## **10. Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (Điều 17 Luật Thủ đô)**

Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị khẩn trương thực hiện việc lập các đồ án Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 08/09 đồ án Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật Thủ đô, hiện còn quy hoạch chiếu sáng đô thị đang trình phê duyệt. Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải được Thành phố quan tâm, ưu tiên đầu tư và có chính sách huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng. Thành phố ban hành quy định về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác, áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải; thực hiện sắp xếp điều chuyển luồng tuyến vận tải hành khách liên tỉnh bằng xe ô tô trên địa bàn Thành phố, đến nay đã hoàn thành 623/681 của 24 tỉnh.

Về cấp nước: Thành phố đã hoàn thành, đưa vào vận hành 05 dự án cấp nước<sup>65</sup>, nâng tổng công suất nguồn cấp nước từ các nhà máy nước tập trung

<sup>63</sup> 245 nhà cấp B, 148 nhà cấp C và 08 nhà cấp D, trong đó có 2 dự án đã hoàn thành, 2 dự án đang triển khai, 4 dự án chưa chọn được nhà đầu tư. Các nhà cấp D đang được tổ chức di dời cư dân.

<sup>64</sup> Thành phố đã phê duyệt 45 dự án có quy mô từ 10 ha trở lên, trong đó 38 dự án đã được bảo đảm việc bố trí 25% diện tích đất ở để phát triển nhà ở xã hội; 07 dự án không bố trí diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội tại dự án. Đối với 7 dự án này, UBND Thành phố đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho phép đối với các dự án này được thực hiện nộp tiền hoặc xem xét bố trí quỹ đất nhà ở xã hội tại vị trí khác thích hợp.

<sup>65</sup> Dự án xây dựng trạm cấp nước Dương Nội công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Dự án cải tạo Nâng công suất nhà máy nước mặt Bắc Thăng Long - Vân Trì đạt công suất 150.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Dự án xây dựng nhà máy nước mặt sông Đuống giai đoạn 1 công suất 300.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Dự án nhà máy nước mặt sông Đà giai đoạn II sau

trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay đạt khoảng 1.520.000m<sup>3</sup>/ngày đêm và đã cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho 100% nhân dân khu vực đô thị và mở rộng cấp nước cho khu vực nông thôn. Thành phố đã hoàn thiện, đưa vào vận hành 18 dự án, đang tiến hành 9 dự án, qua đó, đã nâng tỷ lệ người dân nông thôn tiếp cận nguồn nước sạch năm 2017 là 49,4%, năm 2018 là 55,5%, năm 2019 là 75% và đến năm 2020 là khoảng 78%. Hiện Thành phố đang tiếp tục triển khai Nhà máy nước mặt sông Hồng công suất giai đoạn 1 là 300.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, Nhà máy nước mặt sông Đà (giai đoạn 2) nâng công suất lên 600.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, Nhà máy nước Phú Sơn, huyện Ba Vì (giai đoạn 2) nâng công suất lên 60.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, Nhà máy nước Mê Linh tại xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, công suất 25.000m<sup>3</sup>/ngày đêm<sup>66</sup>.

Thành phố đã tập trung đầu tư xây dựng các hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, khu dân cư, làng nghề tập trung. Đã hoàn thành 02 dự án thoát nước mưa: thoát nước mưa lưu vực Tô Lịch đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2016; Dự án xây dựng và cải tạo 03 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2, khu vực phía Tây Hà Nội. Hoàn thành 3 dự án thoát nước thải: Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở quý IV/2013; Nhà máy xử lý nước thải hồ Bảy Mẫu năm 2016; Nhà máy XLNT Hồ Tây (hiện Thành phố có 6 nhà máy/trạm xử lý nước thải). Đang tiếp tục triển khai 3 dự án thoát nước Yên Xá, Phương Trạch, Vĩnh Thanh (huyện Đông Anh). Tiếp tục triển khai xây dựng các trạm/nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và làng nghề<sup>67</sup>.

Về xử lý chất thải rắn (CTR): Thành phố tiếp tục đầu tư mở rộng bằng nguồn vốn ngân sách 02 Khu liên hiệp XLCT Nam Sơn, huyện Sóc Sơn; Khu XL CTR Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây và huyện Ba Vì. Kêu gọi đầu tư, triển khai 5 dự án xử lý CTR bằng nguồn ngoài ngân sách<sup>68</sup>. Phấn đấu đến năm 2025 giảm tỷ lệ rác thải xử lý bằng phương pháp chôn lấp dưới 30%.

## **11. Về phát triển và quản lý giao thông vận tải (Điều 18 Luật Thủ đô)**

Trong 09 năm qua, Thành phố tiếp tục tập trung đầu tư phát triển đồng bộ hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là hệ thống đường vành đai, trục hướng tâm, cầu đường bộ, gắn với nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng và hạ tầng xã hội, đặc biệt đã triển khai một số tuyến đường sắt đô thị. Hoàn thành một số công trình giao thông trọng điểm, cấp bách trên địa bàn Thành phố. Diện tích đất dành cho giao thông tăng, năm 2015 là 8,65%, đến năm 2020 đạt 10,07% đất đô thị; tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng được

---

khi hoàn thành trạm bơm tăng áp và 6,4km truyền dẫn nâng khả năng cấp nước cho nội đô Hà Nội từ 220.000m<sup>3</sup>/ngđ lên (280.000-300.000)m<sup>3</sup>/ngđ; Nhà máy nước Ba Vì 10.000m<sup>3</sup>/ngđ).

<sup>66</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>67</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>68</sup> Nhà máy XLCT Sơn Tây (hiện đang đề xuất tạm dừng để nâng cấp); Nhà máy XLCT Xuân Sơn; Nhà máy XLRT Phương Đình, huyện Đan Phượng; Dự án Khu XLCT Việt Hùng, Đông Anh; Nhà máy điện rác Sóc Sơn.

nâng lên, năm 2015 là 14,4%, năm 2019 là 17,03%, năm 2020, do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, đạt 14,85%<sup>69</sup>.

*a) Về quy hoạch mạng lưới, phát triển hệ thống giao thông vận tải*

Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các quy hoạch chuyên ngành khác trong lĩnh vực giao thông vận tải (bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ trên địa bàn thành phố, hệ thống bến thủy nội địa...) đã được HĐND Thành phố thông qua. Việc quản lý cầu, hầm, đường bộ trên địa bàn Thành phố, đặc biệt quản lý các tuyến quốc lộ trên địa bàn đã được phân định rõ hơn, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động thực hiện. Nhiều dự án, công trình phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải được ưu tiên đầu tư đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần nâng cao năng lực mạng lưới hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô<sup>70</sup>. Các công trình trọng điểm, quan trọng của địa bàn Thành phố được đẩy nhanh tiến độ như: Tuyến đường sắt đô thị số 3, Đường vành đai 2,5 đoạn Đầm Hồng đến Quốc lộ 1A, cải tạo Quốc lộ 1A (đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi). Bộ Giao thông vận tải và Thành phố phối hợp triển khai, hoàn thành và đưa vào khai thác nhiều tuyến đường giao thông liên kết Vùng Thủ đô như: Hòa Lạc - Hòa Bình, Hà Nội - Hải Phòng, cầu Văn Lang (Ba Vì); tuyến vành đai 3 trên cao đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long, đẩy nhanh tiến độ thi công, bàn giao đưa vào sử dụng tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông.

*b) Về phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn*

Thành phố ưu tiên về tổ chức giao thông bảo đảm để các phương tiện vận tải hành khách công cộng vận hành thông suốt, hạn chế tối đa các trở ngại, bảo đảm thuận tiện cho hành khách. Ưu tiên đổi mới phương tiện, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng. Khuyến khích sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, có chính sách miễn, giảm vé xe buýt cho các đối tượng. Trong đó, ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% giá vé tháng đối với các đối tượng học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp, người cao tuổi. Ngân sách Thành phố hỗ trợ 30% giá vé cho cán bộ, nhân viên tại các văn phòng, công sở, doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp mua vé tháng theo hình thức tập thể. Thành phố thực hiện nhiều biện pháp như: hỗ trợ 100% tiền phí sử dụng đường bộ, miễn lệ phí trước bạ đối với phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch, miễn thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để sản xuất, lắp ráp phương tiện hành khách công cộng. Theo đó, vận tải hành khách công cộng

<sup>69</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>70</sup> Trong đó, đã hoàn hành 5/38 công trình trọng điểm, 5/8 công trình cấp bách về ùn tắc giao thông, 30/34 công trình cầu yếu; thi công một số công trình trọng điểm của Thành phố như: thi công đường vành đai 2 (đoạn Ngã Tư Vọng - Cầu Vĩnh Tuy); Tuyến đường sắt đô thị số 3; Hoàn thiện kết nối 1 số đoạn tuyến còn lại của đường vành đai 1, vành đai 2, vành đai 2,5, vành đai 3, Cải tạo mở rộng tuyến đê An Dương - Khách sạn Thăng Lợi;...

bằng xe buýt có nhiều chuyên tuyến tích cực, mạng lưới được mở rộng. Từ năm 2016-2020, Thành phố phát triển 140 tuyến xe buýt, tiếp cận 30/30 quận huyện, 516/579 xã phường thị trấn (đạt 89,1%); 65/75 bệnh viện (đạt 87%); 192/286 trường trung học cơ sở, trung học phổ thông (đạt 67%), 27/27 khu công nghiệp lớn (đạt 100%), 31/37 khu đô thị (đạt 83,8%), kết nối với 07/9 tỉnh thành lân cận. Chất lượng xe buýt ngày càng nâng cao, việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho người đi xe buýt được quan tâm triển khai<sup>71</sup>.

*c) Về áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải*

UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 trong đó xác định rõ nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông, các phần mềm quản lý điều hành hệ thống giao thông thông minh, điều hành tổ chức giao thông và xử lý vi phạm giao thông. Thành phố đã triển khai phần mềm GovOne trong công tác quản lý, duy tu, duy trì kết cấu hạ tầng giao thông; xây dựng bản đồ giao thông số trực tuyến để phục vụ công tác quản lý, điều hành và điều tiết giao thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng điểm đỗ xe nhằm tối ưu nhu cầu đỗ xe. Sử dụng thiết bị GPS để giám sát hành trình, lắp đặt hệ thống camera để bảo đảm an ninh trật tự; xây dựng triển khai phần mềm, ứng dụng “Tìm Buýt” trên thiết bị di động. Thành phố đã áp dụng công nghệ cho hệ thống vé điện tử của mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố nhằm từng bước hình thành một hệ thống vé điện tử duy nhất liên thông trong toàn mạng. Thành phố đã chỉ đạo giao liên danh Tổng Công ty vận tải Hà Nội - Viettel triển khai dự án hệ thống vé điện tử thí điểm cho tuyến xe buýt BRT và nhân rộng ra toàn bộ mạng tuyến buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố, qua đó, nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng.

## **12. Về quản lý dân cư (Điều 19 Luật Thủ đô)**

*a) Về quy mô, mật độ và cơ cấu dân cư trên địa bàn Thành phố*

Theo thống kê của thành phố Hà Nội (tính đến tháng 5/2021), toàn thành phố có 2.047.189 hộ gia đình, với 7.303.108 nhân khẩu thường trú<sup>72</sup>, tăng 162.065 hộ = 489.110 nhân khẩu so với năm 2013<sup>73</sup>. Mật độ dân số trung bình khoảng 2.390 người/km<sup>2</sup>, phân bố không đều, tập trung nhiều ở các quận nội thành. Ở các quận như Đống Đa, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Cầu Giấy mật độ dân số rất cao, trung bình đều trên 24.000 người/km<sup>2</sup>.

<sup>71</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>72</sup> Theo số liệu của Cục Thống kê, đến hết năm 2020, Thành phố có 8.317.640 người cư trú dài hạn.

<sup>73</sup> Tăng theo điểm b khoản 4 Điều 19 Luật Thủ đô là 7.536 trường hợp = 11.750 nhân khẩu chiếm 0,16% trong tổng số tăng nhân khẩu thường trú, còn lại 1.137 nhân khẩu là tăng nhân khẩu thông qua hình thức khác, trong đó có nhà ở nhờ, mượn, nhập hộ khẩu về do mối quan hệ gia đình.

Việc gia tăng dân số cơ học lớn, lượng dân thường xuyên cư trú (thường trú, tạm trú, không đăng ký) trên địa bàn Thành phố được xác định trên 10 triệu người. Điều này đã gây quá tải về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tác động mạnh đến công tác quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường trên địa bàn Thủ đô.

*b) Các biện pháp quản lý dân cư trên địa bàn Thành phố*

Thành phố đã ban hành và thực hiện quy định về diện tích bình quân tối thiểu là 15m<sup>2</sup> sàn/đầu người đối với nhà cho thuê ở nội thành theo Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố Hà Nội về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND; chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành để thu hút sự giãn dân ở nội thành theo Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố<sup>74</sup>. Qua đó, góp phần giảm tình trạng di dân, giảm áp lực về dân số trong nội thành. Bên cạnh đó, Thành phố đã tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký, quản lý cư trú và bước đầu phát huy được hiệu quả<sup>75</sup>.

Việc thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 cũng đã có tác động nhất định đến hạn chế việc tăng quy mô các trường đại học, bệnh viện, bước đầu di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra khu vực ngoại thành, từng bước giảm di dân tự do, giảm áp lực về dân cư đối với khu vực nội đô.

### **13. Về bảo vệ và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô (Điều 20 Luật Thủ đô)**

Kết quả thực hiện các quy định và biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cho thấy, các bộ, ngành có liên quan và Thành phố đã chỉ đạo các cấp, các

<sup>74</sup> Theo đó, Thành phố đã thực hiện phương thức kêu gọi thu hút đầu tư, ưu tiên đầu tư theo các hình thức BT, BOT, BTO, PPP. Đối với cơ chế hỗ trợ đầu tư và tạo nguồn vốn đầu tư thì chủ đầu tư dự án khu đô thị, nhà ở thương mại ở ngoại thành được ưu tiên giao làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội trên phần diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội thuộc dự án do mình làm chủ đầu tư. Ngoài diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định, chủ đầu tư dự án được ưu tiên đề xuất tăng diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội hoặc chuyển đổi diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại sang diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư nhưng phải bảo đảm nhu cầu sử dụng của người dân về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Chủ đầu tư dự án khu đô thị, nhà ở được giao ứng vốn đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ Dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của Thành phố; chi phí đầu tư các công trình này được khấu trừ vào tiền sử dụng đất của Dự án. HĐND Thành phố thông qua cụ thể các Dự án do nhà đầu tư ứng vốn thực hiện hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư được áp dụng các biện pháp bảo đảm việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng như đối với các công trình quan trọng theo quy định của Thành phố.

<sup>75</sup> Như: triển khai quản lý dữ liệu dân cư trên hệ thống máy tính theo Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân của Chính phủ; tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú qua máy tính, thực hiện tiếp nhận thông báo lưu trú trực tuyến. Hiện thành phố đang nghiên cứu để thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú cho công dân qua mạng internet.

ngành triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm giữ vững, ổn định an ninh quốc gia; xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô; xây dựng các công trình phòng thủ, căn cứ hậu phương, căn cứ chiến đấu, thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh, làm tốt công tác tuyển chọn nhập ngũ, xây dựng lực lượng dự bị động viên; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, hoạt động của các cơ quan Trung ương và quốc tế, các sự kiện chính trị trọng đại, sự kiện ngoại giao, văn hóa diễn ra trên địa bàn Thủ đô, nổi bật là sự kiện Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ 2; không để xảy ra khủng bố, phá hoại, biểu tình, gây rối an ninh trật tự, đình công trái pháp luật kéo dài phức tạp; không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh trật tự. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tội phạm, phòng chống buôn lậu, buôn bán hàng giả, hàng cấm, không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị được duy trì, cải thiện. Thành phố đã thực hiện toàn diện các nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh toàn diện. Mức độ an ninh, an toàn của Thủ đô ngày càng được nâng cao, được Nhân dân, du khách, bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Việc triển khai quy định mức xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi hành chính trong lĩnh vực văn hóa, xây dựng, đất đai ở nội thành đã thực hiện nghiêm túc, theo đó:

- Lĩnh vực văn hóa: phát hiện và ban hành 289 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đã thi hành xong 271 quyết định, chưa thi hành 03 quyết định, số tiền phạt thu nộp ngân sách nhà nước là 7.251.500.000 đồng<sup>76</sup>.

- Lĩnh vực xây dựng: phát hiện và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 3.053 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đã thi hành 3.008 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chưa thi hành 45 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế 37 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thu nộp ngân sách nhà nước 29.568.955.050 đồng<sup>77</sup>.

- Lĩnh vực đất đai áp dụng mức phạt bằng hai lần tại đô thị so với mức phạt tại nông thôn quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 10/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai: phát hiện và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm áp dụng tại đô thị là 318 vụ việc, đã thi hành được 257 quyết định, chưa thi hành 61 quyết định, 66 quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải cưỡng chế thi hành, thu nộp ngân sách nhà nước 1.755.395.000 đồng, số tiền nộp ngân sách từ thu lời bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm hành chính là 2.084.544.571 đồng<sup>78</sup>.

<sup>76</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>77</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>78</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Việc quy định và áp dụng mức xử phạt cao hơn đối với cùng hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý văn hóa và xây dựng tại các quận nội thành có tác dụng răn đe, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước, góp phần làm giảm số vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực nêu trên. Đặc biệt, lĩnh vực xây dựng tỷ lệ số công trình có vi phạm hành chính đã giảm đáng kể, cụ thể: năm 2013 là 13,79%; năm 2015 là 13,5%, năm 2020 còn 3,07%. Tỷ lệ công trình có giấy phép xây dựng năm 2020 đạt trên 98%<sup>79</sup>.

#### **14. Về chính sách, cơ chế tài chính (Điều 21 Luật Thủ đô)**

Chính sách, cơ chế về tài chính theo quy định Luật Thủ đô qua 09 năm thực hiện đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 quy định một số chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với Thủ đô; trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội; qua đó, đã tạo khuôn khổ pháp lý về cơ chế quản lý tài chính - ngân sách đặc thù cho Thủ đô về ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn viện trợ, định mức phân bổ chi ngân sách địa phương, mức huy động vốn đầu tư phát triển, thương vượt dự toán thu ngân sách và đầu tư trở lại. Từ đó, tăng nguồn lực cho địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng đã có bước phát triển tích cực, đồng thời bảo đảm quản lý ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả.

##### *a) Về chính sách huy động vốn đầu tư trong nước*

Trong giai đoạn 2013-2015, Thành phố đã huy động 11.400 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành trái phiếu xây dựng Thủ đô. Nguồn vốn huy động được sử dụng để bổ sung nguồn chi cho đầu tư phát triển, cụ thể là các công trình trọng điểm của Thành phố. Tổng số dư nợ đầu năm 2016 của Thành phố là: 11.850 tỷ đồng, gồm vay trong nước là 11.750 tỷ đồng (trong đó 11.400 tỷ đồng trái phiếu xây dựng Thủ đô) - chiếm 99,16% và vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ 100 tỷ đồng (chiếm 0,84%). Với các giải pháp quyết liệt trong công tác điều hành tài chính - ngân sách, nợ chính quyền địa phương của Thành phố Hà Nội đã có sự điều chỉnh tích cực thông qua việc sử dụng các nguồn lực tiết kiệm được trong năm để trả nợ gốc. Thành phố đã cân đối, bố trí đủ nguồn từ ngân sách để thực hiện dự toán chi trả nợ gốc các khoản đã huy động cho đầu tư phát triển đến kỳ hạn trả nợ của ngân sách Thành phố trong giai đoạn 2016-2020 là 12.416 tỷ đồng<sup>80</sup>. Tính đến hết năm 2020, Thành phố đã thanh toán hết nợ trái phiếu xây dựng Thủ đô. Do vậy, ngân sách Thành phố không phải huy động để

<sup>79</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>80</sup> Trong đó trả nợ từ huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô là 11.400 tỷ đồng.



trả nợ, qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách của Thành phố và giảm số nợ công của Thành phố.

Do hạn mức bội chi hàng năm của Thành phố bị hạn chế bởi giới hạn bội chi chung và trần nợ công của cả nước nên hàng năm, Thành phố đã chủ động rà soát, tiết kiệm ngay từ khâu giao dự toán để ưu tiên dành mức bội chi và hạn mức vay để bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các dự án từ nguồn vay lại vốn ODA của Chính phủ theo tiến độ, đặc biệt là các dự án đường sắt đô thị trên địa bàn Thành phố, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội địa phương. Tổng số dư nợ đến hết năm 2020 của Thành phố là 5.854 tỷ đồng, bằng 6,4% hạn mức dư nợ tối đa theo quy định. Tuy nhiên, dự kiến trong thời gian tới, Thành phố Hà Nội sẽ tiếp tục thực hiện vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước đã ký Hiệp định để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm có quy mô lớn, đây chủ yếu là các dự án đầu tư có số vốn vay ODA rất lớn với thời gian vay kéo dài.

*b) Về thực hiện chính sách thưởng và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương trên địa bàn Thành phố*

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Thủ đô, Luật Ngân sách nhà nước, trên cơ sở kết quả thực hiện thu ngân sách trên địa bàn trong giai đoạn 2014-2015, Trung ương đã thực hiện thưởng và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương 2.295 tỷ đồng<sup>81</sup>; qua đó đã góp phần giúp Thành phố có thêm nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời cũng góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, tạo chủ động cho các cấp chính quyền địa phương trong việc quan tâm nuôi dưỡng, khai thác nguồn thu trên địa bàn.

Trong giai đoạn 2016-2020, UBND Thành phố đã đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ Hà Nội trong 05 năm 2016-2020 để thực hiện một số dự án lớn, quan trọng về giao thông, môi trường, đê điều, thủy lợi, mang ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Thủ đô và Điều 7 Nghị định số 63/2017/NĐ-CP với tổng mức đầu tư 181.318 tỷ đồng, tổng số vốn đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 là 116.842 tỷ đồng, trong đó đề nghị hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn trong nước từ ngân sách Trung ương là 36.613 tỷ đồng<sup>82</sup>.

Theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017, Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 và Văn bản số 1910/BKHĐT-TH ngày

<sup>81</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>82</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

27/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì tổng số vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) hỗ trợ cho Thành phố Hà Nội thuộc Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 982,433 tỷ đồng. Ngoài ra, năm 2016, Hà Nội có 02 dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi được hỗ trợ từ vốn trái phiếu Chính phủ với tổng số vốn là 446,184 tỷ đồng<sup>83</sup>.

Như vậy, giai đoạn 2016-2020, Hà Nội có 04 dự án thuộc lĩnh vực đê điều thủy lợi được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương với tổng mức vốn là 594,367 tỷ đồng, thấp hơn rất nhiều so với mức đề xuất của Thành phố (đạt 1,6% mức đề xuất) nên chưa thực sự bảo đảm chính sách ưu đãi theo cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù quy định tại Điều 21 Luật Thủ đô và Điều 7 Nghị định số 63/2017/NĐ-CP.

#### *c) Về dự toán chi ngân sách của Thủ đô*

Dự toán chi ngân sách của Thủ đô được xác định trên cơ sở định mức phân bổ chi ngân sách cao hơn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác được áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2011-2015 kéo dài đến hết năm 2016; định mức giai đoạn 2017-2020. Đồng thời, để khuyến khích Thành phố có số thu đóng góp lớn về ngân sách trung ương, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội hỗ trợ thêm cho Thành phố để tỷ lệ điều tiết không giảm lớn<sup>84</sup>.

*d) Về hỗ trợ đầu tư đối với các dự án hạ tầng trọng điểm:* Từ năm 2013, thành phố Hà Nội được Trung ương hỗ trợ đầu tư khoảng 60 dự án hạ tầng trọng điểm có tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn) là 166.028 tỷ đồng, trong đó, nguồn ngân sách trung ương là 159.764 tỷ đồng (vốn trong nước là 131.203 tỷ đồng; vốn nước ngoài (ODA) là 28.561 tỷ đồng), vốn trái phiếu Chính phủ là 6.264 tỷ đồng<sup>85</sup>.

### **15. Về thực hiện cơ chế phối hợp các tỉnh trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh**

Sau 09 năm thi hành, Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành đã góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của chính quyền và Nhân dân Vùng Thủ đô về vị trí, vai trò và định hướng xây dựng, phát triển Thủ đô. Các cơ chế, chính sách được ban hành đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, có tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội và quản lý Nhà nước trên địa bàn Vùng Thủ đô. Theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, phạm vi Vùng Thủ đô bao

<sup>83</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>84</sup> Giai đoạn 2011-2016 thành phố Hà Nội có tỷ lệ điều tiết phân ngân sách địa phương được hưởng là 42%, giảm 3% so với giai đoạn trước; giai đoạn 2017-2020 là 35%, giảm 7% so với giai đoạn trước.

<sup>85</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

gồm toàn bộ ranh giới Thành phố Hà Nội và 9 tỉnh xung quanh là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang. Nhằm đạt mục tiêu liên kết, phát triển Vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội; xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực trọng điểm, thành phố Hà Nội và các tỉnh trong Vùng đã hoàn thành việc phê duyệt các đồ án Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu và Quy hoạch ngành, lĩnh vực của từng địa phương. Thành phố Hà Nội với vai trò là đô thị hạt nhân đã hợp tác các địa phương trong Vùng thực hiện các công trình trọng điểm tại các địa bàn giáp ranh; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông kết nối<sup>86</sup>, mở các tuyến xe buýt đến các tỉnh phục vụ nhu cầu đi lại của người dân. Thực hiện hỗ trợ các tỉnh trong Vùng trong phòng chống dịch bệnh, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu và ứng dụng khoa học trong khám chữa bệnh; hợp tác trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực và tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm du lịch. Các tỉnh trong Vùng Thủ đô đã chủ động trong bố trí quỹ đất giao cho các bệnh viện tuyến trung ương triển khai đầu tư, đưa vào hoạt động cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức<sup>87</sup>.

### **16. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô (Chương III Luật Thủ đô)**

Trên cơ sở quy định của Luật Thủ đô về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô, một số cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai nhiều hoạt động để thực hiện nhiệm vụ. Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hà Nội đã thực hiện việc giám sát thi hành Luật Thủ đô; Các bộ, ngành, chính quyền Thành phố đã phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết, các chương trình, đề án... bảo đảm tính kịp thời. Hằng năm, HĐND Thành phố tổ chức hoạt động giám sát, xem xét báo cáo của UBND Thành phố về thực hiện Luật Thủ đô; UBND thành phố Hà Nội đã chủ động ban hành Kế hoạch, tổ chức đánh giá việc thi hành Luật Thủ đô; báo cáo Thủ tướng Chính phủ, HĐND Thành phố theo quy định.

## **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

### **1. Tác động và những kết quả sau 09 năm thi hành Luật Thủ đô**

Các bộ, ngành, địa phương, nhất là Thành phố Hà Nội đã dành sự quan tâm đặc biệt, tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các chủ thể trong tổ chức thi hành để sớm đưa Luật Thủ đô vào cuộc sống; tạo lập đồng bộ các công cụ pháp

<sup>86</sup> Đường cao tốc hướng tâm Hà Nội - Hòa Bình; Đường vành đai 4 vượt các sông Hồng, sông Đuống và sông Cầu úy Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Bắc Ninh - Bắc Giang; dự án kết nối du lịch tâm linh Chùa Hương - Tam Chúc, Ba Sao - Bái Đính qua địa bàn Hà Nội, Hà Nam...

<sup>87</sup> Tại Phú Lý, Hà Nam.

lý trong xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô. Công tác quán triệt, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đã có tác động sâu rộng đến ý thức, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô. Việc thực hiện các chính sách đặc thù theo quy định của Luật bước đầu đã giúp cho Thành phố thiết lập đồng bộ các công cụ pháp lý cho việc xây dựng, quản lý quy hoạch nhằm thực hiện thống nhất theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; hệ thống giao thông vận tải, hạ tầng kỹ thuật của Thủ đô đã có những bước phát triển vượt bậc cả về quy mô, số lượng các dự án, công trình trọng điểm, được kết nối thông suốt, đồng bộ, thúc đẩy liên kết phát triển kinh tế - xã hội giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô; cảnh quan kiến trúc hai bên đường trên một số tuyến phố thực hiện thí điểm đã được chỉnh trang sạch đẹp; nhiều dự án khu đô thị mang tầm vóc của một đô thị hiện đại đang dần hiện hữu; xây dựng nông thôn mới đạt kết quả toàn diện, nổi bật; phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân ngày càng phong phú, các di sản văn hóa - lịch sử được quan tâm bảo tồn, tôn tạo; phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, chất lượng giáo dục toàn diện, mũi nhọn; KHCN được đầu tư phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, hướng tới chất lượng, hiệu quả ứng dụng, thu hút được sự tham gia của đông đảo các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trên nhiều lĩnh vực; nguồn thu ngân sách được bổ sung nhờ cơ chế phát huy nội lực, chính sách huy động vốn, chính sách thương và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương trên địa bàn Thành phố; an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của Nhân dân được bảo đảm và nâng cao; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều đổi mới và tiến bộ; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao; đầu tư nâng cấp các bệnh viện, cơ sở y tế ở cả Thành phố, cấp huyện và cấp xã; nâng cao y đức và thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế, nhất là trong công tác phòng, chống đại dịch Covid-19 vừa qua. Các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội của Nhà nước được thực hiện đúng, đủ và kịp thời; ban hành và thực hiện nhiều chính sách đặc thù, riêng có của Hà Nội về phúc lợi xã hội; ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tăng trưởng kinh tế năm sau cao hơn năm trước, bảo đảm được chi thường xuyên và chi trả nợ, có tích lũy cho đầu tư phát triển. Thủ đô đang dần phát huy được vị thế, vai trò, tạo động lực phát triển, sức mạnh lan tỏa, mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác, hỗ trợ các địa phương trong Vùng Thủ đô và cả nước cùng phát triển; ngày càng khang trang, thân thiện hơn.

Trong những năm qua, kinh tế Thủ đô tăng trưởng khá, đóng góp tích cực trong tăng trưởng chung của cả nước. GRDP bình quân 2016-2020 tăng 6,73 %, mặc dù không đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-

19, nhưng cũng cao hơn bình quân chung cả nước (cả nước đạt 5,99%, TP Hồ Chí Minh đạt 6,44%). Quy mô nền kinh tế được mở rộng, GRDP năm 2020 đạt 1,02 triệu tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 5.325 USD, gấp 1,92 lần so với cả nước. Bình quân trong giai đoạn 2016-2020, Hà Nội đóng góp trên 16% GDP, 18,5% thu NSNN, 20% thu nội địa và 8,6% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của cả nước, ngày càng xứng đáng vai trò là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước; mô hình tăng trưởng chuyển biến tích cực theo hướng gia tăng chiều sâu, năng suất và hiệu quả (giai đoạn 2016-2020, đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP đạt khoảng 46% - giai đoạn trước 2011-2015 là 31,2%); năng suất lao động năm 2020 đạt 252,3 triệu đồng/lao động (giá hiện hành), gấp 2,29 lần bình quân cả nước (110,4 triệu đồng/người); huy động được nguồn vốn tương đối lớn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tri thức, kinh tế số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được chú trọng, hỗ trợ phát triển. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng hiện đại, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng; du lịch dần trở thành kinh tế mũi nhọn, có mức tăng trưởng cao trong giai đoạn trước đại dịch Covid-19 (bình quân giai đoạn 2016-2019, khách nội địa tăng 7,5%/năm, khách quốc tế tăng 21,2%/năm và doanh thu du lịch tăng 17,6%/năm), khu vực công nghiệp tăng bình quân 7,43%/năm; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo đạt được nhiều thành quả, luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu (khoảng 91%) trong giá trị sản xuất công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao bước đầu phát triển ở một số lĩnh vực, nhất là lĩnh vực công nghệ thông tin. Đầu tư phát triển có xu hướng dịch chuyển từ khu vực nhà nước sang khu vực ngoài nhà nước<sup>88</sup>.

Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thuận lợi hơn. Trong giai đoạn 2016-2020, có khoảng 130.000 doanh nghiệp thành lập mới, gấp 1,6 lần giai đoạn trước. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước có đóng góp lớn nhất trong GRDP, giảm tỷ trọng ở khu vực kinh tế nhà nước, đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài gần như không thay đổi<sup>89</sup>. Thành phố đã huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng liên kết; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt 1,716 triệu tỷ đồng, gấp 1,6 giai đoạn trước. Thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách với trên 2.850 dự án, vốn đăng ký 1,6 triệu tỷ đồng. Thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 đạt gần 1,2 triệu tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 11,1%/năm, gấp 1,64 lần giai đoạn 2011-2015.

Các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được thực hiện đồng bộ. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2018, 2019 giữ vững vị trí 02/63 tỉnh, thành phố (tăng 7 bậc so với năm 2015), năm 2020 ở vị trí 08/63,

<sup>88</sup> Theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

<sup>89</sup> Khu vực nhà nước giảm từ 43,44% năm 2015 xuống còn 34,28% năm 2020; khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh, từ 45,89% lên 54,84%; khu vực đầu tư nước ngoài tăng từ 10,66% năm 2015 lên 10,87%.

năm 2021 ở vị trí 10/63. Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 15 bậc từ vị trí thứ 24 năm 2015 lên vị trí thứ 09/63 năm 2019, giữ vị trí năm 2020 và vị trí thứ 10/63 năm 2021.

## **2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### *a) Tồn tại, hạn chế trong việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật*

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực, cố gắng, song vẫn còn một số nội dung của Luật Thủ đô còn chậm được ban hành văn bản quy định chi tiết để kịp thời thực hiện thống nhất, đồng bộ, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả thi hành Luật<sup>90</sup>. Điều này làm cho một số quy định của Luật chậm đi vào cuộc sống. Đồng thời, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố (Nghị quyết, Quyết định), theo thứ bậc pháp lý thấp hơn các quy định của Trung ương, nên khi các Luật, Nghị định, Thông tư của Bộ trưởng ban hành có quy định khác, nhiều nội dung đặc thù được giao cho Thủ đô Hà Nội quy định cụ thể đã bị vô hiệu hóa.

### *b) Tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện quy định của Luật*

#### *- Về quy hoạch xây dựng, phát triển và biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch:*

+ Theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô thì Khu vực nội đô lịch sử được xác định là hạn chế phát triển nhà ở, công trình cao tầng, giảm mật độ xây dựng và mật độ cư trú, song song với đó là ở các đô thị vệ tinh, các khu đô thị mới phải được xây dựng nhà ở đạt tiêu chuẩn quốc gia, đáp ứng cho nhiều đối tượng sử dụng để giảm tải cho đô thị trung tâm; bên cạnh đó thành phố Hà Nội cũng đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử<sup>91</sup>. Tuy nhiên, trong thời gian qua ở những khu vực này, nhiều dự án chung cư cao tầng vẫn tiếp tục được xây dựng; tạo thêm áp lực về gia tăng dân số, quá tải về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực nội thành Hà Nội<sup>92</sup>.

+ Công tác di dời và quản lý quỹ đất sau khi di dời đối với một số cơ quan, tổ chức chưa được thực hiện nghiêm theo Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ: tiến độ di dời thực hiện rất chậm; quỹ đất sau khi di dời chưa được bàn giao lại cho Thành phố để ưu tiên xây dựng, phát triển các công trình công cộng theo quy định tại khoản 4 Điều 15

<sup>90</sup> Đến nay, còn một phần được giao quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô chưa được ban hành (quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề trên địa bàn Thủ đô).

<sup>91</sup> Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND Thành phố.

<sup>92</sup> Thống kê sơ bộ tại một số quận Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng cho thấy nhiều dự án nhà cao tầng đã và đang được triển khai xây dựng như: Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ cao cấp Vinhomes Metropolis - Liễu Giai, Đội Cấn); Tổ hợp trung tâm dịch vụ, thương mại và nhà ở tại trung tâm Hội trợ triển lãm Việt Nam - Láng Hạ; Tòa nhà Hồng Công Tower - Đê La Thành; Tổ hợp văn phòng cho thuê, căn hộ tại Vietronic - Nguyễn Chí Thanh; các dự án xây dựng trên nền đất của các công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 7, Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu...

Luật Thủ đô. Thực tế đã có nhiều dự án nhà thương mại, chung cư cao tầng được xây dựng trên nền đất sau khi di dời<sup>93</sup>. Thành phố cũng đã xem xét, giới thiệu địa điểm, quỹ đất để đầu tư xây dựng các bệnh viện tuyến Trung ương, cơ sở giáo dục, trụ sở làm việc của 09 bộ, ngành Trung ương. Tuy nhiên, đến nay mới chỉ có Trường Đại học Y tế công cộng là đơn vị duy nhất thực hiện di dời, song khu đất sau khi di dời lại được chuyển đổi xây dựng Tổ hợp dự án nhà cao tầng; đối với bệnh viện tuyến Trung ương, thì hiện chỉ có Bệnh viện K cơ sở 2 và Bệnh viện Nội tiết đã xây dựng cơ sở mới và đưa vào sử dụng, nhưng vẫn tiếp tục sử dụng cơ sở cũ trong nội thành; trong số 09 bộ, ngành thì hiện có 07 cơ quan vẫn tiếp tục giữ lại trụ sở làm việc cũ, 02 cơ quan còn lại được chấp thuận chuyển đổi mục đích sang đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng cao tầng<sup>94</sup>.

+ Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong quy hoạch đối với một số loại công trình công cộng trong khu vực nội thành chưa đồng bộ như giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, điện, truyền hình, internet và các tác động đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thủ đô; công tác giám sát thực hiện dự án đầu tư các khu đô thị trên địa bàn còn nhiều bất cập; công tác quản lý và thực hiện quy hoạch còn hạn chế; việc thực hiện các khu chức năng, đô thị vệ tinh chậm. Chưa xây dựng, phát triển được Thủ đô thành một tổng thể đa trung tâm, có cấu trúc hoàn chỉnh hiện đại gắn với phát triển các thành phố vệ tinh; chưa có các đô thị, vùng chức năng gắn với vùng cảnh quan/di tích tập trung tại Ba Vì, Suối Hai, Hương Sơn, Cổ Loa,...

*- Về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị:*

Thành phố còn gặp nhiều khó khăn do việc lưu trữ, quản lý hồ sơ các công trình có giá trị qua các thời kỳ còn thiếu, chưa đầy đủ; thiếu các công cụ quản lý theo quy định của pháp luật về lĩnh vực phát triển đô thị như chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, dẫn đến việc đầu tư dự án phát triển đô thị dàn trải, không theo quy hoạch và kế hoạch. Tình trạng lấn chiếm, xây dựng không phép, trái phép trong thời gian trước đây đã phá vỡ công năng, kiến trúc, làm biến dạng các công trình có giá trị. Công tác chỉnh trang các đường giao thông quan trọng

<sup>93</sup> Ví dụ như: trên Đường Nguyễn Trãi, Đường Nguyễn Tuân, Quận Thanh Xuân trước đây là nơi đặt trụ sở, nhà xưởng của các ngành công nghiệp như Cao su sao vàng, Xà phòng, Thuốc lá Thăng Long, Dệt Mùa đông, Xe đạp thống nhất, Xe buýt Hà Nội..., nay là những dự án Tổ hợp nhà liền kề, Trung tâm thương mại và căn hộ thương mại với quy mô, mật độ rất lớn.

<sup>94</sup> Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 18/6/2019 của UBND TP Hà Nội: Thành phố đã bố trí quỹ đất tập trung tại khu vực Tây Hồ Tây, quận Tây Hồ (khoảng 20ha) và Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm (khoảng 55ha). Ngoài ra, thành phố đã giải quyết, bố trí quỹ đất di dời: 7 cơ sở tiếp tục giữ lại làm trụ sở hoặc bàn giao cơ quan Trung ương quản lý; 2 cơ sở đã được chấp thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất để tạo nguồn vốn di dời và đầu tư xây dựng trụ sở mới (Trụ sở Thanh tra Chính phủ tại 220 Đội Cấn, quận Ba Đình; Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại số 45 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm).

trong nội thành được thực hiện đồng bộ với việc cải tạo, chỉnh trang các công trình hai bên đường, bảo đảm gìn giữ không gian, kiến trúc đặc trưng của đô thị đã triển khai, nhưng chưa được thực hiện nhân rộng đồng bộ; vẫn tồn tại tình trạng nhà siêu mỏng, siêu méo gây mất mỹ quan đô thị trên các tuyến phố, tuyến đường mới được mở rộng trong nội thành. Thành phố chưa có cơ chế khuyến khích người dân tự nguyện tham gia cùng chính quyền trong chỉnh trang đô thị nơi mình sinh sống.

- *Về bảo tồn và phát triển văn hóa:* Mặc dù đã quan tâm đến công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, tuy nhiên chưa có chiến lược phát huy giá trị văn hóa Thủ đô một cách đồng bộ về các mặt như kinh tế, giáo dục...; còn thiếu cơ chế thực hiện quyền lợi của các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; việc lưu trữ, quản lý hồ sơ các công trình có giá trị qua các thời kỳ cũng chưa được đầy đủ. Chưa phát huy hết các giá trị văn hóa của Thăng Long - Hà Nội - Xứ Đoài để tạo nên các sản phẩm văn hóa lớn. Một số tiêu chí xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt yêu cầu, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét về văn hóa ứng xử, nếp sống văn minh đô thị của người dân. Việc quản lý biệt thự, công trình kiến trúc cổ mới dừng ở công tác rà soát, lập danh mục; nhiều biệt thự, công trình kiến trúc cổ biến dạng, xuống cấp có nguy cơ sập đổ, nhưng chưa được bảo tồn kịp thời, đúng quy định.

- *Về phát triển giáo dục và đào tạo:* Mặc dù đã có một số chuyển biến tích cực, song còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở các huyện, thị xã về tiến độ công nhận trường chất lượng cao; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên còn thiếu kinh nghiệm, việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, chậm tiến độ, một số trường học còn thiếu phòng học, phòng chức năng, thiếu trang thiết bị và xuống cấp; tình trạng quá tải của hệ thống trường công lập chưa được giải quyết dứt điểm. Trong quá trình thực hiện việc xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô, vẫn còn những ý kiến về tính hợp lý trong việc phân biệt chất lượng dịch vụ công của quy định này. Trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo, nhà trẻ vẫn còn gặp khó khăn do thiếu trường, thiếu nhóm lớp, chưa đáp ứng được nhu cầu gửi trẻ theo quy định (ví dụ như ở quận Nam Từ Liêm và quận Bắc Từ Liêm). So với tiêu chuẩn QCXDVN-2008 thì diện tích để xây dựng trường mầm non trong nội thành còn thiếu khoảng 1.109.627m<sup>95</sup>.

<sup>95</sup> Dự báo về Quy hoạch mạng lưới trường mầm non, thì đến năm 2020 Thành phố còn thiếu 166 trường mầm non công lập, trong đó giai đoạn 2016-2017 còn thiếu 52 trường, giai đoạn 2018-2020 còn thiếu 114 trường (Nguồn: tổng hợp từ Báo cáo số 3472/BGDĐT-PC ngày 14/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).



- *Về phát triển khoa học và công nghệ:* Đội ngũ cán bộ KH-CN của Thành phố tập trung đông, nhưng còn chưa hợp lý về ngành nghề, trình độ, lĩnh vực hoạt động, còn thiếu những chuyên gia đầu ngành. Thành phố chưa khai thác được tối đa tiềm lực cơ sở vật chất và nguồn lực chất xám của các cơ quan, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng của Trung ương đóng trên địa bàn; chưa huy động được các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp tích cực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Trước những yêu cầu mới của tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa Thủ đô, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho thấy thị trường KH-CN phát triển chưa tương xứng tiềm năng, thế mạnh; yếu tố cấu thành thị trường chưa rõ ràng, minh bạch; cơ chế quản lý còn lỏng lẻo; các hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp thiếu sự liên kết và chưa đủ mạnh để phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, vẫn còn thiếu cơ chế hiệu quả để hỗ trợ các sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ trở thành sản phẩm hàng hóa, đáp ứng được nhu cầu của các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hoạt động thông tin KH-CN ở các vùng nông thôn ngoại thành và trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế. Chính sách trọng dụng nhân tài đã được quan tâm, nhưng số lượng sinh viên tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc của các trường đại học, cao đẳng được tuyển dụng bố trí làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố và các quận, huyện, thị xã còn chiếm tỷ lệ thấp.

- *Về quản lý, bảo vệ môi trường và quản lý đất đai:*

+ Quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn Thủ đô đã được ban hành, tuy nhiên, việc đòi hỏi các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các làng nghề... phải đầu tư hệ thống xử lý chất thải với công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu dẫn đến chi phí đầu tư cao. Ô nhiễm nguồn nước và không khí trên địa bàn Thành phố đang xảy ra ở một số điểm. Năm 2017, qua rà soát, kiểm tra tại 21/30 quận, huyện, thị xã có 187 điểm đen, khu vực ô nhiễm và bức xúc về môi trường. Tốc độ đô thị hóa của Thành phố diễn ra nhanh chóng đã tác động xấu đến chất lượng môi trường.

+ Công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng có mặt còn yếu kém; giải phóng mặt bằng còn chậm, gặp nhiều khó khăn; việc quản lý quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định chưa được thực hiện; các biện pháp về tài chính (nâng mức thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng sớm theo Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố), mới chỉ được áp dụng tại các dự án đầu tư quan trọng và cho các phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND cấp huyện phê duyệt từ ngày 27/7/2013, chưa được nhân rộng, áp dụng thống nhất.

- *Về phát triển và quản lý nhà ở:* Việc quy định tỷ lệ 25% diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại trên

10ha tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố, trên thực tế việc bố trí 25% diện tích đất ở hoặc 25% quỹ sàn nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong cùng dự án rất khó khả thi, bởi quy hoạch dự án nhà ở, khu đô thị cao cấp và nhà ở xã hội trong cùng dự án là không tương thích với nhau về hạ tầng kỹ thuật, hơn nữa do chung hạ tầng kỹ thuật cho nên giá căn hộ, giá dịch vụ trong khu đô thị, dự án nhà ở cao cấp là rất cao so với mặt bằng chung thu nhập của người dân là đối tượng được mua nhà ở xã hội; các chủ đầu tư dự án thương mại thường bố trí khu vực nhà ở xã hội ở vị trí không thuận lợi, khó giải phóng mặt bằng hơn so với các khu vực khác trong dự án, bán kính tiếp cận các công trình phục vụ, hạ tầng xã hội trong toàn khu có khoảng cách xa hơn so với công trình thương mại, thiếu đồng bộ về chất lượng chung giữa nhà ở thương mại và nhà ở xã hội tại cùng một khu vực.

Việc cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các khu chung cư cũ trong nội thành chậm và còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách; năng lực của một số chủ đầu tư, nhà đầu tư, nhà thầu, tư vấn ở một số dự án còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác rà soát, đánh giá, lập danh mục khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp để công bố thu hút đầu tư còn chậm, thậm chí rất chậm.

*- Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải:*

+ Việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước; cấp điện, chiếu sáng thông tin liên lạc...) của Thành phố chưa được thực hiện đồng bộ trên các tuyến phố chính, đặc biệt trong khu vực nội đô lịch sử, đến nay cũng vẫn chưa được hoàn thiện. Công tác quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Thành phố thiếu tính đồng bộ, chưa được đầu tư đúng mức. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng như thu gom, xử lý, phân loại CTR; thu gom, xử lý nước thải có công nghệ hiện đại đòi hỏi có nhu cầu vốn đầu tư rất cao, trong khi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng chưa đáp ứng đầy đủ, do vậy nguồn vốn đầu tư xây dựng chủ yếu từ nguồn vốn ODA, vốn kêu gọi từ hợp tác công tư (PPP), nhưng cơ chế, chính sách để kêu gọi nhà đầu tư lại chưa hoàn thiện.

+ Đối với phát triển giao thông, hiện nay tỷ lệ quỹ đất giao cho giao thông nói chung, giao thông tĩnh nói riêng còn quá thấp so với yêu cầu. Trong khi đó, việc mở rộng tuyến giao thông trong khu vực nội đô là rất khó khăn, cộng thêm chi phí cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để mở rộng các tuyến đường rất cao, gây sức ép cho ngân sách của Thành phố.

*- Về quản lý dân cư:* Tình trạng tăng dân số cơ học vẫn tiếp tục tăng nhanh cả ở nội thành và ngoại thành, nhất là ở nội thành, khu vực nội đô lịch sử<sup>96</sup> (chưa kiểm soát được mức độ gia tăng theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ

<sup>96</sup> Báo cáo số 135/BC-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ thì: năm 2013, tổng số dân số của 04 quận nội đô lịch sử (bao gồm Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng) là 966.806 người; năm 2014, dân số là 1,09 triệu

đô); mật độ dân cư phân bố không đều, có sự chênh lệch đáng kể giữa ngoại thành và nội thành. Ở các quận như Đống Đa, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân và Cầu Giấy, có mật độ dân số cao nhất, trung bình đều trên 30.500 người/km<sup>2</sup>, việc này đã gây quá tải về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tác động mạnh đến công tác quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường trên địa bàn Thủ đô.

- *Về bảo vệ Thủ đô và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô:* Thực tế cho thấy, nhiều hành vi trong một số lĩnh vực như môi trường, giao thông đường bộ, trật tự an toàn xã hội, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, quảng cáo, cần phải quy định mức xử phạt cao hơn để bảo đảm văn minh đô thị, an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, lại chưa được Luật Thủ đô và Luật Xử lý vi phạm hành chính giao thẩm quyền cho HĐND Thành phố quy định.

- *Về chính sách, cơ chế tài chính:*

+ Theo quy định của Luật Thủ đô, Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 63/2017/NĐ-CP), hàng năm ngân sách Trung ương thực hiện thưởng vượt thu và đầu tư trở lại cho thành phố Hà Nội tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố, tuy nhiên, do ngân sách Trung ương khó khăn, nên Trung ương mới chỉ thực hiện thưởng vượt thu và đầu tư trở lại cho thành phố Hà Nội một phần từ số tăng thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố.

+ Về nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho Thành phố để thực hiện các chương trình dự án lớn, trong các năm từ 2014 đến nay, ngân sách Trung ương đã hỗ trợ ngân sách Thành phố gần 1.115 tỷ đồng để thực hiện một số chương trình, dự án đầu tư lớn trên địa bàn Thành phố<sup>97</sup>. Tuy nhiên, so với yêu cầu và để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng, phát triển Thủ đô, thì nguồn hỗ trợ của Trung ương còn rất hạn hẹp, chưa bảo đảm chính sách ưu đãi theo quy định của Luật Thủ đô<sup>98</sup>.

+ Việc giảm tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách làm ảnh hưởng đến nguồn lực cho đầu tư phát triển và phát triển kinh tế xã hội của Thành

người (tỷ lệ tăng dân số đạt 113,21%) và đến năm 2017, con số này lên tới 1,13 triệu người (tỷ lệ tăng dân số đạt 117,33%).

<sup>97</sup> Các dự án này đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực thủy lợi, đê kè chống sạt lở bờ sông Hồng, sông Đuống, giúp bảo vệ an toàn đê điều, tính mạng, tài sản của nhân dân,...

<sup>98</sup> Trong 05 năm 2016-2020 thành phố Hà Nội thực hiện 35 dự án lớn về giao thông, môi trường, đê điều thủy lợi, mang ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với tổng mức đầu tư 181.318 tỷ đồng, tổng số vốn đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 là 116.842 tỷ đồng, trong đó đề nghị hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn trong nước từ ngân sách Trung ương là 36.613 tỷ đồng.

phố (giai đoạn 2009-2010 là 45%, giai đoạn 2011-2016 là 42%, giai đoạn 2017-2020 giảm còn 35%).

+ Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế Thủ đô, nhu cầu đầu tư cho các dự án trọng điểm của Hà Nội là rất lớn, đặc biệt sau khi mở rộng địa giới thành phố Hà Nội, cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn còn khó khăn, nguồn vốn đầu tư hạn chế so với yêu cầu, việc thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của Thành phố gặp nhiều khó khăn.

- *Về thực hiện cơ chế phối hợp các tỉnh trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh:*

+ Mặc dù Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đã được điều chỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (đã bổ sung thêm 03 tỉnh so với Quy hoạch Vùng Thủ đô năm 2008 theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 05/5/2016), song đến nay cơ chế liên kết, kết nối giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng với nhau hoặc với các cơ quan Trung ương vẫn chưa được xác lập để tạo sự chủ động cho các tỉnh, thành phố trong công tác phối hợp, liên kết Vùng. Thực tế cũng đã có một số hoạt động mang tính kết nối, phối hợp giữa các tỉnh trong Vùng, tuy nhiên chủ yếu vẫn mang tính tự phát, hình thức. Các liên kết kinh tế chưa dựa trên sự chuyên môn hóa hay phân công lao động một cách hợp lý dựa vào tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương, mà chủ yếu là liên kết giữa một số doanh nghiệp, địa phương có chung ranh giới thực hiện cùng đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... với quy mô nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững.

+ Việc phối hợp trong việc thực hiện khảo sát, chuẩn bị quỹ đất phục vụ việc di dời trụ sở cơ quan Trung ương, trường đại học, bệnh viện và cơ sở sản xuất từ nội thành Hà Nội còn nhiều hạn chế, bất cập; không có quy định về thời hạn thực hiện, các đơn vị được di dời không chủ động nguồn lực tài chính, nên một số địa phương đã bố trí quỹ đất bàn giao mặt bằng cho các đơn vị nhưng nhiều năm không thực hiện xây dựng, gây lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; công tác xử lý môi trường bảo vệ nguồn nước trên các hệ thống sông trong vùng còn nhiều vướng mắc chưa có cơ chế giải quyết triệt để.

+ Còn thiếu cơ chế điều hành chung trong việc phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng Thủ đô. Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đã được thành lập nhưng hoạt động chưa hiệu quả; trong thời gian qua chưa chủ động tổ chức được các cuộc làm việc của Thủ tướng Chính phủ với UBND thành phố Hà Nội, cùng các tỉnh trong Vùng Thủ đô và các bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành pháp luật về

Thủ đô, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho các địa phương và thành phố Hà Nội.

*c) Một số nguyên nhân chủ yếu*

*- Từ thực tiễn và công tác tổ chức thi hành pháp luật:*

+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có nơi, có lúc còn thiếu quyết liệt, ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm, còn có biểu hiện buông lỏng trong quản lý nhà nước ở một số khâu như cấp phép, theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra, thẩm định, phê duyệt còn thiếu chặt chẽ; chưa chủ động, kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm; công tác xử lý vi phạm một số vụ việc còn kéo dài; chưa gắn trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân khi để xảy ra các sai phạm, khuyết điểm.

+ Việc tham mưu, đề xuất các giải pháp để tháo gỡ các khó khăn, bất cập trong thi hành Luật chưa thật hiệu quả, kịp thời. Một số tồn tại, vướng mắc đã diễn ra từ lâu nhưng vẫn chưa có giải pháp khắc phục triệt để như việc di dời các cơ quan, tổ chức ra khỏi nội thành, việc quản lý dân cư, việc huy động các nguồn đầu tư...

+ Chưa lường hết được tính chất phức tạp và khả năng bảo đảm thực thi các quy định trên thực tế sau khi ban hành, do vậy còn chậm trong việc ban hành một số văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và cơ chế, chính sách cần thiết khác để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các quy định của Luật.

+ Thiếu các điều kiện bảo đảm cần thiết, nhất là nguồn lực về tài chính, đất đai để triển khai thực hiện các công trình, dự án quy mô lớn, trong khi đó việc đầu tư còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm, nhất là đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội.

+ Các cơ quan có trách nhiệm chưa chủ động kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết những khó khăn, bất cập trong công tác quản lý nhà nước bảo đảm hiệu lực thi hành của Luật Thủ đô. Chưa kịp thời ban hành quy chuẩn môi trường về tiếng ồn, dẫn đến thiếu cơ sở để đánh giá tình trạng ô nhiễm tiếng ồn trên địa bàn. Thiếu một số công cụ quản lý như chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, cơ chế quản lý đô thị vệ tinh, dẫn đến việc đầu tư dự án phát triển đô thị dàn trải, không theo quy hoạch chung.

+ Còn nhiều vấn đề lớn do lịch sử để lại từ trước khi ban hành Luật Thủ đô, đến nay vẫn chưa có đủ điều kiện để giải quyết dứt điểm. Chẳng hạn như vấn đề trường học, bệnh viện, trục đường giao thông, nhà chung cư, biệt thự cũ, nhà siêu mỏng, siêu méo.

+ Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý đô thị đối với một thành phố lớn như Thủ đô Hà Nội. Công tác cải cách thủ tục hành chính tuy được quan tâm và đạt được kết quả đáng ghi nhận nhưng thực tế vẫn chưa theo kịp với yêu cầu quản lý, phát triển Thủ đô và của người dân, doanh nghiệp. Vai trò chủ trì của chính quyền Thành phố, các bộ, ngành trong việc thực hiện di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục theo Quyết định 130/QĐ-TTg chưa được thực hiện nghiêm túc.

*- Từ một số quy định của Luật và văn bản quy định chi tiết thi hành:*

+ Một số quy định của Luật có tính khả thi thấp. Đó là các quy định về mục tiêu, định hướng chung (như xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại) và các quy định về nhiều nhiệm vụ cần phải có nguồn lực lớn mới thực hiện được (chưa kể việc Thành phố phải đồng thời thực hiện những chính sách, quy định pháp luật khác và những vấn đề phát sinh hằng ngày cần giải quyết ngay).

+ Một số quy định của Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật còn bất hợp lý nên chưa đem lại hiệu quả thực tiễn như mục tiêu đề ra ban đầu. Ví dụ như:

(i) Quy định việc phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới phải dành tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở cao hơn để phát triển nhà ở xã hội (khoản 4 Điều 16 Luật Thủ đô) đã tạo ra sự không tương thích về hạ tầng kỹ thuật, cũng như sự chênh lệch lớn giữa giá bán căn hộ với thu nhập của người thuộc đối tượng được mua nhà ở xã hội<sup>99</sup>.

(ii) Quy định xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô (khoản 3 Điều 12 Luật Thủ đô) dẫn đến có sự phân biệt về chất lượng dịch vụ công.

(iii) Quy định áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị tại các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng (khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô) liên quan đến mật độ xây dựng, khoảng lùi, số lượng tầng nhà, chiều cao tối đa tầng nhà..., trong khi các khu vực này hiện đang tồn tại khá nhiều vấn đề do lịch sử để lại mà việc cải tạo, tái thiết cần phải đầu tư nguồn lực lớn về tài chính, đất đai để phục vụ cho công tác tái định cư, giải tỏa, giải phóng mặt bằng, tạo không gian đáp ứng các yêu cầu.

(iv) Quy định ban hành một số quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn Thủ đô nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn môi

<sup>99</sup> Do thực tế việc bố trí 25% diện tích đất ở hoặc 25% quỹ sàn nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong cùng dự án rất khó khả thi bởi quy hoạch dự án nhà ở, khu đô thị cao cấp và nhà ở xã hội trong cùng dự án là không tương thích về hạ tầng kỹ thuật; mặt khác, do chung hạ tầng kỹ thuật nên giá căn hộ thường rất cao so với thu nhập của người thuộc đối tượng được mua nhà ở xã hội.

trường quốc gia (khoản 3 Điều 14 Luật Thủ đô), đã và đang đòi hỏi các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các làng nghề phải đầu tư hệ thống xử lý chất thải với công nghệ hiện đại, chi phí đầu tư cao.

+ Một số quy định của Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật chưa đầy đủ, đồng bộ. Ví dụ: Khoản 4 Điều 19 Luật Thủ đô chỉ quy định điều kiện được đăng ký hộ khẩu ở khu vực nội thành, còn việc đăng ký tạm trú vẫn được thực hiện theo quy định của Luật Cư trú mà không có thêm bất cứ điều kiện ràng buộc nào, do vậy đã xuất hiện những trường hợp đăng ký thường trú ở ngoại thành sau đó chuyển hộ khẩu vào nội thành, trong khi thực tế chưa tạm trú đủ 03 năm theo quy định v.v... Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội mới đề cập đến diện tích nhà ở cho thuê bình quân trên đầu người là điều kiện để được đăng ký thường trú, tuy nhiên, chưa đề cập đến diện tích nhà ở cho mượn, cho ở nhờ để được cho đăng ký thường trú nên thực tiễn áp dụng còn khó khăn. Hạn chế này của Luật Thủ đô và Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND là một trong những nguyên nhân chưa đạt được mục tiêu giảm tải sự tập trung đông dân cư trong nội thành Hà Nội.

- Trong mối quan hệ giữa Luật Thủ đô và các luật ban hành sau: Sau ngày 01/7/2013 (ngày Luật Thủ đô có hiệu lực), đã có một số luật chuyên ngành được ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 như Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014, Luật Đầu tư công năm 2015, Luật Quy hoạch năm 2016..., tác động, ảnh hưởng nhất định đến việc thực hiện các quy định liên quan của Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành, trong khi Luật Thủ đô không quy định việc áp dụng Luật này khi luật chuyên ngành ban hành sau có sự thay đổi, tác động đến những vấn đề liên quan đã được Luật Thủ đô quy định.

## **IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Một số giải pháp**

a) *Về phía Chính phủ:* Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương và thành phố Hà Nội thực hiện một số giải pháp sau đây:

- Soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề trên địa bàn Thủ đô theo hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và cả nước (cụ thể hóa khoản 2 Điều 12 của Luật Thủ đô).

- Rà soát toàn diện khung khổ pháp lý hiện hành về ngân sách nhà nước, đề xuất các giải pháp phù hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn để bảo đảm sự phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và thông lệ quốc tế cũng như yêu cầu thực tế tại Việt Nam.

- Chỉ đạo UBND thành phố Hà Nội lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị. Đồng thời, tiếp tục thực hiện việc phê duyệt các quy hoạch phân khu (đặc biệt là quy hoạch phân khu khu vực hai bên sông Hồng), làm cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết; Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đã được Thủ tướng phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành Hà Nội.

- Thực hiện nghiêm việc lập, phê duyệt quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến Thủ đô theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật Thủ đô.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các quy định liên quan đến chính sách cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp trên địa bàn Hà Nội; các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh xây dựng, phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn Thủ đô, đặc biệt là tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc thực hiện chính sách này đối với các cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình chính sách.

*b) Về phía thành phố Hà Nội:*

- Tiếp tục tăng cường công tác quán triệt, phổ biến sâu, rộng hơn nữa Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật bằng nhiều hình thức nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, ý thức của công chức, cán bộ và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn Thành phố trong việc chấp hành pháp luật về Thủ đô.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô nói riêng và pháp luật về Thủ đô nói chung, qua đó sớm phát hiện, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn; kịp thời đề xuất với cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về Thủ đô; nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn Thủ đô.

- Chủ động hơn nữa trong việc phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô nhằm phát hiện các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không hợp lý,



thiếu tính khả thi, qua đó ban hành văn bản, quy định mới thay thế, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện việc phê duyệt các quy hoạch phân khu làm cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết.

- Rà soát các công trình, dự án quan trọng về môi trường, giao thông, thủy lợi có quy mô lớn do Thành phố quản lý vượt quá khả năng cân đối của ngân sách Thành phố, đề nghị Chính phủ, Quốc hội quyết định hỗ trợ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố để triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Luật Thủ đô.

- Nghiên cứu, bổ sung chiến lược phát triển Thủ đô nói chung và chiến lược phát triển văn hóa Thủ đô nói riêng nhằm thúc đẩy sáng kiến đưa Hà Nội trở thành thành phố sáng tạo theo tiêu chí của UNESCO trong khu vực Châu Á.

- Tăng cường công tác giáo dục di sản, nhằm trang bị những nhận thức cơ bản nhất về công tác bảo tồn, giữ gìn những di sản văn hóa của cha ông để lại, qua đó, nâng cao ý thức của người dân về công tác bảo tồn phát huy giá trị di sản, giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào về lịch sử đất nước cho các thế hệ.

- Sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 160/2021/QH14 ngày 08/4/2021 của Quốc hội thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của HĐND Thành phố Hà Nội.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của Thành phố Hà Nội tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn nữa với các cấp chính quyền Thành phố trong việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, phát triển, quản lý Thủ đô. Tiếp tục nỗ lực làm tốt vai trò trung tâm tập hợp các tầng lớp Nhân dân, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, động viên Nhân dân hăng hái tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

## **2. Kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

a) Tăng cường hoạt động giám sát theo chuyên đề việc thi hành pháp luật về Thủ đô, đặc biệt trong các lĩnh vực: quy hoạch, kiến trúc; nhà ở; xây dựng; giao thông; đất đai; môi trường.

b) Chỉ đạo việc thể chế hóa kịp thời, đúng đắn và đầy đủ các chủ trương, yêu cầu về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nêu trong Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị.

c) Giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay; báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

### **3. Kiến nghị với Chính phủ**

a) Chỉ đạo cơ quan có liên quan tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 160/2021/QH14 ngày 08/4/2021 của Quốc hội về thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội.

b) Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương rà soát, đánh giá quy định của các luật, nghị quyết có liên quan đến phát triển Thủ đô Hà Nội phục vụ cho việc lập đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

c) Giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp UBND Thành phố Hà Nội, các bộ, ngành, địa phương có liên quan lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô, Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Thành ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: QHĐP, TH;
- Lưu: VT, VĐCXDPL (3).

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

*(đã ký)*

**Phan Chí Hiếu**

Số: 287/BC-BTP

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO**

**Rà soát các văn bản của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật Ban hành VBQPPL), Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, Công văn số 2720/VPCP-PL ngày 20/4/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban soạn thảo dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) và Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành xây dựng dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

Để phục vụ việc xây dựng dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), Bộ Tư pháp đã rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi), kết quả như sau:

**I. VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI) ĐƯỢC RÀ SOÁT**

**1. Văn bản của Đảng**

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;
- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2023 hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

- Kết luận số 37-KL/TW ngày 17/10/2018 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tình hình kinh tế xã hội, ngân sách nhà nước năm 2018; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

- Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung;

- Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

- Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

- Quyết định số 71-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

- Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

- Quyết định số 71-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

## **2. Văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành**

- Hiến pháp năm 2013;

- Luật Đề điều năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Luật Công nghệ cao năm 2008;

- Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật Người cao tuổi năm 2009;

- Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Luật Thủ đô năm 2012;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Luật Đất đai năm 2013;

- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

- Luật Đầu tư công năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2022);

- Luật Nhà ở năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2022);

- Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2018);
- Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014;
- Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);
- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);
- Luật Điều ước quốc tế năm 2016;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Luật Chăn nuôi năm 2018;
- Luật Giáo dục năm 2019;
- Luật Kiến trúc năm 2019;
- Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022);
- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022);
- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Luật Cư trú năm 2020;
- Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;
- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Điện ảnh năm 2022;
- Luật Phòng thủ dân sự năm 2023;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;
- Luật Đấu thầu năm 2023;
- Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;
- Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội;
- Nghị quyết số 160/2021/QH14 ngày 08/4/2021 của Quốc hội về thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;
- Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An;
- Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;
- Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ;
- Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước.

### **3. Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành**

- Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ hướng dẫn Luật Di sản văn hóa và Luật Di sản văn hóa sửa đổi;
- Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn;
- Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020);
- Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020);

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019).

- Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021);

- Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 của Chính phủ về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ;

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018);

- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội;

- Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu;

- Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

- Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;



- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;
- Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã phường thị trấn;
- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định vị trí việc làm và biên chế công chức;
- Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về cải tạo, tháo dỡ nhà chung cư;
- Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
- Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg ngày 22/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng quận, huyện, thị xã tại thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 35/2020/QĐ-TTg ngày 09/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg ngày 22/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng quận, huyện, thị xã tại thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 về định hướng phát triển hệ thống đô thị;

- Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;

- Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 01/8/2023 về việc chuyển giao khu công nghệ cao Hoà Lạc thuộc quyền quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ về Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý.

#### **4. Các dự thảo Luật đang được trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến**

- Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi);
- Dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi);
- Dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi).

## **II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

Qua việc rà soát, đánh giá từng điều khoản cụ thể trong dự thảo Luật Thủ đô với các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cho thấy về cơ bản nội dung dự thảo Luật phù hợp với các văn bản của Đảng, Hiến pháp và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó có thể chế hóa một số nội dung trong các văn bản của Đảng, luật hóa một số nội dung trong các nghị quyết của Quốc hội, các văn bản dưới luật, đồng thời có tham khảo các dự thảo luật, nghị quyết đang trình Quốc hội thông qua để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Đối với một số nội dung quy định trong dự thảo Luật mang tính chất đặc thù khác với quy định pháp luật hiện hành, qua rà soát đều có các kiến nghị cụ thể để phục vụ việc xây dựng dự thảo Luật (*cụ thể xin xem bảng kết quả rà soát kèm theo*).

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Thủ đô, Bộ Tư

pháp đưa vào Hồ sơ dự án Luật Thủ đô để trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét./.

***Nơi nhận:***

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Hồ sơ dự án Luật Thủ đô;
- Lưu: VT, Vụ VĐCXDPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**(đã ký)**

**Trần Tiên Dũng**

Số: 261/BC-BTP

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG**  
**DỰ THẢO LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)**

**I. GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO**

**1. Việc thực hiện Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi)**

Thực hiện các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nghị quyết của Quốc hội, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) với 09 chính sách được đánh giá tác động theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Luật Ban hành VBQPPL). Theo quy định tại Nghị quyết số 89/2023/QH15 thì dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) sẽ được Quốc hội khoá XV xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 6 và thông qua tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024). Theo phân công tại Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ Tư pháp đã khẩn trương soạn thảo dự án Luật Thủ đô (sửa đổi). Từ góc độ thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (LGVĐBĐG) trong xây dựng dự án Luật (sửa đổi), tuân thủ quy định của Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, Bộ Tư pháp đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tại giai đoạn lập đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi), tổ chức tổng kết thi hành Luật Thủ đô năm 2012; nghiên cứu xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đó có tác động về giới của các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật (sửa đổi). Theo đó, đề xuất 09 chính sách là: (i) Xây dựng chính quyền Thủ đô tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (ii) Thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển Thủ đô; (iii) Cơ chế huy động nguồn lực, nâng cao năng lực tài chính - ngân sách cho phát triển của Thủ đô; (iv) Hoàn thiện các quy định về quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông của Thủ đô; (v) Cơ chế, chính sách xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; (vi) Cơ chế, chính sách phát triển văn hóa và giáo dục - đào tạo Thủ đô; (vii) Huy động, sử dụng, phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ, đổi mới

sáng tạo, chuyển đổi số; (viii) Cơ chế, chính sách phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững; (ix) Cơ chế, chính sách liên kết, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực trọng điểm.

- *Tại giai đoạn soạn thảo dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)*, Bộ Tư pháp đã tiếp tục đánh giá việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô năm 2012; rà soát, đánh giá các quy định của Luật Thủ đô, các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong việc quy phạm hóa các chính sách đã được thông qua.

## **2. Bối cảnh xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) và vấn đề giới tổng quan**

### **2.1. Sự cần thiết sửa đổi Luật Thủ đô**

Ngày 05/5/2022, Bộ Chính trị đã ban hành *Nghị quyết số 15-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, trong đó giao Ban cán sự đảng Chính phủ xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi), nhấn mạnh cần có một số cơ chế, chính sách đặc thù, tăng cường phân cấp cho Thủ đô Hà Nội giải quyết công việc phù hợp với đặc thù của Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế. Đồng thời, Bộ Chính trị cũng đã ban hành các nghị quyết như Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW trong đó đề ra nhiều định hướng phát triển Thủ đô trong thời gian tới.

Sau gần 10 năm thi hành Luật Thủ đô năm 2012, thành phố Hà Nội đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô. Tuy nhiên, so với yêu cầu của thực tiễn cho thấy, Luật Thủ đô năm 2012 đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế với nhiều quy định mang tính định hướng chung, thiếu các quy định cụ thể về cơ chế đặc thù, chưa có quy định mang tính đột phá, nổi trội để phát triển; từ năm 2012 tới nay, nhiều chủ trương, nghị quyết của Đảng được ban hành, nhất là các luật mới được ban hành đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả các quy định của Luật Thủ đô, vì vậy vấn đề đặt ra là cần nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện để cho phù hợp với thực tiễn nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý; khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành để xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội với vị trí, vai trò là Thủ đô, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

### **2.2. Vấn đề giới tổng quan**

Về cơ bản, Luật Thủ đô năm 2012 đã thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển Thủ đô nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế và khả năng chủ động của Thủ đô cùng với sự đầu tư có trọng tâm, trọng điểm của Trung ương, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho Vùng Thủ đô và cả nước. Theo đó, các quy định tại Luật Thủ đô năm 2012 là các quy định trung tính về giới; không tạo ra sự bất bình đẳng về giới trong quá trình tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, 09 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) tiếp tục thể chế hóa các nghị quyết của Đảng về xây dựng và phát triển Thủ đô, kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật Thủ đô năm 2012; các giải pháp của chính sách đều được đánh giá tác động giới và thấy rằng các giải pháp này là trung tính, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới khi được ban hành; một số giải pháp góp phần tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

### **3. Quan điểm, định hướng xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi), hoàn thiện các quy định về bình đẳng giới trong Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi)**

*Thứ nhất*, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng về xây dựng, phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 15-NQ/TW, cũng như các chủ trương có liên quan đến phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW và các nghị quyết khác của Đảng có liên quan.

*Thứ hai*, quy định các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội cho Thủ đô phải bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và tuân thủ Hiến pháp năm 2013. Luật Thủ đô cần được đặt trong tổng thể hệ thống pháp luật, không phải là đạo luật thay thế toàn bộ hệ thống pháp luật hiện hành để áp dụng riêng cho Thủ đô.

*Thứ ba*, bám sát 09 nhóm chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua để quy phạm hóa vào dự thảo Luật các cơ chế, chính sách cụ thể, thực sự mang tính đặc thù vượt trội và đột phá về thể chế nhằm phát huy thế mạnh của Thủ đô.

*Thứ tư*, cụ thể hóa tối đa các cơ chế, chính sách đặc thù trong Luật để áp dụng được ngay; những vấn đề cần ủy quyền lập pháp thì nên ủy quyền cho các cơ quan, người có thẩm quyền quy định vấn đề đó theo pháp luật hiện hành nhằm bảo đảm tính khả thi và tính đồng bộ về thẩm quyền ban hành văn bản. Đồng thời với việc phân quyền mạnh mẽ cho Hà Nội nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo, cần quy định tương ứng trách nhiệm của Hà Nội cũng như cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của các cấp chính quyền Thành phố.

*Thứ năm*, kế thừa, phát triển các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm tốt của Luật Thủ đô năm 2012; rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù đang thí điểm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà phù hợp với Thủ đô để đưa vào

dự thảo Luật. Theo sát quá trình chỉnh lý, hoàn thiện các Luật có liên quan đang được sửa đổi, bổ sung (Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản...); nếu các dự án Luật nêu trên được Quốc hội thông qua mà sẽ xử lý được những vấn đề đang đặt ra đối với Thủ đô thì không quy định lại tại dự án Luật Thủ đô; nếu chưa được xử lý hoặc nội dung đã được xử lý nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của Thủ đô mà cần quy định bổ sung thì sẽ đề xuất để quy định tại Luật Thủ đô.

Theo đó, việc xây dựng các quy định tại dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) được xây dựng trên nguyên tắc bảo đảm bình đẳng giới và nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới; tiếp tục duy trì kỹ thuật lập pháp trung tính về giới trong dự thảo Luật; tiếp tục khẳng định chính sách của Nhà nước là luôn hướng tới các đối tượng yếu thế, cần hỗ trợ.

#### **4. Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi)**

##### **4.1. Mục tiêu tổng quát**

Việc LGVĐBĐG trong Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất trong các quy định tại dự thảo Luật.

##### **4.2. Các mục tiêu cụ thể**

- Việc đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong các quy định tại dự thảo Luật phải được cụ thể hóa và gắn với đối tượng.

- Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo quy định tại Điều 20 Luật Bình đẳng giới năm 2006.

- Đóng góp vào việc thiết lập cơ chế bảo đảm bình đẳng giới thực chất trong gia đình theo quy định tại Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006, đảm bảo sự phù hợp của pháp luật Việt Nam với Điều 9 và Điều 16 Công ước CEDAW (Công ước xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ), cũng như các khuyến nghị chung của Ủy ban CEDAW liên quan đến việc bảo đảm các quyền của phụ nữ và nam giới trong xã hội và gia đình.

## **II. KẾT QUẢ LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)**

### **1. Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi)**

Khi xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi), với tính chất là Luật đặc thù, tạo cơ chế đột phá, có phạm vi điều chỉnh rộng, tác động đến thẩm quyền của nhiều cơ quan trung ương; đồng thời, có một số vấn đề mới, nội dung phức tạp, khó về kỹ thuật lập pháp; vì vậy, việc sửa đổi Luật Thủ đô vừa phải thể chế hóa chủ trương, chính sách, yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong các nghị quyết của

Trung ương, của Bộ Chính trị, vừa phải chọn lọc, kế thừa, phát triển, luật hoá những quy định phù hợp, hiệu quả tại các nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác; đồng thời, cũng cần xử lý tốt mối quan hệ giữa việc áp dụng Luật Thủ đô (sửa đổi) và các luật chuyên ngành. Luật Thủ đô (sửa đổi) phải cụ thể hóa được 09 nhóm chính sách đã được thông qua. Các quy định trong Luật Thủ đô (sửa đổi) cần được xây dựng theo hướng phân quyền mạnh mẽ, đổi mới mô hình quản trị, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thủ đô trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội; tạo cơ sở pháp lý để giúp Thủ đô tháo gỡ được các khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập hiện nay, trước hết là cơ chế, chính sách tài chính để đầu tư phát triển hạ tầng, xử lý ô nhiễm môi trường, di dời các cơ sở y tế, giáo dục ra khỏi nội đô, cải tạo chung cư cũ... Mặt khác, cũng cần bảo đảm xác định rõ phạm vi phân quyền, cơ chế đảm bảo thực hiện phân quyền, cơ chế kiểm soát quyền lực khi phân quyền. Đồng thời, Luật Thủ đô cần được đặt trong tổng thể hệ thống pháp luật, không phải là đạo luật thay thế toàn bộ hệ thống pháp luật hiện hành để áp dụng riêng cho Thủ đô, vì vậy, nguyên tắc LGVĐBĐG khi quy phạm hóa các chính sách đó là bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới, không phân biệt đối xử, áp dụng kỹ thuật lập pháp trung tính. Cụ thể:

***1.1. Chính sách 1: Tổ chức chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả***

*1.1.1. Mục tiêu của chính sách:* Xây dựng bộ máy chính quyền Thủ đô tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với vị trí, vai trò, đặc điểm của Thủ đô; xây dựng hệ thống hành chính và chế độ công vụ thống nhất, chuyên nghiệp, năng động, minh bạch, hiện đại; đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, cải cách thủ tục hành chính, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thủ đô; phát huy dân chủ và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân.

*1.1.2. Giải pháp thực hiện chính sách* gồm: (i) Xác định mô hình tổ chức chính quyền trong đó có giám tổ chức HĐND, tổ chức chính quyền Thành phố thuộc thành phố Hà Nội; (ii) Tăng cường tổ chức bộ máy của HĐND Thành phố (Tăng số lượng và tăng tỉ lệ đại biểu chuyên trách HĐND Thành phố; HĐND Thành phố có 03 Phó Chủ tịch HĐND Thành phố, mỗi Ban của HĐND Thành phố có 03 Phó Trưởng ban); (iii) Tăng thẩm quyền cho Thành phố trong quyết định về tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan của Thành phố, biên chế theo khung vị trí việc làm được phê duyệt; (iv) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm và tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống; (v) Thống nhất một chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp thuộc Thủ đô; (vi) tăng thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính...



*1.1.3. Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính sách:* Với các giải pháp nêu trên, tại dự thảo Luật đã quy định cụ thể về tổ chức chính quyền tại Thủ đô, thẩm quyền của HĐND, UBND thành phố Hà Nội, HĐND, UBND quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố Hà Nội, UBND phường; chế độ công vụ (Chương II: Tổ chức chính quyền tại Thủ đô - từ Điều 8 đến Điều 16). Các quy định này là trung tính, không phân biệt đối xử về giới. Đặc biệt, tại Điều 9, Điều 16 đã quy định về việc tăng cường tổ chức bộ máy của HĐND Thành phố; thực hiện thống nhất chế độ công vụ trên địa bàn Thủ đô, các quy định này một mặt khắc phục các bất cập hiện nay trong công tác tổ chức cán bộ, mặt khác tạo cơ chế nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tạo động lực làm việc, qua đó góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nói chung, bảo đảm bình đẳng trong công tác cán bộ nói riêng, cụ thể:

- HĐND thành phố Hà Nội được bầu 125 đại biểu, trong đó có ít nhất 25% số đại biểu hoạt động chuyên trách nhằm bảo đảm tính đại diện, đảm bảo quyền lợi của cử tri và Nhân dân Thủ đô; phân bổ cơ cấu tăng thêm cho đại diện của các nhà khoa học, trí thức, doanh nghiệp và các thành viên của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và tăng thêm số lượng các đại biểu HĐND Thành phố hoạt động chuyên trách. Với số lượng đại biểu HĐND Thủ đô là 125 đại biểu thì bình quân khoảng 80.000 người dân/đại biểu HĐND Thủ đô (*so với 95 đại biểu như nhiệm kỳ này thì bình quân là trên 105.000 người dân/đại biểu HĐND Thủ đô. Đồng thời so với bình quân cả nước khoảng 26.500 người dân/đại biểu HĐND cấp tỉnh*). Việc đề xuất tăng số lượng đại biểu HĐND Thủ đô được tính dựa trên số lượng đơn vị hành chính, quy mô dân số vừa đảm bảo các quy định của luật, vừa để đảm bảo tính đại diện, đảm bảo quyền lợi của cử tri và Nhân dân Thủ đô.

- Việc thực hiện thống nhất chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội sẽ góp phần chuẩn hoá, tăng tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức Thủ đô, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác giữa cán bộ, công chức ở cấp xã và cấp huyện nhằm đảm bảo sự linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn; chế độ chính sách về lương, ngạch được đồng bộ, nâng cao. Mặt khác, việc thống nhất chế độ công vụ, công chức cũng sẽ giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã không bị “phân biệt đối xử” như hiện nay<sup>1</sup> bảo đảm tính công bằng về quyền và trách nhiệm như đối với cán bộ, công chức cấp huyện; tạo ra tâm lý phấn khởi trong đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Việc cho phép người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc

---

<sup>1</sup>Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức.

thành phố Hà Nội được ký hợp đồng hành chính trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập sẽ tạo thuận lợi trong việc huy động, bố trí sử dụng nguồn lực, nhất là trong bối cảnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, số lượng biên chế hiện có chưa đủ để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị. Tạo môi trường cạnh tranh, năng động trong hoạt động công vụ, huy động nguồn lực giải quyết sớm được bất cập, tồn tại; giải quyết vấn đề việc làm nhanh hơn quy trình tuyển dụng (thông thường để thực hiện việc tuyển dụng mất từ 06 tháng trở lên). Khi hoạt động quản lý, điều hành trong nội bộ cơ quan đơn vị được thông suốt, tập trung hiệu quả sẽ tạo ra động lực cho cán bộ, công chức phát huy năng lực, sự cống hiến và sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, tiết kiệm được nhiều thời gian, nguồn lực trong việc thực hiện công tác cán bộ nói riêng và quản lý điều hành nói chung (Điều 16).

## ***1.2. Chính sách 2: Cơ chế thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển Thủ đô***

*1.2.1. Mục tiêu của chính sách:* Thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân lực chất lượng cao nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội Thủ đô, cụ thể hóa chủ trương tại Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị “*có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế*”.

*1.2.2. Giải pháp của chính sách* gồm: (i) Quy định cơ chế tuyển thẳng không qua thi tuyển đối với nhóm đối tượng cần thu hút; (ii) Có chính sách thu hút, đãi ngộ, trọng dụng theo cơ chế thỏa thuận đối với một số vị trí việc làm; (iii) Hà Nội quyết định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức...

*1.2.3. Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính sách:* Các giải pháp này góp phần tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới. Cụ thể:

- Quy định cơ chế đặc thù vượt trội để thu hút nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển của Thủ đô, bao gồm các cơ chế ưu đãi trong tuyển dụng phù hợp; có chính sách thu hút, đãi ngộ, trọng dụng cụ thể, hợp lý; tạo môi trường làm việc tốt để những người có kiến thức, trình độ và kinh nghiệm phát huy được năng lực, sự sáng tạo của mình (Điều 17). Việc tuyển dụng thẳng người có tài năng, năng lực, trình độ cao về GDĐT, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, KHCN, CNTT sẽ tăng cơ hội thu hút người có năng lực, có trình độ cao vào khu vực công mà không phải mất chi phí cho các quy trình thủ tục phức tạp để thi tuyển. Tăng khả năng và cơ hội để thu hút được những người có năng lực, trình độ và kinh nghiệm, đồng nghĩa với việc chính quyền Thành phố có thể sử dụng và phát huy một cách có hiệu quả nguồn nhân lực này, từ đó gia tăng được hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, tăng hiệu quả phát triển KTXH của Thủ đô. Điều này giúp hạn chế được tình trạng chảy máu chất

xám từ khu vực công sang tư, tránh lãng phí nguồn lực. Việc thu hút được những người có tài năng trong các lĩnh vực sẽ giúp phát huy được tiềm lực, năng lực để giải quyết được các vấn đề của KHCCN, CNTT trong xu thế quản trị mới hiện nay; giúp gia tăng hiệu quả, chất lượng của các hoạt động, sản phẩm khoa học, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn và then chốt của Thủ đô.

- Bảo đảm nguồn thu nhập ổn định cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô (Điều 18), theo đó dự thảo Luật quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo năng lực, hiệu quả công việc, ngoài việc chi thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chung trong cả nước. Việc cho phép chi thu nhập tăng thêm góp phần bảo đảm và nâng cao chất lượng đời sống của cán bộ công chức, viên chức, người lao động, từ đó, tạo cho cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, tái tạo sức lao động, nâng cao năng suất lao động, chất lượng công việc, tạo động lực và thúc đẩy các sáng kiến khoa học, chống tham nhũng... là điều kiện để người lao động hưởng lương hoà nhập vào thị trường lao động xã hội.

### ***1.3. Chính sách 3: Cơ chế huy động nguồn lực, nâng cao năng lực tài chính - ngân sách cho phát triển của Thủ đô***

*1.3.1. Mục tiêu của chính sách:* Tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng tính chủ động và sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô. Đồng thời, thu hút đầu tư xã hội để hỗ trợ cho nguồn vốn từ ngân sách nhà nước (NSNN); khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai nhằm thực hiện các mục tiêu đầu tư phát triển Thủ đô xanh, thông minh, hiện đại (trọng tâm là phát triển hạ tầng kinh tế xã hội, các công trình trọng điểm phát triển đô thị, các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường, nông nghiệp, nông thôn và KHCCN của Thủ đô).

*1.3.2. Giải pháp của chính sách:* gồm các giải pháp sau: (i) Được quyết định sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước để đầu tư phát triển; (ii) Được thưởng 100% khoản vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; (iii) Kế thừa và bổ sung 07 giải pháp đã quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14; (iv) Được giữ lại 100% các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố để tạo nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và các dự án, công trình, dự án trọng điểm, có tính chiến lược của Thủ đô, Vùng Thủ đô, các dự án PPP, dự án giao thông công cộng hỗ trợ di dời các cơ sở, đơn vị thuộc danh mục phải di dời; (v) Được bố trí ngân sách hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho các cơ sở sản xuất, cơ sở giáo dục, bệnh viện, trụ sở các cơ quan Trung ương trong nội thành; nhà đất sau khi di dời được giao cho Hà Nội.

#### *1.3.3. Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính*

*sách*: với các giải pháp nêu trên, dự thảo Luật đã dành Chương IV quy định cụ thể về huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô (Điều 35), Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô (Điều 36), cơ chế thu hút và thực hiện các hình thức đầu tư, thẩm quyền đầu tư, ưu đãi đầu tư trên địa bàn Thủ đô (từ Điều 37 đến Điều 45).

Các quy định này nhằm tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, kết hợp với nguồn lực của cả nước và nguồn lực quốc tế, xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển. Theo đó, cho phép Thành phố được:

- Về thu ngân sách (Điều 35): (i) Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu và thưởng cho Thủ đô tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; (ii) Quyết định áp dụng trên địa bàn phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí; (iii) Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại, từ nguồn trái phiếu Chính phủ phát hành không phụ thuộc vào hạn mức trần; (iv) Ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại tối đa các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố. Hằng năm, trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tỷ lệ điều tiết cụ thể phù hợp với mục tiêu sử dụng nguồn vốn.

- Về chi ngân sách (Điều 36): (i) Quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội; (ii) Quyết định sử dụng ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết, cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội; (iii) Quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án trọng điểm có tính chất vùng, liên tỉnh; (iv) Quy định các chế

độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mới hoặc cao hơn của Trung ương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

- Về thu hút đầu tư: (i) Phân quyền mạnh mẽ cho Thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với một số dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội (dự án trên 10.000 tỷ đến dưới 20.000 tỷ đồng) từ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ... (Điều 44); (ii) Áp dụng một số hình thức đầu tư khác với quy định hiện hành như tách dự án GPMB thành một dự án độc lập (Điều 37), thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Điều 38) hoặc chưa có quy định như TOD (Điều 39), BT bằng tiền, bằng đất (Điều 40), áp dụng mô hình thử nghiệm có kiểm soát (Điều 41), nhượng quyền kinh doanh, quản lý tài sản công (Điều 42)...

Thủ đô Hà Nội không đơn thuần chỉ là đơn vị hành chính cấp tỉnh như 62 tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Với vai trò là Thủ đô của cả nước, Hà Nội có nhiều trọng trách nặng nề mà những địa phương khác không có. Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải đáp ứng những yêu cầu riêng trong việc đảm bảo và phát huy vị trí, vai trò là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, KH-CN, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước, yêu cầu về đảm bảo trật tự, kỷ cương, đảm bảo tuyệt đối an toàn về chính trị, an ninh, quốc phòng, đảm bảo công tác đối ngoại của Trung ương và Thành phố. Các quy định này nhằm tạo cơ chế để Hà Nội xây dựng và phát triển xứng với vị thế là Thủ đô của cả nước, với tôn chỉ “cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước”. Các giải pháp này sẽ tạo nguồn lực cho ngân sách của Thành phố, theo đó, chi cho đầu tư phát triển sẽ được cải thiện đáng kể; giảm bớt mức thiếu hụt ngân sách hay chênh lệch giữa nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô; tạo điều kiện để Thủ đô đẩy mạnh hơn nữa thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng, mang lại các lợi ích kinh tế xã hội cho người dân, doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế trong trung và dài hạn.

Các quy định tại đây là trung tính; góp phần tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới. Tuy nhiên, những tác động tích cực về mặt kinh tế xã hội này sẽ mang lại lợi ích đồng đều cho cả các công dân nam và nữ tại Thủ đô. Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới. Đến năm 2025 khi Luật Thủ đô (sửa đổi) được áp dụng, thì có đến khoảng 4.650.000 phụ nữ và trẻ em gái của riêng Thủ đô Hà Nội và khoảng 10.260.740 phụ nữ và trẻ em gái của toàn Vùng Thủ đô được hưởng lợi từ các quy định của Luật Thủ đô<sup>2</sup>.

---

<sup>2</sup> Theo tính toán từ Báo cáo đánh giá tác động chính sách của đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) - Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2023.

#### ***1.4. Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông của Thủ đô***

*1.4.1. Mục tiêu của chính sách:* Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử theo hướng bảo tồn không gian lịch sử văn hóa, truyền thống. Phát triển nhà ở mới và xây dựng lại chung cư cũ để đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân. Tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Thủ đô một cách tổng thể, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả; phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị, đường vành đai, từng bước tạo ra chùm đô thị, các đô thị vệ tinh, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD). Khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững nguồn lực về tài nguyên, nhất là đất đai; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới xây dựng Thủ đô xanh, sạch, đẹp, phát triển bền vững; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng không khí; xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước các hệ thống sông, hồ...

*1.4.2. Giải pháp của chính sách:* Có 12 giải pháp thực hiện Chính sách 4, trong đó có: (i) Quy hoạch, quản lý không gian ngầm; (ii) Quyết định hình thức thực hiện nghĩa vụ phát triển nhà ở xã hội; (iii) Quy định chính sách phát triển xây dựng nhà ở, cải tạo và chỉnh trang nhà ở cũ, chung cư cũ, phố cổ, phố cũ; (iv) Cơ chế chia sẻ lợi ích trong thu hồi đất; (v) Cơ chế huy động các nhà đầu tư tư nhân đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp; (vi) Quy định riêng về bảng giá đất phù hợp điều kiện Thủ đô. Được sử dụng 100% các khoản thu từ đất cho phát triển hạ tầng; (vii) Được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp...

*1.4.3. Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính sách:* các giải pháp của Chính sách này được cụ thể hóa tại Chương III (Xây dựng, quản lý và phát triển Thủ đô - từ Điều 19 đến Điều 34) và một số điều tại Chương IV (Tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô). Các quy định để cụ thể hóa các Chính sách này là trung tính, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được ban hành. Cụ thể: Quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô (Điều 19), Biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch (Điều 20), Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị, nông thôn (Điều 21), Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị (Điều 22), Bảo vệ môi trường (Điều 29), Quản lý, sử dụng đất đai (Điều 30), Phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô (Điều 31), Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông (Điều 32)...

Các quy định trên nhằm tạo điều kiện để người dân Thủ đô có chỗ ở tốt hơn, tạo ra môi trường sống tốt cho cư dân đô thị, bảo đảm lợi ích của cộng

đồng hài hòa với lợi ích của Nhà nước, người dân và nhà đầu tư; khai thác và sử dụng hiệu quả đất đô thị nhằm tạo ra nguồn lực phát triển đô thị, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng trên cơ sở cân đối hài hòa với các khu vực xung quanh góp phần xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”. Khi các quy định này được thông qua sẽ góp phần giải quyết các bất cập hiện nay như: nhà ở cũ, nhà nhiều hộ, các chung cư cũ đã xuống cấp, không đảm bảo chất lượng sống, ảnh hưởng đến an toàn của người dân, không đảm bảo điều kiện sống tối thiểu của người dân; có đủ nguồn lực để xây dựng các đô thị vệ tinh; phát triển hệ thống giao thông công cộng vận tải khối lượng lớn để đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, giảm ùn tắc giao thông, qua đó góp phần giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường; vấn đề nhà ở xã hội cho người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn Thủ đô...

Các quy định này sẽ góp phần gìn giữ và phát huy các không gian văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống của Thủ đô, hình thành các trục không gian văn hoá của Thủ đô và tái thiết lại Thủ đô khang trang và bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn Thủ đô. Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử (đặc biệt là khu phố Pháp) gắn với bảo tồn và phát huy giá trị của từng ngôi nhà, công trình kiến trúc với đời sống của người dân làm cho các công trình có sức sống, gắn với các hoạt động phát triển kinh tế phù hợp với giá trị văn hoá, kiến trúc của khu vực nội đô lịch sử, như hình thành các khu cải tiến thúc đẩy thương mại và văn hóa, phố đi bộ, phố “nghề”, phố “hàng” sẽ gìn giữ và phát huy được các giá trị văn hóa đặc trưng của Thủ đô, tăng thu nhập cho người dân. Bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân sinh sống tại khu vực nội đô lịch sử, bao gồm nhà ở khang trang, vệ sinh môi trường đô thị được tốt hơn. Đặc biệt, phụ nữ và trẻ em gái ở các khu vực nội đô lịch sử được tiếp cận nhà vệ sinh sạch sẽ và môi trường sống được tốt hơn<sup>3</sup>. Việc phát triển các đô thị vệ tinh cũng sẽ giúp cho các doanh nghiệp có thể thu hút được lao động phổ thông ở khu vực lân cận, sẽ tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp cho những người dân ở ngoại thành, góp phần nâng cao đời sống. Hệ thống y tế được phát triển ở các đô thị mới, đô thị vệ tinh thông qua việc đầu tư mới hoặc nhờ việc di chuyển một số bệnh viện tuyến cuối của Thủ đô Hà Nội ra ngoại thành hoặc các địa phương khác (Điều 20) sẽ giúp cho người dân ở đô thị hoặc khu vực lân cận sẽ có cơ hội được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng tốt hơn.

### ***1.5. Cơ chế, chính sách xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông***

<sup>3</sup>Theo báo cáo của Ban Quản lý phố cổ Hà Nội, toàn bộ khu phố cổ Hà Nội hiện gồm hơn 4.000 biển số nhà. Mỗi số nhà có diện tích trung bình 92m<sup>2</sup>, có tới 3-4 gia đình sinh sống, diện tích ở chỉ đạt 0,5-1,8m<sup>2</sup>/người. Trong đó, 63% nhà đã xuống cấp, 12% nhà thuộc diện nguy hiểm, 5% nhà ô nhiễm. Nhiều nhà không có nhà vệ sinh. Xem thêm tại VOV, Nhà phố cổ Hà Nội 5 triệu đồng/m<sup>2</sup> bán không ai mua, 2017, <https://vov.vn/kinh-te/dia-oc/nha-pho-co-ha-noi-5-trieu-dongm2-ban-khong-ai-mua-609403.vov>

### ***thôn hiện đại, nông dân văn minh***

*1.5.1. Mục tiêu của chính sách:* Phát huy tiềm năng, lợi thế vốn có của Thủ đô về nhân lực, KHCN, vốn để đầu tư, phát triển nông nghiệp Thủ đô nhằm: (i) Xây dựng và phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ cao, tập trung sản xuất cây, con giống năng suất, chất lượng, giá trị cao cho cả nước; (ii) Xây dựng nông thôn mới, xanh, hiện đại, gắn với phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề giàu bản sắc văn hóa đặc trưng của Thủ đô; (iii) Xây dựng người nông dân văn minh, có kỹ năng, trình độ, là chủ thể xây dựng, thụ hưởng thành quả phát triển nông nghiệp, nông thôn.

*1.5.2. Giải pháp của chính sách* gồm: (i) Ban hành cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính, khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn; (ii) Cơ chế, chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn; (iii) Khắc phục ô nhiễm môi trường nông thôn, làng nghề; (iv) Chính sách hỗ trợ nông dân, người lao động tại các tổ chức kinh tế nông nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội...

*1.5.3. Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính sách:* trên cơ sở chính sách đã được thông qua, tại Điều 33 dự thảo Luật đã cụ thể hóa các giải pháp theo hướng giao HĐND quy định cụ thể các chính sách ưu đãi về giống, chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống; công nghệ bảo quản, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm; hoạt động bảo vệ môi trường trong sản xuất và sơ chế nông sản; phát triển các chuỗi liên kết giá trị, thị trường tiêu thụ sản phẩm; phát triển kinh tế tập thể, làng nghề; kinh phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất, thuê mặt nước... Các quy định này là trung tính, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được ban hành, tuy nhiên, các quy định này cũng góp phần thực hiện bảo đảm bình đẳng giới thông qua việc khi có chính sách phát triển hoạt động du lịch, tham quan trải nghiệm tại các làng nghề, nông nghiệp sinh thái sẽ góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, khuyến khích lao động ở lại nông thôn làm giàu theo phương châm “ly nông bất ly hương”, qua đó, góp phần phân bố lại dân cư theo hướng hình thành các vùng nông thôn gắn với công nghiệp - nông nghiệp hàng hoá lớn, thương mại - dịch vụ - du lịch đồng thời, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể mang đậm bản sắc của nông thôn Thủ đô.

Các quy định này góp phần giải quyết tình trạng trình độ lao động nông nghiệp còn thấp và ngày càng bị già hóa; việc đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt là nghề phi nông nghiệp ở những nơi bị thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng thất nghiệp trong lao động nông thôn;



việc nâng cao chất lượng môi trường sống, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, đặc biệt là tại các làng nghề<sup>4</sup>. Các quy định này sau khi được ban hành sẽ góp phần tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới; giải quyết vấn đề chênh lệch đời sống giữa thành thị và nông thôn, nhất là các xã thuần nông, xã dân tộc, miền núi, đặc biệt là khoảng cách về thu nhập, mức sống đối với các nhóm lao động yếu thế ở nông thôn (phụ nữ nghèo, dân tộc, người khuyết tật...). Tạo cơ hội, điều kiện tiếp cận các nguồn lực và nâng cao năng lực bình đẳng cho lao động nông thôn cả nam và nữ (tiếp cận vốn vay ưu đãi để sản xuất, hỗ trợ công nghệ, giải pháp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất theo chuỗi tuần hoàn...), nhờ đó tham gia bình đẳng với tư cách là người chủ của cả chuỗi sản xuất - tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, du lịch nông thôn.

### ***1.6. Chính sách 6: Cơ chế, chính sách phát triển văn hóa và giáo dục - đào tạo Thủ đô***

*1.6.1. Mục tiêu của chính sách:* Xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới cho Thủ đô; đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, trình độ đào tạo; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo, mở rộng quy mô hợp tác quốc tế để xây dựng Thủ đô Hà Nội thành trung tâm giáo dục chất lượng cao ngang tầm khu vực và quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực phát triển công nghiệp văn hóa, giáo dục và đào tạo của Thủ đô.

*1.6.2. Giải pháp của chính sách* gồm: (i) Quy định ưu đãi đầu tư cao hơn mức ưu đãi đầu tư trong các luật hiện hành khi đầu tư vào ngành công nghiệp văn hóa, giáo dục và đào tạo của Thủ đô; (ii) Quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể; (iii) Điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; (iv) Được hợp tác, liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài; (v) Lập một số quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phục vụ việc phát triển văn hóa Thủ đô.

---

<sup>4</sup> Năm 2013, trong số 47 làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng trên toàn quốc có 32 làng nghề ở miền Bắc, riêng Thủ đô Hà Nội có tới 08 làng nghề (cao nhất cả nước) thuộc diện phải giải quyết triệt để ô nhiễm môi trường theo Quyết định 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Sản xuất nông nghiệp nhỏ, manh mún, chậm ứng dụng CNC đã tạo áp lực không nhỏ lên môi trường do sử dụng hoá chất trong trồng trọt (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ước tính mỗi năm có tới 50-70% lượng phân bón vô cơ không được cây trồng hấp thu thải ra môi trường), do lượng lớn các phụ phẩm sau thu hoạch từ các loại cây trồng lúa, ngô, mía...(năm 2019 phát sinh 94,715 nghìn tấn trên cả nước, phần lớn không được tái chế sử dụng, bị bỏ và đốt ngoài đồng, gây ô nhiễm nặng), do thức ăn dư thừa, CTR, nước thải có chứa các chất độc hại trong chăn nuôi, do việc chưa có quy hoạch chi tiết cho các vùng nuôi trồng thủy sản dẫn đến rất khó khăn trong việc xử lý nước thải, chất thải dịch bệnh từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản...

1.6.3. *Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính sách:* trên cơ sở chính sách đã được thông qua, Điều 23 dự thảo Luật đã quy định cụ thể về bảo tồn và phát triển văn hóa, Điều 24 quy định về phát triển giáo dục, theo đó, quy định theo hướng ưu đãi vượt trội so với quy định hiện hành, cụ thể:

- Về bảo tồn, phát triển văn hóa: dự thảo Luật giao HĐND Thành phố quy định phạm vi hỗ trợ, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên; văn nghệ sỹ, nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể; việc truyền dạy, thực hành, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; việc xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể (Điều 23); khuyến khích ưu đãi đầu tư vào các ngành công nghiệp văn hóa (Điều 46).

Việc quy định chế độ hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nêu trên là giải pháp khá căn cơ để bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; giúp các đối tượng này ổn định, cải thiện chất lượng, cuộc sống, bớt phải bận tâm đến lo toan đời sống thường nhật, tập trung nâng cao trách nhiệm trong việc luyện tập, nâng cao thành tích, bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị di sản văn hóa phi vật thể; qua đó tác động rất tích cực đến phát triển thể thao thành tích cao, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống từ cộng đồng. Khuyến khích họ tiếp tục cống hiến, tạo động lực cho đội ngũ vận động viên, huấn luyện viên, nghệ nhân kế cận chuyên tâm để phát triển thể thao thành tích cao, giữ nghề và truyền nghề, tạo sự ổn định cho các làng, địa phương có nghề, thúc đẩy tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động tại chỗ.

Các quy định này là trung tính, không có sự phân biệt về giới, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được ban hành, đồng thời, góp phần tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

- Về giáo dục - đào tạo: dự thảo Luật quy định các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thủ đô được thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài; hỗ trợ học phí cho học sinh phổ thông và trẻ em mầm non trên địa bàn Thủ đô không phân biệt trường công lập, dân lập và trường tư thục;... (Điều 26); việc cấp học bổng dành cho công dân Thủ đô được tuyển chọn, cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở giáo dục và đào tạo có uy tín trên thế giới, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển của Thủ đô (điểm c khoản 4 Điều 17); các dự án án đầu tư thành lập mới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục

phổ thông chất lượng cao, cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội trên địa bàn Thủ đô; cơ sở đào tạo người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn thì được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Luật này (Điều 45).

Việc hỗ trợ cùng một mức học phí cho học sinh các cấp học trên địa bàn Thành phố sẽ góp phần tạo sự công bằng giữa trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục công lập và tư thục (vì đối với hệ thống trường công lập trẻ em theo học đang được miễn học phí); tạo cơ hội cho học sinh giỏi, trong đó có các học sinh gặp khó khăn về tài chính có điều kiện tiếp cận các cơ hội học tập tại nước ngoài (điểm c, khoản 4 Điều 17); việc cho phép thực hiện hợp tác, liên kết giáo dục trong và ngoài nước sẽ góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô. Với quy định ưu đãi để thu hút nhà đầu tư xây dựng các trường học, trẻ em (đặc biệt là những khu đông dân cư, một số khu đô thị mới) sẽ có cơ hội đến trường ở ngay tại địa bàn sinh sống của mình mà không phải học trái tuyến, gia đình cũng sẽ không phải mất thêm nhiều chi phí, thời gian đưa đón con em mình tới trường; quy định này sẽ tác động tích cực đến chủ trương xã hội hóa giáo dục, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư mở rộng hệ thống các trường tư thục, từng bước giảm tải cho hệ thống trường công; mặt khác, việc cho phép các trường công lập được liên kết giáo dục với nước ngoài góp phần đưa nền giáo dục Việt Nam tiệm cận với nền giáo dục tiên tiến, hiện đại của thế giới.

Các quy định này là trung tính, không có sự phân biệt về giới, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được ban hành, đồng thời, góp phần tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

### ***1.7. Chính sách 7: Huy động, sử dụng, phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số***

*1.7.1. Mục tiêu của chính sách:* Xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo của Thủ đô hướng tới mục tiêu xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ hàng đầu của cả nước, tiến tới là trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á.

*1.7.2. Giải pháp của chính sách* gồm: (i) Quy định biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đặc thù trong thu hút, sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học giỏi; (ii) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô; (iii) Được áp dụng chính sách chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ KHCN do Thành phố thực hiện; (iv) Khuyến khích áp dụng các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở Thủ đô.

*1.7.3. Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính*

*sách*: trên cơ sở chính sách đã được thông qua, Điều 25 dự thảo Luật đã quy định về các ưu đãi trong hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ: (i) áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm; (ii) thu nhập của chuyên gia, nhà khoa học từ việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm Thủ đô, Vùng Thủ đô được xác định là thu nhập không phải chịu thuế thu nhập cá nhân; được hỗ trợ một phần chi phí thuê nhà, phương tiện đi lại trong thời gian chủ trì nhiệm vụ; (iii) các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách thành phố Hà Nội kinh phí mua sắm, chi phí vận hành máy, thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm; hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), phòng thí nghiệm thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô; (iv) được hưởng chính sách ưu đãi tương tự như doanh nghiệp công nghệ cao trong các năm tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm; (iv) hỗ trợ việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, ứng dụng giải pháp công nghệ mới trong phạm vi khu công nghệ cao.

Với các quy định này sẽ giúp tăng các cơ hội tiếp cận và thu hưởng quyền của chuyên gia, nhà khoa học khi được tham gia các hoạt động KHCN trọng điểm, tiếp cận với các thị trường KHCN, có thu nhập ổn định ở mức cao, yên tâm cống hiến, có thể tạo ra nhiều sản phẩm KHCN có chất lượng và hiệu quả. Các nhà khoa học được trao quyền tự chủ, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ KHCN được giao chủ trì, hoặc những nội dung tham gia chính, do đó, bản thân các chuyên gia, các nhà khoa học phải thay đổi tư duy và nâng cao năng lực, đổi mới phương pháp tổ chức, quản lý nhiệm vụ KHCN. Qua đó, có tác động tích cực (về cơ hội, điều kiện, năng lực và thụ hưởng lợi ích) đối với các chuyên gia, nhà khoa học nam, nữ được thu hút tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học trọng điểm nhằm giải quyết các vấn đề KTXH cấp bách của Thủ đô và người dân được thụ hưởng một cách bình đẳng lợi ích từ các kết quả nghiên cứu đó (việc làm, thu nhập, đào tạo...); góp phần bảo đảm, thúc đẩy bình đẳng giới thông qua hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa trong đó nhiều chủ doanh nghiệp là nữ, người thuộc nhóm yếu thế, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo.

Tuy nhiên, trên thực tế khả năng tiếp cận và sử dụng các cơ hội, nguồn lực hỗ trợ đổi mới, ươm tạo, chuyển giao công nghệ, tham gia các nhiệm vụ KHCN của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ và rất nhỏ) thường bị hạn chế hơn, tiềm ẩn nguy cơ tụt hậu của các doanh nghiệp và người lao động của doanh nghiệp này trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số doanh nghiệp.

***1.8. Chính sách 8: Cơ chế, chính sách phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững***

*1.8.1. Mục tiêu của chính sách:* Nâng cao năng lực, xây dựng hệ thống y tế Thủ đô ngày càng phát triển, hiện đại, hướng tới mục tiêu chăm sóc toàn diện, nâng cao sức khỏe Nhân dân. Bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, bền vững, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn, giảm nghèo bền vững tiến tới phát triển bền vững.

*1.8.2. Giải pháp của chính sách gồm:* (i) Quy định ưu đãi để tăng cường xã hội hóa y tế và phát triển hệ thống an sinh xã hội; (ii) Quy định các chính sách đặc thù, vượt trội để phát triển hệ thống y tế cơ sở và dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân, phát triển nhân lực y tế dự phòng; (iii) Quyết định mức chi, nội dung chi và đối tượng hưởng an sinh xã hội.

*1.8.3. Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính sách:* trên cơ sở chính sách đã được thông qua, Điều 27 dự thảo Luật đã quy định cụ thể về phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, Điều 28 quy định về chính sách xã hội, an sinh xã hội của Thủ đô, theo đó, quy định theo hướng ưu đãi vượt trội so với quy định hiện hành, cụ thể:

- Về phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, quy định về: (i) Cơ chế phát triển y học gia đình: giao HĐND thành phố Hà Nội quy định lộ trình, cơ chế tài chính, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để thực hiện cơ chế khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình; (ii) Phân quyền cho UBND thành phố Hà Nội quy định: tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thủ đô; lộ trình phát triển và quy định về tổ chức, hoạt động của hệ thống cấp cứu ngoại viện công lập và ngoài công lập trên địa bàn Thành phố; phân cấp, phân tuyến chuyên môn kỹ thuật các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; (iii) Tương ứng với các cơ chế phát triển hoạt động khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện, dự thảo Luật quy định HĐND thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế để phát triển các hoạt động này trên cơ sở quỹ bảo hiểm y tế được phân bổ... (Điều 27); Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, cơ sở y tế tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại; áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp; trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo (Điều 45).

Các quy định này là trung tính, không có sự phân biệt về giới, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được ban hành, đồng thời, góp phần tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích

của mỗi giới.

- Về Chính sách xã hội, an sinh xã hội của Thủ đô: Dự thảo Luật quy định về việc tổ chức khám sức khỏe miễn phí hàng năm cho người cao tuổi; phân quyền cho HĐND thành phố Hà Nội quyết định bố trí nguồn ngân sách để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm; quy định đối tượng, nội dung chi, mức chi cụ thể cho an sinh xã hội khác trong khả năng cân đối ngân sách của Thành phố ngoài quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đối tượng chính sách của thành phố Hà Nội, hỗ trợ công nhân, người lao động trong khu công nghiệp vay mua nhà ở xã hội (Điều 28); tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn Thủ đô được miễn tiền sử dụng đất khi thành lập, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện; được vay vốn với lãi suất ưu đãi trong 05 năm đầu thành lập theo quy định của HĐND thành phố Hà Nội; tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai và tiền khen thưởng động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán (khoản 4 Điều 45).

Các quy định này sẽ góp phần nâng cao chất lượng đời sống của người dân, đặc biệt là những người dân thuộc đối tượng yếu thế, cần có chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Trên cơ sở quy định được Luật giao, HĐND thành phố sẽ quy định cụ thể về đối tượng được hưởng, nội dung chi và mức chi<sup>5</sup>, cụ thể:

+ Tiếp tục hỗ trợ các đối tượng hiện đang được hưởng theo các quy định của Thành phố gồm: (i) Đối tượng đang được hưởng trợ cấp, hỗ trợ tại cộng đồng như người mắc bệnh hiểm nghèo<sup>6</sup> và người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo<sup>7</sup>; (ii) Đối tượng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội như: Người lang thang<sup>8</sup>, người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận

<sup>5</sup> Theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) - Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2023

<sup>6</sup> Bao gồm người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố).

<sup>7</sup> Nghị quyết số 03/2017/NQ- HĐND ngày 03/7/2017.

<sup>8</sup> Người lang thang xin tiền; người cao tuổi, trẻ em bị đi lạc gia đình; người lang thang sinh sống nơi công cộng trong dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm dưới 10° c; người mắc bệnh tâm thần lang thang và người lang thang ốm yếu suy kiệt chưa xác định được địa chỉ (Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND Thành phố về việc thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội).

nghèo<sup>9</sup>; Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo<sup>10</sup>.

+ Bổ sung các đối tượng mới ngoài các đối tượng theo quy định của Nghị định 20/2021/NĐ-CP gồm: (i) Đối tượng được trợ cấp tại cộng đồng: nhóm trẻ em; người từ đủ 16 đến dưới 22 tuổi đang học văn hoá, học nghề, học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, học cao đẳng, học đại học văn bằng thứ nhất; các đối tượng này thuộc một trong các trường hợp sau: (ii) Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng; (iii) Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng và người còn lại thuộc các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; (iv) Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

+ Đề xuất tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: (i) Trẻ em thuộc một trong các trường hợp sau đây mà quá khó khăn, có nguyện vọng được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội: Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng; Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng và người còn lại thuộc các trường hợp bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng. (ii) Trẻ em là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo thuộc một trong các trường hợp sau: Có cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích; hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội (hoặc đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc. (iii) Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người nhiễm HIV/AIDS từ đủ 16 tuổi trở lên đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. (iv) Trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp: trẻ em có nguy cơ bị bạo lực gia đình; bị xâm hại tình dục, thân thể.

Với quy định này, khi HĐND Thành phố quy định cụ thể đối tượng, nội dung chi, mức chi cụ thể cho an sinh xã hội khác trong khả năng cân đối ngân sách

<sup>9</sup> Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

<sup>10</sup> Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

của Thành phố ngoài quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan thì người dân là đối tượng được thụ hưởng chính sách an sinh xã hội mới sẽ có thêm nguồn thu nhập để cải thiện mức sống hiện tại. Mức thu nhập tăng thêm sẽ tùy theo đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ cụ thể; qua đó giúp người nghèo, đối tượng chính sách sẽ có điều kiện sống tốt hơn, được chăm sóc y tế tốt hơn và đặc biệt là trẻ em sẽ được nuôi dưỡng, có môi trường học tập, qua đó, tạo cơ hội tốt hơn để các em có công việc, tạo thu thập cho bản thân sau này.

Việc thực hiện các biện pháp ưu đãi về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp, vay vốn với lãi suất ưu đãi... góp phần thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào phát triển hệ thống y tế, an sinh xã hội sẽ giúp người dân có thêm cơ hội tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh chất lượng cao mà không phải ra nước ngoài khám, chữa bệnh, qua đó, tiết kiệm được chi phí khám chữa bệnh ở nước ngoài. Từ đó, người dân thêm tin tưởng vào chất lượng dịch vụ, chất lượng khám, chữa bệnh trong nước. Thêm vào đó, khi duy trì được đội ngũ cán bộ y tế ở các trạm y tế của Thủ đô thực hành nguyên lý y học gia đình, người dân được khám bệnh, chữa bệnh, được tư vấn điều trị và chăm sóc sức khỏe hiệu quả ngay tại địa phương mà không phải lo vượt tuyến; giúp giảm chi phí của người dân trong việc chăm sóc sức khỏe, thực hiện các dịch vụ y tế.

***1.9. Chính sách 9: Cơ chế, chính sách liên kết, phát triển Vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực trọng điểm***

***1.9.1. Mục tiêu của chính sách:*** Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đối với Hà Nội phải “*phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển*” và “*phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần “Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước”*”. Nghị quyết số 06-NQ/TW đã xác định: xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị... Xây dựng các chính sách để tăng cường liên kết, phối hợp giữa Thủ đô, các tỉnh trong vùng Thủ đô trên các lĩnh vực trọng điểm, có tính chất liên kết vùng để huy động, sử dụng, phân bổ hợp lý, hiệu quả mọi nguồn lực, hướng tới xây dựng, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước.

***1.9.2 Giải pháp của chính sách gồm:*** (i) Mở rộng chức năng và tăng thẩm quyền của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của vùng Thủ đô; (ii) Giao thẩm quyền



cho Thành phố trong việc quản lý quy hoạch Vùng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (iii) Thành phố được huy động các nguồn lực, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

*1.9.3. Đánh giá tác động giới của chính sách và việc quy phạm hóa chính sách:* trên cơ sở chính sách được thông qua, Chương VI dự thảo Luật đã quy định cụ thể về Vùng Thủ đô (Điều 46), Trách nhiệm của chính quyền địa phương trong Vùng Thủ đô (Điều 47), Nguyên tắc phối hợp liên kết Vùng Thủ đô (Điều 48), Lĩnh vực phối hợp của Vùng (Điều 49), Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô (Điều 50), Ưu tiên đầu tư phát triển Vùng Thủ đô (Điều 51), Công trình, dự án trọng điểm Vùng Thủ đô (Điều 52).

Các quy định này là trung tính, không có sự phân biệt về giới, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được ban hành.

## ***2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề giới khi triển khai thi hành các quy định của Luật Thủ đô (sửa đổi)***

(i) Các quy định tại dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) được xây dựng trên nguyên tắc bảo đảm bình đẳng giới và nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới; thực hiện kỹ thuật lập pháp trung tính về giới trong dự thảo Luật; tiếp tục khẳng định chính sách của Nhà nước là luôn hướng tới các đối tượng yếu thế, cần hỗ trợ. Vì vậy, các quy định tại dự thảo Luật trung tính, không có sự phân biệt về giới, không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được ban hành.

(ii) Một số chính sách tại dự thảo Luật quy định việc ưu đãi, vượt trội so với quy định hiện hành, qua đó góp phần tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới như quy định ưu đãi trong các lĩnh vực như văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội. Tuy nhiên, các quy định này tại dự thảo Luật mới chỉ dừng ở việc quy định nguyên tắc chung và giao HĐND, UBND Thành phố quy định (hỗ trợ vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao, nghệ nhân; hỗ trợ học phí, học bổng dành cho học sinh để đi đào tạo tại các nước có nền giáo dục tiên tiến; quy định đối tượng, nội dung chi, mức chi cụ thể cho an sinh xã hội khác trong khả năng cân đối ngân sách của Thành phố ngoài quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi trên địa bàn, hỗ trợ ưu đãi để mua nhà ở xã hội...) Như vậy, các ưu đãi này mới chỉ dừng ở mức ghi nhận tại Luật này, việc thụ hưởng trực tiếp các quy định này phụ thuộc vào việc HĐND, UBND ban hành các VBQPPL theo thẩm quyền để tổ chức thực hiện các nội dung được Luật giao, phân quyền. Vì vậy, để các quy định đi vào cuộc sống, chính quyền Thủ đô cần kịp thời ban hành các VBQPPL được giao, bảo

đảm các quy định cụ thể, tính khả thi các nội dung được Luật giao.

(iii) Luật Thủ đô (sửa đổi) là đạo luật có nhiều cơ chế đặc thù, đột phá, có phạm vi điều chỉnh rộng, tác động đến thẩm quyền của nhiều cơ quan trung ương; đồng thời, có một số vấn đề mới, nội dung phức tạp, khó về kỹ thuật lập pháp; trong đó, các chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng đang được ủy quyền lập pháp cho HĐND, UBND. Vì vậy, cần quy định cụ thể về nguyên tắc áp dụng pháp luật; khắc phục tình trạng bất cập của Luật Thủ đô 2012 khi không có quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật nên đã vô hình chung làm mất tính hiệu lực pháp lý của các quy định do HĐND, UBND Thành phố ban hành khi có quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô và các quy định của luật, nghị định, thông tư được ban hành sau có quy định khác.

(iv) Xác định trách nhiệm và nguồn lực để giải quyết các vấn đề giới trong phạm vi dự án Luật Thủ đô (sửa đổi). Cụ thể:

- Xác định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là các bộ, ngành và chính quyền Thủ đô trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua; công tác thanh tra, kiểm tra để đảm bảo các quy định của Luật được thi hành nghiêm.

- Quy định cụ thể trách nhiệm của của tất cả các đối tượng có liên quan: cá nhân, tập thể người Việt Nam, người có trách nhiệm trong việc tổ chức triển khai các quy định của Luật.

Trong quá trình tổ chức thi hành, cần tính đến yếu tố đặc thù của từng giới để bảo đảm các quy định khi thi hành không tiềm ẩn nguy cơ gây bất bình đẳng giới do đặc thù về giới tính dẫn đến khả năng tiếp cận và sử dụng các cơ hội, nguồn lực của mỗi giới là khác nhau; đặc biệt khi các đối tượng được thụ hưởng các chính sách theo quy định của Luật này là rất rộng, có nhiều đối tượng yếu thế như người già, trẻ em...

- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện Luật: bao gồm con người và kinh phí để triển khai thực hiện, cụ thể nguồn ngân sách nhà nước, sự đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

### **III. KẾT LUẬN**

1. Việc lồng ghép vấn đề BDG giới trong Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được thực hiện nghiêm túc theo đúng yêu cầu về nội dung và trình tự, thủ tục do Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành VBQPPL quy định. Cụ thể:

- Trong thành phần Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) bảo đảm tỉ lệ nhất định nam, nữ thành viên (trong đó Ban soạn thảo có 04/26 thành viên là nữ; Tổ biên tập có 17/45 thành viên là nữ) và sự tham gia

của đại diện của các cơ quan có liên quan.

- Đăng tải Dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (<http://www.chinhphu.vn>) và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (<http://www.moj.gov.vn>) trong thời gian 60 ngày theo quy định.

Nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý và ý kiến thẩm định về các vấn đề liên quan đến BDG để hoàn thiện hồ sơ Dự thảo.

2. Trong số 09 chính sách của Dự thảo Luật đều đã được đánh giá tác động giới trong quá trình lập đề nghị và ở giai đoạn soạn thảo đều được Ban soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc để quy phạm hóa thành các điều khoản để đảm bảo bình đẳng giới.

Báo cáo LGVĐBDG phản ánh kết quả LGVĐBDG, mức độ đạt được của từng mục tiêu chính sách, trong đó có mục tiêu bảo đảm bình đẳng giới, thể hiện cụ thể qua việc quy phạm hoá các giải pháp đã được lựa chọn trên cơ sở đánh giá tác động giới thành các chương, điều, khoản liên quan. Đồng thời Báo cáo cũng nêu một số đề xuất tiếp tục nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện các quy liên quan đến cơ chế chính sách đặc thù cho Thủ đô nhằm giải quyết thấu đáo hơn các khía cạnh giới liên quan đến giải pháp chính sách, cả từ góc độ thể chế và góc độ tổ chức, giám sát thi hành thể chế./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND TP. Hà Nội (để phối hợp);
- Lưu: VT, Vụ VĐCXDPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**(đã ký)**

**Trần Tiến Dũng**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp kết quả nghiên cứu pháp luật về thủ đô của nước ngoài<sup>1</sup>**

Kính gửi: Chính phủ

Để phục vụ việc nghiên cứu, xây dựng Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô, Bộ Tư pháp đã khẩn trương tiến hành thu thập và dịch văn bản pháp luật về thủ đô của một số nước trên thế giới để phục vụ cho việc xây dựng dự án Luật Thủ đô. Do thời gian rất khẩn trương, trong khi đó số lượng các văn bản pháp luật về thủ đô của các nước trên thế giới lại khá lớn và bằng nhiều loại ngôn ngữ khác nhau nên đến nay, Bộ mới chỉ mới dịch được 15 tài liệu bằng tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung. Cụ thể là các văn bản sau đây:

- 1) Luật Thủ đô Cộng hoà Kazkhastan
- 2) Luật Thủ đô Liên bang Malaysia
- 3) Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ
- 4) Luật về chính quyền khu vực New Delhi (1991) (Ấn Độ)
- 5) Quy chế thành phố Matxcova (Nga)
- 6) Quy chế thành phố Minsk (Belarus)
- 7) Tổng hợp văn bản về Thủ đô Bắc Kinh (Trung Quốc)
- 8) Quy chế về đường đô thị của thành phố Bắc Kinh
- 9) Quy chế về cây xanh đô thị của thành phố Bắc Kinh
- 10) Quy chế về quy hoạch của thành phố Bắc Kinh
- 11) Giới thiệu về Vùng Thủ đô Brussel (Bỉ) (Quy chế về Vùng Thủ đô Brussel)
- 12) Quy chế đạo đức của công chức, viên chức thành phố Ottawa (Canada)
- 13) Quy chế pháp lý Thủ đô Paris (Pháp)
- 14) Luật Thủ đô Liên bang Ôxtrâyliia
- 15) Thủ đô Seoul (có 3 Luật điều chỉnh).

Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đã nghiên cứu thêm các tài liệu bằng tiếng Anh có liên quan đến pháp luật về thủ đô của một số nước khác như của

---

<sup>1</sup> Tài liệu tham khảo kinh nghiệm nước ngoài của một số nước trên thế giới đã được cập nhật, bổ sung.

Philippine, Thổ Nhĩ Kỳ, Pháp v.v... để cung cấp thêm tư liệu tham khảo trong quá trình chuẩn bị Báo cáo này.

Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, tổng hợp nội dung của các văn bản pháp luật và tài liệu kể trên và rút ra một số kinh nghiệm có thể áp dụng cho việc Đề nghị xây Luật Thủ đô (sửa đổi) như sau:

### **Phần thứ nhất:**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

### **I. Khái quát**

#### ***1. Về hình thức văn bản và cơ quan ban hành***

Trong số các nước thuộc phạm vi nghiên cứu thì có 5 nước Quốc hội trực tiếp ban hành luật Thủ đô (Malaysia, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Kazkistan, Hàn Quốc), 5 nước ban hành quy chế (Liên bang Nga, Belarus, Trung Quốc, Pháp, Bỉ) theo ủy quyền của Quốc hội hoặc Chính phủ và một nước ban hành Bộ ứng xử của công chức Thành phố (Canada). Riêng Quy chế quản lý đường đô thị (Trung Quốc) được ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ.

Đối với Cộng hoà Pháp, ngoài Quy chế, còn có một số đạo luật quy định về những lĩnh vực cụ thể như Luật ngày 29/12/1986 quy định về chế độ hành chính và tài chính của Thành phố Paris, Luật ngày 7/02/2002 quy định dân chủ ở cơ sở, đã có những sửa đổi quan trọng cho việc vận hành các thiết chế của Paris, như phân chia thị xã có trên 80.000 dân thành các khu phố và thành lập hội đồng các phân khu trong các khu phố đó. Tuy nhiên, các luật này chỉ chủ yếu quy định về những vấn đề hành chính, lãnh thổ, còn những vấn đề khác Paris phải tuân thủ các quy định chung như các địa phương khác để bảo đảm sự bình đẳng giữa các đơn vị hành chính lãnh thổ.

Quy chế thủ đô Maxcova được ban hành theo Luật Liên bang Nga về chế độ Thủ đô Liên bang Nga của Đuma. Quy chế đã được sửa đổi, bổ sung 10 lần. Bản Quy chế hiện hành được sửa đổi, bổ sung ngày 22/10/2008.

#### ***2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng***

##### ***2.1. Phạm vi điều chỉnh***

Liên quan đến luật: Chỉ có 01 luật thiết kế điều riêng về phạm vi điều chỉnh (Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ); có 02 luật không thiết kế điều riêng về phạm vi điều chỉnh (Malaysia, Ấn Độ), có 01 luật đưa phạm vi điều chỉnh vào ngay Lời nói đầu (Kazkistan).

Thủ đô Seoul có 3 Luật của Quốc hội điều chỉnh các vấn đề riêng biệt của Seoul, có tính áp dụng ưu tiên so với mà các quy định pháp luật khác, bao gồm: (i) Luật về các vấn đề đặc biệt liên quan đến quản lý hành chính đô thị đặc biệt

Seoul; (ii) Luật điều chỉnh quy hoạch khu vực đô thị đặc biệt Seoul; (iii) Sắc luật đặc biệt về nâng cao chất lượng không khí của khu vực đô thị đặc biệt Seoul.

Liên quan đến Quy chế Thủ đô Bắc Kinh: Không có điều riêng quy định về phạm vi điều chỉnh vì bản thân các quy chế đã xác định phạm vi điều chỉnh cụ thể ngay trong tên gọi. 01 Quy chế (Bi), với phạm vi điều chỉnh được quy định một cách gián tiếp qua việc quy định chức năng của chính quyền Liên bang và chính quyền Khu vực Thủ đô.

## 2.2. Đối tượng áp dụng

Cả 05 đạo luật đều có đối tượng áp dụng (không thiết kế điều luật riêng về đối tượng áp dụng). Theo đó, cả 05 luật đều được áp dụng trong phạm vi Thủ đô. Ví dụ, theo khoản 1 Điều 10 của Quy chế Thủ đô Matxcova thì Quy chế được áp dụng trên toàn lãnh thổ của thành phố Matxcova.

Các quy chế Thủ đô Bắc Kinh có quy định trực tiếp về đối tượng áp dụng, ví dụ Điều 2 Quy chế của Thành phố Bắc Kinh về cây xanh đô thị quy định: “*Quy chế này được áp dụng đối với việc phát triển và quản lý cây xanh đô thị trong khu vực hành chính của Thành phố*”. Hoặc Quy chế về quy hoạch đô thị của thành phố Bắc Kinh tại Điều 2 quy định: “*Quy chế này được áp dụng trong phạm vi quản lý hành chính của thành phố Bắc Kinh*”. Riêng Luật Thủ đô Liên bang Malaysia trao quyền cho Quốc vương quyết định không đưa một hoặc nhiều khu vực trong địa bàn Kuala Lumpur vào phạm vi áp dụng của Luật này với điều kiện các cá nhân thường trú tại các khu vực đó vẫn phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật về thuế.

## 3. Mối quan hệ giữa pháp luật về thủ đô với Hiến pháp và các luật khác

### 3.1. Tính thống nhất giữa pháp luật về thủ đô với Hiến pháp và các luật khác

Luật và Quy chế của Nga, Belarus và Kazakhstan đều quy định pháp luật về thủ đô được xây dựng trên nền tảng của Hiến pháp. Ví dụ, khoản 1 Điều 2 của Luật về quy chế thủ đô của Kazakhstan quy định: “*Pháp luật về chế định thủ đô được xây dựng trên nền tảng của Hiến pháp Cộng hòa Kazakhstan, bao gồm Luật này và những văn bản quy phạm pháp luật khác của Cộng hòa Kazakhstan*”.

### 3.2. Ưu tiên áp dụng trong trường hợp có xung đột hoặc quy định khác nhau giữa luật về thủ đô và Hiến pháp cũng như các luật khác của quốc gia

Hầu hết luật, quy chế về thủ đô của các nước thuộc phạm vi nghiên cứu đều quy định về việc ưu tiên áp dụng các quy định của luật, quy chế. Tuy nhiên, các luật và quy chế này không có điều khoản nào quy định rõ là trong trường hợp các văn bản pháp luật khác có quy định trái với quy định của các luật và quy chế thì áp dụng quy định nào. Để giải quyết vấn đề này, một số luật và quy chế liệt kê cụ thể những văn bản nào bị bãi bỏ hoặc có quy định việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định trái với quy định của các luật và quy chế. Ví

dụ: Mục 16(2) Luật Thủ đô liên bang Malaysia năm 1960 quy định: “*Yang di-Pertuan Agong có quyền, trong thời hạn 2 năm sau ngày Đạo luật này có hiệu lực, ban hành lệnh để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các luật có tác động đến Thành phố đã có hiệu lực trước khi Đạo luật này có hiệu lực thi hành, nếu xét thấy việc đó là cần thiết hoặc thích hợp để bảo đảm cho các luật đó đồng bộ với Đạo luật này hoặc để giải quyết các khó khăn phát sinh đối với điều khoản chuyển tiếp của Đạo luật này*”. Về mối quan hệ này, Quy chế thành phố Matxcova và Quy chế thành phố Minsk lại quy định rõ ưu tiên áp dụng luật liên bang đối với một số vấn đề cụ thể. Ví dụ khoản 3, Điều 3 Quy chế thành phố Matxcova quy định: “*Trên lãnh thổ thành phố Matxcova người nước ngoài, người không quốc tịch có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như công dân Liên bang Nga, trừ trường hợp đặc biệt do Luật Liên bang và Điều ước quốc tế quy định*”. Hoặc câu cuối của Điều 2 Quy chế thành phố Minsk quy định: “*Người sinh sống tạm thời tại Thủ đô, không phụ thuộc vào quốc tịch cũng có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ giống như cư dân Minsk nếu như pháp luật không có quy định khác*”. Quy định này thể hiện sự ưu tiên áp dụng quy định của pháp luật quốc gia về quyền và nghĩa vụ của người sinh sống tạm thời tại Thủ đô Minsk. Trong khi đó, Điều 28 Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ lại quy định việc ưu tiên áp dụng Luật Thủ đô bằng cách quy định: “*Luật Đô thị và các quy định tại các văn bản pháp luật liên quan không trái với Luật này cũng được áp dụng đối với các thủ đô, đô thị cấp quận và đô thị loại 1*”; 03 Luật Thủ đô Seoul ((i) Luật về các vấn đề đặc biệt liên quan đến quản lý hành chính đô thị đặc biệt Seoul; (ii) Luật điều chỉnh quy hoạch khu vực đô thị đặc biệt Seoul; (iii) Sắc luật đặc biệt về nâng cao chất lượng không khí của khu vực đô thị đặc biệt Seoul) đều quy định ưu tiên áp dụng các quy định tại Luật này trên địa bàn Thủ đô Seoul; trường hợp các Luật này không quy định mới áp dụng quy định của luật chung.

Trong trường hợp các văn bản do chính quyền thành phố ban hành mà có mâu thuẫn với nhau thì sẽ ưu tiên áp dụng Luật, quy chế về thủ đô. Cụ thể: Quy chế thành phố Matxcova (khoản 3 Điều 10) khẳng định: “*Quy chế là Luật cơ bản của thành phố và có hiệu lực pháp lý cao nhất so với các Luật và văn bản pháp lý khác của các cơ quan chính quyền, các cơ quan tự quản địa phương và của những người có chức vụ của các cơ quan nêu trên. Trong trường hợp có văn bản nào đó nêu trên mà trái với Quy chế này thì thực hiện theo Quy chế này*”. Tuy nhiên, Quy chế này không có điều khoản nào quy định rõ là trong trường hợp quy định của Quy chế này trái với quy định của luật liên bang thì quy định của Quy chế có được ưu tiên quy định hay không.

Cả 03 luật về Thủ đô Seoul Hàn Quốc đều quy định nguyên tắc khi có sự khác nhau giữa các Luật này với các luật khác thì áp dụng quy định của Luật này; trong trường hợp các Luật này không có quy định mới áp dụng các quy định pháp luật chung.

#### **4. Mối quan hệ giữa pháp luật về thủ đô và điều ước quốc tế**

Trong số 15 nước nghiên cứu, chỉ có Kazkhanstan quy định cụ thể về ưu tiên áp dụng quy định của điều ước quốc tế: *“Nếu trong điều ước quốc tế được Cộng hoà Kazkhanstan phê chuẩn mà có những quy định khác với những quy định trong Luật này thì thực hiện theo Điều ước quốc tế”* (khoản 2 Điều 2 Luật về Quy chế Thủ đô Cộng hoà Kazkhanstan). Liên bang Nga và Belarus có quy định gián tiếp về việc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế đối với một số vấn đề cụ thể như quyền, nghĩa vụ của công dân Thủ đô và việc bảo vệ quyền con người. Ví dụ, khoản 4 Điều 3 Quy chế thành phố Matxcova quy định: *“Trong thành phố Matxcova, quyền và lợi ích chính đáng của con người được bảo vệ theo những nguyên tắc chung, theo quy định của pháp luật quốc tế ...”*.

## **II. Một số quy định cơ bản trong luật và quy chế về thủ đô của các nước**

### **1. Địa vị pháp lý, địa giới hành chính<sup>2</sup>, dân số**

#### *1.1 Địa vị pháp lý, vai trò của Thủ đô*

Địa vị pháp lý và vai trò của Thủ đô 15 nước đều được quy định ngay trong Hiến pháp (Liên bang Nga, Belarus, Kazkhanstan, Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Pháp, Bỉ, Canada) hoặc cả trong Hiến pháp và trong Luật về chế định Thủ đô (Liên bang Nga, Belarus). Ví dụ, khoản 1 Điều 3 Luật Thủ đô Liên bang Malaysia quy định: *“Thành phố Kuala Lumpur là Thủ đô của Liên bang Malaysia”*. Hoặc Điều 1 Quy chế thành phố Maxcova cũng có quy định tương tự: *“Thành phố Matxcova là một đơn vị hành chính nhà nước, là thành phố cấp Liên bang và là Thủ đô của Liên bang Nga”*. Thủ đô Brussels của Vương quốc Bỉ cũng được quy định trong Hiến pháp (Điều 194). Ngoài việc khẳng định thành phố đó là thủ đô của đất nước, một số luật còn quy định cụ thể hơn về địa vị pháp lý của thành phố Thủ đô. Chẳng hạn như Luật Thủ đô Cộng hoà Kazkhanstan quy định: *“Thành phố Axtana - Thủ đô của Cộng hoà Kazkhanstan là:*

*1) Trung tâm chính trị và hành chính của đất nước;*

*2) Nơi lưu trữ bản Hiến pháp gốc, mẫu Quốc kỳ và Quốc huy của Cộng hoà Kazkhanstan, những báu vật này được cất giữ trong Dinh Tổng thống Cộng hoà Kazkhanstan “Akopđa”.*

*3. Ở thủ đô có Dinh Tổng thống Cộng hoà Kazkhanstan “Akopđa”; trụ sở làm việc của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Tối cao và các cơ quan Nhà nước trung ương khác của Cộng hoà Kazkhanstan”*. Thủ Nhĩ Kỳ coi Thủ đô là một pháp nhân công quản lý ít nhất 03 đô thị cấp quận hoặc đô thị loại 1, mà không định nghĩa Thủ đô là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá... của đất nước.

Luật về các vấn đề đặc biệt liên quan đến quản lý hành chính đô thị đặc biệt Seoul quy định: Luật này quy định về địa vị và tổ chức chính quyền của

<sup>2</sup> Theo Điều 5 của Điều lệ châu Âu về quyền tự quản (European Charter on Local Self-Government) thì mọi trường hợp thay đổi địa giới của đơn vị hành chính địa phương đều phải được thực hiện thông qua trung cầu ý dân.



Thành phố đô thị đặc biệt Seoul và một số ngoại lệ trong việc điều hành chính quyền được quy định tại Luật Tự trị địa phương.

Quy chế về quy hoạch đô thị của thành phố Bắc Kinh tại Điều 3 và Điều 4 quy định: Bắc Kinh là trung tâm chính trị và văn hóa của đất nước. Việc xây dựng thành phố và phát triển thương mại ở Bắc Kinh phải dựa trên và phù hợp với những đặc trưng của Thành phố. Bắc Kinh là thành phố nổi tiếng về lịch sử và văn hóa. Việc quy hoạch và xây dựng thành phố phải phù hợp với lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng của dân tộc Trung Hoa, những đặc trưng, phong cách và nét riêng biệt của Thủ đô.

### *1.2. Địa giới hành chính của Thủ đô*

Trong số các luật và văn bản nghiên cứu khoản 2 Điều 3 Luật Thủ đô của Malaysia quy định: *“Địa bàn thành phố Kuala Lumpur bao gồm các khu vực thuộc Lãnh thổ liên bang theo quy định tại mục 2(2) của Đạo luật sửa đổi Hiến pháp lần 2 năm 1973”*.

Riêng Ấn Độ thì Luật về khu vực New Delhi (1991) không quy định về địa giới hành chính của New Delhi, mà địa giới này được quy định trong Luật về lãnh thổ Thủ đô quốc gia New Delhi năm 1991. Về kỹ thuật lập pháp, Luật này quy định trực tiếp nội dung sửa đổi các luật khác. Điều 55 của Luật quy định: *“Sửa đổi mục 27A Đạo luật 43 của năm 1950. Mục 27A Đạo luật Đại diện cho Nhân dân năm 1950, tiểu mục (3) được thay thế như sau: “(3) Cử tri đoàn của Lãnh thổ Delhi bao gồm các thành viên được bầu của Hội đồng Lập pháp được thành lập cho vùng lãnh thổ này theo quy định của Đạo luật Lãnh thổ Thủ đô Quốc gia Delhi năm 1991.”*

Việc phân chia địa giới hành chính của Thủ đô thành các quận và các đơn vị hành chính cấp thấp hơn cũng được quy định trong 3/5 luật (Malaysia, Kazakhstan, Thổ Nhĩ Kỳ) và 02 quy chế (Nga, Belarus). Theo Quy chế Thủ đô của Cộng hoà Belarus thì việc phân chia Thủ đô thành các quận là nhằm bảo đảm hiệu quả của việc quản lý, thuận lợi cho việc tổ chức và thực hiện các quyết định liên quan tới các lĩnh vực văn hoá xã hội và sinh hoạt của người dân, cũng như bảo đảm cho việc chấp hành pháp luật, duy trì trật tự an ninh, an toàn xã hội.

Luật về Quy chế Thủ đô của Kazakhstan và Quy chế Thủ đô của Cộng hoà Belarus có quy định về vùng ngoại vi của Thủ đô, theo đó vùng đất ngoài phạm vi ranh giới thành phố, cùng với thành phố tạo thành một vùng thống nhất về kinh tế, xã hội và tự nhiên; được quy hoạch làm nguồn dự trữ cho việc phát triển thành phố; nơi bố trí xây dựng các công trình có liên quan tới việc xây dựng các tiện nghi và phục vụ cho sự phát triển kinh tế của thành phố, đảm nhận chức năng vệ sinh, điều trị bảo vệ sức khỏe con người và nơi nghỉ dưỡng cho nhân dân.

Riêng Quy chế thành phố Matxcova dành riêng một chương (Chương III, gồm 6 điều) để quy định cụ thể về nhiều vấn đề liên quan đến phân chia lãnh thổ hành chính thành phố Matxcova, trong đó quy định 3 đơn vị hành chính: quận, khu vực hành chính và các vùng có đặc điểm riêng. Trong khi đó Thổ Nhĩ Kỳ lại chia các đơn vị hành chính trong Thủ đô ra thành hai loại: đô thị cấp quận và đô thị loại 1 (có quyền hạn, trách nhiệm và đặc quyền tương tự như đô thị cấp quận - Điều 3 Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ).

Một số luật (như của Thổ Nhĩ Kỳ) và quy chế (Belarus) cũng có quy định về việc sát nhập các khu vực khác vào Thủ đô và các đơn vị hành chính trên địa bàn Thủ đô. Ví dụ Điều 6 Luật Thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ quy định về việc sát nhập vào thủ đô của các đô thị và xã nằm trong địa giới của cả thủ đô và tỉnh; các đô thị và xã này có thể nhập vào trong địa giới của thủ đô. Hay Điều 7 Quy chế Thủ đô Minsk của Belarus quy định về khả năng sát nhập diện tích khác vào diện tích của Thủ đô. Luật Thủ đô của Kazkhastan (Điều 5) và Quy chế thành phố Matxcova (Điều 2) cũng cho phép thay đổi lãnh thổ của Thủ đô.

Về dân số của Thủ đô: Quy chế thành phố Matxcova có quy định về số lượng (nhất định) và thành phần dân số Thủ đô Matxcova: “*Người dân Matxcova, người nước ngoài và người không quốc tịch sinh sống lâu dài hay tạm thời trên lãnh thổ thành phố Matxcova tạo thành dân số Matxcova*” (khoản 2, Điều 3). Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ quy định theo cách khác, nghĩa là khi đạt được dân số nhất định (trên 750.000 người) thì đô thị cấp tỉnh có thể được chuyển thành thủ đô theo quy định của pháp luật, có tính đến dân số thực tế đang cư trú và mức độ phát triển kinh tế của đô thị đó. Luật Thủ đô Liên bang Malaysia, Luật Thủ đô Cộng hoà Kazkhastan không có quy định về dân số.

### 1.3. Cơ cấu chính quyền Thủ đô:

Một số văn bản được nghiên cứu quy định về cơ cấu tổ chức của chính quyền Thủ đô gồm 3 thiết chế cơ bản: cơ quan dân cử, cơ quan hành chính và người đứng đầu thành phố với các tên gọi khác nhau:

- Đối với cơ quan dân cử: Hội đồng thành phố (Nga), Hội đồng đại biểu (Belarus, Kazkhastan) Hội đồng lập pháp (Ấn Độ), Hội đồng Thủ đô (Thổ Nhĩ Kỳ)...;

- Đối với cơ quan hành chính: Ban điều hành Thủ đô (Thổ Nhĩ Kỳ), Ủy ban hành chính (Kazkhastan, Belarus), Ủy ban thành phố (Nga);

- Đối với người đứng đầu thành phố: Thị trưởng (Nga, Pháp, Kazkhastan), Chủ tịch Ủy ban hành chính (Belarus, Kazkhastan), Phó Thủ hiến (Ấn Độ)...

Các cơ quan khác thuộc Thủ đô: Luật Thủ đô Cộng hoà Kazkhastan (khoản 2 Điều 12) có quy định về Hội đồng kiến trúc sư trưởng nhằm tăng cường sự phối hợp trong hoạt động thực hiện quy hoạch chung về xây dựng, kiến thiết thủ đô. Hội đồng kiến trúc sư trưởng do Tổng thống Cộng hoà

Kazakhstan thành lập. Hội đồng kiến trúc sư trưởng là cơ quan tham mưu bao gồm một số thành viên của Chính phủ, của Ủy ban hành chính thành phố Axtana; các Kiến trúc sư trong nước và quốc tế. Để phối hợp hành động và giải quyết những vấn đề có liên quan tới công tác kiến thiết, xây dựng thủ đô, Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Axtana thành lập Hội đồng kiến trúc sư thành phố. Thành phần Hội đồng kiến trúc sư thành phố bao gồm đại diện của Ủy ban, Lãnh đạo Sở Xây dựng, Lãnh đạo Thanh tra xây dựng, các Kiến trúc sư. Hội đồng kiến trúc sư thành phố khi làm việc có thể mời đại diện các tổ chức, đoàn thể xã hội và những người khác cùng tham gia. Hội đồng kiến trúc sư thành phố có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- 1) Xem xét các dự án xây dựng trên địa bàn thành phố và vùng ngoại vi;
- 2) Xem xét và kiến nghị về vấn đề phối cảnh nghệ thuật trang trí thủ đô;
- 3) Thực hiện những nhiệm vụ khác thuộc về lĩnh vực kiến trúc, xây dựng.

Định kỳ các cuộc họp của Hội đồng kiến trúc sư thành phố do Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố quy định.

#### *1.4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Thủ đô*

Luật Thủ đô Cộng hòa Kazakhstan có một điều (Điều 7) và Quy chế của Belarus (Điều 57, 58) quy định chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền thủ đô trong việc quản lý, điều hành Thủ đô để giúp cho Thủ đô thực hiện tốt chức năng của mình, sau đó có các điều khác quy định chức năng, nhiệm vụ cho từng cơ quan cụ thể. Trong khi đó, các Quy chế của Nga không có quy định chung này, mà quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho từng cơ quan cụ thể thuộc chính quyền thủ đô.

##### *1.4.1 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan dân cử*

Hầu hết các luật, quy chế về thủ đô của 15 nước đều quy định cơ quan dân cử có chức năng lập pháp. Ví dụ, Quy chế thành phố Matxcova (khoản 1 Điều 5) quy định Hội đồng thành phố Matxcova là cơ quan lập pháp cao nhất và duy nhất của Thành phố. Hoặc Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ quy định Hội đồng Thủ đô là cơ quan ra quyết định của Thủ đô (Điều 12). Riêng Luật Thủ đô Cộng hòa Kazakhstan và Quy chế của Belarus có quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đại biểu. Nhìn chung, đây là những chức năng, quyền hạn bổ sung, ngoài các chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trong Hiến pháp, luật quốc gia. Về kỹ thuật lập pháp, có hai cách quy định: (1) thiết kế một điều về các chức năng chung, sau đó thiết kế các điều khác để quy định về nhiệm vụ của từng cơ quan cụ thể; (2) quy định ngay trong các điều cụ thể.

##### *1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hành chính Thủ đô*

Tương tự như đối với cơ quan dân cử, luật, quy chế của các nước nghiên cứu cũng quy định về nhiệm vụ cụ thể của cơ quan hành chính Thủ đô. Theo các

quy định này thì nhìn chung cơ quan hành chính có các nhóm nhiệm vụ, quyền hạn trong các lĩnh vực chính sau: lập kế hoạch; chính sách tài chính, tiền tệ; quản lý tài sản công; quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài thành phố; xây dựng, kiến thiết thành phố, sử dụng đất và quỹ nhà công cộng; xã hội và bảo vệ môi trường; tổ chức điều hành.

#### 1.4.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu thủ đô

Đa số luật, quy chế về thủ đô (trừ Luật của Malaysia) có các điều quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu. Có luật (Thổ Nhĩ Kỳ) quy định cụ thể về địa vị của Thị trưởng, theo đó Thị trưởng là người đứng đầu cao nhất của Thủ đô nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của Thủ đô (khoản a, Điều 18). Hoặc Điều 26 Quy chế của Belarus quy định: Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố là người có chức vụ cao nhất và là người đứng đầu cơ quan hành pháp trên địa bàn thành phố.

Về nhiệm vụ chính của người đứng đầu Thủ đô: thực hiện chiến lược, kế hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô; áp dụng các biện pháp để bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được pháp luật giao; bảo vệ lợi ích của Thủ đô; ký kết hợp đồng, thoả thuận thay mặt cho Thủ đô; thay mặt Thủ đô trong các quan hệ đối nội, đối ngoại của Thủ đô.

Về cơ chế bầu, bổ nhiệm người đứng đầu Thủ đô: tại Belarus, Chủ tịch Ủy ban hành chính do Tổng thống bổ nhiệm và Hội đồng đại biểu thành phố phê chuẩn, tại Thổ Nhĩ Kỳ thì chức danh này cử tri trong địa giới thủ đô trực tiếp bầu ra (Điều 17), còn ở Liên bang Nga do toàn dân bầu ra (khoản 2 Điều 40). Như vậy, có bốn cơ chế: hành pháp bổ nhiệm, cơ quan dân cử bầu, cử tri Thủ đô bầu, cử tri toàn quốc bầu.

## 2. Mối quan hệ giữa chính quyền Thủ đô với chính quyền trung ương

Quy chế thành phố Matxcova và Quy chế thành phố Minsk dành một chương (Chương VII; Chương 6) để quy định về mối quan hệ giữa chính quyền Thủ đô và các chủ thể khác. Cụ thể Điều 76 Quy chế Matxcova quy định mối quan hệ giữa chính quyền Thủ đô với các cơ quan chính quyền của các chủ thể Liên bang. Quy chế của Belarus quy định mối quan hệ giữa chính quyền Thủ đô Minsk với Tổng thống (Điều 41), Quốc hội (Điều 42), Hội đồng Bộ trưởng (Điều 43) và với các tổ chức khác trên địa bàn Thủ đô (Điều 44). Ví dụ Điều 43 về quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý và tự quản thành phố với Hội đồng Bộ trưởng Cộng hòa Belarus quy định như sau:

*“Hội đồng và Ủy ban hành chính thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hội đồng Bộ trưởng Cộng hòa Belarus thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình trên địa bàn thành phố.*

*Trong đó, chức năng Hiến định của Hội đồng Bộ trưởng Cộng hòa Belarus bao gồm:*

- Lãnh đạo hoạt động của Ủy ban hành chính thành phố và Ủy ban hành chính quận về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Bộ trưởng Cộng hòa Belarus;

- Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Nhà nước; các văn bản của Tổng thống, Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, Chỉ thị của Thủ tướng; tiếp nhận các thông tin và nghe báo cáo của Ủy ban hành chính thành phố và Ủy ban hành chính quận; ban hành các quyết định;

- Có trách nhiệm bảo đảm cho Ủy ban hành chính thành phố và Ủy ban hành chính quận có đội ngũ chuyên gia tài năng, trí tuệ và giàu kinh nghiệm; tổ chức hệ thống đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực quản lý cho đội ngũ lãnh đạo của thành phố và của quận;

- Tạo điều kiện để Ủy ban hành chính thành phố và Ủy ban hành chính quận làm tốt công tác quản lý;

- Điều chỉnh các vấn đề có liên quan tới sự phối hợp trong quan hệ giữa Ủy ban hành chính thành phố với các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc thực hiện các chương trình, kế hoạch liên ngành và liên vùng; trong việc áp dụng các biện pháp để khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, tai nạn;

- Phân bổ ngân sách, vật tư, tài sản cho các cơ quan quản lý thuộc quyền, trong đó có Ủy ban hành chính thành phố và Ủy ban hành chính quận;

- Trong trường hợp cần thiết giao cho Ủy ban hành chính thành phố thực hiện một số quyền hạn của mình; thực hiện một số quyền hạn của Ủy ban hành chính thành phố khi có sự có sự nhất trí và đề nghị của cấp dưới;

- Khi cần thiết có thể gửi dự thảo Quyết định của mình cho Ủy ban hành chính thành phố tham gia đóng góp ý kiến;

- Hội đồng Bộ trưởng vì lợi ích Nhà nước và lợi ích các tỉnh thành và căn cứ vào các quy định của pháp luật, cùng với Hội đồng thành phố quy định trình tự, thủ tục và mức độ tham gia của Hội đồng thành phố vào việc thực hiện các chương trình, kế hoạch quốc gia, các dự án chung; xem xét, giải quyết các kiến nghị của Hội đồng thành phố;

Hội đồng Bộ trưởng; Hội đồng và Ủy ban hành chính thành phố cùng nhau lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp nhằm cung ứng đầy đủ hàng hóa cho nhu cầu tiêu dùng trong thành phố; tạo điều kiện cho các nhà sản xuất nông nghiệp và công nghiệp cung ứng sản phẩm của mình cho thành phố; bảo đảm giao thông thuận lợi giữa các vùng với thành phố”.

Điều 7 Luật Thủ đô Cộng hòa Kazkhanstan quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở Thủ đô phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Tổng thống, Quốc hội, Chính phủ, Tòa án tối cao, các cơ quan nhà nước cấp

trung ương khác và các cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài đóng trên địa bàn Thủ đô.

Luật Thủ đô Cộng hoà Kazkhashan (Điều 6) có quy định những việc mà Chính phủ Cộng hoà Kazkhashan có quyền thực hiện trên địa bàn Thủ đô: *Xây dựng Nghị định về vận chuyển hành khách và hàng hoá bằng phương tiện giao thông đường bộ trên địa bàn thủ đô; Nghị định về hoạt động thương mại; cung ứng các dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, vui chơi giải trí, y tế và các dịch vụ khác của các pháp nhân và tư nhân trên địa bàn thủ đô; Xây dựng các chương trình quốc gia về phát triển thủ đô.*

Tại Vương quốc Bỉ, do Brussels là Thủ đô cho nên Chính quyền Liên bang chỉ được can thiệp vào quyết định của Chính quyền khu vực khi văn bản pháp luật của Brussels có ảnh hưởng đến trách nhiệm quốc tế và vai trò Thủ đô.

Liên quan đến việc bổ nhiệm người đứng đầu Thủ đô, theo Quy chế về Thủ đô Minsk thì chức danh Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố do Tổng thống Cộng hoà Belarus bổ nhiệm (được Hội đồng thành phố phê chuẩn).

- Về hợp tác quốc tế: Luật Thủ đô Kazkhashan (khoản 24, Điều 10) trao cho Chủ tịch Ủy ban hành chính Thủ đô quyền thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế về phát triển Thủ đô. Quy chế của Nga (khoản 3, Điều 70) giao cho các cơ quan chính quyền thành phố với ý nghĩa Matxcova là thủ đô của Liên bang Nga trách nhiệm: *“Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hoạt động quốc gia và quốc tế”*. Điều 75 Quy chế thành phố Matxcova quy định chính quyền Thành phố có quyền thiết lập các quan hệ quốc tế, phi kinh tế theo quy định của Hiến pháp, pháp luật Liên Bang và Quy chế này; trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia thực hiện các hiệp ước hợp tác quốc tế của Liên Bang Nga. Khoản 3 Điều 78 của Quy chế này trao cho Thị trưởng Matxcova một loại quyền hạn liên quan đến quan hệ quốc tế như: ký các hiệp ước thỏa thuận về quan hệ quốc tế và phi kinh tế; thành lập các tổ chức phi kinh tế và cơ quan đại diện ở nước ngoài; tham gia các cuộc hội đàm và ký kết thỏa thuận hợp tác với cơ quan ngoại giao, các cơ quan đại diện khác của nước ngoài, các tổ chức quốc tế đang ở trên địa bàn thành phố; phối hợp với cơ quan ngoại giao và các cơ quan đại diện khác của Liên bang đang ở nước ngoài về các vấn đề có liên quan tới lợi ích của thành phố; thiết lập mối quan hệ giữa thành phố với các vùng của Liên bang và với thế giới, trong đó có các vấn đề mang tầm quốc gia.

Quy chế của Belarus tại Điều 57 quy định: Ủy ban hành chính và Hội đồng thành phố có trách nhiệm: *“Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Tổng thống, Quốc hội, Chính phủ Cộng hòa Belarus; các cơ quan tư pháp, quân đội, khoa học cấp trung ương và các cơ quan Nhà nước khác, cũng như các Đại sứ quán, Lãnh sự quán nước ngoài và các Tổ chức quốc tế trên địa bàn thủ đô”*.

### **III. Nhận xét chung về pháp luật về thủ đô của các nước nghiên cứu**

1. Mô hình pháp luật về thủ đô trên thế giới rất đa dạng ở các nhà nước liên bang và các nhà nước đơn nhất. Hiện nay trên thế giới có nhiều nước đã ban hành pháp luật về thủ đô quy định chính sách đặc thù cho thủ đô.

### *1.1. Vị trí, vai trò của thủ đô*

Một số luật, quy chế quy định cụ thể về vị trí, vai trò đặc biệt của thành phố thủ đô: là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của đất nước. Một số văn bản không có quy định về vị trí, vai trò này. Ngoài việc khẳng định thành phố đó là thủ đô của đất nước, một số luật, quy chế còn quy định cụ thể hơn về địa vị pháp lý của thành phố Thủ đô (Luật Thủ đô Cộng hoà Kazkhastan).

### *1.2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng*

Mỗi nước có cách tiếp cận khác nhau trong việc quy định về phạm vi điều chỉnh, nhưng chung quy có bốn cách tiếp cận chính là: (1) thiết kế một điều riêng với tên gọi là phạm vi điều chỉnh (Thổ Nhĩ Kỳ); (2) quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh, nhưng không có tên gọi như vậy (khoản 1 Điều 10 Quy chế của Nga); (3) không thiết kế điều riêng (Malaysia, Ấn Độ); (4) đưa ngay vào Lời nói đầu (Kazkhastan).

Về đối tượng áp dụng: có mấy cách thức quy định sau đây: (1) thiết kế một quy định riêng (Nga); (2) gián tiếp quy định bằng điều khoản quy định về hiệu thi hành (Belarus - Điều 65); (3) được ngầm hiểu từ tên gọi của luật, quy chế (những nước không có quy định trực tiếp hay gián tiếp đối tượng áp dụng).

Về nội dung quy định: có hai loại chính (1) quy định toàn diện các vấn đề liên quan đến Thủ đô (điển hình là Nga, Belarus và ở chừng mực nào đó là Kazkhastan và Thổ Nhĩ Kỳ); (2) chỉ quy định về một số lĩnh vực cụ thể (Trung Quốc, Malaysia, Ấn Độ).

### *1.3. Mối quan hệ giữa pháp luật về thủ đô với Hiến pháp và các luật khác*

Nhiều luật, quy chế có quy định về mối quan hệ này. Nhìn chung, Hiến pháp là đạo luật cao nhất của một quốc gia cho nên được ưu tiên áp dụng so với tất cả các văn bản pháp luật khác. Đối với các nước theo chế độ nhà nước liên bang (Nga, Malaysia, Bỉ) thì ngoài Hiến pháp, luật của Liên bang cũng được ưu tiên áp dụng so với văn bản pháp luật do chính quyền Thủ đô ban hành. Nói chung, văn bản về thủ đô mang tính bổ sung cho hệ thống pháp luật quốc gia để quy định về đặc thù cho thành phố đó với tư cách là Thủ đô của đất nước.

## **2. Cơ chế đặc thù về văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, y tế, du lịch, thể thao, môi trường**

- Nga: không quy định cụ thể đặc thù trong các lĩnh vực này, mà chỉ quy thẩm quyền chung của Thủ đô Matxcova trong việc: *“Tổ chức và thực hiện những vấn đề về giáo dục, đào tạo, thể thao, văn hóa, du lịch, khoa học kỹ thuật; điều trị và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; bảo vệ nền tảng gia đình, cha*

mẹ, trẻ em; những vấn đề về lao động, việc làm; những vấn đề về phát triển và bảo vệ người dân” (khoản 10 Điều 13 Quy chế).

Belarus: quy định cụ thể hơn so với Nga bằng cách phân ra hai nhóm: (1) thẩm quyền của chính quyền Thủ đô trong lĩnh vực xây dựng, kiến thiết thành phố, sử dụng đất và quỹ nhà công cộng và (2) thẩm quyền trong lĩnh vực xã hội và bảo vệ môi trường.

Ấn Độ và Malaysia không quy định cụ thể về các lĩnh vực này mà chỉ tập trung quy định về cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của chính quyền Thủ đô.

Riêng Thổ Nhĩ Kỳ có nhiều quy định cụ thể thẩm quyền của chính quyền Thủ đô trong từng lĩnh vực cụ thể. ví dụ:

\* Về văn hoá, giáo dục, y tế: Xây dựng các công trình và phương tiện phục vụ cho các dịch vụ y tế, giáo dục và văn hóa trong trường hợp cần thiết; hỗ trợ trang thiết bị theo yêu cầu và tiến hành bảo trì và sửa chữa các công trình và phương tiện của các cơ sở và tổ chức liên quan đến các dịch vụ nêu trên; đảm bảo việc bảo vệ chức năng của các địa điểm có tầm quan trọng về mặt văn hóa và tự nhiên mang tính lịch sử; thực hiện việc bảo trì và sửa chữa vì mục đích này, xây dựng lại các địa điểm mà không thể khôi phục lại nguyên trạng.

\* Về thể thao, giải trí: Xây dựng, giao xây dựng, vận hành hoặc giao vận hành các khu vực phục vụ hoạt động xã hội, công viên, vườn thú, khu nhà nuôi động vật, viện bảo tàng, thể thao, giải trí... cho cả Thủ đô; trong trường hợp cần thiết, giao trang thiết bị và có hỗ trợ cần thiết cho các câu lạc bộ thể thao nghiệp dư; tổ chức các cuộc thi đấu thể thao giữa các đội thể thao nghiệp dư, trao giải thưởng cho vận động viên có thành tích thi đấu trong khu vực và bên ngoài hoặc tổ chức cuộc thi đấu theo quyết định của hội đồng.

### **3. Cơ chế đặc thù về quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị**

- Hàn Quốc: có một Luật riêng (*Luật điều chỉnh quy hoạch khu vực đô thị đặc biệt Seoul*) quy định về việc điều chỉnh quy hoạch của Thành phố đô thị đặc biệt Seoul cho được trật tự theo hướng hiện đại và phát triển cân bằng. Luật đưa ra các kế hoạch tổng thể để điều chỉnh Thành phố đô thị đặc biệt Seoul và các giải pháp thực hiện quy hoạch nhằm phân bố lại dân cư và phát triển công nghiệp hợp lý hiện đang bị tập trung quá mức tại đô thị trung tâm. Luật điều chỉnh quy hoạch khu vực đô thị đặc biệt SEOUL quy định về mối quan hệ giữa quy hoạch điều chỉnh của khu vực đô thị đặc biệt SEOUL với các luật khác, như Luật Quy hoạch và Sử dụng đất Quốc gia, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển và các quy hoạch khác. Quy định về trình tự và thẩm quyền xây dựng quy hoạch điều chỉnh<sup>3</sup>; việc thực hiện và triển khai quy hoạch<sup>4</sup>. Luật cũng quy

<sup>3</sup> Luật quy định trách nhiệm xây dựng quy hoạch điều chỉnh thuộc về Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông dựa trên các ý kiến của các bộ khác và Thị trưởng Thành phố đô thị đặc biệt Seoul. Thẩm quyền thông qua quy hoạch điều chỉnh thuộc về Tổng thống sau khi tham vấn ý kiến của Nội các. Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ rà soát lại quy hoạch điều chỉnh cho mỗi chu kỳ 5 năm.



định việc phân chia vùng, khu vực khi dân số hoặc phát triển công nghiệp quá tập trung để giảm dân khỏi những khu vực tập trung đông dân cư. Theo đó, Luật quy định một số trường hợp hạn chế, như không được phép xây mới, mở rộng (bao gồm cả việc thay đổi mục đích sử dụng, mở rộng trường học là tăng số lượng học sinh cố định được nhận vào trường) của các trường học, trụ sở công sở, cơ sở đào tạo và các cơ sở tập trung dân cư khác theo quy định của Tổng thống. Các hành vi hạn chế tương tự cũng áp dụng trong trường hợp quản lý tăng trưởng vùng hoặc khu bảo tồn thiên nhiên. Luật cũng đưa ra quy định về khuyến khích người dân, doanh nghiệp di dời công trình xây dựng, nhà cửa, tiện ích khỏi những nơi quy hoạch để phát triển hay những nơi tập trung quá đông dân cư. Trong trường hợp các cơ quan nhà nước dự kiến cho phép xây dựng hoặc mở rộng các công trình có thể gây nên tập trung dân cư tại vị trí của các công trình xây dựng cũ, hoặc xây dựng các công trình có quy mô lớn hơn thì phải được phép của Tổng thống và phải tham vấn ý kiến với Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông và lấy ý kiến với Ủy ban Điều chỉnh Quy hoạch Khu đô thị đặc biệt Seoul. Luật điều chỉnh quy hoạch khu vực đô thị đặc biệt Seoul cho phép Tổng thống có thể áp dụng thêm các khoản thu ngân sách để hạn chế việc tập trung đông dân cư. Các khoản thu thêm này áp dụng cho tất cả các công trình xây dựng ở những nơi được xác định là khu đông dân cư, trừ những công trình là toà nhà làm việc của Nhà nước và chính quyền địa phương, công trình nhằm mục tiêu tái thiết đô thị, công trình được sử dụng làm nơi đỗ xe theo quyết định của Tổng thống. Luật cũng quy định về phương pháp tính toán, áp dụng và phân bổ việc sử dụng các khoản thu bổ sung. Đối với các dự án có quy mô lớn tại Thành phố đô thị đặc biệt Seoul thì phải được sự chấp thuận của Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông và được thảo luận tại Ủy ban Điều chỉnh Quy hoạch Khu đô thị đặc biệt Seoul. Luật này đưa ra quy trình phê duyệt dự án có quy mô lớn và các tiêu chí để giảm thiểu các tác động tiêu cực của các dự án lớn tại khu vực này. Luật điều chỉnh quy hoạch khu vực đô thị đặc biệt SEOUL quy định về tổ chức, cơ cấu, thẩm quyền và nội dung hoạt động của Ủy ban Ủy ban Điều chỉnh Quy hoạch Khu đô thị đặc biệt Seoul.

- Kazakhstan: có một điều riêng quy định về các hoạt động kiến trúc, xây dựng, phát triển Thủ đô. Theo đó, để đảm bảo thực hiện các hoạt động trên, Luật Thủ đô Cộng hoà Kazakhstan (Điều 12) quy định Tổng thống thành lập Hội đồng Kiến trúc sư trưởng. Hội đồng là cơ quan tham mưu, gồm một số thành viên của Chính phủ và của Ủy ban hành chính Thủ đô Axtana, các kiến trúc sư trong nước và quốc tế. Cũng tại Điều này, đã quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ Hội đồng kiến trúc sư trưởng.

---

<sup>4</sup> Thị trưởng hoặc Thống đốc có trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện trong thẩm quyền và trình tới Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông. Kế hoạch triển khai sẽ được một Ủy ban Điều chỉnh Quy hoạch Khu đô thị đặc biệt Seoul thông qua và Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có trách nhiệm thông báo cho các bộ, ngành liên quan.

- Thủ đô Bắc Kinh: để bảo đảm phát triển Thủ đô theo đúng quy hoạch, Chính phủ và Hội đồng thành phố đã ban hành khoảng 20 quy chế về từng lĩnh vực cụ thể như Quy chế quản lý đường đô thị, Quy chế về quy hoạch đô thị, Quy chế về phát triển cây xanh trong thành phố... (xem Phụ lục).

- Belarus: chỉ có quy định chung về việc thực hiện chính sách thống nhất trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng; tiện nghi, tính hợp lý của mỗi công trình; cải tạo, sửa chữa nhà ở và các công trình khác thuộc quỹ nhà công cộng. Đồng thời, Quy chế trao cho Ủy ban quận một số quyền trong lĩnh vực thiết kế; khai thác, sử dụng công trình xây dựng; tiến hành việc kiểm tra, giám sát cấp dưới trong quá trình thực hiện quyền hạn nêu trên (khoản 3 Điều 22 Quy chế).

- Nga: tương tự như Belarus, chỉ quy định chung về việc quản lý, phát triển và sử dụng quỹ nhà ở và diện tích lưu không; hệ thống kỹ thuật công cộng cung ứng điện, ga, khí đốt; quản lý và sử dụng nguồn nước, lòng đất phục vụ cho việc xây dựng các công trình ngầm trong lòng Thành phố; xây dựng và quản lý các khu vui chơi, giải trí, bảo vệ thiên nhiên; kiểm tra việc sử dụng quỹ đất của thành phố (khoản 13, 14, 15 Điều 13 Quy chế).

- Thổ Nhĩ Kỳ: Điều 7 Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ có nhiều quy định liên quan đến hoạch định chiến lược, chính sách chung cho đến những vấn đề cụ thể trong lĩnh vực quy hoạch, phát triển Thủ đô như: xây dựng kế hoạch chiến lược, mục tiêu hàng năm, chương trình đầu tư và ngân sách của đô thị phù hợp với những mục tiêu, chiến lược và chương trình đó đến việc xây dựng, phê duyệt hoặc giao xây dựng quy hoạch đất đai, cấp phép quy hoạch, kế hoạch phân vùng; cấp phép và giám sát các địa điểm kinh doanh được xây dựng và hoạt động trên địa bàn Thủ đô và những địa điểm được hoạt động trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Thủ đô; thực hiện hoặc giao thực hiện và áp dụng kế hoạch tổng thể về giao thông đô thị; xây dựng và thực hiện bảo trì, sửa chữa hoặc giao xây dựng các quảng trường, đại lộ, tuyến đường lớn và đường chính thuộc thẩm quyền của Thủ đô; xây dựng hệ thống thông tin địa lý và đô thị...

#### **4. Cơ chế đặc thù về kinh tế, tài chính:**

Theo Quy chế của Belarus về cơ chế bảo đảm tài chính, thì ngoài việc quy định Nhà nước phân bổ một phần ngân sách nhà nước cho thành phố; tài trợ, trợ cấp các khoản kinh phí cần thiết để thành phố thực hiện chức năng là thủ đô. Bên cạnh đó, Belarus còn có quy định về việc bảo đảm vật tư, tài chính cho các chi phí bổ sung của thành phố, theo đó trong Quyết định của cơ quan nhà nước cần xác định các khoản chi bổ sung và chuyển kịp thời cho cơ quan quản lý, điều hành của thành phố có liên quan tới việc thành phố thực hiện chức năng là thủ đô của đất nước mà thực tế có các khoản chi phí chưa được dự toán trong ngân sách (Điều 61). Tại Ấn Độ có Quỹ Hợp nhất của Thủ đô, gồm nguồn thu mà Chính phủ Ấn Độ hoặc Phó Thủ hiến thu được trên địa bàn Thủ đô liên quan đến bất kỳ vấn đề nào thuộc phạm vi lập pháp của Hội đồng lập pháp, mọi khoản trợ cấp và

khoản vay cấp trước cho Thủ đô từ nguồn Quỹ hợp nhất của Ấn Độ (Điều 46). Ngoài ra còn lập Quỹ dự phòng của Thủ đô (bản chất là Quỹ tạm ứng để tiếp nhận các khoản tiền từ Quỹ hợp nhất của Thủ đô với số tiền do luật định và số tiền này do Phó Thủ hiến quản lý và quyết định cho tạm ứng khi cần.

Thổ Nhĩ Kỳ lại quy định cụ thể về từng khoản thu, chi của Thủ đô. Về các khoản thu, theo quy định tại Điều 23 Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ thì Thủ đô có 16 khoản thu, trong đó có tiền do Ngân hàng chuyển đến, tiền thuế, phí, tiền hiến tặng, phần trăm trích lại từ tiền thu thuế, tiền phạt, tiền cho thuê động sản, bất động sản...

Quy chế thành phố Matxcova tại Điều 71 có quy định về hoàn trả cho Matxcova những chi phí do Matxcova thực hiện chức năng là Thủ đô của Liên Bang Nga, đó là: (1) Những chi phí và thiệt hại của ngân sách thành phố do Matxcova thực hiện chức năng là thủ đô của Liên bang Nga thì hàng năm được hoàn trả đầy đủ từ ngân sách Liên bang và được các cơ quan chính quyền, cơ quan, tổ chức, các cơ quan đại diện của các chủ thể Liên bang và Đại sứ quán nước ngoài chi trả theo quy định của pháp luật, căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết; (2) Trong số thiệt hại cho ngân sách thành phố được tính cả những lợi ích do sử dụng tài sản, cơ sở vật chất thuộc quyền sở hữu của thành phố và những dịch vụ do thành phố cung cấp. Ngân sách Nhà nước tính trả cho thành phố theo từng niên khóa tài chính.

Tại Bỉ, theo Luật đặc thù năm 1989 (Điều 64), thì hàng năm thành phố Brussels được nhận được khoản hỗ trợ nhất định từ ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Hiến pháp Bỉ (khoản 2 Điều 170) còn trao cho chính quyền Khu vực Thủ đô Brussels quyền quy định và thu thuế trong giới hạn hợp lý<sup>5</sup>.

### **5. Cơ chế đặc thù về quốc phòng, an ninh, đối ngoại:**

- Về quốc phòng: không có luật hay quy chế nào của 10 nước nghiên cứu quy định về vấn đề quốc phòng hoặc nhiệm vụ kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế.

- Về an ninh: Theo quy định của Bỉ thì lực lượng cảnh sát Bỉ là giống nhau. Vùng Thủ đô Brussels không có lực lượng cảnh sát riêng. Chỉ có điều đặc biệt đó là, ngoài các nhiệm vụ thông thường, cảnh sát tại Brussels còn có nhiệm vụ bảo đảm an ninh cho các hội nghị của EU tổ chức tại Brussels.

Theo Quy chế thành phố Minsk (Điều 62), thì việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho Thủ đô Cộng hòa Belarus được thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật Nhà nước. Ngoài ra, nhằm mục đích bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho Thủ đô, tạo sự an toàn cho hoạt động của các cơ quan nhà

<sup>5</sup> Những giới hạn này được xác định theo 2 nguyên tắc chính: (1) Quyền tự trị về thuế của một khu vực không được làm ảnh hưởng đến chính sách kinh tế và tài chính của Liên bang Bỉ, điều này có nghĩa là tự do di chuyển hàng hóa và phương tiện sản xuất không bị cản trở; (2) các khu vực không thể thu thuế nếu sắc thuế này đã do Nhà nước ban hành.

nước, các tổ chức xã hội; các Đại sứ quán, Lãnh sự quán nước ngoài và các tổ chức quốc tế tại thủ đô, Quy chế cho phép Hội đồng, Ủy ban hành chính thành phố căn cứ vào quy định của pháp luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định các điều kiện nhập cảnh vào thành phố; đăng ký hộ khẩu, tạm trú của người dân; phân luồng giao thông; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

Nga: khoản 2 Điều 53 trao cho Thị trưởng thành phố, theo quy định của pháp luật, quyền thành lập các phòng, đội Cảnh sát bảo vệ trật tự, trị an. Thành phần, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị Cảnh sát này do pháp luật thành phố quy định.

Thổ Nhĩ Kỳ: khoản k, Điều 7 Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ trao cho Thủ đô trách nhiệm thực thi các hoạt động cảnh sát về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của thủ đô hoặc do thủ đô đảm nhiệm.

Về đối ngoại: tại Bỉ, kể từ năm 1993, cải tổ hiến pháp đã mở rộng thẩm quyền của các khu vực và cộng đồng tương ứng với quan hệ quốc tế. Điều này có nghĩa là các cộng đồng và khu vực (kể cả BCR) có thể theo đuổi chính sách đối ngoại trong mối quan hệ với các vấn đề thuộc thẩm quyền của họ. Quyền này bao gồm cả ký kết điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác, nếu các khu vực và cộng đồng này không vượt quá thẩm quyền của mình.

Nga: khoản 7 Điều 78 Quy chế cho phép Thị trưởng Matxcova thiết lập mối quan hệ giữa thành phố với các vùng của Liên bang và với thế giới, trong đó có các vấn đề mang tầm quốc gia.

## **6. Cơ chế đặc thù về bảo vệ môi trường**

Hàn Quốc ban hành Luật đặc biệt về nâng cao chất lượng không khí của khu vực đô thị đặc biệt Seoul nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống thông qua việc cải thiện chất lượng không khí. Đồng thời, quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật, đó là ưu tiên áp dụng Luật này, nếu những vấn đề mà luật này không quy định thì áp dụng theo Sắc Luật về Bảo vệ Không khí sạch. Quy định cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong khu vực đô thị đặc biệt Seoul phải có trách nhiệm về bảo vệ không khí sạch. Luật đưa ra các quy định liên quan đến việc khảo sát thực trạng cơ bản về dân số, nhà ở, công nghiệp, giao thông, tiêu thụ năng lượng... để làm căn cứ đưa ra các quy định kiểm soát không khí và trách nhiệm cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực trong việc kiểm soát ô nhiễm không khí. Để nâng cao chất lượng không khí, Sắc luật Đặc biệt về nâng cao chất lượng không khí của khu vực đô thị đặc biệt Seoul đặt ra các tiêu chí về chất lượng không khí trong các quy hoạch tổng thể và trong việc thực hiện quy hoạch. Bên cạnh đó, Luật cũng yêu cầu phải xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển phải thân thiện với môi trường. Để bảo đảm thực hiện được các quy hoạch và kế hoạch, Luật quy định về tổ chức, chức năng và cơ chế làm việc của Ủy ban Quản lý Chất lượng không khí của Đô thị đặc biệt và các bộ phận giúp việc ủy ban. Đối với việc kiểm soát các nguồn ô nhiễm trong hoạt động kinh

doanh, Sắc Luật quy định về thủ tục, điều kiện để cấp các loại giấy phép đối với các cơ sở kinh doanh có khả năng gây ô nhiễm không khí, giới hạn của các loại giấy phép, phân bổ khối lượng được phép phát thải của các nguồn gây ô nhiễm để có thể kiểm soát được ô nhiễm không khí. Sắc Luật cũng quy định việc chuyển nhượng quyền phát thải và điều chỉnh khối lượng phát thải, các biện pháp chế tài trong phát thải, kiểm soát ô nhiễm của các phương tiện giao thông đường bộ nhằm quản lý chặt chẽ việc phát thải của các phương tiện. Ngoài ra Sắc luật Đặc biệt về Nâng cao chất lượng không khí của khu vực đô thị đặc biệt Seoul cũng có quy định các cơ chế tài chính nhằm bảo đảm hiệu quả thực thi của việc giảm phát thải gây ô nhiễm không khí.

### **Phần thứ hai:**

## **KIẾN NGHỊ ÁP DỤNG MỘT SỐ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI TRONG VIỆC XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THỦ ĐÔ CỦA VIỆT NAM**

### **I. Về những vấn đề chung về văn bản**

#### ***1. Bố cục của văn bản***

Có thể theo kinh nghiệm của Liên Bang Nga, Belarus và Kazkhanstan, theo đó, văn bản cần được bố cục theo chương, điều, khoản, điểm cho rõ ràng, mạch lạc và dễ quy định nội dung trong đó. Bố cục theo hướng này cũng phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 và thực tiễn làm luật ở nước ta.

#### ***2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng***

Kinh nghiệm của Thổ Nhĩ Kỳ (Điều 2 Luật Thủ đô) là hữu ích, theo đó nên thiết kế một điều luật riêng quy định về phạm vi điều chỉnh ngay từ phần đầu của dự án Luật Thủ đô để đọc là hiểu ngay Luật này quy định về những vấn đề gì. Tuy nhiên, vì Điều luật này của Thổ Nhĩ Kỳ quá chung chung, cho nên có thể tham khảo nội dung tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế thành phố Matxcova để xây dựng. Cụ thể là: *“Quy chế thành phố Matxcova quy định các thiết chế của thành phố; nguyên tắc, phương thức tổ chức và hoạt động của các cơ quan chính quyền; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, sự phối hợp, các bảo đảm về kinh tế - tài chính, cơ sở vật chất của các cơ quan đó; phương thức tổ chức và hoạt động của các cơ quan tự quản địa phương; phương thức thực hiện quyền lực của nhân dân thông qua hoạt động của các cơ quan chính quyền và các cơ quan tự quản địa phương của thành phố Matxcova”*.

Trong số tất cả các văn bản đã dịch, không văn bản nào mà điều luật về phạm vi điều chỉnh có quy định là luật hay quy chế đó quy định về “cơ chế đặc thù” cho Thủ đô, mà các cơ chế đặc thù này được thể hiện trong nội dung các điều cụ thể. Hoặc chỉ quy định: *những vấn đề có liên quan tới Thủ đô được pháp luật và Quy chế này quy định* (Điều 1 Quy chế của Belarus), *Luật này điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trong phạm vi chức năng của thủ đô Cộng hòa*

*Kazakhstan, quy định những cơ sở pháp lý, kinh tế, tổ chức trong hoạt động của thủ đô* (Lời nói đầu của Luật Thủ đô của Kazakhstan).

Về phạm vi áp dụng: có thể tham khảo kinh nghiệm của Liên bang Nga, theo đó chỉ quy định phạm vi áp dụng về không gian, tức là được áp dụng trên toàn lãnh thổ thành phố (khoản 2 Điều 10 Quy chế). Quy định như vậy là hợp lý vì nếu quy định phạm vi áp dụng là cơ quan, tổ chức, cá nhân thì dễ bị thiếu vì khách vãng lai không phải là người cư trú trên địa bàn Thủ đô, nhưng một khi đến Thủ đô thì phải chịu sự điều chỉnh của Luật Thủ đô.

Về phạm vi quy định: việc quy định tương đối toàn diện các vấn đề liên quan đến Thủ đô của Nga, Belarus, Kazakhstan và Thổ Nhĩ Kỳ là kinh nghiệm có thể được nghiên cứu để xây dựng Luật Thủ đô.

### **3. Mục đích của Luật**

Trong số các tài liệu đã tham khảo, chỉ có Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ thiết kế một điều riêng về mục đích của Luật: *“Luật này nhằm mục đích quy định địa vị pháp lý của các thủ đô và bảo đảm các hoạt động được thực hiện theo chương trình, kế hoạch đề ra một cách hiệu lực, hiệu quả và hài hòa”*. Tổ Công tác cho rằng cần thiết kế một điều riêng về mục đích của Luật Thủ đô, nhưng cách quy định của Thổ Nhĩ Kỳ không phù hợp với ý định của Ban soạn thảo là điều luật về mục đích phải xác định rõ Luật Thủ đô không chỉ trao cơ chế “thuận lợi” cho Hà Nội, mà còn đòi hỏi chính quyền và nhân dân Hà Nội phải gương mẫu hơn cho xứng đáng với vị trí của chính quyền và nhân dân của một thành phố là Thủ đô của cả nước.

### **4. Quan hệ giữa luật, quy chế về thủ đô với Hiến pháp, luật quốc gia, điều ước quốc tế**

Liên quan đến Hiến pháp thì không cần phải quy định về ưu tiên áp dụng vì nguyên tắc này đã được khẳng định ngay từ phần cơ sở pháp lý để ban hành Luật. Đối với quan hệ giữa Luật Thủ đô và các luật khác, trong dự thảo Luật Thủ đô cần thiết kế một điều riêng để giải quyết theo nguyên tắc quy định của Luật Thủ đô được ưu tiên áp dụng so với quy định của các luật khác về cùng một vấn đề liên quan đến Thủ đô Hà Nội, vì Luật Thủ đô là luật riêng về Thủ đô. Có thể thiết kế một khoản trong Điều này để quy định về ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế trong trường hợp Luật Thủ đô có điều khoản trái với điều ước mà Việt Nam là thành viên.

### **5. Về vị trí của Thủ đô**

Trong số các văn bản pháp luật về thủ đô của các nước mà Tổ Công tác đã nghiên cứu thì thấy rằng các tiếp cận của Trung Quốc trong Quy chế về quy hoạch của thành phố Bắc Kinh là kinh nghiệm mà Việt Nam nên tham khảo. Theo đó, Trung Quốc xác định Bắc Kinh là trung tâm chính trị và văn hóa của đất nước, là thành phố nổi tiếng về lịch sử và văn hóa. Trung Quốc không xác

định Thủ đô Bắc Kinh là trung tâm kinh tế, thương mại, mà yêu cầu “việc phát triển của kinh tế đô thị phải phù hợp với tính chất và đặc trưng của Thành phố. Cấu trúc công nghiệp phải được điều chỉnh và tối ưu hóa, tập trung phát triển ngành công nghiệp có công nghệ cao và công nghệ mới, công nghiệp địa chất cần được phát triển và hạn chế chặt chẽ ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng, sử dụng lượng nước lớn, cần nhiều sự chuyên chở, chiếm không gian lớn, hoặc gây ra ô nhiễm nghiêm trọng”.

Qua kết quả nghiên cứu mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền thủ đô tại một số nước trên thế giới có thể thấy một số nét chung đó là: Là nơi tập trung đông dân cư với mật độ sinh sống cao; tổng giá trị sản phẩm của đô thị và thu nhập bình quân đầu người cao; tập trung đầu mối giao thông; tập trung hàng hoá, tập trung khoa học và công nghệ cao; tập trung các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế; tập trung các hoạt động du lịch; quy hoạch không gian mở với kiến trúc cảnh quan đô thị đặc trưng, lồng ghép hài hoà với cảnh quan môi trường thiên nhiên; bảo vệ môi trường và có nhiều trụ sở của các tổ chức quốc tế, các tập đoàn danh tiếng trong nước và trên thế giới... Hệ thống cấu trúc thứ bậc chính quyền đô thị gồm chính quyền đô thị thành phố và chính quyền cơ sở (quận), có thể có chính quyền trung gian (huyện).

### **6. Về biểu tượng của Thủ đô**

Luật, Quy chế của Kazkhastan, Liên bang Nga và Belarus có quy định về huy hiệu, cờ và bài ca riêng của Thủ đô và thẩm quyền quy định về hình mẫu huy hiệu, cờ và bài ca, trình tự, thủ tục thể hiện. Tổ Công tác cho rằng kinh nghiệm này cũng cần được nghiên cứu áp dụng.

### **7. Về quyền, nghĩa vụ của công dân Thủ đô**

Luật, Quy chế về Thủ đô của một số nước như Liên bang Nga, Belarus, Kazkhastan có quy định về quyền và nghĩa vụ của cư dân thủ đô.

## **II. Về cơ chế đặc thù**

### **1. Về tổ chức bộ máy**

*1.1. Những nguyên tắc cơ bản trong cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính quyền thủ đô.*

Điều lệ châu Âu về quyền tự quản địa phương quy định các nguyên tắc về chính quyền địa phương, theo đó chính quyền phải mạnh, hiệu quả, mang tính tự quản, minh bạch và có trách nhiệm với mức độ tối ưu về các thiết chế, sự tham gia và khả năng đáp ứng nhu cầu của công dân. Tự quản không phải là “độc lập” mà là cách thức quản lý nhằm giảm bớt sự quan liêu trong việc quản lý từ chính quyền trung ương. Sự tự quản của chính quyền địa phương cần được quy định trong pháp luật quốc gia, và khi có thể, trong Hiến pháp. Kinh nghiệm này của Liên minh châu Âu cần được tham khảo khi thiết kế chương về tổ chức bộ máy trong dự án Luật Thủ đô.

### *1.2. Cơ cấu của chính quyền thủ đô*

Theo các luật, quy chế về thủ đô các nước mà Tổ Công tác đã nghiên cứu thì cơ cấu của chính quyền Thủ đô gồm 3 thiết chế cơ bản: cơ quan dân cử, cơ quan hành chính và người đứng đầu thành phố với các tên gọi khác nhau. Cơ cấu này không có gì khác biệt nhiều so với cơ cấu hiện tại của chính quyền Thủ đô Hà Nội, do vậy Tổ thấy không cần tham khảo.

Riêng chế định Hội đồng kiến trúc sư trưởng của Kazakhstan là có thể nghiên cứu để áp dụng nhằm tăng cường sự phối hợp trong hoạt động thực hiện quy hoạch chung về xây dựng, kiến thiết Thủ đô.

### *1.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền thủ đô và các thiết chế khác của thủ đô*

Về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Thủ đô, Tổ Công tác thấy cần tham khảo các nguyên tắc nêu tại Điều 3 của Điều lệ châu Âu về quyền tự quản địa phương, theo đó chính quyền địa phương là các cơ quan địa phương có thẩm quyền quản lý và hành chính trong việc cung cấp dịch vụ cho công chúng vì lợi ích địa phương và trong khuôn khổ pháp luật. Về thẩm quyền trong khâu tuyển dụng nhân sự thì cần tham khảo cách tiếp cận tại Điều 22 Luật Thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ, theo đó giao Thị trưởng bổ nhiệm nhân sự của Thủ đô. Viên chức của Thủ đô, trừ những người làm việc theo chế độ hợp đồng, hàng năm có thể được nhận tiền thưởng với mức tối đa là 2 lần trên cơ sở mức độ hoàn thành công tác của họ và theo thời gian công tác. Việc quy định về nhiệm vụ của chính quyền Thủ đô đối với cơ quan trung ương, tổ chức quốc tế... đóng trên địa bàn thành phố theo kinh nghiệm của Kazakhstan là đáng tham khảo.

Về cách thức quy định, Tổ Công tác cho rằng cần có một quy định về nhiệm vụ, quyền hạn chung của chính quyền Thủ đô, sau đó thiết kế các điều để quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của từng thiết chế của chính quyền Thủ đô (kinh nghiệm của Kazakhstan, Liên bang Nga).

### *1.4. Mối quan hệ giữa Chính quyền Thủ đô và chính quyền trung ương*

Theo Tổ Công tác, quan hệ giữa chính quyền thủ đô và chính quyền trung ương cần được thiết lập trên những nguyên tắc nhất định. Về vấn đề này, các nguyên tắc nêu trong Điều 4 của Quy chế châu Âu về quyền tự quản địa phương có thể được tham khảo, theo đó “*quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương phải được quy định trong hiến pháp và các đạo luật*”. Như vậy, các cơ quan trung ương không được can thiệp hoặc hạn chế quyền này của chính quyền địa phương, trừ trong trường hợp do luật quy định.

Kinh nghiệm của các nước cho thấy mối quan hệ giữa chính quyền Trung ương và chính quyền Thủ đô phải được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp và các luật, theo đó mỗi cấp có nhiệm vụ, quyền hạn riêng của mình; chính quyền Trung ương không chỉ đạo hay can thiệp vào công việc của chính quyền thủ đô



và ngược lại chính quyền thủ đô không lạm vào quyền của chính quyền Trung ương. Một trong những nhiệm vụ của chính quyền thủ đô Hà Nội trong quan hệ với cơ quan trung ương là tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, ngành và các cơ quan nhà nước cấp trung ương khác, cũng như các cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài đóng trên địa bàn.

Về cách thiết kế các điều luật quy định về mối quan hệ này, có thể tham khảo kinh nghiệm của Belarus, theo đó sẽ xây dựng các điều riêng về quan hệ phối hợp giữa chính quyền Thủ đô với từng cơ quan trung ương (Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành v.v...).

### ***2. Cơ chế đặc thù về văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, du lịch, thể thao, môi trường***

Kinh nghiệm của Thổ Nhĩ Kỳ trong việc quy định cụ thể thẩm quyền của chính quyền Thủ đô trong từng lĩnh vực cụ thể về văn hoá, giáo dục, y tế, thể thao, giải trí có thể được nghiên cứu học tập để đưa vào dự án Luật Thủ đô.

### ***3. Cơ chế đặc thù về quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị***

Trong lĩnh vực này, Bộ Tư pháp thấy rằng kinh nghiệm của Kazakhstan trong việc thành lập Hội đồng kiến trúc sư thành phố với những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể; các quy định trong Quy chế về quy hoạch đô thị của Thủ đô Bắc Kinh và kinh nghiệm của Hàn Quốc về Ủy ban Ủy ban Điều chỉnh Quy hoạch Khu đô thị đặc biệt Seoul cần được nghiên cứu, chọn lọc để thể hiện trong dự thảo Luật Thủ đô.

Việc Quy chế về quy hoạch đô thị của Bắc Kinh quy định về Cơ quan quản lý về quy hoạch và Viện nghiên cứu thiết kế, cũng như cho phép chính quyền thành phố Bắc Kinh ban hành các biện pháp cụ thể về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quy hoạch thành phố cũng rất đáng tham khảo.

### ***4. Cơ chế đặc thù về kinh tế, tài chính***

Kinh nghiệm của Liên bang Nga về việc hoàn trả đầy đủ cho Matxcova những chi phí do Matxcova thực hiện chức năng là Thủ đô của Liên Bang Nga như: những chi phí và thiệt hại của ngân sách thành phố do thực hiện chức năng là thủ đô của Liên bang Nga từ ngân sách Liên bang và được các cơ quan chính quyền, cơ quan, tổ chức, các cơ quan đại diện của các chủ thể Liên bang và Đại sứ quán nước ngoài chi trả theo quy định của pháp luật, căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết, trong đó tính cả những lợi ích do sử dụng tài sản, cơ sở vật chất thuộc quyền sở hữu của thành phố và những dịch vụ do thành phố cung cấp.

Kinh nghiệm của Belarus về việc Nhà nước phân bổ một phần ngân sách nhà nước cho thành phố; tài trợ, trợ cấp các khoản kinh phí cần thiết để thành phố thực hiện chức năng là thủ đô và bổ sung các khoản chi cho cơ quan quản lý, điều hành của thành phố có liên quan tới việc thành phố thực hiện chức năng

là thủ đô của đất nước mà thực tế có các khoản chi phí chưa được dự toán trong ngân sách cũng cần được nghiên cứu áp dụng.

Liên quan đến quỹ của Thủ đô, có thể tham khảo thêm kinh nghiệm về Quỹ dự phòng của Thủ đô của Ấn Độ với số tiền do luật định và số tiền do Phó Thủ hiến quản lý và quyết định cho tạm ứng khi cần.

Quy định cụ thể về từng khoản thu, chi của Thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ, trong đó có tiền do Ngân hàng chuyển đến, tiền thuế, phí, tiền hiến tặng, phần trăm trích lại từ tiền thu thuế, tiền phạt, tiền cho thuê động sản, bất động sản cùng là kinh nghiệm hay cần nghiên cứu áp dụng.

Tại Bỉ, hàng năm thành phố Brussels được nhận được khoản hỗ trợ nhất định từ ngân sách nhà nước và chính quyền Khu vực Thủ đô Brussels được quyền quy định và thu thuế trong giới hạn hợp lý cũng là kinh nghiệm tốt cho việc xây dựng Luật Thủ đô của Việt Nam.

### ***5. Cơ chế đặc thù về quốc phòng, an ninh, đối ngoại***

- Về quốc phòng: Vì không có luật hay quy chế nào của 10 nước nghiên cứu quy định về vấn đề quốc phòng hoặc nhiệm vụ kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế Thủ đô, cho nên Tổ Công tác không thể kiến nghị về việc áp dụng kinh nghiệm của các nước.

- Về an ninh: Tổ Công tác cho rằng kinh nghiệm của Belarus và Liên bang Nga có thể nghiên cứu để áp dụng vào dự án Luật Thủ đô vì Quy chế của Belarus và của Liên bang Nga cho phép chính quyền Thủ đô ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định các điều kiện nhập cảnh vào thành phố; đăng ký hộ khẩu, tạm trú của người dân; phân luồng giao thông; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

Kinh nghiệm của Liên bang Nga trong việc trao cho Thị trưởng thành phố quyền thành lập các phòng, đội cảnh sát bảo vệ trật tự, trị an và giao cho pháp luật thành phố quy định thành phần, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị cảnh sát này cũng cần được nghiên cứu quy định trong dự án Luật Thủ đô.

- Về đối ngoại: Quy định về việc cho phép chính quyền Thủ đô của Bỉ được ký kết điều ước quốc tế trong phạm vi thẩm quyền của mình là kinh nghiệm mà Tổ Công tác cho rằng có thể tham khảo để áp dụng đối với Hà Nội. Tổ Công tác thấy rằng kinh nghiệm của Nga trong việc cho phép Thị trưởng Matxcova thiết lập mối quan hệ giữa thành phố với các vùng của Liên bang và với thế giới, trong đó có các vấn đề mang tầm quốc gia cũng có thể được nghiên cứu để quy định trong dự án Luật Thủ đô. Việc cho phép chính quyền Thủ đô tham dự giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động quốc gia và quốc tế trên địa bàn Thủ đô của Kazakhstan cũng hợp lý và có thể xem xét áp dụng vào hoàn cảnh của Việt Nam.

### ***6. Cơ chế đặc thù về bảo vệ môi trường***

Kinh nghiệm của Hàn Quốc quy định về đặt ra các tiêu chí về chất lượng không khí trong các quy hoạch tổng thể và trong việc thực hiện quy hoạch. Bên cạnh đó, Luật cũng yêu cầu phải xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển phải thân thiện với môi trường. Quy định về cơ quan thực hiện (Ủy ban Quản lý Chất lượng không khí của Đô thị đặc biệt và các bộ phận giúp việc Ủy ban). Quy định về thủ tục, điều kiện để cấp các loại giấy phép đối với các cơ sở kinh doanh có khả năng gây ô nhiễm không khí, giới hạn của các loại giấy phép, phân bổ khối lượng được phép phát thải của các nguồn gây ô nhiễm để có thể kiểm soát được ô nhiễm không khí; quy định các cơ chế tài chính nhằm bảo đảm hiệu quả thực thi của việc giảm phát thải gây ô nhiễm không khí là hợp lý và có thể xem xét áp dụng vào hoàn cảnh của Việt Nam.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu pháp luật về thủ đô của một số nước trên thế giới để nghiên cứu, đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)/.

---

Số: / /ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Dự thảo

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Quy định chi tiết chế độ công vụ, biên chế**  
**của cơ quan, đơn vị ở thành phố Hà Nội**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày tháng năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ công vụ và biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về chế độ công vụ, biên chế của cơ quan, đơn vị ở thành phố Hà Nội, gồm:

- Cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã;
- Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (sau đây gọi chung là cơ quan cấp sở); các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội (sau đây gọi chung là cơ quan cấp huyện);
- Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cán bộ được quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 làm việc tại các cơ quan Đảng, nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố Hà Nội, các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; cán bộ làm việc tại xã, phường, thị trấn.

2. Công chức được quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, làm việc tại các cơ quan Đảng, nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố Hà

Nội, các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**

#### **Điều 3. Biên chế**

Biên chế cán bộ, công chức các cơ quan Đảng, nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở thành phố Hà Nội được xác định theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

#### **Điều 4. Bố trí, tuyển dụng, quản lý cán bộ, công chức**

##### **1. Bố trí cán bộ**

Cán bộ được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của các đoàn thể chính trị - xã hội.

##### **2. Tuyển dụng công chức**

a) Thẩm quyền tuyển dụng công chức thuộc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc thành phố Hà Nội do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện;

b) Thẩm quyền tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội được thực hiện theo các quy định của Đảng.

##### **3. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng công chức:**

a) Điều kiện đăng ký tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định của Đảng và pháp luật hiện hành;

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh cần tuyển.

Công chức là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: tiêu chuẩn và bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

##### **4. Hình thức tuyển dụng công chức**

Việc tuyển dụng công chức được thực hiện bằng các hình thức sau:

a) Cán bộ Đảng, nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp ở thành phố Hà Nội, trong trường hợp chưa từng là công chức, được chuyển thành công chức nếu đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn:

Đã có thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ từ đủ 05 năm công tác trở lên tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội khi thôi giữ chức vụ cán bộ, không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên

quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

Có trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển hoặc phù hợp với lĩnh vực tiếp nhận;

Khi tiếp nhận các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này vào công chức không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu tiếp nhận ban hành quyết định tiếp nhận.

b) Các đối tượng khác thực hiện thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào công chức theo quy định hiện hành.

Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức được áp dụng quy định của Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

5. Việc quản lý cán bộ, công chức thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và phân cấp quản lý của thành phố Hà Nội.

### **Chương III**

#### **KÝ HỢP ĐỒNG HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**

##### **Điều 5. Ký hợp đồng**

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký hợp đồng hành chính thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ có thời hạn không quá 12 tháng để đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực còn thiếu so với đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định số lượng hợp đồng lao động đối với các cơ quan, đơn vị có nhu cầu theo đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của người được đề nghị ký hợp đồng phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, trình độ chuyên môn của vị trí việc làm.

Thành phần hồ sơ của người được đề nghị ký hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng được áp dụng quy định của Chính phủ về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

##### **Điều 6. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện hợp đồng đối với số lao động hợp đồng do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm      .
2. Cán bộ, công chức cấp xã, cán bộ cấp huyện thuộc thành phố Hà Nội được bầu cử, tuyển dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực được áp dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

Số: /2024/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chi tiết về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ....**

(Từ ngày.....đến ngày ..... tháng ..... năm 2024)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;*

*Căn cứ Luật Thủ đô năm 2024;*

*Xét Tờ trình số ..... /TTr-UBND ngày ...../...../2024 của UBND thành phố Hà Nội đề nghị HĐND thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND thành phố Hà Nội và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND thành phố Hà Nội.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan; người nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

**Điều 2. Thẩm quyền, điều kiện tặng, thu hồi danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”**

1. Thẩm quyền tặng, thu hồi: UBND thành phố Hà Nội.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn:

Cá nhân được xét tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô” phải đạt các điều kiện, tiêu chuẩn sau:



a) Cá nhân là người nước ngoài có đóng góp đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô hoặc trong việc mở rộng, tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô, vì mục tiêu hòa bình, tiến bộ xã hội;

b) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Mỗi cá nhân được tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô” một lần. Không áp dụng hình thức truy tặng.

### **Điều 3. Thủ tục tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”**

1. Quy trình xét tặng:

a) Các tổ chức trong và ngoài nước giới thiệu và đề nghị UBND thành phố Hà Nội tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”.

b) Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội (Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội):

Rà soát, thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội xem xét.

Tổng hợp, tham mưu Ban Cán sự đảng UBND thành phố Hà Nội báo cáo xin ý kiến Thường trực Thành ủy Hà Nội danh sách các cá nhân dự kiến tặng thưởng.

Tổng hợp, trình Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của tổ chức đề nghị xét tặng.

b) Trích ngang thành tích cá nhân có xác nhận của tổ chức đề nghị xét tặng.

c) Các hồ sơ khác có liên quan (nếu có).

3. Tổ chức trao tặng:

a) Thành phố tổ chức trao tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô” theo nghi thức đối ngoại của Thành phố.

b) Đối với trường hợp cá nhân được tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô” không có điều kiện sang Việt Nam để nhận thưởng, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định tặng thưởng danh hiệu, Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội có trách nhiệm tham mưu UBND thành phố Hà Nội có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao phối hợp chuyên quyết định và hiện vật khen thưởng đến Đại sứ quán các nước có cá nhân được khen thưởng để trao tặng.

c) Cá nhân được tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô” được tặng Huy hiệu, Bằng công nhận “Công dân danh dự Thủ đô” và tiền thưởng bằng 12,5 lần mức lương tối thiểu, được ghi tên vào Sổ vàng truyền thống của thành phố Hà Nội.

## **Điều 4. Thu hồi danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”**

1. Cá nhân đã được tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô” nếu vi phạm điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này thì sẽ bị thu hồi danh hiệu, hiện vật và tiền thưởng. Việc thu hồi danh hiệu, hiện vật và tiền thưởng được thực hiện bằng quyết định hành chính gửi tới cá nhân bị thu hồi và thông báo tới Bộ Ngoại giao nước mà người đó mang quốc tịch, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để biết.

2. Quy trình thu hồi:

a) Tổ chức đã giới thiệu và đề nghị UBND thành phố Hà Nội tặng danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô” có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị UBND thành phố Hà Nội thu hồi danh hiệu, hiện vật và tiền thưởng đối với cá nhân vi phạm.

b) Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội tổng hợp, đề xuất và tham mưu Ban Cán sự đảng UBND thành phố Hà Nội báo cáo xin ý kiến Thường trực Thành ủy Hà Nội cá nhân dự kiến thu hồi.

Tổng hợp, trình Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội xem xét, quyết định.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm .

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội.

3. Giao UBND thành phố Hà Nội tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

4. Giao Thường trực HĐND thành phố Hà Nội, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI thông qua tại kỳ họp thứ...../.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP QH, VP CP;
- Ban Công tác ĐBQH;
- Các Bộ, Ngành Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- TT HĐND TP; UBND TP; UBMTTQ TP;
- Các Ban HĐND TP; Đại biểu HĐND TP;
- VPTU, VPĐBQH&HĐNDTP; VPUBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

Số: /2024/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chí về cơ sở vật chất; đội ngũ giáo viên; chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục chất lượng cao**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày... tháng ...năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số .../TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định các tiêu chí về cơ sở vật chất; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chương trình giảng dạy; phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao (sau đây gọi tắt là các tiêu chí) áp dụng tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông chất lượng cao.

2. Văn bản này áp dụng với các trường học hoạt động theo mô hình trường chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội:

a) Trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ (gọi chung là trường mầm non).

b) Trường tiểu học.

c) Trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là trường trung học).

##### Điều 2. Nguyên tắc phát triển trường chất lượng cao

1. Chỉ phát triển trường chất lượng cao ở những khu vực đã có đủ chỗ học cho các đối tượng phổ cập.

2. Việc theo học tại các trường chất lượng cao theo nguyên tắc tự nguyện.

### Chương II

**TIÊU CHÍ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC,  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CHẤT LƯỢNG CAO**

**Điều 3. Tiêu chí trường mầm non chất lượng cao**

**1. Tiêu chí cơ sở vật chất**

a) Diện tích khu đất xây dựng trường được xác định trên cơ sở số nhóm, lớp, số trẻ em với bình quân tối thiểu 12m<sup>2</sup> cho một trẻ em. Trường mầm non có duy nhất 01 điểm trường, có quy mô tối thiểu 09 nhóm, lớp và tối đa 20 nhóm, lớp. Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, cán bộ, giáo viên và nhân viên. Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.

Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em cao không quá 03 tầng; bảo đảm điều kiện cho trẻ em khuyết tật tiếp cận sử dụng. Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%; Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): không dưới 40%; Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.

Tất cả các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp IV trở lên. Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn; cổng trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

b) Hạ tầng kỹ thuật đảm bảo theo quy định; có hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy, được nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại, kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; hạ tầng công nghệ thông tin theo mô hình trường học điện tử, thông minh, khai thác và sử dụng hiệu quả trong công tác quản lý và dạy học.

Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, cách khối nhà học không dưới 25 m và nằm ở cuối hướng gió không ảnh hưởng đến môi trường.

c) Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em: Bảo đảm mỗi nhóm, lớp có một phòng, bao gồm các phân khu chức năng: Khu sinh hoạt chung: tối thiểu 1,50m<sup>2</sup>/trẻ em, để tổ chức các hoạt động học, chơi và ăn; Nơi ngủ: tối thiểu 1,20m<sup>2</sup>/trẻ em (Đối với nhóm, lớp mẫu giáo có thể sử dụng chung với khu sinh

hoạt chung). Khu vệ sinh: tối thiểu  $0,40\text{m}^2/\text{trẻ em}$ , được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, đối với trẻ em mẫu giáo cần bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; Có khu rửa tay riêng, có vách ngăn cao  $1,20\text{m}$  giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, số lượng và chất lượng thiết bị vệ sinh hiện đại đảm bảo phù hợp với số lượng và độ tuổi của trẻ; Có tối thiểu 01 phòng vệ sinh cá nhân cho trẻ được trang bị vòi hoa sen, bình nóng lạnh; Hiên chơi phía trước và sau, tối thiểu  $0,50\text{m}^2/\text{trẻ em}$ ; xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao không nhỏ hơn  $1,0\text{m}$ ; Có kho nhóm, lớp tối thiểu  $6\text{m}^2/\text{kho}$ ; để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập; Có phòng giáo viên tối thiểu  $12\text{m}^2/\text{phòng}$ , bố trí liền kề với khu sinh hoạt chung và ngủ của trẻ em; Đảm bảo tiêu chuẩn ánh sáng học đường, đảm bảo không khí, nhiệt độ phù hợp.

d) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, tin học, ngoại ngữ: tối thiểu  $2\text{m}^2/\text{trẻ em}$ , liên hệ với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bằng hành lang giao thông. Đối với trường có quy mô đến 14 nhóm, lớp, có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất và 01 phòng đa năng; đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 02 phòng giáo dục nghệ thuật, 02 phòng giáo dục thể chất và bảo đảm bố trí riêng cho từng nhóm độ tuổi;

Thư viện: được bố trí tại khu vực thuận tiện cho việc tiếp cận và sử dụng của trẻ em, đặc biệt đối với trẻ em khuyết tật; ưu tiên bố trí tại tầng một (tầng trệt) gần khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định; Không gian đọc cho trẻ em và giáo viên bảo đảm thoáng mát, yên tĩnh, an toàn; Phòng đọc cho trẻ em tối thiểu 25 chỗ, bảo đảm diện tích một chỗ ngồi trong phòng đọc không nhỏ hơn  $1,5\text{ m}^2/\text{chỗ}$ ; phòng đọc cho giáo viên tối thiểu 15 chỗ, bảo đảm diện tích một chỗ ngồi trong phòng đọc không nhỏ hơn  $2,4\text{ m}^2/\text{chỗ}$ ; Khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin bảo đảm đủ diện tích để chứa các tài nguyên thông tin, bảo đảm việc quản lý, phù hợp với đặc thù của từng loại tài nguyên thông tin, diện tích kho sách kín tối thiểu  $2,5\text{ m}^2/1000$  đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở tối thiểu  $4,5\text{ m}^2/1000$  đơn vị tài nguyên thông tin; Khu vực mượn trả và quản lý không nhỏ hơn  $06\text{ m}^2/\text{người}$  làm công tác thư viện. Thư viện được trang bị đầy đủ các tủ, giá, kệ, máy tính kết nối internet, máy in, phương tiện nghe nhìn, phần mềm, đầu sách, báo... thiết bị chuyên dùng, thiết bị công nghệ thông tin khác theo quy định, đáp ứng yêu cầu hoạt động của thư viện.

Có tối thiểu 01 phòng tin học  $40\text{m}^2/\text{phòng}$ , với thiết bị công nghệ thông tin phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ của trẻ với đủ trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng hoạt động.

đ) Sân chơi riêng: tối thiểu  $1\text{m}^2/\text{trẻ em}$  nhà trẻ;  $2\text{m}^2/\text{trẻ em}$  mẫu giáo được bố trí theo từng nhóm, lớp, lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định. Sân vườn: tối thiểu  $3\text{m}^2/\text{trẻ em}$ , gồm sân chơi chung và vườn cây, bãi cỏ; được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời. Sân

bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh tạo bóng mát sân trường; Có sân vườn dành riêng cho trẻ em khám phá, trải nghiệm; tối thiểu  $0,30\text{m}^2/\text{trẻ em}$ .

e) Khối phòng hành chính quản trị: có đủ các phòng làm việc cho Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Văn phòng trường, nhân viên, bảo vệ; có đủ các máy móc, thiết bị và điều kiện để hoạt động đảm bảo hiện đại, đáp ứng yêu cầu; có đủ khu vệ sinh, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định.

g) Khối phòng tổ chức ăn:

Nhà bếp: có diện tích tối thiểu  $0,30\text{m}^2/\text{trẻ em}$ , độc lập với các khối phòng chức năng khác; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều;

Kho bếp: phân chia riêng biệt kho lương thực tối thiểu  $12\text{m}^2/\text{kho}$  và kho thực phẩm tối thiểu  $10\text{m}^2/\text{kho}$ ; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;

Có đủ có trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, đảm bảo vệ sinh, an toàn phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trong nhà trường.

h) Khối phụ trợ:

Phòng họp: đảm bảo tối thiểu  $1,20\text{m}^2/\text{người}$ , sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

Phòng Y tế: tối thiểu từ  $10\text{m}^2/\text{phòng}$  trở lên, vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh, có phòng vệ sinh khép kín;

Nhà kho: tối thiểu  $40\text{m}^2/\text{kho}$ , để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

Có Hội trường, phòng tư vấn tâm lý, phòng hoạt động cá nhân của trẻ khuyết tật với đủ trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng các hoạt động của trường.

i) Thiết bị dạy học trang bị bảo đảm theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tất cả các phòng học, phòng chức năng, ngoài trời, thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động của trường.

Ngoài các yêu cầu trên, các trường căn cứ vào định hướng, mục tiêu chất lượng cao để đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu dạy, học và dịch vụ giáo dục của trường.

## **2. Tiêu chí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại tốt theo Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có bằng Cử nhân sư phạm trở lên; có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên (*đối với các trường công lập*); có bằng hoặc chứng chỉ quản lý giáo dục; 100% có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại

ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; có năng lực quản trị nhà trường và xây dựng trường phát triển theo hướng hội nhập quốc tế.

c) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên theo quy định đối với bậc học, trong đó ít nhất 70% giáo viên có trình độ trên chuẩn; 100% có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó có ít nhất 30% xếp loại tốt. Có ít nhất 90% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, trong đó có ít nhất 50% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quận (huyện, thị xã); có giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố; Có giáo viên chuyên biệt dạy các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất, tiếng Anh.

d) Có đủ số lượng nhân viên đảm nhiệm các vị trí việc làm; 100% nhân viên đạt chuẩn đào tạo trở lên theo đúng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm; 100% nhân viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 80% hoàn thành tốt nhiệm vụ.

đ) Hàng năm có 100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng đạo đức nhà giáo, chuyên môn nghiệp vụ quản lý, quản trị tự chủ nhà trường và đổi mới phương pháp giáo dục mầm non. Được tham quan, học tập các điển hình tiên tiến trong nước hoặc quốc tế.

e) Có giáo viên trong nước và nước ngoài đáp ứng yêu cầu cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh.

### **3. Tiêu chí chương trình giảng dạy**

Chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao được xây dựng trên cơ sở chương trình giáo dục của Việt Nam hiện hành, theo hướng tiếp cận với chương trình giảng dạy của các nước tiên tiến; được thẩm định, phê duyệt và tổ chức dạy học theo đúng quy định.

### **4. Tiêu chí phương pháp giảng dạy**

a) Phương pháp giảng dạy trong trường mầm non chất lượng cao được áp dụng linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả trên cơ sở kết hợp phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

b) Cán bộ quản lý, giáo viên có kiến thức, kỹ năng ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến; tổ chức hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm phù hợp với đối tượng trẻ.

c) Các hoạt động được đổi mới phương pháp, chú trọng tiếp cận và phát huy năng lực cá nhân trẻ. Đổi mới hình thức đánh giá hoạt động của giáo viên và trẻ, quan tâm đến khả năng và quá trình hoạt động của từng cá nhân trẻ.

d) Tổ chức các hoạt động phát triển thể chất, thẩm mỹ theo hướng phát triển năng lực cá nhân do giáo viên chuyên biệt hướng dẫn.

## **5. Tiêu chí các dịch vụ giáo dục chất lượng cao**

a) Nhà trường có các dịch vụ chất lượng cao phù hợp đáp ứng nhu cầu của cha mẹ trẻ (dịch vụ bán trú; dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ; dịch vụ đưa đón trẻ...).

b) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình để nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc giáo dục trẻ. Có hệ thống thông tin hai chiều trực tuyến. Nội dung công khai trên Trang thông tin điện tử của nhà trường thực hiện theo đúng quy định.

c) Cam kết chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ và các điều kiện đảm bảo chất lượng:

Đảm bảo đúng các điều kiện và chất lượng công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình bổ sung nâng cao. 100% trẻ được tham gia các hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức;

Đánh giá cuối giai đoạn: Ít nhất 95% trẻ đạt yêu cầu theo mục tiêu của chương trình bổ sung nâng cao;

100% học sinh được khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ và tư vấn dinh dưỡng sức khỏe, tâm lý ít nhất 02 lần/năm (được khám sàng lọc tâm lý khi vào trường);

Trắc nghiệm mức độ hài lòng của cha mẹ: Ít nhất 90% cha mẹ trẻ đánh giá hài lòng. Kết quả đánh giá hàng năm của ban ngành xếp loại tốt.

## **Điều 4. Tiêu chí trường tiểu học chất lượng cao**

### **1. Tiêu chí cơ sở vật chất**

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10m<sup>2</sup> cho một học sinh. Đối với trường có tổ chức nội trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú bảo đảm tối thiểu 6m<sup>2</sup> cho một học sinh nội trú. Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường, cổng điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường. Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón học sinh, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.

Trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp và tối đa 30 lớp. Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên; Có kết nối giao thông thuận lợi cho học sinh đi học; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ. Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cao không quá 04 tầng (học sinh lớp 1 không bố trí tại tầng 4); bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng.

b) Hạ tầng kỹ thuật: đảm bảo theo quy định; có hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp



đây, được nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; hạ tầng công nghệ thông tin theo mô hình trường học điện tử, thông minh, khai thác và sử dụng hiệu quả trong công tác quản lý và dạy học.

Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, cách khối nhà học không dưới 25 m không ảnh hưởng đến môi trường;

Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%; Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): không dưới 40%; Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%. Tất cả các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp IV trở lên.

#### c) Phòng học:

Bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng tối thiểu  $1,35\text{m}^2$ /học sinh; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh, tối thiểu  $1,50\text{m}^2$ /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; Các phòng học đảm bảo theo quy định về ánh sáng, nhiệt độ, có đủ các trang thiết bị hiện đại sử dụng hiệu quả trong dạy và học chất lượng cao.

#### d) Phòng chức năng:

Các phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ: có tối thiểu 01 phòng, tối thiểu  $1,85\text{m}^2$ /học sinh; đối với trường có quy mô lớn hơn 25 lớp các phòng học bộ môn Tin học, Ngoại ngữ, đa chức năng: có tối thiểu 02 phòng, tối thiểu  $1,50\text{m}^2$ /học sinh. Trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng các hoạt động dạy và học chất lượng cao; các trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt công tác quản lý, dạy và học; với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại đáp ứng được yêu cầu dạy và học theo chương trình chất lượng cao.

#### đ) Khối phòng hỗ trợ học tập:

Thư viện: được bố trí tại khu vực thuận tiện cho việc tiếp cận và sử dụng của học sinh, đặc biệt đối với học sinh khuyết tật; ưu tiên bố trí tại tầng một (tầng trệt) gần khối phòng học, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định; Diện tích thư viện được xác định đối với 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường và bảo đảm định mức tối thiểu  $0,60\text{m}^2$ /học sinh. Tổng diện tích thư viện không nhỏ hơn  $54\text{m}^2$  (không tính diện tích không gian mở); Không gian đọc

cho học sinh và giáo viên bảo đảm thoáng mát, yên tĩnh, an toàn; Phòng đọc cho học sinh tối thiểu 35 chỗ, phòng đọc cho giáo viên tối thiểu 20 chỗ, bảo đảm diện tích một chỗ ngồi trong phòng đọc không nhỏ hơn  $2,4 \text{ m}^2/\text{chỗ}$ ; Khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin bảo đảm đủ diện tích để chứa các tài nguyên thông tin, bảo đảm việc quản lý, phù hợp với đặc thù của từng loại tài nguyên thông tin, diện tích kho sách kín tối thiểu  $2,5 \text{ m}^2/1000$  đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở tối thiểu  $4,5 \text{ m}^2/1000$  đơn vị tài nguyên thông tin; Khu vực mượn trả và quản lý không nhỏ hơn  $06 \text{ m}^2/\text{người}$  làm công tác thư viện. Thư viện được trang bị đầy đủ các tủ, giá, kệ, máy tính kết nối internet, máy in, phương tiện nghe nhìn, phần mềm đầu sách, báo... thiết bị chuyên dùng, thiết bị công nghệ thông tin khác theo quy định, đáp ứng yêu cầu hoạt động của thư viện.

Phòng thiết bị giáo dục: có tối thiểu 01 phòng; tối thiểu  $48\text{m}^2/\text{phòng}$ , có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: bảo đảm có 01 phòng, tối thiểu  $24\text{m}^2/\text{phòng}$ , bố trí ở tầng 1;

Phòng truyền thống: bảo đảm có 01 phòng; tối thiểu  $48\text{m}^2/\text{phòng}$ , trang bị đầy đủ các thiết bị;

Phòng Đội Thiếu niên: bảo đảm có 01 phòng; tối thiểu  $0,03\text{m}^2/\text{học sinh}$ , trang bị đầy đủ các thiết bị.

e) Khu sân chơi, thể dục thể thao:

Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường, tối thiểu  $1,50\text{m}^2/\text{học sinh}$ , sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;

Sân thể dục thể thao diện tích tối thiểu  $0,35\text{m}^2/\text{học sinh}$ , bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh. Sân thể dục thể thao ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly. Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn;

Nhà đa năng: tối thiểu  $450\text{m}^2/\text{nền}$ , sàn tập tối thiểu  $12 \times 24\text{m}$ , đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường.

g) Khối phụ trợ:

Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng, tối thiểu  $1,20\text{m}^2/\text{người}$ , trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy;

Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; tối thiểu  $24\text{m}^2/\text{phòng}$ , có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh, phòng vệ sinh riêng;

Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng, tối thiểu  $48\text{m}^2/\text{kho}$ , nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào, diện tích đáp ứng đủ chỗ để xe cho học sinh;

Khu vệ sinh học sinh: tối thiểu  $0,6\text{m}^2/1$  học sinh, bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học; bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; có đủ thiết bị vệ sinh hiện đại đáp ứng nhu cầu sử dụng;

Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng, diện tích tối thiểu  $12\text{m}^2/\text{phòng}$ ;

Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành, diện tích tối thiểu  $4\text{m}^2/\text{giáo viên}$ .

h) Khối phòng hành chính quản trị:

Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc riêng và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Phòng Phó Hiệu trưởng: có phòng làm việc riêng và có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Văn phòng: bảo đảm có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Phòng bảo vệ: bảo đảm có tối thiểu 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi, có đủ thiết bị theo quy định;

Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, có đủ thiết bị vệ sinh hiện đại đáp ứng nhu cầu sử dụng;

Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

i) Khối phục vụ sinh hoạt:

Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): tối thiểu  $0,30\text{m}^2/\text{học sinh}$ , độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;

Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực tối thiểu  $12\text{m}^2/\text{kho}$  và kho thực phẩm tối thiểu  $10\text{m}^2/\text{kho}$ ; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;

Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú): tối thiểu  $0,65\text{m}^2/\text{chỗ}$ , trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho học sinh, giáo viên và nhân viên của trường;

Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú): tối thiểu  $4\text{m}^2/\text{chỗ}$ , bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị;

Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú): tối thiểu  $9\text{m}^2/\text{phòng}$ , bố trí ở khu nhà ở nội trú, dùng cho giáo viên quản lý học sinh nội trú;

Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú): tối thiểu 0,20m<sup>2</sup>/học sinh, bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị.

k) Thiết bị dạy học trang bị bảo đảm theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tất cả các phòng học, phòng bộ môn, ngoài trời, thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động của trường.

Ngoài các yêu cầu trên, các trường căn cứ vào định hướng, mục tiêu chất lượng cao để đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu dạy, học và dịch vụ giáo dục của trường.

## **2. Tiêu chí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại tốt theo Chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên theo quy định đối với cấp học, trong đó tối thiểu 30% có trình độ trên chuẩn; có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên (*đối với các trường công lập*); có bằng hoặc chứng chỉ quản lý giáo dục; 100% có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; có năng lực quản trị nhà trường và xây dựng trường phát triển theo hướng hội nhập quốc tế.

c) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên theo quy định đối với cấp học, trong đó tối thiểu 20% có trình độ trên chuẩn; 100% giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; 100% giáo viên có khả năng tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả; 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó có ít nhất 60% xếp loại tốt; có ít nhất 90% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, trong đó có ít nhất 50% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quận (huyện, thị xã); có giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố; có ít nhất 70% giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm được xếp loại cấp quận (huyện, thị xã) hoặc Thành phố.

d) Có đủ số lượng nhân viên đảm nhiệm các vị trí việc làm theo quy định đối với cấp học; 100% nhân viên đạt chuẩn đào tạo trở lên theo đúng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm; 100% nhân viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

đ) Có đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và hỗ trợ chuyên môn. Cán bộ quản lý, giáo viên của trường hàng năm được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tham quan học tập ở trong nước hoặc ở ngoài nước; có giáo viên trong nước và nước ngoài đáp ứng yêu cầu dạy kết hợp chương trình tiên tiến của nước ngoài (*nếu có triển khai*).

### **3. Tiêu chí chương trình giảng dạy**

Chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao xây dựng trên cơ sở chương trình giáo dục Việt Nam hiện hành, theo hướng tiếp cận với chương trình giảng dạy của các nước tiên tiến; được thẩm định, phê duyệt và tổ chức dạy học theo đúng quy định.

### **4. Tiêu chí phương pháp giảng dạy**

a) Đổi mới tổ chức hoạt động dạy học, tiếp cận các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với đặc thù môn học.

b) 100% cán bộ quản lý và giáo viên có kiến thức và kỹ năng thực hiện phương pháp dạy học tích cực; chủ động thực hiện mô hình dạy học phân hóa đảm bảo phù hợp với từng đối tượng.

c) Trong hoạt động dạy học giáo viên thường xuyên chú trọng đến việc hình thành và bồi dưỡng phương pháp tự học, phương pháp tư duy khoa học cho học sinh, giúp học sinh làm chủ hoạt động học tập, tiếp nhận kiến thức một cách chủ động. Đảm bảo chuẩn kiến thức của chương trình bổ sung, tăng cường hoạt động trải nghiệm sáng tạo phát huy năng lực cá nhân, lồng ghép trong tiết học chính khóa và hoạt động ngoại khóa nhằm giúp học sinh rèn kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

d) Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu cần đạt của chương trình, chú ý động viên khuyến khích học sinh; chú trọng đến khả năng và sự chuyển biến về kiến thức, kỹ năng thái độ học tập và kỹ năng sống của từng học sinh.

### **5. Tiêu chí các dịch vụ giáo dục chất lượng cao**

a) Có các dịch vụ chăm sóc bán trú, có dịch vụ đưa đón, trông giữ đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh.

b) Đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa nhà trường với Ban Đại diện cha mẹ học sinh, giữa giáo viên với cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh. Có hệ thống thông tin hai chiều trực tuyến.

c) Trường chủ động tham mưu với chính quyền và phối hợp các tổ chức đoàn thể ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

d) Cam kết chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng:

Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, chú trọng phát huy năng lực cá nhân. 100% học sinh được tham gia các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống và các môn năng khiếu như giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật theo nhu cầu;

Đánh giá định kỳ về học tập (cuối năm học): 80% trở lên học sinh được đánh giá Hoàn thành tốt; Không có học sinh đánh giá chưa hoàn thành; không có học sinh bỏ học; không có học sinh lưu ban;

Đánh giá định kỳ về năng lực, phẩm chất (cuối năm học): 95% trở lên học sinh được đánh giá năng lực đạt mức Tốt; 98% trở lên học sinh được đánh giá phẩm chất đạt mức Tốt;

Có học sinh tham gia và đạt thành tích trong các cuộc thi dành cho học sinh tiểu học (*nếu có triển khai*) cấp quận (huyện, thị xã) trở lên;

100% học sinh được khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần và tiêm chủng phòng bệnh;

Kết quả đánh giá hàng năm của các ban, ngành liên quan xếp loại tốt;

Mức độ hài lòng của phụ huynh học sinh đạt 80% trở lên đánh giá tốt về quan hệ giữa nhà trường, gia đình, điều kiện học tập và chất lượng giáo dục.

## **Điều 5. Tiêu chí trường trung học chất lượng cao**

### **1. Tiêu chí cơ sở vật chất**

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10m<sup>2</sup> cho một học sinh. Đối với trường có tổ chức nội trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú bảo đảm tối thiểu 6m<sup>2</sup> cho một học sinh nội trú.

Trường trung học cơ sở có quy mô tối thiểu 8 lớp và tối đa 45 lớp. Trường trung học phổ thông có quy mô tối thiểu 15 lớp và tối đa 45 lớp. Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên; Có kết nối giao thông thuận lợi cho học sinh đi học; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.

Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cao không quá 05 tầng; bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng. Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường, cổng điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

b) Hạ tầng kỹ thuật: đảm bảo theo quy định; có hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy, được nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; hạ tầng công nghệ thông tin theo mô hình trường học điện tử, thông minh, khai thác và sử dụng hiệu quả trong công tác quản lý và dạy học.

Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường, cách khối nhà học 25 m. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm;

Diện tích xây dựng công trình: không quá 45%; Diện tích sân cây xanh: không nhỏ hơn 30 %; Diện tích sân chơi, bãi tập, giao thông nội bộ: không nhỏ hơn 25 %. Tất cả các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp IV trở lên.

c) Phòng học:

Bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; tối thiểu 1,5 m<sup>2</sup>/học sinh, được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

d) Phòng chức năng

Trường trung học cơ sở:

Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học: có tối thiểu 01 phòng, tối thiểu 2,25m<sup>2</sup>/học sinh; đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp, có tối thiểu 03 phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên; 02 phòng học bộ môn Ngoại ngữ; đa chức năng, tối thiểu 1,85m<sup>2</sup>/học sinh; 02 phòng bộ môn Khoa học xã hội, tối thiểu 1,5m<sup>2</sup>/học sinh.

Trường trung học phổ thông:

Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ: có tối thiểu 01 phòng, tối thiểu 2,45m<sup>2</sup>/học sinh; đối với trường có quy mô lớn hơn 30 lớp, có tối thiểu 02 phòng học bộ môn Công nghệ (tối thiểu 2,45m<sup>2</sup>/học sinh), Ngoại ngữ, Tin học, đa chức năng, Vật lý, Hóa học, Sinh học, tối thiểu 2m<sup>2</sup>/học sinh; 02 phòng bộ môn Khoa học xã hội, tối thiểu 1,5m<sup>2</sup>/học sinh.

đ) Khối phòng hỗ trợ học tập:

Thư viện: được bố trí tại khu vực thuận tiện cho việc tiếp cận và sử dụng của học sinh, đặc biệt đối với học sinh khuyết tật; ưu tiên bố trí tại tầng một (tầng trệt) gần khối phòng học, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định; Diện tích thư viện được xác định đối với 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường và bảo đảm định mức tối thiểu 0,60 m<sup>2</sup>/học sinh. Tổng diện tích thư viện không nhỏ hơn 60 m<sup>2</sup> (không tính diện tích không gian mở); Không gian đọc cho học sinh và giáo viên bảo đảm thoáng mát, yên tĩnh, an toàn; Phòng đọc cho học sinh tối thiểu 45 chỗ, phòng đọc cho giáo viên tối thiểu 20 chỗ, bảo đảm diện tích một chỗ ngồi trong phòng đọc không nhỏ hơn 2,4 m<sup>2</sup>/chỗ; Khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin bảo đảm đủ diện tích để chứa các tài nguyên thông tin, bảo đảm việc quản lý, phù hợp với đặc thù của từng loại tài nguyên thông tin, diện tích kho sách kín tối thiểu 2,5 m<sup>2</sup>/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở tối thiểu 4,5 m<sup>2</sup>/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; Khu vực mượn trả và

quản lý không nhỏ hơn 06 m<sup>2</sup>/người làm công tác thư viện. Thư viện được trang bị đầy đủ các tủ, giá, kệ, máy tính kết nối internet, máy in, phương tiện nghe nhìn, phần mềm đầu sách, báo... thiết bị chuyên dùng, thiết bị công nghệ thông tin khác theo quy định, đáp ứng yêu cầu hoạt động của thư viện.

Phòng thiết bị giáo dục: có tối thiểu 01 phòng; tối thiểu 48m<sup>2</sup>/phòng, có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: bảo đảm có 01 phòng, tối thiểu 24m<sup>2</sup>/phòng, bố trí ở tầng 1;

Phòng truyền thống: bảo đảm có 01 phòng; tối thiểu 48m<sup>2</sup>/phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị; Phòng Đoàn, Đội (trung học cơ sở), Đoàn thanh niên (trung học phổ thông): bảo đảm có tối thiểu 01 phòng; tối thiểu 0,03m<sup>2</sup>/học sinh, trang bị đầy đủ các thiết bị.

e) Khu sân chơi, thể dục thể thao:

Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường, tối thiểu 1,50m<sup>2</sup>/học sinh, sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;

Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh. Sân thể dục thể thao tối thiểu 0,35m<sup>2</sup>/học sinh, ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly. Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn;

Nhà đa năng: tối thiểu 450m<sup>2</sup>/nhà, đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường.

g) Khối phụ trợ:

Phòng họp: bảo đảm có tối thiểu 01 phòng, tối thiểu 1,20m<sup>2</sup>/người, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy;

Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; tối thiểu 24m<sup>2</sup>/phòng, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh, phòng vệ sinh riêng;

Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; tối thiểu 48m<sup>2</sup>/kho, nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào, diện tích đáp ứng đủ chỗ để xe cho học sinh;

Khu vệ sinh học sinh: tối thiểu 0,6m<sup>2</sup>/1 học sinh, bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học; bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; có đủ thiết bị vệ sinh hiện đại đáp ứng nhu cầu sử dụng;

Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn, tối thiểu 30m<sup>2</sup>/phòng, có đủ thiết bị theo quy định;



Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng, tối thiểu  $12\text{m}^2$ /phòng;

Phòng giáo viên: tối thiểu  $4\text{m}^2$ /giáo viên, sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

h) Khối phòng hành chính quản trị:

Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc riêng và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Phòng Phó Hiệu trưởng: có phòng làm việc riêng và có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi, có đủ thiết bị theo quy định;

Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, có đủ thiết bị vệ sinh hiện đại đáp ứng nhu cầu sử dụng;

Khu đỗ xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

i) Khối phục vụ sinh hoạt:

Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): tối thiểu  $0,30\text{m}^2$ /học sinh, độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;

Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực tối thiểu  $12\text{m}^2$ /kho và kho thực phẩm tối thiểu  $10\text{m}^2$ /kho; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;

Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú): tối thiểu  $0,75\text{m}^2$ /chỗ, trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho học sinh, giáo viên và nhân viên của trường;

Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú): tối thiểu  $4\text{m}^2$ /chỗ, bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị;

Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú): tối thiểu  $9\text{m}^2$ /phòng, bố trí ở khu nhà ở nội trú, dùng cho giáo viên quản lý học sinh nội trú;

Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú): tối thiểu  $0,20\text{m}^2$ /học sinh, bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị;

Nhà văn hóa: tối thiểu  $0,80\text{m}^2$ /học sinh.

k) Thiết bị dạy học trang bị bảo đảm theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tất cả các phòng học, phòng bộ môn, ngoài trời, thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động của trường.

Ngoài các yêu cầu trên, các trường căn cứ vào định hướng, mục tiêu chất lượng cao để đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu dạy, học và dịch vụ giáo dục của trường.

## **2. Tiêu chí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại tốt theo Chuẩn Hiệu trưởng trường trung học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên theo quy định đối với cấp học, trong đó có 30% trở lên đối với cấp trung học cơ sở và 65% trở lên đối với cấp trung học phổ thông có trình độ trên chuẩn; có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên (*đối với các trường công lập*); có bằng hoặc chứng chỉ quản lý giáo dục; 100% có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; có năng lực quản trị nhà trường và xây dựng trường phát triển theo hướng hội nhập quốc tế.

c) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên theo quy định đối với cấp học, trong đó có 20% trở lên có trình độ trên chuẩn đối với cấp trung học cơ sở và 50% trở lên có trình độ trên chuẩn đối với cấp trung học phổ thông; 100% giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; 100% giáo viên có khả năng tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả; 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên của cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó ít nhất 60% xếp loại tốt; 100% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, trong đó có ít nhất 50% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quận (huyện, thị xã) và có giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi Thành phố đối với cấp trung học cơ sở; có giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố đối với cấp trung học phổ thông; có ít nhất 70% số giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm được xếp loại cấp quận (huyện, thị xã) hoặc Thành phố.

d) Có đủ số lượng nhân viên đảm nhiệm các vị trí việc làm theo quy định đối với cấp học; 100% nhân viên đạt chuẩn đào tạo trở lên theo đúng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm; 100% nhân viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

e) Có đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và hỗ trợ chuyên môn các nội dung về chương trình nâng cao cần thiết; có giáo viên có khả năng dạy song ngữ một số môn khoa học cơ bản. Cán bộ quản lý, giáo viên của trường hàng năm được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tham quan học tập ở trong nước hoặc ở ngoài nước.

### 3. Tiêu chí chương trình giảng dạy

Chương trình giáo dục bổ sung nâng cao xây dựng trên cơ sở chương trình giáo dục Việt Nam hiện hành, theo hướng tiếp cận với chương trình giáo dục tiên tiến của nước ngoài; được thẩm định, phê duyệt và tổ chức dạy học theo đúng quy định.

### 4. Tiêu chí phương pháp giảng dạy

a) 100% giáo viên thành thạo phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với đặc thù bộ môn, gắn kiến thức phổ thông với thực tiễn, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong các hoạt động dạy học.

b) Sử dụng các phương pháp dạy học mở để học sinh có khả năng trải nghiệm, khám phá và làm quen với công tác nghiên cứu khoa học.

c) 100% tiết dạy đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

d) Có phương pháp đặc thù khuyến khích sự chuyên cần, rèn khả năng tự học của học sinh;

đ) Đổi mới cách kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình dạy học.

e) Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, sắp xếp hợp lý các hoạt động của giáo viên và học sinh; phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và theo nhóm.

g) Giáo viên tạo điều kiện, hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ.

h) Tối thiểu 70% học sinh hài lòng với phương pháp giảng dạy của giáo viên nhà trường.

### 5. Tiêu chí các dịch vụ chất lượng cao trong giáo dục

a) Có tổ chức đưa đón học sinh, đảm bảo thuận tiện, an toàn.

b) Có bán trú cho học sinh với các điều kiện sinh hoạt hiện đại, khoa học, đảm bảo an toàn.

c) Trang bị cho học sinh những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học (Science), công nghệ (Technology), kỹ thuật (Engineering) và toán học (Math) gọi tắt là giáo dục STEM.

d) Cam kết chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh; hàng năm có học sinh giỏi cấp Thành phố trở lên; học lực: 90% trở lên học sinh xếp loại khá, giỏi, không có học sinh yếu, kém; hạnh kiểm: 98% trở lên học sinh xếp loại khá, tốt (đối với học sinh học sinh học theo chương trình Giáo dục phổ thông 2006). 90% trở lên học sinh có kết quả học tập trong cả năm học đạt mức Tốt và mức Khá,

không có học sinh ở mức Chưa đạt; Kết quả rèn luyện của học sinh trong cả năm học: 98% trở lên học sinh đạt mức Tốt và mức Khá, không có học sinh ở mức Chưa đạt (đối với học sinh học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018); không có học sinh bỏ học và lưu ban; 100% học sinh đỗ tốt nghiệp trong tổng số học sinh tham dự kỳ thi; 100% học sinh được tham gia các chương trình học kỹ năng sống, hoạt động xã hội; mức độ hài lòng của phụ huynh học sinh đạt 80% trở lên đánh giá tốt về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và chất lượng giáo dục.

đ) Có phòng tư vấn tâm lý cho học sinh và phụ huynh học sinh do chuyên gia tâm lý phụ trách.

### **Chương III**

#### **ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN TRƯỜNG CHẤT LƯỢNG CAO**

##### **Điều 6. Quy trình và chu kỳ đánh giá trường chất lượng cao**

1. Quy trình đánh giá trường chất lượng cao gồm 05 bước sau:

- a) Trường tự đánh giá theo các tiêu chí tại Quyết định này;
- b) Đăng ký đánh giá tiêu chí trường chất lượng cao;
- c) Thẩm định, phê duyệt Đề án trường chất lượng cao;
- d) Thẩm định, phê duyệt Chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông;
- d) Thẩm định tiêu chí trường chất lượng cao;
- đ) Phê duyệt công nhận trường chất lượng cao.

2. Chu kỳ đánh giá, đề xuất công nhận trường mầm non, tiểu học và trường trung học là 5 năm. Giữa các chu kỳ đánh giá, cơ quan quản lý giáo dục có thể tổ chức kiểm tra, thanh tra đột xuất, nếu trường không đáp ứng được các tiêu chí tại Quyết định này thì đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét thu hồi Quyết định công nhận trường chất lượng cao.

Công nhận lại trường chất lượng cao thực hiện theo khoản 1 Điều 6 Quyết định này.

##### **Điều 7. Điều kiện thực hiện đánh giá trường chất lượng cao**

1. Trường đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 trở lên và chuẩn quốc gia mức độ 2 theo tiêu chuẩn hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Đối với trường mới thành lập đã có Đề án xây dựng trường chất lượng cao thì không phải kiểm định chất lượng giáo dục nếu đáp ứng được các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục tương đương cấp độ 3 trở lên và chuẩn quốc gia mức độ 2.

**Điều 8. Thẩm quyền đánh giá, công nhận, thu hồi quyết định công nhận trường chất lượng cao**

Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận hoặc thu hồi quyết định công nhận trường chất lượng cao trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan về việc xây dựng và phát huy hiệu quả của trường chất lượng cao.

2. Hướng dẫn chi tiết tiêu chí cách thức đánh giá trường chất lượng cao; chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, các nhà trường trực thuộc thực hiện tự đánh giá trường chất lượng cao theo quy định.

3. Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác đánh giá trường chất lượng cao.

4. Thẩm định Chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá trường chất lượng cao.

5. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định công nhận hoặc thu hồi quyết định công nhận trường chất lượng cao đối với các trường không còn đạt đủ các tiêu chí trường chất lượng cao hoặc có vi phạm.

6. Kiểm tra, giám sát các trường chất lượng cao về việc đảm bảo thực hiện tiêu chí của trường chất lượng cao.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố cơ chế tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội.

8. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả duy trì, phát triển các trường chất lượng cao vào cuối mỗi năm học và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ngành thuộc thành phố Hà Nội**

##### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối và bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để các trường đã được phê duyệt đề án trường chất lượng cao nhanh chóng đáp ứng các tiêu chí và phát huy hiệu quả nhằm đạt chất lượng giáo dục cao.

##### **2. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố cơ chế tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội.

### 3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường đã được phê duyệt đề án trường chất lượng cao các nội dung về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để các trường nhanh chóng đáp ứng các tiêu chí và phát huy hiệu quả nhằm đạt chất lượng giáo dục cao.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã**

Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển trường chất lượng cao của các cấp học trực thuộc; thẩm định đề án trường chất lượng cao do các trường trên địa bàn đề xuất, thực hiện quá trình đánh giá, công nhận trường chất lượng cao trên địa bàn theo quy định tại Quyết định này; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định phê duyệt.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã**

1. Xây dựng kế hoạch phát triển trường chất lượng cao trình Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt. Hướng dẫn các trường hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định và công nhận theo quy định.

2. Kiểm tra, giám sát các trường chất lượng cao trên địa bàn thực hiện Chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và Đề án trường chất lượng cao đã được phê duyệt. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã tiếp tục đầu tư, duy trì, phát triển trường chất lượng cao trên địa bàn.

3. Tổng hợp, báo cáo các nội dung liên quan đến trường chất lượng trên địa bàn với Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và các cấp có thẩm quyền.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục chất lượng cao**

1. Xây dựng Đề án trường chất lượng cao, Chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và kế hoạch thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện công tác tự đánh giá, báo cáo trình các cấp có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định Đề án, Chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và công nhận trường đạt tiêu chí chất lượng cao.

3. Hàng năm tự đánh giá, duy trì, bổ sung, hoàn thiện theo tiêu chí trường chất lượng cao và thực hiện công khai theo quy định hiện hành.

#### **Điều 14. Điều khoản áp dụng**

1. Quy định này được áp dụng để làm căn cứ đánh giá, công nhận các trường mầm non, phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Hà Nội từ năm học....

2. Các trường mầm non, phổ thông công lập khi được công nhận là trường chất lượng cao thì học sinh đang theo học tại trường được quyền lựa chọn tiếp

tục học chương trình nhà trường áp dụng trước khi được công nhận trường chất lượng cao hoặc theo chương trình nâng cao đã được bổ sung theo quy định tại quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao. Học phí học chương trình nâng cao được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện đã được quy định tại khoản 2 Điều 2 tại Quy định này.

### **Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ..... năm .....
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 ngày 6 tháng 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ban VHXH-HĐND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP; KGVX, TKBT;
- TT Tin học Công báo TP; Cổng giao tiếp điện tử TP;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Số: /202../NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết về liên kết giáo dục của cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội với cơ sở giáo dục nước ngoài**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô năm 2024;*

*Theo đề nghị của .....*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về liên kết giáo dục của cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội với cơ sở giáo dục nước ngoài.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về liên kết giáo dục của cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội với cơ sở giáo dục nước ngoài.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập ở những nơi có đủ điều kiện và đảm bảo phân luồng tuyển sinh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Cơ sở giáo dục công lập* gồm cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, sử dụng con dấu và tài khoản riêng.

2. *Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao* là những cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông đã được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là trường đạt tiêu chí chất lượng cao.

3. *Chương trình giáo dục tích hợp* là chương trình giáo dục của Việt Nam được tích hợp với chương trình giáo dục của nước ngoài, bảo đảm mục tiêu của chương trình giáo dục của Việt Nam và không trùng lặp về nội dung, kiến thức.

4. *Liên kết giáo dục* là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông của Việt Nam nằm trên địa bàn Thành phố Hà Nội với cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục tích hợp.



5. Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam là đơn vị phụ thuộc của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam nhằm xúc tiến, phát triển liên kết giáo dục trong giáo dục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 4. Lĩnh vực giáo dục được phép liên kết giáo dục**

Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế (sau đây gọi chung là tổ chức, nước ngoài) được phép hợp tác, liên kết trong lĩnh vực giáo dục theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### **Điều 5. Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục**

1. Liên kết giáo dục với nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng quy định hiện hành của Việt Nam về bảo đảm chất lượng giáo dục.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết giáo dục của nước ngoài tại Việt Nam đã được kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành.

#### **Điều 6. Tài chính trong liên kết giáo dục của nước ngoài**

Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết giáo dục của nước ngoài và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế.

## **Chương II**

### **LIÊN KẾT GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 7. Đối tượng liên kết giáo dục**

Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập ở những nơi có đủ điều kiện và đảm bảo phân luồng tuyển sinh, được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đồng ý và nằm trên địa bàn Thành phố Hà Nội với cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục.

#### **Điều 8. Chương trình giáo dục, cơ sở vật chất và đội ngũ nhà giáo**

1. Chương trình giáo dục:

a) Chương trình giáo dục của nước ngoài đưa vào tích hợp phải là chương trình đã được kiểm định chất lượng giáo dục ở nước sở tại hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận về chất lượng giáo dục;

b) Chương trình giáo dục tích hợp phải bảo đảm mục tiêu của chương trình giáo dục của Việt Nam và đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục nước ngoài; không bắt buộc người học phải học lại cùng một nội dung kiến thức, bảo đảm tính ổn định đến hết cấp học và liên thông giữa các cấp học vì quyền lợi của học sinh, bảo đảm tính tự nguyện tham gia và không gây quá tải cho học sinh;

c) Chương trình giáo dục tích hợp phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc tích hợp chương trình giáo dục của Việt Nam với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Quy mô lớp học và cơ sở vật chất phải đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục tích hợp và không làm ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy chung của cơ sở giáo dục phía Việt Nam tham gia liên kết giáo dục.

### 3. Đội ngũ nhà giáo

a) Giáo viên Việt Nam giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của cấp học theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Giáo viên nước ngoài giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp phải có trình độ đại học phù hợp với chuyên môn giảng dạy và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc tương đương;

c) Giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp bằng ngoại ngữ phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình tích hợp và không thấp hơn Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

### **Điều 9. Đánh giá kết quả học tập, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp**

1. Việc đánh giá kết quả học tập, kiểm tra, thi, công nhận hoàn thành chương trình giáo dục, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của nước sở tại nơi cung cấp chương trình giáo dục.

2. Người học hoàn thành chương trình giáo dục tích hợp cấp trung học phổ thông phải được cấp văn bằng tốt nghiệp của Việt Nam và của nước ngoài.

### **Điều 10. Hồ sơ đề nghị phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp và liên kết giáo dục**

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục:

a) Đơn đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa các bên liên kết, trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên đối với các nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá, văn bằng, thông tin về tài chính và các nội dung khác;

c) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác;

d) Chương trình giáo dục của nước ngoài có nội dung, môn học đưa vào chương trình giáo dục tích hợp và chương trình giáo dục tích hợp dự kiến thực hiện;

đ) Văn bản, tài liệu thuyết minh việc tích hợp chương trình giáo dục;

e) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

g) Đề án thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết xây dựng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết; giới thiệu các bên liên kết; nội dung liên kết; cơ sở vật chất, thiết bị; danh sách giáo viên dự kiến kèm theo lý lịch chuyên môn; đối tượng, tiêu chí và quy mô tuyển sinh; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp, tính tương đương của văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài đối với văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam (nếu có); biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học và người lao động; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình; mức học phí; sự hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên, học sinh.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp;
- b) Chương trình giáo dục của nước ngoài có nội dung, môn học đưa vào chương trình giáo dục tích hợp và chương trình giáo dục tích hợp dự kiến thực hiện;
- c) Văn bản, tài liệu thuyết minh việc tích hợp chương trình giáo dục;
- d) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

### **Điều 11. Thẩm quyền, thủ tục phê duyệt liên kết giáo dục**

1. Thẩm quyền, thủ tục phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài:
  - a) Giám đốc sở giáo dục và đào tạo phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài;
  - b) Các bên liên kết gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến sở giáo dục và đào tạo;
  - c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định này;
  - d) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, sở giáo dục và đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho các bên liên kết;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả thẩm định chương trình tích hợp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sở giáo dục và đào tạo quyết định phê duyệt liên kết giáo dục theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp liên kết giáo dục không được phê duyệt thì sở giáo dục và đào tạo có văn bản trả lời trong đó nêu rõ lý do.

2. Thẩm quyền, thủ tục phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp:

a) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp;

b) Sở Giáo dục và Đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thẩm định chương trình giáo dục tích hợp và thông báo kết quả bằng văn bản gửi sở giáo dục và đào tạo;

d) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho sở giáo dục và đào tạo đã nộp hồ sơ.

### **Điều 12. Thời hạn liên kết giáo dục**

Thời hạn của liên kết giáo dục không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm.

### **Điều 13. Gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục**

1. Việc gia hạn liên kết giáo dục phải được thực hiện trong thời hạn 06 tháng trước khi liên kết giáo dục hết thời hạn.

2. Điều kiện gia hạn:

a) Các bên liên kết thực hiện đúng quy định trong quyết định phê duyệt liên kết;

b) Không vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh:

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép;

c) Thỏa thuận hoặc Hợp đồng đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết, trong đó có thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

4. Thẩm quyền, thủ tục, phê duyệt gia hạn hoặc điều chỉnh:

a) Người có thẩm quyền phê duyệt liên kết thì có thẩm quyền phê duyệt gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết;

b) Các bên liên kết gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc bưu điện đến cấp có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho các bên liên kết;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, quyết định phê duyệt gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục; nếu liên kết giáo dục không được gia hạn hoặc điều chỉnh thì giám đốc sở giáo dục và đào tạo có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Trường hợp điều chỉnh liên kết giáo dục trong đó có điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp thì thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

#### **Điều 14. Đình chỉ tuyển sinh hoặc chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục**

1. Liên kết giáo dục bị đình chỉ tuyển sinh nếu không bảo đảm một trong các nội dung quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Trách nhiệm của các bên liên kết khi bị đình chỉ tuyển sinh.

a) Khắc phục các vi phạm dẫn đến đình chỉ tuyển sinh;

b) Bảo đảm học sinh đang theo học chương trình giáo dục tích hợp được tiếp tục học tập;

c) Báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt liên kết về kết quả khắc phục các vi phạm dẫn đến đình chỉ tuyển sinh để cho phép hoạt động trở lại.

3. Liên kết giáo dục chấm dứt trong những trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết;

b) Theo đề nghị của các bên liên kết;

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh nhưng không khắc phục được vi phạm dẫn đến đình chỉ tuyển sinh;

d) Vi phạm quy định của quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết ở mức độ pháp luật quy định phải chấm dứt.

4. Trách nhiệm của các bên liên kết khi bị chấm dứt hoạt động liên kết trước thời hạn:

a) Bảo đảm cho học sinh đang theo học chương trình giáo dục tích hợp được tiếp tục học tập đến hết cấp học;

b) Bồi hoàn cho học sinh các khoản chi phí học sinh đã nộp trong trường hợp liên kết bị chấm dứt hoạt động;

c) Thanh toán các khoản tiền lương, tiền công, thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giáo viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể phù hợp với quy định của pháp luật lao động;

d) Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

5. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền chấm dứt liên kết:

a) Người có thẩm quyền phê duyệt liên kết thì có thẩm quyền chấm dứt liên kết;

b) Hồ sơ đề nghị chấm dứt liên kết bao gồm: Đơn đề nghị chấm dứt liên kết giáo dục với nước ngoài theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kèm theo phương án chấm dứt liên kết, các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, người lao động; phương án giải quyết tài chính, tài sản;

c) Hồ sơ đề nghị chấm dứt liên kết được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, quyết định chấm dứt liên kết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; nếu liên kết giáo dục chưa được chấm dứt thì giám đốc sở giáo dục và đào tạo có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

đ) Trường hợp liên kết giáo dục bị chấm dứt theo quy định tại điểm c và d khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định chấm dứt liên kết.

### **Điều 15. Trách nhiệm của các bên liên kết giáo dục**

1. Tổ chức thực hiện quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc quyết định điều chỉnh liên kết.

2. Cung cấp đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến liên kết trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này.

3. Chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài cấp cho học sinh.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo như sau:

a) Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm gửi báo cáo việc thực hiện liên kết theo từng năm học cho sở giáo dục và đào tạo trước ngày 31 tháng 10 hằng năm;

b) Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu: Việc thực hiện quyết định phê duyệt, quyết định gia hạn hoặc quyết định điều chỉnh liên kết, cơ cấu tổ chức, giáo viên, giảng viên, số lượng tuyển sinh, công tác tổ chức giảng dạy và học tập, kết quả học tập của học sinh, số lượng tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp, văn bằng được cấp, báo cáo tài chính, những khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai, đề xuất, kiến nghị;

c) Trên cơ sở báo cáo của các bên tham gia liên kết, sở giáo dục và đào tạo tổng hợp báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 11 hàng năm;

d) Việc báo cáo thực hiện bằng hình thức trực tuyến và văn bản.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm quản lý và phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để quản lý hoạt động liên kết giáo dục của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi, quyền hạn được giao, có trách nhiệm quản lý, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm với hoạt động liên kết giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội với cơ sở giáo dục nước ngoài.

2. Ủy ban nhân dân các thành phố Hà Nội thực hiện công tác thống kê và báo cáo định kỳ hàng năm trước ngày 30 tháng 11 về hoạt động liên kết giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội với cơ sở giáo dục nước ngoài báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp**

Ngoài việc thực hiện các quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục liên kết giáo dục; hoạt động giáo dục; các cơ sở giáo dục tham gia liên kết còn phải thực hiện các quy định có liên quan khác tại Luật giáo dục, Luật Thủ đô, Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm      .

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ  
Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc,  
Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). MP



**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Nghị định số /202.../NĐ-CP ngày tháng năm ..... của Chính phủ)

<b>Tên mẫu</b>	<b>Nội dung</b>
Mẫu số 01	Đơn đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài.
Mẫu số 02	Đề án thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài.
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài.
Mẫu số 04	Đơn đề nghị gia hạn (hoặc điều chỉnh) liên kết giáo dục với nước ngoài.
Mẫu số 05	Đơn đề nghị chấm dứt liên kết giáo dục với nước ngoài.

**Mẫu số 01**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
 ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài**

Kính gửi: .....(1).....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

**Bên Việt Nam** .....(2).....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

- Quyết định thành lập: .....(3).....

**Bên nước ngoài:** .....(4).....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại:.....

- Fax: .....

- Website: .....

- Giấy phép thành lập: .....(5).....

đề nghị .....(1)..... xem xét, phê duyệt liên kết giáo dục giữa .....(2)..... và .....(4)..... với nội dung như sau:

**1. Mục tiêu và phạm vi của liên kết giáo dục:** (mục tiêu, cấp học, quy mô tuyển sinh, văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận, thời gian dự kiến triển khai liên kết).

**2. Thời hạn hoạt động của liên kết** .....

**3. Nội dung liên kết (ghi tóm tắt):**.....

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Các tài liệu gửi kèm Đơn này gồm:**

1. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các Bên liên kết;

2. Giấy tờ pháp lý chứng minh tư cách pháp nhân của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác;

3. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

4. Chương trình tích hợp dự kiến thực hiện; chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài có nội dung tích hợp;

5. Đề án thực hiện liên kết;

6. Các văn bản khác (nếu có).

**BÊN VIỆT NAM**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÊN NƯỚC NGOÀI**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Họ và tên**

**Họ và tên**

***Ghi chú:***

- (1) Tên sở giáo dục và đào tạo tỉnh/thành phố quản lý cơ sở giáo dục Việt Nam;
- (2) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam;
- (3) Số, ký hiệu quyết định (hoặc giấy tờ pháp lý tương đương) cho phép thành lập cơ sở giáo dục Việt Nam, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (4) Tên cơ sở giáo dục nước ngoài;
- (5) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục nước ngoài (giấy phép thành lập/hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương), thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

**Mẫu số 02**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
 ....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ ÁN**

**Thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài**

(Mẫu gồm các nội dung chính, dùng để các bên liên kết tham khảo)

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Mô tả sự cần thiết thực hiện liên kết giáo dục

**II. GIỚI THIỆU CÁC BÊN LIÊN KẾT**

1. Giới thiệu các bên liên kết.
2. Quá trình hợp tác giữa các bên.

**III. NỘI DUNG LIÊN KẾT**

1. Mục tiêu: Mô tả cụ thể mục tiêu của liên kết nhằm xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục tích hợp, mục tiêu cụ thể học sinh sẽ đạt được khi tham gia chương trình tích hợp, bảo đảm mục tiêu giáo dục phổ thông của Việt Nam.
2. Đối tượng tuyển sinh, quy mô tuyển sinh.
3. Chương trình giảng dạy: Mô tả chương trình giáo dục tích hợp, so sánh chương trình giáo dục của Việt Nam, chương trình giáo dục của nước ngoài, các môn học, nội dung tích hợp, ưu điểm của chương trình tích hợp ...
4. Phương pháp: Mô tả cách thức thực hiện chương trình tích hợp: Giảng dạy, thi, kiểm tra, tốt nghiệp, sự phối hợp giảng dạy giữa giáo viên Việt Nam, giáo viên nước ngoài...
5. Văn bằng/chứng chỉ: Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ/chứng nhận của nước ngoài (nếu có) dự kiến sẽ cấp, tính tương đương về văn bằng/chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.
6. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện.
7. Cơ sở vật chất, thiết bị sẽ sử dụng cho liên kết, địa điểm thực hiện liên kết.
8. Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy liên kết (danh sách trích ngang, lý lịch đính kèm thành phụ lục) đáp ứng quy định.
9. Sách giáo khoa, học liệu tham khảo, thư viện và các điều kiện khác...

**IV. TÀI CHÍNH**

1. Học phí.
2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác.
3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có).

**V. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, QUẢN LÝ RỦI RO**

1. Biện pháp bảo đảm chất lượng.
2. Biện pháp quản lý rủi ro.

**VI. CƠ CHẾ QUẢN LÝ LIÊN KẾT**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý liên kết, người đại diện các bên liên kết tham gia quản lý (kèm theo lý lịch cá nhân).
2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết.
3. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học và các bên liên quan khác.

.....  
-----  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: /QĐ-....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài**  
**..... (1) .....**  
**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH/THÀNH PHỐ**  
**.....(2).....**

Căn cứ

..... ;  
Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;  
Xét đề nghị của .....(4)..... và .....(6)..... tại Hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục ... (1) ..... ngày ..... tháng ..... năm .....;  
Xét đề nghị của .....(3).....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt liên kết .....(1)..... giữa các Bên:

Bên Việt Nam:

.....(4).....

- Trụ sở:

.....

- Điện thoại:

.....

- Fax:

.....

- Website:

.....

- Quyết định thành lập:

.....(5).....

Bên nước ngoài:

.....(6).....

- Trụ sở:

.....

- Điện thoại:

.....

- Fax:

.....

- Website:

.....  
- Giấy phép thành lập:

.....(7).....

**Điều 2.** Các Bên liên kết có trách nhiệm tuân thủ luật pháp Việt Nam, những cam kết, kế hoạch được trình bày trong Hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết với những nội dung chính sau:

1. Đối tượng tuyển sinh:

.....(8).....

2. Thời gian và chương trình giảng dạy:

.....(9).....

3. Ngôn ngữ giảng dạy:

.....(10).....

4. Đội ngũ giáo viên:

.....(11).....

5. Quy mô giảng dạy:

.....(12).....

6. Địa điểm giảng dạy:

.....(13).....

7. Văn bằng/chứng chỉ:

.....(14).....

8. Kinh phí đào tạo và quản lý tài chính:

.....(15).....

**Điều 3.** Sau mỗi năm học .....(16)..... chịu trách nhiệm báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về các hoạt động liên quan đến việc tổ chức thực hiện và quản lý liên kết và định kỳ 6 tháng một lần cập nhật cơ sở dữ liệu về liên kết giáo dục với nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

.....(17)..... chịu trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với các đơn vị có liên quan thanh tra công tác tổ chức thực hiện và quản lý liên kết của các bên liên kết theo Quyết định này và Hồ sơ liên kết đã phê duyệt.

**Điều 4.** Thời hạn hoạt động của liên kết

là.....

**Điều 5.** Hiệu lực của quyết định; cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**Ghi chú:**

(1) Tên liên kết giáo dục;

(2) Tên tỉnh/thành phố;

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Họ và tên**

- (3) Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo Quyết định phê duyệt liên kết;
- (4) Tên của bên liên kết Việt Nam;
- (5) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục Việt Nam, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (6) Tên của bên liên kết nước ngoài;
- (7) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục nước ngoài, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (8) Đối tượng và yêu cầu về trình độ đầu vào, năng lực sử dụng ngoại ngữ và các yêu cầu khác;
- (9) Thời gian học (năm học hoặc học kỳ), thời lượng chương trình giáo dục;
- (10) Ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giảng dạy;
- (11) Quy định về giáo viên tham gia giảng dạy (trình độ chuyên môn và năng lực sử dụng ngoại ngữ);
- (12) Số lượng dự kiến tuyển sinh hàng năm;
- (13) Địa điểm thực hiện liên kết;
- (14) Tên văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận và cơ sở cấp;
- (15) Mức thu học phí (toàn khóa học hoặc theo năm học), nguồn kinh phí tài trợ (nếu có);
- (16) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam và tên cơ sở giáo dục nước ngoài;
- (17) Đơn vị được giao nhiệm vụ.

**Mẫu số 04**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Gia hạn (hoặc điều chỉnh) liên kết giáo dục với nước ngoài**

Kính gửi: .....(1).....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết gồm:

**Bên Việt Nam** ..... (2).....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

**Bên nước ngoài:** .....(3).....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

Đã được cho phép thực hiện liên kết theo Quyết định số:.....(4).....

Đề nghị... (1)... phê duyệt gia hạn liên kết nêu trên trong thời hạn .....

**Nội dung và lý do đề nghị:** .....

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn và Hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Tài liệu gửi kèm theo gồm:**

1. Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết kèm theo các minh chứng về quá trình tổ chức, thực hiện liên kết trong thời gian được cấp phép;

2. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt);

3. Kiến nghị các nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong Quyết định phê duyệt liên kết và giải trình.

**BÊN VIỆT NAM**

(Ký tên, đóng dấu)

**BÊN NƯỚC NGOÀI**

(Ký tên, đóng dấu)

**Họ và tên**

**Họ và tên**



***Ghi chú:***

- (1) Tên sở giáo dục và đào tạo tỉnh/thành phố đã cấp phép liên kết;
- (2) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam;
- (3) Tên cơ sở giáo dục nước ngoài;
- (4) Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt liên kết, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

**Mẫu số 05**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Chấm dứt liên kết giáo dục với nước ngoài**

Kính gửi: .....(1).....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

**Bên Việt Nam** .....(2).....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

**Bên nước ngoài:** ..... (3).....

- Trụ sở: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Website: .....

Đã được cho phép thực hiện liên kết giáo dục theo Quyết định số: .....(4).....

Đề nghị...(1)...phê duyệt chấm dứt liên kết giáo dục nêu trên kể từ ngày... tháng... năm...

Lý do chấm dứt: .....

Trách nhiệm của cơ sở giáo dục khi chấm dứt liên kết: .....

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị chấm dứt và Hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Tài liệu gửi kèm theo gồm:**

1. Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết kèm theo các minh chứng về quá trình tổ chức, thực hiện liên kết trong thời gian được cấp phép;

2. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt);

3. Kiến nghị các nội dung (nếu có) trong Quyết định phê duyệt chấm dứt và giải trình.

**Bên Việt Nam**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Bên nước ngoài**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Họ và tên**

**Họ và tên**

***Ghi chú:***

- (1) Tên sở giáo dục và đào tạo tỉnh/thành phố đã cấp phép liên kết;
- (2) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam;
- (3) Tên cơ sở giáo dục nước ngoài;
- (4) Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt liên kết, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

**DỰ THẢO**

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong xây dựng, phát triển Thủ đô**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Thủ đô sửa đổi ngày .....tháng ...năm 2024;*

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /202... của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao trong xây dựng, phát triển Thủ đô; Báo cáo thẩm tra số ../BC-HĐND ngày / /202.... của Ban Văn hóa – xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu số ...../BC-UBND ngày / /202... của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong xây dựng, phát triển Thủ đô.

2. Trường hợp người được hỗ trợ quy định tại nhiều chính sách khác nhau với mức hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hỗ trợ tại một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài:

a) Công dân Việt Nam có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc ở các lĩnh vực, khu vực, địa bàn khác trong nước và nước ngoài có công trình, sản phẩm, thành tích, công trạng đặc biệt hoặc cống hiến đặc biệt để phát triển một lĩnh vực, một ngành của Thủ đô;

b) Người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm thực tiễn, có công trình hoặc sản phẩm đã được nghiệm thu, công nhận, ứng dụng đem lại hiệu quả cao thì được ký hợp đồng làm việc để thực hiện một số nhiệm vụ trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục.

2. Đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

a) Nhân lực chất lượng cao đạt trình độ khu vực và quốc tế ở các ngành, lĩnh vực: khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; quy hoạch, xây dựng; văn hóa, nghệ thuật, thể thao; giáo dục đào tạo, dạy nghề; y tế; quản trị doanh nghiệp; tài chính, ngân hàng; khoa học xã hội, công nghệ thông tin và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng; giải quyết tranh chấp quốc tế;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên của Thủ đô;

c) Học viên học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề của thành phố Hà Nội, tập trung phát triển tay nghề cao ở các lĩnh vực: công nghệ thông tin; nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ công nghệ cao; du lịch; phát triển đô thị, kiến trúc, quy hoạch, quản lý đô thị (gồm: xây dựng và vận hành hệ thống vận tải công cộng, không gian ngầm, công trình phòng chống thiên tai, xử lý sự cố môi trường, quy hoạch và phát triển đô thị, ứng phó biến đổi khí hậu); y tế kỹ thuật cao;

d) Các cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô; cơ sở đào tạo của Thủ đô được hợp tác liên doanh, liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

2. Phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, việc thực hiện phải đảm bảo đúng quy trình và thẩm quyền theo quy định.

### **Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn**

1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung:

- a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sức khỏe tốt;
- b) Phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí thu hút.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với đối tượng áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài

a) Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc nước ngoài được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật có kết quả học tập và rèn luyện xuất sắc các năm học của bậc đại học, đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

- Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

- Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Người có trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, được học đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều này;

- Tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và có chuyên ngành đào tạo sau đại học cùng ngành đào tạo ở bậc đại học.

c) Người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, được học đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

d) Người có học vị, học hàm thạc sĩ, tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư trong nước và nước ngoài (có ít nhất 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố trở lên được cơ quan có thẩm quyền công nhận) thuộc các ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

e) Người có trình độ, năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc trong các lĩnh vực, khu vực, địa bàn khác kể cả trong và ngoài nước

- Có trình độ chuyên môn vượt qua tiêu chuẩn trình độ, năng lực trung bình trong tập thể, cơ quan, tổ chức

- Có vị trí, chức danh lãnh đạo phù hợp và có kinh nghiệm trên 05 năm công tác tại các cơ quan, tổ chức

- Đáp ứng những tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này; đã tham mưu về chủ trương, chính sách hoặc triển khai các Chương trình, Đề án, mô hình ứng dụng trong thực tiễn, có tác động và ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của một hay một số ngành, lĩnh vực, đóng góp vào sự phát triển chung của toàn xã hội.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn áp dụng chính sách trọng dụng nhân tài là cán bộ, công chức, viên chức đang là việc trong cơ quan nhà nước thuộc Thành phố

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; cơ quan, đơn vị thuộc UBND Thành phố có độ tuổi dưới 40 (tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách đãi ngộ, đối với trường hợp được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu); trong thời gian công tác đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật mang tính đột phá được cấp Thành phố thông qua hoặc có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao (Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, Bằng khen cấp Thành phố trở lên) đóng góp vào sự phát triển của ngành, lĩnh vực đang công tác.

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố có độ tuổi dưới 40 (tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách đãi ngộ, đối với trường hợp được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu); trong thời gian công tác đã chủ trì hoặc tham gia thực hiện/ nghiên cứu ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố trở lên được thông qua hoặc có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao (Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, Bằng khen cấp Thành phố trở lên) đóng góp vào sự phát triển của ngành, lĩnh vực đang công tác.

4. Đơn cam kết làm việc:

a) Có Đơn cam kết làm việc tại các cơ quan, đơn vị của Thành phố ít nhất 10 năm đối với đối tượng tại điểm d, e khoản 2 Điều này.

b) Có Đơn cam kết làm việc tại các đơn vị ngoài khu vực Nhà nước ít nhất 05 năm đối với đối tượng tại khoản a, b, c khoản 2 Điều này

5. Về tuổi đời: đối tượng được thu hút không quá 50 tuổi tại thời điểm được thu hút. Riêng các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

6. Không trong thời gian bị xem xét kỷ luật, thi hành kỷ luật hoặc không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

### **Điều 5. Trách nhiệm bồi thường**

1. Đối tượng được xét hưởng chính sách phải chịu trách nhiệm bồi thường kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ một lần và hoàn trả toàn bộ các chế độ hỗ trợ về đất ở, nhà ở, thuê nhà ở tại Quy định này nếu vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Không chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

b) Liên tục 2 năm liền bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

c) Đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời gian cam kết làm việc tại thành phố Hà Nội.

d) Tự ý bỏ việc trong thời gian cam kết.

đ) Bị kỷ luật buộc thôi việc.

2. Đối tượng được xét hưởng chính sách vì lý do khách quan không làm việc đủ thời gian đã cam kết và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý, có trách nhiệm hoàn trả lại phần kinh phí đã được nhận hỗ trợ tại Quy định này tương ứng với số tháng chưa làm việc theo cam kết.

Cụ thể: Mức kinh phí hoàn trả = (tổng các mức hỗ trợ đã nhận ÷ số tháng cam kết làm việc) x (số tháng chưa làm việc theo cam kết).

3. Trường hợp đối tượng được hưởng chính sách bị đau ốm, tai nạn hoặc các nguyên nhân khách quan khác dẫn đến mất khả năng lao động, bị chết trong thời gian cam kết hưởng chính sách thì được miễn hoàn trả lại kinh phí đã hỗ trợ.

## **CHƯƠNG II**

### **CHÍNH SÁCH THU HÚT, SỬ DỤNG, ĐÃI NGỘ**

#### **Điều 6. Hình thức thu hút, tuyển dụng**

1. Xét tuyển và tiếp nhận những người quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 4 vào làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố.

2. Ký hợp đồng với mức lương, chế độ đãi ngộ theo cơ chế thỏa thuận đối với một số vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình cần sự đảm nhiệm của người quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 4.

3. Thi tuyển công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.

#### **Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hút, tuyển dụng**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của thành phố Hà Nội được quyền xét tuyển và tiếp nhận những người quy định tại khoản 2 Điều 4 trường hợp là Công dân Việt Nam.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội được tuyển dụng không qua thi tuyển đối với người từ khu vực ngoài nhà nước vào làm việc và đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

#### **Điều 8. Quyền lợi của người được thu hút**

1. Hưởng chế độ thu hút một lần ngay sau khi về công tác.

2. Hỗ trợ thuê, mua nhà ở hoặc đất ở khi có nhu cầu thực tế.

3. Được cơ quan tiếp nhận ưu tiên bố trí công việc phù hợp với năng lực, sở trường, ngành nghề được đào tạo và tạo môi trường làm việc thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ.



4. Được hưởng ưu đãi về bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý, điều kiện làm việc, phát triển năng lực

5. Đối với các đối tượng quy định tại khoản d, e khoản 2 Điều 4 được ký hợp đồng làm việc được hưởng các chính sách sau:

- Được đề xuất mức lương hưởng hàng tháng theo cơ chế thị trường theo công việc và lĩnh vực công tác.

- Được hỗ trợ nghiên cứu khoa học sau Tiến sỹ nếu có nhu cầu.

6. Đối với đối tượng đang ở nước ngoài trở về nước làm việc có chính sách hỗ trợ về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, cấp thị thực.

### **Điều 9. Nghĩa vụ, trách nhiệm của người được hưởng chính sách thu hút, đãi ngộ**

1. Chấp hành sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thực hiện đúng nội dung Đơn cam kết đã ký.

3. Các trường hợp tự ý vi phạm cam kết hoặc thôi việc, chuyển công tác ra ngoài thành phố Hà Nội trước thời hạn phải hoàn trả lại các khoản kinh phí được hỗ trợ theo quy định.

### **Điều 10. Mức thu hút hỗ trợ bằng tiền**

Các đối tượng thu hút đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn tại Điều 4 của Quy định này về làm việc tại các cơ quan, đơn vị của Thành phố thì được hỗ trợ bằng tiền một lần như sau:

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ một lần (mức lương cơ sở)
1	Giáo sư	200 lần
2	Phó Giáo sư	180 lần
3	Tiến sĩ	150 lần
4	Nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài quy định tại điểm d, e Khoản 2 Điều 4	120 lần
5	Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc nước ngoài và các trường hợp theo quy định tại điểm a, b, c Điều 4	80 lần
6	Trường hợp các đối tượng tại mục 5 nêu trên (theo danh sách xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi thành phố Hà Nội kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) ngoài các chính sách được hưởng theo quy định tại các Điều 11, 12, 13 Nghị định 140/2021/NĐ-CP	100 lần

### **Điều 11. Hỗ trợ thuê, mua nhà ở hoặc đất ở**

1. Người được thu hút có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc mua nhà ở trên địa bàn Thành phố được hỗ trợ một lần như sau:

a) Người được thu hút là các đối tượng thuộc điểm d, e khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này được thành phố Hà Nội hỗ trợ 400.000.000 đồng/người (*Bốn trăm triệu đồng/người*).

b) Người được thu hút là các đối tượng thuộc điểm a, b, c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này được Thành phố hỗ trợ 200.000.000 đồng/người (*Hai trăm triệu đồng/người*).

2. Trường hợp người được thu hút về Thành phố chưa có chỗ ở, được Thành phố hỗ trợ tiền thuê nhà ở với mức không quá 10.000.000 đồng/tháng/người (*Mười triệu đồng/tháng/người*). Tổng kinh phí hỗ trợ thuê nhà không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này và sẽ được khấu trừ khi người được thu hút nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc mua nhà ở.

3. Người được thu hút nếu có nhu cầu mua, thuê nhà ở xã hội phải đảm bảo đối tượng và điều kiện theo quy định pháp luật nhà ở.

### **Điều 12. Chính sách sử dụng, đãi ngộ**

1. Được hưởng ưu đãi về bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý, điều kiện làm việc, phát triển năng lực.

2. Được hưởng ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng

a) Sau 01 (một) năm công tác kể từ thời điểm có quyết định tuyển dụng, được cử đi đào tạo sau đại học ở trong nước hoặc nước ngoài, hỗ trợ nghiên cứu khoa học sau tiến sỹ theo các lĩnh vực thu hút Thành phố cần được Thành phố hỗ trợ kinh phí như sau:

- Đào tạo sau đại học trong nước: được hưởng kinh phí hỗ trợ đào tạo gồm: tiền học phí, tiền hỗ trợ hàng tháng đi học bằng 1,5 lần mức lương cơ sở, hỗ trợ bảo vệ luận văn tốt nghiệp bằng 30 lần mức lương cơ sở, luận án tốt nghiệp Tiến sỹ bằng 80 lần mức lương cơ sở.

- Đào tạo sau đại học ở nước ngoài: được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo định mức tại các chương trình hợp tác giữa Thành phố với nước ngoài hoặc được hỗ trợ chi phí sinh hoạt hàng tháng bằng 05 lần mức lương cơ sở nếu đi học không dùng ngân sách của Thành phố.

3. Được hỗ trợ nghiên cứu khoa học sau Tiến sỹ nếu có nhu cầu.

## **CHƯƠNG III**

### **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO**

#### **Điều 13. Chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

1. Các đối tượng theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết

này được hưởng chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng như sau:

a) Được hưởng kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học trong nước gồm: tiền học phí, tiền hỗ trợ hàng tháng đi học bằng 1,5 mức lương cơ sở, hỗ trợ bảo vệ luận văn tốt nghiệp bằng 30 lần mức lương cơ sở, luận án tốt nghiệp Tiến sĩ bằng 80 lần mức lương cơ sở;

b) Được hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học tại nước ngoài theo định mức tại các chương trình hợp tác giữa Thành phố với nước ngoài hoặc được hỗ trợ chi phí sinh hoạt hàng tháng bằng 05 lần mức lương tối thiểu, hỗ trợ tiền học phí, tiền bảo vệ luận văn/luận án nếu đi học không dùng ngân sách của Thành phố;

c) Được cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ.

2. Học viên học nghề theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này:

- Hỗ trợ tối đa không quá 4.500.000 đồng/người/khóa đào tạo đối với người tham gia khóa đào tạo nghề đến 03 tháng, mức hỗ trợ tính theo mức thu học phí của cơ sở đào tạo nghề nghiệp và thời gian học nghề thực tế;

- Hỗ trợ tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người tham gia khóa đào tạo nghề trên 03 tháng, mức hỗ trợ tính theo tháng, mức thu học phí và thời gian học nghề thực tế;

Trường hợp người lao động tham gia khóa đào tạo nghề có những ngày lễ không đủ tháng theo quy định của cơ sở đào tạo nghề nghiệp thì số ngày lễ được tính theo nguyên tắc: từ 14 ngày trở xuống tính là tháng và từ 15 ngày trở lên được tính là 01 tháng.

#### **Điều 14. Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo trọng điểm trên địa bàn Thủ đô**

1. Cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô, cơ sở đào tạo của Thủ đô được hợp tác liên doanh, liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được hỗ trợ, bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách Thành phố để nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản công và xây dựng mới các hạng mục công trình phụ trợ thiết yếu trong cơ sở đã có của cơ sở đào tạo theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Trường hợp đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình thiết yếu có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hoặc có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật trước khi phân bổ dự toán và phải thực hiện đấu thầu, quản lý như dự án đầu tư công.

2. *(Về bố trí nguồn vốn đầu tư công các dự án, do Sở KHĐT tham mưu)*

#### **Điều 15. Chính sách hỗ trợ hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.**

*(Việc cụ thể hóa nội dung chính sách này liên quan đến các quy định hiện hành và các quy định về việc huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô; quy định về liên kết vùng theo quy định tại dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) và việc tham mưu cụ thể hóa chính sách này còn liên quan đến các ngành, các cấp có*

*liên quan nên chưa xác định được rõ trong dự thảo Nghị quyết này.*

*Căn cứ Luật Thủ đô (sửa đổi), định hướng phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô từng giai đoạn mà các sở, ngành có liên quan sẽ tham mưu có chính sách cụ thể).*

## **CHƯƠNG IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Trách nhiệm của UBND Thành phố**

1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Tổ chức sơ kết, tổng kết thực tiễn thi hành Nghị quyết để xây dựng trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành chính sách điều chỉnh hoặc thay thế cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Thủ đô.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Phát hiện, thu hút, sử dụng, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động công vụ.

2. Đảm bảo thực hiện chính sách hiệu quả, đúng quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 18. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện chính sách thu hút vào các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước phân cấp ngân sách hiện hành, kinh phí của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức, viên chức; kinh phí tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn huy động xã hội hóa.

2. Kinh phí thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học trích từ nguồn kinh phí giao tại Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng Thành phố Hà Nội

4. Kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo trọng điểm trên địa bàn Thủ đô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn tài chính của đơn vị và nguồn huy động xã hội hóa.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng các chính sách xã hội hóa, tăng cường thu hút các nguồn nhân lực đầu tư ngoài ngân sách của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để bổ sung, tăng hiệu quả thực hiện chính sách.

## **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm .

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám, chữa bệnh  
chất lượng cao, hiện đại, trên địa bàn Thủ đô**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô sửa đổi ngày .....tháng ...năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật khám, chữa bệnh sửa đổi năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Y tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, trong lĩnh vực y tế.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại.

**Điều 3. Danh mục tiêu chí để thực hiện công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao**

- Quy mô cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Cơ sở vật chất.
- Trang thiết bị y tế.
- Cơ cấu tổ chức.
- Nhân sự.

**Điều 4. Hồ sơ công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực y tế**

1. Đơn đề nghị công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại (theo mẫu).

2. Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề/giấy phép hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề/ giấy phép hành nghề) (theo mẫu).

5. Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự đáp ứng điều kiện theo quy định Bộ tiêu chí.

7. Điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện nhà nước thực hiện theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; đối với bệnh viện tư nhân thực hiện (theo Mẫu) và phương án hoạt động ban đầu đối với bệnh viện.

8. Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế**

1. Hồ sơ công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế, được lập thành 01 bộ và gửi tới Sở Y tế thành phố Hà Nội.

2. Trình tự xem xét việc công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế thực hiện như sau:

a) Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế, Sở Y tế (sau đây gọi tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ), Giám đốc Sở Y tế thành lập đoàn thẩm định để xem xét công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế;

b) Đoàn thẩm định thực hiện thẩm định theo thời hạn quy định và phải có biên bản thẩm định theo mẫu;

c) Biên bản thẩm định các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được làm thành 02 bản; 01 bản lưu tại Sở Y tế, 01 bản lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thẩm định.

### **Điều 6. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có đề nghị công nhận**

**cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế.**

1. Hoạt động đúng theo giấy phép được cấp;
2. Tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự và các quy định khác có liên quan.

**Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan thuộc Thành phố**

1. Sở Y tế cấp công nhận cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; kiểm tra, giám sát việc hoạt động của các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực y tế.
2. Sở Khoa học công nghệ phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung tại quy định này.
3. Cục Thống kê phối hợp Sở Y tế, UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo việc kiểm tra, tổng hợp thông kê đất đai theo quy định.
4. UBND các quận, huyện, thị xã phối hợp với Sở Y tế đảm bảo trật tự, môi trường và các quy định trên địa bàn địa phương.

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm .

Chánh văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Khoa học công nghệ, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ liên quan;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: các PCVP; KTN, TNMT, TH;
- Lưu VT, KTN Ngân.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Số: / /ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết về cấp phép và quản lý xây dựng  
công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp  
trên đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày tháng năm ;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cấp phép và quản lý xây dựng các công trình bán kiên cố phục vụ sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về tỷ lệ diện tích, điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép và loại công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và cấp phép xây dựng công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp.

**Điều 3. Nguyên tắc quản lý, cấp phép xây dựng**

1. Công trình phụ trợ bán kiên cố xây dựng trên đất nông nghiệp phải trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, phù hợp với mục tiêu sản xuất, canh tác của khu vực sản xuất, dự án sản xuất nông nghiệp; không sử dụng vào mục đích để ở.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tháo dỡ, di dời công trình xây dựng trên đất nông nghiệp, không được bồi thường tài sản trên đất.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Danh mục các hạng mục công trình được phép xây dựng để phục vụ sản xuất trên đất nông nghiệp**

Tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

Tỷ lệ xây dựng tối đa không quá 10% trên đất nông nghiệp liền thửa và có diện tích tối thiểu đạt 01 ha trở lên đối với mỗi tổ chức, cá nhân để xây dựng công trình phụ trợ phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; diện tích xây dựng tối đa không vượt quá 2 ha.

Tỷ lệ xây dựng, công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp được xác định căn cứ vào quy mô, tính chất của từng dự án, khu vực sản xuất nông nghiệp.

#### **Điều 5. Quy định về thống kê diễn biến đất nông nghiệp**

Các diện tích thực hiện xây dựng các hạng mục công trình để phục vụ sản xuất trên đất nông nghiệp vẫn được thống kê là đất nông nghiệp.

#### **Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng các hạng mục công trình để phục vụ sản xuất trên đất nông nghiệp**

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;
- b) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- c) Bản vẽ thiết kế xây dựng và thiết kế tổng mặt bằng do đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện;
- d) Phương án hoặc dự án sản xuất nông nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục nộp hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng:

- a) Hồ sơ xin cấp phép xây dựng nộp 01 bộ hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chuẩn bị xây dựng công trình;

b) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung thêm giấy tờ, nếu hồ sơ đã đầy đủ thì viết giấy biên nhận và trao cho người sử dụng đất;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi cơ quan chuyên môn cấp thành phố (Sở chuyên ngành) xin ý kiến thoả thuận trước khi cấp phép;

d) Sở chủ trì lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan. Tổng hợp ý kiến:

- Trường hợp đủ điều kiện: thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành cấp phép;

- Trường hợp không đủ điều kiện: thông báo bằng văn bản cho UBND cấp huyện biết, nêu rõ lý do để Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân.

e) Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép, tổ chức cá nhân tiếp nhận hồ sơ và nhận giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của cơ quan cấp giấy phép xây dựng hoặc văn bản trả lời (đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng).

### **Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có công trình được phép xây dựng để phục vụ sản xuất trên đất nông nghiệp**

1. Xây dựng đúng theo giấy phép được cấp.

2. Sử dụng công trình đúng mục đích.

3. Tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự và các quy định khác có liên quan.

4. Trong trường hợp sử dụng công trình không đúng mục đích thì buộc phải dỡ bỏ và hoàn trả nguyên trạng cho diện tích đã xây dựng công trình. Thực hiện các hình thức phạt bổ sung như quy định đối với vi phạm xây dựng trên đất nông nghiệp theo quy định hiện hành.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp thuộc thành phố Hà Nội**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức cấp phép xây dựng các hạng mục công trình để phục vụ sản xuất trên đất nông nghiệp; chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện..... ; chỉ đạo việc kiểm tra, tổng hợp thống kê đất đai theo quy định.

Định kỳ báo cáo Chính phủ chậm nhất là ngày 15 tháng 12 hàng năm về kết quả thi hành Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thành phố Hà Nội có trách nhiệm tổ chức cấp phép theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 5 quy định này; thực hiện quản lý quá trình xây dựng, hoàn công sau cấp phép; kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng các công trình.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm      .

#### **Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phụ lục: Danh mục các hạng mục công trình được phép xây dựng để phục vụ sản xuất trên đất nông nghiệp**

Tên, loại công trình	Mô tả hạng mục/cấp/loại công trình	Giới hạn quy mô tối đa	Diện tích xây dựng tối đa		
			< 5 ha	5 – 10 ha	>10 ha
<b>I. Công trình tạm trên đất nông nghiệp, gồm:</b>					
1. Hàng rào bảo vệ	Chỉ xây cao không quá 0,5m, dày không quá 0,2m bên trên có hệ thống cột để gắn hàng rào bằng lưới thép. Tổng hàng rào cao không quá 150 cm	Chỉ có 1 hàng rào bao quanh toàn bộ khu sản xuất.	Chỉ có 1 hàng rào bao quanh toàn bộ khu sản xuất.	Chỉ có 1 hàng rào bao quanh toàn bộ khu sản xuất.	Chỉ có 1 hàng rào bao quanh toàn bộ khu sản xuất.
2. Đường đi nội bộ	Quy cách đường vừa cho xe tải hạng 2,5 tấn di chuyển. Chỉ thiết kế xây dựng đường để phục vụ vận chuyển từ khu vực sản xuất đến nhà kho, nhà sơ chế và phục vụ tiêu thụ sản phẩm. Mức độ bố trí đường nội bộ ở khu vực trồng trọt tối đa 500m/1 đường	Quy cách đường:.....	Quy cách .....	Quy cách .....	Quy cách .....
3. Bờ kè ao, lồng, bè nuôi thủy sản			Quy cách .....	Quy cách .....	Quy cách .....
4. Đường điện hạ thế và đường ống cấp, thoát nước chôn ngầm hoặc lắp đặt rời trên đất			Quy cách .....	Quy cách .....	Quy cách .....

Tên, loại công trình	Mô tả hạng mục/cấp/loại công trình	Giới hạn quy mô tối đa	Diện tích xây dựng tối đa		
<b>II. Công trình kết cấu hạ tầng trên đất nông nghiệp khác, gồm:</b>					
1. Nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất (bao gồm cả trồng hoa, cây cảnh, trồng cây thủy canh)	Nhà khung thép tiền chế, bao gồm lưới xung quanh và trên mái (không được xây tường bao xung quanh). Theo TCVN của từng loại nhà. Trường hợp chưa có TCVN thì thực hiện theo TCCS của nhà sản xuất đối với loại nhà phục vụ trồng trọt.	2 ha	5.000 m <sup>2</sup>	10.000 m <sup>2</sup>	20.000 m <sup>2</sup>
2. Nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả nhà trông coi, bảo vệ sản xuất; nhà vệ sinh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại hình nhà: Nhà khung thép tiền chế</li> <li>- Hệ thống móng nhà: Cao không quá 50cm so với mặt đất</li> <li>- Hệ thống tường bao quanh: Sử dụng vật liệu lắp ghép</li> <li>- Hệ thống mái: Sử dụng mái tôn</li> </ul>	m <sup>2</sup>	50	100	150
3. Chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép	Theo TCVN của từng loại nhà. Trường hợp chưa có TCVN thì thực hiện theo TCCS của nhà sản xuất đối với loại nhà phục	ha	1	1,5	2

Tên, loại công trình	Mô tả hạng mục/cấp/loại công trình	Giới hạn quy mô tối đa	Diện tích xây dựng tối đa		
	vụ mục đích chăn nuôi.				
4. Kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thức ăn chăn nuôi, vật tư, nguyên liệu, máy móc, công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại hình nhà: Nhà khung thép tiền chế</li> <li>- Hệ thống móng nhà: Cao không quá 50cm so với mặt đất</li> <li>- Hệ thống tường bao quanh: Sử dụng vật liệu lắp ghép</li> <li>- Hệ thống mái: Sử dụng mái tôn</li> </ul>	ha	50	100	150
5. Sân phơi	Diện tích sân phơi: không quá 5.000 m <sup>2</sup> , không được xây tường bao, không có mái che		Quy cách ...	Quy cách ...	Quy cách ...
6. Nhà sơ chế sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại hình nhà: Nhà khung thép tiền chế</li> <li>- Hệ thống móng nhà: Cao không quá 50cm so với mặt đất</li> <li>- Hệ thống tường bao quanh: Sử dụng vật liệu lắp ghép</li> <li>- Hệ thống mái: Sử dụng mái tôn</li> </ul>	m <sup>2</sup>	200	500	1.000
7. Nhà điều hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại hình nhà: Nhà khung thép tiền chế</li> <li>- Hệ thống móng nhà: Cao</li> </ul>	m <sup>2</sup>	50	100	150

Tên, loại công trình	Mô tả hạng mục/cấp/loại công trình	Giới hạn quy mô tối đa	Diện tích xây dựng tối đa		
	không quá 50cm so với mặt đất - Hệ thống tường bao quanh: Sử dụng vật liệu lắp ghép - Hệ thống mái: Sử dụng mái tôn				
8. Hệ thống xử lý môi trường, phế phụ phẩm		m <sup>2</sup>	300	500	1.000
9. Công trình khác trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp mà không nhằm mục đích phi nông nghiệp (bao gồm cả công trình cấp, thoát nước và xử lý chất thải)		m <sup>2</sup>	300	500	1.000

\* Các dự án/phương án của các tổ chức khác nhau khi thực hiện phải đảm bảo khoảng cách lưu không bằng đường giao thông hoặc hàng rào cây xanh có độ rộng tối thiểu 2 m để đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy.



Số: / /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm ....

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do thành phố quản lý**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA , KỲ HỌP THỨ

(Từ ngày đến ngày tháng năm )

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày ...

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng

7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 20 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 20 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý”.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa ..., kỳ họp thứ .... thông qua ngày tháng năm và có hiệu lực từ ngày tháng năm ./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Tổng Cục thuế;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố;
- Chủ tịch HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo Thành phố;
- Văn phòng HĐND thành phố: CVP, PVP;
- Lưu: VT,

### **CHỦ TỊCH**

**QUY ĐỊNH****VỀ CHI THU NHẬP TĂNG THÊM CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số / /NQ-HĐND ngày tháng năm của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý từ cấp thành phố đến cấp quận- huyện, phường - xã, thị trấn (sau đây gọi chung là đơn vị).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi thường xuyên do thành phố Hà Nội quản lý được cấp có thẩm quyền đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Thu nhập tăng thêm theo quy định của Nghị quyết này được chi trả căn cứ hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại từng cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm đánh giá, xếp loại theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020, Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 và của Thành ủy Hà Nội tại Quyết định số 1841-QĐ/TU ngày 28 tháng 10 năm 2021, Quyết định số 3251-QĐ/TU ngày 16 tháng 8 năm 2022. Mỗi đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo dân chủ, minh bạch.

Đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, giao Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn để các đơn vị quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ để chia sẻ thu nhập tăng thêm theo hiệu quả công việc.

2. Chi trả thu nhập tăng thêm của năm nào thì căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả công việc của năm đó và thực hiện chi trả sau khi có kết quả đánh giá hiệu quả công việc hàng tháng, hàng năm của từng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Căn cứ nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ rà soát hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm so với khả năng cân đối ngân sách thực tế. Nếu có thay đổi, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

**Điều 4. Mức chi trả thu nhập tăng thêm**

Hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 2 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ (tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ là tiền lương đã bao gồm tăng lương theo lộ trình của Chính phủ).

Căn cứ hệ số tăng thu nhập tối đa nêu trên, các cơ quan, đơn vị thực hiện hệ số điều chỉnh tăng thu nhập cho từng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, đảm bảo nguyên tắc sắp xếp bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương theo chủ trương của Đảng, Nhà nước; gắn với hiệu quả công việc và không cào bằng.

## **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm**

### **1. Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm tại đơn vị**

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm tại đơn vị là nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành (sau khi đã thực hiện chi trả chính sách tăng lương theo lộ trình của Chính phủ hàng năm), được sử dụng theo trình tự như sau:

- a) Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị từ năm trước chuyển sang.
- b) Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp theo quy định (không kể các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).
- c) Nguồn cải cách tiền lương được trích lập từ nguồn thu được để lại hàng năm theo quy định của cấp có thẩm quyền.
- d) Sau khi sử dụng hết các nguồn cải cách tiền lương nêu trên, trường hợp nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh thu nhập tăng thêm theo quy định của Nghị quyết này còn thiếu so với nguồn hiện có, các cấp ngân sách sẽ xem xét bố trí nguồn cải cách tiền lương của ngân sách cho đơn vị thực hiện chi trả theo quy định.

### **2. Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm tại các cấp ngân sách**

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm tại ngân sách cấp huyện (sau khi đã thực hiện chi trả chính sách tăng lương theo lộ trình của Chính phủ hàng năm) bao gồm:

- a) Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang của ngân sách cấp huyện.
- b) Nguồn 50% tăng thu của ngân sách cấp huyện (không kể tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) thực hiện năm trước so với dự toán năm trước.
- c) Nguồn 50% tăng thu của ngân sách cấp huyện (không kể tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) dự toán năm hiện hành so với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Trường hợp nguồn kinh phí nhỏ hơn nhu cầu kinh phí thực hiện thì ngân sách thành phố sẽ xem xét bổ sung phần chênh lệch thiếu từ nguồn cải cách tiền lương cấp thành phố cho cấp huyện để đảm bảo đủ nguồn kinh phí thực hiện.

Trường hợp nguồn kinh phí lớn hơn nhu cầu kinh phí thực hiện thì cấp huyện tự đảm bảo kinh phí thực hiện; phần chênh lệch lớn hơn dành để thực hiện chế độ tiền lương mới tăng thêm khi Chính phủ tiếp tục ban hành mức lương tối thiểu mới, chi cho các nội dung theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, không sử dụng phần kinh phí còn lại này cho các mục tiêu khác.

## **Điều 6. Quy định trích lập nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu được để lại hàng năm của các đơn vị**

### 1. Tỷ lệ trích lập nguồn cải cách tiền lương từ số thu được để lại.

Nhằm tạo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện quy định tăng lương tối thiểu theo lộ trình của Chính phủ và thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị quyết này, các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trích 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) số thu được để lại hàng năm để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

Trường hợp nguồn cải cách tiền lương được trích lập từ số thu trong năm (cộng với các nguồn cải cách tiền lương khác theo quy định) cao hơn nhu cầu thực hiện chi lương tối thiểu theo lộ trình tăng lương của Chính phủ và nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo quy định tại Nghị quyết này, phần chênh lệch thừa trong năm từ nguồn 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) xử lý như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính: Tiếp tục theo dõi để thực hiện cho những năm tiếp theo.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Tiếp tục theo dõi để thực hiện cho những năm tiếp theo. Trường hợp đơn vị nào cam kết trong những năm tiếp theo tự đảm bảo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả lương tối thiểu theo lộ trình tăng lương của Chính phủ và chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định tại Nghị quyết này, thì được sử dụng nguồn 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) nêu trên còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của đơn vị và thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định hiện hành.

### 2. Phạm vi trích lập nguồn cải cách tiền lương từ số thu được để lại

Các đơn vị xác định phạm vi trích lập nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu được để lại theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở hàng năm.

**Điều 7. Thời gian thực hiện:** Từ ngày      tháng      năm

**Điều 8. Tổ chức thực hiện:**

Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Hướng dẫn việc bố trí ngân sách, cách thức phân bổ, chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; quy định mỗi đơn vị phải có quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện chi kịp thời theo quy định.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, thực chất việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo các quy định của Chính phủ và

Thành ủy Hà Nội làm cơ sở phân bổ, phân chia thu nhập tăng thêm đảm bảo nguyên tắc theo kết quả, hiệu quả công việc; nhằm nâng cao hiệu suất làm việc, năng suất lao động; gắn với cải cách hành chính, tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tinh giảm biên chế; giao thẩm quyền thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo thành phố và phải công khai, dân chủ, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3. Có chế độ kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

4. Sau một năm thực hiện, tổ chức khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện; trong đó chọn một số đơn vị để đánh giá, đo lường hiệu quả công việc, hiệu suất làm việc, năng suất lao động từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đơn vị.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện và nguồn cải cách tiền lương còn dư của thành phố./.

---

Số:.../20...../QĐ-UBND

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân  
thành phố Hà Nội tại dự thảo Luật Thủ đô**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Thủ đô ngày.....tháng.....năm 2024;  
Theo đề nghị của .....,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại dự thảo Luật Thủ đô, cụ thể:

1. Quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư thực hiện theo hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao quy định tại khoản 5 Điều 40 Luật Thủ đô.

2. Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Thủ đô.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .....tháng ..... năm .....

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- TT Thành ủy Hà Nội (đề b/c);
- TT HĐND Thành phố Hà Nội (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ KH&ĐT, XD, TP;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Tòa án, Viện Kiểm sát, MTTQ TP;
- Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội;
- Các đ/c PCT UBND thành phố Hà Nội;
- Đài PT&THHN, Báo KTĐT (đề đưa tin);
- Trung tâm công báo;
- VP UBTP: CVP, PCVP, các Phòng CV;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Số:.../...../NQ-HĐND

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án  
TOD, quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD và  
quyết định đầu tư dự án TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA.... KỲ HỌP THỨ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa  
phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày tháng năm 2024;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày..... của Ủy ban nhân dân  
thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu  
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD; quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD; quyết định đầu tư dự án TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các Sở ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu, Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa.....Kỳ họp thứ...thông qua ngày ... tháng ... năm ...và có hiệu lực từ ngày.../.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH Thành phố;
- Bảo hiểm Xã hội Hà Nội;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP; Công GTĐT TP;
- Lưu: VT,.....

**CHỦ TỊCH**



**QUY ĐỊNH**

**Về việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD; quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD; quyết định đầu tư dự án TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo Nghị quyết số.../20.../NQ-HĐND*

*ngày... tháng... năm 20... của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD; quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD; quyết định đầu tư dự án TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.
2. Đảm bảo mục tiêu của phát triển theo mô hình TOD (như dự thảo Luật).
3. Đảm bảo.....

**Chương II****TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ  
TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN TOD****Điều 3. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD**

1. Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội và bảo vệ môi trường.

2. Phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của Nhà nước và Thành phố Hà Nội

3. Không trùng lặp với các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư.

4. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Phù hợp với khả năng vay, trả nợ công, nợ Chính phủ và nợ chính quyền địa phương.

6. Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

#### **Điều 4. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án TOD**

1. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, trình Sở Kế hoạch đầu tư và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thẩm định.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập Hội đồng thẩm định thành phố theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

3. Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, báo cáo Tập thể Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

4. Trên cơ sở kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án và ý kiến của Tập thể Lãnh đạo ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD.

5. Cơ quan thẩm tra của Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức thẩm tra, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án.

#### **Điều 5. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án TOD**

1) Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án TOD thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2) Nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án TOD bao gồm:

a) Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư;

b) Dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư;

c) Khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác;

- d) Phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật và các điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng;
- đ) Phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư;
- e) Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, biện pháp bảo vệ môi trường;
- f) Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động xã hội; đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- g) Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn;
- h) Xác định sơ bộ chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án;
- i) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn, tiến độ thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư;
- k) Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội của dự án;
- l) Phân chia các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có);
- m) Giải pháp tổ chức thực hiện.

## **Điều 6. Tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định thành phố**

1. Hội đồng thẩm định thành phố do Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập theo từng dự án có nhiệm vụ tổ chức thẩm định các dự án TOD (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi) để trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Hội đồng thẩm định thành phố gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng là đại diện lãnh đạo các Sở, ngành, các cơ quan liên quan do Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cơ quan thường trực Hội đồng thành phố là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao; ý kiến đánh giá kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của Hội đồng thẩm định thành phố về các nội dung của dự án TOD được phân công và theo quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định nhà thành phố.

4. Hội đồng thẩm định thành phố có các quyền hạn sau:

a) Xem xét, quyết định các vấn đề về nội dung, chương trình và kế hoạch công tác của Hội đồng và các vấn đề khác có liên quan trong quá trình thẩm định dự án TOD;

b) Yêu cầu chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cung cấp các tài liệu liên quan trong quá trình thẩm định dự án TOD, thanh toán các chi phí thẩm tra, thẩm định theo dự toán và tiến độ thực hiện công việc thẩm định đã được phê duyệt;

c) Yêu cầu nhà thầu tư vấn (hoặc cơ quan có liên quan) cung cấp các tài liệu liên quan trong quá trình thẩm tra, thẩm định dự án TOD.

5. Hội đồng thẩm định thành phố làm việc theo chế độ tập thể dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng. Phiên họp Hội đồng thẩm định thành phố được coi là hợp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên tham dự (kể cả người được ủy quyền). Các ý kiến kết luận được thông nhất theo nguyên tắc đa số. Trường hợp tỷ lệ biểu quyết là bằng nhau và đạt 50% số thành viên Hội đồng (bao gồm cả số có mặt tại phiên họp và số biểu quyết bằng văn bản gửi đến Hội đồng), vấn đề được thông qua theo ý kiến đã biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

Kết luận cuối cùng thông qua các nội dung thẩm định dự án TOD trình Tập thể Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định thành phố thông qua. Ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố được thực hiện bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng thẩm định thành phố.

6. Hội đồng thẩm định nhà nước tự giải thể sau khi hoàn thành công việc thẩm định theo quy định.

### **Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố**

1. Xem xét phê duyệt kế hoạch thẩm định sau khi Hội đồng thẩm định thành phố có ý kiến, quyết định triệu tập các cuộc họp Hội đồng thẩm định thành phố, chủ trì các phiên họp; phân công trách nhiệm Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố.

2. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành theo yêu cầu công việc đối với từng dự án TOD.

3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố có thể ủy quyền một Phó Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng thẩm định thành phố hoặc báo cáo trước Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội một số nội dung hoặc công việc do Phó Chủ tịch Hội đồng trực tiếp phụ trách.

### **4. Quyết định việc thuê và kế hoạch lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án.**

### **Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố**

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố điều hành các hoạt động của Hội đồng; theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công; báo cáo thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện của Hội đồng.

2. Giúp Chủ tịch Hội đồng xem xét, đánh giá các báo cáo chuyên môn và các hoạt động khác của Hội đồng để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố**

1. Xem xét có ý kiến về các nội dung thẩm định dự án TOD liên quan đến các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan và địa phương do mình phụ trách và về những vấn đề chung của dự án TOD theo kế hoạch thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố.

2. Huy động nhân lực, phương tiện làm việc, cơ sở nghiên cứu thuộc quyền quản lý của mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng thẩm định thành phố, trao đổi đóng góp ý kiến về các nội dung xem xét, thẩm định và biểu quyết các kết luận của Hội đồng thẩm định thành phố. Trường hợp đặc biệt không thể tham dự cuộc họp, thành viên Hội đồng thẩm định thành phố phải ủy quyền người đại diện có thẩm quyền tham dự cuộc họp của Hội đồng và phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung được lấy ý kiến.

4. Chịu trách nhiệm về các ý kiến thẩm định và biểu quyết của mình.

### **Điều 10. Nhiệm vụ của Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định thành phố**

Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước là Sở Kế hoạch và Đầu tư, có các nhiệm vụ sau:

1. Huy động bộ máy của Bộ giúp Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức công việc thẩm định dự án TOD và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, tư vấn thẩm tra để thực hiện các công việc thẩm định.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự án, gửi hồ sơ dự án đến các thành viên Hội đồng, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Xây dựng kế hoạch thẩm định dự án TOD trình Hội đồng thẩm định thành phố.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố giao.

5. Lưu trữ các hồ sơ thẩm định dự án TOD theo quy định.

### **Điều 11. Nhiệm vụ của Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành**

1. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là bộ phận được thành lập để giúp việc cho Hội đồng thẩm định thành phố, gồm các chuyên gia của các sở, ngành,

quận, huyện, **các nhà khoa học có kinh nghiệm** và các cơ quan khác có liên quan.

2. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có các nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị các nội dung thẩm định để gửi cho các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố;

b) Chuẩn bị các nội dung yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo đề nghị của các thành viên trong Hội đồng thẩm định thành phố trong quá trình thẩm định, trình Hội đồng thẩm định thành phố;

c) Thực hiện các công việc để giúp Hội đồng thẩm định thành phố lựa chọn tư vấn thẩm tra theo kế hoạch lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án đã được Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố phê duyệt;

d) Chuẩn bị các hợp đồng tư vấn thẩm tra, biên bản nghiệm thu hợp đồng và các chứng từ có liên quan khác để phục vụ việc thanh quyết toán chi phí thẩm định và thẩm tra dự án TOD;

đ) Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố, đề xuất, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cần xử lý trong quá trình thẩm định;

e) Dự thảo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố để trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố xem xét trình Ủy ban nhân dân thành phố;

g) Thực hiện các công việc khác được Hội đồng thẩm định thành phố giao.

## **Điều 12. Thẩm quyền quyết định việc thuê tư vấn thẩm tra các dự án TOD**

1. Tư vấn thẩm tra là tổ chức hoặc cá nhân trong nước, nước ngoài hoặc liên danh trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là tư vấn hoặc tư vấn thẩm tra) được Hội đồng thẩm định thành phố thuê để thực hiện một hoặc một số phần công việc của nội dung thẩm định dự án TOD.

2. Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố phê duyệt kế hoạch thẩm định; kế hoạch lựa chọn tư vấn thẩm tra.

3. Quy trình, thủ tục lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án TOD thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu.

## **Điều 13. Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án TOD do Hội đồng thẩm định thành phố thực hiện**

1. Chi phí thẩm tra là chi phí thuê tư vấn thẩm tra dự án TOD của Hội đồng thẩm định nhà nước.

2. Chi phí thẩm định là các chi phí phục vụ cho các hoạt động thẩm định dự án TOD của Hội đồng thẩm định thành phố (không bao gồm chi phí thẩm tra nêu tại khoản 1 Điều này). Chi phí thẩm định bao gồm thù lao cho các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định thành phố, Tổ chuyên gia thẩm định liên

ngành; chi phí họp, văn phòng phẩm, khảo sát thực địa (nếu có), chi phí khác liên quan, chi phí dự phòng.

3. Chi phí thẩm tra và thẩm định các dự án TOD gia được xác định như sau:

a) Định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được tính bằng định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi;

b) Chi phí thẩm định được tính bằng 20% chi phí thẩm tra nêu trên. Trường hợp không có định mức chi phí thẩm tra và phải lập dự toán chi phí thẩm tra như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này thì lập dự toán chi phí thẩm định tương ứng;

c) Định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp thuê tư vấn nước ngoài, liên danh tư vấn trong nước và tư vấn nước ngoài hoặc không có định mức thì phải lập dự toán chi phí, bao gồm:

- Chi phí chuyên gia: khoản chi phí tiền lương trả cho các chuyên gia tư vấn trong khoảng thời gian thực hiện;

- Chi phí khác: các chi phí phục vụ, hỗ trợ cho hoạt động của nhà thầu tư vấn trong thời gian thực hiện hoạt động tư vấn thẩm tra như: chi phí đi lại (quốc tế và trong nước), chi phí thuê văn phòng, thiết bị văn phòng, chi phí hoạt động của văn phòng, chi phí thông tin liên lạc, chi phí hỗ trợ ăn, ở cho các chuyên gia tư vấn, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (nếu có) và các chi phí khác;

- Thuế: các khoản thuế mà nhà thầu tư vấn thẩm tra phải nộp theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Chi phí dự phòng: khoản chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh và trượt giá trong thời gian nhà thầu tư vấn thẩm tra thực hiện công việc.

4. Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án TOD được tính trong tổng mức đầu tư dự án và được chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thanh toán theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định thành phố, bảo đảm tiến độ thẩm định, thẩm tra dự án TOD theo kế hoạch.

Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm thanh toán chi phí thẩm tra cho tư vấn thẩm tra theo hợp đồng đã được ký, sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định thành phố.

5. Trường hợp cần thiết Hội đồng thẩm định thành phố yêu cầu chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt chi phí thuê tư vấn thẩm tra. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư không đủ năng lực kinh nghiệm để thẩm định thì được thuê các tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thẩm tra trước khi phê duyệt.

6. Hội đồng thẩm định thành phố khoán chi cho các thành viên Hội đồng, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các chi phí khác, bảo đảm hoạt động thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước.

7. Tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng thẩm định thành phố, chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm tra do mình thực hiện.

#### **Điều 14. Hồ sơ, thủ tục thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố**

##### 1. Hồ sơ trình thẩm định

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án

c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố.

d). Tài liệu khác có liên quan.

2. Chủ đầu tư hoặc Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 của Điều này để báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời gửi 20 bộ hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng thẩm định thành phố theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Nghị quyết này.

#### **Điều 15. Thủ tục và nội dung thẩm tra, thẩm định chủ trương đầu tư dự án TOD**

##### 1. Thủ tục thẩm tra được quy định như sau:

a) Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố gửi hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án tới cơ quan chủ trì thẩm tra của Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra của Hội đồng nhân dân thành phố có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung dự án TOD; tổ chức khảo sát thực tế về những vấn đề thuộc nội dung dự án TOD;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan chủ trì thẩm tra yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.

##### 2. Nội dung thẩm tra bao gồm:

a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án TOD theo quy định tại khoản 3, điều 3 của Luật này;

b) Sự cần thiết đầu tư chương trình, dự án;

c) Việc tuân thủ các quy định của pháp luật;

d) Sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;



đ) Những thông số cơ bản của chương trình, dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;

e) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững;

g) Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch có liên quan, quy hoạch khác có liên quan đến tài nguyên, phương án di dân, tái định canh, định cư.

### **Điều 16. Nội dung thẩm định quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD**

1. Đánh giá về hồ sơ dự án: căn cứ pháp lý, thành phần, nội dung hồ sơ theo quy định;

2. Việc đáp ứng các tiêu chí xác định dự án là dự án TOD;

3. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

4. Đánh giá về dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư;

4. Đánh giá về khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có); đánh giá về phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư;

5. Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật chính và các điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng cho tuyến đường sắt đô thị và công trình kỹ thuật kết nối với tuyến đường sắt đô thị;

6. Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư của tuyến đường sắt đô thị và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD;

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

8. Đánh giá về việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn: căn cứ xác định sơ bộ tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn; phân tích sơ bộ tính khả thi của các phương án huy động vốn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công; dự kiến khoản thu theo khi triển khai dự án TOD, dự kiến các diện tích đất trong các khu vực TOD được thu hồi, đấu giá để thực hiện dự án đường sắt đô thị, dự kiến vùng phụ cận của nhà ga, tuyến đường được thu hồi để chỉnh trang, tái thiết đô thị.

9. Đánh giá về việc xác định sơ bộ chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác vận hành dự án đường sắt đô thị.

10. Đánh giá về tiến độ dự kiến thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư hoặc phân chia các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có) của dự án đường sắt đô thị và các dự án liên, gồm các dự án nhà ở, chỉnh trang, tái thiết đô thị, dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trọng khu vực TOD.

11. Đánh giá sơ bộ về hiệu quả đầu tư: hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

12. Đánh giá về các giải pháp tổ chức thực hiện dự án: xác định chủ đầu tư của dự án TOD hoặc các dự án thành phần (nếu có); hình thức quản lý từng dự án.

13. Đánh giá về cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có) liên quan đến dự án đường sắt đô thị, dự án hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu vực TOD.

### **Điều 17. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án TOD**

a) Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án TOD, thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

### **Điều 18. Thời gian thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án TOD**

Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định chủ trương đầu tư dự án TOD trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập. Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra thì thời gian thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố tính từ ngày ký hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra.

## **Chương III**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHI TIẾT DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ VÀ CÁC KHU VỰC TOD**

#### **Điều 19. Thẩm quyền thẩm định phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD**

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD.

**Điều 20. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD được thực hiện như sau:**

1. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án tuyến đường sắt đô thị tổ chức lập quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến;

2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư liên quan về nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến;

3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến do Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án tổ chức lập;

4. Trong quá trình thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến, Sở Quy hoạch - Kiến trúc lấy ý kiến Hội đồng thẩm định quy hoạch trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến.

### **Điều 21. Lấy ý kiến về quy hoạch đô thị**

#### 1. Trách nhiệm lấy ý kiến về quy hoạch đô thị

a) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư liên quan về nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến

b) Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi quyết định phê duyệt.

#### 2. Hình thức, thời gian lấy ý kiến

a) Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

b) Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến được thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng bày công khai hoặc giới thiệu phương án quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng.

c) Thời gian lấy ý kiến ít nhất 15 ngày đối với cơ quan, 30 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

### **Điều 22. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD (Điều 23 văn bản hợp nhất)**

1. Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phải xác định giới hạn về chỉ tiêu sử dụng đất, dân số; yêu cầu, nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập quy hoạch; bảo đảm tuân thủ theo quy định **tại khoản 5, Điều 21 Luật Thủ đô.**

2. Trường hợp quy hoạch đô thị mới, khu đô thị mới, nhiệm vụ quy hoạch phải xác định yêu cầu nghiên cứu để bảo đảm sự đồng bộ và hoàn thiện hệ thống

công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong đô thị và kết nối hạ tầng kỹ thuật bên ngoài đô thị, có không gian kiến trúc và môi trường sống hiện đại.

**Điều 23. Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết bao gồm việc xác định chỉ tiêu dân số, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho toàn khu vực quy hoạch; bố trí công trình hạ tầng xã hội phù hợp với nhu cầu sử dụng; chỉ tiêu sử dụng đất và yêu cầu về kiến trúc công trình đối với từng lô đất; bố trí mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật đến ranh giới lô đất; đánh giá môi trường chiến lược.

2. Bản vẽ của đồ án quy hoạch chi tiết được thể hiện theo tỷ lệ 1/500.

3. Thời hạn quy hoạch chi tiết được xác định trên cơ sở thời hạn quy hoạch phân khu và theo yêu cầu quản lý, nhu cầu đầu tư.

4. Quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị bao gồm: Quy hoạch tổng mặt bằng các nhà ga và bình đồ tuyến thể hiện theo tỷ lệ 1/500.

5. Đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt là cơ sở để cấp giấy phép xây dựng và lập dự án đầu tư xây dựng.

**Điều 24. Thời gian công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Thời gian thẩm định, phê duyệt thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày;

2. Thời gian thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**Điều 25. Hội đồng thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội, nghề nghiệp có liên quan.

**Điều 26. Nội dung thẩm định nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Nội dung thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết

a) Sự phù hợp của nhiệm vụ quy hoạch chi tiết với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh và **quy hoạch cao hơn**.

b) Yêu cầu về nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được quy định tại Điều 19 của Nghị quyết này.

## **Điều 27. Điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD**

1. Cơ quan được giao lập Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD báo cáo cơ quan thẩm quyền phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD để xin chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch.

2. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương, Cơ quan được giao lập Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD;

b) Tổ chức lấy ý kiến công đồng dân cư trong khu vực dự kiến điều chỉnh quy hoạch và các khu xung quanh chịu ảnh hưởng trực tiếp về nội dung và kế hoạch điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 18 của Nghị quyết này.

3. Cơ quan quản lý về quy hoạch có thẩm quyền quy định tại Điều 16 của Nghị quyết này thẩm định về căn cứ, điều kiện và nội dung điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.

4. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quy định tại Điều 16 của Nghị quyết này quyết định việc điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch.

Quyết định điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD phải có các nội dung điều chỉnh và bản vẽ kèm theo.

5. Cơ quan được giao lập Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD phải được công bố công khai theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết này.

## **Điều 28. Công bố công khai quy hoạch Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD phải được công bố bằng các hình thức sau đây.

a) Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch;

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo công bố quy hoạch đô thị có sự tham gia của đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện nhân dân trong vùng quy hoạch, cơ quan thông tấn báo chí;

c) Trưng bày thường xuyên, liên tục bản vẽ, mô hình, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch đô thị tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan

về quy hoạch đô thị, trung tâm triển lãm và thông tin về quy hoạch đô thị, tại khu vực được lập quy hoạch;

d) In ấn, phát hành rộng rãi bản đồ quy hoạch đô thị, quy định về quản lý quy hoạch đô thị được phê duyệt.

2. Nội dung công bố công khai bao gồm toàn bộ nội dung của Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được ban hành, trừ những nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước.

3. Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ tình hình triển khai thực hiện đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt để cơ quan có thẩm quyền công bố công khai kịp thời cho các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện.

### **Điều 29. Trách nhiệm công bố công khai quy hoạch Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm công bố công khai Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD được lập cho các khu vực thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

### **Điều 30. Cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch**

Sau khi Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoạch chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo các quy định pháp luật hiện hành.

## **Chương IV**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN TOD, CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN THUỘC DỰ ÁN TOD**

#### **Điều 31. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định đầu tư dự án TOD đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư.

#### **Điều 32. Căn cứ lập, thẩm định quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.
2. Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch
3. Sự cần thiết của dự án
4. Mục tiêu của dự án

5. Chủ chương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định

6. Khả năng huy động và cân đối nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác để thực hiện dự án.

**Điều 33. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD thực hiện như sau:**

1. Căn cứ chủ trương đầu tư được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

2. Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi;

3. Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi Hội đồng thẩm định;

4. Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định đầu tư dự án TOD và các dự án thành phần thuộc dự án TOD.

**Điều 34. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Thiết kế cơ sở được lập để đạt được mục tiêu của dự án, phù hợp với công trình xây dựng thuộc dự án, bảo đảm sự đồng bộ giữa các công trình khi đưa vào khai thác, sử dụng. Thiết kế cơ sở gồm thuyết minh và các bản vẽ thể hiện các nội dung sau:

a) Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng;

b) Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có);

c) Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng; Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí xây dựng cho từng công trình;

d) Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;

e) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng và kết quả khảo sát xây dựng để lập thiết kế cơ sở.

2. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi gồm:

a) Sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư xây dựng, địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất, quy mô công suất và hình thức đầu tư xây dựng;

b) Khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án như sử dụng tài nguyên, lựa chọn công nghệ thiết bị, sử dụng lao động, hạ tầng kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, yêu cầu trong khai thác sử dụng, thời gian thực hiện, phương án giải

phóng mặt bằng xây dựng, tái định cư (nếu có), giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, vận hành, sử dụng công trình và bảo vệ môi trường;

c) Đánh giá tác động của dự án liên quan đến việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, an toàn trong xây dựng, phòng, chống cháy, nổ và các nội dung cần thiết khác cho toàn tuyến đường sắt đô thị và khu vực TOD;

d) Tổng mức đầu tư và huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình đường sắt đô thị, công trình nhà ga kết hợp thương mại, nhà ở, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;

e) Các nội dung khác có liên quan.

### **Điều 35. Hồ sơ chủ đầu tư trình thẩm định dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

#### 1. Hồ sơ trình thẩm định

a) Tờ trình thẩm định dự án;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án

d) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 của Điều này để báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, đồng thời gửi 20 bộ hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập Hội đồng thẩm định thành phố theo quy định tại **Điều 5 của Nghị quyết này**.

4. Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định hồ sơ dự án trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập. Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra thì thời gian thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố tính từ ngày ký hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra.

### **Điều 36. Hồ sơ trình Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Tờ trình của Chủ đầu tư dự án;

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD;

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án TOD

4. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố;

5. Tài liệu khác có liên quan.



### **Điều 37. Nội dung thẩm định quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Đánh giá về hồ sơ dự án: căn cứ pháp lý, thành phần, nội dung hồ sơ theo quy định;
2. Sự cần thiết phải đầu tư dự án TOD;
3. Sự phù hợp của dự án với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; sự phù hợp với chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
4. Đánh giá về việc phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô dự án; hình thức đầu tư; phân tích các điều kiện tự nhiên, Điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư của từng vị trí đất để thực hiện dự án đường sắt đô thị, dự án nhà ở, thương mại có tiềm năng trong khu vực TOD;
5. Đánh giá về nhu cầu sử dụng đất; điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với đất đường sắt, đất ở và đất khác trong khu vực TOD;
6. Đánh giá về thời gian, tiến độ thực hiện, các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư; phân kỳ đầu tư của dự án TOD;
7. Đánh giá về nguồn nguyên liệu; máy móc, thiết bị; phương án lựa chọn công nghệ, kỹ thuật, thiết bị sử dụng cho dự án đường sắt đô thị;
8. Đánh giá tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;
9. Đánh giá về tổng mức đầu tư: căn cứ xác định và mức độ chính xác về tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn, tính khả thi của các phương án huy động vốn; khả năng huy động vốn theo tiến độ đầu tư; khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;
10. Chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác vận hành dự án sử dụng cho dự án đường sắt đô thị;
11. Đánh giá về hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả tài chính, hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội của dự án; tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương; đến tạo thêm nguồn thu ngân sách, việc làm, thu nhập và đời sống người dân; các tác động đến môi trường và phát triển bền vững;
12. Phân tích rủi ro; đào tạo nguồn nhân lực để vận hành dự án đường sắt đô thị;
13. Đánh giá phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định canh, định cư tại chỗ trong dự án TOD;

14. Đánh giá về việc tổ chức quản lý dự án, bao gồm: xác định chủ đầu tư; hình thức quản lý dự án: mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án.

15. Thẩm định phương án thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng, cụ thể gồm:

a) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

b) Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng;

c) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

d) Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị;

đ) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng;

e) Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

### **Điều 38. Điều chỉnh dự án dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Việc điều chỉnh dự án được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Khi điều chỉnh hoặc dừng chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

b) Khi điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;

c) Do nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện dự án;

d) Do ảnh hưởng của sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc yếu tố bất khả kháng khác khi đã hết thời gian bảo hiểm của dự án;

đ) Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

e) Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Cấp quyết định đầu tư dự án có thẩm quyền quyết định dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh dự án sau khi, dự án đã được thực hiện thẩm định, kiểm tra, đánh giá theo quy định của Luật này.

4. Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

5. Nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 39. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế về đường sắt đô thị cao hơn hoặc bằng với quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam nhằm áp dụng thống nhất đối với toàn bộ các tuyến đường sắt đô thị tại Thủ đô và vùng Thủ đô.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 40. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố**

1. Giao Thương trực Hội đồng nhân dân thành phố
2. Các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

**Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, nếu cần bổ sung, điều chỉnh các nội dung, cơ chế chính sách cho phù hợp tình hình thực tế thì Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung.

2. Trình Hội đồng nhân dân Thành phố.....

Số:.../...../NQ-HĐND

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án  
TOD, quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD và  
quyết định đầu tư dự án TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA.... KỲ HỌP THỨ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa  
phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày tháng năm 2024;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày..... của Ủy ban nhân dân  
thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu  
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD; quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD; quyết định đầu tư dự án TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các Sở ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu, Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa.....Kỳ họp thứ...thông qua ngày ... tháng ... năm ...và có hiệu lực từ ngày.../.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH Thành phố;
- Bảo hiểm Xã hội Hà Nội;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP; Công GTĐT TP;
- Lưu: VT,.....

**CHỦ TỊCH**

**QUY ĐỊNH**

**Về việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD; quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD; quyết định đầu tư dự án TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo Nghị quyết số.../20.../NQ-HĐND*

*ngày... tháng... năm 20... của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

---

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD; quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD; quyết định đầu tư dự án TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.
2. Đảm bảo mục tiêu của phát triển theo mô hình TOD (như dự thảo Luật).
3. Đảm bảo.....

**Chương II****TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ  
TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN TOD****Điều 3. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD**

1. Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội và bảo vệ môi trường.

2. Phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của Nhà nước và Thành phố Hà Nội

3. Không trùng lặp với các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư.

4. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Phù hợp với khả năng vay, trả nợ công, nợ Chính phủ và nợ chính quyền địa phương.

6. Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

#### **Điều 4. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án TOD**

1. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, trình Sở Kế hoạch đầu tư và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thẩm định.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập Hội đồng thẩm định thành phố theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

3. Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, báo cáo Tập thể Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

4. Trên cơ sở kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án và ý kiến của Tập thể Lãnh đạo ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD.

5. Cơ quan thẩm tra của Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức thẩm tra, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án.

#### **Điều 5. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án TOD**

1) Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án TOD thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2) Nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án TOD bao gồm:

a) Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư;

b) Dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư;

c) Khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác;

- d) Phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật và các điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng;
- đ) Phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư;
- e) Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, biện pháp bảo vệ môi trường;
- f) Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động xã hội; đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- g) Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn;
- h) Xác định sơ bộ chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án;
- i) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn, tiến độ thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư;
- k) Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội của dự án;
- l) Phân chia các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có);
- m) Giải pháp tổ chức thực hiện.

## **Điều 6. Tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định thành phố**

1. Hội đồng thẩm định thành phố do Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập theo từng dự án có nhiệm vụ tổ chức thẩm định các dự án TOD (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi) để trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Hội đồng thẩm định thành phố gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng là đại diện lãnh đạo các Sở, ngành, các cơ quan liên quan do Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cơ quan thường trực Hội đồng thành phố là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao; ý kiến đánh giá kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của Hội đồng thẩm định thành phố về các nội dung của dự án TOD được phân công và theo quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định nhà thành phố.

4. Hội đồng thẩm định thành phố có các quyền hạn sau:

a) Xem xét, quyết định các vấn đề về nội dung, chương trình và kế hoạch công tác của Hội đồng và các vấn đề khác có liên quan trong quá trình thẩm định dự án TOD;

b) Yêu cầu chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cung cấp các tài liệu liên quan trong quá trình thẩm định dự án TOD, thanh toán các chi phí thẩm tra, thẩm định theo dự toán và tiến độ thực hiện công việc thẩm định đã được phê duyệt;

c) Yêu cầu nhà thầu tư vấn (hoặc cơ quan có liên quan) cung cấp các tài liệu liên quan trong quá trình thẩm tra, thẩm định dự án TOD.

5. Hội đồng thẩm định thành phố làm việc theo chế độ tập thể dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng. Phiên họp Hội đồng thẩm định thành phố được coi là hợp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên tham dự (kể cả người được ủy quyền). Các ý kiến kết luận được thông nhất theo nguyên tắc đa số. Trường hợp tỷ lệ biểu quyết là bằng nhau và đạt 50% số thành viên Hội đồng (bao gồm cả số có mặt tại phiên họp và số biểu quyết bằng văn bản gửi đến Hội đồng), vấn đề được thông qua theo ý kiến đã biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

Kết luận cuối cùng thông qua các nội dung thẩm định dự án TOD trình Tập thể Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định thành phố thông qua. Ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố được thực hiện bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng thẩm định thành phố.

6. Hội đồng thẩm định nhà nước tự giải thể sau khi hoàn thành công việc thẩm định theo quy định.

### **Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố**

1. Xem xét phê duyệt kế hoạch thẩm định sau khi Hội đồng thẩm định thành phố có ý kiến, quyết định triệu tập các cuộc họp Hội đồng thẩm định thành phố, chủ trì các phiên họp; phân công trách nhiệm Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố.

2. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành theo yêu cầu công việc đối với từng dự án TOD.

3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố có thể ủy quyền một Phó Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng thẩm định thành phố hoặc báo cáo trước Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội một số nội dung hoặc công việc do Phó Chủ tịch Hội đồng trực tiếp phụ trách.

### **4. Quyết định việc thuê và kế hoạch lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án.**

### **Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố**



1. Giúp Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố điều hành các hoạt động của Hội đồng; theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công; báo cáo thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện của Hội đồng.

2. Giúp Chủ tịch Hội đồng xem xét, đánh giá các báo cáo chuyên môn và các hoạt động khác của Hội đồng để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố**

1. Xem xét có ý kiến về các nội dung thẩm định dự án TOD liên quan đến các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan và địa phương do mình phụ trách và về những vấn đề chung của dự án TOD theo kế hoạch thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố.

2. Huy động nhân lực, phương tiện làm việc, cơ sở nghiên cứu thuộc quyền quản lý của mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng thẩm định thành phố, trao đổi đóng góp ý kiến về các nội dung xem xét, thẩm định và biểu quyết các kết luận của Hội đồng thẩm định thành phố. Trường hợp đặc biệt không thể tham dự cuộc họp, thành viên Hội đồng thẩm định thành phố phải ủy quyền người đại diện có thẩm quyền tham dự cuộc họp của Hội đồng và phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung được lấy ý kiến.

4. Chịu trách nhiệm về các ý kiến thẩm định và biểu quyết của mình.

### **Điều 10. Nhiệm vụ của Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định thành phố**

Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước là Sở Kế hoạch và Đầu tư, có các nhiệm vụ sau:

1. Huy động bộ máy của Bộ giúp Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức công việc thẩm định dự án TOD và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, tư vấn thẩm tra để thực hiện các công việc thẩm định.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự án, gửi hồ sơ dự án đến các thành viên Hội đồng, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Xây dựng kế hoạch thẩm định dự án TOD trình Hội đồng thẩm định thành phố.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố giao.

5. Lưu trữ các hồ sơ thẩm định dự án TOD theo quy định.

### **Điều 11. Nhiệm vụ của Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành**

1. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là bộ phận được thành lập để giúp việc cho Hội đồng thẩm định thành phố, gồm các chuyên gia của các sở, ngành,

quận, huyện, **các nhà khoa học có kinh nghiệm** và các cơ quan khác có liên quan.

2. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có các nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị các nội dung thẩm định để gửi cho các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố;

b) Chuẩn bị các nội dung yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo đề nghị của các thành viên trong Hội đồng thẩm định thành phố trong quá trình thẩm định, trình Hội đồng thẩm định thành phố;

c) Thực hiện các công việc để giúp Hội đồng thẩm định thành phố lựa chọn tư vấn thẩm tra theo kế hoạch lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án đã được Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố phê duyệt;

d) Chuẩn bị các hợp đồng tư vấn thẩm tra, biên bản nghiệm thu hợp đồng và các chứng từ có liên quan khác để phục vụ việc thanh quyết toán chi phí thẩm định và thẩm tra dự án TOD;

đ) Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định thành phố, đề xuất, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cần xử lý trong quá trình thẩm định;

e) Dự thảo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố để trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố xem xét trình Ủy ban nhân dân thành phố;

g) Thực hiện các công việc khác được Hội đồng thẩm định thành phố giao.

## **Điều 12. Thẩm quyền quyết định việc thuê tư vấn thẩm tra các dự án TOD**

1. Tư vấn thẩm tra là tổ chức hoặc cá nhân trong nước, nước ngoài hoặc liên danh trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là tư vấn hoặc tư vấn thẩm tra) được Hội đồng thẩm định thành phố thuê để thực hiện một hoặc một số phần công việc của nội dung thẩm định dự án TOD.

2. Chủ tịch Hội đồng thẩm định thành phố phê duyệt kế hoạch thẩm định; kế hoạch lựa chọn tư vấn thẩm tra.

3. Quy trình, thủ tục lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án TOD thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu.

## **Điều 13. Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án TOD do Hội đồng thẩm định thành phố thực hiện**

1. Chi phí thẩm tra là chi phí thuê tư vấn thẩm tra dự án TOD của Hội đồng thẩm định nhà nước.

2. Chi phí thẩm định là các chi phí phục vụ cho các hoạt động thẩm định dự án TOD của Hội đồng thẩm định thành phố (không bao gồm chi phí thẩm tra nêu tại khoản 1 Điều này). Chi phí thẩm định bao gồm thù lao cho các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định thành phố, Tổ chuyên gia thẩm định liên

ngành; chi phí họp, văn phòng phẩm, khảo sát thực địa (nếu có), chi phí khác liên quan, chi phí dự phòng.

3. Chi phí thẩm tra và thẩm định các dự án TOD gia được xác định như sau:

a) Định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được tính bằng định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi;

b) Chi phí thẩm định được tính bằng 20% chi phí thẩm tra nêu trên. Trường hợp không có định mức chi phí thẩm tra và phải lập dự toán chi phí thẩm tra như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này thì lập dự toán chi phí thẩm định tương ứng;

c) Định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp thuê tư vấn nước ngoài, liên danh tư vấn trong nước và tư vấn nước ngoài hoặc không có định mức thì phải lập dự toán chi phí, bao gồm:

- Chi phí chuyên gia: khoản chi phí tiền lương trả cho các chuyên gia tư vấn trong khoảng thời gian thực hiện;

- Chi phí khác: các chi phí phục vụ, hỗ trợ cho hoạt động của nhà thầu tư vấn trong thời gian thực hiện hoạt động tư vấn thẩm tra như: chi phí đi lại (quốc tế và trong nước), chi phí thuê văn phòng, thiết bị văn phòng, chi phí hoạt động của văn phòng, chi phí thông tin liên lạc, chi phí hỗ trợ ăn, ở cho các chuyên gia tư vấn, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (nếu có) và các chi phí khác;

- Thuế: các khoản thuế mà nhà thầu tư vấn thẩm tra phải nộp theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Chi phí dự phòng: khoản chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh và trượt giá trong thời gian nhà thầu tư vấn thẩm tra thực hiện công việc.

4. Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án TOD được tính trong tổng mức đầu tư dự án và được chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thanh toán theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định thành phố, bảo đảm tiến độ thẩm định, thẩm tra dự án TOD theo kế hoạch.

Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm thanh toán chi phí thẩm tra cho tư vấn thẩm tra theo hợp đồng đã được ký, sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định thành phố.

5. Trường hợp cần thiết Hội đồng thẩm định thành phố yêu cầu chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt chi phí thuê tư vấn thẩm tra. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư không đủ năng lực kinh nghiệm để thẩm định thì được thuê các tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thẩm tra trước khi phê duyệt.

6. Hội đồng thẩm định thành phố khoán chi cho các thành viên Hội đồng, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các chi phí khác, bảo đảm hoạt động thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước.

7. Tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng thẩm định thành phố, chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm tra do mình thực hiện.

**Điều 14. Hồ sơ, thủ tục thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố**

1. Hồ sơ trình thẩm định

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án

c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố.

d). Tài liệu khác có liên quan.

2. Chủ đầu tư hoặc Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 của Điều này để báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời gửi 20 bộ hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng thẩm định thành phố theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Nghị quyết này.

**Điều 15. Thủ tục và nội dung thẩm tra, thẩm định chủ trương đầu tư dự án TOD**

1. Thủ tục thẩm tra được quy định như sau:

a) Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố gửi hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án tới cơ quan chủ trì thẩm tra của Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra của Hội đồng nhân dân thành phố có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung dự án TOD; tổ chức khảo sát thực tế về những vấn đề thuộc nội dung dự án TOD;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan chủ trì thẩm tra yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.

2. Nội dung thẩm tra bao gồm:

a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án TOD theo quy định tại khoản 3, điều 3 của Luật này;

b) Sự cần thiết đầu tư chương trình, dự án;

c) Việc tuân thủ các quy định của pháp luật;

d) Sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

đ) Những thông số cơ bản của chương trình, dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;

e) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững;

g) Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch có liên quan, quy hoạch khác có liên quan đến tài nguyên, phương án di dân, tái định canh, định cư.

### **Điều 16. Nội dung thẩm định quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD**

1. Đánh giá về hồ sơ dự án: căn cứ pháp lý, thành phần, nội dung hồ sơ theo quy định;

2. Việc đáp ứng các tiêu chí xác định dự án là dự án TOD;

3. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

4. Đánh giá về dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư;

4. Đánh giá về khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có); đánh giá về phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư;

5. Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật chính và các điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng cho tuyến đường sắt đô thị và công trình kỹ thuật kết nối với tuyến đường sắt đô thị;

6. Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư của tuyến đường sắt đô thị và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD;

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

8. Đánh giá về việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn: căn cứ xác định sơ bộ tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn; phân tích sơ bộ tính khả thi của các phương án huy động vốn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công; dự kiến khoản thu theo khi triển khai dự án TOD, dự kiến các diện tích đất trong các khu vực TOD được thu hồi, đấu giá để thực hiện dự án đường sắt đô thị, dự kiến vùng phụ cận của nhà ga, tuyến đường được thu hồi để chỉnh trang, tái thiết đô thị.

9. Đánh giá về việc xác định sơ bộ chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác vận hành dự án đường sắt đô thị.

10. Đánh giá về tiến độ dự kiến thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư hoặc phân chia các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có) của dự án đường sắt đô thị và các dự án liên, gồm các dự án nhà ở, chỉnh trang, tái thiết đô thị, dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trọng khu vực TOD.

11. Đánh giá sơ bộ về hiệu quả đầu tư: hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

12. Đánh giá về các giải pháp tổ chức thực hiện dự án: xác định chủ đầu tư của dự án TOD hoặc các dự án thành phần (nếu có); hình thức quản lý từng dự án.

13. Đánh giá về cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có) liên quan đến dự án đường sắt đô thị, dự án hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu vực TOD.

### **Điều 17. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án TOD**

a) Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án TOD, thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

### **Điều 18. Thời gian thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án TOD**

Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định chủ trương đầu tư dự án TOD trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập. Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra thì thời gian thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố tính từ ngày ký hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra.

## **Chương III**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHI TIẾT DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ VÀ CÁC KHU VỰC TOD**

#### **Điều 19. Thẩm quyền thẩm định phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD**

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị và các khu vực TOD.

**Điều 20. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD được thực hiện như sau:**

1. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án tuyến đường sắt đô thị tổ chức lập quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến;

2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư liên quan về nhiệm vụ và Đề án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến;

3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt nhiệm vụ và Đề án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến do Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án tổ chức lập;

4. Trong quá trình thẩm định Đề án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến, Sở Quy hoạch - Kiến trúc lấy ý kiến Hội đồng thẩm định quy hoạch trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Đề án quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến.

### **Điều 21. Lấy ý kiến về quy hoạch đô thị**

#### 1. Trách nhiệm lấy ý kiến về quy hoạch đô thị

a) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư liên quan về nhiệm vụ và Đề án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến

b) Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi quyết định phê duyệt.

#### 2. Hình thức, thời gian lấy ý kiến

a) Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

b) Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và Đề án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến được thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng bày công khai hoặc giới thiệu phương án quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng.

c) Thời gian lấy ý kiến ít nhất 15 ngày đối với cơ quan, 30 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

### **Điều 22. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD (Điều 23 văn bản hợp nhất**

1. Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phải xác định giới hạn về chỉ tiêu sử dụng đất, dân số; yêu cầu, nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập quy hoạch; bảo đảm tuân thủ theo quy định **tại khoản 5, Điều 21 Luật Thủ đô.**

2. Trường hợp quy hoạch đô thị mới, khu đô thị mới, nhiệm vụ quy hoạch phải xác định yêu cầu nghiên cứu để bảo đảm sự đồng bộ và hoàn thiện hệ thống

công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong đô thị và kết nối hạ tầng kỹ thuật bên ngoài đô thị, có không gian kiến trúc và môi trường sống hiện đại.

**Điều 23. Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết bao gồm việc xác định chỉ tiêu dân số, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho toàn khu vực quy hoạch; bố trí công trình hạ tầng xã hội phù hợp với nhu cầu sử dụng; chỉ tiêu sử dụng đất và yêu cầu về kiến trúc công trình đối với từng lô đất; bố trí mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật đến ranh giới lô đất; đánh giá môi trường chiến lược.

2. Bản vẽ của đồ án quy hoạch chi tiết được thể hiện theo tỷ lệ 1/500.

3. Thời hạn quy hoạch chi tiết được xác định trên cơ sở thời hạn quy hoạch phân khu và theo yêu cầu quản lý, nhu cầu đầu tư.

4. Quy hoạch chi tiết dự án đường sắt đô thị bao gồm: Quy hoạch tổng mặt bằng các nhà ga và bình đồ tuyến thể hiện theo tỷ lệ 1/500.

5. Đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt là cơ sở để cấp giấy phép xây dựng và lập dự án đầu tư xây dựng.

**Điều 24. Thời gian công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Thời gian thẩm định, phê duyệt thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày;

2. Thời gian thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**Điều 25. Hội đồng thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội, nghề nghiệp có liên quan.

**Điều 26. Nội dung thẩm định nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Nội dung thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết

a) Sự phù hợp của nhiệm vụ quy hoạch chi tiết với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh và **quy hoạch cao hơn**.

b) Yêu cầu về nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được quy định tại Điều 19 của Nghị quyết này.



## **Điều 27. Điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD**

1. Cơ quan được giao lập Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD báo cáo cơ quan thẩm quyền phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD để xin chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch.

2. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương, Cơ quan được giao lập Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD;

b) Tổ chức lấy ý kiến công đồng dân cư trong khu vực dự kiến điều chỉnh quy hoạch và các khu xung quanh chịu ảnh hưởng trực tiếp về nội dung và kế hoạch điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 18 của Nghị quyết này.

3. Cơ quan quản lý về quy hoạch có thẩm quyền quy định tại Điều 16 của Nghị quyết này thẩm định về căn cứ, điều kiện và nội dung điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.

4. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quy định tại Điều 16 của Nghị quyết này quyết định việc điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch.

Quyết định điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD phải có các nội dung điều chỉnh và bản vẽ kèm theo.

5. Cơ quan được giao lập Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD phải được công bố công khai theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết này.

## **Điều 28. Công bố công khai quy hoạch Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

1. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD phải được công bố bằng các hình thức sau đây.

a) Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch;

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo công bố quy hoạch đô thị có sự tham gia của đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện nhân dân trong vùng quy hoạch, cơ quan thông tấn báo chí;

c) Trưng bày thường xuyên, liên tục bản vẽ, mô hình, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch đô thị tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan

về quy hoạch đô thị, trung tâm triển lãm và thông tin về quy hoạch đô thị, tại khu vực được lập quy hoạch;

d) In ấn, phát hành rộng rãi bản đồ quy hoạch đô thị, quy định về quản lý quy hoạch đô thị được phê duyệt.

2. Nội dung công bố công khai bao gồm toàn bộ nội dung của Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được ban hành, trừ những nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước.

3. Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ tình hình triển khai thực hiện đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt để cơ quan có thẩm quyền công bố công khai kịp thời cho các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện.

### **Điều 29. Trách nhiệm công bố công khai quy hoạch Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD.**

Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm công bố công khai Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD được lập cho các khu vực thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

### **Điều 30. Cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch**

Sau khi Đồ án quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoạch chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo các quy định pháp luật hiện hành.

## **Chương IV**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN TOD, CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN THUỘC DỰ ÁN TOD**

#### **Điều 31. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định đầu tư dự án TOD đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư.

#### **Điều 32. Căn cứ lập, thẩm định quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.
2. Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch
3. Sự cần thiết của dự án
4. Mục tiêu của dự án

5. Chủ chương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định

6. Khả năng huy động và cân đối nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác để thực hiện dự án.

**Điều 33. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD thực hiện như sau:**

1. Căn cứ chủ trương đầu tư được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

2. Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi;

3. Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi Hội đồng thẩm định;

4. Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định đầu tư dự án TOD và các dự án thành phần thuộc dự án TOD.

**Điều 34. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Thiết kế cơ sở được lập để đạt được mục tiêu của dự án, phù hợp với công trình xây dựng thuộc dự án, bảo đảm sự đồng bộ giữa các công trình khi đưa vào khai thác, sử dụng. Thiết kế cơ sở gồm thuyết minh và các bản vẽ thể hiện các nội dung sau:

a) Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng;

b) Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có);

c) Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng; Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí xây dựng cho từng công trình;

d) Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;

e) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng và kết quả khảo sát xây dựng để lập thiết kế cơ sở.

2. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi gồm:

a) Sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư xây dựng, địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất, quy mô công suất và hình thức đầu tư xây dựng;

b) Khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án như sử dụng tài nguyên, lựa chọn công nghệ thiết bị, sử dụng lao động, hạ tầng kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, yêu cầu trong khai thác sử dụng, thời gian thực hiện, phương án giải

phóng mặt bằng xây dựng, tái định cư (nếu có), giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, vận hành, sử dụng công trình và bảo vệ môi trường;

c) Đánh giá tác động của dự án liên quan đến việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, an toàn trong xây dựng, phòng, chống cháy, nổ và các nội dung cần thiết khác cho toàn tuyến đường sắt đô thị và khu vực TOD;

d) Tổng mức đầu tư và huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình đường sắt đô thị, công trình nhà ga kết hợp thương mại, nhà ở, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;

e) Các nội dung khác có liên quan.

### **Điều 35. Hồ sơ chủ đầu tư trình thẩm định dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

#### 1. Hồ sơ trình thẩm định

a) Tờ trình thẩm định dự án;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án

d) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 của Điều này để báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, đồng thời gửi 20 bộ hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập Hội đồng thẩm định thành phố theo quy định tại **Điều 5 của Nghị quyết này**.

4. Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định hồ sơ dự án trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập. Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra thì thời gian thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố tính từ ngày ký hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra.

### **Điều 36. Hồ sơ trình Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Tờ trình của Chủ đầu tư dự án;

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD;

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án TOD

4. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố;

5. Tài liệu khác có liên quan.

### **Điều 37. Nội dung thẩm định quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Đánh giá về hồ sơ dự án: căn cứ pháp lý, thành phần, nội dung hồ sơ theo quy định;
2. Sự cần thiết phải đầu tư dự án TOD;
3. Sự phù hợp của dự án với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; sự phù hợp với chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
4. Đánh giá về việc phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô dự án; hình thức đầu tư; phân tích các điều kiện tự nhiên, Điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư của từng vị trí đất để thực hiện dự án đường sắt đô thị, dự án nhà ở, thương mại có tiềm năng trong khu vực TOD;
5. Đánh giá về nhu cầu sử dụng đất; điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với đất đường sắt, đất ở và đất khác trong khu vực TOD;
6. Đánh giá về thời gian, tiến độ thực hiện, các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư; phân kỳ đầu tư của dự án TOD;
7. Đánh giá về nguồn nguyên liệu; máy móc, thiết bị; phương án lựa chọn công nghệ, kỹ thuật, thiết bị sử dụng cho dự án đường sắt đô thị;
8. Đánh giá tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;
9. Đánh giá về tổng mức đầu tư: căn cứ xác định và mức độ chính xác về tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn, tính khả thi của các phương án huy động vốn; khả năng huy động vốn theo tiến độ đầu tư; khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;
10. Chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác vận hành dự án sử dụng cho dự án đường sắt đô thị;
11. Đánh giá về hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả tài chính, hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội của dự án; tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương; đến tạo thêm nguồn thu ngân sách, việc làm, thu nhập và đời sống người dân; các tác động đến môi trường và phát triển bền vững;
12. Phân tích rủi ro; đào tạo nguồn nhân lực để vận hành dự án đường sắt đô thị;
13. Đánh giá phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định canh, định cư tại chỗ trong dự án TOD;

14. Đánh giá về việc tổ chức quản lý dự án, bao gồm: xác định chủ đầu tư; hình thức quản lý dự án: mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án.

15. Thẩm định phương án thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng, cụ thể gồm:

a) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

b) Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng;

c) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

d) Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị;

đ) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng;

e) Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

### **Điều 38. Điều chỉnh dự án dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

1. Việc điều chỉnh dự án được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Khi điều chỉnh hoặc dừng chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

b) Khi điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;

c) Do nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện dự án;

d) Do ảnh hưởng của sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc yếu tố bất khả kháng khác khi đã hết thời gian bảo hiểm của dự án;

đ) Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

e) Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Cấp quyết định đầu tư dự án có thẩm quyền quyết định dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh dự án sau khi, dự án đã được thực hiện thẩm định, kiểm tra, đánh giá theo quy định của Luật này.

4. Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

5. Nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 39. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế về đường sắt đô thị cao hơn hoặc bằng với quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam nhằm áp dụng thống nhất đối với toàn bộ các tuyến đường sắt đô thị tại Thủ đô và vùng Thủ đô.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 40. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố**

1. Giao Thương trực Hội đồng nhân dân thành phố
2. Các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

#### **Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, nếu cần bổ sung, điều chỉnh các nội dung, cơ chế chính sách cho phù hợp tình hình thực tế thì Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung.

2. Trình Hội đồng nhân dân Thành phố.....

Số: /202.../NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

**Đề cương**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định lĩnh vực, nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHOÁ..., KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày tháng năm ;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này điều chỉnh về tiêu chí, điều kiện, lĩnh vực và trình tự, thủ tục thực hiện thử nghiệm có kiểm soát đối với các giải pháp công nghệ mới trong khu công nghệ cao (bao gồm khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung), trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức hoạt động trong khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo có các sản phẩm, giải pháp công nghệ đáp ứng đủ tiêu chí, điều kiện quy định

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thử nghiệm có kiểm soát thuộc các lĩnh vực được quy định

**Điều 2. Lĩnh vực trọng điểm về công nghệ của Thủ đô**

1. Công nghệ số.



2. Công nghệ thông tin và truyền thông.
3. Công nghệ sinh học.
4. Công nghệ vật liệu mới.
5. Công nghệ chế tạo - tự động hoá.
6. Công nghệ môi trường, giảm phát thải các bon, ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **Điều 3. Nguyên tắc**

Các tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm giải pháp công nghệ mới trong các lĩnh vực quy định tại Điều 2 Nghị định này phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và được xét duyệt, cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm trong khu công nghệ cao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

### **Điều 4. Tiêu chí, điều kiện thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát**

Tổ chức được xem xét tham gia thử nghiệm có kiểm soát khi đáp ứng các điều kiện như sau:

1. Là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành.

2. Đội ngũ cán bộ thực hiện giải pháp công nghệ thử nghiệm có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đảm nhiệm.

3. Giải pháp công nghệ mới tham gia thử nghiệm phải đảm bảo đồng thời các tiêu chí sau:

- a) Là giải pháp mà nội dung kỹ thuật và nghiệp vụ hoàn toàn chưa được quy định tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào hoặc đã được quy định nhưng có thể cắt giảm thủ tục cấp phép trong phạm vi thử nghiệm;

- b) Là giải pháp mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho thành phố Hà Nội;

- c) Là giải pháp đã thiết kế, xây dựng được khung quản lý rủi ro, hạn chế tác động tiêu cực; đã xây dựng phương án hợp lý về xử lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm phù hợp;

- d) Là giải pháp đã được tổ chức tham gia thử nghiệm thực hiện các biện pháp rà soát, đánh giá đầy đủ, trên các khía cạnh hoạt động và chức năng, công dụng, tính hữu ích;

- đ) Kế hoạch thử nghiệm giải pháp có tính khả thi, thông tin minh bạch, đầy đủ về giải pháp thử nghiệm, giải pháp có thể cung ứng ra thị trường sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát**

1. Thời gian thử nghiệm tối đa ba năm tùy giải pháp và lĩnh vực cụ thể, tính từ thời điểm được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm trong khu công nghệ cao.

Thời hạn của Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm không vượt quá thời hạn (nếu có) của Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm.

2. Căn cứ vào tình hình thực hiện thử nghiệm thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thể điều chỉnh thời gian thử nghiệm.

3. Các tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin có liên quan tới quá trình thử nghiệm theo định kỳ và đột xuất.

4. Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thử nghiệm.

5. Trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm. Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm không phải chịu trách nhiệm nếu kết quả thử nghiệm không thành công.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát định kỳ 6 tháng/lần (hoặc 1 năm/lần) và đột xuất trong quá trình thử nghiệm; xem xét, quyết định về việc dừng thử nghiệm, hoàn thành thử nghiệm hoặc gia hạn thử nghiệm đối với tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm.

### **Điều 6. Chính sách hỗ trợ khi tham gia thử nghiệm có kiểm soát**

1. Hỗ trợ mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội có mục đích sử dụng phù hợp để phục vụ việc thử nghiệm giải pháp công nghệ mới.

2. Hỗ trợ về mặt pháp lý: được miễn xin phép trong trường hợp sản phẩm thử nghiệm sử dụng các công nghệ được quy định tại Nghị quyết cần phải có các loại giấy phép trong thẩm quyền của thành phố Hà Nội.

3. Hỗ trợ tối đa 30% (hoặc 50%) tổng kinh phí thử nghiệm từ ngân sách khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội.

### **Điều 7. Kinh phí thực hiện thử nghiệm**

1. Đối với việc xét duyệt, kiểm tra giám sát và nghiệm thu kết quả thử nghiệm: do ngân sách thành phố Hà Nội chi trả.

2. Đối với các hoạt động thử nghiệm giải pháp công nghệ mới: do tổ chức tham gia thử nghiệm chi trả từ nguồn tài chính của đơn vị.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

b) Giao thẩm quyền cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn có liên quan hướng dẫn chi tiết để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn có liên quan tham mưu bố trí kinh phí để thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định về quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước.

d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Báo cáo sơ kết kết quả tổ chức thực hiện trình Hội đồng nhân dân Thành phố để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chính sách.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày            tháng            năm            .

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá            kỳ họp thứ            thông qua ngày tháng năm            ./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Ngành Trung ương;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND; UBND TP; UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

Số: /2024/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nhượng quyền kinh doanh, quản lý và liên kết  
đối với tài sản công thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ...**

(Từ ngày.....đến ngày ..... tháng ..... năm 2024)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô năm 2024;*

*Xét Tờ trình số ..... /TTr-UBND ngày ...../...../2024 của UBND thành phố Hà Nội đề nghị HĐND thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND thành phố Hà Nội và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND thành phố Hà Nội.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, điều kiện, hình thức, nội dung, thời hạn, phương án tài chính và trình tự, thủ tục quyền kinh doanh, quản lý, liên kết đối với tài sản công thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hà Nội.

2. Tài sản công được nhượng quyền kinh doanh, quản lý bao gồm các công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao do nhà nước đầu tư theo danh mục tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Tài sản công của cơ sở văn hóa, thể thao, cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố khi tài sản công này được sử dụng trong việc liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ.

**Điều 2. Nguyên tắc**

1. Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, cung cấp dịch vụ công của cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Không vi phạm các điều cấm của pháp luật.

3. Bảo đảm tính công khai, minh bạch; tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả.

**Điều 3. Điều kiện**

1. Việc chuyển nhượng quyền quản lý, khai thác công trình văn hóa, thể thao được thực hiện thông qua hình thức đấu giá.

2. Doanh nghiệp, tổ chức cá nhân tham gia đấu giá phải có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; có năng lực về tài chính để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Hình thức**

Cơ quan, đơn vị được giao quản lý công trình văn hóa, thể thao chuyển giao quyền quản lý, khai thác trong một khoảng thời gian nhất định để nhận một khoản tiền tương ứng theo Hợp đồng. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý, khả năng khai thác công trình văn hóa, thể thao, đối tượng được giao quản lý công trình chủ động lập hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên lập đề án khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền quản lý, khai thác công trình văn hóa, thể thao**

1. UBND Thành phố phê duyệt Đề án đối với công trình văn hóa, thể thao cấp Thành phố;

2. UBND cấp huyện phê duyệt Đề án đối với công trình văn hóa, thể thao cấp huyện.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục nhượng quyền kinh doanh, quản lý và liên kết**

1. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý lập Đề án, gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa - thể thao thuộc UBND cùng cấp cho ý kiến, trên cơ sở đó hoàn thiện, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án.

2. Căn cứ Đề án được phê duyệt, Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tổ chức đấu giá để lựa chọn doanh nghiệp thuê quyền khai thác kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về đấu giá và ký Hợp đồng cho thuê quyền quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi hết thời hạn chuyển nhượng quyền quản lý, khai thác theo hợp đồng, tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng có trách nhiệm bàn giao lại công trình cho đối tượng được giao quản lý của Thành phố, bảo đảm điều kiện kỹ thuật vận hành công trình bình thường phù hợp với yêu cầu của hợp đồng ký kết.

**Điều 7. Thời hạn khai thác**

Được xác định cụ thể trong từng Hợp đồng chuyển nhượng.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm .

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội triển khai các biện pháp thực hiện quy định tại Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa thông qua tại kỳ họp thứ ngày tháng năm ./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP QH, VP CP;
- Ban Công tác ĐBQH;
- Các Bộ, Ngành Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- TT HĐND TP; UBND TP; UBND TP;
- Các Ban HĐND TP; Đại biểu HĐND TP;
- VPTU, VPĐDBQH&HĐNDTP; VPUBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

Số:.../ .....NQ-HĐND

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân  
thành phố Hà Nội tại dự thảo Luật Thủ đô**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA.... KỲ HỌP THỨ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày tháng năm 2024;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày..... của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại dự thảo Luật Thủ đô, cụ thể:

1. Quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô.

2. Quy định danh mục ngành, nghề, lĩnh vực, quy mô vốn đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm...

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH Thành phố;
- Bảo hiểm Xã hội Hà Nội;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP; Công GTĐT TP;
- Lưu: VT,.....

**CHỦ TỊCH**



**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Luật Thủ đô được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ tư ngày 21/11/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013. Đây là văn bản pháp lý quan trọng quy định vị trí, vai trò, trách nhiệm và chính sách xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô. Sau hơn 09 năm thi hành, Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết được ban hành đã góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của chính quyền và Nhân dân Thành phố về vị trí, vai trò và định hướng xây dựng, phát triển Thủ đô. Các cơ chế, chính sách được ban hành đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, có tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và quản lý nhà nước trên địa bàn Thủ đô.

Trong những năm qua, đặc biệt là giai đoạn 2016-2020, kinh tế Thủ đô tăng trưởng khá, đóng góp tích cực trong tăng trưởng của cả nước. Giai đoạn 2011-2020 tăng 6,83%/năm, bằng 1,15 lần cả nước. GRDP/người đạt 5.325 USD, gấp 2,3 lần năm 2010. Thu ngân sách hằng năm đều tăng và vượt dự toán<sup>1</sup>; quy mô, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực<sup>2</sup>; mô hình tăng trưởng chuyển dần sang chiều sâu<sup>3</sup>; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện<sup>4</sup>; huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư xã hội cho phát triển được đẩy mạnh<sup>5</sup>; kinh tế tư nhân phát triển mạnh<sup>6</sup>; xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật: 100% (382/382) số xã đạt chuẩn nông thôn mới, sớm vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra và dẫn đầu cả nước về số xã đạt nông thôn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết còn chưa đạt kết quả như mong muốn do thiếu các quy định cụ thể về cơ chế đặc thù, phân cấp cho Thành phố nhằm thực

<sup>1</sup> Năm 2010 đạt 108,301 nghìn tỷ đồng; năm 2021 đạt 265,77 nghìn tỷ đồng; lũy kế giai đoạn 2011-2020 đạt gần 2 triệu tỷ đồng

<sup>2</sup> Nhóm ngành phi nông nghiệp tăng từ 82,69% năm 2010 tăng lên 86,73% năm 2021; trong đó dịch vụ chiếm 62,74%; công nghiệp - xây dựng 23,99%; nông nghiệp 2,27%; thuế sản phẩm chiếm 11,0%

<sup>3</sup> Đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011-2015 là 36,3%, giai đoạn 2016-2020 là 46,0%.

<sup>4</sup> Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI tăng 27 bậc, từ vị trí 36/63 năm 2011 lên vị trí 9/63 tỉnh, thành phố năm 2020.

<sup>5</sup> Giai đoạn 2011-2020, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 2,77 triệu tỷ đồng, chiếm 38,34% GRDP

<sup>6</sup> Giai đoạn 2011-2020 có 206,29 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 64,8% tổng số doanh nghiệp được thành lập lũy kế kể từ năm 1992; đóng góp trên 50% GRDP, giải quyết khoảng 83% lao động xã hội.

sự tháo gỡ những tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo, điều hành phát triển KTXH Thủ đô, thể hiện ở các mặt như sau:

- *Về phát triển kinh tế*: Mặc dù có tốc độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung của cả nước với sức chống chịu khá tốt trước những tác động từ bên ngoài và đại dịch COVID-19, nhưng nhìn chung kinh tế Thủ đô phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thành phố. Tăng trưởng kinh tế chưa hoàn thành mục tiêu đề ra, tốc độ dần chậm lại; GRDP/người còn thấp<sup>7</sup>. Hạ tầng kinh tế phát triển chưa đáp ứng yêu cầu như: Các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, trung tâm thương mại, chợ, khu du lịch, trung tâm logistics... Việc khai thác các nguồn lực, đặc biệt là đất đai và các nguồn lực như: nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ và các tập đoàn kinh tế lớn chưa hiệu quả; nhiều dự án lớn có từ trước thời điểm mở rộng địa giới hành chính Thủ đô chậm được triển khai, vướng mắc, khó giải quyết. Môi trường đầu tư chưa vượt trội, một số chỉ số còn ở vị trí thấp so với nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước<sup>8</sup>; các thị trường nguồn lực đầu vào cho phát triển Thủ đô chưa đồng bộ, Thành phố chưa đáp ứng yêu cầu tiên phong, đi đầu trong đổi mới kinh tế.

- *Về quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát triển đô thị, đất đai, bảo vệ môi trường*: Một số mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ trong công tác quy hoạch của Thành phố còn chưa đạt yêu cầu về tiến độ, chất lượng của một số đề án quy hoạch, quản lý quy hoạch còn hạn chế. Tỷ lệ đô thị hóa thấp, phát triển chưa đồng đều; tỷ lệ đất dành cho giao thông, tỷ lệ vận tải hành khách bằng phương tiện công cộng, việc xử lý ô nhiễm không khí, kiểm soát và xử lý nước thải sinh hoạt còn thấp, chậm cải thiện<sup>9</sup>. Phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn, hạ tầng giao thông công cộng và kết nối liên vùng, đặc biệt là vùng ven đô còn nhiều khó khăn. Tiến độ triển khai một số dự án hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (công trình giao thông, nhà máy xử lý rác thải, nước thải, công viên,...) còn chậm. Công tác quy hoạch và phát triển các đô thị vệ tinh, phát triển nhà ở xã hội, cải tạo chung cư cũ chưa đạt tiến độ.

- *Về phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ*: Công tác bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, phát triển chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh, vai trò, vị thế của Thủ đô. Hệ thống thiết chế văn hóa cả ở cấp Thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ, hiệu quả sử dụng chưa cao. Xã hội hóa và huy động, sử dụng nguồn lực xã hội trong lĩnh vực văn hóa còn bất cập. Khoa học công nghệ

<sup>7</sup> Thấp hơn so với một số tỉnh, thành phố lớn trong nước (bằng khoảng 90% Thành phố Hồ Chí Minh, 73% Quảng Ninh, 84% Hải Phòng, 82% Bắc Ninh) và thấp hơn nhiều so với một số thủ đô trong khu vực Đông Nam Á (Bằng 8% Singapore; 17% Kuala Lumpur; 26% Bangkok; 27% Jakarta; 57% vùng đô thị Manila; 86% Viêngchăn).

<sup>8</sup> Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đứng 33/63 tỉnh, thành và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đứng 48/63 tỉnh, thành phố.

<sup>9</sup> Đến năm 2020: Tỷ lệ đô thị hóa đạt 49,2%; đất dành cho giao thông đạt 10,05%; tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng đạt 14,85%; xử lý nước thải sinh hoạt đạt 28,8%. Thấp hơn so với Nghị quyết và các Kế hoạch đề ra.

(KHCCN) và đôi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực quan trọng, đột phá để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển KTXH Thủ đô. Hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển KHCCN Thành phố, Quỹ phát triển KHCCN trong các doanh nghiệp còn hạn chế. Việc kết nối giữa hoạt động nghiên cứu với thị trường, doanh nghiệp nhìn chung còn yếu. Thị trường KHCCN ở Thủ đô còn manh mún. Kết quả triển khai Chương trình KHCCN trọng điểm của Thành phố còn hạn chế. Tiến độ triển khai các dự án KHCCN còn chậm. Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục - đào tạo (GDĐT) ở những khu vực mật độ dân số cao, đô thị hóa nhanh còn chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng đào tạo nghề, nhất là lao động nông thôn chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động. Việc chuyển đổi các cơ sở GDĐT công lập có khả năng xã hội hóa sang mô hình tự chủ còn thấp.

Đối với những mục tiêu, giải pháp, quy định được đề ra trong Luật Thủ đô, việc thực hiện còn có những tồn tại, hạn chế về: Biện pháp thực hiện quy hoạch và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, quản lý biệt thự, công trình kiến trúc cổ, bảo tồn và phát triển văn hóa; phát triển giáo dục, phát triển KHCCN; quản lý, bảo vệ môi trường và đất đai; phát triển và quản lý nhà ở, chính sách ưu tiên đầu tư và huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải; quản lý dân cư, bảo vệ Thủ đô và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô; chính sách, cơ chế về tài chính và thực hiện cơ chế phối hợp, liên kết vùng.

Một trong những nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trên xuất phát từ bất cập trong quy định của Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết. Một số quy định của Luật Thủ đô chủ yếu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, thiếu những cơ chế đặc thù, cụ thể để thực hiện. Bên cạnh đó, sau khi Luật Thủ đô được ban hành và có hiệu lực, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành được ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 như: Luật Bảo vệ môi trường (năm 2014 và năm 2020), Luật Tài nguyên nước, Luật Lâm nghiệp, Luật Quy hoạch (năm 2017), Luật Xây dựng (năm 2014, sửa đổi năm 2020), Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Cư trú năm 2020, Luật Giáo dục năm 2019... các luật ban hành sau đã cập nhật, quy định giống như Luật Thủ đô, có trường hợp quy định khác với Luật Thủ đô về cùng một vấn đề. Những Luật này có quy định vượt, hạn chế hoặc bãi bỏ quy định của Luật Thủ đô (như Luật Cư trú đã bãi bỏ khoản 3, 4 Điều 19, Luật Thủ đô); trong khi đó, Luật Thủ đô không có nguyên tắc áp dụng pháp luật, điều này đã làm những điều khoản của Luật Thủ đô không còn là giá trị riêng có của Thủ đô, bị các luật ban hành sau vô hiệu theo nguyên tắc áp dụng pháp luật. Đồng thời, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố, theo thứ bậc pháp lý thấp hơn các VBQPPL của Trung ương, nên khi các luật, nghị định, thông tư được ban hành thì nhiều nội dung đặc thù được giao cho Thủ đô Hà Nội quy định chi tiết đã bị vô hiệu hóa.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu tổng thể:**

Việc xây dựng các chính sách của dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) nhằm phát huy vị trí, vai trò quan trọng, tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, đáp ứng yêu cầu và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự mong đợi của Nhân dân cả nước đối với Thủ đô; khắc phục những hạn chế, bất cập trong quy định của Luật Thủ đô hiện hành nhằm củng cố cơ sở pháp lý thúc đẩy Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan toả để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Thể chế hóa những chủ trương, đường lối mới của Đảng về vị trí, vai trò, định hướng phát triển Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 15-NQ/TW) và Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ chính trị về quản lý về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 06-NQ/TW), bao gồm các mục tiêu, định hướng:

+ Xây dựng những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội tương xứng với vị trí, vai trò đặc biệt của Thủ đô, xác lập rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm và quyền hạn, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô Hà Nội. Đẩy mạnh CCHC, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính (TTHC), tạo chuyển biến rõ nét về môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, chú trọng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi và tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

+ Ưu tiên hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô Hà Nội toàn diện, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế; kết hợp hài hoà phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn giữa giữ gìn bản sắc văn hoá với phát triển kinh tế và giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, trong đó văn hóa, con người vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng, nguồn lực, động lực để phát triển Thủ đô.

+ Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy KHCN cao làm trục xuyên suốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên sử dụng hiệu quả các nguồn lực trí tuệ - sáng tạo, ứng dụng KHCN, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và các mô hình kinh tế mới (kinh tế đô thị, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế đêm...); nâng cao mức đóng góp của chỉ tiêu năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong GRDP.

+ Tạo cơ chế để hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thủ đô Hà Nội theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường phân quyền, phân cấp cho Thủ đô nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Thủ đô gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực; các chương trình, dự án kết nối liên vùng, liên tỉnh, phục vụ đa mục tiêu, kết nối hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực của vùng...

+ Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển KTXH và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị, nhất là tại các đô thị đặc biệt. Thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, đưa người dân ra các đô thị xung quanh, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố thuộc thành phố. Quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại các đô thị lớn, nhất là khu vực trung tâm. Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

09 chính sách tại Luật Thủ đô (sửa đổi) bao gồm:

Chính sách 1: Tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Chính sách 2: Cơ chế thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển Thủ đô.

Chính sách 3: Cơ chế huy động nguồn lực, nâng cao năng lực tài chính - ngân sách cho phát triển của Thủ đô.

Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông của Thủ đô.

Chính sách 5: Cơ chế, chính sách xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Chính sách 6: Cơ chế, chính sách phát triển văn hóa và giáo dục - đào tạo Thủ đô.

Chính sách 7: Huy động, sử dụng, phát triển tiềm lực KH-CN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Chính sách 8: Cơ chế, chính sách phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững.

Chính sách 9: Cơ chế, chính sách liên kết, phát triển vùng Thủ đô trở thành

khu vực phát triển nhanh, bền vững về KTXH, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực trọng điểm.

## **1. CHÍNH SÁCH 1: TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TINH GỌN, HỢP LÝ, HIỆN ĐẠI, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ**

### ***1.1. Xác định vấn đề bất cập***

#### ***1.1.1. Về tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội***

- *Thực trạng:* Thủ đô Hà Nội hiện có 30 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 12 quận nội thành, 17 huyện và 01 thị xã với 579 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 383 xã, 175 phường (trong đó 166 phường thuộc 12 quận, 09 phường thuộc thị xã Sơn Tây) và 21 thị trấn. Như vậy, Hà Nội có cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn.

Khu vực đô thị khác với khu vực nông thôn ở một số điểm cơ bản như: (i) Hệ thống cơ sở hạ tầng KTXH là một chỉnh thể liên hoàn, có sự liên thông, liên kết với nhau thành một mạng lưới, một chỉnh thể đồng bộ trong một đô thị thống nhất, không thể chia cắt theo địa bàn. Các khu vực đô thị (quận, phường) đã được quy hoạch chi tiết; hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phát triển đồng bộ, tiến tới hoàn chỉnh; (ii) dân cư là tổ chức toàn diện, không phân thành các khối riêng rẽ, các nhu cầu về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội... được đáp ứng trên quy mô toàn đô thị, không phụ thuộc vào địa bàn cư trú. Người dân có thể sống ở địa bàn này, nhưng đi làm ở địa bàn khác; việc phân chia địa giới hành chính trong các đô thị không có ý nghĩa lớn đối với người dân cũng như đối với công tác quản lý. Ở khu vực đô thị, quận, thị xã, phường là một bộ phận bên trong của một đơn vị hành chính đô thị hoàn chỉnh (thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương). Hiện nay, chính quyền quận, phường đang tồn tại độc lập, không được xem là cánh tay nối dài của chính quyền Thành phố để bảo đảm các mệnh lệnh hành chính được xuyên suốt và nhanh chóng thực hiện. Ở khu vực nông thôn, huyện là cấp hành chính trung gian giữa chính quyền cấp tỉnh với cơ sở. Những vấn đề quan trọng, chi phối sự phát triển cả tỉnh do chính quyền tỉnh quyết định, những vấn đề cụ thể ở cơ sở, gắn liền với đời sống của người dân và cộng đồng dân cư được xem xét, giải quyết thông qua chính quyền cơ sở. Chính quyền huyện chủ yếu tổ chức thực hiện các quyết định của cấp trên và chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động chính quyền xã.

- *Tồn tại, hạn chế:* Mô hình chính quyền đô thị của thành phố Hà Nội mặc dù đã được đổi mới theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 về thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội (không tổ chức HĐND phường) nhưng vẫn còn kênh, nhiều tầng nấc, nặng về thủ tục qua các cấp chính quyền quận, huyện, thị xã, trong khi Hà Nội là đô thị đặc biệt, có tốc độ đô thị hóa cao, yêu cầu sự quản lý thống nhất, sự điều hành nhanh chóng, xuyên suốt trên toàn địa bàn Thủ đô. Tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra ngày càng cao đối với công tác quản lý đô thị đặc biệt; chưa có sự linh

hoạt, chưa có cơ chế đề tự quyết định, tự chịu trách nhiệm để giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra đối với chính quyền Thành phố.

- *Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:* Xuất hiện mâu thuẫn giữa yêu cầu quản lý thống nhất, đồng bộ, liên thông với việc xác định trách nhiệm theo cấp quản lý.

Việc duy trì mô hình tổ chức cấp chính quyền đầy đủ gồm Hội đồng nhân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) tại một số đơn vị hành chính như hiện nay đã làm giảm sự năng động, nhạy bén trong chỉ đạo, điều hành của chính quyền thành phố, làm giảm hiệu quả của việc triển khai, vận hành, quản lý các kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị; giảm hiệu quả của việc liên kết các chuỗi sản xuất, kinh doanh; giảm hiệu quả công tác giữ gìn an ninh trật tự tại đô thị do sự phân chia lãnh thổ hành chính, sự phân tầng trong quản lý hành chính nhà nước.

Hiệu quả hoạt động của HĐND quận, huyện, phường còn mang tính hình thức; chưa quyết định được những vấn đề quan trọng về KTXH trên địa bàn mà chủ yếu phải do HĐND, UBND Thành phố quyết định. HĐND ở quận, huyện, phường cơ bản không ban hành VBQPPL theo thẩm quyền mà chủ yếu thực hiện chính sách, pháp luật do Trung ương và Thành phố ban hành. HĐND quận, huyện, phường chỉ quyết định các nội dung, các chỉ tiêu đã được xác định tại nghị quyết của HĐND Thành phố, quyết định của UBND Thành phố. Nhiều chính sách, pháp luật của Trung ương và Thành phố triển khai xuống cơ sở hoặc đề xuất từ cơ sở lên Thành phố và Trung ương có độ trễ thời gian vì chờ tổ chức kỳ họp HĐND quận, huyện, phường thông qua (*1 năm 2 kỳ họp thường kỳ, thường quyết lại, chi tiết hóa những nội dung cấp trên đã quyết hoặc là chỉ đề nghị Thành phố và Trung ương xem xét quyết định*). Bên cạnh đó, chất lượng hoạt động giám sát so với yêu cầu, đòi hỏi từ các cử tri còn nhiều hạn chế.

- Hiện nay Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đã được Quốc hội cho đổi mới mô hình chính quyền đô thị (*không tổ chức HĐND quận, phường*), trên thực tiễn đã có những kết quả tích cực. Đây cũng là kinh nghiệm tốt cần được nghiên cứu để tổ chức chính quyền Thành phố phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tiễn của Thủ đô.

- Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định xây dựng mô hình thành phố thuộc Thành phố Hà Nội tại khu vực phía Bắc và phía Tây, xây dựng đô thị vệ tinh, đô thị thông minh. Nghị quyết số 06-NQ/TW cũng đã đặt ra các yêu cầu về tổng kết thí điểm mô hình chính quyền đô thị, thực hiện phân cấp và trao quyền mạnh mẽ cho các địa phương trong quản lý đô thị phù hợp với yêu cầu phân cấp, trao quyền tự chủ mạnh mẽ cho chính quyền các đô thị. Điều này càng đặt ra yêu cầu cấp thiết cho việc hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền Thành phố theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với vai trò, vị trí và yêu cầu phát triển, quản lý Thủ đô trong giai đoạn phát triển mới.

### *1.1.2. Về vấn đề phân cấp, phân quyền*

- Thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban

Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thì Hà Nội là đơn vị đi đầu trong việc kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng thu gọn đầu mối, cơ chế quản lý tổ chức, tăng cường nâng cao hiệu quả quản lý công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, quá trình kiện toàn, tinh gọn tổ chức, bộ máy vẫn còn gặp một số khó khăn như: Vẫn còn tình trạng chùng chéo về chức năng, nhiệm vụ của một số sở, ngành, đơn vị thuộc Thành phố; sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ của một số sở, ngành, đơn vị có liên quan chưa chặt chẽ; một số nhiệm vụ còn bỏ sót, chưa rõ cấp nào thực hiện hoặc chưa có quy định; tổ chức bộ máy của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố chưa phù hợp với điều kiện thực tế, chưa bảo đảm việc quản lý ngành, lĩnh vực cũng như bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ liên quan của chính quyền địa phương... Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là do các quy định pháp luật về tổ chức bộ máy và trong một số lĩnh vực chuyên ngành còn chưa thống nhất, chưa phù hợp, làm hạn chế đáng kể hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trong khi yêu cầu công tác quản lý tại Thủ đô cần có đặc thù và cần được xử lý nhanh nhạy, kịp thời, đòi hỏi cần phải nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thành phố.

- Sau khi Luật Thủ đô năm 2012 có hiệu lực, việc xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) với mức phạt cao hơn đối với một số hành vi trong một số lĩnh vực tại khu vực nội thành, có tác dụng tích cực, hiệu quả răn đe, phòng ngừa vi phạm, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước, góp phần làm giảm số vụ VPHC trong một số lĩnh vực. (Ví dụ: Trong lĩnh vực xây dựng, tỉ lệ số công trình có VPHC đã giảm từ 8,97% năm 2014 xuống còn 2,13% năm 2020...). Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy việc VPHC, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội phù hợp với đặc thù của Thủ đô vẫn còn nhiều bất cập như: Một số hành vi VPHC trong các lĩnh vực như phòng cháy chữa cháy, quảng cáo... xảy ra khá nghiêm trọng nhưng mức xử phạt, biện pháp ngăn chặn, biện pháp bảo đảm thi hành theo quy định của pháp luật hiện hành chưa bảo đảm tính răn đe, chưa bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong xã hội. Bên cạnh đó, cùng với quá trình đô thị hóa nhanh chóng, quy định của Luật Thủ đô hiện hành về việc chỉ áp dụng mức xử phạt VPHC cao hơn trong một số lĩnh vực tại khu vực nội thành không còn phù hợp, chưa bảo đảm tính công bằng và nghiêm minh của pháp luật khi áp dụng “hai chế độ” xử phạt khác nhau giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn.

### *1.1.3. Về chế độ công vụ, công chức*

- Về cơ bản, việc tuyển dụng, sử dụng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thuộc Thủ đô đã ngày càng được hoàn chỉnh và bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định... Việc thực hiện chế độ chính sách tiền lương cơ bản như cán bộ,



công chức từ cấp huyện trở lên. Thực hiện chủ trương luân chuyển, điều động, đào tạo, bồi dưỡng, Thành phố đã tăng cường cử cán bộ, công chức cấp huyện đi cơ sở; đồng thời cử cán bộ, công chức cơ sở bổ sung cho công chức cấp huyện. Tuy nhiên, do pháp luật về cán bộ, công chức vẫn còn có sự phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên dẫn đến việc quy định điều động, luân chuyển giữa hai đối tượng này thủ tục rườm rà (khi xuống cơ sở thì cấp huyện có thể thực hiện, khi từ cấp cơ sở về cấp huyện phải qua cấp Thành phố tiếp nhận, điều động, sát hạch...), từ đó ảnh hưởng đến tính kịp thời khi phát sinh nhu cầu điều động, tiếp nhận luân chuyển các đối tượng công chức, dẫn đến tâm lý băn khoăn, e ngại.

Bên cạnh đó, dù đã có quy định đối với nơi không tổ chức HĐND phường sẽ được liên thông và áp dụng cơ chế quản lý thống nhất như công chức quận nhưng lại chưa có hướng dẫn cụ thể, chưa đơn giản hóa thủ tục chuyển đổi liên thông giữa cán bộ phường với công chức phường, trong khi thực tiễn vẫn có nhiều trường hợp cán bộ phường trước đó là công chức phường hoặc là cán bộ, công chức quận luân chuyển xuống.

- Hiện nay, cơ chế tuyển dụng và bổ nhiệm công chức, viên chức tuy cũng có một số mặt tích cực thì vẫn còn một số bất cập liên quan đến quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm phức tạp, sự hạn chế về chỉ tiêu biên chế, chưa bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả theo yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm trong từng giai đoạn cụ thể... Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của người đứng đầu, chưa tương xứng với cơ chế đề cao trách nhiệm người đứng đầu, chưa tạo ra sự chủ động cần thiết cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc Thủ đô.

## ***1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

### ***1.2.1. Mục tiêu tổng thể:***

Xây dựng bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với vị trí, vai trò, đặc điểm của Thủ đô; xây dựng hệ thống hành chính và chế độ công vụ thống nhất, chuyên nghiệp, năng động, minh bạch, hiện đại; đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố Hà Nội; phát huy dân chủ và đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân.

### ***1.2.2. Mục tiêu cụ thể:***

- Xây dựng bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng tinh gọn, hợp lý, giảm các tầng nấc trung gian, bảo đảm sự linh hoạt, thông suốt trong quá trình vận hành theo hướng năng động, sáng tạo.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp và chất lượng, hiệu quả cung ứng dịch vụ công trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với đặc điểm, tính chất của đô thị và khu vực nông thôn đang đô thị hóa.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thủ đô; phát huy dân chủ và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân.

### ***1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

Để giải quyết các vấn đề bất cập nêu trên, dự kiến đề xuất 2 giải pháp. Nội dung cụ thể được phân tích ở phần 1.4.

### ***1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

*1.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14*

#### **a) Tác động về kinh tế:**

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

- Theo Nghị quyết số 97/2019/QH14, Thành phố đang triển khai thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND cấp phường. Nếu tiếp tục thực hiện không tổ chức HĐND phường, UBND phường chịu sự điều hành, chỉ đạo trực tiếp từ HĐND và UBND cấp quận, điều này giúp cho bộ máy của Thành phố nói chung và cấp phường nói riêng duy trì được sự tinh gọn nhưng về cơ bản vẫn đảm bảo được tính kế thừa; giữ được sự ổn định nhất định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền đô thị.

- Nếu thực hiện theo Giải pháp này, tổ chức bộ máy của Chính quyền phường sẽ được quy định chính thức, không phải là thí điểm có giới hạn thời gian.

- Thành phố sẽ không phải tổ chức bầu cử và tiết kiệm được phần chi ngân sách cho hoạt động HĐND phường (nếu không tổ chức HĐND phường thì sẽ giảm số đại biểu HĐND phường là khoảng 5.250 đại biểu, ngân sách Thủ đô sẽ tiết kiệm khoảng 862 tỷ đồng/nhiệm kỳ; số biên chế đại biểu chuyên trách giảm được khoảng 350 đại biểu).

##### (ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Khi không tổ chức HĐND phường, thẩm quyền quyết định các chủ trương, nghị quyết về phát triển KTXH, đầu tư công, thu - chi ngân sách nhà nước (NSNN) sẽ thuộc về HĐND, UBND quận. Bộ máy chính quyền hoạt động gọn nhẹ thông suốt hơn, giảm tầng nấc, giảm thủ tục. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động. Tuy nhiên, mức độ tác động về thủ tục đầu tư của doanh nghiệp là không nhiều.

##### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

- Việc tổ chức mô hình chính quyền Thành phố theo Giải pháp này vẫn chưa

thực sự triệt để yêu cầu tinh gọn bộ máy gắn với chủ trương CCHC; mô hình chính quyền đô thị vẫn còn công kênh, tầng nấc, có thể ảnh hưởng đến hiệu lực hiệu quả quản lý.

### **b) Tác động về xã hội:**

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

- Thực hiện Giải pháp này đã tương đối phù hợp với đặc điểm, tính chất tập trung thống nhất cao của đô thị về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, về không gian, kiến trúc đô thị cũng như các hoạt động KTXH và đời sống dân cư đô thị trong các quận, đòi hỏi mỗi phường được quản lý thống nhất theo quy hoạch phát triển chung của toàn đô thị, không bị giới hạn bởi ranh giới địa lý mà sự tồn tại của HĐND ở nhiều phường trong một địa bàn lãnh thổ đô thị thống nhất sẽ làm gián đoạn tính thống nhất, xuyên suốt của quản lý đô thị theo địa bàn quận. Từ đó mà mối quan hệ giữa chính quyền với người dân sẽ ngày càng được cải thiện theo hướng vừa đảm bảo tốt hoạt động quản lý nhà nước vừa phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội.

- Khi thực hiện Giải pháp này, Chủ tịch UBND quận trực tiếp bổ nhiệm Chủ tịch và Phó chủ tịch UBND phường, tăng cường tính thứ bậc hành chính, tạo thuận lợi cho UBND phường được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ theo hướng tăng cường thẩm quyền và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Việc dự kiến tăng một số thẩm quyền cho chính quyền quận đòi hỏi Thành phố và quận phải rà soát sắp xếp lại bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, từ đó giảm sự chùng chèo, tăng cường hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực phục vụ người dân theo tinh thần CCHC (CCHC).

- Việc không tổ chức HĐND phường một mặt có tác động tích cực đến việc tinh gọn, kiện toàn bộ máy chính quyền từ quận đến phường trở nên thông suốt, linh hoạt, năng động và chuyên nghiệp hơn. Việc thống nhất một loại chức danh công chức, không phân biệt công chức quận, công chức phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện việc điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác giữa công chức ở quận và phường đảm bảo sự linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn, chế độ chính sách về lương, ngạch được đồng bộ, nâng cao.

##### (ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Việc tổ chức mô hình chính quyền giảm tầng nấc, liên thông, tinh gọn hơn sẽ giúp cho tổ chức và hoạt động của chính quyền Thành phố hiệu lực, hiệu quả hơn; các hoạt động cung ứng dịch vụ công sẽ nhanh nhạy, kịp thời và giảm quy trình thủ tục, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Từ đó, mối quan hệ giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp sẽ ngày càng được cải thiện theo hướng vừa đảm bảo tốt hoạt động quản lý nhà nước vừa phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Hoạt động của HĐND và UBND quận vẫn còn một số hạn chế như: Việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý đô thị có thể vẫn còn lúng túng, chưa nhanh nhạy... Quy trình, thủ tục vẫn còn rườm rà nếu không được cắt giảm mạnh trong thời gian tới..

- Cơ cấu, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị chuyên môn của thành phố, cấp quận, huyện vẫn còn bộc lộ một số bất hợp lý, chồng chéo.

- Công tác điều động, luân chuyển cán bộ, công chức giữa các cấp gặp những trở ngại, khó khăn nhất định do chưa có sự liên thông triệt để, thống nhất, có thể gây nhiều tâm tư cho một bộ phận cán bộ cấp xã.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Trình độ dân trí và nhu cầu dân chủ của người dân đô thị ngày càng cao, đòi hỏi cần có nhiều thiết chế đảm bảo bảo quyền dân chủ của người dân, giám sát các hoạt động của chính quyền. Việc không tổ chức HĐND phường đồng nghĩa với việc giảm cơ quan đại diện của người dân, vì thế, có ý kiến còn băn khoăn về việc đảm bảo quyền đại diện, thực hiện ý chí, quyền làm chủ của người dân.

**c) Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính (TTHC):** Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1 (chính thức thực hiện việc không tổ chức HĐND phường) không trái với Hiến pháp năm 2013, không trái với Điều 58 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Do vậy, Giải pháp 1 không có tác động đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các quy định tại Nghị quyết số 97/2019/QH14 và các quy định này đã được thực hiện một thời gian khá dài, do đó, Giải pháp 1 không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Việc không tổ chức HĐND phường về mặt hình thức có thể ảnh hưởng đến quyền con người khi làm giảm khả năng được đại diện của người dân địa phương. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, sau 10 tháng triển khai thí điểm mô hình chính quyền đô thị (từ tháng 7/2021 đến nay), quyền được đại diện của người dân vẫn được bảo đảm.

Giải pháp 1 vì vậy không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; cụ thể là Công ước quốc tế về các dân sự, chính trị năm 1966 và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, do vậy Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

*1.4.2. Giải pháp 2: Tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng không tổ chức HĐND phường (như Giải pháp 1) và bổ sung một số nội dung sau:*

(1) Quy định tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

(2) Tăng tỉ lệ đại biểu chuyên trách HĐND Thành phố, đảm bảo mỗi thành phố, quận, huyện, thị xã sẽ có ít nhất một đại biểu chuyên trách; đảm bảo HĐND thành phố Hà Nội có 03 Phó Chủ tịch HĐND; mỗi Ban của HĐND thành phố Hà Nội có 03 Phó Trưởng ban;

(3) Chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định:

- Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội; quy định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; thành lập một số cơ quan chuyên môn đặc thù cấp Thành phố và cấp huyện; thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội.

- Biên chế cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm đã được Chính phủ phê duyệt và đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của chính quyền thành phố Hà Nội.

- Quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi VPHC trong các lĩnh vực: Quảng cáo; phòng cháy, chữa cháy; an toàn thực phẩm. Phạm vi áp dụng trên địa bàn toàn Thành phố.

- Ban hành các biện pháp hành chính (yêu cầu dừng hành vi vi phạm, cưỡng chế dừng hành vi VPHC, thuyết phục, lao động công ích, dừng cấp phép...) hoặc biện pháp ngăn chặn hành vi VPHC như: Yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu ngừng cung cấp, thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động... đối với 3 lĩnh vực là đất đai, xây dựng và phòng cháy, chữa cháy;

(4) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc

thành phố Hà Nội được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm khi có nhu cầu; được tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống và chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.

(5) Thống nhất một chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố (không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên).

**a) Tác động về kinh tế:**

Tác động tích cực:

Việc giữ nguyên mô hình theo hướng không tổ chức HĐND cấp phường như Nghị quyết số 97/2019/QH14 sẽ có những tác động tích cực và những bất cập nhất định như đã được phân tích ở Giải pháp 1. Tuy nhiên, nếu có thể thực hiện thêm một số nội dung về tăng thẩm quyền cho Thành phố cũng sẽ đem lại một số tác động tích cực nhất định cho Chính quyền cũng như cho cán bộ, công chức, người dân trên địa bàn Thủ đô. Cụ thể:

- Đối với việc quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền thành phố thuộc thành phố Hà Nội: Thực trạng phát triển của Thủ đô đã đặt ra bài toán đô thị hóa khá phức tạp, vừa phải bảo đảm tạo được các động lực mới để phát triển, phù hợp với năng lực quản trị của bộ máy chính quyền được tổ chức gọn nhẹ, vừa tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ môi trường trong lành. Với yêu cầu ấy, định hướng quy hoạch đô thị tại Hà Nội cần được đổi mới để vừa tạo được không gian thích hợp cho sự phát triển của đô thị hiện tại, vừa tạo hành lang cho sự xây dựng và phát triển các đô thị vệ tinh; trên cơ sở đó hình thành đại đô thị với phần chủ đạo là đô thị trung tâm bao gồm các quận hiện tại. Các thành phố thuộc thành phố Hà Nội phải là các cấu trúc đô thị hoàn chỉnh với đầy đủ tính chất, quy mô, đặc điểm của một đô thị hiện đại, có tính tự chủ cao, chứ không thể chỉ là các cấu trúc đô thị phụ thuộc.

Tất nhiên với các thành phố khác nhau thì tính chất tiềm năng, lợi thế của vị trí địa lý có thể đa dạng và không giống nhau. Đây sẽ là cơ sở để định hướng phát triển thành phố theo các lĩnh vực phát triển KTXH khác nhau. Do vậy, việc phát hiện chính xác tiềm năng, lợi thế để phát triển Thành phố, để định hướng ưu tiên phát triển là yêu cầu quan trọng khi tiến hành quy hoạch đô thị trong quá trình đô thị hóa, vừa tạo sự đồng bộ liên thông giữa các đô thị vệ tinh, vừa giảm tải cho đô thị trung tâm, bảo đảm cho Thủ đô phát triển một cách toàn diện, cân đối, có sức mạnh tổng hợp, từ đó tạo động lực phát triển cho cả toàn vùng Thủ đô.

Về tổ chức chính quyền, nếu theo quy định hiện hành, thành phố thuộc thành phố Hà Nội là cấp đơn vị hành chính tương đương với huyện, quận. Tuy nhiên với đặc điểm là một đơn vị hành chính đô thị hoàn chỉnh, chính quyền Thành phố phải được quyết định những vấn đề quy hoạch phát triển KTXH, quy hoạch đô

thị, kết cấu hạ tầng của cả khu vực đô thị; thậm chí, phải được trao cho cơ chế có tính đặc thù, vượt trội, trao thẩm quyền lớn hơn so với thẩm quyền của một đơn vị hành chính cấp huyện. Đồng thời, để bảo đảm những quyết định này thể hiện được ý chí, nguyện vọng của người dân, mô hình chính quyền Thành phố thuộc thành phố Hà Nội phải được tổ chức là cấp chính quyền đầy đủ gồm HĐND Thành phố và UBND Thành phố. Có như vậy, mới tạo ra được sự chủ động, sáng tạo trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư, phù hợp với định hướng xây dựng các đô thị chức năng của thành phố về KHCN, tài chính, văn hóa...

- Nếu thực hiện giải pháp tăng thẩm quyền cho thành phố Hà Nội trong việc được quyết định điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội; quy định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội sẽ giúp bộ máy chính quyền thành phố Hà Nội được điều chỉnh một cách nhanh chóng, kịp thời, khắc phục được sự chồng chéo, tinh gọn, bảo đảm cho việc quản lý nhà nước phát huy được hiệu quả, rõ một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm, không đứt khúc, chồng chéo<sup>10</sup>. Việc tăng thẩm quyền cho thành phố Hà Nội trong bối cảnh chính quyền Thành phố đang thực hiện việc kiện toàn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, CCHC cũng chính là cơ sở để Thủ đô thực hiện một cách linh hoạt hiệu quả hơn việc tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, giảm số lượng cấp trưởng, cấp phó, giảm chi phí hoạt động; từ đó, tiết kiệm được nguồn chi cho ngân sách Thành phố. Các tổ chức, đơn vị nếu được thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất hoặc thực hiện chuyển chức năng, nhiệm vụ cũng đồng thời với chuyển nguyên trạng biên chế để có người làm việc, đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo cân đối trong tổng số biên chế được giao trong năm và không làm phát sinh tăng biên chế<sup>11</sup>. Ví dụ:

+ Về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội: Nhiệm vụ quản lý nước sạch có thể được điều chuyển từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT) sang Sở Xây dựng quản lý cả nước sạch đô thị và nước sạch nông thôn; nhiệm vụ quản lý làng nghề và ngành nghề nông thôn, thương mại, nông sản có thể chuyển từ Sở NNPTNT sang Sở Công Thương để quản lý hiệu quả hơn.

+ Về quyết định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện: Điều chuyển một số cơ quan, đơn vị từ thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội phân cấp quản

<sup>10</sup> Hiện nay, các nội dung này đang được thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành. Trong trường hợp cần thay đổi, điều chỉnh các vấn đề trên thì phải thực hiện quy trình, thủ tục khá phức tạp và trình cơ quan có thẩm quyền (Chính phủ, Bộ chuyên ngành...) cho ý kiến chấp thuận. Việc lấy ý kiến sẽ phải mất rất nhiều thời gian, có thể phát sinh nhiều quan điểm khác nhau, và sẽ làm giảm đi tính kịp thời trong hoạt động chỉ đạo điều hành).

<sup>11</sup> Xem Tờ trình về việc sơ kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức).

lý cho UBND cấp quận, huyện như Trung tâm y tế quận, huyện; Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị; Trạm Thú y, trạm bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông...

+ Về thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội: Dự kiến có thể sáp nhập một số các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn Thủ đô, tổ chức lại một số viện, trung tâm...

- Về biên chế, nếu giao cho chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định biên chế cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm đã được Chính phủ phê duyệt và đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao sẽ cho phép chủ động bố trí nguồn lực đầy đủ, kịp thời; việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp lý hơn, biên chế được cân đối phù hợp với danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đồng thời vẫn đảm bảo được các yêu cầu về tinh giản biên chế. Việc quyết định biên chế sẽ căn cứ vào khả năng ngân sách Thành phố; việc bố trí đủ nguồn lực và phát huy được nguồn lực sẽ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, từ đó tác động tích cực đến phát triển KTXH của Thủ đô.

Theo quy định hiện nay, việc quản lý biên chế hành chính do Chính phủ quyết định; biên chế sự nghiệp do chính quyền địa phương quyết định sau khi trình xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền. Việc xác định số lượng biên chế căn cứ trên cơ sở Đề án vị trí, việc làm đã được phê duyệt. Tuy nhiên, việc giao biên chế chưa thực sự hợp lý vì chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết về biên chế của Thành phố. Ví dụ: Tổng số biên chế hành chính được giao năm 2021 là 9.014 người (7.935 công chức và 1.079 lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP), giảm so với biên chế được giao năm 2015 là 1.673 biên chế (giảm 1.473 công chức và 200 chỉ tiêu hợp đồng), (chiếm tỷ lệ giảm 15,65%). Biên chế viên chức (hưởng lương NSNN) được giao năm 2021 là: 116.007 biên chế, giảm so với năm 2015 là 12.890 biên chế (tương đương tỷ lệ giảm 10%)<sup>12</sup>. Trong khi đó, giai đoạn từ 2015-2021, số công chức nghỉ hưu là 1.291 người, số viên chức nghỉ hưu là 12.590 người; Đến tháng 6/2021, số người nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 1.441 trường hợp (1.194 trường hợp từ cấp huyện trở lên). Biên chế giảm nhưng số lượng công việc không giảm mà còn có xu hướng gia tăng dẫn đến áp lực thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, viên chức của Thành phố Hà Nội rất lớn, đặc biệt đối với công chức. Tính theo số dân/biên chế công chức trung bình tại 63 tỉnh, thành phố hiện nay (tính đến T6/2021) là: 96.460.000 dân/140.508 bằng 686 dân/công chức. Trong khi, Hà Nội là: 8.053.663/7.927 bằng 1.016 dân/công chức. Hiện nay, mục tiêu tinh giản biên chế chỉ đơn giản là giảm cơ học để giảm gánh nặng cho NSNN mà chưa gắn với thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Đối với một số lĩnh vực như giáo dục và y tế, việc bố trí nguồn lực gặp nhiều khó khăn do tốc độ đô thị hóa và tăng dân số cơ học tại địa phương. Từ năm 2015 đến nay, Hà Nội không được tăng biên chế viên chức, dẫn đến khó khăn trong việc bố trí giáo viên, cán bộ y tế theo tốc độ tăng dân số ngày một cao.

- Việc nâng mức xử phạt VPHC cao hơn nhưng không quá hai lần và mở rộng phạm vi áp dụng mức xử phạt trên địa bàn toàn Thành phố đối với các hành vi VPHC trong một số lĩnh vực như quảng cáo, an toàn thực phẩm, PCCC sẽ bảo đảm tốt hơn việc ngăn chặn và xử lý dứt điểm, kịp thời các VPHC; các

<sup>12</sup> Theo chỉ tiêu tinh giản Nghị quyết số 39-NQ/TW.



VPHC sẽ giảm; đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, từ đó, bảo đảm tốt hơn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố; giảm chi phí trong việc bố trí nguồn lực, thời gian, kinh phí, con người cho việc phát hiện và xử lý vi phạm đồng thời tăng thêm một phần nguồn thu cho Thành phố để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về trật tự hành chính, trật tự an toàn xã hội<sup>13</sup>. An ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo sẽ tác động tích cực đến việc cải thiện môi trường và thu hút đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển KTXH của Thủ đô.

Việc tăng mức xử phạt không chỉ áp dụng trong phạm vi khu vực nội thành Hà Nội mà cần mở rộng trên toàn bộ địa bàn Thành phố nhằm đảm bảo tính hiệu quả, hợp lý, đồng bộ, thống nhất và công bằng trong việc xử lý vi phạm trên cùng một địa bàn, không phân biệt khu vực đô thị hay nông thôn.

Nếu tăng mức phạt gấp 02 lần ở cả khu vực nội thành và ngoại thành thì bình quân một năm ngân sách thành phố tăng thu khoảng:

+ Trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy: từ 10,86 tỷ đến 16,02 tỷ (trường hợp số vụ vi phạm mới trong năm bằng 2/3 hoặc bằng số vi phạm bình quân trong 1 năm trước, theo đó, số thu ngân sách sẽ là 81.469.341.000 đồng/5 năm\*(2/3) đến 81.469.341.000 đồng/5 năm;

+ Trong lĩnh vực an toàn thực phẩm: từ 16,23 tỷ đến 24,45 tỷ (trường hợp số vụ vi phạm mới trong năm bằng 2/3 hoặc bằng số vi phạm bình quân trong 1 năm trước, theo đó, số thu ngân sách sẽ là 122.247.236.000 đồng/5 năm\*(2/3) đến 122.247.236.000 đồng/5 năm);

+ Trong lĩnh vực quảng cáo: từ 809 triệu đến 1,21 tỷ (trường hợp số vụ vi phạm mới trong năm bằng 2/3 hoặc bằng số vi phạm bình quân trong 1 năm trước, theo đó, số thu ngân sách sẽ là 6.072.500.000 đồng/5 năm\*(2/3) đến 6.072.500.000 đồng/5 năm.

- Các hành vi VPHC về quảng cáo, phòng cháy, chữa cháy và an toàn thực phẩm đang diễn ra khá phức tạp và có xu hướng gia tăng tại Thủ đô. Ví dụ: Theo thống kê từ 2016 đến hết 2020<sup>14</sup> trên địa bàn Hà Nội đã xảy ra 3.483 vụ cháy, 08 vụ nổ và trên 6.000 vụ sự cố nhỏ khác. So với cùng kỳ giai đoạn trước (từ 2011 đến hết 2015), số vụ cháy, nổ tăng 2.526 vụ, tăng 29 người chết, tăng 15 người bị thương, thiệt hại về tài sản 576 tỷ đồng.

Đặc biệt, hiện nay các vùng ven ngoại thành đang có xu hướng phát triển với tốc độ nhanh, các vi phạm hành chính ở khu vực ngoại thành diễn ra khá phổ biến, nhiều vi phạm rất phức tạp và khó khăn trong việc xử lý. Số lượng vi phạm và số lượng quyết định xử phạt được ban hành cũng gần như tương đương với khu vực nội thành. Ví dụ như: Trong lĩnh vực phòng cháy chữa cháy: Từ 2016 đến hết 2020, số quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành: 20.213 quyết định (Trong đó: 12 quận nội thành: 10.472 quyết định; 18 huyện ngoại thành: 9.741 quyết định). Số tiền phạt thu nộp NSNN: 81.469.341.000 đồng (12 quận nội thành: 45.998.501.000 đồng; 18 huyện ngoại thành: 35.470.840.000 đồng).

<sup>13</sup> Xem Phụ lục 4 - Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô (đã dẫn): tại các quận nội thành, trong 03 lĩnh vực văn hoá, xây dựng và đất đai, số lượng vụ vi phạm được phát hiện là 3.660 vụ, tổng số tiền phạt là 28.575.850.500 đồng.

<sup>14</sup> Dự thảo xây dựng đề án PCCC từ 2021 đến 1025 tầm nhìn đến 2030.

- Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn kịp thời đối với các hành vi VPHC trong một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy sẽ bảo đảm tốt hơn việc ngăn chặn và xử lý dứt điểm, kịp thời các VPHC; các VPHC có thể giảm; từ đó mà bảo đảm tốt hơn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Nếu thống nhất một chế độ công vụ, công chức, không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác giữa cán bộ, công chức ở cấp xã và cấp huyện nhằm đảm bảo sự linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn; chế độ chính sách về lương, ngạch được đồng bộ, nâng cao. Dự kiến sẽ giảm được kinh phí ngân sách trong một số hoạt động như giảm kinh phí tổ chức tuyển dụng, in ấn tài liệu và một số các chi phí hoạt động khác về xây dựng và thực hiện nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng... Trước đây khi có nhu cầu, để tuyển dụng công chức cấp xã, mỗi một quận, huyện, thị xã sẽ phải tổ chức một Hội đồng tuyển dụng riêng; việc điều động, luân chuyển công chức từ cấp huyện về cấp xã và ngược lại cũng gặp nhiều khó khăn do phải qua nhiều quy trình kiểm tra, sát hạch, tiếp nhận không qua thi...

- Hiện nay chưa có cơ chế cho phép sử dụng lao động hợp đồng làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo quy định về tự chủ về tài chính, trừ trường hợp là đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục, y tế (theo Nghị quyết số 102 của Chính phủ). Điều này dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc huy động, bố trí sử dụng nguồn lực, nhất là trong bối cảnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, số lượng biên chế hiện có chưa đủ để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị (như đã phân tích ở trên). *Vì vậy, nếu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm sẽ giúp cho cơ quan, đơn vị bổ sung kịp thời số lượng nhân lực còn thiếu. Việc ký hợp đồng lao động phải đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu vị trí, việc làm. Theo đó, việc bố trí kinh phí để bổ sung nguồn lực phải nằm trong khả năng cân đối của ngân sách Thành phố. Có đủ nguồn nhân lực, các công việc sẽ được triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả; cán bộ, công chức giảm áp lực công việc, tạo môi trường cạnh tranh năng động, giảm tâm lý và sức ỳ của công chức, viên chức; từ đó tăng cường tính hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước.*

- Việc cho phép người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố Hà Nội được lựa chọn, thực hiện việc bổ nhiệm cấp phó trở xuống và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình nếu được thực hiện một cách bài bản, khoa học sẽ là bước đột phá trong công tác cán bộ, giúp cho người đứng đầu đủ thẩm quyền và điều kiện để chủ động tìm kiếm, lựa chọn và quyết định nhân sự cấp phó trở xuống phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ được đặt ra. Đồng thời, xây dựng được một ê kíp làm việc đoàn

kết, thống nhất, hiệu quả, cùng hướng tới mục tiêu chung. Người đứng đầu được bổ nhiệm cấp phó và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình sẽ là cơ sở để thực hiện yêu cầu về đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đến cùng trong công tác cán bộ, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, công tâm, khách quan là điều kiện thuận lợi để cán bộ phát huy năng lực, góp phần kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức chạy quyền; phát huy tốt tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đồng thời cũng sẽ đẩy lùi được chủ nghĩa cá nhân, can thiệp “không trong sáng” trong bổ nhiệm cán bộ.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Việc điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chuyên môn, tổ chức lại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể sẽ làm tăng chi ngân sách do sự thay đổi, điều chỉnh về thủ tục, giấy tờ; việc thành lập thêm một số cơ quan chuyên môn đặc thù cấp Thành phố, cấp huyện có thể sẽ làm phát sinh bộ máy, việc bố trí nguồn lực cơ sở vật chất trong bối cảnh đang phải thực hiện việc tinh giản bộ máy, tinh giản biên chế.

- Việc mở rộng thêm các lĩnh vực được tăng mức xử phạt đòi hỏi Nhà nước phải tăng chi phí cho việc tập huấn cho cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt VPHC; tăng nguồn lực cho việc phổ biến giáo dục pháp luật để người dân biết, chủ động phòng ngừa, không vi phạm; đồng thời tăng cường nguồn lực cho công tác kiểm tra xử phạt VPHC trong các lĩnh vực đó, đảm bảo việc áp dụng đúng đắn pháp luật, giảm thiểu các khiếu kiện liên quan xử phạt VPHC.

- Nếu thực hiện một chế độ công vụ, công chức thống nhất thì đòi hỏi số lượng cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng đủ điều kiện về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ phải thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa trình độ. Kinh phí chi trả cho hoạt động này sẽ phải lấy từ nguồn NSNN.

- Việc giao cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân được ký hợp đồng lao động và tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống cũng có thể dẫn đến lãng phí ngân sách, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị nếu việc ký hợp đồng và lựa chọn người không phù hợp, hợp lý. Vì vậy, trong trường hợp giao quyền cho người đứng đầu thì cũng cần phải có quy định rõ về trách nhiệm của người đứng đầu, đặc biệt trong việc giới thiệu, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, tránh dẫn đến việc quyết định một cách tùy tiện và chủ quan.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Việc điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chuyên môn, tổ chức lại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể sẽ làm phát sinh những thay đổi trong việc điều chỉnh lại giấy tờ khi làm TTHC, gây tốn kém cho người dân, doanh nghiệp.

- Hiện nay, mức thu nhập của người dân sống ở ngoại thành thường thấp

hơn mức thu nhập của người dân sống ở nội thành. Việc tăng gấp 02 lần mức phạt hành vi vi phạm của người dân ngoại thành như người dân nội thành sẽ tăng áp lực cho cuộc sống của người dân ở ngoại thành. Người dân và doanh nghiệp vi phạm cũng có thể cho rằng chính sách này không đảm bảo việc được đối xử công bằng việc xử phạt trong các lĩnh vực khác nhau, vi phạm quyền và lợi ích của công dân.

- Việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân (ví dụ như áp dụng biện pháp tạm ngừng sử dụng dịch vụ điện, nước tại nhà chung cư trong khi chủ thể vi phạm là chủ đầu tư nhưng người dân tại tòa nhà đó lại có quyền và lợi ích có liên quan...) hoặc lợi ích của doanh nghiệp (như thu hồi giấy phép kinh doanh). Nếu bị thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể bị đình trệ, lợi nhuận sụt giảm, người lao động mất thu nhập, việc làm.

### **b) Tác động về xã hội:**

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

*Nếu chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định: Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội; quy định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố; thành lập một số cơ quan chuyên môn đặc thù cấp Thành phố và cấp huyện; thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội, sẽ giúp cho bộ máy chính quyền được tinh gọn, hợp lý, không chồng chéo, hoạt động thông suốt, kết quả, thực thi pháp luật được đồng bộ, thuận lợi, xác định trách nhiệm rõ theo hướng một việc một đầu mỗi xuyên suốt, từ đó nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động, tăng cường tính chuyên nghiệp cho bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức.*

- Thống nhất một chế độ công vụ sẽ tạo cơ sở để chuẩn hóa lại đội ngũ cán bộ, công chức Thủ đô, tăng tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ công chức, qua đó nâng cao chất lượng thực thi công vụ, tăng tính hiệu quả trong hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp. Mặt khác, việc thống nhất chế độ công vụ, công chức cũng sẽ giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã không bị “phân biệt đối xử” như hiện nay<sup>15</sup> bảo đảm tính công bằng về quyền và trách nhiệm như đối với cán bộ, công chức cấp huyện; tạo ra tâm lý phấn khởi trong đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Hiện nay, tại địa bàn Thủ đô, số lượng cán bộ cấp xã là 5.332 người, công chức cấp xã là 3.883 người; trong đó số lượng cán bộ cấp xã chưa có trình độ đại học là 542 người (chiếm tỉ lệ gần 10,2%), số lượng công chức cấp xã chưa có trình độ đại học là 535 người (chiếm tỉ lệ

<sup>15</sup>Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức.

gần 14%). Tuy nhiên, sau khi có Thông tư số 13/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì số lượng này sẽ phải được chuẩn hóa để đáp ứng yêu cầu (tính đến năm 2024). Bên cạnh đó, nếu xét về phạm vi, mức độ hoạt động, cán bộ, công chức cấp xã cũng đang gánh vác một áp lực công việc không thua kém công chức cấp huyện. Một lĩnh vực chuyên môn, trong khi ở tỉnh có bộ máy giúp việc là cấp sở với biên chế đến vài chục người, cấp huyện là các phòng cũng khoảng từ 07 cho đến trên 10 biên chế, còn cấp xã, chức danh công chức phụ trách lĩnh vực này chỉ có 1 người.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm khi có nhu cầu; được tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống và chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc quyền quản lý sẽ tạo môi trường cạnh tranh, năng động trong hoạt động công vụ, huy động nguồn lực giải quyết sớm được bất cập, tồn tại; giải quyết vấn đề việc làm nhanh hơn quy trình tuyển dụng (thông thường để thực hiện việc tuyển dụng mất từ 06 tháng trở lên). Khi hoạt động quản lý, điều hành trong nội bộ cơ quan đơn vị được thông suốt, tập trung hiệu quả sẽ tạo ra động lực cho cán bộ, công chức phát huy năng lực, sự cống hiến và sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, tiết kiệm được nhiều thời gian, nguồn lực trong việc thực hiện công tác cán bộ nói riêng và quản lý điều hành nói chung.

- Việc nâng mức xử phạt và mở rộng phạm vi áp dụng mức xử phạt VPHC trên địa bàn toàn Thủ đô đối với một số lĩnh vực như PCCC, quảng cáo, an toàn thực phẩm sẽ bảo đảm tốt hơn việc ngăn chặn và xử lý dứt điểm, kịp thời các VPHC; các VPHC sẽ giảm; đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, từ đó bảo đảm tốt hơn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Việc tăng thẩm quyền cho chính quyền thành phố Hà Nội sẽ giúp người dân, doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giao dịch hành chính, thực hiện một số TTHC.

- Người dân, doanh nghiệp sẽ được tiếp cận, cung ứng dịch vụ công có chất lượng ngày càng cao với một bộ máy, đội ngũ người thực thi công vụ ngày càng năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

- Việc được chủ động quyết định biên chế và ký kết hợp đồng lao động giúp cho người lao động có thêm các cơ hội về thu nhập, việc làm và vị trí tuyển dụng; các dịch vụ công được đảm bảo về mặt chất lượng, quy trình, thời gian, từ đó đảm bảo được quyền và lợi ích của người dân, doanh nghiệp.

- Việc tăng thẩm quyền cho chính quyền Thành phố trong lĩnh vực xử phạt VPHC sẽ giúp giảm số vụ VPHC trong một số lĩnh vực, từ đó góp phần nâng cao các chỉ số về an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Hà Nội, góp phần bảo đảm sự an toàn về tính mạng, tài sản, sức khỏe và sự an toàn của người dân

và doanh nghiệp trên địa bàn; bảo đảm bình đẳng về trách nhiệm pháp lý giữa cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trên toàn địa bàn Thành phố (cả nội thành và ngoại thành) khi có các hành vi VPHC tương đồng.

**Tác động tiêu cực:**

**(i) Nhà nước:**

- Việc giao thẩm quyền cho chính quyền Thành phố được quyết định biên chế trên cơ sở khung danh mục vị trí việc làm được phê duyệt cũng có thể dẫn đến một số rủi ro nhất định. Trong trường hợp Thành phố không quy định rõ các tiêu chí để làm cơ sở xác định số lượng biên chế cần có để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ một cách phù hợp và việc giao quyền quyết định cho Thành phố (không phải xin ý kiến Chính phủ) có thể dẫn đến việc quyết định số lượng biên chế một cách chủ quan, không sát với nhu cầu thực tế; chưa có sự nhìn nhận và đánh giá có tính chất cân đối, tổng thể trên bình diện chung của cả nước.

- Việc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân ký hợp đồng lao động và tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống không phù hợp, hợp lý có thể gây ra lãng phí nhân lực, ảnh hưởng đến tâm lý của cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị nếu công việc vẫn không đạt được hiệu quả mong muốn.

- Có thể một bộ phận cán bộ có tâm lý ngại phấn đấu hoàn thiện các tiêu chuẩn như cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên.

**(ii) Người dân, doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực.**

**c) Tác động về giới:** Việc giảm số lượng đại biểu chuyên trách ở HĐND phường; bố trí sắp xếp lại cán bộ trong tổ chức bộ máy có thể sẽ ảnh hưởng đến đại biểu nữ, công chức, viên chức nữ.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:**

- Giải pháp điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố sẽ làm thay đổi thẩm quyền giải quyết một số TTHC. Ví dụ: chuyển nhiệm vụ quản lý làng nghề và ngành nghề nông thôn, thương mại, nông sản từ Sở NNPTNT sang Sở Công Thương quản lý sẽ dẫn đến thay đổi thẩm quyền giải quyết TTHC trong lĩnh vực này như thủ tục công nhận làng nghề truyền thống, công nhận nghề truyền thống, công nhận làng nghề... Tuy nhiên, việc thay đổi thẩm quyền giải quyết cụ thể của một số TTHC không được quy định tại dự án Luật này mà sẽ được sửa đổi trong các VBQPPL về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị hoặc các văn bản phân cấp thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Giải pháp thống nhất một chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố (không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp

huyện trở lên) sẽ làm sửa đổi quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã, trong đó có quy định về TTHC liên quan đến việc tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã) bởi quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã và tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức (từ cấp huyện trở lên) được quy định ở các VBQPPL khác nhau, cụ thể là tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức (từ cấp huyện trở lên) được quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành; tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã được quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành. Để thực hiện giải pháp thống nhất một chế độ công vụ, công chức thì cần quy định rõ việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã được thực hiện theo quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức (từ cấp huyện trở lên) hoặc ban hành quy định riêng để phù hợp với đặc thù của Thủ đô, giải quyết số lượng cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng đủ điều kiện về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và các vấn đề khác liên quan đến việc thống nhất một chế độ công vụ, công chức này.

*(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

#### **e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

- Việc không tổ chức HĐND phường không trái với Hiến pháp năm 2013, không trái với Điều 58 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Việc tăng thẩm quyền của HĐND, UBND quận khi không tổ chức HĐND phường phù hợp với Điều 11, Điều 12 về phân định thẩm quyền, phân quyền cho chính quyền địa phương, các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND quận, UBND phường tại Điều 19, 21, 47, 49, 63, nhưng không phù hợp với Điều 61 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Việc phân quyền, tăng thẩm quyền cho chính quyền Thành phố về quản lý bộ máy theo Giải pháp 2 là phù hợp với quy định tại các Điều 11, 12, 13 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nhưng không phù hợp với quy định tại các Điều 23, 28 của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Việc trao thẩm quyền cho chính quyền Thành phố quyết định biên chế cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm đã được Chính phủ phê duyệt không phù hợp với quy định tại khoản 3, 4 Điều 23 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); khoản 4 Điều 10 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP quy định vị trí việc

làm và biên chế công chức và khoản 4 Điều 66 Luật Cán bộ công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Việc trao thẩm quyền cho chính quyền Thành phố quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi VPHC trong các lĩnh vực: Quảng cáo, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố không phù hợp với khoản 1, 3 Điều 23 Luật Xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Việc áp dụng trên phạm vi toàn Thành phố cũng không phù hợp với khoản 1 và 3 Điều 23 của Luật Xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Việc quy định chính quyền Thành phố có thẩm quyền ban hành *các biện pháp hành chính* (yêu cầu dừng hành vi vi phạm, cưỡng chế dừng hành vi vi phạm hành chính, thuyết phục, lao động công ích, dừng cấp phép ...) trong 3 lĩnh vực: Đất đai; xây dựng; phòng cháy, chữa cháy là không phù hợp với khoản 1 Điều 4 và khoản 5 Điều 17 Luật Xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Việc quy định chính quyền Thành phố có thẩm quyền ban hành *các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính* như yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu ngừng cung cấp, thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động... trong 3 lĩnh vực: đất đai; xây dựng; phòng cháy, chữa cháy là không phù hợp với khoản 1 Điều 4 và Điều 19 Luật Xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Quy định về ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm: Việc ký hợp đồng lao động trong các cơ quan nhà nước mới chỉ được thực hiện trong việc quản lý viên chức (Điều 48 Luật Viên chức năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nhưng chưa được quy định đối với việc quản lý công chức trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Về thẩm quyền được tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống: Pháp luật chưa quy định nội dung này.

- Việc quy định thống nhất một loại công chức (không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên) là không phù hợp với quy định tại Điều 4 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Do vậy, Giải pháp 2 chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

(ii) *Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- Đối với Nhà nước:

Việc giao thêm cho thành phố Hà Nội một số thẩm quyền về tổ chức bộ máy và việc quy định thống nhất một chế độ công chức sẽ giúp chính quyền Thành phố chủ động, linh hoạt hơn trong kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp và thực



hiện công tác cán bộ dẫn đến sự tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước Thủ đô. Do vậy, Giải pháp 2 sẽ làm tăng khả năng thi hành pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước và công chức của Thủ đô.

- Đối với người dân, doanh nghiệp:

Việc nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức Thủ đô và giảm TTHC, các giao dịch hành chính của người dân sẽ được chính quyền giải quyết nhanh hơn với ít chi phí hơn. Do vậy, Giải pháp 2 không làm giảm khả năng tuân thủ pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

Việc tăng mức tiền phạt VPHC trong các lĩnh vực quảng cáo, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm và đặc biệt là áp dụng các biện pháp hành chính mạnh như lao động công ích, dừng cấp phép, yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu ngừng cung cấp, thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động đối với 3 lĩnh vực: đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy cũng có thể tác động mạnh đến người dân và doanh nghiệp.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp 2 không trái với Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1996 và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, do vậy, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Không tổ chức HĐND quận, phường không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013 (Điều 111); không trái với các Điều 4, 44 và 58 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

### ***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)***

Kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2. Tuy nhiên nhìn từ góc độ tác động không mong muốn của chính sách, cần cân nhắc một cách thận trọng khi lựa chọn nội dung: Chính quyền thành phố Hà Nội được ban hành các biện pháp hành chính (yêu cầu dừng hành vi vi phạm, cưỡng chế dừng hành vi VPHC, thuyết phục, lao động công ích, dừng cấp phép ...) hoặc biện pháp ngăn chặn hành vi VPHC như (yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu ngừng cung cấp, thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động...) đối với 3 lĩnh vực: Đất đai, Xây dựng, Phòng cháy, chữa cháy.

Thẩm quyền ban hành chính sách này thuộc về Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và được thể hiện qua việc Quốc hội thông qua dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

## **2. CHÍNH SÁCH 2: CƠ CHẾ THU HÚT, SỬ DỤNG NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ**

### ***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

Hiện nay, chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực của Thủ đô đang được thực hiện theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức<sup>16</sup>. Đặc biệt, để thu hút được người có năng lực, trình độ, Điều 13 Luật Thủ đô quy định “*Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành chính sách trọng dụng nhân tài*”. Trên cơ sở đó, Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố đã ban hành quy định về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện, các quy định này đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như sau:

- Phạm vi các đối tượng được áp dụng chính sách trọng dụng còn hạn chế; số lượng người được tuyển dụng nói chung còn khiêm tốn so với số người thực tế thuộc các nhóm đối tượng được thu hút<sup>17</sup>.

- Tiêu chí xác định để tuyển dụng, thu hút nhân tài chủ yếu là thông qua bằng cấp như: tốt nghiệp đại học loại xuất sắc; có học vị tiến sĩ... mà chưa quan tâm đến những người có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn.

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức được tuyển dụng theo chính sách này, qua đánh giá của các cơ quan, đơn vị sử dụng thì hầu hết chưa có thành tích vượt trội, nổi bật so với những công chức, viên chức được tuyển dụng theo những quy định chung.

- Kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ một lần theo tinh thần của Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND còn thấp<sup>18</sup>. Ngoài ra, các đối tượng được tuyển dụng theo chính sách thu hút của Thành phố không được hưởng thêm chính sách ưu đãi nào khác về lương và thu nhập so với các cán bộ, công chức, viên chức khác.

- Chưa thu hút được các nhóm đối tượng như: chuyên gia giỏi, nhà khoa học đầu ngành, nghệ nhân... do chưa có chế độ, chính sách đãi ngộ, môi trường làm việc thích hợp.

- Rất khó khăn để thu hút được những người giỏi, có tài năng đang làm việc tại khu vực tư sang khu vực công, đặc biệt ở vị trí lãnh đạo, quản lý do những rào cản về quy trình bổ nhiệm; các điều kiện, tiêu chuẩn (ngoài tiêu chuẩn chuyên môn) và chưa có chính sách thu hút, đãi ngộ xứng đáng.

Kết quả trên cho thấy chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài của Thành

<sup>16</sup> (Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung 2019), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2019); Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ)

<sup>17</sup> Đối với sinh viên tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc các trường đại học, Thành phố đã tuyển dụng được 55 người (43 công chức và 12 viên chức) (Từ năm 2014-2018); Đối với Bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II: đã tuyển dụng được 32 người (từ năm 2017 đến nay); Đối với vận động viên, văn nghệ sỹ đoạt huy chương vàng hoặc giải nhất tại các kỳ thi chuyên nghiệp quốc gia; huy chương vàng, huy chương bạc hoặc giải nhất, nhì tại các cuộc thi khu vực hoặc thế giới, đã tuyển dụng được 77 người (Từ năm 2018-2020).

“Được hưởng hỗ trợ đãi ngộ thu hút một lần bằng 20 (hai mươi) lần mức lương tối thiểu tại thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận” (Điểm b khoản 1 điều 3 Điều 3 Nghị quyết số 14).

phổ chưa đủ sức hấp dẫn, mới chỉ đưa ra chính sách tuyển dụng đối với một số đối tượng cụ thể để thu hút đầu vào; chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế về môi trường làm việc, mức lương, thu nhập, cơ hội học tập và thăng tiến cũng như các điều kiện đãi ngộ khác; chưa tạo được sự cạnh tranh so với khu vực tư. Chính vì thiếu cơ chế, thiếu nguồn lực thực hiện việc đãi ngộ, đặc biệt là nguồn lực tài chính nên chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài của Thủ đô về cơ bản chưa đáp ứng được mục tiêu như mong muốn.

## **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

2.2.1. *Mục tiêu chung:* Thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân lực chất lượng cao (bao gồm cả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức) phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội Thủ đô, đáp ứng được yêu cầu được đặt ra trong Nghị quyết số 15-NQ/TW, đó là “*có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế*”.

### 2.2.2. *Mục tiêu cụ thể:*

- Việc thu hút có trọng tâm, trọng điểm, nhất là ở các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho sự phát triển nhanh, bền vững đối với KTXH Thủ đô.
- Có cơ chế tuyển dụng phù hợp đối với từng nhóm đối tượng cần thu hút.
- Có chính sách thu hút, đãi ngộ, trọng dụng, cụ thể, hợp lý; tạo lập môi trường làm việc tốt để những người có kiến thức, trình độ và kinh nghiệm phát huy được năng lực, sự sáng tạo.
- Đảm bảo được nguồn thu nhập ổn định cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô căn cứ vào năng lực, hiệu quả công việc, vị trí việc làm, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của Thành phố.

## **2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện hành

**Giải pháp 2:** Thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao

(1) Người có tài năng, năng lực, trình độ cao về GDĐT, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, KHCN được tuyển dụng thẳng, không qua thi vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố.

(2) Thành phố được quy định việc ký hợp đồng và quyết định mức lương, chế độ đãi ngộ theo cơ chế thỏa thuận đối với một số vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị của Thành phố cần có sự đảm nhiệm của người có năng lực, kinh nghiệm và trình độ cao trong các lĩnh vực GDĐT, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, KHCN, CNTT và truyền thông.

(3) Thành phố được quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức (thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kính phí hoạt động); mức chi căn cứ vào năng lực, hiệu quả công việc, vị trí việc làm, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách

của Thành phố.

**Giải pháp 3:** Giải pháp 2 và bổ sung nội dung sau: Thành phố được quy định việc ký hợp đồng với người có kiến thức, trình độ, năng lực, kinh nghiệm đã và đang làm việc ở khu vực tư hoặc ở các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý các tổ chức, cơ quan, đơn vị của Thủ đô (đảm bảo liên thông giữa khu vực công và khu vực tư).

#### **2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### *2.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành*

##### **a) Tác động về kinh tế:**

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

- Chính quyền thành phố Hà Nội duy trì sự ổn định, NSNN không phải chi cho thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức cũng như chi cho các chế độ đãi ngộ để thực hiện chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao.

##### (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Khu vực tư vẫn duy trì khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, do khu vực nhà nước ít có cơ hội cạnh tranh thu hút.

##### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

- Không thể thu hút và phát huy được năng lực của đội ngũ những người giỏi vốn rất dồi dào, sẵn có trên địa bàn Thủ đô, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, tạo nên sự lãng phí nguồn nhân lực có thể đóng góp cho sự phát triển KTXH của Thủ đô.

- Hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị Thành phố sẽ không cao, do không tận dụng được trí tuệ, kinh nghiệm của đội ngũ nhân lực chất lượng cao, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của chính quyền thành phố Hà Nội.

##### (ii) Nhân lực chất lượng cao:

Thu nhập và chế độ đãi ngộ thấp, không tương xứng với năng lực, trình độ và sự cống hiến. Chính sách đãi ngộ vật chất thấp hơn nhiều so với mặt bằng khu vực tư. Tiền lương vẫn nằm trong hệ thống thang, bảng lương chung, dẫn đến thu nhập chưa đủ tái sản xuất sức lao động giản đơn và chưa thực sự dựa trên kết quả công việc. Sự cách biệt tiền lương giữa các ngạch, bậc chưa phản ánh thỏa đáng yêu cầu của từng vị trí việc làm, độ khó của công việc; việc nâng bậc lương chủ yếu dựa vào yếu tố thời gian (thâm niên) mà không chú trọng đến yếu tố hiệu quả công việc nhân tài đang đảm nhận.

## **b) Tác động về xã hội:**

### Tác động tích cực:

Nhà nước duy trì tính ổn định, ít thay đổi trong sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ở khu vực công và khu vực tư.

### Tác động tiêu cực:

#### (i) Nhà nước:

- Cơ cấu nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực công có thể bị mất cân đối, chiếm tỉ lệ nhỏ so với tổng số nhân lực trong khu vực công; có thể dẫn đến thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong khu vực công.

- Hiện tượng chảy máu chất xám có thể xảy ra từ khu vực công sang khu vực tư; không tạo ra được tính liên thông trong tuyển dụng nhân lực chất lượng cao giữa khu vực công và khu vực tư.

- Tâm lý sùc ì, ngại thay đổi; tính cạnh tranh của khu vực công thấp; chưa có cơ chế phát huy và tạo động lực để cống hiến, sáng tạo nâng cao hiệu quả làm việc.

#### (ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Phải thực hiện quy trình tuyển dụng phức tạp hoặc phải đáp ứng nhiều tiêu chí, tiêu chuẩn mà có thể sẽ trở thành rào cản đối với nhân lực chất lượng cao để vào được vị trí việc làm phù hợp.

- Thu nhập và chế độ đãi ngộ không tương xứng để tạo ra sự chán nản, mất động lực cống hiến, hiệu quả làm việc không cao; có thể dẫn đến hiện tượng dịch chuyển lao động, rời bỏ khu vực công sang khu vực tư.

- Sự khác biệt, chênh lệch về thu nhập, cơ chế đãi ngộ, môi trường làm việc giữa khu vực công và khu vực tư, dẫn tới nhu cầu tìm kiếm cơ hội việc làm trong khu vực công của nguồn nhân lực chất lượng cao bị có thể bị giảm sút.

- Môi trường, vị trí việc làm không phù hợp thì người tài sẽ không thể phát huy được sở trường, năng lực, lâu dần sẽ tạo ra sự ỳ, thiếu sự năng động và có thể dẫn đến sự thui chột tài năng. Môi trường làm việc thiếu tính năng động, cách quản lý hành chính quan liêu có thể sẽ làm hao hụt trí tuệ, giảm đi sự nhiệt tình và khả năng sáng tạo của nhân tài.

- Nhân lực chất lượng cao có thể mong muốn được phục vụ, cống hiến cho Thủ đô, nhưng không có nhiều cơ hội phù hợp và bị hạn chế bởi các rào cản nhất định.

#### (iii) Người dân, doanh nghiệp:

- Các doanh nghiệp chưa có điều kiện, cơ hội cạnh tranh với khu vực công mà có thể chỉ là cạnh tranh giữa các đơn vị khu vực tư với nhau, dẫn đến việc một số doanh nghiệp chưa cải thiện tối ưu chính sách trọng dụng nhân tài, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Hạn chế về cơ hội tuyển dụng và cơ hội việc làm đối với người dân.

- Người dân có thể không được thụ hưởng các dịch vụ có chất lượng, các sản phẩm KHCN tốt từ sự đóng góp, phục vụ và cống hiến của nhân lực chất lượng cao.

**c) Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1 phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung 2019), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2019); Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2022 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2022 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Điều 13 Luật Thủ đô quy định “*Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành chính sách trọng dụng nhân tài*”. Do vậy, Giải pháp này không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các chính sách hiện tại, do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Mặc dù Việt Nam chưa ký kết hay gia nhập điều ước quốc tế nào về thu hút, sử dụng người tài năng, nhưng các chính sách sử dụng nhân tài đã được thực hiện một thời gian trên địa bàn Thủ đô theo Giải pháp 1 đã giúp người dân được thụ hưởng sự phục vụ tốt hơn từ nhân lực chất lượng cao đã được thu hút, các quyền con người và quyền cơ bản của công dân được bảo đảm. Giải pháp 1 do vậy tương thích với mục tiêu và nhiều điều khoản của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966 và không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà mình là thành viên.

#### **2.4.2. Giải pháp 2**

**a) Tác động về kinh tế:**

Tác động tích cực:

*(i) Nhà nước:*

- Việc tuyển dụng thẳng người có tài năng, năng lực, trình độ cao về

GDĐT, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, KHCN, CNTT sẽ tăng cơ hội thu hút người có năng lực, có trình độ cao vào khu vực công mà không phải mất chi phí cho các quy trình thủ tục phức tạp để thi tuyển.

- Khi tăng khả năng và cơ hội để thu hút được những người có năng lực, trình độ và kinh nghiệm, đồng nghĩa với việc chính quyền Thành phố có thể sử dụng và phát huy một cách có hiệu quả nguồn nhân lực này, từ đó gia tăng được hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, tăng hiệu quả phát triển KTXH của Thủ đô.

- Hạn chế được tình trạng chảy máu chất xám từ khu vực công sang tư, tránh lãng phí nguồn lực.

- Việc thu hút được những người có tài năng trong lĩnh vực KHCN, CNTT có thể sẽ giúp phát huy được tiềm lực, năng lực để giải quyết được các vấn đề của KHCN, CNTT trong xu thế quản trị mới hiện nay; có thể giúp gia tăng hiệu quả, chất lượng của các hoạt động, sản phẩm khoa học, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn và then chốt của Thủ đô.

- Việc sử dụng ngân sách để chi thu nhập tăng thêm có tác động lớn đến đội ngũ cán bộ công chức, viên chức Thủ đô. Nếu được áp dụng sẽ có tác dụng nhiều mặt như: Đảm bảo và nâng cao chất lượng đời sống của cán bộ công chức, viên chức, người lao động, góp phần yên tâm công tác, tái tạo sức lao động, nâng cao năng suất lao động, chất lượng công việc, tạo động lực và thúc đẩy các sáng kiến khoa học, chống tham nhũng... Có thể nói tiền lương là một nhân tố quan trọng tác động mạnh mẽ nhất, nếu như tiền lương không gắn chặt với chất lượng, hiệu quả công tác, không theo giá trị sức lao động thì tiền lương không đủ đảm bảo để sản xuất, thậm chí tái sản xuất giản đơn sức lao động, không đủ để khuyến khích nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ tay nghề. Vì vậy, tiền lương phải đảm bảo các yếu tố cấu thành để đảm bảo nguồn thu nhập, là nguồn sống chủ yếu của người lao động và gia đình họ, là điều kiện để người lao động hưởng lương hoà nhập vào thị trường lao động xã hội. Tuy nhiên, mức độ khả thi của chính sách này còn phụ thuộc rất lớn vào nguồn và mức độ chi trả của ngân sách Thành phố.

(ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Tiếp cận được các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng từ lương (có thể được thỏa thuận), thu nhập tăng thêm, các điều kiện đảm bảo khác như nhà ở, phương tiện đi lại...

Để cụ thể hóa các chính sách trên, Luật Thủ đô cần quy định rõ việc ủy quyền cho HĐND được ban hành quy định liên quan đến các mức chi cụ thể để thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chất lượng cao như lương tuyển dụng khởi điểm, lương chi trả tối thiểu cho một chuyên gia, nhà khoa học làm việc cho Thủ đô, lương chi trả tối thiểu cho nhân lực ký hợp đồng giữ vị trí lãnh đạo, quản lý tại cơ quan đơn vị Thủ đô, mức chi thu hút lần đầu, mức chi thu nhập

tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, các điều kiện tiêu chuẩn về nhà ở, phương tiện đi lại... Luật cũng cần xác định rõ nguyên tắc, điều kiện, phạm vi, thẩm quyền để nghị quyết HĐND có thể thực thi được ngay sau khi ban hành.

(iii) Người dân, doanh nghiệp:

- Khi nhân lực chất lượng cao có thêm nhiều cơ hội sẽ tạo ra sự cạnh tranh giữa khu vực công và khu vực tư để thu hút người tài, qua đó các doanh nghiệp cũng phải tìm cách cải thiện môi trường, cải thiện chính sách trọng dụng nhân tài, tạo ra động lực cho sự phát triển.

- Khi thu hút được người có năng lực vào các vị trí việc làm phù hợp sẽ gia tăng được hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, giúp người dân được thụ hưởng những lợi ích mang lại từ các hoạt động có chất lượng.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

- Thành phố phải bố trí kinh phí từ ngân sách để tăng mức thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học; kinh phí chi cho thu nhập tăng thêm của công chức, viên chức (tuy nhiên, vẫn phải trên cơ sở cân đối, khả năng chi trả của ngân sách).

Số biên chế viên chức hưởng lương NSNN được giao năm 2021 là 116.007 biên chế, trong đó số viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập NSNN đảm bảo toàn bộ là 78.055 người. Chi thu nhập bình quân của toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách vào năm 2021 là khoảng 15.900 tỷ, trong đó chi thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động được ước tính là 10.689 tỷ đồng.

Trong trường hợp Thành phố được quyết định sử dụng ngân sách của mình để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức (thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động) với hai phương án là 1.3 lần và 1.8 lần so với mức chi như hiện tại, chi từ NSNN cho mục tiêu chi thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do Ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động được dự báo như sau:

**Bảng 1: Chi thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do Ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động**

*Đơn vị: tỷ đồng*

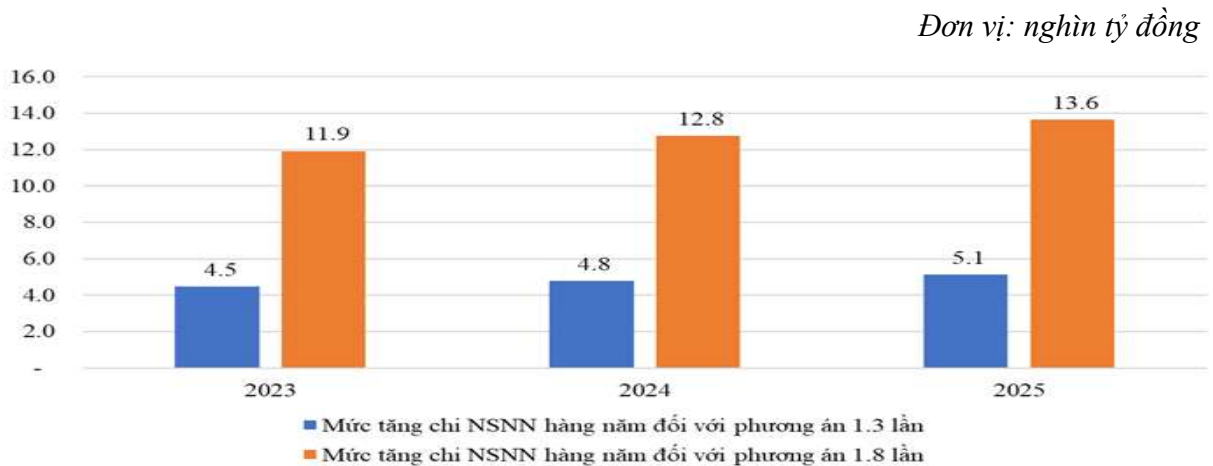


	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Chi thu nhập bình quân cho CB,CC,VC thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động theo phương án giữ nguyên như hiện tại.	10,689	10,709	13,922	14,896	15,939	17,055
thuộc đơn vị sự nghiệp do NS đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động nếu mức tăng là 1.3 lần.	13,895	13,922	18,098	19,365	20,721	22,171
Chi thu nhập bình quân cho CB, CC, VC thuộc đơn vị sự nghiệp do NS đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động nếu mức tăng là 1.8 lần.	19,240	19,276	25,059	26,813	28,690	30,698

*Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.*

Để thực hiện giải pháp này này, NSNN của Thành phố sẽ cần tăng chi để đảm bảo thực hiện các phương án dự kiến. Dự báo yêu cầu tăng chi hàng năm của NSNN Thành phố với mục tiêu chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức (thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động) sẽ là khoảng từ 4,5-5,1 nghìn tỷ mỗi năm đối với phương án tăng 1,3 lần và 9-10,2 nghìn tỷ mỗi năm đối với phương án 1.8 lần. Hai con số này sẽ lần lượt đạt mức 11,9 nghìn tỷ và 13,6 nghìn tỷ vào năm 2025.

**Hình 1: Dự báo nhu cầu chi NSNN tăng thêm hàng năm để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức**



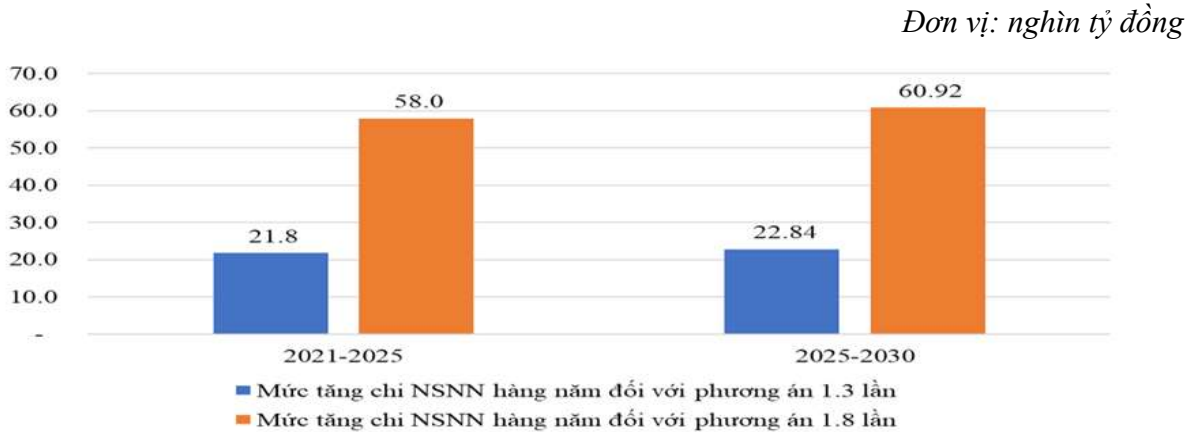
*Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.*

Dự báo cho toàn giai đoạn 2021-2025, tổng chi ngân sách tăng thêm của Thành phố sẽ là 21,8 nghìn tỷ đối với phương án tăng 1,3 lần và 58,0 nghìn tỷ đối với phương án 1,8 lần. Con số này sẽ tăng lên lần lượt là 22,84 nghìn tỷ và 60,92 nghìn tỷ cho giai đoạn 2025-2030. Mức chi này sẽ góp phần tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công nhân, viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động, gắn với các cải cách về đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, vị trí việc làm, qua đó góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả công việc tại khu vực công, chất lượng dịch vụ công, hiệu quả giải quyết TTHC cho doanh nghiệp và người dân. Tăng thu nhập gắn với cải cách về đánh giá năng lực, vị trí việc làm cũng góp phần nâng cao chất lượng của các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa xã hội cho người dân Thủ đô, mang lại lợi ích trực tiếp cho người dân, học sinh trên địa bàn Thủ đô.

Mức thu nhập tăng thêm cho thêm thu nhập cho cán bộ, công nhân, viên

chức thuộc đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động sẽ đóng góp trực tiếp vào cải thiện thu nhập khả dụng, tăng chi tiêu đối với nền kinh tế Thủ đô, tác động gián tiếp tới mở rộng cầu đối hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng trong nền kinh tế Thủ đô, gián tiếp đóng góp cho tăng trưởng GRDP của Thủ đô.

**Hình 2: Dự báo nhu cầu chi NSNN tăng thêm hàng năm để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức giai đoạn 2021-2030**



*Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.*

Phần tăng chi cho mục đích chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức dự báo sẽ chiếm từ 7-8% trong tổng chi thường xuyên của NSNN Thủ đô đối với phương án tăng 1.3 lần và từ 19-23% đối với phương án tăng 1.8 lần. Với các biện pháp nâng cao năng lực về tài chính - ngân sách và hiệu quả sử dụng nguồn lực từ NSNN như đã phân tích tại Chính sách 3 và các giải pháp khác nhằm tăng thu NSNN của thủ đô được triển khai, phương án tăng 1.3 lần là khả thi khi. Mức tăng thực tế có thể cao hoặc thấp hơn con số 1.3 lần tùy theo tình hình thực tế, điều kiện, khả năng ngân sách của Thủ đô trong từng năm.

**Bảng 2: Tỷ trọng của phần tăng chi cho mục đích chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức trong tổng chi thường xuyên hàng năm của NSNN Thủ đô**

*Đơn vị: tỷ đồng*

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng chi NSNN thường xuyên của Thủ đô (tỷ đồng)	45,001	47,359	53,282	54,822	57,610	60,536
Tỷ trọng của phần tăng thêm trong tổng chi thường xuyên của NSNN thủ đô của phương án 1.3 lần	7%	7%	8%	8%	8%	8%
Tỷ trọng của phần tăng thêm trong tổng chi thường xuyên của NSNN thủ đô của phương án 1.8 lần	19%	18%	21%	22%	22%	23%

*Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.*

- Kể cả khi Thành phố có tăng mức thu nhập và đãi ngộ nhưng vẫn không thể đủ sức hấp dẫn khi khu vực tư luôn đưa ra các chính sách đãi ngộ tốt hơn.

- Có thể có rủi ro gây ra sự lãng phí ngân sách nếu việc lựa chọn nhân lực không phù hợp với vị trí việc làm, yêu cầu công việc. Để hạn chế rủi ro này, cần

phải có các tiêu chuẩn cụ thể đối với nhân lực chất lượng cao ở các các vị trí việc làm cụ thể.

### **b) Tác động về xã hội:**

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

- Tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa khu vực công và khu vực tư. Cơ quan nhà nước phải cải thiện môi trường, cải thiện chính sách để có thể thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đảm bảo được tính liên thông trong tuyển dụng nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư, cân bằng được thị trường lao động chất lượng cao giữa hai khu vực.

- Thay đổi được tư duy về thái độ và cách ứng xử đối với nhân tài. Không chỉ là thu hút và tuyển dụng mà còn là đãi ngộ và trọng dụng, từ đó tạo ra nhiều cơ hội thu hút được người giỏi từ nước ngoài, từ khu vực tư về làm việc cho Thủ đô, tăng cường các cơ hội kết nối và thu hút đầu tư.

- Khi nhận được chế độ đãi ngộ và nguồn thu nhập tốt sẽ tạo ra nguồn động lực cả về vật chất và tinh thần cho cán bộ, công chức để tạo không khí phấn khởi, yên tâm hơn để phục vụ và công hiến, nâng cao sức lao động, hiệu quả công việc, đóng góp nhiều hơn các sản phẩm có chất lượng cho xã hội.

##### (ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm, vị trí thăng tiến cho những người giỏi, có năng lực, tăng các cơ hội để được lựa chọn, tiếp cận được các vị trí tốt, có thu nhập cao.

- Người lao động có động lực và yên tâm phục vụ, công hiến khi được hưởng lương và các chế độ đãi ngộ khác phù hợp, xứng đáng.

- Tạo ra nhiều các cơ hội về tuyển dụng, vị trí việc làm cho những người có tài năng, người có trình độ, kinh nghiệm cao.

##### (iii) Người dân, doanh nghiệp:

- Được tiếp cận, thụ hưởng lợi ích chung từ chất lượng đi lên của dịch vụ công, từ hoạt động hiệu quả của cơ quan nhà nước.

- Tăng thu nhập, tăng cơ hội việc làm, đặc biệt là những người có năng lực.

#### Tác động tiêu cực: Không có.

**c) Tác động về giới:** Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Để thực hiện giải pháp người có tài năng, năng lực, trình độ cao về GDĐT, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao,

KHCN, CNTT được tuyển dụng thẳng, không qua thi vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thủ đô cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định TTHC liên quan đến thu hút, tuyển dụng công chức, viên chức (tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ...) tại các VBQPPL hiện hành. Tuy nhiên, tại dự án Luật sẽ không quy định cụ thể về các TTHC này mà giao cho HĐND Thành phố, UBND Thành phố quy định cụ thể cơ chế chính sách và trình tự, thủ tục thực hiện chính sách.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Về cơ bản các giải pháp được đề xuất đều có tính mới, chưa được quy định trong VBQPPL hiện hành. Theo Luật Viên chức, hiện nay mới chỉ quy định việc ký hợp đồng lao động của viên chức và hợp đồng thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc (sửa chữa, bảo trì, lái xe, vệ sinh...) trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 161/2018/NĐ-CP).

Như vậy, Giải pháp 2 không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- Đối với cơ quan nhà nước thành phố:

Thành phố phải tăng chi ngân sách để trả lương và chế độ đãi ngộ cho người có tài năng theo cơ chế thỏa thuận đối với một số vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị của Thủ đô và chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô. Do vậy, Giải pháp 2 có thể ảnh hưởng đến khả năng thi hành pháp luật của chính quyền Thành phố nếu Thành phố gặp khó khăn về nguồn thu ngân sách, nhất là trong thời gian đầu thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người tài theo Giải pháp 2 này.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, người dân và doanh nghiệp:

Giải pháp 2 sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các đối tượng là người có tài năng, năng lực, trình độ cao (được tuyển dụng thẳng, không qua thi vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thủ đô); cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô có năng lực, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm (được hưởng mức lương, chế độ đãi ngộ cao hơn so với hiện nay); người dân và doanh nghiệp (được thụ hưởng sự phục vụ với chất lượng cao hơn của các cấp chính quyền và các cơ quan đơn vị thuộc Thủ đô), trong khi đó lại không đặt ra các nghĩa vụ mới cho họ. Do vậy, Giải pháp 2 không làm giảm khả năng tuân thủ pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô và người tài, người dân và doanh nghiệp.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1 là: không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân

thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan mà mình là thành viên.

### **2.4.3. Giải pháp 3**

#### **a) Tác động về kinh tế:**

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

- Hiện nay, các chức danh lãnh đạo quản lý tại các cơ quan, đơn vị của Thành phố đều phải thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các nghị định hướng dẫn thi hành. Theo đó, quy trình, thủ tục bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý khá phức tạp và kèm theo một số điều kiện tiêu chuẩn cần và đủ về bằng cấp, các chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo và đặc biệt phải được quy hoạch ở chức vụ tương đương (nếu là nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị). Điều này tạo ra các rào cản nhất định đối với những người có năng lực làm việc tại khu vực tư hay từ nước ngoài về khó có thể đáp ứng. Vì vậy, nếu được thực hiện việc ký hợp đồng để tuyển dụng được nhân lực chất lượng cao vào các vị trí này thì sẽ tạo ra bước đột phá mạnh mẽ trong chính sách thu hút và đãi ngộ nhân lực chất lượng cao, thay đổi được tư duy và phương pháp thu hút, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo đà cho sự đổi mới, sự sáng tạo và sự phát triển trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị Thành phố.

##### (ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Được có thêm các cơ hội thăng tiến và hưởng mức lương, chế độ đãi ngộ phù hợp với vị trí công việc.

##### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

Phải bố trí nguồn lực ngân sách đủ điều kiện thu hút nhân lực chất lượng cao ở các vị trí lãnh đạo, quản lý.

##### (ii) Nhân lực chất lượng cao:

Nếu nhân lực không đảm bảo được yêu cầu thì cũng sẽ gây ra sự lãng phí cho NSNN. Đòi hỏi phải có các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể phù hợp với vị trí cần thu hút.

#### **b) Tác động về xã hội:**

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

- Tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa khu vực công và khu vực tư. Cơ quan nhà nước phải cải thiện môi trường, cải thiện chính sách để có thể thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đảm bảo được tính liên thông trong tuyển dụng nhân lực giữa khu vực công

và khu vực tư, cân bằng được thị trường lao động chất lượng cao giữa hai khu vực.

- Thay đổi tư duy về thái độ và cách ứng xử đối với nhân tài. Không chỉ là thu hút và tuyển dụng mà còn là đãi ngộ và trọng dụng để tạo ra nhiều cơ hội thu hút được người giỏi từ nước ngoài, từ khu vực tư về làm việc cho Thủ đô, tăng cường các cơ hội kết nối và thu hút đầu tư.

- Khi nhận được chế độ đãi ngộ và nguồn thu nhập tốt, cơ hội thăng tiến và môi trường làm việc tốt, sẽ tạo ra nguồn động lực cả về vật chất và tinh thần cho nhân lực chất lượng cao, tạo không khí phấn khởi, phát huy sức sáng tạo, nâng cao sức lao động, hiệu quả công việc, đóng góp nhiều hơn các sản phẩm có chất lượng cho xã hội.

(ii) Nhân lực chất lượng cao:

- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm, vị trí thăng tiến cho những người giỏi, có năng lực, tăng các cơ hội để được lựa chọn, tiếp cận được các vị trí tốt, có thu nhập cao. Lương trả cho đối tượng này phải dựa trên hiệu quả công việc của họ và thường xuyên điều chỉnh, đảm bảo cạnh tranh với khu vực ngoài nhà nước. Việc bổ nhiệm chức danh, chức vụ, tạo điều kiện thăng tiến trong công việc cho họ phải dựa trên hiệu quả công việc của họ chứ không chỉ dựa trên thâm niên hay tuổi tác.

Tác động tiêu cực:

- Thay đổi tư duy và phương pháp tuyển chọn người tài vào các vị trí lãnh đạo, quản lý nhưng cũng dễ xảy ra việc lựa chọn chủ quan, tùy tiện nếu không có các tiêu chuẩn điều kiện cụ thể và kết quả đầu ra rõ ràng, không có các quy định để ràng buộc trách nhiệm của người ký hợp đồng tuyển dụng,

**c) Tác động về giới:** Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** như Giải pháp 2.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

(i) *Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Bên cạnh các nội dung đã được đánh giá tại Giải pháp 2, nếu thực hiện thêm nội dung này sẽ không phù hợp với Điều 51 Luật Cán bộ, công chức; khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội quy định “*chấm dứt sử dụng lao động hợp đồng để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ có tính chất thường xuyên trong cơ quan hành chính nhà nước*”; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về thẩm quyền của Chủ tịch UBND; Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP quy định về thẩm quyền bổ nhiệm lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và các quy định pháp luật

chuyên ngành về tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh. Như vậy, Giải pháp 3 không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

(ii) *Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Đối với cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức Thành phố:

Giải pháp 3 có thể tác động đến bộ máy nhà nước (do tuyển người có năng lực trong khu vực tư hoặc ở các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý các tổ chức, cơ quan, đơn vị của Thành phố) và đến cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại Thủ đô (do lo mất vị trí việc làm đang nắm giữ). Do vậy, Giải pháp 3 có thể làm ảnh hưởng đến khả năng thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước và một số cán bộ, công chức của Thủ đô trong thời gian đầu thực hiện Luật Thủ đô (sửa đổi).

Đối với người dân, doanh nghiệp:

Tương tự như Giải pháp 2.

(iii) *Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 là không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan mà mình là thành viên.

### **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)**

Kiến nghị lựa chọn Giải pháp 3. Thẩm quyền ban hành chính sách này thuộc về Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua việc Quốc hội thông qua dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

## **3. CHÍNH SÁCH 3: CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH CHO PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ**

### **3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Đảng ta xác định: “*Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn*”; “*tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng và với vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội*”; “*xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; phát triển mạnh các đô thị vệ tinh của một số đô thị lớn, nhất là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh*”; “*đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng giao thông*”<sup>19</sup>.

<sup>19</sup> Văn kiện Đại hội Đảng khóa XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t1, tr 250, 253, 254, 259.

Văn kiện Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ Thành phố xác định mục tiêu: *Đến năm 2025, xây dựng Đảng bộ Thành phố có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu; phát triển nhanh và bền vững Thủ đô theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh cao trong nước và khu vực; cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, GRDP/người đạt 8.300-8.500 USD; đến năm 2030, Hà Nội trở thành thành phố “xanh - thông minh - hiện đại”; phát triển năng động, hiệu quả, có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế; hoàn thành công nghiệp hóa Thủ đô; GRDP/người đạt 12.000-13.000 USD; đến năm 2045, Hà Nội có chất lượng cuộc sống cao; kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, bền vững; là Thành phố kết nối toàn cầu, có sức cạnh tranh quốc tế, GRDP/người đạt trên 36.000 USD.*

Về định hướng phát triển: Thành phố xác định ưu tiên hiện đại hóa, phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH, xây dựng một số công trình tiêu biểu, không gian kiến trúc cảnh quan đặc sắc, mang đặc trưng của Thủ đô. Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với khu vực ngoại thành, các đô thị vệ tinh, các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô. Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng CNTT, hạ tầng dữ liệu..., kết nối liên thông, đồng bộ và thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển KTXH của thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 222/QĐ-TTg); Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1259/QĐ-TTg); Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 1081/QĐ-TTg).

Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng khẳng định quan điểm *“tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, kết hợp với nguồn lực của cả nước và nguồn lực quốc tế, xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển”*. Nghị quyết số 15-NQ/TW cũng giao trách nhiệm thực hiện, cụ thể *“Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo sửa đổi Luật Thủ đô và một số luật có liên quan theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho Hà Nội, trong đó lưu ý đến việc chủ động nguồn thu, nhiệm vụ chi nhằm ưu tiên hơn nữa nguồn lực đầu tư cho phát triển, bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn Thủ đô Hà Nội”, và “Ban Cán sự đảng Chính phủ ban hành chương trình hành động thực*



*hiện Nghị quyết. Chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Thủ đô sửa đổi. Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp cho chính quyền thành phố Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế...”.*

Có thể khẳng định, Thủ đô Hà Nội không đơn thuần chỉ là đơn vị hành chính cấp tỉnh như 62 tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Với vai trò là Thủ đô của cả nước, Hà Nội có nhiều trọng trách nặng nề mà những địa phương khác không có. Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải đáp ứng những yêu cầu riêng trong việc đảm bảo và phát huy vị trí, vai trò là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, KHCN, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước, yêu cầu về đảm bảo trật tự, kỷ cương, đảm bảo tuyệt đối an toàn về chính trị, an ninh, quốc phòng, đảm bảo công tác đối ngoại của Trung ương và Thành phố.

Tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương được quy định tại các nghị quyết của Quốc hội và áp dụng trong từng thời kỳ ổn định ngân sách địa phương. Trong những giai đoạn vừa qua, việc giảm tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thủ đô Hà Nội sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách làm giảm nguồn lực cho đầu tư phát triển và phát triển KTXH của Thành phố (giai đoạn 2011-2016 là 42%, giai đoạn 2017-2020 giảm còn 35%). Trong giai đoạn 2016-2020, với tỷ lệ điều tiết 35% thì nguồn lực ngân sách mới đáp ứng được 30-40% nhu cầu chi đầu tư phát triển của Thành phố.

Dự kiến kế hoạch 2021-2025, tổng nhu cầu chi của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 cho đầu tư công khoảng 650 nghìn tỷ đồng trong khi khả năng cân đối ngân sách Thủ đô Hà Nội mới chỉ đáp ứng được khoảng 30-35% nhu cầu. Thủ đô hiện cần đầu tư nhiều dự án công trình giao thông trọng điểm, các cơ sở kết cấu hạ tầng quan trọng, đồng thời hiện đang triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường sắt đô thị. Đây là các dự án quan trọng cụ thể hóa quy hoạch chung xây dựng thủ đô, quy hoạch giao thông Thủ đô Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thúc đẩy phát triển KTXH và tăng cường liên kết vùng, kết nối vùng, góp phần phát triển KTXH và đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô và các tỉnh, thành phố trong khu vực.

### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Chính sách 3 hướng tới mục tiêu sau: *“Tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng tính chủ động và sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô. Đồng thời, thu hút đầu tư xã hội để hỗ trợ cho nguồn vốn từ NSNN; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai nhằm thực hiện các mục tiêu đầu tư phát triển Thủ đô Hà Nội xanh, thông minh, hiện đại (trọng tâm là phát triển kết cấu hạ tầng KTXH, các công*

*trình trọng điểm về phát triển đô thị, các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, BVMT, nông nghiệp, nông thôn và KH-CN của Thủ đô)".*

### **3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện trạng, bao gồm việc luật hóa các quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 (gồm 7 nội dung).

**Giải pháp 2:** Thủ đô được thực hiện các cơ chế nhằm tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô như:

(1) Được quyết định sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KTXH và các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết; số tăng thu còn lại thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước.

(2) Được quyết định sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước để đầu tư phát triển hạ tầng KTXH thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thủ đô và bổ sung vốn cho những doanh nghiệp công ích thuộc lĩnh vực thiết yếu mà Thành phố cần đầu tư vốn.

(3) Kế thừa, bổ sung, luật hóa các quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 (gồm 7 nội dung):

(3.1) Được quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội như sau: Phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%...

(3.2) Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng KTXH thuộc nhiệm vụ đầu tư công của thành phố Hà Nội.

(3.3) Sau khi ngân sách thành phố Hà Nội bảo đảm đủ nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định, Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KTXH thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội.

(3.4) Được quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản công và xây dựng mới các hạng mục công trình phụ trợ thiết yếu trong cơ sở đã có của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội do thành phố Hà Nội quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(3.5) Được quyết định sử dụng ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ các địa phương khác trong nước trong các trường hợp cần thiết; cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và của các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đầu tư các công trình trọng điểm.

(3.6) Được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng. Tổng các khoản tạm ứng này tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 năm trước.

(3.7) Mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hà Nội không vượt quá 90% số thu ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng theo phân cấp. Thành phố được đàm phán, quyết định vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nước ngoài theo bảo lãnh của Chính phủ.

(4) Thủ đô được thực hiện các cơ chế nhằm thu hút đầu tư xã hội để hỗ trợ cho nguồn vốn từ NSNN; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai nhằm thực hiện các mục tiêu đầu tư phát triển Thủ đô Hà Nội xanh, thông minh, hiện đại như:

(4.1) Được thực hiện các hình thức PPP trong các lĩnh vực văn hóa và thể thao (có phạm vi rộng hơn Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP), được phép quyết định mức vốn Nhà nước ở mức tối đa là 70% trong các dự án PPP.

(4.2) Quyết định danh mục: lĩnh vực (phát triển hạ tầng - đô thị, BVMT, văn hóa, giáo dục, KH-CN, CNTT, y tế, an sinh xã hội), hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu cần khuyến khích đầu tư kinh doanh, biện pháp khuyến khích đầu tư, quyết định phương thức thực hiện (đặt hàng, giao nhiệm vụ...) và quy định nguyên tắc, nội dung xác định đơn giá, phương thức thanh toán ngoài các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của Thủ đô.

(4.3) Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công;

(4.4) Thành phố được thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông trên địa bàn Thành phố theo phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT).

(4.5) Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư đối với: (i) các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành khác (đối với dự án đầu tư phát triển đô thị, nhà ở, khu công nghiệp,...); (ii) các dự án đầu tư công (đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; dự án sử dụng ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giao Thành phố làm chủ đầu tư; các dự án đầu tư công bằng vốn ngân sách của Hà Nội tại địa bàn tỉnh khác hoặc dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ) phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thành phố được đàm phán, quyết định vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nước ngoài theo bảo lãnh của Chính phủ.

(4.6) Được thành lập doanh nghiệp đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước và quản lý, khai thác tài sản thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước thuộc Thành phố (do UBND Thành phố là đại diện chủ sở hữu) nhằm huy động, tập trung ngân sách và các nguồn lực đầu tư, tạo cơ chế chủ động, linh hoạt để triển khai xây dựng, quản lý và khai thác các dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu của Thủ đô.

(5) Thành phố được bố trí kinh phí từ ngân sách hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho các cơ sở sản xuất, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, bệnh viện trong nội thành; hỗ trợ di chuyển trụ sở các cơ quan Trung ương. Nhà, đất sau khi di dời được giao cho Hà Nội sử dụng theo quy hoạch.

### ***3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

*3.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, bao gồm việc luật hóa các quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 (gồm 7 nội dung)*

#### **a) Tác động về kinh tế:**

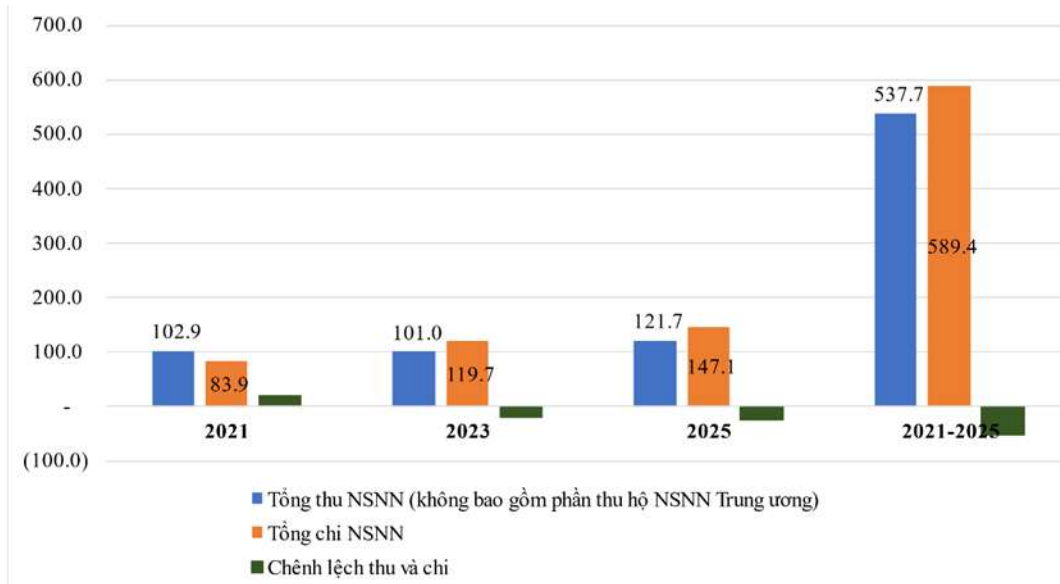
Năm 2021, tổng thu NSNN của Thủ đô là 267,2 nghìn tỷ đồng, trong đó 164,3 nghìn tỷ là phần thu hộ NSNN Trung ương. Phần thu NSNN được giữ lại là 102,9 nghìn tỷ. Vào năm 2025, hai con số này dự toán sẽ đạt mức 334,7 nghìn tỷ và 121,6 nghìn tỷ vào năm 2025. Tính chung cả giai đoạn 2021-2025, tổng thu NSNN của Thủ đô dự toán sẽ là 1.490 nghìn tỷ, trong đó phần Thủ đô được giữ lại là 537,7 nghìn tỷ.

Trong khi đó, nhu cầu chi NSNN của Thủ đô dự kiến sẽ tăng mạnh trong những năm tới. Tổng chi NSNN đạt mức 83,9 nghìn tỷ vào năm 2021 và tăng đều qua các năm đạt mức 147 nghìn tỷ vào năm 2025. Tổng dự toán chi NSNN của Thủ đô giai đoạn 2021-2025 là 589,4 nghìn tỷ đồng.

Như vậy, với các quy định về thu NSNN như hiện tại, bắt đầu từ năm 2022 dự báo nguồn thu mà Thủ đô được giữ lại theo Luật Ngân sách Nhà nước sẽ bắt đầu không đủ để đảm bảo nhu cầu chi NSNN (bao gồm cả chi thường xuyên và chi cho đầu tư phát triển). Mức thiếu hụt được dự báo là khoảng 7,9 nghìn tỷ vào năm

2022, 18,7 nghìn tỷ vào năm 2023 và tăng lên mức 25,4 nghìn tỷ vào năm 2025. Tổng mức thiếu hụt giữa khoản thu NSNN mà Thành phố được giữ lại và nhu cầu chi NSNN cho cả giai đoạn 2021-2025 là 51,7 nghìn tỷ đồng, tương đương với khoảng 10% tổng thu NSNN mà Thủ đô được giữ lại trong cả giai đoạn.

**Hình 3: Thu chi NSNN, chênh lệch thu chi NSNN của Thủ đô và Dự toán 2021-2025**



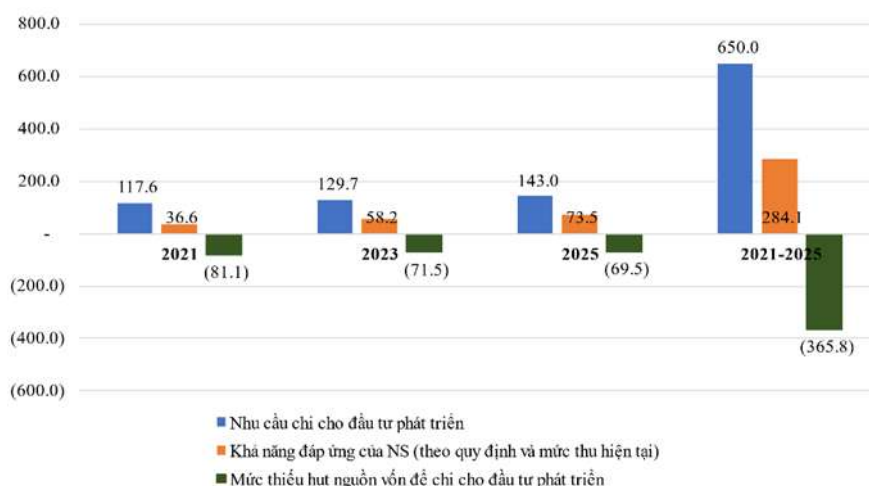
Nguồn: *Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia*

Thiếu hụt về ngân sách sẽ ảnh hưởng tới các khoản chi thường xuyên và chi cho phát triển nhằm hỗ trợ trợ phát triển kinh tế, các mục tiêu xã hội, các chương trình y tế, giáo dục, phát triển KHCN, CNTT, môi trường sinh thái.

Tình hình thiếu nguồn lực, đặc biệt là từ vốn NSNN còn trầm trọng hơn nếu nhìn từ nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu nhằm đạt được các mục tiêu KTXH - môi trường đề ra trong các chính sách, văn bản chiến lược của Thủ đô. Trong năm 2021, nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô là 117,6 nghìn tỷ đồng, song khả năng đáp ứng chỉ đạt 36,6 nghìn tỷ đồng và mức thiếu hụt lên tới 81,1 nghìn tỷ.

**Hình 4: Mức thiếu hụt nguồn vốn chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô giai đoạn 2021-2025**

*Đơn vị: nghìn tỷ đồng*



Nguồn: *Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia*

Như vậy, mức thiếu hụt về nguồn vốn chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô luôn ở mức cao, dự báo khoảng 59% vào năm 2022 và 49% vào năm 2025. Tính chung cả giai đoạn 2021-2025, tổng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển là 650 nghìn tỷ, song khả năng đáp ứng của NSNN của Thủ đô chỉ là 284,1 nghìn tỷ, với mức thiếu hụt là 365,8 nghìn tỷ hay 56% tổng nhu cầu chi.

Như vậy, với giải pháp giữ nguyên như hiện tại, rõ ràng khả năng đáp ứng về ngân sách của Thủ đô sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo dự toán chi và nhu cầu chi trong giai đoạn tới, đặc biệt là nhu cầu chi cho đầu tư phát triển.

#### **b) Tác động về xã hội:**

Với các quy định và mức thu như hiện hành, khả năng đáp ứng từ nguồn thu NSNN đối với phần được giữ lại của Thành phố đối với tổng dự toán chi trong giai đoạn tới là khó khăn. Điều này sẽ ảnh hưởng tới các hoạt động chi thường xuyên, chi cho đầu tư phát triển, các chương trình an sinh xã hội, văn hóa xã hội, môi trường.

Mức thiếu hụt tới hơn nửa nhu cầu chi ngày đồng nghĩa với việc sẽ có khoảng hơn nửa khối lượng công việc của các dự án đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở kinh tế hạ tầng thiết yếu, các dự án trọng điểm dự kiến cho giai đoạn 2021-2025 sẽ không thể triển khai theo đúng tiến độ nếu như không có các chính sách và cải cách thể chế cấp bách nhằm tháo gỡ các khó khăn cho việc thiếu hụt nguồn vốn này. Đặc biệt, hạn chế và khó khăn này sẽ tiếp tục được lặp lại trong giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn kế hoạch tiếp theo.

Điều này cũng đồng nghĩa với việc nếu không có các biện pháp nhằm thay đổi khả năng đáp ứng của ngân sách và vẫn giữ nguyên các khả năng đáp ứng của ngân sách theo các quy định và mức thu như hiện tại, rất khó sẽ có thể đạt được các mục tiêu đề ra trong các văn bản nêu trên như Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Văn kiện Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ Thành phố, Quyết định số 222/QĐ-TTg, Quyết định số 1259/QĐ-TTg, Quyết định số 1081/QĐ-TTg.

**c) Tác động về giới:** Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

#### **e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Việc tiếp tục thực hiện các chính sách, cơ chế đặc thù phát triển Thủ đô trong Nghị quyết số 115/2020/QH14 hiện hành theo Giải pháp 1 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng không thống nhất với quy định của

của một số luật như Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Do vậy, Giải pháp 1 có ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các chính sách hiện tại, do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Giải pháp 1 tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, tại Điều 11 yêu cầu các quốc gia thành viên: thừa nhận quyền của mọi người được có một mức sống thích đáng cho bản thân và gia đình mình, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, nhà ở, và được không ngừng cải thiện điều kiện sống. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp thích hợp để bảo đảm việc thực hiện quyền này ...”.

Vì không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, nên Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

### **Nhận xét chung về Giải pháp 1:**

Các phân tích và tác động ở trên cho thấy việc giữ nguyên các quy định như hiện tại thì NSNN của Thủ đô không đáp ứng các nhiệm vụ chi thường xuyên và chi cho đầu tư phát triển trong giai đoạn 2021-2025 và cho các giai đoạn tiếp theo đó. Do vậy, cấp thiết cần có các quy định mới, đồng thời tiến hành một số cải cách thể chế cần thiết nhằm nâng cao năng lực, tính tập trung, tính chủ động NSNN của Thành phố, sử dụng vốn NSNN làm đòn bẩy nhằm huy động nguồn lực của khu vực tư nhân và xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu chi phát triển của Thủ đô. Đây là một trong những điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công các mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường đã đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Văn kiện Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ Thành phố, Quyết định số 222/QĐ-TTg và Nghị quyết số 15-NQ/TW.

*3.4.2. Giải pháp 2: Thủ đô được thực hiện các cơ chế nhằm tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô*

Các biện pháp quan trọng trong Giải pháp này bao gồm (1) Được quyết định sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KTXH và các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết; số tăng thu còn lại thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước; (2) Được quyết định sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước để đầu tư phát triển hạ

tầng KTXH thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thủ đô và bổ sung vốn cho những doanh nghiệp công ích thuộc lĩnh vực thiết yếu mà Thành phố cần đầu tư vốn; (3) Thành phố được thực hiện các cơ chế nhằm thu hút đầu tư xã hội để hỗ trợ cho nguồn vốn từ NSNN; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai nhằm thực hiện các mục tiêu đầu tư phát triển Thủ đô Hà Nội xanh, thông minh, hiện đại; (4) Thành phố được bố trí kinh phí từ ngân sách hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho các cơ sở sản xuất, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, bệnh viện trong nội thành; hỗ trợ di chuyển trụ sở các cơ quan Trung ương. Nhà, đất sau khi di dời được giao cho Hà Nội sử dụng theo quy hoạch.

#### **a) Tác động về kinh tế:**

*Giải pháp này giúp nâng cao năng lực và tính chủ động về NSNN của Thành phố nhằm thực hiện các nhiệm vụ chi cho đầu tư phát triển.* Khi cho phép áp dụng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của Thủ đô Hà Nội, Ngân sách Thành phố Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, sẽ có những cải thiện đáng kể đối với năng lực NSNN của Thành phố.

*Năng lực đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng của Thủ đô, nâng cao tính chủ động và tính tập trung của NSNN của Thành phố khi phân bổ, sử dụng và giải ngân các nguồn lực về NSNN cho các mục đích chi đầu tư phát triển.* Năng lực, tính chủ động và tính tập trung nguồn vốn ngân sách cho các hoạt động đầu tư phát triển của Thủ đô sẽ được cải thiện mạnh mẽ thông qua các biện pháp cụ thể như quyết định sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KTXH và các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết. Được quyết định sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước để đầu tư phát triển hạ tầng KTXH thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thủ đô. Thủ đô được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KTXH, được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Dự báo các biện pháp này sẽ góp phần nâng cao năng lực và khả năng đáp ứng của NSNN của Thành phố đối với các nhu cầu chi cho đầu tư phát triển như sau:

**Bảng 3: Dự báo về NSNN có thể tăng thêm hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô (nghìn tỷ đồng)**

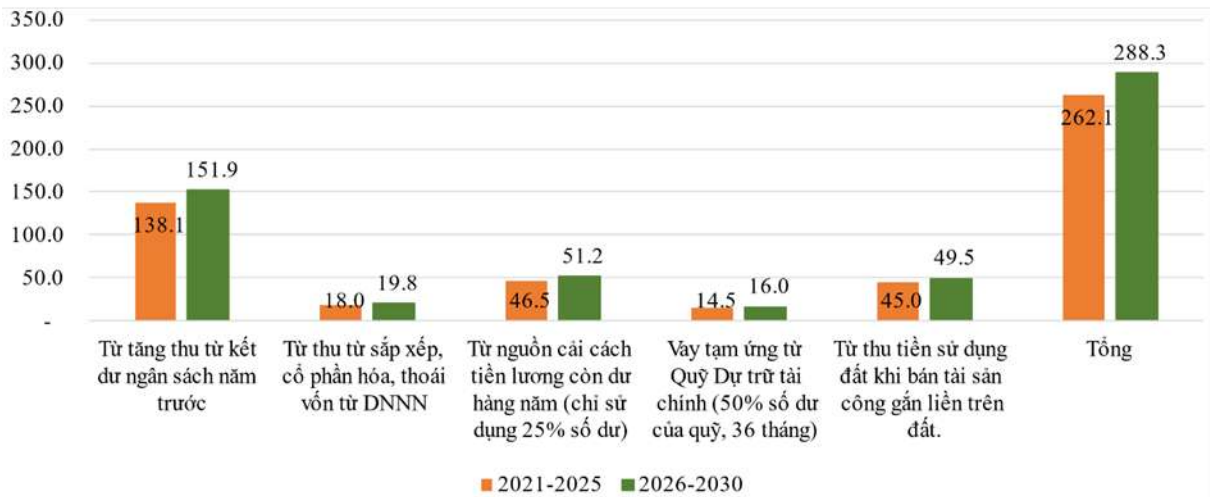


Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025	2021-2025
Từ tăng thu từ kết dư ngân sách năm trước	31.62	15.36	28.89	30.33	31.85	138.06
Từ thu từ sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn từ DNNN	2.00	7.92	2.69	2.69	2.69	18.00
Từ nguồn cải cách tiền lương còn dư hàng năm (chỉ sử dụng 25% số)	11.41	6.48	8.34	9.57	10.75	46.55
Vay tạm ứng từ Quỹ Dự trữ tài chính (50% số dư của quỹ, 36 tháng)	2.88	2.91	2.91	2.91	2.91	14.53
Tăng từ thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất.	-	-	12.50	15.00	17.50	45.00
<b>Tổng</b>	<b>47.91</b>	<b>32.67</b>	<b>55.33</b>	<b>60.50</b>	<b>65.71</b>	<b>262.13</b>

Nguồn: *Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia*

Như vậy, nếu như các giải pháp như đề cập trong Chính sách này được thực hiện, Thủ đô Hà Nội có thể nâng cao năng lực ngân sách của mình, đồng thời chủ động phân bổ các nguồn vốn ngân sách nhằm tập trung triển khai các dự án đầu tư công, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu. Các biện pháp này có thể giúp Thủ đô có thể chủ động phân bổ thêm khoảng 262.1 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025, và khoảng 288,3 nghìn tỷ trong giai đoạn 2026-2030, bổ sung thêm nguồn lực quan trọng cho các dự án xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng xã hội, đặc biệt là các dự án trọng điểm của Thủ đô.

**Hình 5: Dự báo về NSNN có thể tăng thêm hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô giai đoạn 2021-2030 (nghìn tỷ đồng)**



Nguồn: *Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia*

Điểm đáng chú ý là các biện pháp có tính khả thi cao do phần lớn các nguồn vốn này nằm trong khả năng thu, và phạm vi ngân sách đang được quản lý của Thủ đô. Việc tăng các nguồn vốn này chủ yếu là nhờ tạo cơ chế cho Thủ đô và không ảnh hưởng tới Ngân sách Trung ương và NSNN của các tỉnh, thành phố khác. Vấn đề có tính chất quyết định là Thủ đô sẽ được trao quyền chủ động quyết định và có được một cơ chế rõ ràng về việc sử dụng, phân bổ và giải ngân

các nguồn vốn này cho các mục đích chi đầu tư phát triển, tập trung cho các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng KTXH. Thông qua các quy định về biện pháp này trong Luật Thủ đô, nó sẽ tháo gỡ một nút thắt quan trọng về sự thiếu hụt nguồn vốn để chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô trong giai đoạn 2021-2030 và các giai đoạn tiếp theo trong tương lai. Từ đó, tác động lớn nhất của giải pháp chính sách này là góp phần giải được bài toán về vốn đối với các công trình đầu tư công, đầu tư xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng của Thủ đô.

**Bảng 4: Khả năng đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển hàng năm bằng nguồn vốn NSNN của Thủ đô với các biện pháp của hai giải pháp (nghìn tỷ đồng)**

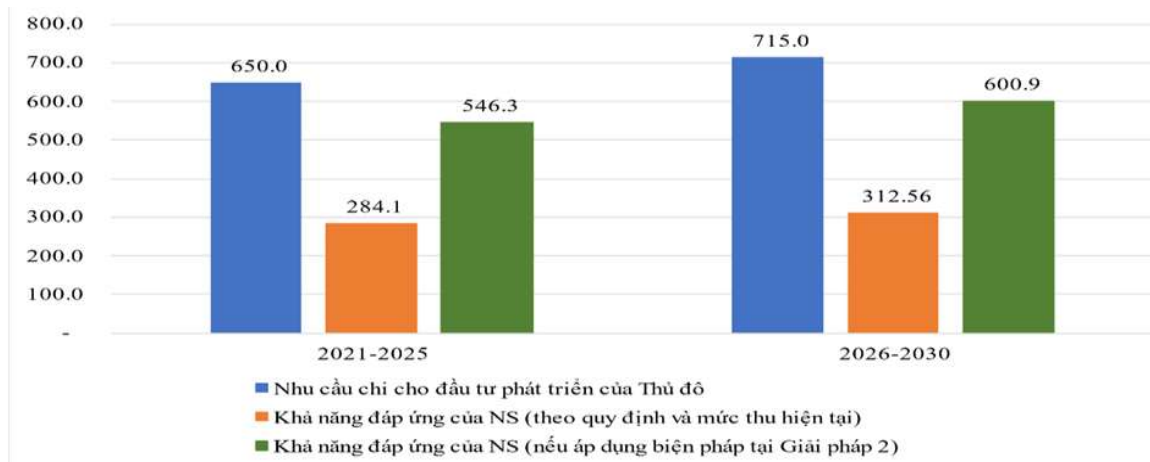
<b>Nội dung</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>	<b>2021-2025</b>
Nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô	117.6	123.5	129.7	136.2	143.0	650.0
Khả năng đáp ứng của NS (theo quy định và mức thu hiện tại)	36.6	51.1	58.2	64.8	73.5	284.1
Khả năng đáp ứng của NS (nếu áp dụng biện pháp tại phương án 2)	84.5	83.7	113.5	125.3	139.2	546.3

Nguồn: *Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia*

Nếu áp dụng giải pháp 2, năng lực ngân sách của Thành phố cho mục đích chi cho đầu tư phát triển sẽ được cải thiện đáng kể. Trong giai đoạn 2021-2025, dự báo tổng ngân sách của Thành phố cho mục đích chi cho đầu tư phát triển sẽ là 650 nghìn tỷ. Con số này sẽ tăng lên 704,8 nghìn tỷ cho giai đoạn 2026-2030. Nếu áp dụng các biện pháp như đề xuất tại giải pháp 2, năng lực ngân sách của Thủ đô sẽ cải thiện đáng kể. Các biện pháp này sẽ giúp giảm bớt mức thiếu hụt ngân sách hay chênh lệch giữa nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô. Năng lực cân đối ngân sách của Thành phố được thu hẹp đáng kể từ mức 56% ở mức như hiện tại xuống còn 16%. Mức độ thiếu hụt được thu hẹp này có thể được bù đắp bằng các biện pháp khắc tăng cường năng lực ngân sách của Thành phố như cải thiện công tác thu thuế, mức tăng thu NSNN của thành phố nhờ quá trình tăng trưởng kinh tế của Thủ đô, vay nợ cho các công trình trọng điểm.

Như vậy, với các biện pháp tại Giải pháp 2, nguồn vốn từ Ngân sách của Thủ đô sẽ chuyển từ trạng thái thiếu hụt trầm trọng sang đảm bảo cơ bản đáp ứng được nhu cầu cho đầu tư phát triển của Thủ đô trong giai đoạn 2021-2030.

**Hình 6: Khả năng đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2030 bằng nguồn vốn NSNN của Thủ đô (nghìn tỷ đồng)**



Nguồn: *Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia*

Các biện pháp này cũng mang lại hiệu ứng tác động tương tự cho các giai đoạn kế hoạch tiếp theo. Điều này sẽ tạo điều kiện để Thủ đô đẩy mạnh hơn nữa thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng, mang lại các lợi ích kinh tế xã hội cho người dân, doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế trong trung và dài hạn.

Hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng tốt hơn không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp cho 8,5 triệu dân thủ đô, gần 17 ngàn doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn và hàng chục nghìn dự án đầu tư đang được triển khai tại Thành phố mà còn cho hàng triệu người dân, doanh nghiệp và các nhà đầu tư khác trong Vùng Thủ đô nhờ tính kết nối mạnh mẽ, hiệu quả hơn về kinh tế, xã hội giữa các địa phương nằm trong vùng Thủ đô. Điều này cũng góp phần hiện thực hóa cho quan điểm và tầm nhìn về Thủ đô Hà Nội “*phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển*” như đã nêu rõ trong Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Hệ thống cơ sở hạ tầng được cải thiện cũng sẽ tiếp tục đóng góp cho việc thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Thủ đô, hiện thực hóa yêu cầu “*Thủ đô phải đáp ứng những yêu cầu riêng trong việc đảm bảo và phát huy vị trí, vai trò là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước*”.

Bên cạnh đó, các khoản chi này khoản chi sẽ đóng góp trực tiếp cho việc cho tốc độ tăng trưởng GRDP của Thủ đô với khoảng 1.354 nghìn tỷ (tương đương khoảng 58,5 tỷ USD) sẽ được đầu tư và giải ngân trong giai đoạn 2021-2030 và dưới hình thức tiêu dùng của Chính phủ (đầu tư công) trong nền kinh tế của Thủ đô. Trong bối cảnh phục hồi và phát triển kinh tế bền vững hiện nay, đầu tư công và chi tiêu của Chính phủ vẫn đóng vai trò quan trọng và khoản chi tiêu sẽ đóng góp quan trọng cho quá trình phục hồi và tăng trưởng trong giai đoạn 2021-2030 của Thủ đô.

Để đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô, nhu cầu về nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thủ đô là rất lớn, dự báo khoảng

3.100 nghìn tỷ trong giai đoạn 2021-2025 và 3.410 nghìn tỷ trong giai đoạn 2026-2030. Để đáp ứng được nhu cầu vốn này, NSNN sẽ chỉ có thể đáp ứng được một phần dưới hình thức đầu tư công. Phần còn lại cần được huy động từ khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài.

**Bảng 5: Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thủ đô 2021-2030**

*Đơn vị: nghìn tỷ*

	<b>2021-2025</b>	<b>2026-2030</b>
Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	3,100	3,410
Chi đầu tư phát triển từ NSNN	650.0	715.0
Nhu cầu huy động từ khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài	2,450.0	2,695.0

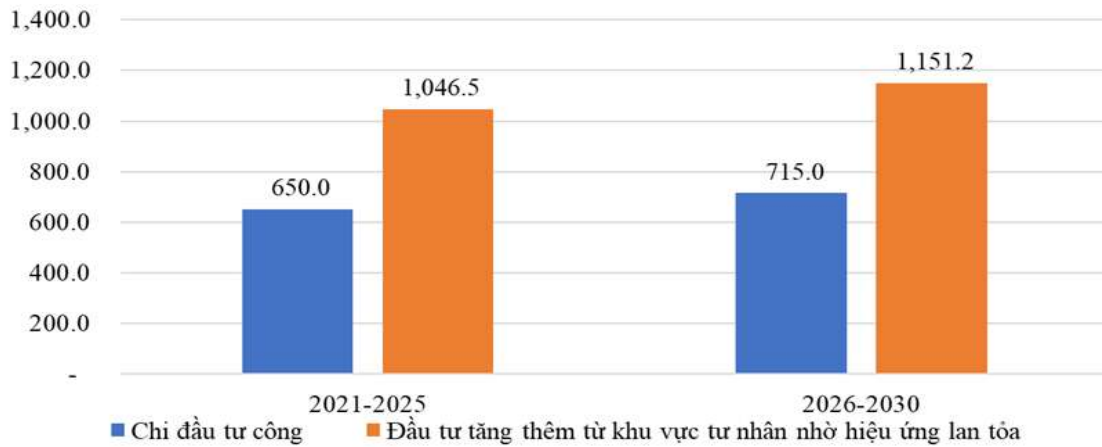
*Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.*

Tuy chỉ chiếm một tỷ trọng, nhưng chi đầu tư phát triển lại đóng vai trò quan trọng là vốn mồi và để hình thành kết cấu cơ sở hạ tầng, tạo dựng các không gian phát triển mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút tư nhân đầu tư ngày một mạnh mẽ hơn vào nền kinh tế Thủ đô, dưới tác động lan tỏa trực tiếp và gián tiếp từ nguồn vốn đầu tư công. Việc đảm bảo năng lực NSNN để đảm bảo nhu cầu chi cho đầu tư phát triển như dự báo ở trên đồng thời có ý nghĩa quyết định tới năng lực thu hút thêm nguồn lực từ khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài, nhằm đảm bảo đáp ứng được tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội trong giai đoạn 2021-2030 và các giai đoạn chiến lược tiếp theo.

Nền kinh tế Thủ đô cũng được hưởng lợi từ các tác động lan tỏa từ các khoản đầu tư công và các công trình kết cấu hạ tầng được hình thành từ các khoản chi tiêu được thực hiện đúng tiến độ nhờ các biện pháp đề ra trong Giải pháp chính sách này. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, *tăng 1 đồng vốn đầu tư công sẽ kéo theo 1,61 đồng vốn đầu tư ngoài nhà nước*. Đặc biệt hiệu ứng lan tỏa này sẽ được xúc tác mạnh mẽ nếu như các biện pháp nhằm thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác tư nhân (PPP) như được đề xuất trong chính sách này được chấp thuận. Hiệu ứng lan tỏa tương tự có thể được lặp lại cho giai đoạn 2026-2030.

**Hình 7: Dự báo đầu tư tư nhân tăng thêm nhờ hiệu ứng lan tỏa trực tiếp từ chi đầu tư phát triển của Thủ đô theo Giải pháp 2**

*Đơn vị: nghìn tỷ*



Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Như vậy, bằng các biện pháp và giải pháp chính trong Giải pháp 2, Thủ đô có thể đảm bảo năng lực chi cho đầu tư phát triển, thực hiện các dự án đầu tư công, xây dựng kết cấu hạ tầng với tổng giá trị khoảng 650 nghìn tỷ (khoảng 28,3 tỷ USD) trong giai đoạn 2021-2025 và 715 nghìn tỷ (khoảng 31 tỷ USD) trong giai đoạn 2026-2030. Khoản đầu tư công này sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa trực tiếp, kéo theo đầu tư tăng thêm từ khu vực tư nhân với tổng giá trị khoảng 1.046 nghìn tỷ (khoảng 45,5 tỷ USD) trong giai đoạn 2021-2025 và 1.151 nghìn tỷ (50 tỷ USD) trong giai đoạn 2026-2030. Bên cạnh đó, các nguồn vốn đầu tư khác nữa sẽ gia tăng đáng kể nhờ những tác động gián tiếp từ nguồn vốn đầu tư công này thông qua những cải thiện vượt bậc về hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, sự hình thành của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao (CNC), khu dịch vụ, trung tâm logistics.

**Bảng 6: Dự báo gia tăng về nguồn vốn tư nhân nhờ tác động lan tỏa từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo Giải pháp 2**

Đơn vị: nghìn tỷ

	2021-2025	2026-2030
Vốn đầu tư công cho các dự án cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội	650.0	715.0
Đầu tư tăng thêm từ khu vực tư nhân nhờ hiệu ứng lan tỏa trực tiếp	1,046.5	1,151.2
Đầu tư tăng thêm từ khu vực tư nhân nhờ hiệu ứng lan tỏa gián tiếp và các biện pháp khác	1,403.5	1,543.9
<b>Tổng</b>	<b>3,100.0</b>	<b>3,410.0</b>

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và tính toán của nhóm chuyên gia.

Đây sẽ là các nguồn lực vô cùng quan trọng để đạt được các mục tiêu KTXH đặt ra trong Chiến lược phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội, cụ thể như dưới đây.

**Mục tiêu về Kinh tế của Thủ đô**

Mục tiêu cụ thể về kinh tế trong Chiến lược phát triển KTXH Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân hàng năm 12,0-13% thời kỳ 2011-2020 và 9,5-10,0% thời kỳ 2021-2030. Tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân đầu người năm 2020 đạt khoảng 7.100-7.500 USD, năm 2030 đạt 16.000-17.000 USD (theo giá thực tế).

- Cơ cấu lao động đến năm 2030: dịch vụ 54-55%; công nghiệp - xây dựng 30-31%; nông nghiệp 14-16%; năm 2030 tương ứng là: 59-60%; 34-35% và 5-6%.

Mục tiêu cụ thể về kinh tế trong Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội:

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 khoảng 7,5%; trong đó: Dịch vụ khoảng 8,0%; Công nghiệp và xây dựng khoảng 8,5%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 2,5%.

- Cơ cấu kinh tế năm 2025: Dịch vụ 65,0-65,5%; Công nghiệp và xây dựng 22,5-23,0%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản 1,4-1,6%.

- GRDP bình quân/người khoảng 8.300 USD.

- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 3,1 triệu tỷ đồng.

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động từ 7,0 trở lên.

Để hiệu ứng lan tỏa, lôi kéo được nhiều nguồn vốn đầu tư tư nhân để góp phần phát triển kinh tế thủ đô, các hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư cũng cần được phát huy, đặc biệt trong quá trình triển khai các dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu của Thủ đô, như các cây cầu bắc qua sông Hồng, đường vành đai 4, vành đai 5, các dự án đường sắt đô thị và các công trình thể thao, văn hóa, y tế, giáo dục. Để phát huy hiệu quả hơn nữa, nguồn vốn NSNN sẽ được sử dụng làm vốn môi nhằm thu hút khu vực tư nhân tham gia là đối tác cùng Thủ đô xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội thiết yếu này. Các biện pháp như Thủ đô được thực hiện các hình thức PPP trong các lĩnh vực văn hóa và thể thao (có phạm vi rộng hơn Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP), được phép quyết định mức vốn Nhà nước ở mức tối đa là 70% trong các dự án PPP sẽ tăng tính hấp dẫn và thu hút nhiều hơn các nhà đầu tư tư nhân, tháo gỡ nhiều khó khăn đối với các dự án PPP mà Thủ đô sẽ triển khai.

Bên cạnh đó, việc áp dụng trở lại cơ chế hợp tác công tư theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao (BT) ở một số lĩnh vực, phù hợp với đặc điểm tình hình của Thành phố song hành cùng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, khắc phục được những hạn chế của quá trình thực hiện hình thức BT trước đây sẽ có tác động tích cực tới việc huy động nguồn vốn tư nhân cho quá trình hình thành cơ sở hạ tầng thiết yếu nói riêng và cho quá trình phát triển kinh tế xã hội nói chung của Thủ đô. Trên địa bàn Thành phố đã và đang triển khai thực hiện 17 dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT, trong đó có 09 dự án đã ký hợp đồng, đã hoàn thành (tổng vốn đầu tư 14.996 tỷ đồng) và 08 dự án đã ký hợp đồng, đang triển khai (tổng vốn đầu tư 23.476 tỷ đồng). Chỉ với 17 dự án này, nguồn vốn huy động được từ khu vực tư nhân đã lên tới 28.5 ngàn tỷ đồng (khoảng 1.2 tỷ USD), tương đương với 4% tổng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô trong giai đoạn 2021-2025. Con số này cho thấy cơ chế BT nếu được áp dụng

trở lại cùng với các biện pháp đảm bảo tính ưu việt của cơ chế này và khắc phục những nhược điểm của nó trong quá trình thực hiện vừa qua sẽ đóng góp đặc biệt quan trọng cho việc huy động nguồn lực cho quá trình phát triển của Thủ đô.

Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức PPP, trong đó cần mở rộng lĩnh vực mà có thể thực hiện được theo hình thức PPP, nâng cao phần vốn Nhà nước trong dự án PPP và áp dụng hình thức hợp đồng BT là phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, quan điểm chỉ đạo của Chính phủ, ví dụ như Nghị quyết số 13-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã đề ra quan điểm: *“Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư... vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội... bảo đảm lợi ích hài hoà giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư”*; Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: *“Khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông”*; Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *“đẩy mạnh triển khai các dự án theo hình thức đối tác công - tư”* (Kết luận số 11-KL/TW ngày 13/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương).

Biện pháp cho phép thành phố Hà Nội vay vốn ODA trực tiếp từ các nhà tài trợ (ký các hiệp định vay vốn ODA) trên cơ sở bảo lãnh của Chính phủ sẽ có tác động tích cực tới việc nâng cao tính chủ động của Thủ đô trong việc huy động nguồn lực cho mục đích phát triển kinh tế xã hội. Hiện nay, Thành phố Hà Nội phải vay lại 100% vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018. Trong kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố đã được giao: có 13 dự án sử dụng vốn ODA, trong đó:

+ Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang: Có 11 dự án (03 dự án trọng điểm, 01 dự án nhóm A, 05 dự án nhóm B và 02 dự án nhóm C) với Tổng mức đầu tư là 81.240 tỷ đồng, kế hoạch trung hạn 2021 – 2025 đã được phê duyệt là 56.436 tỷ đồng (trong đó: vốn ODA cấp phát 23.866 tỷ đồng; vốn ODA vay lại 24.682 tỷ đồng; vốn đối ứng ngân sách Thành phố 7.888 tỷ đồng).

+ Dự án mới: có 02 dự án (01 dự án nhóm A, 01 dự án nhóm B) với Tổng mức đầu tư là 40.626 tỷ đồng, kế hoạch trung hạn 2021 – 2025 đã được phê duyệt là 10.049 tỷ đồng (trong đó: vốn ODA vay lại 10.000 tỷ đồng; vốn đối ứng ngân sách Thành phố 49 tỷ đồng).

Tỷ lệ giải ngân trong 02 năm 2021-2022 so với kế hoạch kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025: Năm 2021 và 2022, các Dự án đã giải ngân 6.175/66.484 tỷ đồng đạt 9,29% kế hoạch (trong đó: vốn ODA cấp phát 3.128/23.865 tỷ đồng đạt 13,11% kế hoạch, vốn ODA vay lại 2.261/34.681 tỷ

đồng đạt 6,52% kế hoạch, vốn trong nước đối ứng 785/7.937 tỷ đồng đạt 9,89% kế hoạch).

Nhìn chung, các dự án sử dụng vốn ODA đều gặp khó khăn, vướng mắc. Các dự án được thực hiện trên địa bàn Thủ đô song lại do các bộ, ngành quản lý. Nhiều dự án hiện bị chậm tiến độ bởi các lý do như (i) Các dự án trọng điểm có khối lượng GPMB lớn, trải dài trên nhiều địa bàn dân cư phức tạp, nên quá trình điều tra, lập phương án mất nhiều thời gian, trong khi các chế độ chính sách, quy trình thực hiện công tác GPMB của Nhà nước trong thời gian qua có nhiều thay đổi làm gián đoạn và kéo dài thời gian bàn giao mặt bằng so với dự kiến; (ii) Năng lực của một số Ban quản lý dự án còn hạn chế, việc tổ chức thực hiện dự án còn thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu tính chủ động trong việc phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai dự án làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án cũng như đề xuất kịp thời biện pháp giải quyết; (iii) Các dự án tuyến đường sắt đô thị có quy mô lớn, lần đầu tiên triển khai thực hiện ở Việt Nam nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng nên trong quá trình triển khai còn gặp nhiều khó khăn, trong khi đó các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về đường sắt đô thị, các hướng dẫn liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ các chủ sở hữu công trình trên mặt đất khi có công trình ngầm xây dựng đi qua đều chưa được các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, ban hành kịp thời; (iv) Trong quá trình triển khai thực hiện đấu thầu các dự án sử dụng vốn vay ODA thường có phát sinh các tình huống đấu thầu, phải tiến hành xử lý tình huống theo các quy định của Việt Nam và nhà tài trợ, tuy nhiên các quy định của các bên không phù hợp với nhau dẫn đến việc xử lý tình huống đấu thầu bị kéo dài, phải trao đổi làm việc nhiều lần giữa các cơ quan quản lý của Việt Nam và nhà tài trợ dẫn đến chậm tiến độ thực hiện dự án; (v) Các dự án đường sắt đô thị của thành phố Hà Nội đều là các dự án quan trọng quốc gia, nên khi có điều chỉnh thay đổi hoặc phải trình bổ sung vốn vay ODA, điều chỉnh các Hiệp định vay đều phải trình Chính phủ và các bộ, ngành trung ương xem xét nên thủ tục thực hiện bổ sung, điều chỉnh bị kéo dài.

Về thực chất, thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ các khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi từ ngân sách Thành phố. Việc thành phố Hà Nội vay trực tiếp vốn ODA từ các nhà tài trợ (ký các hiệp định vay vốn) trên cơ sở bảo lãnh của Chính phủ sẽ giúp tiết kiệm thời gian ký kết và điều chỉnh hiệp định vay với các nhà tài trợ, sẽ giúp cho việc giải ngân thanh toán cho các dự án sẽ linh hoạt, kịp thời phù hợp với thực tế triển khai của các dự án.

Theo quy định của Luật Quản lý nợ công: (i) Nhà nước quản lý thống nhất về nợ công, bảo đảm việc thực thi trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý nợ công; (ii) Quốc hội quyết định, điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ nợ công 05 năm và tổng mức vay và trả nợ của ngân sách nhà nước hàng năm; (iii) Chính phủ quyết định hạn mức vay về cho vay lại và hạn mức bảo lãnh Chính phủ hàng năm; (iv) Thủ tướng Chính phủ quyết định và chỉ đạo việc đàm phán, ký kết, phê duyệt và điều chỉnh thỏa thuận vay nước ngoài nhân danh Chính phủ; quyết định cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đối với từng chương trình, dự án.



Như vậy, việc vay vốn ODA từ nhà tài trợ nước ngoài phải phụ thuộc vào cân đối chung của quốc gia về hạn mức vay (kế hoạch vay 05 năm), thẩm quyền thuộc các cơ quan cấp trung ương. Việc cho phép thành phố Hà Nội vay trực tiếp vốn ODA từ các nhà tài trợ nước ngoài sẽ tăng tính chủ động của Thành phố, cắt giảm thủ tục khi đàm phán và ký kết nợ vay song vẫn đảm bảo được yêu cầu Nhà nước quản lý thống nhất về nợ công do việc tìm kiếm, đàm phán, ký kết, triển khai dự án từ nguồn vốn ODA vẫn dựa trên cơ sở bảo lãnh của Chính phủ.

Một trong các hạn chế về vấn đề nguồn lực cho phát triển của Thủ đô là thiếu một tổ chức hiệu quả để huy động, tập trung và giải ngân vốn và nguồn lực của Thủ đô, nhằm phục vụ cho các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục trọng điểm của Thủ đô. Nguồn lực của Thành phố hiện nay cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội trọng điểm vốn đã hạn chế, lại bị phân tán cho nhiều dự án. Cơ chế giải ngân nguồn vốn cho các dự án đầu tư phát triển hạ tầng và các công trình trọng điểm hiện nay chủ yếu thông qua các hình thức là ban quản lý dự án và mô hình này cũng có nhiều hạn chế trong công tác quản lý, giải ngân, thực hiện dự án.

*“Thành phố được thành lập doanh nghiệp đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước và quản lý, khai thác tài sản thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước thuộc Thành phố (UBND Thành phố Hà Nội là đại diện chủ sở hữu) tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020 và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp Luật số 69/2014/QH13.”*

Để tạo ra sự đột phá với tầm nhìn dài hạn, việc cho phép thành lập doanh nghiệp đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước và quản lý, khai thác tài sản thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước thuộc Thành phố (UBND Thành phố Hà Nội là đại diện chủ sở hữu) sẽ giúp giải quyết khó khăn, bất cập về tập trung nguồn vốn (dự kiến sẽ được huy động ở mức đáng kể với các biện pháp trên), khả năng huy động nguồn lực đầu tư qua hình thức hợp tác kinh doanh, đầu tư PPP, sử dụng hiệu quả vốn nhà nước, tăng tính chủ động, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản trị, kinh doanh trong đầu tư các dự án lớn của Thành phố. Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô sẽ hình thành một cơ chế để giải ngân hiệu quả các nguồn vốn cho các dự án cơ sở hạ tầng, khắc phục được một hạn chế rất lớn của Thủ đô hiện nay là thiếu một cơ chế hiệu quả để giải ngân các dự án cơ sở hạ tầng, làm đối tác với các nhà đầu tư tư nhân, các tổ chức hoặc công ty nước ngoài, quản lý và khai thác hiệu quả các tài sản cơ sở hạ tầng của Thủ đô<sup>20</sup>.

---

<sup>20</sup> Các doanh nghiệp tư nhân trong nước và nước ngoài rất quan tâm tới các dự án cơ sở hạ tầng của Thủ đô và mong muốn có một cơ chế thuận lợi để triển khai các dự án này theo các hình thức đối tác công tư. Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô là một giải pháp hiệu quả để Thủ đô triển khai các dự án cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn NSNN và thông qua hình thức đối tác công tư. Mới đây, Infrastructure Asia, một tổ chức thuộc Chính phủ Singapore được thành lập bởi Enterprise Singapore (Cơ quan Phát triển Doanh

Hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, Công ty sẽ khắc phục được những hạn chế của mô hình ban quản lý dự án hay hệ thống quỹ của Thành phố, đặc biệt là về phạm vi, phương thức hoạt động và cơ chế vận hành, tính chủ động, cơ chế tuyển dụng và thu hút nhân lực có chất lượng cao, tính chủ động trong hoạt động, cũng như những hạn chế khiến huy động thêm nguồn vốn và cơ chế giải ngân nguồn vốn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả. Ví dụ, từ năm 2016 đến nay, ngoài nhiệm vụ chính quản lý, triển khai các hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội được giao quản lý nguồn vốn và hoạt động của Quỹ Phát triển đất, Quỹ BVMT, Quỹ Phát triển KHCN và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng. Đối với Quỹ Đầu tư Phát triển, giai đoạn 2016-2020 đã giải quyết cho vay 1.577,7 tỷ đồng, chủ yếu dưới hình thức cho vay. Con số này thực sự khiêm tốn khi so với nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của Thủ đô. Hơn nữa, hình thức hoạt động chính là cho vay cũng không đáp ứng được các hình thức và yêu cầu đa dạng để giải ngân hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển hiện nay. Thực tế cho thấy các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là do các quỹ hiện đang hoạt động kém hiệu quả, hệ thống pháp luật và việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN quy định về nguồn tài chính hình thành, mô hình tổ chức, hoạt động của các quỹ còn phức tạp, thiếu thống nhất và chưa có một văn bản pháp luật mang tính khuôn khổ pháp lý chung để quản lý các quỹ một cách thống nhất.

Công ty này cũng thực hiện các chức năng nhiệm vụ mà hiện nay các DNNN của Thủ đô chưa thực hiện hoặc chưa được phép thực hiện như được nhận vốn ủy thác từ NSNN để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng, được tham gia góp vốn hình thành các doanh nghiệp PPP với các đối tác tư nhân trong nước và nước ngoài, được giao quản lý và khai thác hiệu quả các tài sản của Nhà nước đặc biệt là các tài sản kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hóa, thể thao.

Với hình thức công ty, công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô có thể linh hoạt, chủ động thực hiện các hình thức huy động vốn khác nhau cho các dự án cơ sở hạ tầng của Thủ đô như tín dụng ngân hàng, phát hành trái phiếu trên thị trường trong nước và quốc tế (có thể có sự bảo lãnh của chính quyền thành phố Hà Nội khi cần thiết), tham gia các hợp đồng đối tác với các đối tác là các nhà đầu tư và doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.

Đồng thời, công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô cũng cho phép linh hoạt hơn trong các hoạt động triển khai hoặc hợp tác triển khai đầu tư các dự án giao thông, dự án đầu tư phát triển khu đô thị

---

ngành Singapore) và Cơ quan Tiền tệ Singapore (Ngân hàng Trung ương Singapore) cũng đã bày tỏ quan tâm tới quá trình hỗ trợ các dự án ở cơ sở hạ tầng tại Việt Nam nói chung và tại Hà Nội nói riêng. Bên cạnh đó, còn có nhiều các doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức quốc tế khác. Việc thành lập Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước Thủ đô sẽ hình thành một đối tác mạnh, hiệu quả, có tính chủ động cao nhằm tập trung nguồn lực để tham gia và triển khai các dự án cơ sở hạ tầng với các đối tác này trong tương lai.

mới, thành phố mới theo định hướng giao thông (Transit-oriented development - TOD), quản lý việc khai thác công trình cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, quỹ đất theo các quy định của pháp luật phù hợp với định hướng của chính sách về đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông gắn với phát triển đô thị. Mô hình công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kinh doanh vốn Nhà nước cũng phù hợp với thông lệ quốc tế, mô hình quản trị tốt áp dụng với DNNN theo các tiêu chuẩn của OECD sẽ tạo ra sự đột phá về cách thức huy động, sử dụng nguồn lực đầu tư, cũng như có tiềm năng phát triển và có tầm nhìn dài hạn hơn.

### **b) Tác động về xã hội:**

Đảm bảo nguồn lực ngân sách cho chi thường xuyên và cho đầu tư phát triển sẽ đóng góp trực tiếp cho các mục tiêu về văn hóa - xã hội của Thủ đô. Tăng trưởng kinh tế được đảm bảo vững chắc nhờ các khoản đầu tư công và nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân, từ xã hội nhờ các hiệu ứng kích thích và lan tỏa từ đầu tư công cũng tạo nền tảng vững chắc để mang lại lợi ích về xã hội cho 8,5 triệu người dân Thủ đô Hà Nội, đặc biệt thể hiện qua các cải thiện về các chỉ số như tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia, số giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ, tỷ lệ thất nghiệp thành thị, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thủ đô.

#### **Mục tiêu về văn hóa - xã hội của Thủ đô**

Mục tiêu cụ thể về văn hóa - xã hội trong Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội:

- Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa: 75%; Thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hóa: 65%; Gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa: 86-88%.
- Tỷ lệ trường công lập (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia: 80-85%.
- Số giường bệnh/vạn dân: 30-35; Số bác sỹ/vạn dân: 15; Duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75-80%; Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ: 55-60%.
- Tỷ lệ thất nghiệp thành thị: dưới 3%.
- Cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố.

**c) Tác động về giới:** Những tác động kết quả tích cực về mặt kinh tế xã hội này sẽ mang lại lợi ích đồng đều cho cả các công dân nam và nữ tại Thủ đô. Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới. Đến năm 2025 khi Luật Thủ đô (sửa đổi) được áp dụng, thì có đến khoảng 4.650.000 phụ nữ và trẻ em gái của riêng Thủ đô Hà Nội (xem Bảng 7) và khoảng 10.260.740 phụ nữ và trẻ em gái của toàn Vùng Thủ đô được hưởng lợi nếu Giải pháp 2 được áp dụng.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Việc thực hiện biện pháp Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành khác (đối với dự án đầu tư phát triển đô thị, nhà ở, khu công nghiệp,...) sẽ dẫn đến việc sửa đổi, bổ sung

quy định liên quan đến thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố đang được quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) và các luật khác có liên quan.

*(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Việc thực hiện các cơ chế đặc thù nhằm tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô theo Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng không phù hợp với quy định của một số luật như Luật Ngân sách Luật Phí và lệ phí năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2018), Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Do vậy, Giải pháp 2 có ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

*Hướng khắc phục:*

Đối với Luật NSNN và các văn bản, quy định hướng dẫn liên quan, cần tạo dựng cơ sở pháp lý chặt chẽ cho các biện pháp để phù hợp với các quy định hiện hành liên quan tới việc thương vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, việc sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước và việc tăng vốn, ủy quyền vốn NSNN cho DNNN để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

Đối với Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư, cần hình thành cơ sở pháp lý trong Luật Thủ đô để các biện pháp này phù hợp với các quy định hiện hành chưa cho phép hình thức PPP trong các lĩnh vực văn hóa và thể thao và quy định hiện hành về mức vốn Nhà nước ở mức tối đa là 70% trong các dự án PPP.

Đối với Luật Đầu tư, cần hình thành cơ sở pháp lý trong Luật Thủ đô để các biện pháp trên phù hợp với thẩm quyền của Thành phố trong việc quyết định danh mục: lĩnh vực (phát triển hạ tầng - đô thị, BVMT, văn hóa, giáo dục, KH-CN, y tế, an sinh xã hội), hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu cần khuyến khích đầu tư kinh doanh, biện pháp khuyến khích đầu tư, quyết định phương thức thực hiện (đặt hàng, giao nhiệm vụ...) và quy định nguyên tắc, nội dung xác định đơn giá, phương thức thanh toán ngoài các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của Thủ đô và thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư, đầu tư công trên địa bàn Thành phố.

Đối với Luật Quản lý và sử dụng tài sản công và Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cần

hình thành cơ sở pháp lý trong Luật Thủ đô để các biện pháp trên phù hợp việc giao đất đai, tài sản cho doanh nghiệp nhà nước hiện có thuộc Thành phố để doanh nghiệp khai thác tài sản một cách có hiệu quả, mang lại lợi ích lớn nhất về kinh tế và xã hội.

Việc sửa đổi và điều chỉnh hệ thống pháp luật này là cần thiết, đồng thời phù hợp với quan điểm đã được nêu rõ tại Nghị quyết số 15-NQ/TW: “*Sửa đổi Luật Thủ đô và một số luật có liên quan theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho Hà Nội, trong đó lưu ý đến việc chủ động nguồn thu, nhiệm vụ chi nhằm ưu tiên hơn nữa nguồn lực đầu tư cho phát triển, bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn Thủ đô Hà Nội*”.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

*Đối với chính quyền Thủ đô:*

Việc thực hiện Giải pháp 2 sẽ cần đến nhiều nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính, và sẽ làm gia tăng sức ép công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức, việc chức của Thành phố. Do vậy, Giải pháp 2 sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố, nhất là trong thời gian đầu thực hiện Luật Thủ đô.

*Đối với người dân, doanh nghiệp:*

Việc phát triển nhanh cơ sở hạ tầng KTXH, trong đó việc phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu có thể giúp giảm chi phí sản xuất của doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp phát triển bền vững hơn, đồng thời cũng mang lại nhiều lợi ích cho người dân. Tuy nhiên, việc Thành phố quy định một số phí, lệ phí mới, điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí sẽ tạo thêm gánh nặng cho người dân và doanh nghiệp và do vậy có thể tác động đến khả năng thi hành pháp luật của 02 nhóm đối tượng này.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp 2 tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, và do vậy, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

### **Nhận xét chung về Giải pháp 2:**

Các phân tích và tác động ở trên cho thấy lợi ích về kinh tế và xã hội của các biện pháp trong Giải pháp 2 là rõ ràng và rất đáng kể. Các tác động đối với hệ thống pháp luật là có thể được khắc phục được qua các quy định về các biện pháp này trong Luật Thủ đô mới. Giải pháp 2 do vậy được đánh giá là giải pháp có lợi ích lớn hơn, kể cả về góc độ kinh tế và xã hội. Giải pháp này sẽ tháo gỡ được một loạt các khó khăn về thể chế, nguồn lực mà Thủ đô đang gặp phải và đóng góp mạnh mẽ cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát

triển KTXH Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của Thành phố. Đặc biệt, giải pháp này sẽ góp phần thực hiện hiệu quả các giải pháp được nêu tại Nghị quyết số 15-NQ/TW như “*Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của Thủ đô về văn hóa, KHCN. Phát huy vai trò dẫn dắt, tạo động lực của đầu tư công kết hợp với khuyến khích, phát huy các nguồn vốn từ khu vực tư nhân, khu vực đầu tư nước ngoài, các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế...; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển KTXH*”, “*củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, hệ thống tổ chức tín dụng và hệ thống quỹ tài chính; phát triển các thành phần kinh tế, trong đó có cơ chế phù hợp thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của kinh tế Thủ đô*”, và “*tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH của Thủ đô một cách tổng thể, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả; trong đó chú trọng phân bổ, ưu tiên hợp lý nguồn vốn từ NSNN, kết hợp với đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công tư (PPP), gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho Thủ đô*”.

### ***3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)***

Giải pháp này có tính toàn diện, khả thi về mặt kinh tế, xã hội và pháp luật với quy định ưu đãi thực chất và khả thi hơn so với các quy định hiện hành, giúp tạo sự ổn định, chủ động cho Thủ đô trong việc tạo lập nguồn thu, sử dụng ngân sách một cách hiệu quả cho những mục tiêu phát triển KTXH trong từng thời kỳ; giải quyết được những nút thắt hiện nay trong thu hút đầu tư, tạo sự thuận lợi, bảo đảm lợi ích của nhà đầu tư, từ đó tạo nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển KTXH của Thủ đô. Mặc dù có sự khác biệt so với các quy định của các văn bản pháp luật khác, nhưng phạm vi ảnh hưởng không lớn và trong khả năng chủ động bằng các nguồn lực của Thành phố.

Trên cơ sở các đánh giá, phân tích trên, Giải pháp 2 là tối ưu, mang lại lợi ích KTXH thuần lớn nhất so với hai giải pháp còn lại. Do vậy, Cơ quan lập Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) chọn Giải pháp 2.

Thẩm quyền ban hành chính sách này thuộc Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện bằng việc thông qua dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

## **4. CHÍNH SÁCH 4: HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUY HOẠCH, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, GIAO THÔNG CỦA THỦ ĐÔ**

### ***4.1. Xác định vấn đề bất cập***

a) *Vấn đề cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử*

Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị không gian lịch sử văn hóa, truyền thống tại khu vực nội đô lịch sử<sup>21</sup> là vấn đề được đặt ra trong nhiều chính sách, giải pháp của chính quyền các cấp tại Thủ đô Hà Nội trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, kết quả chưa được như mong đợi. Hiện nay các nguồn lực để cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử, bao gồm các khu phố cổ, khu phố cũ, biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khác, theo hướng bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử còn manh mún, chưa tập trung vì vướng những vấn đề về quy định pháp luật và nguồn lực xã hội.

Cùng với các giải pháp về bảo tồn ở khu vực nội đô lịch sử, Thủ đô Hà Nội cũng cần có phải giải quyết các vấn đề liên quan đến nhà ở cũ, nhà nhiều hộ (không phải là các chung cư cũ) đã xuống cấp, không đảm bảo chất lượng sống, ảnh hưởng đến an toàn của người dân, bộ mặt kiến trúc cảnh quan xuống cấp ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Các khu nhà ở này phân bố chủ yếu trong khu vực trung tâm Thành phố, nhất là khu vực nội đô lịch sử nơi tập trung đông dân cư hiện nay các công trình nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội bị hư hỏng nặng không đảm bảo điều kiện sống tối thiểu của người dân, không đáp ứng được nhu cầu sử dụng và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành như: (i) hệ thống đường giao thông đã, đang xuống cấp, hư hỏng; hệ thống đường nội bộ có mặt cắt không đồng đều, bề rộng nhỏ; phần lớn vỉa hè tại các đường nội bộ bị lấn chiếm để sử dụng vào mục đích cá nhân; (ii) hệ thống cấp nước trong các khu nhà ở được đầu tư không đồng bộ, đã và đang bị xuống cấp gây mất an toàn và ảnh hưởng tới mỹ quan đô thị; (iii) hệ thống thoát nước đã cũ, xuống cấp, tình trạng ngập úng cục bộ khi mưa trên 50 mm/h tại một số khu nhà ở; hệ thống cống thoát nước thải, hệ thống cống thoát nước mưa của các khu nhà ở không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và xử lý nước thải; (iv) tỷ lệ cây xanh thấp, không đảm bảo quy định QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu phải đạt 2m<sup>2</sup>/người); tại một số khu nhà ở không có diện tích đất cây xanh tập trung; (v) hầu hết hệ thống PCCC đã xuống cấp, mất an toàn cho người dân; tại một số khu nhà ở cũ không có hệ thống PCCC; (vi) phần lớn không có hệ thống thu gom, tập kết và xử lý chất thải rắn (CTR); rác thải được các công ty vệ sinh môi trường thu gom hàng ngày theo giờ cố định và vận chuyển đi bằng xe chuyên dùng; thiếu nhà vệ sinh (một số nhà đông hộ người dân phải sử dụng chung nhà vệ sinh); (vii) thiếu hoặc không có diện tích dành riêng để chỗ đỗ xe phục vụ nhu cầu của người dân, chủ yếu tận dụng diện tích giao thông, sân chơi, khoảng trống làm chỗ đỗ và gửi xe.

Các quy định pháp luật hiện tại chưa tạo điều kiện để có sự hợp tác công tư

---

<sup>21</sup> Quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050: Khu nội đô lịch sử giới hạn từ phía Nam sông Hồng đến đường vành đai 2, là khu vực bảo tồn di sản văn hóa Thăng Long, các giá trị truyền thống của người Hà Nội. Bảo tồn, cải tạo không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và tôn vinh văn hóa, lịch sử truyền thống của khu phố cổ, khu phố cũ, Hồ Gươm, Hồ Tây, Thành cổ...

hoặc các giải pháp đột phá khác để có thể phát huy hiệu quả kinh tế xã hội cũng như bảo tồn của các công trình này. Ngoài ra, việc cải tạo, tái thiết các khu vực hiện hữu trong đô thị tại các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng (theo khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô) yêu cầu phải giải phóng mặt bằng lớn để có thể đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cũng như để giảm mật độ dân số và giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường ở khu vực trung tâm Thủ đô. Vấn đề này dẫn đến khối lượng công việc tái định cư lớn, phải đầu tư nguồn lực lớn về tài chính, bố trí quỹ đất, quỹ nhà để phục vụ công tác tái định cư, giải phóng mặt bằng trong các dự án cải tạo, tái thiết do phải di chuyển nhiều hộ dân, khó đạt tỷ lệ đồng thuận cao của người dân<sup>22</sup>. Do đó, cần có các giải pháp để khuyến khích người dân cùng tham gia vào công tác bảo tồn, chỉnh trang và tái thiết đô thị tại khu vực nội đô lịch sử và các khu vực khác của Thủ đô. Ngoài ra, Thủ đô Hà Nội đã phê duyệt cơ chế chính sách Đề án dẫn dân phố cổ (khu vực quận Hoàn Kiếm) từ năm 2014, tuy nhiên việc thực hiện còn chậm và chưa hiệu quả do có nhiều vướng mắc trong cơ chế, chính sách pháp luật.

Việc phát triển không gian ngầm tại khu vực trung tâm khu vực nội đô lịch sử, hiện tại mới chỉ chú trọng phát triển hệ thống giao thông động, đó là các hệ thống tàu điện ngầm, hầm chui,... Trong khi nhu cầu của phát triển ở khu vực nội đô lịch sử cần chú trọng phát triển không gian ngầm để phục vụ phát triển giao thông tĩnh, dịch vụ thương mại hỗ trợ công cộng và bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan tại khu vực nội đô lịch sử.

Việc quản lý các công trình nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc có giá trị tại khu vực nội đô lịch sử còn bất cập, thiếu cơ chế quản lý, mới chỉ tập trung vào các biện pháp để bảo tồn mà chưa có các giải pháp hữu hiệu để phát huy giá trị của các công trình thành nguồn lực phát triển. Giải pháp hiện tại căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành chỉ có thể bán và cho thuê một số nhà cổ, biệt thự cũ, nhà chuyên dùng<sup>23</sup>.

Công tác cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ tại khu vực nội đô lịch sử và toàn Thủ đô Hà Nội vẫn chưa phát huy hiệu quả với nhiều lý do trong thời gian qua, như vướng mắc, bất cập của Luật Nhà ở 2014, Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã tháo gỡ một phần khó khăn, vướng mắc trong cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên, công tác cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội rất phức tạp và khó khăn với số lượng lớn (1.579 chung cư cũ), đặc biệt là phải gắn công tác cải tạo chung cư cũ với yêu cầu về an toàn nơi ở cho người dân,

<sup>22</sup>Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô và đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

<sup>23</sup>Quyết định số 1170/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội ngày 19/3/1998 quy định danh mục các tuyến phố cổ, nhà cổ không thực hiện việc bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang ở thuê theo Nghị định số 61/CP.



công tác quy hoạch, sự đồng thuận của người dân và việc tham gia của doanh nghiệp vào công tác này.<sup>24</sup> Ngoài ra, theo định hướng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW và Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 (Quyết định số 1259/QĐ-TTg) thì khu vực nội đô cần phải được cải thiện điều kiện sống trong các khu nhà ở, khu chung cư cũ, kiểm soát về mật độ xây dựng và tầng cao, bổ sung thêm các chức năng công cộng, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật. Yêu cầu này đặt ra cần phải có các chính sách đột phá để có thể giải quyết được những vấn đề bất cập này vì hiện nay rất khó khăn khi thu hút nhà đầu tư tham gia vào công tác này.

Việc đề xuất cơ chế chính sách cải tạo, xây dựng mới các khu nhà ở xuống cấp trên địa bàn Thành phố nhằm tạo điều kiện để người dân Thủ đô có chỗ ở tốt hơn, tạo ra môi trường sống tốt cho cư dân đô thị, bảo đảm lợi ích của cộng đồng hài hòa với lợi ích của Nhà nước, người dân và nhà đầu tư; khai thác và sử dụng hiệu quả đất đô thị nhằm tạo ra nguồn lực phát triển đô thị, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng trên cơ sở cân đối hài hòa với các khu vực xung quanh góp phần xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” đến năm 2030 theo mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội đã đề ra.

*b) Vấn đề đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại Thủ đô*

---

<sup>24</sup>Căn cứ quy định của Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư và triển khai Đề án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được UBND Thành phố ban hành: (i) Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 31/12/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội; gồm 05 nội dung chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, xác định tiến độ triển khai, phân công nhiệm vụ cho các Sở ngành, quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Nghị định số 69/2021/NĐ-CP; (ii) Kế hoạch số 334/KH-UBND ngày 31/12/2021 về tổng kiểm tra rà soát, kiểm định, đánh giá chất lượng toàn bộ các chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội; dự kiến chia làm 04 đợt, trong đó ưu tiên kiểm định trước các nhà chung cư còn lại của 03 khu chung cư cũ có nhà nguy hiểm cấp D (Giảng Võ; Thành Công; Ngọc Khánh); rà soát, đánh giá sự phù hợp kết quả kiểm định của 401 nhà chung cư cũ (đã thực hiện) so với thực tế hiện trạng và quy định hiện hành; 06 khu chung cư được lựa chọn triển khai ban đầu có tính khả thi (Kim Liên, Trung Tự, Khương Thượng, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Nam, Nghĩa Tân); rà soát 14 dự án đang triển khai; 126 chung cư đã được UBND Thành phố chấp thuận nguyên tắc tại Văn bản số 3616/UBND-SXD ngày 19/10/2021; các chung cư cũ theo Đề án quy gom trên địa bàn quận Hoàn Kiếm và các chung cư cũ độc lập trên địa bàn quận Ba Đình; (iii) Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 31/12/2021 về Cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội - Đợt 1. Nội dung Kế hoạch gồm lập danh mục chung cư cũ cần thực hiện cải tạo, xây dựng lại với 03 nhóm: (i) Nhóm các nhà chung cư phải phá dỡ để xây dựng lại; (ii) Nhóm các dự án đang triển khai cần rà soát(chuyên tiếp từ giai đoạn trước năm 2021); (iii) Nhóm các nhà chung cư thuộc trường hợp phá dỡ nhà chung cư để cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Luật Nhà ở 2014; và (v) Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 31/12/2021 về nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó dự kiến chia làm 04 đợt, triển khai linh hoạt, đồng thời, đồng bộ, đảm bảo phù hợp với tiến độ triển khai công tác kiểm định.

Theo định hướng Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg, dự báo năm 2020, dân số Thành phố sẽ đạt khoảng 7.956 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa (ĐTH) đạt 58,8% và đạt khoảng 60-65% đến 2025. Tuy nhiên, hiện trạng gia tăng dân số và tỷ lệ đô thị hóa tại các huyện đã có những khác biệt so với tính toán của Quy hoạch chung 1259 (xem Bảng tổng hợp 7 dưới đây)<sup>25</sup>.

**Bảng 7: Tổng hợp dự báo dân số đến năm 2030 và những năm tiếp theo**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chung	Thành thị	Nông thôn	Tỷ lệ ĐTH
1	Dân số năm 2009	Người	6.451.909	2.644.536	3.807.373	40,99
2	Dân số năm 2019	Người	8.053.663	3.962.310	4.091.353	49,2
3	Số dân tăng thêm	Người	1.601.754	1.317.774	283.980	
4	Tỷ lệ tăng	%	24,83	49,83	7,46	
5	Tỷ lệ tăng TB/năm	%/năm	2,48	4,98	0,75	
6	Dân số 2025	Người	9.300.000	5.300.000	4.000.000	
7	Dân số 2030+	Người	10.500.000	6.700.000	3.800.000	

*Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 - tính toán của nhóm chuyên gia.*

Dự báo dân số giai đoạn 2021-2030 và các năm tiếp theo bằng phương pháp ngoại suy với giả thiết tỷ lệ tăng dân số trung bình ổn định thì quy mô dân số toàn thành phố đến năm 2030 (và những năm tiếp theo) khoảng 10,0-10,5 triệu người<sup>26</sup> (dân số dự báo đến năm 2025 toàn thành phố đạt khoảng 9,3 triệu người). Xu hướng chuyển dịch dân cư từ khu vực nông thôn sang thành thị (do phát triển đô thị và bắt đầu hình thành quận mới) nên tỷ lệ tăng trung bình/năm ở khu vực thành thị sẽ tăng mạnh<sup>27</sup>.

Nghị quyết số 15-NQ/TW và Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg đã lựa chọn mô hình phát triển đô thị cho Thủ đô Hà Nội theo mô hình chùm đô thị, gồm đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh, được liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai kết hợp các trục hướng tâm, có mối liên kết với mạng lưới giao thông vùng Thủ đô và quốc gia. Theo dự kiến điều chỉnh Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg, Thủ đô sẽ có thêm hai

<sup>25</sup> Công văn số 670/VQH-NCĐTQT ngày 01/04/2022 của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi). Theo Công văn số 670/VQH-NCĐTQT, việc tính toán này phụ thuộc vào thực tiễn diễn biến dân số không ổn định và phụ thuộc nhiều vào quá trình phát triển đô thị, do đó thời gian tính toán tạm xác định theo thời hạn quy hoạch nhưng thực tế có thể diễn biến kéo dài sau năm 2030 đến năm 2050.

<sup>26</sup> Tính theo công thức:  $D_n = D_0(1+t)^n$  trong đó:  $D_n$ : dân số năm tính toán (người);  $D_0$ : Dân số năm đầu (người);  $t$ : Tỷ lệ tăng dân số trung bình hàng năm (%/năm);  $n$ : số năm dự báo (năm).

<sup>27</sup> Công văn số 670/VQH-NCĐTQT ngày 01/4/2022 của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

thành phố thuộc Thành phố Hà Nội .

Định hướng tại Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg, Thủ đô Hà Nội có 20 đô thị các loại, bao gồm: 01 đô thị trung tâm, tương đương đô thị loại Đặc biệt. 05 đô thị vệ tinh, bao gồm: Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên và Sóc Sơn (định hướng là các đô thị từ loại III đến I), 03 đô thị sinh thái (định hướng là các đô thị từ IV đến III), 11 thị trấn thuộc các huyện (định hướng là các đô thị loại V).

Nghị quyết số 15-NQ/TW và Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg yêu cầu rất lớn về đầu tư xây dựng đường giao thông (đặc biệt là các tuyến đường sắt đô thị, các tuyến đường vành đai đầu tư mới như đường vành đai 4, 5, hoàn thiện các tuyến đường vành đai 1,2,5, các tuyến đường xuyên tâm). Theo quy hoạch giao thông vận tải của Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ đô Hà Nội sẽ có 10 tuyến đường sắt đô thị với tổng chiều dài 417,8km<sup>28</sup>.

Việc đầu tư phát triển mới các đô thị, đặc biệt là các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái có phạm vi ranh giới liên quan đến địa giới hành chính nhiều huyện cần sự thống nhất trong quy hoạch, thiết kế, đồng bộ về cơ sở hạ tầng. Thực tế khả năng cân đối, bố trí vốn ngân sách để đầu tư xây dựng đường giao thông hạn chế, không theo kịp tốc độ phát triển phương tiện, các khu đô thị mới. Theo dự toán, tổng vốn đầu tư để phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh bằng các loại phương tiện vận tải hành khách công cộng: đường sắt đô thị, tuyến xe buýt nhanh (BRT), xe buýt thường vào khoảng **4.695.000 tỷ đồng**. Nhu cầu về vốn đầu tư này là một thách thức lớn cho ngân sách của Thủ đô khi mà Thủ đô cần phân bổ ngân sách cho nhiều hạng mục phát triển kinh tế xã hội khác. Hiện nay, Thủ đô chỉ có thể đáp ứng được khoảng 46% tổng nhu cầu vốn đầu tư công để phát triển cơ sở hạ tầng. Hiện tại, chỉ có 1 tuyến đường sắt đô thị đang vận hành khai thác (Cát Linh - Hà Đông) trong tổng số 10 tuyến đường sắt đô thị theo quy hoạch. 02 tuyến đang trong quá trình xây dựng, các tuyến còn lại đều đang trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi... Vấn đề thiếu vốn để phát triển hạ tầng đô thị vệ tinh và các đô thị mới đã làm cho việc thực hiện Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg, bao gồm 5 đô thị vệ tinh, 3 thị trấn sinh thái, hiện nay rất nhiều chỉ tiêu không đạt được, còn cách xa so với tổng điểm, tiêu chí yêu cầu. Việc hình thành các đô thị chưa có nhiều chuyển biến sau khi Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg được phê duyệt năm 2011. Nguyên nhân chính là do chưa có các chính sách mạnh mẽ để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển. Đối với các thị trấn huyện lỵ, về cơ bản chưa đạt được mức tối thiểu của một đô thị cấp V có vai trò là trung tâm hành chính của các huyện. Các chỉ số về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội còn chưa được đầu tư đúng mức. Đầu tháng 4/2022, Thủ đô Hà Nội phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị sông

<sup>28</sup> Quyết định 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

Hồng và sông Đuống bao gồm các chuỗi đô thị phía Bắc và Nam sông Hồng, phía sông Đuống là chuỗi đô thị hiện đại (định hướng phát triển thành đô thị loại đặc biệt), tạo trục động lực kinh tế cầu Nhật Tân - Nội Bài gắn với trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch triển lãm, thể dục thể thao, logistics và cũng tạo trục không gian văn hoá - cảnh quan sinh thái Hồ Tây - Cổ Loa.

Theo quy định hiện nay, các khu vực được quy hoạch phát triển đô thị (như đô thị vệ tinh) thường được chia thành nhiều dự án nhỏ, độc lập để thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đấu giá đất. Việc giao các cơ quan quản lý nhà nước cấp sở hoặc UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng..., tạo quỹ đất để đấu giá QSDĐ, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dẫn đến tốn kém kinh phí, tính khả thi, hiệu quả không cao, manh mún, thiếu đồng bộ về hạ tầng, thời gian triển khai kéo dài do việc tổ chức đấu giá, đấu thầu để triển khai nhiều dự án trong cả khu đô thị mất rất nhiều thời gian từ thủ tục đầu tư đến triển khai dự án. Không có dự án có quy mô đủ lớn, có yêu cầu về kỹ thuật cao để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. Do đó, để đầu tư phát triển một cách đồng bộ, bền vững, cần thiết phải có nhà đầu tư chiến lược, đủ tầm, đủ tiềm lực tài chính có nhiều kinh nghiệm thực hiện đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... trên phạm vi toàn đô thị theo quy hoạch được duyệt.

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) không thể áp dụng cho gói dự án bao gồm cả đầu tư hạ tầng giao thông và phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại; việc đối dự án lấy dự án chưa có trong các quy định của pháp luật.

Kinh nghiệm tốt tại một số quốc gia trong việc phát huy hiệu quả từ việc khai thác các ưu điểm của mạng lưới giao thông đô thị để phát triển đô thị như Hong Kong là sử dụng một doanh nghiệp nhà nước hợp tác kinh doanh với các nhà đầu tư chiến lược (có thể thành lập doanh nghiệp dự án) để phát triển hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, khai thác, chia sẻ lợi nhuận trong suốt quá trình thực hiện dự án đem lại hiệu quả cao cho cộng đồng. Tuy nhiên, vấn đề này cần phải được quy định cụ thể về các biện pháp thi hành để bảo đảm tính hiệu quả của chính sách.

Việc đầu tư phát triển các khu đô thị thực hiện thông qua đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án có sử dụng đất; đấu giá QSDĐ, nhưng việc chuẩn bị hồ sơ mất nhiều thời gian và thực hiện nhiều thủ tục làm cho việc xây dựng các dự án đô thị thiếu đồng bộ khi kết nối giao thông khu vực, giao thông liên vùng tại những thời điểm nhất định dẫn đến nhiều khu đô thị chưa lấp đầy dân số, gây lãng phí nguồn lực xã hội và các mục tiêu giãn dân, phát triển kinh tế xã hội không đạt được.

### *c) Vấn đề sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển Thủ đô*

Thủ đô Hà Nội có điều kiện thuận lợi hơn nhiều địa phương khác khi mà giá trị thương mại từ đất tại các đô thị của Hà Nội là rất cao. Với định hướng phát triển đô thị theo Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg (hoặc

Quy hoạch chung điều chỉnh) thì Thủ đô Hà Nội có quỹ đất để trở thành nguồn nội lực quan trọng phục vụ phát triển KTXH của Thủ đô. Trong giai đoạn 2010-2020, phân bố sử dụng đất trên địa bàn thành phố đã có sự thay đổi đáng kể nhằm đáp ứng nhu cầu đô thị hóa và tái cơ cấu các ngành kinh tế của Thành phố, điển hình là đất trồng lúa được chuyển đổi chủ yếu sang đất ở đô thị và đất kinh doanh phi nông nghiệp). Việc chuyển đổi góp phần đáng kể vào kết quả tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GRDP) bình quân 10,86%/năm trong giai đoạn 2010-2020 của Thủ đô Hà Nội<sup>29</sup>.

Mặc dù có những thuận lợi như vậy, song nguồn lực đất đai ở Thủ đô chưa được phát huy hiệu quả đúng mức, tranh chấp về giá đến bù giữa người dân, doanh nghiệp và Nhà nước vẫn tồn tại nhiều làm cản trở quá trình phát triển. Một số nguyên nhân bao gồm sau:

- Việc thu hồi giá trị tăng thêm từ đất chưa tương xứng với đầu tư của Nhà nước vào cơ sở hạ tầng. Các quy định pháp luật hiện tại chưa cho phép Nhà nước có thể thu được chênh lệch địa tô sau khi Nhà nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Hà Nội là đô thị loại đặc biệt nên thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực có ý nghĩa đặc biệt) và các quy hoạch khác do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>30</sup>. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, quy định hoạch sử dụng đất quốc gia cũng đã có định phương phân bổ không gian và chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp, đất rừng và đất phi nông nghiệp. Diện tích các loại đất và diện tích các loại đất cần chuyển đổi mục đích sử dụng là nội dung trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh<sup>31</sup>. Do đó, Thủ tướng Chính phủ là cấp thẩm quyền trong việc phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất tại Thủ đô. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đất đai, Thủ tướng Chính phủ lại phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên<sup>32</sup>. Dẫn đến các dự án đầu tư trên phạm vi Thủ đô Hà Nội sẽ phải trải qua 2 lần phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

#### *d) Vấn đề tiến độ của các dự án đầu tư công trên địa bàn Thủ đô*

Giải phóng mặt bằng (GPMB), tái định cư luôn được xác định là khâu “trọng điểm của trọng điểm”, phải đi trước. Trong giai đoạn hiện nay, nhiệm vụ GPMB ưu tiên trước hết là phần đường Vành đai 4; GPMB diện tích dự trữ

<sup>29</sup> Nguồn Cục Thống kê Thành phố Hà Nội 2021-2016 và Tổng cục Thống kê: sau 10 năm, đất trồng lúa giảm 11,97% (chủ yếu chuyển sang đất ở đô thị và đất kinh doanh phi nông nghiệp); đất ở đô thị tăng 41,62%; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng 218,87%; đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp giảm 67,56%; đất tôn giáo, tín ngưỡng tăng 82,18%; đất nghĩa trang, nghĩa địa tăng 18,4%; và 71,14% diện tích đất chưa sử dụng đã được đưa vào khai thác.

đường sắt hoặc địa điểm chưa rõ ràng cần xem xét thực hiện để bảo đảm thực hiện thành công các dự án đầu tư công.

Theo quy định của Luật Đầu tư công, việc tách riêng công tác GPMB, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chỉ áp dụng đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A<sup>33</sup>. Dự án nhóm B, nhóm C không được tác công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư). Trong khi đó, dự án nhóm B, nhóm C thời gian thực hiện dự án là khá hạn hẹp khi phải triển khai công tác giải phóng mặt bằng đi kèm với các công việc khác như lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán dự án và các hạng mục của dự án, triển khai đấu thầu...trước khi tổ chức thi công dự án. Triển khai thực hiện dự án nhóm B, nhóm C cũng mất rất nhiều thời gian (riêng công tác đấu thầu thường kéo dài từ 6-12 tháng đối với một dự án, tùy thuộc vào mức độ phức tạp của các gói thầu). Nhiều công việc phải triển khai trong thời gian tương đối ngắn, áp lực về thời gian làm cho chất lượng không bảo đảm, trong đó có các công việc có tính chất chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án được đưa vào thực hiện dự án.

Đặc biệt, các dự án nhóm B quy mô lớn<sup>34</sup> thường là các dự án hạ tầng kỹ thuật có yêu cầu về GPMB trên diện tích lớn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất... và hầu hết khó có thể đáp ứng yêu cầu về thời hạn bố trí vốn nêu trên. Trong trường hợp đó, việc tiếp tục bố trí vốn để triển khai cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, có thể tiếp tục gây kéo dài thời gian thực hiện dự án.

#### *e) Vấn đề BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu tại đô thị của Thủ đô*

Với tốc độ phát triển đô thị nhanh ở Thủ đô Hà Nội kéo theo những vấn đề về môi trường đô thị, như ô nhiễm chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), ô nhiễm từ nước sinh hoạt, ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm đất.

Theo Báo cáo môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Thủ đô Hà Nội là địa phương đứng thứ hai (sau Thành phố Hồ Chí Minh) trên toàn quốc về khối lượng CTRSH phát sinh (6500 tấn/ngày)<sup>35</sup>. Tỷ lệ thu gom CTRSH ở Thủ đô Hà Nội (nội thành và ngoại thành) đạt 93%<sup>36</sup>. Tuy nhiên, công tác thu gom và xử lý CTRSH vẫn chưa được như kế hoạch là 100% tại khu vực đô thị và 95% tại khu vực nông thôn của Thủ đô Hà Nội đã đề ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TU của Thành ủy Hà Nội về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Số lượng dân cư ở Thủ đô Hà Nội ngày càng tăng tỷ lệ thuận với CTRSH cũng gia tăng nhanh chóng (xem Bảng 7). Vấn đề này đòi hỏi phải có các biện pháp mạnh mẽ để thúc đẩy công tác thu gom, xử

<sup>33</sup> Luật Đầu tư công, Điều 5.

<sup>34</sup> Luật Đầu tư công, Điều 9.

<sup>35</sup> Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 38.

<sup>36</sup> Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 44.

lý CTRSH, bao gồm việc đầu tư các dự án xử lý CTRSH đã được phê duyệt và bổ sung thêm các dự án xử lý CTRSH trên địa bàn Thủ đô Hà Nội hoặc các địa phương khác trong vùng Thủ đô.

Theo Báo cáo môi trường quốc gia 2016-2020, chỉ có khoảng 15% nước thải sinh hoạt đô thị tại Thủ đô Hà Nội được thu gom và xử lý<sup>37</sup> mặc dù khả năng xử lý nước thải sinh hoạt tại các nhà máy trên địa bàn Thủ đô Hà Nội khoảng 28,8% tổng lượng nước cần xử lý<sup>38</sup>. Nước sinh hoạt chưa qua xử lý tại Thủ đô Hà Nội được chảy thẳng ra sông, hồ gây ô nhiễm cho các sông, hồ và khu vực xung quanh, điển hình là các sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Sét, sông Tích, sông Nhuệ - sông Đáy<sup>39</sup>. Thủ đô Hà Nội đã có đề án tổng thể BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy và có các phương án xử lý môi trường nước của sông Tô Lịch, sông Tích<sup>40</sup> nhưng việc đầu tư các dự án xử lý môi trường nước ở Thủ đô Hà Nội vẫn chưa đạt được theo kế hoạch.

Ô nhiễm không khí tại Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là ô nhiễm bụi PM<sub>10</sub> và bụi PM<sub>2.5</sub>; mức độ ô nhiễm bụi mịn có xu hướng tăng quá các năm. Theo Bộ Tài nguyên Môi trường, số ngày có giá trị AQI ở mức kém và xấu (tính trung bình các trạm) chiếm tỷ lệ 30,5% tổng số ngày quan trắc trong năm. Một số ngày chất lượng không khí suy giảm đến ngưỡng rất xấu (AQI=201-300). Các thông số NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO và O<sub>3</sub> của không khí tại đô thị trung tâm Thủ đô Hà Nội đều vượt ngưỡng của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN)<sup>41</sup>.

Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, nguồn phát thải bụi mịn PM<sub>2.5</sub> chính ở Thủ đô Hà Nội được phân bổ 29% từ các hoạt động công nghiệp, 26% từ đốt rơm rạ ngoài trời, 23% từ bụi đường, 15% từ giao thông và 7% từ các nguồn khác (đốt gia dụng, thương mại, làng nghề và rác thải rắn)<sup>42</sup>.

Phát thải khí nhà kính (tCO<sub>2</sub>) tại Thủ đô Hà Nội ngày càng gia tăng do sự phát triển kinh tế và đô thị. Lượng phát thải khí nhà kính của Thủ đô Hà Nội chủ yếu từ tiêu thụ điện (trên 50%), tiếp đến từ giao thông vận tải, sử dụng nhiên liệu khác, chất thải, nông nghiệp... Theo tính toán, mức lượng phát thải khí nhà kính của Thủ đô Hà Nội gia tăng qua các năm (xem các Phụ lục III kèm theo). Do đó, để giảm được lượng phát thải khí nhà kính này thì cần phải có các giải pháp về giảm tiêu thụ năng lượng nói chung (trong có điện, nhiên liệu hoá thạch), rác thải thông qua các biện pháp về quy hoạch và điều kiện xây dựng,

<sup>37</sup> Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 9.

<sup>38</sup> Báo Đại đoàn kết, 78,2% lượng nước thải trên địa bàn Thủ đô Hà Nội chưa được thu gom xử lý, 09/12/2021, <http://daidoanket.vn/782-luong-nuoc-thai-tren-dia-ban-thu-do-ha-noi-chua-duoc-thu-gom-xu-ly-5674735.html>

<sup>39</sup> Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, 2021, trang 52, 59, 61.

<sup>40</sup> Nghị quyết 11-NQ-TU của Thành Ủy Hà Nội về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

<sup>41</sup> Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 84, 85, 88, 89 và 90.

<sup>42</sup> Ngân hàng Thế giới - Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội, Ô nhiễm không khí Hà Nội: Thực trạng & Gợi ý chính sách, <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/ce9eb01975014ef417f5ad1f6c75a745-0070012021/original/Air-Quality-in-Hanoi-Current-Situation-and-Policy-Intervention-June-2021-VN.pdf>

hạn chế phương tiện giao thông cá nhân, hạn chế tiêu thụ điện... đồng bộ với các chính sách, phương án về phát triển đô thị tại Thủ đô Hà Nội.

Thủ đô Hà Nội hiện có khoảng 6,4 triệu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (trong đó có khoảng 5,6 triệu xe máy, 685 nghìn ô tô các loại), chưa kể đến 1,2 triệu phương tiện từ các tỉnh, thành phố khác tham gia giao thông tại Thủ đô. Việc phát triển mất cân đối giữa phương tiện giao thông với kết cấu hạ tầng dẫn tới quá tải và ùn tắc vào các giờ cao điểm. Vấn đề này còn gây ra mức độ phát thải lớn, gây ô nhiễm môi trường cho Thủ đô.

Từ những khái quát về vấn đề bất cập nêu trên, Thủ đô Hà Nội cần có những giải pháp đột phá để có thể giải quyết được các vấn đề bất cập này.

#### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử theo hướng bảo tồn không gian lịch sử văn hóa, truyền thống. Phát triển nhà ở mới và xây dựng lại chung cư cũ để đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân. Tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH của Thủ đô một cách tổng thể, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả; trong đó chú trọng phân bổ, ưu tiên hợp lý nguồn vốn từ NSNN, kết hợp với đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công tư (PPP), gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho Thủ đô.

Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; hoàn thành xây dựng các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc, đường vành đai, hệ thống đường kết nối nội vùng và liên vùng theo quy hoạch, đồng bộ với quy hoạch kiến trúc, cảnh quan, xây dựng đô thị văn minh, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị, đường vành đai. Từng bước tạo ra chùm đô thị, các đô thị vệ tinh, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) đi đôi với quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng và gia tăng dân số tại khu vực đô thị trung tâm để phát triển Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững nguồn lực về tài nguyên, nhất là đất đai. Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương; nghiên cứu có chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch; bỏ khung giá đất. Có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất. Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. HĐND cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương.

Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác BVMT, hướng tới xây dựng Thủ đô xanh, sạch, đẹp,



phát triển bền vững; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng không khí; xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước các hệ thống sông, hồ; hoàn thành cải tạo môi trường sông Nhuệ - sông Đáy, sông Tô Lịch; các chương trình chống úng, ngập; hạ tầng xử lý rác thải, nước thải, cây xanh đô thị... theo quy hoạch.

### **4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

Để giải quyết các vấn đề bất cập nêu trên, Thủ đô Hà Nội đang dự kiến được ban hành các chính sách, giải pháp một cách tổng thể như sau:

#### **a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành**

Dựa trên quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm thực thi Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Luật Thủ đô và các quy định pháp luật hiện hành, như Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Di sản văn hoá...), Thủ đô Hà Nội dự kiến sẽ áp dụng các biện pháp sau để thực hiện được mục tiêu chính sách nêu trên:

(1) Quy định các biện pháp: cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử (điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng; biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác sử dụng các công trình);

(2) Khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, người dân đầu tư, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở tại các phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc phố cổ, phố cũ và thiết kế đô thị;

(3) Hỗ trợ, ưu đãi đối với việc cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử (nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác có giá trị...).

**b) Giải pháp 2: Gồm Giải pháp 1 cộng thêm một số biện pháp để Thủ đô Hà Nội được chủ động ban hành thêm một số biện pháp nhằm phát huy hiệu quả công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn nội đô lịch sử và phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô. Các biện pháp bao gồm:**

(1) Quy định phạm vi, không gian khu vực nội đô lịch sử là không gian vùng di sản văn hóa lịch sử đô thị<sup>43</sup>;

(2) Được thành lập Quỹ bảo tồn khu vực nội đô lịch sử.

(3) Quy định về quy hoạch, quản lý không gian ngầm, biện pháp khuyến khích đầu tư, khai thác không gian ngầm.

(4) Quyết định hình thức thực hiện nghĩa vụ phát triển nhà ở xã hội đối với quỹ đất 20% cho nhà ở xã hội;

<sup>43</sup>Trong đó tập trung phân loại, xếp hạng các biệt thự cũ, nhà cổ, di tích lịch sử văn hóa, các làng trong đô thị (như làng Đông Thái, Trích Sài, Xã Đàn...) các công trình kiến trúc có giá trị để quản lý và thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đa dạng khu vực nội đô lịch sử theo quy hoạch.

(5) Quy định chính sách cải tạo và chỉnh trang nhà ở cũ, chung cư cũ và chuyển đổi nhà máy có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi đô thị trung tâm.

**c) Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 và một số biện pháp để Thủ đô Hà Nội được quy định cơ chế, biện pháp thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia phát triển đô thị.** Các biện pháp bao gồm:

(1) Cơ chế và biện pháp hợp tác, khuyến khích, hỗ trợ người dân tự đầu tư cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở tại các phố cổ, phố cũ;

(2) Cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư với người dân có đất phải thu hồi được đảm bảo về việc làm, có điều kiện sống tốt hơn, hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới;

(3) Cơ chế và biện pháp thu hút nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển đô thị;

(4) Cơ chế và biện pháp để huy động các nhà đầu tư tư nhân đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại các khu vực đầu mối giao thông và hai bên tuyến đường giao thông (theo mô hình TOD);

(5) Tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công.

(6) Chính quyền Thành phố chủ động ban hành quy định riêng về phương pháp định giá đất phù hợp điều kiện phát triển hạ tầng, phát triển đô thị Thủ đô và sát với giá thị trường; được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Thành phố được quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên.

(7) Chính quyền thành phố Hà Nội được quy định vùng phát thải thấp (Low emission zone - LEZ) phù hợp với điều kiện của Thủ đô; được áp dụng các biện pháp sau: (i) Quy định các biện pháp khuyến khích đầu tư đối với lĩnh vực, phương thức sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát thải thấp trên địa bàn Thủ đô; (ii) Quy định biện pháp hạn chế phương tiện giao thông sử dụng năng lượng hoá thạch; (iii) Quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường phù hợp với Thủ đô để bảo đảm kiểm soát dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thủ đô, đặc biệt là các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh có mức phát thải cao trên địa bàn Thủ đô.

**4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

*4.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng*

### a) Tác động về kinh tế:

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

Dựa trên các quy định pháp luật hiện hành, Thủ đô Hà Nội đã thực hiện nhiều biện pháp để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử hiệu quả, như Quyết định số 1170/QĐ-UB quy định danh mục các tuyến phố cổ, nhà cổ không thực hiện việc bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang ở thuê theo Nghị định số 61/CP<sup>44</sup>, Đề án giãn dân phố cổ, quận Hoàn Kiếm phê duyệt tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 09/01/2013, dự án đầu tư xây dựng nhà ở giãn dân tại khu đô thị mới Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội theo kết luận của tập thể lãnh đạo UBND Thành phố Hà Nội ngày 23/11/2017 tại Văn bản số 1341/TB-UBND.

Theo quy định hiện hành và giải pháp của các cấp chính quyền Thành phố, để phát huy hiệu quả về tài chính đối với các biệt thự cũ thuộc sở hữu Nhà nước (do UBND Thành phố Hà Nội) quản lý thì UBND thành phố Hà Nội đã tiến hành đánh giá, phân loại và dự kiến bán 244 nhà biệt thự cũ không thuộc diện phải giữ để bảo tồn theo khung giá đất và giá chuẩn nhà ở hiện hành của UBND Thành phố giai đoạn 2020-2025 với dự kiến số tiền thu nộp Ngân sách khoảng 600 tỷ và bán nhà chuyên dùng do đã chuyển ở và đang sử dụng làm nhà ở ổn định trước ngày 19/01/2007 (84 nhà) dự kiến số tiền nộp ngân sách khoảng 400 tỷ, cho phép cho thuê 395 cơ sở nhà đất sản xuất kinh doanh (nhà đất chuyên dùng) đang do Công ty TNHH MTV Quản lý phát triển nhà Hà Nội quản lý (bao gồm cả 34 biệt thự chuyên dùng) thuộc sở hữu nhà nước thu được hàng năm là 371 tỷ đồng. Như vậy, tổng số tiền từ bán nhà thu tiền sử dụng đất ước nộp NSNN khoảng **1.000 tỷ đồng**; thu tiền cho thuê nhà, đất chuyên dùng là **371 tỷ/năm**<sup>45</sup>.

Việc tái thiết khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô Hà Nội sẽ thu hút được du lịch vào khu vực nội đô lịch sử (nói riêng) và du lịch vào Thủ đô Hà Nội nói chung. Theo báo cáo của Sở Du lịch Hà Nội, trước khi có đại dịch COVID-19, tổng thu từ khách du lịch vào Thủ đô Hà Nội năm 2019 là **103.812 tỷ đồng**. Sở Du lịch Hà Nội dự kiến đến năm 2025, tổng thu của Thủ đô Hà Nội khoảng **130-151 nghìn tỷ đồng**, tỷ lệ đóng góp tổng hợp vào GRDP Hà Nội khoảng 8-10%; năm 2030, tỷ lệ đóng góp tổng hợp vào GRDP Hà Nội sẽ khoảng 12%<sup>46</sup>.

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo tồn lại khu phố cổ, khu phố cũ,

<sup>44</sup>Theo Quyết định 1170/QĐ-UB, trong 292 biên số nhà có hộ thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước có 48 biên số nhà có giá trị đặc biệt (loại 1), 140 biên số nhà có giá trị (loại 2) và 104 biên số nhà không có giá trị (loại 3).

<sup>45</sup> Công văn số 2176/SXD-PC của Sở Xây dựng Hà Nội ngày 01/4/2022 về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

<sup>46</sup> Công văn của Sở Du lịch Hà Nội ngày 14/8/2021 về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khu vực nội đô lịch sử sẽ giúp cho việc phát triển dịch vụ thương mại du lịch tại các khu phố cổ, khu phố cũ, kinh tế đêm hay khu cải thiện thương mại (BID) tại Thủ đô Hà Nội. Kinh nghiệm ở nhiều quốc gia có các khu phố cũ, phố cổ đã hình thành các khu vực cải tiến thương mại (BID) để thu hút du lịch, phát triển các hoạt động thương mại ở địa phương đem lại nguồn thu cho người dân địa phương và Nhà nước như Canada, Hoa Kỳ, Anh, Australia, Singapore, Đức<sup>47</sup>... Khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô Hà Nội với những đặc trưng là các phố “Hàng”, “phố ẩm thực Tống Duy Tân - Cấm Chi” là điều kiện thuận lợi để phát triển các khu cải tiến thương mại. Những thành công từ việc hình thành “phố đi bộ” vào các ngày cuối tuần ở Thủ đô Hà Nội là một ví dụ của việc hình thành các khu cải tiến thương mại khi Hà Nội tiến hành cải tạo, chỉnh trang và tái thiết khu vực nội đô lịch sử. Đồng thời, khi giải pháp này được thực hiện thì cũng khuyến khích người dân ở các khu phố trong khu vực cải tiến thương mại tự đầu tư, tự cải tạo nhà hoặc công trình kiến trúc có giá trị để đảm bảo mỹ quan đô thị.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Nếu các biện pháp của HĐND hoặc UBND Thành phố được thực hiện theo Giải pháp này, người dân sống tại các biệt thự cũ không thuộc diện biệt thự có giá trị đặc biệt (loại 1) có thể mua hoặc thuê lại các biệt thự mà mình đang sinh sống để có thể phát huy các giá trị kinh tế tại các căn biệt thự này.

Các biện pháp ở Giải pháp này cũng sẽ tác động tích cực tới doanh thu từ hoạt động du lịch và các dịch vụ phụ trợ du lịch cho người dân và doanh nghiệp ở Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung khi mà khu vực nội đô lịch sử được cải tạo, chỉnh trang để thu hút được khách du lịch. Như đã nêu, Sở Du lịch Hà Nội dự kiến đến năm 2025, tổng thu từ các hoạt động du lịch của các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn Thủ đô Hà Nội khoảng 130-151 nghìn tỷ đồng, tỷ lệ đóng góp tổng hợp vào GRDP của Thủ đô Hà Nội khoảng 8-10%; năm 2030, tỷ lệ đóng góp tổng hợp vào GRDP của Thủ đô Hà Nội sẽ khoảng 12%.

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo tồn lại khu phố cổ, khu phố cũ, biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khu vực nội đô lịch sử sẽ giúp cho việc phát triển dịch vụ thương mại du lịch tại các khu phố cổ, khu phố cũ, kinh tế đêm hay khu cải tiến thương mại (BID) tại Thủ đô Hà Nội sẽ thúc đẩy các hoạt động thương mại, dịch vụ cho người dân sống tại khu vực này và làm gia tăng giá trị các bất động sản do người dân sở hữu.

Theo tính toán, nhu cầu về nhà ở xã hội, nhà giá thấp cho người dân Thủ đô

---

<sup>47</sup> Khu cải tiến thương mại hoặc khu thúc đẩy thương mại (business improvement district) được hình thành ở nhiều thành phố trên thế giới. Ở các khu vực này, các chủ thể kinh doanh hợp tác với nhau hoặc hợp tác thông qua chính quyền sở tại để tạo ra một khu vực đặc biệt về an ninh, vệ sinh và cảnh quan đường phố và thuận tiện cho khách bộ hành và cùng quảng bá, tổ chức các sự kiện để thu hút du khách tới mua sắm, sử dụng dịch vụ... Chính quyền nhiều thành phố trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các khu thúc đẩy thương mại này, như kêu gọi thành lập với các cơ sở kinh doanh trên địa bàn, xây dựng các cảm nang hướng dẫn người dân tự thành lập... Hiện nay, ở New York có khoảng 76 khu, Singapore có 10 khu và hiện đang được mở rộng thêm.

Hà Nội là rất lớn, chiếm từ 35-40% nhu cầu của toàn dân Thành phố nhưng hiện nay nhu cầu này vẫn chưa được đáp ứng. Giải pháp này tạo điều kiện cho người có thu nhập thấp có thể tiếp cận được nhà ở với cơ sở hạ tầng có chất lượng cao với quy định chủ đầu tư các khu nhà ở thương mại, khu đô thị phải dành 25% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội. Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn Thành phố đã có 25 dự án đã hoàn thành với 1.254.087m<sup>2</sup> sàn nhà ở xã hội, trong đó: Nhà sinh viên (ký túc xá): 02 dự án với 27.201 m<sup>2</sup> sàn; Nhà ở phục vụ các đối tượng theo quy định tại Điều 49 của Luật Nhà ở: 23 dự án với khoảng 1.226.886 m<sup>2</sup> sàn, 12.659 căn<sup>48</sup>. Kết quả phát triển nhà ở xã hội đã mang lại nhiều lợi ích cho hàng trăm nghìn hộ gia đình thu nhập thấp có chỗ ở ổn định, cải thiện điều kiện sống so với trước đây khi sống trong các căn nhà cho thuê kém chất lượng hoặc các khu ở cũ có điều kiện sinh hoạt thiếu tiện nghi, không được bố trí các công trình phục vụ xung quanh khu ở nhà ở.

Giải pháp này tháo gỡ cho các doanh nghiệp đầu tư các khu nhà ở thương mại, khu đô thị dành 20% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội mà không phải nộp tiền.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Các biện pháp ở Giải pháp 1 sẽ đòi hỏi NSNN phải chi phí cho việc cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử trong khu vực nội đô lịch sử và mua lại các biệt thự có giá trị thực sự nổi bật, tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật, văn hoá gắn với lịch sử của Thủ đô và đất nước theo Nghị quyết 02/2014/NQ-HĐND của HĐND Thành phố Hà Nội năm 2014<sup>49</sup>.

Giải pháp 1 cũng sẽ đòi hỏi Nhà nước phải chi phí cho việc xây dựng các bản thiết kế, quy hoạch cải tạo chỉnh trang các tuyến phố, ô phố và các công trình cụ thể có giá trị văn hóa, lịch sử để người dân tự thực hiện việc cải tạo đối với các công trình do người dân sở hữu.

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo tồn lại khu phố cổ, khu phố cũ, biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khu vực nội đô lịch sử hay hình thành các khu thúc đẩy/cải tiến thương mại (BID) sẽ làm tăng giá trị bất động sản tại các khu vực này nhưng Nhà nước lại không được hưởng phần tăng thêm đó.

Giai đoạn 2021-2025, Thành phố cần xây dựng mới khoảng 7,22 triệu m<sup>2</sup> sàn nhà ở xã hội, tổng vốn đầu tư khoảng 90.000 tỷ đồng<sup>50</sup>. Giai đoạn 2017-

<sup>48</sup>Văn bản số 6970/SXD-HT ngày 24/8/2021 của Sở Xây dựng phối hợp xây dựng Báo cáo rà soát các quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2011-2020.

<sup>49</sup>Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ngày 09/7/2014 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của HĐND thành phố về đề án quản lý quỹ nhà biệt thự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

<sup>50</sup>VnExpress, Hà Nội cần 90.000 tỷ đầu tư nhà ở xã hội, 2020, <https://vnexpress.net/ha-noi-can-90-000-ty-dau->

2020, Quỹ đầu tư phát triển Thành phố đã cho vay 4 dự án (2 dự án nhà ở thương mại phục vụ tái định cư và 2 dự án nhà xã hội) với tổng quy mô 3.450 căn, tổng hạn mức cho vay khoảng hơn 1.100 tỷ đồng. Hiện nay, vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chủ yếu do các chủ đầu tư sử dụng vốn tự có, vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác. Theo phân tích ở Chính sách 3, nguồn kinh phí mà Thủ đô Hà Nội có thể sử dụng để đầu tư công là hạn hẹp, chỉ đáp ứng được 30-35% nhu cầu.(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp này hiện nay đang được thực hiện chậm do Nhà nước thiếu kinh phí cũng như chưa có các chính sách, quy định pháp luật tạo điều kiện thuận lợi hơn để các cấp có thẩm quyền của Thủ đô Hà Nội thực hiện nên người dân, doanh nghiệp chưa được hưởng lợi về kinh tế từ Giải pháp này.

Người có thu nhập thấp khó có thể tiếp cận được nhà ở xã hội tại các khu nhà ở thương mại vì mức phí sử dụng dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác thường cao so với khả năng thu nhập của người thu nhập có thu nhập thấp. Hiện nay, người dân sống trong các khu đô thị phải đóng các khoản phí hàng tháng như: phí dịch vụ, phí quản lý chung cư, phí gửi xe (các khoản phí này ở mức trung bình hơn 1 triệu đồng/tháng). Khác với việc ở nhà mặt đất, cư dân phải thanh toán thêm các khoản phí này nên mức chi tiêu của mỗi hộ gia đình sẽ thay đổi, đây cũng là một áp lực đối với các hộ gia đình có mức thu nhập trung bình - thấp. Khi sinh sống tại các khu đô thị, với các tiện ích, dịch vụ chất lượng cao, biệt lập nên người dân phải chi tiêu cho cuộc sống với mức giá cao hơn so với ở khu dân cư hoặc các khu nhà ở có chất lượng thấp hơn.

Khi tập trung phát triển các khu nhà ở xã hội ở các khu vực chưa phát triển đô thị thì có thể khó khăn cho các doanh nghiệp, tổ chức có người lao động thuộc diện được mua nhà ở xã hội trong việc bố trí đi lại cho lao động làm việc tại trung tâm Thành phố. Việc này có thể được khắc phục nếu Thủ đô Hà Nội phát triển được hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn, như đường sắt công cộng, xe buýt.

*a.2. Vấn đề đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại Thủ đô*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Việc phát triển các thành phố thuộc Thành phố Hà Nội và các đô thị vệ tinh sẽ tạo động lực phát triển kinh tế của khu vực và góp phần thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và vùng Thủ đô. Các đô thị của Thủ đô Hà Nội góp phần tạo ra vùng đô thị lớn, đô thị cực lớn ở Miền Bắc sẽ có vai trò, vị thế tăng trưởng chủ đạo cấp quốc gia hoặc cực tăng trưởng hỗ trợ (cực tăng trưởng thứ cấp) như khu vực chuỗi đô thị Bắc sông Hồng là chuỗi đô thị hiện đại, tạo

trục động lực kinh tế cầu Nhật Tân - Nội Bài gắn với trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch triền lãm, thể dục thể thao, logistics với mục tiêu quy hoạch là đô thị loại đặc biệt.

Chuỗi đô thị phía đông Vành đai 4 có tính chất là đô thị ở, dịch vụ và thương mại tài chính ngân hàng, vui chơi giải trí và có các công trình văn hoá, lịch sử quốc gia, đô thị Hoà Lạc là đô thị KHCCN và đào tạo, đô thị Sóc Sơn là đô thị dịch vụ và sinh thái, đô thị Sơn Tây là đô thị lịch sử, văn hoá và nghỉ dưỡng, đô thị Xuân Mai là đô thị đại học, dịch vụ - công nghiệp hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, đô thị Phú Xuyên là đô thị công nghiệp, đầu mối giao thông, trung chuyển hàng hoá và sinh thái. Ngoài ra, phát triển đô thị hiện đại sẽ phát triển các dịch vụ, ngành hàng kinh doanh phù hợp với đô thị hiện đại, như siêu thị, dịch vụ quản lý nhà ở.

Nếu tập trung phát triển đô thị và Nhà nước chủ động lập quy hoạch phân khu, thực hiện đầu tư toàn bộ cơ sở hạ tầng các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh thì NSNN tăng nguồn thu từ đấu giá QSDĐ, ví dụ đô thị Hoà Lạc sẽ đóng góp cho nguồn thu ngân sách từ đấu giá QSDĐ cho khoảng 102,05ha với số tiền tương ứng khoảng **10.000 tỷ đồng**. Dự án thành phố thông minh Đông Anh với tổng số vốn đầu tư lên tới **4,2 tỉ USD** trên diện tích đất 272ha với kỳ vọng sẽ trở thành đô thị thông minh<sup>51</sup>.

Ngoài ra, việc phát triển đô thị vệ tinh sẽ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các khu vực lân cận và các mục tiêu khác của Thủ đô Hà Nội, khi mà các đô thị vệ tinh (Hoà Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên và Sóc Sơn) đều nằm cách trung tâm Thủ đô Hà Nội (trung bình khoảng 30-40km). Chẳng hạn như nếu đô thị Hoà Lạc và khu CNC Hoà Lạc, Đại học Quốc gia Hà Nội phát triển thì sẽ tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển KTXH của các huyện Thạch Thất, Quốc Oai và thị xã Sơn Tây và thúc đẩy các đô thị vệ tinh khác (như Sơn Tây, Xuân Mai) trong chuỗi các đô thị vệ tinh phía tây Thành phố để các địa phương này phát triển nhanh, bền vững theo hướng đô thị xanh, phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp, xây dựng<sup>52</sup>.

Việc phát triển các đô thị vệ tinh và các khu đô thị mới theo đề án xây dựng huyện lên quận của 5 địa phương: Gia Lâm, Thanh Trì, Đông Anh, Hoài Đức, Đan Phượng sẽ tổng diện tích đất đai gần bằng với diện tích của đô thị trung tâm trên địa bàn Thủ đô sẽ tạo nền tảng để giảm được 1,4 triệu dân (chiếm 15% dân số của Thủ đô vào năm 2030) và có thêm 25.000ha đất phục vụ di dời các cơ sở công nghiệp, trường đại học trong nội đô, tạo thuận lợi để Thủ đô Hà Nội đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và là động lực mới quan trọng cho phát triển kinh tế và đô thị Thủ đô giai đoạn hậu

<sup>51</sup> Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.

<sup>52</sup> Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.

## COVID-19.

### (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Nếu Nhà nước tự đầu tư vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho các đô thị, doanh nghiệp ở mọi quy mô có thể tham gia đầu tư vào các dự án phát triển đô thị sau khi nhà nước đã phát triển hạ tầng mà không phải chi phí đầu tư lớn như các Giải pháp 2 và 3. Giải pháp này cũng thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp cung cấp hàng hoá, dịch vụ, vận chuyển hành khách và hàng hoá tại các khu đô thị khi được xây dựng.

Dự kiến có khoảng 1.200 doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh tại khu đô thị trung tâm nơi có chi phí về địa điểm sản xuất, kinh doanh rất cao di chuyển ra ngoại thành để có chi phí mặt bằng sản xuất thấp hơn (bao gồm chi phí về thuê đất, thuế sử dụng đất...). Tổ chức sản xuất kinh doanh ở các khu đô thị vệ tinh hoặc ngoại thành cũng sẽ được hưởng các mức ưu đãi về thuế, đất đai và TTHC liên quan, ví dụ như mức thuế ưu đãi trong việc đầu tư tại Khu CNC Hoà Lạc. Ngoài ra, doanh nghiệp có thể tiếp cận được công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, có chất lượng tốt khi đặt địa điểm sản xuất kinh doanh ở khu công nghiệp, khu CNC, cụm công nghiệp ở gần hoặc trong các khu đô thị vệ tinh.

Việc di chuyển ra sản xuất ngoại thành cũng giúp cho các doanh nghiệp đang sử dụng nhiều lao động phổ thông có thể thu hút được nguồn lao động đang sinh sống ở ngoại thành, lao động trẻ thích sống ở khu đô thị mới và lao động đã qua đào tạo khi các trường đại học, cao đẳng di chuyển ra khu vực đô thị vệ tinh (xem thêm phân tích tác động xã hội đối với nhà nước ở Giải pháp này).

Phát triển đô thị ở Thủ đô Hà Nội tạo điều kiện cho khoảng trên 6 triệu người vào giai đoạn 2020-2030 hoặc gần 7 triệu người vào giai đoạn 2030-2040, 7,5 triệu người vào giai đoạn 2040-2050 sống tại các khu đô thị vệ tinh và các khu đô thị mới ở ngoại thành được tiếp cận chất lượng cuộc sống đô thị có chất lượng tốt hơn (xem Phụ lục *Thực trạng về phân bố dân cư và dự báo quy mô dân số*).

Phát triển nghề nghiệp có chất lượng cao tại các đô thị vệ tinh (ví dụ như đô thị Hoà Lạc là trung tâm CNC sẽ đáp ứng khoảng 60.000 lao động tay nghề cao). Khi các đô thị vệ tinh được hình thành sẽ thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao để góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô<sup>53</sup>.

Nếu các kế hoạch của Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg hoặc Quy hoạch chung điều chỉnh được hoàn thành thì giúp cho giao thông kết nối giữa đô thị trung tâm với các đô thị bên ngoài trung tâm Thủ đô được thuận tiện hơn, thời gian đi lại nhanh hơn, tiết kiệm được chi phí di chuyển cho người dân sống ở ngoại thành.

<sup>53</sup> Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.



### Tác động tiêu cực:

#### (i) Nhà nước:

Các dữ liệu tính toán phát triển quy hoạch đô thị của Thủ đô Hà Nội đến 2045, đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch phát triển các thành phố thuộc Thành phố Hà Nội, quy hoạch phát triển không gian ngầm Thủ đô Hà Nội và dự kiến tổng mức đầu tư xã hội cho thực hiện các quy hoạch và từng quy hoạch<sup>54</sup>. Theo dự kiến, khu vực ưu tiên phát triển đợt đầu giai đoạn 2021-2025, tổng diện tích phát triển đô thị: **769km<sup>2</sup>**, tổng nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung: **1.018.842 tỷ đồng**, tổng nhu cầu vốn đầu tư nâng loại đô thị: **2.053.608 tỷ đồng**. Khu vực phát triển giai đoạn 2025-2030, tổng diện tích phát triển đô thị giai đoạn này là: **956km<sup>2</sup>**, tổng nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung: **2.480.806 tỷ đồng** và tổng nhu cầu vốn đầu tư nâng loại đô thị: **534.365 tỷ đồng**.

Nhu cầu sử dụng vốn để xây dựng hoàn thiện hệ thống đô thị theo Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg là **8.200.866 tỷ đồng**, trong đó vốn đầu tư cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung toàn vào khoảng **5.476.577 tỷ đồng** (chiếm 66,7%) còn lại để đầu tư về nâng cấp đô thị. Để phát triển 20 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại đặc biệt, 01 đô thị loại I, 03 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 02 đô thị loại IV, 12 đô thị loại V như quy hoạch thì Thủ đô Hà Nội phải đầu tư tối thiểu **2.724.289 tỷ đồng**. Trong đó, vốn đầu tư cho đô thị trung tâm khoảng 70% nhu cầu đầu tư, 19 đô thị còn lại chỉ chiếm 30%. Với cơ cấu này thì không thể phát triển đô thị ngoại thành để gánh đỡ cho đô thị trung tâm như dự kiến tại Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg đặt ra.

Tổng vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh và các thành phố thuộc Thủ đô, như đường sắt ngoại ô, xe buýt nhanh (BRT), ô tô buýt thường (dự kiến khoảng **4.695.000 tỷ đồng**). Ngân sách phải chi phí cho việc lập quy hoạch phân khu cho các đô thị mới, đô thị vệ tinh khoảng **40-50 tỷ đồng**. Theo dự toán, ngân sách của Thủ đô chỉ đáp ứng được 7% nhu cầu ngân sách phát triển cơ sở hạ tầng của Thủ đô theo kế hoạch. Riêng đối với việc đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh và toàn bộ dự kiến khoảng 2.786.079 tỷ đồng. Nếu dành ngân sách của Thủ đô cho các hạng mục này thì sẽ hạn chế khả năng sử dụng ngân sách để đầu tư cho các mục tiêu phát triển KTXH khác của Thủ đô như y tế, an sinh xã hội, giáo dục, KHCN (xem thêm Chính 4). Do đó, nếu không có các giải pháp mạnh thì không thể hiện thực hoá Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg và các quy hoạch, kế hoạch khác của Thủ đô<sup>55</sup>.

Do ngân sách eo hẹp và được phân bổ theo từng giai đoạn nên việc phát triển các đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố thuộc Thủ đô và các dự án giao thông đầu nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh và các

<sup>54</sup> Các dữ liệu dưới đây dựa trên Chương trình phát triển đô thị toàn Thành phố Hà Nội đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 đang nghiên cứu.

<sup>55</sup> Kế hoạch đầu tư công thành phố Hà Nội năm 2021-2025 và số liệu tổng hợp từ các báo cáo dự án GTVT.

thành phố thuộc Thủ đô sẽ bị kéo dài. Đặc biệt, tác động của đại dịch COVID-19 đang ảnh hưởng khá lớn cho ngân sách của Thành phố từ việc chi tiêu cho công tác phòng chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội và nguồn thu cho ngân sách bị giảm xuống do ảnh hưởng của đại dịch. Nếu không tính đến tác động tiêu cực của đại dịch thì để thực hiện được Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg thì mất từ 20-25 năm. Với ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, thời gian thực hiện được Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg sẽ tiếp tục kéo dài hơn. Kể từ khi có Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg cho đến nay (10 năm), kế hoạch phát triển các đô thị vệ tinh và đô thị ở ngoại thành Hà Nội chưa có nhiều biến chuyển vì thiếu nguồn lực. Vấn đề này ảnh hưởng tới phát triển nhanh của kinh tế Thủ đô và Vùng Thủ đô, giảm nguồn thu cho ngân sách Thủ đô.

Các quy định hiện hành chưa tạo được những giải pháp có tính đột phá để Thủ đô Hà Nội có được nguồn ngân sách phát triển khu nhà ở xã hội tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều người có thu nhập thấp có thể tiếp cận được nhà ở xã hội.

Như đã phân tích ở trên, thời gian hiện thực hoá Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg cho đến nay là 10 năm chưa thực hiện được nhiều vì ngân sách của Thành phố còn eo hẹp nên các doanh nghiệp chưa thể tận dụng được các ưu điểm của việc phát triển đô thị ở ngoại thành để phát triển kinh doanh của mình.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Đối với các doanh nghiệp quy mô lớn/nhà đầu tư chiến lược có mong muốn đầu tư phát triển các khu đô thị đồng bộ thì khó thực hiện vì các quy định liên quan đến đấu thầu, đấu giá trong hoạt động đầu tư, đất đai hiện nay chỉ thuận lợi cho các dự án có quy mô nhỏ, đất sạch.

Ngoài ra, các quy định ở Giải pháp này đòi hỏi Thủ đô Hà Nội phải hoàn thành việc lập các quy hoạch phân khu. Trong trường hợp doanh nghiệp đầu tư vào những địa bàn chưa có quy hoạch phân khu thì thường mất thời gian từ 3-5 năm hoặc lâu hơn để các cơ quan có thẩm quyền lập quy hoạch phân khu theo quy định pháp luật.

*a.4. Vấn đề sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển Thủ đô*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thì định hướng, tầm nhìn quy hoạch sử dụng đất cho Thủ đô Hà Nội đến năm 2050 trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn<sup>56</sup>.

<sup>56</sup> Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn

Nếu so sánh với một số thành phố lớn trong nước (xem Phụ lục VIII) thì hiệu quả sử dụng đất nói chung năm 2020 của Hà Nội (đạt 2,07 tỷ đồng GRDP/ha) cao hơn đáng kể so với Hải Phòng (1,28 tỷ đồng/ha), Đà Nẵng (0,5 tỷ đồng/ha) và Cần Thơ (0,36 tỷ đồng/ha).

Việc sử dụng đất ở tại Hà Nội đã dần tiết kiệm hơn nhờ việc nâng cao hệ số sử dụng đất ở. Bảng 8 dưới đây cho thấy, sau 10 năm dân số Thủ đô tăng lên 1.628.600 người, đạt 8.246.500 người vào năm 2020, tăng gấp 1,25 lần so với năm 2010, nhưng diện tích đất ở chỉ tăng 1,07 lần. Diện tích đất ở bình quân đầu người nói chung đã giảm từ 55,94m<sup>2</sup>/người năm 2010 xuống còn 48,1m<sup>2</sup>/người vào năm 2020.

**Bảng 8: Hiệu quả sử dụng đất Thành phố Hà Nội  
giai đoạn 2010-2020**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020	2020 so 2010
1. Dân số	Người	6.617.900	7.433.600	8.246.500	1.628.600
- Dân số nông thôn	Người	3.801.400	3.783.100	4.184.000	382.600
- Dân số thành thị	Người	2.816.500	3.650.500	4.062.500	1.246.000
2. Tổng sản phẩm (GRDP)					
- GRDP (giá cố định 2010)	Tỷ đồng	245.749	497.473	689.050	443.301
- GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	245.749	672.949	1.020.000	774.251
<b>3. Tổng DT đất tự nhiên</b>	<b>ha</b>	<b>332.889</b>	<b>335.901</b>	<b>335.984</b>	<b>3.095</b>
<b>4. Diện tích đất đã sử dụng</b>	<b>ha</b>	<b>323.558</b>	<b>329.623</b>	<b>333.291</b>	<b>9.733</b>
<b>5. Diện tích đất ở</b>	<b>ha</b>	<b>37.018</b>	<b>39.991</b>	<b>39.665</b>	<b>2.647</b>
- Đất ở nông thôn	ha	29.170	29.170	28.551	-619
- Đất ở đô thị	ha	7.848	10.821	11.114	3.266
6. Cường độ sử dụng đất	ha/tỷ đồng				
- Theo giá cố định 2010	ha/tỷ đồng	1,32	0,66	0,48	-0,83
- Theo giá hiện hành	ha/tỷ đồng	1,32	0,49	0,33	-0,99
7. Hiệu quả sử dụng đất	Tỷ đồng/ha				
- Theo giá cố định 2010	Tỷ đồng/ha	0,76	1,51	2,07	1,31
- Theo giá hiện hành	Tỷ đồng/ha	0,76	2,04	3,06	2,30
8. Diện tích đất ở/người	m <sup>2</sup> /người	55,94	53,80	48,10	-7,84
- DT đất ở nông thôn/người	m <sup>2</sup> /người	76,73	77,11	68,24	-8,50
- DT đất ở đô thị/người	m <sup>2</sup> /người	27,86	29,64	27,36	-0,51

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021); Cục Thống kê Thành phố Hà Nội (2021), Tổng cục Quản

*lý đất đai (2021) - tính toán của các chuyên gia Viện Kinh tế xã hội Hà Nội.*

Pháp luật đất đai hiện hành quy định cụ thể các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển KTXH vì lợi ích quốc gia, công cộng; quy định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải xác định cụ thể diện tích đất xây dựng công trình và vùng phụ cận để chủ động việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất để đấu giá. Việc thu hồi đất đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đất đai cho mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển KTXH.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Theo quy định hiện hành, người sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định thì được bồi thường bằng đất, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền. Giá đất tính tiền bồi thường là giá đất cụ thể theo loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Ngoài việc được bồi thường, người có đất thu hồi còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ tái định cư và hỗ trợ khác.

Luật Đất đai quy định trường hợp người có đất bị thu hồi không còn nơi ở nào khác thì được bố trí tái định cư và ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ; nếu tiền bồi thường không đủ để mua một suất đất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền để mua một suất đất tái định cư tối thiểu. Luật yêu cầu khu tái định cư tập trung phải xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán của từng vùng, miền và được lập cho một hoặc nhiều dự án; nhà ở, đất ở trong khu tái định cư được bố trí theo nhiều cấp nhà, nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp với các mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư. Việc thu hồi đất ở chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành xây dựng nhà ở hoặc cơ sở hạ tầng của khu tái định cư.

Đối với đất sử dụng cho các dự án, công trình sản xuất, kinh doanh không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhà đầu tư được nhận chuyển nhượng, thuê QSDĐ, nhận góp vốn bằng QSDĐ theo quy định của pháp luật.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Theo tính toán về việc sử dụng đất ở tại Thủ đô Hà Nội theo Bảng 8 nêu trên cho thấy xét riêng hiệu quả sử dụng đất ở tại khu vực đô thị lại chưa có sự cải thiện đáng kể. Vấn đề này đòi hỏi cần có sự can thiệp về chính sách của Nhà nước.

Nếu so sánh với Thành phố Hồ Chí Minh thì mức độ hiệu quả sử dụng đất tại Thủ đô Hà Nội chỉ bằng 43% so (4,76 tỷ đồng GRDP/ha). Bên cạnh đó, việc sử dụng đất ở của Thành phố Hồ Chí Minh cũng tiết kiệm hơn so với Hà Nội,

với diện tích đất ở bình quân đầu người là 31,71m<sup>2</sup>/người, chỉ bằng 66% so với bình quân 48,1m<sup>2</sup>/người của Hà Nội (xem Phụ lục VIII).

Ngoài ra, các quy định pháp luật hiện hành chỉ cho phép thay đổi bảng giá đất 5 năm/lần thì làm khó khăn cho Hà Nội khi xác định giá đất theo giá thị trường để tính thuế<sup>57</sup> và các phương án nhà nước cần sử dụng đất cho phát triển kinh tế xã hội, như đền bù để giải phóng mặt bằng, tính giá với nhà đầu tư...

Pháp luật đất đai hiện hành Nhà nước phải bỏ chi phí ban đầu để giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất để đầu giá cũng là một khó khăn trong những trường hợp Nhà nước chưa thể bố trí được nguồn lực để thực hiện. Như đã phân tích ở trên, một trong những nguyên nhân mà Thủ đô Hà Nội chưa thể hoàn thành được các mục tiêu của Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg là thiếu nguồn lực để cho việc phát triển.

Như đã nêu ở phần bắt cập, việc thu hồi giá trị tăng thêm từ đất chưa tương xứng với đầu tư của Nhà nước vào cơ sở hạ tầng. Các quy định pháp luật hiện tại chưa cho phép Nhà nước có thể thu được chênh lệch địa tô sau khi Nhà nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng.

Cũng theo phân tích ở phần bắt cập, các quy định của Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị áp dụng trên địa bàn Thủ đô đã tạo nên thực tế các dự án đầu tư trên phạm vi Thủ đô Hà Nội sẽ phải trải qua 2 lần phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án cần chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên<sup>58</sup>. Thực tiễn này làm chậm tiến độ các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Lợi ích của Nhà nước trong các hoạt động phát triển không gian ngầm đô thị chưa được khai thác hiệu quả do các quy định pháp luật chưa thực sự rõ ràng trong hoạt động phát triển không gian ngầm đô thị Thủ đô Hà Nội.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Quy định pháp luật hiện hành chưa tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư, người có đất thu hồi và Nhà nước có thể thỏa thuận các phương án chia sẻ lợi ích một cách hài hòa trong các dự án đầu tư phát triển chính trang, phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn.

Như đã phân tích ở trên, pháp luật hiện hành yêu cầu các dự án cần chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên phải xin phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ 02 lần. Thực tiễn này làm chậm tiến độ các dự án đầu tư trên địa

<sup>57</sup> Công văn số 3849/BTC-TCT của Bộ Tài chính ngày 28/4/2022, Công văn số 14257/BTC-VP của Bộ Tài chính ngày 15/12/2021; Công văn số 438/BTC-VP của Bộ Tài chính ngày 12/01/2022 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Công an, Bộ Tư pháp về việc chống thất thu thuế trong hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản.

<sup>58</sup> Luật Đất đai, Điều 58.

bàn Thành phố.

**b) Tác động về xã hội:**

*b.1. Vấn đề cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Giải pháp hiện hành gìn giữ và phát huy các không gian văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống của Thủ đô, hình thành các trục không gian văn hoá của Thủ đô và tái thiết lại Thủ đô khang trang và bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn Thủ đô. Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử (đặc biệt là khu phố Pháp) gắn với bảo tồn và phát huy giá trị của từng ngôi nhà, công trình kiến trúc với đời sống của người dân làm cho các công trình có sức sống, gắn bó hữu cơ với cuộc sống đương đại của đô thị.

Giải pháp này gắn với các hoạt động phát triển kinh tế phù hợp với giá trị văn hoá, kiến trúc của khu vực nội đô lịch sử, như hình thành các khu cải tiến/thúc đẩy thương mại (BID), phố đi bộ, phố “nghề”, phố “hàng” sẽ gìn giữ và phát huy được các giá trị văn hoá đặc trưng của Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Giải pháp này bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân sinh sống tại khu vực nội đô lịch sử, bao gồm nhà ở khang trang, vệ sinh môi trường đô thị được tốt hơn. Đặc biệt, phụ nữ và trẻ em gái ở các khu vực nội đô lịch sử được tiếp cận nhà vệ sinh sạch sẽ và môi trường sống được tốt hơn<sup>59</sup>.

Lợi ích sử dụng, lợi ích thương mại của người dân được tăng lên từ việc cải tạo, trùng tu, tái thiết, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử do mình sở hữu.

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử gắn với các hoạt động phát triển kinh tế phù hợp như hình thành các khu cải tiến/thúc đẩy thương mại (BID), phố đi bộ, phố “nghề”, phố “hàng” sẽ bảo giúp cho người dân có được nguồn thu nhập tại khu vực sinh sống, gìn giữ và phát huy được các giá trị văn hoá đặc trưng của Thủ đô.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước: Tác động tiêu cực về xã hội và giới đối với Nhà nước từ Giải pháp này không rõ ràng.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

---

<sup>59</sup>Theo báo cáo của Ban Quản lý phố cổ Hà Nội, toàn bộ khu phố cổ Hà Nội hiện gồm hơn 4.000 biển số nhà. Mỗi số nhà có diện tích trung bình 92m<sup>2</sup>, có tới 3-4 gia đình sinh sống, diện tích ở chỉ đạt 0,5-1,8m<sup>2</sup>/người. Trong đó, 63% nhà đã xuống cấp, 12% nhà thuộc diện nguy hiểm, 5% nhà ô nhiễm. Nhiều nhà không có nhà vệ sinh. Xem thêm tại VOV, Nhà phố cổ Hà Nội 5 triệu đồng/m<sup>2</sup> bán không ai mua, 2017, <https://vov.vn/kinh-te/dia-oc/nha-pho-co-ha-noi-5-trieu-dongm2-ban-khong-ai-mua-609403.vov>

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử gắn với giãn dân cần phải bảo đảm tính công bằng và phù hợp với nhu cầu của người dân.

*b.2. Vấn đề đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại Thủ đô và chậm giải phóng mặt bằng ở các dự án nhóm B và nhóm C*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Phát triển đô thị vệ tinh và các thành phố thuộc Thủ đô sẽ giúp cho hiện thực hoá mục tiêu giảm bớt mật độ dân cư trong khu vực trung tâm Thủ đô Hà Nội như đã phân tích ở trên. Việc kéo giãn được dân số ra khỏi nội đô sẽ góp phần giảm lưu lượng giao thông trong vùng nội đô, tạo điều kiện để giảm thời gian di chuyển cho người dân và giảm ô nhiễm môi trường (bao gồm không khí, nguồn nước sinh hoạt) ở khu vực nội đô.

Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg quy định việc phát triển đô thị tại Thủ đô Hà Nội cũng gắn với công tác di chuyển các cơ sở y tế điều trị các bệnh truyền nhiễm, mức độ lây nhiễm cao ra khỏi nội đô. Tại các khu đô thị mở rộng, đô thị vệ tinh, đô thị sinh thái và các thị trấn hiện hữu sẽ xây dựng các hệ thống an sinh xã hội, như hệ thống bệnh viện thành phố, quận huyện và phòng khám đa khoa theo tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng Việt Nam và cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Những tiện ích này không chỉ phục vụ cho cư dân trong các đô thị mà còn phục vụ cho các khu vực lân cận, giảm áp lực cho tuyến y tế tại trung tâm Thủ đô Hà Nội. Theo quy hoạch, Thủ đô Hà Nội sẽ đầu tư xây dựng các tổ hợp công trình y tế chất lượng cao tầm cỡ quốc tế, quốc gia, như: trung tâm đào tạo - khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, sản xuất dược - trang thiết bị y tế và cơ sở 2 cho các bệnh viện Trung ương và Thành phố tại Gia Lâm - Long Biên (khoảng 50ha), Hòa Lạc (khoảng 200ha); Sóc Sơn (khoảng 80-100ha); Phú Xuyên (khoảng 200ha), Sơn Tây (khoảng 50ha).

Số lượng người dân được nâng cao chất lượng cuộc sống khi phát triển các đô thị vệ tinh và các thành phố thuộc Thủ đô, dự kiến khoảng 1.377 triệu người được hưởng lợi trực tiếp vào năm 2030, và khoảng 1.787 triệu người vào năm 2050 và 15 đô thị khác (khoảng 1,2 triệu người ở các huyện có đô thị mới).

Phát triển nghề nghiệp có chất lượng cao tại các đô thị vệ tinh theo như quy hoạch chức năng đối với các đô thị vệ tinh hiện tại, ví dụ như đô thị Hoà Lạc, Xuân Mai là các đô thị KHCN cao, đô thị đại học. Khi các đô thị đó được hình thành sẽ thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao của Thủ đô.

Việc phát triển giao thông công cộng hiện đại, như tuyến xe buýt nhanh (BRT), đường sắt đô thị sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển của người dân, thay đổi hành vi của người dân trong hoạt động đời sống, người dân sẽ bớt

sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân, tăng cường việc đi bộ, xe đạp sau khi đã sử dụng phương tiện công cộng. Qua đó cải thiện được thể trạng của người dân Thủ đô Hà Nội, giảm ô nhiễm môi trường đô thị tại Thủ đô Hà Nội.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Doanh nghiệp các quy mô (nhỏ, vừa, lớn) đều có thể tham gia vào hoạt động đầu tư tại đô thị vệ tinh khi Nhà nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị vệ tinh và giao thông kết nối đô thị vệ tinh. Tạo sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong việc tham gia phát triển đô thị vệ tinh.

Việc phát triển các đô thị vệ tinh cũng sẽ giúp cho các doanh nghiệp có thể thu hút được lao động phổ thông ở khu vực lân cận. Việc phát triển này tác động trực tiếp tới 117.000 nghìn lao động di cư hiện đang làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thủ đô và trong thời gian tới tác động tới 135.000 người.

Phát triển các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh ở ngoại thành sẽ tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp cho những người dân ở ngoại thành, góp phần nâng cao đời sống.

Hệ thống y tế được phát triển ở các đô thị mới, đô thị vệ tinh thông qua việc đầu tư mới hoặc nhờ việc di chuyển một số bệnh viện tuyến cuối của Thủ đô Hà Nội ra ngoại thành hoặc các địa phương khác (ví dụ như các địa phương trong Vùng Thủ đô theo định hướng tại Chính sách 9) sẽ giúp cho người dân ở đô thị hoặc khu vực lân cận sẽ có cơ hội được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng tốt hơn.

Các trường đại học, cao đẳng có cơ sở tại trung tâm Thủ đô Hà Nội có thể có diện tích, cơ sở vật chất tốt hơn khi di chuyển ra khỏi trung tâm Hà Nội. Thực tiễn này sẽ góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, giảng dạy tại các đại học và cao đẳng.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Giải pháp này chưa tạo động lực mạnh mẽ, đột phá để thu hút các doanh nghiệp lớn/nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển khu đô thị theo chiều hướng đầu tư quy mô và đồng bộ.

Các quy định pháp luật hiện hành chưa tạo được cơ chế cho phép chia sẻ lợi ích giữa nhà đầu tư với người dân bị mất đất để phát triển đô thị. Nếu việc thu hồi đất không bảo đảm cho đa số người dân được hưởng lợi tốt thì sẽ tạo ra tranh chấp đất đai căng thẳng, bất ổn về an ninh trật tự.

Hình thành đô thị mới ở ngoại thành có thể phá vỡ văn hóa truyền thống ở các làng quê xung quanh Thủ đô Hà Nội, làm mất một số nghề truyền thống của các làng nghề thuộc Thủ đô. Vấn đề này cần phải có những đánh giá tác động cụ thể cho từng khu đô thị khi lập quy hoạch phát triển.



Nếu việc di chuyển các trường đại học, cao đẳng có cơ sở tại trung tâm Thủ đô Hà Nội ra khỏi trung tâm mà không đồng bộ với sự phát triển đô thị ngoại thành sẽ gây khó khăn cho việc thu hút giáo viên, sinh viên làm việc và học tập.

Việc chậm trễ phát triển đô thị ở ngoại thành do phải chờ ngân sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đường giao thông kết nối sẽ làm cho cơ hội tiếp cận nhà ở, cơ sở hạ tầng xã hội của phụ nữ bị chậm hơn, đặc biệt là các phụ nữ ở nông thôn.

Công tác GPMB ở nhiều dự án nhóm B và nhóm C bị chậm tiến độ nên làm tăng chi phí bồi thường. Đồng thời, đối với các dự án có yêu cầu xây dựng khu tái định cư cho người dân, việc xây dựng khu tái định cư cần triển khai thực hiện như một dự án thông thường (phải thực hiện đầy đủ các bước hoàn thiện thủ tục đầu tư, lựa chọn tư vấn, đấu thầu...), đồng thời việc di dời người dân chỉ có thể được thực hiện khi đã hoàn thiện khu tái định cư cũng là yếu tố gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng. Đặc biệt đối với các dự án nhóm B và nhóm C có sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc nhận nguồn vốn vay về khi chưa bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án như có đất sạch gây phát sinh các chi phí liên quan đến việc không giải ngân được nguồn vốn vay, gây ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam. Trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết hiệp định ODA.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp này chưa tạo động lực mạnh mẽ, đột phá để các doanh nghiệp có quy mô lớn tham gia phát triển khu đô thị theo chiều hướng đầu tư quy mô và đồng bộ. Do đó, kể từ khi có Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg năm 2011 cho đến nay vẫn nhiều doanh nghiệp đầu tư vào 5 khu đô thị vệ tinh của Thủ đô Hà Nội.

Nếu không bảo đảm chính sách đền bù thỏa đáng cho người dân ở những nơi bị quy hoạch phát triển thành đô thị vệ tinh thì có thể tạo nên những bất ổn về an ninh trật tự.

**c) Tác động về giới:**

Tác động tích cực:

Phụ nữ và trẻ em gái sống tại các khu đô thị mới ở ngoại thành hoặc vùng phụ cận có điều kiện được tiếp cận các dịch vụ hạ tầng tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc. Theo tính toán, có khoảng 894.000 phụ nữ sống tại 5 khu đô thị mới được hưởng lợi từ việc phát triển đô thị, chưa tính đến phụ nữ sống ở 15 đô thị còn lại và khu vực phụ cận các đô thị.

Tác động tiêu cực:

Nếu không bảo đảm tốt về chính sách đền bù thỏa đáng cho người dân ở những nơi bị quy hoạch phát triển thành đô thị vệ tinh thì ảnh hưởng tiêu cực đối

với phụ nữ và trẻ em gái ở những khu vực bị thu hồi đất.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Giải pháp này không làm thay đổi quy định TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Ngoài phù hợp các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm các quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền có chỗ ở hợp pháp, Giải pháp 1 cũng không trái với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan, và do vậy bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các chính sách hiện tại, do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Giải pháp 1 tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, tại Điều 11 yêu cầu các quốc gia thành viên: thừa nhận quyền của mọi người được có một mức sống thích đáng cho bản thân và gia đình mình, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, nhà ở, và được không ngừng cải thiện điều kiện sống. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp thích hợp để bảo đảm việc thực hiện quyền này ...”. Do không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, do vậy Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

*4.4.2. Giải pháp 2: Giải pháp (1) cộng thêm một số biện pháp để Thủ đô Hà Nội được chủ động ban hành thêm một số biện pháp nhằm phát huy hiệu công tác về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn nội đô lịch sử*

**a) Tác động về kinh tế:**

Tác động tích cực:

*(i) Nhà nước:*

Cùng với các biện pháp của Giải pháp 1, Giải pháp 2 cho phép Thủ đô Hà Nội được đề ra các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ người dân tự đầu tư chỉnh trang mặt tiền nhà mặt phố theo quy chế quản lý khu phố cổ, khu phố cũ và thiết kế đô thị, bao gồm: Chính quyền chủ động tổ chức thiết kế các mặt đứng chỉnh trang, mặt đứng cơ sở thiết kế mới cho từng đoạn tuyến phố làm cơ sở đề cấp phép và quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ; có biện pháp theo dõi và thông báo, hướng dẫn các trường hợp nhà dân cần phải sửa chữa bổ sung, tháo dỡ các vật kiến trúc coi rọi, lấn chiếm manh mún, cũ nát, mất mỹ quan để đảm bảo cảnh

quan chung đoạn tuyến phố; lập các phương án chỉnh trang, đầu tư sửa chữa, xây dựng chung về hệ thống hạ tầng kỹ thuật như hệ đường, sắp xếp đường dây và các tiện ích công cộng khác; xem xét hỗ trợ đầu tư sửa chữa cải tạo chỉnh trang mặt tiền nhà dân, kể cả kêu gọi khuyến khích xã hội hóa<sup>60</sup>. Đồng thời, chính quyền thành phố Hà Nội được đề ra các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi cải tạo, trùng tu, chỉnh trang nhà cổ, biệt thự cũ, các công trình kiến trúc xây dựng trước năm 1954, như cho phép mở rộng các không gian sinh lợi (một phần trong số đó có từ việc lấn chiếm sân vườn) tại sân vườn xung quanh công trình di sản để chuẩn hóa kiến trúc; thiết kế các mặt đứng định hướng và khuyến khích cải tạo cho các phần coi nơi xung quanh di sản đảm bảo tính thống nhất, ngăn nắp; đổi lại các chủ sử dụng đóng góp chỉnh trang sửa chữa kiến trúc công trình di sản, tối thiểu ở kiến trúc bên ngoài. Các biện pháp nêu trên đòi hỏi sự hợp tác giữa chính quyền Thành phố với người dân tại khu vực nội đô lịch sử để cùng khai thác lợi ích.

Việc lập quỹ bảo tồn và phát huy di sản kiến trúc Thủ đô Hà Nội là cơ sở để kêu gọi các nguồn đóng góp và đầu tư cho các hoạt động bảo tồn, sửa chữa, cải tạo, chỉnh trang các công trình kiến trúc ở khu vực nội đô lịch sử nói riêng và các công trình kiến trúc khác có giá trị về văn hoá và lịch sử. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử là công việc lâu dài, gắn trách nhiệm của chính quyền, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô, đặc biệt là những tổ chức, cá nhân được hưởng lợi ích từ trong sinh hoạt, đầu tư kinh doanh trong khu vực nội đô lịch sử, như nguồn thu từ các cơ sở kinh doanh tại khu vực nội đô lịch sử, khu cải thiện/thúc đẩy thương mại (BID). Việc thành lập Quỹ bảo tồn bảo vệ và phát huy di sản kiến trúc Thủ đô Hà Nội ngoài việc tạo ra nguồn vốn để thực hiện các dự án bảo tồn, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, còn có tác dụng nâng cao vai trò, trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Mô hình quỹ bảo tồn và phát huy di sản kiến trúc Thủ đô Hà Nội là quỹ tài chính ngoài ngân sách, Nhà nước sẽ hỗ trợ việc hình thành và bảo đảm hoạt động ổn định ban đầu của quỹ. Quỹ bảo tồn và phát huy di sản kiến trúc Thủ đô Hà Nội không trùng lặp với Quỹ phát triển và bảo tồn văn hoá không trùng lặp với Quỹ bảo vệ di sản và phát triển văn hóa Thủ đô để đầu tư cho nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa (hình thành ở Chính sách 6) vì đối tượng và mục đích của hai quỹ này là khác nhau.

Các biện pháp nêu trên sẽ làm giảm gánh nặng về đầu tư của ngân sách Thành phố cho công tác cải tạo, chỉnh trang và tái thiết khu vực nội đô lịch sử.

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Bên cạnh những tác động tích cực của Giải pháp 1, Giải pháp 2 sẽ thúc đẩy việc chỉnh trang, cải tạo và tái thiết đô thị ở khu vực nội đô lịch sử được nhanh hơn do có sự tham gia, chia sẻ về tài chính của người dân và doanh nghiệp với Nhà nước.

<sup>60</sup> Công văn số 670/VQH-NCĐTQT ngày 01/4/2022 của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội về cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

Giải pháp 2 sẽ tạo điều kiện cho biện pháp hình thành các khu cải tiến/thúc đẩy thương mại (BID) tại Thủ đô Hà Nội vì người dân sẽ tham gia cùng với Nhà nước để chia sẻ lợi ích và rủi ro khi hình thành các khu này.

Giải pháp 2 làm giảm đi các tác động tiêu cực về kinh tế đối với Nhà nước ở Giải pháp 1 như thiếu kinh phí để thực hiện được chính sách này.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước: Giải pháp 2 làm giảm đi các tác động tiêu cực về kinh tế đối với Nhà nước ở Giải pháp 1 như thiếu kinh phí để thực hiện được chính sách này, tuy nhiên nhiều tác động tiêu cực vẫn còn như vấn đề huy động vốn xã hội tham gia vào các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chậm giải phóng mặt bằng...

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp 2 chưa rõ ràng về tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân và doanh nghiệp trong việc tái thiết, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

**b) Tác động về xã hội:**

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Việc tăng số lượng và chất lượng nhà ở xã hội nếu thực hiện Giải pháp này cũng sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp thu hút được nguồn lao động có chất lượng làm việc và sinh sống tại Thủ đô Hà Nội, góp phần phát triển hoạt động của các cơ quan Nhà nước đóng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và phát triển hoạt động kinh tế của Thủ đô.

Giải pháp chính sách về bảo đảm chỗ ở với chi phí hợp lý cho người lao động là một giải pháp nhằm thu hút lao động chất lượng cao, xoá bỏ khoảng cách giàu nghèo. Singapore cũng đã từng áp dụng giải pháp nhà ở tương tự do Nhà nước đứng ra xây dựng và bán lại cho người lao động có thu nhập thấp<sup>61</sup>.

Bảo đảm quyền tiếp cận nhà ở xã hội tại các khu vực phát triển nhà ở thương mại ở các khu vực phát triển đô thị cho người có thu nhập thấp tương tự như Giải pháp 1 nhưng số lượng sẽ bị giảm đi do một số chủ đầu tư sẽ lựa chọn phương án nộp tiền tương đương với giá trị 25% quỹ đất ở, nhà ở khu thương mại để phát triển nhà ở xã hội.

Nâng cao khả năng quản lý dân cư theo thu nhập, mức sống, trình độ phát triển. Sự phát triển của nhịp sống hiện đại, quan niệm sở hữu nhà mặt đất dần thay đổi, xu hướng lựa chọn sống tại các chung cư được nhiều người dân Hà Nội

<sup>61</sup> Huyền Băng, Chông đầu cơ BĐS đình như Singapore: Giá nhà lên tới 1 triệu USD cho 1 căn hộ hai phòng ngủ nhưng không hề có người vô gia cư, 91% người dân sở hữu nhà, Tạp chí Tổ Quốc - Chuyên trang Nhịp sống kinh tế, 2022, <http://nhipsongkinhte.toquoc.vn/chong-dau-co-bds-dinh-nhu-singapore-gia-nha-len-toi-hon-1-trieu-usd-cho-can-ho-2-phong-ngu-nhung-khong-he-co-nguoi-vo-gia-cu-91-nguoi-dan-so-huu-nha-5202230414240825.htm>

lựa chọn. Những ưu điểm về giá, thiết kế, quy hoạch... và đặc biệt là mức độ an ninh, an toàn cho cuộc sống khiến mô hình nhà chung cư trở nên hấp dẫn. Với mật độ dân trí và điều kiện sống có nhiều đặc điểm tương đồng, công tác quản lý dân cư tại các nhà chung cư thực hiện tương đối thuận lợi với sự hoạt động hiệu quả của các ban quản trị chung cư.

Giải pháp 2 sẽ gìn giữ và phát huy các không gian văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống của Thủ đô và để Thủ đô khang trang và bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tạo được điều kiện nhiều hơn cho những đối tượng được mua nhà ở xã hội được tiếp cận nhà ở xã hội để tạo lập nơi sinh sống ổn định tại Thủ đô. Việc hình thành nhiều dự án nhà ở trên địa bàn các quận, huyện đã bổ sung thêm những công trình có kiến trúc với vẻ đẹp khá hiện đại; nhiều khu đô thị đã có sự kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông công cộng tốt; có hệ thống hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân như trường học, khu vui chơi cho các lứa tuổi... Trong quá trình sử dụng, vận hành, khai thác, một số khu đô thị được các chủ đầu tư thực hiện tốt công tác quản lý, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng góp phần xây dựng đô thị hiện đại, văn minh, đồng bộ.

Đặc điểm trong khu đô thị là có nhiều tiện ích công cộng dùng chung, vì vậy, nếu cư dân có cùng mức sống, cùng trình độ nhận thức sẽ dễ dàng đi đến đồng thuận trong việc cùng đóng góp xây dựng, bảo trì hạ tầng kỹ thuật và xã hội trong khu ở; việc phân công trách nhiệm, quyền lợi của cư dân... và hệ thống dịch vụ sẽ phục vụ được đại đa số cư dân với cùng mức sống. Điều này sẽ giải quyết được bài toán rất khó trong công tác quản lý cư dân trong các khu đô thị hiện nay.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Giải pháp 2 có tác động về xã hội và giới đối với Nhà nước tương tự như Giải pháp 1. Các biện pháp bổ sung của Giải pháp 2 không có tác động tiêu cực về xã hội và giới rõ ràng đối với Nhà nước trong các biện pháp về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp 2 sẽ làm giảm số lượng nhà ở xã hội cho người thuộc đối tượng được mua nhà ở xã hội ở trong khu vực phát triển đô thị.

**c) Tác động về giới:**

Tác động tích cực:

Tương tự Giải pháp 1, phụ nữ và trẻ em gái sống tại các khu đô thị mới ở ngoại thành hoặc vùng phụ cận có điều kiện được tiếp cận các dịch vụ hạ tầng

tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc. Theo tính toán, có khoảng 894.000 phụ nữ sống tại 5 khu đô thị mới được hưởng lợi từ việc phát triển đô thị, chưa tính đến phụ nữ sống ở 15 đô thị còn lại và khu vực phụ cận các đô thị.

**Tác động tiêu cực:**

Giải pháp 2 có thể làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo, tác động tiêu cực tới phụ nữ và trẻ em gái giữa các khu vực trung tâm, khu vực phát triển đô thị và khu vực ở bên ngoài. Nếu chất lượng xây dựng các khu nhà ở xã hội tập trung không tốt thì phụ nữ và trẻ em gái không được tiếp cận các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội có chất lượng.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:**

Việc thực hiện biện pháp quy định các nguyên tắc, điều kiện xây dựng riêng trong khu vực nội đô lịch sử và các nguyên tắc, điều kiện xây dựng chung các đô thị của Hà Nội nhằm giảm phát thải, bảo vệ môi trường, quản lý không gian ngầm đô thị... nhằm phát huy hiệu quả công tác về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn nội đô lịch sử sẽ phải sửa đổi, bổ sung các thủ tục cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng, Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng trên địa bàn Thủ đô.

*(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp 2 bảo đảm quyền được có nơi ở hợp pháp theo Hiến pháp, tương thích với các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người và không xung đột với điều ước quốc tế. Giải pháp 2 thực hiện được yêu cầu đề ra tại Điều 16 Luật Thủ đô hiện hành về phát triển và quản lý nhà ở: “*yêu cầu xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội*”.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 2 cũng sẽ làm tăng áp lực công việc cho các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố trong một số nhiệm vụ, như xây dựng cơ chế tuyển chọn, đấu thầu nhà đầu tư; đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đặc thù thuộc Giải pháp 2; tăng cường thực hiện giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các loại quy hoạch ở đô thị. Do vậy, Giải pháp 2 cũng có ảnh hưởng nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của bộ máy chính quyền Thành phố.

- Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp 2 mang lại nhiều lợi ích cho đa số người dân sống tại các khu phố

cổ, khu nhà ở xuống cấp và tạo ra nhiều cơ hội đầu tư kinh doanh hơn cho các doanh nghiệp, và người dân sống tại các khu phố cổ. Giải pháp 2 không làm giảm khả năng tuân thủ pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

(iii) *Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp 2 tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966. Ngoài ra, Giải pháp 2 cũng không trái với Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ năm 1979 (Công ước CEDAW). Do vậy, Giải pháp 2 không gây ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**4.4.3. Giải pháp 3: Gồm Giải pháp 2 cộng thêm 06 biện pháp (được nêu tại trang 80) để Thủ đô Hà Nội được quy định cơ chế, biện pháp thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia phát triển đô thị và tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công**

**a) Tác động về kinh tế:**

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Giải pháp này nhằm tập trung huy động nguồn vốn xã hội để đầu tư vào cơ sở hạ tầng của các đô thị mới, đô thị vệ tinh ở ngoại thành là yếu tố quan trọng để phát triển đô thị, phát triển kinh tế xã hội của khu vực. Việc phát triển kết cấu hạ tầng sẽ hình thành hệ thống các công trình đầu mối, các trung tâm dịch vụ ở khu vực phát triển đô thị và khu vực phụ cận. Sự hoàn thiện và đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng sẽ thúc đẩy nhanh quá trình phát triển KTXH, mở rộng thị trường.

Khác với Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 3 này sẽ giảm áp lực cho ngân sách không phải chi phí đầu tư hoặc giảm bớt phần chi phí đầu (i) cơ sở hạ tầng cho đô thị vệ tinh khung cho 5 đô thị vệ tinh được dự kiến khoảng **554.312 tỷ đồng** và cho 20 đô thị vào khoảng **2.724.289 tỷ đồng**; (ii) cơ sở hạ tầng cho giao thông công cộng hiện đại (đường sắt đô thị, BRT hoặc đường vành đai 2,5, đường vành đai 3, vành đai 4 và vành đai 5) kết nối giữa đô thị vệ tinh với trung tâm Thành phố và chi phí cho việc lập quy hoạch phân khu cho các khu đô thị vệ tinh 40-50 tỷ đồng, chưa tính đến chi phí tổ chức lập quy hoạch phân khu của các khu đô thị khác chưa có quy hoạch.

**Bảng 9: Dự báo vốn đầu tư và giá trị tăng trưởng giai đoạn 2021-2045**

*(chưa tính đến tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19)*

Giai đoạn	Tăng trưởng (%)	GRDP cuối kỳ giá hiện hành (1.000 tỷ đồng)	Dự báo tổng mức vốn đầu tư XDCB (1.000 tỷ đồng)
-----------	-----------------	--	---

2021-2025	7,50	1.757.233	2.700
2026-2030	8,00	3.066.549	2.916
2031-2035	8,00	5.750.000	3.149
2036-2040	8,50	7.908.670	3.417
2041-2045	8,00	11.144.249	3.690

*Nguồn: Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội*

Như đã phân tích ở trên, Giải pháp 3 có thêm được ưu điểm so với Giải pháp 1 và Giải pháp 2 là hiện thực hoá nhanh việc phát triển đô thị ở Thủ đô Hà Nội, hạn chế được nhược điểm là kéo dài việc thực hiện Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg và đặc biệt là Nghị quyết số 15-NQ/TW. Theo phân tích ở Chính sách 3, dự kiến kế hoạch 2021-2025, tổng nhu cầu chi của Thành phố giai đoạn 2021-2025 là **965.000 tỷ đồng**, trong đó nhu cầu đầu tư công khoảng **650.000 tỷ đồng** trong khi khả năng cân đối ngân sách Thủ đô Hà Nội chỉ đáp ứng được khoảng 30-35% nhu cầu trong giai đoạn 2021-2025 (như phân tích tại Chính sách 3), việc huy động vốn từ khu vực tư nhân theo các hình thức đối tác công tư hay được kỳ vọng sẽ góp phần đáp ứng được phần vốn còn thiếu hụt này.

Theo như dự toán về nhu cầu phát triển hạ tầng khung, đến năm 2030, Thủ đô Hà Nội cần đến **5.476.577 tỷ đồng**. Nhưng với dự báo nêu trên thì phải đến năm 2035 Thủ đô Hà Nội mới có thể đáp ứng được yêu cầu này, không tính đến các ảnh hưởng xấu của đại dịch COVID-19 các các yếu tố suy thoái kinh tế toàn cầu. Vấn đề này đòi hỏi nguồn vốn đầu tư xã hội bên cạnh nguồn vốn đầu tư công. Nếu dốc toàn lực vốn đầu tư toàn xã hội để đầu tư các khu đô thị của Thủ đô thì mất khoảng 13-15 năm. Nếu Thủ đô Hà Nội có được các khoản vốn đầu tư lớn trong một khoảng thời gian xác định sau khi Luật Thủ đô (sửa đổi) được ban hành, việc đầu tư công để phát triển hệ thống giao thông kết nối và các đô thị vệ tinh, khu đô thị mới sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Thành phố và Vùng Thủ đô như dự kiến nêu trên.

Giải pháp 3 đẩy mạnh sự phát triển của các phương thức giao thông công cộng lưu lượng lớn và bán kính phục vụ rộng như đường sắt đô thị, xe buýt nhanh (BRT) sẽ khắc phục được một trong những hạn chế lớn nhất của việc phát triển đô thị ở ngoại thành đó là vấn đề giao thông phụ thuộc vào phương tiện. Việc thúc đẩy phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị ở ngoại thành, đô thị vệ tinh với trung tâm Thủ đô có ý nghĩa đột phá cho việc hiện thực hóa quy hoạch phát triển đô thị Thủ đô Hà Nội tại Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg.

Giải pháp 3 tạo điều kiện để thu hút doanh nghiệp quy mô lớn (như có vốn điều lệ đủ lớn) để có thể đầu tư “gói dự án” gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới



và dự án giao thông đường sắt đô thị” (“**Nhà đầu tư chiến lược**”). Nhà đầu tư chiến lược đầu tư và vận hành dự án đường sắt đô thị theo các hình thức hợp đồng được quy định tại Luật PPP. Nhà đầu tư chiến lược có quyền đầu tư phát triển đô thị gắn với tuyến đường sắt đô thị theo hướng “gói dự án” mà không bị tách thành nhiều dự án thành phần như quy định hiện nay. Nhà đầu tư được chủ động trong việc tổ chức lập quy hoạch phân khu cho cả “gói dự án” này.

Để thực hiện được thành công Giải pháp 3 cần có giải pháp về phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển Thủ đô, giảm bớt áp lực về đầu tư công của Nhà nước. Giải pháp 3 tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư, người có đất thu hồi và Nhà nước có thể thoả thuận các phương án chia sẻ lợi ích một cách hài hoà trong các dự án đầu tư phát triển chỉnh trang, phát triển đô thị. Quy định hiện hành của Luật Đất đai chưa tạo điều kiện để Nhà nước có thể thu lại lợi ích từ chênh lệch địa tô khi Nhà nước đã đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (như đã nêu ở phần Bất cập). Giải pháp 3 phù hợp với kinh nghiệm ở các quốc gia khác áp dụng công cụ thu lại giá trị gia tăng từ đất (land value capture -LVC) trong phát triển đường sắt đô thị (xem Phụ lục II). Giải pháp 3 hiện nay áp dụng theo mô hình tái điều chỉnh phần thu lại của Nhà nước và quyền phát triển dự án bất động sản dọc theo tuyến giao thông (TOD).

Giải pháp 3 nhằm thúc đẩy các tác động tích cực của Giải pháp 2 về khả năng thúc đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trên địa bàn và làm gia tăng giá trị sử dụng đất trong bối cảnh xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thủ đô theo hướng công nghiệp và nông nghiệp CNC nên nhu cầu sử dụng đất trồng lúa không cao như trước đây. Giải pháp 3 cũng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang thương mại - dịch vụ. Theo kế hoạch, giai đoạn 2016-2020, cơ cấu kinh tế Thủ đô chuyển dịch tích cực, theo hướng hiện đại, tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 86,46%, khu vực nông nghiệp giảm còn 2,24%, thuế sản phẩm là 11,3%<sup>62</sup>. Một số huyện ngoại thành có tỷ trọng ngành nông nghiệp còn cao so với cơ cấu của toàn Thành phố (Quốc Oai 28,36%; Chương Mỹ 16,72%; Đan Phượng chiếm 9,87%...). Quá trình thu hồi đất nông nghiệp phục vụ các dự án nhà ở giúp người dân địa phương có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp (xem thêm *Chính sách 5 về Xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*).

Giải pháp 3 cho phép Thành phố được quy định vùng phát thải thấp (LEZ) phù hợp với điều kiện của Thủ đô; được áp dụng các biện pháp: (a) Quy định các biện pháp khuyến khích đầu tư đối với lĩnh vực, phương thức sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát thải thấp trên địa bàn Thủ đô; (b) Quy định biện pháp hạn chế phương tiện giao thông sử dụng năng lượng hoá thạch; (c) Quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường phù hợp với Thủ đô để bảo đảm kiểm soát dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thủ đô, đặc biệt là các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh có mức phát thải cao trên địa bàn Thủ đô. Theo tính toán các

<sup>62</sup> Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội.

kịch bản giảm phát thải khí nhà kính tại Thủ đô Hà Nội (xem Phụ lục IV, Phụ lục V và Phụ lục VI), nếu Thủ đô Hà Nội có các biện pháp can thiệp mạnh về hạn chế phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hoá thạch, hạn chế các hoạt động kinh doanh và công trình xây dựng sử dụng nhiều năng lượng... thì kịch bản về giảm phát thải khí nhà kính sẽ được tối đa.

Việc tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công thì công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện sớm, tạo thêm quỹ thời gian cho công tác xây lắp, giảm áp lực về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án và tăng cường hiệu quả sử dụng vốn vay đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tránh phát sinh các chi phí không cần thiết. Khi tách riêng, cơ quan đầu tư của Hà Nội quản lý tốt hơn chi phí đầu tư, góp phần đánh giá tổng thể hiệu quả phương án đầu tư và không thay đổi tổng mức vốn đầu tư khi phân loại dự án.

Phần lớn các tác động tích cực về kinh tế của Giải pháp 1 và Giải pháp 2 sẽ được phát huy mạnh hơn do Giải pháp 3 không làm thay đổi về mục tiêu của Chính sách 4.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Dự kiến giá trị khai thác đô thị theo định hướng giao thông (TOD) trên toàn địa bàn Thủ đô theo Quy hoạch chung của Thủ đô, như sau:

Giá trị gia tăng từ đất: Phần giá trị gia tăng có thể đưa vào tính toán như là một nguồn lợi nhuận của toàn dự án (giá nhà ở, giá thuê văn phòng, khách sạn...). Nhà đầu tư không phải bỏ vốn quá nhiều khi bắt đầu thực hiện dự án nhưng sẽ chia sẻ lợi ích giá trị gia tăng từ đất cho Nhà nước và người dân khi dự án phát triển. Nhà đầu tư chiến lược có thể hợp tác với các nhà đầu tư thứ cấp để cùng thực hiện “gói dự án đường sắt đô thị và phát triển đô thị dọc tuyến giao thông (TOD)”. Khi Hà Nội được chủ động ban hành phương pháp xác định giá đất sát với giá thị trường... thì sẽ đem lại lợi ích tốt hơn cho người dân và hài hoà lợi ích với doanh nghiệp.

Việc Chính quyền thành phố Hà Nội được chủ động quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định sẽ giúp hạn chế tình trạng “quy hoạch treo”, chậm đền bù cho người dân, chậm triển khai dự án đầu tư. Giải pháp này cũng đồng bộ với giải pháp Chính quyền thành phố Hà Nội được quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên. Thực hiện chuyển đổi thu hồi đất nông nghiệp để chuyển sang đất đô thị sẽ buộc Thành phố phải đầu tư kinh phí để xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ người dân chuyển đổi nghề khi thực hiện chính sách này. Như vậy các giải pháp này góp phần giảm tình trạng hoang hóa và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Các giải pháp này cũng thúc đẩy

người dân có thêm thu nhập từ tiền đền bù, được chuyển đổi việc làm sang khu vực sản xuất khác có thu nhập cao hơn (xem thêm Chính sách 5 về Xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh).

Người dân và doanh nghiệp ở khu vực đầu mối giao thông có thể khai thác lợi ích từ phát triển tuyến đường sắt đô thị còn từ các nguồn lợi nhuận từ việc vận hành các khu trung tâm thương mại tập trung, văn phòng hỗn hợp tập trung tầng cao, do giá trị thuận tiện tối đa của các đầu mối giao thông đem lại.

Các lợi ích lâu dài tiềm ẩn khác: Môi trường không khí được cải thiện, sức khỏe người dân tốt hơn do phải vận động khi tham gia giao thông, môi trường không gian thân thiện, văn hóa xã hội và dân trí được nâng cao sẽ làm tăng lưu lượng người tham gia giao thông công cộng sẽ tiếp tục đẩy các giá trị nói trên lên cao hơn, tăng được nguồn lợi nhuận từ bán vé đường sắt đô thị hằng năm. Nếu các khu đô thị ngoài đô thị trung tâm được phát triển thì sẽ giãn dân ra khỏi đô thị trung tâm, giảm ô nhiễm môi trường cho khu vực đô thị trung tâm (ô nhiễm CTRSH, ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước sinh hoạt) (xem các Phụ lục IV, V, VI và VII).

Giải pháp này thúc đẩy nhanh các tác động tích cực của việc phát triển đô thị vệ tinh ở Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 3 là tổng hợp các giải pháp cho việc phát triển đô thị tại Thủ đô, thu hút nguồn vốn tư nhân tham gia vào phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

Cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư với người dân có đất phải thu hồi được đảm bảo về việc làm, có điều kiện sống tốt hơn, hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

Nhà nước có thể không thu được lợi ích trước mắt như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 nếu cho nhiều doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng theo quy định pháp luật để đầu tư phát triển đô thị. Như đã phân tích ở Giải pháp 1, lợi ích mà Nhà nước thu được sẽ kéo dài trong một khoảng thời gian dài. Nếu tính toán về lãi suất của các khoản thu, việc thu được các khoản đóng góp của Nhà đầu tư ở Giải pháp 1 trong một khoảng thời gian ngắn có thể sẽ có lợi ích ròng cao hơn so với nguồn thu nhưng ở trong thời gian dài của Giải pháp 1.

Trong trường hợp vốn Nhà nước trong các dự án PPP liên quan đến đầu tư đường sắt đô thị kết nối đô thị vệ tinh với đô thị trung tâm thì Thủ đô Hà Nội phải có phương án để nhà đầu tư được khai thác quỹ đất dọc tuyến giao thông (TOD), đặc biệt là nhà đầu tư chiến lược thực hiện đầu tư theo gói dự án. Để thực hiện được Giải pháp này, Thủ đô Hà Nội quy định về tiêu chí, điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược. Trong trường hợp có 2 nhà đầu tư chiến lược trở lên cùng tham gia vào 1 “gói dự án đường sắt đô thị và phát triển đô thị dọc tuyến

giao thông (TOD)” theo Luật PPP và Luật Đất đai thì chính quyền thành phố Hà Nội sẽ tổ chức đấu thầu thực hiện dự án. Chính quyền thành phố Hà Nội cần có các quy định điều kiện để thực hiện giải pháp này và biện pháp tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai “gói dự án đường sắt đô thị và phát triển đô thị dọc tuyến giao thông (TOD)”.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp 3 làm giảm đi cơ hội cho doanh nghiệp có quy mô nhỏ hơn tham gia phát triển khu đô thị mới, đô thị vệ tinh so với Giải pháp 1 và Giải pháp 2. Vấn đề này có thể tạo nên cạnh tranh bất bình đẳng.

Các doanh nghiệp tham gia đầu tư các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh sẽ phải chi phí: (i) cơ sở hạ tầng cho đô thị vệ tinh khung cho **5 đô thị vệ tinh được dự kiến khoảng 554.312 tỷ đồng** và cho **20 đô thị vào khoảng 2.724.289 tỷ đồng**; (ii) cơ sở hạ tầng cho giao thông công cộng hiện đại (đường sắt đô thị, xe buýt nhanh (BRT) hoặc đường cao tốc...) kết nối giữa đô thị vệ tinh với trung tâm Thành phố vào khoảng **4.695.000 tỷ đồng**; và chi phí cho việc lập quy hoạch phân khu cho các khu đô thị vệ tinh 40-50 tỷ đồng, chưa tính đến chi phí tổ chức lập quy hoạch phân khu của các khu đô thị khác chưa có quy hoạch.

Giải pháp 3 sẽ làm gia tăng chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại các khu vực đầu mối giao thông và hai bên tuyến đường giao thông (TOD) nhưng đổi lại sẽ được khai thác giá trị đất từ hai bên tuyến đường giao thông.

Các doanh nghiệp tài trợ kinh phí lập quy hoạch phân khu 5 khu đô thị vệ tinh sẽ chi phí khoảng 40-50 tỷ cho công tác tổ chức lập quy hoạch nếu lựa chọn các đơn vị có chức năng lập quy hoạch ở trong nước. Trong trường hợp Chính quyền thành phố Hà Nội và doanh nghiệp tài trợ thống nhất lựa chọn các đơn vị tư vấn nước ngoài, kinh phí tài trợ sẽ cao hơn.

Việc chuyển hoạt động nông nghiệp sang nghề nghiệp khác có thể gây thêm chi phí cho người nông dân trong việc học nghề mới. Tuy nhiên, xu hướng không làm nông nghiệp (bỏ ruộng) tại các khu vực gần đô thị của Thủ đô do các điều kiện về chuyển đổi nghề khác có thu nhập tốt hơn nên tác động tiêu cực này cũng được giảm đi.

Về tổng thể, Giải pháp 3 đòi hỏi phải giám sát, phản biện tốt. Nếu không, sẽ làm giảm cơ hội đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp khác tham gia phát triển khu đô thị vệ tinh, tạo nên cạnh tranh bất bình đẳng.

Chi phí mua sắm phương tiện giao thông cá nhân theo quy định mới, tiết kiệm được chi phí tiêu dùng xăng, dầu nếu chuyển đổi hành vi sử dụng phương tiện công cộng.

Các tác động tiêu cực đối với vấn đề phát triển đô thị tạo ra tác động tiêu cực đối với nông dân, người dân ở ngoại thành của Giải pháp 3 tương tự như

## Giải pháp 1 và Giải pháp 2.

Giải pháp này chỉ là giải pháp bổ sung cho việc thực hiện Chính sách của Giải pháp 1 và Giải pháp 2 nên các tác động tiêu cực gần như tương tự với Giải pháp 1 và Giải pháp 2. Giải pháp này có thêm tác động tiêu cực đối với trường hợp sản phẩm quy hoạch phân khu do nhà đầu tư tài trợ hoặc thực hiện chỉ tập trung cho một nhóm đối tượng mà không bảo đảm hài hoà cho mọi đối tượng. Vấn đề này có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội.

Tăng chi phí phản biện đối với cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư với người dân có đất phải thu hồi từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới để bảo đảm tài sản của Nhà nước và cộng đồng không bị thất thoát và tăng chi phí phản biện đối với quy hoạch phân khu, cơ chế chia sẻ lợi ích giữa nhà đầu tư và người dân và phương án tổ chức giao thông để giảm phát thải để bảo đảm lợi ích của nhà nước và cộng đồng.

Tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 đối với việc phát triển đô thị, Giải pháp 3 có tác động tiêu cực hơn khi mà các quy hoạch phân khu không bảo đảm được các yếu tố cần thiết để các bệnh viện, trường đại học, cao đẳng phát triển ở các khu đô thị vệ tinh.

### **b) Tác động về xã hội:**

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

Tác động tích cực về xã hội đối với việc phát triển đô thị mới, đô thị vệ tinh, hệ thống giao thông công cộng hiện đại nối trung tâm Thành phố với đô thị vệ tinh thì tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 3 có tác động tích cực nhanh hơn so với 2 giải pháp trên.

Giải pháp 3 tạo cơ chế đột phá để có thể thu hút được nguồn vốn xã hội để phát triển cơ sở hạ tầng xã hội cho Thủ đô Hà Nội nói chung và các đô thị mới, đô thị vệ tinh nói riêng. Theo kế hoạch, việc phát triển các đô thị mới sẽ tạo ra **44.000.000m<sup>2</sup> nhà ở** đến năm 2025<sup>63</sup>, đạt yêu cầu xây dựng nhà ở đạt tiêu chuẩn quốc gia đáp ứng cho nhiều đối tượng sử dụng trong các đô thị vệ tinh và các khu đô thị mới để giảm tải cho đô thị trung tâm, cũng sẽ góp phần cho việc phát triển các đô thị mới được đồng bộ, có chất lượng, không bị manh mún, tạo động lực cho sự phát triển KTXH cho Thủ đô nói riêng và vùng Thủ đô nói chung.

Ngoài ra, như đã phân tích ở Giải pháp 2, Chính quyền thành phố Hà Nội cần đẩy mạnh tốc độ di chuyển người dân ra khỏi đô thị trung tâm, đặc biệt tại các khu nhà chung cư cũ, khu phố cũ nơi mà các điều kiện vệ sinh môi trường không bảo đảm các điều kiện phòng chống bệnh truyền nhiễm. Một lý do bùng

<sup>63</sup>Quyết định số 5019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 29/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

phát dịch COVID-19 trong thời gian quý 3-2021 tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là xuất phát từ những khu vực này do các điều kiện vệ sinh và mật độ dân cư không bảo đảm.

Với nguồn lực xã hội để đầu tư nhanh hệ thống giao thông kết nối đô thị vệ tinh với trung tâm Thành phố, Giải pháp 2 sẽ phát triển các thị trấn sinh thái dọc các trục của đường giao thông kết nối theo mô hình phát triển đô thị gắn với định hướng phát triển giao thông (TOD) nhằm khai thác hiệu quả hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn và quản lý việc phát triển dọc các tuyến giao thông chính hiện nay.

Giải pháp 3 sẽ giúp cho việc triển khai công tác đền bù, tái định cư và GPMB được nhanh hơn nên sẽ giảm bức xúc của người dân khi có thể sớm nhận được tiền đền bù, ổn định cuộc sống sau tái định cư nên tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội. Việc tách dự án đền bù, tái định cư và GPMB là thành một dự án độc lập tại các dự án đầu tư công nhóm B và nhóm C sẽ huy động được nguồn lực, sức mạnh của địa phương, tăng cường, xác định rõ trách nhiệm cho địa phương và chủ đầu tư trong việc thực hiện dự án.

Với thực tế hiện nay, tốc độ đô thị hoá của Hà Nội là 49,2% đang thấp hơn yêu cầu của Quy hoạch chung 1259 là 58,8%. Giải pháp 3 sẽ thúc đẩy việc hoàn thành nhanh hơn Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị và Quy hoạch chung của Thủ đô về phát triển đô thị nên có các tác động tích cực về xã hội tương tự như Giải pháp 1...

Giải pháp 3 sẽ giúp tăng cường về an sinh xã hội cho người dân Thủ đô, bao gồm người dân trong nội thành và ngoại thành khi phát triển đô thị với nhiều nguyên nhân như: thời gian được nhận tiền đền bù từ đất bị thu hồi nhanh hơn và cao hơn, có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp, có điều kiện gia tăng giá trị tài sản để cải thiện đời sống; các khu đô thị mới sẽ kéo theo các tiện ích hạ tầng phát triển như trường học, bệnh viện, khu vui chơi giải trí, khu mua sắm... cho các khu vực phụ cận khu đô thị. (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp 3 sẽ thúc đẩy việc hoàn thành nhanh hơn Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quy hoạch chung của Thủ đô về phát triển đô thị nên có các tác động tích cực về xã hội tương tự như Giải pháp 1. Đặc biệt, Giải pháp 3 sẽ khuyến khích doanh nghiệp có quy mô lớn tham gia phát triển khu đô thị mới, các đô thị vệ tinh, hạ tầng giao thông hiện đại kết nối giữa đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh, như đường sắt đô thị, xe buýt nhanh (BRT)...

Tương tự như Giải pháp 1, dự kiến tối đa khoảng 1,787 triệu người được hưởng lợi trực tiếp (chưa tính số lượng người ở các vùng phụ cận), 5 đô thị vệ tinh, 2 thành phố thuộc thành phố Hà Nội và các đô thị khác. Điểm khác biệt tốt hơn ở Giải pháp 3 so với các giải pháp còn lại đó là khả năng người dân sẽ được hưởng các tác động tích cực này sớm hơn khi có các nguồn lực đầu tư từ khu

vực tư nhân và xã hội khác để thực hiện Chính sách này.

Giải pháp 3 sẽ giúp cho việc triển khai công tác đền bù, tái định cư và GPMB được nhanh hơn nên sẽ giảm bức xúc của người dân. Việc giải phóng mặt bằng trước khi triển khai dự án đầu tư sẽ không bị ảnh hưởng do giá đất tăng lên khi dự án triển khai; không làm tăng chi phí bồi thường, không gây mất bình đẳng giữa người dân nhận bồi thường trước và sau khi triển khai dự án..

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Tương tự như Giải pháp 1 đối với việc đền bù đất khi thu hồi cho người dân. Giải pháp này có thể càng làm sâu sắc mâu thuẫn giữa nhà đầu tư với người dân khi nhà đầu tư có quyền chủ động đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức lập các quy hoạch, bao gồm phân khu và quy hoạch chi tiết. Do đó, vấn đề này cần phải có sự tham gia giám sát của Nhà nước để bảo đảm lợi ích ba bên: Nhà nước - Nhà đầu tư - Người dân được hài hoà.

Nếu xây dựng cơ chế tuyển chọn, đấu thầu nhà đầu tư và bảo đảm thực hiện Giải pháp 2 này không tốt thì hiệu quả của Chính sách này sẽ không được phát huy, thậm chí có thể tạo ra cơ hội trục lợi chính sách bằng việc đầu thầu giành dự án để chuyển nhượng lại, chất lượng đầu tư không tương xứng với giá trị đất được hoán đổi, quy hoạch do nhà đầu tư lập không bảo đảm được các mục tiêu phát triển KTXH chung của Thủ đô và không bảo đảm được tính công bằng, bình đẳng. Do đó, Chính quyền thành phố Hà Nội cần quy định điều kiện để thực hiện giải pháp này và biện pháp tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai quy hoạch phân khu. Việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch do các nhà đầu tư tổ chức lập được thực hiện như đối với quy hoạch do nhà nước tổ chức lập.

Tăng chi phí phản biện đối với cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư với người dân có đất phải thu hồi từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới để bảo đảm tài sản của Nhà nước và cộng đồng không bị thất thoát.

Giải pháp 3 cần phải được ban hành đồng bộ các biện pháp, như giá đất, cơ chế thoả thuận đền bù, thẩm quyền và thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các dự án đầu tư theo quy hoạch... để hạn chế phát sinh tranh chấp, khiếu kiện phức tạp về an ninh trật tự; khó khăn trong công tác đền bù, hỗ trợ thực hiện dự án phát triển kinh tế; dự báo người dân có đất bị thu hồi sẽ tập trung đông người, khiếu kiện liên quan đến chính sách đền bù, hỗ trợ; cản trở quá trình thu hồi đất, thi công công trình làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự trên địa bàn Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tiêu cực về xã hội đối với Giải pháp 3 thì tương tự như Giải pháp 1 do Giải pháp này chỉ là các biện pháp thúc đẩy của các chính sách hiện hành, giải pháp hiện hành được nhanh hơn.

Tương tự như Giải pháp 1 đối với vấn đề phát triển đô thị tạo ra tác động tiêu cực đối với nông dân, người dân ở ngoại thành. Tác động tiêu cực riêng về xã hội của Giải pháp 2 trong trường hợp quy hoạch do các nhà đầu tư lập không bảo đảm tính công bằng, bình đẳng cho đa số người dân vì nhà đầu tư có thể tập trung nhiều vào lợi nhuận. Do đó, vấn đề này đòi hỏi chính quyền thành phố Hà Nội có trách nhiệm đảm bảo vai trò quản lý nhà nước trong việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện “nhóm gói dự án” gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới và dự án giao thông đường sắt đô thị”.

Tương tự như Giải pháp 1 đối với việc phát triển đô thị ngoài đô thị trung tâm sẽ dẫn tới phải thu hồi đất của người dân do Giải pháp 3 chỉ là một trong các biện pháp bổ sung để thu hút nhà đầu tư tham gia vào quá trình phát triển đô thị vệ tinh, bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người dân. Đặc biệt, khi Giải pháp 3 được thực hiện đồng bộ các biện pháp thì sẽ hạn chế phát sinh tranh chấp, khiếu kiện phức tạp về an ninh trật tự tại địa bàn.

Giải pháp 3 có thể tác động tiêu cực tới các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực đất bị thu hồi sẽ bị ảnh hưởng nếu mức đền bù không thoả đáng. Vấn đề này cũng sẽ tác động gián tiếp đến những người lao động của doanh nghiệp nông nghiệp.

### **c) Tác động về giới:**

#### Tác động tích cực:

Tương tự Giải pháp 1 và Giải pháp 2, phụ nữ và trẻ em gái sống tại các khu đô thị mới ở ngoại thành hoặc vùng phụ cận có điều kiện được tiếp cận các dịch vụ hạ tầng tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc. Theo tính toán, có khoảng 894.000 phụ nữ sống tại 5 khu đô thị mới được hưởng lợi từ việc phát triển đô thị, chưa tính đến phụ nữ sống ở 15 đô thị còn lại và khu vực phụ cận các đô thị.

#### Tác động tiêu cực:

Tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 về tác động tiêu cực tới phụ nữ và trẻ em gái về phân hoá giàu nghèo cũng như việc đền bù cho người dân ở những khu vực bị thu hồi đất.

Giải pháp 3 có thể gia tăng sự phân hóa và bất bình đẳng gia tăng nếu như phụ nữ làm nông nghiệp không có đủ điều kiện về sức khỏe và các điều kiện gia đình khác để có thể chuyển đổi nghề. Ngoài ra, phụ nữ ở nông thôn sẽ gặp khó khăn hơn trong vấn đề chăm sóc gia đình nếu phải làm việc xa nhà so với việc làm nông nghiệp hiện nay. Những tác động tiêu cực này đặt ra cho Chính quyền thành phố Hà Nội phải có các giải pháp xử lý từ việc sửa đổi Luật Thủ đô cùng



với các chính sách khác.

#### **d) Tác động của thủ tục hành chính:**

Việc thực hiện biện pháp quy định các nguyên tắc, điều kiện xây dựng riêng trong khu vực nội đô lịch sử và các nguyên tắc, điều kiện xây dựng chung các đô thị của Hà Nội nhằm giảm phát thải, bảo vệ môi trường, quản lý không gian ngầm đô thị... nhằm phát huy hiệu quả công tác về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn nội đô lịch sử và phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô sẽ làm sửa đổi, bổ sung các thủ tục cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng, Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng trên địa bàn Thủ đô.

- Việc thực hiện biện pháp thu hút nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển đô thị sẽ làm phát sinh thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện dự án, “gói dự án” của Thành phố hoặc thủ tục chấm dứt hợp tác với nhà đầu tư chiến lược trong những điều kiện nhất định.

- Thủ tục hành chính được thực hiện tương tự đối với trường hợp tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Việc thực hiện biện pháp chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định sẽ làm sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

#### **e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

Tương tự như Giải pháp 2.

##### Định hướng quy định trong Luật Thủ đô (sửa đổi):

Giải pháp này cần phải lưu ý về phương thức đầu tư quy định tại Luật PPP và Luật Đất đai theo hướng kết hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP với dự án phát triển đô thị khi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông kết nối đô thị (TOD) (“gói dự án” gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới và dự án giao thông đường sắt đô thị”) thì Nhà nước sẽ tạo điều kiện để Nhà đầu tư tiếp cận được quỹ đất để phát triển đô thị mới, đô thị vệ tinh. Do đó, Luật Thủ đô (sửa đổi) cần phải quy định rõ phạm vi áp dụng Giải pháp này. Chính quyền Thủ đô quy định cụ thể điều kiện để thực hiện giải pháp này và biện pháp tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực thực hiện yêu cầu của Chính quyền Thủ đô.

Giải pháp 3 phát sinh quy định khác về cùng một vấn đề so với Luật Đầu tư công (Điều 5).

#### **4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)**

Qua đánh giá tác động các giải pháp, Giải pháp 1 và 2 có thời gian hiện thực hóa lâu nhất 20-25 năm nếu có đủ nguồn vốn để thực hiện nên chưa bảo đảm được các điều kiện thi hành các quy định pháp luật liên quan đến phát triển đô thị tại Thủ đô Hà Nội theo đúng yêu cầu của Nghị quyết số 15-NQ/TW và Nghị quyết số 06-NQ/TW.

Giải pháp 3 được kiến nghị lựa chọn để thực hiện Chính sách 4 vì Giải pháp này có nhiều tác động tích cực nhất về kinh tế, xã hội, giới và pháp luật. Tuy nhiên, Giải pháp này cần phải lưu ý về trách nhiệm của chính quyền thành phố Hà Nội để đảm bảo vai trò quản lý nhà nước trong việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện “gói dự án” gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới và dự án giao thông đường sắt đô thị” theo các quy định tại Luật PPP và Luật Đất đai. Năng lực quản lý của Thủ đô Hà Nội hoàn toàn đáp ứng yêu cầu này.

Thẩm quyền ban hành chính sách này thuộc về Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua việc Quốc hội thông qua dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

### **5. CHÍNH SÁCH 5: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI, NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI, NÔNG DÂN VĂN MINH**

#### **5.1. Xác định vấn đề bất cập**

Luật Thủ đô chưa có quy định riêng về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở tổng kết hơn 9 năm thi hành Luật, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII (10/2020) nhận định về những bất cập, hạn chế trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Thủ đô.

- Sản xuất nông nghiệp chưa ổn định, hiệu quả còn thấp; nông nghiệp CNC còn ít; chuyển dịch cơ cấu nội ngành chưa theo kịp yêu cầu. Chuyển dịch cơ cấu lao động chưa đồng bộ với chuyển dịch cơ cấu kinh tế; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực chưa cao.

- Nông thôn: Mặc dù Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Thủ đô đã đạt được những kết quả nổi bật nhưng kinh tế nông thôn vẫn còn nhiều bất cập, mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã (HTX) quy mô nhỏ, năng lực tiếp thu tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới còn thấp; chưa thu hút được nhiều nguồn lực xã hội cho việc phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế- xã hội của nông thôn; công tác quản lý xây dựng, đất đai, vệ sinh môi trường, thu gom xử lý CTR, nước thải khu vực nông thôn còn hạn chế.

- Nông dân: chất lượng đào tạo nghề, nhất là đào tạo lao động nông thôn chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động; người nông dân chưa thật sự làm

chủ được chu trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi cung ứng và thụ hưởng thành quả của ứng dụng KHCCN trong sản xuất nông nghiệp, ứng phó biến đổi khí hậu. Tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị chậm cải thiện.

Nguyên nhân từ chính sách, thể chế của những bất cập hạn chế trên được xác định:

(1) Luật Thủ đô còn thiếu quy định về **phát triển nông nghiệp, nông thôn** Thủ đô làm ảnh hưởng lớn đến tính thống nhất, đồng bộ, toàn diện của hệ thống chính sách về Thủ đô.

(2) Cơ chế, pháp luật về quản lý, sử dụng đất nông nghiệp hiện nay còn là rào cản việc phát triển nông nghiệp CNC, nông nghiệp hữu cơ, tổ chức sản xuất theo mô hình hiện đại, thông minh, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi cung ứng, gây lãng phí trong việc khai thác sử dụng tài nguyên đất.

(3) Thiếu nhiều chính sách, pháp luật mở đường cho việc đổi mới và phát triển các mô hình tổ chức kinh tế nông thôn, đặc biệt là các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thể chế và năng lực quản trị HTX còn có những bất cập, hạn chế.

(4) Chính sách, pháp luật để hỗ trợ, đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện đại, xây dựng người nông dân đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới còn nhiều bất cập, đặc biệt là thiếu các chính sách thu hút, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại hoá nông thôn, BVMT nông thôn, đặc biệt là môi trường làng nghề của Thủ đô.

## 5.2. Mục tiêu chính sách

Phát huy tiềm năng, lợi thế vốn có của Thủ đô về nhân lực, KHCCN, vốn để đầu tư, phát triển nông nghiệp Thủ đô nhằm: (i) *Xây dựng và phát triển nông nghiệp* hàng hoá tập trung, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ứng dụng CNC, tập trung sản xuất cây, con giống năng suất, chất lượng, giá trị cao cho cả nước; (ii) *Xây dựng nông thôn mới, xanh, hiện đại, gắn với phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề giàu bản sắc văn hoá đặc trưng của Thủ đô*; (iii) *Xây dựng người nông dân Thủ đô văn minh, có kỹ năng, trình độ, là chủ thể xây dựng, thụ hưởng thành quả phát triển nông nghiệp, nông thôn.*

*Cơ sở chính trị:* Nghị quyết số 15-NQ/TW đã cụ thể hoá phương hướng, nhiệm vụ phát triển KHCCN, đổi mới sáng tạo của Thủ đô<sup>64</sup>: “Tập trung cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái,

<sup>64</sup> Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định mô hình tổng quát phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam: “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ mới, giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu”.

CNC; phấn đấu trở thành địa phương đi đầu trong phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc. Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, bảo đảm môi trường sống. Chú trọng phát triển công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, gắn với phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển các sản phẩm làng nghề, nhất là các làng nghề truyền thống và các dịch vụ đặc trưng của Thủ đô.

*Phát huy vai trò dẫn dắt, tạo động lực của đầu tư công kết hợp với khuyến khích, phát huy các nguồn vốn từ khu vực tư nhân, khu vực đầu tư nước ngoài, các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế...; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển KTXH'*

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVII mục tiêu, phương hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025, Chương trình 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy đã xác định các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân với những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm<sup>65</sup>.

### **5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện hành.

**Giải pháp 2:** Gồm các nội dung chính sau: (1) Chính quyền thành phố Hà Nội ban hành các cơ chế đặc thù phát triển nông nghiệp, nông thôn; (2) Ban hành cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính (cao hơn so với quy định của trung ương), khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của cá nhân, tổ chức vào phát triển nông nghiệp, nông thôn; (3) Thành phố ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn.

**Giải pháp 3:** Gồm Giải pháp 2 và các giải pháp nâng cao chất lượng sống của người nông dân và chất lượng môi trường nông nghiệp, nông thôn:

(1) Quy định chính sách hỗ trợ nông dân, người lao động tại các tổ chức kinh tế nông nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), tham gia tổ chức công đoàn/tổ chức đại diện bảo vệ người lao động ở cơ sở; hỗ trợ 1 phần hoặc toàn bộ phí bảo hiểm đối với việc sản xuất giống, sản xuất các loại cây, con đáp ứng tiêu chuẩn hữu cơ, sinh thái, công nghệ cao.

(2) Nghiên cứu quy định và áp dụng các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt là các làng nghề.

Nội dung chi tiết của từng giải pháp được trình bày tại mục đánh giá tác

<sup>65</sup> Chương trình 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”.

động dưới đây.

#### 5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

##### 5.4.1. Đánh giá tác động của Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành

Luật Thủ đô không có quy định về phát triển nông nghiệp, nông thôn; chưa có các chính sách, giải pháp đặc thù trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

##### a) Tác động về kinh tế:

###### Tác động tích cực:

Do không có thay đổi thể chế nên cũng không làm phát sinh các chi phí, đầu tư từ NSNN để thực hiện các giải pháp mới nhằm tháo gỡ khó khăn, hạn chế về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

###### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

Nguồn vốn đầu tư tổng thể từ NSNN của Thành phố cho khu vực nông thôn giai đoạn 2016-2020 là **80.595 tỷ đồng**, trong đó trực tiếp chi cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Thủ đô Hà Nội là **62.459 tỷ đồng** (vốn NSNN là **56.470** tỷ đồng, chiếm 90,4%).

Đóng góp của nông nghiệp trong cơ cấu GRDP của Thành phố và mức độ tăng trưởng GRDP của nông nghiệp giai đoạn qua chưa tương xứng với tiềm năng của Nông nghiệp Thủ đô.

**Bảng 10: Cơ cấu và tăng trưởng GRDP của lĩnh vực Nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản) Thủ đô giai đoạn 2016-2020**

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
<b>GRDP</b> (tỷ đồng)	730.000,9	806.000,3	883.000,1	973.000,4	1020.000
Nông, lâm, thủy sản	18.000,2	17.000,5	19.000,0	19.000,6	22.000,9
<b>Cơ cấu GRDP (%)</b>	2,5	2,2	2,2	2,0	2,2
<b>Tăng trưởng GRDP (%)</b>	3,0	1,62	4,0	-0,09	4,54

- Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn còn ít, việc hình thành các vùng sản xuất tập trung thực hiện chậm, hiệu quả chưa cao so với quy hoạch phát triển

TT	Loại cây trồng	Quy hoạch (ha)	Thực hiện đến năm 2018 (ha)	Hiện có đến năm 2020 (ha)
1	Lúa	54.952	22.340	25.415
2	Rau	6.685	2.696	4.724,7

3	Hoa, cây cảnh	1.616	996	1.246,91
4	Cây ăn quả	11.091	4.275	4.787,63
5	Chè	2.050	980	960

(Số liệu do Sở NNPTNT cung cấp tháng 4/2022)

(ii) Các chủ thể kinh tế nông thôn:

- Việc tập trung, tích tụ đất đai, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp vào các đơn vị sản xuất nông nghiệp CNC, sinh thái gặp nhiều khó khăn do thiếu các cơ chế pháp lý đặc thù thúc đẩy quá trình góp đất, thuê, chuyển nhượng QSDĐ trong sản xuất nông nghiệp giữa hộ nông dân, chủ trang trại, HTX và doanh nghiệp<sup>66</sup>, thiếu chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp lớn, tập trung; việc phát triển nghề và làng nghề còn mang tính tự phát, phân tán, thiếu bền vững, quy mô nhỏ lẻ, dẫn đến khó đầu tư, cải tiến và áp dụng CNC.

- Hiệu quả hỗ trợ *chuyển giao ứng dụng KHCN trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp* theo chuỗi tuần hoàn, tạo thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực của Thủ đô, đặc biệt là việc khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu bảo vệ, phát triển sản xuất ứng dụng CNC phát triển các loại giống đặc sản bản địa có giá trị cao còn hạn chế<sup>67</sup>; sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC chỉ đạt 32% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Việc tái cơ cấu nông nghiệp, hình thành liên kết giữa các chủ thể kinh tế nông thôn (Doanh nghiệp - HTX - Trang trại - Hộ nông dân)<sup>68</sup> trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị của Thủ đô Hà Nội và Vùng Thủ đô chưa tương xứng tiềm lực, tỷ lệ nông sản được chế biến sâu còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu hình thành sản phẩm hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

**b) Tác động về xã hội:**

(i) Nhà nước:

- Hạ tầng KTXH nông thôn tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa theo kịp yêu cầu phát triển nông thôn hiện đại theo hướng đô thị hoá. Việc xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành nông thôn, nông nghiệp của Thủ đô đều gặp vướng mắc, chậm, thậm chí là chưa được triển khai trong quá trình thực hiện Luật Quy hoạch<sup>69</sup> làm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước và định

<sup>66</sup>Về cơ bản, Hà Nội mới chỉ hoàn thành việc dồn điền, đổi thửa được 79.454,3ha với diện tích dôi ra 1.836,9ha tạo điều kiện mở rộng quy hoạch các công trình phúc lợi, quy hoạch đấu giá QSDĐ tạo nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

<sup>67</sup>Do thiếu chính sách cụ thể hỗ trợ cho chủ nguồn giống để duy trì cây đầu dòng cây ăn quả các giống đặc sản nên đã có tới 11,5% cây đầu dòng do Sở NNPTNT cấp cho các chủ nuôi bị huỷ bỏ quyết định công nhận.

<sup>68</sup>Tính đến 3.2021, Hà Nội có 1235 HTX nông nghiệp (trong đó có 145 HTX dừng sản xuất, chờ giải thể) 1.543 tổ hợp tác, 1.581 trang trại, 313 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận trong tổng số 1.350 làng có nghề.

<sup>69</sup>Theo Báo cáo của Sở NNPTNT, giai đoạn 2011-2020, Sở NNPTNT đã tham mưu, xây dựng, theo dõi 10 quy hoạch chuyên ngành. Tuy nhiên theo Luật Quy hoạch thì các nội dung này đều là thành phần trong phương án quy hoạch và được nghiên cứu khi lập Quy hoạch Thành phố (hiện đang triển khai nhiệm vụ quy hoạch), vì

hướng phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn Thành phố.

- Chưa thu hút, huy động được nhiều nguồn lực xã hội cho việc phát triển các công trình hạ tầng KTXH (y tế, giáo dục, văn hoá, xử lý môi trường...).

- Các hạn chế về tác động kinh tế trực tiếp ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu về phát triển việc làm, giải quyết tình trạng thất nghiệp trong lao động nông thôn; việc nâng cao chất lượng môi trường, vệ sinh chậm chuyển biến.

Sản xuất nông nghiệp nhỏ, manh mún, chậm ứng dụng CNC đã tạo áp lực không nhỏ lên môi trường do sử dụng hoá chất trong trồng trọt (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ước tính mỗi năm có tới 50-70% lượng phân bón vô cơ không được cây trồng hấp thu thải ra môi trường), do lượng lớn các phụ phẩm sau thu hoạch từ các loại cây trồng lúa, ngô, mía...(năm 2019 phát sinh 94,715 nghìn tấn trên cả nước, phần lớn không được tái chế sử dụng, bị bỏ và đốt ngoài đồng, gây ô nhiễm nặng), do thức ăn dư thừa, CTR, nước thải có chứa các chất độc hại trong chăn nuôi, do việc chưa có quy hoạch chi tiết cho các vùng nuôi trồng thủy sản dẫn đến rất khó khăn trong việc xử lý nước thải, chất thải dịch bệnh từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản...

Đặc biệt là các áp lực lên môi trường do quá trình sản xuất ở các làng nghề. Năm 2013, trong số 47 làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng trên toàn quốc có 32 làng nghề ở miền Bắc, riêng Thủ đô Hà Nội có tới 08 làng nghề (cao nhất cả nước) thuộc diện phải giải quyết triệt để ô nhiễm môi trường theo Quyết định 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ<sup>70</sup>.

- Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá nông thôn, văn hoá làng nghề, quản lý khai thác và tổ chức hoạt động các thiết chế văn hoá cơ sở trong xây dựng và phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh nhiều hạn chế. Mặt khác, việc phát triển có tính tự phát các hoạt động du lịch làng nghề cũng tạo thêm áp lực lên môi trường nông thôn nói chung, môi trường làng nghề nói riêng

(ii) Nông dân, các chủ thể kinh tế nông thôn:

- Liên kết trong sản xuất giữa các chủ thể chưa được phát huy làm hạn chế vai trò, đóng góp chung của kinh tế tập thể và của hộ nông dân cho việc xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân.

- Trình độ lao động nông nghiệp còn thấp và ngày càng bị già hóa; việc đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt là nghề phi nông nghiệp ở những nơi bị thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa đáp ứng yêu cầu.

**c) Tác động về giới:** Chênh lệch đời sống giữa thành thị và nông thôn ngày càng cao, nhất là các xã thuần nông, xã dân tộc, miền núi, đặc biệt là khoảng cách về thu nhập, mức sống đối với các nhóm lao động yếu thế ở nông thôn (phụ nữ nghèo, dân tộc, người khuyết tật...).

---

vậy hiện nay các phương án quy hoạch này chưa được triển khai.

<sup>70</sup>Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020 của Bộ Tài nguyên, môi trường, Nhà xuất bản Dân trí, trang 15. Đến năm 2019, mới chỉ có 55% trong số 47 làng nghề có dự án xử lý ô nhiễm còn lại là chưa có dự án xử lý ô nhiễm, trong số đó có 08 làng nghề đã thu hẹp quy mô, thay đổi ngành nghề sản xuất hoặc chấm dứt hoạt động.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp này phù hợp với Hiến pháp năm 2013, cụ thể là Điều 34 về quyền hưởng chính sách an sinh xã hội của công dân, Điều 51 về việc Nhà nước khuyến khích doanh nhân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh, Điều 57 về việc Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tạo việc làm cho người lao động.

Ngoài không trái với Hiến pháp, Giải pháp này còn phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư... Do vậy, Giải pháp này không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các chính sách hiện tại, do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Giải pháp này tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, tại Điều 11 yêu cầu các quốc gia thành viên: thừa nhận quyền của mọi người được có một mức sống thích đáng cho bản thân và gia đình mình, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, nhà ở, và được không ngừng cải thiện điều kiện sống. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp thích hợp để bảo đảm việc thực hiện quyền này...”.

Do không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, do vậy Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

**5.4.2. Đánh giá tác động của Giải pháp 2**

Nội dung Giải pháp:

(1) Chính quyền thành phố Hà Nội ban hành các cơ chế đặc thù phát triển nông nghiệp, nông thôn: (1.1) Được phân cấp xây dựng và phê duyệt các quy hoạch về nông nghiệp Thủ đô, bao gồm cả quy định các định mức kinh tế kỹ thuật để xây dựng và thực hiện quy hoạch về nông nghiệp; (1.2) Cơ chế đặc thù để chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất nông nghiệp khác, tích tụ, tập trung đất đai, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp vào các đơn vị sản xuất nông nghiệp CNC, sinh thái (Cho thuê đất qua ngân hàng đất đai hoặc ngân hàng quỹ đất, góp cổ phần bằng đất nông nghiệp); (1.3) Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu bảo vệ, phát triển sản xuất các loại giống đặc



sản bản địa có giá trị cao đồng thời hỗ trợ nhập các loại giống gốc giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu để hình thành các cơ sở sản xuất giống, cung cấp cho sản xuất của Thành phố cũng như cả nước; hỗ trợ *chuyển giao ứng dụng KHCN trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp* theo chuỗi tuần hoàn, tạo thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực của Thủ đô; phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hoá gắn với tiêu chuẩn và thương hiệu địa phương; (1.4) Cơ chế *hỗ trợ ngoài quy định của trung ương* về phát triển HTX kiểu mới (mô hình doanh nghiệp “đặc biệt”, phù hợp với tính xã hội của khu vực nông thôn; phát triển kinh tế trang trại, gia trại liên kết với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với tiêu thụ sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề giàu bản sắc văn hoá Thủ đô.

(2) *Ban hành cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính* (cao hơn so với quy định của trung ương), *khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư* của cá nhân, tổ chức vào *phát triển nông nghiệp, nông thôn* (hỗ trợ đầu tư hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, CNC, sinh thái, đầu tư phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với HTX, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp sinh thái, CNC, sản xuất giống; hỗ trợ tiền sử dụng đất, thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu đối với HTX, doanh nghiệp sản xuất, cung ứng dịch vụ nông nghiệp...);

(3) *Thành phố ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn*: (3.1) Hỗ trợ về công nghệ, kỹ thuật, vay vốn để chuyển đổi nghề phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, CNC, dịch vụ hỗ trợ đô thị; (3.2) *Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của HTX, doanh nghiệp và thị trường* gắn với giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu cách mạng khoa học 4.0 và chuyển đổi số nông nghiệp.

#### **a) Tác động về kinh tế:**

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

- Trên cơ sở được phân cấp xây dựng và phê duyệt các quy hoạch nông nghiệp, Chính quyền thành phố Hà Nội có thể chủ *động lập, điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành nông nghiệp* phù hợp với Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch vùng Thủ đô để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái, với việc cơ cấu lại các ngành, nghề sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, xanh, ứng dụng CNC, xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí đô thị hóa, để phục vụ quá trình đô thị hoá, trong đó tái cơ cấu nông nghiệp là nền tảng then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân là chủ thể của toàn bộ quá trình phát triển nông nghiệp sinh thái, CNC, hội nhập quốc tế, thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Việc ban hành và áp dụng cơ chế đặc thù chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất nông nghiệp khác và huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp được coi là một giải pháp đột phá nhằm tháo gỡ “điểm nghẽn” trong tích tụ, tập trung đất đai, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp để tạo sức hút mạnh mẽ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất nông nghiệp sinh thái tập trung quy mô lớn, ứng dụng CNC, tạo nên những vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, tập trung lớn.

Như đã phân tích ở Giải pháp 1, nếu việc tập trung, tích tụ đất chỉ dừng lại ở việc hoàn thành đồn điền, đổi thửa thì vẫn không thể hình thành được các quỹ đất đủ lớn để thu hút các chủ thể kinh tế nông thôn (chủ trang trại, HTX, nhất là các doanh nghiệp) đầu tư vào sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, CNC<sup>71</sup>.

Các cơ chế đặc thù để huy động vốn góp bằng đất nông nghiệp được đề xuất giao cho Thành phố xem xét ban hành bao gồm: (i) Áp dụng (thí điểm) cơ chế nông dân cho thuê đất qua **ngân hàng đất đai hoặc ngân hàng quỹ đất nông nghiệp (NHQĐNN)**<sup>72</sup>; (ii) Nông dân góp cổ phần bằng đất nông nghiệp vào doanh nghiệp hoặc trang trại lớn<sup>73</sup>

Đã có những nghiên cứu đề xuất mô hình NHQĐNN là một doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích thuộc Tổ chức phát triển quỹ đất<sup>74</sup>, theo hướng NHQĐNN là trung gian giữa chủ sử dụng đất và nhà đầu tư, thực hiện chức năng tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất nông nghiệp; nhận thuê, cho thuê; làm trung gian thực hiện các giao dịch về đất nông nghiệp khác (chuyển nhượng; nhận góp vốn bằng QSDĐ nông nghiệp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; thuê đất công ích của UBND xã; chuyển đổi QSDĐ nông nghiệp), bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư. Với mô hình này không cần thành lập tổ chức mới và sử dụng tối đa nhân lực hiện có của Tổ chức phát triển quỹ đất phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Cơ chế hoạt động của NHQĐNN và cơ chế quản lý, giám sát của các ban ngành, địa phương đối với hoạt động của NHQĐNN cần phải được điều chỉnh bằng luật vì liên quan đến quyền, lợi

<sup>71</sup> Theo Sở NNPTNT (Công văn 2615/SNN-KHTC ngày 16/8/2021), mặc dù công tác dồn điền, đổi thửa thực hiện cơ bản xong nhưng diện tích canh tác nông nghiệp của Thành phố phần lớn vẫn do các hộ nông dân nắm giữ với quy mô nhỏ lẻ, manh mún; một bộ phận nông dân không tổ chức canh tác, không thực hiện cải tạo, khiến đất đai bị thoái hoá, kém chất lượng, thậm chí bỏ hoang nhưng vẫn giữ ruộng đất, không cho thuê lại đất để doanh nghiệp, HTX đầu tư sản xuất; cho đến cuối năm 2018, hơn 90% đất nông nghiệp vẫn do các hộ nông dân và trang trại nắm giữ, doanh nghiệp chỉ nắm được 6% đất nông nghiệp.

<sup>72</sup> Thực tế cho thấy, Hình thức doanh nghiệp trực tiếp thuê đất của nông dân còn chiếm tỷ lệ nhỏ vì nhiều khó khăn, chẳng hạn khi thuê đất doanh nghiệp phải hợp đồng với quá nhiều đối tượng với những điều kiện và yêu cầu khác nhau nên rất khó đạt được thoả thuận về giá, thời gian thuê. Con số chỉ có 1% trong tổng số doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp là quá thấp mà nguyên nhân chủ yếu là không có cơ chế pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp có được phương tiện sản xuất cơ bản là đất đai tập trung quy mô lớn.

<sup>73</sup> Ở Hà Nội, diện tích bình quân 1 trang trại trồng trọt là 4,36ha; 1 trang trại nuôi trồng thủy sản là 6,0ha, 1 trang trại du lịch là 2,48ha..).

<sup>74</sup> Xem Đề xuất mô hình Ngân hàng Quỹ đất nông nghiệp tại Việt Nam

[http://tnmtnd.hanoi.gov.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=18015&catid=12&Itemid=130](http://tnmtnd.hanoi.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=18015&catid=12&Itemid=130)

ích cơ bản, thiết thân của người dân, các tổ chức kinh tế và của Nhà nước. Vì vậy, trong bối cảnh nếu pháp luật đất đai sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới chưa có định hướng rõ ràng về cơ chế tích tụ, tập trung đất đai và huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp thông qua NHQĐNN thì cần đề xuất Luật Thủ đô cho phép Thủ đô Hà Nội thực hiện theo cơ chế sandbox (thử nghiệm có kiểm soát chặt chẽ về thời gian và địa bàn áp dụng) đồng thời nghiên cứu xây dựng thể chế vận hành cơ chế này một cách hiệu quả.

- Về chi phí, đầu tư của Nhà nước, để thực hiện các biện pháp dự kiến trong Giải pháp 2, tổng nguồn vốn huy động đầu tư cho khu vực nông thôn giai đoạn 2021-2025 phải đạt **92.680 tỷ đồng** (tăng 15% so với giai đoạn 2016-2020), trong đó **NSNN đầu tư 83.700 tỷ đồng (chiếm 90,31%)**, **vốn huy động ngoài NSNN- 8.980 tỷ đồng** (doanh nghiệp, nhân dân góp và nguồn khác).

**Bảng 11: Tổng nhu cầu chi ngân sách cho các biện pháp hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn cao hơn quy định chung**

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1. Tổng chi NS cho đầu tư hạ tầng cho các vùng sản xuất chuyên canh (đường, xử lý môi trường)	4,938.0	4,828.0	4,811.0	4,805.0	4,748.0
2. Tổng chi ngân sách cho hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản	150.3	208.7	230.4	206.0	199.4
3. Số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với HTX, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp	2.4	2.5	3.0	3.0	3.0
4. Số tiền ưu đãi hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ công nghệ, giải pháp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng CNC và sản xuất theo chuỗi tuần hoàn	10.0	15.0	15.0	15.0	15.0
<b>Tổng cộng</b>	<b>5,100.7</b>	<b>5,054.2</b>	<b>5,059.4</b>	<b>5,029.0</b>	<b>4,965.4</b>

Nguồn: Số liệu thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; tính toán của Viện Nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội và Nhóm Chuyên gia (9/2021)

(ii) Nông dân, các chủ thể kinh tế nông thôn:

- Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ bảo vệ, phát triển sản xuất các loại giống đặc sản bản địa có giá trị cao đồng thời hỗ trợ nhập các loại giống gốc cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu sẽ thu hút nông dân và các chủ thể kinh tế nông thôn khác chủ trang trại, HTX... tham gia bảo tồn, nâng cao chất lượng, tạo mới, sản xuất và cung cấp các giống cây con đặc sản, chất lượng cao mang thương hiệu Thủ đô đáp ứng nhu cầu sản xuất của Thủ đô, vùng Thủ đô và cả nước.

- Các biện pháp Thành phố hỗ trợ nghiên cứu, chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với Chính sách KHCN của Thủ đô như: *Khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ* thông qua hỗ trợ hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) thuộc lĩnh vực ưu tiên như công nghệ sinh học, bảo vệ, phát triển giống cây trồng, vật nuôi đặc sản bản địa có giá trị cao nhằm phát triển sản phẩm mới, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, mở rộng và phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hoá gắn với tiêu chuẩn và thương hiệu địa phương; *áp dụng cơ chế hỗ trợ, chuyển giao công nghệ, sản phẩm từ nghiên cứu khoa học về nông nghiệp* theo cơ chế không phải bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đủ năng lực, điều kiện triển khai phát triển sản phẩm và cam kết phục vụ thị trường nông nghiệp Thủ đô<sup>75</sup>, khắc phục tình trạng một số chủ nguồn giống không đủ nguồn lực duy trì cây đầu dòng các giống đặc sản đã được Nhà nước cung cấp, chuyển giao.

- Ban hành cơ chế, chính sách *hỗ trợ vượt trội* nhằm thúc đẩy phát triển HTX kiểu mới, mô hình doanh nghiệp “đặc biệt”, phù hợp với tính xã hội của khu vực nông thôn Thủ đô, phát triển kinh tế trang trại, gia trại, thúc đẩy hình thành, củng cố liên kết chặt chẽ Doanh nghiệp - HTX - Trang trại - Hộ nông dân từ sản xuất đến tiêu thụ theo chuỗi giá trị chủ lực của địa phương tại các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, ứng dụng CNC, ổn định thị trường nông sản, chia sẻ rủi ro và lợi ích.

- Các cơ chế chính sách này phải vượt trội so với các quy định pháp luật hiện hành để có thể giải quyết, khắc phục các bất cập, rào cản đối với việc hình thành, phát triển các quan hệ sản xuất mới phù hợp với xu hướng phát triển các hình thức liên kết giữa các hộ nông dân - chủ thể chủ yếu của kinh tế nông thôn hiện nay với các chủ thể khác thông qua các phương thức như: tập trung, tích tụ ruộng đất cho các hộ nông dân sản xuất hàng hóa giỏi phát triển thành trang trại sản xuất hàng hoá lớn<sup>76</sup>; các hộ nông dân *góp vốn bằng QSDĐ*, liên kết với các doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn; tập trung, tích tụ ruộng đất cho doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng cao *bằng cho thuê hoặc chuyển nhượng QSDĐ* thông qua NHQĐNN.

- Tập trung phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị, hướng tới nông nghiệp hiện đại, ứng dụng CNC, phát triển các chuỗi sản xuất theo chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, VietGHAP. Đồng thời liên kết với phát triển du

<sup>75</sup> Theo Báo cáo của Sở NNPTNT hiện nay có 161 cơ sở sản xuất giống cây trồng, trong đó chỉ có các giống lúa là do HTX và Doanh nghiệp tham gia thực hiện còn các loại giống cây trồng, vật nuôi khác (giống hoa, giống rau, giống thủy sản...) chủ yếu do các HTX, hộ nông dân cá thể sản xuất.

<sup>76</sup> Theo Báo cáo của Sở NNPTNT, số lượng trang trại có liên kết sản xuất còn hạn chế; quy định thủ tục vay vốn đối với trang trại còn khó khăn, chưa có ưu đãi (thời gian vay ngắn, mức cho vay thấp); diện tích trang trại thuê công ích và thuê của người dân không được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nên chủ trang trại không thể thế chấp đối với tài sản này, thời gian thuê đất công ích không quá 5 năm một lần nên chủ trang trại không yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, ứng dụng CNC...

lich nông nghiệp sinh thái gắn với tiêu thụ sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề giàu bản sắc văn hoá Thủ đô.

Các biện pháp trên được dự báo sẽ tác động tích cực góp phần đạt được mục tiêu phát triển các chủ thể kinh tế nông thôn giai đoạn 2021-2030:

- *HTX*<sup>77</sup>: thành lập mới 70 HTX/năm; khoảng 70% HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; đến năm 2030 có 150 HTX ứng dụng CNC vào sản xuất và tiêu thụ nông sản, thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hoá nông sản; mỗi quận, huyện, thị xã có 3-4 mô hình HTX kiểu mới điển hình vững mạnh trong liên kết và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, ứng dụng CNC.

- *Trang trại*<sup>78</sup>: ban hành thể chế về phát triển kinh tế trang trại theo hướng xanh, bền vững gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm; Ban hành bộ tiêu chí trang trại nông nghiệp gắn với du lịch, về xây dựng công trình trên đất của trang trại; Xây dựng một số mô hình kinh tế trang trại điểu về ứng dụng CNC, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn, sản xuất theo chuỗi trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.

- *Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào Nông nghiệp, nông thôn*. Thực hiện chính sách này, dự báo mỗi năm có khoảng 30-50 doanh nghiệp sẽ tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước, đặc biệt là thu hút các *DNNN ứng dụng CNC* phát triển mũi nhọn- giống con, cây trồng chất lượng cao cho toàn quốc. Các doanh nghiệp nói chung, *DNNN ứng dụng CNC* nói riêng giữ vai trò trọng tâm giải quyết khâu vốn, bao gồm cả vay, thuê QSDĐ thông qua NHQĐNN, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, định hướng sản xuất theo nhu cầu của thị trường; người nông dân/chủ trang trại là chủ thể của sản xuất gắn kết với doanh nghiệp, đảm bảo kết nối quá trình sản xuất với thị trường tiêu thụ, tăng thu nhập trên một đơn vị sản phẩm và tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Phát triển *Cụm công nghiệp (CCN)*<sup>79</sup> theo hướng văn minh, hiện đại để chuẩn bị xây dựng, tích hợp phương án phát triển CCN thành phố vào Quy hoạch Thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm; đưa ra khỏi quy hoạch những CCN không còn phù hợp, bổ sung quy hoạch mới những CCN theo nhu cầu phát triển KTXH; điều chỉnh vị trí, quy mô các CCN trong đó ưu tiên mở rộng các CCN hiện có, gắn với làng nghề<sup>80</sup>; các CCN quy hoạch mới, mở rộng được đảm bảo đủ diện tích để xây dựng đồng bộ hạ tầng.

- *Làng nghề*: xây dựng, triển khai 17 dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch, nâng cao chất lượng các điểm đến du lịch văn hoá, di sản, làng nghề theo Bộ tiêu chí đánh giá công nhận khu du lịch, điểm du lịch chất lượng cao của Thành phố<sup>81</sup>; khuyến khích các

<sup>77</sup>Năm 2021, Thành phố Hà Nội có 1.116 HTX đang hoạt động với số vốn trung bình là 1.391,1 triệu đồng/HTX, doanh thu bình quân của HTX=1.705 triệu đồng, lãi bình quân/năm trung bình của HTX nông nghiệp là 168 triệu đồng, thu nhập bình quân của lao động thường xuyên là 26 triệu đồng/năm;

<sup>78</sup>Toàn thành phố có 1.701 trang trại, diện tích bình quân 1,48ha/trang trại; diện tích trung bình 01 trang trại trồng trọt=5,68ha, nuôi trồng thủy sản=5,03ha; trang trại tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp= 4,53ha và trang trại chăn nuôi=0,79ha. Số lao động bình quân 3,16 người/trang trại

<sup>79</sup>Hiện có 70/104 CCN đang hoạt động (bao gồm 45 CCN và 25 CCN làng nghề) với 4.169 hộ, doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh (trong đó, hộ kinh doanh cá thể chiếm 44,5%, Công ty TNHH 1/nhiều thành viên chiếm 37,65 %; Công ty cổ phần chiếm 17,87 %) với gần 80.000 lao động, nộp ngân sách bình quân hàng năm trên 1.200 tỷ đồng).

<sup>80</sup>Hơn 2.000 hộ, cơ sở sản xuất với tổng số: 9.425 lao động thường xuyên gây ô nhiễm làng nghề đã di chuyển ra các cụm công nghiệp tập trung.

<sup>81</sup>Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố Hà Nội đến 2020, định hướng đến 2030; Quyết định 3928/QĐ-UBND ngày 13/8/2021).

quận, huyện, thị xã đầu tư phát triển 1-2 sản phẩm du lịch đặc thù, hoàn chỉnh trên cơ sở các di tích lịch sử-văn hoá, làng nghề, danh lam nổi trội của địa phương; xây dựng các tour, tuyến du lịch liên kết các điểm, cụm du lịch tại các làng nghề trọng điểm (gồm sứ, dệt lụa, sơn mài..) gắn với chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) kết hợp cung ứng trải nghiệm thực tế cho du khách qua việc tham gia các hoạt động sản xuất trực tiếp.

### Tác động tiêu cực:

Mặc dù tổng chi ngân sách cho đầu tư hạ tầng cho các vùng sản xuất chuyên canh (đường, xử lý môi trường) đã chiếm tới 95-96% tổng nhu cầu chi NSNN cho phát triển nông nghiệp, nông thôn nhưng cũng chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu phát triển trên thực tế, vì vậy, việc thu hút các nguồn lực tư nhân, xã hội đầu tư cho phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn luôn là nhu cầu và thách thức lớn. Vì vậy, cần nghiên cứu áp dụng hợp lý các giải pháp thu hút đầu tư tư nhân dưới tác động lan tỏa trực tiếp và gián tiếp từ nguồn vốn đầu tư công nhằm đảm bảo đáp ứng được tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong giai đoạn 2021-2030 và các giai đoạn tiếp theo.

### **b) Tác động về xã hội:**

(i) Nhà nước: cùng với phát triển nông nghiệp sinh thái, Nhà nước đảm bảo thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới: xây quy hoạch đề án xây dựng nông thôn mới, xây dựng kết cấu hạ tầng KTXH nông thôn theo hướng phát triển đô thị. Đến năm 2025 hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới cấp thành phố với 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 40% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 20% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

(ii) Nông dân và các chủ thể kinh tế nông thôn:

- *Được hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao* ở khu vực nông thôn. Đây là biện pháp chiến lược, đột phá trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

+ *Đối với nông dân:* Nhà nước tăng cường đầu tư cho GDĐT, thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng từ bậc phổ thông ở khu vực nông thôn... Hỗ trợ hộ nông dân thông qua HTX<sup>82</sup> như hỗ trợ kinh phí tập huấn, kết nối doanh nghiệp, ưu tiên cho vay theo chuỗi liên kết, ký kết hợp đồng kinh tế...; thực hiện tốt các chương trình, đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn để hình thành và phát triển đội ngũ “công nhân nông nghiệp” có kỹ năng, có kiến thức khoa học kỹ thuật; đạt tỷ lệ lao động qua đào tạo là 75-80%, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55-60%.

+ *Đối với cán bộ chủ chốt của HTX:* Thực hiện chính sách thí điểm ưu đãi đưa sinh viên tốt nghiệp Đại học, cao đẳng, trên đại học về làm việc ở HTX, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt của HTX; 30% cán bộ quản lý HTX nông nghiệp

<sup>82</sup> Theo QĐ1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025, ND83/2018/NĐ-CP và ND93/2018/NĐ-CP về Khuyến nông...

tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên; 80% giám đốc HTX nông nghiệp được đào tạo nghề giám đốc.

+ *Đối với chủ trang trại*, Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, ứng dụng khoa học CNC, xúc tiến thương mại điện tử, liên kết chuỗi trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. *Đối với làng nghề, các hộ sản xuất- kinh doanh nghề truyền thống kết hợp dịch vụ du lịch*: hỗ trợ tài liệu hướng dẫn và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ định hướng đầu tư kinh doanh du lịch, phát triển du lịch làng nghề, du lịch nông thôn cho cán bộ cơ sở, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng nhân dân đầu tư phát triển du lịch.

### **c) Tác động về giới:**

Các biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân tác động tích cực cả về kinh tế và xã hội đối với bình đẳng giới, tạo cơ hội, điều kiện tiếp cận các nguồn lực và nâng cao năng lực bình đẳng cho lao động nông thôn cả nam và nữ (tiếp cận vốn vay ưu đãi để sản xuất, hỗ trợ công nghệ, giải pháp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng CNC vào sản xuất theo chuỗi tuần hoàn...), nhờ đó tham gia bình đẳng với tư cách là người chủ của cả chuỗi sản xuất- tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, du lịch nông thôn.

### **d) Tác động của thủ tục hành chính:**

Việc thực hiện giải pháp sẽ làm phát sinh TTHC liên quan đến quá trình người dân, tổ chức tiếp cận và nhận các ưu đãi, hỗ trợ hoạt động đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, tại dự án Luật sẽ không quy định cụ thể về các TTHC này mà giao cho HĐND, UBND Thành phố quy định cụ thể cơ chế chính sách và trình tự, thủ tục thực hiện chính sách.

*(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

### **e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 2 phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (các Điều 34, Điều 51, Điều 57). Tuy nhiên, “Cơ chế đặc thù để chuyển nhượng, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp vào các đơn vị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái” không phù hợp với quy định của Luật Đất đai (các quy định chặt chẽ về điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp và góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp). Do vậy, về tổng thể, Giải pháp 2 chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 2 không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc*

*tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp 2 cũng tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, tại Điều 11 yêu cầu các quốc gia thành viên: thừa nhận quyền của mọi người được có một mức sống thích đáng cho bản thân và gia đình mình, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, nhà ở, và được không ngừng cải thiện điều kiện sống. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp thích hợp để bảo đảm việc thực hiện quyền này”.

Vì không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, nên Giải pháp 2 không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

#### 5.4.3. Đánh giá tác động của Giải pháp 3

**Giải pháp 3:** Gồm Giải pháp 2 và các biện pháp nâng cao chất lượng sống và chất lượng môi trường nông nghiệp, nông thôn:

(1) *Quy định chính sách hỗ trợ nông dân, người lao động tại các tổ chức kinh tế nông nghiệp tham gia BHXH, tham gia tổ chức công đoàn/tổ chức đại diện bảo vệ người lao động ở cơ sở.*

(2) *Nghiên cứu quy định và áp dụng các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt là các làng nghề:*

(2.1) Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường làng nghề, làng nghề - du lịch của Thủ đô;

(2.2) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào, xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp;

(2.3) Quy định biện pháp ưu đãi đầu tư, hỗ trợ xây dựng các khu vực thu gom, xử lý rác thải tập trung liên xã, liên huyện đáp ứng yêu cầu BVMT nông thôn xanh, hiện đại.

#### **a) Tác động về kinh tế:**

##### Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Ngoài những tác động tích cực như Giải pháp 2, các biện pháp của giải pháp 3 sẽ góp phần bảo đảm, thúc đẩy phát triển bền vững nông thôn Thủ đô, khai thác, phát huy tiềm năng kinh tế và giá trị văn hoá của du lịch làng nghề, du lịch sinh thái đóng góp vào tăng trưởng GRDP của Thủ đô, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ngoại thành theo hướng thương mại - dịch vụ, hiện đại hóa, gắn kết với phát triển làng nghề chung cả nước.

Tỷ trọng SX nghề, làng nghề/tổng giá trị SXCN-TTCN	2015 <b>8,4%</b>	2020 <b>8,5%</b>	2030 <b>8,9%</b>
--	---------------------	---------------------	---------------------



Làng có nghề		1.350	<b>1.500</b> (65,33% tổng số làng ở ngoại thành thành phố)
Làng nghề kết hợp với du lịch		2011-2020: 10 làng	2021-2030: 7 làng

Tuy nhiên, để thực hiện quy hoạch phát triển nghề, làng nghề ở Thủ đô đến năm 2030 theo hướng phát triển làng nghề song song với khôi phục, phát triển ngành nghề truyền thống, ổn định thị trường tiêu thụ, bảo đảm an toàn về môi trường sinh thái<sup>83</sup> Chính quyền Thành phố có trách nhiệm<sup>84</sup> xây dựng, ban hành cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường của các làng nghề; khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn bằng các công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường; tổ chức di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư.

Theo Quy hoạch, trong giai đoạn 2021-2030: i/ phát triển làng 07 làng nghề kết hợp với du lịch; ii/hạn chế phát triển hoặc chuyển hướng nghề mới, hoặc di dời vào cụm công nghiệp các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối với 06 làng nghề; xử lý ô nhiễm môi trường 20 làng nghề; nâng cấp cơ sở hạ tầng (20 làng nghề);

*Các chỉ tiêu môi trường nông thôn, làng nghề*

- Tỷ lệ hộ nông thôn được cung cấp nước sạch=100%
- Tỷ lệ thu gom và xử lý CTRSH nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn=100%
- Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải 100%

Việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường làng nghề, làng nghề - du lịch của Thủ đô sẽ tạo thể chế bổ sung, đồng bộ với việc ban hành và thực hiện thí điểm Bộ tiêu chí đánh giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025<sup>85</sup> làm căn cứ để các tổ chức, cá nhân, đơn vị quản lý điểm du lịch - làng nghề, khu du lịch sinh thái - làng nghề xây dựng kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng điểm đến; các cơ quan quản lý nhà nước định hướng trong công tác đầu tư phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch làng nghề trên địa bàn Thành phố, thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển nghề, làng nghề.

Việc quy định các biện pháp ưu đãi đầu tư, hỗ trợ các hoạt động BVMT

<sup>83</sup> Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 ban hành Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

<sup>84</sup> Khoản 6 Điều 56 Luật BVMT 2020 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc BVMT của làng nghề: i) Quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề gắn với BVMT; ii) Bố trí ngân sách cho hoạt động BVMT làng nghề; iii) Chỉ đạo, tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn; iv) Chỉ đạo xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý CTR thông thường, chất thải nguy hại cho làng nghề; v) Có kế hoạch di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài ra khỏi khu dân cư, làng nghề.

<sup>85</sup> Quyết định số: 3928/QĐ-UBND ngày 13/8/2021.

nông thôn, đặc biệt là môi trường làng nghề tập trung vào việc hỗ trợ xây dựng các khu vực thu gom, xử lý rác thải tập trung liên xã, liên huyện, với việc khuyến khích thu hút các dự án đầu tư ngành nghề thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải; các doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, công nghệ tiết kiệm năng lượng, doanh nghiệp sản xuất, cung cấp thiết bị xử lý nước thải tại chỗ cho cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô hộ gia đình... Việc hỗ trợ cũng được áp dụng đối với các hoạt động BVMT không phải là hoạt động đầu tư kinh doanh, chẳng hạn như xử lý cải tạo môi trường bãi chôn lấp CTRSH; hoạt động di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cụm công nghiệp; di dời cơ sở đang hoạt động để đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường hoặc thực hiện lộ trình quy hoạch phát triển làng nghề...

Nội dung ưu đãi, hỗ trợ bao gồm hỗ trợ vốn, đất đai, ưu đãi về thuế, phí, trong đó, hỗ trợ về vốn đầu tư có thể từ Quỹ BVMT Việt Nam, Quỹ BVMT của Thành phố. Quỹ BVMT Hà Nội với vốn điều lệ năm 2016 là 300 tỷ đồng được cấp từ nguồn ngân sách thành phố, với lãi suất cho vay là 5,4%/năm, thời hạn cho vay từ 3-10 năm, trong giai đoạn 2009-2016, Quỹ đã cho vay trên 40 dự án, với số tiền gần 250 tỷ đồng, trong đó có các dự án thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới, Dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải tại các làng nghề; xây dựng hệ thống hầm biogas xử lý chất thải của các trang trại chăn nuôi lợn tập trung.

Các biện pháp thu hút đầu tư vào lĩnh vực phát triển hạ tầng nông thôn, BVMT nông thôn, đặc biệt là làng nghề, như đã đề cập<sup>86</sup> tại Giải pháp 2, cần được thực hiện theo các nguyên tắc, phương thức thực hiện theo đề xuất tại Chính sách 3 (nâng cao năng lực tài chính - ngân sách và huy động nguồn lực cho phát triển Thủ đô), bao gồm cả việc đặt hàng, giao nhiệm vụ... và quy định nguyên tắc, nội dung xác định đơn giá, phương thức thanh toán ngoài các quy định của Trung ương đối với việc cung cấp dịch vụ xử lý ô nhiễm môi trường, xử lý nước thải sinh hoạt đồng xử lý CTRSH, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của Thủ đô.

(ii) Nông dân:

- Được hưởng sự hỗ trợ của Nhà nước khi tham gia BHXH tự nguyện với mức đến 25% (cho người thuộc hộ cận nghèo) và 30% (cho người thuộc hộ nghèo) trên mức đóng BHXH hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025 là 2 triệu đồng/tháng<sup>87</sup>. Kết quả tổng rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 của Thủ đô cho thấy hiện có 3.612 hộ nghèo (chiếm 0,16%); 30.176 hộ cận nghèo (chiếm 1,38%) được hưởng mức hỗ trợ này. Các đối tượng khác là người lao động thường xuyên tại các tổ chức kinh tế nông thôn đều được hưởng mức hỗ trợ 10%

<sup>86</sup> Nguyễn Thị Kim Thanh - Quỹ BVMT Hà Nội - Đồng hành cùng doanh nghiệp cải thiện môi trường. Tạp chí Môi trường số 7/2016.

<sup>87</sup> Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

trên mức đóng BHXH hàng tháng.

- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy phát triển nghề, làng nghề theo Quy hoạch đến năm 2030 sẽ tạo việc làm ổn định cho khoảng 800 ngàn đến 1 triệu lao động nông thôn, trong đó tạo việc làm mới cho khoảng 200 nghìn lao động. Dự báo thu nhập bình quân đầu người từ ngành nghề đạt 35-40 triệu đồng/năm vào năm 2020, 50-60 triệu đồng/năm vào năm 2030<sup>88</sup>.

#### Tác động tiêu cực:

Việc huy động, thu hút nguồn lực đầu tư từ doanh nghiệp, từ xã hội còn gặp khó khăn, hạn chế do việc đầu tư của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường có chi phí lớn, thời gian hoàn vốn dài, hiệu quả kinh doanh thấp, trong khi các chính sách tín dụng đối với dự án môi trường không khác biệt nhiều so với các loại hình dự án kinh doanh, dịch vụ khác (phải có tài sản đảm bảo, tuân thủ các quy định về đầu tư xây dựng, đấu thầu...) gây khó khăn cho các chủ đầu tư tiếp cận vốn ưu đãi của Quỹ BVMT.

#### **b) Tác động về xã hội:**

- Các biện pháp hỗ trợ phát triển làng nghề gắn với du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm cùng với các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường các làng nghề theo Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới hiện đại, phát triển bền vững; khai thác, phát huy mọi tiềm năng lợi thế làng nghề, góp phần tạo việc làm tại chỗ trên các lĩnh vực của sản xuất nông nghiệp (cung cấp nguyên liệu cho chế biến nông lâm sản, vận tải hàng hóa và các dịch vụ khác...) và sản xuất làng nghề, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, khuyến khích lao động ở lại nông thôn làm giàu theo phương châm “ly nông bất ly hương”, qua đó, góp phần phân bố lại dân cư theo hướng hình thành các vùng nông thôn gắn với công nghiệp - nông nghiệp hàng hoá lớn, thương mại - dịch vụ - du lịch đồng thời, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể mang đậm bản sắc của nông thôn Thủ đô.

- Việc ban hành và thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật môi trường làng nghề, Bộ tiêu chí *đánh giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao* với các tiêu chí bắt buộc về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội cùng với tiêu chí tỷ lệ tối thiểu lao động là người địa phương, tỷ lệ tối thiểu hộ gia đình của địa phương được tham gia kinh doanh tại điểm, khu du lịch góp phần huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư nông thôn, đặc biệt tại các làng nghề, vào việc BVMT, nâng cao chất lượng môi trường tự nhiên và môi trường xã hội ở khu vực có điểm, khu du lịch, đặc biệt là du lịch làng nghề.

- Các biện pháp này đều có tác động tích cực đến sức khỏe cộng đồng, đến

<sup>88</sup>Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/1/2013 ban hành Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

hệ sinh thái nông thôn, làng nghề; giảm gánh nặng bệnh tật; giảm nguy cơ xung đột xã hội phát sinh từ xung đột môi trường mà ví dụ điển hình là vụ việc xung đột liên quan đến khu liên hợp xử lý CTR Nam Sơn.

**c) Tác động về giới:**

Các tác động tích cực về kinh tế và xã hội đã tạo ra các cơ hội, điều kiện bình đẳng cho cả nam và nữ tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ cho phát triển kinh tế nông thôn, kinh tế làng nghề, giải quyết ô nhiễm môi trường, đặc biệt các tác động về việc làm, môi trường, sức khỏe đem lại những lợi ích to lớn cho phụ nữ, trẻ em nông thôn, nhóm yếu thế (người nghèo, người khuyết tật...).

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** như Giải pháp 2.

**d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 3 phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (các Điều 34, Điều 51, Điều 57). Ngoài ra, các cơ chế đặc thù về hỗ trợ cho nông dân và bảo vệ môi trường và phát triển du lịch sinh thái ở các vùng nông thôn theo Giải pháp 3 cũng phù hợp với các VBQPPL hiện hành có liên quan như Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Công đoàn, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Du lịch...

Tuy nhiên, “Cơ chế đặc thù để chuyển nhượng, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp vào các đơn vị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái” không phù hợp với quy định của Luật Đất đai (các quy định chặt chẽ về điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp và góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp).

Do vậy, cũng như Giải pháp 2, Giải pháp 3 này chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Tương tự như Giải pháp 2.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 2 này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

**5.5. Kiến nghị Giải pháp được lựa chọn:**

Giải pháp 3 là Giải pháp hợp lý, ưu tiên đề xuất lựa chọn để đạt được mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2030.

Thẩm quyền ban hành chính sách này thuộc về Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua việc Quốc hội thông qua dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

## 6. CHÍNH SÁCH 6: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THỦ ĐÔ

### 6.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong những năm qua, phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh tiếp tục đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội. Thành phố luôn xác định, coi trọng phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh là trung tâm trong chính sách phát triển bền vững của Thủ đô. Giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư phát triển văn hóa tăng 30% so với thời kỳ trước. Thủ đô Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước trở thành thành viên mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” của UNESCO. Những năm gần đây, công nghiệp văn hóa (CNVH) Thủ đô đã có bước phát triển nhất định, đóng góp khoảng 1,49 tỷ USD vào tổng sản phẩm trên địa bàn (chiếm tỷ trọng **3,7% GRDP** của Thành phố, theo số liệu năm 2018)<sup>89</sup>. Với số lượng di tích đứng đầu cả nước gồm 5.922 di tích các loại<sup>90</sup>, trong đó có 05 di sản thế giới, Thành phố đã triển khai và đạt được một số kết quả tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của Thủ đô; quan tâm tới việc vinh danh các nghệ nhân trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể (Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước về số lượng nghệ nhân trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể được Nhà nước phong tặng). Bên cạnh những thành tựu đạt được, phát triển văn hóa và con người Hà Nội chưa xứng tầm với vai trò, vị thế của Thủ đô. Việc bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh, bề dày văn hóa lịch sử Thủ đô. Một số di sản, giá trị văn hóa tinh thần người Hà Nội đang dần bị mai một<sup>91</sup>. Hệ thống thiết chế văn hóa cả ở cấp Thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ; hiệu quả sử dụng chưa cao. Xã hội hóa và huy động, sử dụng nguồn lực xã hội trong lĩnh vực văn hoá còn bất cập.<sup>92</sup> Lĩnh vực văn học nghệ thuật chưa huy động được hết tiềm năng sáng tạo và tâm huyết của trí thức - văn nghệ sỹ, chưa có nhiều tác phẩm xuất sắc. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa chưa được chú trọng đúng mức. Phát triển công nghiệp văn hóa; quảng bá văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt kết quả như mong

<sup>89</sup> Hà Nội đã đặt mục tiêu phấn đấu doanh thu từ công nghiệp văn hóa đạt 5% GRDP của Thành phố vào năm 2025, 8% vào năm 2030 và 10% vào năm 2045.

<sup>90</sup> Theo Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn Thành phố.

<sup>91</sup> Trong giai đoạn 2013-2020, trong 5.922 di tích trên địa bàn Thành phố, có 1.617 di tích xuống cấp thì mới có 1.125 di tích được tu bổ, tôn tạo, đạt tỷ lệ 70%, còn 492 di tích xuống cấp (chiếm 30%) cần được tu bổ, tôn tạo nhưng chưa có nguồn lực cần thiết để tu bổ, tôn tạo. Trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo, tổng số di tích cần tu bổ, tôn tạo là 1.284 di tích, với tổng kinh phí cần sử dụng là 30.369 tỷ đồng trong đó 55 dự án cấp thành phố cần 6.280 tỷ đồng, 1.229 dự án cấp huyện cần 24.089 tỷ đồng. Hiện tại, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã đề nghị ngân sách Thành phố hỗ trợ là 14.743 tỷ đồng.

<sup>92</sup> Giai đoạn 2016-2020, tổng số dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích trên toàn Thành phố là 492 dự án với tổng kinh phí đầu tư là 3.461 tỷ đồng, trong đó, ngân sách Thành phố đầu tư là 324 tỷ đồng, ngân sách cấp quận, huyện, thị xã là 2.264 tỷ đồng, ngân sách xã hội hóa là 873 tỷ đồng (chiếm 25,22% tổng kinh phí đầu tư vào các dự án).

muốn. Văn hóa ứng xử của người dân trong gia đình và nơi công cộng chuyên biến chưa đồng đều, thiếu bền vững. Văn hóa chưa thực sự trở thành nguồn sức mạnh, nguồn động lực cho phát triển KTXH, hội nhập quốc tế của Thủ đô. Nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa còn hạn hẹp, chủ yếu từ NSNN trong khi việc thu hút, huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội cho bảo vệ, phát triển văn hóa còn hạn chế.

Nếu những vấn đề bất cập kể trên không được khắc phục thì công tác triển khai cụ thể hóa định hướng chính sách của Đảng, Nhà nước và Thành phố về văn hóa sẽ không phát huy được hiệu quả, khó đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định, không phát huy được các lợi thế so sánh, tiềm năng thế mạnh về văn hóa, con người Hà Nội, không nắm bắt được các cơ hội từ Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từ hội nhập quốc tế, từ lợi thế của nguồn nhân lực đang ở thời kỳ cuối của giai đoạn cơ cấu dân số vàng. Thành phố sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ như: nhiều di sản văn hóa vật thể trên địa bàn Thủ đô sẽ bị xuống cấp, hư hại, không được bảo tồn, tu bổ, tôn tạo kịp thời. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể sẽ bị mai một, thất truyền. Đặc biệt, khó đạt được mục tiêu phát triển ngành CNVH Thủ đô trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa Thủ đô thành một trong những trung tâm CNVH hàng đầu của cả nước, tạo nền tảng vững chắc, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển thương hiệu “Thành phố sáng tạo” trở thành Thành phố sáng tạo của khu vực châu Á, thành phố kết nối toàn cầu, trung tâm văn hóa, du lịch lớn, đặc sắc, có sức cạnh tranh quốc tế.

Đối với lĩnh vực giáo dục, trong những năm qua, trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, việc phát triển GDĐT của Thủ đô đạt những kết quả tích cực: GDĐT của Thủ đô liên tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, về chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, về số học sinh đạt giải cao ở các kỳ thi quốc gia, quốc tế; 100% giáo viên đứng lớp đạt chuẩn, tỷ lệ trên chuẩn cao. Năm 2020, Thủ đô Hà Nội được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi sớm trước thời hạn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo 02 năm và trước kế hoạch của Thành phố 01 năm. Đến tháng 3/2022, Thủ đô Hà Nội có 22 trường chất lượng cao, trong đó có 16 trường công lập. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố là 63,9% (1.791/2.802), trong đó, chỉ tiêu trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 75% đã hoàn thành trước 2 năm so với Kế hoạch. Hợp tác quốc tế về giáo dục được đẩy mạnh. Cơ chế tự chủ gắn với xây dựng trường chất lượng cao được triển khai. Hạ tầng giáo dục và cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tập trung đầu tư, trang bị khá đồng bộ, hiện đại. Giáo dục nghề nghiệp có bước phát triển, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 53,14% năm 2015 lên 70,2% năm 2020. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đào tạo 48% năm 2020<sup>93</sup>. Tuy nhiên, việc phát triển GDĐT của Thủ đô còn gặp không ít khó khăn, thách thức, thể hiện ở

<sup>93</sup> Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô.

những hạn chế, bất cập sau: Chất lượng GDĐT trên mặt bằng chung chưa theo kịp yêu cầu phát triển, chưa theo kịp với trình độ của các nước phát triển trong khu vực và thế giới; cơ sở vật chất phục vụ GDĐT còn chậm được cải thiện, chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội; việc chuyển đổi các cơ sở GDĐT công lập có khả năng xã hội hóa sang mô hình tự chủ còn chậm. Việc thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội cho giáo dục, hợp tác, liên kết quốc tế về GDĐT, đổi mới phương pháp dạy và học còn hạn chế, gặp nhiều rào cản về thể chế.

### **6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Trên cơ sở truyền thống nghìn năm văn hiến, xây dựng văn hóa Thủ đô tiên tiến, đậm đà bản sắc, người Hà Nội năng động, văn minh, thanh lịch, xứng đáng với danh hiệu Thành phố vì hoà bình, thông minh, sáng tạo; tương xứng với vị thế trung tâm văn hoá của cả nước với nguồn nhân lực chất lượng cao và CNVH phát triển bền vững. Phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực, nguồn lực quan trọng để phát triển KTXH của Thủ đô. Xây dựng Thủ đô Hà Nội thành trung tâm giáo dục chất lượng cao ngang tầm khu vực và quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực phát triển GDĐT Thủ đô. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, trình độ đào tạo; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; thực hiện có hiệu quả hội nhập quốc tế về lĩnh vực GDĐT, mở rộng quy mô hợp tác quốc tế.

### **6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**a) Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện hành

**b) Giải pháp 2:** Thành phố được thực hiện các giải pháp chính sách sau:

(1). Khuyến khích người dân, doanh nghiệp đầu tư đủ điều kiện vào các ngành CNVH<sup>94</sup>, đầu tư vào lĩnh vực GDĐT của Thủ đô (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) bằng quy định ưu đãi đầu tư cao hơn mức ưu đãi đầu tư trong các luật hiện hành cụ thể như sau:

(1.1). Ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp nhằm khuyến khích cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển các ngành CNVH; khuyến khích cá nhân, tổ chức đầu tư vào lĩnh vực GDĐT, liên kết, hợp tác quốc tế về giáo dục theo quy định của pháp luật<sup>95</sup>.

<sup>94</sup> Theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, công nghiệp văn hóa gồm 12 lĩnh vực sau: Quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa. Cũng theo Quyết định này, Hà Nội là 1 trong 3 Trung tâm công nghiệp văn hóa của cả nước. Quyết định cũng quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc xác định các “ưu đãi đặc thù” đối với ngành công nghiệp văn hóa.

<sup>95</sup> Khoản 1 Điều 103 Luật Giáo dục năm 2019.

(1.2). Áp dụng thuế suất 5%<sup>96</sup> hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của doanh nghiệp đầu tư trong các ngành CNVH<sup>97</sup> hoặc đầu tư trong lĩnh vực GDĐT.

(1.3). Hỗ trợ cùng một mức học phí cho học sinh các cấp học trên địa bàn Thành phố không phân biệt trường công lập và trường tư thục<sup>98</sup>.

(1.4). Cơ sở giáo dục công lập được quyền thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài<sup>99</sup> khi đủ điều kiện do HĐND Thành phố quy định. Thành phố được ban hành cơ chế huy động nguồn lực phát triển các loại hình liên kết GDĐT trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục đào tạo công lập.

(1.5). Thành phố được quy định hình thức ưu đãi phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học.<sup>100</sup>

(2). Thủ đô được quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể<sup>101</sup>; hỗ trợ nghệ nhân bảo vệ, truyền dạy cho đội ngũ kế cận<sup>102</sup>, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở trong nước và ở nước ngoài. Mức hỗ trợ cao hơn mức Trung ương quy định theo khả năng cân đối ngân sách của Thủ đô.

(3). Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế<sup>103</sup>.

<sup>96</sup> Mức thuế suất hiện hành theo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Điều 13) là 10%.

<sup>97</sup> Theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, công nghiệp văn hóa gồm 12 lĩnh vực sau: Quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa. Cũng theo Quyết định này, Hà Nội là 1 trong 3 Trung tâm công nghiệp văn hóa của cả nước. Quyết định cũng quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc xác định các “ưu đãi đặc thù” đối với ngành công nghiệp văn hóa.

<sup>98</sup> Nội dung này sẽ có tính vượt trội so với quy định tại Khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 hiện nay. Nội dung này cũng cho phép Thành phố được quy định việc miễn học phí đối với trường mầm non 05 tuổi và học sinh trung học cơ sở, vượt quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019. Hiện nay, khoản 4 và 5 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định như sau:

“4. Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo được miễn học phí.

5. Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này và học sinh trung học cơ sở được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định”.

<sup>99</sup> Quy định vượt trội so với quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 và Điều 6 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

<sup>100</sup> Nội dung quy định hình thức ưu đãi: Có cơ chế mua và sử dụng bản quyền các chương trình giáo dục quốc tế; Có cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng được chương trình giảng dạy nâng cao của nhà trường.

<sup>101</sup> Mức hỗ trợ hiện nay được quy định trong Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ (Điều 3) là 1 triệu đồng/tháng, 850.000 đồng/tháng và 700.000 đồng/tháng.

<sup>102</sup> Điều 26 Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã quy định nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua một số biện pháp nhất định. Ngày 25/6/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2014/NĐ-CP quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

<sup>103</sup> Dự kiến chương trình, môn học, hoạt động mới như:



**c) Giải pháp 3:** Bao gồm các phương án của Giải pháp 2 và giải pháp: Thành phố lập một số quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phục vụ việc phát triển văn hóa và giáo dục Thủ đô, bao gồm: Quỹ bảo vệ di sản và phát triển văn hóa Thủ đô để đầu tư cho nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa<sup>104</sup>, hỗ trợ hoạt động giáo dục, quảng bá và sáng tạo dựa trên di sản văn hóa Thủ đô; Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô để cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín của quốc tế, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quay về phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô.

#### **6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### **6.4.1. Giải pháp 1**

##### **a) Tác động về kinh tế:**

##### **Tác động tích cực:**

##### **(i) Nhà nước:**

Việc thực hiện giải pháp này, không làm tăng thêm gánh nặng cho NSNN đối với các khoản kinh phí chi đầu tư cho GDĐT, văn hóa, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử trên địa bàn Thủ đô; không mất thêm chi phí ngân sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào CNVH, GDĐT; không mất thêm chi phí hỗ trợ nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể, các hoạt động đào tạo, trao truyền kinh nghiệm cho đội ngũ kế cận cũng như không mất thêm chi phí dành cho các hoạt động để thu hút, đào tạo, đãi ngộ nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố; khoản chi thành lập Quỹ bảo vệ di sản và phát triển Văn hóa Thủ đô, Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng đi học tập ở các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín quốc tế....

Nhà nước không phải bố trí nhân lực, quỹ đất của Thành phố để phát triển thêm

---

- Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non bổ sung nâng cao; Chương trình giáo dục tích hợp theo quy định, đáp ứng mục tiêu, sứ mệnh của mỗi nhà trường, trọng tâm phát triển toàn diện cho trẻ, chú trọng phát triển thể lực và dinh dưỡng, phát triển năng lực năng khiếu cá nhân trẻ. Các hoạt động cho trẻ làm quen CNTT máy tính, làm quen tiếng Anh, kỹ năng sống.... Các hoạt động ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến; Các dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu và cam kết với cha mẹ trẻ;

- Dạy ngoại ngữ tích hợp trong các môn học khác và dạy các môn học khác (như toán và các môn khoa học...) bằng ngoại ngữ;

- Dạy học môn Ngoại ngữ thứ 2 theo nhu cầu và lựa chọn của học sinh;

- Sử dụng bản quyền các chương trình giáo dục quốc tế; cấp song bằng Việt Nam và bằng (chứng chỉ) quốc tế tại các trường phổ thông công lập đảm bảo điều kiện thực hiện;

- Dạy học kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học (Science), công nghệ (Technology), kỹ thuật (Engineering) và toán học (Math) gọi tắt là giáo dục STEM;

- Đa dạng hoá các hình thức hợp tác như quốc tế hoá chương trình giáo dục, tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi học sinh và giáo viên giữa các cơ sở giáo dục phát triển trong và ngoài nước nhằm tiếp cận nội dung, phương pháp và chuẩn giáo dục quốc tế;

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường của học sinh;

- Các trường học đều được trang bị và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dạy và học, trong công tác quản lý tại các nhà trường.

<sup>104</sup> Với tư cách là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

các hạ tầng xã hội như: công trình công cộng, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa, không gian văn hóa (để phát triển công nghiệp sáng tạo, CNVH), trường học...

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp này không mang lại thêm tác động tích cực đối với người dân, trong đó có các nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể hoặc doanh nghiệp đầu tư vào các ngành CNVH hoặc đầu tư vào lĩnh vực GDĐT của Thủ đô.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Việc thực hiện Giải pháp giữ nguyên như hiện hành sẽ không giải quyết được những hạn chế, bất cập hiện nay trong lĩnh vực văn hóa, GDĐT. Trong dài hạn, việc không huy động được hiệu quả các nguồn lực ngoài xã hội sẽ tạo ra áp lực lớn lên NSNN khi phải gia tăng chi tiêu cho các nhiệm vụ phát triển văn hóa, GDĐT. Hiện nay, lĩnh vực, GDĐT được ưu tiên đầu tư nguồn lực lớn từ NSNN. Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục hàng năm của Việt Nam ở mức xấp xỉ 20% chi NSNN, tương đương khoảng 5% GDP. Đây là mức rất cao so với nhiều nước trên thế giới, kể cả các nước có trình độ phát triển kinh tế cao hơn Việt Nam như Singapore (3,2% năm 2010), Malaysia (5,1%), Thái Lan (3,8%), Hàn Quốc (5,2% năm 2011), Hồng Kông (3,5%)<sup>105</sup>. Năm 2020, chi thường xuyên cho GDĐT chiếm 16,9% tổng chi ngân sách toàn Thủ đô Hà Nội<sup>106</sup>.

Về chi phát triển sự nghiệp văn hóa, hiện nay, tính trong cả nước, tỷ lệ chi cho văn hóa chỉ đạt 1,71% tổng chi NSNN và vẫn chưa mang tính bền vững, đồng đều giữa các địa phương<sup>107</sup>. Thủ đô Hà Nội đã quan tâm đầu tư, bố trí nguồn kinh phí cho công tác phát triển văn hóa, tổng chi thường xuyên trong lĩnh vực văn hóa - thể thao giai đoạn 2016-2021 của Thành phố đạt 9.421,956 tỷ đồng (bằng 1,9% tổng chi thường xuyên của Thành phố). Tổng chi đầu tư cho các thiết chế văn hóa và thể thao của Thành phố giai đoạn 2016-2021 là 1.054,86 tỷ đồng (bằng 0,66% tổng chi đầu tư của Thành phố). Giải pháp này cũng không góp phần tăng thu cho NSNN trong dài hạn nhờ sự phát triển của CNVH cũng như các nguồn thu khác nhờ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa hiện nay.

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Việc giữ nguyên chính sách như hiện nay không khuyến khích được các cá nhân, tổ chức tham gia đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, đặc biệt là với lĩnh vực văn hóa khi quy trình thủ tục đầu tư cho các dự án xã hội hóa rất phức tạp, kéo dài, tỷ suất lợi nhuận thấp. Việc giữ nguyên chính sách như hiện nay cũng không giải quyết được các vấn đề bất cập trong bảo tồn, phát huy

<sup>105</sup> Đầu tư của nhà nước cho giáo dục, đào tạo: Thực trạng và một số đề xuất (tapchitaichinh.vn)

<sup>106</sup> Niên giám thống kê Hà Nội, năm 2020.

<sup>107</sup> Ít nhất 1,8% ngân sách chi cho văn hóa - Báo Điện Tử Đại Biểu Nhân Dân (daibieunhandan.vn)

giá trị di sản văn hóa, các bất cập trong lĩnh vực giáo dục<sup>108</sup> như đã nêu ở trên.

### **b) Tác động về xã hội:**

#### Tác động tích cực:

- (i) Nhà nước: Không có.
- (ii) Người dân, doanh nghiệp: Không có.

#### Tác động tiêu cực:

- (i) Nhà nước:

Thiếu nguồn lực để đầu tư phát triển, không tạo ra được cơ chế thông thoáng để thu hút, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào những lĩnh vực trọng tâm, cấp bách cần nguồn lực lớn để phát triển Thủ đô như: *đầu tư cho phát triển văn hóa, GDĐT*. Điều này đã và đang gây khó khăn cho việc bảo vệ, duy trì các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, gây cản trở tới việc phát huy giá trị văn hóa Thủ đô trong phát triển CNVH; không khuyến khích được đội ngũ nghệ nhân trong hoạt động nghề nghiệp và trao truyền kinh nghiệm cho các thế hệ kế cận, mai một đi các giá trị văn hóa truyền thống.

Không đào tạo được nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển KTXH và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô. Các cơ hội đào tạo, thu hút nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ khó thực hiện hơn, làm gia tăng nguy cơ tụt hậu trong lĩnh vực đào tạo. Các trường công lập tiếp tục gặp khó khăn trong việc hợp tác phát triển với các cơ sở GDĐT nước ngoài, không nâng cao được năng lực cạnh tranh với các cơ sở đào tạo của các nước trong khu vực.

- (ii) Doanh nghiệp và người dân:

- Không tạo được cơ chế ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các công trình văn hóa, GDĐT; không tạo thêm được việc làm cho người dân.

- Nếu không được đầu tư, phát triển bổ sung thêm hệ thống thiết chế văn hóa, cơ sở giáo dục, trường lớp ở những khu vực nội thành, đông dân cư... sẽ có nguy cơ quá tải trường lớp, làm gia tăng việc học trái tuyến; thanh, thiếu niên sẽ không có điều kiện đầy đủ để sinh hoạt văn hóa, vui chơi, giải trí, làm giảm chất lượng cuộc sống của người dân đô thị.

Thiếu chính sách hỗ trợ các nghệ nhân văn hóa sẽ không khích lệ được ý chí, không phát huy được vai trò của nghệ nhân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, từ đó, dẫn tới nguy cơ mai một di sản văn hóa phi vật thể.

### **c) Tác động về giới:**

Với giải pháp này, dự báo sẽ không có tác động tích cực về phương diện

---

<sup>108</sup>Muốn huy động nguồn lực xã hội đầu tư vào giáo dục, cần dẹp bỏ các mô hình này - Giáo dục Việt Nam (giaoduc.net.vn).

giới không có tác động cải thiện về vấn đề bình đẳng giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:**

Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1 phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và các luật có liên quan đến văn hóa và giáo dục. Cụ thể là các Điều 39, 40, 41, 60 và 61 của Hiến pháp, Điều 26 của Luật Di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tôn vinh và đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua một số biện pháp nhất định)...

Do vậy, Giải pháp này không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các chính sách hiện tại đã được thực thi kể từ ngày Luật Thủ đô có hiệu lực (ngày 01/7/2013), do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Giải pháp 1 tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan đến văn hóa và giáo dục mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966 (Điều 13 và Điều 14); Công ước về bảo vệ các di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới năm 1972 của UNESCO (Điều 4, Điều 5); Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003 của UNESCO (Điều 11 - Vai trò của các Quốc gia thành viên và Điều 13 - Các biện pháp bảo vệ khác).

Vì không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, do vậy Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

**6.4.2. Giải pháp 2**

**a) Tác động về kinh tế:**

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Về dài hạn, việc tăng chi đầu tư cho văn hóa, GDĐT sẽ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, đầu tư vào giáo dục để phát triển nguồn lực con người mang lại tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định hơn. Đây sẽ là tiền đề để tăng thêm nguồn thu cho

NSNN trong dài hạn.

Trong lĩnh vực GDĐT, việc thực hiện giải pháp này sẽ góp phần gia tăng nguồn lực xã hội thu hút được nhằm phát triển loại hình liên kết đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở GDĐT công lập (các doanh nghiệp gia tăng về vốn đầu tư cho mảng GDĐT. Doanh thu, lợi nhuận sau đó sẽ tăng lên và tăng sự đóng góp của doanh nghiệp khu vực GDĐT cho NSNN). Thành phố tăng cường cơ hội đầu tư, phát triển GDĐT ngoài công lập bằng các hình thức: Đa dạng nhiều mô hình giáo dục, thu hút đầu tư từ nguồn đầu tư tư nhân, quốc tế như: trường học chất lượng cao, trường học thông minh, mô hình trường học liên kết... Chính sách này nhằm đạt được mục tiêu mà Chính phủ đã đề ra: phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt tỷ lệ 8,75% số cơ sở và 8,9% người học vào năm 2020 và lần lượt là 13,5% và 16% vào năm 2025 tại Nghị quyết 35/NQ-CP về tăng cường huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển GDĐT giai đoạn 2019-2025.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Việc đầu tư tăng lên của NSNN dành cho hai lĩnh vực GDĐT và văn hóa Thủ đô góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư, hưởng lợi từ chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, ưu đãi về thuế, các ưu đãi về thủ tục thành lập doanh nghiệp... Khi có môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lợi nhuận thu về doanh nghiệp tốt sẽ góp phần lớn vào việc tăng thu NSNN và doanh nghiệp có trách nhiệm hơn với xã hội: đóng góp tôn tạo các di tích lịch sử, tài trợ cải tạo hạ tầng kỹ thuật xã hội, trường học, y tế...

- Hiện nay, cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư trong lĩnh vực giáo dục chưa mạnh mẽ, không hấp dẫn nhà đầu tư; thủ tục để triển khai dự án còn phức tạp, kéo dài. Việc áp dụng cơ chế ưu đãi trong thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển GDĐT tạo cơ hội thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực GDĐT. Trong bối cảnh học phí đối với học sinh các trường tư thục ở Thủ đô Hà Nội cao hơn rất nhiều so với các trường công lập, nếu Nhà nước hỗ trợ học phí cho học sinh không phân biệt trường công lập và trường tư thục sẽ giúp các trường tư thục thu hút học sinh nhiều hơn.

- Việc phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài trong GDĐT cũng khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tổ chức quốc tế đầu tư, tài trợ cho giáo dục Thủ đô.

- Thủ đô Hà Nội là địa phương có nhiều nghệ nhân được phong tặng danh hiệu cao quý nhất. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế khen thưởng, hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh dành riêng cho các nghệ nhân trong khi đại đa số các nghệ nhân này đều không có lương. Chính vì thế, việc thiết lập cơ chế chính thức trong hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh sẽ là nguồn động viên tinh thần to lớn, có tác động tích cực đến toàn xã hội. Điều này khuyến khích họ tiếp tục cống hiến, tạo động lực cho đội ngũ nghệ nhân kế cận tin tưởng vào việc giữ nghề và truyền

nghề, tạo sự ổn định cho các làng, địa phương có nghề, thúc đẩy tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động tại chỗ.

- Với lĩnh vực GDĐT, người dân được tiếp cận với các dịch vụ GDĐT tốt hơn với nguồn chi phí cá nhân hiệu quả hơn, có thể không mất thêm thời gian, tiền bạc để đưa con cái đi học thêm hoặc các khóa đào tạo bổ sung. Phụ huynh, học sinh được gia tăng cơ hội lựa chọn các trường học phù hợp với khả năng và điều kiện của mình.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

Giai đoạn đầu NSNN cần phải chi nhiều hơn cho việc đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, trong đó có việc đầu tư bảo tồn, tu bổ các di tích. Theo báo cáo giai đoạn 2016-2021, chi đầu tư phát triển văn hóa tăng 30% so với thời kỳ trước, cho thấy sự quan tâm của Thành phố đối với lĩnh vực bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô. Tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư từ ngân sách cho các thiết chế văn hóa là 0,66%/tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản (1.054,862 tỷ đồng). Nguồn lực chi thường xuyên bố trí cho lĩnh vực văn hóa - thể thao chiếm 1,9% tổng chi thường xuyên của Thành phố (9.421,956 tỷ đồng)<sup>109</sup>.

Theo tính toán của Thủ đô Hà Nội, giai đoạn 2016-2020 đã có **691** lượt di tích được đầu tư tu bổ, tôn tạo trong đó đầu tư từ NSNN là **4.512,2 tỷ đồng**. Theo Kế hoạch giai đoạn 2022-2025 của Thủ đô Hà Nội<sup>110</sup>, tổng số di tích cần tu bổ, tôn tạo là **1.284 di tích**, với tổng kinh phí là **30.369 tỷ đồng**. Đây là sự điều chỉnh tăng lên rất lớn so với giai đoạn 2016-2020 (khoảng gấp hơn 6 lần) thể hiện nỗ lực lớn của Thành phố nhưng cũng là một thách thức không nhỏ đối với việc cân đối ngân sách chi cho đầu tư. Điều này đòi hỏi có sự điều chỉnh tăng chi NSNN cho đầu tư vào lĩnh vực văn hóa đồng thời đặt ra nhu cầu lớn về việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, nhất là cho việc tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa.

Ngoài ra, việc thực hiện các chính sách trong Giải pháp 2 sẽ làm phát sinh một số chi phí như chi phí thực hiện việc hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân (cho khoảng 168 nghệ nhân, nếu quy định theo mức lương cơ sở thì chi khoảng 250 triệu đồng/tháng, tương đương 3 tỷ đồng/năm, còn nếu quy định 2 lần mức lương cơ sở thì ngân sách phải chi thêm khoảng 500 triệu đồng/tháng, tương đương khoảng 6 tỷ đồng/năm); chi phí liên quan đến hoạt động trao truyền cho đội ngũ kế cận dưới dạng tổ chức lớp học (dự kiến triển khai 03 buổi/năm với kinh phí dự kiến là 100 triệu/buổi thì sẽ mất khoảng 300 triệu/năm). Đây là khoản chi không quá lớn, không tạo ra áp lực đáng kể cho ngân sách Thành phố.

<sup>109</sup> Báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao năm 2022.

<sup>110</sup> Báo cáo số 217-BC/BCSD ngày 02/4/2022 về việc xây dựng Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo của Thành phố Hà Nội.

Việc áp dụng mức ưu đãi thuế thấp hơn so với mức pháp luật hiện hành quy định có thể dẫn tới giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, GDĐT trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trong ngắn hạn nộp vào NSNN. Ví dụ: năm 2021, số thuế thu nhập doanh nghiệp ngân sách thu được từ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa (với mức thuế suất ưu đãi 10%) là 246 tỷ đồng, đầu tư vào lĩnh vực GDĐT là 87,7 tỷ đồng (xem các bảng số liệu dưới đây), thì khi chuyển sang áp dụng mức thuế suất 5%, số thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp này sẽ chỉ còn khoảng 1 nửa số kể trên (tức là giảm khoảng 167 tỷ đồng). Tuy nhiên, nếu trong dài hạn, khi số doanh nghiệp tham gia đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, GDĐT tăng lên, số lượng người dân được tiếp cận với các hoạt động văn hóa, GDĐT tăng lên, có thể tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà nước thu được từ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, GDĐT sẽ tăng lên. Các số liệu thực tế cho thấy, trong những năm qua, số lượng học sinh theo học tại các trường tư thục đã liên tục tăng từ mức 15.448 của năm học 2013-2014 lên mức 49.324 của năm học 2020-2021.<sup>111</sup>

**Bảng 12: Thông tin liên quan ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp dành cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa giai đoạn 2016-2021**

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Số lượng NNT	1.650	1.912	2.200	2.513	2.871	3.245
2	Số lượng NNT được miễn/giảm thuế TNDN	542	501	236	406	390	362
3	Số thuế TNDN được miễn/giảm (triệu đồng)	293.949	81.301	68.479	75.692	49.400	178.981
4	Số nộp NSNN (triệu đồng)	321.608	173.246	220.444	203.036	244.240	246.003

*Nguồn: Báo cáo của Cục Thuế thành phố Hà Nội và tính toán của Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội*

**Bảng 13: Thông tin liên quan ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp dành cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2021**

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Số lượng NNT	2.754	3.417	4.155	5.043	5.894	6.707
2	Số lượng NNT được miễn/giảm thuế TNDN	325	413	318	415	350	359
3	Số thuế TNDN được miễn/giảm (triệu đồng)	318.757	476.446	510.412	397.702	171.042	224.379

<sup>111</sup>Số liệu theo Công văn số 876/SGDĐT-VP ngày 6/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

4	Số nộp NSNN (triệu đồng)	337.304	285.366	230.101	213.659	131.396	87.697
---	--------------------------	---------	---------	---------	---------	---------	--------

*Nguồn: Báo cáo của Cục Thuế thành phố Hà Nội và tính toán của Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội*

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Việc thực hiện các cơ chế khuyến khích cá nhân, tổ chức thực hiện đầu tư vào các ngành công nghiệp văn hóa, giáo dục đào tạo bằng các ưu đãi đầu tư cao hơn mức ưu đãi trong các luật hiện hành<sup>112</sup> như: ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp, giảm 50% hoặc 100% thuế thu nhập doanh nghiệp... Điều này sẽ làm giảm thu NSNN của Thành phố trong ngắn hạn.

Việc hỗ trợ cùng một mức học phí cho học sinh các cấp học trên địa bàn Thành phố sẽ tăng chi NSNN do các học sinh đang học tại hệ thống trường tư thực hiện chưa được hỗ trợ sẽ được nhận mức hỗ trợ bằng với mức NSNN bỏ ra để hỗ trợ cho học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập<sup>113</sup>. Tất nhiên, mức hỗ trợ này cũng chỉ đáp ứng được một phần nhỏ so với mức học phí thực tế mà phụ huynh học sinh phải đóng khi cho con em học tại các cơ sở giáo dục tư thục (tiền học phí cơ bản chưa bao gồm tiền ăn, tiền xây dựng trường, chi phí bán trú, xe đưa đón,... rơi vào 50-100 triệu đồng/năm)<sup>114</sup>.

Giải pháp Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục... có thể tăng chi phí để biên soạn bộ sách điều chỉnh bổ sung đối với từng cấp học và mất thời gian để thẩm định, thử nghiệm, đo lường kết quả và phải cần sự vào cuộc của nhiều chuyên gia giáo dục.

**b. Tác động về xã hội:**

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

- Về phát triển văn hóa: Việc thực hiện giải pháp này có thể giúp Thủ đô

<sup>112</sup> Tại khoản 5 Điều 3, khoản 11 Điều 11 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: “Kể từ ngày 01/01/2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và các trường hợp được áp dụng thuế suất ưu đãi. Kể từ ngày 01/01/2016, trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22%) chuyển sang áp dụng thuế suất 20%)”.

Tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về thuế suất ưu đãi.

Tại Khoản 10 Điều 8, Điều 20, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về thu nhập được miễn thuế: “Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động”; Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo”.

<sup>113</sup> Hiện nay, các cơ sở giáo dục công lập ở bậc tiểu học hoàn toàn được miễn học phí, trong khi các cơ sở giáo dục công lập ở các quận nội thành ở bậc trung học cơ sở thu học phí ở mức 155.000 đồng/tháng/1 học sinh, ở bậc trung học phổ thông thu học phí ở mức 217.000 đồng/tháng/1 học sinh (Số liệu theo Công văn số 876/SGDDĐT-VP ngày 06/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội).

<sup>114</sup> Học phí các trường dân lập nổi tiếng ở Hà Nội năm học 2021-2022 (Vietnamnet.vn)



Hà Nội phát huy được lợi thế từ bề dày lịch sử trên nghìn năm tuổi với kho tàng di sản văn hóa phong phú, nơi hội tụ nguồn lực con người to lớn<sup>115</sup>, từ đó trở thành nơi nuôi dưỡng, thúc đẩy sáng tạo văn hóa, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp văn hóa chất lượng, có sức cạnh tranh cao trong nước, khu vực và quốc tế. Việc tham gia Mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” của UNESCO trong lĩnh vực thiết kế sẽ gia tăng mối liên kết giữa các thành phố khác nhau trong các dự án công cộng và tư nhân; nâng cao năng lực thể chế, tạo môi trường thúc đẩy sự sáng tạo, biến thiết kế sáng tạo trở thành giải pháp phát triển văn hóa, bảo vệ di sản, kết nối hiện tại và tương lai. Thủ đô Hà Nội có thể tăng cường hội nhập quốc tế về văn hóa và tăng xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ văn hóa nhằm quảng bá các giá trị văn hóa của Thủ đô Hà Nội ra thế giới đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

- Về phát triển GDĐT: Việc áp dụng cơ chế ưu đãi, thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển GDĐT Thủ đô sẽ góp phần tạo cơ chế cạnh tranh giữa các trường công lập và ngoài công lập. Từ đó thúc đẩy, nâng cao chất lượng giáo dục, tác động tích cực đến chủ trương xã hội hóa giáo dục, từng bước giảm tải cho hệ thống trường công; giảm gánh nặng của NSNN đầu tư cho hệ thống các trường công lập. Đẩy mạnh các hình thức ưu đãi nhằm phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu, xu thế phát triển của ngành giáo dục hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới.

Việc cho phép thực hiện hợp tác, liên kết giáo dục trong và ngoài nước sẽ góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngày một nâng cao chất lượng, hệ thống giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của quốc tế. Người học hoàn thành chương trình giáo dục tích hợp được cấp văn bằng *tốt nghiệp của Việt Nam và của nước ngoài*. Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để “*xây dựng Hà Nội thành trung tâm giáo dục chất lượng cao ngang tầm khu vực và thế giới*”.

Hiện nay, hầu hết trường chưa đạt chuẩn đều có khó khăn, trong đó chủ yếu là thiếu kinh phí và quỹ đất, đặc biệt là tình trạng thiếu quỹ đất ở các trường nội thành, không đảm bảo về chỉ tiêu số học sinh/m<sup>2</sup>. Nhiều trường có cơ sở vật chất xuống cấp cần nguồn kinh phí lớn để đầu tư cải tạo, xây dựng lại.

Việc cho phép Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội đặc thù của Thủ đô sẽ góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu

<sup>115</sup> Với 80% trường, học viện, viện của cả nước; 2/3 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; 60% các nhà khoa học, trí thức từ tiến sĩ trở lên đang sinh sống tại Hà Nội; 1/3 số lượng di tích được xếp hạng của cả nước; 1/3 số làng nghề của cả nước; 72% Nhà xuất bản có trụ sở đặt tại Hà Nội (40/57 Nhà xuất bản trên cả nước); Cơ cấu dân số trẻ, trình độ học vấn cao nhất cả nước; cùng cộng đồng sáng tạo mới mẻ, phong phú gồm các nhà thiết kế, các nghệ nhân, nghệ sĩ, doanh nhân sáng tạo...

nâng cao hiểu biết và lưu truyền những kiến thức, giá trị, nét đẹp văn hóa Thăng Long - Hà Nội, văn hóa xứ Đoài đặc trưng riêng có của Thủ đô; góp phần đưa chương trình giáo dục của Thủ đô tiệm cận gần hơn với nền giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới; giữ vị trí đứng đầu cả nước về khoa học, giáo dục, về tỷ lệ đạt giải trong các kì thi quốc gia, quốc tế; tăng tính chủ động, tư duy sáng tạo của học sinh; đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của người dân, phụ huynh học sinh Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Đối với doanh nghiệp:

+ Việc áp dụng các chính sách ưu đãi, sẽ giúp cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư trong các lĩnh vực GDĐT, CNVH phát triển thuận lợi, mở rộng các ngành nghề kinh doanh; góp phần liên kết, hình thành những doanh nghiệp lớn về CNVH ở các lĩnh vực thế mạnh, những sản phẩm CNVH chủ lực của Thủ đô Hà Nội để dẫn dắt các doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc các lĩnh vực CNVH; việc phát triển CNVH gắn với việc áp dụng các công nghệ tiên tiến, thực hiện xây dựng doanh nghiệp số.

+ Việc thực hiện các chính sách ưu đãi cũng tạo điều kiện giúp doanh nghiệp đầu tư phát triển CNVH giảm thiểu rủi ro, ổn định và phát triển. Thực tế cho thấy nhiều tổ chức nghệ thuật chưa đủ khả năng và được phép vận hành như các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi cao (tương tự như doanh nghiệp xã hội), ảnh hưởng tới công tác gây quỹ và hợp tác. Những không gian sáng tạo là những địa điểm truyền cảm hứng về sáng tạo và kết nối như: Hanoi Creative City, Manzi, Doclab, Nhà sàn Studio, Station 3A,... chưa được coi là những tổ chức phi lợi nhuận và chưa được công nhận là một loại hình kinh doanh đặc biệt, để được hỗ trợ khởi nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống chính sách liên quan đến thuế, luật hiến tặng, tài trợ vốn phổ biến ở các nước trong hỗ trợ phát triển các ngành CNVH cũng chưa được vận hành ở Việt Nam, điều đó khiến cho việc phát triển CNVH gặp nhiều khó khăn. Do không được giao đất, nhiều doanh nghiệp, tổ chức phải sử dụng đất thuê để phát triển không gian sáng tạo, khu nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa. Việc thực hiện các chính sách ưu đãi giúp các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNVH là hoàn toàn phù hợp.

Thêm vào đó, hiện nay, cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư trong lĩnh vực giáo dục chưa hấp dẫn nhà đầu tư; thủ tục để triển khai dự án còn phức tạp, kéo dài, việc áp dụng giải pháp này sẽ thu hút, tạo cơ hội thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực GDĐT. Nếu Nhà nước hỗ trợ học phí cho học sinh trên địa bàn Thành phố, không phân biệt trường công lập và trường tư thục, phù hợp với lộ trình phổ cập giáo dục từng giai đoạn sẽ giúp các trường tư thục giảm một phần mức thu học phí từ phía cha mẹ học sinh, từ đó thu hút nhiều học sinh vào học hơn.

+ Việc hợp tác, liên kết với các chương trình giáo dục nước ngoài chất

lượng cao thông qua hình thức hợp tác giữa các cơ sở giáo dục của Thủ đô Hà Nội và các đối tác có uy tín của nước ngoài sẽ đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, khuyến khích kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín được công nhận hoạt động ở Việt Nam.

- Đối với người dân:

+ Về phát triển văn hóa: Khi được tiếp cận với hệ thống hạ tầng xã hội đầy đủ, hiện đại người dân sẽ có cơ hội được sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và luyện tập thể dục thể thao thường xuyên hơn; sẽ khuyến khích sự cống hiến cho thiết kế và đổi mới trong cộng đồng thanh niên Việt Nam. Thực tế, Thủ đô Hà Nội đã và đang trở thành “vườn ươm” sáng tạo trên khắp đất nước và thu hút đặc biệt đối với giới trẻ. Chính sự đa dạng về loại hình công việc đã mang lại nhiều cơ hội việc làm và tạo thêm nhiều sự hấp dẫn của Thủ đô Hà Nội. Việc xây dựng, phát triển không ngừng các công trình kiến trúc đương đại, mang tính biểu tượng mới như Bảo tàng Hà Nội, cầu Nhật Tân... Các không gian đường phố, hay công trình kiến trúc cũ, cổ được cải tạo sử dụng thành nơi tổ chức các hoạt động sáng tạo, kết nối cộng đồng, góp phần làm cho người dân thêm yêu Thành phố, tiếp thêm cho Thành phố những năng lượng sống mới cả về vật chất và tinh thần, lan tỏa những ý tưởng sáng tạo trong cộng đồng và thu hút ngày càng nhiều thêm người dân tham gia vào các hoạt động sáng tạo.

Việc hỗ trợ, phát triển ngành CNVH sẽ tạo cơ hội để người dân được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ, sản phẩm văn hóa chất lượng cao trong các ngành CNVH góp phần “nội địa hóa” các sản phẩm văn hóa chất lượng cao phù hợp với thị hiếu của người dân Việt Nam.

Với việc áp dụng các chính sách ưu đãi mới trong đầu tư sẽ tạo động lực khai thông, thu hút, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực này. Cùng với đó, hệ thống các doanh nghiệp đang hoạt động sẽ tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư sản xuất, kinh doanh, góp phần tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Việc áp dụng chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể và hỗ trợ hoạt động bảo tồn, trao truyền cho đội ngũ kế cận là giải pháp khá căn cơ để bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; giúp các nghệ nhân ổn định, cải thiện chất lượng, cuộc sống, bớt phải bận tâm đến lo toan đời sống thường nhật, tập trung, nhiệt tình, nâng cao trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Đối với câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ, việc Nhà nước hỗ trợ chi phí hoạt động, mua sắm trang phục đạo cụ luyện tập, tham gia liên hoan, hội thi, hội diễn... tác động rất tích cực đến công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống từ cộng đồng.

- Về phát triển GDĐT: Nếu áp dụng giải pháp này, trẻ em (đặc biệt là những khu đông dân cư, một số khu đô thị mới) sẽ có cơ hội đến trường ở ngay

tại địa bàn sinh sống của mình mà không phải học trái tuyến, gia đình cũng sẽ không phải mất thêm nhiều chi phí, thời gian đưa đón con em mình tới trường. Chính sách hỗ trợ sẽ đáp ứng yêu cầu của xã hội, tác động tích cực đến chủ trương xã hội hóa giáo dục, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư mở rộng hệ thống các trường tư thục, từng bước giảm tải cho hệ thống trường công; giảm gánh nặng của NSNN đầu tư cho hệ thống các trường công lập; đảm bảo sự công bằng cho học sinh (thực hiện chủ trương về phổ cập); hỗ trợ học phí cho học sinh với trường ngoài công lập (trực tiếp cho người học).

Việc phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học, phát triển các loại hình liên kết GDĐT trong nước - quốc tế trong các cơ sở GDĐT công lập giúp học sinh có cơ hội hội nhập quốc tế nhưng ở ngay tại Thành phố mà không phải sống xa nhà, sẽ có thêm điều kiện và khả năng để sớm trở thành Công dân toàn cầu; Việc cho phép Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động sẽ góp phần đưa chương trình giáo dục của Thủ đô đáp ứng tốt hơn nhu cầu nâng cao hiểu biết và lưu truyền những kiến thức, giá trị, nét đẹp văn hóa Thăng Long - Hà Nội, văn hóa xứ Đoài đặc trưng riêng có của Thủ đô.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

Việc thực hiện giải pháp Thành phố được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục... người dân, một số học sinh khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa sẽ gặp khó khăn nhất định trong khi học tập, tiếp cận kiến thức của bộ sách được điều chỉnh, khó khăn khi tham gia học tập theo phương pháp mới.

##### (ii) Doanh nghiệp và người dân:

Việc thực hiện giải pháp chính sách này có thể làm phát sinh học phí một số môn học mới trong chương trình học khi áp dụng mô hình liên kết đào tạo. Việc thực hiện giải pháp chính sách này có thể tạo ra khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các khu vực địa lý, thu nhập khi áp dụng mô hình liên kết đào tạo - có tạo ra sự phân biệt trong chương trình giáo dục ở các trường công lập.

#### **c) Tác động về giới:**

Không thấy sự tác động cả tích cực và tiêu cực một cách rõ rệt về giới.

#### **d) Tác động của thủ tục hành chính:**

- Việc thực hiện giải pháp cơ sở giáo dục công lập được quyền thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài sẽ làm sửa đổi, bổ sung đối tượng thực hiện các TTHC về liên kết cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục nước ngoài (như thủ tục phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp; thủ tục phê duyệt liên kết giáo dục; thủ tục gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục; thủ tục

chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục) vì theo quy định hiện hành chỉ cho phép liên kết giữa cơ sở giáo dục tư thục với cơ sở giáo dục nước ngoài.

- Việc thực hiện giải pháp Thành phố được quy định hình thức ưu đãi phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học, trong đó có cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng được chương trình giảng dạy nâng cao của nhà trường sẽ làm sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thủ tục tuyển dụng viên chức (cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi).

- Việc thực hiện giải pháp Thủ đô được quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể; hỗ trợ nghệ nhân bảo vệ, truyền dạy cho đội ngũ kế cận, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở trong nước và ở nước ngoài sẽ làm sửa đổi, bổ sung quy định liên quan TTHC về tôn vinh, hỗ trợ đối với các nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể, các cơ sở truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

*(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

#### **e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 2 phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về phát triển văn hóa và quyền thụ hưởng giá trị văn hóa của công dân (Điều 40, 41 và 60), Luật Di sản văn hóa (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) - Điều 26 về tôn vinh và đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua một số biện pháp nhất định và Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Tuy nhiên, Giải pháp 2 không phù hợp với một số VBQPPL hiện hành. Cụ thể:

- Khoản 1a Điều 110 Luật Đất đai quy định: “*Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư*”.

- Điều 16 Luật Đầu tư năm 2020 khi quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư, đối với lĩnh vực văn hóa mới chỉ quy định ngành, nghề “bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa” (Khoản 1(l)), chưa quy định ngành “công nghiệp văn hóa” là ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

- Khoản 2a Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014 và 2020) quy định thuế suất áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa là 10%.

- Điều 26 Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã có quy định về việc nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nhưng mới chỉ quy định việc “trợ cấp sinh hoạt hằng tháng đối với nghệ nhân đã được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước” nhưng phải có điều kiện là “có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn” đồng thời giao thẩm quyền quy định chi tiết chính sách này cho Chính phủ chứ không trao thẩm quyền này cho chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Khoản 2 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014 và 2020) quy định: “Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề được áp dụng thuế suất 10%”.

- Khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí; ở địa bàn *không đủ trường công lập*, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do HĐND cấp tỉnh quyết định.”

- Khoản 4 và 5 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “4. *Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo được miễn học phí.* 5. *Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này và học sinh trung học cơ sở được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định”.*

Giải pháp này cũng mâu thuẫn với Điều 8 Luật Giáo dục năm 2019, Theo quy định tại Điều 8 chỉ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội mới có quyền quy định về chương trình giáo dục theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Chính quyền Thủ đô Hà Nội chưa có quyền hạn này.

(ii) *Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Bộ sách được điều chỉnh, phương pháp học mới, học phí phát sinh đối với một số môn học mới khi áp dụng mô hình liên kết đào tạo theo Giải pháp này có thể gây khó khăn cho học sinh vùng sâu, vùng xa, làm giảm thu nhập của người dân, do vậy có thể làm giảm khả năng tuân thủ pháp luật của một số bộ phận học sinh, phụ huynh.

(iii) *Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực văn hóa và giáo dục mà Việt Nam là thành viên.

### 6.4.3. Giải pháp 3

#### a) Tác động về kinh tế:

Tác động tích cực:

## (i) Nhà nước:

- Về phát triển văn hóa: Giai đoạn 2013-2020, số lượng di tích trên địa bàn xuống cấp nhiều nhưng thiếu nguồn lực, kinh phí bảo quản tu bổ. Hiện nay, có 1.125/1.617 di tích xuống cấp được tu bổ, tôn tạo, đạt tỉ lệ 70%. Nguồn kinh phí đầu tư cho các di tích còn hạn chế (nguồn xã hội hóa huy động được 725 tỷ đồng), nhiều huyện khó khăn không đảm bảo nguồn lực để tu bổ, tôn tạo di tích. Việc tạo ra “Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô” giúp cho các cơ quan chức năng thuộc ngành văn hóa chủ động hơn trong công tác triển khai các phần việc mang tính cấp thiết, cũng như chủ động hơn về nguồn lực, không bị phụ thuộc quá nhiều vào kế hoạch NSNN hàng năm để mất đi những thời cơ tốt trong bảo tồn di sản và phát triển văn hóa Thủ đô.

- Về phát triển GDĐT: Việc thành lập Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô để cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở GDĐT có uy tín của quốc tế, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quay về phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô sẽ kích lệ và tạo sự công bằng cho mọi đối tượng học sinh Thủ đô, là bước chuẩn bị từ sớm nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu ngành cho nhu cầu phát triển Thủ đô, nhất là một số lĩnh vực mà Việt Nam có thể chưa đào tạo được như một số lĩnh vực công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc xây dựng và quản lý đô thị thông minh... Hiện nay, Thủ đô Hà Nội đã có Quỹ Ưu đãi, khuyến khích và đào tạo tài năng Thủ đô Hà Nội do Sở Nội vụ quản lý<sup>116</sup> do Sở Tài chính bố trí kinh phí quản lý, hoạt động của Quỹ theo dự toán ngân sách hàng năm của Sở Nội vụ. Có thể nâng cấp Quỹ Ưu đãi này để trở thành Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng Thủ đô hoặc bổ sung thêm nhiệm vụ cho Quỹ Ưu đãi để thực hiện vai trò của Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng Thủ đô.

## (ii) Người dân và doanh nghiệp:

Việc lựa chọn Giải pháp 3 sẽ giúp người dân, doanh nghiệp có thêm cơ hội tham gia vào đầu tư cho các công trình trọng điểm của Nhà nước qua hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô. Một số doanh nghiệp, người dân có thêm thu nhập khi nhiều việc làm được tạo ra từ hoạt động đầu tư của Quỹ. Hoạt động của Quỹ thúc đẩy việc bảo tồn các di sản văn hóa, qua đó, tác động đến sự phát triển kinh tế du lịch của Thủ đô<sup>117</sup>, thúc đẩy phát triển bền vững.

Tác động tiêu cực:

## (i) Nhà nước:

<sup>116</sup> Quyết định số 91/2009/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về thu hút, sử dụng, đào tạo tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố Hà Nội.

<sup>117</sup> Du lịch dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Năm 2019, Hà Nội đón 21,92 triệu lượt khách nội địa (vượt chỉ tiêu đề ra 19,5-20 triệu lượt trước 1 năm), 7,02 triệu lượt khách quốc tế (vượt chỉ tiêu đề ra 3,2-3,4 triệu lượt trước 1 năm), chiếm trên 37% lượng khách quốc tế của cả nước. Tổng thu từ khách du lịch tăng tương đối ổn định. Năm 2019 đạt 103,812 tỷ đồng, tăng gấp 2,731 lần so với năm 2013 xứng đáng vai trò trung tâm điều du lịch lớn nhất khu vực phía Bắc, một trung tâm lớn của cả nước và lọt top 10 điểm đến hàng đầu thế giới.

Đối với Nhà nước, giai đoạn đầu NSNN cần phải đầu tư nguồn lực cho việc thành lập và quản lý, vận hành Quỹ, tạo vốn môi cho các quỹ. Việc thành lập quỹ sẽ phát huy chi phí quản lý và tổ chức biên chế; chi cho bộ máy quản lý (mục chi này hiện chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi của một số quỹ đang hoạt động). Phát sinh thêm các hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát thực hiện quỹ. Điều này cần được xử lý kỹ lưỡng để bảo đảm đáp ứng được yêu cầu, mục đích ban đầu đề ra.

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Một số doanh nghiệp, người dân có thể đóng góp nguồn lực cho Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô và Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng Thủ đô.

**b) Tác động về xã hội:**

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Thực tiễn cho thấy, mặc dù được Thành phố quan tâm, tuy nhiên, vẫn chưa bảo đảm công tác bảo tồn nhiều di tích niên đại cổ, có giá trị cao về lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật. Trong số 5.922 di tích phân bố tại 30 quận, huyện thị xã trên địa bàn Thành phố, có tới 2.225 di tích xuất hiện tình trạng xuống cấp. Tổng hợp trên địa bàn Thành phố từ năm 2016-2020 đã có 691 lượt di tích được đầu tư tu bổ, tôn tạo trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hóa là: 1.211,276 triệu đồng chiếm hơn 21% tổng mức đầu tư. Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô dự kiến được thành lập với mục đích huy động nguồn lực tài chính từ xã hội nhằm phục vụ việc bảo tồn, phát triển văn hóa trên địa bàn Thành phố. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận trên nguyên tắc huy động nguồn lực theo quy định của pháp luật. Việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô góp phần thúc đẩy xã hội hóa, giảm bớt gánh nặng cho NSNN. Đồng thời, góp phần đa dạng các hoạt động tài chính của nhà nước, trong việc thực hiện các mục tiêu bảo tồn, phát triển văn hóa.

Việc thành lập Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô góp phần khích lệ tinh thần và cống hiến của nhân tài đóng góp cho Thủ đô. Vì vậy, việc tăng cường giám sát hoạt động của các quỹ, tăng cường tính công khai minh bạch trong hoạt động thu - chi của Quỹ là rất cần thiết. Việc ưu đãi cho từng đối tượng giúp học sinh có cơ hội học tập tốt, phát huy khả năng của mình.<sup>118</sup>

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô giúp Thành phố có nguồn lực chủ động hơn trong bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô, từ đó, công

<sup>118</sup> Đề xuất ưu đãi cho Học sinh được hỗ trợ học bổng 100 triệu đồng/năm, Sinh viên được hỗ trợ học bổng 150 triệu đồng/năm, Học sinh, sinh viên được học bổng đi du học nước ngoài được hỗ trợ kinh phí và cam kết quay trở lại phục vụ Thành phố. Khuyến khích trao giải đối với sáng kiến trong học tập, đạt giải trong các kỳ thi về sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, tối đa 50 triệu đồng.



tác bảo tồn, tôn tạo hoặc quảng bá giá trị văn hóa được thuận lợi hơn, qua đó, người dân có điều kiện tiếp cận giá trị văn hóa được thuận lợi hơn. Doanh nghiệp cũng thuận lợi hơn trong việc tài trợ cho các hoạt động bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô thông qua việc tài trợ trực tiếp cho Quỹ. Việc thành lập Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô để cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở GDĐT có uy tín của quốc tế, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quay về phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô sẽ tạo thêm cơ hội cho học sinh Thủ đô phát triển tài năng và đóng góp cho sự phát triển chung của Thủ đô.

**Tác động tiêu cực:**

(i) Nhà nước: Việc thành lập các Quỹ sẽ phát sinh nhu cầu tổ chức và quản lý các Quỹ để bảo đảm các Quỹ hoạt động thực sự hiệu quả.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Không có tác động tiêu cực rõ rệt về xã hội.

**c) Tác động về giới:**

Không có tác động rõ nét về phương diện giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Như Giải pháp 2.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:

Giải pháp 3 này gồm Giải pháp 2 cộng thêm việc thành lập 2 quỹ (Quỹ bảo vệ di sản và phát triển văn hóa Thủ đô và Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô), do vậy, về cơ bản, cũng có tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật như Giải pháp 2.

(ii) *Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Tương tự như Giải pháp 2.

(iii) *Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Việc thành lập Quỹ bảo vệ di sản và phát triển văn hóa Thủ đô và Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô không trái với các điều ước quốc tế về văn hóa và giáo dục mà Việt Nam là thành viên, nên tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 3 này cũng không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực văn hóa và giáo dục mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

**6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với yêu cầu và mục tiêu phát triển văn hóa, giáo

dục và đào tạo Thủ đô từ nay đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 là các giải pháp trong Giải pháp 3.

Việc thực hiện các giải pháp trong Giải pháp 3 sẽ thể hiện đầy đủ và trọn vẹn nhất các chủ trương, định hướng về phát triển văn hóa, GDĐT Thủ đô theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW đó là: *“Tập trung phát triển văn hoá Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội; xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới cho Thủ đô. Tập trung bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các di tích, công trình kiến trúc có giá trị, trọng tâm là các di sản thế giới, di tích quốc gia.”* *“Nâng cao chất lượng GDĐT toàn diện. Xây dựng Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về GDĐT chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế... Có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển GDĐT; hệ thống trường có nhiều cấp học, trường chất lượng cao; các loại hình liên kết đào tạo trong nước và quốc tế”*.

Thẩm quyền ban hành chính sách này thuộc về Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua việc Quốc hội thông qua dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

## **7. CHÍNH SÁCH 7: HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG, PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **7.1. Xác định vấn đề bất cập**

Điều 13 Luật Thủ đô quy định chính sách phát triển KHCCN của Thủ đô nhằm thu hút, phát huy tiềm lực của các tổ chức nghiên cứu, đào tạo KHCCN và các nhà KHCCN trên địa bàn tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình KHCCN trọng điểm của Thủ đô; khuyến khích phát triển các dịch vụ KHCCN, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, chuyển nhượng công nghệ tiên tiến, đặc biệt là CNC, công nghệ sạch trên địa bàn Thủ đô.

Nội dung Điều 13 của Luật Thủ đô được cụ thể hoá bằng Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển KHCCN và các nhà KHCCN tham gia thực hiện chương trình KHCCN trọng điểm của Thủ đô, Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Hà Nội về trọng dụng nhân tài xây dựng và phát triển Thủ đô. Đồng thời, UBND Thành phố cũng đã ban hành nhiều Chương trình, Kế hoạch thúc đẩy chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KHCCN trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là các chủ trương, chính sách nhằm chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tuy nhiên, Báo cáo tổng kết thi hành Luật thủ đô giai đoạn 2013-2020 nhận định chung về bất cập của việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành *“Hoạt động KHCCN của thành phố Hà Nội chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô. KHCCN và đổi mới sáng tạo còn*

*chưa thực sự trở thành động lực quan trọng để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển KTXH Thủ đô”.*

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVII (3.2020) đã xác định nguyên nhân về mặt thể chế của bất cập, hạn chế trong phát triển KHCN của Thủ đô “**KHCN và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực quan trọng, đột phá. Hệ thống cơ chế, chính sách về KHCN chưa hoàn thiện; chưa đáp ứng yêu cầu khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện đổi mới, chuyển giao, nâng cao trình độ công nghệ; kết nối hoạt động nghiên cứu giữa các nhà khoa học với thị trường và doanh nghiệp nhìn chung còn yếu...**”

*Các vấn đề bất cập của chính sách KHCN đã được nhận diện gồm:*

*Thứ nhất*, chính sách trọng dụng nhân tài đã được quan tâm, nhưng cơ chế ưu đãi chưa hấp dẫn, chưa đủ mạnh, để thu hút đội ngũ nhân lực KHCN đầu ngành, nhà khoa học tài năng và nhà khoa học nước ngoài cùng hợp tác, hỗ trợ giải quyết các vấn đề trọng tâm của Thành phố.

*Thứ hai*, chính sách quản lý KHCN của Thành phố chưa có những đổi mới đột phá, chưa tạo được cơ chế thông thoáng, thuận lợi khai thác tối đa tiềm lực cơ sở vật chất và nguồn lực chất xám của các cơ quan, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng của Thủ đô Hà Nội và Trung ương đóng trên địa bàn tham gia nghiên cứu khoa học, cũng như chưa huy động được các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp tích cực tham gia đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với nhà nước, đặc biệt là các hoạt động sản xuất thử nghiệm (SXTN), chuyển giao công nghệ

*Thứ ba*, thiếu cơ chế, chính sách có tính nổi trội nhằm hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố; chưa tạo ra được sự kết nối bền vững, thực chất và hiệu quả giữa các cơ quan nghiên cứu KHCN (bên cung) với các doanh nghiệp, nhà sản xuất, các cơ quan quản lý nhà nước (bên cầu) là một rào cản không nhỏ làm hạn chế tính thực tiễn, tính ứng dụng của các sản phẩm KHCN, nhất là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, dẫn đến thị trường KHCN còn manh mún, phát triển chưa tương xứng tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô<sup>119</sup>.

*Thứ tư*, chủ trương, chính sách hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô chưa rõ ràng, chưa phát huy tác động tích cực như kỳ vọng, thiếu cơ chế liên kết các tổ chức có hoạt động hỗ trợ hiệu quả và đủ mạnh để phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thiếu hành lang pháp lý cho việc thực hiện một số cơ chế có tính đột phá nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phù hợp với yêu cầu đầy thách

<sup>119</sup> Trên địa bàn Thủ đô tập trung 80% các trường đại học, viện nghiên cứu, 82% phòng thí nghiệm quốc gia của cả nước. Giai đoạn 2011-2020 mới chỉ có 115 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là Doanh nghiệp KHCN so với chỉ tiêu là 350 doanh nghiệp KHCN. Tỷ lệ doanh nghiệp có sản phẩm thương mại do chuyển giao công nghệ từ các nhiệm vụ KHCN rất thấp.

thức của cách mạng công nghiệp 4.0.

## 7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ chính trị xác định “*Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển KTXH; phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ con người, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh tế mới gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, KHCN, kết nối theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong vùng kinh tế và cả nước. Thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội*”. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để xác định mục tiêu chính sách về phát triển KHCN của Thủ đô.

7.2.1. *Mục tiêu tổng thể*: Xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển KHCN và Đổi mới sáng tạo của Thủ đô hướng tới mục tiêu xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ hàng đầu của cả nước, tiến tới là trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á.

### 7.2.2. Các mục tiêu cụ thể

KHCN và đổi mới sáng tạo của Thủ đô cần có giải pháp chính sách mới, đột phá, nổi trội đã được xác định tại Chương trình 07-CTr/TU ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh phát triển KHCN, Đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

Để thực hiện các mục tiêu này, Nghị quyết ĐHĐB Đảng bộ thành phố lần thứ XVII xác định *giải pháp chiến lược về KHCN*: “Xây dựng và phát triển hệ sinh thái học tập sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thu hút, trọng dụng nhân tài trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ KHCN và đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội. Khai thác, phát huy tối đa tài nguyên chất xám, nguồn lực trí tuệ của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trên địa bàn thành phố...”.

## 7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện hành (Quy định của Luật Thủ đô và hệ thống pháp luật có liên quan trong lĩnh vực KHCN).

**Giải pháp 2:** Thành phố được quy định các cơ chế, biện pháp:

(1) Quy định các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đặc thù trong thu hút, sử dụng, phát huy tiềm lực, vinh danh các chuyên gia, nhà khoa học giỏi;

(2) Khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức KHCN tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ

sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô;

(3) Cơ chế hỗ trợ, chuyên giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố.

**Giải pháp 3:** Gồm Giải pháp 2 và các biện pháp khuyến khích áp dụng các cơ chế thí điểm thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Nội dung chi tiết của từng giải pháp được trình bày tại mục đánh giá tác động dưới đây.

#### **7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

*7.4.1. Đánh giá tác động của Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành*

##### **a) Tác động về kinh tế:**

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

- Nhà nước không phải tăng chi từ nguồn ngân sách Thành phố cho việc: Đãi ngộ, thu hút chuyên gia nhà khoa học (tiếp tục thực hiện Điều 13 Luật Thủ đô, Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND, Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND) cũng như cho việc thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng và chuyên giao kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN (vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP).

- Nhà nước cũng có thể không cần tăng các khoản đầu tư ngân sách của Thành phố cho việc khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hạn chế được các thiệt hại kinh tế nếu các khoản hỗ trợ đó không không đạt được kết quả mong muốn.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Được tiếp cận và thụ hưởng các thành quả của phát triển KHCN chủ yếu thông qua các sản phẩm đã được ứng dụng, thương mại hoá trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực CNTT, nông nghiệp, công nghiệp tiêu dùng, môi trường...

- Với thể chế hiện hành, các doanh nghiệp có thể tham gia, đầu tư vào NCKH, SXTN cùng với Nhà nước thông qua các phương thức:

+ Doanh nghiệp trực tiếp tham gia, chủ trì các nhiệm vụ KHCN, nhất là các dự án SXTN và có thể được nhận chuyển giao sở hữu tài sản và kết quả nghiên cứu để thương mại hóa sản phẩm mà không phải bồi hoàn phần giá trị từ kinh phí NSNN đầu tư cho nhiệm vụ khoa học nếu đáp ứng điều kiện vốn đối ứng từ 70% trở lên cho một nhiệm vụ KHCN.

**Bảng 14: Doanh nghiệp tham gia đầu tư, thực hiện nhiệm vụ KHCN  
giai đoạn 2013-2020**

	<b>SL nhiệm vụ DN chủ trì/Tổng số nhiệm vụ</b>	<b>Kinh phí DN thực hiện/Tổng kinh phí (tr.đ)</b>	<b>NSNN (tr.đ)</b>	<b>Vốn khác (tr.đ)</b>
<b>Nhiệm vụ KHCN</b>	<b>51/668 (7,6%)</b>	<b>249.856/1.170.143 (21,35%)</b>	<b>89.613/864.580 (10,3%)</b>	<b>160.243/305.563 (52,44%)</b>
<b>Đề tài</b>	<b>17/ 536 (3,1%)</b>	<b>26.763</b>	<b>22.230</b>	<b>4.533</b>
<b>Dự án SXTN</b>	<b>34/90 (37,7%)</b>	<b>223.093</b>	<b>67.383</b>	<b>155.710</b>

+ Doanh nghiệp có thể *nhận chuyển giao công nghệ thực hiện thông qua dự án đầu tư độc lập, dự án đầu tư có vốn nước ngoài* theo Luật chuyển giao công nghệ. Trong giai đoạn 2016-2020 đã có 29 hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và 24 lượt sửa đổi, bổ sung hợp đồng đăng ký chứng nhận tại Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Doanh nghiệp cũng có thể đầu tư nghiên cứu KHCN không sử dụng NSNN và đề nghị Sở KHCN xem xét cấp giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu<sup>120</sup>.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

- Thành phố sẽ tiếp tục không thu hút được nhiều nhà chuyên gia, nhà khoa học tham gia vào các nhiệm vụ KHCN của Thành phố<sup>121</sup>. Số lượng và chất lượng thực hiện các nhiệm vụ KHCN chưa tương xứng với mục tiêu đặt ra, gây sự lãng phí trong sử dụng nguồn lực nhà nước và xã hội.

- Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia, chủ trì các dự án nghiên cứu và đầu tư cho nghiên cứu KHCN độc lập hoặc đầu tư nghiên cứu cùng nhà nước, do đó, nguồn đầu tư xã hội cho phát triển KHCN còn hạn chế<sup>122</sup>.

- Việc Nhà nước hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN cấp thành phố còn rất hạn chế do chưa giải quyết được

<sup>120</sup> Trong giai đoạn 2016-2020, có 17 tổ chức (15 doanh nghiệp, 01 sở, 01 bệnh viện) đã được Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá, thẩm định và cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

<sup>121</sup> Hiện nay số lượng chuyên gia, nhà khoa học trên địa bàn Thủ đô bao gồm: 316 Giáo sư, 2.322 Phó Giáo sư; 11.137 Tiến sĩ (chiếm 69% tổng số giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ của cả nước). Trong giai đoạn 2016-2020 thành phố Hà Nội có: (i) Một Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm thành phố Hà Nội: “Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết XVI Đảng bộ Thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, một chương trình công nghệ trọng điểm cấp thành phố thu hút được khoảng 100 nhà khoa học trực tiếp tham gia; (ii) Thành lập 12 Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp Thành phố thu hút được 120 nhà khoa học tham gia Ban chủ nhiệm; (iii) Triển khai 367 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phần lớn chủ nhiệm nhiệm vụ có trình độ Tiến sĩ.

<sup>122</sup> Từ năm 2013-2020 trong tổng số 668 nhiệm vụ KHCN cấp thành phố chỉ có 51 nhiệm vụ (chiếm 7,6%) do doanh nghiệp chủ trì (17/536 đề tài (3,1%), 34/90 dự án SXTN-37,7%) với tổng kinh phí hơn 249 tỷ đồng (chiếm 21,3%), trong tổng số kinh phí là 1170 tỷ đồng chi cho các nhiệm vụ KHCN. Trong đó nguồn NSNN cấp cho các nhiệm vụ KHCN do doanh nghiệp chủ trì chỉ chiếm 10,3% chi của NSNN cho 668 nhiệm vụ KHCN.

các vướng mắc theo quy định Nghị định số 70/2018/NĐ-CP về bồi hoàn giá trị tài sản là trang thiết bị nghiên cứu hoặc là kết quả nghiên cứu có sử dụng NSNN. Trong tổng số 668 nhiệm vụ KHCN giai đoạn 2013-2020 chỉ có 34 Dự án SXTN do các doanh nghiệp chủ trì đáp ứng được vốn đối ứng khoảng 70% kinh phí chi cho mỗi dự án để có thể được nhận sở hữu kết quả nghiên cứu không phải bồi hoàn phần hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP. Hiện chưa có nhiệm vụ KHCN nào đã nghiệm thu (thuộc diện phải bồi hoàn kinh phí nếu chuyển giao) thực hiện được việc xác định giá trị tài sản là kết quả nghiên cứu để có thể chuyển giao ứng dụng, thương mại hoá sản phẩm.

- Mặc dù Thành phố đã ban hành nhiều đề án, kế hoạch để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng KHCN, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tuy nhiên hiệu quả chưa rõ ràng. Với các biện pháp hiện hành trên địa bàn Thủ đô Hà Nội cũng đã hình thành các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gồm các vườn ươm doanh nghiệp, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, không gian hỗ trợ khởi nghiệp của Thành phố nhưng các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố còn ít, hoạt động riêng lẻ, chưa thực sự liên kết thành mạng lưới, thiếu nguồn lực, thiếu máy móc thiết bị, cơ sở vật chất để thực hiện hiệu quả hoạt động ươm tạo.

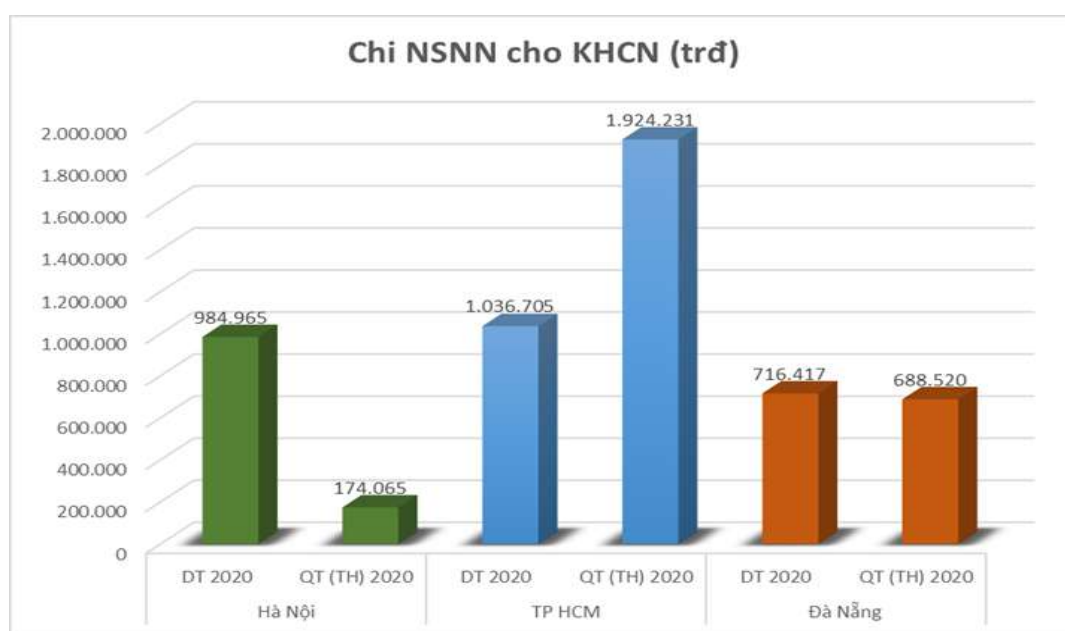
Nhìn tổng thể, từ góc độ kinh tế, mức đầu tư - chi phí của Thành phố cho KHCN và kết quả thu được - lợi ích trực tiếp về KHCN, trong tương quan so sánh với hai thành phố lớn là Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng thể hiện trong Bảng 14<sup>123</sup>.

**Bảng 15: Chỉ tiêu đến 2020**

STT	Chỉ tiêu	Số dự toán 2020			Số quyết toán 2020		
		Hà Nội	TPHC M	Đà Nẵng	Hà Nội	TPHC M	Đà Nẵng
<b>1</b>	<b>Chi NSNN cho KHCN</b>						
	Chi NSNN cho KHCN (triệu đồng)	985,0	1.036,7	716,4	174,1	1.924,2	688,5
	Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/Tổng chi NSNN	0,95%	1,11%	2,62%	0,10%	1,58%	1,90%
	Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/GRDP	0,10%	0,08%	0,69%	0,02%	0,14%	0,67%
<b>2</b>	<b>Sáng chế</b>						
	Đơn đăng ký sở hữu công nghệ trên địa bàn				15.989	17.749	
	Bằng/GCN được cấp				8.556	9.523	
<b>3</b>	<b>Nhân lực KHCN trên địa</b>						

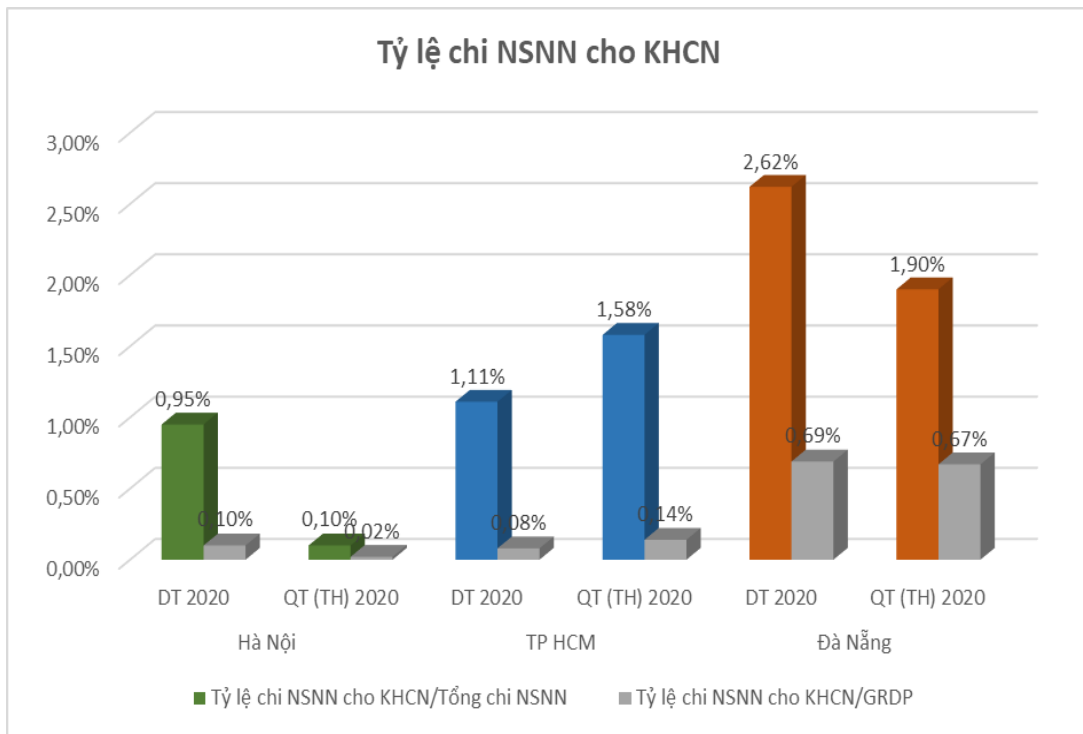
<sup>123</sup>Các bảng số liệu và các dữ liệu được sử dụng để dự báo tác động của các giải pháp do Sở KHCN TP.Hà Nội cung cấp và cùng với Nhóm chuyên gia tính toán.

STT	Chỉ tiêu	Số dự toán 2020			Số quyết toán 2020		
		Hà Nội	TPHC M	Đà Nẵng	Hà Nội	TPHC M	Đà Nẵng
	<b>bàn</b>						
	Tiến sỹ				11.137	4.327	713
	Giáo sư				316	158	10
	Phó giáo sư				2322	856	100
<b>4</b>	<b>Số DN KHCN trên địa bàn</b>				<b>94</b>	<b>96</b>	<b>9</b>
<b>5</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN</b>						
	Số nhiệm vụ phê duyệt mới trong năm				86	184	
<b>6</b>	<b>Khu CNC tiêu biểu trên địa bàn</b>				Khu CNC Hòa Lạc <sup>124</sup>	Khu CNC TP Hồ Chí Minh	Khu CNC Đà Nẵng
	Khu CNTT				Khu Công viên CNTT Long Biên	Công viên phần mềm Quang Trung	Khu CNTT tập trung Đà Nẵng



<sup>124</sup> Khu CNC Hòa Lạc thuộc Bộ KH&CN quản lý. Hà Nội đang lập đề án quy hoạch khu CNC sinh học Hà Nội tại Bắc Từ Liêm





Có thể thấy, năm 2020, mức chi NSNN cho KHCN trên thực tế còn quá thấp chỉ đạt 174 tỷ đồng (chiếm 0,1% tổng chi NSNN và 0,02% chi NSNN/GRDP) và cũng chỉ đạt 17,2% so với dự toán NSNN cho KHCN. Nếu duy trì mức chi NSNN như hiện nay cho KHCN và không có các giải pháp chính sách đột phá để tăng chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KHCN, khuyến khích, thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, đào tạo cùng tham gia nghiên cứu KHCN, đổi mới, ươm tạo và chuyển giao công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, hình thành và phát triển hệ sinh thái khoa học, đổi mới sáng tạo thì không thể đạt được mục tiêu và các chỉ tiêu về phát triển KHCN giai đoạn 2021-2030 và tiếp theo theo nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ Thành phố.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học:

Với thể chế hiện hành, các chuyên gia, nhà khoa học được thu hút tham gia, chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ KHCN của Thủ đô Hà Nội chưa được hưởng quyền lợi tương ứng với năng lực. Trên thực tế mới chỉ số ít chuyên gia, nhà khoa học được hưởng một phần ưu đãi rất nhỏ, đó là có thể thương thảo ký hợp đồng thuê chuyên gia theo hình thức khoán việc với mức lương 40 triệu đồng/tháng theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND với thủ tục khá rườm rà (do tổ chức KHCN đề nghị, Giám đốc Sở KHCN xem xét trình Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt). Trên thực tế, rất ít chuyên gia, nhà khoa học được hưởng ưu đãi này.

Hầu như không có chuyên gia, nhà khoa học nào được áp dụng hình thức đặt hàng khoán gọn theo khối lượng công việc trên cơ sở chất lượng sản phẩm đầu ra đáp ứng tiêu chí, yêu cầu của Thành phố theo Nghị quyết số 14/2013/NQ-

HĐND<sup>125</sup> do đó, rất lãng phí thời gian, công sức của các chuyên gia, nhà khoa học và cả đội ngũ làm công tác KHCN cho các thủ tục thanh quyết toán nhiệm vụ KHCN, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu đều thấp.

(iii) Doanh nghiệp:

Tiềm lực KHCN và đầu tư cho KHCN của doanh nghiệp và xã hội ở Thủ đô còn chưa được khai thác, phát huy tương xứng do thiếu cơ chế chính sách phù hợp. Số lượng công bố khoa học quốc tế của Thủ đô Hà Nội đứng thứ 2 cả nước nhưng việc chuyên giao ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế. Việc nhân rộng mô hình nghiên cứu ứng dụng, nhất là ứng dụng trong sản xuất còn chậm. Số lượng đơn đăng ký và số bằng chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp của Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vượt xa tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác<sup>126</sup>.

**Bảng 16: Số lượng đơn đăng ký và số bằng chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp của Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2022**

Tỉnh thành	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	QI/2022
<b>Thủ đô Hà Nội</b>										
Đơn đăng ký	7.994	8.374	9.781	11.375	11.838	12.423	14.621	15.989	16.153	3.168
Bằng/GCN được cấp	4.661	4.806	4.450	4.133	4.649	4.781	7.318	8.556	8.744	2.322
<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>										
Đơn đăng ký	11.252	12.527	13.801	14.925	14.172	15.035	16.961	17.749	14.188	3.095
Bằng/GCN được cấp	4.723	5.247	5.370	5.369	6.365	6.115	8.825	9.523	9.088	2.400
<b>Việt Nam</b>										
Đơn đăng ký	26.663	28.915	32.956	37.760	37.862	39.989	46.503	50.795	46.247	9.608
Bằng/GCN được cấp	13.436	14.515	13.819	13.678	15.884	15.825	23.831	27.121	26.917	7.053

(iv) Người dân:

Hạn chế của việc thiếu chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ và phát

<sup>125</sup> Trong tổng số 668 nhiệm vụ KHCN (đề tài, đề án khoa học, DA SXTN), 30 dự án SHTT được phê duyệt mới để thực hiện trong giai đoạn 2013-2020 chưa có nhiệm vụ nào áp dụng hình thức khoán toàn bộ mà chỉ áp dụng hình thức khoán một phần đối với phần kinh phí công lao động và một phần chi khác.

<sup>126</sup> Theo Số liệu thống kê của Cục sở hữu trí tuệ về đăng ký và cấp bằng công nhận quyền sở hữu công nghiệp, trong Quý I/2022, Hà Nội có 3.168 đơn đăng ký và 2.302 bằng đã được cấp (bao gồm bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá); Thành phố Hồ Chí Minh có 3.095 đơn và 2.400 bằng được cấp ([https://ipvietnam.gov.vn/vi\\_VN/web/guest/so-lieu-thong-ke](https://ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/so-lieu-thong-ke)).

triển thị trường KHCCN chính là điểm yếu, là rào cản việc thụ hưởng lợi ích của người dân.

## **b) Tác động về xã hội:**

### **(i) Nhà nước:**

Vai trò của Chính quyền thành phố Hà Nội trong việc tạo lập và tháo gỡ các vướng mắc về chính sách, thể chế và tạo điều kiện, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực thi chính sách, thể chế về KHCCN là yếu tố quan trọng nhất để phát triển KHCCN Thủ đô nhưng vai trò này còn nhiều hạn chế, thụ động, chưa tạo được động lực lan toả, phát huy tiềm năng xã hội đầu tư cho KHCCN.

Các bất cập chính sách về chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp để đưa vào ứng dụng, sản xuất và thương mại hóa các sản phẩm của đề tài nghiên cứu KHCCN, dự án SXTN làm chậm và thậm chí cản trở việc KHCCN đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, môi trường của Thủ đô.

Chưa tạo ra được sự gắn kết giữa các cơ quan nghiên cứu KHCCN với các doanh nghiệp, nhà sản xuất, các cơ quan quản lý nhà nước cũng như chưa hỗ trợ để tạo liên kết mạng giữa các tổ chức ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp để tạo nên các trung tâm có đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

### **(ii) Các chuyên gia, nhà khoa học:**

Các chuyên gia, nhà khoa học trên địa bàn bước đầu được thu hút tham gia thực hiện các nhiệm vụ KHCCN của Thủ đô. Tuy nhiên, do cơ chế ưu đãi chưa rõ ràng, thiếu tính khả thi nên chưa tạo được nhiều vị trí, việc làm phù hợp với năng lực và kinh nghiệm hoạt động của chuyên gia, nhà khoa học.

Các chế độ đãi ngộ vật chất và tinh thần đều chưa tương xứng với năng lực và sự cống hiến của các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ nói riêng, công chức, viên chức làm công tác KHCCN, quản lý KHCCN ở Thủ đô nói chung nên việc thu hút, sử dụng không bền vững. Các vướng mắc, rào cản hành chính trong hình thành và triển khai, kết thúc nhiệm vụ KHCCN, đặc biệt là việc chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, SXTN làm hạn chế khả năng, hiệu quả cống hiến, đóng góp của đội ngũ làm công tác KHCCN cho sự nghiệp phát triển KTXH.

(iii) Doanh nghiệp: là nhân tố năng động và có nhu cầu, khát vọng đổi mới công nghệ nhất nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập doanh nghiệp và người lao động, do đó, đã có những chuyển biến tích cực trong việc huy động nguồn vốn doanh nghiệp, vốn xã hội cho hoạt động KHCCN, tham gia ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp với sự hỗ trợ của nhà nước.

Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp KHCCN, doanh nghiệp được thu hút tham gia, chủ trì các đề tài, đặc biệt là dự án SXTN nhằm tạo ra được nhiều công nghệ mới và trực tiếp đưa kết quả nghiên cứu, thử nghiệm vào sản xuất thành các sản phẩm thương mại, còn rất ít so với tổng số doanh nghiệp của Thủ đô, do đó,

chưa phát huy được tốt vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong liên kết với các viện trường trên địa bàn và hiệu quả đầu tư nghiên cứu KHCN của doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội; chưa tạo được nhiều việc làm mới và tăng thu nhập cho người lao động tại các doanh nghiệp có đầu tư cho KHCN

(iv) Người dân:

Các sản phẩm mang lại lợi ích cho cộng đồng có thể không được chuyển giao để ứng dụng rộng rãi làm hạn chế người dân tiếp cận và thụ hưởng các sản phẩm từ các hoạt động thử nghiệm KHCN có chất lượng, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, môi trường.

**c) Tác động về giới:**

Các tác động về kinh tế, về xã hội đối với mỗi giới của các chính sách hiện hành không có sự khác biệt, phân biệt giới trực tiếp. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận và sử dụng các cơ hội, nguồn lực hỗ trợ đổi mới, ươm tạo, chuyển giao công nghệ, tham gia các nhiệm vụ KHCN của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ và rất nhỏ) thường bị hạn chế hơn, tiềm ẩn nguy cơ tụt hậu của các doanh nghiệp và người lao động của doanh nghiệp này trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số doanh nghiệp.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:**

Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp này phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Cụ thể: khoản 2 Điều 35 quy định: “Quyền được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi”; Điều 40 quy định “Mọi người có quyền nghiên cứu KHCN, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó” và Điều 62 tiếp tục khẳng định phát triển KHCN là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển KTXH của đất nước; quy định trách nhiệm của Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu KHCN; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động KHCN.

Ngoài không trái với Hiến pháp, Giải pháp này còn phù hợp với các VBQPPL hiện hành, trực tiếp là Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. Do vậy, Giải pháp này không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các chính sách hiện tại đã được thực thi kể từ ngày Luật Thủ đô năm 2012 có hiệu lực (ngày 01/7/2013), do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Giải pháp này tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể: Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948, tại Điều 23 quy định: “Người làm việc được trả lương tương xứng và công bằng, đủ để bảo đảm cho bản thân và gia đình một đời sống xứng đáng với nhân phẩm.”; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, tại Điều 15 nêu: “Được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó; được bảo hộ các quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học nghệ thuật nào của mình.” “Các biện pháp mà các quốc gia thành viên Công ước sẽ tiến hành nhằm thực hiện đầy đủ quyền này phải bao gồm các biện pháp cần thiết để bảo tồn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hoá”, “Các thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do không thể thiếu được đối với nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo”.

Do không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, do vậy Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

*7.4.2. Đánh giá tác động của Giải pháp 2: Thành phố được quy định các cơ chế, biện pháp:*

*(1) Quy định các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đặc thù trong thu hút, sử dụng, phát huy tiềm lực, vinh danh các chuyên gia, nhà khoa học giỏi:* Trao quyền tự chủ trong quản lý cho các chuyên gia, nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ KHCN trọng điểm hoặc đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KHCN của Thủ đô<sup>127</sup>; miễn thuế thu nhập cá nhân từ thu nhập do thực hiện các nhiệm vụ KHCN trọng điểm của Thủ đô. Thành phố được thí điểm xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà KHCN làm việc ở Thủ đô. Các chương trình KHCN quốc gia ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ KHCN do Thủ đô Hà Nội đề xuất, đặt hàng (bao gồm cả các nhiệm vụ KHCN có tính liên vùng, liên ngành).

*(2) Khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi*

<sup>127</sup> Hưởng mức lương và phụ cấp ưu đãi đặc biệt trên cơ sở quy định mức thu nhập áp dụng cho chuyên gia, nhà khoa học do HĐND Thành phố Hà Nội ban hành; Được bố trí hỗ trợ thêm phần chi phí thuê nhà, phương tiện đi lại trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao; Được chủ động thuê, thỏa thuận chi phí thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài; Tự quyết định việc mua sắm chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho nhiệm vụ trong phạm vi dự toán kinh phí được giao; Tự quyết định và được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn; Quyết định việc tổ chức nhiệm vụ được giao.

*nghiệp sáng tạo của Thủ đô:*

(2.1) Được thí điểm hợp tác đầu tư có chính sách hỗ trợ hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm;

(2.2) Áp dụng mức ưu đãi hỗ trợ cao nhất (tương đương các mức ưu đãi cho doanh nghiệp CNC) đối với các doanh nghiệp thực hiện đề tài, dự án ươm tạo công nghệ, đổi mới công nghệ có các sản phẩm tạo ra từ hoạt động ứng dụng công nghệ ươm tạo.

(3) *Cơ chế hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố, cụ thể:*

(3.1) Được áp dụng chính sách chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH-CN do Thành phố thực hiện. Việc chuyển giao được thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô;

(3.2) Được ban hành cơ chế hợp tác, chuyển giao và hỗ trợ doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi trong lĩnh vực CNTT và truyền thông thuộc Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số và xây dựng chính quyền số.

#### **a) Tác động về kinh tế:**

(i) Nhà nước: Để thực hiện các biện pháp được đề xuất, Chính quyền Thành phố phải có lộ trình tăng chi NSNN phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời điều chỉnh hợp lý cơ cấu chi cho KH-CN của Thủ đô, theo hướng tăng chi cho đầu tư phát triển hạ tầng KH-CN, chi cho các nhiệm vụ KH-CN trọng điểm của Thành phố...

Cụ thể: Dự kiến kịch bản đầu tư từ NSNN cho phát triển KH-CN giai đoạn 2021-2030, trong đó, từ 2026-2030 Luật thủ đô (sửa đổi) có hiệu lực và các nội dung của Giải pháp 2 này bắt đầu phát huy tác động.

**Bảng 17: Dự kiến chỉ tiêu cần đạt được đến 2030**

STT	Chỉ tiêu	Dự kiến chỉ tiêu cần đạt	
		2025	2030
<b>1</b>	<b>Chi NSNN cho KH-CN</b>		
	Chi NSNN cho KH-CN (triệu đồng)	960.959	4.597.635
	Tỷ lệ chi NSNN cho KH-CN/Tổng chi NSNN	0,68%	2,01%
	Tỷ lệ chi NSNN cho KH-CN/GRDP	0,07%	0,22%
<b>2</b>	<b>Sáng chế</b>		
	Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp trên địa bàn trong năm (dự kiến tăng khoảng	17.500	20.000

STT	Chỉ tiêu	Dự kiến chỉ tiêu cần đạt	
		2025	2030
	500/năm)		
	Bảng/GCN được cấp trong năm (dự kiến tăng khoảng 250/năm)	9.800	11.000
<b>3</b>	<b>Số DN KHCV trên địa bàn</b>	<b>200</b>	<b>250</b>
<b>4</b>	<b>Nhiệm vụ KHCV</b>		
	Số nhiệm vụ phê duyệt mới trong năm	81	90
	Tổng chi NSNN cho nhiệm vụ KH&CN trong năm (triệu đồng)	131.016	211.002
<b>5</b>	<b>Khu CNC tiêu biểu trên địa bàn</b>		
	Khu CNC	Khu CNC Hòa Lạc Khu CNC sinh học Bắc Từ Liêm	Khu CNC Hòa Lạc Khu CNC sinh học Bắc Từ Liêm
	Khu CNTT	Khu Công viên CNTT tại Long Biên Khu CNTT tập trung Cầu Giấy; Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội; Khu Công viên phần mềm Đông Anh	Khu Công viên CNTT tại Long Biên Khu CNTT tập trung Cầu Giấy; Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội; Khu Công viên phần mềm Đông Anh

*Kịch bản tăng trưởng:*

GRDP tăng 7,5%/năm

Tổng chi NSNN tăng 5%/năm đến 2025, tăng 10%/năm đến năm 2030

Dự kiến đến năm 2030, dự toán chi NSNN cho KHCV gấp 4 lần năm đầu giai đoạn (2021).

Phần tăng chi đầu tư phát triển được bố trí cho: Hoàn thiện hạ tầng các khu CNC, khu CNTT tập trung, trung tâm R&D, vườn ươm doanh nghiệp, dự án CNTT.

Chi thường xuyên cho KHCV tăng 10%/năm, cộng thêm phần tăng chi thường xuyên bố trí cho: Nhiệm vụ KHCV trọng điểm, Dự án SXTN thu hút thêm, Hỗ trợ DA khởi nghiệp sáng tạo.

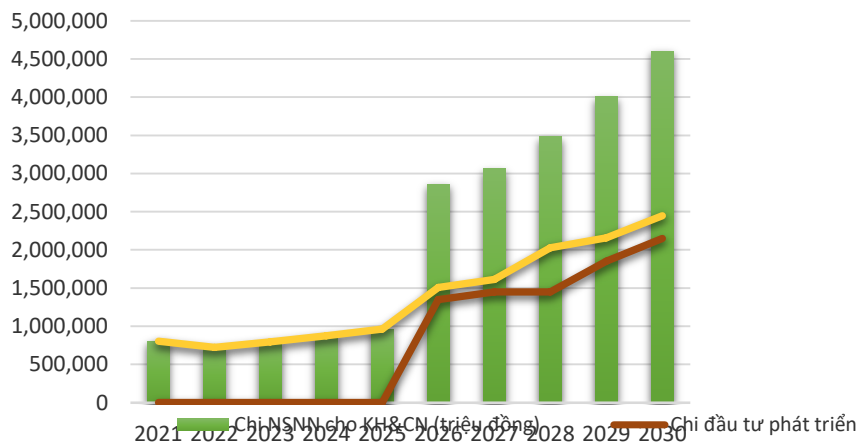
**Bảng 18: Dự kiến chi NSNN cho KHCV trong giai đoạn 2021-2030**

*Đơn vị: triệu đồng*

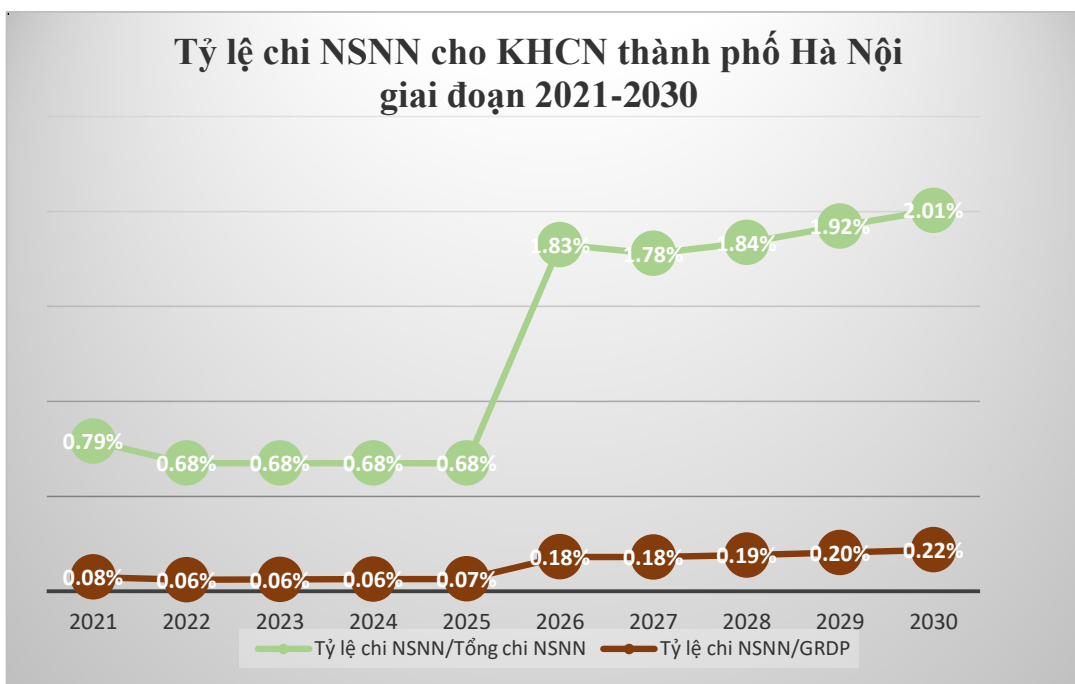
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
GRDP theo giá hiện hành (triệu đồng)	1.067.600.000	1.182.300.000	1.270.972.500	1.366.295.438	1.468.767.595	1.578.925.165	1.697.344.552	1.824.645.394	1.961.493.798	2.108.605.833
Tổng chi NSNN (triệu đồng)	101.433.490	106.925.879	117.618.467	129.380.314	142.318.345	156.550.179	172.205.197	189.425.717	208.368.289	229.205.118

	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
<b>Chi NSNN cho KH&amp;CN (triệu đồng)</b>	<b>801.306</b>	<b>721.983</b>	<b>794.181</b>	<b>873.599</b>	<b>960.959</b>	<b>2.857.055</b>	<b>3.062.761</b>	<b>3.479.037</b>	<b>4.006.94</b>	<b>14.597.635</b>
<b>Chi đầu tư phát triển</b>	0	0	0	0	0	1.350.000	1.450.000	1.450.000	1.850.00	02.150.000
- Trung tâm R&D hợp tác						500.000	600.000	600.000	1.000.00	01.300.000
- Trung tâm R&D và vườn ươm trong KCN cao Hòa Lạc						500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
- Đầu tư phát triển khác						350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
<b>Chi thường xuyên</b>	801.306	721.983	794.181	873.599	960.959	1.507.055	1.612.761	2.029.037	2.156.94	12.447.635
- Đề tài, dự án thông thường	131.016	150.275	165.303	181.833	200.016	220.018	242.019	266.221	292.843	322.128
- Nhiệm vụ KHCN trọng điểm						300.000	300.000	600.000	600.000	750.000
- Dự án SXTN thu hút thêm						90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
- Hỗ trợ DA khởi nghiệp sáng tạo						60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
- Chi thường xuyên khác cho KHCN		73.233	80.556	88.612	97.473	107.220	117.942	129.737	142.710	156.981
- Chi ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		498.475	548.323	603.155	663.470	729.817	802.799	883.079	971.387	1.068.525
Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/Tổng chi NSNN	0,79%	0,68%	0,68%	0,68%	0,68%	1,83%	1,78%	1,84%	1,92%	2,01%
Tỷ lệ chi NSNN cho KHCN/GRDP	0,08%	0,06%	0,06%	0,06%	0,07%	0,18%	0,18%	0,19%	0,20%	0,22%

### Dự kiến chi NSNN cho KH&CN thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030







Những nội dung tăng chi NSNN để thực hiện các biện pháp của Giải pháp 2 và tác động cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đặc thù trong thu hút, sử dụng, phát huy tiềm lực các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành.

*Chi phí thực hiện (dự báo)* Trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến sẽ lựa chọn 25 nhiệm vụ trọng điểm thuộc 9 chương trình KHCN áp dụng cơ chế thu hút, ưu đãi đặc biệt. Tổng kinh phí cho 01 nhiệm vụ khoảng 150 tỷ bao gồm chi phí nghiên cứu và chi phí ưu đãi đặc biệt cho chuyên gia, nhà khoa học, thời gian thực hiện nhiệm vụ trong 5 năm, bình quân mỗi năm 30 tỷ, trong đó dự kiến 23,5% chi cho thuê chuyên gia với mức ký hợp đồng chuyên gia cao cấp (chủ trì và tham gia chính nhiệm vụ KHCN trọng điểm của Thành phố) là 830 triệu đồng/năm/người (gồm lương, khoản phương tiện đi lại, hỗ trợ nhà ở) và chuyên gia KHCN tham gia nhiệm vụ KHCN theo nhu cầu do Chuyên gia Chủ trì thuê với mức lương 240 triệu đồng/năm/người. Tính tổng thể, chi thu hút chuyên gia, nhà khoa học giỏi giai đoạn 2026-2030 vào khoảng 1.477 tỷ đồng, tăng 1000 tỷ đồng so với giai đoạn 2013-2020. Miễn thuế thu nhập cá nhân của các chuyên gia tham gia nhiệm vụ trọng điểm của Thủ đô đối với phần thu nhập như trên có làm giảm thu NSNN nhưng không đáng kể so với tổng thu NSNN và lợi ích thu được từ việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô.

*Thứ hai*, thí điểm hợp tác đầu tư hỗ trợ hình thành các Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

*Chi phí thực hiện từ NSNN (dự báo)* Dự kiến không tạo ra đơn vị mới (trừ Trung tâm R&D tại Khu CNC Hoà Lạc) mà kết hợp với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp sẵn có trên địa bàn, ngân sách thành phố chỉ chi đầu tư đôi mới, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở hiện có để tận dụng nguồn lực sẵn có trên địa bàn thành phố.

Dự kiến sẽ triển khai hình thành 10 Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) đối với các lĩnh vực ưu tiên: Cơ khí chế tạo, Điện tử-Tự động hóa, Công nghệ thông tin, Công nghệ Vật liệu, Công nghệ sinh học, BVMT... Dự kiến tổng chi phí đầu tư cho 01 Trung tâm khoảng 400 tỷ đồng.

Tổng chi NSNN cấp thành phố phát sinh: 10 Trung tâm x 400 tỷ đồng = 4.000 tỷ đồng, trong đó phân bổ vốn cho giai đoạn 2026-2030 là 4.000 tỷ

Tác động: Việc hỗ trợ thành lập trung tâm R&D, hỗ trợ ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN sẽ thu hút có hiệu quả nguồn lực của xã hội đầu tư cho KHCN, từ đó thúc đẩy được tiềm lực KHCN của Thủ đô. Thành phố sẽ triển khai được nhiều dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội.

*Thứ ba, áp dụng chính sách hỗ trợ chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ KHCN do Thành phố thực hiện.* Việc chuyển giao được thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô.

*Chi phí thực hiện (dự báo):* Để hỗ trợ doanh nghiệp giảm bớt gánh nặng chi phí đầu tư nghiên cứu, SXTN cùng Nhà nước, Thành phố Tăng chi ngân sách để hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm (mức hỗ trợ từ NSNN lên đến 50% kinh phí cho một dự án SXTN), ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ và không thu hồi giá trị tài sản, phần tài sản trang bị của Nhà nước.

Nếu thực hiện phương án này:

*Giai đoạn 2021-2025:* 4 dự án SXTN/ năm, NSNN hỗ trợ <30% ; bình quân tổng KP 9 tỷ đồng/DA, trong đó NSNN hỗ trợ 2,7 tỷ/DA. Tổng chi NSNN: 54 tỷ đồng

*Giai đoạn 2026-2030* nhờ có cơ chế mới nên thu hút 12 dự án SXTN của DN, NSNN hỗ trợ 50% ; Bình quân tổng KP 15 tỷ đ/DA, trong đó NSNN hỗ trợ 7,5 tỷ/DA. Tổng chi NSNN: 7,5 tỷ/DA x 12 x 5 năm = 450 tỷ đồng.

Nếu coi chi phí NSNN tăng thêm là tác động tiêu cực thì tác động tích cực về kinh tế và xã hội của các biện pháp trên rất lớn.

#### Tác động tích cực:

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KHCN được hiện thực hóa, góp phần đưa KHCN thực sự trở thành động lực để thúc đẩy KTXH; nâng cao trình độ KHCN tổng thể của Thủ đô Hà Nội và cả nước.

*Một là,* thu hút được chuyên gia nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ KHCN trọng điểm của Thủ đô, từ đó nâng cao chất lượng các nhiệm vụ KHCN, phát huy được tiềm lực KHCN của các chuyên gia công nghệ, các nhà khoa học đầu ngành - các tổng công trình sư thiết kế và điều hành triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học trọng điểm để giải quyết các vấn đề lớn về phát triển KTXH, KHCN, quản trị thành phố thông minh, hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số nói riêng, cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung, tránh sự lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả đầu tư ngân sách cho các hoạt động KHCN trọng điểm, qua đó góp phần duy trì và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành tầm quốc gia và khu vực trong lĩnh vực công nghệ mũi nhọn.

*Hai là,* việc nâng tỷ lệ hỗ trợ của Nhà nước trong các dự án SXTN, ứng dụng, chuyển giao kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN sẽ thu hút có hiệu

quả nguồn lực của xã hội đầu tư cho KHCN, từ đó thúc đẩy được tiềm lực KHCN của Thủ đô, thành phố sẽ triển khai được nhiều dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội Thủ đô.

*Ba là*, việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao sản phẩm là kết quả nghiên cứu KHCN không phải bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ KHCN do Thành phố thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô sẽ khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nhận chuyển giao công nghệ, thương mại hoá sản phẩm, qua đó góp phần thúc đẩy hình thành, phát triển thị trường KHCN Thủ đô với sức cạnh tranh cao trong điều kiện Cách mạng 4.0, tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội, tạo nguồn thu cho NSNN, hướng tới mục tiêu đến năm 2025 có tối thiểu 200 doanh nghiệp KHCN và 250 vào năm 2030 (tính đến tháng 12/2021, Thủ đô Hà Nội chỉ có 115 doanh nghiệp KHCN được chứng nhận).

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học:

Tăng các cơ hội tiếp cận và thu hưởng quyền của chuyên gia nhà khoa học khi được tham gia các hoạt động KHCN trọng điểm, tiếp cận với các thị trường KHCN, có thu nhập ổn định ở mức cao, yên tâm cống hiến, có thể tạo ra nhiều sản phẩm KHCN có chất lượng và hiệu quả.

Được trao quyền tự chủ, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ KHCN được giao chủ trì, hoặc những nội dung tham gia chính, do đó, bản thân các chuyên gia, các nhà khoa học phải thay đổi tư duy và nâng cao năng lực, đổi mới phương pháp tổ chức, quản lý nhiệm vụ KHCN.

(iii) Doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp có nhiều cơ hội được tham gia đầu tư các dự án sản xuất thử nghiệm cùng với nhà nước; tăng cơ hội được giao quyền sở hữu và thương mại hóa sản phẩm của dự án mà không phải hoàn trả giá trị tài sản để làm ra sản phẩm gắn với thị trường và mang lại hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp (nhờ tiết kiệm được nhiều chi phí cho việc thiết kế, chế tạo, cải tiến, lắp đặt, vận hành, giảm chi phí hành chính cho việc định giá tài sản nhận chuyển giao; tăng doanh thu, tăng tài sản, phát triển quy mô doanh nghiệp, tăng khả năng tiếp cận mở rộng đối với cơ sở hạ tầng KHCN, thị trường KHCN.

- Giúp các tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận được công nghệ mới trong điều kiện kinh tế còn khó khăn và chưa đủ điều kiện đầu tư các quy trình, thiết bị... hiện đại.

Tác động tiêu cực: tăng đầu tư cho việc tiếp nhận, vận hành công nghệ mới bao gồm cả việc đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ nhân viên, quản lý, người lao động tham gia ứng dụng, sản xuất theo công nghệ mới...

**b) Tác động về xã hội:**

(i) Nhà nước:

- Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, thực hiện SXTN giữa đơn vị nghiên cứu, đơn vị đào tạo và doanh nghiệp; hình thành mạng lưới hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đủ mạnh.

- Các nhiệm vụ KHCN trọng điểm cấp thành phố với việc thu hút đội ngũ chuyên gia KHCN đầu ngành có thể tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị khoa học và giá trị thực tiễn cao, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua nhiệm vụ KHCN.

- Các kết quả nghiên cứu KHCN, SXTN được ứng dụng và thương mại hóa góp phần quan trọng để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, nhất trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như năng lượng, môi trường, an toàn VSTP, kinh tế số, chính quyền số, công dân số...

- Với vị trí, tiềm năng KHCN và chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành nổi trội, Hà Nội sẽ **thông qua Hội đồng điều phối vùng Thủ đô đề xuất với Chương trình KHCN quốc gia** đặt hàng và giao Thủ đô Hà Nội chủ trì các nhiệm vụ KHCN có tính liên vùng, liên ngành để giải quyết các vấn đề phát triển KTXH của Vùng Thủ đô.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học:

- Tạo thêm nhiều cơ hội về vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn và trình độ của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, người làm công tác KHCN nói chung, từ đó có điều kiện phát huy được năng lực nghiên cứu sáng tạo, năng lực chủ trì, điều hành nhiệm vụ KHCN, năng lực tổ chức hoạt động KHCN của Thủ đô.

- Việc nghiên cứu đề xuất Thành phố/Chính phủ công nhận/bổ nhiệm chức danh Tổng công trình sư các chương trình, dự án chiến lược quốc gia trong lĩnh vực KHCN có tác động quan trọng để tập hợp các chuyên gia, các nhà khoa học tập trung giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm của Thủ đô và của đất nước.

(iii) Doanh nghiệp:

- Các dự án SXTN đều hướng tới hỗ trợ hoàn thiện công nghệ, ứng dụng các CNC, công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất từ đó mà nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp sau khi hoàn thành quá trình ươm tạo sẽ thúc đẩy sự hình thành và phát triển doanh nghiệp KHCN có liên quan, góp phần phát triển thị trường KHCN, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh từ đó tạo ra nhiều cơ hội về việc làm, về đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghề nghiệp cho người lao động, tạo ra nguồn lao động chất lượng cao cho Thành phố.

(iv) Người dân:

- Được tiếp cận, thụ hưởng lợi ích chung từ việc triển khai, ứng dụng các sản phẩm KHCN trọng điểm của Thành phố, các dự án SXTN phục vụ cộng đồng, được tạo nhiều cơ hội để lựa chọn các sản phẩm KHCN với chất lượng

CNC, giá thành thấp.

- Tăng thu nhập, tăng cơ hội việc làm trong các doanh nghiệp liên quan đến việc nghiên cứu, triển khai nhiệm vụ KHCN trọng điểm, dự án SXTN.

**c) Tác động về giới:** các biện pháp có tác động tích cực (về cơ hội, điều kiện, năng lực và thụ hưởng lợi ích) đối với các chuyên gia, nhà khoa học nam, nữ được thu hút tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học trọng điểm nhằm giải quyết các vấn đề KTXH cấp bách của Thủ đô và người dân được thụ hưởng một cách bình đẳng lợi ích từ các kết quả nghiên cứu đó (việc làm, thu nhập, đào tạo...).

**d) Tác động của thủ tục hành chính:**

- Việc thực hiện biện pháp trao quyền tự chủ trong quản lý cho các chuyên gia, nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ KHCN trọng điểm của Thủ đô sẽ sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thủ tục Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố sử dụng ngân sách Nhà nước.

- Việc thực hiện biện pháp Thành phố được thí điểm xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà KHCN làm việc ở Thủ đô sẽ làm phát sinh TTHC liên quan đến xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà KHCN làm việc ở Thủ đô do các VBQPPL hiện hành chưa quy định về vấn đề này.

- Để thực hiện chính sách chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ KHCN do Thành phố thực hiện sẽ phát sinh TTHC trong việc lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện để tiếp nhận việc chuyển giao nhằm triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô.

*(Cụ thể xem Phụ lục XI kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp này phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 (Điều 40, 62), nhưng không phù hợp với một số VBQPPL hiện hành. Cụ thể như sau:

- Giải pháp này không phù hợp với quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. Lý do: theo Giải pháp này sẽ có cơ chế ưu đãi đặc biệt dành cho nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KHCN trọng điểm hoặc đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KHCN của Thủ đô, trong khi đó khoản 3 Điều 23 của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 chưa quy định về những vấn đề này.

- Đối tượng của Giải pháp này không phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà

nước. Khoản 2 Điều 22 của Nghị định này quy định: “Việc xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN ngân sách hỗ trợ phải được thể hiện trong Hợp đồng ký kết của các đồng sở hữu theo nguyên tắc: a) Giao quyền sở hữu không thu hồi phần kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân chủ trì đối với nhiệm vụ mà Nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng số vốn và các chương trình KHCN theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;”. Trong khi đó, Giải pháp này hỗ trợ đến 50% tổng số vốn và các chương trình KHCN.

(ii) *Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- Đối với các cơ quan nhà nước của Thủ đô:

Việc thực hiện các cơ chế, chính sách để thu hút được chuyên gia, nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ KHCN trọng điểm hoặc đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KHCN của Thủ đô phải cần chi thêm ngân sách để trả lương và có thể phải tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác quản lý KHCN của Thủ đô để đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, số chi tiêu ngân sách này không quá lớn và chỉ mang tính ngắn hạn vì các cơ chế đặc thù mới sẽ mang lại nguồn thu lớn cho Thành phố trong tương lai gần; việc kiện toàn để nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước là công việc phải làm thường xuyên. Do vậy, Giải pháp 2 không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước của Thủ đô.

- Đối với tổ chức, cá nhân:

Giải pháp 2 không đặt ra các nghĩa vụ mới, mà sẽ mang lại nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp và chuyên gia, nhà khoa học nên sẽ làm tăng khả năng tuân thủ pháp luật nói chung và pháp luật về Thủ đô nói riêng ở các nhóm này.

(iii) *Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như lý do đã trình bày tại Giải pháp 1, Giải pháp 2 này không trái với các điều ước quốc tế có liên quan như Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người (1948) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (1966), và do vậy, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

### 7.4.3. Đánh giá tác động giải pháp 3

**Giải pháp 3:** Gồm Giải pháp 2 và các biện pháp khuyến khích áp dụng các cơ chế thí điểm thúc đẩy đổi mới sáng tạo: (1) Thí điểm triển khai mô hình tổ chức đầu tư mạo hiểm có sử dụng một phần ngân sách Thành phố và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thu hút, thúc đẩy khởi nghiệp, ươm tạo doanh nghiệp, đổi mới công nghệ theo lĩnh vực ưu tiên được Thành phố chấp thuận; (2) Được áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mô hình kinh tế mới.

Các tác động của Giải pháp 2 không có gì thay đổi nên phần này chỉ tập

trung đánh giá tác động của biện pháp áp dụng các cơ chế thí điểm thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

**Dự kiến mô hình:** đầu tư mạo hiểm có sử dụng một phần ngân sách Thành phố và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thu hút, thúc đẩy khởi nghiệp, ươm tạo doanh nghiệp, đổi mới công nghệ theo lĩnh vực ưu tiên được Thành phố chấp thuận.

Thành phố đầu tư cho các dự án ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua các cơ sở ươm tạo. Dự kiến ngân sách Thành phố hỗ trợ khoảng 30%-70% tổng số vốn mà dự án cần huy động (kinh nghiệm từ các nước có hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tiên tiến như Israel), phần còn lại từ nguồn xã hội hóa (vườn ươm, doanh nghiệp, quỹ đầu tư tư nhân, vốn cộng đồng... do cơ sở ươm tạo huy động).

*Chi phí thực hiện từ NSNN (dự báo)*

Tăng chi NSNN: Mỗi năm hỗ trợ 30 DA khởi nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ với mức khoảng 3 tỷ/dự án. Tổng chi NSNN tăng giai đoạn 2026-2030: 3 tỷ x 30 DA x 5 năm = **450 tỷ đồng**

Giả thiết doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực KH&CN có 50% là doanh nghiệp **siêu nhỏ**, 50% là doanh nghiệp **nhỏ** thì:

- Nguồn vốn bình quân của 01 doanh nghiệp là 15 tỷ đồng, thu hút được khoảng 4 lao động với thu nhập bình quân của 01 lao động là 8,5 triệu đồng.
- Nguồn vốn bình quân của 01 doanh nghiệp nhỏ là 34 tỷ đồng, thu hút được khoảng 14 lao động với thu nhập bình quân của 01 lao động là 9,66 triệu đồng<sup>128</sup>.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường gặp nhiều rủi ro về cả khía cạnh kỹ thuật, tài chính và pháp lý. Theo thống kê, có tới 80% các dự án khởi nghiệp thất bại, 25% doanh nghiệp mới không tồn tại quá 01 năm; tỷ lệ này chỉ còn 10% doanh nghiệp tồn tại sau 05 năm và chỉ có 6% trong năm thứ 10<sup>129</sup>.

Giả thiết dự án khởi nghiệp do NSNN đầu tư cùng với vườn ươm tạo có độ thành công cao hơn, đạt 30% thì sau 5 năm, từ 150 dự án khởi nghiệp sẽ có 45 doanh nghiệp thành công. Như vậy với 450 tỷ đầu tư từ NSNN, trong 5 năm 2026-2030 sẽ tạo ra 23 doanh nghiệp KH&CN cỡ siêu nhỏ, 22 doanh nghiệp KH&CN cỡ nhỏ:

- 23 doanh nghiệp siêu nhỏ thu hút được 92 lao động, thu hút được nguồn vốn 345 tỷ đồng.
- 22 doanh nghiệp nhỏ thu hút được 308 lao động, thu hút được nguồn vốn 748 tỷ đồng.

Tổng cộng nguồn vốn thu hút được cho 45 doanh nghiệp là 1.093 tỷ đồng, gấp 2,4 lần vốn NSNN đầu tư.

**a) Tác động về kinh tế:**

Tác động tích cực:

<sup>128</sup> Theo Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2021 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát hành.

<sup>129</sup> Nguồn: <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chitiettin.aspx?ItemID=1853&l=Nghiencuutraodoi#:~:text=Ch%C3%ADnh%20v%C3%AC%20th%E1%BA%BF%2C%20doanh%20nghe%E1%BB%87p.6%25%20trong%20n%C4%83m%20th%E1%BB%A9%2010>

## (i) Nhà nước:

- Việc đầu tư cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo thông qua các cơ sở ươm tạo sẽ giảm thiểu rủi ro, giảm thiểu thất bại của dự án. Các cơ sở ươm tạo cùng bỏ vốn đối ứng, do vậy sẽ lựa chọn kỹ càng dự án có tính khả thi cao để đầu tư. Một cách tổng thể, tỷ lệ thành công và hiệu quả đem lại (tạo ra công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới, việc làm mới, thu nhập, thuế, sự tiến bộ xã hội) sẽ lớn hơn phần vốn đầu tư đã bỏ ra.

- Việc thành lập các mô hình đầu tư mạo hiểm có sử dụng NSNN sẽ thu hút có hiệu quả nguồn lực của xã hội đầu tư cho KHCN, từ đó thúc đẩy được tiềm lực KHCN của Thủ đô, tăng được số lượng doanh nghiệp spin-off, startup, doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp CNC của thành phố. Các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công để sẽ tiếp tục huy động được nguồn vốn từ các quỹ đầu tư, từ cộng đồng... để mở rộng sản xuất kinh doanh (một số startup đã huy động được hàng trăm triệu đô từ các quỹ đầu tư).

- Đẩy mạnh hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường KHCN.

- Tạo cơ chế thông thoáng để thử nghiệm các cơ chế quản lý mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học: được gia tăng nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách và xã hội, cơ hội hợp tác cùng doanh nghiệp để nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới; đẩy mạnh việc hình thành các spin-off từ trường đại học, viện nghiên cứu...

(iii) Doanh nghiệp: gia tăng cơ hội hiện thực hóa ý tưởng thành sản phẩm thương mại, làm chủ công nghệ mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới ưu việt, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp...

(iv) Người dân: có thêm nhiều cơ hội được sử dụng hàng hóa, dịch vụ ưu việt hơn, gia tăng cơ hội việc làm tốt, thu nhập cao. Chất lượng cuộc sống được nâng cao.

Tác động tiêu cực: đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo là lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đã phân tích ở trên. Hơn nữa, còn rất ít kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam về việc NSNN đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thông qua cơ sở ươm cũng như đầu tư của chính vườn ươm cho startup. Còn thiếu các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động này, do vậy, trong giai đoạn hiện nay, mô hình đề xuất được thực hiện theo cơ chế sandbox (thử nghiệm có kiểm soát trong phạm vi xác định chặt chẽ về đối tượng, địa bàn, lĩnh vực áp dụng do Cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định). Một trong các yêu cầu sản phẩm đầu ra của giải pháp này là đề xuất xây dựng, hoàn thiện thể chế điều chỉnh hoạt động đầu tư mạo hiểm có sử dụng NSNN cho khởi nghiệp sáng tạo.

**b) Tác động về xã hội:**

(i) Nhà nước: Phát huy được các nguồn lực ở cả khối công và tư đầu tư cho



đổi mới sáng tạo; đặc biệt là trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố và hỗ trợ việc tiếp cận các nguồn lực cho khởi nghiệp sáng tạo gắn với việc giải quyết các vấn đề xã hội.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học: Có điều kiện và được thu hút vào cùng nhà nước, Doanh nghiệp và xã hội thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại Thủ đô.

(iii) Doanh nghiệp: Tăng thu nhập, cơ hội việc làm trong các doanh nghiệp thực hiện ươm tạo công nghệ, đổi mới công nghệ có các sản phẩm tạo ra từ hoạt động ứng dụng công nghệ ươm tạo.

(iv) Người dân: Sự phát triển doanh nghiệp KHCN sẽ góp phần phát triển thị trường công nghệ. Từ đó tạo ra cơ hội đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghề nghiệp cho người lao động, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố.

**c) Tác động về giới:** Giải pháp này có tác động tích cực về giới, góp phần bảo đảm, thúc đẩy bình đẳng giới thông qua hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa trong đó nhiều chủ doanh nghiệp là nữ, người thuộc nhóm yếu thế, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Như giải pháp 2.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 2 này chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP: “*Giá trị của tài sản là kết quả nhiệm vụ KHCN được xác định dựa trên kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ, giá giao dịch trên thị trường (nếu có), chính sách, khả năng, nghiên cứu, thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ KHCN, đặc điểm kỹ thuật, pháp lý, kinh tế của kết quả nghiên cứu và các yếu tố khác có liên quan*”.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- Khả năng thi hành của các cơ quan nhà nước của Thủ đô:

Tương tự như Giải pháp 2.

- Khả năng tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân:

Cũng như Giải pháp 2, Giải pháp 3 này không đặt ra các nghĩa vụ mới, mà còn sẽ mang lại nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp và chuyên gia, nhà khoa học, nên sẽ làm tăng khả năng tuân thủ pháp luật nói chung và pháp luật về Thủ đô nói riêng ở các nhóm này.

*(iii) Tác động đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như lý do đã trình bày tại Giải pháp 1 và Giải pháp 2, Giải pháp 3 này cũng không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam

đôi với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

**7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:** qua phân tích tác động tích cực, tiêu cực của các giải pháp, Giải pháp 3 là giải pháp được ưu tiên đề xuất lựa chọn để thực hiện được mục tiêu chính sách đặt ra.

Thẩm quyền ban hành chính sách này thuộc về Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua việc Quốc hội thông qua dự án Luật Thủ đô (sửa đổi).

## **8. CHÍNH SÁCH 8: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG Y TẾ HIỆN ĐẠI VÀ HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI THỦ ĐÔ TOÀN DIỆN, BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG**

### **8.1. Xác định vấn đề bất cập**

#### **a) Phát triển hệ thống y tế Thủ đô**

Trong những năm qua, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn Thành phố có nhiều đổi mới, tiến bộ và chất lượng không ngừng được nâng cao. Các bệnh viện, cơ sở y tế của Thành phố, cấp huyện và cấp xã được đầu tư nâng cấp. Thành phố cũng đang trực tiếp quản lý 41 bệnh viện trực thuộc. Có 01 Trung tâm Kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội thuộc Bệnh viện đa khoa Xanhpôn. Mạng lưới y tế công cộng, dự phòng, phục vụ công tác dịch tễ, chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh được hình thành gồm: 01 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) Hà Nội và 579 trạm y tế xã, phường thuộc 30 Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã (trong đó, đã có 82,73% trạm y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình).

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hệ thống y tế của Thành phố trong những năm qua, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đồng đều ở các tuyến; chưa giải quyết hiệu quả tình trạng quá tải ở một số bệnh viện và chuyên khoa tại các bệnh viện tuyến Thành phố. Công tác y tế dự phòng, nhất là ở cơ sở còn yếu và chưa thực sự bền vững. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của hệ thống y tế Thành phố, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở còn thiếu thốn, nhiều nơi đã xuống cấp. Nhân lực y tế còn thiếu và yếu, tỷ lệ y bác sĩ của Thành phố trên số dân còn thấp, đặc biệt đối với các trạm y tế cấp xã, có nơi trên 60.000 dân cũng chỉ có tối đa 10 cán bộ y tế (trong khi với 10 cán bộ y tế chỉ phụ trách hiệu quả khoảng 13.000-15.000 dân). Chế độ đãi ngộ, thu nhập của lực lượng y tế nói chung, đặc biệt là y tế dự phòng, y tế cơ sở còn thấp dẫn đến việc khó tuyển dụng, thu hút nhân lực vào làm việc. Các quy định về bảo hiểm y tế, chế độ chi trả khám chữa bệnh, định mức kinh phí còn bất cập, không phù hợp với điều kiện KTXH. Cơ chế quản lý, hoạt động các cơ sở y tế còn chưa phù hợp, chưa phát huy tính tự chủ, trách nhiệm, phát huy tốt nguồn nhân lực của ngành y tế.

Việc triển khai nguyên lý y học gia đình còn nhiều khó khăn: Từ năm 2019, Thủ đô Hà Nội đã triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của Trạm Y tế theo nguyên lý Y học gia đình và đã đưa số lượng trạm y tế thực hiện theo

nguyên lý y học gia đình từ mức 47,8% số Trạm Y tế vào năm 2019 lên 82,73% Trạm Y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình vào cuối năm 2020. Tuy nhiên, các trạm y tế gặp nhiều thách thức trong triển khai kế hoạch này do thiếu bác sĩ có chất lượng phù hợp làm việc trực tiếp tại trạm y tế, nhất là trạm y tế xã (đây được coi là khó khăn lớn nhất). Tình trạng thiếu bác sĩ không chỉ diễn ra ở tuyến xã mà diễn ra cả ở tuyến huyện. Nhiều trạm y tế khang trang, không thiếu trang thiết bị nhưng cán bộ y tế lại chưa sử dụng thành thạo. Ngoài ra, việc thanh toán bảo hiểm y tế cũng còn nhiều khó khăn khi các dịch vụ chuyên sâu tại Trạm y tế chưa thể thanh toán bằng bảo hiểm y tế. Số lượng cơ sở hành nghề y tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình còn khá hạn chế.<sup>130</sup>

### **b) Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững**

Trong những năm qua, hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô nhìn chung được bảo đảm khá tốt; các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội của Nhà nước được thực hiện đúng, đủ và kịp thời. Thành phố cũng đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách đặc thù, riêng có của Thủ đô Hà Nội. Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã xây dựng 10.000 nhà ở cho người có công, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 7.565 nhà ở cho hộ nghèo. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế đạt 90%. Thủ đô Hà Nội cũng đã thực hiện tốt chủ trương “điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội nói chung và đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cơ sở bảo trợ xã hội nói riêng theo quy định chung của Chính phủ, có tính đến điều kiện ngân sách của Thành phố nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của đối tượng”<sup>131</sup>. Mức trợ cấp xã hội của Thủ đô Hà Nội trong những năm qua luôn triển khai theo đúng quy định của Trung ương, đồng thời Thủ đô Hà Nội cũng đã quy định mức chuẩn cao hơn quy định của Trung ương (440.000 đồng so với 360.000 đồng giai đoạn 2021-2025)<sup>132</sup>. Thành phố cũng ban hành chính sách đặc thù trợ cấp hàng tháng cho: người già yếu không có khả năng tự phục vụ; người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động; thanh niên xung phong không có khả năng lao động, sống cô đơn với mức trợ cấp cho các đối tượng này là 440.000đ/người/tháng. Ngoài ra, Thủ đô Hà Nội cũng tích cực thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội với đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội ngày càng được mở rộng<sup>133</sup>, góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng yếu thế của xã hội. Toàn Thành phố hiện có 11 cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động -

<sup>130</sup> Số lượng cơ sở hành nghề y tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình hiện nay tại Thủ đô là 07, bao gồm 06 phòng khám chuyên khoa bác sĩ gia đình và 01 phòng khám đa khoa có bộ phận khám chữa bệnh triển khai hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

<sup>131</sup> Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

<sup>132</sup> Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội.

<sup>133</sup> Ngoài các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thành phố còn bổ sung 03 nhóm đối tượng bảo trợ xã hội đặc thù của Thành phố được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và 07 nhóm đối tượng được tiếp nhận vào các trung tâm bảo trợ xã hội của Thành phố.

Thương binh và Xã hội<sup>134</sup>, 21 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập, 12 cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập, các cơ sở được tăng cường đầu tư cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng và phục hồi chức năng của các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở.

Thêm vào đó, thực hiện mục tiêu “Giảm hộ nghèo bình quân 1,5-1,8% giai đoạn 2011-2015; 1,4-1,5% giai đoạn 2016-2020”<sup>135</sup> và “Không còn hộ nghèo và hộ tái nghèo theo tiêu chuẩn của thành phố”<sup>136</sup> giai đoạn 2021-2025, Thủ đô Hà Nội đã đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, giảm khoảng cách chênh lệch giàu nghèo thành thị, nông thôn, miền núi. Thủ đô Hà Nội là nơi có tỷ lệ nghèo giảm nhanh nhất, giảm mạnh từ 7,52% đầu năm 2011 xuống còn 0,21% cuối năm 2020.

**Bảng 19: Tỷ lệ hộ nghèo Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020**<sup>137</sup>

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Số hộ nghèo cuối năm (hộ)	44.412	32.619	23.289	8.754	4.463
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	2,3	1,69	1,16	0,42	0,21

Năm 2021, Thủ đô Hà Nội quy định mức chuẩn nghèo mới giai đoạn 2021-2025<sup>138</sup> với chuẩn nghèo của Thủ đô Hà Nội cao hơn mức chuẩn nghèo đa chiều của cả nước<sup>139</sup>. Đến cuối năm 2021, Thành phố còn 956 hộ nghèo theo chuẩn nghèo 2016-2020, đưa tỷ lệ hộ nghèo xuống còn khoảng 0,04%<sup>140</sup>. Trong năm 2021, Thành phố có thêm 05 địa phương không còn hộ nghèo, nâng số địa phương không còn hộ nghèo là 19/30 quận, huyện<sup>141</sup>. Kết quả tổng rà soát hộ

<sup>134</sup> 11 cơ sở trợ giúp xã hội này đang nuôi dưỡng trên 2.900 đối tượng bảo trợ xã hội (người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người lang thang...).

<sup>135</sup> Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

<sup>136</sup> Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) Đảng bộ thành phố Hà Nội.

<sup>137</sup> Theo Báo cáo 1718/BC-SLĐTBXH ngày 02/4/2021 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Hà Nội về “Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020”.

<sup>138</sup> Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

<sup>139</sup> UBND thành phố quy định rõ 2 tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, áp dụng trên địa bàn thành phố. Cụ thể, tiêu chí về thu nhập đo lường nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn là 2 triệu đồng/người/tháng; khu vực thành thị là 2,5 triệu đồng/người/tháng. Tiêu chí mức độ thiếu hụt các dịch vụ cơ bản, gồm: Các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin); các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, người phụ thuộc trong hộ gia đình, dinh dưỡng, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em...); dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ cơ bản và ngưỡng thiếu hụt trong chuẩn nghèo đa chiều.

<sup>140</sup> Báo cáo 314/BC-SLĐTBXH ngày 19/01/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về “Đánh giá tình hình thực hiện công tác lao động, người có công và xã hội năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022”.

<sup>141</sup> Bao gồm: Cầu Giấy, Ba Đình, Tây Hồ, Thanh Xuân, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Nam Từ Liêm, Hà Đông, Đống Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Đống Đa, Bắc Từ Liêm, Long Biên, Đan Phượng, Sóc Sơn, Thanh Trì, Thường Tín, Phúc Thọ.

nghèo theo chuẩn nghèo 2022-2025 đến nay có: Hộ nghèo là 3.612 hộ (chiếm 0,16%); Hộ cận nghèo là 30.176 hộ (chiếm 1,38%). Những chính sách giảm nghèo đã được Thành phố triển khai gồm: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu; cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho 100% hộ nghèo; miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo; hỗ trợ hộ nghèo tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây - con giống, tập huấn nâng cao kiến thức, học tập các mô hình giảm nghèo hiệu quả; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với các xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi, xã, thôn đặc biệt khó khăn...; ban hành và triển khai một số chính sách đặc thù như: hỗ trợ hộ nghèo vay vốn với phí chỉ 0,3%/tháng; trợ cấp cho người già yếu, người mắc bệnh hiểm nghèo, không có khả năng lao động thoát nghèo; hỗ trợ 100% kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo; hỗ trợ kinh phí phẫu thuật tim cho trẻ em nghèo bị tim bẩm sinh; tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm cho 100% hộ nghèo; xây mới, sửa chữa nhà cho hộ nghèo v.v.<sup>142</sup>, Thủ đô Hà Nội hiện cơ bản không còn gia đình người có công với cách mạng, hộ nghèo có nhà ở xuống cấp, hư hỏng nặng.

Mặc dù vậy, hệ thống an sinh xã hội của Thành phố vẫn còn một số hạn chế sau: Tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị chậm cải thiện; việc huy động nguồn lực xã hội cho công tác an sinh xã hội còn hạn chế; đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác xã hội chưa phát triển, việc quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ chưa đúng mức; các hình thức trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện tự nguyện<sup>143</sup> của khu vực tư nhân chưa được hỗ trợ phát triển; các cơ sở trợ giúp xã hội chưa phát triển mạnh, việc khuyến khích đầu tư, huy động nguồn lực đầu tư trong lĩnh vực an sinh xã hội còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng, điều kiện của Thủ đô; tốc độ đô thị hóa nhanh, di cư tự do, dịch chuyển việc làm gây áp lực cho khu vực đô thị trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội và đảm bảo quyền thụ hưởng chính sách an sinh xã hội của người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. Độ bao phủ đối tượng bảo trợ xã hội còn thấp, nhiều đối tượng có hoàn cảnh khó khăn nhưng chính sách bảo trợ xã hội chưa với tới được.

## **8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nâng cao năng lực, xây dựng hệ thống y tế Thủ đô ngày càng phát triển, hiện đại, hướng tới mục tiêu chăm sóc toàn diện, nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, bền vững, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa

<sup>142</sup> Ngày 08/12/2021, HĐND thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2022-2025.

<sup>143</sup> Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hà Nội có 03 cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện ngoài công lập (với 32 phòng có tổng diện tích là 636m<sup>2</sup>) đã được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động theo Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ với nhiệm vụ chủ yếu là cắt con, giải độc cho người cai nghiện tự nguyện từ các địa phương trên cả nước (giai đoạn 2013-2021, các cơ sở này đã tiếp nhận điều trị cắt con nghiện ma túy cho 8.171 lượt người).

khu vực đô thị và nông thôn, giảm nghèo bền vững tiến tới phát triển bền vững.

### **8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề bất cập**

**a) Giải pháp 1:** Giữ nguyên như chính sách hiện hành.

**b) Giải pháp 2:** Thực hiện các giải pháp chính sách sau:

(1). Quy định các biện pháp ưu đãi về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp và các biện pháp khác để tăng cường xã hội hóa y tế và phát triển hệ thống an sinh xã hội:

(1.1). Ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp, áp dụng thuế suất 5% hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; các cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế, dược phẩm và trang thiết bị y tế.

(1.2). Ưu đãi cho cơ sở trợ giúp xã hội; tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy, cụ thể: Các cơ sở trợ giúp xã hội, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy được **miễn tiền sử dụng đất** khi thành lập, **miễn thuế thu nhập doanh nghiệp** khi hoạt động nhằm khuyến khích phát triển hệ thống trợ giúp xã hội ngoài công lập làm công tác tư vấn, hỗ trợ, điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện. Các cơ sở trợ giúp xã hội, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy được vay vốn với lãi suất ưu đãi trong 05 năm đầu thành lập. Thành phố quy định chính sách khuyến khích đối với doanh nghiệp tiếp nhận người sau cai nghiện ma túy vào làm việc.

(1.3). Khuyến khích doanh nghiệp đóng góp, ủng hộ, tài trợ các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai, khen thưởng động viên các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống ma túy. Tiền đóng góp của doanh nghiệp cho hoạt động trợ giúp xã hội và ủng hộ, tài trợ được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

(2). Thành phố được quy định các chính sách đặc thù để phát triển hệ thống y tế cơ sở và dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân thực hành theo nguyên lý y học gia đình:

(2.1). Quy định khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình có tính bắt buộc (đối với khám chữa bệnh ban đầu), lộ trình thực hiện phù hợp với sự phát triển của hệ thống y học gia đình.

(2.2). Quy định chế độ đãi ngộ, cơ chế tài chính, quy định về khám chữa bệnh và chế độ chi trả bảo hiểm y tế phù hợp nhằm duy trì đội ngũ cán bộ y tế (đặc biệt là các bác sĩ) làm việc tại các trạm y tế cơ sở của Thủ đô thực hành

nguyên lý y học gia đình để chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

(2.3). Quy định về cơ chế tài chính, dịch vụ khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế phù hợp để khuyến khích phát triển đội ngũ bác sỹ làm việc cho cơ sở y tế tư nhân thực hiện nguyên lý y học gia đình liên thông, kết nối và hỗ trợ với hệ thống y tế hiện hành.

(3). Thành phố được quy định chính sách phát triển nhân lực y tế dự phòng ngoài những quy định hiện hành (chế độ làm việc, mức lương...) để thực hiện hiệu quả công tác cảnh báo, giám sát phát hiện bệnh truyền nhiễm, chủ động triển khai các biện pháp chống dịch và kiểm soát phòng chống bệnh không lây nhiễm<sup>144</sup>.

(4). Thành phố quyết định mức chi, nội dung chi cho an sinh xã hội cao hơn và phạm vi đối tượng được thụ hưởng rộng hơn so với quy định chung, tiến tới bao phủ toàn dân.

#### ***8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

##### *8.4.1. Giải pháp 1*

##### **a) Tác động về kinh tế:**

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

Thời gian qua, Nhà nước đã quan tâm tập trung đầu tư nguồn lực rất lớn cho ngành y tế, an sinh xã hội, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, ổn định trật tự xã hội. Giai đoạn 2015-2020, tỷ trọng chi thường xuyên lĩnh vực y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình của Thủ đô Hà Nội tăng hằng năm, từ mức 2,6% vào năm 2015 lên 4,4% vào năm 2020. Ngân sách Thành phố tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị cho y tế nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân. Thực hiện giải pháp này, ngân sách Thành phố không bị thâm hụt các khoản thu từ thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực y tế... Đối với công tác an sinh xã hội, tỷ trọng chi NSNN cho đảm bảo xã hội trên tổng chi NSNN của Thành phố tăng hằng năm từ mức 2,0% vào năm 2015 lên 4,3% vào năm 2020. Thực hiện giải pháp giữ nguyên như hiện nay, ngân sách Thành phố không phải chi thêm cho y tế và các chương trình an sinh xã hội, do vậy dễ cân đối ngân sách hơn.

##### (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Đối với người dân, doanh nghiệp đều không nhận được thêm tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

##### Tác động tiêu cực:

<sup>144</sup> Chẳng hạn, được hợp đồng với các bác sỹ, dược sỹ đã nghỉ hưu.

(i) Nhà nước: Nếu vẫn giữ nguyên như hiện tại, Thành phố sẽ không thực hiện được yêu cầu xây dựng hệ thống y tế theo hướng vừa chuyên sâu vừa phổ cập, xây dựng các cơ sở y tế chất lượng cao, thông minh; không thực hiện được yêu cầu nâng cao chất lượng hệ thống y tế cơ sở để cung cấp dịch vụ y tế “dự phòng” từ sớm, từ xa cho người dân để giảm tỷ lệ mắc bệnh, giảm tỷ lệ tử vong... Hệ thống an sinh xã hội của Thành phố cũng không giải quyết được những vấn đề đặt ra như đã trình bày ở trên.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp này không tạo được môi trường đầu tư hấp dẫn để gia tăng đầu tư vào lĩnh vực này nhất là khi lượng vốn đầu tư ban đầu để xây dựng hạ tầng, trang thiết bị y tế là rất lớn.

Một số người dân sẽ phải chịu thêm chi phí đi lại, ăn ở, khám chữa bệnh vượt tuyến. Khi thiếu các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, những người có điều kiện về kinh tế có xu hướng tìm kiếm cơ sở chữa bệnh ở nước ngoài, gây thất thu cho nhà nước, chảy máu ngoại tệ.

Một số đối tượng cần trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh sẽ không được hỗ trợ ở mức cần thiết do những giới hạn về đối tượng được thụ hưởng và giới hạn trong mức chi ngân sách hiện tại.

### **b) Tác động về xã hội:**

#### Tác động tích cực:

(i) Nhà nước: Không có thay đổi về mặt xã hội.

(ii) Người dân, doanh nghiệp: Không có thay đổi tích cực rõ rệt đối với người dân và doanh nghiệp.

#### Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước: Mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn, giảm nghèo bền vững nhìn chung không thể đạt được. Bên cạnh đó, khi thu nhập bình quân đầu người của người dân ngày càng gia tăng, nhu cầu quản lý, chăm sóc sức khỏe và nhu cầu tiếp cận các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, gây quá tải cho hệ thống các bệnh viện tuyến trên và các cơ sở điều trị chuyên sâu.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Việc thiếu vắng các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao cùng với sự kém phát triển của hệ thống y tế cơ sở sẽ không đáp ứng được nhu cầu tiếp cận dịch vụ y tế, khám chữa bệnh ngày càng đa dạng của người dân.

Giữ nguyên chính sách an sinh xã hội hiện tại sẽ không đảm bảo quyền thụ hưởng chính sách an sinh xã hội của mọi người dân, đặc biệt là đối với một số nhóm đối tượng dễ bị tổn thương chưa được bao phủ bởi hệ thống an sinh xã hội



hiện tại.

**c) Tác động về giới:**

Tác động tích cực: Không có thay đổi đối với tác động về bình đẳng giới.

Tác động tiêu cực: Không nhận thấy tác động tiêu cực về bình đẳng giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp này phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Cụ thể: Điều 34 quy định: Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội và Điều 59 quy định:

*“1. Nhà nước, xã hội tôn vinh, khen thưởng, thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với nước.*

*2. Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác.*

*3. Nhà nước có chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người có chỗ ở”.*

Ngoài không trái với Hiến pháp, Giải pháp này còn phù hợp với các VBQPPL hiện hành. Do vậy, Giải pháp này không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các chính sách hiện tại đã được thực thi kể từ ngày Luật Thủ đô năm 2012 có hiệu lực (ngày 01/7/2013), do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Giải pháp này tương thích với các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, do vậy không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

**8.4.2. Giải pháp 2**

**a) Tác động về kinh tế:**

Tác động tích cực:

*(i) Nhà nước:*

NSNN sẽ giảm bớt gánh nặng, giảm bớt nguồn chi cho việc nâng cao chất

lượng khám chữa bệnh và đầu tư cho hệ thống y tế. Việc xây dựng các cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp, tạo môi trường làm việc thuận lợi sẽ khích lệ đội ngũ y, bác sĩ yên tâm công tác, gắn bó và đóng góp nhiều hơn nữa cho y tế cơ sở, giải quyết bài toán khan hiếm nguồn nhân lực và chảy máu chất xám (nhất là với tuyến y tế cơ sở). Đội ngũ nhân lực y tế dự phòng được quan tâm đầu tư hơn nữa bên cạnh những chế độ hiện hành.

Giải pháp này cũng góp phần giảm gánh nặng cho NSNN chi cho các chương trình an sinh xã hội do huy động thêm được nguồn lực xã hội cho hệ thống an sinh xã hội.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Việc thực hiện các biện pháp ưu đãi về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp, vay vốn với lãi suất ưu đãi... góp phần thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào phát triển hệ thống y tế, an sinh xã hội. Việc thực hiện chính sách này sẽ giúp người dân có thêm cơ hội tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh chất lượng cao mà không phải ra nước ngoài khám, chữa bệnh, qua đó, tiết kiệm được chi phí khám chữa bệnh ở nước ngoài. Từ đó, người dân thêm tin tưởng vào chất lượng dịch vụ, chất lượng khám, chữa bệnh trong nước. Thêm vào đó, khi duy trì được đội ngũ cán bộ y tế ở các trạm y tế của Thủ đô thực hành nguyên lý y học gia đình, người dân được khám bệnh, chữa bệnh, được tư vấn điều trị và chăm sóc sức khỏe hiệu quả ngay tại địa phương mà không phải lo vượt tuyến.

Đối với người dân là đối tượng được thụ hưởng chính sách an sinh xã hội mới, sẽ có thêm nguồn thu nhập để cải thiện mức sống hiện tại. Mức thu nhập tăng thêm sẽ tùy theo đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ cụ thể;

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc các ưu đãi về cho thuê đất... có thể khiến cho nguồn thu cho NSNN từ tiếp từ thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thu từ đất của các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực y tế, an sinh xã hội giảm trong ngắn hạn. Việc tăng chi trong công tác đãi ngộ, phát triển nguồn nhân lực y tế công cộng có đủ năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao hơn về chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng cũng làm tăng thêm chi phí cho NSNN. Tuy nhiên, về dài hạn, hoạt động này có thể đảm bảo tăng nguồn thu qua việc xuất hiện ngày càng nhiều hơn các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao hoạt động hiệu quả.

Về an sinh xã hội, việc thực hiện chính sách này có thể gia tăng chi NSNN dành cho an sinh xã hội khi mức chi cho từng đối tượng được tăng lên và số lượng đối tượng được thụ hưởng cũng tăng thêm. Trong thực tế, những năm gần đây, Thủ đô Hà Nội đã quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn

của Trung ương, cụ thể:

**Bảng 20: Mức chuẩn trợ giúp xã hội của Trung ương và Thủ đô Hà Nội**

Thời điểm	Trung ương (TW)	Thủ đô Hà Nội	Tỷ lệ chênh lệch của Hà Nội so với TW
	Mức chuẩn (1000 đ)	Mức chuẩn (1000 đ)	
01/2009	120	150	125%
10/2009	120	250	208%
4/2010	180	250	139%
8/2011	180	350	194%
01/2015	270	350	130%
9/2021	360	440	122%

*Nguồn: Tổng hợp, tính toán của Viện NCPT KT-XH Hà Nội*

Căn cứ quy định hiện hành của Trung ương<sup>145</sup>, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng hàng năm, khả năng cân đối ngân sách và sau khi tham khảo mức chuẩn trợ giúp xã hội của một số tỉnh, thành phố; HĐND Thành phố phê duyệt mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thủ đô Hà Nội là 440.000 đồng/tháng<sup>146</sup>. Về phạm vi đối tượng được thụ hưởng, ngoài các đối tượng được quy định trong Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thủ đô Hà Nội quy định thêm các đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ, cụ thể:

a. Đối tượng đang được hưởng trợ cấp, hỗ trợ theo các chính sách đặc thù của Thành phố bao gồm: (1) Đối tượng đang được hưởng trợ cấp, hỗ trợ tại cộng đồng như người mắc bệnh hiểm nghèo,<sup>147</sup> và người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo;<sup>148</sup> (2) Đối tượng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội như: Người lang thang<sup>149</sup>, người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo<sup>150</sup>; Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo<sup>151</sup>.

b. Đối tượng được đề nghị bổ sung ngoài quy định của Nghị định 20/2021/NĐ-CP:

(1) Đối tượng được trợ cấp tại cộng đồng: nhóm trẻ em; người từ đủ 16 đến dưới 22 tuổi đang học văn hoá, học nghề, học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, học cao đẳng, học đại học văn bằng thứ nhất; các đối tượng này thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Mồ côi (hoặc không

<sup>145</sup> Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

<sup>146</sup> Nghị quyết số: 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố Hà Nội về quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của Thành phố Hà Nội.

<sup>147</sup> Bao gồm người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố).

<sup>148</sup> Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

<sup>149</sup> Người lang thang xin tiền; người cao tuổi, trẻ em bị đi lạc gia đình; người lang thang sinh sống nơi công cộng trong dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm dưới 10° c; người mắc bệnh tâm thần lang thang và người lang thang ốm yếu suy kiệt chưa xác định được địa chỉ (Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND Thành phố về việc thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội).

<sup>150</sup> Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

<sup>151</sup> Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng; (ii) Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng và người còn lại thuộc các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; (iii) Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

(2) Đối tượng đề xuất tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Trẻ em thuộc một trong các trường hợp sau đây mà quá khó khăn, có nguyện vọng được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội: (i) Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng; (ii) Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng và người còn lại thuộc các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; (iii) Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

- Trẻ em là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo thuộc một trong các trường hợp sau: Có cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích; hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội (hoặc đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc).

- Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người nhiễm HIV/AIDS từ đủ 16 tuổi trở lên đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp: trẻ em có nguy cơ bị bạo lực gia đình; bị xâm hại tình dục, thân thể.

Với chính sách đề xuất như trên, kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ khi tăng mức chuẩn sẽ như sau:

**Bảng 21: Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ khi tăng mức chuẩn**

TT	Nội dung	Theo quy định hiện hành (VNĐ)	Mức chuẩn 440.000 VNĐ và mở rộng đối tượng		Chênh lệch			
			Tổng số (VNĐ)	Trong đó		Chênh lệch do tăng	Chênh lệch chuẩn	Chênh lệch mở rộng đối
				Kinh phí	Kinh phí			

				thực hiện chính sách đối với các đối tượng BTXH mở rộng so với ND 20 và chính sách đặc thù của TP (VNĐ)	thực hiện mức chuẩn	chuẩn + mở rộng đối tượng	mới so với chuẩn cũ	tương so với đối tượng đặc thù hiện hành
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=2-1	(6)=4-1	(7)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.196.409</b>	<b>1.563.308</b>	<b>52.557</b>	<b>1.510.751</b>	<b>366.899</b>	<b>343.503</b>	<b>23.396</b>
1	Trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng	1.154.736	1.498.453	49.178	1.449.276	343.717	323.701	20.016
2	Nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội	41.672	64.854	3.379	61.475	23.182	19.803	3.379

*Nguồn: Tổng hợp, tính toán của Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội*

So với mức chuẩn 360.000 đồng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cả nước có một số tỉnh, thành có mức chuẩn hiện hành cao hơn mức chuẩn Trung ương như: Hải Phòng (1,4 lần mức quy định của Chính phủ, tương đương 504.000 đồng); Vĩnh Phúc (30% lương tối thiểu, tương đương 400.000 đồng); Quảng Nam (405.000 đồng); Bình Dương (400.000 đồng), Thành phố Hồ Chí Minh (480.000 đồng); Quảng Ninh (500.000 đồng); Bà Rịa - Vũng Tàu (450.000 đồng); Đà Nẵng (400.000 đồng); Hải Dương (380.000 đồng).

(ii) Người dân và doanh nghiệp:

Nhìn chung không có tác động tiêu cực đối với người dân và doanh nghiệp.

#### **b) Tác động về xã hội:**

##### Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

*Giúp giảm tải đối với hệ thống y tế hiện tại của Thành phố, đặc biệt đối với hệ thống bệnh viện công và các bệnh viện tuyến trên.* Thủ đô Hà Nội hiện có 111 bệnh viện, trong đó có 41 bệnh viện công lập, 39 bệnh viện ngoài công lập, 31 bệnh viện trung ương, bộ, ngành đóng trên địa bàn và 3.587 phòng khám tư nhân với đầy đủ các hình thức tổ chức hành nghề từ đa khoa đến chuyên khoa. Chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao tạo điều kiện nâng cao số lượng các đơn vị cung ứng dịch vụ y tế, tăng cường hơn nữa vai trò của khu vực tư nhân trong lĩnh vực y tế để hỗ trợ giảm tải cho hệ thống y tế công trong điều trị khám chữa bệnh, chăm sóc

sức khỏe của người dân, đồng thời đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân phù hợp khả năng tài chính của người bệnh (một bộ phận người dân thu nhập cao mong muốn được chăm sóc y tế ở cơ sở điều trị có cơ sở vật chất tốt, hiện đại).

Đầu tư phát triển thêm các cơ sở khám chữa bệnh đồng thời giúp tăng đội ngũ nhân lực y tế; tạo môi trường làm việc đúng chuyên môn cho những người được đào tạo ngành y; tăng số lượng bác sỹ và giường bệnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân Thủ đô. Hiện nay, tỷ lệ giường bệnh/vạn dân của Thủ đô Hà Nội qua các năm: giai đoạn năm 2011-2015 trung bình 21,1; năm 2016 là 21,4; năm 2017 là 23,3; năm 2018 là 24,5; năm 2019 là 26,7; năm 2020 là 27,1. Số bác sỹ/vạn dân cũng tăng dần những năm gần đây: trung bình giai đoạn 2011-2015 là 12,7; năm 2019 là 13,4; năm 2020 là 13,5; năm 2021 đạt 13,7. Đây là tỷ lệ khá cao so với mức trung bình của cả nước. Tuy nhiên, so với nhu cầu thực tế và so với tỷ lệ trung bình là 33 bác sỹ/10.000 dân ở các nước phát triển (26 tại Mỹ và 24 tại Nhật Bản) thì đây là mức khá khiêm tốn.

- *Tác động khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập tham gia hỗ trợ trong công tác khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn Thành phố:* Việc quy định biện pháp khuyến khích phát triển đội ngũ bác sỹ làm việc cho cơ sở y tế tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình liên thông, kết nối và bổ trợ với hệ thống y tế hiện hành sẽ giúp Thành phố huy động hiệu quả nguồn lực y tế tư nhân, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân. Tuy nhiên, số cơ sở tư nhân có thực hiện nguyên lý học gia đình cũng như đội ngũ bác sỹ gia đình còn rất khiêm tốn. Việc thực hiện chính sách đặc thù phát triển dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân thực hành theo nguyên lý y học gia đình cũng có thể giúp người dân được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao thông qua hệ thống y, bác sỹ giỏi chuyên môn ở khu vực ngoài công lập.

- *Xây dựng đội ngũ y tế cơ sở đạt yêu cầu về chất lượng và duy trì ổn định về số lượng để hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyến đầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt trong công tác phòng chống dịch bệnh:* Chính sách “quy định chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm duy trì đội ngũ cán bộ y tế, đặc biệt là các bác sỹ làm việc tại các trạm y tế của Thủ đô” sẽ hạn chế tình trạng chảy máu chất xám nguồn nhân lực tại bệnh viện công, thu hút và giữ chân cán bộ y tế xã, phát triển nhân lực y tế dự phòng. Theo thống kê, để đào tạo bác sỹ công lập chính quy mất 5 năm, sau đó tiếp tục phải đào tạo thêm 2-5 năm nữa mới cho ra bác sỹ có thể hành nghề, chất lượng cao. Có thể nói, chính sách đãi ngộ đối với các y, bác sỹ hiện nay chưa phù hợp, thu nhập thấp, không đủ thu hút cán bộ y tế: hợp đồng lao động theo quy định đối với các y, bác sỹ hiện nay là 85% lương của 2.34, có bổ sung chế độ trực, tuy nhiên, không đáng kể so với mức lương làm tư nhân hiện nay. Đối với các trạm y tế cấp xã, tỷ lệ cán bộ y tế cũng rất thấp, có nơi 60.000 dân cũng chỉ có tối đa 10 cán bộ (theo quy định 10 cán bộ y tế chỉ phụ trách hiệu quả khoảng 13.000 - 15.000 dân). Vì vậy, để thu hút và duy

trì được lực lượng cán bộ y tế làm công tác dự phòng việc quy định chế độ làm việc, mức lương, thưởng hợp lý sẽ có vai trò rất quan trọng tạo động lực, khuyến khích, động viên và duy trì hoạt động hiệu quả của đội ngũ này.

- Để khuyến khích phát triển hệ thống trợ giúp xã hội ngoài công lập làm công tác tư vấn, hỗ trợ, điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện, thì việc quy định các chế độ ưu đãi đối với các cơ sở cai nghiện tự nguyện là rất cần thiết. Khi có nhiều hơn các cơ sở cai nghiện tự nguyện được thành lập, các cơ sở này sẽ thu hút số người sử dụng ma túy, người nghiện ma túy tham gia các dịch vụ điều trị, cai nghiện ma túy. Điều này sẽ giảm áp lực cho các cơ sở công lập và nhà nước sẽ giảm kinh phí cho hoạt động của các cơ sở công lập. Các cơ sở ngoài công lập cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ, vì vậy mà phù hợp với nhu cầu của người nghiện ma túy trong khi các cơ sở công lập thường không thể cung cấp các dịch vụ này. Việc thực hiện giải pháp này sẽ khuyến khích tăng số lượng các cơ sở ngoài công lập tham gia cùng Thành phố tham gia công tác tuyên truyền, tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy; giảm được áp lực của Thành phố trong việc quản lý người sử dụng, người nghiện ma túy tại cộng đồng và công tác cai nghiện ma túy tập trung; tăng số lượng cơ sở ngoài công lập tham gia cùng Thành phố tham gia công tác tuyên truyền, tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy; giảm áp lực cho Thành phố trong việc quản lý người sử dụng, người nghiện ma túy tại cộng đồng và công tác cai nghiện ma túy tập trung.

- Quy định kể trên cũng giúp giải quyết được các vấn đề xã hội mà chính sách chung của Nhà nước không thể giải quyết. Việc ưu đãi, hỗ trợ, nhằm thành lập các cơ sở cai nghiện ngoài công lập giúp giải quyết được các vấn đề xã hội mà chính sách chung của Nhà nước không thể giải quyết nhu cầu của người có thu nhập cao hơn mặt bằng xã hội, tính linh hoạt trong việc thực hiện hài hòa lợi ích của các chủ thể có liên quan; phát triển được mạng lưới trợ giúp xã hội tại cộng đồng, tạo sự đồng thuận của nhân dân trong các chính sách xã hội.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

- Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống y tế thành phố, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu xã hội ngày càng cao trong quản lý và chăm sóc sức khỏe của người dân: Tăng cường xã hội hóa y tế, đầu tư phát triển cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; các cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế, dược phẩm và trang thiết bị y tế giúp bù đắp thiếu hụt về tài chính, mở rộng cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân. Chính sách xã hội hóa y tế đúng đắn có thể làm thay đổi hệ thống chăm sóc sức khỏe của Thủ đô nhờ áp dụng các kỹ thuật mới, hiện đại giúp nâng cao chất lượng chuyên môn, đưa trình độ y tế Thủ đô tiệm cận dần chuẩn mực ở các nước trong khu vực và thế giới. Người dân được hưởng lợi nhờ chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, nhiều bệnh phức tạp có thể được điều trị trong nước với chi phí thấp hơn nhiều lần khi điều trị tại nước ngoài. Quá trình khám chữa bệnh sử dụng thiết bị y tế hiện đại giúp giảm thời gian phát

hiện, điều trị bệnh cũng như quá trình phục hồi sức khỏe của bệnh nhân. Trong lĩnh vực dược phẩm người dân cũng được hưởng lợi nhiều với nguồn cung ứng thuốc phong phú, đa dạng hơn, chữa bệnh hiệu quả với chi phí rẻ và sẵn có.

Việc thực hiện các chính sách khuyến khích xã hội hóa y tế làm thay đổi nhận thức của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong việc huy động vốn để có trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn, không chỉ trông chờ vào nguồn NSNN, qua đó, giúp các cơ sở khám bệnh công lập phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, phát hiện sớm, chính xác bệnh tật, giảm tỷ lệ tử vong. Cán bộ y tế được đào tạo bài bản, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học về y học, chủ động trong việc tiếp nhận, chuyển giao kỹ thuật chuyên môn sâu, kỹ thuật chuyên khoa trong điều trị bệnh và phòng bệnh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao được thực hiện làm cho trình độ kỹ thuật y tế dần tiến bộ ngang với các nước tiên tiến trong khu vực.

Vì vậy, việc tiếp tục khuyến khích huy động nguồn lực xã hội xây dựng cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế sẽ góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng khám chữa bệnh của hệ thống y tế Thủ đô. Việc phát triển kỹ thuật cao trong khám, chữa bệnh cũng góp phần giảm thiểu sai sót chuyên môn, mang lại hiệu quả thiết thực, làm tăng cơ hội để người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ khám, chữa bệnh chất lượng cao.

*- Nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe ban đầu của tuyến y tế cơ sở và vai trò là cánh tay nối dài của hệ thống y tế trong công tác phòng bệnh và chữa bệnh.* Chính sách đặc thù phát triển hệ thống y tế cơ sở và dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân thực hành theo nguyên lý y học gia đình sẽ nhân rộng và đẩy mạnh hơn nữa mô hình y tế theo nguyên lý y học gia đình giúp các trạm y tế làm tốt hơn vai trò “người gác cổng” trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, đồng thời cũng khuyến khích khu vực tư nhân cùng tham gia hỗ trợ tuyến y tế cơ sở trong hoạt động phòng bệnh và khám chữa bệnh.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, khi triển khai thành công sẽ mang lại nhiều hiệu quả như: giảm tỉ lệ bệnh nặng, tăng sự hài lòng của người dân về các dịch vụ y tế, bảo đảm công bằng trong chăm sóc y tế và giảm nghèo, tăng tuổi thọ người dân; chăm sóc hiệu quả cho người mắc các bệnh mạn tính, những bệnh nhẹ, tránh tốn kém tiền bạc, tránh bị bệnh nặng mới đi chữa bệnh gây tốn kém chi phí điều trị của người bệnh cũng như của xã hội. Đồng thời, cũng giúp giảm gánh nặng điều trị và tình trạng quá tải bệnh viện tuyến trên.

Hiện nay, do những thay đổi nhanh chóng về nhu cầu chăm sóc sức khỏe: già hóa dân số, gia tăng tỷ lệ người béo phì, tăng nhanh các bệnh mạn tính không lây nhiễm, ô nhiễm môi trường, thay đổi lối sống... đòi hỏi những cách tiếp cận mới trong chăm sóc sức khỏe. Khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình là sự phát triển nâng cấp bác sĩ đa khoa, giúp chăm sóc sức khỏe một



cách toàn diện cả về thể chất, tâm lý và tinh thần, quản lý sức khỏe và duy trì mối quan hệ bền vững với người bệnh. Đây là hình thức khám chữa bệnh rất có hiệu quả và phù hợp với tuyến y tế cơ sở là nơi chăm sóc sức khỏe ban đầu, trực tiếp và gần người dân nhất.

- Với công tác cai nghiện ma túy, có thể thấy, việc cai nghiện ma túy đòi hỏi phải đầu tư khá nhiều tiền cho việc cắt cơn, giải độc, quản lý, tư vấn hỗ trợ hòa nhập, tuy nhiên nếu sau hoàn thành cai nghiện mà người từng nghiện ma túy không có việc làm thì người sau cai dễ chán nản, dễ quay trở lại sử dụng chất ma túy và tái nghiện, sau đó lại đi cai nghiện. Vì thế, bố trí việc làm cho người sau cai đóng vai trò quyết định cho thành công của quá trình cai nghiện. Việc này chỉ có thể thực hiện được nếu doanh nghiệp sẵn sàng tiếp nhận, tạo cơ hội việc làm cho người sau cai. Việc được vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Thành phố sẽ gián tiếp giúp doanh nghiệp kinh doanh phát triển hơn, trên cơ sở đó có thêm động lực tiếp nhận người sau cai vào làm việc, góp phần chấm dứt vòng lặp của người nghiện ma túy: cai nghiện, tái nghiện và cai nghiện.

- Trong hệ thống chính sách cho công tác phòng chống ma túy hiện nay, với nguồn lực hạn chế, NSNN không đảm bảo duy trì mọi chính sách cần thiết dành cho các hoạt động này. Việc huy động thêm nguồn lực xã hội tham gia để tăng cường nguồn lực cho công tác phòng chống ma túy là cần thiết. Việc huy động thêm nguồn lực xã hội cho công tác này góp phần giải quyết được các khoảng trống về chính sách trong công tác phòng chống ma túy, khuyến khích toàn xã hội tham gia với việc khuyến khích các việc làm tốt, mô hình hay, hiệu quả trong công tác hỗ trợ người sử dụng ma túy, người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy. Việc thực hiện chính sách này cũng góp phần thay đổi quan điểm tiếp cận quản lý người sau cai nghiện ma túy. Hiện nay, việc quản lý người cai nghiện được thực hiện bằng biện pháp hành chính (khai báo, trình diện, kiểm điểm v.v.). Biện pháp này không thực sự hiệu quả bởi không ít người sau cai có xu hướng khai báo gian dối, né tránh kiểm tra giám sát của chính quyền. Biện pháp bố trí việc làm cho người sau cai bằng chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia xử lý các vấn đề của người sau cai (hỗ trợ dạy nghề để họ có cách mưu sinh, có việc làm tạo ra của cải vật chất cho xã hội và có thu nhập chân chính) cùng với gia đình, chính quyền phối hợp thực hiện các biện pháp quản lý cần thiết là giải pháp khá hợp lý.

- Việc quy định “*Thành phố quyết định mức chi, nội dung chi cho an sinh xã hội cao hơn và phạm vi đối tượng được thụ hưởng rộng hơn so với quy định chung, tiến tới bao phủ toàn dân*” sẽ giúp Thủ đô Hà Nội thực hiện công tác an sinh xã hội tốt hơn và phù hợp hơn với đặc thù của Thủ đô Hà Nội; đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội; phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước: Không nhận thấy tác động tiêu cực về mặt xã hội.

(ii) Người dân, doanh nghiệp: Không nhận thấy tác động tiêu cực về mặt xã hội.

**c) Tác động về giới:**

Tác động tích cực: Các chính sách y tế, an sinh xã hội mới nhìn chung có thể có tác động tích cực đối với phụ nữ, nhất là phụ nữ là đối tượng thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội.

Tác động tiêu cực: Không nhìn nhận thấy tác động tiêu cực rõ rệt về giới đối với đề xuất chính sách này.

**d) Tác động của thủ tục hành chính:** Giải pháp này không làm thay đổi TTHC hiện hành, không làm phát sinh TTHC mới.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp này phù hợp với quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của công dân được quy định tại khoản 1 Điều 38 Hiến pháp năm 2013: “*Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh*”. Phù hợp với các chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho lĩnh vực y tế quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 (khoản 1 Điều 16 quy định “*Khám bệnh, chữa bệnh; sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, bảo quản thuốc; nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới; sản xuất trang thiết bị y tế*” là ngành, nghề ưu đãi đầu tư), Luật Đất đai năm 2013 (khoản 1a Điều 110 quy định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất), Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 (Đã có quy định về khám, chữa bệnh y học gia đình tại Điều 81, nhưng chưa có chính sách cụ thể để phát triển lĩnh vực này).

Tuy nhiên, Giải pháp 2 không phù hợp với quy định của một số VBQPPL, cụ thể là: (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (khoản 2a Điều 13) quy định: thuế suất áp dụng cho cơ sở y tế là 10%; (ii) Luật Phòng, chống ma túy (khoản 2c Điều 36) quy định: “Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện ... được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật”; (iii) Luật Trẻ em năm 2016 (Khoản 2 Điều 42) quy định: “Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia trợ giúp, chăm sóc trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; **hỗ trợ về đất đai, thuế**, tín dụng cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của pháp luật”; (iv) Luật Người khuyết tật năm 2010 (Khoản 7 Điều 5): “Chính sách của nhà nước về người khuyết tật... Khuyến khích hoạt động trợ giúp người khuyết tật”; (v) Luật Người cao tuổi năm 2009 (Khoản 5 Điều 10 và Khoản 3 Điều 12): Nhà nước “khuyến khích tổ chức, cá nhân... tham gia phụng dưỡng người cao tuổi”. “Nhà nước khuyến khích tổ

chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh miễn phí cho người cao tuổi”. Ngoài ra, một số chế độ đặc thù đối với cán bộ y tế làm việc tại các trạm y tế cơ sở của Thủ đô (chẳng hạn, được tuyển dụng thẳng không qua thi v.v) có thể sẽ mâu thuẫn với các quy định của Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) (Điều 23).

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- Khả năng thi hành của các cơ quan nhà nước của Thủ đô:

Việc thực hiện các cơ chế, chính sách để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và hệ thống an sinh xã hội cho người dân phải cần chi thêm nhiều ngân sách để trả lương cho đội ngũ nhân viên y tế và có thể phải tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý ngành y tế của Thủ đô để đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, việc thực hiện Chính sách này sẽ góp phần thực hiện đầy đủ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc phát triển hệ thống y tế và an sinh xã hội, trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Hiến pháp năm 2013. Việc kiện toàn để nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước là công việc phải làm thường xuyên. Do vậy, Giải pháp 2 không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước của Thủ đô.

- *Khả năng tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 2 mang lại nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân, nên sẽ làm tăng khả năng tuân thủ pháp luật nói chung và pháp luật về Thủ đô nói riêng ở các nhóm này.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực y tế và an sinh xã hội mà Việt Nam là thành viên.

### **8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với yêu cầu phát triển an sinh xã hội Thủ đô từ nay đến năm 2030 (hoặc 2045) là Giải pháp 2. Do vậy, Cơ quan chủ trì lập Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) chọn Giải pháp 2.

Việc thực hiện các phương án trong Giải pháp 2 sẽ thể hiện đầy đủ và trọn vẹn nhất các chủ trương, định hướng về phát triển hệ thống y tế và an sinh xã hội Thủ đô theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 5/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030,

tầm nhìn đến năm 2045, theo đó, “xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, hệ thống bác sĩ gia đình, bảo đảm chăm sóc toàn diện sức khỏe nhân dân. Huy động các nguồn lực xã hội xây dựng mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; cơ sở nghiên cứu và chuyển giao công nghệ y, dược của tư nhân và đầu tư nước ngoài”. “Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu. Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, phấn đấu không còn hộ nghèo theo chuẩn của Thủ đô, nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo giữa thành thị và nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ; giải quyết hiệu quả các tệ nạn xã hội”.

Thẩm quyền ban hành chính sách trong Giải pháp 2 thuộc về Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và được thể hiện qua việc Quốc hội thông qua dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi).

## **9. CHÍNH SÁCH 9: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG THỦ ĐÔ TRỞ THÀNH KHU VỰC PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, XANH, VĂN MINH, NĂNG ĐỘNG, TRỞ THÀNH KHU VỰC KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM CỦA ĐẤT NƯỚC**

### **9.1. Xác định vấn đề bất cập**

Luật Thủ đô năm 2012 quy định “Nhà nước ưu tiên đầu tư và có chính sách thu hút các nguồn lực để phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, Vùng Thủ đô nhằm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô”<sup>152</sup>. Trách nhiệm của Thủ đô là “Chủ động phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển”<sup>153</sup>. Theo Luật Thủ đô năm 2012, “Vùng Thủ đô là khu vực liên kết phát triển KTXH gồm Thủ đô Hà Nội và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lân cận do Chính phủ quyết định”<sup>154</sup>. Theo Nghị định số 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định pháp luật về Thủ đô (Nghị định số 91/2021/NĐ-CP), Vùng Thủ đô gồm 10 tỉnh, thành phố là: Thủ đô Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên. Các địa phương trong Vùng Thủ đô có dân số chiếm 21% dân số của cả nước, đóng góp 26% GDP, 40% kim ngạch xuất khẩu quốc gia và 25% tổng thu ngân sách của cả nước và có 19% tổng số giường bệnh trên toàn quốc (xem Bảng

<sup>152</sup> Luật Thủ đô 2012, Điều 4.

<sup>153</sup> Luật Thủ đô 2012, Điều 5.

<sup>154</sup> Luật Thủ đô 2012, Điều 3.

22).

Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ ra một vấn đề mà Thủ đô Hà Nội cần khắc phục là “Hà Nội chưa thể hiện rõ vai trò là trung tâm, động lực tăng trưởng và phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước”. So sánh một số chỉ tiêu cơ bản của các địa phương trong Vùng Thủ đô với cả nước cho thấy như sau:

**Bảng 22: Một số chỉ tiêu cơ bản của các địa phương trong vùng Thủ đô**

Tỉnh, TP	Dân số (triệu người)	GDP/GRDP (Tỷ VNĐ)	Tăng trưởng kinh tế (%)	GRDP/người/ (Triệu VNĐ)	Thu nhập dân cư/người/ (Triệu VNĐ)	Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)	Thu NS trên địa bàn (Tỷ VNĐ)	Số giường bệnh
Cả nước	96.484	5.542.331	7,1	68,18	46,5	243.383	1.424.914	330.752
Hà Nội	8246,54	706.495	7,37	93,94	72,65	13.910	238.370	15.726
Bắc Ninh	1419,13	161.708	10,6	150,1	65,32	36.838	27.600	4.520
Hải Dương	1916,77	109.200	9,1	56,3	44,32	6.791	16.290	5.700
Thái Nguyên	1307,87	98.547	10,44	77,7	48,18	24.080	9.473	7.451
Vĩnh Phúc	1171,23	94.498	8,03	86,5	44,39	3.090	30.490	4.570
Bắc Giang	1841,62	88.259	15,96	52,1	41,4	5.758	7.884	5.733
Hung Yên	1269,09	65.746	9,64	55,3	46,12	3.261	7.946	5.700
Phú Thọ	1481,88	57.353	8,34	38,5	34,7	1.511	6.075	7.682
Hà Nam	861,83	44.613	11,05	55,2	43,29	2.221	5.900	3.350
Hoà Bình	861,22	40.867	8,36	48,3	27,54	416,23	3.400	2.190

Nguồn: Tổng cục Thống kê 2019-2020

Thời gian vừa qua việc thực hiện các quy định về liên kết vùng còn nhiều hạn chế, tính gắn kết chưa cao, chưa xứng với tiềm năng phát triển của Vùng Thủ đô; một số vấn đề liên vùng chưa được giải quyết thống nhất, đồng bộ và chưa tạo điều kiện để có thể thúc đẩy toàn vùng phát triển, xoá khoảng cách chênh lệch về phát triển giữa các địa phương, đặc biệt là phải giải quyết một số bất cập như vấn đề quy hoạch Vùng Thủ đô, BVMT, đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật ở quy mô vùng và cơ chế phối hợp điều phối trong Vùng Thủ đô, như:

**a) Vấn đề kế hoạch, quy hoạch Vùng Thủ đô cần đồng bộ và thống nhất**

Theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Vùng Thủ đô được xác định đến năm 2030 liên kết Vùng theo mô hình “Vùng đô thị đa cực - tập trung”. Đến năm 2050, Vùng Thủ đô chuyển hóa theo mô hình “Vùng đô thị lớn đa trung tâm - tích hợp” với phân vùng chủ yếu gồm 03 vùng chính là (1) Vùng đô thị hạt nhân trung tâm và phụ cận; (2)

Vùng phát triển đối trọng; (3) Vùng liên kết phát triển. Nhằm mục đích chia sẻ các chức năng đô thị, hỗ trợ phát triển vùng nông nghiệp, nông thôn; chia sẻ các nguồn đầu tư giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh theo các chức năng chủ đạo của các vùng, dựa vào thế mạnh, tiềm năng riêng.

Tuy nhiên, hiện nay, Thủ đô đang trong quá trình chuẩn bị sửa đổi lại Quy hoạch chung 1259. Thủ đô và các địa phương trong Vùng Thủ đô cũng đang xây dựng các quy hoạch khác, như quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050... Vấn đề này đòi hỏi các quy hoạch cần phải có sự thống nhất và bảo đảm điều kiện thi hành của Thủ đô và các tỉnh trong Vùng Thủ đô.

**b) Vấn đề hợp tác đầu tư giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.**

Vùng đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa chiến lược, quan trọng bậc nhất của cả nước về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Địa bàn cốt lõi của vùng Đồng bằng sông Hồng là vùng Thủ đô<sup>155</sup>. Để vùng Thủ đô trở “Vùng đô thị đa cực - tập trung” vào năm 2030 và “Vùng đô thị lớn đa trung tâm - tích hợp” vào 2050 theo Quy hoạch Vùng Thủ đô và Quy hoạch chung 1259 của Thủ đô. Dự kiến mạng lưới giao thông của Thủ đô kết nối với Vùng Thủ đô, gồm hình thành mạng lưới đường cao tốc trong Vùng, chú trọng phát triển đường cao tốc theo hành lang kinh tế Đông - Tây; hình thành các tuyến vành đai xung quanh Thủ đô Hà Nội, gồm đầu tư khép kín 07 tuyến đường vành đai giao thông Thủ đô, đặc biệt là các vành đai 3; vành đai 3,5; vành đai 4 và vành đai 5 có kết nối với các địa phương lân cận, thúc đẩy phát triển kinh tế trong Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ kết nối thuận lợi hơn với vùng duyên hải Bắc Bộ. Phát triển mạng lưới giao thông liên kết trong Vùng Thủ đô sẽ tạo điều kiện cho kéo dân cư đô thị trung tâm tại Thủ đô Hà Nội, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Tập trung hình thành một số cực tăng trưởng mới.

Trong bối cảnh đó, để Thủ đô phát triển xứng đáng với vai trò là “Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước”, Đảng bộ thành phố Hà Nội xác định: “phối hợp với các cơ quan Trung ương, hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong nước được đẩy mạnh”<sup>156</sup>. Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra quan điểm phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn

<sup>155</sup> Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh ở Vùng đồng bằng sông Hồng.

<sup>156</sup> Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội.

hiển - Văn minh - Hiện đại” là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần “Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước” là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị; là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội. Thủ đô có thể thực hiện đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội vào các địa phương trong Vùng Thủ đô để có thể thúc đẩy sự phát triển chung của toàn vùng.

Theo định hướng của Nghị quyết số 30-NQ/TW về phương hướng phát triển KTXH, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh ở Vùng đồng bằng sông Hồng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu là tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng. Các cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề môi trường nội và liên vùng, phát triển các cụm liên kết ngành. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, tạo nguồn lực, động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng.

### c) Vấn đề môi trường Vùng Thủ đô

#### c.1. Vấn đề xử lý chất thải rắn (CTR)

Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường về khối lượng CTRSH phát sinh và thu gom trong địa bàn vùng Thủ đô 2019, không có địa phương nào trong Vùng Thủ đô đạt được tỷ lệ thu gom CTR toàn tỉnh là 100%. Chỉ có Hà Nam và Bắc Ninh là hai địa phương có tỷ lệ thu gom CTR đô thị đạt 100%. Thủ đô Hà Nội là địa phương có khối lượng CTR đô thị lớn nhất trong Vùng Thủ đô chỉ đạt 98% tỷ lệ thu gom CTR đô thị (xem Bảng 23).

**Bảng 23: Khối lượng CTRSH phát sinh, thu gom trong địa bàn vùng Thủ đô 2019**

*Đơn vị tính: tấn/ngày*

Thành phố/Tỉnh	Tổng KL CTR phát sinh	Tổng KL CTR thu gom	Tỷ lệ thu gom	KL CTR đô thị phát sinh	KL CTR đô thị thu gom	Tỷ lệ thu gom	KL CTR nông thôn phát sinh	KL CTR nông thôn thu gom	Tỷ lệ thu gom nông thôn
Bắc Giang	754	567,8	75%	244	231,8	95%	510	336	66%
Bắc Ninh	900	750	83%	430	430	100%	470	320	66%
Hà Nam	275	255	93%	150	150	100%	125	105	85%

Thành phố/Tỉnh	Tổng KL CTR phát sinh	Tổng KL CTR thu gom	Tỷ lệ thu gom	KL CTR đô thị phát sinh	KL CTR đô thị thu gom	Tỷ lệ thu gom	KL CTR nông thôn phát sinh	KL CTR nông thôn thu gom	Tỷ lệ thu gom nông thôn
Hà Nội	6.500	6.070	93%	3.500	3.430	98%	3.000	2.640	88%
Hải Dương	1.071,7	876,7	82%	419	363	87%	652,7	513,7	79%
Hoà Bình	507	227	45%	127	109	86%	380	118	31%
Hung Yên	650	498,63	77%	167,2	122,01	73%	482,9	376,62	78%
Phú Thọ	704,4	313	44%	-	-	-	-	-	-
Thái Nguyên	775	538	69%	350	325,5	93%	425	212,5	50%
Vĩnh Phúc	830	643,9	78%	260,4	239,5	92%	569,6	404,4	71%
<b>Tổng số</b>	<b>12967,1</b>	<b>10740</b>		<b>5647,6</b>	<b>5400,8</b>		<b>5962,5</b>	<b>4512,5</b>	

Nguồn: Bộ Tài nguyên môi trường: Báo cáo về công tác BVMT 2019

Theo định hướng quản lý CTR của Vùng Thủ đô tại Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì đến năm 2030, tổng khối lượng CTR toàn Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030: Khoảng 39.000 tấn/ngày đêm<sup>157</sup>. Tuy nhiên theo các kế hoạch và quy hoạch của các địa phương về xử lý CTR đến 2030 thì tổng công suất xử lý CTR tối đa đến năm 2030 mới đạt xấp xỉ 21.000 tấn/ngày đêm (xem Bảng 24).

Với thực tiễn và kế hoạch xử lý CTR trong Vùng Thủ đô như ở Bảng 24 cho thấy công nghệ xử lý CTR ở các địa phương trong Vùng Thủ đô cũng khác nhau. Các địa phương trong Vùng Thủ đô chủ yếu xử lý CTR bằng chôn lấp nên có thể gây các tác động tiêu cực cho môi trường địa phương nói riêng và Vùng Thủ đô nói chung.

### c.2. Vấn đề xử lý ô nhiễm nguồn nước

Như đã mô tả vấn đề bất cập của ô nhiễm nguồn nước tại Thủ đô Hà Nội ở Chính sách 4, ô nhiễm nguồn nước tại Thủ đô Hà Nội đang làm ảnh hưởng tới nguồn nước sinh hoạt. Một số nhà máy cấp nước sinh hoạt tại Hà Nam hoặc Thủ đô Hà Nội có lúc phải tạm dừng hoạt động do ô nhiễm nước sông<sup>158</sup>. Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2018, Thủ đô Hà Nội có lượng nước thải sinh hoạt phát sinh chiếm tỷ lệ lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng (chiếm 37%). Đây cũng là vùng có lượng nước thải sinh hoạt lớn của cả nước (chiếm 23%)<sup>159</sup>.

<sup>157</sup> Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Điều 1.

<sup>158</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 76

<sup>159</sup> Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, Vùng



Lưu vực sông Nhuệ - Đáy trải trên địa phận 05 tỉnh/thành phố (Thủ đô Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định và Hoà Bình) trong đó có 3 tỉnh thuộc Vùng Thủ đô (Thủ đô Hà Nội, Hà Nam và Hoà Bình). Chất lượng nước sông Nhuệ bị ô nhiễm nặng do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt hai bên bờ sông. Riêng Thủ đô Hà Nội, số lượng cơ sở sản xuất ở lưu vực sông chiếm khoảng 50%, chiếm gần 30% lượng nước thải công nghiệp phát sinh trong lưu vực sông. Hàng ngày, lưu vực sông Nhuệ - Đáy phải tiếp nhận khoảng 1.982 nguồn thải, với tổng lưu lượng nước thải xả khoảng 19.048m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó lưu lượng phát sinh từ sinh hoạt của người dân là 16.421m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt thải ra sông Nhuệ - sông Đáy chiếm tỷ lệ rất lớn so với tất cả các nguồn thải khác gộp lại (lên tới trên 65%), cụ thể như Thủ đô Hà Nội thải sinh hoạt thải ra sông Tô Lịch là 150.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (chiếm 87%); còn các tỉnh còn lại đều chiếm trên 65%; tất cả các nước thải sinh hoạt này, hầu hết đều không được xử lý và thải thẳng ra nguồn tiếp nhận và đi vào sông Nhuệ - sông Đáy<sup>160</sup>. Các địa phương thuộc lưu vực sông Nhuệ - Đáy đều đã xây dựng và triển khai đề hoạch, đề án BVMT tương ứng trên địa bàn tỉnh<sup>161</sup>.

Đối với hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải lấy nước từ sông Hồng và chảy qua một số tỉnh thuộc Vùng Thủ đô (Thủ đô Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương), hệ thống này cung cấp nước cho hoạt động tưới tiêu nông nghiệp của 03 tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Hưng Yên. Trong giai đoạn gần đây, hệ thống này bị ô nhiễm nghiêm trọng do các hoạt động kinh doanh, bệnh viện, làng nghề, cơ sở chăn nuôi... ở hai bên bờ sông<sup>162</sup>. Vấn đề ô nhiễm này cần phải có sự hợp tác của cả 04 địa phương của Vùng Thủ đô.

### *c.3. Vấn đề xử lý ô nhiễm không khí*

Như đã mô tả vấn đề bất cập của ô nhiễm không khí tại Thủ đô Hà Nội ở Chính sách 4, ô nhiễm không khí tại Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là ô nhiễm bụi PM<sub>10</sub> và bụi PM<sub>2.5</sub>. Mức độ ô nhiễm bụi mịn có xu hướng tăng quá các năm. Theo Bộ Tài nguyên Môi trường, số ngày có giá trị AQI ở mức kém và xấu (tính trung bình các trạm) chiếm tỷ lệ 30,5% tổng số ngày quan trắc trong năm. Các thông số NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO và O<sub>3</sub> của không khí Thủ đô Hà Nội đều vượt ngưỡng của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN)<sup>163</sup>. So sánh ô nhiễm không khí giữa các vùng,

---

Đồng bằng sông Hồng có lượng nước thải sinh hoạt chiếm 23% tổng số lượng nước thải sinh hoạt của cả nước, tiếp đến là vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung là 21%, vùng Đông Nam Bộ là 20%, Đồng bằng sông Cửu Long là 18%, Trung du miền núi phía Bắc là 12% và Tây Nguyên là 6%.

<sup>160</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 29, 57; Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 59-61

<sup>161</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 86.

<sup>162</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 51; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 55.

<sup>163</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 84, 85, 88, 89 và 90.

các đô thị, khu công nghiệp và nông thôn ở Miền Bắc cao hơn ở Miền Nam và Miền Trung<sup>164</sup>.

Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới và Sở Tài nguyên môi trường Hà Nội, nguồn phát thải bụi mịn PM<sub>2.5</sub> chính ở Thủ đô Hà Nội được phân bổ 29% từ các hoạt động công nghiệp, 26% từ đốt rơm rạ ngoài trời, 23% từ bụi đường, 15% từ giao thông và 7% từ các nguồn khác (đốt gia dụng, thương mại, làng nghề và rác thải rắn). Hai phần ba (2/3) bụi mịn gây ô nhiễm cho Thủ đô Hà Nội đến từ các tỉnh lân cận ở trong Vùng Thủ đô, khu vực Đồng bằng sông Hồng, các nước khác, vận chuyển quốc tế và các nguồn từ tự nhiên<sup>165</sup>. Vấn đề này đòi hỏi có sự hợp tác xử lý giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong Vùng Thủ đô, khu vực Đồng bằng sông Hồng phối hợp.

#### **d) Xây dựng chuỗi đô thị thông minh cấp quốc gia**

Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27/09/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Nghị quyết 52-NQ/TW) đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030 “hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới”. Nghị quyết 06-NQ/TW cũng đặt ra yêu cầu “xây dựng được mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia và cấp vùng kết nối quốc tế và 3 - 5 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế vào năm 2030”. Và Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đặt mục tiêu “*xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển*”.

Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã xác định “hình thành các chuỗi đô thị thông minh khu vực phía Bắc, miền Trung, phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long, lấy thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Cần Thơ là hạt nhân, hình thành mạng lưới liên kết các đô thị thông minh”.

Những mục tiêu này đòi hỏi Thủ đô và các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô phải hoàn thiện về thể chế và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để xây dựng các đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô và các cơ chế liên kết vùng đô thị thông minh. Hiện nay, các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô đều đang xây dựng đề án phát triển đô thị thông minh của địa phương mình. Đây vừa là cơ sở thuận lợi để liên kết các đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô nhưng cũng

<sup>164</sup> Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 91-93; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 86-91.

<sup>165</sup> Ngân hàng Thế giới - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Ô nhiễm không khí Hà Nội: Thực trạng & Gợi ý chính sách, <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/ce9eb01975014ef417f5ad1f6c75a745-0070012021/original/Air-Quality-in-Hanoi-Current-Situation-and-Policy-Intervention-June-2021-VN.pdf>

là khó khăn khi các địa phương có những quy hoạch, kế hoạch và cơ sở hạ tầng khác nhau về phát triển đô thị thông minh. Việc thiếu tính liên kết và nhất quán trong các quy hoạch, kế hoạch để phát triển địa phương nói chung và đô thị thông minh nói riêng sẽ gây khó khăn cho các công tác dự báo và quản lý điều hành hiện đại tại các địa phương, gây tổn kém cho các địa phương khi không thể chia sẻ được lợi ích từ cơ sở dữ liệu, hạ tầng của đô thị thông minh giữa các địa phương.

#### **e) Vấn đề cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô**

Trong thời gian qua, việc liên kết giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô, giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng nói riêng và giữa vùng Thủ đô với các vùng khác trong cả nước nói chung còn hạn chế, như: thiếu cơ quan đầu mối và cơ chế điều phối có hiệu quả, hiệu lực để phối hợp hành động, điều hoà lợi ích, giải quyết các vấn đề chung dẫn đến việc liên kết vùng Thủ đô chưa đem lại hiệu quả tương xứng cho phát triển KTXH của các địa phương thuộc vùng<sup>166</sup>. Trước khi có Nghị định số 91/2021/NĐ-CP, hoạt động phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô thông qua cơ chế chỉ đạo, điều hành của Chính phủ căn cứ theo Điều 23 của Luật Thủ đô. Thực tiễn này dẫn đến có một số thiết chế khác nhau để thực hiện quy định này, như Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho công tác quy hoạch xây dựng<sup>167</sup>, Ủy ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy thành lập và hoạt động theo Quyết định số 223/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để chỉ đạo, điều phối liên ngành, liên vùng thực hiện Quy hoạch quản lý CTR lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>168</sup>...

Nghị định số 91/2021/NĐ-CP đặt ra các nguyên tắc phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành pháp luật về Thủ đô và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng. Cơ chế hoạt động của Hội đồng Vùng Thủ đô được quy định tại Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô. Tuy nhiên, Nghị định số 91/2021/NĐ-CP và Quyết định số 986/QĐ-TTg chưa xác định Hội đồng Vùng được thành lập và hoạt động theo các văn bản này có thay thế các thiết chế phối hợp khác đang hoạt động, như Ban Chỉ

<sup>166</sup> Công văn số 1444/KHĐT-THQH của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội ngày 08/04/2022 về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

<sup>167</sup> Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Điều 1, khoản 12: “Mô hình quản lý Vùng: Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội là cơ quan tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ trong chỉ đạo điều phối phát triển Vùng Thủ đô Hà Nội; có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp giữa các cơ quan Bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng để triển khai thực hiện theo Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn 2050”.

<sup>168</sup> Quyết định số 223/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030, Điều 2.

đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Ủy ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy... Theo quy định tại các văn bản này, Tổ điều phối thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp một số hoạt động chung của các Tổ điều phối cấp tỉnh trong Vùng theo hướng dẫn của Văn phòng Hội đồng điều phối vùng nên cần có những phương án để Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có vai trò chủ động hơn đối với hoạt động điều phối vùng Thủ đô.

### **9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nghị quyết số 15-NQ/TW đặt ra mục tiêu đối với Hà Nội phải “*phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển*” và “*phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần “Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước*”.

Nghị quyết số 06-NQ/TW đã xác định “*xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển KTXH và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị, nhất là tại các đô thị đặc biệt. Thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, đưa người dân ra các đô thị xung quanh, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố trực thuộc thành phố. Quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại các đô thị lớn, nhất là khu vực trung tâm. Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch*”.

Nghị quyết số 30-NQ/TW về phương hướng phát triển KTXH, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh ở Vùng đồng bằng sông Hồng đặt ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu “*hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng*”.

Do đó, Luật Thủ đô (sửa đổi) cần phải đặt ra mục tiêu tăng cường liên kết, phối hợp giữa Thủ đô, các tỉnh trong Vùng Thủ đô trên các lĩnh vực trọng điểm, có tính chất liên kết vùng để huy động, sử dụng, phân bổ hợp lý, hiệu quả mọi nguồn lực, hướng tới xây dựng, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về KTXH, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước.

### **9.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện hành (Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 23 Luật Thủ đô; Nghị định số 91/2021/NĐ-CP,

Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô và các quy định pháp luật hiện hành khác).

**Giải pháp 2:** (1) Quy định mở rộng chức năng và tăng thẩm quyền của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của vùng Thủ đô. (2) Tiếp thu, luật hóa một số nội dung của Nghị định số 91/2021/NĐ-CP.

Để thực hiện giải pháp này, Luật Thủ đô cần quy định thẩm quyền trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của Vùng Thủ đô về môi trường, kinh tế, văn hoá-xã hội, phát triển hạ tầng Vùng Thủ đô.

**Giải pháp 3:** Gồm Giải pháp 2 và các nội dung sau: (1) Giao thẩm quyền cho Thành phố trong việc chủ trì điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (2) Thành phố được huy động các nguồn lực, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

#### **9.4. Đánh giá tác động chính sách**

##### *9.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành*

##### **a) Tác động về kinh tế:**

##### *a.1. Vấn đề kế hoạch, quy hoạch Vùng Thủ đô*

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

Như đã phân tích ở phần Bất cập, GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội hiện nay đạt khoảng 4.000 USD cao hơn phần lớn các địa phương trong Vùng Thủ đô. GRDP của Thủ đô Hà Nội có thể đạt mức tăng trưởng 7,5% vào giai đoạn 2021-2025, 8% vào giai đoạn 2026-2035, 8,5% vào giai đoạn 2036-2040 và 8% vào giai đoạn 2041-2045 (xem Bảng 9 ở Chính sách 4).

Việc thực hiện được Quy hoạch chung Vùng Thủ đô theo Quyết định 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sẽ liên kết được Vùng Thủ đô đến năm 2030 theo mô hình “Vùng đô thị đa cực - tập trung” và đến năm 2050, là “Vùng đô thị lớn đa trung tâm - tích hợp” với 3 vùng chính là (1) Vùng đô thị hạt nhân trung tâm và phụ cận; (2) Vùng phát triển đối trọng; (3) Vùng liên kết phát triển. Nhằm mục đích chia sẻ các chức năng đô thị, hỗ trợ phát triển vùng nông nghiệp, nông thôn; chia sẻ các nguồn đầu tư giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh

theo các chức năng chủ đạo của các vùng, dựa vào thế mạnh, tiềm năng riêng.

Việc đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 và Vành đai 5 cho Vùng Thủ đô sẽ làm giảm lưu lượng xe lưu thông trong Thủ đô Hà Nội, giảm ô nhiễm môi trường từ khí thải. Đồng thời các tuyến đường vành đai này sẽ tạo điều kiện, tiền đề để các tỉnh/thành phố trong Vùng Thủ đô phát triển KTXH, kinh tế đô thị và nông thôn dọc hai bên tuyến đường, thúc đẩy phát triển du lịch trong 10 địa phương thuộc Vùng Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Như đã phân tích ở tác động tích cực đối với Nhà nước, Giải pháp 1 đã thúc đẩy mức tăng trưởng chung cho Thủ đô Hà Nội cao hơn các địa phương khác trong giai đoạn hiện nay. Nhờ đó, số hộ nghèo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội hiện nay giảm một cách rõ rệt (xem Bảng 19- Chính sách 8) nhờ triển khai các kế hoạch, quy hoạch và biện pháp thực thi hiện nay.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội hiện nay chỉ đạt khoảng 4.000 USD là thấp hơn mục tiêu 7.100-7.500USD/năm được đề ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 06/01/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020. Như vậy, Giải pháp giữ nguyên như hiện nay là chưa phát huy được nhiều tác động tích cực về kinh tế cho Thủ đô.

Hiện nay, do Ban chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô để thực hiện Quy hoạch chung vùng Thủ đô theo Quyết định số 768/QĐ/TTg và Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô theo Nghị định số 91/2021/NĐ-CP chưa được thành lập nên Quy hoạch chung vùng Thủ đô theo Quyết định 768/QĐ-TTg chưa được triển khai. Ngoài ra, một số nội dung của Quy hoạch chung vùng Thủ đô theo Quyết định số 768/QĐ-TTg cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển Thủ đô, như quy hoạch xây dựng sân bay thứ hai cho Thủ đô.

Giải pháp hiện hành chưa tạo được sự gắn kết, thống nhất trong việc lập và bảo đảm thực hiện các quy hoạch của Thủ đô theo Nghị quyết số 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô với các quy hoạch của các địa phương khác để bảo đảm đạt được các tác động tích cực về kinh tế cho toàn Vùng Thủ đô trở thành một cực tăng trưởng của cả nước. Nếu các quy hoạch của Thủ đô với các địa phương khác trong Vùng Thủ đô không có được sự thống nhất, đồng bộ và liên kết thì sẽ gây nhiều tác động tiêu cực về phát triển kinh tế, gây lãng phí trong việc lập và thực hiện các quy hoạch.

Đặc biệt, Giải pháp 1 sẽ khó có thể bảo đảm cho Thủ đô Hà Nội có thể đạt được mục tiêu mà Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đặt ra là: đến 2030 “*Thủ đô Hà Nội là Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”*”; trở

*thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực; Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025 cao hơn mức tăng bình quân chung của cả nước; GRDP giai đoạn 2026-2030 tăng 8,0-8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 12.000-13.000 USD. Tầm nhìn đến 2045, Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới”.*

Với Giải pháp 1 thì sẽ khó có thể thực hiện được nhiệm vụ được nêu tại Nghị quyết số 30-NQ/TW của Trung ương về phát triển kinh tế vùng về “*triển khai hiệu quả xây dựng Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân, động lực của các đô thị trong vùng. Phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á*”.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Như đã phân tích ở tác động tiêu cực đối với Nhà nước, Giải pháp 1 chưa thực hiện được mục tiêu của Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 06/01/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020 về GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội. Do đó, nếu tiếp tục Giải pháp này, khả năng Thủ đô Hà Nội sẽ khó đạt được mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô đối với GRDP bình quân đầu người các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và đến 2045.

*a.2. Vấn đề đầu tư trong Vùng Thủ đô*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, hoạt động đầu tư trong Vùng Thủ đô để thúc đẩy sự phát triển của Vùng Thủ đô nói chung, từng địa phương trong Vùng Thủ đô, trong đó có Thủ đô Hà Nội đang diễn ra mạnh mẽ<sup>169</sup>.

Theo Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô tại Quyết định 768 QĐ/TTg, Vùng Thủ đô được xác định đến năm 2030 liên kết Vùng theo mô hình “Vùng đô thị đa cực - tập trung” và chuyển hóa theo mô hình “Vùng đô thị lớn đa trung tâm - tích hợp” đến 2050. Quy hoạch đặt ra vấn đề chia sẻ các nguồn đầu tư giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh theo các chức năng chủ đạo của các vùng, dựa vào thế

<sup>169</sup>Công văn số 1444/KHĐT-THQH của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội ngày 08/04/2022 về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

manh, tiềm năng riêng.

Các địa phương trong Vùng Thủ đô đều có mức độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức tăng trưởng kinh tế của cả nước. Kim ngạch xuất khẩu của các địa phương trong Vùng Thủ đô chiếm 40% kim ngạch xuất khẩu của cả nước (xem Bảng 22). Kim ngạch xuất khẩu của Vùng Thủ đô cao là nhờ Thái Nguyên và Bắc Ninh là hai địa phương có các tập đoàn kinh tế lớn của nước ngoài, như Samsung, Canon...

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Như đã phân tích ở tác động tích cực đối với người dân và doanh nghiệp ở mục Kế hoạch, quy hoạch của Vùng Thủ đô, Thủ đô Hà Nội và các địa phương sẽ chú trọng đầu tư chủ yếu vào địa phương mình. Dẫn đến, mức tăng trưởng chung cho Thủ đô Hà Nội cao hơn các địa phương khác trong giai đoạn hiện nay, số hộ nghèo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội giảm một cách rõ rệt (xem Chính sách 8).

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Khoảng cách phát triển giữa các khu vực trong vùng Thủ đô ngày càng tăng. Hầu hết các tỉnh, ngoại trừ Thủ đô Hà Nội và Bắc Ninh, đều đang phát triển ở mức độ thấp và vẫn chủ yếu tập trung vào nông nghiệp. Chênh lệch trong phát triển kinh tế-xã hội cũng như tỉ trọng GRDP giữa các tỉnh vẫn rất lớn. Khoảng cách chênh lệch GRDP bình quân đầu người của địa phương cao nhất trong Vùng Thủ đô (Bắc Ninh) so với địa phương thấp nhất (Hoà Bình) là hơn 3 lần (311%), hoặc Thủ đô Hà Nội cao gần gấp 2 lần so với Hoà Bình (194%) (xem Bảng 22). Sự mất cân bằng trong vùng đã dẫn đến việc không tận dụng được hết những tiềm năng và lợi thế cạnh tranh của vùng.

Pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư công 2014, Luật Ngân sách nhà nước 2015) chưa tạo điều kiện thuận lợi để một địa phương có thể sử dụng ngân sách đầu tư sang địa phương khác để thúc đẩy các hoạt động phát triển chung giữa các địa phương hay của vùng, khu vực.

Đồng thời, với Giải pháp giữ nguyên như hiện hành thì sẽ khó có thể thực hiện được các mục tiêu về phát triển kinh tế vùng Đồng bằng Sông Hồng theo Nghị quyết số 30-NQ/TW của Trung ương về phát triển kinh tế vùng là “*đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát huy vai trò đầu tàu, động lực của các tỉnh, thành phố trong vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh*”.

Các quy định hiện hành chưa tạo được những giải pháp có tính liên kết cao trong việc đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dẫn đến việc chống biến đổi khí hậu cũng gặp khó khăn, điển hình là việc chậm triển khai quy hoạch



phòng, chống lũ trên sông Hồng, giảm thiểu ô nhiễm trên sông Nhuệ - sông Đáy.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp 1 chưa tạo điều kiện cho Thủ đô và các địa phương trong Vùng Thủ đô có thể chủ động trong việc đầu tư vào các địa phương trong Vùng nên chưa giảm được khoảng cách phát triển giữa các địa phương.

*a.3. Vấn đề môi trường Vùng Thủ đô*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Đối với vấn đề xử lý CTR, Hà Nam và Bắc Ninh là hai địa phương có tỷ lệ thu gom CTR đô thị đạt 100%. Thủ đô Hà Nội là địa phương có khối lượng CTR đô thị lớn nhất trong Vùng Thủ đô đạt 98% tỷ lệ thu gom CTR đô thị (xem Bảng 23). Hiện nay, các địa phương trong Vùng Thủ đô đều có kế hoạch, quy hoạch về số lượng và công suất xây dựng điểm xử lý CTR trên địa bàn (xem Bảng 24). Theo kế hoạch này, các địa phương bảo đảm việc thu gom và xử lý CTR theo đúng các kế hoạch đặt ra của địa phương và phù hợp với Nghị quyết số 32/2021/QH15 về kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 và Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của Quốc hội<sup>170</sup>.

**Bảng 24: Số lượng và phân bố điểm xử lý CTRSH trên địa bàn vùng Thủ đô**

Thành phố/Tỉnh	Tổng KL CTR phát sinh	Số lượng nhà máy hoặc điểm chôn lấp	Tổng KL CTR có thể xử lý (tấn/ngày)	Công nghệ xử lý	Vị trí tại huyện/quận	Nguồn (ghi số hiệu văn bản tham khảo)
Bắc Giang	754	225	231.96	Chôn lấp và đốt bằng lò đốt	Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động, Yên Thế, Hiệp Hòa, Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng	Quyết định số 508/QĐ-UBND
Bắc Ninh	900	3 nhà máy, 10 lò đốt	1920	Xử lý tập trung và lò đốt	Quế Võ, Thuận Thành, Gia Bình, Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Lương	Quyết định số 222/QĐ-UBND

<sup>170</sup>Các Nghị quyết này đặt mục tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý CTR sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 89-90%, tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

					Tài	
Hà Nam	275	3 nhà máy xử lý CTR	160	Xử lý CTR và chôn lấp tập trung, và đốt rác	Thanh Liêm, Duy Tiên, Kim Bảng, Vĩnh Trụ	Quyết định số 708/QĐ-UBND
Hà Nội	6.500	Vùng I: Có 5 khu xử lý CTR Vùng II: Có 6 khu xử lý CTR Vùng III: Có 6 Khu xử lý CTR	9.450	Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng (đến năm 2020 sẽ dừng chôn lấp); Tái chế nhựa, giấy, sắt thép....; Xử lý CTR hữu cơ thành phân vi sinh; Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.	Đông Anh, Gia Lâm, Từ Liêm, Phú Xuyên, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Ứng Hòa, Ba Vì, ĐanPhượng, Thạch Thất, Chương Mỹ	Quyết định số 609/QĐ-TTg
Hải Dương	1.071,7	03 nhà máy xử lý CTR	588	Đốt và chôn lấp	Thanh Hà, Bình Giang	Quyết định số 2541/QĐ-UBND
Hoà Bình	507	16 khu xử lý CTR	2430	Xử lý CTR thành phân hữu cơ thành phân vi sinh, chất cải tạo đất, vật liệu xây dựng; Chôn lấp hợp vệ sinh; công nghệ đốt	Thành phố Hòa Bình, Lương Sơn, Kỳ Sơn, Lạc Thủy, Yên Thủy, Mai Châu, Lạc Sơn, Cao Phong, Tân Lạc, Đà Bắc, Kim Bôi	Quyết định số 2436/QĐ-UBND
Hung Yên	650	4 khu xử lý và 48 bãi chôn tập trung	5800	Công nghệ đốt; Sản xuất phân hữu cơ; Tái chế vật liệu; chôn lấp hợp vệ sinh	Khoái Châu, Yên Mỹ, Phù Cừ, Ân Thi, Kim Động, Tiên Lữ	Quyết định số 300/QĐ-UBND
Phú Thọ	704,4	1 nhà máy xử lý CTR; 5 điểm tập trung CTR và 2 khu liên hợp xử lý CTR	630	Công nghệ đốt; Sản xuất phân vi sinh; Chôn lấp; Ủ phân compost quy mô nhỏ	Việt Trì, Hạ Hòa, Yên Lập, Cẩm Khê, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Tân Sơn, Tam nông, Phú Ninh	Quyết định số 2032/QĐ-UBND
Thái Nguyên	775			Chế biến phân vi sinh; Đốt; Chôn lấp		Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND
Vĩnh Phúc	830	05 khu xử lý, 01 cơ sở xử lý CTR sản xuất phân compost,	470	Chôn lấp; Đốt; Xử lý rác bằng công nghệ sản xuất phân	Bình Xuyên, Tam Dương, Lập Thạch, Vĩnh Tường	Quyết định số 3235/QĐ-UBND

		274 điểm tập kết CTR và 56 lò đốt rác công suất nhỏ		compost		
<b>Tổng số</b>	<b>12.96</b> <b>7,1</b>		<b>20.9</b> <b>78</b>			

*Nguồn: Tổng hợp của Nhóm chuyên gia*

Theo quy định pháp luật hiện hành (Luật Giá, Luật Phí và Lệ phí, Luật BVMT, Luật Tổ chức chính quyền địa phương), chi phí thu gom và xử lý CTR sẽ do các địa phương quyết định dựa trên các hướng dẫn chung của Chính phủ và điều kiện về tình hình kinh tế xã hội của địa phương. Hiện nay, chi phí thu gom và xử lý CTRSH của Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô vẫn đang duy trì ở mức thấp hơn mức bình quân của các nước thu nhập trung bình (mức thu nhập bình quân đầu người tương đương với Việt Nam), thậm chí còn thấp hơn các quốc gia thu nhập thấp (mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn Việt Nam) (xem Bảng 25).

Đối với vấn đề xử lý ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm không khí, các địa phương chủ động trong việc lập dự toán và thực hiện các biện pháp để xử lý trên địa bàn của tỉnh/thành phố. Đối với một số hạng mục, chương trình cấp quốc gia, ngân sách trung ương có hỗ trợ trong việc thực hiện.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Đối với vấn đề xử lý CTR, chi phí thu gom và vận chuyển CTRSH hiện nay của Thủ đô Hà Nội nói riêng và của các tỉnh trong Vùng Thủ đô nhìn chung còn thấp (xem Bảng 25) so với các quốc gia khác. Mức chi phí thấp này có lợi về kinh tế trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp.

Người dân, doanh nghiệp đang có thu nhập từ hoạt động phân loại và tái chế CTR tiếp tục được hưởng lợi từ các chính sách và quy định hiện hành.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Theo định hướng quản lý CTR của Vùng Thủ đô tại Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì đến năm 2030, 100% các đô thị trong Vùng Thủ đô có công trình tái chế CTR; 100% lượng CTRSH đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 90% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ; 100% tổng lượng CTR công nghiệp, 90% lượng CTR các điểm dân cư nông thôn và 100% tại các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường”. Như vậy, nếu áp dụng các biện pháp thực thi theo Giải pháp 1 thì chưa đáp ứng được mục tiêu đặt ra tại Quyết định số 768/QĐ-TTg. Ngoài ra, Giải pháp 1 chưa tạo điều kiện để thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về “*Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực Sông*

*Hồng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” và “có biện pháp để cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các sông Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải... Tăng nhanh tỉ lệ dân cư được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị khác, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô, đặc biệt là sông Tô Lịch”, và “xây dựng, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia để định hướng vị trí, quy mô các khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải và phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt”.*

Do các quy định pháp luật hiện hành (Luật Giá, Luật Phí và Lệ phí, Luật BVMT, Luật Tổ chức chính quyền địa phương) yêu cầu chi phí thu gom và xử lý CTR dựa trên điều kiện về tình hình kinh tế xã hội của địa phương nên dẫn đến các địa phương trong Vùng Thủ đô có GRDP thấp hơn Thủ đô không thể có mức chi phí thu gom, vận chuyển CTR nhiều như Thủ đô đang chi trả. Trong khi đó, mức chi phí thu gom, vận chuyển CTR của Thủ đô Hà Nội còn thấp hơn mức trung bình chung của các quốc gia khác (xem Bảng 25). Vấn đề này không chỉ tác động tiêu cực trực tiếp về môi trường cho Thủ đô mà còn tác động tiêu cực gián tiếp cho sự phát triển KTXH của Thủ đô. Chi phí thu gom và vận chuyển CTR áp dụng cho người dân và doanh nghiệp thấp so với chi phí thực tế mà Nhà nước phải chi trả thì Nhà nước sẽ phải bù lỗ cho các hoạt động này<sup>171</sup>.

**Bảng 25: Tổng hợp chi phí cho quản lý CTRSH (USD/tấn)**

Hoạt động	Hà Nội	Các nước thu nhập thấp	Các nước thu nhập trung bình	Các nước thu nhập trung bình cao	Các nước thu nhập cao
Thu gom và vận chuyển	6-22	25-50	30-75	50-100	90-200
Chôn lấp hợp vệ sinh	2-2,4	10-20	15-40	20-65	40-100
Chôn lấp không hợp vệ sinh	-	2-8	3-10	-	-
Sản xuất phân compost	-	5-30	10-40	20-75	35-90

*Nguồn: Tổng hợp của Nhóm chuyên gia<sup>172</sup>*

<sup>171</sup> Báo Tài nguyên và Môi trường, Giá xử lý rác mỗi nơi một kiểu, <https://baotainguyenmoitruong.vn/gia-xu-ly-rac-moi-noi-mot-kiem-294763.html>

<sup>172</sup> Kaza Silpa, Lisa Yao and Perinaz Bhada-Tata, 2018. What a Waste 2.0: Tổng quan Quản lý chất thải toàn cầu tới năm 2050. Chuyên đề Phát triển đô thị, World Bank; Quyết định 54/2016/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 31/12/2016 ban hành bảng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với CTR công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND Thành phố ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với CTR công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Quyết định số 6841/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đối với việc xử lý ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm không khí đối với Vùng Thủ đô, chỉ tính riêng giai đoạn 2017-2018 kinh phí dành cho các dự án cải tạo lưu vực sông Nhuệ - Đáy hơn 38.000 tỷ đồng. Một số chương trình, dự án xử lý nước thải, cải thiện môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy được triển khai như: Dự án thí điểm xây dựng Trạm xử lý nước thải sông Nhuệ tại 2 thôn Phú Hà và Phú Thứ - Từ Liêm với công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm; xây dựng Trạm xử lý nước thải tại một số điểm xả vào sông Nhuệ với công suất 1.500-2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Dự án “Quản lý ô nhiễm môi trường các KCN thuộc lưu vực sông Đòng Nai, sông Nhuệ - Đáy”....

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Do chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH thấp nên công nghệ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của Thủ đô và các tỉnh trong Vùng Thủ đô chưa cao, chủ yếu vẫn là chôn lấp hoặc công nghệ thấp (xem Bảng 24). Vấn đề này ảnh hưởng lớn tới môi trường và sức khỏe của người dân. Người dân sẽ phải tốn kém về chi phí cho việc bảo đảm sức khỏe của mình.

#### *a.4. Vấn đề xây dựng chuỗi đô thị thông minh cấp quốc gia*

##### Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực về kinh tế đối với chủ thể Nhà nước ở Giải pháp 1 đối với vấn đề xây dựng đô thị thông minh ở Thủ đô hay chuỗi đô thị thông minh Vùng Thủ đô là tạo ra một chuỗi đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo định hướng tại Nghị quyết 15/NQ-TW và Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Qua cuộc chiến chống đại dịch Covid-19, các giải pháp của đô thị thông minh đã giúp cho nền kinh tế đô thị và an sinh xã hội của Việt Nam nói chung và của các đô thị đã nhanh chóng phục hồi, đặc biệt là Hà Nội. Các giải pháp về liên kết, chia sẻ và tích hợp thông tin (đặc biệt là các ứng dụng phòng, chống dịch Covid và mua sắm, chăm sóc sức khỏe và thực hiện TTHC trực tuyến đã giúp cho Hà Nội kiểm soát được dịch bệnh qua những đợt bùng phát. Tuy nhiên, do việc chia sẻ dữ liệu giữa các địa phương trong Vùng Hà Nội không được liên kết nên tình trạng ngăn cản giao thông di chuyển giữa các địa phương đã xảy ra, đã tác động tiêu cực tới sự phát triển của các địa phương.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Phát triển các chuỗi đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô sẽ nâng cao chất lượng cuộc sống, như môi trường sống thoải mái, tích cực, lành mạnh và an toàn. Người dân có thể thụ hưởng các tiện ích bao gồm: sử dụng năng lượng với chi phí thấp; hệ thống giao thông công cộng tiện lợi; học sinh có thể học tại các trường học đạt chất lượng tốt; các đơn vị ứng cứu khẩn cấp phản ứng nhanh

chóng, kịp thời; không khí trong lành, nguồn nước sạch; tỷ lệ tội phạm thấp; và các hoạt động vui chơi giải trí đa dạng.

- Nâng cao hiệu quả làm việc: Người lao động được cung cấp các dịch vụ hạ tầng cơ bản để đảm bảo khả năng cạnh tranh tốt trên thương trường thế giới, bao gồm: kết nối Internet băng rộng; các nguồn năng lượng sạch, ổn định với chi phí thấp; các cơ hội để được học hành, trau dồi kỹ năng, kiến thức; chi phí cho không gian sống và làm việc vừa tầm thu nhập; và hệ thống giao thông vận tải hiệu quả.

- Đảm bảo phát triển bền vững: Thông qua công tác dự báo, ĐTTM giúp sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tiết kiệm chi phí. Nhờ đó, tiền thuế của người dân được sử dụng một cách hợp lý, cho phép nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ công. Việc sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên cũng đảm bảo lợi ích cho các thế hệ tương lai. Với mô hình quản lý hiện đại theo hướng tích hợp hướng đến ĐTTM, các đô thị có thể cung cấp cho công chúng các nguồn dữ liệu theo thời gian thực trên một nền tảng mở và đa tương thích, cho phép tích hợp các dịch vụ và tối ưu các nguồn lực của đô thị. Dữ liệu dùng chung sẽ trở thành tài sản được sử dụng để phân tích dự báo các xu hướng phát triển và tăng cường hiệu quả quy hoạch đô thị. Dữ liệu mở sẽ giúp khuyến khích các hoạt động đổi mới xuất phát từ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp cũng như từ nhu cầu nội tại của các đơn vị cung cấp dịch vụ (bao gồm các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp), qua đó, vừa giúp nâng cao chất lượng các dịch vụ, vừa góp phần tạo ra các dịch vụ và giá trị mới. Lãnh đạo đô thị cũng có thể cân đối ngân sách một cách tổng thể và linh hoạt hơn để hướng đến các giá trị kinh tế chung thay vì gói gọn trong một lĩnh vực nhất định. Mô hình này cũng cho phép thiết lập hệ thống quản trị xuyên suốt để hỗ trợ và đánh giá hiệu quả các thay đổi ở mức độ vĩ mô.

#### Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước: Phát triển các đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô sẽ cần phải có các khoản đầu tư lớn ban đầu để xây dựng cơ sở hạ tầng cho các đô thị thông minh. Nếu các địa phương tự phát triển đô thị thông minh mà không có một quy hoạch, kế hoạch thống nhất chung và thiếu sự điều phối toàn vùng thì có thể sẽ gây ra lãng phí trong hoạt động đầu tư tại các địa phương.

(ii) Người dân, doanh nghiệp: Giải pháp 1 có tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 không rõ ràng và không có thông tin.

#### *a.5. Vấn đề cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô*

#### Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực về kinh tế đối với chủ thể Nhà nước ở Giải pháp 1 đối với cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô là không rõ ràng do

việc liên kết giữa các địa phương trong vùng Thủ đô, giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng nói riêng và giữa vùng Thủ đô với vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, các vùng khác trong cả nước nói chung còn hạn chế, như: thiếu cơ quan đầu mối và cơ chế điều phối có hiệu quả, hiệu lực để phối hợp hành động, điều hoà lợi ích, giải quyết các vấn đề chung dẫn đến việc liên kết vùng Thủ đô chưa đem lại hiệu quả tương xứng cho phát triển KTXH của các địa phương thuộc vùng<sup>173</sup>.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 không rõ ràng. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô không phải là một cơ quan hành chính để ảnh hưởng trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước: Tác động tiêu cực về kinh tế đối với chủ thể Nhà nước ở Giải pháp 1 đối với cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô là đối với việc nhiều thiết chế tham gia vào cơ chế điều phối Vùng Thủ đô. Như đã phân tích trong phần Bất cập của Chính sách 9, trước khi có Nghị định số 91/2021/NĐ-CP và Quyết định số 986/QĐ-TTg, có nhiều thiết chế khác nhau để thực hiện một số hoạt động thực thi của Luật Thủ đô và các luật chuyên ngành khác, như Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Ủy ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy. Việc thành lập ra nhiều thiết chế sẽ gây tốn kém về nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ của các thiết chế.

(ii) Người dân, doanh nghiệp: Tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 không rõ ràng.

**b) Tác động về xã hội:**

*b.1. Vấn đề kế hoạch, quy hoạch Vùng Thủ đô*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Các địa phương trong Vùng Thủ đô có thể chủ động trong việc lập và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch của địa phương mình theo Giải pháp 1, căn cứ theo Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị và các luật chuyên ngành khác.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Như đã phân tích ở tác động tích cực đối với Nhà nước, Giải pháp 1 đã thúc đẩy mức tăng trưởng chung cho Thủ đô Hà Nội cao hơn các địa phương khác trong giai đoạn hiện nay. Việc liên kết giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô sẽ tác động tới 20.377.180 người dân trong Vùng (chiếm 21% dân số toàn quốc).

Việc tăng trưởng chung của Vùng Thủ đô sẽ làm giảm đi số hộ nghèo trên

<sup>173</sup> Công văn số 1444/KHĐT-THQH của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội ngày 08/04/2022 về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi).

địa bàn Thủ đô Hà Nội (xem Bảng 19- Chính sách 8) nhờ triển khai các kế hoạch, quy hoạch và biện pháp thực thi hiện nay.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội thấp hơn mục tiêu được đề ra tại Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 06/01/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020. Để đạt được mục tiêu GRDP bình quân đầu người vào năm 2026-2030 là 12.000-13.000 USD tại Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô thì Thủ đô Hà Nội cần phải có các giải pháp khác, bên cạnh Giải pháp 1.

Nếu các quy hoạch của Thủ đô với các địa phương khác trong Vùng Thủ đô không có được sự thống nhất, đồng bộ và liên kết thì sẽ gây nhiều tác động tiêu cực về phát triển xã hội, như các mục tiêu phát triển đô thị ở ngoại ô Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô để kéo giãn dân cư ra khỏi các đô thị trung tâm của Thủ đô và giảm khoảng cách chênh lệch về phát triển kinh tế xã hội giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương khác trong vùng.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Như đã phân tích ở tác động tiêu cực đối với Nhà nước, Giải pháp 1 chưa thực hiện được mục tiêu của Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 06/01/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020 về GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội. Ngoài ra, nếu tiếp tục Giải pháp này, Thủ đô Hà Nội sẽ khó đạt được mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 15-NQ/TW đối với GRDP bình quân đầu người các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và đến 2045. Đồng thời, Thủ đô Hà Nội khó khăn trong việc hỗ trợ, thúc đẩy các địa phương trong Vùng Thủ đô phát triển.

*b.2. Vấn đề đầu tư trong Vùng Thủ đô*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Giải pháp 1 không có tác động tích cực rõ ràng vì Thủ đô Hà Nội không thể đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội vào các địa phương trong Vùng Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tích cực về xã hội đối với người dân và doanh nghiệp ở Giải pháp 1 là Thủ đô Hà Nội và các địa phương sẽ chú trọng đầu tư chủ yếu vào địa phương mình nên các địa phương có mức tăng trưởng khác nhau. Thủ đô Hà Nội và Bắc Ninh có GRDP cao hơn các địa phương khác trong giai đoạn hiện nay, số hộ nghèo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội giảm một cách rõ rệt (xem Chính sách 8).



Tác động tiêu cực:

## (i) Nhà nước:

Như đã phân tích, pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư công 2014, Luật Ngân sách nhà nước 2015) chưa tạo điều kiện thuận lợi để một địa phương có thể sử dụng ngân sách đầu tư sang địa phương khác để thúc đẩy các hoạt động phát triển chung giữa các địa phương hay của Vùng Thủ đô, từng bước xoá bỏ khoảng cách về thu nhập, đời sống kinh tế xã hội giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô.

## (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Do Giải pháp 1 chưa tạo điều kiện cho các địa phương được đầu tư vào các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội sang địa phương khác nên chưa giảm được khoảng cách phát triển giữa các địa phương, đặc biệt là nâng cao được điều kiện sống và khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ. thuật và xã hội tốt hơn cho người dân ở các tỉnh khác trong Vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

*b.3. Vấn đề môi trường Vùng Thủ đô*Tác động tích cực:

## (i) Nhà nước:

Như đã phân tích ở Tác động kinh tế, các địa phương trong Vùng Thủ đô có tỷ lệ thu gom CTR đô thị đạt tỷ lệ cao. Chi phí thu gom và xử lý CTR theo Giải pháp 1 sẽ do các địa phương chủ động quyết định. Chi phí thu gom và xử lý CTRSH của Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô vẫn đang duy trì ở mức thấp hơn mức bình quân của các nước thu nhập trung bình (xem Bảng 25).

## (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tương tự như tác động đối với chủ thể Nhà nước, mức phí thu gom và xử lý CTR ở Thủ đô và tỉnh trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng thấp sẽ có lợi trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp.

Người dân, doanh nghiệp đang có thu nhập từ hoạt động phân loại và tái chế CTR tiếp tục được hưởng lợi từ các chính sách và quy định hiện hành.

Tác động tiêu cực:

## (i) Nhà nước:

Chi phí thu gom và xử lý CTR ở Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô thấp dẫn đến ngân sách của các địa phương phải bù lỗ cho các hoạt động này<sup>174</sup> và không khuyến khích công tác xã hội hoá (thu hút khu vực tư nhân) đối với hoạt động này để có thể nâng cao năng lực thu gom và xử lý CRT bảo đảm tốt hơn môi trường.

<sup>174</sup> Báo Tài nguyên và Môi trường, Giá xử lý rác mỗi nơi một kiểu, <https://baotainguyenmoitruong.vn/gia-xu-ly-rac-moi-noi-mot-kieu-294763.html>

Việc thiếu ngân sách để bố trí cho hoạt động thu gom, xử lý rác thải, cải thiện ô nhiễm không khí tại Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong Vùng Thủ đô sẽ tác động tiêu cực tới sức khỏe chung của người dân sinh sống trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, và vùng Đồng bằng Sông Hồng. Vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp và tạo áp lực tới hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe trên địa bàn Vùng Thủ đô.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Do chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH thấp nên công nghệ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của Thủ đô và các tỉnh trong Vùng Thủ đô chưa cao ở Giải pháp 1 nên chưa tạo cơ chế đột phá để thu hút hoạt động đầu tư cho các giải pháp xử lý CTRSH hiện đại, công nghệ xử lý CTR hiện nay chủ yếu vẫn là chôn lấp hoặc công nghệ thấp (xem Bảng 24). Vấn đề này ảnh hưởng lớn tới môi trường và sức khỏe của người dân tại Thủ đô Hà Nội nói riêng mà còn cho người dân ở trong Vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng. Người dân sẽ phải tốn kém về chi phí cho việc bảo đảm sức khỏe của mình.

#### *b.4. Vấn đề xây dựng chuỗi đô thị thông minh cấp quốc gia*

##### Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Trong liên kết vùng, từng đô thị được quy hoạch không gian đô thị thông minh thông qua việc bố trí không gian đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai với hệ thống không gian mở gồm các vùng xanh tự nhiên, các không gian mặt nước, các khu vực thấp trũng thoát nước tự nhiên, các khu vực có nguy cơ chịu lũ quét, nước biển dâng...; phân khu chức năng đô thị, quy hoạch sử dụng đất theo từng khu vực; phát triển mạng lưới công trình hạ tầng có quy mô và chất lượng nhằm kết nối các khu vực chức năng. Phát triển không gian đô thị, lựa chọn kiểu dáng, hình khối công trình tiết kiệm năng lượng đồng thời tạo ra hình ảnh đặc trưng của đô thị phù hợp với môi trường tự nhiên. Phát triển hạ tầng kỹ thuật cho đô thị thông minh thông qua các giải pháp về giao thông thông minh; cấp thoát nước thông minh, đảm bảo khả năng kiểm soát, xử lý ô nhiễm và an toàn chất lượng; phát triển năng lượng sạch, chiếu sáng đô thị thông minh; hệ thống thu gom và xử lý rác thải đô thị thông minh...

Phát triển đô thị thông minh sẽ là quá trình chuyển đổi mô hình đô thị từ phát triển dựa trên nguyên liệu hóa thạch, phát thải cao sang mô hình đô thị phát thải thấp với việc nén đô thị, tái cấu trúc đô thị sang hướng sử dụng, sản xuất năng lượng tái tạo trong giao thông đô thị và các dự án phát triển đô thị mới, tái thiết đô thị, phát triển giao thông công cộng... Các hệ thống quản lý điều hành giao thông thông minh, hệ thống quản lý năng lượng thông minh, quản lý chiếu sáng thông minh... trở thành các công cụ cho mục đích phát triển và quản lý phát triển.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Các đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô sẽ giúp cho người dân được hưởng lợi từ các dịch vụ công của Nhà nước từ các đô thị thông minh tại địa phương, như dễ dàng trong việc giao tiếp với cơ quan nhà nước, tiếp cận các dịch vụ công nhanh chóng. Các dịch vụ công có thể được cá nhân hóa cho từng người dân. Người dân có thể vừa đóng góp vừa truy cập vào dữ liệu của đô thị theo thời gian thực, và xây dựng các ứng dụng sử dụng dữ liệu.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Như đã nêu ở phần Bất cập của chính sách, Giải pháp 1 chưa tạo ra cơ sở pháp lý để các hoạt động liên kết trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng có thể hiệu quả và thống nhất từ khâu lập quy hoạch đến khâu thực hiện quy hoạch về phát triển đô thị thông minh. Đặc biệt, hoạt động lập quy hoạch rất cần sự chia sẻ dữ liệu của các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Giải pháp 1 chưa khuyến khích việc chia sẻ dữ liệu và TTHC giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để người dân, doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin cũng như thực hiện TTHC.

*b.5. Vấn đề cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Tác động tích cực về xã hội đối với chủ thể Nhà nước ở Giải pháp 1 đối với cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô là không rõ ràng do việc liên kết giữa các địa phương trong vùng Thủ đô nói chung còn hạn chế và Nghị định số 91/2021/NĐ-CP và Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ mới có hiệu lực.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Hoạt động liên kết vùng không chỉ thúc đẩy phát triển về kinh tế giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng mà còn thúc đẩy phát triển văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, du lịch, việc làm và các chính sách an sinh xã hội, phát triển bao trùm bền vững cho toàn 3 vùng này. Người dân và doanh nghiệp trong vùng Thủ đô sẽ được hưởng lợi từ chính sách này (xem thêm các phân tích ở các Chính sách 4, 5, 6, 7 và 8).

Trước khi có Nghị định số 91/2021/NĐ-CP và Quyết định 986/QĐ-TTg về hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô, tác động tích cực về xã hội đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 chưa rõ ràng do các văn bản này chưa có nhiều thời gian thực thi trên thực tế để đánh giá.

Tác động tiêu cực:

## (i) Nhà nước:

Như đã phân tích trong phần Bất cập của Chính sách 9, trước khi có Nghị định số 91/2021/NĐ-CP và Quyết định số 986/QĐ-TTg, tác động tiêu cực về xã hội đối Nhà nước ở Giải pháp 1 này là có nhiều thiết chế khác nhau của Nhà nước để thực hiện một số hoạt động thực thi của Luật Thủ đô và các luật chuyên ngành khác như đã phân tích ở trên.

## (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tiêu cực về xã hội đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 1 đối với cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô bao gồm: các kế hoạch, quy hoạch không được đồng bộ, thống nhất và kém thực thi do thiếu một Hội đồng điều phối Vùng nên ảnh hưởng tới đời sống của người dân, doanh nghiệp.

**c) Tác động về giới**

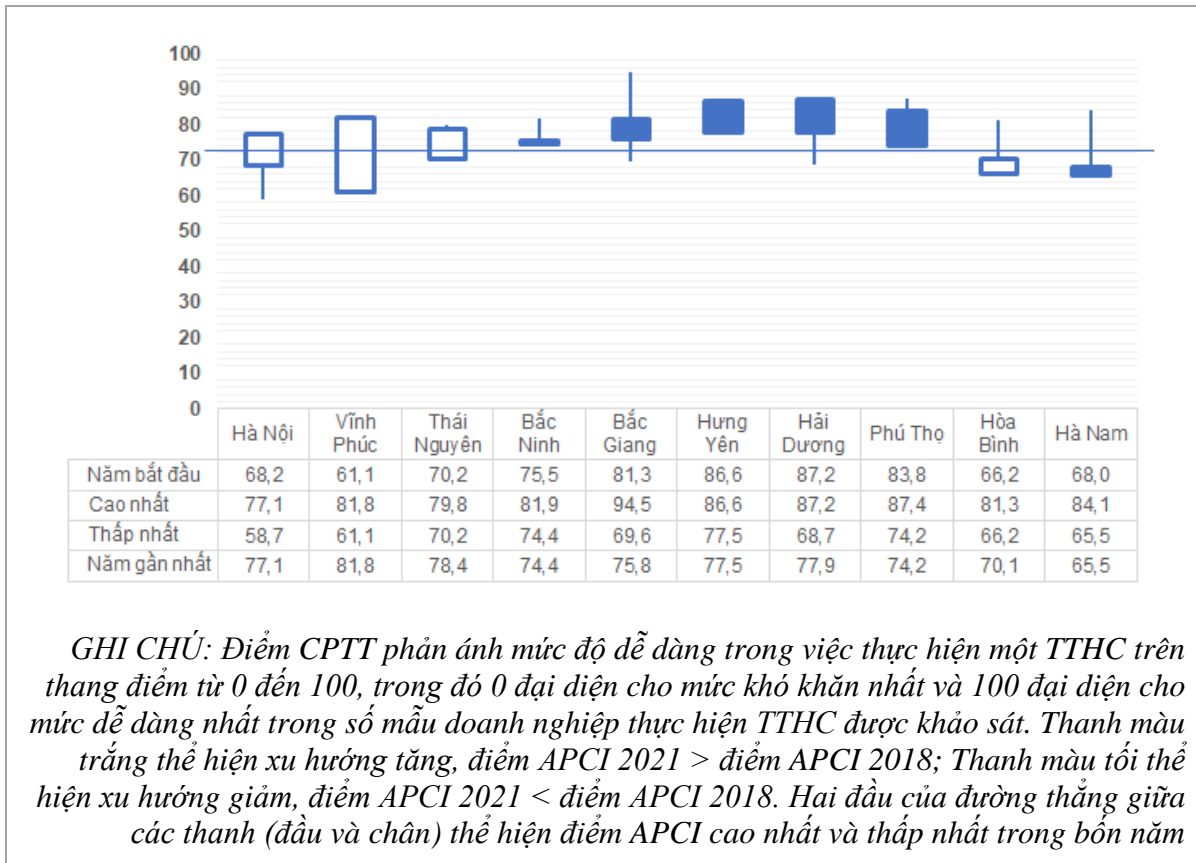
Tác động tích cực: Các vấn đề về kế hoạch, quy hoạch, đầu tư, môi trường Vùng Thủ đô và vấn đề cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô sẽ có một số tác động tích cực về giới, như bảo đảm tốt hơn khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của phụ nữ và trẻ em gái ở trong Vùng Thủ đô (khoảng 10.260.740 người chiếm hơn 50% dân số Vùng Thủ đô). Việc xây dựng các tuyến đường Vành đai 4 và Vành đai 5 sẽ kết nối văn hoá xã hội giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô. Các tuyến đường giao thông thuận lợi không chỉ thúc đẩy cho việc phát triển kinh tế mà còn giúp tạo điều kiện đời sống cho người dân nói chung và việc phát triển về việc làm, đời sống xã hội cho nữ giới.

Tác động tiêu cực: Giải pháp 1 chưa thúc đẩy mạnh mẽ việc liên kết phát triển giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô để bảo đảm các tác động tích cực về giới sẽ được phát huy nhanh chóng đối với phụ nữ và trẻ em gái.

**d) Tác động về thủ tục hành chính**

Giải pháp 1 không làm phát sinh TTHC. Tuy nhiên, những yếu tố tác động tới chi phí tuân thủ TTHC ở Giải pháp 1 của các địa phương trong Vùng Thủ đô.

**Hình 8: Mức độ cải thiện về chi phí tuân thủ TTHC của các tỉnh/thành phố thuộc Vùng Thủ đô**



Nguồn: Khảo sát APCI 2018-2021

Theo Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC 2021 (APCI 2021) của Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ, các địa phương trong các vùng KTTĐ hoặc vùng lân cận (như vùng Thủ đô<sup>175</sup>) có thể hợp tác với nhau trong việc liên thông thực hiện TTHC, chia sẻ dữ liệu thông tin theo mô hình đô thị thông minh để có thể hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp trong vùng, nhờ đó có thể thúc đẩy việc phát triển kinh tế. Hình 10 thể hiện điểm số và xu hướng cải thiện của 10 địa phương thuộc vùng Thủ đô qua các năm cho thấy các tỉnh trong Vùng Thủ đô đều có những cải thiện đáng kể về xử lý TTHC để giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp kể từ năm 2018 (năm bắt đầu đánh giá chi phí tuân thủ TTHC của Báo cáo APCI). Theo đánh giá của Báo cáo APCI 2021, các tỉnh thuộc vùng Thủ đô có điểm số cải thiện chi phí tuân thủ khá gần nhau ở mức độ cao nên có thể cân nhắc về việc triển khai hợp tác kiểu mẫu về giải quyết TTHC cho các vùng KTTĐ khác. Trong thời gian tới, xu hướng đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng (như giao thông đường bộ, đường sắt kết nối các địa phương, hoặc đường dây truyền tải điện qua nhiều địa phương, nhà máy xử lý rác thải...) giữa các địa phương xuất hiện. Các địa phương có thể liên kết để cấp phép cho một hoặc một chuỗi các dự án thay vì phải thực hiện các TTHC để xin phép ở cấp Chính phủ.

<sup>175</sup> Bao gồm các tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Hoà Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên theo Nghị định 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô.

### e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

#### i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:

Giải pháp này phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, do vậy không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

#### (ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Giải pháp 1 giữ nguyên trạng các chính sách hiện tại đã được thực thi kể từ ngày Luật Thủ đô năm 2012 có hiệu lực (ngày 01/7/2013), do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tuy nhiên cần lưu ý các điểm sau:

- Việc thực thi Luật Thủ đô 2012 đối với Vùng Thủ đô còn có nhiều thiết chế tham gia điều phối, như Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô theo Nghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định 986/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Ủy ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy. Việc thành lập ra nhiều thiết chế sẽ gây tốn kém về nguồn lực, chông chéo hoặc có khoảng trống về thực thi nhiệm vụ, công tác phối hợp giữa các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên vùng, liên tỉnh chưa đồng bộ, thiếu nguồn lực, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra...<sup>176</sup>

- Pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư công 2014, Luật Ngân sách nhà nước 2015, Luật Thủ đô 2012) chưa tạo điều kiện thuận lợi để một địa phương có thể sử dụng ngân sách đầu tư sang địa phương khác để thúc đẩy các hoạt động phát triển chung giữa các địa phương hay của Vùng Thủ đô, như đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dẫn đến việc chống biến đổi khí hậu cũng gặp khó khăn, điển hình là việc chậm triển khai quy hoạch phòng, chống lũ trên sông Hồng, giảm thiểu ô nhiễm trên sông Nhuệ - sông Đáy.

#### (iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:

Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, do vậy không tác động đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

Giải pháp 1 tiếp tục thực hiện các quy định của Luật Thủ đô 2012 về quy hoạch, đầu tư và cơ chế phối hợp (Điều 8, Điều 19 và Điều 23). Giải pháp 1 bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, bảo đảm khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nói chung. Các quy định hiện hành cũng bảo đảm khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### 9.4.2. Giải pháp 2: (1) Quy định mở rộng chức năng và tăng thẩm quyền

<sup>176</sup> Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018: Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông, trang 91; Báo Hà Nội mới, Cần cơ chế đặc thù BVMT sông Nhuệ - Đáy, 2020, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Khoa-hoc/987024/can-co-che-C2%A0dac-thu-bao-ve-moi-truong-song-nhue---day>.

của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của vùng Thủ đô. (2) Tiếp thu, luật hóa một số nội dung của Nghị định số 91/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô.

Để thực hiện giải pháp này, Luật Thủ đô cần quy định thẩm quyền trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của Vùng Thủ đô về môi trường, kinh tế, văn hoá - xã hội, phát triển hạ tầng Vùng Thủ đô.

### **a) Tác động về kinh tế:**

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước:

Mở rộng chức và tăng thẩm quyền cho của Hội đồng điều phối Vùng sẽ góp phần để Thủ đô Hà Nội thực hiện thành công mục tiêu GRDP bình quân đầu người của Thủ đô Hà Nội 7.100-7.500USD/năm được đề ra tại Nghị quyết 11-NQ/TW vào giai đoạn 2021-2025, và 12.000 - 13.000 USD tại giai đoạn 2026-2030, trên 36.000 USD đến 2045 theo Nghị quyết 15-NQ/TW về phát triển Thủ đô. Đồng thời, Giải pháp 2 sẽ giúp cho việc thực hiện mục tiêu “*Thủ đô Hà Nội là Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”*; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước”. Giải pháp này không chỉ tạo điều kiện để Thủ đô Hà Nội đạt được mục tiêu của riêng Hà Nội mà còn thúc đẩy các địa phương trong vùng Thủ đô có mức tăng trưởng tốt hơn khi liên kết.

Giải pháp 2 sẽ nâng cao hiệu quả của Hội đồng điều phối Vùng thông qua thiết chế Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng đặt tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, hoạt động có tính thường xuyên và phối hợp với các Tổ giúp việc điều phối cấp Bộ và cấp địa phương theo sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Thủ đô - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Thiết chế này sẽ dựa trên các nguồn lực sẵn có của Thủ đô để hỗ trợ cho công tác hoạt động của Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng nói riêng và Hội đồng điều phối Vùng nói chung. Như vậy, các nội dung hợp tác, liên kết phát triển sẽ được thúc đẩy để toàn Vùng Thủ đô phát triển vượt trội.

Giải pháp 2 sẽ hạn chế được chồng chéo về nhiệm vụ của các thiết chế thực thi Luật Thủ đô 2012, như Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô, Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Ủy ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy... Toàn bộ hoạt động thực thi Luật Thủ đô với các công tác trong Vùng Thủ đô sẽ còn thực hiện thông qua Hội đồng điều phối Vùng. Như vậy, Giải pháp 2 sẽ tiết kiệm được nguồn chi ngân sách cho hoạt động của các thiết chế ở Giải pháp 1 và tiết kiệm được thời gian làm việc và nguồn lực.

Việc củng cố cơ chế liên kết Vùng Thủ đô với thiết chế Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô đặt tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, hoạt

động có tính thường xuyên và phối hợp với các Tổ giúp việc điều phối cấp Bộ và cấp địa phương theo sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Thủ đô - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sẽ hình thành một thiết chế đầu mối và cơ chế điều phối có hiệu quả, hiệu lực để phối hợp hành động, điều hoà lợi ích, giải quyết các vấn đề chung của hoạt động liên kết Vùng Thủ đô và đem lại hiệu quả tương xứng cho phát triển KTXH của các địa phương thuộc Vùng.

Nâng cao hiệu quả của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô sẽ tác động tới việc chia sẻ dữ liệu giữa các địa phương để xây dựng và phát triển thành công đô thị thông minh của địa phương mình một cách có chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm được chi phí đầu tư cho Nhà nước.

Liên kết vùng trong xây dựng đô thị thông minh bao gồm các hoạt động liên kết về không gian (như giao thông, quản lý lưu vực các dòng sông, quản lý CTR, ô nhiễm không khí, dòng thông tin...) và liên kết giữa các lĩnh vực (chẳng hạn sản xuất nông nghiệp và dịch vụ, xây dựng và môi trường...). Việc liên kết này sẽ giúp các địa phương trong Vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có thể cùng sử dụng một cách hợp lý các nguồn lực phát triển hướng tới sự phân bổ lợi ích hợp lý và cùng chia sẻ rủi ro, đảm bảo hiệu quả KTXH cao và phát triển bền vững.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô sẽ tác động tới sự phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và xã hội của Vùng Thủ đô, tạo điều kiện thuận lợi cho các đô thị tiếp tục phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực xung quanh về kinh tế, văn hoá-xã hội; phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn, bảo đảm quốc phòng - an ninh; thu hút đầu tư vào Vùng Thủ đô, nâng cao năng lực cạnh tranh của các địa phương trong Vùng Thủ đô và thúc đẩy mạnh mẽ phát triển liên kết Vùng Thủ đô để phát huy vai trò động lực tăng trưởng của Vùng và tạo ra vùng động lực tăng trưởng mới, cực tăng trưởng mới theo Nghị quyết số 16/2021/QH15 của Quốc hội về phát triển kế hoạch KTXH 5 năm 2021-2025. Hoàn thành tuyến đường Vành đai 4 và Vành đai 5 sớm sẽ thúc đẩy các hoạt động kinh tế và du lịch của toàn Vùng Thủ đô và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, kết nối các khu du lịch quốc gia trong các vùng. Việc hợp tác liên kết vùng sẽ thúc đẩy các mô hình mô hình hợp tác du lịch vùng, như du lịch nội đô lịch sử Hà Nội và các đô thị trung tâm (bao gồm du lịch văn hoá, di sản, ẩm thực, mua sắm), cụm du lịch ven đô (du lịch MICE<sup>177</sup>, thể thao, giải trí), du lịch vùng ngoại thành (du lịch nghỉ dưỡng, du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, trải nghiệm, học đường). Theo tính toán tại Quyết định 1355/QĐ-TTg ngày 14/08/2015, đến 2025 các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ sẽ đón khoảng 9 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ

<sup>177</sup> Du lịch MICE là thuật ngữ du lịch được viết tắt M (Meeting/hội họp), I (Incentive/khen thưởng), C (Convention/hội thảo, hội nghị) và E (Exhibition/triển lãm).



hơn 26 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu nhập từ du lịch đạt xấp xỉ 170 nghìn tỷ đồng; tạo được khoảng 350 nghìn lao động trực tiếp; cơ sở lưu trú khoảng 170 nghìn buồng<sup>178</sup>. Tổng hợp cả hai vùng, các tác động tích cực về kinh tế lớn hơn nhiều<sup>179</sup>.

Giải pháp 2 sẽ giúp cho công tác quy hoạch xây dựng đô thị được dựa trên các nền tảng công nghệ và hệ cơ sở dữ liệu lớn từ các địa phương trong Vùng Thủ đô để các ứng dụng cho quản lý đô thị trên nền tảng thiết bị thông minh có thể cùng truy cập và sử dụng nguồn cơ sở dữ liệu này. Các thiết kế quy hoạch được ứng dụng hệ thống tin địa lý GIS và kết hợp số hóa để đưa sản phẩm lên trên nền tảng internet sẽ giúp cho việc triển khai quy hoạch, xây dựng và quản lý quy hoạch, xây dựng ở các giai đoạn tiếp theo được hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Đặc biệt, Giải pháp 2 sẽ giúp cho Hà Nội và các địa phương trong vùng Thủ đô, Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ hợp tác “*phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng đầu của cả nước. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số. Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học - công nghệ quốc gia và của vùng. Tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ ở một số lĩnh vực có thể mạnh đạt trình độ quốc tế*” và “*xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng, phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam..., trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học; Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, tự động hoá, công nghệ sinh học*” theo các mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết 30/NQ-TW về Phương hướng phát triển KTXH, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh ở Vùng đồng bằng sông Hồng.

Giải pháp 2 sẽ giúp cho việc hiện thực hoá yêu cầu Nghị quyết 15/NQ-TW và Nghị quyết 30/NQ-TW về phát triển Hà Nội là đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Việc hợp tác vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng phát triển sẽ tạo nhiều cơ hội việc làm, thu nhập tăng thêm cho

<sup>178</sup> Quyết định 1355/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/08/2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>179</sup> Các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gồm 7 tỉnh: Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương và Quảng Ninh.

người dân. Đặc biệt, công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển được tốt sẽ giúp thúc đẩy cho hoạt động liên kết giữa các địa phương trong Vùng được hiệu quả, đặc biệt trong phát triển kinh tế và tạo lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

Doanh nghiệp ở các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sẽ có cơ hội về tiếp nhận đầu tư, hợp tác đầu tư và thực hiện các hoạt động kinh doanh khi các quy hoạch, kế hoạch của địa phương được đồng bộ với các quy hoạch vùng và quy hoạch của Thủ đô Hà Nội và việc triển khai có hiệu quả của các quy hoạch này.

Doanh nghiệp tại các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng có cơ hội tiếp cận với tiềm lực KHCN và vốn đầu tư của Thủ đô Hà Nội vào các địa phương.

Người dân, doanh nghiệp trong Vùng Thủ đô sẽ được hưởng lợi về chi phí, thời gian và tình trạng quản lý được ô nhiễm môi trường khi áp dụng khi hoạt động liên kết đô thị thông minh trong Vùng Thủ đô trở thành hiện thực. Đồng thời, người dân, doanh nghiệp tại các địa phương trong Vùng Thủ đô được hưởng các ưu thế về giao thông vận tải khi các tuyến đường vành đai 4 và Vành đai 5 của Thủ đô Hà Nội được hoàn thành. Đồng thời các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, và vùng Đồng bằng Sông Hồng hợp tác xây dựng các tuyến đường liên tỉnh, đường cao tốc quốc gia... để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của Vùng.

Giải pháp 2 sẽ tăng cường liên kết vùng sẽ thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực lao động chính thức phi nông nghiệp, góp phần nâng cao vốn con người cũng như năng suất lao động trong 03 vùng.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

Giải pháp 2 cần phải lưu ý tới khả năng Hội đồng điều phối Vùng trở thành một cấp quản lý nhà nước và có thể làm chậm tiến độ xử lý các dự án, các hoạt động phát triển kinh tế trong Vùng và làm gia tăng chi phí tuân thủ pháp luật cho các cơ quan nhà nước trong vùng Thủ đô.

Nếu năng lực quản lý nhà nước của Hội đồng điều phối Vùng không tốt thì sẽ làm ảnh hưởng đến định hướng phát triển kinh tế, hiệu quả hoạt động kinh tế của từng địa phương và cả vùng Thủ đô.

Nếu vai trò và trách nhiệm của Thủ đô Hà Nội và các tỉnh không rõ ràng trong Hội đồng Vùng, Thủ đô Hà Nội sẽ không phát huy được vai trò là đầu tàu kinh tế của khu vực phía Bắc, không hỗ trợ và phối hợp hiệu quả trong phát triển kinh tế với các địa phương trong Vùng Thủ đô và các địa phương không thực hiện tốt trách nhiệm tham gia vào sự phát triển chung của toàn vùng.

## (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp 2 chỉ xuất hiện nếu các quy hoạch kế hoạch trong vùng bị chậm phê duyệt (thẩm quyền phê duyệt là các cơ quan ở trung ương) để thực hiện thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của doanh nghiệp trong Vùng Thủ đô, đặc biệt là các dự án đầu tư giữa có tác động tới môi trường, các dự án giao thông hoặc truyền tải điện liên tỉnh..

**b) Tác động về xã hội:**Tác động tích cực:

## (i) Nhà nước:

Các tác động tích cực về xã hội của cơ chế liên kết vùng của Giải pháp 1 vẫn duy trì ở Giải pháp 2.

Giải pháp 2 củng cố cơ chế liên kết Vùng Thủ đô với thiết chế Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng đặt tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, hoạt động có tính thường xuyên và phối hợp với các Tổ giúp việc điều phối cấp Bộ và cấp địa phương theo sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Thủ đô - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Thiết chế này sẽ dựa trên các nguồn lực sẵn có của Thủ đô để hỗ trợ cho công tác hoạt động của Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng nói riêng và Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô nói chung. Khi có sự tham gia hỗ trợ, chủ động của Thủ đô Hà Nội đối với hoạt động Hội đồng điều phối Vùng thì các nhu cầu cũng như việc triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối liên tỉnh, đường vành đai 4 và vành đai 5, xây dựng các khu xử lý nước thải và xử lý CTR đạt tiêu chuẩn, các công trình y tế, giáo dục... sẽ nhanh chóng hơn, góp phần phát triển kinh tế xã hội của toàn Vùng, đạt được các mục tiêu phát triển, như đã phân tích tại Chính sách 6 và Chính sách 8.

Ngoài ra, việc Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô đặt tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sẽ giúp cho việc điều hành, quản trị các đô thị thông minh nói riêng và các địa phương trong Vùng Thủ đô được hiện thực và hiệu quả. Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng sẽ thực hiện thêm chức năng điều hành, quản trị các đô thị thông minh trong toàn Vùng Thủ đô, như điều hành giao thông, quản trị ô nhiễm môi trường, quản lý chất lượng thực phẩm, chia sẻ dữ liệu...

Giải pháp 2 sẽ thúc đẩy sự phát triển của vùng Thủ đô là trung tâm chính trị-hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; có ý nghĩa quốc tế quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Giải pháp 2 sẽ làm gia tăng tốc độ đô thị hoá của toàn vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng, giúp cho việc giãn dân ở đô thị trung tâm của Thủ đô Hà Nội, giảm áp lực về dân số cho Thủ đô Hà Nội. Chất lượng phát triển đô thị và nông thôn của các tỉnh vùng Thủ đô sẽ được thay

đổi nhanh chóng theo hướng xanh, văn minh, hiện đại hơn; bảo đảm việc thực hiện thành công và hiệu quả Quy hoạch chung của vùng Thủ đô theo Quyết định số 768/QĐ-TTg, Nghị quyết số 15/NQ-TW và Nghị quyết số 30/NQ-TW. Vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng sẽ là “*trung tâm của cả nước trong đào tạo nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao*”. Các vùng này sẽ là vùng có môi trường sống và môi trường cảnh quan phong phú, giàu tính văn hoá - xã hội, mang đậm đà bản sắc dân tộc với xu hướng phát triển hiện đại.

Giải pháp 2 cũng sẽ nâng cao hiệu quả của công tác BVMT Vùng Thủ đô như: ô nhiễm các dòng sông (Hồng, Đuống, Nhuệ, Đáy..), ô nhiễm môi trường không khí và xử lý CRT trong Vùng.

Giải pháp 2 sẽ là cơ sở để thực hiện thành công và hiệu quả Quy hoạch chung của vùng Thủ đô theo Quyết định 768/QĐ-TTg trong đó có các định hướng về bảo tồn các vùng đặc trưng về địa lý và văn hoá lịch sử, di sản được UNESCO công nhận, và di sản là thương hiệu của Vùng<sup>180</sup>, mạng lưới y tế chuyên sâu, chất lượng cao và là trung tâm đào tạo lớn nhất cả nước và hội nhập quốc tế; hệ thống các công trình văn hoá, thể dục thể thao hiện đại và phân bố toàn Vùng.

Giải pháp 2 sẽ giúp cho các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng xây dựng các quy hoạch, kế hoạch theo hướng phát huy thế mạnh của từng địa phương và giúp cho các địa phương được tập trung nguồn lực phát triển thế mạnh.

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Người dân ở trong Vùng Thủ đô được thụ hưởng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hiện đại và đồng bộ khi hoạt động liên kết vùng được diễn ra nhanh và mạnh mẽ, như tăng số giường bệnh tại các tỉnh trong Vùng Thủ đô thay vì chỉ tập trung tại Thủ đô Hà Nội (xem Bảng 22). Chính sách liên kết vùng sẽ rút ngắn khoảng cách trong việc tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của người dân ở các địa phương khác nhau trong cả 03 vùng.

Giải pháp 2 sẽ nâng cao chất lượng công tác BVMT để nâng cao chất lượng môi trường cho 03 vùng cả và của Thủ đô Hà Nội. Người dân trong cả 03 vùng tăng cường sức khỏe, gia tăng tuổi thọ.

Việc xây dựng các tuyến đường Vành đai 4 và Vành đai 5 sẽ kết nối văn hoá xã hội giữa các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

<sup>180</sup> Các di sản tài nguyên và môi trường, Giá xử lý rác mỗi nơi một kiểu, <https://baotai16-2020>, Nhà xuất bản Dân Trí, 2021, trang 2, Hà Nội di sản nguyên và môi trường, Từ Giám, Mộc bản Chùa Vĩnh Nghiêm), di sản phi vật thể (Dân ca quan họ Bắc Ninh và Bắc Giang, Hát ca trù, Hội Gióng, Hát Xoan, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương).

Tốc độ đô thị hoá nhanh của các địa phương có thể sẽ ảnh hưởng đến việc gìn giữ một số nét văn hoá lâu đời của vùng nông thôn Bắc Bộ trong vùng Thủ đô, Vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng nói riêng. Đồng thời, Có thể xảy ra những vấn đề như tệ nạn xã hội, mất an ninh trật tự nếu hiện tượng đô thị hoá xảy ra nhanh. Tuy nhiên, tác động tiêu cực của đô thị hoá là vấn đề chung, không chỉ riêng đối với việc áp dụng Giải pháp 2. Ngoài ra, các Chính sách 6 và Chính sách 8 sẽ hạn chế các tác động tiêu cực của vấn đề này.

**(ii) Người dân, doanh nghiệp**

Tác động tiêu cực về xã hội của Giải pháp 2 là những tác động tiêu cực của vấn đề đô thị hoá nhanh đem lại, như chuyển đổi việc làm, tệ nạn xã hội và phân hoá giàu nghèo.

**c) Tác động về giới:**

Tác động tích cực:

Tương tự như Giải pháp 1, cơ chế liên kết Vùng Thủ đô sẽ bảo đảm tốt hơn khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của phụ nữ và trẻ em gái ở trong Vùng Thủ đô và việc phát triển về việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cho nữ giới (10.260.740 người chiếm hơn 50% dân số Vùng Thủ đô).

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về giới của Giải pháp 2 là những tác động tiêu cực của vấn đề đô thị hoá nhanh đem lại, như chuyển đổi việc làm, tệ nạn xã hội và phân hoá giàu nghèo ảnh hưởng tới nữ giới.

**d) Tác động về thủ tục hành chính:**

Tương tự như Giải pháp 1, Giải pháp 2 không làm phát sinh TTHC mới. Trong trường hợp mỗi liên kết giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô tốt thì có thể áp dụng thực hiện mục tiêu đổi mới công tác thực hiện một cửa, một cửa liên thông giữa các địa phương mà không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo nội dung của Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Như đã phân tích ở Giải pháp 1, sự phối hợp giữa các địa phương trong Vùng Thủ đô về giải quyết TTHC sẽ giúp cho việc giảm chi phí tuân thủ TTHC nói riêng, chi phí tuân thủ pháp luật nói chung của người dân và doanh nghiệp trong Vùng. Các địa phương trong Vùng Thủ đô có nhiều lợi thế để áp dụng giải pháp này.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

**(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:**

Giải pháp này phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, do vậy không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Giải pháp này tác động đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan nhà nước và công chức của các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô. Lý do: Giải pháp này bao gồm các chính sách mới cần phải được thực hiện ngay sau khi được ban hành. Để thực hiện hoạt động liên kết, điều phối hoạt động của Vùng Thủ đô một cách hiệu quả sẽ phải cần thêm đội ngũ cán bộ giỏi, trong khi đó, trình độ cán bộ tại cấp cơ sở của các khu vực trong Vùng nhìn chung còn hạn chế.

(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:

Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, do vậy không tác động đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

*9.4.3. Giải pháp 3:* Gồm Giải pháp 2 và các nội dung sau: (1) Giao thẩm quyền cho Hà Nội trong việc chủ trì điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (2) Thành phố được huy động các nguồn lực, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

#### **a) Tác động về kinh tế:**

##### Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Giải pháp 3 giao thẩm quyền cho Hà Nội (địa phương có tiềm lực kinh tế hàng đầu cả nước) chủ trì huy động nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ). Để thực hiện chủ động và có hiệu quả Giải pháp này, Chính quyền thành phố Hà Nội được chủ động phê duyệt các dự án đầu tư công đó, giảm thời gian phê duyệt dự án của các cơ quan nhà nước.

Giải pháp 3 cũng giao thẩm quyền cho Hà Nội điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Giải pháp này sẽ tác động tích cực tới chất lượng công tác lập và thực hiện các quy hoạch vùng do Thủ đô Hà Nội sẽ huy động tiềm lực về KHCN, kinh tế để hỗ trợ triển khai các nội dung trong các quy hoạch của Vùng Thủ đô nói chung và các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh nói riêng. Giải pháp 3 cũng sẽ giảm được thời gian phê duyệt của các cơ quan trung ương đối với các quy hoạch vùng Thủ

đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Việc triển khai nhanh và hiệu quả các dự án đầu tư công (như dự án xử lý môi trường, dự án giao thông đường bộ, truyền tải điện...) sẽ giúp cho hoạt động kinh tế trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ được phát triển mạnh mẽ hơn. Giải pháp 3 sẽ khắc phục tình trạng không thực thi hoặc thực thi không triệt để Quy hoạch chung Vùng Thủ đô theo Quyết định 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như đang diễn ra ở Giải pháp 1.

Giải pháp 3 nhằm thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của cả 03 vùng: vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết 30/NQ-TW. Giải pháp 3 góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình gắn với phát triển kinh tế biển, liên kết chặt chẽ thông qua vành đai kinh tế ven biển. Giải pháp này tạo điều kiện để Hà Nội huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH, đa dạng hoá các nguồn lực và hình thức đầu tư; hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, cảng hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các hành lang kết nối của vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia có tính liên kết vùng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai, các trục hướng tâm, hệ thống giao thông tĩnh; khẩn trương hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc...

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Tác động tích cực về kinh tế đối với người dân, doanh nghiệp ở Giải pháp này tương tự như ở Giải pháp 2. Khả năng các tác động tích cực khi thực hiện Giải pháp 2 nhanh hơn do Chính quyền thành phố Hà Nội chủ trì điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch Vùng Thủ đô sau khi được Thủ tướng phê duyệt thay vì là các cơ quan trung ương và Chính quyền thành phố Hà Nội được chủ động huy động các nguồn lực, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

#### Tác động tiêu cực:

## (i) Nhà nước:

Ngân sách của Thủ đô Hà Nội sẽ phải chi trả cho hoạt động của Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng đặt tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và công tác chủ trì điều phối thực hiện và quản lý các quy hoạch Vùng Thủ đô sau khi được Thủ tướng phê duyệt.

Hà Nội cần phải bảo đảm các yếu tố công bằng và thoả đáng trong việc điều phối và quản lý các quy hoạch để bảo đảm cho các tỉnh trong Vùng Thủ đô không bị ảnh hưởng nguồn lực tài chính (như ngân sách địa phương, ngân sách trung ương phân bổ) thực hiện các quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn.

Ngân sách của Hà Nội sẽ phải chi trả cho hoạt động đầu tư của Hà Nội vào các tỉnh khác trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, và vùng Đồng bằng Sông Hồng.

## (ii) Người dân, doanh nghiệp

Tác động tiêu cực về kinh tế ở Giải pháp 3 đối với người dân, doanh nghiệp tương tự như ở Giải pháp 2.

**b) Tác động về xã hội:**Tác động tích cực:

## (i) Nhà nước:

Giải pháp 3 thể hiện mạnh mẽ nhất trách nhiệm, nghĩa vụ của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội: “phối hợp với các cơ quan Trung ương, hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong nước được đẩy mạnh”<sup>181</sup> và Nghị quyết 15-NQ/TW đặt ra quan điểm “Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước”.

Do sức ép về ô nhiễm môi trường của Thủ đô Hà Nội lớn hơn các địa phương khác nên Thủ đô Hà Nội sẽ quyết tâm giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường của Vùng Thủ đô, đặc biệt là ô nhiễm về CTRSH ở đô thị, ô nhiễm không khí và ô nhiễm nguồn nước ở lưu vực các dòng sông chảy qua vùng Thủ đô (sông Hồng, Đáy, Nhuệ và Đuống), vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng. Các địa phương trong cả 03 vùng sẽ được hưởng lợi từ sự chủ động và quyết liệt của Chính quyền thành phố Hà Nội.

Giải pháp 3 góp phần giải quyết các dự án chậm thực hiện, “quy hoạch treo” do chờ cấp có thẩm quyền ở trung ương phê duyệt và góp phần giải quyết các bức xúc của người dân, doanh nghiệp từ việc chậm trễ này. Giải pháp 3 sẽ góp phần hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN.

Với việc cho phép chính quyền thành phố Hà Nội được chủ động đầu tư, cũng sẽ góp phần giúp cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, di sản

<sup>181</sup>Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội.



văn hoá như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cố đô Hoa Lư, các khu di tích quốc gia, đền, chùa, dân ca Quan họ, Ca trù, hát Chèo, Châu văn, các lễ hội văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống... Rà soát, phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị, di tích lịch sử, di sản văn hoá của các địa phương: Phố Hiến (Hưng Yên), Tràng An (Ninh Bình), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Yên Tử (Quảng Ninh)... Phát triển Thủ đô xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước. Đồng thời, Hà Nội và các địa phương có thể phát triển đồng bộ hệ thống y tế vùng theo quy hoạch; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế toàn dân của cả 03 vùng. Hà Nội tập trung đầu tư các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới; gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng và hỗ trợ các địa phương trong cả 03 vùng nâng cấp bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hạng I để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối.

(ii) Đối với người dân, doanh nghiệp:

Các tác động tích cực về xã hội của Giải pháp 2 vẫn tiếp tục duy trì ở Giải pháp 3.

Người dân (khoảng 23 triệu người), doanh nghiệp ở các địa phương trong Vùng Thủ đô có cơ hội sử dụng cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông và các hạ tầng xã hội nếu các biện pháp liên kết Vùng phát huy hiệu quả, đặc biệt là việc thực hiện thành công Quy hoạch chung vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng.

Người dân có thể lựa chọn sinh sống tại các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng thay vì tập trung vào đô thị trung tâm Thủ đô Hà Nội do cơ sở hạ tầng ở các tỉnh trong Vùng được phát triển đồng bộ với Thủ đô Hà Nội. Các doanh nghiệp có thể lựa chọn đầu tư, kinh doanh tại các địa phương trong Vùng Thủ đô vì khả năng tiếp cận đất đai (giá đất, quỹ đất sẵn có) dễ dàng hơn tại Thủ đô. Như vậy, cơ hội việc làm cho người dân ở các tỉnh trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng cũng sẽ tốt hơn so với các Giải pháp 1 và Giải pháp 2.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Hà Nội cần phải bảo đảm các yếu tố công bằng và thoả đáng trong việc điều phối và quản lý các quy hoạch để bảo đảm cho các tỉnh trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng có cơ hội phát triển tốt hơn và đúng theo quy hoạch và kế hoạch của các tỉnh đã được Thủ tướng và các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mối quan hệ của Hà Nội với các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng Kinh

tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng về giải quyết các vấn đề khi thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cần phải được chú ý giải quyết để tránh các mâu thuẫn trong phát triển giữa các địa phương, đặc biệt là lợi ích của từng địa phương trong vùng.

Hà Nội chủ động thực hiện và quản lý các quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng và thực hiện việc đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội sẽ có thể có nguy cơ các địa phương không chấp nhận các dự án đầu tư của Hà Nội với lý do không phù hợp với mục tiêu phát triển của địa phương.

(ii) Đối với người dân, doanh nghiệp:

Tác động tiêu cực về xã hội đối với người dân và doanh nghiệp của Giải pháp 3 tương tự như Giải pháp 2.

**c) Tác động về giới:**

Tác động tích cực:

Tương tự như Giải pháp 1, cơ chế liên kết Vùng Thủ đô sẽ bảo đảm tốt hơn khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của phụ nữ và trẻ em gái ở trong Vùng Thủ đô và việc phát triển về việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu cho nữ giới trong Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (10.260.740 người chiếm hơn 50% dân số Vùng Thủ đô).

Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực về giới của Giải pháp 3 tương tự như Giải pháp 1 và Giải pháp 2 là những tác động tiêu cực của vấn đề đô thị hoá nhanh đem lại, như chuyển đổi việc làm, tụt nặn xã hội và phân hoá giàu nghèo ảnh hưởng tới nữ giới.

**d) Tác động về thủ tục hành chính:**

Giải pháp 3 không làm phát sinh TTHC mới và các tác động tích cực như Giải pháp 1 và Giải pháp 2.

**e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:

Việc giao Hà Nội là cơ quan quản lý quy hoạch Vùng Thủ đô theo Giải pháp này là không phù hợp với nguyên tắc bình đẳng quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 91/2021/NĐ-CP. Ngoài ra, Giải pháp này cũng không phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương vì theo Luật này thì thành phố Hà Nội và các tỉnh thành khác trong Vùng Thủ đô đều là đơn vị hành chính cấp tỉnh, có vị trí ngang nhau.

Giải pháp này không phù hợp với một số quy định pháp luật hiện hành, do

vậy sẽ ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Theo Giải pháp này thì Hà Nội sẽ là cơ quan quản lý quy hoạch Vùng Thủ đô trong khi theo quy định của pháp luật hiện hành thì Hà Nội và các tỉnh thành khác trong Vùng Thủ đô là cùng cấp tỉnh. Do vậy, Giải pháp 3 này có thể gây sự phản đối từ một số tỉnh khác trong Vùng Thủ đô và hậu quả là sẽ làm giảm khả năng tuân thủ của các tỉnh đó đối với Luật thủ đô và các văn bản pháp luật có liên quan đến Vùng Thủ đô.

(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:

Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, do vậy không tác động đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế đó.

### ***9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)***

Giải pháp 3 có ít tác động tiêu cực tới các quy phạm pháp luật hiện hành và mối quan hệ phối hợp trong Vùng Thủ đô nhưng chưa tạo được đột phá trong việc thực thi các chính sách và quy định pháp luật về Vùng Thủ đô. Giải pháp 3 có tác động về mối quan hệ giữa Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô nhưng mối quan hệ này có thể được giải quyết nếu như có sự phối hợp tốt giữa Hội đồng điều phối Vùng với Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng đặt tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Kiến nghị lựa chọn giải pháp chính sách theo Giải pháp 3.

Thẩm quyền ban hành chính sách này thuộc về Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua việc Quốc hội thông qua dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi).

### **III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đã được thực hiện như sau:

1. Quá trình xây dựng chính sách gắn liền với quá trình đánh giá tác động của chính sách. Các chính sách đều được đánh giá tác động sơ bộ trước khi đề xuất.

2. Khi đánh giá tác động, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức các cuộc tọa đàm tham vấn, hội thảo với các nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, cán bộ của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp thuộc Thủ đô Hà Nội, các tỉnh trong vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng và các cơ quan nhà nước ở cấp trung ương. Các cá nhân, đơn vị được lựa chọn tham vấn dựa trên các kinh nghiệm, năng lực và phạm vi hoạt động và quản lý có liên quan trực tiếp đến nội dung của chính sách.

3. Một số nội dung chính sách được thực hiện thông qua khảo sát định

lượng (bằng phiếu hỏi anket) và khảo sát định tính do Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện trong năm 2022.

4. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội để lấy ý kiến của các bộ, ngành và một số địa phương, người dân, doanh nghiệp và các đối tượng bị tác động từ các chính sách.

Các ý kiến phản hồi, góp ý đã được tiếp thu để xây dựng và hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

#### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

- Cơ quan giám sát: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Luật. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi Thành phố.

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các bộ, ngành có liên quan và Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân của các tỉnh trong Vùng Thủ đô.

#### **V. PHỤ LỤC**

Xem chi tiết các Phụ lục đính kèm.

##### ***Nơi nhận:***

- Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô;
- Lưu: VT, VĐCXDPL;

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Khánh Ngọc**

**PHỤ LỤC I - MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH, ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ**

*Đơn vị: tỷ đồng*

		Năm					Dự toán và dự báo				Ghi chú
		2017	2018	2019	2020	2021	Dự toán 2022	2023	2024	2025	
<b>A.</b>	<b>THU, CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>										
<b>1</b>	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước, trong đó</b>	<b>212,547</b>	<b>246,539</b>	<b>270,019</b>	<b>287,572</b>	<b>267,232</b>	<b>311,651</b>	<b>272,259</b>	<b>304,295</b>	<b>334,657</b>	
1.1.	Thu hộ NS Trung ương	125,017	144,756	175,621	188,601	164,305	212,712	171,298	191,069	213,006	
1.2.	Khoản thu NS Thành phố được giữ lại toàn bộ	44,313	53,488	38,402	45,081	40,010	45,779	50,583	56,364	57,382	
1.3.	Khoản thu phân chia giữa NSNN Trung ương và NS của TP, trong đó:										
1.3.a.	Số thu mà NS thành phố được giữ lại	43,217	48,295	55,996	53,890	62,917	53,160	50,378	56,863	64,269	
1.3.b.	Tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố	35%	35%	35%	35%	35%	32%	32%	32%	32%	
<b>2</b>	<b>Khoản vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>17,085</b>					
<b>3</b>	<b>Số tăng thu từ kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>16,773</b>	<b>32,997</b>	<b>31,601</b>	<b>28,681</b>	<b>31,622</b>	<b>15,362</b>				
<b>4</b>	<b>Số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2,000</b>	<b>7,921</b>	<b>2,693</b>	<b>2,693</b>	<b>2,693</b>	
<b>5</b>	<b>Tổng chi NSNN thực tế, trong đó</b>	<b>71,517</b>	<b>75,084</b>	<b>79,706</b>	<b>87,898</b>	<b>83,936</b>	<b>106,926</b>	<b>119,687</b>	<b>131,747</b>	<b>147,084</b>	<i>Dự báo trên cơ sở các quy định và mức thu hiện hành.</i>
5.1.	Chi thường xuyên	39,830	42,222	46,182	45,001	47,359	53,282	54,822	57,610	60,536	589,381
5.2.	Chi cho đầu tư phát triển	31,077	32,254	33,001	42,591	36,563	51,073	58,207	64,776	73,530	
5.3.	Chi khác	611	608	524	307	14	2,571	6,659	9,361	13,018	

		Năm					Dự toán và dự báo				Ghi chú
		2017	2018	2019	2020	2021	Dự toán 2022	2023	2024	2025	
<b>B.</b>	<b>ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>										
<b>6</b>	<b>Tổng nhu cầu chi cho các dự án đầu tư phát triển và dự báo nhu cầu chi cho đầu tư phát triển của thành phố, trong đó:</b>										<i>Số dự báo được tổng hợp từ đề xuất của các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã. Số nhu cầu cho giai đoạn 2021 - 2025 là số kinh phí cần có để thực hiện đầu tư trong mỗi ngành, lĩnh vực theo quy hoạch và để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (Tốc độ tăng trung bình 5-6%/năm)</i>
6.1.	Vốn từ ngân sách của thành phố		41,149	37,690	40,589	117,633	123,515	129,691	136,175	142,984	
6.2.	Vốn từ ngân sách của trung ương		1,559	2,175	3,461	9,016	9,467	9,941	10,438	10,959	
6.3.	Vốn từ khu vực tư nhân		175,550	201,177	226,784						
<b>B.</b>	<b>MỘT SỐ NỘI DUNG THEO NGHỊ QUYẾT 115</b>										
<b>13</b>	<b>Thu ngân sách từ phí, trong đó:</b>										
13.1.	Thu ngân sách từ các khoản phí áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội (theo NQ 115)				0	0					
<b>14</b>	<b>Thu từ tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn Thành phố</b>				<b>0</b>	<b>0</b>					
<b>15</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương còn dư hàng năm của thành phố Hà Nội</b>	15,866	18,646	28,768	40,400	45,631					<i>Số liệu năm 2021 là số dự kiến; hiện nay, đang tiếp tục rà soát số liệu tăng thu của các cấp ngân sách để làm cơ sở xác định chính xác nguồn cải cách tiền lương còn dư của năm 2021</i>
<b>17</b>	<b>Số dư đầu năm của Quỹ Tài chính thành phố</b>	3,962	6,220	13,615	17,573	17,303	17,449	17,460	17,470	17,481	
<b>18</b>	<b>Dư nợ vay của ngân sách Thành phố Hà Nội (cuối năm)</b>	9,941	10,241	9,145	5,965	8,818	10,429	17,950	30,193	53,441	
19.2	Nợ vay lại từ NSNN trung ương	1,597	1,375	1,507	825	2,869	1,355	7,909	12,631	18,050	

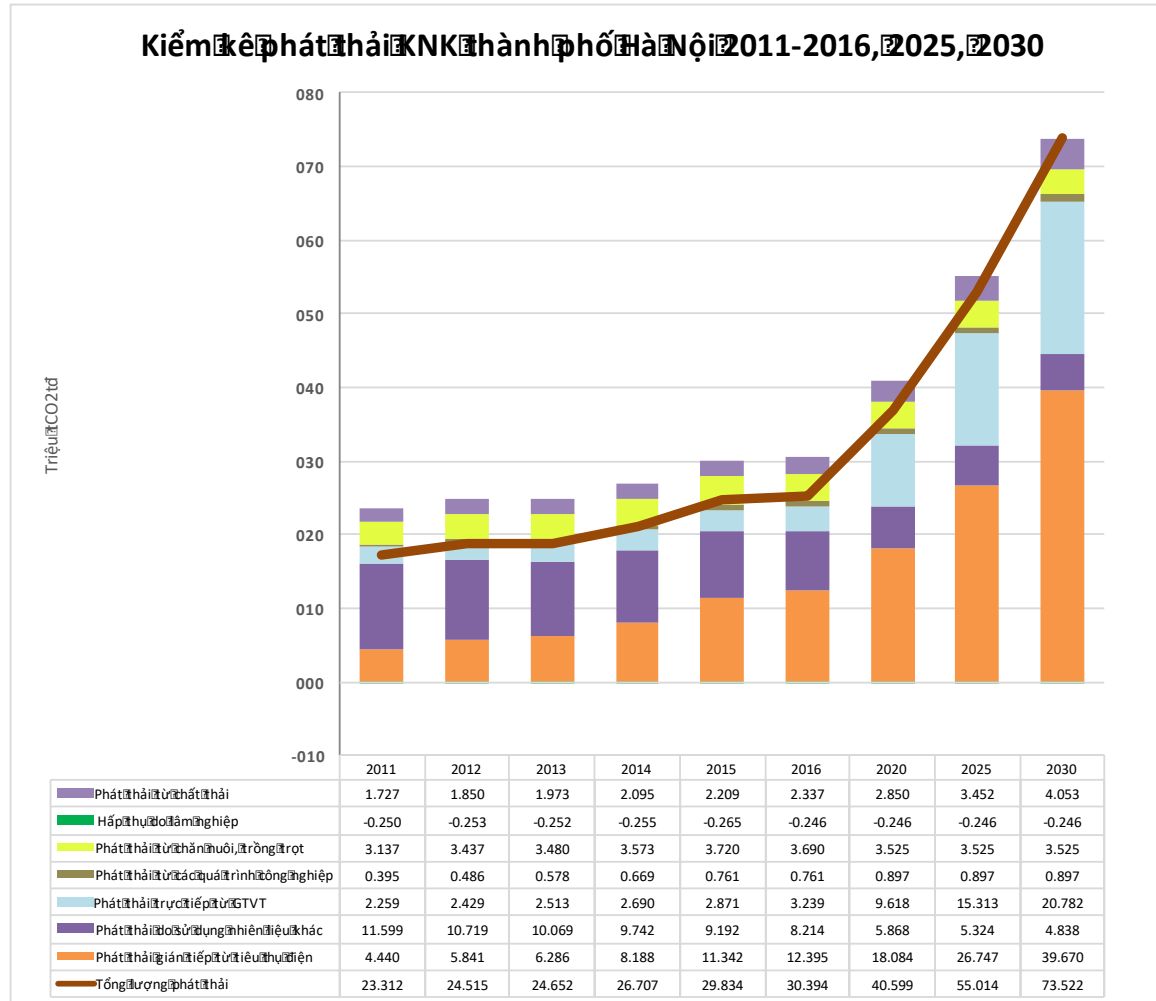
*Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội*

**PHỤ LỤC II - BẢNG SO SÁNH ÁP DỤNG CÔNG CỤ THU LẠI GIÁ TRỊ GIA TĂNG TỪ ĐẤT (LAND VALUE CAPTURE - LVC) TRONG PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ TẠI MỘT SỐ THÀNH PHỐ TRÊN THẾ GIỚI**

<b>Thành phố</b>	<b>Hà Nội</b>	<b>Hong Kong</b>	<b>Tokyo</b>	<b>New York</b>	<b>Washington</b>	<b>London</b>	<b>Nanchang</b>	<b>Sao Paulo</b>	<b>Delhi</b>
Diện tích vùng đô thị ( $km^2$ )	3.345	1.104	13.752	11.642	3.424	1.623	617	7.947	1.943
Mật độ dân số (nghìn người/ $km^2$ )	9,3	6,4	2,7	1,7	1,4	5,5	3,8	2,5	11,3
Tổng chiều dài mạng lưới ĐSDT (km)	417,8	218	304	223	170	402	168	205	190
Tỷ lệ sử dụng ĐSDT (%)	-	88%	51%	23%	37%	23%	14%	37%	42%
Số lượng xe cá nhân đăng ký (tính trên 1.000 dân)	938	82	308	230	680	317	57	410	143
Tỷ lệ đóng góp của LVC (%)	-	66%	59%	-	17%	-	70%	-	30%
Công cụ LVC được sử dụng	-	Bán quyền phát triển (mô hình R+P)	Tái điều chỉnh đất đai, Bán quyền phát triển	Bán quyền phát triển, Tài trợ qua gia tăng thuế	Hợp tác phát triển	Thuế bất động sản, Tái phát triển đất đai	Thuế bất động sản, Bán quyền phát triển	Bán quyền phát triển không gian + Quy hoạch TOD	Thuế bất động sản, Bán quyền phát triển
Mức độ thành công của LVC	-	Rất cao	Cao	Thấp	Trung bình	Thấp	-	Thấp	Trung bình

*Nguồn: Vivek (2015) và Tổ chuyên gia xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)*

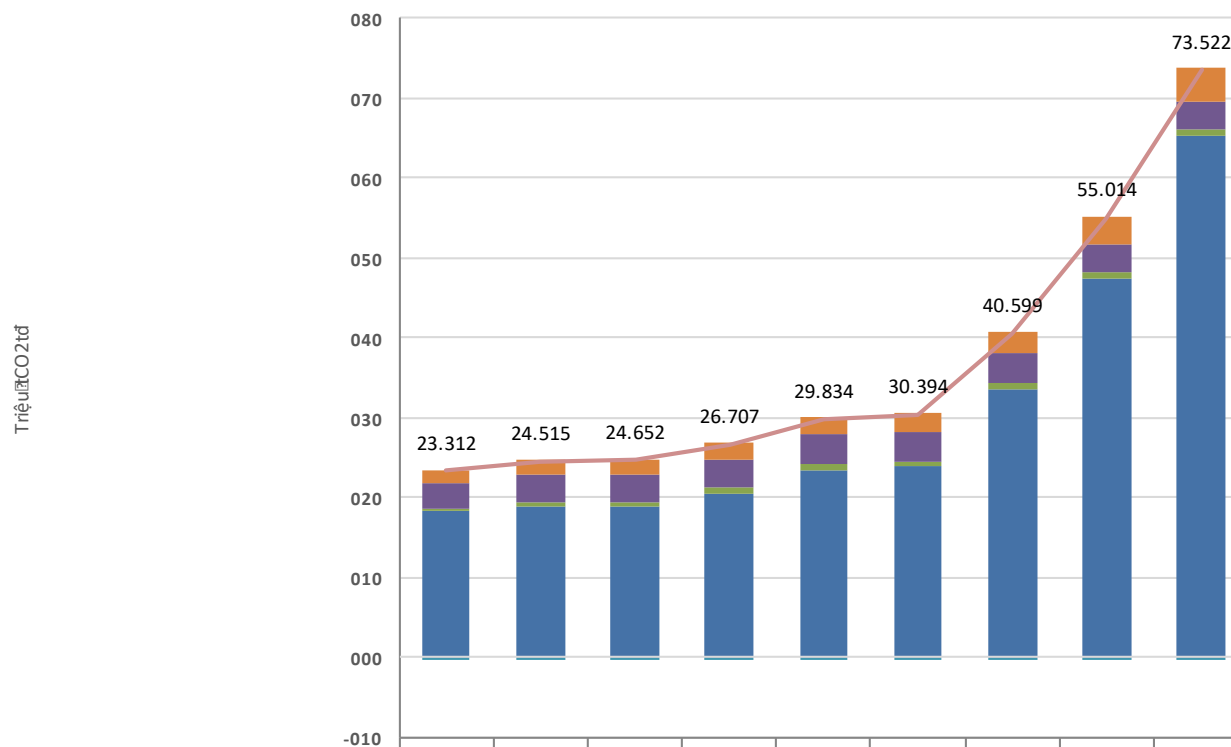
**PHỤ LỤC III - KIỂM KÊ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



Nguồn: Viện Kinh tế Xã hội Hà Nội



### Kiểm kê phát thải KNK thành phố Hà Nội 2011-2016, 2025, 2030 Theo phân loại của IPCC



	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2020	2025	2030
Rác thải	1.727	1.850	1.973	2.095	2.209	2.337	2.850	3.452	4.053
Lâm nghiệp (LULUCF)	-0.250	-0.253	-0.252	-0.255	-0.265	-0.246	-0.246	-0.246	-0.246
Nông nghiệp	3.137	3.437	3.480	3.573	3.720	3.690	3.525	3.525	3.525
Quá trình công nghiệp	0.395	0.486	0.578	0.669	0.761	0.761	0.897	0.897	0.897
Năng lượng	18.303	18.995	18.874	20.625	23.409	23.853	33.574	47.387	65.293
Tổng phát thải KNK (gồm cả LULUCF)	23.312	24.515	24.652	26.707	29.834	30.394	40.599	55.014	73.522

*Nguồn: Viện Kinh tế Xã hội Hà Nội*

**PHỤ LỤC IV - CÁC KỊCH BẢN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐỐI VỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI**

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
I	Quản lý đô thị		Nghìn tấn CO2 tương đương	236	440		235,8	440,2		235,8	440,2	
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	414.458	-		414.458	-		414.458	-	
1	Chiếu sáng công cộng hiệu suất cao và năng lượng mặt trời	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	28	28	Hỗ trợ thay thế 100% đèn chiếu sáng công cộng hiện nay bằng đèn LED và năng lượng mặt trời đến 2025	28	28	Hỗ trợ thay thế 100% đèn chiếu sáng công cộng hiện nay bằng đèn LED và năng lượng mặt trời đến 2025	28	28	Hỗ trợ thay thế 100% đèn chiếu sáng công cộng hiện nay bằng đèn LED và năng lượng mặt trời đến 2025
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	277.405	-		277.405	-		277.405	-	
2	Tăng cường diện tích	7	Nghìn tấn CO2 tương	204	409	Hỗ trợ thực hiện tăng cường trồng	204	409	Hỗ trợ thực hiện tăng	204	409	Hỗ trợ thực hiện tăng cường trồng

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	cây xanh, công viên, phố đi bộ		đương			mới cây xanh, và tăng diện tích đệm cây xanh trong đô thị để đạt mục tiêu 10.8m <sup>2</sup> cây xanh/người ở đô thị vào năm 2025			cường trồng mới cây xanh, và tăng diện tích đệm cây xanh trong đô thị để đạt mục tiêu 10.8m <sup>2</sup> cây xanh/người ở đô thị vào năm 2025			mới cây xanh, và tăng diện tích đệm cây xanh trong đô thị để đạt mục tiêu 10.8m <sup>2</sup> cây xanh/người ở đô thị vào năm 2025
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	662	-		662	-		662	-	
3	Hệ thống quản lý và giám sát chiếu sáng công cộng thông	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	3,1	3,1	Hỗ trợ thực hiện xây dựng hệ thống quản lý và giám sát chiếu sáng công cộng thông minh cho 100% các tuyến phố	3,1	3,1	Hỗ trợ thực hiện xây dựng hệ thống quản lý và giám sát chiếu sáng công cộng thông minh cho	3,1	3,1	Hỗ trợ thực hiện xây dựng hệ thống quản lý và giám sát chiếu sáng công cộng thông minh cho 100% các
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	136.400	-		136.400	-		136.400	-	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	minh					đến 2025			100% các tuyến phố đến 2025			tuyến phố đến 2025
II	Lĩnh vực công nghiệp		Nghìn tấn CO2 tương đương	773,5	1.177		3.905	4.317		5.279	13.177.000	
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	10.250	17.875		82.869	108.438		92.619	196.238	
4	Động cơ hiệu suất cao và điều khiển thông minh trạm bơm thủy nông	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	9,3	18,6	Hỗ trợ thực hiện trang bị biến tần cho 25% trạm bơm, và thay thế 50% máy bơm hiệu suất cao vào năm 2025; Phần đầu đến 2030 có 50%	9,3	18,6	Hỗ trợ thực hiện trang bị biến tần cho 25% trạm bơm, và thay thế 50% máy bơm hiệu suất cao vào năm 2025; Phần đầu đến 2030 có 50% trạm bơm trang bị biến tần
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		17.944	35.888		17.944	35.888	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
5	Nâng cao hiệu quả lò hơi và hệ thống hơi trong các cơ sở công nghiệp	8	Nghìn tấn CO2 tương đương	740,2	1.110	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phần đầu đến 2030 có 20% cơ sở triển khai	740,2	1.110	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phần đầu đến 2030 có 20% cơ sở triển khai	7.049	2.115	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 35% đến năm 2025; Phần đầu đến 2030 có 75% cơ sở triển khai
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	5.520	7.875		5.520	7.875		15.000	50.000	
6	Thiết bị nhiệt luyện trong	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	2.014	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng	2.014	4.028	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	các cơ sở công nghiệp		Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		-	5.175	vào khoảng 20% đến năm 2030	5.175	10.350	20% đến năm 2025; đạt 40% năm 2030
7	Hệ thống quản lý năng lượng khu vực công nghiệp	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	33,3	66,6	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phân đầu đến 2030 có 20% cơ sở công nghiệp triển khai	33,3	66,6	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phân đầu đến 2030 có 20% cơ sở công nghiệp triển khai	33,3	66,6	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 10% đến năm 2025; Phân đầu đến 2030 có 20% cơ sở công nghiệp triển khai
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	5.000	10.000		5.000	10.000		5.000	10.000	
8	Thúc đẩy và thí điểm mô hình thu hồi nhiệt trong	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	1.107,8	1.107,8	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 5% đến	1.107,8	2.014	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ áp dụng vào khoảng 5% đến năm 2025; Phân đầu đến
			Tiền đầu tư (triệu)	-	-		49.500	49.500		49.500	90.000	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	quá trình nung luyện ở một số cơ sở công nghiệp		đồng)						năm 2025; Phần đầu đến 2030 có 7% cơ sở nhiệt luyện triển khai			2030 có 10% cơ sở nhiệt luyện triển khai
III	Dân dụng		Nghìn tấn CO2 tương đương	646	950,9		646	1.121		646	1.178,9	
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	4.186.100	6.361.500		4.186.100	7.252.600		4.186.108	7.699.900	
9	Tủ lạnh hiệu suất cao trong Hộ gia đình	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	204,3	170,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 45% số hộ thay đổi tủ lạnh vào năm 2025; và đạt 55% vào năm 2030	204,3	340,5	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 45% số hộ thay đổi tủ lạnh vào năm 2025; và đạt 75% vào năm 2030	204,3	340,5	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 45% số hộ thay đổi tủ lạnh vào năm 2025; và đạt 75% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	1.069	891		1.069	1.782		1.069	1.782	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
									2030			
10	Điều hòa không khí hiệu suất cao trong Hộ gia đình	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	99	124	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 25% số hộ thay đổi ĐHKK vào năm 2025; và đạt 30% vào năm 2030	99	124	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 25% số hộ thay đổi ĐHKK vào năm 2025; và đạt 30% vào năm 2030	99	165	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 25% số hộ thay đổi ĐHKK vào năm 2025; và đạt 40% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	522.775	653.500		522.775	653.500		522.775	871.292	
11	Chiếu sáng truyền thông sang thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	190,7	381,4	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 20% số hộ thay thế hệ thống chiếu sáng vào năm 2025; và đạt 40% vào năm 2030	190,7	381,4	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 20% số hộ thay thế hệ thống chiếu sáng vào năm 2025; và	190,7	381,4	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 20% số hộ thay thế hệ thống chiếu sáng vào năm 2025; và đạt 40% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	990.105	1.950.209		990.105	1.950.209		990.105	1.950.209	



TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	trong Hộ gia đình								đạt 40% vào năm 2030			
12	Bình nước nóng lượng mặt trời trong Hộ gia đình	7	Nghìn tấn CO2 tương đương	110,6	221,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 10% số hộ ứng dụng bình nước nóng NLMT vào năm 2025; và đạt 20% vào năm 2030	110,6	221,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 10% số hộ ứng dụng bình nước nóng NLMT vào năm 2025; và đạt 20% vào năm 2030	110,6	221,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ thêm 10% số hộ ứng dụng bình nước nóng NLMT vào năm 2025; và đạt 20% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	1.089.115	2.178.230		1.089.115	2.178.230		1.089.115	2.178.230	
13	Áp dụng kính TKNL trong dân dụng	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	39,4	49,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 5% số hộ ứng dụng kính TKNL trong xây dựng dân dụng vào	39,4	49,2	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 5% số hộ ứng dụng kính TKNL	39,4	65,6	Hỗ trợ thực hiện đạt tỷ lệ 5% số hộ ứng dụng kính TKNL trong xây dựng dân

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
						năm 2025; và đạt 8% vào năm 2030			trong xây dựng dân dụng vào năm 2025; và đạt 8% vào năm 2030			dụng vào năm 2025; và đạt 8% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	478.800	598.500		478.800	598.500		478.800	789.000	
14	Ứng dụng Pin Năng lượng mặt trời cho dân dụng	26	Nghìn tấn CO2 tương đương	2	5	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 4MWp điện mặt trời áp mái trong khu vực dân cư đến 2025 (khoảng 250 mái nhà);	2	5	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 4MWp điện mặt trời áp mái trong khu vực dân cư đến 2025 (khoảng 250 mái nhà);	2	5	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 4MWp điện mặt trời áp mái trong khu vực dân cư đến 2025 (khoảng 250 mái nhà);
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	36.000	90.000	phần đầu đến 2030 đạt 10MWp (khoảng 700 mái nhà) vào năm 2030	36.000	90.000	phần đầu đến 2030 đạt 10MWp (khoảng 700 mái nhà)	36.000	90.000	phần đầu đến 2030 đạt 10MWp (khoảng 700 mái nhà)

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
									10MWp (khoảng 700 mái nhà) vào năm 2030			vào năm 2030
IV	Dịch vụ		Nghìn tấn CO2 tương đương	33,6	100,6		33,6	532,2		3.917,9	8.732,5	
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	59.389	150.924		59.389	150.999		60.604	152.424	
15	Tủ lạnh hiệu suất cao trong Cơ sở dịch vụ	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	0,3	0,5	Thực hiện hỗ trợ 50% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi Tủ lạnh hiệu suất cao đến năm 2025; phân đầu đạt tỷ lệ 90% cơ sở vào năm 2030	0,3	0,5	Thực hiện hỗ trợ 50% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi Tủ lạnh hiệu suất cao đến năm 2025; phân đầu	0,3	0,5	Thực hiện hỗ trợ 50% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi Tủ lạnh hiệu suất cao đến năm 2025; phân đầu đạt tỷ lệ 90% cơ sở vào năm
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	1.513	2.751		1.513	2.751		1.513	2.751	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
16	Điều hòa không khí hiệu suất cao trong Cơ sở dịch vụ	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	0,2	0,4	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi ĐHKK hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 60% cơ sở vào năm 2030	0,2	0,4	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi ĐHKK hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 60% cơ sở vào năm 2030	0,2	0,4	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ thay thế và chuyển đổi ĐHKK hiệu suất cao đến năm 2025; phấn đấu đạt tỷ lệ 60% cơ sở vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	92	2.063		92	2.063		92	2.063	
17	Chiếu sáng hiệu suất cao	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	1,7	2,9	Thực hiện hỗ trợ thay thế 60% bóng chiếu sáng tại	1,7	2,9	Thực hiện hỗ trợ thay thế 60% bóng	1,7	2,9	Thực hiện hỗ trợ thay thế 60% bóng chiếu

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	và điều khiển thông minh trong Cơ sở dịch vụ		Tiền đầu tư (triệu đồng)	9.905	16.508	các cơ sở dịch vụ vào năm 2025; và phần đầu đạt 100% vào năm 2030	9.905	16.508	chiếu sáng tại các cơ sở dịch vụ vào năm 2025; và phần đầu đạt 100% vào năm 2030	9.905	16.508	sáng tại các cơ sở dịch vụ vào năm 2025; và phần đầu đạt 100% vào năm 2030
18	Bình nước nóng năng lượng mặt trời trong Cơ sở dịch vụ	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	1,5	3,8	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ trang bị bình nước nóng năng lượng mặt trời đến năm 2025; phần đầu đạt 75% vào năm 2030	1,5	3,8	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ trang bị bình nước nóng năng lượng mặt trời đến năm 2025; phần đầu đạt 75% vào năm 2030	1,5	3,8	Thực hiện hỗ trợ 30% cơ sở dịch vụ trang bị bình nước nóng năng lượng mặt trời đến năm 2025; phần đầu đạt 75% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	15.007	37.518		15.007	37.518		15.007	37.518	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
19	Hệ thống quản lý năng lượng lĩnh vực dịch vụ thương mại	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	4,5	9	Thực hiện hỗ trợ 9% cơ sở dịch vụ xây dựng Hệ thống quản lý năng lượng đến năm 2025; phấn đấu đạt 20% vào năm 2030	4,5	9	Thực hiện hỗ trợ 9% cơ sở dịch vụ xây dựng Hệ thống quản lý năng lượng đến năm 2025; phấn đấu đạt 20% vào năm 2030	4,5	9	Thực hiện hỗ trợ 9% cơ sở dịch vụ xây dựng Hệ thống quản lý năng lượng đến năm 2025; phấn đấu đạt 20% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	479	959		479	959		479	959	
20	Nâng cao hiệu quả lò hơi và hệ thống hơi trong các cơ sở nhà hàng khách	8	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	-	431,6	Thực hiện hỗ trợ 25% cơ sở nhà hàng khách sạn nâng cấp hệ thống hơi và lò hơi đến năm 2030	3.884,3	8.631,9	Thực hiện hỗ trợ 25% cơ sở nhà hàng khách sạn nâng cấp hệ thống hơi và lò hơi đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		-	75		675	1.500	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
21	Ứng dụng Pin Năng lượng mặt trời cho toà nhà văn phòng	25	Nghìn tấn CO2 tương đương	1,2	2,7	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 5MWp điện mặt trời áp mái trong các toà nhà văn phòng, thương mại, và công sở (khoảng 100 toà nhà) đến 2025; phần đầu đạt 15MWp (khoảng 300 toà nhà) vào năm 2030	1,2	2,7	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 5MWp điện mặt trời áp mái trong các toà nhà văn phòng, thương mại, và công sở (khoảng 100 toà nhà) đến 2025; phần đầu đạt 15MWp (khoảng 300 toà nhà) vào	1,2	2,7	Thực hiện hỗ trợ lắp đặt 5MWp điện mặt trời áp mái trong các toà nhà văn phòng, thương mại, và công sở (khoảng 100 toà nhà) đến 2025; phần đầu đạt 15MWp (khoảng 300 toà nhà) vào
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	12.656	28.125		12.656	28.125		12.656	28.125	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
22	Ứng dụng Kính TKNL trong Tòa nhà	15	Ngành sản CO2 tương đương	24,2	81,4	Thực hiện hỗ trợ khu vực tòa nhà lắp đặt 5% diện tích kính tòa nhà đến 2025; phấn đấu đạt 15% vào năm 2030	24,2	81,4	Thực hiện hỗ trợ khu vực tòa nhà lắp đặt 5% diện tích kính tòa nhà đến 2025; phấn đấu đạt 15% vào năm 2030	24,2	81,4	Thực hiện hỗ trợ khu vực tòa nhà lắp đặt 5% diện tích kính tòa nhà đến 2025; phấn đấu đạt 15% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	18.900	63.000		18.900	63.000		18.900	63.000	
V	Giao thông		Ngành sản CO2 tương đương	130	142,3		179,4	191,7		427	1.102,3	
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	985.137	1.069.817		986.337	1.071.017		6.116.578	18.762.456	



TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
23	Phương tiện sinh thái có giám sát hành trình KTS	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	-	-	-	14,9	33,2	Hỗ trợ trang bị cho 20% tổng số phương tiện giao thông vận tải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đến năm 2025; phần đầu đạt 45% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)		-				-			
24	Xây dựng tàu điện ngầm	50	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	25,9	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng cho phát triển tàu điện ngầm, và giảm 25% phương tiện cá nhân vào năm 2030	-	25,9	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng cho phát triển tàu điện ngầm, và giảm 25% phương tiện cá nhân	25,9	51,5	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng cho phát triển tàu điện ngầm, và giảm 25% phương tiện cá nhân vào năm 2025;
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	333.450		-	333.450		333.450	666.900	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
25	Mở rộng tuyến và tăng cường tần suất xe buýt	15	Ngành sản CO2 tương đương	15,4	20	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 3% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 5% vào năm 2030	15,4	20	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 3% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 5% vào năm 2030	15,4	30,7	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 3% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 5% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	35.000	45.500		35.000	45.500		35.000	70.000	
26	Phát triển mạng lưới BRT	20	Ngành sản CO2 tương đương	72,3	77,5	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 23% phương tiện cá nhân vào năm 2025; và	72,3	77,5	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 23% phương	72,3	77,5	Thực hiện phát triển Giao thông công cộng, và giảm 23% phương tiện cá nhân vào
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	25.690	272.025		25.,90	272.025		25.690	272.025	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
									giảm 30% vào năm 2030			tiện cá nhân vào năm 2025; và giảm 30% vào năm 2030
27	Phương tiện vận tải công cộng CNG	15	Nghìn tấn CO2 tương đương	16,4	19	Hỗ trợ doanh nghiệp vận tải công cộng chuyển đổi 30% phương tiện sang công nghệ nhiên liệu CNG đến năm 2025; và đạt 45% vào năm 2030	16,4	19	Hỗ trợ doanh nghiệp vận tải công cộng chuyển đổi 30% phương tiện sang công nghệ nhiên liệu CNG đến năm 2025; và đạt 45% vào năm 2030	16,4	25,2	Hỗ trợ doanh nghiệp vận tải công cộng chuyển đổi 30% phương tiện sang công nghệ nhiên liệu CNG đến năm 2025; và đạt 45% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	362.997	418.842		362.997	418.842		362.997	558.456	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
28	Xe đạp điện và xe máy điện	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	-	49,4	Hỗ trợ chuyển đổi 5% xe máy sang xe điện vào năm 2030	49,4	82,3	Hỗ trợ chuyển đổi 5% xe máy sang xe điện vào năm 2025; và đạt 10% vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-	-	-	1.200		1.200	2.000	
VI	Xây dựng		<b>Nghìn tấn CO2 tương đương</b>				-	<b>25,4</b>		<b>12,7</b>	<b>25,4</b>	
			<b>Tiền đầu tư (triệu đồng)</b>				-	<b>138.149</b>		<b>69.075</b>	<b>138.149</b>	
29	Điều khiển thông minh và biến tần cho thiết bị động lực	5	Nghìn tấn CO2 tương đương	-	-	-	-	25,4	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chuyển đổi và áp dụng phương	12,7	25,42	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chuyển đổi và áp dụng phương tiện san lấp mặt
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-	-	-	138.149		69.075	138.149	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)						
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu				
	trong xây dựng											tiện san lấp mặt bằng, xây dựng, lắp đặt thiết bị có hiệu suất cao phần đầu đạt 10% vào năm 2030				bằng, xây dựng, lắp đặt thiết bị có hiệu suất cao phần đầu đạt 3% năm 2025; 10% vào năm 2030
VI I	Nông lâm nghiệp		Nghìn tấn CO2 tương đương	1.757,9	4.878,3		1.757,9	4.955		1.792,6	5.151,4					
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	175.250	223.201		175.250	234.451		680.520	1.417.127					
30	Ứng dụng khí sinh học	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	471,1	588,9	Hỗ trợ cho 25% số lượng cơ sở và hộ gia đình chăn	471,1	588,9	Hỗ trợ cho 25% số lượng cơ sở và	471,1	785,2					Hỗ trợ cho 25% số lượng cơ sở và hộ gia

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	trong chăn nuôi		Tiền đầu tư (triệu đồng)	173.264	216.580	nuôi xây dựng hệ thống thu hồi biogas phục vụ sản xuất, sinh hoạt, và canh tác đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào năm 2030	173.264	216.580	hộ gia đình chăn nuôi xây dựng hệ thống thu hồi biogas phục vụ sản xuất, sinh hoạt, và canh tác đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào năm 2030	173.264	288.772	đình chăn nuôi xây dựng hệ thống thu hồi biogas phục vụ sản xuất, sinh hoạt, và canh tác đến năm 2025; phấn đấu đạt 45% vào năm 2030
31	Bảo vệ, chăm sóc phục hồi và quản lý rừng phòng hộ	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	0,04	0,1	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng phòng hộ cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn	0,04	0,1	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng phòng hộ cho 30% diện tích theo Quy	0,04	0,1	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng phòng hộ cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025;
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	44	146		44	146		44	146	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
						đầu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030			hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030			phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030
32	Làm giàu và tái sinh rừng tự nhiên	20	Nghìn tấn CO2 tương đương	0,9	2.852	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng tự nhiên cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030	0,9	2.852	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng tự nhiên cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030	0,9	2.852	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng tự nhiên cho 30% diện tích theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	962	3.208		962	3.208		962	3.208	

TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
33	Trồng và chăm sóc tái sinh rừng trồng cây công nghiệp	-	Ngành sản CO2 tương đương	0,4	1.308	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng cho 30% diện tích trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030	0,4	1.308	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng cho 30% diện tích trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030	0,4	1.308	Thực hiện hỗ trợ người dân bảo vệ và chăm sóc rừng cho 30% diện tích trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh theo Quy hoạch đến năm 2025; phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu vào năm 2030
			Tiền đầu tư (triệu đồng)	980	3.267		980	3.267		980	3.267	
34	Ứng dụng năng lượng	-	Ngành sản CO2 tương đương	-	-	-	-	0,08	Thực hiện hỗ trợ đầu tư hệ thống	0,03	0,08	Thực hiện hỗ trợ đầu tư hệ thống năng lượng



TT	Tên hành động/ nhiệm vụ	Vòng đời dự án (năm)	Lượng giảm phát thải & Số tiền	Kịch bản 1 (tự nguyện)			Kịch bản 2 (có hỗ trợ)			Kịch bản 3 (có hỗ trợ tối đa)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Mục tiêu
	mặt trời tại các trạm bơm thủy lợi		Tiền đầu tư (triệu đồng)	-	-		-	11.250	năng lượng mặt trời tại 30 trạm bơm thủy lợi vào năm 2030	506.250	11.250	mặt trời tại 20 trạm bơm năm 2025; 30 trạm bơm thủy lợi vào năm 2030
<b>Tổng</b>			<b>Nghìn tấn CO2 tương đương</b>	<b>3.576,9</b>	<b>7.689,2</b>		<b>6.757,4</b>	<b>11.583</b>		<b>11.918,7</b>	<b>28.498,9</b>	
			<b>Tiền đầu tư (triệu đồng)</b>	<b>5.830.592</b>	<b>7.823.319</b>		<b>5.904.411</b>	<b>8.955.650</b>		<b>11.623.259</b>	<b>28.336.312,8</b>	

**PHỤ LỤC V - TỔNG HỢP CÁC KỊCH BẢN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH  
THEO TỪNG LĨNH VỰC**

Lĩnh vực	Kịch bản 1				Kịch bản2				Kịch bản3			
	2025		2025		2025		2030		2025		2030	
	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng	Lượng giảm phát thải (Triệu tấn CO2)	Tỷ trọng
Công nghiệp	0,77	21,51%	1,18	15,34%	3,90	57,69%	4,32	37,27%	5,28	44,33%	13,18	46,25%
Dân sinh	0,65	18,16%	0,95	12,35%	0,65	9,62%	1,12	9,66%	0,65	5,46%	1,18	4,14%
Dịch vụ	0,03	0,84%	0,10	1,30%	0,03	0,44%	0,53	4,57%	3,92	32,91%	8,73	30,63%
Giao thông	0,13	3,63%	0,14	1,82%	0,18	2,66%	0,19	1,64%	0,46	3,86%	1,13	3,96%
Quản lý đô thị	0,24	6,70%	0,44	5,72%	0,24	3,55%	0,44	3,80%	0,03	0,84%	0,08	0,28%
Xây dựng	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%	0,03	0,26%	0,01	0,08%	0,03	0,11%
Nông nghiệp	1,76	49,16%	4,88	63,46%	1,76	26,04%	4,96	42,80%	1,57	13,18%	4,17	14,63%
<b>Tổng</b>	<b>3,58</b>	<b>100%</b>	<b>7,69</b>	<b>100%</b>	<b>6,76</b>	<b>100%</b>	<b>11,59</b>	<b>100%</b>	<b>11,91</b>	<b>100%</b>	<b>28,5</b>	<b>100%</b>
<b>Số tiền đầu tư</b>	5.830.600		7.823.300		5.904.400		8.955.700		11.623.300		28.336.300	



**PHỤ LỤC VI - TỔNG HỢP TỶ LỆ GIẢM PHÁT THẢI SO VỚI PHÁT THẢI THÔNG THƯỜNG**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kịch bản 1		Kịch bản 2		Kịch bản 3	
		2025	2030	2025	2030	2025	2030
Năng lượng	Triệu tấn CO2	1,82	2,81	5,00	6,63	10,11	23,35
Quá trình công nghiệp	Triệu tấn CO2	-	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	Triệu tấn CO2	0,47	0,59	0,47	0,79	0,47	0,79
Lâm nghiệp (LULUCF)	Triệu tấn CO2	1,29	4,29	1,29	4,29	1,32	4,36
<b>Tổng lượng giảm phát thải</b>	<b>Triệu tấn CO2</b>	<b>3,58</b>	<b>7,69</b>	<b>6,76</b>	<b>11,59</b>	<b>11,9</b>	<b>28,5</b>
Phát thải cơ sở (BAU)	Triệu tấn CO2	45,39	60,02	45,39	60,02	45,39	60,02
Tỷ lệ giảm phát thải	%	7,88%	12,81%	14,89%	19,30%	26,21%	47,34%
Số tiền đầu tư	Triệu đồng	5.830.600	7.823.300	5.904.400	8.955.700	11.623.300	28.336.300

**PHỤ LỤC VII - CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2013 - 2020**

Năm	Tổng số lượng khách du lịch		Khách quốc tế		Khách nội địa		Tổng thu từ khách du lịch	
	Số lượng (lượt khách)	% tăng so với năm trước	Số lượng (lượt khách)	% tăng so với năm trước	Số lượng (lượt khách)	% tăng so với năm trước	Số lượng (tỷ đồng)	% tăng so với năm trước
2013	16.577.000	15,1%	2.580.000	22,9%	13.997.000	13,8%	38.500	20,3%
2014	18.510.000	11,7%	3.010.000	16,7%	15.500.000	10,7%	49.846	29,5%
2015	19.693.743	6,4%	3.263.743	8,4%	16.430.000	6,7%	54.967	10,3%
2016	21.830.906	10,9%	4.020.306	23,2%	17.810.600	8,4%	61.778	12,4%
2017	23.830.000	9,2%	4.950.000	23,1%	18.880.000	6,0%	67.856	9,8%
2018	26.301.268	10,4 %	6.005.268	21,3%	20.296.000	7,5%	77.480	14,1%
2019	28.945.000	10,1%	7.025.000	23,1%	21.920.000	7,5%	103.812	17,6%
2020	8.652.138	-70%	1.107.356	-84%	7.544.782	-73%	28.021	-73%
Tổng số	157.322.080		24.943.698		132.378.382		482.260	

**PHỤ LỤC VIII - SO SÁNH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HÀ NỘI VÀ  
MỘT SỐ THÀNH PHỐ**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Hà Nội</b>	<b>TP.HCM</b>	<b>Hải Phòng</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>Cần Thơ</b>
1. Dân số	Người	8.246.500	9.227.600	2.053.400	1.169.400	1.240.700
- Dân số nông thôn	Người	4.184.000	1.836.300	1.120.900	149.000	371.900
- Dân số thành thị	Người	4.062.500	7.391.300	932.500	1.020.400	868.800
2. Tổng sản phẩm (GRDP)						
- GRDP (giá cố định 2010)	Tỷ đồng	689.050	992.230	190.769	63.907	52.230
- GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.020.000	1.371.716	276.666	103.234	89.247
<b>3. Tổng DT đất tự nhiên</b>	<b>ha</b>	<b>335.984</b>	<b>209.539</b>	<b>152.651</b>	<b>128.473</b>	<b>143.896</b>
<b>4. Diện tích đất đã sử dụng</b>	<b>ha</b>	<b>333.291</b>	<b>208.508</b>	<b>149.223</b>	<b>127.062</b>	<b>143.800</b>
<b>5. Diện tích đất ở</b>	<b>ha</b>	<b>39.665</b>	<b>29.258</b>	<b>15.301</b>	<b>7.128</b>	<b>8.314</b>
- Đất ở nông thôn	ha	28.551	8.983	10.446	2.457	3.742
- Đất ở đô thị	ha	11.114	20.275	4.855	4.671	4.572
6. Cường độ sử dụng đất	ha/tỷ đồng					
- Theo giá cố định 2010	ha/tỷ đồng	0,48	0,21	0,78	1,99	2,75
- Theo giá hiện hành	ha/tỷ đồng	0,33	0,15	0,54	1,23	1,61
7. Hiệu quả sử dụng đất	Tỷ đồng/ha					

- Theo giá cố định 2010	Tỷ đồng/ha	2,07	4,76	1,28	0,50	0,36
- Theo giá hiện hành	Tỷ đồng/ha	3,06	6,58	1,85	0,81	0,62
<b>8. Diện tích đất ở/người</b>	<b>m<sup>2</sup>/người</b>	<b>48,10</b>	<b>31,71</b>	<b>74,52</b>	<b>60,95</b>	<b>67,01</b>
- DT đất ở nông thôn/người	m <sup>2</sup> /người	68,24	48,92	93,19	164,89	100,63
- DT đất ở đô thị/người	m <sup>2</sup> /người	27,36	27,43	52,07	45,77	52,62

*Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021); Cục Thống kê THÀNH PHỐ Hà Nội(2021), Tổng cục Quản lý đất đai (2021) - tính toán của các chuyên gia Viện Kinh tế xã hội Hà Nội.*

**PHỤ LỤC IX - DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH VỀ KHCN Ở THỦ ĐÔ GIAI ĐOẠN 2013-2022 (Chính sách 7)**

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
1	Quyết định số 6252/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND thành phố Hà Nội	Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội đến năm 2020
2	Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 25/4/2013 của Thành ủy Hà Nội	Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khoá XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
3	Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội	Thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 25/4/2013 của Thành ủy Hà Nội về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khoá XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
4	Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố Hà Nội	Về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.
5	Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Hà Nội	Về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô
6	Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội	Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ
7	Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 07/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô
8	Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND Thành phố Hà Nội	Về Quy định lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Quỹ Ưu đãi, khuyến khích các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia giỏi, người có trình độ cao tham gia cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô - Thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ và nguồn nhân



STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
		lực chất lượng cao.
9	Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội	Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015-2020.
10	Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND Thành phố Hà Nội	Thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội. Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội.
11	Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội	Phê duyệt chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015-2020.
12	Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND Thành phố Hà Nội	Ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội.
13	Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND Thành phố Hà Nội	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội
14	Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố Hà Nội	Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN của thành phố Hà Nội
15	Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội	Thành lập Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Hà Nội
16	Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc tiến bộ Khoa học và Công nghệ	Tổ chức lại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và công nghệ Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ, Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm, Trung tâm Ứng dụng
17	Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND Thành phố Hà Nội (thay thế Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 22/4/2011)	Công bố Bộ TTHC lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội
18	Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND Thành phố Hà Nội	Sáp nhập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ thành phố trực thuộc Sở Khoa học và công nghệ vào Quỹ Đầu tư phát triển Thành Phố

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
19	Chương trình số 20-CTr/TU ngày 13/02/2018 của Thành ủy	Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm Thành phố Hà Nội: “ <i>Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030</i> ”
20	Kế hoạch số 01-KH/BCN ngày 17/4/2018 của Thành ủy	Phân công triển khai thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU về Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm Thành phố Hà Nội: “ <i>Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030</i> ”
21	Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND Thành phố Hà Nội	Quy định xét, công nhận sáng kiến cơ sở và xét, tặng Bằng “ <i>Sáng kiến Thủ đô</i> ”.
22	Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND Thành phố Hà Nội	Thực hiện Chương trình phát triển tài sản sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020 thực hiện Chương trình 1062 của Chính phủ
23	Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố Hà Nội	Nội dung, quy định mức chi và nguồn kinh phí thực hiện đối với hoạt động sáng kiến, hoạt động thẩm định công nghệ và hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020
24	Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 07/10/2019 của UBND Thành phố Hà Nội	Triển khai Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “ <i>Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030</i> ” trên địa bàn Thành phố Hà Nội
25	Quyết định số 4889/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội	Phê duyệt Đề án “ <i>Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2025</i> ”
26	Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND Thành phố Hà Nội	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2025
27	Kế hoạch số 205-KH/TU ngày 10/9/2020 của Thành ủy Hà Nội	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
		chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
28	Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND Thành phố Hà Nội	Về việc phê duyệt Đề án Khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp Thành phố thực hiện trong giai đoạn 2021-2025
29	Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND Thành phố	Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2021
30	Chương trình số 07-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy	Chương trình của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025”:
31	Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND Thành phố	Ban hành quy chế quản lý các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ của Thành phố
32	Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 22/3/2021 của UBND Thành phố	Thực hiện Kế hoạch số 205-KH/TU của Thành ủy Hà Nội về triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
33	Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 29/3/2021	Kế hoạch tổ chức hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2021 của Thành phố Hà Nội
34	Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố	v/v ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt tiêu chuẩn để xét các danh hiệu thi đua cấp Thành phố và cấp Nhà nước.
35	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND thành phố	Ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cấp phép các TTHC thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội
36	Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND Thành phố	V/v phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học theo phương thức giao trực tiếp năm 2021
37	Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 09/4/2021 của UBND Thành phố	V/v kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
		năm 2021
38	Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND thành phố	Quyết định về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành/ được sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ lĩnh vực: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
39	Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND thành phố	V/v thực hiện chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2030
40	Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND Thành phố	V/v phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố đột xuất để xét giao trực tiếp năm 2021
41	Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND thành phố	Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030
42	Quyết định số 3723/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND thành phố	Phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố theo phương thức tuyển chọn và giao trực tiếp năm 2021
43	Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11/8/2021 của UBND thành phố	Triển khai thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 về “Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025”
44	Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố	Về việc công bố TTHC mới ban hành lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
45	Quyết định số 4092/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố Hà Nội	Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2021 phục vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô.
46	Quyết định số 4116/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND Thành phố	Về việc thành lập các chương trình khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025
47	Quyết định số 4207/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND Thành phố	Phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố theo phương thức giao trực tiếp năm

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
		2021
48	Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố	Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố  (Phụ lục 3: Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương của thành phố Hà Nội)
49	Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND Thành phố	Phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và KP thực hiện NV KHCN theo phương thức tuyển chọn năm 2021 phục vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô
50	Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố	Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố  (Phụ lục 5: Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn TP Hà Nội giai đoạn 2021-2030  Phụ lục 6: Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố thực hiện hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới
51	Quyết định số 5120/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội
52	Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND Thành phố	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (bổ sung nội dung quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030)
53	Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2022

STT	Số, ngày ban hành	Trích yếu
54	Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 12/01/2022	Thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030
55	Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 12/01/2022	Thực hiện Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Hà Nội
56	Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	Ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội đến năm 2030
57	Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 14/01/2022	Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố phóng xạ xuyên biên giới đến năm 2025
58	Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	Phê duyệt Đề án "Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội"

## **PHỤ LỤC X - KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 07-CTR/TU ĐẾN CUỐI NĂM 2021(Chính sách 7)**

### (1) Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)

*Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp trên 50% vào tăng trưởng GRDP*

Trong giai đoạn 2016-2020, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 46% tăng trưởng GRDP. Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội tính toán chỉ tiêu năm 2021.

### (2) Tốc độ tăng năng suất lao động

*Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Tốc độ tăng năng suất lao động đạt từ 7,0% - 7,5%*

Tốc độ tăng năng suất lao động năm 2021 theo giá so sánh ước đạt 1,01%. Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá hiện hành ước đạt 4,2%. Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục cập nhật, tính toán sau khi có số liệu công bố chính thức của năm 2021.

### (3) Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên tổng sản phẩm nông nghiệp

*Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên tổng sản phẩm nông nghiệp trên 70%*

Tính đến năm 2020 sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn Thành phố đạt 35%. Dự kiến năm 2021, tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn Thành phố đạt 38%.

### (4) Tỷ trọng kinh tế số;

*Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP*

Sở Thông tin và Truyền thông đã rà soát và hoàn thiện lại dự thảo “Kế hoạch phát triển kinh tế số thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025” để đảm bảo phù hợp với Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số, trình UBND Thành phố tại Tờ trình số 219/TTr-STTTT ngày 26/01/2022. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND Thành phố - Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số thành phố Hà Nội, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch “Phát triển kinh tế số thành phố Hà Nội đến năm 2025” theo ý kiến góp ý của các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo và báo cáo UBND Thành phố (Công văn số 528/STTTT-BCVT ngày 11/3/2022).

### (5) Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo

*Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 50%.*

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKH&CN ngày 15/5/2018 của Bộ KH&CN về việc quy định các cuộc điều tra thống kê KH&CN ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia, điều tra đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp được Cục Thông tin KH&CN quốc gia thực hiện với chu kỳ 03 năm một lần. Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối phối hợp với Cục Thông tin KH&CN quốc gia để lấy số liệu khi có kết quả điều tra.

Bên cạnh đó, để có biện pháp thúc đẩy hoạt động đổi mới, sáng tạo trong doanh nghiệp, UBND Thành phố đã phê duyệt đặt hàng nghiên cứu về “Giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp ở thành phố Hà Nội”, “Giải pháp phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Hà Nội” (đã hoàn thành thủ tục tuyển chọn, dự kiến triển khai trong năm 2022).

(6) Tỷ lệ sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ

*Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Tối thiểu 40% sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.*

Theo Sở NNPTNT, kết thúc giai đoạn 2019-2020, Hà Nội đã đánh giá, phân hạng và công nhận được 1.054 sản phẩm OCOP. Năm 2021, đã có 541 sản phẩm của 26 đơn vị cấp huyện đăng ký tham gia Chương trình OCOP, Sở NNPTNT dự kiến sẽ có 400 sản phẩm được đánh giá, phân hạng, công nhận.

Giai đoạn 2019-2020, có 405 sản phẩm được bảo hộ, đạt 40,11%. Năm 2021, đã có 41 sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề được bảo hộ.

(7) Phân đầu dẫn đầu cả nước về công bố quốc tế; tốc độ gia tăng đăng ký sáng chế thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

*Mục tiêu đến cuối giai đoạn 2021-2025: Phân đầu dẫn đầu cả nước về công bố quốc tế; tốc độ gia tăng đăng ký sáng chế thuộc nhóm dẫn đầu cả nước*

Năm 2021, số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội là 16.153 (chiếm 34,5% và dẫn đầu cả nước) trong đó 606 đơn sáng chế, 217 đơn giải pháp hữu ích, 629 đơn kiểu dáng công nghiệp, 14.701 đơn nhãn hiệu. Số lượng bằng/giấy chứng nhận sở hữu công nghiệp đã được cấp trong năm 2021 trên địa bàn thành phố là 8.744 (bằng 32,5% và đứng thứ hai cả nước, trong đó 93 bằng sáng chế, 107 bằng giải pháp hữu ích, 306 bằng kiểu dáng công nghiệp, 8.238 giấy đăng ký nhãn hiệu.

Công bố quốc tế từ các đề tài KH&CN cấp thành phố là 02 công bố. Về công bố khoa học quốc tế trên toàn địa bàn Thành phố, hiện đang chờ số liệu thống kê năm 2021 từ Cục Thông tin KH&CN quốc gia.



**PHỤ LỤC XI**  
**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)**

**BỘ TƯ PHÁP**

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)**

**Tên văn bản đề nghị xây dựng: DỰ ÁN LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)**

**Chính sách 1: Tổ chức chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

<b>I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH</b>	
<b>1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương?</b>	<p>a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương: Thống nhất một chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thủ đô (không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên).</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Do pháp luật về cán bộ công chức vẫn còn có sự phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên dẫn đến thực hiện việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển giữa hai đối tượng cán bộ, công chức này còn nặng nề thủ tục rườm rà (để tuyển dụng công chức cấp xã, mỗi một quận, huyện, thị xã sẽ phải tổ chức một Hội đồng tuyển dụng riêng; việc điều động, luân chuyển công chức từ cấp huyện về cấp xã và ngược lại cũng gặp nhiều khó khăn do phải qua nhiều quy trình kiểm tra, sát hạch, tiếp nhận không qua thi; khi xuống cơ sở thì cấp huyện có thể thực hiện, khi từ cấp cơ sở về cấp huyện phải qua cấp Thành phố tiếp nhận, điều động, sát hạch...). Nếu thống nhất một chế độ công vụ, công chức, không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện sẽ tạo điều kiện thuận lợi thực hiện công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, chế độ chính sách về lương, ngạch giữa cán bộ, công chức ở cấp xã và cấp</p>

	huyện một cách linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Thủ đô.
<b>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</b>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Nhiệm vụ của công chức cấp xã được giao ngày càng tăng theo xu hướng phân cấp mạnh cho cơ sở, trong khi việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức cấp xã lại có sự phân biệt với công chức cấp huyện trở lên ảnh hưởng phần nào đến chất lượng, tạo tâm lý băn khoăn, e ngại cho một số đội ngũ công chức cấp xã.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Việc thống nhất một chế độ công vụ, công chức, không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện sẽ tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi hơn cho công chức cấp xã trong việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác cũng như được hưởng chế độ chính sách về lương, ngạch nâng cao hơn, tương xứng với nhiệm vụ được giao.</p>
<b>3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</b>	<p><b>a) Quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 1: Thi tuyển công chức cấp xã. Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 2: Xét tuyển công chức cấp xã Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 3: Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p><b>b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Phương án, giải pháp 1: .....</p> <p>- Phương án, giải pháp 2: .....</p>
<b>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?</b>	Việc thống nhất một chế độ công vụ, công chức, không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện sẽ tạo điều kiện thuận lợi thực hiện công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, chế độ chính sách về lương, ngạch giữa cán bộ, công chức ở cấp xã và cấp huyện một cách linh hoạt, chủ động, phù hợp hơn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Thủ đô.

**II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
(Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)

**III. THÔNG TIN LIÊN HỆ**

Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My .....

Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: .....; E-mail: .....

**Chính sách 2: Thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển Thủ đô**

**I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

<p><b>1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương?</b></p>	<p>a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương: Người có tài năng, năng lực, trình độ cao về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ được tuyển dụng thẳng, không qua thi vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thủ đô.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nhằm thu hút được những người có năng lực, trình độ và kinh nghiệm về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ làm việc cho các cơ quan, đơn vị của Thủ đô, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.</p>
<p><b>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</b></p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Người có tài năng, năng lực, trình độ cao cần được hưởng chế độ tuyển dụng, đãi ngộ đặc biệt so với đối tượng khác.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Người có tài năng, năng lực, trình độ cao phải thực hiện quy trình tuyển dụng phức tạp hoặc phải đáp ứng nhiều tiêu chí, tiêu chuẩn có thể sẽ trở thành rào cản đối với nhân lực chất lượng cao để vào được vị trí việc làm phù hợp.</p>
<p><b>3. Dự kiến những</b></p>	<p>a) <i>Quy định thủ tục hành chính:</i> <input type="checkbox"/></p>

<p><b>phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</b></p>	<p>- Tên thủ tục hành chính 1: Xét tuyển công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức của Thủ đô Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 2: Tiếp nhận vào làm công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức của Thủ đô Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p><b>b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Phương án, giải pháp 1: .....</p> <p>- Phương án, giải pháp 2: .....</p>
<p><b>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?</b></p>	<p>- Nhằm thu hút được những người có năng lực, trình độ và kinh nghiệm về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ làm việc cho các cơ quan, đơn vị của Thủ đô, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng chất lượng các dịch vụ công, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.</p> <p>- Giải pháp nhằm hạn chế được tình trạng chảy máu chất xám từ khu vực công sang tư, tránh lãng phí nguồn lực.</p> <p>- Việc tuyển dụng thẳng người có tài năng, năng lực, trình độ cao về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ sẽ tăng cơ hội thu hút người có năng lực, có trình độ cao vào khu vực công mà không phải mất chi phí cho các quy trình thủ tục phức tạp để thi tuyển.</p> <p>- Việc thu hút được những người có tài năng trong lĩnh vực khoa học công nghệ có thể sẽ giúp phát huy được tiềm lực, năng lực để giải quyết được các vấn đề của khoa học công nghệ trong xu thế quản trị mới hiện nay; có thể giúp gia tăng hiệu quả, chất lượng của các hoạt động, sản phẩm khoa học, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn và then chốt của Thủ đô.</p>
<p><b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> (Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)</p>	
<p><b>III. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b></p>	
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My .....</p>	

Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: .....; E-mail: .....

### Chính sách 3: Nâng cao năng lực tài chính – ngân sách và huy động nguồn lực cho phát triển Thủ đô

<b>I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH</b>	
<p><b>1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương?</b></p>	<p>a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương: Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành khác (đối với dự án đầu tư phát triển đô thị, nhà ở, khu công nghiệp,...).</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Giảm tầng nấc giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, nhằm thu hút, đẩy nhanh hoạt động đầu tư, thực hiện các dự án thực hiện trên địa bàn Thành phố.</p>
<p><b>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</b></p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Nhà đầu tư mong muốn dự án đầu tư sớm được phê duyệt chủ trương đầu tư để việc sản xuất, kinh doanh được tiến hành thuận lợi, theo đúng kế hoạch đề ra.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Việc đẩy nhanh hoạt động đầu tư, thực hiện các dự án sẽ giúp doanh nghiệp sớm thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, sớm thu hồi vốn và tăng doanh thu.</p>
<p><b>3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất</b></p>	<p>a) <b>Quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 1: Chấp chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 2: Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p>

<p>đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p>	<p><i>b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:</i> <input type="checkbox"/></p> <p>- Phương án, giải pháp 1: .....</p> <p>- Phương án, giải pháp 2: .....</p>
<p><b>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?</b></p>	<p>Giảm tăng nấc giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, nhằm thu hút, đẩy nhanh hoạt động đầu tư, thực hiện các dự án thực hiện trên địa bàn Thành phố; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.</p>
<p><b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> (Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)</p>	
<p><b>III. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b></p>	
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My .....</p> <p>Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: .....; E-mail: .....</p>	

**Chính sách 4: Phát triển đô thị và cơ sở hạ tầng của Thủ đô**

<p><b>I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH</b></p>	
<p><b>1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển</b></p>	<p>a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương:</p> <p>- Việc thực hiện biện pháp quy định các nguyên tắc, điều kiện xây dựng riêng trong khu vực nội đô lịch sử và các nguyên tắc, điều kiện xây dựng chung các đô thị của Hà Nội nhằm giảm phát thải, bảo vệ môi trường, quản lý không gian ngầm đô thị...nhằm phát huy hiệu quả công tác về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn nội đô lịch sử và phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô sẽ làm sửa đổi, bổ sung các thủ tục cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp</p>

**KTXH của địa phương?**

lại Giấy phép xây dựng, Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng trên địa bàn Thủ đô.

- Việc thực hiện biện pháp thu hút nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển đô thị sẽ làm phát sinh thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện dự án, “gói dự án” của Thành phố hoặc thủ tục chấm dứt hợp tác với nhà đầu tư chiến lược trong những điều kiện nhất định.

- Việc thực hiện biện pháp chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định sẽ làm sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:

- Việc thực hiện biện pháp pháp quy định các nguyên tắc, điều kiện xây dựng riêng trong khu vực nội đô lịch sử và các nguyên tắc, điều kiện xây dựng chung các đô thị của Hà Nội sẽ góp phần bảo tồn ở khu vực nội đô lịch sử, gìn giữ và phát huy các không gian văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống của Thủ đô, hình thành các trục không gian văn hoá của Thủ đô; tái thiết lại Thủ đô để khang trang và bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Theo quy định hiện nay, các khu vực được quy hoạch phát triển đô thị (như đô thị vệ tinh) thường được chia thành nhiều dự án nhỏ, độc lập để thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đấu giá đất. Việc giao các cơ quan quản lý nhà nước cấp sở hoặc UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng..., tạo quỹ đất để đấu giá QSDĐ, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dẫn đến tốn kém kinh phí, tính khả thi, hiệu quả không cao, manh mún, thiếu đồng bộ về hạ tầng, thời gian triển khai kéo dài do việc tổ chức đấu giá, đấu thầu để triển khai nhiều dự án trong cả khu đô thị mất rất nhiều thời gian từ thủ tục đầu tư đến triển khai dự án. Không có dự án có quy mô đủ lớn, có yêu cầu về kỹ thuật cao để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. Do đó, để đầu tư phát triển một cách đồng bộ, bền vững, cần thiết phải có nhà đầu tư chiến lược, đủ tầm, đủ tiềm lực tài chính có nhiều kinh nghiệm thực hiện đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... trên phạm vi toàn đô thị theo quy hoạch được duyệt. Theo đó, cần phải có thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược hoặc chấm dứt tư cách nhà đầu tư chiến lược trong những điều kiện nhất định để việc lựa chọn hoặc chấm dứt công khai, minh bạch, thuận tiện trong quá trình thực hiện.

- Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, quy định hoạch sử dụng đất quốc gia cũng đã có định phương phân bổ không gian và chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp, đất rừng và đất phi nông nghiệp. Diện tích các loại đất và diện tích

	<p>các loại đất cần chuyển đổi mục đích sử dụng là nội dung trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (Điều 39). Do đó, Thủ tướng Chính phủ là cấp thẩm quyền trong việc phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất tại Thủ đô. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đất đai, Thủ tướng Chính phủ lại phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên (Điều 58). Dẫn đến các dự án đầu tư trên phạm vi Thủ đô Hà Nội sẽ phải trải qua 2 lần phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Như đã phân tích ở trên, pháp luật hiện hành yêu cầu các dự án cần chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên phải xin phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ 02 lần. Thực tiễn này làm chậm tiến độ các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, đề xuất biện pháp chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Biện pháp này cũng giúp cho hạn chế tình trạng “quy hoạch treo” góp phần giảm tình trạng hoang hóa và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chậm đền bù cho người dân, chậm triển khai dự án đầu tư.</p>
<p><b>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</b></p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân, tổ chức được quyền xây dựng mới, cải tạo sửa chữa nhà ở, các công trình xây dựng khác đảm bảo đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Các tổ chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật thì được quyền tham gia và được lựa chọn làm nhà đầu tư chiến lược.</li> <li>- Hiện nay do giá trị kinh tế từ trồng lúa, sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất trồng lúa ở khu vực Thủ đô không cao. Do đó khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án phát triển KTXH Thủ đô sẽ đáp ứng được nguyện vọng, nhận được sự đồng thuận của đa số người dân.</li> </ul> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân sinh sống tại khu vực nội đô lịch sử nói riêng và người dân sinh sống trên địa bàn Thành phố nói chung, song vẫn phải bảo tồn ở khu vực nội đô lịch sử, bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù của Thủ đô.</li> <li>- Các tổ chức được lựa chọn làm nhà đầu tư chiến lược một cách công khai, minh bạch, được hưởng quyền ưu đãi đầu tư cũng như phải thực hiện nghĩa vụ khi thực hiện dự án, gói dự án theo quy định của pháp luật.</li> </ul>



	<p>- Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang phát triển công nghiệp, đô thị thì gia tăng cơ hội cho người dân có thể chuyển đổi nghề, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, sức khoẻ của người nông dân và người dân có điều kiện tiếp cận được nhà ở, đặc biệt là những người có thu nhập thấp. Việc phát triển đô thị ở khu vực nông thôn cũng gia tăng cơ hội cho người nông dân tiếp cận các dịch vụ xã hội hiện đại, có chất lượng, như y tế, nước sạch, giáo dục, giải trí, mua sắm....</p>
<p><b>3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</b></p>	<p><b>a) Quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 1: Nhóm TTHC liên quan đến cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng, Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng</p> <p>Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 2: Thủ tục lựa chọn hoặc chấm dứt nhà đầu tư chiến lược</p> <p>Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input checked="" type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 3: Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư.</p> <p>Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p><b>b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Phương án, giải pháp 1: .....</p> <p>- Phương án, giải pháp 2: .....</p>
<p><b>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?</b></p>	<p>- Việc thực hiện biện pháp quy định các nguyên tắc, điều kiện xây dựng riêng trong khu vực nội đô lịch sử và các nguyên tắc, điều kiện xây dựng chung các đô thị của Hà Nội nhằm đạt được mục tiêu bảo tồn ở khu vực nội đô lịch sử, gìn giữ và phát huy các không gian văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống của Thủ đô, hình thành các trục không gian văn hoá của Thủ đô; tái thiết lại Thủ đô để kháng trang và bảo đảm tốt hơn chính sách an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.</p> <p>- Việc quy định tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục lựa chọn hoặc chấm dứt nhà đầu tư chiến lược nhằm bảo đảm lựa chọn hoặc chấm dứt nhà đầu tư chiến lược được thực hiện một cách công khai, minh bạch, thuận tiện cho tổ chức, tránh việc “cạnh tranh không lành mạnh”; việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có đủ tầm, đủ tiềm lực tài chính sẽ góp phần bảo đảm thực hiện các dự án, gói dự án của Thành phố được bảo đảm tiến độ về thời gian, chất lượng, khắc</p>

	<p>phục được những hạn chế trong việc thực hiện dự án, gói dự án như hiện nay.</p> <p>- Việc chính quyền thành phố Hà Nội được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định góp phần giảm tầng nấc thực hiện thủ tục hành chính, giúp cho hạn chế tình trạng “quy hoạch treo” góp phần giảm tình trạng hoang hóa và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chậm đền bù cho người dân, chậm triển khai dự án đầu tư; gia tăng cơ hội cho người dân có thể chuyển đổi nghề, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, sức khỏe của người nông dân và người dân có điều kiện tiếp cận được nhà ở, đặc biệt là những người có thu nhập thấp.</p>
<p align="center"><b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> (Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)</p>	
<p><b>III. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b></p>	
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My .....</p> <p>Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: .....; E-mail: .....</p>	

**Chính sách 5: Xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh**

<p><b>I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH</b></p>	
<p><b>1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương?</b></p>	<p>a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính quyền Thủ đô ban hành các cơ chế đặc thù phát triển nông nghiệp, nông thôn;</li> <li>- Ban hành cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính (cao hơn so với quy định của trung ương), khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của cá nhân, tổ chức vào phát triển nông nghiệp, nông thôn;</li> <li>- Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, NT.</li> </ul> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p>

	<p>- Xuất phát từ những bất cập, hạn chế trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Thủ đô như sản xuất nông nghiệp chưa ổn định, hiệu quả còn thấp; nông nghiệp CNC còn ít; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực chưa cao; đào tạo lao động nông thôn chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động; người nông dân chưa thật sự làm chủ được chu trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm....</p> <p>- Nhằm đạt được mục tiêu xây dựng và phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ứng dụng CNC, tập trung sản xuất cây, con giống năng suất, chất lượng, giá trị cao cho cả nước; xây dựng nông thôn mới, xanh, hiện đại, gắn với phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề giàu bản sắc văn hoá đặc trưng của Thủ đô; xây dựng người nông dân Thủ đô văn minh, có kỹ năng, trình độ, là chủ thể xây dựng, thụ hưởng thành quả phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p>
<p><b>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</b></p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Người nông dân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp được hưởng ưu đãi do Thành phố quy định, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân, phát triển kinh tế nông thôn.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <p>Nâng cao chất lượng lao động nông thôn để theo kịp yêu cầu của thị trường lao động; làm chủ được chu trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi cung ứng và thụ hưởng thành quả của ứng dụng KH-CN trong sản xuất nông nghiệp, ứng phó biến đổi khí hậu; giảm tỷ lệ nghèo một cách bền vững, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị.</p>
<p><b>3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá</b></p>	<p><b>a) Quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính: Nhóm các TTHC liên quan đến quá trình người dân, tổ chức tiếp cận và nhận các ưu đãi, hỗ trợ hoạt động đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input checked="" type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input type="checkbox"/></p> <p><b>b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Phương án, giải pháp 1: .....</p> <p>- Phương án, giải pháp 2: .....</p>

<b>nhân, tổ chức?</b>	
<b>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?</b>	Việc lựa chọn thủ tục hành chính là biện pháp để thực hiện chính sách nhằm đạt được mục tiêu xây dựng và phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ứng dụng CNC, tập trung sản xuất cây, con giống năng suất, chất lượng, giá trị cao cho cả nước; xây dựng nông thôn mới, xanh, hiện đại, gắn với phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề giàu bản sắc văn hoá đặc trưng của Thủ đô; xây dựng người nông dân Thủ đô văn minh, có kỹ năng, trình độ, là chủ thể xây dựng, thụ hưởng thành quả phát triển nông nghiệp, nông thôn.
<b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> (Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)	
<b>III. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	
Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My .....	
Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: .....; E-mail: .....	

### Chính sách 6: Phát triển văn hóa và giáo dục – đào tạo Thủ đô

<b>I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH</b>	
<b>1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương?</b>	<p>1.1. Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương:</p> <p>(i) Cơ sở giáo dục công lập được quyền thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài;</p> <p>(ii) Cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng được chương trình giảng dạy nâng cao của nhà trường;</p> <p>(iii) Chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể; hỗ trợ nghệ nhân bảo vệ, truyền dạy cho đội ngũ kế cận, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở trong nước và ở nước ngoài.</p>

	<p>1.2. Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>(i) Do pháp luật hiện hành chưa có cơ chế chính sách cho phép cơ sở giáo dục công lập được liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài dẫn đến các trường công lập gặp khó khăn trong việc hợp tác phát triển với các cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài, không nâng cao được năng lực cạnh tranh với các cơ sở đào tạo của các nước trong khu vực. Điều này góp phần dẫn đến chất lượng giáo dục - đào tạo trên mặt bằng chung chưa theo kịp yêu cầu phát triển, chưa theo kịp với trình độ của các nước phát triển trong khu vực và thế giới; việc thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội cho giáo dục, hợp tác, liên kết quốc tế về giáo dục đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học còn hạn chế; làm gia tăng nguy cơ tụt hậu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Việc thực hiện biện pháp này sẽ góp phần gia tăng nguồn lực xã hội thu hút được nhằm phát triển loại hình liên kết đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập; đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, khuyến khích kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín được công nhận hoạt động ở Việt Nam. Từ đó, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Thủ đô, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển KTXH và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô.</p> <p>(ii) Để nâng cao chất lượng giáo dục của Thủ đô thì cần phải có chính sách phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học. Để thực hiện được chính sách này cần có giải pháp thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng được chương trình giảng dạy nâng cao của nhà trường nhằm đào tạo được nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển KTXH và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô.</p> <p>(iii) Thủ đô Hà Nội là địa phương có nhiều nghệ nhân được phong tặng danh hiệu cao quý nhất. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế khen thưởng, hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh dành riêng cho các nghệ nhân trong khi đại đa số các nghệ nhân này đều không có lương. Chính vì thế, việc thiết lập cơ chế chính thức trong hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh sẽ là nguồn động viên tinh thần to lớn, có tác động tích cực đến toàn xã hội. Điều này khuyến khích họ tiếp tục cống hiến, tạo động lực cho đội ngũ nghệ nhân kề cận tin tưởng vào việc giữ nghề và truyền nghề, tạo sự ổn định cho các làng, địa phương có nghề, thúc đẩy tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động tại chỗ.</p>
<p><b>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần</b></p>	<p>2.1. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <p>(i) Người học cần được hưởng chất lượng giáo dục tốt nhất, theo kịp với trình độ của các nước phát triển trong khu vực và thế giới.</p>

<p><b>được bảo đảm?</b></p>	<p>(ii) Cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi cần phải có cơ chế thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ khác với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khác.</p> <p>(iii) Các nghệ nhân cần được ổn định, cải thiện chất lượng, cuộc sống, bớt phải bận tâm đến lo toan đời sống thường nhật, để tập trung, nhiệt tình, nâng cao trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.</p> <p>2.2. Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <p>(i) Việc phát triển các loại hình liên kết giáo dục, đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục đào tạo công lập giúp học sinh có cơ hội hội nhập quốc tế nhưng ở ngay tại Thành phố mà không phải sống xa nhà; học sinh được gia tăng cơ hội lựa chọn các trường học phù hợp với khả năng và điều kiện của mình; học sinh sẽ có thêm điều kiện và khả năng để sớm trở thành Công dân toàn cầu. Ngoài ra, việc phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài trong giáo dục và đào tạo cũng khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tổ chức quốc tế đầu tư, tài trợ cho giáo dục Thủ đô.</p> <p>(ii) Nhằm thu hút, tuyển dụng được cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi phục vụ cho sự phát triển giáo dục, đào tạo của Thủ đô.</p> <p>(iii) Thiếu chính sách hỗ trợ các nghệ nhân văn hóa sẽ không khích lệ được ý chí, không phát huy được vai trò của nghệ nhân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, từ đó, dẫn tới nguy cơ mai một di sản văn hóa phi vật thể.</p>
<p><b>3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá</b></p>	<p><b>3.1. Quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 1: Nhóm các TTHC liên quan đến liên kết giữa cơ sở giáo dục công lập được với các cơ sở giáo dục nước ngoài trên địa bàn Thủ đô.</p> <p>Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input checked="" type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 2: Nhóm các TTHC liên quan đến tuyển dụng viên chức (đối tượng là cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên)</p> <p>Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Tên thủ tục hành chính 3: Nhóm các TTHC liên quan đến hỗ trợ đối với các nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể, các cơ sở truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.</p>

<b>nhân, tổ chức?</b>	Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/> <b>3.2. Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/> - Phương án, giải pháp 1: ..... - Phương án, giải pháp 2: .....
<b>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?</b>	(i) Thủ tục hành chính là biện pháp để thực hiện chính sách hợp tác, liên kết giáo dục trong và ngoài nước sẽ góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngày một nâng cao chất lượng, hệ thống giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của quốc tế. Người học hoàn thành chương trình giáo dục tích hợp được cấp văn bằng tốt nghiệp của Việt Nam và của nước ngoài. Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để “xây dựng Hà Nội thành trung tâm giáo dục chất lượng cao ngang tầm khu vực và thế giới”. (ii) Nhằm thu hút, tuyển dụng được cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, nhân viên giỏi phục vụ cho sự phát triển giáo dục, đào tạo của Thủ đô. (iii) Thủ tục hành chính là biện pháp để thực hiện chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể, các cơ sở truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể nhằm mục tiêu để bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; giúp các nghệ nhân ổn định, cải thiện chất lượng, cuộc sống, bớt phải bận tâm đến lo toan đời sống thường nhật, tập trung, nhiệt tình, nâng cao trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.
<b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> (Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)	
<b>III. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	
Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My ..... Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: .....; E-mail: .....	

**Chính sách 7: Huy động, sử dụng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**

## I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

**1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương?**

a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương:

- Thực hiện biện pháp trao quyền tự chủ trong quản lý cho các chuyên gia, nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.

- Thực hiện biện pháp Thành phố được thí điểm xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà khoa học và công nghệ làm việc ở Thủ đô.

- Được áp dụng chính sách chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện. Việc chuyển giao được thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô.

b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:

- Thu hút được chuyên gia nhà khoa học giỏi chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, từ đó nâng cao chất lượng các nhiệm vụ khoa học công nghệ, phát huy được tiềm lực KHCN của các chuyên gia công nghệ, các nhà khoa học đầu ngành- các tổng công trình sư thiết kế và điều hành triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học trọng điểm để giải quyết các vấn đề lớn về phát triển kinh tế- xã hội, KHCN, quản trị thành phố thông minh, hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số nói riêng, cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung, tránh sự lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả đầu tư ngân sách cho các hoạt động khoa học công nghệ trọng điểm, qua đó góp phần duy trì và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành tầm quốc gia và khu vực trong lĩnh vực công nghệ mũi nhọn.

- Việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao sản phẩm là kết quả nghiên cứu KHCN không phải bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô sẽ khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nhận chuyển giao công nghệ, thương mại hoá sản phẩm, qua đó góp phần thúc đẩy hình thành, phát triển thị trường KHCN Thủ đô với sức cạnh tranh cao trong điều kiện Cách mạng 4.0, tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội, tạo nguồn thu cho NSNN, hướng tới mục tiêu đến năm 2025 có tối thiểu 200 doanh nghiệp KHCN và 250 vào năm 2030.



<p><b>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</b></p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng các cơ hội tiếp cận và thu hưởng quyền của chuyên gia nhà khoa học khi được tham gia các hoạt động KHCN trọng điểm, tiếp cận với các thị trường KHCN</li> <li>- Các tổ chức, cá nhân đủ năng lực, đáp ứng đủ điều kiện theo quy định thì được hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao sản phẩm là kết quả nghiên cứu KHCN không phải bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện.</li> </ul> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo điều kiện để các chuyên gia nhà khoa học có thu nhập ổn định ở mức cao, yên tâm cống hiến, có thể tạo ra nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ có chất lượng và hiệu quả.</li> <li>- Khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nhận chuyển giao công nghệ, thương mại hoá sản phẩm, qua đó góp phần thúc đẩy hình thành, phát triển thị trường KHCN Thủ đô với sức cạnh tranh cao trong điều kiện Cách mạng 4.0.</li> </ul>
<p><b>3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</b></p>	<p>a) <b>Quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên thủ tục hành chính 1: Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố sử dụng ngân sách Nhà nước.</li> </ul> <p>Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên thủ tục hành chính 2: Xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà khoa học và công nghệ làm việc ở Thủ đô.</li> <li>- Tên thủ tục hành chính 3: Đề nghị chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện.</li> </ul> <p>Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>b) <b>Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:</b> <input type="checkbox"/></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án, giải pháp 1: .....</li> <li>- Phương án, giải pháp 2: .....</li> </ul>

<p><b>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?</b></p>	<p>Việc lựa chọn thủ tục hành chính là biện pháp để đạt được mục tiêu của chính sách là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp thành phố với việc thu hút đội ngũ chuyên gia KHCN đầu ngành có thể tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị khoa học và giá trị thực tiễn cao, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua nhiệm vụ KHCN.</li> <li>- Tăng các cơ hội tiếp cận và thu hưởng quyền của chuyên gia nhà khoa học khi được tham gia các hoạt động KHCN trọng điểm, tiếp cận với các thị trường KHCN, có thu nhập ổn định ở mức cao, yên tâm cống hiến, có thể tạo ra nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ có chất lượng và hiệu quả.</li> <li>- Khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nhận chuyển giao công nghệ, thương mại hoá sản phẩm, qua đó góp phần thúc đẩy hình thành, phát triển thị trường KHCN Thủ đô với sức cạnh tranh cao trong điều kiện Cách mạng 4.0, tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội.</li> </ul>
<p><b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> (Sẽ được đánh giá cụ thể trong quá trình xây dựng dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành)</p>	
<p><b>III. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b></p>	
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Trà My .....</p> <p>Điện thoại cố định: 024.62739394; Di động: .....; E-mail: .....</p>	



Số: 318/BC-BTP

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023

## **BÁO CÁO BỔ SUNG**

### **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH LUẬT THỦ ĐÔ (SỬA ĐỔI)**

#### **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

##### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực hiện Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành xây dựng dự án Luật Thủ đô (sửa đổi). Về cơ bản, dự thảo Luật đã bám sát 09 nhóm chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, trên cơ sở rà soát Luật Thủ đô năm 2012, các văn bản QPPL có liên quan và đánh giá bất cập, khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật thấy rằng cần tiếp tục đánh giá thêm một số biện pháp mới hoặc làm rõ hơn các biện pháp của một số chính sách tại Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/02/2023 của Bộ Tư pháp đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi), song vẫn bảo đảm không thay đổi nội dung của 09 nhóm chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua, nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng về xây dựng, phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 15-NQ/TW, cũng như các chủ trương có liên quan đến phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW và các nghị quyết khác của Đảng có liên quan.

##### **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Mục tiêu xây dựng chính sách không thay đổi so với mục tiêu xây dựng chính sách đã nêu tại mục I.2 của Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/02/2023 của Bộ Tư pháp đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi) (sau đây viết tắt là Báo cáo số 59/BC-BTP).

#### **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH BỔ SUNG**

Trong số 09 nhóm chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua, Báo cáo đánh giá tác động bổ sung sẽ đánh giá thêm một số biện pháp mới hoặc làm rõ hơn các biện pháp đã phân tích tại Báo cáo số 59/BC-BTP, cụ thể là:

**(i) Chính sách 1: Tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

Bổ sung 03 biện pháp:

(1) Tăng số lượng đại biểu HĐND thành phố Hà Nội lên 125 đại biểu, ít nhất 25% đại biểu hoạt động chuyên trách.

(2) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong thời gian Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội không họp.

(3) Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ủy quyền việc giải quyết một số thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền cho UBND hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp dưới; UBND phường, Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức chuyên môn để giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND phường.

**(ii) Chính sách 3: Cơ chế huy động nguồn lực, nâng cao năng lực tài chính - ngân sách cho phát triển của Thủ đô**

Bổ sung 03 biện pháp:

(1) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hoá.

(2) Thành phố Hà Nội được quyết định thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức Xây dựng - Chuyển giao (BT). Hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công hoặc tài sản công và quyền sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm, không gian và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và để chi trả cho dự án BT.

(3) Thu hút nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án trọng điểm, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cho Thành phố.

**(iii) Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông của Thủ đô.**

Đánh giá bổ sung biện pháp: Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

**(iv) Chính sách 5: Cơ chế, chính sách xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.**

Bổ sung biện pháp: *Cho phép xây dựng trên đất nông nghiệp các công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung.*

**(v) Chính sách 6: Cơ chế, chính sách phát triển văn hóa và giáo dục - đào tạo Thủ đô.**

Bổ sung 02 biện pháp:

(1) *Phạm vi lĩnh vực áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát: tại các khu thúc đẩy thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa của Thủ đô.*

(2) *Thủ đô được quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên. Nội dung, mức hỗ trợ hỗ trợ cao hơn mức Trung ương quy định theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội.*

**(vi) Chính sách 7: Huy động, sử dụng, phát triển tiềm lực KHCCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.**

Đánh giá bổ sung biện pháp: *Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới và Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố Hà Nội.*

**(vii) Chính sách 8: Cơ chế, chính sách phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững.**

Bổ sung giải pháp 3: *Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phù hợp với từng nhóm đối tượng và khả năng ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội. Mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu về y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, trợ giúp xã hội, trợ giúp pháp lý, nước sạch, nhà ở xã hội, tiếp cận thông tin.*

**1. CHÍNH SÁCH 1: TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TINH GỌN, HỢP LÝ, HIỆN ĐẠI, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ**

Bổ sung 03 biện pháp vào nhóm giải pháp 2:

(1) *Tăng số lượng đại biểu HĐND thành phố Hà Nội lên 125 đại biểu, ít nhất 25% đại biểu hoạt động chuyên trách.*

(2) *Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giao Thường trực Hội đồng nhân*

*dân thành phố Hà Nội thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong thời gian Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội không họp.*

*(3) Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ủy quyền việc giải quyết một số thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền cho UBND hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp dưới; UBND phường, Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức chuyên môn để giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND phường.*

### **1.1. Biện pháp “Tăng số lượng đại biểu HĐND Thành phố lên 125 đại biểu, ít nhất 25% đại biểu hoạt động chuyên trách”**

#### **1.1.1. Xác định vấn đề bất cập**

- Thủ đô Hà Nội là một trong hai địa phương có quy mô dân số đông nhất cả nước với tốc độ gia tăng dân số cơ học hằng năm ở mức 1,4%/năm; số lượng người cư trú, thường xuyên và làm việc tại Hà Nội khoảng trên 10 triệu người, với số lượng 95 đại biểu HĐND thành phố như hiện nay, bình quân 105.000 người dân/đại biểu, thấp hơn bình quân chung cả nước là 26.500 người dân/đại biểu HĐND cấp tỉnh. Nếu không đảm bảo đủ số lượng đại biểu thì không bảo đảm được tính đại diện, quyền lợi của cử tri và nhân dân Thủ đô.

- Hiện nay, khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 97/2019/QH14), thì số lượng đại biểu HĐND các cấp của thành phố Hà Nội đã giảm so với nhiệm kỳ 2016-2021 là 4.966 đại biểu HĐND phường. Nếu tiếp tục thực hiện việc không tổ chức HĐND tại các phường thì trong nhiệm kỳ 2026-2031, số đại biểu HĐND các cấp của thành phố Hà Nội sẽ ít hơn khoảng trên 7.000 đại biểu (do không tổ chức HĐND ở các phường và tới đây Thành phố sẽ có một số huyện chuyển thành quận, xã sẽ chuyển thành phường). Điều này có thể sẽ làm giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND thành phố, đặc biệt là việc đảm bảo kiểm soát, giám sát quyền lực.

- Các ban HĐND thành phố có Trưởng ban hoặc Phó ban, nhưng phần lớn hoạt động kiêm nhiệm nên chưa dành nhiều thời gian, tâm huyết cho hoạt động của đại biểu HĐND, chưa tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri.

- Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật TCCQP) hiện nay thì HĐND Thành phố có 38 nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu (trong đó 34 nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 19; 04 nhiệm vụ quyền hạn theo Điều 40). Nếu theo tinh thần của dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) hiện nay với chính sách phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho Chính quyền thành phố thì

HĐND Thành phố sẽ phải thực hiện tăng thêm trên 110 nội dung nhiệm vụ, quyền hạn thuộc 09 nhóm chính sách đang được đề xuất.

- Việc tăng đại biểu chuyên trách của HĐND Thành phố là chủ trương đã được Quốc hội thống nhất từ nhiệm kỳ 2021-2026. HĐND, Thường trực HĐND Thành phố cũng đã có kinh nghiệm trong việc xây dựng Đề án cơ cấu, thành phần đại biểu HĐND Thành phố đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu đại biểu HĐND Thành phố, đồng thời bố trí được đúng số lượng đại biểu HĐND Thành phố hoạt động chuyên trách theo Nghị quyết của Quốc hội. Kết quả hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2016-2021 và từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 đến nay cũng đã thể hiện tính hợp lý, đúng đắn của việc tăng đại biểu chuyên trách.

### ***1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của HĐND thành phố Hà Nội (đặc biệt là hoạt động giám sát của HĐND) trong bối cảnh đẩy mạnh hoạt động phân quyền, phân cấp cho chính quyền Thủ đô, thể hiện được tính đặc thù của mô hình chính quyền đô thị.

### ***1.1.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

#### ***a) Tác động kinh tế:***

Hiện nay, số lượng đại biểu HĐND thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 là 95 đại biểu, trong đó có 19 đại biểu chuyên trách, chiếm tỷ lệ 20%, bao gồm Chủ tịch HĐND thành phố Hà Nội, 02 Phó Chủ tịch, 04 Trưởng Ban, 08 Phó Trưởng Ban và 04 Ủy viên chuyên trách của cả 04 Ban HĐND Thành phố. Nếu tăng số lượng đại biểu HĐND lên 125 đại biểu và ít nhất 25% đại biểu chuyên trách thì số đại biểu tăng thêm là 30 đại biểu, trong đó có tăng thêm khoảng 13 người là đại biểu chuyên trách.

Mức kinh phí bố trí cho việc tăng thêm 30 đại biểu sẽ bao gồm: kinh phí bầu cử, phụ cấp, cơ sở vật chất, văn phòng, hoạt động... theo 1 nhiệm kỳ 5 năm. Các khoản phụ cấp cố định chi trả cho đại biểu HĐND thành phố Hà Nội hàng năm gồm hoạt động phí, khoán công tác phí; khoán kinh phí khai thác internet; hỗ trợ chăm sóc sức khỏe; hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia... khoảng 45 triệu/người/năm; trong nhiệm kỳ đại biểu được hỗ trợ trang phục, trang cấp thiết bị điện tử phục vụ công tác khoảng 45 triệu đồng/người/nhiệm kỳ; ngoài ra, các khoản kinh phí phục vụ hoạt động chuyên môn của đại biểu như kinh phí phục vụ hoạt động khảo sát, giám sát, thẩm tra, tiếp xúc cử tri được đảm bảo căn cứ trên tình hình nhiệm vụ công tác của năm cũng như cả nhiệm kỳ. Kinh phí bố trí chi trả lương, chế độ đối với biên chế đại biểu HĐND chuyên trách tăng thêm: gồm chi trả tiền lương cho đại biểu (căn cứ trên thực tế mức lương hiện hưởng



của đại biểu) và khoản chi thường xuyên của đại biểu với định mức 103 triệu đồng/người/năm. Như vậy, tổng số kinh phí phải chi trả cho 30 đại biểu tăng thêm là khoảng 4 tỷ 710 triệu/năm (chưa tính chi phí tiền lương).

Mặc dù phải chi trả thêm khoảng 4 tỷ 710 triệu/năm, nhưng nếu không tổ chức HĐND tại các phường thì nhiệm kỳ 2026-2031, số đại biểu HĐND các cấp của thành phố Hà Nội sẽ ít hơn so với quy định khoảng trên 7.000 đại biểu (như đã phân tích). Do đó việc bố trí kinh phí hoạt động cho HĐND các cấp, đặc biệt là việc bố trí kinh phí hoạt động cho số lượng đại biểu HĐND so với nhiệm kỳ 2016-2021, 2021-2026 về bản chất sẽ tiếp tục được giảm, tiết kiệm hơn rất nhiều so với việc thực hiện theo quy định của luật. Như vậy đối với việc bố trí kinh phí cho hoạt động của HĐND các cấp, để trả lương, chế độ đối với biên chế đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách của HĐND các cấp của Thành phố như hiện nay là đảm bảo thực hiện đúng các quy định của luật, đồng thời phù hợp với thực tiễn và yêu cầu trong việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội trong giai đoạn phát triển mới.

Đối với Ủy viên hoạt động chuyên trách của các Ban HĐND Thành phố hiện đang thực hiện theo Nghị định số 68/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết 160/2021/QH14 của Quốc hội thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của HĐND thành phố Hà Nội; theo đó các Ủy viên chuyên trách được hưởng lương theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức; được hưởng phụ cấp chức vụ bằng chức danh trưởng phòng cấp sở và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy, nhìn một cách tổng thể, việc tăng thêm 30 đại biểu HĐND thành phố Hà Nội (trong đó có 13 đại biểu chuyên trách) dự kiến sẽ không làm phát sinh thêm ngân sách của Thành phố trong điều kiện vẫn tiếp tục không tổ chức HĐND phường.

#### *b) Tác động xã hội*

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Việc đề xuất tăng số lượng đại biểu HĐND Thủ đô được tính dựa trên số lượng đơn vị hành chính, quy mô dân số vừa đảm bảo các quy định của luật, vừa để đảm bảo tính đại diện, đảm bảo quyền lợi của cử tri và Nhân dân Thủ đô.

Theo phương án đề xuất hiện nay, cơ cấu tổ chức HĐND cấp Thành phố sẽ bao gồm: 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch HĐND, mỗi Ban của HĐND Thành phố có 07 đại biểu hoạt động chuyên trách (gồm 01 Trưởng Ban, 02 Phó Trưởng ban, không quá 04 Ủy viên hoạt động chuyên trách).

Việc đề xuất thêm 01 Phó Chủ tịch HĐND Thành phố là để đảm bảo phụ trách, theo dõi 03 nhóm lĩnh vực lớn thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, dự kiến cụ thể như sau: 01 Phó Chủ tịch phụ trách các lĩnh vực về kinh tế, ngân sách, văn hóa xã hội; 01 Phó Chủ tịch phụ trách các lĩnh vực về pháp chế, xây dựng chính quyền, an ninh quốc phòng; 01 Phó Chủ tịch phụ trách các lĩnh vực về quy hoạch, xây dựng, đô thị. Với số lượng theo như đề xuất là 03 Phó Chủ tịch HĐND Thành phố để đảm bảo sự tương đồng trong hệ thống chính trị và bộ máy thực thi nhiệm vụ của chính quyền Thủ đô<sup>1</sup>. Đối với các Ban của HĐND, so với quy định tại Nghị quyết số 160/2021/QH14 ngày 08/4/2021 của Quốc hội về thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của HĐND thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 160/2021/QH14) sẽ dự kiến tăng 03 đại biểu hoạt động chuyên trách, không tăng ở lãnh đạo Ban.

Dự kiến số lượng đại biểu HĐND tăng thêm sẽ là các nhà khoa học, trí thức, doanh nghiệp và đại diện cho các tổ chức chính trị xã hội, các hiệp hội thành viên của Mặt trận Tổ quốc nhằm khai thác và phát huy được thế mạnh, sự cống hiến và đóng góp xây dựng Thủ đô của các nhà khoa học và đại diện các doanh nghiệp Thủ đô Hà Nội. Đồng thời đây cũng là nguồn sẽ bổ sung để tăng thêm cơ cấu đại biểu đại diện cho các thành phố trực thuộc thành phố Hà Nội và bổ sung số lượng các đại biểu HĐND Thành phố hoạt động chuyên trách.

Việc tăng số lượng đại biểu HĐND chuyên trách phù hợp với vị thế, vai trò đặc biệt quan trọng của Thủ đô và yêu cầu đảm đương khối lượng công việc ngày càng tăng của chính quyền các cấp trong bối cảnh thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế chính sách tài chính ngân sách đặc thù theo nghị quyết của Quốc hội. Việc tăng số lượng đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách không chỉ giúp nâng cao tính chuyên nghiệp, khoa học, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND Thành phố trong các hoạt động xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách phát triển Thủ đô, mà còn giúp tạo nguồn cán bộ kế thừa của các cơ quan dân cử.

Hiện nay HĐND Thành phố đang thực hiện 38 nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương. Tuy nhiên, với chính sách phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho Chính quyền Thủ đô, nếu theo quy định dự kiến tại dự kiến tại dự thảo Luật thì HĐND Thành phố sẽ phải thực hiện tăng thêm trên 110 nội dung nhiệm vụ, quyền hạn. Với mỗi nội dung nhiệm vụ, quyền hạn trên thì HĐND Thành phố sẽ phải ban hành các nghị quyết, đồng thời phải giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết này của HĐND Thành

---

<sup>1</sup> Đối với tổ chức bộ máy của Thành ủy, hiện nay Thành ủy Hà Nội có 04 Phó Bí thư (nhiều hơn 01 Phó Bí thư so với các tỉnh, thành phố khác); đối với UBND Thành phố hiện nay có 06 Phó Chủ tịch UBND (nhiều hơn 01 Phó Chủ tịch được Trung ương quy định đặc thù và cao hơn so với quy định tại Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

phổ. Do đó, việc tăng thêm số lượng đại biểu HĐND Thành phố, đặc biệt là số lượng đại biểu chuyên trách sẽ tạo thêm sức mạnh cho bộ máy hoạt động để không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, chất lượng hoạt động của HĐND thành phố Hà Nội, đảm bảo thực chất và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Theo nhiệm kỳ 2016-2021 và nhiệm kỳ 2021-2026, các đại biểu hoạt động chuyên trách là biên chế hành chính của Thành phố được Trung ương giao, việc bố trí số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách HĐND Thành phố không làm phát sinh tăng biên chế trong tổng biên chế hành chính của Thành phố giao theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị về “một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả” (Nghị quyết số 18-NQ/TW). Khi được bố trí theo số lượng đề xuất thì biên chế đại biểu HĐND Thành phố hoạt động chuyên trách sẽ được cân đối, bố trí trong tổng biên chế hành chính của Thành phố do Trung ương giao.

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Tăng đại biểu HĐND Thành phố, đặc biệt là tăng 25% chuyên trách đòi hỏi HĐND Thành phố cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các hoạt động, trong đó có hoạt động giám sát. Có thể nói, các đại biểu chuyên trách có vai trò rất lớn và đóng góp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát của HĐND thành phố Hà Nội. Số lượng đại biểu chuyên trách được đảm bảo đầy đủ cùng với việc phân công, bố trí từng đại biểu chuyên trách theo dõi từng nhóm nội dung với từng lĩnh vực cụ thể sẽ giúp hoạt động giám sát bảo đảm sâu, rộng, cụ thể, chuyên nghiệp hơn, theo đến tận cùng vấn đề. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động nói chung và hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND Thành phố; đảm bảo mỗi đầu việc đều có người chủ trì chịu trách nhiệm, người phối hợp, thời gian và tiến độ thực hiện. Là thành phần nòng cốt trong các cuộc giám sát, làm việc tại cơ sở, trước và trong các cuộc giám sát, các đại biểu chuyên trách sẽ có cơ hội nghiên cứu, tìm hiểu kỹ nội dung giám sát, thu thập các thông tin cần thiết. Tăng đại biểu chuyên trách cũng là để tăng chất lượng hoạt động chất vấn trên nghị trường, đảm bảo hơn nữa quyền và lợi ích của các cử tri nói riêng cũng như của công dân đang sinh sống trên địa bàn Thủ đô nói chung, đảm bảo quyền đại diện, thực hiện ý chí, quyền làm chủ của người dân.

Tăng thêm số lượng đại biểu HĐND Thành phố sẽ giúp phát huy các cơ chế dân chủ trực tiếp để nắm bắt ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; tiếp nhận và giải đáp kịp thời các khiếu nại, kiến nghị, thắc mắc của người dân; nâng cao hiệu quả thực hiện hoạt động tiếp xúc cử tri, chất vấn giữa chính quyền với

người dân. Từ đó, sẽ đảm bảo và tăng cường hơn nữa quyền làm chủ của Nhân dân.

Tác động tiêu cực:

Thực hiện biện pháp này cũng sẽ tạo ra một số thay đổi nhất định trong trong tổ chức thực hiện bầu cử; bố trí cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo khác cho đại biểu tăng thêm; điều chỉnh, phân công lại trong các hoạt động chung của HĐND...

Việc giảm đại biểu HĐND công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước là chủ trương chung được đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW. Vì vậy, việc tăng đại biểu HĐND (mà không phải là đại biểu HĐND chuyên trách) có thể chưa phù hợp lắm trong bối cảnh hiện nay, khi mục tiêu, yêu cầu đặt ra là tăng cường lực lượng chuyên trách để có thể dành thời gian công hiến được nhiều nhất cho hoạt động của HĐND. Với các đại biểu không chuyên trách, nếu theo quy định pháp luật, họ chỉ cần dành ít nhất *một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND*.

Lực lượng đại biểu chuyên trách là lực lượng có thể dành toàn bộ thời gian để phục vụ cho hoạt động của HĐND. Việc tăng cường đại biểu chuyên trách nhưng phải đảm bảo được các tiêu chuẩn cần thiết để bảo đảm tính chuyên nghiệp. Do đó, nếu chỉ quan tâm đến số lượng, cơ cấu mà không quan tâm thỏa đáng đến tiêu chuẩn thì có thể sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đại biểu HĐND, giảm hiệu quả hoạt động của thiết chế này.

Qua thực tế hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội cho thấy, mặc dù, vị trí pháp lý và vai trò của đại biểu HĐND chuyên trách đã được pháp luật quy định nhưng quyền hạn và trách nhiệm chưa tương xứng với vai trò, vị trí của cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; chế độ đãi ngộ, việc điều động, sắp xếp, luân chuyển cán bộ hoạt động chuyên trách ở các Ban của HĐND còn gặp nhiều khó khăn..., từ đó chưa khuyến khích được đại biểu cống hiến hết khả năng của mình trên cương vị được giao, khó thu hút được đại biểu HĐND từ các cơ quan khác về hoạt động chuyên trách tại cơ quan của HĐND. Do đó, với giải pháp tăng số lượng đại biểu chuyên trách như đề xuất, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần quan tâm để ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể về quyền hạn, nhiệm vụ, vị trí, vai trò của đại biểu HĐND chuyên trách các cấp.

*c) Tác động về giới:*

Việc tăng số lượng đại biểu HĐND thành phố lên 125 đại biểu, ít nhất 25% đại biểu hoạt động chuyên trách có thể sẽ ảnh hưởng đến đại biểu nữ.

*d) Tác động của TTHC:*

Biện pháp này không làm phát sinh TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2017).

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Việc tăng số lượng đại biểu HĐND Thành phố không trái với Hiến pháp năm 2013 nhưng không phù hợp với quy định tại Điều 39 Luật TCCQĐP năm 2015, Nghị quyết số 160/2021/NQ14, Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026”.

## **1.2. Biện pháp “HĐND thành phố Hà Nội giao Thường trực HĐND thành phố Hà Nội thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong thời gian HĐND thành phố Hà Nội không họp”**

Một số nhiệm vụ, quyền hạn dự kiến HĐND thành phố Hà Nội giao cho Thường trực HĐND thành phố gồm:

- Quyết định các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô;

- Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C quy định tại Luật Đầu tư công;

- Căn cứ vào dự toán ngân sách hằng năm được HĐND thành phố Hà Nội phê duyệt, quyết định việc hỗ trợ các cơ quan trung ương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm phát triển kinh tế xã hội, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết, cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội.

### ***1.2.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Về quyết định các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn: Để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô (ví dụ như đại dịch Covid-19, vụ cháy chung cư mini làm chết 56 người trong thời gian vừa qua...), thành phố Hà Nội cần tức thời có các biện pháp, chế độ chi đặc thù, đặc biệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách các cấp chính quyền địa phương để đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả. Việc triệu tập Kỳ họp chuyên đề của HĐND Thành phố để quyết nghị các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật chuyên ngành sẽ không đảm bảo tính kịp thời và làm phát sinh thêm nhiều chi phí (cả chi phí về thời gian, nhân lực, tài chính).

- Về quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C quy định tại Luật Đầu tư công: Luật Đầu tư công hiện đang xác định việc quyết định và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công là thuộc thẩm quyền của HĐND để thể hiện ý chí, nguyện vọng của người dân trong quyết định sử dụng nguồn lực ngân sách cho đầu tư phát triển, phục vụ giải quyết các nhu cầu dân sinh cấp thiết, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc lựa chọn nội dung và quy mô đầu tư. Việc HĐND quyết định chủ trương đầu tư cũng là một thành phần của quá trình giám sát thường xuyên của đại biểu nhân dân về khả năng huy động và cân đối nguồn vốn đầu tư công để triển khai các dự án sớm ngay từ khâu chuẩn bị đầu tư, tránh trường hợp việc lập và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án quá nhiều, vượt khả năng cân đối của ngân sách, gây lãng phí nguồn lực khi không thể sắp xếp đưa các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư vào triển khai thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Trong thực tế triển khai các dự án đầu tư công, nhiều trường hợp dự án không thể thực hiện được theo đúng dự kiến tiến độ và thời gian (ở Hà Nội nhiều dự án kéo dài do vướng mắc trong giải phóng mặt bằng), xuất hiện nội dung cần điều chỉnh cục bộ liên quan đến nội dung, quy mô đầu tư để bảo đảm công trình phát huy hiệu quả cao hơn, cần tăng tổng mức đầu tư do biến động giá cả nguyên nhiên vật liệu và nhân công vượt mức đã tính trong dự phòng,... cần phải điều chỉnh chủ trương đầu tư để làm căn cứ điều chỉnh dự án. Các nội dung điều chỉnh này là biện pháp cần thiết để tiếp tục thực hiện các định hướng, mục tiêu đầu tư dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương và đối với các dự án nhóm B, nhóm C sẽ không làm ảnh hưởng lớn đến các cân đối chung về nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt (do việc tăng TMĐT trong trường hợp này có thể được xem xét đáp ứng trong tổng nguồn Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được xác định theo quy định của Luật Đầu tư công). Mặt khác, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư trong nhiều trường hợp là những nội dung khó lường trước, cần được xử lý, quyết định kịp thời, nếu đợi đến kỳ họp HĐND để quyết định có khả năng tiếp tục làm chậm lại việc thực hiện đối với các dự án đã được quyết định chủ trương và đang triển khai.

- Về quyết định việc hỗ trợ cơ quan trung ương, các địa phương khác: Việc Hà Nội sử dụng ngân sách của mình để hỗ trợ các cơ quan trung ương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm phát triển kinh tế xã hội, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết, cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội là những nội dung hầu hết không thể dự kiến chi tiết được từ đầu năm trong dự toán ngân sách do HĐND quyết định. Do vậy, việc giao quyền cho Thường trực

HĐND Thành phố quyết định mức chi, nội dung chi cụ thể là để kịp thời đáp ứng các nhiệm vụ chính trị, góp phần nâng cao vị trí, vai trò của Thủ đô.

### ***1.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Việc giao cho Thường trực HĐND thành phố Hà Nội thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong thời gian HĐND thành phố Hà Nội không họp nhằm rút ngắn thời gian, trình tự thực hiện các thủ tục, đáp ứng kịp thời các yêu cầu cấp bách trong điều hành của chính quyền địa phương nhưng vẫn có cơ quan thường trực của HĐND – đại diện của nhân dân giám sát, quyết định, đảm bảo thể hiện ý chí, nguyện vọng của người dân trong quyết định sử dụng nguồn lực ngân sách cho đầu tư phát triển, phục vụ giải quyết các nhu cầu dân sinh cấp thiết, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quyết định của chính quyền địa phương.

### ***1.2.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

*(a) Tác động kinh tế và xã hội:*

#### Tác động tích cực:

Hiện nay, việc quyết định các nội dung nêu tại mục 1.2.2 nêu trên đều thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội. Biện pháp này nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương; giúp cho các quyết định được ban hành kịp thời. Nếu phải đợi đến kỳ họp của HĐND mới xem xét, quyết định, sẽ ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, điều hành của UBND, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương. Mặt khác, nếu HĐND thành phố triệu tập họp để quyết nghị kịp thời cho một số nội dung đột xuất này (như việc quyết định chi hỗ trợ đảm bảo an sinh cho một số ít đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, địch họa...; hỗ trợ cho các cơ quan trung ương, hỗ trợ các địa phương khác; việc quyết định chủ trương đầu tư một hoặc một số ít dự án nhóm B, nhóm C theo Luật Đầu tư công) thì việc triệu tập Kỳ họp chuyên đề của HĐND sẽ không bảo đảm tính kịp thời, kéo dài thời gian thực hiện nhiệm vụ vì việc triệu tập kỳ họp HĐND phải tuân thủ quy trình và quy định về thời gian thông báo triệu tập, thời gian thẩm tra, thời gian gửi báo cáo cho đại biểu... và phát sinh thêm chi phí để triệu tập kỳ họp HĐND như chi phí trang trí, khánh tiết cho hội trường, chi phí đi lại và tham dự họp của các đại biểu...

Nếu trao quyền cho Thường trực HĐND thì công tác tham mưu, thẩm tra xem xét đề xuất của UBND sẽ chỉ cần huy động lực lượng đại biểu chuyên trách của các Ban HĐND, việc quyết định chỉ cần sự thống nhất của các ủy viên Thường trực HĐND, vừa đảm bảo tính khách quan, đảm bảo thực hiện quyền giám sát của đại biểu nhân dân, vừa bảo đảm tiết kiệm thời gian và kinh phí thực hiện để giải quyết vấn đề không quá lớn.

Khi trao quyền cho Thường trực HĐND quyết định các nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên sẽ rút ngắn thời gian quyết định các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, qua đó sẽ hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra, đặc biệt là tính mạng (nhất là đối người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ mang thai), tài sản, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu; rút ngắn thời gian để quyết định dự án đầu tư công nhóm B, C, để cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện; phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô; rút ngắn thời gian quyết định việc hỗ trợ các cơ quan trung ương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm phát triển kinh tế xã hội, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết, cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội, nhằm thực hiện mục tiêu “Cả nước vì Hà Nội và Hà Nội vì cả nước”.

Tác động tiêu cực:

Thường trực HĐND chỉ thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Về nguyên tắc, mọi vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND phải được giải quyết tại kỳ họp HĐND (hoặc kỳ họp bất thường) mà không có bất cứ hình thức ủy quyền, giao quyền, phân công của HĐND đối với một chủ thể khác để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được luật định là của HĐND. Thường trực HĐND không phải là một cấp để có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND. Nếu giao cho thường trực HĐND (chỉ bao gồm một số đại biểu đại diện) quyết định một vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND (phải được các đại biểu HĐND thảo luận tập thể và quyết định theo đa số) thì có thể dẫn đến việc ra quyết định một cách chủ quan.

*c) Tác động về giới:*

Biện pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

*d) Tác động của TTHC:*

Biện pháp này không làm phát sinh TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2017).

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Việc giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội một số nhiệm vụ, quyền hạn trong thời gian Hội đồng nhân dân thành phố không họp không trái với Hiến pháp năm 2013 nhưng là quy định vượt trội so với quy định tại Điều 104 Luật TCCQP năm 2015.



**1.3. Biện pháp “Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ủy quyền việc giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền cho UBND hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp dưới; UBND phường, Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức chuyên môn để giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND phường”**

***1.3.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Hiện nay, số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND Thành phố chiếm tỉ lệ khá lớn so với tổng số TTHC toàn thành phố (1175/1895 TTHC, chiếm 62%), dẫn đến tình trạng quá tải trong tiếp nhận và giải quyết TTHC, kéo dài thời gian giải quyết, gây ra sự tồn đọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết TTHC, quyền và lợi ích của người dân, doanh nghiệp.

- Người dân vẫn có thói quen, tâm lý muốn trực tiếp đến để nộp và nhận kết quả giải quyết TTHC tại cơ quan hành chính nên sẽ gặp phải những khó khăn trở ngại liên quan đến việc di chuyển (như ở các địa bàn xa), thời gian chờ đợi. Bên cạnh đó, mặc dù Thành phố đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện dịch vụ công trực tuyến các TTHC, tuy nhiên phần mềm DVC chưa ổn định nên còn nhiều bất cập, chưa thuận lợi cho việc thực hiện tiếp nhận qua DVCTT.

- Hiện nay, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4610/QĐ-UBND phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC (trong đó có 617 TTHC được ủy quyền). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Quyết định này, đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc vì không có cơ sở pháp lý khi xác định thẩm quyền ủy quyền đối với các chủ thể cụ thể sau: (1) Từ sở, ban, ngành thuộc UBND Thành phố về UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã hoặc Chủ tịch UBND cấp xã; (2) Từ Trưởng phòng thuộc sở về UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Trưởng phòng thuộc UBND cấp huyện; (3) Từ Trưởng phòng thuộc UBND cấp huyện về UBND cấp xã hoặc Chủ tịch UBND cấp xã. Luật TCCQĐP và các văn bản có liên quan không quy định rõ việc ủy quyền và nhận ủy quyền của các chủ thể nói trên. Vì vậy, trong Quyết định số 4610/QĐ-UBND cũng chưa thể hiện được các phương án ủy quyền này. Điều này đã làm cản trở sự chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức thực thi nhiệm vụ của chính quyền Thành phố.

Hiện nay, việc quy định cơ quan hành chính nhà nước cấp trên được ủy quyền cho UBND cấp dưới trực tiếp trong Luật TCCQĐP có một số bất cập sau:

+ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, các tổ chức hành chính khác như Ban Quản lý khu công nghiệp, Ban Quản lý an toàn thực phẩm, cơ quan thuế, cơ quan hải quan,... có được xem là cơ quan hành chính

nhà nước cấp trên của UBND cấp huyện, cấp xã hay không để thực hiện ủy quyền? Bởi lẽ, các cơ quan này về bản chất là cơ quan giúp UBND cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý mà không phải là cơ quan có thẩm quyền độc lập. Tuy nhiên trong một số văn bản pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực tài nguyên môi trường, giao thông, xây dựng, văn hóa, lao động, thương binh, xã hội, hộ tịch, chứng thực, chuyên ngành khác... lại có quy định giao thẩm quyền trực tiếp cho cơ quan chuyên môn của UBND thực hiện một số nội dung liên quan đến việc giải quyết TTHC. Vậy đây là thẩm quyền của UBND hay thẩm quyền của cơ quan chuyên môn để xác định chủ thể được ủy quyền.

+ Ngoài ra, các cơ quan hành chính nhà nước ngang cấp có được ủy quyền như việc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp và chế xuất hay không... cũng là vấn đề đang còn vướng mắc.

- Thực hiện Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14, *Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đã thực hiện ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của UBND phường đối với việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật.* Qua 01 năm, cơ chế ủy quyền này đã được thực hiện có hiệu quả tại 161/175 phường, đạt tỷ lệ 92% (về cơ bản các phường còn lại chưa thực hiện ủy quyền do công chức Tư pháp - Hộ tịch chưa đủ điều kiện số năm kinh nghiệm). Đã có trên 03 triệu bản được chứng thực, giúp giảm rất nhiều chi phí thời gian, chi phí đi lại cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả của công tác chứng thực, được chính quyền và người dân đều đánh giá và ủng hộ cao. Do vậy, cần tiếp tục nghiên cứu mở rộng việc áp dụng cơ chế ủy quyền này không chỉ trong lĩnh vực tư pháp - hộ tịch mà có thể cả ở một số lĩnh vực khác và ở các xã, thị trấn để tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp; góp phần đơn giản hóa TTHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cấp cơ sở trong việc giải quyết các TTHC.

Hiện nay, Chủ tịch UBND Thành phố đã ban hành văn bản số 2416/UBND-KSTTHC ngày 27/7/2022 của UBND Thành phố về việc phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC. Đặc biệt Thành ủy Hà Nội đã thành lập Ban chỉ đạo triển khai xây dựng Đề án đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn Thành phố do Đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố làm Trưởng ban, đ/c Trưởng ban Tổ chức Thành ủy làm Phó Trưởng ban; Thành viên là Lãnh đạo UBND Thành phố, Giám đốc, Thủ trưởng một số Sở, ngành và UBND quận, huyện... (QĐ số 2951-QĐ/TU ngày 28/7/2022 của Thành ủy) thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Chính quyền Thành phố nhằm thực hiện

có hiệu quả Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước với yêu cầu: “UBND cấp tỉnh xây dựng Đề án đẩy mạnh phân cấp đối với UBND cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, trình HĐND cùng cấp thông qua trước khi ban hành Quyết định và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật”.

### ***1.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Bảo đảm việc ủy quyền hợp lý giữa các cấp chính quyền địa phương của Thành phố theo hướng: “*Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền, tiêu cực*”; đồng thời phát huy tính linh hoạt, chủ động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương.

- Bảo đảm ủy quyền có tính đồng bộ, hệ thống, hợp lý từ khâu tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC và phù hợp với khả năng thực hiện của cấp, cơ quan được ủy quyền, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và hướng tới việc thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

### ***1.3.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

#### *a) Tác động kinh tế:*

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Khi thực hiện phương án ủy quyền như đã được đề xuất thì có thể giảm được áp lực cho chính quyền cấp trên trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC từ đó tăng cường hiệu lực hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước, tạo đột phá hơn trong cải cách TTHC; góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động, năng cường năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút đầu tư, tạo đòn bẩy tích cực để phát triển kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH của Thủ đô.

##### (ii) Người dân, tổ chức, doanh nghiệp

Thực hiện việc ủy quyền giải quyết các TTHC từ cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính xuống cho UBND, cơ quan chuyên môn của UBND cấp dưới sẽ giúp cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức có thể tiết kiệm được các chi phí về thời gian, chi phí đi lại, các chi phí phát sinh khác và chi phí do có thể phát sinh tiêu cực trong quá trình thực hiện các TTHC do sự chờ đợi kéo dài.

Việc ủy quyền cho công chức chuyên môn giải quyết một số TTHC đã giúp giảm đáng kể chi phí tuân thủ TTHC. Từ thực tiễn Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch ký chứng thực cho thấy đã giúp nâng cao hiệu quả thực hiện TTHC, đơn giản hóa quy trình, giảm đáng kể thời gian

thực hiện, công dân có thể nhận kết quả ngay khi đến giao dịch tại UBND phường, không phải chờ đợi trong nhiều giờ hay phải đi lại nhiều lần. *Trung bình một năm, một UBND phường giải quyết hơn 1.500 hồ sơ chứng thực bản sao từ bản chính, hơn 600 hồ sơ chứng thực chữ ký; trung bình một ngày, một UBND phường tiếp nhận và giải quyết hơn 30 hồ sơ chứng thực.*

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước

Để thực hiện được phương án ủy quyền đã được đề xuất, các cấp chính quyền địa phương cần có sự rà soát lại các nhiệm vụ quản lý theo thẩm quyền, trong đó có việc thực hiện các TTHC để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định, các TTHC không cần thiết, không còn phù hợp; đề xuất về việc sắp xếp bộ máy, cán bộ và các nguồn lực đảm bảo để có thể tiếp nhận được việc ủy quyền. Việc sắp xếp bộ máy, bố trí cán bộ, đảm bảo nguồn lực (kinh phí, trang thiết bị...) để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC sẽ làm phát sinh các chi phí bổ sung vì trên thực tế, số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khá nhiều (Ví dụ: HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, theo đó có quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch được ủy quyền ký chứng thực bằng 15% mức lương cơ sở. Theo Thống kê kết quả thực hiện việc ủy quyền chứng thực từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho công chức tư pháp - hộ tịch từ ngày 01/7/2021 đến ngày 01/3/2023, thì tổng số tiền hỗ trợ mà công chức 13 quận, thị xã được nhận là 521.204.500 đồng).

Ngân sách thành phố cũng cần phải bố trí kinh phí để bồi dưỡng, tập huấn cho công chức chuyên môn thực hiện việc được ủy quyền. Thành phố phát sinh chi phí cho việc thay đổi thông báo, ban hành quy định, điều chỉnh lại quy trình giải quyết TTHC theo phương án được đề xuất (ví dụ như các nội dung về người được ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, mẫu Quyết định ủy quyền và thông báo mẫu dấu, mẫu chữ ký...).

(ii) Người dân, tổ chức, doanh nghiệp

Biện pháp này không có tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

*b) Tác động xã hội:*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước:

Tính đến nay, tổng số TTHC trên toàn địa bàn Thành phố gồm có **1.895** thủ tục, trong đó tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp Thành phố là

1.522 TTHC, chiếm tỷ lệ 80,32% bao gồm: TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND Thành phố/Chủ tịch UBND Thành phố là 347 TTHC, chiếm 18,32%; TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND Thành phố là 1.175 TTHC, chiếm 62%; TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND/Chủ tịch UBND cấp huyện là **263** TTHC, chiếm **13,88%**; TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND/Chủ tịch UBND cấp xã: **110** TTHC, chiếm **5,8%**.

Nếu UBND cấp dưới, cơ quan chuyên môn của UBND cấp dưới có thể tiếp nhận được số lượng TTHC khá lớn từ cơ chế ủy quyền được đề xuất như trên thì có thể giảm thiểu được tình trạng quá tải, congestion trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC, giảm áp lực thực hiện nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính; tăng sự chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức thực thi nhiệm vụ của UBND các cấp. (Ví dụ: thủ tục về đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, các TTHC đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư,...).

Với chất lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức tại cấp huyện hiện nay đã được nâng cao, đáp ứng tốt các yêu cầu công vụ thì việc nhận ủy quyền giải quyết các TTHC từ cơ quan cấp trên sẽ giúp giảm thiểu áp lực quá tải công việc cho cơ quan cấp trên; tăng sự linh hoạt và chủ động và nâng cao trách nhiệm cho cơ quan cấp dưới; tạo ra sự phân bổ hợp lý có tính đồng bộ, hệ thống trong quy trình giải quyết các TTHC liên quan đến hoạt động của chính quyền các cấp. Đặc biệt, đối với những đơn vị cấp cơ sở có năng lực tổ chức triển khai, có nguồn lực tốt thì sẽ giúp phát huy tính sáng tạo, linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện với các nhiệm vụ được ủy quyền; đảm bảo phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành, các cấp đáp ứng hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và theo địa bàn.

Từ thực tiễn Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch ký chứng thực cho thấy, việc ủy quyền này cũng đã giúp giảm đầu mối, lược bỏ các bước xử lý nội bộ, tạo điều kiện cho công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ động hơn trong việc bố trí thời gian giải quyết công việc, giảm áp lực công việc và tăng đáng kể thời gian giải quyết các công việc khác cho Lãnh đạo UBND phường.

Việc Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch ký chứng thực giúp nâng cao hiệu quả thực hiện TTHC, đơn giản hóa quy trình,

giảm đáng kể thời gian thực hiện, công dân có thể nhận kết quả ngay khi đến giao dịch tại UBND phường, không phải chờ đợi trong nhiều giờ hay phải đi lại nhiều lần, giảm đáng kể chi phí tuân thủ TTHC.

(ii) Người dân, tổ chức, doanh nghiệp

Việc tăng số lượng đại biểu HĐND sẽ làm tăng tính đại diện của người dân. Từ đó, mối quan hệ giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp sẽ ngày càng được cải thiện theo hướng vừa đảm bảo tốt hoạt động quản lý nhà nước vừa phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước

Tuy nhiên, để thực hiện được các phương án ủy quyền đã nêu, các cấp chính quyền địa phương cần có sự rà soát lại các nhiệm vụ quản lý theo thẩm quyền, trong đó có việc thực hiện các TTHC để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định, các TTHC không cần thiết, không còn phù hợp.

Việc ủy quyền cần tính đến sự đồng bộ với các quy trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nói chung và quy trình này thường được quy định rất cụ thể, chặt chẽ. Nếu không thì việc triển khai trên thực tế sẽ gặp vướng mắc. Vì vậy, đề xuất phương án ủy quyền như đã nêu sẽ đồng nghĩa với việc phải ban hành các văn bản cần thiết để điều chỉnh quy trình giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến việc ủy quyền.

Hiện nay, công chức chuyên môn cấp phường cũng đang phải giải quyết rất nhiều nhiệm vụ theo quy định pháp luật hoặc do lãnh đạo UBND phường giao trong khi biên chế thì hạn chế, chế độ chính sách, tiền lương chưa tương xứng với khối lượng công việc được giao. Vì vậy, các phương án ủy quyền phải được cân nhắc, rà soát, đánh giá kỹ phòng trường hợp ủy quyền tùy tiện, đẩy việc cho cấp dưới, dẫn đến cấp dưới bị quá tải công việc. Đồng thời với việc tiếp tục đề xuất phương án ủy quyền cần có các giải pháp để tăng cường năng lực, đảm bảo nguồn lực cho công chức chuyên môn khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đẩy mạnh ủy quyền sẽ phải tiếp tục tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan ủy quyền đối với cơ quan, đơn vị, công chức được ủy quyền thông qua nhiều biện pháp, cách thức và công cụ phù hợp.

(ii) Người dân, tổ chức, doanh nghiệp:

Biện pháp này không có tác động tiêu cực về xã hội đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

*c) Tác động về giới:*

Biện pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện

và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

*d) Tác động của TTHC:*

Với biện pháp này, khi thực hiện ủy quyền giải quyết TTHC sẽ làm thay đổi cơ quan giải quyết TTHC, góp phần giảm bớt áp lực giải quyết TTHC cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội, giúp việc giải quyết TTHC được nhanh chóng hơn và có thể giảm chi phí đi lại để thực hiện TTHC. Tuy nhiên, dự án Luật sẽ không quy định từng TTHC được ủy quyền mà chỉ quy định nguyên tắc ủy quyền, làm cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền căn cứ điều kiện thực tế để thực hiện ủy quyền giải quyết TTHC đối với từng TTHC cụ thể.

*(Cụ thể xem Phụ lục II - Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Việc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp trên được ủy quyền cho UBND hoặc cơ quan chuyên môn của UBND cấp dưới; UBND, Chủ tịch UBND cấp phường ủy quyền cho công chức chuyên môn để giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền của mình không trái với Hiến pháp năm 2013 nhưng không phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật TCCQPĐP; quy định khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP.

## **2. CHÍNH SÁCH 3: CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH CHO PHÁT TRIỂN CỦA THỦ ĐÔ**

### **Bổ sung 03 biện pháp vào nhóm giải pháp 2:**

*(1) HĐND Thành phố quy định tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hoá.*

*(2) Thành phố Hà Nội được quyết định thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức Xây dựng - Chuyển giao (BT). Hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công hoặc tài sản công và quyền sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm, không gian và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và để chi trả cho dự án BT.*

*(3) Thu hút nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án trọng điểm, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cho Thành phố.*

### **2.1. Biện pháp “HĐND Thành phố quy định tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hoá”**

#### **2.1.1. Xác định vấn đề bất cập**

*Đối với lĩnh vực văn hoá và thể thao:*

Bên cạnh những bất cập trong lĩnh vực văn hoá đã được nêu trong phần Xác định vấn đề bất cập của Chính sách 6: *Cơ chế, chính sách phát triển văn hóa và giáo dục - đào tạo Thủ đô*<sup>2</sup>. Một số bất cập dưới đây cần phải được giải quyết bằng các biện pháp thu hút vốn đầu tư và sự tham gia của khu vực tư nhân trong lĩnh vực văn hoá gồm:

Một trong những nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 09 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển CNVH trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” là đầu tư, phát triển hệ thống các thiết chế văn hoá. Trong giai đoạn 2015 - 2021, thành phố Hà Nội đã quan tâm đầu tư và hỗ trợ đầu tư cho 74 dự án văn hóa, thể thao với tổng nguồn kinh phí hơn 1.550 tỷ đồng. Giai đoạn 2016 - 2021, các quận, huyện, thị xã đã đầu tư hơn 11.900 tỷ đồng cho công tác xây dựng và hỗ trợ duy trì hoạt động của các công trình, thiết chế văn hoá, thể thao. Cùng với đó, Thủ đô Hà Nội cũng đã xác định dành nguồn lực ở mức độ cao nhất trong khả năng của thành phố, trong giai đoạn từ 2021 - 2025 với khoảng 14.000 tỷ đồng đầu tư riêng cho lĩnh vực phát triển văn hóa nói chung.

Tỷ lệ đầu tư từ ngân sách cho các thiết chế văn hóa hiện nay là 0,66%/tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản (1.054,862 tỷ đồng). Nguồn lực chi thường xuyên bố trí cho lĩnh vực văn hóa - thể thao chiếm 1,9% tổng chi thường xuyên của Thành phố (9.421,956 tỷ đồng)<sup>3</sup>. Trong khi đó, số lượng nhà văn hóa, sân vận động, nhà thi đấu thể thao hiện nay trên địa bàn Thành phố là 5.249 thiết chế, công trình. Trong đó: 4.656 nhà văn hóa, điểm sinh hoạt thôn, tổ dân phố; 84 thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện; 125 trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã; 27 thiết chế văn hóa, thể thao thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; 06 thiết chế văn hóa do UBND Thành phố trực tiếp quản lý; 04 thiết chế, công trình văn hóa thể thao thuộc Thành đoàn quản lý; 59 thiết chế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao do Liên đoàn lao động Thành phố quản lý; 290 thiết chế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao thuộc Công an Thành phố và Bộ tư lệnh Thủ đô. Trong đó có 373 nhà văn hoá có diện tích nhỏ hẹp, 315 nhà văn hoá xuống cấp nghiêm trọng. 73 nhà văn hoá hiện đang mượn địa điểm để sử dụng<sup>4</sup>.

Về tổng thể, mức đầu tư cho văn hóa trong tổng chi ngân sách tương đối thấp so với các lĩnh vực khác, chưa tương xứng với thực tiễn, chưa đồng đều. Ngoài ra, phát triển mạng lưới cơ sở bảo tàng, thư viện, rạp chiếu phim, nhà hát trên địa bàn Thành phố theo chỉ tiêu sử dụng đất dành cho cơ sở văn hóa, thể thao. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở thể thao tiến tới đảm bảo mỗi quận, huyện, thị

<sup>2</sup> Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/02/2023 của Bộ Tư pháp đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi).

<sup>3</sup> Báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội năm 2022.

<sup>4</sup> Báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội năm 2023 theo Công văn số 3358/SVHTT-TCPC ngày 30/08/2023.



xã đảm bảo có đủ sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi và khu vui chơi ngoài trời phục vụ người dân trên địa bàn.

Trên thực tế, việc đầu tư cho bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đòi hỏi nguồn lực rất lớn. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 ít nhất 95% di tích quốc gia đặc biệt, khoảng 70% di tích quốc gia, được tu bổ, tôn tạo. Hàng năm, có khoảng 20% di tích cấp Thành phố Hà Nội xuống cấp được tu bổ, tôn tạo bằng nguồn ngân sách và xã hội hóa.

Theo Nghị quyết số 40/2021/QH15 của Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, tỷ lệ ngân sách dành cho văn hóa và thông tin chỉ chiếm 0,9% tổng ngân sách được phân bổ. Không chỉ giới hạn về quy mô, cơ cấu đầu tư công cho văn hóa cũng còn nhiều bất cập. Phần lớn nguồn vốn công dành cho hoạt động sự nghiệp, tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển còn thấp...

#### Đối với lĩnh vực y tế:

Như đã nêu ở phần xác định vấn đề bất cập của Chính sách 8: *Cơ chế, chính sách phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững*<sup>5</sup>. Một số bất cập dưới đây cần phải được giải quyết bằng các biện pháp thu hút vốn đầu tư và sự tham gia của khu vực tư nhân trong lĩnh vực y tế, gồm:

Thành phố Hà Nội hiện đang trực tiếp quản lý 41 bệnh viện trực thuộc. Có 01 Trung tâm Kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội thuộc Bệnh viện đa khoa Xanhpôn. Mạng lưới y tế công cộng, dự phòng, phục vụ công tác dịch tễ, chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh được hình thành gồm: 01 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) Hà Nội và 579 trạm y tế xã, phường thuộc 30 Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã (trong đó, đã có 82,73% trạm y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình). Nếu tính theo số giường bệnh, Hà Nội có 22.796 giường bệnh, tỷ lệ 27,5 giường bệnh/10000 dân trong khi chỉ tiêu quy hoạch của Hà Nội đến năm 2025 đạt 30-35 giường bệnh/10000 dân. Vấn đề này đòi hỏi Hà Nội cần phải thu hút thêm vốn đầu tư công và đầu tư tư nhân vào lĩnh vực y tế.

Hiện tại, thành phố Hà Nội có 39 dự án đầu tư trong lĩnh vực y tế, trong đó có 35 dự án vốn ngân sách, đến nay 5 dự án đang thực hiện chuyển tiếp; 30 dự án đã giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; 12 dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, 6 dự án đã phê duyệt và 5 dự án đang đầu tư xây dựng (trong đó có 1 dự án đã hoàn thành); 23 dự án đang lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Qua nghiên cứu, số lượng các dự án đầu tư trong lĩnh vực y tế hiện nay chưa đủ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân Thủ đô cũng như các vùng lân cận (bao gồm người dân trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng và các vùng khác).

<sup>5</sup> Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/02/2023 của Bộ Tư pháp đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi).

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

Bên cạnh những bất cập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được nêu trong phần xác định vấn đề bất cập của Chính sách 6: *Cơ chế, chính sách phát triển văn hóa và giáo dục - đào tạo Thủ đô*<sup>6</sup>. Một số bất cập dưới đây cần phải được giải quyết bằng các biện pháp thu hút vốn đầu tư và sự tham gia của khu vực tư nhân trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gồm:

Đến tháng 3/2022, Thủ đô Hà Nội có 22 trường chất lượng cao, trong đó có 16 trường công lập. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố là 63,9% (1.791/2.802), trong đó, chỉ tiêu trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 75% đã hoàn thành trước 2 năm so với Kế hoạch. Cơ sở vật chất phục vụ GDĐT còn chậm được cải thiện, chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội; việc chuyển đổi các cơ sở GDĐT công lập có khả năng xã hội hóa sang mô hình tự chủ còn chậm. Việc thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội cho giáo dục, hợp tác, liên kết quốc tế về GDĐT, đổi mới phương pháp dạy và học còn hạn chế, gặp nhiều rào cản về thể chế.

Tính đến tháng 5/2023, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia của toàn thành phố đạt 72,4% (1.624/2.248 trường). Trong đó: Mầm non: 71,3%; Tiểu học: 67,7%; Trung học cơ sở: 79,7%; Trung học phổ thông: 36,3%. Về kết quả thực hiện một số chỉ tiêu gắn với kế hoạch đầu tư trong lĩnh vực GD&ĐT, đến nay tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia toàn thành phố Hà Nội là 72,1%. Hiện nay tốc độ tăng dân số cơ học tại các quận và tại một số huyện đang gây sức ép lớn đối với các trường học, không đảm bảo quy mô trường, lớp để đảm bảo đạt chuẩn quốc gia.

Để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, thành phố Hà Nội cần phải tiếp tục đầu tư để xây dựng thêm các cơ sở giáo dục và đào tạo mới, chất lượng cao để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo tại Thủ đô và thu hút thêm các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tới nghiên cứu, giảng dạy, sinh sống và làm việc tại Thủ đô.

Để thực hiện các mục tiêu về xây dựng các công trình văn hoá, thể thao, giáo dục - y tế, do vậy cần có sự tham gia của khu vực tư nhân cùng với nguồn vốn đầu tư công của Nhà nước.

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 quy định chỉ có 5 lĩnh vực được áp dụng đầu tư theo phương thức PPP, trong đó không có lĩnh vực văn hóa, thể thao. Theo quy định của Luật PPP, ngưỡng quy định hiện nay về vốn cho các lĩnh vực là 200 tỉ đồng, với y tế - giáo dục là 100 tỉ đồng. Mức vốn tối thiểu 100 tỉ đồng hiện nay trong lĩnh vực y tế - giáo dục cũng được đánh giá là cao, và gây khó khăn cho quá trình thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực này.

<sup>6</sup> Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/02/2023.

Khi áp dụng dự án PPP cho lĩnh vực văn hoá, thể thao cho lĩnh vực thể thao, văn hóa cũng cần phải quy định mức vốn tối thiểu. Tuy nhiên, đặt mức vốn tối thiểu ở mức quá cao sẽ gây khó khăn cho việc triển khai một số dự án PPP, và khiến các dự án trong lĩnh vực PPP văn hoá, thể thao cũng kém hấp dẫn đối với các nhà đầu tư theo hình thức PPP.

### ***2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Cho phép áp dụng dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hoá bằng cách quy định tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hoá phù hợp với điều kiện của Thành phố Hà Nội.

### ***2.1.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

#### ***a) Tác động về kinh tế:***

##### **Tác động tích cực:**

##### **(i) Nhà nước**

Như đã phân tích trong Báo cáo đánh giá tác động số 59, việc tăng chi đầu tư cho văn hóa, giáo dục, thể thao sẽ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Nếu biện pháp này được áp dụng, ngân sách của thành phố Hà Nội sẽ giảm bớt áp lực chi tiêu trong các lĩnh vực này, đóng góp trực tiếp cho các mục tiêu về văn hóa - xã hội của Thủ đô, tăng trưởng kinh tế được đảm bảo vững chắc nhờ các khoản đầu tư công và nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân, từ xã hội nhờ các hiệu ứng kích thích và lan tỏa từ đầu tư công cũng tạo nền tảng vững chắc để mang lại lợi ích về xã hội cho 8,5 triệu người dân Thủ đô Hà Nội.

Trong những năm gần đây, CNVH của Thành phố Hà Nội đã đóng góp khoảng 1,49 tỷ USD vào tổng sản phẩm trên địa bàn (chiếm tỷ trọng **3,7% GRDP** của Thành phố, theo số liệu năm 2018)<sup>7</sup>. Thành phố Hà Nội đã triển khai và đạt được một số kết quả tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của Thủ đô cũng như phát triển hoạt động thể dục, thể thao của Thành phố, đặc biệt là thể thao thành tích cao. Tuy nhiên, việc khai thác, phát huy giá trị của các công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh của các công trình, hạ tầng này trên địa bàn Thủ đô.

Tính đến ngày 28/5/2023, Thành phố Hà Nội đã phê duyệt chủ trương đầu tư với **1.074 dự án thuộc 3 lĩnh vực y tế, giáo dục và văn hoá (chủ yếu tôn tạo di tích)**, phê duyệt quyết định đầu tư 851 dự án và triển khai xây dựng 554

<sup>7</sup> Hà Nội đã đặt mục tiêu phân đầu doanh thu từ CNVH đạt 5% GRDP của Thành phố vào năm 2025, 8% vào năm 2030 và 10% vào năm 2045.

dự án. Trong đó, đã bố trí trên 1.649 tỉ đồng thực hiện 23 dự án cấp thành phố, trên 13.506 tỉ đồng hỗ trợ cấp huyện thực hiện 746 dự án. Ngân sách cấp huyện đã bố trí vốn đối ứng để thực hiện các dự án thành phố hỗ trợ vốn là trên 2.137/6.045 tỉ đồng (đạt 35% kế hoạch). Đã hoàn thành 218 dự án trong giai đoạn 2021-2022; dự kiến năm 2023 có thêm 339 dự án hoàn thành.

Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thực hiện đầu tư 3 lĩnh vực trên Thành phố Hà Nội là gần 94 nghìn tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn ngân sách cấp Thành phố trên 49 nghìn tỷ đồng và kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện là trên 44 nghìn tỷ đồng.

Trong lĩnh vực giáo dục có 139 dự án, hiện đã giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 72 dự án; 48 dự án đã duyệt chủ trương đầu tư, trong đó 22 dự án đã phê duyệt; 15 dự án đã khởi công thực hiện (trong đó: đã hoàn thành 12 dự án, 3 dự án dự kiến hoàn thành 2023).

Thành phố tiếp tục quan tâm đầu tư bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các di tích, công trình kiến trúc có giá trị, trọng tâm là các di sản thế giới, di tích quốc gia. Phần đầu đạt chỉ tiêu đề ra, cụ thể trên 95% di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt, khoảng 70% di tích xếp hạng quốc gia được tu bổ, tôn tạo; hàng năm, có khoảng 20% di tích cấp thành phố xuống cấp được tu bổ, tôn tạo bằng nguồn ngân sách và xã hội hóa. Tập trung đầu tư các công trình thiết chế văn hóa, di tích lịch sử (như Hoàng Thành - Thăng Long, Điện Kính Thiên, Cổ Loa, Đền thờ Ngô Quyền).

Lĩnh vực y tế có 39 dự án, trong đó có 35 dự án vốn ngân sách, đến nay 5 dự án đang thực hiện chuyên tiếp; 30 dự án đã giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; 12 dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, 6 dự án đã phê duyệt và 5 dự án đang đầu tư xây dựng (trong đó có 1 dự án đã hoàn thành); 23 dự án đang lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Lĩnh vực tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa có 58 dự án đã giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 58 dự án (trong đó 9 dự án sẽ phân kỳ đầu tư sau năm 2025); đã duyệt chủ trương đầu tư 12 dự án; 9 dự án đã được phê duyệt; 6 dự án đã thực hiện đầu tư (trong đó: đã hoàn thành 4 dự án, 2 dự án dự kiến hoàn thành năm 2023).

Trên thực tế, tỉ lệ bố trí vốn đối ứng của các đơn vị trong năm 2021, 2022 và đầu năm 2023 chưa tương ứng với tỉ lệ thành phố đã hỗ trợ và chưa đáp ứng đủ vốn trách nhiệm của ngân sách cấp huyện để hoàn thành dự án (do thu ngân sách huyện còn khó khăn, nguồn thu từ đất không đạt kế hoạch, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án 100% ngân sách cấp huyện).

Nâng cao tính hấp dẫn của các dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hoá bằng cách quy định tổng mức đầu tư tối thiểu của

dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hoá phù hợp với điều kiện của Thành phố Hà Nội. Quy định này sẽ góp phần thu hút các nhà đầu tư vào các lĩnh vực này.

Việc gia tăng đầu tư của tư nhân trong lĩnh vực này sẽ có tác động tích cực nhằm đạt được các mục tiêu đề ra đối với lĩnh vực y tế, chỉ tiêu giường bệnh/1 vạn dân theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVII: Năm 2020, số giường bệnh/vạn dân của thành phố đạt 27,1 giường bệnh/vạn dân. Phân đầu đến năm 2025 có 100% các quận, huyện, thị xã có Trung tâm Văn hoá - Thể thao cấp huyện; 100% thôn, làng, tổ dân phố có nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng; 70-73% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa. Phân đầu đến năm 2030, 100% các quận, huyện, thị xã có Trung tâm Văn hoá - Thể thao cấp huyện; 100% thôn, làng, tổ dân phố có nhà văn hóa đáp ứng tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 75% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa; 100% khu công nghiệp có nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt văn hóa phục vụ công nhân, người lao động.

Hệ thống cơ sở hạ tầng được cải thiện cũng sẽ tiếp tục đóng góp cho việc thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Thủ đô, hiện thực hóa yêu cầu “Thủ đô phải đáp ứng những yêu cầu riêng trong việc đảm bảo và phát huy vị trí, vai trò là *trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế* của cả nước”. Theo Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thủ đô 2021-2030 được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động, nhu cầu Hà Nội cần phải huy động vốn từ khu vực tư nhân như bảng dưới đây là rất, chiếm gần 4/5 tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thành phố.

#### **Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thủ đô 2021-2030**

*Đơn vị: nghìn tỷ*

	<b>2021-2025</b>	<b>2026-2030</b>
Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	3,100	3,410
Chi đầu tư phát triển từ NSNN	650.0	715.0
Nhu cầu huy động từ khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài	2,450.0	2,695.0

*Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và và tính toán của nhóm chuyên gia.*

Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, *tăng 1 đồng vốn đầu tư công sẽ kéo theo 1,61 đồng vốn đầu tư ngoài nhà nước*. Đặc biệt hiệu ứng lan tỏa này sẽ được xúc tác mạnh mẽ nếu như các biện pháp nhằm thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Theo Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát

triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Việt Nam đặt mục tiêu “*xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển CNVH, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam*”. Một trong các nhiệm vụ phát triển CNVH đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa là phải “*có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển*”.

Như vậy, để phát triển công nghiệp văn hoá (CNVH) nhu cầu đầu tư vào cơ sở vật chất là rất cần thiết. Như đã nêu ở trên, nguồn vốn từ khu vực tư nhân đầu tư cho các công trình văn hoá là rất cần thiết. Năm 2022, Thành Ủy Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/2/2022 về “Phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn tới năm 2045” (Nghị quyết 09-NQ/TU). Nghị quyết 09-NQ/TU đặt ra mục tiêu tạo bước phát triển toàn diện ngành CNVH Thủ đô cả về quy mô, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và thị trường, bảo đảm phát triển bền vững, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ, tỷ trọng, giá trị gia tăng cao; hoạt động có tính chuyên nghiệp với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Cùng với đó là dịch vụ, sản phẩm văn hóa đa dạng, có chất lượng, có thương hiệu, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của người dân trong nước, thúc đẩy phát triển du lịch và xuất khẩu. *Công nghiệp văn hoá của Hà Nội sẽ đóng góp khoảng 5% GRDP của Thành phố vào năm 2025, 8% GRDP của Thành phố vào năm 2030 và 10% GRDP của thành phố vào năm 2045.* Nghị quyết 09-NQ/TU xác định cần “*phải phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực phát triển CNVH trên các lĩnh vực: Du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, thiết kế, ẩm thực, quảng cáo, điện ảnh, mỹ thuật nhiếp ảnh và triển lãm, thời trang... bảo đảm phát triển đồng bộ trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Xây dựng cơ chế hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích cho người dân và doanh nghiệp các cơ chế hợp tác công - tư trong quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản, phát triển văn hóa; khuyến khích xây dựng, hình thành, phát triển các loại quỹ đầu tư, quỹ hỗ trợ, quỹ giải thưởng theo hình thức hợp tác công - tư để phát triển văn hóa*”. Như vậy thu hút đầu tư vào các dự án PPP trong lĩnh vực văn hoá của Thủ đô là tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sự phát triển công nghiệp văn hoá.

Theo Kế hoạch 217/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ-TU, Thành phố sẽ lập danh mục các công trình, dự án, các hoạt động sáng tạo văn hóa, sản xuất các sản phẩm và dịch vụ văn hóa... thu hút đầu tư phục vụ phát triển CNVH Thủ đô, danh mục dự án kêu gọi đầu tư phát triển trong lĩnh vực du lịch như: các tổ hợp cơ sở lưu trú, khách sạn cao cấp, thương hiệu quốc tế; đầu tư xây dựng điểm dừng chân,

không gian nghệ thuật, điểm du lịch, điểm trung chuyển khách du lịch, giới thiệu, trưng bày, quảng bá; các công trình văn hóa, thể thao, du lịch, Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu sản phẩm OCOP tầm quốc gia, Trung tâm thiết kế sáng tạo Hà Nội, Trung tâm biểu diễn Nghệ thuật quốc gia, Tổ hợp thể thao đẳng cấp quốc tế... Do đó, Hà Nội cần có cơ chế huy động nguồn vốn xã hội thông qua các hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực văn hoá. Ngoài ra, các dự án PPP trong lĩnh vực văn hoá của Hà Nội không bị giới hạn mức vốn tối thiểu là 200 tỷ theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020. Mức vốn này được đánh giá là tương đối lớn và không huy động được nhiều nhà đầu tư tham gia.

Công nghiệp thể thao ngày càng đóng góp cho sự phát triển kinh tế nói chung. Năm 2014, thị trường thể thao toàn cầu ước tính ở mức 600-700 tỷ đô la Mỹ, chiếm khoảng 1% GDP toàn cầu, bao gồm việc tổ chức các sự kiện thể thao, hàng hoá thể thao, cơ sở hạ tầng và chi phí cho sức khoẻ và huấn luyện<sup>8</sup>. Các hạng mục giá trị của kinh tế thể thao gồm:

- Sản phẩm thời trang thể thao;
- Tham gia các hoạt động thể thao;
- Y học thể thao;
- Thiết kế, xây dựng các công trình, tổ hợp thể thao;
- Tài trợ sự kiện thể thao;
- Bán vé tham gia sự kiện thể thao;
- Tạp chí, sách báo, trò chơi... liên quan đến thể thao;
- Vật phẩm, kỷ niệm chương, lưu niệm;
- Cá cược.

Singapore có được lợi nhuận ngày càng lớn trong thị trường tổ chức sự kiện thể thao với hơn 80 tỷ đô la trong năm 2014, tăng trưởng 7%/năm<sup>9</sup>. Singapore đang tập trung phát triển hạ tầng các công trình thể thao hàng đầu ở Đông Nam Á để có thể tổ chức các giải đấu đỉnh cao trên thế giới.

Tại Hàn Quốc, giá trị nền kinh tế thể thao của nước này khoảng 34,11 tỷ đô la Mỹ, gồm thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Thị trường trong nước chiếm thị phần chủ đạo.

Ở Anh, công nghiệp thể thao có doanh thu lên tới 20 tỷ bảng Anh (tương đương 27 tỷ đô la Mỹ), tạo ra 500.000 người lao động. Giá trị của kinh tế thể thao ở Úc đóng góp khoảng 10% GDP và tạo ra hơn 300.000 việc làm<sup>10</sup>.

Theo Tạp chí Kinh tế Du lịch của Đại học Oxford (Tourism Economics) và Hiệp hội Du lịch và Sự kiện Thể thao (Sports ETA), tăng trưởng của du lịch thể

<sup>8</sup> Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, Bản tin số 79: Giá trị của nền công nghiệp thể thao, 2018.

<sup>9</sup> Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, Bản tin số 79: Giá trị của nền công nghiệp thể thao, 2018

<sup>10</sup> Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, Bản tin số 79: Giá trị của nền công nghiệp thể thao, 2018

thao ngày càng tăng (trừ những năm bị ảnh hưởng của Đại dịch COVID-19). Riêng năm 2021, toàn cầu có 175 triệu lượt khách du lịch vì mục đích thể thao, đem lại thu nhập cho các điểm đến gồm thu nhập về vận tải là 9,7 tỷ đô la Mỹ, 8,4 tỷ đô la Mỹ cho lưu trú, 7,5 tỷ đô la Mỹ cho ăn uống, 5,3 tỷ đô la Mỹ cho các hoạt động phục hồi sức khỏe, 5 tỷ cho các hoạt động mua sắm, 3,7 tỷ đô la Mỹ cho việc đăng ký tham gia các giải đấu<sup>11</sup>.

Như đã phân tích ở trên, biện pháp của Thành phố Hà Nội về được phép áp dụng phương đầu tư theo hình thức PPP trong lĩnh vực văn hoá và thể thao là rất cần thiết để thu hút nguồn vốn xã hội đầu tư cho các công trình, thiết chế văn hoá và thể thao.

Liên quan đến lĩnh vực y tế, như đã phân tích ở phần Bất cập, Hà Nội cần phải thu hút thêm vốn đầu tư công và đầu tư tư nhân vào lĩnh vực y tế để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân Thủ đô cũng như các vùng lân cận (bao gồm người dân trong Vùng Thủ đô, Vùng Đồng bằng Sông Hồng và các vùng khác). Ngoài ra, Hà Nội cần phải phát triển thêm các cơ sở khám chữa bệnh công nghệ cao, chất lượng cao và không gây ô nhiễm trong khu vực nội đô để có thể thay thế cho các cơ sở khám chữa bệnh gây ô nhiễm hiện nay. Công tác này đòi hỏi nguồn vốn và năng lực quản lý của khu vực tư thông qua các hợp đồng PPP. Tương tự như đối với mục tiêu về mở rộng nguồn vốn tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, để thu hút nhiều hơn dòng vốn đầu tư vào lĩnh vực y tế có chất lượng cao, quy mô thích hợp trên từng địa bàn của Thủ đô, HĐND thành phố Hà Nội sẽ quyết định mức vốn tối thiểu của dự án.

Liên quan mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, thành phố Hà Nội cần phải tiếp tục đầu tư để xây dựng thêm các cơ sở giáo dục và đào tạo mới, chất lượng cao để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo tại Thủ đô và thu hút thêm các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tới nghiên cứu, giảng dạy, sinh sống và làm việc tại Thủ đô.

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Mở rộng các dự án PPP trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, y tế và giáo dục-đào tạo tại thành phố Hà Nội sẽ tạo thêm nhiều cơ hội kinh doanh, phát triển thêm nhiều cơ sở, thiết chế văn hoá, thể thao, y tế và giáo dục - đào tạo và tạo thêm nhiều việc làm cho người dân Thủ đô, vùng Thủ đô và vùng đồng bằng sông Hồng.

Áp dụng phương thức đầu tư PPP trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, y tế và giáo dục - đào tạo tại thành phố Hà Nội sẽ tạo thuận lợi trong việc áp dụng các mô hình hợp đồng PPP được quy định chi tiết, công phu theo pháp luật về PPP

<sup>11</sup> Tourism Economics (an Oxford Economics Company)- Sports ETA, Sport Tourism: State of the Industry Report 2021, <https://www.sportstravelmagazine.com/wp-content/uploads/2022/05/Sports-ETA-SOTI.pdf>



hiện nay. Vấn đề này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động đầu tư theo hình thức PPP trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, y tế và giáo dục - đào tạo.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước

Việc mở rộng các dự án PPP trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, y tế và giáo dục - đào tạo tại thành phố Hà Nội không tạo ra nhiều tác động tiêu cực về kinh tế đối với Nhà nước. Nhà nước sẽ phải chi phí ban đầu để lập các danh mục kêu gọi đầu tư PPP, khảo sát các địa điểm, đánh giá chi phí khi tham gia hợp tác với doanh nghiệp trong các lĩnh vực này, đánh giá tính khả thi, thẩm định và tập huấn cho các cán bộ nhà nước khi Luật Thủ đô (sửa đổi) được ban hành và có hiệu lực.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Việc mở rộng các dự án PPP trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, y tế và giáo dục - đào tạo tại thành phố Hà Nội không tạo nhiều tác động tiêu cực về kinh tế cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô.

*b) Tác động về xã hội:*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước

Nếu biện pháp này được áp dụng thì sẽ cải thiện về các chỉ số phát triển quyền con người, như tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, số giường bệnh/10000 dân, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ, tỷ lệ thất nghiệp thành thị, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thủ đô.

Việt Nam và nhiều quốc gia cũng đã tận dụng việc phát triển văn hoá hoạt động thể dục, thể thao không chỉ nhằm phát triển kinh tế mà còn là tập trung vào phát triển xã hội, môi trường và con người<sup>12</sup>. Văn hoá, thể thao giúp cải thiện mối quan hệ con người. Theo một nghiên cứu, hơn 60% nam giới và 51% nữ giới cho biết đã kết bạn với người khác trong quá trình tập luyện thể thao<sup>13</sup>. Thể thao tác động tới thể chất, sức khỏe, lối sống lành mạnh của người dân<sup>14</sup>.

Xây dựng thêm các công trình, thiết chế văn hoá, thể thao sẽ là nhân tố ảnh hưởng tới ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp thể thao, tác động trực tiếp tới khả năng trình diễn của nghệ sĩ, thành tích thi đấu của các vận động viên, quảng cáo, bản quyền truyền hình, thói quen hoạt động văn hoá và thể thao, tài trợ thể thao, du lịch thể thao, vé xem các hoạt động thể thao và các dịch vụ thể

<sup>12</sup> Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, Bản tin số 79: Giá trị của nền công nghiệp thể thao, 2018

<sup>13</sup> Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, Bản tin số 76: Nguồn lực phát triển thể thao, 2017

<sup>14</sup> Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, Bản tin số 76: Nguồn lực phát triển thể thao, 2017

thao<sup>15</sup>. Biện pháp này phù hợp và củng cố sự thành công của Chính sách 6: Cơ chế, chính sách phát triển văn hóa và giáo dục - đào tạo Thủ đô và Chính sách 8: Cơ chế, chính sách phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Xây dựng thêm các công trình, thiết chế văn hoá, thể thao sẽ là nhân tố ảnh hưởng tới ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp thể thao, tác động tích cực trực tiếp tới khả năng hưởng thụ của người dân về văn hoá, thể thao, giáo dục và y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội. Người dân có thể tiếp cận, hưởng thụ các công trình, thiết chế có chất lượng cao, tiêu chuẩn quốc tế và qua đó là các chương trình nghệ thuật, sự kiện thể thao có quy mô và có chất lượng.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Tác động tiêu cực của biện pháp này đối với Nhà nước khi các dự án PPP không được xây dựng rõ ràng về tiêu chí, danh mục dự án và cơ chế hợp tác cũng như thông tin dự án chưa được công khai, minh bạch, hạn chế sự tiếp cận thông tin của nhà đầu tư dẫn đến tham nhũng, tiêu cực.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Tác động tiêu cực của biện pháp này đối với doanh nghiệp cũng tương tự như đối với Nhà nước. Doanh nghiệp có thể gặp phải rủi ro khi các dự án PPP không được xây dựng rõ ràng về tiêu chí, danh mục dự án và cơ chế hợp tác cũng như thông tin dự án chưa được công khai, minh bạch, hạn chế sự tiếp cận thông tin của nhà đầu tư dẫn đến tham nhũng, tiêu cực.

*c) Tác động về giới*

Những tác động kết quả tích cực về mặt kinh tế xã hội này sẽ mang lại lợi ích đồng đều cho cả các công dân nam và nữ tại Thủ đô. Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới. Đến năm 2025 khi Luật Thủ đô (sửa đổi) được áp dụng, thì có đến khoảng 4.650.000 phụ nữ và trẻ em gái của riêng Thủ đô Hà Nội (xem Bảng 7) và khoảng 10.260.740 phụ nữ và trẻ em gái của toàn vùng Thủ đô được hưởng lợi về văn hoá, thể thao, giáo dục và y tế nếu Biện pháp 3.A được áp dụng.

Phát triển hoạt động rèn luyện thể dục, thể thao cũng là tăng cường trao quyền cho phụ nữ. Phụ nữ có điều kiện được tham gia vào các hoạt động rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe, tham gia vào các hoạt động cộng đồng và giảm áp lực đối với các công việc nội trợ.

<sup>15</sup> Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, Bản tin số 76: Nguồn lực phát triển thể thao, 2017

d) *Tác động của TTHC*: Biện pháp này không làm phát sinh TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2017).

đ) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*:

(i) *Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật*:

Việc thực hiện các cơ chế đặc thù về đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, y tế, giáo dục vì mục tiêu phát triển Thủ đô của biện pháp này không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013. Tuy nhiên, biện pháp này chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020. Do vậy, biện pháp này có ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, để thu hút được nguồn vốn xã hội đầu tư vào các lĩnh vực văn hoá, thể thao, y tế, giáo dục mà không bị hạn chế về nguồn vốn thì Luật Thủ đô (sửa đổi) cần quy định vấn đề này.

(ii) *Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân*:

*Đối với chính quyền Thủ đô*: Việc thực hiện biện pháp này cần đến nguồn lực tài chính đối ứng trong các dự án PPP và khả năng triển khai các dự án PPP. Vấn đề này sẽ làm gia tăng sức ép công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố. Biện pháp sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố, nhất là trong thời gian đầu thực hiện Luật Thủ đô.

*Đối với người dân, doanh nghiệp*: Phát triển các cơ sở hạ tầng xã hội sẽ mang lại nhiều lợi ích về văn hoá, thể thao, y tế và giáo dục cho người dân Thủ đô và Vùng Thủ đô.

(iii) *Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*:

Các biện pháp này tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, và do vậy, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

**2.2. Biện pháp “Thành phố Hà Nội được quyết định thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức Xây dựng - Chuyển giao (BT). Hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công hoặc tài sản công và quyền sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm, khoảng không và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và để chi trả cho dự án BT”**

### **2.2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Bên cạnh những bất cập trong việc huy động nguồn lực để giải quyết các vấn đề về thiếu vốn đầu tư cho các công trình cơ sở hạ tầng đã được nêu trong phần Xác định vấn đề bất cập của Chính sách 3: *Cơ chế huy động nguồn lực*,

*nâng cao năng lực tài chính - ngân sách cho phát triển của Thủ đô*<sup>16</sup>. Một số vấn đề bất cập khác liên quan đến sự cần thiết phải áp dụng trở lại cơ chế hợp tác công tư theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao (BT) ở một số lĩnh vực, phù hợp với đặc điểm tình hình của Thành phố như đã phân tích tại Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/02/2023 của Bộ Tư pháp:

- Trên địa bàn thành phố Hà Nội đã và đang triển khai thực hiện 17 dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT, trong đó có 11 dự án đã hoàn thành và 06 dự án đang triển khai thực hiện. Trong 11 dự án đã hoàn thành, 03 dự án đã hoàn thành, quyết toán hoàn thành và hoàn thành thanh toán; 02 dự án đã hoàn thành, bàn giao, quyết toán hoàn thành và chưa thanh toán bằng quỹ đất đối ứng; 01 dự án đã hoàn thành, bàn giao, chưa quyết toán nhưng hoàn thành thanh toán; 02 dự án đã hoàn thành, bàn giao chưa quyết toán và chưa thanh toán đủ bằng quỹ đất đối ứng; 02 dự án đã hoàn thành, chưa bàn giao, chưa quyết toán và hoàn thành thanh toán bằng quỹ đất đối ứng; 01 dự án đã hoàn thành, chưa bàn giao, chưa quyết toán và chưa hoàn thành thanh toán bằng quỹ đất đối ứng. Như vậy, tỷ lệ dự án BT của thành phố Hà Nội đã hoàn thành là 65%.

- Đối với những dự án BT chưa quyết toán và hoàn thành thanh toán bằng tiền hay bằng quỹ đất thì có 3 nhóm vướng mắc chính:

+ *Vướng mắc phát sinh từ quy định của pháp luật về thanh toán cho nhà đầu tư*, bao gồm hệ thống quy định pháp luật trong thời gian qua chậm ban hành: Năm 2007 ban hành Nghị định số 78/2007/NĐ-CP, năm 2009 ban hành Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, năm 2015 ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, năm 2018 ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và năm 2020 ban hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Quy định còn có nội dung chưa thống nhất giữa các luật, ví dụ như giao đất đối ứng thanh toán mâu thuẫn với Luật Đất đai năm 2013 (Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 - Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình quy thức đấu giá quyền sử dụng đất); chưa có quy định đối với trường hợp trong quỹ đất đối ứng dự kiến thanh toán có quỹ đất công nằm xen kẹt... và cấp thẩm quyền chậm ban hành nghị định, thông tư hướng dẫn...

+ *Vướng mắc phát sinh do thiếu quy định để thực hiện ở cấp Nghị định hoặc quy định còn cách hiểu chưa thống nhất*, ví dụ như dự án được phê duyệt và ký kết Hợp đồng BT từ năm 2008 (trong đó đã giao và xác định giá trị quỹ đất thanh toán. Nay dự án phải phê duyệt điều chỉnh (tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án) tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về phương pháp xác định tổng vốn đầu tư, xác định đơn giá, định mức, biện pháp thi công, các loại vật tư, vật

---

<sup>16</sup> Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/02/2023 của Bộ Tư pháp đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi).

liệu đối với khối lượng các hạng mục sẽ thực hiện tại thời điểm hiện nay so với thời điểm phê duyệt Dự án.

+ *Vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng*, như cơ chế, chính sách xác định nguồn gốc đất, tái định cư; quy trình GPMB phức tạp, phải thực hiện đầy đủ các bước theo quy định đối với từng phương án cụ thể... gây khó khăn trong thực hiện, dẫn đến làm chậm quá trình thực hiện thi công, làm tăng giá trị các dự án BT; quá trình triển khai, một số dự án phải điều chỉnh thiết kế - dự toán, điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh địa điểm đầu tư, điều chỉnh dự án...

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư không còn quy định loại dự án áp dụng hợp đồng BT, tính đến ngày 20/05/2021, thành phố Hà Nội đã phải dừng 82 dự án; việc dừng các Dự án này đã phần nào gây ảnh hưởng tới việc đầu tư phát triển các công trình hạ tầng trên địa bàn Thành phố.

### **2.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Cho phép áp dụng thực hiện dự án theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao (BT). Hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công hoặc tài sản công và quyền quyền sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm, khoảng không và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và để chi trả cho dự án BT.

Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, quan điểm chỉ đạo của Chính phủ, cụ thể:

- Nghị quyết số 13-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã đề ra quan điểm: “Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư...vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội... bảo đảm lợi ích hài hoà giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư”.

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: “*Khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông*”.

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “*đẩy mạnh triển khai các dự án theo hình thức đối tác công - tư*” (Kết luận số 11-KL/TW ngày 13/7/2021 của Ban Chấp hành trung ương).

- Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về thực hiện xây dựng đường bộ cao tốc giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030: “Với nhiệm vụ được giao, ngân sách Nhà nước cân đối tối đa cũng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu vốn. Do vậy, phải huy động tất cả các nguồn lực khác, cả trong và ngoài nước. Vốn ngân sách Trung ương chỉ mang tính khơi nguồn, vốn xã hội hóa là quyết định, đầu tư theo phương thức đối tác công tư là (PPP) chính”.

### **2.2.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

#### *a) Tác động về kinh tế:*

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Như đã phân tích về Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của Thủ đô 2021-2030, nhu cầu về vốn đầu tư từ khu vực tư nhân cho phát triển xã hội ở Hà Nội là rất lớn, gấp hơn 3 lần vốn đầu tư NSNN.

Mặc dù việc triển khai các dự án BT còn nhiều khó khăn vướng mắc như đã nêu ở phần bắt cập. Việc triển khai các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT được đã huy động được nguồn lực xã hội, góp phần phát triển đồng bộ, từng bước hiện đại hóa kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, góp phần chống ùn tắc giao thông, cải thiện môi trường trên địa bàn Thành phố, gắn với việc thực hiện: Nhiệm vụ Phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI Đảng bộ thành phố Hà Nội (nhiệm kỳ 2015-2020); các chương trình, các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, kế hoạch của UBND Thành phố. Những dự án BT đã được hoàn thành đầu tư xây dựng, bao gồm:

- *Tuyến đường Lê Văn Lương kéo dài đến hết địa phận Hà Nội cũ theo hình thức BT;*
- *Đường trục phát triển phía Bắc Hà Đông theo hình thức BT;*
- *Nút giao thông trung tâm quận Long Biên;*
- *Cung tri thức Hà Nội;*
- *Đường liên tỉnh Hà Nội – Hưng Yên;*
- *Bảo tàng Hà Nội;*
- *Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở;*
- *Trạm xử lý nước thải khu vực Hồ Tây;*
- *Tuyến đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị Xuân Phương;*
- *Khu công viên và hồ điều hòa tại phía Bắc và phía Nam nghĩa trang Mai Dịch;*
- *Vành đai 2: Đoạn Vĩnh Tuy - Ngã Tư Sở (ghép với đoạn dưới tháp Vĩnh Tuy - Chợ Mơ - Ngã Tư Vọng).*

Nền kinh tế Thủ đô cũng được hưởng lợi từ các tác động lan tỏa từ các khoản đầu tư công và các công trình kết cấu hạ tầng được hình thành từ các khoản chi tiêu được thực hiện đúng tiến độ nhờ các biện pháp đề ra trong Giải pháp chính sách này. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, *tăng 1 đồng vốn đầu tư công sẽ kéo theo 1,61 đồng vốn đầu tư ngoài nhà nước*. Đặc biệt hiệu

ứng lan tỏa này sẽ được xúc tác mạnh mẽ nếu như các biện pháp nhằm thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác tư nhân (PPP), bao gồm cả các dự án BT như được đề xuất trong chính sách này nếu được chấp thuận. Hiệu ứng lan tỏa tương tự có thể được lặp lại cho giai đoạn 2026 - 2030<sup>17</sup>.

Các dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BT thu hút rất nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư. Khi Luật PPP có hiệu lực, thành phố Hà Nội đã phải thông báo dừng triển khai 82 dự án đầu tư theo hợp đồng BT. Các dự án này chủ yếu là các dự án xây dựng đường giao thông, hệ thống xử lý rác thải, xử lý và tiêu thoát nước thải, cải tạo sông, rạch<sup>18</sup>... Nếu các dự án này sớm được thực hiện theo phương thức đầu tư PPP hợp đồng BT thì tác động to lớn tới sự phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô. Mặt khác, huy động được nguồn lực của khu vực tư nhân giúp giảm áp lực về vốn đầu tư công đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng có yêu cầu triển khai sớm nhưng chưa thu xếp được nguồn vốn ngân sách nhà nước để thanh toán.

Theo Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016, *thành phố Hà Nội dự kiến xây dựng mới đến năm 2045 là 593km đường giao thông trong đô thị trung tâm, diện tích thu hồi vùng phụ cận ước tính 5.930ha (tính tối thiểu 50m mỗi bên đường), 368km đường giao thông tại các đô thị vệ tinh, tổng diện tích đất thu hồi vùng phụ cận ước tính khoảng 3.680 ha (tính tối thiểu 50m mỗi bên đường). Số đường giao thông mà Thành phố Hà Nội dự kiến mở rộng đến năm 2045 có tổng chiều dài 217 km; tổng diện tích đất thu hồi vùng phụ cận 2.170 ha (tính tối thiểu 50m mỗi bên đường). Với mục tiêu đặt ra như vậy, thành phố Hà Nội cần có giải pháp để thu hút thêm nguồn vốn xã hội cùng tham gia đầu tư, giảm bớt áp lực cho NSNN của Thành phố Hà Nội.*

Các dự án của nhà đầu tư BT trên quỹ đất được thanh toán đã góp phần: cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ; tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật; tạo cảnh quan đô thị hiện đại, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới; làm tăng giá trị địa tô, tài nguyên đất cho khu vực xung quanh dự án; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nhiều địa phương từ sản xuất nông nghiệp sang dịch vụ thương mại.

Nếu được áp dụng phương thức đầu tư hợp đồng BT được thanh toán bằng tiền ngân sách hay thanh toán bằng quỹ đất thì Thành phố có thêm được công cụ để huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội nhằm đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng để bảo đảm tính đồng bộ và kết nối, phát huy tối đa nguồn lực từ sử dụng đất, tổ

<sup>17</sup> xem thêm Dự báo đầu tư tư nhân tăng thêm nhờ hiệu ứng lan tỏa trực tiếp từ chi đầu tư phát triển của Thủ đô theo Giải pháp 2 và Dự báo gia tăng về nguồn vốn tư nhân nhờ tác động lan tỏa từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo Giải pháp 2 trong Báo cáo đánh giá tác động.

<sup>18</sup> Công văn số 1966/KH&ĐT-ĐTCT của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội ngày 20/05/2021 về việc dừng triển khai thực hiện dự án PPP hợp đồng BT.

chức phát triển không gian đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội và vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Nếu được áp dụng hợp đồng BT cho một số dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án giao thông thì sẽ phát huy hiệu quả đầu tư ngay khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, không phụ thuộc vào khả năng cân đối của vốn đầu tư công, không chờ vốn từ đầu giá quỹ đất, không chờ bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy một số quốc gia có cùng mức phát triển tương đồng với Việt Nam có áp dụng hợp đồng BT để phát triển cơ sở hạ tầng (Phi-líp-pin thanh toán BT bằng tiền, Hàn Quốc có cơ chế đổi quyền thực hiện dự án bất động sản để giảm nghĩa vụ thanh toán của Nhà nước hoặc nghĩa vụ chi trả của người sử dụng dịch vụ, Hồng Kông áp dụng đổi quỹ đất để nhà đầu tư phát triển hệ thống đường sắt).

Do đó, việc Thành phố Hà Nội được áp dụng hình thức đầu tư dự án theo Hợp đồng BT với phương thức Nhà nước thanh toán trả chậm cho nhà đầu tư bằng ngân sách của Thành phố hoặc thanh toán hoàn vốn đầu tư cho nhà đầu tư bằng quỹ đất, quỹ đất sẽ có nhiều thuận lợi, phù hợp với việc triển khai các dự án giao thông của Thành phố so với các hình thức Hợp đồng PPP khác.

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Nếu cho phép đầu tư theo hợp đồng BT, thành phố Hà Nội sẽ giải quyết nhu cầu về phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật mới về giao thông, thoát nước, xử lý rác thải, nước thải để giải quyết ùn tắc giao thông, ngập, úng cục bộ trên địa bàn thành phố, tác động tích cực tới đời sống cho người dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô, vùng Thủ đô và vùng Đồng bằng Sông Hồng. Các dự án BT cũng tạo thêm việc làm cho người lao động và thúc đẩy phát triển các ngành nghề có liên quan, tăng khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hoàn thiện đô thị và hạ tầng đô thị cho người dân, đặc biệt phát triển hạ tầng giao thông theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu nhà ở, nhu cầu đi lại và giảm các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông. Việc giảm tắc đường sẽ tránh cho người dân, doanh nghiệp của Thủ đô *không bị thiệt hại từ nguyên nhân này khoảng 23.300 - 27.900 tỷ đồng (khoảng 1-1,2 tỷ USD/năm)*.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước

Nếu việc đánh giá đất đối ứng trong dự án BT không được xác định bằng các phương pháp bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước - Người dân - Nhà đầu tư thì có thể gây thiệt hại cho Nhà nước như việc áp dụng phương thức hợp đồng BT trong giai đoạn trước.



Thực tế một số dự án BT được triển khai trong thời gian qua tại thành phố Hà Nội là dự án do nhà đầu tư đề xuất; việc các nhà đầu tư quan tâm, đề xuất các dự án chứng tỏ các dự án này mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư; đồng thời hỗ trợ phía cơ quan nhà nước một khoản kinh phí trong việc chuẩn bị đầu tư dự án. Trên thực tế, công tác thẩm định, đánh giá một số dự án tại Thành phố chưa tốt nên dẫn đến dự án bị kéo dài, chậm thanh toán cho nhà đầu tư dẫn đến những vướng mắc như đã phân tích. Một số dự án BT thanh toán bằng quỹ đất cũng đã bộc lộ một số bất cập về công tác công bố dự án, lạm dụng chỉ định thầu, công tác giám sát chưa toàn diện... Ngoài ra, công tác xác định giá trị quỹ đất để thanh toán còn nhiều hạn chế, dẫn đến sự chênh lệch lớn giữa giá trị công trình BT và giá trị quỹ đất thanh toán, chênh lệch giữa giá đền bù, giá công bố của chính quyền địa phương và giá bán của nhà đầu tư, gây phản ứng từ xã hội.

Ngoài ra, Luật Đất đai năm 2013 chỉ áp dụng một cơ chế lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có sử dụng đất là cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất. Cơ chế này đòi hỏi các địa phương phải giải phóng mặt bằng (có đất sạch) để cơ quan Nhà nước có thể quyết định giao, cho thuê ngay tại thời điểm có kết quả đấu giá đất. Trong bối cảnh nguồn lực đầu tư công hạn hẹp, thực tế điều hành các hoạt động phát triển kinh tế cho thấy không phải trong tất cả các trường hợp đều có thể thu xếp được quỹ đất sạch để đáp ứng điều kiện tổ chức đấu giá. Đây là một rào cản trong việc phát huy các nguồn lực đất đai cho phát triển.

Các văn bản hướng dẫn đã từng bước quy định chặt chẽ về trình tự chuẩn bị dự án (lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo khả thi) hơn, đặc biệt bổ sung một số quy định như: chỉ được tổ chức lựa chọn nhà đầu tư sau bước thiết kế và dự toán (bảo đảm giá trị công trình BT được chính xác nhất), quỹ đất dự kiến thanh toán phải được lập quy hoạch tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500 (nếu có) trước khi phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi<sup>19</sup>... Tuy nhiên, sau khi các quy định mới được củng cố thì Luật PPP năm 2020 đã dừng phương thức đầu tư này. Như đã nêu, thành phố Hà Nội đã phải dừng 82 dự án BT trên địa bàn.

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Ngoài ra, việc điều tiết, tái phân phối phần giá trị gia tăng từ đất mà không do đầu tư của người sử dụng đất mang lại tại pháp luật về đất đai mới chỉ giới hạn ở phương pháp tăng thu ngân sách qua chính sách thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Điều này dẫn đến việc tái phân phối giá trị địa tô tăng lên còn chưa thỏa đáng giữa các đối tượng người dân - nhà đầu tư - nhà nước, đặc biệt là người dân có đất bị thu hồi. Vấn đề này có thể được khắc phục khi Luật Đất đai (sửa đổi) dự kiến

<sup>19</sup> Các Nghị định số 15/2015/NĐ-CP (thay thế Nghị định 108/2009/NĐ-CP), Nghị định số 63/2018/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP), Nghị định 30/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã quy định chi tiết

được Quốc hội thông qua vào cuối năm 2023 về những vấn đề liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng, bổ sung phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất bên cạnh phương thức đấu giá lựa chọn nhà đầu tư.

*b) Tác động về xã hội:*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước

Như đã phân tích ở trên, các dự án BT đã góp phần phát triển đồng bộ và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, góp phần chống ùn tắc giao thông, cải thiện môi trường, chống úng, ngập cục bộ trên địa bàn thành phố, bổ sung thêm công trình văn hoá có giá trị cho Thủ đô, thay đổi hình ảnh, diện mạo đường phố trên địa bàn Thủ đô.

Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước như: *“Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư... vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội... bảo đảm lợi ích hài hoà giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư”* (Nghị quyết số 13-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII); *“Khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông”* (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII) và chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh triển khai các dự án theo hình thức đối tác công - tư (Kết luận số 11-KL/TW ngày 13/7/2021 của Ban Chấp hành trung ương) và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về thực hiện xây dựng đường bộ cao tốc giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030: *“Với nhiệm vụ được giao, ngân sách Nhà nước cân đối tối đa cũng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu vốn. Do vậy, phải huy động tất cả các nguồn lực khác, cả trong và ngoài nước. Vốn ngân sách Trung ương chỉ mang tính khơi nguồn, vốn xã hội hóa là quyết định, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) là chính”*.

Nếu việc đánh giá đất đối ứng trong dự án BT được xác định bằng các phương pháp bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước - Người dân - Nhà đầu tư theo các nguyên tắc mới bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của Luật Đất đai (sửa đổi) sẽ giảm bớt các bức xúc của người dân, giảm thiệt hại cho Nhà nước như việc áp dụng phương thức hợp đồng BT trong giai đoạn trước.

Áp dụng hợp đồng BT sẽ giúp thành phố Hà Nội triển khai nhanh chóng và đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, bao gồm giao thông đường bộ, vận tải hành khách công cộng (như đường sắt đô thị), kết hợp với biện pháp phát triển đường sắt đô thị theo định hướng giao thông (TOD) của Chính sách 4 để tái cấu trúc sử dụng đất đô thị hợp lý hơn theo hướng hiện đại, tiên tiến, bố trí thêm

không gian mở, giảm mật độ cho những khu vực lõi đô thị. Biện pháp BT cũng giúp cho thành phố Hà Nội có thể thực hiện nhanh được mục tiêu di dời các cơ sở sản xuất, bệnh viện gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội đô lịch sử.

Như đã phân tích ở Báo cáo đánh giá tác động, tốc độ đô thị hoá của Hà Nội là 49,2% đang thấp hơn yêu cầu của Quy hoạch chung 1259 là 58,8%. Áp dụng phương thức đầu tư theo hợp đồng BT sẽ thúc đẩy việc hoàn thành nhanh hơn Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quy hoạch chung của Thủ đô về phát triển đô thị nên có các tác động tích cực về xã hội tương tự như các giải pháp của Chính sách 4.

Để hạn chế những bất cập của việc triển khai các dự án BT trước đây, thành phố Hà Nội cần chủ động xây dựng danh mục các dự án cần kêu gọi đầu tư theo hình thức BT với các điều kiện, tiêu chí rõ ràng để tổ chức đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, công khai.

Các dự án BT của thành phố Hà Nội cũng sẽ áp dụng như các dự án PPP khác là áp dụng phương thức *quản lý theo đầu ra* (chỉ đặt ra yêu cầu và để nhà đầu tư có sự chủ động, sáng tạo trong việc triển khai công trình, dịch vụ) thay vì *quản lý đầu vào* (áp đặt sẵn một công trình, dịch vụ). Phương thức này giúp tạo sự chủ động, sáng tạo cũng như nâng cao tính trách nhiệm của nhà đầu tư trong suốt vòng đời dự án BT, hạn chế tối đa các công trình được xây dựng theo hợp đồng BT bị xuống cấp nhanh chóng.

Việc áp dụng phương thức đầu tư theo hợp đồng BT cũng có thuận lợi khi Quốc hội vừa thông qua các luật có liên quan đến hoạt động này như Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Đấu thầu (sửa đổi), Luật Đất đai (sửa đổi).

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Trong quá trình nghiên cứu xác định danh mục dự án áp dụng cơ chế, Thành phố sẽ tổ chức thực hiện lấy ý kiến đồng thuận của người dân, sẽ có trường hợp người dân không đồng tình ủng hộ về xác định đối tượng chịu phí, mức phí, vị trí đặt trạm thu phí,... Trong phạm vi thẩm quyền, Thành phố sẽ nghiên cứu, triển khai một số giải pháp tổ chức thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề về bảo đảm quyền và lợi ích của người dân, tránh tạo gánh nặng về thuế, phí và tình trạng khiếu kiện,... Trường hợp vượt thẩm quyền, Thành phố sẽ đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành, như:

- Thành phố Hà Nội sẽ ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án để đầu tư theo hình thức hợp đồng BT, tổ chức lựa chọn đầu tư các dự án trọng điểm theo thứ tự ưu tiên phù hợp với hình thức đầu tư, dựa trên lợi thế, đặc điểm của từng dự án cơ sở hạ tầng, tuyến đường cũng như tính cấp thiết, liên

thông trong hệ thống giao thông theo quy hoạch hoặc tính cấp thiết của công trình kết cấu hạ tầng đối với nhu cầu sử dụng của Thành phố.

HĐND thành phố Hà Nội có trách nhiệm phê duyệt danh mục dự án, quyết định chủ trương đầu tư của các dự án BT và tổ chức giám sát đảm bảo quyền lợi của người dân.

UBND Thành phố thực hiện đầy đủ, công khai minh bạch các thông tin về dự án để thuận lợi cho người dân giám sát. Trong quá trình nghiên cứu lập dự án, sẽ nghiên cứu, đánh giá và thực hiện các giải pháp khắc phục thông qua các giải pháp về kỹ thuật đối với các dự án BT.

HĐND Thành phố ban hành quy định về cơ chế tham vấn ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của Thành phố, các chuyên gia, nhà khoa học,... trước khi quyết định đầu tư. UBND thành phố Hà Nội cần thực hiện tốt công tác truyền thông, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, trung thực theo quy định của pháp luật về các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT, giải thích và làm rõ sự cần thiết phải đầu tư dự án để tạo sự đồng thuận từ người dân, qua đó hỗ trợ kiểm tra, giám sát quá trình triển khai, thực hiện, vận hành và khai thác dự án.

Biện pháp áp dụng trở lại phương thức đầu tư theo hợp đồng BT là một nhiệm vụ thách thức, cần phải có sự tập huấn, hướng dẫn việc áp dụng pháp luật. Việc quản lý theo đầu ra cũng tạo thách thức cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc phải xác định rõ các yêu cầu đầu ra nhằm đạt được mục tiêu quản lý, cũng như có cơ chế giám sát nhà đầu tư.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước

Trước đây khi thực hiện dự án đầu tư theo hợp đồng BT, xảy ra tình trạng thất thoát tài sản của Nhà nước khi “đổi đất lấy hạ tầng” là do thời điểm tính giá khu đất là sớm, không tính đến công trình hạ tầng do nhà đầu tư thi công bị chậm. Để khắc phục tình trạng này, Thành phố sẽ lên danh mục các dự án BT có xác định phương án thanh toán bằng tiền hoặc bằng quỹ đất. Thời điểm thanh toán dự án BT bằng quy đất là thời điểm bàn giao công trình hoàn thành cho cơ quan nhà nước hoặc thanh toán cho nhà đầu tư bằng tiền kể từ khi công trình hoàn thành bằng nguồn thông qua đấu giá khu đất được chọn trước. Trường hợp trả chậm công trình, có thể tính thêm lãi vay ngân hàng. Để có cơ sở xác định giá quỹ đất cần quy hoạch chi tiết được cấp thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục phê duyệt quy hoạch các dự án khu nhà ở, khu đô thị được thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Đất đai. Hiện nay, các quy định này đang được sửa đổi theo hướng kiểm soát chặt chẽ hơn về phương pháp xác định giá trị quỹ đất, tránh thất thoát tài sản nhà nước.

Trong giai đoạn trước đây, một số nhà đầu tư dự án BT không có năng lực về tài chính để thực hiện dự án công trình kết cấu hạ tầng và công trình xây dựng của dự án khác để đáp ứng các yêu cầu về đầu tư. Dẫn đến tình trạng có dự án bị chậm tiến độ thực hiện. Để khắc phục tình trạng này, Thành phố Hà Nội sẽ cần có các quy định cụ thể về phương pháp xác định năng lực tài chính của nhà đầu tư dựa trên yêu cầu về vốn thực hiện dự án công trình kết cấu hạ tầng và/hoặc công trình xây dựng của dự án khác.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo phương án thanh toán bằng tiền thì đòi hỏi quy trình thanh toán của Nhà nước phải rõ ràng, thuận tiện cho nhà đầu tư. Việc thanh toán chậm hoặc từ chối thanh toán với những điều kiện không rõ ràng sẽ có thể làm ảnh hưởng tới tình hình tài chính của nhà đầu tư.

Trong trường hợp nhà đầu tư được thanh toán bằng quỹ đất cũng đòi hỏi các thủ tục giao đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cần được nhanh chóng, phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc giao đất chậm cũng sẽ ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư trong dự án đầu tư theo hợp đồng BT.

Việc áp dụng trở lại hình thức đầu tư PPP theo hợp đồng BT cũng đòi hỏi các nguyên tắc minh bạch, hiệu quả và công bằng để hạn chế các trường hợp có lợi ích đặc thù gây ảnh hưởng tới cạnh tranh không công bằng với các doanh nghiệp khác.

*c) Tác động về giới:*

Những tác động kết quả tích cực về mặt kinh tế, xã hội này sẽ mang lại lợi ích đồng đều cho cả các công dân nam và nữ tại Thủ đô. Giải pháp này tạo thêm các cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới, bao gồm các quyền hưởng thụ, quyền có việc làm... Đến năm 2025 khi Luật Thủ đô (sửa đổi) được áp dụng, thì có đến khoảng 4.650.000 phụ nữ và trẻ em gái của riêng Thủ đô Hà Nội và khoảng 10.260.740 phụ nữ và trẻ em gái của toàn vùng Thủ đô được hưởng lợi nếu Giải pháp này được áp dụng.

*d) Tác động của TTHC:*

Biện pháp này không làm phát sinh TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2017).

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Việc áp dụng trở lại phương thức đầu tư theo hợp đồng BT nhằm tăng năng lực về ngân sách, tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng sự linh hoạt

trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô. Các biện pháp này không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng không phù hợp với quy định của một số luật như: Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Trong trường hợp Luật Đất đai (sửa đổi) chấp thuận hình thức lựa chọn nhà đầu tư bằng phương thức đấu thầu cùng với phương thức đấu giá thì phương thức đầu tư theo hình thức BT thanh toán bằng quỹ đất có thể áp dụng.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- *Đối với chính quyền Thủ đô:* Việc thực hiện biện pháp này đòi hỏi nâng cao năng lực làm việc của chính quyền và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố. Để thực hiện các biện pháp này, HĐND, UBND thành phố Hà Nội cần lập danh mục các dự án cần thực hiện đầu tư theo hợp đồng BT, ban hành các quy định hướng dẫn rõ ràng để thực hiện được biện pháp này. Biện pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố, nhất là trong thời gian đầu thực hiện Luật Thủ đô.

- *Đối với người dân, doanh nghiệp:* Việc phát triển nhanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội sẽ giúp giảm chi phí sản xuất của doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp phát triển bền vững hơn, cải thiện được môi trường, điều kiện sống cho người dân Thủ đô, đồng thời cũng mang lại nhiều lợi ích cho người dân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Biện pháp này tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966 và tương thích với các hiệp định thương mại và bảo hộ đầu tư. Do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

### **2.3. Biện pháp “Thu hút nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án trọng điểm theo từng thời kỳ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cho Thành phố”**

#### **2.3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Theo dự toán ngân sách của thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2021-2025, thành phố Hà Nội dự kiến đầu tư 39 công trình trọng điểm của thành phố với tổng vốn đầu tư là 360.980.937 tỷ đồng trên tinh thần quyết tâm, quyết liệt cao nhất, chủ động xác định các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đảm bảo tiến độ và tuân thủ quy định của pháp luật. Trong 39 dự án, Hà Nội dự kiến vay ODA cho 2 dự án với vốn đầu tư dự kiến khoảng 40.517.032 tỷ đồng, chiếm khoảng 11% tổng vốn đầu tư của 39 dự án. Số còn lại sẽ là nguồn

vốn đầu tư trong nước. Các dự án trọng điểm trải dài trong nhiều lĩnh vực: y tế (3 dự án chiếm khoảng 0,35% tổng vốn đầu tư), văn hoá xã hội (08 dự án chiếm khoảng 6,2% tổng vốn đầu tư), giáo dục đào tạo (02 dự án dự án chiếm khoảng 0,49% tổng vốn đầu tư), công nghệ thông tin (01 dự án chiếm khoảng 2,1% tổng vốn đầu tư), môi trường (03 dự án chiếm khoảng 5,6% tổng vốn đầu tư), lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước (02 dự án chiếm khoảng 0,74% tổng vốn đầu tư), lĩnh vực thuỷ lợi kết hợp thoát nước đô thị (02 dự án chiếm khoảng 2,3% tổng vốn đầu tư), lĩnh vực giao thông (15 dự án chiếm khoảng 72,7% tổng vốn đầu tư), lĩnh vực công nghiệp (01 dự án chiếm khoảng 0,89% tổng vốn đầu tư), lĩnh vực thương mại-dịch vụ (02 dự án chiếm khoảng 8,4% tổng vốn đầu tư).

Trong tổng số 15 dự án trọng điểm về giao thông của Hà Nội giai đoạn 2021-2025 chỉ có 02 dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị, bao gồm tuyến đường sắt đô thị số 5 (Văn Cao-Ngọc Khánh-Láng-Hoà Lạc) bằng nguồn vốn trong nước và tuyến đường sắt đô thị thí điểm (Nhôn – Ga Hà Nội) bằng nguồn vốn ODA.

Nhìn chung, các dự án sử dụng vốn ODA đều gặp khó khăn, vướng mắc. Các dự án được thực hiện trên địa bàn Thủ đô song lại do các bộ, ngành quản lý. Nhiều dự án hiện bị chậm tiến độ bởi các lý do như (i) Các dự án trọng điểm có khối lượng GPMB lớn, trải dài trên nhiều địa bàn dân cư phức tạp, nên quá trình điều tra, lập phương án mất nhiều thời gian, trong khi các chế độ chính sách, quy trình thực hiện công tác GPMB của Nhà nước trong thời gian qua có nhiều thay đổi làm gián đoạn và kéo dài thời gian bàn giao mặt bằng so với dự kiến; (ii) Năng lực của một số Ban quản lý dự án còn hạn chế, việc tổ chức thực hiện dự án còn thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu tính chủ động trong việc phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai dự án làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án cũng như đề xuất kịp thời biện pháp giải quyết; (iii) Các dự án tuyến đường sắt đô thị có quy mô lớn, lần đầu tiên triển khai thực hiện ở Việt Nam nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng nên trong quá trình triển khai còn gặp nhiều khó khăn, trong khi đó các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về đường sắt đô thị, các hướng dẫn liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ các chủ sở hữu công trình trên mặt đất khi có công trình ngầm xây dựng đi qua đều chưa được các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, ban hành kịp thời; (iv) Trong quá trình triển khai thực hiện đấu thầu các dự án sử dụng vốn vay ODA thường có phát sinh các tình huống đấu thầu, phải tiến hành xử lý tình huống theo các quy định của Việt Nam và nhà tài trợ, tuy nhiên các quy định của các bên không phù hợp với nhau dẫn đến việc xử lý tình huống đấu thầu bị kéo dài, phải trao đổi làm việc nhiều lần giữa các cơ quan quản lý của Việt Nam và nhà tài trợ dẫn đến chậm tiến độ thực hiện dự án; (v) Các dự án đường sắt đô thị của thành phố Hà Nội đều là các dự án quan trọng quốc gia, nên khi có điều chỉnh thay đổi hoặc

phải trình bổ sung vốn vay ODA, điều chỉnh các Hiệp định vay đều phải trình Chính phủ và các bộ, ngành trung ương xem xét nên thủ tục thực hiện bổ sung, điều chỉnh bị kéo dài.

Ngoài ra, việc xây dựng tuyến đường sắt đô thị kết hợp với phát triển đô thị hiện nay được chia thành nhiều dự án nhỏ, độc lập để thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất. Việc chia nhỏ thành nhiều dự án sẽ khó thu hút được nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm tham gia vào việc phát triển cơ sở hạ tầng đường sắt đô thị để bảo đảm tính đồng bộ đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... trên phạm vi toàn đô thị theo quy hoạch được duyệt. Pháp luật hiện hành, như Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) không thể áp dụng cho phương thức đấu thầu một dự án phức hợp bao gồm cả đầu tư hạ tầng giao thông và phát triển đô thị để có thể thu hút nhà đầu tư có năng lực tài chính, kinh nghiệm tham gia vào phát triển đô thị, đặc biệt là đường sắt đô thị của Hà Nội.

Kinh nghiệm tốt tại một số quốc gia trong việc phát huy hiệu quả từ việc khai thác các ưu điểm của mạng lưới giao thông đô thị để phát triển đô thị như Hong Kong là sử dụng một doanh nghiệp nhà nước hợp tác kinh doanh với các nhà đầu tư chiến lược (có thể thành lập doanh nghiệp dự án) để phát triển hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, khai thác, chia sẻ lợi nhuận trong suốt quá trình thực hiện dự án đem lại hiệu quả cao cho cộng đồng. Tuy nhiên, vấn đề này cần phải được quy định cụ thể về các biện pháp thi hành để bảo đảm tính hiệu quả của chính sách.

Như đã phân tích ở Chính sách 7 tại Báo cáo số 59/BC-BTP và Báo cáo tổng kết thi hành Luật thủ đô giai đoạn 2013-2020, hoạt động KHCN của thành phố Hà Nội chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô. KHCN và đổi mới sáng tạo còn chưa thực sự trở thành động lực quan trọng để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển KTXH Thủ đô. Chính sách quản lý KHCN của Thành phố chưa có những đổi mới đột phá, chưa tạo được cơ chế thông thoáng, thuận lợi khai thác tối đa tiềm lực cơ sở vật chất và nguồn lực chất xám của các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp tích cực tham gia đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với nhà nước, đặc biệt là các hoạt động sản xuất thử nghiệm (SXTN), chuyển giao công nghệ; thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô.

### ***2.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Thu hút nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án trọng điểm, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cho Thành phố để thực hiện thành công mục tiêu Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ chính trị “*Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học, công nghệ cao và đổi mới*



*sáng tạo là động lực then chốt để phát triển KTXH; phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ con người, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh tế mới gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, KHCN, kết nối theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong vùng kinh tế và cả nước. Thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội”.*

### **2.3.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

#### *a) Tác động về kinh tế:*

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Biện pháp này tạo điều kiện để thu hút doanh nghiệp có năng lực về vốn, kinh nghiệm về các lĩnh vực dự án, quy mô dự án để có thể đầu tư vào các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực: xây dựng đô thị vệ tinh, dự án giao thông đường sắt đô thị, dự án giao thông công cộng khối lượng lớn nội vùng và liên vùng, dự án khu công nghệ cao, và các dự án công nghiệp chế tạo, sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; phát triển và chế tạo hệ thống đầu máy, toa xe, thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh; Dự án trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); dự án nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch.

Đối với các dự án trọng điểm về phát triển hạ tầng, mục tiêu thu hút nhà đầu tư chiến lược tham gia vào các dự án phát triển đường sắt đô thị. Đây là những dự án đòi hỏi quy mô vốn lớn, công nghệ cao. Như đã nêu, trong tổng số 39 dự án trọng điểm của Hà Nội giai đoạn 2021-2025 chỉ có 02 dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị, bao gồm tuyến đường sắt đô thị số 5 (Văn Cao-Ngọc Khánh-Láng-Hoà Lạc) và tuyến đường sắt đô thị thí điểm (Nhôn – Ga Hà Nội) nhưng chiếm đến 27% tổng vốn đầu tư các dự án trọng điểm trong kỳ. Nếu để hiện thực hoá việc xây dựng các tuyến đường sắt đô thị còn lại (dự kiến khoảng 5 tuyến) trong giai đoạn 2025-2030 hoặc 2031-2035 là rất khó thực hiện. Do đó, cần phải có những biện pháp thu hút các nhà đầu tư đầu tư có năng lực về vốn, công nghệ tham gia, bên cạnh các chính sách về phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) như phân tích tại Chính sách 4 dưới đây.

- Để thu hút các nhà đầu tư có năng lực tham gia vào các hoạt động đầu tư khoa học công nghệ (như dự án khu công nghệ cao, và các dự án công nghiệp

chế tạo, sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới...) thì đòi hỏi cần thu hút những công ty đa và xuyên quốc gia có năng lực và thương hiệu quốc tế tham gia. Hiện nay, xu hướng chuyển dịch đầu tư toàn cầu đang diễn ra do những ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, chiến tranh thương mại và xung đột khu vực<sup>20</sup>. Hà Nội nói riêng và toàn quốc nói chung cần chuẩn bị về chính sách, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội để có thể thu hút và tiếp nhận được xu hướng dịch chuyển đầu tư này. Theo phân tích của công ty tư vấn McKinsey<sup>21</sup>, các chuỗi cung ứng toàn cầu có nhu cầu chuyển dịch cao nhất là các chuỗi cung ứng trong các lĩnh vực công nghiệp chế tạo công nghệ cao và công nghệ chế tạo công nghệ trung - cao với tổng quy mô vốn có nhu cầu dịch chuyển địa điểm sản xuất ước đạt 2900-4600 tỷ đô la Mỹ mỗi năm. Trong đó, công nghiệp sản xuất thiết bị hàng không vũ trụ: ước tính 25%-32% kim ngạch thương mại toàn cầu trong ngành này có nhu cầu chuyển dịch để đa dạng hóa nguồn cung ứng, quy mô dịch chuyển hàng năm ước đạt 85-110 tỷ đô la Mỹ. Công nghiệp sản xuất thiết bị truyền thông và kết nối mạng internet: ước tính 34%-54% kim ngạch thương mại toàn cầu trong ngành này có nhu cầu chuyển dịch để đa dạng hóa nguồn cung ứng, quy mô dịch chuyển hàng năm ước đạt 227-363 tỷ đô la Mỹ. Công nghiệp sản xuất công nghiệp máy tính, điện thoại và điện tử: ước tính 25%-35% kim ngạch thương mại toàn cầu trong ngành này có nhu cầu chuyển dịch để đa dạng hóa nguồn cung ứng, quy mô dịch chuyển hàng năm ước đạt 165-247 tỷ đô la Mỹ. Công nghiệp sản xuất bán dẫn: ước tính 9%-19% kim ngạch thương mại toàn cầu trong ngành này có nhu cầu chuyển dịch để đa dạng hóa nguồn cung ứng, quy mô dịch chuyển hàng năm ước đạt 92-184 tỷ đô la Mỹ. Công nghiệp sản xuất thiết bị y tế: ước tính 37%-54% kim ngạch thương mại toàn cầu trong ngành này có nhu cầu chuyển dịch để đa dạng hóa nguồn cung ứng, quy mô dịch chuyển hàng năm ước đạt 100-120 tỷ đô la Mỹ.

#### (i) Người dân, doanh nghiệp

Thu hút được nhà đầu tư chiến lược vào phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đặc biệt là giao thông công cộng khối lượng lớn) sẽ làm gia tăng giá trị và hiệu quả về sản xuất, thương mại của các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn Hà Nội.

Đối với một số lĩnh vực ưu tiên về khoa học công nghệ để thu hút nhà đầu tư chiến lược, như sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới...) hiện nay đang là xu hướng của thị trường như đã phân tích ở trên. Khi chính sách của Hà Nội nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực này sẽ giúp cho các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội nói riêng

<sup>20</sup> WTW, (2022). 2022 Political Risk Survey Report, <https://www.wtwco.com/en-AU/Insights/2022/03/2022-political-risk-survey-report>

<sup>21</sup> <https://www.mckinsey.com/industries/life-sciences/our-insights/four-ways-pharma-companies-can-make-their-supply-chains-more-resilient>

và của Vùng Thủ đô, toàn quốc có thể tiếp cận để trở thành doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, bao gồm sản xuất và nghiên cứu phát triển (R&D) của nhà đầu tư chiến lược.

Trong nỗ lực tiến đến trung hoà carbon, yêu cầu giảm khí thải từ ngành vận tải là yêu cầu bắt buộc. Điện khí hoá vận tải đường bộ (như đường sắt đô thị, xe điện cá nhân) đang trở thành xu thế mạnh mẽ trên toàn thế giới. Theo báo cáo triển vọng xe điện toàn cầu 2022 của Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA), năm 2012, chỉ có 120.000 xe điện được bán ra trên toàn thế giới thì đến năm 2021, số lượng xe điện bán ra mỗi tuần nhiều hơn tổng số xe bán trong cả năm 2012. Gần 10% doanh số bán ô tô trên toàn cầu năm 2021 là xe điện, tăng gấp bốn lần thị phần của năm 2019, nâng tổng số ô tô điện tiêu thụ trên toàn cầu lên 16,5 triệu xe, gấp ba lần so số lượng năm 2018. Dự báo doanh số bán hàng toàn cầu năm 2040 đạt 56 triệu xe năm 2040.<sup>22</sup> Như vậy, thu hút nhà đầu tư chiến lược vào sản xuất chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch là cần thiết.

Thu hút được nhà đầu tư chiến lược vào phát triển hoạt động đầu tư khoa học công nghệ sẽ tác động tích cực đến năng lực sản xuất, nghiên cứu khoa học công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi cung ứng với nhà đầu tư chiến lược. Người dân cũng sẽ được hưởng lợi về tay nghề, trình độ học vấn trong khoa học kỹ thuật để có thu nhập cao hơn.

Việc hình thành các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố Hà Nội do nhà đầu tư chiến lược đầu tư không chỉ đem lại lợi ích riêng cho nhà đầu tư chiến lược mà còn tác động lan toả tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận cơ sở hạ tầng về kỹ thuật, công nghệ cao và mức thuế suất ưu đãi áp dụng riêng cho các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo. Qua đó, Hà Nội sẽ trở thành trung tâm về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

### Tác động tiêu cực:

#### (i) Nhà nước

Thu hút nhà đầu tư chiến lược trong các dự án trọng điểm, khoa học công nghệ sẽ có thể làm cho Nhà nước (ngân sách Hà Nội) bị kém hơn trong một giai đoạn hoặc tính riêng giá trị thu hồi cho ngân sách nhà nước của từng dự án. Nhưng nếu tính về giá trị lan toả nếu các dự án trọng điểm, dự án khoa học công nghệ sớm được hình thành và vận hành hiệu quả thì giải pháp thu hút nhà đầu tư chiến lược sẽ có lợi hơn. Để hạn chế tác động tiêu cực, Chính quyền thành phố Hà Nội cần có các quy định điều kiện để thực hiện giải pháp này và biện pháp

<sup>22</sup> BloombergNEF, Electric Vehicle Outlook 2019. May 2019. <https://about.bnef.com/electric-vehicle-outlook/>. Accessed March 15, 2021.

tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt danh mục dự án trọng điểm, dự án khoa học kỹ thuật cần thu hút nhà đầu tư chiến lược và phê duyệt từng dự án, từng nhà đầu tư chiến lược.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Giải pháp này làm giảm đi cơ hội cho doanh nghiệp có quy mô nhỏ liên kết với nhau để tham gia các dự án trọng điểm. Tuy nhiên, việc các doanh nghiệp nhỏ và vừa liên kết với nhau để tham gia vào các dự án đòi hỏi quy mô vốn lớn cũng có tác động tiêu cực về khả năng thực hiện thành công được dự án.

*b) Tác động về xã hội:*

(i) Nhà nước

Thu hút được nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào các dự án trọng điểm sẽ giúp cho thành phố Hà Nội hiện thực hoá được các nhiệm vụ đầu tư theo từng thời kỳ. Đồng thời, Hà Nội sẽ thực hiện thành công các nhiệm vụ chính trị đã được đề ra tại Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ chính trị “*Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển KTXH; phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ con người, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh tế mới gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, KHCN, kết nối theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong vùng kinh tế và cả nước. Thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội*”.

Thu hút được nhà đầu tư chiến lược vào phát triển hoạt động đầu tư khoa học công nghệ góp phần vào nỗ lực tiến đến trung hoà carbon, yêu cầu giảm khí thải theo các cam kết tự nguyện của Việt Nam tại COP 26.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Thu hút được nhà đầu tư chiến lược vào phát triển hoạt động đầu tư vào các dự án trọng điểm, hoạt động khoa học công nghệ sẽ nâng cao năng lực về hạ tầng kỹ thuật và xã hội của Hà Nội, giảm tắc đường, tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường. Biện pháp này cùng với các biện pháp, giải pháp về phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD), nhà ở cho công nhân, người có thu nhập thấp, nhà ở xã hội sẽ góp phần hiện thực hoá các mục tiêu về giảm nghèo, tiếp cận nhà ở, nâng cao điều kiện sống cho người dân.

*c) Tác động về giới:*

Tác động tích cực:

Tương tự như các biện pháp về phát triển đô thị và nhà ở, biện pháp này sẽ

thúc đẩy khả năng phụ nữ và trẻ em gái sống tại các khu đô thị mới ở ngoại thành hoặc vùng phụ cận có điều kiện được tiếp cận các dịch vụ hạ tầng tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc. Theo tính toán, có khoảng 894.000 phụ nữ sống tại 5 khu đô thị mới được hưởng lợi từ việc phát triển đô thị, chưa tính đến phụ nữ sống ở 15 đô thị còn lại và khu vực phụ cận các đô thị.

Đặc biệt với việc phát triển khoa học công nghệ, phụ nữ sẽ có điều kiện về việc làm và thu nhập tốt hơn khi được nâng cao trình độ, năng lực sản xuất.

#### Tác động tiêu cực:

Tác động tiêu cực của biện pháp này tới phụ nữ và trẻ em gái không rõ ràng. Các tác động tiêu cực gián tiếp thông qua các biện pháp về phát triển nhà ở và đô thị là khả năng phân hoá giàu nghèo cũng như việc đền bù cho người dân ở những khu vực bị thu hồi đất.

*d) Tác động của thủ tục hành chính:* Việc thực hiện biện pháp này sẽ làm phát sinh thủ tục chấp nhận nhà đầu tư chiến lược.

*(Cụ thể xem Phụ lục II - Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

#### *đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

##### *(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Biện pháp Thu hút nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án trọng điểm, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cho Thành phố sẽ làm giảm áp lực về ngân sách cho đầu tư công của Thành phố Hà Nội đối với các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án phát triển tuyến đường sắt đô thị, các dự án thu hút nhà đầu tư về khoa học công nghệ, môi trường. Biện pháp này tạo sự ổn định và tính tập trung về nguồn tài chính, tăng sự linh hoạt trong điều hành ngân sách phục vụ mục tiêu phát triển Thủ đô. Các biện pháp này không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng không phù hợp với quy định của của một số luật như: Luật Đầu tư 2020, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020, Luật Khoa học công nghệ.

##### *(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- *Đối với chính quyền Thủ đô:* Việc thực hiện biện pháp này đòi hỏi nâng cao năng lực làm việc của chính quyền và cán bộ, công chức, việc chức của Thành phố. Để thực hiện các biện pháp này, HĐND, UBND thành phố Hà Nội cần lập danh mục các dự án trọng điểm cụ thể, ban hành các quy định hướng dẫn rõ ràng để thu hút được nhà đầu tư có năng lực tham gia thực hiện dự án trọng điểm, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo để trở thành nhà đầu tư chiến lược của Thành phố Hà Nội. Biện pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng

thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố, nhất là trong thời gian đầu thực hiện Luật Thủ đô.

- *Đối với người dân, doanh nghiệp:* Việc phát triển nhanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đặc biệt là dự án trọng điểm, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo sẽ giúp giảm chi phí sản xuất của doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp phát triển bền vững hơn, nâng cao năng suất lao động, cải thiện được môi trường, điều kiện sống cho người dân Thủ đô, đồng thời cũng mang lại nhiều lợi ích cho người dân.

(iii) *Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Biện pháp này tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966 và tương thích với các hiệp định thương mại và bảo hộ đầu tư. Do đó, không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

### **3. CHÍNH SÁCH 4: HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUY HOẠCH, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, GIAO THÔNG CỦA THỦ ĐÔ**

***Đánh giá bổ sung biện pháp “Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)” trong giải pháp 2.***

#### **3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Cùng với các giải pháp về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, phát triển nhà ở (đặc biệt là nhà ở xã hội và nhà ở dành cho người có thu nhập thấp), Thủ đô Hà Nội hiện có khoảng 6,4 triệu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (trong đó có khoảng 5,6 triệu xe máy, 685 nghìn ô tô các loại), chưa kể đến 1,2 triệu phương tiện từ các tỉnh, thành phố khác tham gia giao thông tại Thủ đô. Việc phát triển mất cân đối giữa phương tiện giao thông với kết cấu hạ tầng dẫn tới quá tải và ùn tắc vào các giờ cao điểm; từ đó gây ra mức độ phát thải lớn, ô nhiễm môi trường. Một trong những giải pháp cốt lõi để giảm phương tiện giao thông cá nhân là việc phát triển vận tải hành khách công cộng một cách đồng bộ. Theo Quyết định số 519/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/03/2016 phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 519/QĐ-TTg), thành phố Hà Nội phải ưu tiên phát triển vận tải hành khách công cộng để đảm bảo thị phần theo các giai đoạn như sau:

	Giai đoạn	Đường sắt đô thị	Xe buýt	Tổng cộng
Đô thị trung tâm	2020	10 - 15%	20%	30 - 35%

	2030	25 - 30%	25%	50 - 55%
	Sau năm 2030	35 - 40%	30%	65 - 70%
Đô thị ngoại ô	2020		15%	15%
	2030	15%	25%	40%
	Sau năm 2030	20%	30%	50%

Theo Quy hoạch chung tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg, Thủ đô Hà Nội có 20 đô thị các loại, bao gồm: 01 đô thị trung tâm, tương đương đô thị loại Đặc biệt. 05 đô thị vệ tinh, bao gồm: Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên và Sóc Sơn (định hướng là các đô thị từ loại III đến I), 03 đô thị sinh thái (định hướng là các đô thị từ IV đến III), 11 thị trấn thuộc các huyện (định hướng là các đô thị loại V). Để kết nối các đô thị, thành phố Hà Nội cần có 9 tuyến đường sắt đô thị với tổng chiều dài 417,8km, 3 tuyến tàu điện một ray và 8 tuyến xe buýt nhanh (BRT) trong tương lai<sup>23</sup>. Như vậy, mạng lưới vận tải hành khách công cộng của thành phố Hà Nội chưa phát triển đúng theo các quy hoạch và kế hoạch hiện hành.

Nghị quyết số 15-NQ/TW và dự kiến sửa đổi Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg đã xác định mô hình phát triển đô thị cho Thủ đô Hà Nội theo mô hình chùm đô thị, gồm đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh, được liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai kết hợp các trục hướng tâm, có mối liên kết với mạng lưới giao thông vùng Thủ đô và quốc gia. Ngoài 20 đô thị được xác định tại Quy hoạch chung theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg thì thành phố Hà Nội sẽ hình thành thêm 2 thành phố trực thuộc. Định hướng này đòi hỏi Hà Nội phải có giải pháp cụ thể để có nguồn lực tài chính phát triển hệ thống vận tải hành khách đồng bộ, đặc biệt là hệ thống đường sắt đô thị (MRT), xe buýt nhanh (BRT), và xe buýt thường.

Như đã phân tích trong Báo cáo đánh giá tác động của Chính sách 4, khả năng cân đối, bố trí vốn ngân sách để đầu tư xây dựng đường giao thông đường bộ và đường sắt đô thị của thành phố Hà Nội còn hạn chế, không theo kịp tốc độ phát triển phương tiện, các khu đô thị mới. Theo dự toán, tổng vốn đầu tư để phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh bằng các loại phương tiện vận tải hành khách công cộng: đường sắt đô thị (MRT), tuyến xe buýt nhanh (BRT), xe buýt thường vào khoảng **4.695.000 tỷ đồng**. Nhu cầu về vốn đầu tư này là một thách thức lớn cho ngân sách của Thủ đô khi mà Thủ đô

<sup>23</sup> Quyết định 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

cần phân bổ ngân sách cho nhiều hạng mục phát triển kinh tế xã hội khác. Hiện nay, Thủ đô chỉ có thể đáp ứng được khoảng 46% tổng nhu cầu vốn đầu tư công để phát triển cơ sở hạ tầng. Theo tính toán, để phát triển 9 tuyến đường sắt đô thị, Hà Nội cần **888.623,05 tỷ đồng**. Hiện tại, chỉ có 1 tuyến đường sắt đô thị đang vận hành khai thác (tuyến 2A: Cát Linh - Hà Đông), 04 tuyến đã có cam kết về thu xếp vốn còn lại thì đang trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi và chưa có kế hoạch về nguồn vốn. Trong số 5 tuyến xác định được nguồn vốn (bao gồm cả tuyến 2A Cát Linh – Hà Đông) thì 4 tuyến được triển khai theo nguồn vốn ODA, 1 tuyến từ đầu tư công<sup>24</sup>. Theo Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 519/QĐ-TTg, tổng giá trị vốn đầu tư dự kiến để xây dựng các tuyến đường sắt đô thị còn lại đến năm 2045 là khoảng: **321.484 tỷ đồng** (tương đương 13.31 tỷ USD)<sup>25</sup>. Với số lượng vốn đầu tư lớn, một số nhà đầu tư tư nhân đã có nghiên cứu về khả năng tham gia đầu tư đường sắt đô thị nhưng sau đó dừng và không tiếp tục nghiên cứu với lý do chủ yếu là khả năng thu hồi vốn chậm, không có lợi nhuận.

Các quy định pháp luật hiện hành còn thiếu cơ chế, chính sách tạo động lực thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển đô thị kết hợp với phát triển hệ thống đường sắt đô thị, bao gồm việc xây dựng và vận hành đường sắt đô thị mà còn có khả năng giảm chi phí vận hành (vé tàu) để có thể thu hút người dân sử dụng dịch vụ và bảo đảm lợi nhuận của nhà đầu tư và các đơn vị tín dụng cho vay vốn.

Theo các quy định hiện nay (Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đường sắt, Luật PPP, Luật Đầu tư công, Luật Nhà ở...) một tuyến đường sắt đô thị và các dự án đô thị, trung tâm thương mại trong khu vực xung quanh các nhà ga đường sắt sẽ bị chia thành nhiều dự án độc lập để thực hiện việc đấu thầu hoặc đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư, bao gồm: (i) dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị và mua sắm toa tàu và công nghệ vận hành; (ii) các dự án xây dựng khu đô thị, nhà ở, trung tâm thương mại, khu công nghiệp ở xung quanh khu vực nhà ga (khu vực đô thị theo định hướng giao thông - còn gọi là khu vực TOD); (iii) dự án vận hành và bảo trì hoạt động của tuyến đường sắt đô thị; (iv) dự án giải phóng mặt bằng để xây dựng tuyến đường sắt đô thị, khu đô thị, khu công nghiệp, trung tâm thương mại... Với nhiều dự án và có các thủ tục xây dựng và phê duyệt khác nhau nên đã dẫn đến việc kéo dài thời gian xây dựng và hoàn thành đồng bộ và hiệu quả cho sự phát triển của một tuyến đường sắt đô thị với các dự án thương mại, công nghiệp và nhà ở xung quanh các nhà ga.

Do các dự án bị chia lẻ nên các nhà đầu tư sẽ lựa chọn những dự án phát triển đô thị vì có khả năng thu lợi nhuận cao. Thực tiễn này đã làm cho nhiều

<sup>24</sup> Báo cáo của Ban Quản lý đường sắt đô thị - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

<sup>25</sup> Tính theo tỷ giá 1 USD = 24,150 VNĐ tại ngân hàng Vietcombank ngày 25/8/2023



khu đô thị được phát triển ở trong khu vực quy hoạch có nhà ga đường sắt đô thị nhưng tuyến đường sắt đô thị lại chưa phát triển dẫn đến tạo áp lực giao thông cho tuyến đường bộ. Đặc biệt, giá đất khi tổ chức đấu giá để phát triển các dự án phát triển đô thị trước khi các dự án xây dựng đường sắt đô thị được khởi công thì sẽ thấp hơn rất nhiều do chưa có những lợi ích từ tuyến đường sắt đô thị. Ngân sách nhà nước sẽ bị mất đi khoản chênh lệch này. Ngoài ra, kinh nghiệm quốc tế cho thấy<sup>26</sup>, ở những khu vực TOD có thể quy hoạch phát triển đô thị “nén”, chỉnh trang đô thị, tái thiết đô thị do những lợi ích của đường sắt đô thị đem lại, hệ số sử dụng đất trong các khu vực TOD sẽ cao hơn. Đặc biệt, các khu vực TOD là những khu vực có thể khai thác hiệu quả không gian ngầm và không gian trên cao (khoảng không) so với các khu vực khác như đã phân tích ở Báo cáo đánh giá tác động chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi). Do đó, cần phải có giải pháp pháp luật để tháo gỡ những vướng mắc này.

Luật PPP không thể áp dụng cho gói dự án bao gồm cả đầu tư hạ tầng giao thông và phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại; việc đổi dự án lấy dự án chưa có trong các quy định của pháp luật.

Kinh nghiệm tốt tại một số quốc gia (xem Phụ lục Báo cáo đánh giá tác động chính sách) trong việc phát huy hiệu quả từ việc khai thác các ưu điểm của hệ thống đường sắt đô thị để tạo nguồn lực cho phát triển đô thị.

Ngoài ra, quy định pháp luật hiện tại chưa cụ thể để thành phố Hà Nội xây dựng được hệ thống các tiêu chí và chỉ tiêu để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD). Đồng thời chưa có một quy trình chuẩn, một thiết kế có tính điển hình về quy hoạch xây dựng tại một khu vực thuộc Hà Nội theo định hướng TOD làm căn cứ để triển khai cho các khu vực khác trên địa bàn thành phố. Điều này gây khó khăn cho việc định hướng quy hoạch xây dựng các khu vực tiếp giáp với hành lang tuyến đường sắt đô thị và các hành lang giao thông công cộng khối lượng lớn<sup>27</sup>.

Như đã phân tích tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi), phát thải khí nhà kính (tCO<sub>2</sub>) tại Thủ đô Hà Nội ngày càng gia tăng do sự phát triển kinh tế và đô thị. Lượng phát thải khí nhà kính của Thủ đô Hà Nội từ giao thông đứng thứ 3 (sau điện và nhiên liệu khác), nhưng mức giảm từ hoạt động giao thông chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ và đứng thứ 4 (sau hoạt động công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp). Do đó, để giảm được lượng phát thải khí nhà

<sup>26</sup> Sở Khoa học công nghệ thành phố Hà Nội – Trường Đại học GTVT, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố: “Nghiên cứu đề hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) tại Thủ đô Hà Nội, 2023; Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Khảo sát Thu thập số liệu về quy hoạch đô thị và phát triển theo định hướng giao thông công cộng ở Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội, Phần I - Thể chế TOD, 2021;

<sup>27</sup> Sở Khoa học công nghệ thành phố Hà Nội - Trường Đại học GTVT, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố: “Nghiên cứu đề hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) tại Thủ đô Hà Nội, 2023.

kính trong lĩnh vực vận tải thì cần phải có các giải pháp đồng bộ về giao thông, bao gồm nâng cao năng lực của vận tải hành khách công cộng, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân và các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng sử dụng phương tiện giao thông cá nhân ít phát thải để giảm ô nhiễm môi trường.

Từ những khái quát về vấn đề bất cập nêu trên, thành phố Hà Nội cần có giải pháp về “*Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)*” trong Chính sách về “Hoàn thiện các quy định về quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông của Thủ đô”.

### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; hoàn thành xây dựng các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc, đường vành đai, hệ thống đường kết nối nội vùng và liên vùng theo quy hoạch, đồng bộ với quy hoạch kiến trúc, cảnh quan, xây dựng đô thị văn minh, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị, đường vành đai. Từng bước tạo ra chùm đô thị, các đô thị vệ tinh, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) đi đôi với quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng và gia tăng dân số tại khu vực đô thị trung tâm để phát triển Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững nguồn lực về tài nguyên, nhất là đất đai để phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đường sắt đô thị. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào phát triển hệ thống đường sắt đô thị và vận tải hành khách khối lượng lớn.

### **3.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

#### *a) Tác động về kinh tế:*

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Dựa trên các quy định pháp luật hiện hành (bao gồm thực thi Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Luật Thủ đô và các quy định pháp luật hiện hành, như Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đường sắt, Luật PPP, Luật Đầu tư công,... theo Quyết định số 519/QĐ-TTg, thành phố Hà Nội có 9 tuyến đường sắt đô thị cùng với mạng lưới đường sắt quốc gia (bao gồm đường sắt vành đai và đường sắt hướng tâm), và hệ thống xe buýt nhanh (BRT) và xe buýt thường. Hiện nay, Hà Nội đã đưa vào khai thác tuyến đường sắt 2A (Cát Linh - Hà Đông). Chỉ riêng một tuyến 2A, có khoảng 10.000 hành khách sử dụng vé tháng. *Bình quân mỗi ngày, tuyến 2A phục vụ trên 32.000 lượt hành khách, ngày cuối tuần phục vụ 26.000-28.000*

*lượt hành khách*. Trong thời gian tới, thành phố Hà Nội chuẩn bị đưa vào vận hành tuyến số 3 (Nhôn - Ga Hà Nội) thì hiệu quả của các tuyến đường sắt đô thị sẽ tăng thêm nhiều do khả năng kết nối tới những khu vực quan trọng của đô thị và mức độ bao phủ rộng hơn. Do đó, thành phố Hà Nội cần ưu tiên phát triển thêm một số đường sắt đô thị để tạo động lực phát triển mở rộng mạng lưới đường sắt đô thị và đường sắt liên kết trong vùng Thủ đô.

Theo Thuyết minh Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016, đến năm 2030 tổng nhu cầu đi lại trong khu vực Thủ đô Hà Nội đạt **khoảng 27.7 triệu chuyến đi/ngày đêm**. Trong đó, mục tiêu đến sau năm 2030, đường sắt đô thị đảm nhận từ **35%-40% lượng hành khách công cộng**. Như vậy, sau năm 2030 đường sắt đô thị Hà Nội có thể vận chuyển được **9,7 triệu - 11,08 triệu chuyến đi/ngày đêm**<sup>28</sup>.

Vận tải hành khách công cộng đô thị đạt được hiệu quả tối ưu khi hệ thống vận tải hành khách công cộng có mức độ bao phủ rộng. Như đã phân tích tại Báo cáo Đánh giá tác động chính sách, nhu cầu phát triển hạ tầng khung, đến năm 2030, Thủ đô Hà Nội cần đến **5.476.577 tỷ đồng**. Nhưng với dự báo nêu trên thì phải đến năm 2035 Thủ đô Hà Nội mới có thể đáp ứng được yêu cầu này, không tính đến các ảnh hưởng xấu của đại dịch COVID-19 các các yếu tố suy thoái kinh tế toàn cầu. Tổng giá trị vốn đầu tư dự kiến để xây dựng các tuyến đường sắt đô thị còn lại đến năm 2045 khoảng: **321, 484 nghìn tỷ đồng (tương đương 13.31 tỷ USD)**. Biện pháp này nhằm tập trung huy động nguồn vốn xã hội để đầu tư vào cơ sở hạ tầng đường sắt đô thị của Hà Nội. Sự hoàn thiện và đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng sẽ thúc đẩy nhanh quá trình phát triển KTXH, mở rộng thị trường.

Để phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, theo dự toán, tổng vốn đầu tư để phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh bằng các loại phương tiện vận tải hành khách công cộng: đường sắt đô thị, tuyến xe buýt nhanh (BRT), xe buýt thường vào khoảng **4.695.000 tỷ đồng**. Hà Nội mới chỉ hoàn thành 1 tuyến (tuyến 2A Cát Linh-Hà Đông) thông qua vốn vay ODA (khoảng **13.867 tỷ đồng (tương đương với 669,62 triệu USD)**)<sup>29</sup>. Thành phố Hà Nội dự kiến sử dụng vốn ODA cho 3 tuyến với tổng vốn vay khoảng **83.584 tỷ đồng** (xem Phụ lục I). Vấn đề này sẽ gây áp lực nợ công của thành phố Hà Nội (xem thêm phân tích ở Chính sách 3). Ngoài ra, các khoản vay ODA thường kèm theo các điều kiện rất nghiêm ngặt và có thể có lợi cho bên cấp vốn.

<sup>28</sup> Báo cáo số của Ban Quản lý đường sắt đô thị - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

<sup>29</sup> Báo cáo của Ban Quản lý đường sắt đô thị - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Nhu cầu về vốn đầu tư này là một thách thức lớn cho ngân sách của thành phố Hà Nội khi mà Thành phố cần phân bổ ngân sách cho nhiều hạng mục phát triển kinh tế xã hội khác trong khi thành phố Hà Nội chỉ có thể đáp ứng được khoảng 46% tổng nhu cầu vốn đầu tư công để phát triển cơ sở hạ tầng. Theo phân tích ở Chính sách 3, nguồn kinh phí mà Thủ đô Hà Nội có thể sử dụng để đầu tư công là hạn hẹp, chỉ đáp ứng được 30-35% nhu cầu. Trong khi thành phố Hà Nội cũng dự kiến sử dụng vốn đầu tư công để xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 5 (Văn Cao-Hoà Lạc) và sử dụng ngân sách để thực hiện công tác duy tu, bảo trì hệ thống đường sắt đô thị đã xây dựng. Như đã nêu ở phần bắt cập, theo Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô tại Quyết định số 519/QĐ-TTg, tổng giá trị vốn đầu tư dự kiến để xây dựng các tuyến đường sắt đô thị còn lại của Hà Nội đến năm 2045 là khoảng: **321, 484 nghìn tỷ đồng** (tương đương **13.31 tỷ USD**)<sup>30</sup>. Vấn đề này đòi hỏi một cơ chế huy động vốn xã hội phù hợp để phát triển hệ thống đường sắt đô thị Hà Nội. Thành phố Hà Nội không thể hoàn thành được mục tiêu đề ra tại Quyết định 519/QĐ-TTg về hoàn thành hệ thống giao thông công cộng đáp ứng được 50-55% nhu cầu đi lại của người dân Thủ đô vào năm 2030 (như đã nêu ở phần Bắt cập) do thiếu vốn đầu tư.

Mặc dù Quyết định 519/QĐ-TTg đã đặt ra yêu cầu *“kết nối đồng bộ các loại hình vận tải hành khách công cộng tại các ga kết hợp quy hoạch phát triển dân cư, thương mại và dịch vụ đô thị tập trung liên kết với nhà ga trên các tuyến đường sắt đô thị (TOD)”*, nhưng không có bất kỳ một giải pháp mạnh mẽ nào để thúc đẩy mô hình TOD được phát triển, tạo nguồn vốn và động lực cho việc phát triển đô thị và hệ thống đường sắt đô thị của thành phố Hà Nội.

Phát triển đường sắt đô thị theo mô hình TOD nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong bán kính 1 km quanh nhà ga đường sắt đô thị để phát triển đô thị (trung tâm thương mại, văn phòng, nhà ở,...) theo hướng kết hợp đa dạng các hình thức sử dụng đất, tạo động lực phát triển kinh tế. Biện pháp này cần kết hợp các giải pháp khác của Chính sách 2 về phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển Thủ đô, bao gồm phát huy việc sử dụng không gian trên cao (khoảng không) và không gian ngầm với chức năng hỗn hợp. Trong đó, ưu tiên phát triển xây dựng không gian ngầm trong các công trình công cộng, trung tâm thương mại đô thị. Mô hình TOD tạo lập đầu mối giao thông, theo hướng lấy ga đường sắt đô thị ngầm làm hạt nhân liên kết các trạm dừng, nghỉ, bên đầu cuối của các tuyến giao thông công cộng: đường sắt nhẹ một ray, xe buýt và bãi đỗ xe công cộng. Các nhà ga ngầm liên kết trực tiếp hoặc gián tiếp các công trình xây dựng ngầm khác thông qua hầm bộ hành. Mô hình TOD sẽ thúc đẩy việc xây dựng một số không gian ngầm công cộng như quảng trường, không gian công cộng ngầm gắn với các ga đường sắt đô thị quan trọng, tại các khu vực tổ hợp ga

<sup>30</sup> Báo cáo của Ban Quản lý đường sắt đô thị - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

chuyến tàu hoặc các ga đường sắt đô thị có kết nối với nhau phục vụ hành khách trung chuyển tàu. Kinh nghiệm ở một số quốc gia khác cho thấy việc áp dụng công cụ thu lại giá trị gia tăng từ đất (land value capture -LVC) đem lại hiệu quả trong phát triển đường sắt đô thị và đô thị dọc tuyến theo mô hình TOD (xem Phụ lục II).

Theo Báo cáo “Khảo sát thu thập số liệu Nghiên cứu kéo dài Tuyến ĐSĐT số 2 lên phía Bắc (tuyến 2.3, đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài) do JICA hỗ trợ nghiên cứu năm 2020, khu vực TOD cho 08 nhà ga trong tổng số 10 nhà ga với tổng diện tích khu vực TOD là **294ha**. Theo Báo cáo “Khảo sát Thu thập số liệu về Quy hoạch đô thị và Phát triển theo định hướng Giao thông công cộng tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội” Phần III-Thành phố Hà Nội do JICA hỗ trợ nghiên cứu năm 2021, Tư vấn đề xuất khu vực TOD cho 10 nhà ga/10 nhà ga của tuyến 2.1, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo với diện tích khoảng **9ha**. Nếu quy định phát triển đường sắt đô thị phải ưu tiên mô hình TOD, các tuyến đường sắt đô thị còn lại khi quy hoạch, tổ chức triển khai sẽ khai thác được nhiều hơn các khu vực TOD. Ví dụ đô thị Hoà Lạc sẽ đóng góp cho nguồn thu ngân sách từ đầu giá QSDĐ cho khoảng 102,05ha với số tiền tương ứng khoảng **10.000 tỷ đồng**. Dự án thành phố thông minh Đông Anh với tổng số vốn đầu tư lên tới **4,2 tỉ USD** trên diện tích đất 272ha với kỳ vọng sẽ trở thành đô thị thông minh<sup>31</sup>.

Các khu vực đất được khai thác theo mô hình TOD sẽ ưu tiên tổ chức đấu giá (nếu là đất sạch/đã giải phóng mặt bằng). Nhà nước cũng có thể tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư có giải pháp phát triển tuyến đường sắt đô thị phù hợp với diện tích đất có thể thu hồi, không gian ngầm, không gian trên cao trong khu vực TOD và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội khác của Thành phố.

Như đã phân tích tại Báo cáo đánh giá tác động, nếu thành phố Hà Nội hoàn thành hệ thống đường sắt đô thị theo kế hoạch hiện nay sẽ thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, các khu vực lân cận và các mục tiêu khác của Thủ đô Hà Nội, như di chuyển các trường đại học, nhà máy, bệnh viện gây ô nhiễm ra khỏi nội thành Hà Nội. Chẳng hạn như nếu đô thị Hoà Lạc và khu công nghệ cao Hoà Lạc, Đại học Quốc gia Hà Nội được kết nối với đô thị trung tâm bằng hệ thống đường sắt đô thị phát triển thì sẽ thu hút được các nhà khoa học, sinh viên làm việc, học tập và sinh sống tại Hoà Lạc. Kết quả này tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển KTXH của các huyện Thạch Thất, Quốc Oai và thị xã Sơn Tây và thúc đẩy các đô thị vệ tinh khác (như Sơn Tây, Xuân Mai) trong chuỗi các đô thị vệ tinh phía tây Thành phố để các địa phương này phát triển nhanh, bền vững theo hướng đô thị xanh, phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo

<sup>31</sup> Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.

hướng dịch vụ - công nghiệp, xây dựng<sup>32</sup>.

Phát triển đường sắt đô thị có hiệu quả cần phải gắn với phát triển không gian ngầm. Nhà nước có thể thu được lợi ích từ việc khai thác (bao gồm thu phí, cho thuê) không gian ngầm đô thị. Đây là một biện pháp dự kiến có hiệu quả cho phát triển đô thị và kinh tế ở Hà Nội, nhất là ở khu vực trung tâm thành phố nơi chiều cao công trình bị hạn chế. Hà Nội là địa phương duy nhất ở Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị<sup>33</sup>. Tuy nhiên, các quy định hiện hành chưa có các quy định cho phép UBND thành phố Hà Nội có thể thu phí sử dụng, cho thuê không gian ngầm đô thị. Vấn đề này hạn chế hiệu quả của việc phát triển đồng bộ hệ thống đường sắt đô thị ngầm ở thành phố Hà Nội với các không gian ngầm đô thị khác, như bãi đỗ xe, trung tâm thương mại, khu văn hoá, khu giải trí ngầm... để đem lại các giá trị kinh tế cho người dân và doanh nghiệp.

Theo Quyết định 913/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10,000 xác định *“Các đầu mối giao thông công cộng lớn của Thành phố (TOD, ga đường sắt đô thị, ga đường sắt quốc gia) là hạt nhân phát triển không gian xây dựng công cộng ngầm. Trong phạm vi 500m từ đầu mối TOD, sử dụng tối đa chiều sâu để hình thành không gian công cộng ngầm tại: các công trình cao tầng, trung tâm thương mại, thể dục thể thao, quảng trường, sân vận động. Định hướng phát triển đô thị theo mô hình TOD: phát triển đô thị nén, mật độ cao trên cả không gian nổi, không gian ngầm xung quanh các ga đường sắt đô thị, với chức năng hỗn hợp. Trong đó, ưu tiên phát triển xây dựng không gian ngầm trong các công trình công cộng, trung tâm thương mại đô thị. Tạo lập đầu mối giao thông, theo hướng lấy ga đường sắt đô thị ngầm làm hạt nhân liên kết các trạm dừng, nghỉ, bến đầu cuối của các tuyến giao thông công cộng: đường sắt nhẹ một ray, xe buýt và bãi đỗ xe công cộng. Chú trọng phát triển các liên kết trực tiếp hoặc gián tiếp các công trình xây dựng ngầm với ga ngầm thông qua hầm bộ hành. Xây dựng một số quảng trường, không gian công cộng ngầm gắn với các ga đường sắt đô thị quan trọng”*.

Biện pháp này tạo điều kiện để thu hút doanh nghiệp quy mô lớn (như có vốn điều lệ đủ lớn) để có thể đầu tư dự án tổng thể gồm đầu tư xây dựng các đô thị mới và dự án giao thông đường sắt đô thị (“Nhà đầu tư chiến lược”). Nhà đầu tư chiến lược đầu tư và vận hành dự án đường sắt đô thị theo các hình thức hợp đồng được quy định tại Luật PPP. Nhà đầu tư chiến lược đầu tư và vận hành dự

<sup>32</sup> Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.

<sup>33</sup> Quyết định số 913/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 15/03/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm Thành phố Hà Nội đến 2030, tầm nhìn 2050, tỷ lệ 1/10.000.

án đường sắt đô thị cùng với đầu tư phát triển một hoặc một số dự án đô thị trong khu vực TOD.

Phát triển đường sắt đô thị theo mô hình TOD là cơ hội để phát triển đô thị nén, nhằm giảm thiểu giao thông cơ giới, tắc đường, ô nhiễm môi trường... Như đã phân tích ở trên, việc giảm tắc đường sẽ tránh cho Hà Nội *không bị thiệt hại do tắc đường tại Hà Nội khoảng 23.300 - 27.900 tỷ đồng (khoảng 1-1,2 tỷ USD/năm)*.

Phát triển đường sắt đô thị và mô hình xây dựng đô thị nén trong khu vực TOD sẽ giúp cho công tác cải tạo, chỉnh trang và tái thiết đô thị. Cấu trúc đô thị Hà Nội có nhiều nhiều ngõ cụt, nhà phố dạng ống, mật độ xây dựng dày đặc nhưng hệ số sử dụng đất thấp. Khi áp dụng mô hình đô thị nén trong các khu vực TOD sẽ thay đổi hình thức sử dụng đất từ dạng nhà ở thấp tầng theo dạng dàn trải sang sạng nén lại, tức là nhà ở cao tầng kết hợp với các tiện ích xung quanh như bố trí các công trình công cộng trong bán kính đi bộ, gia tăng các công trình công cộng tại khu vực nhà ga nhằm tạo sức hút của giao thông công cộng. Theo mục tiêu tại Quyết định 519/QĐ-TTg, sau năm 2030, đường sắt đô thị đảm nhận từ **35%-40% lượng hành khách công cộng**. Như vậy, sau năm 2030 đường sắt đô thị Hà Nội có thể vận chuyển được **9,7 triệu - 11,08 triệu chuyến đi/ngày đêm**. Phát triển mô hình TOD trong xây dựng đường sắt đô thị không chỉ tạo nguồn lực tài chính để xây dựng mà còn tác động tới giảm giá cước vận chuyển (giá vé) đi lại cho người dân.

Các khu vực ngoại thành đang đô thị hóa của Hà Nội là những khu vực có nhiều tiềm năng ứng dụng mô hình TOD do các khu vực này chưa được xây dựng. Các khu đất mới này có thể được quy hoạch với ý tưởng rõ ràng là gắn kết với vận tải khối lượng lớn cho các mục đích như nhà ở, văn phòng, khu thương mại, công nghiệp...

Biện pháp này sẽ tạo điều kiện để thành phố Hà Nội áp dụng các biện pháp về giảm phát thải trên địa bàn Thủ đô. Theo tính toán, mức giảm phát thải khí CO<sub>2</sub> gây hiệu ứng nhà kính của Tuyến đường sắt đô thị số 1 và số 2 của Hà Nội tương ứng là **54.541 tấn CO<sub>2</sub>/ năm** và **39.614 tấn CO<sub>2</sub>/năm**<sup>34</sup>. Nếu vận hành đủ 9 tuyến đường sắt đô thị, mức giảm CO<sub>2</sub> lớn hơn gấp nhiều lần.

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Phát triển nghề nghiệp có chất lượng cao tại các đô thị mới, đô thị vệ tinh (ví dụ như đô thị Hoà Lạc là trung tâm CNC sẽ đáp ứng khoảng 60.000 lao động tay nghề cao). Khi các đô thị vệ tinh được hình thành sẽ thu hút được nguồn nhân lực

<sup>34</sup>Báo cáo “Khảo sát thu thập dữ liệu để phát triển hệ thống đo lường, báo cáo và kiểm chứng (MRV) trong ngành đường sắt đô thị tại Việt Nam” do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam thực hiện với sự hợp tác của Cục Biến đổi Khí hậu (Bộ Tài nguyên và Môi trường), Vụ Môi trường (Bộ Giao thông vận tải) và Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM).

có chất lượng cao để góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô<sup>35</sup>.

Phát triển nhanh hệ thống đường sắt đô thị theo mô hình TOD sẽ thúc đẩy cho giải pháp mở rộng khu vực nội đô (gồm 4 quận mới và mở rộng sang huyện Từ Liêm, Thanh Trì) thuộc phía Nam sông Hồng khoảng 0,856 triệu người. Đồng thời, hiện thực hoá di chuyển các cơ sở công nghiệp, trường đại học ra ngoài khu vực nội đô, quỹ đất này ưu tiên phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ người dân trong khu vực nội đô.

Khi các tuyến đường sắt đô thị đi vào khai thác thì khả năng di chuyển của người dân sẽ được cải thiện đáng kể do giảm lưu lượng giao thông đường bộ. Ví dụ thời gian di chuyển từ bến xe Gia Lâm tới ga Hà Nội bằng xe buýt hiện nay là 30 phút, sẽ giảm xuống còn 10 phút nếu đi bằng đường sắt đô thị Thời gian đi lại bằng xe máy và ô tô sẽ giảm xuống do áp lực giao thông trên mặt đường không còn cao khi người dân lựa chọn vận tải hành khách công cộng. Ngoài ra, cùng với việc phát triển đường sắt đô thị, thành phố Hà Nội cũng sẽ áp dụng các biện pháp tổ chức giao thông ở trung tâm thành phố. Việc phát triển giao thông công cộng hiện đại, như tuyến xe buýt nhanh (BRT), đường sắt đô thị sẽ thay đổi hành vi của người dân trong hoạt động đời sống, thay đổi thói quen mua sắm, tiêu dùng. Mở rộng các ngành nghề kinh doanh dịch vụ và mặt hàng mới phù hợp với đời sống đô thị hiện đại.

Người dân và doanh nghiệp ở khu TOD và vùng phụ cận có thể khai thác lợi ích từ phát triển tuyến đường sắt đô thị, bao gồm các hoạt động kinh tế từ khu trung tâm thương mại tập trung, văn phòng hỗn hợp tập trung tầng cao.

Số lượng người dân được nâng cao chất lượng cuộc sống khi phát triển các đô thị vệ tinh và các thành phố thuộc Thủ đô, dự kiến khoảng 1.377 triệu người được hưởng lợi trực tiếp vào năm 2030, và khoảng 1.787 triệu người vào năm 2050 và 15 đô thị khác (khoảng 1,2 triệu người ở các huyện có đô thị mới). Thông qua việc phát triển đường sắt đô thị, các đô thị dọc tuyến đường sắt (khu vực TOD), các đô thị vệ tinh sẽ giúp cho các doanh nghiệp có thể thu hút được lao động trong vùng Thủ đô và bố trí được chỗ ở có thu nhập thấp. Việc phát triển này tác động trực tiếp tới 117.000 nghìn lao động di cư hiện đang làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thủ đô và trong thời gian tới tác động tới 135.000 người.

Theo tính toán, nhu cầu về nhà ở xã hội, nhà dành cho người có thu nhập thấp cho người dân thành phố Hà Nội là rất lớn, chiếm từ 35-40% nhu cầu của toàn dân Thành phố. Tuy nhiên, nhu cầu này hiện nay chưa được đáp ứng. Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn Thành phố đã có 25 dự án đã hoàn

<sup>35</sup> Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ.



thành với 1.254.087m<sup>2</sup> sàn nhà ở xã hội, trong đó: Nhà sinh viên (ký túc xá): 02 dự án với 27.201m<sup>2</sup> sàn; Nhà ở phục vụ các đối tượng theo quy định tại Điều 49 của Luật Nhà Ở: 23 dự án với khoảng 1.226.886m<sup>2</sup> sàn, 12.659 căn<sup>36</sup>. Kết quả phát triển nhà ở xã hội của thành phố Hà Nội cho đến nay đã mang lại nhiều lợi ích cho hàng trăm nghìn hộ gia đình thu nhập thấp có chỗ ở ổn định, cải thiện điều kiện sống so với trước đây khi sống trong các căn nhà cho thuê kém chất lượng hoặc các khu ở cũ có điều kiện sinh hoạt thiếu tiện nghi, không được bố trí các công trình phục vụ xung quanh khu ở nhà ở.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước:

Trong trường hợp vốn Nhà nước trong các dự án PPP liên quan đến đầu tư đường sắt đô thị kết nối đô thị vệ tinh với đô thị trung tâm thì Thủ đô Hà Nội phải có phương án để nhà đầu tư được khai thác quỹ đất dọc tuyến giao thông (TOD), đặc biệt là nhà đầu tư chiến lược thực hiện đầu tư theo gói dự án. Để thực hiện được Giải pháp này, Thủ đô Hà Nội quy định về tiêu chí, điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược. Trong trường hợp có 2 nhà đầu tư chiến lược trở lên cùng tham gia vào dự án TOD theo Luật PPP và Luật Đất đai thì chính quyền thành phố Hà Nội sẽ tổ chức đấu thầu thực hiện dự án. UBND thành phố Hà Nội cần ban hành các quy định điều kiện để thực hiện giải pháp này và biện pháp tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án TOD.

##### (ii) Người dân, doanh nghiệp:

Biện pháp này chưa rõ ràng về tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân và doanh nghiệp trong việc phát triển đường sắt đô thị và mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD).

#### *b) Tác động về xã hội:*

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Giải pháp áp dụng mô hình TOD trong phát triển giao thông và đô thị muốn thực hiện thành công phải đáp ứng 8 nguyên tắc: (1) Thúc đẩy các chuyến đi bộ; (2) Ưu tiên phát triển mạng lưới đường dành cho phương tiện phi cơ giới; (3) Thiết lập mạng lưới đường có tính kết nối cao; (4) Phát triển GTCC chất lượng cao; (5) Quy hoạch khu vực với đặc điểm kinh tế - xã hội và sử dụng đất hỗn hợp; (6) Tối ưu hóa mật độ và khớp nối năng lực GTCC; (7) Hình thành khu đô thị nén; (8) Thúc đẩy dịch chuyển phương thức thông qua chính sách đỗ xe

<sup>36</sup> Văn bản số 6970/SXD-HT ngày 24/8/2021 của Sở Xây dựng phối hợp xây dựng Báo cáo rà soát các quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2011-2020.

và ưu tiên sử dụng đường<sup>37</sup>. Người dân dễ dàng tiếp cận đường sắt đô thị thông qua các phương thức khác nhau, như đi bộ, phương tiện không cơ giới, thân thiện môi trường, phương tiện giao thông công cộng. Qua đó cải thiện được thể trạng của người dân Thủ đô Hà Nội, giảm ô nhiễm môi trường đô thị tại Thủ đô Hà Nội là cần thiết để khuyến khích người dân sử dụng GTCC.

Phát triển đô thị theo định hướng TOD có thể mở ra nhiều cơ hội cho thành phố Hà Nội về tái cấu trúc sử dụng đất đô thị hợp lý hơn theo hướng hiện đại, tiên tiến, bố trí thêm không gian mở, giảm mật độ cho những khu vực lõi đô thị. Như đã phân tích ở trên, áp dụng mô hình TOD sẽ giúp cho thành phố Hà Nội có thêm các diện tích đất được thu hồi từ các nhà máy công nghiệp, cơ quan, trường đại học... để xây dựng các công trình công cộng hoặc công viên trong khu vực nội đô.

Biện pháp này tạo cơ chế đột phá để có thể thu hút được nguồn vốn xã hội để phát triển cơ sở hạ tầng xã hội cho Thủ đô Hà Nội nói chung và các đô thị mới, đô thị vệ tinh nói riêng. Theo kế hoạch, việc phát triển các đô thị mới sẽ tạo ra **44.000.000m<sup>2</sup> nhà ở** đến năm 2025<sup>38</sup>, đạt yêu cầu xây dựng nhà ở đạt tiêu chuẩn quốc gia đáp ứng cho nhiều đối tượng sử dụng trong các đô thị vệ tinh và các khu đô thị mới để giảm tải cho đô thị trung tâm, cũng sẽ góp phần cho việc phát triển các đô thị mới được đồng bộ, có chất lượng, không bị manh mún, tạo động lực cho sự phát triển KTXH cho Thủ đô nói riêng và vùng Thủ đô nói chung.

Ngoài ra, như đã phân tích ở Giải pháp 2 trong Báo cáo đánh giá tác động, Thành phố Hà Nội cần đẩy mạnh tốc độ di chuyển người dân ra khỏi đô thị trung tâm, đặc biệt tại các khu nhà chung cư cũ, khu phố cũ nơi mà các điều kiện vệ sinh môi trường không bảo đảm các điều kiện phòng chống bệnh truyền nhiễm. Một lý do bùng phát dịch COVID-19 trong thời gian quý 3-2021 tại Thủ đô Hà Nội là xuất phát từ những khu vực này do các điều kiện vệ sinh và mật độ dân cư không bảo đảm.

Với nguồn lực xã hội để đầu tư nhanh hệ thống giao thông kết nối đô thị vệ tinh với trung tâm Thành phố, Biện pháp này sẽ phát triển các thị trấn sinh thái dọc các trục của đường giao thông kết nối theo mô hình phát triển đô thị gắn với định hướng phát triển giao thông (TOD) nhằm khai thác hiệu quả hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn và quản lý việc phát triển dọc các tuyến giao thông chính hiện nay.

<sup>37</sup> Sở Khoa học công nghệ thành phố Hà Nội – Trường Đại học GTVT, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố: “Nghiên cứu đề hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) tại Thủ đô Hà Nội, 2023; Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Khảo sát Thu thập số liệu về quy hoạch đô thị và phát triển theo định hướng giao thông công cộng ở Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội, Phần I - Thể chế TOD, 2021;

<sup>38</sup> Quyết định số 5019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 29/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

Với thực tế hiện nay, tốc độ đô thị hoá của Hà Nội là 49,2% đang thấp hơn yêu cầu của Quy hoạch chung 1259 là 58,8%. Biện pháp này sẽ thúc đẩy việc hoàn thành nhanh hơn Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị và Quy hoạch chung của Thủ đô về phát triển đô thị nên có các tác động tích cực về xã hội tương tự như Giải pháp 1 như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động.

Tổ chức phát triển đô thị tại khu vực TOD tương đồng với hình thái đô thị quy hoạch theo đơn vị ở truyền thống hiện có. Trong mô hình ở truyền thống, các công trình dịch vụ cấp đơn vị ở như trường mầm non, tiểu học, trạm y tế, chợ, trung tâm thể dục thể thao, công viên,... phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng dân cư trong khu vực, bán kính phục vụ dưới 500m. Hà Nội đã có thời gian dài phát triển mô hình đơn vị ở và đạt được nhiều thành công với các khu Giảng võ, Thành Công, Kim Liên, Linh Đàm<sup>39</sup>,...

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Dự kiến tối đa khoảng **1,787 triệu người được hưởng lợi trực tiếp** (chưa tính số lượng người ở các vùng phụ cận), 5 đô thị vệ tinh, 2 thành phố thuộc thành phố Hà Nội và các đô thị khác. Điểm khác biệt tốt hơn ở Biện pháp này và các biện pháp khác trong Giải pháp 2 so với các giải pháp còn lại đó là khả năng người dân sẽ được hưởng các tác động tích cực này sớm hơn khi có các nguồn lực đầu tư từ khu vực tư nhân và xã hội khác để thực hiện Chính sách này. Theo tính toán, mục tiêu đến sau năm 2030, đường sắt đô thị đảm nhận từ **35%-40% lượng hành khách công cộng**. Như vậy, sau năm 2030 đường sắt đô thị Hà Nội có thể vận chuyển được **9,7 triệu - 11,08 triệu chuyến đi/ngày đêm**<sup>40</sup>.

Như đã phân tích ở trên về các nguyên tắc thiết kế khu vực TOD, khu vực này được xây dựng chủ yếu nhằm không gian mở phản ánh yếu tố môi trường sống của người dân. Khu vực TOD ngoài yếu tố về tiếp cận, kết nối còn phải đảm bảo không gian sống bền vững của người dân trong khu vực. Chất lượng không gian mở được đo lường thông qua các chỉ tiêu sau: Diện tích công viên và không gian mở, chiều dài đường kết nối công viên và không gian mở. Mạng lưới kết nối công viên, không gian mở bao gồm mạng lưới đường đi bộ/đường xe đạp kết nối tới công viên hoặc các không gian mở khác. Phạm vi ảnh hưởng của khu vực TOD theo dự kiến là khoảng 1000m tính từ tim nhà ga của đường sắt đô thị. Ngoài ra, khu vực TOD còn phải được quy hoạch để xây dựng bãi đỗ xe đáp ứng đa dạng các phương thức vận tải như xe buýt, taxi, xe máy dịch vụ, xe con,

<sup>39</sup> Sở Khoa học công nghệ thành phố Hà Nội – Trường Đại học GTVT, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố: “Nghiên cứu đề hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) tại Thủ đô Hà Nội, 2023; Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Khảo sát Thu thập số liệu về quy hoạch đô thị và phát triển theo định hướng giao thông công cộng ở Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội, Phần I - Thể chế TOD, 2021;

<sup>40</sup> Báo cáo số [...] /ĐSĐT-QLTHDA3 của Ban Quản lý đường sắt đô thị - UBND thành phố Hà Nội, ngày [...]

xe máy, và xe đạp, khu vực công cộng, vườn hoa và hệ thống đường dành cho đi bộ và phương tiện phi cơ giới.

Biện pháp này sẽ còn có các lợi ích cho người dân như: môi trường không khí được cải thiện, sức khỏe người dân tốt hơn do phải vận động khi tham gia giao thông, môi trường không gian thân thiện, văn hóa xã hội và dân trí được nâng cao sẽ làm tăng lưu lượng người tham gia giao thông công cộng sẽ tiếp tục đẩy các giá trị nói trên lên cao hơn, tăng được nguồn lợi nhuận từ bán vé đường sắt đô thị hằng năm. Nếu các khu đô thị ngoài đô thị trung tâm được phát triển thì sẽ giãn dân ra khỏi đô thị trung tâm, giảm ô nhiễm môi trường cho khu vực đô thị trung tâm (ô nhiễm CTRSH, ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước sinh hoạt) (xem các Phụ lục IV, V, VI và VII của Báo cáo đánh giá tác động).

Khu vực nội đô lịch sử nằm trong phạm vi ảnh hưởng của 03 tuyến ĐSĐT: số 1, 2, 3 và tuyến 5. Khi hoàn thành các tuyến này, phạm vi phục vụ các tuyến này sẽ mở rộng ra hầu hết các khu vực của khu vực nội đô lịch sử trong phạm vi đi bộ. Điều này có nghĩa là hành khách trong khu vực này có thể đi bộ tới ga ĐSĐT. Mạng lưới ĐSĐT hiện nay trong khu vực trung tâm được thiết kế khá tốt. Hoàn thành xây dựng mạng lưới ĐSĐT trong trung tâm thành phố sẽ tạo cơ hội áp dụng các biện pháp để kiểm soát phương tiện cá nhân trong trung tâm thành phố nhờ cung cấp “bãi đỗ ngoại vi” và “thu phí sử dụng đường”. Nhờ các biện pháp trên, tình hình giao thông trong khu vực trung tâm sẽ được cải thiện đáng kể và không gian đường sẽ được giành cho người đi bộ cũng như các hoạt động kinh tế, xã hội và văn hóa khác. Điều này sẽ góp phần phát triển các hoạt động kinh tế đa dạng cũng như thu hút du khách tới các khu di tích và danh thắng của Hà Nội<sup>41</sup>.

Biện pháp này tạo được điều kiện nhiều hơn cho việc xây dựng các khu nhà ở xã hội, nhà ở dành cho người có thu nhập thấp để những đối tượng này tạo lập nơi sinh sống ổn định tại Thủ đô.

#### Tác động tiêu cực:

##### (i) Nhà nước

Tác động tiêu cực về xã hội đối với Nhà nước ở Biện pháp này ít hơn Giải pháp 1 của Chính sách 4 do biện pháp này đã cố gắng khắc phục các tác động tiêu cực khi các tuyến đường sắt đô thị chậm được phát triển đồng bộ.

##### (ii) Người dân, doanh nghiệp

---

<sup>41</sup> Sở Khoa học công nghệ thành phố Hà Nội – Trường Đại học GTVT, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố: “Nghiên cứu đề hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) tại Thủ đô Hà Nội, 2023; Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Khảo sát Thu thập số liệu về quy hoạch đô thị và phát triển theo định hướng giao thông công cộng ở Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội, Phần I - Thể chế TOD, 2021;

Tác động tiêu cực về xã hội đối với người dân, doanh nghiệp ở Biên pháp này ít hơn Giải pháp 1 của Chính sách 4 do biên pháp này đã cố gắng khắc phục các tác động tiêu cực khi các tuyến đường sắt đô thị chậm được phát triển đồng bộ.

*c) Tác động về giới:*

Tác động tích cực:

Khi phát triển đường sắt đô thị, các khu vực TOD, phụ nữ và trẻ em gái sống tại các khu đô thị mới ở ngoại thành hoặc vùng phụ cận có điều kiện được tiếp cận các dịch vụ hạ tầng tốt hơn, thuận tiện hơn trong sinh hoạt, làm việc. Theo tính toán, có khoảng 894.000 phụ nữ sống tại 5 khu đô thị mới được hưởng lợi từ việc phát triển đô thị, chưa tính đến phụ nữ sống ở 15 đô thị còn lại và khu vực phụ cận các đô thị, những nơi bị quy hoạch phát triển dự án đường sắt đô thị, khu vực TOD.

Tác động tiêu cực:

Biên pháp này hạn chế tác động tiêu cực hơn đối phụ nữ và trẻ em gái so với Giải pháp 1 về phân hoá giàu nghèo cũng như việc đền bù cho người dân ở những khu vực bị thu hồi đất.

*d) Tác động của TTHC:* Biên pháp sẽ phát sinh nhóm TTHC về quyết định đầu tư dự án TOD và các dự án thành phần thuộc dự án TOD khác với quy định của pháp luật đầu tư, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia vào dự án TOD.

*(Cụ thể xem Phụ lục II - Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Biên pháp này bảo đảm quyền được có nơi ở hợp pháp theo Hiến pháp, tương thích với các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người và không xung đột với điều ước quốc tế. Biên pháp này thực hiện được yêu cầu đề ra tại Điều 16 Luật Thủ đô hiện hành về phát triển và quản lý nhà ở: “*yêu cầu xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội*”.

Định hướng quy định trong Luật Thủ đô (sửa đổi):

Giải pháp này cần phải lưu ý về phương thức đầu tư quy định tại Luật PPP và Luật Đất đai theo hướng kết hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP với dự án phát triển đô thị khi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông kết nối đô thị (TOD) (“dự án tổng thể” gồm đầu tư xây dựng các đô thị

mới và dự án giao thông đường sắt đô thị”) thì Nhà nước sẽ tạo điều kiện để Nhà đầu tư tiếp cận được quỹ đất để phát triển đô thị mới, đô thị vệ tinh. Do đó, Luật Thủ đô (sửa đổi) cần phải quy định rõ phạm vi áp dụng Giải pháp này. Chính quyền Thủ đô quy định cụ thể điều kiện để thực hiện giải pháp này và biện pháp tăng cường giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực thực hiện yêu cầu của Chính quyền Thủ đô.

(ii) *Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- *Đối với chính quyền Thủ đô:* Biện pháp này cũng sẽ làm tăng áp lực công việc cho các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố trong một số nhiệm vụ, như xây dựng cơ chế tuyển chọn, đấu thầu nhà đầu tư để thực hiện dự án TOD; đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đặc thù; tăng cường thực hiện giám sát, phản biện, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các loại quy hoạch ở đô thị, dự án TOD. Do vậy, Biện pháp cũng có ảnh hưởng nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của bộ máy chính quyền Thành phố.

- *Đối với người dân, doanh nghiệp:* Biện pháp này mang lại nhiều lợi ích cho đa số người dân, tạo ra nhiều cơ hội đầu tư kinh doanh hơn cho các doanh nghiệp, và người dân. Biện pháp này không làm giảm khả năng tuân thủ pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

(iii) *Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Biện pháp này tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966. Ngoài ra, Biện pháp này cũng không trái với Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ năm 1979 (Công ước CEDAW). Do vậy, Biện pháp này không gây ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### **4. CHÍNH SÁCH 5: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI, NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI, NÔNG DÂN VĂN MINH**

**Bổ sung biện pháp này vào nhóm giải pháp 2: “Cho phép xây dựng trên đất nông nghiệp các công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung”.**

##### **4.1. Xác định vấn đề bất cập**

Theo Tổng cục Thống kê, diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn Thủ đô là 155,7ha, gần tương đương với 50% tổng diện tích đất của Thủ đô. Theo quy

định của Luật Đất đai 2013, diện tích đất nông nghiệp không được phép xây dựng công trình. Tuy nhiên, do phương thức sản xuất nông nghiệp hiện nay ngày càng đa dạng và đòi hỏi sản xuất nông nghiệp phải gắn với chế biến sơ bộ, lưu kho và sản xuất chính thức. Dẫn đến, người làm nông đã phải dựng các công trình phụ trợ, công trình tạm để phục vụ cho trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp. Qua khảo sát, số lượng tổ chức, cá nhân đã xây dựng hạ tầng phụ trợ trên đất nông nghiệp hiện nay, như sau:

#### Số liệu về xây dựng công trình tạm thời trên đất nông nghiệp

T	Quận, huyện, thị xã	Số lượng tổ chức, cá nhân	Diện tích xây dựng	Tỷ lệ xây dựng	Ghi chú
	Sơn Tây	3	990	1,79	
	Phúc Thọ	63	14306	3,8	
	Hoài Đức	105		0,004	
	Thường Tín	2	681	1,55	
	Tổng				

#### 4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Cơ sở chính trị: Nghị quyết số 15-NQ/TW đã cụ thể hoá phương hướng, nhiệm vụ phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo của Thủ đô<sup>42</sup>: “Tập trung cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, CNC; phấn đấu trở thành địa phương đi đầu trong phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc. Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, bảo đảm môi trường sống. Chú trọng phát triển công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, gắn với phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển các sản phẩm làng nghề, nhất là các làng nghề truyền thống và các dịch vụ đặc trưng của Thủ đô”.

#### 4.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

##### a) Tác động về kinh tế:

##### Tác động tích cực

<sup>42</sup> Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định mô hình tổng quát phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam: “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ mới, giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu”.

## (i) Nhà nước

- Việc cho phép xây dựng trên đất nông nghiệp các công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung được coi là một giải pháp đột phá nhằm tháo gỡ “điểm nghẽn” trong sản xuất nông nghiệp hiện nay để người canh tác trên đất nông nghiệp có thể đầu tư vào sản xuất nông nghiệp sinh thái tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, bảo quản được sản phẩm nông nghiệp sau khi thu hoạch, tạo nên những vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, tập trung lớn.

Qua khảo sát, số lượng tổ chức, cá nhân có đất nông nghiệp liền thửa có diện tích tối thiểu 01 ha trở lên để cho phép việc xây dựng tạm không nhiều (xem bảng dưới đây):

**Số lượng tổ chức, cá nhân có đất nông nghiệp liền thửa có diện tích tối thiểu 01 ha trở lên**

TT	Quận, huyện, thị xã	Số lượng tổ chức, cá nhân	Diện tích đất NN liền thửa		
			Từ 01 - 05 ha	Từ 05 ha - 10 ha	>10 ha
1	Sơn Tây	10	13,4	15,3	
2	Phúc Thọ	1	1,6586		
3	Hoài Đức	7	8,15	11,72	
4	Thường Tín	2	4,43		
	<b>Tổng</b>				

**Nhu cầu trung bình (diện tích, tỷ lệ) xây dựng cơ sở hạ tầng phụ trợ**

TT	Quận, huyện, thị xã	Số lượng tổ chức, cá nhân	Nhu cầu xây dựng	Ghi chú
		Diện tích	Tỷ lệ xây dựng (%)	
1	Sơn Tây	0	5,8	20
2	Phúc Thọ	1		Chuồng trại, nhà quản lý
3	Hoài Đức	7	7,29	
4	Thường Tín	2		10
				Khu sơ chế, bảo quản nông sản, kho, bảo vệ, nơi nghỉ công nhân, nơi trưng bày và giới thiệu sản phẩm và các công trình phục vụ sản xuất khác.



Qua khảo sát, do pháp luật hiện hành chưa cho phép xây dựng công trình tạm cho nên nhiều xã, huyện không khảo sát nhu cầu thực tế về xây dựng cơ sở hạ tầng phụ trợ để phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Nếu Biện pháp này được thông qua, nhu cầu này của nông dân, người quản canh sẽ nâng cao.

Biện pháp này phải vượt trội so với các quy định pháp luật hiện hành để có thể giải quyết, khắc phục các bất cập, rào cản đối với việc hình thành, phát triển các quan hệ sản xuất mới phù hợp với xu hướng phát triển các hình thức liên kết giữa các hộ nông dân - chủ thể chủ yếu của kinh tế nông thôn hiện nay với các chủ thể khác thông qua các phương thức như: tập trung, tích tụ ruộng đất cho các hộ nông dân sản xuất hàng hóa giỏi phát triển thành trang trại sản xuất hàng hoá lớn<sup>43</sup>.

Biện pháp này tập trung phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị, hướng tới nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, phát triển các chuỗi sản xuất theo chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, VietGHAP. Đồng thời liên kết với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với tiêu thụ sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề giàu bản sắc văn hoá Thủ đô.

#### (ii) Người dân, doanh nghiệp

Việc tái cơ cấu nông nghiệp, hình thành liên kết giữa các chủ thể kinh tế nông thôn (Doanh nghiệp - HTX - Trang trại - Hộ nông dân)<sup>44</sup> trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị của Thủ đô Hà Nội và Vùng Thủ đô chưa tương xứng tiềm lực, tỷ lệ nông sản được chế biến sâu còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu hình thành sản phẩm hàng hóa tập trung, quy mô lớn. Do đó, nếu cho phép thì sẽ gia tăng chất lượng chế biến thực phẩm của Việt Nam.

#### Tác động tiêu cực

##### (i) Nhà nước

Nhà nước có thể phải chi phí để giải phóng mặt bằng, cải tạo lại đất trong trường hợp Nhà nước cần thu hồi diện tích đất nông nghiệp nhưng người dân, doanh nghiệp đã xây dựng công trình không chịu tháo dỡ và di dời.

Việc xây dựng trên đất nông nghiệp có thể ảnh hưởng tới chất lượng đất sau này, khó khăn trong việc trồng, cấy trong tương lai, giảm giá trị sử dụng của đất.

##### (ii) Người dân, các chủ thể kinh tế nông thôn

<sup>43</sup> Theo Báo cáo của Sở NNPTNT, số lượng trang trại có liên kết sản xuất còn hạn chế; quy định thủ tục vay vốn đối với trang trại còn khó khăn, chưa có ưu đãi (thời gian vay ngắn, mức cho vay thấp); diện tích trang trại thuê công ích và thuê của người dân không được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nên chủ trang trại không thể thế chấp đối với tài sản này, thời gian thuê đất công ích không quá 5 năm một lần nên chủ trang trại không yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, ứng dụng CNC...

<sup>44</sup> Tính đến 3.2021, Hà Nội có 1235 HTX nông nghiệp (trong đó có 145 HTX dừng sản xuất, chờ giải thể) 1.543 tổ hợp tác, 1.581 trang trại, 313 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận trong tổng số 1.350 làng có nghề.

Việc xây dựng trên đất nông nghiệp có thể ảnh hưởng tới chất lượng đất sau này, khó khăn trong việc trồng, cấy trong tương lai, giảm giá trị sử dụng của đất. Người dân, doanh nghiệp giảm được chi phí phải thuê kho chứa nông sản, thuê máy móc, dịch vụ cải tạo đất...

*b) Tác động về xã hội:*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước

Hạ tầng KTXH nông thôn tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa theo kịp yêu cầu phát triển nông thôn hiện đại theo hướng đô thị hoá. Việc cho phép xây dựng công trình tạm trên một số diện tích nhất sẽ giúp cho người nông dân bảo quản được sản phẩm nông nghiệp.

Cùng với phát triển nông nghiệp sinh thái, Nhà nước đảm bảo thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới: xây quy hoạch đề án xây dựng nông thôn mới, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn theo hướng phát triển đô thị. Đến năm 2025 hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới cấp thành phố với 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 40% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 20% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

(ii) Nông dân, các chủ thể kinh tế nông thôn: Tăng cường tính chủ động trong sản xuất của người nông dân trong sản xuất nông nghiệp.

Tác động tiêu cực:

Chủ sử dụng đất có thể lợi dụng chính sách này để xây dựng các công trình kiên cố trên đất nông nghiệp.

*c) Tác động về giới:*

Các biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân tác động tích cực cả về kinh tế và xã hội đối với bình đẳng giới, tạo cơ hội, điều kiện tiếp cận các nguồn lực và nâng cao năng lực bình đẳng cho lao động nông thôn cả nam và nữ (tiếp cận vốn vay ưu đãi để sản xuất, hỗ trợ công nghệ, giải pháp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng CNC vào sản xuất theo chuỗi tuần hoàn...), nhờ đó tham gia bình đẳng với tư cách là người chủ của cả chuỗi sản xuất - tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, du lịch nông thôn.

*d) Tác động của TTHC:*

Biện pháp này làm phát sinh nhóm TTHC về cấp phép xây dựng các công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại, nâng cao giá trị sản phẩm, kết hợp chế biến; khuyến khích phát triển nông nghiệp đồng

bộ, hiện đại nhưng vẫn bảo đảm kiểm soát việc xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp, hạn chế tình trạng tùy tiện trong quá trình thực thi; bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.

*(Cụ thể xem Phụ lục II - Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Biện pháp này phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (các Điều 34, Điều 51, Điều 57). Tuy nhiên, Biện pháp “xây dựng tối đa không quá 10% trên đất nông nghiệp liền thửa và có diện tích tối thiểu đạt 01 ha trở lên đối với mỗi tổ chức, cá nhân để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; diện tích xây dựng tối đa không vượt quá 2 ha; tỷ lệ xây dựng, công trình phục vụ trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp. Do vậy, Biện pháp này chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành, như Luật Đất đai.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Giải pháp 2 không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Biện pháp này cũng tương thích với Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, tại Điều 11 yêu cầu các quốc gia thành viên.

## **5. CHÍNH SÁCH 6: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THỦ ĐÔ**

### **Bổ sung 02 biện pháp sau vào Giải pháp 2:**

*(1) Áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát tại các khu thúc đẩy thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa của Thủ đô.*

*(2) Thủ đô được quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên. Nội dung, mức hỗ trợ hỗ trợ cao hơn mức Trung ương quy định theo khả năng cân đối ngân sách của Thủ đô.*

**5.1. Biện pháp “Áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát tại các khu thúc đẩy thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa của Thủ đô”**

### 5.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Như đã phân tích trong Báo cáo 59/BC-BTP, những năm gần đây, CNVH Thủ đô đã có bước phát triển nhất định, đóng góp khoảng 1,49 tỷ USD vào tổng sản phẩm trên địa bàn (chiếm tỷ trọng **3,7% GRDP** của Thành phố, theo số liệu năm 2018)<sup>45</sup>. Theo đánh giá của Đề án Phát triển kinh tế đô thị Hà Nội, việc phát triển các mô hình kinh tế đặc trưng của đô thị như kinh tế đêm, kinh tế chia sẻ... phát triển còn mang tính tự phát, còn nhiều bất cập hạn chế, việc khai thác còn khiếm tốn, hiệu quả chưa cao như chất lượng kinh tế đêm vẫn còn thấp. Việc phát triển đô thị và đô thị hóa thời gian qua chưa thể hiện rõ bản sắc của từng địa phương chưa đạt kết quả cao về cấu trúc chùm đô thị; chưa phát huy tối đa các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế đô thị như tiềm năng, lợi thế về quy mô kinh tế, vị trí địa lý, văn hóa - xã hội đặc sắc<sup>46</sup>. Thành phố Hà Nội đặt ra mục tiêu kinh tế khu vực đô thị đóng góp chủ yếu vào GRDP toàn Thành phố, đến năm 2025: 85% và năm 2030: 90%<sup>47</sup>... Giá trị gia tăng dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng khoảng 15 - 20%; giá trị gia tăng ngành giáo dục, đào tạo tăng 20 - 25%; giá trị gia tăng dịch vụ y tế tăng 25 - 30%; giá trị gia tăng dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí tăng khoảng từ 20 -25%<sup>48</sup>. Đề án cũng đề ra mục tiêu gắn phát triển thương mại với phát triển văn hoá như: “Duy trì và tiếp tục tổ chức các phiên chợ thường kỳ (chợ hoa - cây - sinh vật cảnh - đồ lưu niệm, chợ đồ cũ, chợ trời...) gắn với các không gian, tuyến phố đi bộ để trở thành các hoạt động thường niên, điểm đến cho khách du lịch khi đến Hà Nội. Tiếp tục phát triển và duy trì một số tuyến phố, không gian văn hóa - du lịch - thương mại dịch vụ - ẩm thực trên địa bàn quận, thị xã. Ưu tiên xây dựng mô hình phố đi bộ gắn với thương mại, dịch vụ; định hướng phát triển sản phẩm du lịch chủ yếu trong khu vực đô thị tập trung vào các loại hình: du lịch văn hóa di sản, lịch sử; du lịch ẩm thực; du lịch mua sắm; dịch vụ vui chơi giải trí; du lịch MICE<sup>49</sup>; du lịch sức khỏe;... kết hợp với việc triển khai các không gian xanh, sinh thái tại các khu vực ngoại thành. Tiếp tục mở rộng các tuyến phố đi bộ trong khu vực phố cổ - hồ Hoàn Kiếm, khu vực Văn Miếu - Quốc Tử Giám, hồ Ngọc Khánh,...; mở rộng và nâng cấp chất lượng không gian ẩm thực tại chợ đêm Đồng Xuân, tuyến phố Tống Duy Tân, khu vực Đảo Ngọc - Ngũ Xã; tổ chức các không gian bảo tàng cho du lịch ngày và đêm; đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật, trình diễn thời trang...

<sup>45</sup> Hà Nội đã đạt mục tiêu phấn đấu doanh thu từ CNVH đạt 5% GRDP của Thành phố vào năm 2025, 8% vào năm 2030 và 10% vào năm 2045.

<sup>46</sup> Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 13/06/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt “Đề án Phát triển kinh tế đô thị Hà Nội”.

<sup>47</sup> Căn cứ theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị

<sup>48</sup> Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 13/06/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt “Đề án Phát triển kinh tế đô thị Hà Nội”.

<sup>49</sup> Meeting Incentive Conference Event (MICE): hình thức du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện

### ***5.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Nhằm mục tiêu phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực, nguồn lực quan trọng để phát triển KTXH của Thủ đô. Xây dựng Thủ đô Hà Nội thành trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới cho Thủ đô.

### ***5.1.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

#### *a) Tác động về kinh tế*

##### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Kinh nghiệm ở nhiều quốc gia có các khu phố cũ, phố cổ đã hình thành các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá để thu hút du lịch, phát triển các hoạt động thương mại ở địa phương đem lại nguồn thu cho người dân địa phương và Nhà nước như Canada, Hoa Kỳ, Anh, Australia, Singapore, Đức... Các khu cải tiến thương mại và văn hoá được hình thành ở nhiều thành phố trên thế giới với khoảng 50 năm hình thành và phát triển<sup>50</sup>. Ở các khu vực này, các chủ thể kinh doanh hợp tác với nhau hoặc hợp tác thông qua chính quyền sở tại để tạo ra một khu vực đặc biệt về an ninh, vệ sinh và cảnh quan đường phố và thuận tiện cho khách bộ hành và cùng quảng bá, tổ chức các sự kiện để thu hút du khách tới mua sắm, sử dụng dịch vụ... Chính quyền nhiều thành phố trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các khu thúc đẩy thương mại này, như kêu gọi thành lập với các cơ sở kinh doanh trên địa bàn, xây dựng các cảm nang hướng dẫn người dân tự thành lập... Các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá khi được xây dựng còn nhằm mục tiêu là động lực phát triển kinh tế, bảo tồn văn hoá và gìn giữ môi trường sống cho khu vực xung quanh.

Các khu này được coi là những công cụ để phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm, khuyến khích các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo thêm giá trị bất động sản ở trong khu vực và vùng lân cận, bảo vệ di tích và văn hoá, môi trường trong khu vực... Hiện nay, Hoa Kỳ có hơn 1000 khu thúc đẩy thương mại và văn hoá, riêng New York có khoảng 76 khu, Singapore có 10 khu và hiện đang được mở rộng thêm, Canada có trên 80 khu, Anh có trên 300 khu...

Kinh nghiệm quốc tế về khu thúc đẩy thương mại và văn hoá này phù hợp

<sup>50</sup>Daniel Kudla, Fifty years of Business Improvement Districts: A reappraisal of the dominant perspectives and debates, Urban Studies/SAGE, 2022

với thực tiễn của Hà Nội. Khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô Hà Nội với những đặc trưng là các phố “Hàng”, “phố ẩm thực Tống Duy Tân - Cẩm Chi”, “Tạ Hiện”... là điều kiện thuận lợi để phát triển các khu thúc đẩy thương mại văn hoá (theo đề xuất của Chính sách 4). Những thành công từ việc hình thành “phố đi bộ” vào các ngày cuối tuần ở Thủ đô Hà Nội là một ví dụ của việc hình thành các khu cải tiến thương mại và văn hoá. Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo tồn lại khu phố cổ, khu phố cũ, biệt thự cũ và những công trình kiến trúc có giá trị khu vực nội đô lịch sử sẽ giúp cho việc phát triển dịch vụ thương mại du lịch tại các khu phố cổ, khu phố cũ, kinh tế đêm khu thúc đẩy thương mại văn hoá tại Thủ đô Hà Nội. Đồng thời, khi giải pháp này được thực hiện thì cũng khuyến khích người dân ở các khu phố trong khu vực cải tiến thương mại tự đầu tư, tự cải tạo nhà hoặc công trình kiến trúc có giá trị để đảm bảo mỹ quan đô thị.

Theo Đề án Phát triển kinh tế đô thị Hà Nội<sup>51</sup>, Hà Nội sẽ tổ chức một phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn một số quận, như Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Ba Đình, Gia Lâm, Long Biên, Cầu Giấy, như: Không gian ẩm thực tại Chợ đêm Đồng Xuân, tổ chức Không gian đi bộ hồ Hoàn Kiếm và các vùng phụ cận, tổ chức các Không gian đi bộ trong khu phố cổ; không gian phố đi bộ Trịnh Công Sơn, quận Tây Hồ; phố đi bộ xung quanh hào Thành cổ Sơn Tây; không gian đi bộ khu vực hồ Thiên Quang; chợ ẩm thực Ngọc Lâm, quận Long Biên; các khu mua sắm cho sinh viên ở quận Cầu Giấy... Ngoài ra, các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá kết hợp phát triển kinh tế đêm tại một số khu vực riêng biệt, không gây ảnh hưởng tới đời sống của người dân đô thị sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế đêm của Hà Nội, phù hợp với định hướng trong Đề án một số mô hình phát triển sản phẩm du lịch đêm của Bộ Văn hoá, Thể thao, Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 1894/QĐ-BVHTTDL ngày 14/07/2023.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, kinh tế đêm đem lại lợi ích to lớn cho các quốc gia. Ở Anh Quốc, hàng năm, kinh tế đêm đem lại 60 tỷ bảng (tương đương với 1,85 triệu tỷ đồng), đóng góp 6% GDP, đem lại việc làm cho 1,25 triệu người<sup>52</sup>. Kinh tế đêm ở Hà Nội hiện chưa được chính thức quy hoạch để phát triển vì còn thiếu các biện pháp về pháp lý và quy hoạch. Trong khi đó, theo một số khảo sát, khách du lịch đến Hà Nội chủ yếu tiêu dùng vào lưu trú và ăn uống mà thiếu các sản phẩm du lịch, thương mại để có thể chi tiêu. Một khách du lịch quốc tế tới Hà Nội có mức chi tiêu chỉ vào khoảng ½ mức chi tiêu tại Thái Lan.

Ngoài những lợi ích phát triển kinh tế đêm nêu ở trên, Nhà nước sẽ có thể thu thêm được thuế phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, thu thêm một số các khoản giá, phí theo pháp luật về giá, phí và Luật Thủ đô về môi trường, an ninh

<sup>51</sup> Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 13/06/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt “Đề án Phát triển kinh tế đô thị Hà Nội”.

<sup>52</sup> Hiệp hội chính quyền địa phương (Local Government Association), Approaches to managing the night-time economy, Case studies, 2019.

trật tự áp dụng cho các cơ sở kinh doanh trong khu thúc đẩy thương mại và văn hoá để chi trả, bù đắp cho các công tác bảo vệ môi trường, an ninh trật tự trong khu này.

(ii) Người dân, doanh nghiệp

Việc cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực nội đô lịch sử gắn với các hoạt động phát triển kinh tế phù hợp như hình thành các khu cải tiến/thúc đẩy thương mại, phố đi bộ, phố “nghề”, phố “hàng” sẽ bảo giúp cho người dân có được nguồn thu nhập tại khu vực sinh sống, gìn giữ và phát huy được các giá trị văn hoá đặc trưng của Thủ đô.

Các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá sẽ khuyến khích được các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh cá thể được phát triển.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước:

Nhà nước sẽ phải đầu tư một khoản kinh phí ban đầu để quy hoạch, xây dựng mô hình kinh tế và quản lý, soạn thảo các quy chế có liên quan đến hoạt động của khu thúc đẩy thương mại và văn hoá (như quy chế kinh doanh, quy chế tự quản về môi trường, an ninh trật tự, bảo tồn công trình kiến trúc, cây xanh, cảnh quan...) tại ở một điểm hình thành khu thúc đẩy thương mại và văn hoá. Nhà nước sẽ phải chi phí ban đầu cho công tác bảo đảm an ninh trật tự, tổ chức lại giao thông, quản lý vỉa hè, lòng đường... tại các khu vực này. Tuy nhiên, sau khi các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá đi vào hoạt động, Nhà nước thu hồi được các khoản chi phí này từ lợi ích về thuế, giá và phí thu được từ các cơ sở kinh doanh trong khu vực này.

(ii) Người dân và doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực về kinh tế rõ ràng cho người dân và doanh nghiệp trong và ngoài khu thúc đẩy thương mại và văn hoá.

*b) Tác động về xã hội:*

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước

Giải pháp này gắn với các hoạt động phát triển kinh tế phù hợp với giá trị văn hoá, kiến trúc của khu vực nội đô lịch sử, như hình thành các khu cải tiến/thúc đẩy thương mại văn hoá, phố đi bộ, phố “nghề”, phố “hàng” sẽ gìn giữ và phát huy được các giá trị văn hoá đặc trưng của Thủ đô.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá sẽ gìn giữ được môi trường, văn hoá, lối sống và tăng tính tự quản của người dân trong khu vực này. Ví dụ như ở Hà Nội, hình thành một số tuyến phố trong khu

phổ cổ là khu thúc đẩy thương mại và văn hoá sẽ giúp cho việc gìn giữ được lối sống, nghề truyền thống và kiến trúc cảnh quan của tuyến phố dựa trên sự kết hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp (như doanh nghiệp du lịch, doanh nghiệp quản lý khu thúc đẩy thương mại và văn hoá) và người dân. Đối với các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá cần cho các mục tiêu đặt biệt như phát triển kinh tế đêm, không gian sáng tạo của nghệ sĩ, khu vực du lịch... sẽ đem lại sự độc lập cho hoạt động sáng tạo, kinh doanh trên địa bàn.

Các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá được xác định khu vực, địa bàn cụ thể để định hướng phát triển tập trung mô hình sản phẩm du lịch, lồng ghép quy hoạch phát triển sản phẩm du lịch, bảo tồn văn hoá, thúc đẩy thương mại vào nội dung quy hoạch địa phương, quy hoạch đô thị đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, hạn chế ô nhiễm về độ ồn, kiểm soát an ninh trật tự, an toàn xã hội và đời sống của người dân.

Việc tổ chức một số khu thúc đẩy thương mại và văn hoá để phát triển kinh tế đêm cũng sẽ hạn chế những hoạt động tội phạm thường có trong khu vực kinh tế đêm tự phát, không có sự quản lý của Nhà nước và xã hội.

(ii) Người dân, doanh nghiệp:

Đồng thời, khi một số khu thúc đẩy thương mại và văn hoá để phát triển kinh tế đêm được quy hoạch riêng biệt sẽ hạn chế những tác động tiêu cực về môi trường, văn hoá cho người dân Thủ đô.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước

Khả năng các hoạt động tội phạm vẫn có thể xảy ra trong khu thúc đẩy thương mại và văn hoá về phát triển kinh tế đêm nhưng sẽ thấp hơn là tình trạng phát triển kinh tế đêm tự phát như hiện nay.

(ii) Doanh nghiệp và người dân:

Người dân và doanh nghiệp trong khu thúc đẩy thương mại và văn hoá không tham gia hoạt động kinh tế có thể sẽ bị ảnh hưởng về cuộc sống như đi lại, số lượng khách du lịch đến nơi sinh sống cao hơn, và có thể phải trả một số khoản phí về vệ sinh môi trường, an ninh trật tự. Do đó, để phát triển các khu thúc đẩy thương mại và văn hoá cần có sự đồng thuận cao của người dân trong khu vực. Ngoài ra, các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động kinh doanh ở khu vực này cần có cơ chế chia sẻ lợi ích cho những người dân sống trong khu vực không tham gia vào kinh doanh ở khu thúc đẩy thương mại và văn hoá.

*c) Tác động về giới:*

Biện pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.



*d) Tác động của TTHC:*

Biện pháp này làm phát sinh nhóm TTHC về cấp giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các khu thúc đẩy thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa của Thủ đô. Quy định của nhóm TTHC này nhằm bảo đảm quản lý nhà nước hiệu quả đối với hoạt động này, tránh thất thoát tài sản của nhà nước; khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động phát triển văn hóa gắn với thương mại, dịch vụ, nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

*(Cụ thể xem Phụ lục II - Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 2 phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về phát triển văn hóa và quyền thụ hưởng giá trị văn hóa của công dân (Điều 40, 41 và 60)

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Như đã phân tích, biện pháp này cần có sự đồng thuận cao của người dân trong các khu BID, đặc biệt đối với những người dân không tham gia vào các hoạt động kinh tế của khu BID.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Biện pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực văn hóa và giáo dục mà Việt Nam là thành viên.

**5.2. Biện pháp “Thủ đô được quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên. Nội dung, mức hỗ trợ hỗ trợ cao hơn mức Trung ương quy định theo khả năng cân đối ngân sách của Thủ đô”**

**5.2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Hà Nội là địa phương có nhiều đóng góp quan trọng vào thành tích của Đoàn Thể thao Việt Nam trên các đấu trường khu vực, châu lục và quốc tế. Trong khuôn khổ pháp luật hiện hành (Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn của Hà Nội), được sự quan tâm của cấp ủy và chính

quyền thành phố Hà Nội, thể thao thành tích cao Hà Nội đã những điều kiện, cơ hội tốt trong tập luyện và thi đấu, cụ thể như sau: Nhiều đội tuyển Hà Nội được tham gia tập huấn dài ngày tại các Trung tâm thể thao của các nước có nền thể thao đang trên đà phát triển trong khu vực và châu lục như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan,... Nhiều vận động viên Hà Nội được tập luyện và thi đấu cọ sát với các vận động viên quốc tế trong đó có những vận động viên trọng điểm xuất sắc đã có bề dày thành tích tại các đấu trường quốc tế; Những khó khăn trong việc chi thuê địa điểm tập, thuê trang thiết bị chuyên dùng, phí tập luyện, giao thông đi lại,... của các đội tuyển đi tập huấn nước ngoài đã được tháo gỡ phần nào.... Các đội tuyển Hà Nội có thêm nhiều lựa chọn tốt, được chủ động lựa chọn tập luyện và thi đấu tại các Trung tâm thể thao lớn với trang thiết bị hiện đại, đẳng cấp quốc tế. Việc đi tập huấn thi đấu nước ngoài với các điều kiện tập luyện và thi đấu đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chế độ dinh dưỡng, thuốc bổ, chuyên gia,... vận động viên Hà Nội ngày càng được nâng cao cả về trình độ, kinh nghiệm, bản lĩnh thi đấu quốc tế. Việc thực hiện các quy định tài chính hiện hành đối với lĩnh vực thể thao của Hà Nội cũng có những bất cập: Với mức chi theo quy định như hiện nay đang thấp so với mặt bằng chung, việc tiếp cận để được tập huấn tại các Trung tâm thể thao tiêu chuẩn quốc tế cũng như thuê chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm huấn luyện là rất khó khăn; khi các chế độ đi tập huấn, thi đấu, lương chuyên gia và một số nội dung khác được điều chỉnh tăng mức chi sẽ đáp ứng tốt nhất các yêu cầu trong chuyên môn, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các vận động viên tập luyện, thi đấu cống hiến hết mình vì màu cờ sắc áo của Thủ đô Hà Nội. Thêm vào đó, đã bước đầu có cơ sở pháp lý để Hà Nội thực hiện việc cải thiện chế độ tài chính trong lĩnh vực thể thao theo quy định của Luật Ngân sách năm 2015 (quy định tại điểm g, h khoản 9 Điều 30: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp là “Quy định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi Ngân sách theo quy định khung của Chính phủ”, “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”), nhưng việc trao thẩm quyền cho chính quyền thành phố quyết định những chế độ, tiêu chuẩn, định mức cụ thể trong lĩnh vực thể thao còn có điểm chưa thực sự rõ ràng.

### ***5.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Việc bổ sung biện pháp này vào Luật Thủ đô (sửa đổi) cung cấp cơ sở pháp lý vững chắc hơn để phát triển thể thao thành tích cao của Hà Nội, tạo cơ sở pháp lý tiếp tục khẳng định vị thế đứng đầu quốc gia của thể thao Thủ đô, đóng góp một phần quan trọng vào thành tích của thể thao Việt Nam trên đấu trường

Quốc tế và đặc biệt thu hút đội ngũ huấn luyện viên giỏi, lực lượng vận động viên tài năng, có cơ sở hội tụ các điều kiện cần và đủ trong công tác chuyên môn là đào tạo, huấn luyện thì việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách mới, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu khách quan là điều hết sức cần thiết.

### **5.2.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

#### **a) Tác động kinh tế:**

Việc bổ sung biện pháp này sẽ góp phần thúc đẩy lĩnh vực thể thao phát triển. Thu nhập cho huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyên ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên được cải thiện tốt hơn.

Đối với Nhà nước: Ngân sách thành phố Hà Nội sẽ phải **chi tăng thêm** để tăng thu nhập cho huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia. Ngân sách thành phố cũng phải chi thêm cho việc trang trải chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyên ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên. Dự kiến, trên cơ sở bổ sung giải pháp chính sách vào dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi), HĐND thành phố Hà Nội sẽ ban hành Nghị quyết quy định các nội dung, mức chi phù hợp với thực tiễn phát triển thể thao thành tích cao của Hà Nội, trong khả năng cân đối ngân sách của mình và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong đó, bao gồm:

- Xác định nội dung chi: Đúng, đủ theo quy định của pháp luật về các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về mức chi: Tham khảo các mức chi ở những nội dung có tính chất tương đồng đã được Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh hoặc một số quốc gia có điều kiện phát triển kinh tế tương đồng trong khu vực và trên thế giới, phù hợp với tính chất của công tác tập huấn, thi đấu và thuê chuyên gia. Kế thừa các nội dung chi và mức chi đã được HĐND Thành phố quyết nghị trong thời gian qua. Các mức chi phù hợp với chế độ chính sách hiện hành, yêu cầu thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách.

Các nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tại nước ngoài bao gồm: Các khoản thanh toán theo thực tế phát sinh:

- + Các khoản chi phí (Khám sức khỏe, thủ tục lưu trú tạm trú, huấn luyện viên, vận động viên ốm đau, chấn thương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại nước ngoài);

- + Thực phẩm chức năng;
- + Thuê địa điểm tập, thuê trang thiết bị, phí tập luyện, lệ phí thi đấu, và các loại phí khác;
- + Mua trang thiết bị thi đấu không phải là tài sản (theo Luật thi đấu và điều lệ giải, phù hợp với nhu cầu sử dụng của vận động viên đảm bảo phục vụ tập huấn, thi đấu).

Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ trong nước:

- + Những khoản thanh toán chung cho cả đoàn;
- + Những khoản thanh toán trực tiếp cho cá nhân người đi công tác;
- + Các khoản chi phí theo thực tế phát sinh: Các khoản chi phí (Khám sức khỏe, ốm đau, chấn thương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thực phẩm chức năng); Thuê địa điểm tập, phí tập luyện, lệ phí thi đấu, và các loại phí khác; Mua trang thiết bị thi đấu (theo Luật thi đấu và điều lệ giải, phù hợp với nhu cầu sử dụng của vận động viên đảm bảo phục vụ tập huấn, thi đấu).

Nội dung, mức chi thuê chuyên gia, phiên dịch:

- + Tiền lương chuyên gia (Tham khảo chế độ chi thuê Chuyên gia nước ngoài của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Quốc gia);
- + Chuyên gia huấn luyện các môn Nhóm I (nhóm các môn Olympic, Asiad);
- + Chuyên gia huấn luyện các môn Nhóm II (nhóm các môn còn lại);
- + Lương phiên dịch;
- + Tiền ăn cho chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- + Các khoản chi phí giao thông quốc tế, visa, khám chữa bệnh, chấn thương do huấn luyện tại Việt Nam...

Theo thống kê hiện nay, thành phố Hà Nội đã bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch tập huấn thi đấu nước ngoài những năm gần đây cụ thể như sau: Năm 2018: 89.446.013.173 đồng; Năm 2019: 71.993.864.312 đồng; Năm 2020: 702.438.520 đồng; Năm 2021: 339.801.040 đồng; Năm 2022: 3.569.904.107 đồng. Số huy chương quốc tế đạt được: Năm 2018: 129HCV; 113HCB; 121HCD; Năm 2019: 188HCV; 155HCB; 144HCD; Năm 2020: 7HCV; 6HCB; 2HCD; Năm 2021: 3HCV; 2HCB; 2HCD; Năm 2022: 150HCV; 122HCB; 128HCD.

Đối với việc thực hiện các chế độ chi tập huấn, tham dự giải, làm nhiệm vụ trong nước, kinh phí thực hiện kế hoạch tập huấn thi đấu nước ngoài những năm gần đây: Năm 2018: 45.380.458.640 đồng; Năm 2019: 44.696.517.109 đồng; Năm 2020: 35.147.138.355 đồng; Năm 2021: 19.324.663.077 đồng; Năm 2022:

53.501.098.742 đồng. Số huy chương trong nước đạt được: Năm 2018: 925HCV; 718HCB; 667HCD; Năm 2019: 919HCV; 768HCB; 776HCD; Năm 2020: 281HCV; 250HCB; 236HCD; Năm 2021: 281HCV; 236HCB; 290HCD; Năm 2022: 990HCV; 815HCB; 900HCD.

Về chế độ chi lương chuyên gia: Trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT của Hà Nội đã từng bước cải thiện được chất lượng thuê chuyên gia. Trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2016, Trung tâm đã ký thêm hợp đồng và gia hạn thêm thời gian với nhiều chuyên gia nước ngoài có trình độ, kinh nghiệm trong huấn luyện đào tạo vận động viên có thành tích tại các đấu trường thể thao khu vực, châu lục và thế giới với mức lương mới theo quy định. Đó là các chuyên gia huấn luyện đội tuyển Boxing nữ, Cử tạ Kiếm quốc tế, Vật, Bắn cung,... những chuyên gia đã trực tiếp huấn luyện các vận động viên như Nguyễn Thị Tâm (Boxing nữ); Vương Thị Huyền (Cử tạ); Vũ Thành An, Đỗ Thị Anh, Nguyễn Thị Lệ Dung, Nguyễn Thị Như Hoa (Kiếm quốc tế); Nguyễn Thị Lua, Vũ Thị Hằng (Vật); Đỗ Thị Ánh Nguyệt (Bắn cung) vượt qua vòng loại Olympic năm 2016 và năm 2020.

Các mức lương đã ký với các chuyên gia nước ngoài huấn luyện các bộ môn trong những năm qua: Mức 2000USD/tháng đến 2500USD/tháng: Boxing nữ, Cầu mây, Bi sắt, Quần vợt, Vật, Cử tạ, Nhảy cầu, Boi, Judo; Mức trên 2500USD/tháng đến 3500USD/tháng: Bắn cung, Kiếm quốc tế, Bóng đá, Taekwondo. Mức lương trên bao gồm thuế TNCN và chưa tính tiền ăn, chi phí đi lại và khác chi phí lưu trú, visa,...

Kinh phí thuê chuyên gia trong những năm gần đây: Năm 2018: 12.051.805.046 đồng; Năm 2019: 10.772.221.221 đồng; Năm 2020: 6.300.114.780 đồng; Năm 2021: 5.746.535.450 đồng; Năm 2022: 4.983.193.507 đồng.

Tuy nhiên, khi các hoạt động thể thao được tổ chức tốt, nhà nước cũng có thể có thêm nguồn thu thuế và phí từ việc tổ chức các sự kiện thể thao thành tích cao.

Đối với xã hội: khi số lượng vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao được tăng lên, việc tổ chức các sự kiện thể thao sẽ thuận lợi và có sức hút lớn hơn. Điều này mang lại lợi ích kinh tế cho các doanh nghiệp, đơn vị tổ chức sự kiện thể thao và những người làm việc cho các doanh nghiệp, đơn vị tổ chức sự kiện thể thao hoặc tham gia vào việc tổ chức các sự kiện thể thao. Việc lan tỏa thành tích thể thao và tinh thần thể thao có thể tạo thêm gắn kết xã hội, tạo không khí tích cực được lan tỏa rộng rãi hơn trong xã hội.

*b) Tác động xã hội:*

Việc cho phép HĐND thành phố Hà Nội quy định “*nội dung, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách*

*của thành phố Hà Nội đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên”, sẽ góp phần tăng đầu tư nguồn lực phát triển thể thao thành tích cao; đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên đạt trình độ quốc gia, quốc tế; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp.*

Điều này tạo cơ chế đồng bộ, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các chương trình kế hoạch tập huấn thi đấu hàng năm, nhằm đáp ứng yêu cầu chuyên môn hóa cao và phù hợp với tình hình thực tế, là động lực để huấn luyện viên vận động viên nỗ lực cố gắng trong huấn luyện đào tạo và tập luyện, phấn đấu đạt thành tích cao nhất tại các giải thi đấu thể thao trong nước, khu vực, châu lục và thế giới. Kinh phí thực hiện chế độ chi tập huấn, thi đấu và thuê chuyên gia huấn luyện các đội tuyển thể thao trong khả năng cân đối của ngân sách Thành phố.

Kinh nghiệm thực tế thời gian qua cho thấy, khi Hà Nội tăng đầu tư cho lĩnh vực thể thao, thành tích thể thao của Hà Nội được cải thiện. Thể thao Hà Nội duy trì đóng góp 30% số thành viên, cũng như tổng số huy chương của Đoàn thể thao Việt Nam tại Thế vận hội Mùa hè - Summer Olympic, Đại hội Thể thao châu Á - ASIAD, Đại hội Thể thao Đông Nam Á - SEA Games. ASIAD 2018, các vận động viên Hà Nội tranh tài ở 23/32 môn, thi đấu xuất sắc và đóng góp 16 huy chương (1 Huy chương vàng, 6 Huy chương bạc, 9 Huy chương đồng) trong tổng số 4 Huy chương vàng, 16 Huy chương bạc, 18 Huy chương đồng của Đoàn thể thao Việt Nam. SEA Games 30 năm 2019, Hà Nội là địa phương đóng góp nhiều huy chương nhất cho Đoàn thể thao Việt Nam, với tổng cộng 87 huy chương các loại, trong đó có 34 Huy chương vàng, 27 Huy chương bạc, 26 Huy chương đồng. Riêng số Huy chương vàng do vận động viên Hà Nội giành được chiếm 34,69% tổng số Huy chương vàng của Đoàn thể thao Việt Nam. SEA Games 31 năm 2022, thể thao Hà Nội đạt: 62 HCV, 35 HCB, 54 HCD trong tổng số 205 HCV, 125 HCB, 116 HCD, chiếm tỷ lệ 30,24% tổng số HCV của Đoàn Thể thao VN, góp phần rất quan trọng vào vị trí Nhất toàn đoàn của Thể thao Việt Nam trong tổng số 11 quốc gia Đông Nam Á tham dự Đại hội. SEA Games 32 năm 2023, 99 huy chương các loại, gồm 40 HCV, 27 HCB, 32 HCD, kết quả tiệm cận tới chỉ tiêu huy chương được giao, chiếm 29,41% số lượng huy chương vàng của Đoàn Thể thao Việt Nam, một lần nữa góp phần quan trọng giúp Đoàn Thể thao Việt Nam lần đầu tiên đạt vị trí nhất toàn đoàn tại kỳ SEA Games tổ chức tại quốc gia khác.

Thể thao thành tích cao của Hà Nội cũng luôn duy trì ổn định vị thế dẫn đầu cả nước và là trụ cột của thể thao Việt Nam, trung bình mỗi năm giành được hơn 2.000 huy chương các loại tại các giải thi đấu trong nước, quốc tế. Nhiều môn thể thao, vận động viên của Hà Nội đóng vai trò nòng cốt trong đội tuyển quốc gia tham dự các giải thi đấu quốc tế, khu vực và châu lục. Tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2023, đoàn Thể thao Hà Nội mang về cho Thủ đô với 175 HCV - 143 HCB - 157 HCD, đặc biệt có nhiều kỷ lục quốc gia đã được thiết lập tại kỳ Đại hội lần này. Qua đó, đoàn Thể thao Hà Nội lần thứ 6 liên tục khẳng định vị trí đứng đầu toàn quốc kể từ Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc lần thứ 4 năm 2002.

Bên cạnh những thành tích xuất sắc nêu trên, việc thực hiện quy trình tuyển chọn, đào tạo tập trung dưới sự hướng dẫn của các huấn luyện viên, chuyên gia hàng đầu trong nước và nước ngoài, kết hợp đưa vận động viên đi tập huấn, thi đấu cọ xát, tích lũy kinh nghiệm tại các nền thể thao mạnh trên thế giới, giúp thể thao Hà Nội có được lứa vận động viên hùng hậu, như: Đinh Phương Thành (Thể dục dụng cụ); Bùi Thị Thu Thảo; Vương Thị Huyền (Cử tạ); Đỗ Thị Ánh Nguyệt, Lộc Thị Đào (Bắn cung), Nguyễn Thành An (Kiếm quốc tế)... Đặc biệt, tại giải Vô địch Thế giới Boxing nữ năm 2023, vận động viên Nguyễn Thị Tâm đã xuất sắc vượt qua các đối thủ để có mặt tại trận chung kết và giành huy chương bạc thế giới, lần đầu tiên trong lịch sử Boxing nữ đã ghi danh tại đấu trường lớn nhất thế giới.

*c) Tác động về giới:*

Biện pháp này không có tác động bất lợi đối với vấn đề bảo đảm bình đẳng giới. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng từng “nội dung, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên” mà HĐND thành phố Hà Nội ban hành, các cơ quan có thẩm quyền của Hà Nội cần cân nhắc yếu tố giới để bảo đảm sự nhạy cảm giới và yêu cầu bình đẳng giới cần thiết trong từng nội dung chính sách cụ thể của mỗi Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội ban hành.

*d) Tác động của TTHC:*

Việc thực hiện giải pháp này sẽ làm sửa đổi quy định về đối tượng hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ dẫn đến sửa đổi về yêu cầu, điều kiện, hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ đang được quy định tại các văn bản QPPL hiện hành như: Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/04/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ quy định

một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn thi đấu; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

*(Cụ thể xem Phụ lục II - Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

*đ) Tác động của hệ thống pháp luật:*

Việc bổ sung nội dung giải pháp chính sách vào trong Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) là phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013; Luật TCCQĐP; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; không gây ra sự mâu thuẫn, chông chéo đối với hệ thống pháp luật. Đồng thời, góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật, tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy việc hình thành, hội tụ các điều kiện cần và đủ trong công tác chuyên môn là đào tạo, huấn luyện nhằm thu hút đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, huấn luyện viên giỏi, lực lượng vận động viên tài năng để nâng cao thành tích thi đấu, khẳng định vị thế của thể thao Thủ đô đứng đầu quốc gia, đóng góp một phần quan trọng vào thành tích của thể thao Việt Nam trên đấu trường quốc tế; đáp ứng các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong quá trình tập luyện và thi đấu của huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, từng bước cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thể thao thành tích cao của Chương trình 06-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 30/7/2021 về thực hiện Chương trình 06-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội; Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 22/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035”; Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND Thành phố Hà Nội đào tạo huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao, trọng điểm các môn Olympic, Asiad Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 26/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc xây dựng cơ chế thu hút nhân tài thể dục thể thao Thủ đô giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Biện pháp này cũng không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

**6. CHÍNH SÁCH 7: HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG, PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ**

**Đánh giá bổ sung 02 biện pháp tại giải pháp 3:**

*(1) Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp mới trong khu công nghệ cao.*

*(2) Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với Quỹ đầu tư mạo hiểm của thành phố Hà Nội.*



## 6.1. Xác định vấn đề bất cập

### 6.1.1. Về cơ sở pháp lý

Trong 05 năm trở lại đây, Đảng và Nhà nước đã ban hành một số văn bản định hướng quan trọng nhằm đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến và tận dụng có hiệu quả CMCN 4.0 trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

Để thực hiện phương hướng trên, *Kết luận số 37-KL/TW ngày 17/10/2018 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tình hình kinh tế xã hội, ngân sách nhà nước năm 2018 đã chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là tập trung rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo đột phá mạnh mẽ hơn nữa, thí điểm các mô hình kinh doanh mới, nhất là trong những lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, coi doanh nghiệp là trung tâm đổi mới, sáng tạo; phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam, tập trung vào công nghệ cao.* Trên cơ sở các nghị quyết của Đảng, *Quốc hội đã sớm ban hành Nghị quyết số 69-NQ/2018/QH14 ngày 08/11/2018 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 xác định các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khởi nghiệp; trong đó nhấn mạnh hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực ngân hàng*

*Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, đã đề ra một số yêu cầu như: Cần có cách tiếp cận mở, sáng tạo cho thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số. Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc CMCN lần thứ Tư. Quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm.*

*Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp: Xây dựng cơ chế quản lý linh hoạt, phù hợp với môi trường kinh doanh, tạo không gian thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát để triển khai thí điểm sau đó nhân rộng đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ CMCN lần thứ Tư có tiềm năng gây rủi ro cao. Việc triển khai thí điểm, thử nghiệm, phải xác định rõ phạm vi không gian và thời gian.*

*Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với quan điểm: Chính phủ kiến tạo thể chế, chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm cái mới một cách có kiểm soát. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp kiến tạo thể chế là xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số ở Việt Nam, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo.*

*Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và năm 2023 tiếp tục khẳng định nhiệm vụ “Đẩy mạnh thí điểm, thử nghiệm một số mô hình kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ áp dụng công nghệ mới để phục hồi và tạo điều kiện phát triển đột phá một số ngành nghề, lĩnh vực có cơ hội và tiềm năng lớn nhằm cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ tiện ích, an toàn đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung pháp lý thương mại điện tử; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế quản lý tài sản ảo, tiền điện tử, tiền ảo... Tích cực triển khai các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030, trong đó chú trọng xác định công nghệ trọng điểm cần ưu tiên phát triển. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng nghiên cứu khoa học, tăng cường năng lực nghiên cứu công nghệ”.*

Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào được ban hành làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai thử nghiệm có kiểm soát theo các định hướng, giải pháp trên.

*6.1.2. Về thực tiễn và nhu cầu nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với việc áp dụng mô hình thử nghiệm có kiểm soát tại Hà Nội*

*a) Thực tiễn nghiên cứu, phát triển công nghệ mới tại Hà Nội, theo thống kê của Sở KH&CN Hà Nội:*

1. Trong 5 năm 2018-2022 có khoảng 93 nhiệm vụ nghiên cứu thuộc các lĩnh vực công nghệ trọng điểm, trong đó: Công nghệ số, CNTT và truyền thông: 7 nhiệm vụ; Công nghệ sinh học: 25 nhiệm vụ; Công nghệ vật liệu mới: 19 nhiệm vụ; Công nghệ chế tạo, tự động hóa: 30 nhiệm vụ; Công nghệ môi trường, giảm phát thải các bon, ứng phó với biến đổi khí hậu: 12 nhiệm vụ.

Như vậy, nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới sẽ ở mức khoảng 18 giải pháp công nghệ mới/năm;

2. Cũng trong 5 năm 2018-2022: Sở KH&CN Hà Nội đã cấp chứng nhận cho 84 hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Hà Nội qua dự án đầu tư (cấp

mới và sửa đổi bổ sung). Trong đó có 77 công nghệ chế tạo, tự động hóa; 4 công nghệ vật liệu mới; 03 công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông. Như vậy bình quân mỗi năm có khoảng 16 công nghệ từ nước ngoài được chuyển giao vào Hà Nội để ứng dụng trong sản xuất kinh doanh.

*Bất cập:* do thiếu chính sách có tính nổi trội, thiếu hành lang pháp lý cho việc thực hiện cơ chế có tính đột phá nhằm hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố; chưa tạo ra được sự kết nối bền vững, thực chất và hiệu quả giữa các cơ quan nghiên cứu KHCN (bên cung) với các doanh nghiệp, nhà sản xuất, các cơ quan quản lý nhà nước (bên cầu) nên tính thực tiễn, tính ứng dụng của các sản phẩm KHCN rất hạn chế, nhất là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, dẫn đến thị trường KHCN còn manh mún, phát triển chưa tương xứng tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô. Giai đoạn 2011-2020 mới chỉ có 115 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là Doanh nghiệp KHCN so với chỉ tiêu là 350 doanh nghiệp KHCN. Tỷ lệ doanh nghiệp có sản phẩm thương mại do chuyển giao công nghệ từ các nhiệm vụ KHCN rất thấp.

*b) Thực tiễn nghiên cứu, phát triển công nghệ mới và việc thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu phát triển công nghệ tại KCNC Hoà Lạc.*

*Theo thống kê của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc* (Ban quản lý KCNC Hoà Lạc), tính đến hết tháng 03/2023, Ban quản lý KCNC Hoà Lạc đã thu hút và cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư vào Khu cho 104 dự án, trong đó có 90 dự án trong nước và 14 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 99.078 tỷ đồng trên tổng diện tích khoảng 378 ha. Với 74 dự án đầu tư vào phát triển công nghệ, sản xuất sản phẩm công nghệ cao (chiếm 74% tổng số dự án), có 33 dự án về Công nghệ thông tin và điện tử viễn thông, 19 dự án Tự động hóa, 13 dự án Vật liệu mới, 9 dự án Công nghệ sinh học. Các Dự án thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, làm chủ và phát triển các công nghệ cao thuộc 55 nhóm công nghệ cao, 31 nhóm sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao và sản phẩm công nghệ được ưu tiên đầu tư phát triển theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 và Quyết định số 01/2021/QĐ-TTg ngày 29/12/2021.

*c) Nhu cầu nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu, phát triển công nghệ với việc áp dụng mô hình thử nghiệm có kiểm soát tại Thủ đô*

Dự báo trong thời gian 5-10 năm tới, nhờ tác động tích cực của các chính sách, giải pháp của Luật Thủ đô, nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng giải pháp công nghệ mới tăng lên khoảng 30 giải pháp công nghệ mới/năm. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến sẽ lựa chọn 25 nhiệm vụ trọng điểm thuộc 9

chương trình KHCVN áp dụng cơ chế thu hút, ưu đãi đặc biệt, thời gian thực hiện nhiệm vụ trong 5 năm. Giả thiết trong 25 nhiệm vụ có 20 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghệ trọng điểm thì đến năm 2030 sẽ tạo ra 20 giải pháp công nghệ mới.

Giả thiết có khoảng 50% giải pháp công nghệ mới hình thành từ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thông thường, khoảng 80% giải pháp công nghệ mới hình thành từ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm cần và có đủ điều kiện tham gia thử nghiệm có kiểm soát tại các KCNC (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Khu CNTT tập trung...) thì từ 2026 mỗi năm có khoảng 15 giải pháp công nghệ mới cần thử nghiệm, riêng năm 2030 có khoảng 30 giải pháp công nghệ mới cần thử nghiệm.

Tại KCNC Hoà Lạc, nhu cầu từ nay đến năm 2030, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sẽ tập trung trong các lĩnh vực trọng điểm bao gồm: lĩnh vực chuỗi khối (Blockchain); lĩnh vực năng lượng; công nghệ hàng không/máy bay và phương tiện/thiết bị không người lái. Đồng thời KCNC Hoà Lạc sẽ thu hút đầu tư để hình thành hệ sinh thái ươm tạo công nghệ cao, phát triển các đơn vị hỗ trợ ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao để tiếp nhận yêu cầu và thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Hà Nội đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn tham gia thử nghiệm trong KCNC.

## **6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát giúp cơ quan quản lý định hình được bản chất, quy trình cũng như các rủi ro tiềm ẩn khi triển khai các hoạt động trong một số lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư, phát triển, để từ đó có thể ban hành khuôn khổ pháp lý, quản lý chính thức cho lĩnh vực đó. Theo đó, để cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được thực hiện hiệu quả, dự thảo Luật cần quy định về phạm vi lĩnh vực áp dụng mô hình thử nghiệm có kiểm soát; thời gian và phạm vi thử nghiệm; giám sát việc thử nghiệm và trình tự, thủ tục đăng ký tham gia, gia hạn, thu hồi giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm, để từ đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Thành phố quản lý hoạt động này một cách hiệu quả, tránh thất thoát tài sản của nhà nước; tránh thất thoát tài sản của nhà nước; khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động đổi mới, sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

## **6.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

### 6.3.1. Biện pháp “Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp mới trong khu công nghệ cao”

*Mô hình quá trình nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, thử nghiệm có kiểm soát, chuyển giao công nghệ và thương mại hoá sản phẩm đổi mới sáng tạo*

STT	Nội dung	Chủ thể tham gia
<b>I</b>	<b>Giai đoạn Nghiên cứu, phát triển công nghệ</b>	
1	Ý tưởng	Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển (Tổ chức KHCN, Trường Đại học, Viện nghiên cứu, Doanh nghiệp)
2	Nghiên cứu	Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển
3	Sản xuất thử nghiệm	Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển
<b>II</b>	<b>Giai đoạn Thử nghiệm có kiểm soát</b>	
1	Lập Thuyết minh, dự toán Dự án thử nghiệm	Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển
2	Xin cấp phép dự án thử nghiệm	Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển
3	Xét duyệt dự án thử nghiệm	Cơ quan NN có thẩm quyền
4	Triển khai dự án thử nghiệm	Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển
5	Kiểm tra định kỳ dự án thử nghiệm	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
6	Nghiệm thu dự án thử nghiệm	Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển, CQNN có thẩm quyền
7	Đánh giá	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
<b>III</b>	<b>Giai đoạn mở rộng</b>	
1	Chuyển giao kết quả thử nghiệm (giải pháp, quy trình công nghệ, thiết bị, ...)	- Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển; - Tổ chức nhận chuyển giao; - Tổ chức trung gian KHCN; - Sàn giao dịch công nghệ; - Cơ quan quản lý nhà nước.
2	Thương mại hóa	- Tổ chức chủ trì nghiên cứu, phát triển; - Tổ chức nhận chuyển giao;

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức trung gian KHCN;</li> <li>- Sàn giao dịch công nghệ;</li> <li>- Cơ quan quản lý nhà nước.</li> </ul>
--	--	---

*a) Tác động kinh tế - xã hội:*

Từ xác định nhu cầu nghiên cứu, phát triển công nghệ mới nêu trên, dự báo tác động định lượng của biện pháp thực hiện mô hình thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp mới trong khu công nghệ cao như sau:

**Dự báo định lượng về chi phí cho các chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát**

*(1) Chi phí triển khai hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với các giải pháp công nghệ mới trong khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

Từ 2026 mỗi năm có khoảng 15 giải pháp công nghệ mới cần thử nghiệm, riêng năm 2030 có khoảng 30 giải pháp công nghệ mới cần thử nghiệm. Như vậy từ 2026-2030 có khoảng 90 giải pháp công nghệ mới cần thử nghiệm.

**Dự kiến chi phí thử nghiệm của 01 giải pháp công nghệ mới gồm:**

1/Lập Thuyết minh, dự toán Dự án thử nghiệm;; 2/Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả thử nghiệm; 3/Đánh giá rủi ro; 4/Hoàn thiện công nghệ; 5/Mua sắm nguyên vật liệu, trang thiết bị phục vụ thử nghiệm; 6/Đào tạo vận hành; 7/Nhân công phục vụ thử nghiệm; 8/ Chi phí khấu hao; 9/Hội thảo; 10/ Chi phí quản lý chung (vận hành, bảo trì,...); 11/Chi phí theo dõi, thu thập dữ liệu về kết quả thử nghiệm; 12/Đánh giá kết quả thử nghiệm; 13/ Đánh giá ảnh hưởng kinh tế - xã hội sau khi kết thúc thời gian thử nghiệm; 14/Báo cáo tổng hợp kết quả thử nghiệm giải pháp công nghệ mới.

Dự kiến chi phí bình quân để thử nghiệm của 01 giải pháp công nghệ mới:

- Các mục 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10- chi phí bình quân một dự án sản xuất thử nghiệm do ngân sách Thành phố Hà Nội hỗ trợ trong giai đoạn 2018-2022 là khoảng 7.000 triệu đồng/dự án. Dự án thử nghiệm giải pháp công nghệ mới có mức độ phức tạp cao hơn, vì vậy dự kiến chi phí vào khoảng 9.500 triệu đồng/dự án.

- Tổng chi phí các mục còn lại dự kiến khoảng 500 triệu đồng/dự án.

Như vậy, tổng chi phí bình quân để thử nghiệm của 01 giải pháp công nghệ mới dự kiến khoảng **10.000 triệu đồng**.

*Chi phí NSNN hỗ trợ ở mức 30% - 50% tương ứng là 3.000 đến 5.000 triệu đồng/dự án. Dự kiến NSNN hỗ trợ 90 dự án giai đoạn 2026-2030 là 270.000 đến 450.000 triệu đồng.*

*Chi phí DN đảm bảo là: 5.000 đến 7.000 triệu đồng/dự án. Dự kiến chi phí của*

DN trong thực hiện 90 dự án thử nghiệm giai đoạn 2026-2030 là 450.000 đến 630.000 triệu đồng.

*(2) Chi phí nguồn lực cho việc xét duyệt thuyết minh dự án thử nghiệm, kiểm tra giám sát định kỳ ( 6 tháng- 1 năm/ lần), nghiệm thu kết quả thử nghiệm*

Chi phí NSNN dự kiến 200 triệu đồng/dự án. Dự kiến NSNN cho 90 dự án giai đoạn 2026-2030 là 18.000 triệu đồng.

*(3) Như vậy, chi NSNN hỗ trợ triển khai hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với 90 giải pháp công nghệ mới trong khu công nghệ cao trong 05 năm 2026-2030 vào khoảng 288.000 triệu đồng đến 486.000 triệu đồng.*

#### - Tác động tích cực

##### *Đối với Nhà nước:*

+ Góp phần đổi mới tư duy xây dựng và thi hành pháp luật của cơ quan, công chức quản lý nhà nước theo hướng tạo điều kiện pháp lý tối đa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hoàn thiện hệ sinh thái sáng tạo, coi đó là một yêu cầu, một nội dung thiết yếu của Nhà nước, bao gồm cả các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, đặc biệt là của các cơ quan QLNN.

+ Thực hiện tốt vai trò Bà đỡ, thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, thương mại hoá sản phẩm công nghệ mới, nhất là công nghệ cao trong các lĩnh vực trọng điểm, phát triển thị trường khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển Thủ đô, Vùng Thủ đô và cả nước. Thông qua mô hình Thử nghiệm có kiểm soát mà công nghệ mới nhanh chóng được thử nghiệm trong thực tế (ở quy mô nhỏ) để kịp thời có thông tin, dữ liệu đánh giá về tính khả thi, hiệu quả, giảm chi phí cơ hội trong trường hợp công nghệ mới có hiệu quả nhưng không được áp dụng do chưa có đủ điều kiện triển khai rộng rãi, mặt khác giảm thiệt hại kinh tế trong trường hợp công nghệ mới không hiệu quả mà đã được áp dụng trong thực tế.

+ Cho phép các cơ quan quản lý tìm hiểu thực tế, chia sẻ thông tin công khai, minh bạch giữa các cá nhân, tổ chức và cơ quan quản lý để xác định rõ các vấn đề pháp lý trong quá trình thực hiện, nhất là xác định các rủi ro lớn trước khi chúng có thể xảy ra. Từ đó, từng bước hình thành thể chế/ không gian pháp lý cho thử nghiệm đảm bảo cân nhắc cân bằng lợi ích, rủi ro và trách nhiệm của các bên Nhà nước, Doanh nghiệp, người tiêu dùng cùng tham gia thử nghiệm các sản phẩm đổi mới sáng tạo.

##### *Đối với tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm và đối với thị trường:*

+ Gia tăng cơ hội hiện thực hóa ý tưởng thành sản phẩm thương mại, làm chủ công nghệ mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới ưu việt, nâng cao sức cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp...

+ Do được tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước và các nguồn lực xã hội hoá với sự tham gia của các trung tâm Đổi mới sáng tạo, các KCNC nên giảm thời gian, chi phí đưa ra thị trường các sản phẩm công nghệ mới, sản phẩm đổi mới sáng tạo; dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; qua đó làm tăng cơ hội góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là vấn đề việc làm chất lượng gắn với thu nhập cao của người lao động.

+ Thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường khoa học, công nghệ.

+ Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Thử nghiệm được hỗ trợ quản lý rủi ro đối với các sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm đổi mới sáng tạo.

*Đối với cá nhân, người tiêu dùng tham gia thử nghiệm:*

+ *Các chuyên gia, nhà khoa học:* được gia tăng nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và xã hội, cơ hội hợp tác cùng doanh nghiệp để nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới; đẩy mạnh việc hình thành các spin-off từ trường đại học, viện nghiên cứu...

+ *Người tiêu dùng:* gia tăng cơ hội được tiếp cận sớm các sản phẩm công nghệ, dịch vụ đổi mới sáng tạo mà nếu không có không gian thử nghiệm thì có thể sẽ không bao giờ được tiếp cận; được bảo vệ tránh các nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn bằng các biện pháp đã được cơ quan quản lý và tổ chức/ doanh nghiệp tham gia thử nghiệm trú liệu trong đề án tham gia được phê duyệt.

+ *Người lao động:* Sự phát triển doanh nghiệp KHCN sẽ góp phần phát triển thị trường công nghệ, từ đó tạo ra cơ hội đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghề nghiệp cho người lao động, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố; gia tăng cơ hội việc làm tốt, thu nhập cao, nhờ đó chất lượng cuộc sống của người lao động được nâng cao.

- Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước

+ Các cơ quan quản lý do thiếu kinh nghiệm và hiểu biết nên có thể vô tình cho phép mức độ rủi ro cao không thể chấp nhận để thử nghiệm phát triển được, cũng có thể không đủ khả năng đối phó các rủi ro trong không gian và thời gian thử nghiệm;

+ Có thể xảy ra thiên vị khi lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tham gia thử nghiệm do các tiêu chí lựa chọn chưa được xác định thật rõ, minh bạch, dẫn đến tranh chấp, yêu cầu phân xử giữa các cơ quan quản lý;

+ Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được triển khai tại quy mô nhỏ, trong phạm vi khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo vì vậy kết quả triển khai không hoàn toàn đại diện được cho tính khả thi và hiệu quả khi triển khai



trên quy mô Thành phố.

(ii) Tổ chức, doanh nghiệp và thị trường

+ Khả năng xảy ra cạnh tranh giữa sản phẩm công nghệ, dịch vụ, mô hình kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp được tham gia thử nghiệm với sự hỗ trợ của Nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

+ Các tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn tham gia thử nghiệm có thể gặp khó khăn do bị các khách hàng, đối tác từ chối hợp tác do môi trường thử nghiệm chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng.

*Đối với cá nhân, người tiêu dùng:*

+ Người tiêu dùng có thể sai lầm khi lựa chọn doanh nghiệp cung cấp sản phẩm công nghệ, dịch vụ mới do không có đủ năng lực đánh giá các công nghệ mới, dịch vụ mới

+ Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có thể không đủ năng lực dẫn đến sản phẩm công nghệ, sản phẩm đổi mới sáng tạo cung cấp cho người tiêu dùng không đảm bảo chất lượng, thậm chí họ không thể duy trì được đối tác, khách hàng mục tiêu nên không thể tiến hành thử nghiệm.

*b) Tác động về giới:*

Biện pháp này có tác động tích cực về giới, góp phần bảo đảm, thúc đẩy bình đẳng giới thông qua hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đó nhiều chủ doanh nghiệp là nữ, người thuộc nhóm dễ bị tổn thương, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo.

*c) Tác động của TTHC:*

Biện pháp này làm phát sinh nhóm TTHC về cấp giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các giải pháp công nghệ mới trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô. Quy định của nhóm TTHC này nhằm bảo đảm quản lý nhà nước hiệu quả đối với hoạt động này, tránh thất thoát tài sản của nhà nước; khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế – xã hội của Thủ đô.

*(Cụ thể xem Phụ lục II-Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

*d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

(i) *Tính phù hợp với đường lối của Đảng, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Biện pháp này phù hợp với định hướng tại các Nghị quyết của Đảng như đã nêu tại căn cứ chính trị của Giải pháp.

Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát chưa được quy định tại bất cứ một văn bản quy phạm pháp luật nào tại Việt Nam. Một trong các sản phẩm đầu ra của Giải pháp này sau khi Luật Thủ đô được thông qua và thực hiện tại Thủ đô sẽ là các chính sách, thể chế mở đường, thúc đẩy mạnh mẽ việc đạt được mục tiêu mà Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị đã đặt ra “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học.*”

(ii) *Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

- Công nghệ mới nhanh chóng được thử nghiệm trong thực tế (ở quy mô nhỏ) để kịp thời có thông tin, dữ liệu đánh giá về tính khả thi, hiệu quả, là cơ sở pháp lý để xem xét việc áp dụng công nghệ mới ở quy mô Thành phố.

- Khả năng tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân: Giải pháp này không đặt ra các nghĩa vụ mới, mà sẽ mang lại nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp và chuyên gia, nhà khoa học, nên sẽ làm tăng khả năng tuân thủ pháp luật nói chung và pháp luật về Thủ đô nói riêng ở các nhóm này.

(iii) *Tác động đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Biện pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

### **5.3.2. Biện pháp “Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với Quỹ đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội”**

(1) Dự kiến mô hình:

*Thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội.* Quỹ hoạt động theo mô hình Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, được ngân sách thành phố Hà Nội hỗ trợ Vốn điều lệ và huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách để đầu tư mạo hiểm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp spin-off trong một số lĩnh vực trọng điểm về khoa học công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Thủ đô (sửa đổi).

- Thời gian thử nghiệm dự kiến là 05 năm. Tùy tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tiếp tục kéo dài thời gian thử nghiệm, mở rộng đối tượng doanh nghiệp được đầu tư từ Quỹ, dùng mô hình thử nghiệm hoặc kết thúc thử nghiệm để chuyển thành quy định chính thức Quỹ Đầu tư mạo hiểm của Thành phố.

- Hội đồng nhân dân TP Hà Nội quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động; cơ chế tài chính và các nội dung khác về hoạt động của Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội; UBND thành phố Hà Nội quyết định thành lập, quy định Điều lệ của Quỹ.

(2) Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội có nguồn kinh phí hoạt động từ:

- Ngân sách thành phố Hà Nội hỗ trợ Vốn điều lệ;
- Vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách: doanh nghiệp, quỹ đầu tư tư nhân, nhà đầu tư cá nhân, vốn cộng đồng...

Dự kiến mỗi năm Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố đầu tư cho 30 dự án ươm tạo (doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp spin-off) có vốn điều lệ của doanh nghiệp không quá 10 tỷ đồng và đã có ít nhất một quỹ đầu tư mạo hiểm ngoài NSNN tham gia đầu tư. Mức đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư. Giả thiết các doanh nghiệp được ươm tạo có 50% là doanh nghiệp siêu nhỏ, 50% là doanh nghiệp nhỏ. Giả thiết vốn điều lệ của doanh nghiệp được ươm tạo siêu nhỏ là 5 tỷ, của doanh nghiệp nhỏ là 10 tỷ. Trong 5 năm dự kiến đầu tư cho  $30 \times 5 = 150$  dự án (bao gồm 75 dự án ươm tạo doanh nghiệp nhỏ, 75 dự án ươm tạo doanh nghiệp siêu nhỏ), mức chi đầu tư cho 150 dự án ươm tạo từ Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội là:  $(75 \text{ DN siêu nhỏ} \times 5 \text{ tỷ} + 75 \text{ DN nhỏ} \times 10 \text{ tỷ}) \times 50\% = 562,5 \text{ tỷ đồng}$ . Dự kiến Vốn điều lệ của Quỹ được hỗ trợ từ ngân sách Thành phố là 100 tỷ đồng. Chi phí quản lý Quỹ: khoảng 1 tỷ đồng/năm  $\times$  5 năm = 5 tỷ. Tổng kinh phí cần huy động từ nguồn ngoài ngân sách:  $562,5 - 100 = 462,5 \text{ tỷ đồng}$  (có khả năng huy động được từ nguồn Quỹ Phát triển KH&CN của các doanh nghiệp, hiện đang tồn đọng nhiều).

Rủi ro: Việc ươm tạo doanh nghiệp (doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp spin-off) thường gặp nhiều rủi ro về cả khía cạnh kỹ thuật, tài chính và pháp lý. Theo thống kê, có tới 80% các dự án khởi nghiệp thất bại, 25% doanh nghiệp mới không tồn tại quá 01 năm; tỷ lệ này chỉ còn 10% doanh nghiệp tồn tại sau 05 năm và chỉ có 6% trong năm thứ 101.

a) Tác động về kinh tế:

Tác động tích cực:

(i) Nhà nước

- Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội là quỹ tài chính ngoài ngân sách. Nhà nước chỉ hỗ trợ Vốn điều lệ, còn lại là huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách. Từ đó giảm bớt phần chi từ ngân sách, các khoản đầu tư từ Quỹ được sự giám sát của các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ, do đó sẽ tăng sự công khai, minh bạch, giảm rủi ro.

- Hiện nay số vốn tồn đọng của Quỹ phát triển KH&CN của các doanh nghiệp rất lớn (lên đến hàng chục nghìn tỷ đồng trên cả nước). Bên cạnh việc đầu tư cho nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ của bản thân đơn vị, các doanh nghiệp nhà nước nói riêng, doanh nghiệp nói chung có thể sử dụng nguồn quỹ phát triển KH&CN của mình để đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo thông qua Quỹ Đầu tư mạo hiểm.

- Một cách tổng thể, tỷ lệ thành công và hiệu quả đem lại từ các dự án khởi nghiệp sáng tạo (tạo ra công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới, việc làm mới, thu nhập, thuế, sự tiến bộ xã hội) sẽ lớn hơn phần vốn đầu tư đã bỏ ra.

- Việc thành lập các mô hình đầu tư mạo hiểm sẽ thu hút có hiệu quả nguồn lực của xã hội đầu tư cho KH&CN, từ đó thúc đẩy được tiềm lực KH&CN của Thủ đô, tăng được số lượng doanh nghiệp spin-off, startup, doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp CNC của thành phố. Các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công để sẽ tiếp tục huy động được nguồn vốn từ các quỹ đầu tư, từ cộng đồng... để mở rộng sản xuất kinh doanh (một số startup đã huy động được hàng trăm triệu đô từ các quỹ đầu tư).

- Đẩy mạnh hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường KH&CN.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học: được gia tăng nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách và xã hội, cơ hội hợp tác cùng doanh nghiệp để nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới; đẩy mạnh việc hình thành các spin-off từ trường đại học, viện nghiên cứu...

(iii) Doanh nghiệp: gia tăng cơ hội hiện thực hóa ý tưởng thành sản phẩm thương mại, làm chủ công nghệ mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới ưu việt, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp...

- Nguồn vốn bình quân của 01 doanh nghiệp siêu nhỏ là 15 tỷ đồng, thu hút được khoảng 4 lao động với thu nhập bình quân của 01 lao động là 8,5 triệu đồng. Nguồn vốn bình quân của 01 doanh nghiệp nhỏ là 34 tỷ đồng, thu hút được khoảng 14 lao động với thu nhập bình quân của 01 lao động là 9,66 triệu đồng. Giả thiết dự án khởi nghiệp đầu tư cùng với vườn ươm tạo có độ thành công cao hơn, đạt 30% thì sau 5 năm, từ 150 dự án khởi nghiệp sẽ có 45 doanh nghiệp thành công. Như vậy với 450 tỷ đầu tư, trong 5 năm 2026-2030 sẽ tạo ra 23 doanh nghiệp KH&CN cỡ siêu nhỏ, 22 doanh nghiệp KH&CN cỡ nhỏ: - 23

doanh nghiệp siêu nhỏ thu hút được 92 lao động, thu hút được nguồn vốn 345 tỷ đồng.

- 22 doanh nghiệp nhỏ thu hút được 308 lao động, thu hút được nguồn vốn 748 tỷ đồng. Tổng cộng nguồn vốn thu hút được cho 45 doanh nghiệp là 1.093 tỷ đồng, gấp 1,9 lần vốn đầu tư từ Quỹ Đầu tư mạo hiểm Thành phố.

(iv) Người dân: có thêm nhiều cơ hội được sử dụng hàng hóa, dịch vụ ưu việt hơn, gia tăng cơ hội việc làm tốt, thu nhập cao. Chất lượng cuộc sống được nâng cao.

Tác động tiêu cực: Đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo là lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đã phân tích ở trên. Hơn nữa, còn rất ít kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam về hoạt động của Quỹ Đầu tư mạo hiểm.

*b) Tác động về xã hội:*

(i) Nhà nước: Phát huy được các nguồn lực đầu tư cả công và tư cho đổi mới sáng tạo; đặc biệt là trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố và hỗ trợ việc tiếp cận các nguồn lực cho khởi nghiệp sáng tạo gắn với việc giải quyết các vấn đề xã hội.

(ii) Chuyên gia, nhà khoa học: Có điều kiện và được thu hút vào cùng nhà nước, Doanh nghiệp và xã hội thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại Thủ đô.

(iii) Doanh nghiệp: Tăng thu nhập, cơ hội việc làm trong các doanh nghiệp thực hiện ươm tạo công nghệ, đổi mới công nghệ có các sản phẩm tạo ra từ hoạt động ứng dụng công nghệ ươm tạo.

(iv) Người dân: Sự phát triển doanh nghiệp KHCN sẽ góp phần phát triển thị trường công nghệ. Từ đó tạo ra cơ hội đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghề nghiệp cho người lao động, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố.

*c) Tác động về giới:*

Biện pháp này có tác động tích cực về giới, góp phần bảo đảm, thúc đẩy bình đẳng giới thông qua hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa trong đó nhiều chủ doanh nghiệp là nữ, người thuộc nhóm yếu thế, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo.

*d) Tác động của TTHC:*

Biện pháp này làm phát sinh nhóm TTHC về cấp giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với Quỹ đầu tư mạo hiểm do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định. Quy định của nhóm TTHC này nhằm bảo đảm quản lý nhà nước hiệu quả đối với hoạt động này, tránh thất thoát tài

sản của nhà nước; khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

*(Cụ thể xem Phụ lục II - Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

*e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

*(i) Đối với bộ máy nhà nước:* không tác động tăng, giảm tổ chức bộ máy, nhân sự của cơ quan quản lý nhà nước nhưng cần giao bổ sung nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế mô hình, xây dựng thể chế và theo dõi, giám sát quá trình triển khai mô hình thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực.

*(ii) Điều kiện bảo đảm thi hành:* cần có cơ chế pháp lý cho phép thử nghiệm Quỹ đầu tư mạo hiểm trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

*(iii) Đối với việc thực hiện quyền công dân:* biện pháp này phù hợp với quy định của Hiến pháp, các luật liên quan về quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực nghiên cứu KH-CN, quyền được bảo hộ sở hữu trí tuệ...

*(iv) Mức độ phù hợp với hệ thống pháp luật:*

- Phù hợp với định hướng tại Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị: “Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyên gia công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học”. Điều 25 Luật Công nghệ cao 2008 đã có Quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao Quốc gia. Điều 19 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ ban hành quy chế Khu công nghệ cao có quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm. Khoản 19 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 có quy định về Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tại Chương II có quy định về Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (tư nhân thành lập), tại Chương III có quy định cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, trong đó có cơ chế quỹ tài chính ngoài NSNN.

- Tuy nhiên, do chưa có quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm với tính chất là quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước nên Luật cần giao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động; cơ chế tài chính và các nội dung khác về hoạt động của Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội, thực hiện việc giám sát thi hành trong thời gian thử nghiệm 05 năm.

(v) *Tác động đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Biện pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.*

## **7. CHÍNH SÁCH 8: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG Y TẾ HIỆN ĐẠI VÀ HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI THỦ ĐÔ TOÀN DIỆN, BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG**

**Bổ sung Giải pháp 3: “*Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phù hợp với từng nhóm đối tượng và khả năng ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội. Mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu về y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, trợ giúp xã hội, trợ giúp pháp lý, nước sạch, nhà ở xã hội, tiếp cận thông tin*”.**

Để thực hiện Giải pháp 3 nêu trên gồm các biện pháp sau:

(1) Quyết định bố trí ngân sách để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm; vay mua nhà ở xã hội; hỗ trợ công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp vay mua nhà ở xã hội;

(2) Hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho người học thường trú tại Hà Nội, con công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất;

(3) Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 100% đối với người thuộc hộ nghèo; tối thiểu 60% đối với người thuộc hộ cận nghèo; tối thiểu 20% đối với các đối tượng khác. Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật, người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

(4) Hỗ trợ khám sức khỏe miễn phí hằng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô. Kinh phí thực hiện việc khám sức khỏe được bảo đảm thực hiện từ ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội, nguồn xã hội hóa theo lộ trình phù hợp.

(5) Sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế được phân bổ để chi trả dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, dịch vụ cấp cứu ngoại viện.

### **7.1. Xác định vấn đề bất cập**

Như đã phân tích trong Báo cáo số 59/BC-BTP, mạng lưới y tế công cộng, dự phòng, phục vụ công tác dịch tễ, chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh của thành phố Hà Nội hiện nay gồm: 01 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) Hà Nội và 579 trạm y tế xã, phường thuộc 30 Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã (trong đó, đã có 82,73% trạm y tế thực hiện theo nguyên lý y học gia đình). Chất lượng khám,

chữa bệnh chưa đồng đều ở các tuyến; chưa giải quyết hiệu quả tình trạng quá tải ở một số bệnh viện và chuyên khoa tại các bệnh viện tuyến Thành phố. Công tác y tế dự phòng, nhất là ở cơ sở còn yếu và chưa thực sự bền vững. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của hệ thống y tế Thành phố, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở còn thiếu thốn, nhiều nơi đã xuống cấp. Nhân lực y tế còn thiếu và yếu, tỷ lệ y bác sỹ của Thành phố trên số dân còn thấp, đặc biệt đối với các trạm y tế cấp xã, có nơi trên 60.000 dân cũng chỉ có tối đa 10 cán bộ y tế (trong khi với 10 cán bộ y tế chỉ phụ trách hiệu quả khoảng 13.000-15.000 dân). Chế độ đãi ngộ, thu nhập của lực lượng y tế nói chung, đặc biệt là y tế dự phòng, y tế cơ sở còn thấp dẫn đến việc khó tuyển dụng, thu hút nhân lực vào làm việc. Các quy định về bảo hiểm y tế, chế độ chi trả khám chữa bệnh, định mức kinh phí còn bất cập, không phù hợp với điều kiện KTXH.

Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã xây dựng 10.000 nhà ở cho người có công, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 7.565 nhà ở cho hộ nghèo. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế đạt 90%. Thành phố Hà Nội cũng đã thực hiện tốt chủ trương “điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội nói chung và đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cơ sở bảo trợ xã hội nói riêng theo quy định chung của Chính phủ, có tính đến điều kiện ngân sách của Thành phố nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của đối tượng”<sup>53</sup>. Thành phố Hà Nội cũng ban hành chính sách đặc thù trợ cấp hàng tháng cho: người già yếu không có khả năng tự phục vụ; người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động; thanh niên xung phong không có khả năng lao động, sống cô đơn với mức trợ cấp cho các đối tượng này là 440.000đ/người/tháng. Ngoài ra, Thủ đô Hà Nội cũng tích cực thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội với đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội ngày càng được mở rộng<sup>54</sup>, góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng dễ bị tổn thương. Mặc dù tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị chậm cải thiện. Tốc độ đô thị hóa nhanh, di cư tự do, dịch chuyển việc làm gây áp lực cho khu vực đô thị trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội và đảm bảo quyền thụ hưởng chính sách an sinh xã hội của người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. Độ bao phủ đối tượng bảo trợ xã hội còn thấp, nhiều đối tượng có hoàn cảnh khó khăn nhưng chính sách bảo trợ xã hội chưa bao phủ được rộng khắp.

Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 5/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

<sup>53</sup> Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

<sup>54</sup> Ngoài các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thành phố còn bổ sung 03 nhóm đối tượng bảo trợ xã hội đặc thù của Thành phố được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và 07 nhóm đối tượng được tiếp nhận vào các trung tâm bảo trợ xã hội của Thành phố.



2045 đã đặt ra nhiệm vụ cho Thành phố Hà Nội: “*Xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, hệ thống bác sĩ gia đình, bảo đảm chăm sóc toàn diện sức khỏe nhân dân. Huy động các nguồn lực xã hội xây dựng mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; cơ sở nghiên cứu và chuyển giao công nghệ y, dược của tư nhân và đầu tư nước ngoài*”; “*Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu. Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, phấn đấu không còn hộ nghèo theo chuẩn của Thủ đô, nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo giữa thành thị và nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ; giải quyết hiệu quả các tệ nạn xã hội*”.

## **7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nâng cao năng lực, xây dựng hệ thống y tế Thủ đô ngày càng phát triển, hiện đại, hướng tới mục tiêu chăm sóc toàn diện, nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, bền vững, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn, hỗ trợ các đối tượng dễ bị tổn thương, giảm nghèo bền vững tiến tới phát triển bền vững, không bỏ lại ai ở phía sau.

## **7.3. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

### *a) Tác động về kinh tế:*

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Đối với mục tiêu “*bổ trí ngân sách để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm; vay mua nhà ở xã hội; hỗ trợ công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp vay mua nhà ở xã hội*”: Theo dự tính tổng chi phí cho việc thực hiện biện pháp này theo 2 giai đoạn 2021-2025 và 2025-2030 thì ngân sách thành phố Hà Nội chi phí khoảng 589,6 tỷ đồng. Theo tính toán, nếu cho vay, khoảng 1300 công nhân, người lao động có thể tiếp cận được khoản vay trong 2 giai đoạn nêu trên. Nếu mỗi người lao động được vay khoảng 500 triệu đồng để mua nhà ở xã hội, ngân sách Hà Nội sẽ cho vay khoảng 189,6 tỷ đồng. Nguồn ngân sách này là không lớn và mức chi phí có thể thu hồi khi thực hiện các biện pháp cho vay mua nhà ở xã hội thông qua các định chế tài chính có khả năng quản lý vốn vay hiệu quả. Tuy nhiên hiệu quả kinh tế và xã hội sẽ vô cùng lớn. Người lao động, công nhân sẽ tiếp cận được nhà ở bảo đảm các điều kiện về vệ

sinh, môi trường và phòng cháy chữa cháy (PCCC). Năng suất lao động tăng lên và giảm các tiêu cực về trị an, an toàn xã hội.

Đối với mục tiêu “*hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho người học thường trú tại Hà Nội, con công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất*”: Tính toán theo số liệu và tính chi phí của 03 niên học gần nhất và dự báo cho giai đoạn 2025-2030 (số liệu tính trung bình 3 năm 2024-2026), số đối tượng cần được hỗ trợ theo biện pháp chính sách này khoảng 20.000 người trên địa bàn thành phố Hà Nội. Để bố trí học nghề cho nhóm đối tượng này, ngân sách Hà Nội chi phí khoảng 581,250 tỷ đồng. Tuy nhiên, thành phố Hà Nội sẽ có được một đội ngũ công nhân, người lao động lành nghề để làm việc trên địa bàn Thành phố, đem lại hiệu quả về kinh tế cho ngân sách thành phố và các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Đối với mục tiêu “*hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 100% đối với người thuộc hộ nghèo; tối thiểu 60% đối với người thuộc hộ cận nghèo; tối thiểu 20% đối với các đối tượng khác. Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật, người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, phụ nữ thuộc hộ nghèo*”: Theo tính toán, đến cuối năm 2023, toàn Thành phố có 6.285 người thuộc hộ nghèo; 61.268 người thuộc hộ cận nghèo<sup>55</sup>. Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo (không bao gồm chính sách tín dụng) khoảng 400 tỷ/năm. Đối với kinh phí thực hiện chính sách đặc thù cho một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em cần sự can thiệp khẩn cấp và trẻ em bị tai nạn thương tích nghiêm trọng thì tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 33 tỷ đồng/năm.

Đối với mục tiêu “*hỗ trợ khám sức khỏe hằng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô. Kinh phí thực hiện việc khám sức khỏe được bảo đảm thực hiện từ ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội, nguồn xã hội hóa theo lộ trình phù hợp*”: Theo tính toán, thành phố Hà Nội có khoảng 1.069.456 người cao tuổi (60 tuổi trở lên) đang thường trú trên địa bàn thành phố. Nếu những người được khám sức khỏe, mức chi phí bình quân là vào khoảng 200.000đồng/dịch vụ. Quỹ Bảo hiểm Y tế sẽ phải thanh toán khoảng 214 tỷ đồng/năm để chi trả cho các dịch vụ khám bệnh. Nhưng nếu không khám sức khỏe sớm để phát hiện bệnh, theo nguyên lý 20/80 thì có khoảng 20% người cao tuổi (0,214 triệu người) giảm các triệu chứng, tự khỏi. Quỹ bảo hiểm y tế không phải thanh toán. sẽ có khoảng 80% (0,856 triệu người) sẽ phải vào cơ sở y tế để điều trị khi nguy cơ bệnh tiến triển phức tạp hơn. Dự kiến chi phí điều trị bình quân tại bệnh viện khoảng 800.000 đồng/người bệnh (bao gồm: khám, thuốc, hoá chất, giường điều trị...). Như vậy, tổng số chi phí điều trị mà Bảo hiểm y tế phải thanh toán khoảng 864 tỷ đồng/năm. Nếu phát hiện sớm, điều trị sớm, quỹ Bảo hiểm y tế và xã hội tiết kiệm được được 650 tỷ đồng/năm.

Đối với mục tiêu “*sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế được phân bổ để chi trả*

<sup>55</sup> Số lượng hộ nghèo, người nghèo thay đổi hàng năm.

*dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, dịch vụ cấp cứu ngoại viện*”: Hàng năm, trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đều yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có giải pháp để sử dụng có hiệu quả quỹ bảo hiểm y tế. Đồng thời, giao Sở Y tế chủ trì thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế, chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện đúng chỉ định thuốc và dịch vụ kỹ thuật, quy trình chuyên môn để đảm bảo ngăn chặn tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, đối với các bệnh viện của Bộ, ngành trung ương, công tác phối hợp, triển khai cũng có rất nhiều khó khăn.

Đối với việc thanh toán khám bệnh chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình: Trong trường hợp thực hiện thanh toán bảo hiểm y tế đối với khám bệnh chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình. Tác động dự kiến cho các dịch vụ cung ứng theo Thông tư 21/2019/TT-BYT (51 dịch vụ): dịch vụ thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực, cầm máu, băng bó vết thương, vỗ rung lồng ngực, đặt ống thông dạ dày, thụt tháo phân, xoa bóp bấm huyệt, chườm lạnh, xét nghiệm đường máu mao mạch, lấy mẫu xét nghiệm (máu, nước tiểu, phân...).

Hiện nay, Bộ Y tế chưa quy định giá các danh mục dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 21 nên giá dịch vụ tạm tính trung bình chỉ trả một dịch vụ khám bệnh theo nguyên lý y học gia đình khoảng: 200.000 đồng/dịch vụ. Dự kiến mức độ sử dụng của người dân khi triển khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình sẽ khoảng 20% dân số (1,7 triệu người) cần sử dụng 1 dịch vụ/1 năm. Theo cách tính toán này thì Bảo hiểm Y tế sẽ phải thanh toán khoảng 340 tỷ đồng/năm để chi trả cho các dịch vụ khám và chữa bệnh. Nhưng nếu 1,7 triệu người này không được khám, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình thì theo nguyên lý (20/80), sẽ có khoảng 80% (1,36 triệu người) sẽ phải vào cơ sở y tế để điều trị khi nguy cơ bệnh tiến triển phức tạp hơn. Dự kiến chi phí điều trị bình quân tại bệnh viện khoảng 800.000 đồng/người bệnh (bao gồm: khám, thuốc, hoá chất, giường điều trị...). Như vậy, tổng số chi phí điều trị mà Bảo hiểm y tế phải thanh toán khoảng 1.088 tỷ đồng/năm.

Như vậy, nếu thực hiện bảo hiểm y tế thanh toán cho dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình sẽ tiết kiệm cho quỹ Bảo hiểm y tế khoảng 780 tỷ đồng/năm và giảm khoảng 800.000 lượt khám bệnh chữa bệnh tại các cơ sở y tế, giảm tải cho cơ sở y tế.

Đối với việc sử dụng quỹ Bảo hiểm y tế để thanh toán dịch vụ cấp cứu ngoại viện, trung bình 01 năm, Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội thực hiện 40.000 ca cấp cứu/năm. Bình quân chi phí mỗi ca vận chuyển cấp cứu khoảng 1 triệu đồng/chuyến. Như vậy, Bảo hiểm y tế chi phí khoảng 40 tỷ đồng/1 năm cho việc thực hiện cấp cứu ngoại viện. Việc chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện sẽ làm giảm nguy cơ bệnh nhân phải chuyển lên tuyến trên, giảm nguy cơ bệnh nhân chuyển nặng khi dịch vụ cấp cứu ngoại viện kịp thời cấp cứu vào “thời điểm

vàng” của bệnh nhân, như vậy, sẽ giảm rất nhiều chi phí khám bệnh, chữa bệnh sau này cho ngân sách nhà nước cũng như người dân.

(ii) Người dân

Đối với các biện pháp về an sinh xã hội, khoảng 1300 công nhân, người lao động có thể tiếp cận được khoản vay để mua nhà ở xã hội đến năm 2030 và có thể tiếp cận được nhà ở bảo đảm các điều kiện về an toàn, môi trường, vệ sinh và PCCC. Đối với một số chính sách an sinh xã hội khác cho người nghèo, đối tượng dễ bị tổn thương thì họ được tiếp nhận kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo (không bao gồm chính sách tín dụng) khoảng 400 tỷ/năm. Đối với kinh phí thực hiện chính sách đặc thù cho một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em cần sự can thiệp khẩn cấp và trẻ em bị tai nạn thương tích nghiêm trọng thì tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 33 tỷ đồng/năm.

Đối với chính sách đào tạo nghề cho con em của công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp thì có khoảng 20.000 người trên địa bàn thành phố Hà Nội được hưởng thụ chính sách này. Mặc dù ngân sách Hà Nội chi phí khoảng 581,250 tỷ đồng nhưng các đối tượng được hưởng thụ không mất đi khoản chi phí này. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện công tác đào tạo nghề sẽ được hưởng thụ chi phí này.

Đối với các biện pháp chính sách y tế, dự kiến mức độ sử dụng của người dân khi triển khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình sẽ khoảng 20% dân số (1,7 triệu người) ở toàn thành phố Hà Nội. Việc được khám và chữa bệnh sớm bằng y học gia đình hoặc được cấp cứu ngoại viện kịp thời sẽ giúp cho người dân giảm bớt chi phí phải điều trị khi có nguy cơ bệnh tiến triển nặng hơn.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước

Đối với mục tiêu “*bổ trí ngân sách để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm; vay mua nhà ở xã hội; hỗ trợ công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp vay mua nhà ở xã hội*”: Như tính toán ở trên, theo 2 giai đoạn 2021-2025 và 2025-2030 thì ngân sách thành phố Hà Nội chi phí khoảng 400 tỷ đồng.

Đối với mục tiêu “*hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho người học thường trú tại Hà Nội, con công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất*”: Theo tính toán, ngân sách Hà Nội chi phí khoảng 581,250 tỷ đồng.

Đối với mục tiêu “*hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 100% đối với người thuộc hộ nghèo; tối thiểu 60% đối với người thuộc hộ cận nghèo; tối*

thiếu 20% đối với các đối tượng khác. Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật, người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, phụ nữ thuộc hộ nghèo”: Theo tính toán, đến cuối năm 2023, toàn Thành phố có 6.285 người thuộc hộ nghèo; 61.268 người thuộc hộ cận nghèo<sup>56</sup>. Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo (không bao gồm chính sách tín dụng) khoảng 400 tỷ/năm và 33 tỷ đồng/năm cho một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em cần sự can thiệp khẩn cấp và trẻ em bị tai nạn thương tích nghiêm trọng.

Đối với mục tiêu “hỗ trợ khám sức khỏe hằng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô. Kinh phí thực hiện việc khám sức khỏe được bảo đảm thực hiện từ ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội, nguồn xã hội hóa theo lộ trình phù hợp”: Theo tính toán ở trên, thành phố Hà Nội chi phí ban đầu khoảng 214 tỷ đồng/năm để chi trả cho các dịch vụ khám bệnh. Nhưng có thể tiết kiệm được 650 tỷ đồng/năm.

Đối với mục tiêu “sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế được phân bổ để chi trả dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, dịch vụ cấp cứu ngoại viện. Theo cách tính toán ở trên, Bảo hiểm Y tế sẽ phải thanh toán khoảng 340 tỷ đồng/năm để chi trả cho các dịch vụ khám và chữa bệnh. Như vậy, nếu thực hiện bảo hiểm y tế thanh toán cho dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình sẽ tiết kiệm cho quỹ Bảo hiểm y tế khoảng 780 tỷ đồng/năm và giảm khoảng 800.000 lượt khám bệnh chữa bệnh tại các cơ sở y tế, giảm tải cho cơ sở y tế.

## (ii) Người dân

Tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân khi áp dụng toàn bộ Giải pháp 3 của Chính sách 8 là không có vì người dân được hưởng thụ các giá trị kinh tế xã hội của Giải pháp này.

### (b) Tác động về xã hội:

#### Tác động tích cực:

##### (i) Nhà nước

Đối với các biện pháp chính sách nêu trên được áp dụng thì hiệu quả về xã hội sẽ vô cùng lớn. Người lao động, công nhân sẽ được tiếp cận nhà ở bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, môi trường và phòng cháy chữa cháy (PCCC). Hạn chế được người công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp không phải sống trong các nơi ở không bảo đảm vệ sinh, môi trường, PCCC. Năng suất lao động tăng lên và giảm các tiêu cực về trị an, an toàn xã hội. Thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn thành phố Hà Nội khi Hà Nội có thêm đội ngũ công nhân, người lao động có tay nghề, trình độ.

Đối với mục tiêu “sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế được phân bổ để chi trả

<sup>56</sup> Số lượng hộ nghèo, người nghèo thay đổi hàng năm.

*dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, dịch vụ cấp cứu ngoại viện*”: Theo Nghị quyết số 15-NQ/TU của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong lĩnh vực y tế: “*Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh;... hệ thống bác sĩ gia đình, bảo đảm chăm sóc toàn diện sức khoẻ nhân dân*”.

Mô hình y học gia đình được coi là mô hình có thể giúp sàng lọc, giải quyết được phần lớn các bệnh lý thông thường, không cần chuyên tuyến, góp phần giảm tải tại các bệnh viện, giảm bớt gánh nặng thời gian và công việc cho các bác sĩ chuyên khoa liên quan và tiết kiệm được kinh phí nằm viện cho bệnh nhân, chi phí bảo hiểm y tế, sử dụng hiệu quả quỹ bảo hiểm y tế. Mặc dù Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 16/2014/TT-BYT, sau đó là Thông tư 21/2019/TT-BYT để áp dụng thí điểm hoạt động y học gia đình. Tuy nhiên, hiện nay chưa có mô hình cụ thể để thực hiện, trong đó vướng mắc nhất là cơ chế xác định giá dịch vụ và thanh toán bảo hiểm y tế cho các dịch vụ bác sĩ gia đình, nguyên tắc phối hợp chuyển tuyến và trao đổi thông tin phù hợp giữa các phòng khám bác sĩ gia đình với hệ thống phòng khám, chữa bệnh trong quá trình quản lý bệnh nhân.

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, tuyến khám chữa bệnh ban đầu hiện nay đang suy giảm số lượng khám, đồng nghĩa, áp lực sẽ dồn lên tuyến trên. Hà Nội đang gặp phải một nghịch lý rất lớn của y tế cơ sở, tuyến y tế cơ sở quản lý hầu hết bệnh nhân mắc bệnh nhẹ, bệnh không lây nhiễm (khoảng 70-80%) nhưng chỉ được chi trả bảo hiểm xã hội 20-30%, trong đó cấp xã ở mức dưới 5%. Nguyên nhân là do với phương thức giao dự toán bảo hiểm y tế theo Dự toán thu, Dự toán Chi của năm liền trước như hiện nay, chi bảo hiểm y tế tại tuyến cơ sở thấp, sẽ càng thấp. Mức chi thấp thì cho dù trong trường hợp Bộ Y tế mở rộng danh mục thuốc cho phép kê đơn, nhưng tuyến y tế cơ sở, đặc biệt là tuyến xã không thể kê đơn các loại thuốc tốt, biệt dược gốc (thường có giá thành cao hơn) vì tổng mức thanh toán bị giới hạn. Để có thể cấp phát thuốc cho người dân, trạm y tế xã, phường không lựa chọn được các nhóm thuốc có tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng với tuyến trên cho cùng một loại bệnh, dẫn đến người bệnh tìm cách chuyển lên tuyến trên để được khám và cấp phát thuốc tốt hơn. Bảo hiểm y tế lại dồn lên tuyến trên, tuyến y tế cơ sở không tiếp cận được nguồn bảo hiểm y tế lại càng khó khăn về tài chính.

Việc sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế để phát triển hoạt động khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện không làm ảnh hưởng tới nguyên tắc quỹ bảo hiểm y tế tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, bảo đảm cân đối thu, chi và được Nhà nước bảo hộ. Vì với việc cho UBND Thành phố chủ động việc sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế trong phạm vi

Dự toán giao của Chính phủ sẽ giúp Thành phố điều tiết tốt hơn quỹ bảo hiểm y tế cho tuyến cơ sở, người dân sẽ được chăm sóc sức khoẻ từ sớm, từ xa, giảm thiểu việc chuyên tuyến không đúng quy định, qua đó sẽ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả quỹ bảo hiểm y tế hơn.

(ii) Người dân

Đối với mục tiêu “*hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho người học thường trú tại Hà Nội, con công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất*”: Như đã phân tích, khoảng 20.000 người trên địa bàn thành phố Hà Nội được hưởng lợi từ biện pháp chính sách này trong giai đoạn 2025-2030.

Đối với mục tiêu “*hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 100% đối với người thuộc hộ nghèo; tối thiểu 60% đối với người thuộc hộ cận nghèo; tối thiểu 20% đối với các đối tượng khác. Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật, người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, phụ nữ thuộc hộ nghèo*”: Theo tính toán, 6.285 người thuộc hộ nghèo; 61.268 người thuộc hộ cận nghèo được hưởng lợi từ chính sách này. Áp dụng tốt biện pháp này sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của toàn thành phố Hà Nội nói chung.

Đối với mục tiêu “*hỗ trợ khám sức khỏe hằng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô. Kinh phí thực hiện việc khám sức khỏe được bảo đảm thực hiện từ ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội, nguồn xã hội hóa theo lộ trình phù hợp*”: Theo tính toán, khoảng 1.069.456 người cao tuổi (60 tuổi trở lên) đang thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội được hưởng lợi từ biện pháp chính sách này.

Tác động tiêu cực:

(i) Nhà nước

Việc sử dụng quỹ Bảo hiểm y tế để thực hiện một số biện pháp chính sách nêu trên có thể gây ra những khác biệt với những người dân ở các địa phương khác. Tuy nhiên, việc đây là biện pháp thực thi chính sách nhằm tiết kiệm chi phí cho quỹ Bảo hiểm y tế như đã phân tích nên sẽ không gây ra gánh nặng về ngân sách, không phá vỡ nguyên tắc chung về sử dụng quỹ Bảo hiểm y tế.

(ii) Người dân

Tác động tiêu cực về kinh tế đối với người dân khi áp dụng toàn bộ Giải pháp 3 của Chính sách 8 là không có vì người dân được hưởng thụ các giá trị kinh tế xã hội của Giải pháp này.

c) Tác động về giới:

Tác động tích cực: Phụ nữ và những người dễ bị tổn thương khác được hưởng lợi từ các biện pháp của Giải pháp 3.

Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực về giới khi thực hiện Giải

pháp 3.

*d) Tác động của TTHC:*

Giải pháp này sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành về TTHC liên quan đến thực hiện chính sách xã hội, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

*(Cụ thể xem Phụ lục II - Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

*(e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

*(i) Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 3 này phù hợp với quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của công dân được quy định tại khoản 1 Điều 38 Hiến pháp năm 2013: “Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh”. Phù hợp với các chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho lĩnh vực y tế quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 (khoản 1 Điều 16 quy định “Khám bệnh, chữa bệnh; sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, bảo quản thuốc; nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới; sản xuất trang thiết bị y tế” là ngành, nghề ưu đãi đầu tư), Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 (Đã có quy định về khám, chữa bệnh y học gia đình tại Điều 81, nhưng chưa có chính sách cụ thể để phát triển lĩnh vực này). Luật Người khuyết tật năm 2010 (Khoản 7 Điều 5): “Chính sách của nhà nước về người khuyết tật... Khuyến khích hoạt động trợ giúp người khuyết tật”; (v) Luật Người cao tuổi năm 2009 (Khoản 5 Điều 10 và Khoản 3 Điều 12): Nhà nước “khuyến khích tổ chức, cá nhân... tham gia phụng dưỡng người cao tuổi”. “Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh miễn phí cho người cao tuổi”.

*(ii) Khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:*

Việc thực hiện các cơ chế, chính sách để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và hệ thống an sinh xã hội cho người dân phải cần chi thêm nhiều ngân sách để trả lương cho đội ngũ nhân viên y tế và có thể phải tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý ngành y tế của Thủ đô để đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, việc thực hiện Chính sách này sẽ góp phần thực hiện đầy đủ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc phát triển hệ thống y tế và an sinh xã hội, trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Hiến pháp năm 2013. Việc kiện toàn để nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước là công việc phải làm thường xuyên. Do vậy, giải pháp 2 không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước của Thủ đô



Giải pháp 3 mang lại nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân, nên sẽ làm tăng khả năng tuân thủ pháp luật nói chung và pháp luật về Thủ đô nói riêng ở các nhóm này.

*(iii) Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:*

Giải pháp này không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực y tế và an sinh xã hội mà Việt Nam là thành viên. Giải pháp 3 góp phần giúp Việt Nam thực thi tốt hơn mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc: Mục tiêu 1 về Xoá nghèo, Mục tiêu 3 về Sức khoẻ và cuộc sống tốt, Mục tiêu 5 về Bình đẳng giới, Mục tiêu 6 về Nước sạch và vệ sinh, Mục tiêu 10 về Giảm bất bình đẳng.

#### **7.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với yêu cầu phát triển an sinh xã hội Thủ đô từ nay đến năm 2030 (hoặc 2045) là Giải pháp 3. Do vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) chọn Giải pháp 3.

Trên đây là Báo cáo bổ sung đánh giá tác động của chính sách dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), Bộ Tư pháp đưa vào Hồ sơ dự án Luật Thủ đô (sửa đổi) để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Hồ sơ dự án Luật Thủ đô (sửa đổi);
- Lưu: VT, Vụ VĐCXDPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

*(đã ký)*

**Trần Tiến Dũng**

